LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 199

# CHƯ KINH TẬP YẾU

**SỐ 2123**

( QUYỂN 1 →20 )

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2123

# CHƯ KINH TẬP YẾU

*Soạn dịch: Sa-môn Thích Đạo Thế ở chùa Tây Minh, đời Đường*

## QUYỂN 1

## PHẦN THỨ 1: TAM BẢO

## THỨ NHẤT: KÍNH PHẬT

- Kính trình bày duyên ý
- Duyên Phật Di Lặc
- Duyên Phật mười phương
- Duyên Phật Thích Ca
- Duyên Phật thiền định.

***Thứ 1: Tất cả cung kính trình bày về ý nghĩa nhân duyên***

Các bậc Đại Thánh đều có tướng bình đẳng, đệ tử có công đức tán dương, nên chư Phật mười phương cùng thoát khỏi những cấu bẩn của bùn lầy. Ba thân chánh giác đều an tọa trên đài sen, tùy theo môn tướng mà được lợi ích. Nghĩa là bắt đầu xuất gia sau cùng thành tựu Chánh giác, ở trong khoảng thời gian này, hàng phục quân ma dưới gốc cây Bồ-đề, ở vườn Lộc uyển thuyết pháp, tướng tốt viên mãn, hào quang rực rỡ, sắc thân thanh tịnh, toàn thân chiếu sáng, diện mạo đoan nghiêm giống như trăng tròn, răng đều trắng như tuyết, tóc lóng lánh như tia sáng, đôi mắt xanh biếc, lông mi cong vuốt đen láy, tám loại âm thanh thanh cao, muôn tướng khoan thai, năm mắt thấu suốt, sáu thông bay xa, lời nói viết lách đều lưu loát thích hợp, đầy đủ ba đặc điểm để

thành tựu thân, đầy đủ năm phần mà thành thể. Dùng Quyền Thật để độ muôn loài, tùy theo chơn tánh để giáo hóa mọi người, hoặc quạt khắp luồng gió Đại từ, tuôn mưa pháp khắp nơi thấm nhuần toàn thân khiến nảy mầm Vô thượng, cây tâm tốt tươi, cành lá sum sê, không tướng đến mà đến, không tướng thấy mà thấy, vì chúng sanh nên tùy duyên ứng hiện. Mười phương muôn ức đồng mong nguyện, ba ngàn đại thiên cùng được thân cận phụng sự, tăng trưởng nhiều ruộng phước, cúng dường vô lượng, xả bỏ nguồn gốc điên đảo, nhổ bỏ căn nguyên tham sân, tu tập nhân niệm Phật thì đạt được quả vị Phật.

Như luận Thật tánh cho: Tam bảo có sáu nghĩa cần cung kính. Một có nghĩa là hiếm có như vật quí giá ở thế gian, người nghèo khổ không thể mua được. Tam bảo như thế, nếu chúng sanh phước ít thì trăm ngàn vạn đời không thể gặp được, nên gọi là bảo. Hai có nghĩa là xa lìa cấu uế, như những vật quý báu ở đời không bị tạp nhiễm. Tam bảo cũng vậy, lìa xa các lậu (phiền não), nên gọi là bảo. Ba là nghĩa năng lực, như các loại trân báu trừ bỏ cặn bã thì có năng lực lớn. Tam bảo cũng vậy, năng lực của sáu thông không thể nghĩ bàn, nên gọi là Bảo. Bốn có nghĩa là trang nghiêm, như những ngọc quý báu có thể trang điểm lên toàn thân làm tăng thêm vẻ đẹp. Tam bảo cũng vậy, có thể trang nghiêm cho người tu tập được thân thanh tịnh, nên gọi là Bảo. Năm là nghĩa tối thắng, như ngọc báu ở đời là vật quý báu nhất trong các vật. Tam bảo cũng vậy, là tối thắng nhất trong thế gian, nên gọi là bảo. Sáu là nghĩa không thay đổi, như vàng ròng ở thế gian nung đốt, tôi luyện vẫn không thể biến đổi. Tam bảo cũng vậy, không bị tám pháp ở thế gian làm thay đổi, nên gọi là Bảo. Lại có đầy đủ sáu ý nên cần cung kính: Một là Đức Phật có khả năng giáo hóa, giáo pháp là thuốc hay, Tăng già có khả năng truyền thông giáo pháp lợi ích cho ta nên phải cung kính báo ân. Hai là vào thời mạt pháp xấu ác, lưu truyền giáo pháp khó khăn, cần phải cung thỉnh oai thần (Tam bảo) gia hộ nên phải tôn kính. Ba là thế gian phát sanh lòng tin, vâng lời làm theo nên cung kính. Bốn là những lời dạy bảo cung kính của tăng ni về những nghi thức nên phải cung kính. Năm là vui thích pháp cúng dường để được tồn tại lâu dài nên cung kính. Sáu là hiển hiện tướng thù thắng nên phải tôn kính.

Trong luận Thành thật cho: Tam bảo là an vui trên hết, nên trong kinh ta đặt đầu tiên.

***Thứ 2: Nhớ nghĩ về duyên của chư Phật mười phương***

Như trong kinh Quán Phật Tam muội dạy: Vào đời quá khứ xa xưa

trong vô lượng đời kiếp có Đức Phật ra đời hiệu là Bảo Oai Đức Thượng Vương. Lúc ấy có vị Tỳ-kheo và chín đệ tử đi đến lễ bái tượng Phật và tháp Phật, thấy hiển bày một hình tượng trang nghiêm rất đáng chiêm ngưỡng. Đảnh lễ xong quán sát kỹ, rồi họ nói kệ tán thán: Đời sau mạng chung sẽ sanh vào trong hoa sen lớn của nước Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương ở phương Đông, ngồi kiết già tự nhiên hóa sanh, từ đây về sau thường được gặp Phật. Ở chỗ chư Phật thanh tịnh mà tu tập phạm hạnh, đắc biển Tam muội niệm Phật, được Tam muội rồi liền được Phật thọ ký, ở khắp mười phương đều được thành Phật. Đức Phật Thiện-đức ở phương Đông là thầy Tỳ-kheo ấy. Chín vị đệ tử đó thành Phật ở chín phương. Ở phương Đông nam là vị Phật Vô Ưu Đức. Ở phương Nam là vị Phật Chiên Đàn Đức. Ở phương Tây nam là vị Phật Bảo Thi. Ở phương Tây là vị Phật Vô Lượng Minh. Ở phương Tây bắc là vị Phật Hoa-đức. Ở phương Bắc là vị Phật Tướng Đức. Ở phương Đông bắc là vị Phật Tam Thừa Hạnh. Ở phương Trên là vị Phật Quãng Chúng Đức. Ở phương Dưới là vị Phật Minh Đức. Các chư Phật mười phương như vậy, nhờ nhân kính lễ tháp, chiêm bái tượng dùng kệ tán thán chư Phật ở đời quá khứ mà nay được thành Phật khắp mười phương.

Lại trong kinh Quán Phật Tam-muội nói: Vào đời quá khứ xa xưa có Đức Phật ra đời hiệu là Không Vương. Sau khi nhập Niết bàn có bốn Tỳ-kheo cùng học tập tu hành chánh pháp Phật, nhưng bị phiền não khuất lấp nên không thể giữ gìn bảo tạng Phật pháp vững chắc, vì nhiều nghiệp bất thiện nên đọa vào đường ác. Ở trong không gian có tiếng bảo Tỳ-kheo: Đức Như lai Không vương về sau tuy nhập Niết bàn nhưng những phạm lỗi của các vị không cứu được. Hôm nay, các vị vào chùa tháp, chiêm ngưỡng tượng Phật cũng như Phật tại thế không khác. Nghe tiếng đó rồi liền vào chùa tháp chiêm ngưỡng tướng lông trắng giữa chặn mày, liền khởi niệm nói: Ánh sáng sắc thân chẳng khác gì việc này. Đức Phật là bậc Đại nhân nguyện diệt trừ lội lỗi cho con. Nói như vậy rồi như núi Thái sơn sụp đổ, năm vóc sát đất sám hối các tội lỗi. Do vào tháp Phật, chiêm ngưỡng tướng lông trắng giữa chặn mày, với nhân duyên sám hối mà về sau tám mươi ức A tăng kỳ kiếp không rơi vào đường ác, đời đời gặp chư Phật mười phương. Ở đó thọ trì sâu xa, nhớ nghĩ thiền định của chư Phật chứng đắc Tam muội, được chư Phật mười phương thọ ký, hôm nay đều thành Phật. Ở phương Đông, nước Diệu-hỷ có Đức Phật hiệu A Súc chính là vị Tỳ-kheo thứ nhất ấy. Ở phương Nam, nước Hoan-hỷ có Đức Phật hiệu Bảo Tướng tức là vị Tỳ-kheo thứ hai. Ở phương Tây có nước Cực lạc Đức Phật hiệu Vô Lượng

Thọ, chính là vị Tỳ-kheo thứ ba. Ở phương Bắc có nước Liên Hoa Trang Nghiêm có Đức Phật hiệu Vi Diệu Thanh, chính là vị Tỳ-kheo thứ tư. Vì những lý do này mà hành giả cần phải phát nguyện chiêm ngưỡng chư Phật. Lại trong kinh Ca Diếp dạy: Thuở xưa rất lâu xa A tăng kỳ kiếp ở đời quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là Quang Minh. Sau khi nhập Niết bàn có Bồ tát tên là Đại Tinh Tấn, trong mười sáu năm đầu chủng tử là Bà-la-môn đoan chánh không ai bằng. Có vị Tỳ-kheo khắc họa hình tượng Phật lên vải lông trắng, luôn luôn giữ gìn, thường thấy Đức Phật tâm rất vui mừng liền nói như vầy: Hình tượng Như lai tuyệt vời như vậy huống nữa là thân của Ngài, nguyện xin cho con ở đời vị lai cũng được thân tốt đẹp như vậy. Nói rồi suy nghĩ, nếu con ở đời không được thân này liền xin cha mẹ cho phép xuất gia. Cha mẹ bảo: "Hôm nay, cha mẹ tuổi đã già lại chỉ một mình con, nếu con xuất gia thì cha mẹ chết mất". Vị ấy thưa cha mẹ: Nếu không cho phép xuất gia thì từ nay trở đi con không ăn uống, nằm ngồi trên giường cũng không nói năng. Phát lời thề như vậy rồi nhịn ăn từ một ngày cho đến sáu ngày. Cha mẹ, bậc thiện tri thức, tám vạn bốn ngàn các kỹ nữ đều than khóc đảnh lễ bậc Đại tinh-tấn và đồng ý cho xuất gia. Khi được xuất gia chấp giữ tượng Phật vào trong núi lấy cỏ làm tòa, ngồi kiết già đặt tượng khắc họa trước mặt, nhất tâm quán sát kỹ lưỡng về bức họa này không khác Như lai. Tượng Như lai chẳng phải hiểu chẳng phải biết. Tất cả các pháp như vậy, không tướng lìa tướng, thể tánh vắng lặng. Quán như vậy rồi, trải qua một ngày một đêm chứng đắc năm thông, đầy đủ vô lượng vô ngại biện, đắc thiền định Phổ Quang, hào quang rực rỡ. Do thiên nhãn thanh tịnh thấy Đức Phật trong A tăng kỳ ở phương Đông, dùng thiên nhãn thanh tịnh nghe được chư Phật thuyết pháp đều thọ trì. Tròn bảy tháng thức ăn bằng trí tuệ, tất cả chư thiên tung hoa cúng dường, từ núi rừng cho đến thôn xóm thuyết pháp cho muôn dân, hai vạn chúng sanh phát tâm Bồ đề, vô lượng A tăng người an trú vào công đức của Thanh văn, Duyên giác, cha mẹ đều an trú vào quả vị bồ đề Vô thượng không thối chuyển. Đức Phật bảo ngài Ca Diếp: Vị Đại tinh-tấn xưa kia nay là thân Ta, nhờ quán sát tượng ấy mà nay được thành Phật. Người nào học tập quán xét như vậy trong đời vị lai chắc chắn sẽ thành tựu đạo Vô thượng.

Lại trong kinh Quán Phật Tam-muội dạy: Thuở xưa, lâu xa quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Sau khi diệt độ có vương tử tên là Kim Tràng, tà kiến kiêu mạn không tin pháp Phật. Lại có Tỳ-kheo Định Tự Tại bảo với vương tử: Ở đời có tượng Phật được trang nghiêm bằng các ngọc báu thật quý giá, ông tạm thời vào tháp chiêm

ngưỡng hình tượng Phật ấy.” Vương tử liền theo vào trong tháp thấy tướng tốt của tượng Phật lại thưa vị Tỳ-kheo: Tượng Phật mà còn trang nghiêm như thế, huống nữa là chân thân Phật. Tỳ-kheo bảo: “Hôm nay, ông thấy tượng Phật mà không đảnh lễ thì phải chấp tay niệm Nam mô Phật. Khi ấy, vương tử chấp tay niệm Nam mô Phật,” rồi trở về hoàng cung, luôn nhớ nghĩ hình tượng trong tháp. Vào một đêm chiêm bao thấy hình tượng Phật trải qua mấy giấc mộng, vui vẻ xả bỏ tà kiến, quy y Tam bảo. Nhờ một lần vào tháp, tán thán căn lành của Đức Phật mà lúc lâm chung chín trăm vạn ức na do tha chư Phật tiếp dẫn. Ở đó nên đạt được Tam muội niệm Phật sâu xa nhờ đạt được Tam muội., mà chư Phật hiện tại thọ ký cho ông. Từ đây về sau, trải qua trăm vạn A-tăng-kỳ kiếp không rơi vào đường ác, đến ngày nay đắc được thiền định Thủ Lăng Nghiêm sâu xa. Vương tử xưa, nay chính là Bồ tát Tài Thủ. Do nhân duyên này người trí nên tu học, niệm Phật như vậy. Trong Kinh Pháp Hoa nói kệ:

*Nếu người tâm tán loạn*
*Vào ở trong tháp miếu*
*Xưng niệm Nam mô Phật*
*Đều đã thành Phật đạo.*

Lại trong kinh Thí Dụ dạy: Thuở xưa, có một vị vua tự giết cha. Có vị A-la-hán biết vị vua nước này chẳng bao lâu sẽ băng hà, tính biết được mạng sống của vua không quá bảy ngày, nếu sau khi mạng chung chắc chắn rơi vào địa ngục A-tỳ chịu khổ một kiếp. Vị A-la-hán này liền đến giáo hóa ông, khuyên bảo hãy nên nhất tâm xưng niệm Nam mô Phật trong suốt bảy ngày không ngừng, đến lúc băng hà cẩn thận chớ quên lời dạy bảo (niệm Phật) này.Vua liền chấp tay nhất tâm xưng niệm tụng ngày đêm không nghỉ bắt đầu ngày thứ bảy liền băng hà. Quỷ thần dẫn đến địa ngục A-tì, ông thường nhớ nghĩ lời niệm Phật thuở trước nên khi đến nơi cửa ngục biết rõ là địa ngục, liền niệm lớn: Nam mô Phật. Những tội nhân trong địa ngục nghe tiếng niệm Phật thì tất cả đồng niệm: Nam mô Phật. Khi ấy, địa ngục Mãnh hỏa liền tiêu diệt, hết thảy tội nhân đều thoát khỏi, sanh trong loài người. Về sau vị A-la-hán lại thuyết pháp cho họ, đắc được quả vị Tu-đà-hoàn. Nhờ xưng tụng danh hiệu Phật mà được công đức vô lượng vô biên không thể ví dụ.

***Thứ 3: Nhớ nghĩ về duyên Phật Thích Ca***

Lại trong kinh Quán Phật Tam Muội dạy: Khi xưa, Đức Phật ở đời, Ngài vì vua cha và đại chúng mà giảng giải kinh Quán Phật Tam Muội.

Đức Phật có ba mươi tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, toàn thân vàng ròng phóng ra vô lượng ánh sáng. Khi xuống tòa có năm trăm vị Thích tử do tội chướng nên thấy sắc thân Phật như Bà-la-môn mù tối. Thấy rồi, liền khóc tự nhổ tóc mình, vùng vẫy trên đất, máu trong mũi chảy ra. Đức Phật an ủi: Các ông chớ khóc lóc, Ta thuyết giảng cho các ông. Về đời quá khứ có Đức Phật hiệu là Tỳ Bà Thi. Sau khi Niết bàn trong thời tượng pháp có một trưởng giả tên là Nguyệt Đức, có năm người con rất thông minh, nhiều trí tuệ, thông suốt tất cả. Người cha tin kính Tam bảo, thường thuyết giảng nghĩa pháp Phật cho các con. Các con đều tà kiến không có lòng tin, sau đó bị bệnh nặng. Người cha đến trước đàn con than khóc bảo rằng: Các người con đều tà kiến, không tin theo pháp Phật. Hôm nay, con dao vô thường đến cắt thân mạng các con, thì các con nương vào đâu? Có Đức Phật Thế tôn Tỳ Bà Thi, các con nên xưng niệm danh hiệu. Những người con nghe xong cung kính lời cha dạy, bèn niệm danh hiệu Ngài: Nam mô Phật, lại xưng tán giáo pháp và ca tụng chư Tăng, khen ngợi rồi mạng chung. Nhờ xưng tán chư Phật nên sanh về cõi trời Tứ thiên vương. Ở đó mạng chung, do trước kia tà kiến nên lại rơi vào địa ngục Tốt-la-sát bị hoàn sắt nóng đâm thủng phá hoại mắt họ, khi chịu nạn khổ này lại nhớ lại lời dạy của cha nên nhờ xưng niệm danh hiệu Phật mà được ra khỏi địa ngục, lại sanh trong loài người bị nghèo cùng khốn khổ. Về sau Đức Phật Thi Khí ra đời cũng sẽ được gặp, chỉ nghe danh hiệu Phật mà không thấy hình tượng Phật. Sau Đức Phật Thi Khí là Phật Câu Lưu Tôn, Đức Phật Câu Na Hàm, Đức Phật Ca Diếp đều chỉ nghe danh hiệu mà không thấy hình tượng các ngài. Nhờ nghe danh hiệu của sáu vị Phật như vậy nên ngày cùng với Ta sanh vào dòng họ Thích. Thân của Ta đoan nghiêm như vàng Diêm Phù mà các ông lại thấy tối tăm như Bà-la-môn mắt mù, tất cả đều do đời trước tà kiến nên trông thấy như vậy. Hôm nay, các ông nên xưng tụng danh hiệu chư Phật đời quá khứ và ca ngợi cha các ông, cũng tán thán danh hiệu Đức Phật Di Lặc và Ta. Xưng tán, đảnh lễ đại chúng, đại đức chúng Tăng năm vóc sát đất mà phát lộ sám hối tội tà kiến. Khi các vị chấp nhận sự sám hối rồi liền thấy sắc thân Phật màu vàng như núi Tu-di, liền bạch Phật: Bạch đức Thế tôn! Hôm nay chúng con thấy ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và vô lượng hào quang của Ngài. Thưa xong liền chứng quả vị Tu-đà-hoàn, cầu xin Phật xuất gia liền đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba minh, sáu thông, tám giải thoát.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Sau khi Ta diệt độ nếu ai xưng danh hiệu : Nam mô chư Phật của Ta thì được phước đức vô lượng, vô biên.

Lại trong kinh Đại Bi dạy: Đức Phật bảo A Nan: Thầy có thấy, khi Như Lai đi trên đường khiến cho đất rộng lớn thêm, chỗ cao làm thành thấp, nơi cao khiến thấp lại, những nơi thấp cao đều bằng phẳng. Sau khi Đức Phật đi qua, mặt đất trở lại như cũ. Tất cả rừng cây đều nghiêng mình bạch Phật, thần cây hiện thân cúi đầu lễ bái. Sau khi Ngài đi qua thì rừng cây trở lại như trước. Tất cả gò đồi hầm hố, mùi hôi nhà vệ sinh hay nơi vắng, ngói đá vụn vặt trong núi rừng đều quét sạch, bằng phẳng sạch sẽ, hương thơm các loài hoa bay khắp nơi. Như lai bước qua mà các loài vô tình đều nghiêng mình huống là hữu tình mà không gia tâm cung kính. Vì sao? Khi xưa, ta thực hành hạnh Bồ tát, đối với mọi người luôn nghiêng mình khiêm nhường cung kính lễ bái, nhờ thiện nghiệp mà thành tựu quả Phật. Lúc Như lai ngang qua hữu tình và vô tình đều nghiêng mình cúi đầu lễ bái. Xưa kia Ta dùng tâm thanh tịnh vi diệu biết đủ đối với của cải, chí tâm tự mình bố thí cho chúng sanh. Do phước báo ấy nên khi Như lai đi qua mặt đất bằng phẳng và rộng thêm, quét dọn sạch sẽ, lại không có ngói đá vụn vặt. Lúc Ta ở nơi vô lượng bậc Hiền Thánh, khi các Ngài đi trên đường Ta thường quét dọn, sửa đường, lau chùi phòng nhà, nhờ ta đem tâm bình đẳng không cao thấp, tẩy rửa, tu sửa làm cho sạch sẽ, ở tronh tất cả thời thường mong cầu quả vị Bồ đề để lợi ích chúng sanh. Nhờ căn lành này mà Phật Như lai ở nơi đâu, hay đến đường nào thì tự nhiên sạch sẽ, mặt đất bằng phẳng như bàn tay, cho đến núi Tu di cao tám vạn bốn ngàn do tuần, ở trong biển lớn cũng sâu như vậy và núi Thiết vi cao mười sáu vạn tám ngàn do tuần cũng bằng kim cang bền chắc. Khi Đức Phật vào Niết bàn tất cả đều cúi đầu cung kính đảnh lễ. Nếu muốn lánh xa không nghiêng mình thì cũng không được.

Lại trong kinh Phổ Diệu dạy: Do tâm Như lai ở quá khứ xa lìa vướng mắc, không tổn hại chúng sanh, nên Ngài đến đâu bàn chân không bị dơ bẩn, loài côn trùng bình yên. Trong kinh Xứ Xứ lại dạy: Khi Như Lai đi, chân không mang dép là có ba lý do: Một là khiến cho hành giả ít muốn; hai là để lại dưới bàn chân hiện ra tướng bánh xe; ba là khiến cho người thấy vui vẻ. Khi Như Lai đi cách mặt đất bốn tấc, có ba lý do: Một là thấy mặt đất có côn trùng; hai là đất có cỏ cây sinh sống; ba là hiện ra thần túc, cũng muốn khiến cho mọi người tâm ý chơn chánh. Đức Phật đi trên đất cao hay thấp đều bằng phẳng là có ba lý do: Một là khi xưa Ngài đã hành bốn Vô lượng tâm, muốn làm cho mọi loài được an vui; đất ở trên nước, trong nước có côn trùng tất cả đều ở dưới bàn chân Phật hoàn toàn an ổn vừa ý. Cho nên thấp là cao mà cao

cũng là thấp. Hai là chư thiên quỷ thần làm phước, vì Phật nên đất bằng phẳng, cao hay thấp đều như nhau. Ba là Đức Phật khi còn làm Bồ tát muốn đường lưu thông nên bắt cầu để người qua lại, từ đó được phước đức nên cao thấp đều như nhau, muốn tâm người cũng được như vậy.

Lại trong luận Trí Độ dạy: Thân tướng đức Thế tôn tuyệt đẹp, da dẻ mịn màng, bụi trần không dính vào thân, như lá hoa sen không thấm nước. Nếu Bồ tát vào trong núi khô cằn, khi đi chân không dính đất, do gió thổi phá tan núi, làm bụi trần bay đi mà một hạt bụi trần cũng không dính. Nếu Bồ tát dâng thức ăn vào miệng, khi vào cổ phân thành hai, lưu lại thành cam lồ hòa hợp với các vị, mùi vị này thanh tịnh, nên gọi trong vị này mà được thượng vị.

Trong kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: Tâm không tôn kính Phật nên sanh trong loại rồng rắn, vì từ quá khứ đến nay, do không cung kính nên quá si mê.

Lại luật Tứ-phần nói kệ:

*Cung kính bậc Trưởng lão*
*Là hàng hộ trì pháp*
*Hiện tại được danh tiếng*
*Tương lai sanh cõi lành.*

***Thứ 4: Nhớ nghĩ duyên Phật A-di-đà***

Hỏi: Thế nào là Tịnh độ?

Đáp: Là thế giới trong sáng, gọi là tịnh, độ tức là chỗ ở sạch sẽ. Luận Nhiếp dạy: Độ là chỗ ở không có năm thứ ô uế, sáng như ngọc pha lê gọi là cõi Tịnh độ.

Trong luận Pháp Hoa dạy: Ở nơi chúng sanh không có phiền não gọi là Tịnh độ. Cõi Tịnh độ không giống nhau, có bốn loại: Một là Pháp tánh độ, lấy chơn như làm thể, nên luận Khiết-nhiếp dạy: Lấy hoa sen đẹp nhất làm cõi Tịnh là theo ví dụ mà nói, Pháp giới chơn như làm cõi tịnh là nói theo thể. Hai là Thật báo độ. Theo luận Y Nhiếp dạy: Lấy hai Không làm cửa, ba tuệ làm đường ra vào, thiền định làm xe, lấy căn bản trí tuệ không phân biệt làm dụng. Đây đều là tóm tắc phước báo công đức biện tài hiện ra từ thể. Ba sự Tịnh độ, tức là đủ bảy báu thượng diệu, quý tánh là sắc tánh năm trần, thanh, hương, vị, xúc là tướng của cõi này, nên Nhiếp Luận dạy: Ánh sáng của bảy báu vây quanh Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm dạy: Ở tướng cảnh giới của chư Phật trang nghiêm các thứ báu xen lẫn nhau, nên trong luận Tịnh-độ dạy: Tánh của các báu đầy đủ sự trang nghiêm vi diệu. Lại trong kinh

Tạp Phiên Đại Bồ-tát Tạng dạy: Giả sử như cảnh giới ở trên cho đến đống lửa lớn mà Như Lai ở trong đó kinh hành, đứng ngồi nằm ở đó thì tự nhiên xuất hiện nước tám công đức. Bốn là cõi Hóa tịnh, tức là chỗ Đức Phật biến hóa, bảy báu năm trần làm thể của cõi hóa độ. Kinh Niết bàn dạy: Nhờ thần lực của Phật nên mặt đất mền mại không có đồi gò, ngói đá cát sạn cho đến như thế giới Cực lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây. Lại nữa, luận Đại Trang Nghiêm dạy: Do trí tuệ tư tại, tùy chỗ mong muốn của Ngài mà hiện ra nước trong suốt như lưu ly ở thế thế giới Thanh tịnh. Lại trong kinh Duy Ma dạy: Đức Phật ấn ngón chân xuống đất hiện ra những việc thanh tịnh. Lại trong kinh Mười Địa dạy: Tùy theo tâm của chúng sanh nhân được an vui thì Ngài vì họ thị hiện. Trong các kinh luận trên đã trình bày rõ, đều do biến hóa mà thành cõi tịnh, nhờ thần lực của Phật hiện ra mà có. Tóm lại, chỉ không nên gọi là Hóa độ.

Cho là: Tuy trên đây nói cõi Tịnh có bốn loại nhưng cốt yếu chỉ có hai: Một là cõi Báo. Hai là cõi Hóa. Hai cõi này tóm thâu hai cõi lý và sự. Trước tiên nói về cõi Báo, tức là lúc Đức Phật Như Lai thị hiện, các thể tánh đều thiện vô lậu, chẳng bị thâu nhiếp trong ba cõi. Trong luận Tịnh Độ dạy: Quán xét tướng của thế giới kia thù thắng vượt hẳn ba cõi. Lại trong luận Trí Độ dạy: Có cõi tịnh độ vi diệu vượt ra ba cõi, nhưng chỗ Đức Phật luôn an trú khắp mọi nơi, từ quá khứ đến hiện tại trong mười phương thế giới, hoặc Ngài nương theo Pháp thân mà an trú cõi Tịnh. Trong luận dạy: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng có thế giới thanh tịnh như cõi nước của Đức Phật A Di Đà. Đức Phật A Di Đà cũng có thế giới trang nghiêm thanh tịnh và không trang nghiêm thanh tịnh giống Đức Phật Thích Ca. Lại trong kinh Niết Bàn dạy: Thật ra Ta không thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề. Lại trong kinh Pháp Hoa nói kệ:

*Thường ở núi Linh-thứu*
*Và trú các nơi khác*
*Chúng sanh thấy kiếp tận*
*Khi lửa lớn thiêu đốt.*
*Ta an ổn cõi ấy*
*Trời người thường đầy đủ*
*Vườn rừng, các cung điện*
*Trang hoàng đủ loại báu.*

Lại trong kinh Hoa Nghiêm dạy: Cõi Tịnh của Như Lai hoặc ở tại mão báu của Ngài, hay tầm đeo tai hay ở nơi áo, hay nơi lỗ chân lông. Mỗi lỗ chân lông như vậy dung chứa cả thế giới. Vậy trong kinh Thập-

trụ dạy: Đức Phật chỉ nhấc một bước chân thì đã vượt qua ba ngàn đại thiên, hằng hà sa thế giới, việc đó là như vậy. Cõi hóa độ nơi an trú chỉ là biến hóa, không phân biệt nơi nào, chỉ do cõi y báo mà phát khởi tướng thô, hoặc thông suốt khắp mười phương, hay trong thế giới hiện tại dẫn dắt ba thừa trời, người và các loài như đức Thế tôn Di Đà dìu dắt chúng sanh nhỏ dại ở cõi nhẫn mà xây dựng cõi Tịnh, những nơi ô uế thành chốn sạch sẽ, như mảnh đất hóa thành thanh tịnh, ví như cung điện Đồng-thiên, điều này cũng thế. Hoặc chúng sanh ở khí thế giới cùng một tướng, do chủng tử chiêu cảm mà ở nơi đó hiển hiện cảnh giới trong sạch hoặc ô nhiễm. Tùy theo sáu đường chúng sanh mà sự thấy khác nhau đều do cảnh bên ngoài, gọi là nhân huân tập. Thức chủng thành tựu nên chiêu cảm được tướng ảnh tượng của khí thế gian. Các ảnh tượng này vốn là do tướng phần của thức, vì cùng tướng chủng tử và tướng ảnh tượng. Do nhân duyên tướng thức hiện ra kia, tức là cùng tướng này, do duyên lực quả báo tăng thượng bên trong nên chiêu cảm khổ vui không giống nhau.

Lại trong kinh Hoa Nghiêm dạy: Khi ấy, Đại Bồ tát Tâm Vương bảo các Bồ tát: Thưa quý vị! Thế giới Ta-bà này là một kiếp của cõi Phật Thích Ca Mâu Ni, đối với thế giới An lạc của Đức Phật Di Đà là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới An lạc so với thế giới Thánh-phục-tràng của cõi Phật Kim Cang là một ngày một đêm. Một liếp của thế giới Thánh phục tràng đối với thế giới Bất thối chuyển âm thanh lôi của cõi Phật Thiện Lạc Quang Minh Thanh Tịnh Khai Phu là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Bất thối chuyển âm thanh luân đối với thế giới Ly-cấu của cõi Phật Pháp Tràng là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Ly cấu đối với thế giới Thiên đăng của cõi Phật Sư Tử là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Thiện đăng đối với thế giới Thiện quang minh của cõi Phật Lô-xá-na-tạng là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Thiện quang minh đối với thế giới Siêu xuất của cõi Phật Phát Quang Minh Thanh Tịnh Khai Phu Liên Hoa là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Siêu xuất đối với thế giới Trang nghiêm tuệ của cõi Phật Nhất Thiết Quang Minh là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Trang nghiêm tuệ đối với thế giới Cảnh quang minh của cõi Phật Giác Nguyệt là một ngày một đêm.

Thưa quý vị! Cứ lần lượt như thế, cho đến trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới. Một kiếp của thế giới sau cùng đối với thế giới Thắng liên hoa của cõi Phật Hiền Thủ là một ngày một đêm. Bồ tát Phổ-hiền và chư vị đại Bồ tát đều đầy đủ trong đó. Lại nữa, Luận Ưu Bà Đề Xá nói kệ:

*Quán tướng thế giới kia*
*Vượt ra khỏi ba cõi*
*Rốt ráo như hư không*
*Rộng lớn chẳng giới hạn.*
*Chánh đạo đại từ bi*
*Sanh thiện căn xuất thế*
*Đủ ánh sáng thanh tịnh*
*Như mặt trời, trăng soi.*

Cho là: Người phàm phu ở Nhị thừa trong cõi uế trược mà thấy được cõi Phật A Di Đà. Các Bồ tát trú trong cõi tịnh cũng thấy được Đức Phật A Di Đà. Căn cứ vào hai điều này mà nói cõi Báo hoàn toàn thanh tịnh. Cõi Ứng thì có cả ô nhiễm và thanh tịnh, nên luận Tịnh độ dạy: Độ có năm loại: Một là thuần tịnh độ chỉ ở quả vị cõi Phật. Hai là cõi Tịnh uế độ tức là trong sạch nhiều, ô uế ít là địa thứ tám trở lên. Ba là tịnh uế bình đẳng độ tức là địa thứ nhất cho đến địa thứ bảy. Bốn là cõi Uế tịnh độ tức là uế nhiều tịnh ít tức là trước địa Tánh địa. Năm là cõi Tạp uế độ tức là chưa vào Tánh địa. Người ở cõi thứ năm thì chỉ thấy sau một cõi mà không biết bốn cõi trước. Người ở cõi thứ tư thì chỉ biết hai cõi sau mà không thấy ba cõi trước. Người ở cõi thứ ba thì biết ba cõi sau mà không biết hai cõi trước. Người ở cõi thứ hai thì biết bốn cõi sau mà không biết một cõi trước. Đức Phật tối thượng đều biết tất cả năm cõi.

Lại trong kinh A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà-la-ni dạy: Lúc ấy, đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Ở thế giới phương Tây hiện tại có Đức Phật A Di Đà. Nếu có bốn chúng nào thọ trì danh hiệu Phật ấy một cách chân chánh thì nhờ công đức này, lúc lâm chung sẽ được Đức Phật A Di Đà và Đại chúng đến chỗ người này, khiến cho người ấy thấy được sanh lòng vui mừng nên công đức tăng lên gấp bội. Do nhân duyên này, nên sanh về cõi ấy, hoàn toàn xa lìa hình hài trong thai dơ uế, an trú trong hoa sen báu tinh khiết, tuyệt đẹp, tự nhiên hóa sanh, đủ sáu thần thông, phát ra ánh sáng màu đỏ. Đức Phật A Di Đà và chúng Thanh-văn. Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri an trú trong nước gọi là Thanh-thái-vương. Cung thành của nước đó có chu vi là mười ngàn do tuần toàn là dòng họ Sát-đế-lợi, thân phụ của Đức Phật A Di Đà là Nguyệt Thượng Chuyển luân Thánh vương. Thân mẫu là Thù Thắng Diệu Nhang, con là Nguyệt Minh, đệ tử kế thừa là vị Vô lượng Cấu Xưng, đệ tử trí tuệ là vị Hiền Quang, đệ tử thần túc chuyên cần là vị Đại Hóa. Ma vương lúc ấy là Vô Thắng. Đề Bà Đạt Đa là Tịch tịnh.

Kinh Vô Lượng Thọ dạy: Đức Phật bảo ngài Di Lặc, giả sử ở trong

kiếp Mãnh hỏa (lửa lớn) ba ngàn đại thiên thế giới, nhờ niệm danh hiệu Phật A Di Đà nên đang ở trong đó đều vượt khỏi nguy hiểm.

Lại trong kinh A Di Đà Phật, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng: Thái tử của vua A Xà Thế và năm trăm người con của trưởng giả vô số kiếp đời sau đều sẽ thành Phật như Đức Phật A Di Đà. Lại dạy: Thái tử của vua A Xà Thế và năm trăm người con của trưởng giả đều an trú trong đạo Bồ tát. Trước đây vô số kiếp tất cả đều cúng dường bốn trăm ức Đức Phật, hôm nay lại đến dâng cúng Ta. Thái tử của vua A Xà Thế và năm trăm người con của trưởng giả, lúc Đức Phật Ca Diếp hiện đời là đệ tử của Ta, hôm nay đều gặp nhau trong chúng hội này.

***Thứ 5: Nhớ nghĩ duyên của Phật Di Lặc***

Kinh Di Lặc Bồ- tát sơ vấn bổn nguyện dạy: A Nan bạch Phật: Bạch đức Thế tôn, Bồ tát Di Lặc bao lâu nữa mới chứng được pháp Nhẫn? Vì sao lại lâu đạt được đạo Vô thượng Chánh chơn, thành tựu Tối Chánh giác?

Đức Phật bảo A Nan: Do bốn điều mà không thủ chứng Chánh giác. Những gì là bốn? Một là làm tịnh cõi nước. Hai là hộ trì cõi nước. Ba làm sạch tất cả. Bốn là hộ trì tất cả. Bồ tát Di Lặc xưa kia mong cầu thành Phật nhưng do bốn điều này mà không chứng được quả vị Phật. Đức Phật bảo A Nan, xưa kia lúc Ta cầu quả vị Phật cũng có bốn điều này nhưng Bồ tát Di Lặc phát tâm trước Ta, ba mươi hai kiếp sau đó Ta mới phát tâm đạo. Ở trong Hiền kiếp nhờ tinh tấn nên trải qua chín kiếp đã đắc đạo Chánh chơn Vô thượng, đạt đến Tối Chánh giác. Đức Phật bảo A Nan: Ta do mười việc mà đạt đến Tối Chánh giác. Những gì là mười? Một là có tất cả mà không lẫn tiếc. Hai là có thê thiếp. Ba là có con cái. Bốn là có đầu mắt. Năm là có tay chân. Sáu là có đất nước. Bảy là có tài vật quý báu, tám là có tủy não. Chín là có máu huyết. Mười là không tiếc thân mạng. Ta nhờ mười điều này mà chóng thành Phật đạo.

Hỏi: Đạo của người phàm phu, thân ở cõi dục, làm việc thiện gì để được phước báo sanh lên cõi trời Đâu suất?

Trong kinh Vị Tằng Hữu dạy: Nếu Thập thiện ở phẩm hạ là trong một niệm thì Thập thiện phẩm trung trong bữa ăn còn Thập thiện phẩm thượng là từ sáng đến trưa. Trong khoảng thời gian đó, tâm luôn nhớ nghĩ mười điều thiện, dứt trừ mười điều ác thì được vãng sanh, như con chồn luôn nhớ nghĩ đến điều thiện suốt bảy ngày không ăn thì được sanh lên cõi trời Đâu suất.

Trong kinh Thượng Sanh dạy: Sau khi Ta diệt độ, bốn chúng tám bộ muốn sanh lên cõi trời thứ tư thì ở trong ngày thứ nhất cho đến ngày thứ bảy luôn nghĩ cõi trời ấy, giữ gìn giới cấm Phật, suy nghĩ và thực hành mười điều thiện, nguyện đem công đức này, hồi hướng cầu sanh trước Bồ tát Di Lặc thì được tùy nguyện mà vãng sanh. Kinh lại dạy: Nếu có ai lễ kính Di Lặc thì diệt trừ được tội lỗi trong trăm ức kiếp cho đến đời sau, dưới cội cây Long hoa cũng được diện kiến Phật.

Đức Phật lại dạy: Sau khi Ta diệt độ, bốn chúng tám bộ nghe danh hiệu lễ bái thì lúc mạng chung vãng sanh đến cõi trời Đâu suất. Nếu có nam nữ nào phạm giới cấm, gây tạo nghiệp ác khi nghe danh hiệu Bồ tát Đại bi này, năm vóc sát đất thành tâm sám hối, tất cả nghiệp ác đều diệt sạch. Nếu có quy y Bồ tát Di Lặc thì biết người ấy sẽ chứng bậc Bất thối chuyển. Bồ tát Di Lặc thành Phật, nếu ai thấy được ánh sáng của Ngài thì được thọ ký. Lại trong kinh Thượng sanh dạy: Sau khi Phật diệt độ, nếu người nào siêng năng tu tập các công đức oai nghi đầy đủ, quét dọn chùa tháp dâng hoa hương cúng dường, tu tập thiền định, đọc tụng kinh điển, thì những người đó tuy không đoạn hết các kiết sử phiền não như người đạt được sáu thông, cần phải hộ niệm, nhớ nghĩ hình tượng Phật, xưng danh hiệu Di Lặc, hoặc trong khoảnh một niệm mà thọ trì giới Bát quan trai, tu tập các việc thiện thì khi mạng chung sẽ được vãng sanh về cõi trời Đâu suất, ở trong đài hoa sen. Lúc ấy, thấy được tướng hào quang của lông trắng Đức Phật, thoát khỏi tội sanh tử trong chín mươi ức kiếp, tùy theo duyên đời trước mà thuyết pháp vi diệu cho họ khiến họ đắc quả vị Bất thối. Trong kinh Tăng Nhất dạy: Chúng sanh gây tạo ba nghiệp xấu ác, nếu lúc lâm chung nhớ nghĩ công đức của Như Lai thì chắc chắn xa lìa đường ác, được sanh lên cõi trời, dù cho người nào thật ác nhưng do niệm Phật nên cũng được sanh về cõi trời. Lại trong kinh Đại tập dạy: Nếu ai tu tập tâm từ, khi sắp bỏ thân mạng thì được chư Phật mười phương dùng tay xoa đầu, nhờ được xoa đầu nên tâm an lạc, tức được vãng sanh về cõi Phật thanh tịnh. Trong kinh Phổ Hiền Quán dạy: Nếu có người nào đêm ngày sáu thời lễ bái chư Phật mười phương, tụng kinh Đại thừa, suy nghĩ nghĩa lý pháp Không sâu xa đệ nhất, chỉ ở trong một sát na mà diệt trừ tội của sanh tử trong trăm vạn ức na do tha hằng hà sa kiếp. Người thực hành pháp này mới thật là Phật tử, từ chư Phật sanh, được chư phật mười phương và chư Bồ tát làm Hòa thượng cho họ. Đó gọi là giới Bồ tát cụ túc, không cần Yết ma tự nhiên thành tựu, xứng đáng thọ nhận tất cả sự cúng dường của trời người. Lại trong kinh Pháp Hoa dạy: Nếu có người thọ trì đọc tụng,

nhớ nghĩ hiểu rõ nghĩa lý chơn chánh, người này lúc mạng chung được ngàn chư Phật dẫn dắt khiến không còn sợ hãi, không rơi vào đường ác, được sanh lên cõi trời Đâu suất của Bồ tát Di Lặc, có ba mươi hai tướng tốt, có Đại chúng Bồ tát vây quanh, có trăm ngàn vạn ức thiên nữ sanh sống trong đó. Có những công đức lợi ích như vậy, nên bậc trí cần phải nhất tâm tự biên chép, hay dạy bảo người biên chép, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ chơn chánh như pháp mà tu hành. Luận Trí-độ dạy: Nếu thiện nam nào thực hành sâu xa Bát-nhã-ba-la-mật thì nên biết người đó đến từ nhân đạo, hoặc đến từ cõi trời Đâu suất. Vì sao? Vì tội khổ trong ba đường ác rất nhiều, nên không thể thực hành được trí tuệ sâu xa. Chư thiên ở cõi Dục ưa thích năm dục tuyệt đẹp, tâm ý say mê nên không thể thực hành. Chư thiên ở cõi Sắc lại say đắm vị của thiền định nên cũng chẳng thực hành. Chư thiên ở cõi trời Vô sắc không có hình tướng nên cũng không thực hành được. Vì trên cõi trời thường có Bồ tát Nhất Sanh Bổ Xứ, chư thiên ở đó thường được nghe giảng thuyết Bát-nhã, tuy năm dục còn nhiều, nhưng năng lực pháp hơn hẳn, nên nói ở hai cõi này là hơn hết. Nếu từ cõi Phật khác đến sanh vào trong đó, thì những vị ấy tối thắng hơn cả. Trong kinh Xứ Thai Đức Phật dùng kệ dạy:

*Ba chúng hội của ông*
*Là do Ta biến hóa*
*Chín mươi sáu ức người*
*Thọ năm giới của Ta.*
*Số người thọ Tam quy*
*Chín mươi hai ức vị*
*Chỉ niệm Nam mô Phật*
*Đều được thành Phật đạo.*

Trong kinh Xứ Xứ dạy: Đức Phật nói Bồ tát Di Lặc chưa thị hiện là vì bốn lý do: Một là trong thời đại thế gian có phước mới thị hiện. Hai là người thế gian thô xấu không thể thọ trì kinh. Ba là công đức chưa viên mãn. Bốn là thế gian có người thuyết pháp nên Bồ tát không hạ sanh. Nếu tương lai thị hiện trong năm mươi ức bảy ngàn sáu mươi vạn năm. Chúng sanh ở thời kỳ Ngài Di Lặc mắt đều trông thấy đến bốn ngàn dặm, do mười lý do; Một là không ngăn ánh sáng mắt người. Hai là không làm hư mắt người. Ba là không che mắt người. Bốn là không dấu việc thiện của người. Năm là không thấy giết hại. Sáu là không thấy trộm cắp. Bảy là không thấy dâm dục. Tám là không thấy sự đen tối, sở đoạn của người. Chín là không thấy các việc ác. Mười là đèn sáng mãi trong chùa.

Lại trong kinh Phật Thuyết Di Lặc Lai Thời, Đức Phật dạy: Khi Đức Phật Di Lặc chưa ra đời, cỏ cây, núi rừng trong cõi Diêm-phù-lợi đều cháy rụi nay, ở cõi Diêm-phù-lợi chu vi sáu mươi vạn dặm. Khi Bồ tát Di Lặc ra đời, cõi Diêm-phù-lợi Đông tây dài bốn mươi vạn dặm Nam bắc dài ba mươi hai vạn dặm. Đất sanh năm loại quả, trong bốn biển không có núi non, khe suối, hang lạch. Đất bằng phẳng như đá mài, cây cối cao to, người ít ba độc, nhân dân có nhiều thành ấp. Thành gọi là Phiếm-la-na-di, có một Bà-la-môn tên là Tu Phàm, làm cha mẹ của Bồ tát Di Lặc, gọi là Ma Ha Việt Đề, Ngài Di Lặc sẽ là con đầy đủ tướng tốt đẹp, thân cao sáu mươi hai trượng, sanh vào trong thành, mắt sáng nhìn xa vạn dặm. Ở đỉnh đầu ánh sáng như mặt trời chiếu xa bốn ngàn dặm. Khi Bồ tát Di Lặc hành đạo, chứng quả vị Phật, an tọa dưới cây Long hoa cao ba mươi dặm, to bốn mươi dặm. Khi sao mai xuất hiện vào ngày mồng tám tháng tư thì Ngài thành đạo. Đức Phật Di Lặc thành đạo hơn sáu mươi ức năm, sau đó sáu mươi vạn năm mới hạ sanh.

Theo truyện Vương huyền sách Tây quốc hành kể: Năm thứ hai đời Đường, vua ban lệnh cho Huyền-sách đến Ấn-độ thỉnh tượng Phật và y áo. Khi đến Phả-la-độ phía Tây của nước Nê-bà-la, xuống vùng phía Đông của thôn có một hồ nước lửa, nếu mong cầu lửa chiếu sáng trong nhà, thì nước trên hồ đó có ánh sáng chiếu từ trong nước phát ra, khi muốn dập tắt lửa thì tưới nước vào, ngọn lửa cháy mãi, sứ giả nước Hán từng ở trong đó làm cái giá móc nồi để nấu cơm, Sứ giả hỏi vua nước ấy như vậy. Nhà vua trả lời: Đã từng dùng gậy đánh chết bỏ vào quan tài bằng vàng, lại bảo người kéo ra, nhưng cứ một lần kéo ra thì lại lún sâu. Tương truyền rằng: Đây là Phật Di Lặc tương lai thành đạo ở Thiên-quang-kim, được rồng lửa hộ vệ. Hồ lửa này chính là rồng lửa.

Trong luận Trí-độ dạy: Bồ tát Di Lặc khi còn cư sĩ, có vị thầy tên Bà Bạc Lê có ba tướng: Một là tướng lông trắng giữa chặn mày. Hai là tướng lưỡi che phủ mặt. Ba là tướng âm tàng. Khi chưa phải Bồ tát như vậy, cũng đều có tướng này. Lại luận Tân Bà-sa dạy: Đã từng nghe tôn giả Ca Diếp Ba vào thành Vương-xá, sau khi khất thực thọ trai xong, chẳng bao lâu lên núi Kê-túc. Núi có ba đỉnh như tựa vào nhau. Tôn giả vào trong núi ngồi kiết già, liền phát nguyện: Thân con đây mặc y, mang bát, trì tích trượng an trú lâu mà khônghư hoại, cho đến trải qua năm mươi bảy Câu-chi sáu mươi trăm ngàn năm khi Đức Phật Từ-thị Ứng Chánh đẳng giác thị hiện, làm việc Phật sự. Phát nguyện rồi liền vào Niết bàn, thì ba đỉnh núi ấy hợp thành một, trang nghiêm che phủ tôn giả đang an trú. Đến khi Đức Phật Di Lặc ra đời, sẽ có vô lượng trời

người đến nơi này. Đức Phật Di Lặc bảo Đại chúng: Các vị thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có đại đệ tử Ca Diếp Ba được nhiều công đức nhất trong chúng chăng? Đại chúng thưa: Chúng con muốn thấy vị ấy. Đức Phật Di Lặc liền đưa tay phải vỗ vào đỉnh núi Kê-túc, lập tức núi chia thành ba phần như củ. Lúc đó, tôn giả Ca Diếp Ba mang y bát và tích trượng trong núi ra, rồi bay lên hư không. Vô lượng trời người thấy thần biến này đều khen ngợi, vui mừng điều chưa từng có. Đức Phật Từ Thị nhân đó mà thuyết pháp, tất cả đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Nếu Ngài không ở lại giáo hóa thì làm sao có được những việc này, có thuyết pháp có lưu lại giáo hóa?

Hỏi: Vì sao Thế tôn không lưu lại hóa thân mà vào Niết bàn, sau đó mới duy trì việc thuyết pháp?

Đáp: Những điều cần làm đã làm xong, nghĩa là người cần độ đều đã độ xong nhưng lại cho: Không duy trì việc giáo hóa.

Hỏi: Những việc của Ngài Ca Diếp Ba làm sao có được?

Đáp: Được Thiên thần tin kính ủng hộ.

Lại cho: Lúc Ca Diếp Ba chưa vào Niết bàn thì Đức Phật Từ Thị mới diệt độ, điều này không hợp lý, dù có thuyết nhưng Ngài vẫn an trú lặng yên thật lâu trong hư không. Thuyết pháp như vậy là có lưu lại giáo hóa, cho nên Ngài Đại Ca Diếp Ba đã nhập Niết bàn.

Chỉ có năng lực yếu kém của phàm phu, huân tập nhiều xấu ác từ nhiều đời, do sống ở cõi Ta-bà, tâm ý yếu hèn nên lúc mới học giáo pháp thì lo sợ, thối lui, nhưng thường phát đại nguyện hộ trì, thực hành pháp cho đến khi qua đời tâm không bị tán loạn. Do gieo trồng căn lành nên hạnh nguyện cùng hàm thức tự tại vãng sanh. Trong Đại chúng của Ngài Di Lặc được đến trước Đức Phật, tùy niệm mà tu tập, chứng đắc quả vị Bất-thối-chuyển, không nguyện sanh ngoài Đại chúng, vì sợ tham đắm năm dục sẽ không được giải thoát. Trong luận Trí-độ dạy: Có người tu tập phước mỏng, nghe những nơi nào có phước nên nguyện vãng sanh, đến lúc qua đời đều sanh vào ở đó. Luận Đại Trang Nghiêm dạy: Việc lớn nhất ở cõi Phật mà chỉ một mình hành công đức thì không thể thành tựu mà cần phải có nguyện lực, nNhư trâu tuy có sức mạnh kéo xe nhưng chỉ cần người điều khiển thì mới đến nơi cần đến. Cõi nước Đức Phật Thanh Tịnh, do phát nguyện mới chóng thành. Nhờ năng lực phát nguyện nên phước đức mới tăng trưởng, không hao tổn không hư hoại, thường thấy Phật. Trong luận Thật Trụ dạy: Nếu người phát tâm mong cầu Phật không dừng nghỉ, hoặc có người dùng ngón tay đưa thế giới Đại thiên an trú trên hư không thì cũng không gọi là khó. Nếu

có người phát nguyện con sẽ thành Phật, thì người ấy thật là hiếm có. Vì sao? Vì người ở đời tâm thường hèn yếu, ý chí không lớn mạnh. Luận phát Bồ đề tâm dạy: Có mười đại nguyện cần phải tu tập.

Một là con nguyện từ đời trước cho đến nay, thân gieo trồng căn lành, nguyện bố thí cho tất cả chúng sanh để hồi hướng Phật đạo, làm cho nguyện của con luôn lớn mạnh, đời đời sanh ở đâu cũng không quên, thường được Đà-la-ni ủng hộ.

Hai là con nguyện với căn lành này sẽ sanh nơi gặp Phật và thường được cúng dường không sanh vào nơi không có Phật.

Ba là con nguyện được thân gần chư Phật, luôn hầu cận quý Ngài như hình bóng.

Bốn là con nguyện khi được thân cận rồi, sẽ được quý Ngài thuyết pháp làm cho con thành tựu năm thông.

Năm là con nguyện thông đạt sự giả danh của thế đế khắp nơi, thấu rõ Đệ nhất nghĩa đế, đắc trí tuệ Chánh pháp.

Sáu là con nguyện dùng tâm không nhàm chán mà thuyết pháp cho chúng sanh, chỉ dạy những lợi ích an vui, khiến họ thông tỏ.

Bảy là con nguyện nhờ thần lực của Phật, đến khắp thế giới mười phương cúng dường chư Phật, lãnh thọ chánh pháp, độ khắp chúng sanh.

Tám là con nguyện thuận theo bánh xe pháp thanh tịnh khiến cho tất cả chúng sanh nghe pháp, nghe danh của con liền xả bỏ hết phiền não.

Chín là con nguyện tùy thuận bảo vệ chúng sanh để đem lại an vui, quyết xả bỏ thân mạng, tài sản, đảm nhận những khó khăn của Chánh pháp, từ bỏ những điều không lợi ích.

Mười là con nguyện tuy thực hành Chánh pháp nhưng tâm không chỗ hành, cũng không phải không vì để giáo hóa chúng sanh nên không bỏ chánh nguyện.

Con phát mười đại thệ nguyện này, đến khắp thế giới chúng sanh, tóm thâu hằng sa các nguyện. Nếu cõi chúng sanh có cùng tận, nguyện của con mới tận. Nhưng cõi chúng sanh không thể cùng tận, nên nguyện lớn của con cũng không cùng tận. Rộng độ vô biên pháp giới chúng sanh không cùng tận, những căn lành con tu tập xin hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh giác, được sanh trước Phật Di Lặc, nghe pháp thanh tịnh, chứng ngộ pháp Vô sanh nhẫn. Sự đi, đứng, nằm, ngồi từ đây về sau là để tu tập các căn lành, đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh được đến trước Phật Di Lặc, nhanh chóng thành tựu quả vị Bất thối.

Pháp sư Huyền Trang nói: Ở phương Tây đạo của người thế gian thường thực hành theo Ngài Di Lặc và cùng ở trong cõi Dục nên sự thực hành ấy dễ thành tựu. Đại thừa hay Tiểu thừa đều chấp nhận pháp này. Cõi Tịnh của Phật Di Đà sợ phàm phu ô uế, tu hành khó thành, như trong kinh Cựu dạy: Bồ tát ở trên mười địa, tùy theo chỉ thấy mà có được chỗ báo ứng cõi tịnh của Phật. Theo ý của Tân luận: Bồ tát ở địa thứ ba mới bắt đầu thấy được báo ứng cõi tịnh của Phật, đâu phải những kẻ phàm phu ở cõi Hạ phẩm mà được vãng sanh. Đây là lúc ý còn phân biệt, chưa thể gọi là định. Do đó, phương Tây chấp nhận Đại thừa mà không nhận Tiểu thừa. Cho nên, Pháp sư trọn đời hành việc Bồ tát Di Lặc, đến lúc lâm chung, phát nguyện sanh lên cõi trời gặp được Phật Di Lặc, bấy giờ Đại chúng cùng nhau nói kệ:

*Nam mô Di Lặc Như Lai*
*Ứng Chánh đẳng giác*
*Nguyện cùng chúng sanh*
*Chóng phụng hành Từ-thị.*
*Nam mô Di Lặc Như Lai*
*Được sống trong chúng*
*Nguyện bỏ thân này*
*Được sanh trong hội (Long hoa)*

***Thứ 6: Nhớ nghĩ duyên thiền định của Phật***

Phàm phu vọng tưởng điên đảo, chạy theo tình thức nên vọng chấp, sáu giặc cấu kết tổn hại, năm cõi lưu chuyển, dây nghiệp trói buộc không dứt, quả khổ khó thoát ra. Vì vậy Đại Thánh Từ Thị thương xót tùy cơ dẫn dắt về cõi thanh tịnh của Phật Di Đà, chiêm ngưỡng tướng thù thắng của Như Lai, khiến chuyên cần không biếng nhác, cung kính vui mừng, cúi mình chiêm ngưỡng, tùy theo tâm lớn nhỏ mà khiến cho giác ngộ. Thiện ác tùy tâm hướng theo hay chống lại mà thành. Gieo trồng nhân được thấy Phật, lúc lâm chung, tùy theo sự nhớ nghĩ mà hoan hỷ thọ sanh. Nếu không tu tập phước này, vô thường bỗng nhiên đến, tỉnh ra thì lo sợ, tâm lộ hoang mang nghiệp lành đã hết, chẳng biết nương tựa vào đâu, mắt mờ lòa theo nghiệp mà nhận chịu tai ương. Vì vậy gây tội tạo phước tuy cùng một chỗ, cùng một thân nhưng không như tu thiện được gặp Đức Phật, làm ác thì gặp tai ương. Nên kinh Hoa Nghiêm nói kệ:

*Thà chịu tất cả khổ*
*Để nghe âm thanh Phật*

*Không nhận mọi thứ vui*
*Mà chẳng nghe tên Phật.*
*Cho nên vô lượng kiếp*
*Nhận lấy các khổ não*
*Lưu chuyển trong sanh tử*
*Không nghe danh hiệu Phật.*

Lại kinh Vô Lượng Thọ dạy: Đức Phật bảo Bồ tát Di Lặc, giả sử trong thế giới Đại thiên đầy lửa lớn mà được nghe danh hiệu A Di Đà thì chắc rằng ngay trong đó được thoát khỏi, thế vẫn chưa phải là khó.

Lại trong kinh Quán Phật Tam Muội dạy: Bấy giờ Bồ tát Di Lặc bạch Phật: Bạch đức Thế tôn! Nguyện xin Ngài dũ lòng từ bi thương yêu tất cả, trong đời vị lai có nhiều chúng sanh tạo nghiệp bất thiện, Đức Phật không còn ở đời thì nương tựa vào đâu để diệt trừ tội lỗi?

Đáp: Đức Phật bảo Bồ tát Di Lặc: Sau khi Như Lai diệt độ, có chúng sanh vì không thấy Phật nên gây nhiều nghiệp ác. Những người như vậy phải nên chiêm ngưỡng tượng Phật. Nếu người chiêm ngưỡng tượng và thấy được thân Ta thì chẳng sai khác. Khi nói lời này chư Phật trong không trung ở mười phương đều khen ngợi: Lành thay! Hôm nay đã đúng thời, cẩn thận chớ nghi ngờ. Đức Phật bảo Bồ tát Di Lặc: Hôm nay, Như Lai vì năm thứ khổ của chúng sanh, Tỳ-kheo phạm giới, người tạo tội ác bất thiện, năm tội nghịch phỉ báng, làm mười việc ác luật nghi ở đời vị lai nên Ngài giảng thuyết phương pháp để trừ diệt tội.

Lúc ấy, tôn giả A Nan bạch Phật:

- Bạch đức Thế tôn! Vì sao Như Lai giảng thuyết về phương pháp diệt trừ tội lỗi.

Đức Phật bảo tôn giả A Nan:

- Như Ta ở đời, quy y Ta gọi là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Người nào chiêm ngưỡng tượng Phật, thì trước hết phải vào tháp Phật, dùng bột hương của cõi tịnh mà lau quét sạch sẽ, tùy theo năng lực đó mà đốt hương cúng dường tượng Phật tỏ bày những tội lỗi quá khứ lễ Phật sám hối. Điều phục tâm như vậy, trải qua từ một ngày cho đến bảy ngày, lại đến trong chúng lau quét phòng nhà cho chúng Tăng, quét dọn phân dơ, hướng về chúng Tăng lễ bái sám hối. Trải qua bảy ngày cúng dường như vậy tâm không mệt mỏi. Nếu người xuất gia nên trì tụng Tỳ ni thật lưu loát, hoặc người tại gia hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính Sư trưởng, rèn luyện tâm nhu hòa. Nếu tâm cứng cỏi thì ra sức chiết phục khiến tâm được hòa nhã. Tự mình an trú nơi thanh vắng xông đốt hương thơm lễ bái Đức Phật Thích Ca Văn và thưa: “Nam mô Đại đức! Thế

tôn đại bi là bậc Ứng chánh Biến tri đại Hòa thượng của con, xin Ngài đem lòng từ bậc Thánh che chở cho đệ tử.” Thưa xong năm vóc sát đất rơi lệ trước hình tượng, đứng dậy sửa y phục tề chỉnh, ngồi kiết già giữ niệm một chỗ. Ở trước đại chúng đặt tâm thẳng vào mũi, chú ý vào má đặt tâm ở tay chân, mỗi mỗi đều tùy theo tâm niệm mà trói buộc như vậy, chuyên chú đặt tâm tại một chỗ chớ để rong ruỗi tán loạn. Nếu tâm dao động thì đưa lưỡi lên vòm miệng, khép miệng, mở mắt, tréo tay ngồi ngay thẳng từ một ngày cho đến bảy ngày làm cho thân an ổn, sau đó tưởng niệm hình tượng.

Nếu người ưa thích quán ngược lại thì từ chân tay của hình tượng mà tuần tự ngưỡng quán, ban đầu quán chân, tay, cột tâm chuyên duyên vào năm ngón tay chân của Đức Phật trải qua một ngày cho đến bảy ngày, mở mắt thì thấy rõ ngón tay của Phật bằng vàng. Tiếp đến quán xét đến trên hai mu chân khiến cho thấy thật rõ ràng. Tiếp tục quán bắp tay, rồi đến tóc, từ tóc đến mặt, nếu không rõ thì tự mình chịu khó sách tấn sám hối. Do giới thanh tịnh nên thấy được diện của Ngài như gương vàng sáng thật rõ ràng phân minh. Quán như vậy rồi, quán tướng lông giữa chặn mày như ngọc pha lê xoay vòng bên phải. Khi thấy được tướng này thì thấy được mắt và lông mi của Phật, như thợ vẽ tranh cõi trời. Thấy như vậy rồi thì lần lượt quán hào quang trên đỉnh đầu khiến cho rõ ràng. Quán các tướng như vậy gọi là quán nghịch.

Nếu người nào ưa thích quán thuận, thì từ các búi tóc trên đỉnh đầu của Phật giống như tơ màu đen mềm mại xoáy tròn về phía phải. Tiếp nữa quán diện Ngài và quán toàn thân trên, rồi quán xuống chân, cứ như vậy đến mười bốn lần. Quán xét thật kỹ một hình tượng thật rõ ràng, quán một hình tượng thành tựu thì xả định hay nhập định đều thấy hình tượng phật ở trước hành giả. Thấy rõ một hình tượng rồi thì quán hai, đến ba cho đến mười hình tượng khiến thấy được rõ ràng. Quán rõ mười hình tượng xong lại quán cả nhà đầy hình tượng Phật không còn chỗ trống. Khi tưởng tượng Phật đầy cả nhà rồi thì tinh tấn đốt hương tung hoa, quét dọn chùa tháp, làm vệ sinh phòng chúng Tăng, cúng dường Thầy Tổ, cha mẹ..., rồi phát đại nguyện: Hôm nay con quán Phật, nguyện đem công đức này mong cầu Bồ đề Phật đạo chứ không mong cầu làm trời, người Thanh-văn, Duyên-giác. Phát nguyện rồi đến cầu đại thừa nên thường thực hành sám hối, cung thỉnh chư Phật tùy hỷ hồi hướng, thân ngồi ngay thẳng buộc niệm trước mặt, quán cảnh giới Phật, rộng lớn dần lên. Trong Tăng phòng đầy cả tượng Phật, thân bằng vàng cao một trượng sáu, dưới chân có hoa sen, viên quang (ánh

sáng trên đỉnh đầu) dài tám thước ánh sáng thấu suốt toàn thân và Đại chúng Phật giáo hóa, cùng người hầu Phật, ánh sáng các sắc sáng rực rõ ràng. Quán một Tăng phòng rồi quán rộng ra một khoảnh, cho đến một trăm khoảnh, rộng khắp cả trăm do tuần đều thấy rõ sáng tất cả tướng tốt của Phật tượng. Quán tượng này xong, rồi lại quán hình tượng Phật đầy cả Diêm-phù-đề và ba cõi trời bậc hạ cũng khắp đầy như vậy, nên thân tâm vui mừng càng tinh tấn gấp bội. Cung kính đảnh lễ mười hai bộ kinh, năm vóc sát đất thành tâm sám hối trước bộ kinh Bát-nhã-ba-la-mật. Niệm tưởng thành tựu rồi nhắm mắt bắt tréo tay ngay thẳng ngồi thiền định. Lại quán tưởng xa hơn, thấy tất cả tượng đầy khắp thế giới mười phương, thân toàn màu vàng. Khi thân cử động thì mỗi lỗ chân lông phóng ra ánh sáng, mỗi ánh sáng có trăm màu sắc tuyệt đẹp. Trong mỗi ánh sáng có vô lượng sắc khác nhau, cảnh giới vi diệu cũng từ đó phóng ra. Nhớ tưởng như vậy thành tựu gọi là quán tượng Phật đứng. Hành giả nào quán tưởng như vậy thì diệt trừ được tội sanh tử trong sáu mươi ức kiếp cũng gọi là thấy Phật. Ở trong đời vị lai sẽ gặp ngàn vị Phật trong Hiền kiếp, đã từng làm Hòa thượng, ở trong pháp Phật lần lượt xuất gia, nghe Đức Phật giảng pháp, nhớ nghĩ không quên, được ở chỗ hào quang của Phật trong kiếp Tinh tú, hiện tại được thọ ký. Tâm cứng cỏi mà quán tưởng tượng Phật mà còn được vô lượng công đức như vậy, huống nữa buộc niệm để quán ánh sáng tướng lông trắng giữa chặn mày của Phật.

Bấy giờ, Thế tôn lại thuyết pháp tượng ngồi cho chúng sanh. Tưởng niệm hình tượng ngồi trên hoa sen báu. Khi quán tưởng các tượng ngồi, mặt đất tự nhiên xuất hiện ánh sáng trắng lớn, như lưu ly trong sáng dễ mến. Ở giữa các luồng ánh sáng trắng có vô lượng vị Bồ tát , trắng như núi tuyết. Quán tưởng trên mỗi lỗ chân lông xuất hiện một vị Bồ tát, trong lỗ chân lông hiện ra ánh sáng màu vàng. Ánh sáng rất mạnh chiếu khắp thế giới mười phương đều trở thành màu vàng. Nếu có chúng sanh quán tượng ngồi này thì sẽ diệt trừ được tội của sanh tử trong năm trăm ức kiếp. Ở đời vị sẽ gặp được ngàn vị Phật ở Hiền kiếp, ở trong kiếp Tinh tú gặp được chư Phật, đầy khắp mười phương. Mỗi một chỗ Phật thọ trì lời Phật, thân tâm an ổn hoàn toàn không lầm lẫn. Mỗi một Thế Tôn hiện tiền thọ ký trải qua số kiếp không thể tính đếm được thành Phật.

Lúc ấy, chư Phật bảo A Nan: Nếu có chúng sanh quán hình tượng Phật ngồi, thì sẽ quán thấy hình tượng Phật đi, hành giả quán tượng thấy khắp thế giới mười phương cả trên hư không và mặt đất đều là tượng

Phật đi. Thấy mỗi tượng từ ngồi đứng dậy. Mỗi tượng đứng dậy thì có năm trăm ức hoa báu, trong mỗi hoa báu có vô số ánh sáng, trong mỗi ánh sáng có vô số chư Phật hóa thân, tùy theo tâm nhớ nghĩ mà hiện ra. Tùy mỗi hóa thân Phật phát ra ánh màu vàng, soi chiếu hành giả. Khi thân hành giả nhập vào trong định thì tự thấy trong thân có ba mươi sáu vật bất tịnh hiện ra. Khi các vật bất tịnh hiện ra thì nhanh chóng diệt trừ. Đó là quán bất tịnh. Từ tham ái sanh hư dối không thật, dùng pháp quán này để biến những bất tịnh thành ngọc trắng. Tự thấy thân mình như ngọc trắng, trong và ngoài bình đều rỗng không. Khi quán như vậy thì giống uống thuốc tốt, chớ làm thân hư hoại. Thỉnh các tượng đi dùng tay xoa đầu, phóng ánh sáng chiếu khắp thân mình, lúc đó hành giả tự thấy thân mình như màu vàng. Phép quán tưởng này xong, ra khỏi thiền định, vui vẻ lễ lạy chư Phật, tu tập các công đức, hồi hướng đạo Bồ đề. Bấy giờ, chư Phật đồng âm, mỗi một đều vì hành giả mà thuyết pháp. Tuy chưa đắc đạo mà thấy nghe pháp Tổng trì của Phật không mất. Đây là Tam muội niệm Phật phàm phu. Chứng Tam muội này, trong một sát na được gặp chư Phật, thuyết pháp một ngày một đêm liền được thông suốt. Mỗi chư Phật đều quyết định dạy: Ông nhờ niệm Phật, nên trải qua kiếp Tinh tú được thành Phật, ánh sáng của thân với Ta không khác. Nói lời này rồi, tám mươi ức Đức Phật cùng phóng hào quang. Trong hào quang có vô lượng Phật hóa thân đều dạy bảo như vậy. Đức Phật bảo A Nan: Nếu người nào thành tựu môn Tam muội niệm Phật này thành tựu thì có năm nhân duyên: Một là giữ giới không phạm. Hai là không khởi tâm tà kiến. Ba là không sanh tâm kiêu mạn. Bốn là không sanh sân giận, ganh ghét. Năm là dõng mãnh tinh tấn. Hành giả thực hành năm điều này như cứu lửa trên đầu, chánh niệm chư Phật khiến tâm bất thoái, thường cúng dường chư Phật mười phương. Thế nào là cúng dường? Là người này lúc xuất định, vào trong tháp thấy tượng Phật. Khi đọc tụng kinh hay lễ lạy một Đức Phật thì thường nghĩ như vầy: Chư Phật Chánh Biến Tri tâm thanh tịnh, trí tuệ vô ngại, nay con lạy một vị Phật, chính là lễ tất cả chư Phật. Nếu nhớ nghĩ một vị Phật tức là thấy được tất cả chư Phật. Trước mỗi Đức Phật có một hành giả cúi đầu sát đất đảnh lễ, đều là thân mình. Nếu lúc dâng một bông hoa cúng dường Đức Phật nên nghĩ như vầy: Pháp thân chư Phật công đức vô lượng không trú, không hoại, tròn đầy vắng lặng thường an ổn, nay con dâng hoa cúng dường chư Phật, ngưỡng mong quý Ngài thọ nhận. Nghĩ như vậy rồi, lại khởi tưởng: Con hái hoa này dâng cúng là từ cỏ cây sanh ra, cúng dường tưởng nghĩ thì phải niệm: Tưởng về các lỗ chân

lông nơi thân, khiến mỗi lỗ hiện ra vô số mây hoa, khói hương biến khắp mười phương thế giới, để làm Phật sự rồi trở lại an trú ở đài vàng trước hành giả. Nếu người phàm phu muốn cúng dường nên chấp tay cung kính dâng hoa rồi, phải phát nguyện: Nguyện hương hoa này biến khắp mười phương, cúng dường tất cả chư Phật, hóa thân, Bồ tát và vô số chúng Thanh văn. Thọ nhận mây hoa hương này dùng làm đài ánh sáng, chiếu khắp vô số thế giới, làm vô lượng Phật sự. Mỗi lỗ chân lông hiện ra cờ phướn, vô lượng âm nhạc, gọi là y phục thượng hạng, trăm thứ thức ăn uống, mọi thứ cúng dường đều cùng pháp hiện tiền.

Đức Phật bảo A Nan: Chúng sanh ở đời vị lai, nếu có được Tam muội niệm Phật thì nên dạy cho họ bằng "Mật thân, khẩu, ý", chớ khởi tà kiến, phát sanh kiêu mạn, tà mạn và ngã mạn. Nên biết người này là Tăng thượng mạn, phá hoại pháp Phật khiến chúng sanh phát khởi tâm ác, rối loạn hòa hiệp Tăng bày ra những điều kỳ lạ làm mê hoặc, chúng là bạn của ma ác. Người xấu ác như vậy, tuy nhớ Phật mà mất đi vị cam lồ, người này sanh vào nơi kiêu căng ngã mạn, thân thường thấp nhỏ, sanh nơi thấp hèn, bần cùng khốn khổ, mọi thứ suy sụp, xây dựng cuộc đời bằng vô lượng nghiệp ác. Tất cả các nghiệp ác như vậy nên ngăn ngừa để không còn sanh khởi. Kệ:

*Pháp thân Không tướng*
*Thuyết giảng không lời*
*Tùy cơ ứng hiện*
*Nương niệm truyền lưu.*
*Thương người chìm đắm*
*Cửa vi diệu ấy*
*Khí, thức đồng cảm*
*Cứu giúp người mê.*
*Nước tám công đức*
*Cây bằng bảy báu*
*Chim đẹp trên hồ*
*Tiếng trong vang khắp.*
*Trống pháp tiếng chim*
*Gió ngừng dẫn đường*
*Cung phụng thưa nhỏ*
*Mộ pháp độ màu.*
*Vui thay Đâu suất*
*Từ Tôn xa vời*
*Ánh sáng tỏa khắp*

*Oai chứng tam thiên.*
*Hoa tiên phất phới*
*Bảo điện sấm chớp*
*Phước đức hiến dâng*
*Hợp công hồn lẽ.*
*Sắp xếp theo loại*
*Mong chẳng trái ngang*
*Tránh xa mộng trần*
*Lại giúp hữu tình.*
*Viết sách trao truyền*
*Trời cao đất rộng*
*Văn mà thiếu khuyết*
*Tâm thệ đâu hoại!*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 1)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 2

## THỨ HAI : KÍNH PHÁP

- Duyên thuật ý.
- Duyên thuyết pháp.
- Duyên nghe pháp.
- Duyên tiệm đốn.
- Duyên cầu pháp.
- Duyên cảm phước.
- Duyên báo ân.
- Duyên báng Phật.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Nghe là: Tịch diệt bất động, tức là không hình tượng, không lời nói, cảm ứng mà thông suốt, vì có tên gọi, có giáo pháp, một bài kệ bốn câu khó được nghe. Lửa ba ngàn dễ vào, thường tránh băng tuyết lạnh vào đêm, suốt đêm trắng sáng, một mình nơi vắng, tán tụng kinh điển, rũ bỏ áo cung điện, chữ nghĩa rõ ràng, lời nói lưu loát, từ ngữ mạch lạc, phù hợp tâm người, lợi ích chúng sanh, khéo làm cho những linh hồn Tu-đà-hoàn uẩn vui mừng, tinh thần sản khoái. Tu tập lâu ngày thuần thục, văn nghĩa rõ ràng, kính tâm đọc tụng chí thành, cảm ứng đến chỗ u tối khiến tin hiểu thọ trì một bài kệ phước đức rộng lớn sâu xa, viết chép một lời công đức muôn khiếp. Vì thế, Bồ tát Ca Diếp cúi đầu thọ nhận, Bồ tát... Tát-đà với tâm cung kính dù lột da mà vẫn thường không mất giọt máu. Đây là cửa sổ cam lồ ban đầu, đầy đủ các công đức vào đạo.

***Thứ 2: Duyên giảng pháp***

Pháp sư khi thăng tòa trước phải kính lễ Tam bảo, tự thanh tịnh tâm ý. Khi quán xét tìm chọn người, phải đầy đủ lòng từ bi, cứu độ chúng sanh, lợi ích muôn loài, sau đó mới giảng thuyết. Như trong kinh

Báo-ân dạy: Người nghe pháp mà ngồi, người thuyết pháp đứng không vì họ mà thuyết pháp. Người nghe tìm lỗi của người thuyết thì không nên vì họ mà thuyết pháp. Người nghe pháp y người không nương vào pháp, nương vào chữ mà không nương vào nghĩa, y vào kinh không liễu nghĩa mà không nương vào kinh liễu nghĩa, y vào thức mà không nương vào trí thì đều không nên vì họ mà thuyết pháp. Vì sao? Vì người này không cung kính chư Phật, Bồ tát và pháp thanh tịnh. Nếu cho rằng tôn trọng pháp thì người nghe pháp cũng sanh tâm cung kính, chuyên chú lắng nghe, lãnh thọ không sanh kiêu mạn. Đó là thuyết pháp thanh tịnh.

Lại trong luật Ngũ Phần dạy: Từ bỏ tâm tham, tâm không xem thường mình, thường đại chúng, không xem tâm phải thương yêu, tâm vui vẻ, tâm lợi ích, tâm không tán loạn. Bằng những tâm này mà thuyết giảng một bài kệ bốn câu mới khiến cho người hiểu rõ như thật, an lạc dài lâu, lợi ích vô lượng.

Lại trong kinh Niết bàn dạy: Nếu có người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng dạy mà chẳng đúng thời, chẳng đúng nơi chỗ, không mời thỉnh mà thuyết giảng, với tâm khinh mạn, coi thường người khác, tự khen ngợi mình, tùy ý thuyết giảng, hủy diệt pháp Phật, đến nỗi khiến vô lượng người bị rơi vào địa ngục. Những người như vậy là ác tri thức của chúng sanh.

Lại trong luật Thập tụng dạy: Có năm hạng người hỏi pháp đều không nên giảng thuyết: Một là hỏi thử. Hai là không nghi mà hỏi. Ba là không vì sám hối chỗ sai phạm mà hỏi. Bốn là không chấp nhận lời nói mà hỏi. Năm muốn gây khó nên hỏi vặn lại, tất cả đều không nên trả lời. Nếu đối với người thật có tâm tốt, nhưng không đủ tâm ý mà muốn phát sanh thiện, diệt trừ ác thì Pháp sư phải tùy theo căn cơ, dùng mọi phương pháp tùy theo sự mong cầu của họ mà thuyết giảng. Nếu tự mình chưa rõ, hay pháp còn nghi ngờ thì không nên giảng thuyết cho họ, sợ khiến lầm lẫn, mất đi sự truyền đạt, điều này bị tội.

Lại trong giới kinh Ưu-bà-tắc, Đức Phật dạy: Người an trú như pháp là làm lợi mình và người, người an trú không như pháp thì không được gọi là lợi mình lợi người. Người an trú như pháp có tám trí tuệ. Những gì là tám? Một là biết về pháp. Hai là biết về nghĩa. Ba là biết phải lúc. Bốn là trí tuệ biết đủ. Năm là biết mình và người. Sáu là biết mọi người. Bảy là biết nguồn gốc. Tám là biết tất cả. Người ấy đầy đủ tám trí như vậy. Lại có chỗ cho phải đủ mười sáu việc: Một là thuyết giảng đúng thời. Hai là một lòng giảng thuyết. Ba là thuyết theo thứ lớp.

Bốn là hòa hợp mà thuyết. Năm là tùy thuận nghĩa lý mà giảng thuyết. Sáu là vui thích giảng thuyết. Bảy là tùy ý giảng thuyết. Tám là không xem thường đại chúng mà thuyết. Chín là không quở trách đại chúng mà giảng thuyết. Mười là thuyết giảng như pháp. Mười một là giảng thuyết lợi mình lợi người. Mười hai thuyết giảng không tán loạn. Mười ba thuyết giảng hợp với nghĩa lý. Mười bốn thuyết giảng chơn chánh. Mười lăm thuyết giảng rồi không sanh kiêu mạn. Mười sáu thuyết giảng không mong cầu quả báo thế gian. Những vị như vậy thì có thể thọ nhận pháp từ họ.

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm dạy: Nếu có chúng sanh thực hành nghiệp thiện chơn chánh, giảng thuyết mật bài pháp kệ cho người tà kiến khiến cho họ có lòng tin với Phật, lúc mạng chung sanh về cõi trời Ứng-thanh, hưởng thọ các thú vui, từ cõi trời lại lui sụt, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển. Hoặc vì tài vật mà thuyết pháp cho người, không phải từ tâm lợi ích cho chúng sanh mà chỉ muốn vì tài vật, hoặc cho cơm rượu, cùng người nữ ăn uống, như kỹ nhi tự mua cầu tài vật. Thí pháp như vậy quả báo rất ít. Nếu sanh lên cõi trời mà trí tuệ như chim (thấp kém), có thể giảng thuyết đọc tụng kệ thì gọi là bố thí pháp bậc hạ. Thế nào là bố thí bậc trung? Vì được danh tiếng, vì hơn người khác, vì hơn hẳn pháp sư khác, vì người thuyết pháp với tâm ganh tỵ. Bố thí pháp như vậy được phước báo rất ít, sanh trong cõi trời, thọ nhận quả báo vừa, hoặc sanh trong loài người. Đó gọi là bố thí pháp bậc trung. Thế nào gọi là bố thí pháp bậc thượng? Dùng tâm thanh tịnh, vì muốn tăng trưởng trí tuệ cho chúng sanh mà thuyết giảng pháp chứ không vì tài lợi, khiến cho những chúng sanh tà kiến an trú trong chánh pháp. Bố thí pháp như vậy là lợi mình và người, là tối thắng Vô thượng cho đến Niết bàn, phước đức này không thể cùng tận. Đó là bố thí pháp bậc thượng.

Lại trong kinh Ca Diếp, Thế tôn nói kệ:

*Ba ngàn đại thiên cõi*
*Châu báu đầy trong đó*
*Dùng vật ấy bố thí*
*Chỉ được công đức ít.*
*Nếu thuyết một bài kệ*
*Công đức lại nhiều hơn*
*An vui của ba cõi*
*Thí hết cho một người*
*Không bằng thuyết bài kệ*
*Công đức thật to lớn*

*Phước đức này hơn kia*
*Xa lìa các khổ não.*
*Hoặc hằng sa thế giới*
*Châu báu đầy trong đó*
*Dâng cúng dường Như Lai*
*Không bằng thí bài pháp.*
*Thí báu phước tuy nhiều*
*Không bằng một bài pháp*
*Phước bài kệ hơn hẳn*
*Huống nhiều khó nghĩ bàn.*

Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa dạy: Người tại gia nên thực hành bố thí tài sản, người xuất gia nên bố thí pháp. Vì sao? Vì người tại gia bố thí pháp không bằng người xuất gia. Vì người nghe pháp với người tại gia thì ít phát lòng tin. Lại nữa, người tại gia có nhiều tài vật, người xuất gia đối với kinh pháp đọc tụng thông suốt, nên thuyết pháp cho người ở trong chúng không run sợ, người tại gia không thể sánh kịp. Lại nữa, muốn người nghe pháp phát tâm cung kính, không bằng người xuất gia, thuyết pháp điều phục tâm người cũng không bằng người xuất gia, như kệ:

*Trước tự tu tập pháp*
*Sau đó dạy bảo người*
*Mới có thể bảo rằng*
*Ông hành theo pháp ta.*
*Mình làm việc bất thiện*
*Bảo người khác làm thiện*
*Mình không được thanh tịnh*
*Sao khiến người được yên.*

Lại nữa, người tại gia nếu bố thí tài sản, thì bị chướng ngại các việc thiện khác, xa lìa nơi vắng lặng, đến xóm làng bàn bạc nhiều công việc với cư sĩ thì phát sanh ba độc. Đối với sáu độ tâm ý cạn cợt, cho đến tham đắm năm dục, xả giới hoàn tục, cho nên gọi là "Tử". Hoặc có thể phạm giới phát sanh tội nặng, đây gọi là tử. Các khổ nạn phiền não đều do những lý do trên, nên đối với người xuất gia thì khen ngợi bố thí pháp, đối với người tại gia nên ca ngợi bố thí tài sản.

Lại trong kinh Kim Cang Minh dạy: Người giảng thuyết pháp có năm việc: Một là bố thí pháp mà ta và người đều lợi ích, bố thí tài vật thì không phải như vậy; hai là bố thí pháp khiến cho chúng sanh thoát khỏi ba cõi, người bố thí tài vật thì không thoát khỏi cõi dục; ba là bố thí

pháp được lợi ích pháp thân, bố thí tài vậy thì nuôi dưỡng sắc thân; bốn là bố thí pháp lớn mạnh vô cùng, bố thí tài vật có ngày khô cạn; năm là bố thí pháp đoạn trừ được vô minh, bố thí tài vật chỉ điều phục được tâm tham. Vì thế nên biết bố thí tài vật không bằng bố thí pháp. Nếu thành tựu bố thí pháp thì tự mình có nền móng tiến lên, nếu có hiểu biết mà không cho người biết vì sợ người hơn mình chỉ giấu kín không giảng thì vị lai tự mình không được nghe pháp.

Lại theo luận Trí độ dạy: Nếu keo kiệt về pháp thì thường sanh chỗ quê mùa không có Phật pháp. Do ích kỷ pháp nên làm chướng ngại trí tuệ sáng suốt của người ấy. Điều này tức là không như bán pháp người khác mà ngược lại người khác lại hơn hẳn.

Lại trong kinh Chư Pháp Dõng Vương dạy: Trong cõi Diêm phù đề, nếu có chúng sanh đi trên hư không, trên đất liền hay dưới nước, tất cả được thân người, nếu có một người dạy các người này mà khiến cho họ an trú trong năm giới, mười điều thiện thì sẽ được các công đức mà không bằng có người giáo hóa một người làm cho người ấy được Tín, Hạnh.

Lại trong luận Tỳ-bà-sa dạy: Có bốn pháp làm trí tuệ lui sụt mà Bồ tát nên xa lìa. Những gì là bốn? Một là không kính pháp và người thuyết pháp. Hai là đối với pháp căn bản mà ích kỷ. Ba là người ưa thích pháp mà làm trở ngại, phá hoại tâm chí nghe pháp của họ. Bốn là thường kiêu mạn, tự cao khinh người. Lại có bốn pháp để đạt được trí tuệ phải thường tu tập: Một là cung kính pháp và người thuyết pháp. Hai là nghe và đọc tụng đúng như pháp, để thuyết pháp cho người, tâm luôn thanh tịnh không mong cầu lợi dưỡng. Ba là biết từ đa văn mà đắc trí tuệ, nên siêng năng mong cầu không ngừng nghỉ như cứu lửa trên đầu. Bốn là nghe và thọ trì đúng như pháp, không quên mất. Tôn trọng thực hành đúng như lời nói mà không trọng chỉ có nói.

***Thứ 3: là nhân duyên nghe pháp***

Phàm phu muốn nghe pháp, tâm cần chân thật, kính pháp, tôn trọng người, chí thành xuất ly không mong cầu pháp hữu vi trời, người. Trong kinh A-hàm Đức Phật nói kệ:

*Người nghe chánh tâm như khát uống*
*Nhất tâm thể nhập vào ngữ nghĩa*
*Nghe pháp lòng vui mừng thanh thản*
*Người như thế mới vì họ thuyết.*

Lại trong kinh Ưu-ba-tắc giới dạy: Khi nghe pháp từ người khác

phải đủ mười tám điều: Một là nghe đúng thời. Hai là thích nghe. Ba là chú tâm nghe. Bốn là cung kính nghe. Năm là nghe không tìm lỗi. Sáu là vì muốn bàn luận mà nghe. Bảy là không phải vì muốn hơn người mà nghe. Tám là lúc nghe không xem thường người thuyết. Chín là lúc nghe không xem nhẹ pháp. Mười là lúc nghe trọn không xem thường mình. Mười một là lúc nghe xa lìa năm sự ngăn che. Mười hai là lúc nghe vì để thọ trì đọc tụng. Mười ba là nghe để diệt trừ năm dục. Mười bốn là nghe để có đầy đủ niềm tin. Mười năm là nghe để điều phục chúng sanh. Mười sáu là nghe để diệt trừ các căn ngu tối. Này thiện nam tử! Người đầy đủ trí tuệ có thể thuyết pháp và nghe pháp. Người như vậy thì lợi mình, lợi người. Người không phải như thế thì chẳng được gọi như vậy.

Lại trong kinh A Dục Vương dạy: Xưa có vua A-thứ-già-na bảo Pháp sư đi thuyết pháp: Khi đi bộ bị các người nữ ngăn lại bảo thuyết pháp cho họ. Lúc ấy Pháp sư thuyết pháp cho người nữ thường thuyết về bố thí, trì giới và sự sanh thiên. Có một người nữ phạm một phần vương pháp, liền cởi khăn, đến trước Pháp sư thưa: Như Lai Đại Giác dưới cây Bồ đề, lúc giác ngộ các pháp, giác ngộ pháp bố thí, trì giới chăng hay còn giác ngộ gì nữa?

Pháp sư đáp: Đức Phật biết các pháp hữu lậu là khổ, như sắt bị mòn rỉ, khổ này từ nhân của tập mà sanh, giống như cây độc, phải tu Bát chánh đạo để diệt trừ khổ tập. Người nữ nghe như vậy liền chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, lấy dao đeo vào cổ, đến chỗ nhà vua tâu: Hôm nay, con phạm vương pháp nặng, xin vua dùng vương pháp trị con.

Nhà vua hỏi: Ngươi phạm việc gì?

Người nữ tâu: Chúng con phạm vương pháp, đã ngăn chặn Pháp sư, ví như bò khát nước, không tránh khỏi cái chết, con thật sự khao khát pháp Phật, nhờ vậy mà bỗng nhiên được nghe pháp.

Nhà vua hỏi: Khi nghe pháp ngươi lãnh thọ được gì?

Người nữ tâu: Thấy được bốn chân đế, hiểu rõ Ấm, Giới, Nhập và biết các Đại đều Vô ngã, nên liền đắc được pháp nhãn.

Nhà vua nghe tâu như vậy, rất vui mừng, làm lễ nói: Từ nay về sau, ta không làm điều gì mà chướng ngại người ưa thích nghe pháp. Ta cho phép trực tiếp đến gặp Pháp sư để nghe pháp. Lành thay! Trong cung ta xuất hiện người tôn quý. Vì nhân duyên này, nên mới biết nghe pháp được lợi ích.

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Bấy giờ, ở nước Bát-già-ca, đem năm trăm con nhạn trắng hiến cúng cho vua Ba-tư-nặc. Nhà vua

nhận, mang đến Tinh xá kỳ-hoàn. Đúng giờ chúng Tăng thọ trai, tất cả đều thọ trai xong, đàn nhạn thấy chúng Tăng nhóm họp trước Tinh xá, Đức Phật dùng một thứ tiếng thuyết pháp, chúng sanh đều hiểu rõ. Lúc ấy, đàn nhạn cũng hiểu tiếng nói của Phật, nên nghe pháp rất vui mừng, chúng kêu nhau trở về hồ nước, rũ lông vỗ cánh bay đến nơi khác. Người thợ săn dùng lưới vây bủa giết chúng, một con nhạn kêu lên, thì tất cả đồng kêu. Những âm thanh ấy, nghĩa là lúc nghe pháp nhờ tâm lành này nên sanh vào cõi trời Đao lợi. Sống trong pháp sanh cõi trời, có ba niệm: Một là nhớ nghĩ xưa từ đâu đến? Hai là nghĩ thiền định sanh về đâu? Ba là nghĩ về kiếp trước làm việc gì mà sanh lên cõi trời? Tự suy nghĩ, ngày trước đã không làm việc thiện nào, chỉ đến bên Phật và chúng Tăng nghe pháp. Nghĩ như thế rồi, lúc ấy năm trăm Thiên tử liền hạ xuống, đến bên Như lai. Đức Phật vì họ mà thuyết pháp khiến cho tất cả đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Vua Ba-tư-nặc vừa đến chỗ Phật, thường thấy năm trăm con nhạn xưa kia la liệt trước Đức Phật hôm nay không thấy liền hỏi Phật: Đàn nhạn trong này đã bay đi đâu?

Đức Phật bảo: Người muốn biết đàn nhạn trúoc kia đã bay đi ở nơi khác, là vì bị thợ săn giết chết, nên sanh vào cõi trời. Năm trăm vị Thiên tử đó, hôm nay đội mão trời tốt đẹp, thật chỉnh tề, nghe pháp đều đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Nhà vua thưa: Đàn nhạn này do nghiệp duyên gì mà bị rơi vào súc sanh, lúc chết được sanh lên cõi trời, ngày nay đã đắc đạo.

Đức Phật dạy: Xưa kia, thời Đức Phật Ca Diếp có năm trăm người nữ, đều đã thọ giới, do giữ tâm không vẫn nên đã hủy phạm giới, do phạm giới nên rơi vào súc sanh, làm thân chim nhạn. Vì có thọ giới nên được đến nghe pháp của Như Lai mà đắc đạo. Do nhân duyên nghe pháp của chim nhạn mà được sanh lên cõi trời.

Lại trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ dạy: Xưa có một vị Sa-môn đêm ngày tụng kinh, có một con chó nằm dưới giường chú tâm nghe kinh, không nghĩ chuyện ăn uống. Cứ nhiều năm như vậy, lúc chết được làm thân người, sống trong nước Xá-vệ, làm người nữ lớn tuổi. Khi thấy vị Sa-môn khất thực, liền mang thức ăn vui vẻ dâng cúng vị ấy, về sau làm vị Tỳ-kheo ni chứng đắc đạo quả. Lại trong kinh Phó-pháp-tạng dạy: Đức Phật bảo tất cả chúng sanh: Muốn ra khỏi biển lớn sanh tử của ba cõi, chắc chắn phải nương vào thuyền pháp mới được qua khỏi. Pháp là trong mát để diệt trừ nóng bức của phiền não, pháp là thuốc nhiệm mầu diệt được bịnh trói buộc, pháp là thiện tri thức chân thật của chúng sanh, là lợi ích lớn, cứu vớt các khổ não. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh tâm

tánh vô thường, tùy theo chỗ huân tập nên nếu gần thiện thì lành, nếu gần ác thì ác. Nếu gần bạn ác thì gây nghiệp ác mà lưu chuyển trong sanh tử không giới hạn. Nếu gần bạn lành thì phát khởi đức tin cung kính, nghe và thọ trì pháp nhiệm mầu, chắc chắn xa lìa các khổ não trong ba cõi, do công này mà được an lạc tối thắng. Nhà vua nước Hoa-thị có một con voi trắng, có thể diệt trừ các địch oán thù. Nếu người phạm tội thì sai khiến voi giẫm chết. Sau đó, chuồng voi bị lửa cháy, nên dẫn voi đến gần chùa, nghe vị Tỳ-kheo tụng kệ kinh Pháp Cú: Làm thiện sanh thiện, làm ác đọa chốn sâu thẳm. Voi nghe pháp rồi, tâm liền nhu hòa, phát khởi lòng từ bi. Về sau, khi đưa người phạm tội đến, thì nó chỉ dùng mũi ngửi, lưỡi nếm rồi bỏ đi, chẳng ưa thích giết hại. Nhà vua thấy vậy rất kinh ngạc, liền triệu tập các quần thần kể lại việc này. Một vị thần có trí tuệ tâu vua: Con voi này gần chùa, chắc chắn nghe pháp vi diệu nên như vậy. Hôm nay, dẫn nó đến trói ở nơi lò mổ. Nhà vua cũng chấp nhận như vậy. Con voi khi thấy nơi giết hại nhiều, tâm ác càng hừng hực, tăng thêm sự tàn ác. Vì vậy, nên biết tất cả chúng sanh tâm tánh vô thường. Súc sanh nghe pháp còn sanh lòng từ như vậy, còn nếu thấy giết hại thì tâm ác tăng lên, huống gì con người mà không huân tập nhiễm ô. Vì vậy, người trí cần phải hiểu biết, thấy ác phải từ bỏ, thấy thiện nên gần gũi, siêng năng nghe kinh pháp.

Thuở xưa, có Bà-la-môn mang rất nhiều đầu lâu người đến thành Hoa-thị, quản cáo khắp nơi để bán, đã quá lâu mà chẳng có người mua. Lúc ấy, Bà-la-môn rất giận dữ la mắng lớn tiếng: Người ở thành nay ngu si mê mờ, nếu không mua đầu lâu của ta, thì ta sẽ gây ác lừng trời. Bấy giờ, trong thành có các Ưu-bà-tắc nghe la mắng lo sợ, liền đem tiền ra mua, dùng đôi vòng bằng đồng đeo tai đưa cho họ. Nếu người sáng suốt thì đưa ra giá cao, người bình thường thì trả giá thấp dần, còn người không sáng rõ thì hoàn toàn không trả giá nào. Bà-la-môn nói: Những đầu lâu này của ta đều giống nhau sao lại trả giá khác nhau? Ưu-bà-tắc nói: Người sáng suốt trước kia, khi sanh ra đã lãnh thọ pháp vi diệu, trí tuệ thù thắng, quý trọng đầu này nên trả giá cao như vậy. Người tuy nghe kinh pháp nhưng chưa phân biệt rõ điều thiện nên đưa ra giá thấp dần. Còn người hoàn toàn không không sáng là do người này trước kia chưa từng nghe pháp nên chẳng trả giá nào. Khi ấy, Ưu-bà-tắc mang đầu lâu đến ngoài thành xây tháp cúng dường. Sau khi qua đời, vị Ưu-bà-tắc này được sanh lên cõi trời. Do nhân duyên này nên biết pháp vi diệu có công đức rất lớn. Những Ưu-bà-tắc này do nghe pháp mà xây tháp cho đầu lâu, người để cúng dường mà còn được sanh lên cõi trời,

huống nữa chí tâm nghe thọ trì kinh pháp, cúng dường cung kính người thọ trì kinh, phước báo này khó cùng tận, trong vị lai nhất định chứng quả Vô thượng. Thế nên người trí muốn an vui Vô thượng thì phải chí tâm chuyên cầu nghe kinh pháp.

Lại trong kinh Hiền Ngu dạy: Xưa Đức Phật còn tại thế, trong nước Xá-vệ có trưởng giả Tu-đạt là vị thí chủ tôn kính Phật, Pháp, Tăng, nếu Tăng cần gì thì vị ấy đều cúng dường tất cả. Trong nhà Tu-đạt có hai chim Oanh vũ: Con thứ nhất tên Luật-đề, con thứ hai tên Xa-luật-đề tánh vốn sáng suốt, thông hiểu tiếng người. Khi thấy Tỳ-kheo đến, trước tiên bảo người trong nhà ra tiếp đón. Sau đó, khi tôn giả A Nan đến nhà, thấy chim thông minh sáng suốt nên giảng thuyết pháp bốn chân đế Khổ Tập Diệt Đạo. Hai con chim trên cây, trước cửa nghe pháp, bay lên trên cây vui mừng trì tụng. Ban đêm chúng trú trên cây bị chồn ăn, Do căn lành này nên được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Ở đó lúc thọ mạng kết thúc được sanh vào cõi trời Đao lợi. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời Dạ ma. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời Đâu suất. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời Hóa lạc thiên. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời thứ sáu Tha hóa tự tại. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời Hóa lạc. Cứ lần lượt như vậy, lại sanh đến cõi trời Tứ thiên vương. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời Tha hóa tự tại. Cứ lên xuống như vậy, trải qua bảy lần sanh vào cõi trời Lục dục tự mình hưởng thọ an lạc. Ở cõi trời thứ sáu, không ở cõi trời nào nữa, sau đó mạng chung làm người xuất gia tu đạo, chứng quả Bích-chi-phật, một vị tên là Đàm Ma (Đạt Ma), vị thứ hai là Tu Đàm Ma.

Lại trong kinh Hiền Ngu dạy: Xưa lúc Phật còn tại thế, có một Tỳ-kheo ở trong rừng tụng kinh, giọng rất hay. Lúc đó, có một con chim trên cây cung kính nghe pháp, nhưng sau đó nó bị thợ săn bắn chết. Nhờ căn lành nghe pháp này mà chim được sanh vào cõi trời Đao lợi, diện mạo đoan nghiêm, ánh sáng rực rỡ không ai sánh bằng, tự biết kiếp trước. Biết được nhân duyên nhờ nghe vị Tỳ-kheo tụng kinh và nghe pháp nên được sanh vào cõi này, liền đem hương hoa trời đến dâng cúng Tỳ-kheo và kính lễ thưa hỏi. Vị Tỳ-kheo hỏi đầy đủ mọi việc biết sự éo le ấy, nên bảo ngồi xuống thuyết pháp, chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi được quả vị rồi lại trở về cõi trời. Loài chim nghe pháp còn được phước vô lượng như vậy, huống nữa loài người. Nếu có đức tin nghe pháp thì sao không có quả báo tốt lành!

Lại trong luật Thiện Kiến dạy: Xưa kia lúc Đức Phật còn tại thế, đến bên hồ Ca-la nước Chiêm-ba-la thuyết pháp cho chúng sanh, Lúc

đó trong hồ có con hầu nhỏ, nghe âm thanh Đức Phật thuyết pháp bên hồ, liền ra khỏi hồ đến bãi cỏ nằm rạp xuống, nghe Phật thuyết pháp. Khi ấy, có người cầm roi chăn bò, nghe Đức Phật đang an tọa thuyết pháp cho chúng sanh, liền đến chỗ Phật. Vì muốn nghe pháp nên cầm roi chống xuống đất, vô tình trúng vào đầu con hầu, nó liền chết sanh lên cõi trời Đao lợi. Nhờ phước báo đó, nên sống trong cung điện diện tích hai mươi do tuần, cùng các Thiên nữ vui chơi khoái lạc. Lại từ cung điện đó cho đến chỗ Đức Phật cúi đầu lễ Phật sát đất. Ngài biết vậy nên hỏi: Đây là ai, bỗng nhiên lễ lạy dưới chân Ta mà ánh sáng thần thông sáng rực không gì bằng,chiếu khắp cả thế gian này? Vị trời hầu con liền dùng kệ thưa:

*Thuở xưa là thân hầu*
*Ở trong nước tìm ăn*
*Nghe tiếng Phật thuyết pháp*
*Bò lên cỏ nằm xuống.*
*Có một người chăn bò*
*Cầm roi đến nghe pháp*
*Mũi roi chích đầu con*
*Chết sanh lên cõi trời.*

Đức Phật dùng bài kệ của vị trời hầu mà thuyết pháp cho bốn chúng. Khi ấy trong chúng có tám vạn bốn ngàn người đều đắc Đạo, vị trời hầu chứng quả vị Tu-đà-hoàn mỉn cười mà đi.

***Thứ 4: Nhân duyên tiệm đốn***

Như trong kinh Bách Dụ dạy: Xưa kia có một xóm làng, cách thành vua năm do tuần, trong thôn xóm ấy, có nước rất trong mát. Nhà vua ra lệnh người trong thôn phải dâng nước trong lành đó lên vua. Người trong thôn khổ nhọc đều muốn tránh xa khỏi thôn này. Lúc đó vị trưởng thôn bảo với mọi người : Các ông chớ đi! Tôi sẽ vì các ông tâu lên vua, đổi năm do tuần thành ba do tuần, để các ông được gần hơn mà qua lại không khổ nhọc. Nói xong liền đến tâu vua như thế, nhà vua đổi lại còn ba do tuần, mọi người rất vui mừng. Có người nói: Trước là năm do tuần thì sau cũng không có gì khác cả. Mọi người khi nghe lời nói này nhưng vẫn tin vào lời của nhà vua, nên quyết định không đi. Người đời cũng vậy, tu tập chánh pháp, thoát khỏi năm đường hướng đến Niết bàn mà tâm sanh mệt mỏi liền muốn xả bỏ, mau chóng rơi vào đường sanh tử không thể tiến lên. Như Lai là vua của các pháp, có phương tiện vĩ đại ở nơi Nhất thừa mà phân biệt nói thành ba. Người Tiểu thừa nghe

(ba thừa) thì vui mừng, vì dễ thực hành, tu tập việc lành , siêng năng cầu phước mau thoát khỏi sanh tử. Lại nghe người nói không có ba thừa chỉ là một thừa, nhưng chỉ tin vào lời dạy của Như Lai nên quyết không xả bỏ, như người ở thôn kia cũng vậy.

***Lại trong kinh Hoa nghiêm dạy:***

Này Phật tử! Ví như mặt trời mọc, trước tiên chiếu tất cả các đỉnh núi vua lớn, tiếp đến chiếu soi tất cả núi lớn, rồi chiếu đến núi báu kim cang, sau đó mới chiêu cùng khắp đại địa. Ánh sáng mặt trời không tự nghĩ: Trước tiên ta nên chiếu đến đỉnh của các núi vua lớn, rồi cứ tuần tự chiếu khắp cả mặt đất, nhưng chỉ vì đất của các núi kia có cao thấp, nên ánh sáng chiếu đến có trước và sau. Như Lai bậc Ứng cúng đẳng Chánh giác cũng như vậy, thành tựu vầng mặt trời trí tuệ trong vô lượng vô biên pháp giới, nên thường phóng ra vô số ánh sáng trí tuệ vô ngại. Trước tiên chiếu đến đỉnh núi vua lớn chư Bồ tát, rồi chiếu đến các bậc Duyên giác, Thanh văn, và các chúng sanh đã có căn lành, tùy theo ứng thân mà thọ nhận sự giáo hóa, cuối cùng chiếu đến tất cả chúng sanh, cho đến người tà định, để làm lợi ích cho đời vị lai. Ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai không tự nghĩ : Trước tiên ta phải chiếu đến Bồ tát, rồi cuối cùng đến người tà định mà chỉ phóng ánh sáng của mặt trời trí tuệ chiếu cùng khắp tất cả.

Này Phật tử! Ví như mặt trời, mặt trăng xuất hiện ở thế gian, cho đến những núi sâu hang thẳm, không chỗ náo mà ánh sáng không chiếu đến. Mặt trời, mặt trăng trí tuệ Như Lai cũng vậy, soi khắp nơi, không chỗ náo mà không sáng tỏ, chỉ vì căn lành hiếm hoi của chúng sanh không đồng nên ánh sáng trí tuệ của Như Lai chiếu đến không đồng.

Lại trong kinh Niết bàn dạy: Người xa lìa bốn pháp mà được chứng Niết bàn, điều này không thể có. Những gì là bốn? Một là gần gũi bạn tốt. Hai là chuyên tâm nghe pháp. Ba là buộc niệm tư duy. Bốn đúng như pháp tu hành. Vì nghĩa lý này nên do nghe pháp mà được gần gũi Đại-bát Niết bàn. Vì sao? Vì trước khai mở mắt pháp. Trong đời có ba hạng người: Người thứ nhất không có mắt. Người thứ hai chỉ một mắt. Người thứ ba đủ hai mắt. Cho rằng, người không có mắt thường không nghe pháp. Người một mắt tuy tạm nghe pháp nhưng tâm họ không an trú. Người hai mắt là chuyên tâm nghe pháp, thọ trì đúng như vậy. Vì nghe pháp nên biết được thế gian, như vậy là ba người.

***Thứ 5: Nhân duyên cầu pháp***

Như trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Phật pháp rộng lớn, cứu độ vô

cùng, nếu chí tâm cầu đạo thì gặt hái được kết quả, cho đến cười đùa phước đức cũng không hao tổn. Như xưa có một Tỳ-kheo già, tuổi đã lớn, tinh thần lẩm cẩm, thấy các Tỳ-kheo nhỏ thuyết nhiều pháp, nghe nói về bốn quả vị, tâm quá mong muốn, bảo với Tỳ-kheo trẻ tuổi: Các thầy trí tuệ thông suốt, nguyện xin để cho tôi bốn quả. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi ngây ngô nói: Chúng tôi có bốn quả, cần được thức ăn ngon, nhưng về sau sẽ cùng chia. Lúc ấy Tỳ-kheo lớn tuổi nghe nói như vậy, vui mừng liền đưa đến các thức ăn ngon, mời các Tỳ-kheo trẻ tuổi để cầu xin bốn quả. Các Tỳ-kheo trẻ ăn thức ăn đó rồi, lại chỉ tay đùa cợt, với Tỳ-kheo già: Đại đức! Thầy hãy ngồi đầu ở một góc nhà này thì sẽ ban cho quả ấy. Bấy giờ Tỳ-kheo già nghe như vậy rất vui mừng nghe theo lời nói ấy mà ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ liền dùng quả cầu da đánh vào đầu Tỳ-kheo già nói: Đây là quả Tu-đà-hoàn. Vị Tỳ-kheo lớn tuổi nghe rồi buộc niệm, không tán loạn, liền chứng Sơ quả. Các Tỳ-kheo trẻ lại đùa cợt nói: Tuy đã cho thầy quả vị Tu-đà-hoàn nhưng ở quả vị này vẫn còn bảy lần sanh tử, thầy hãy lại ngồi một góc thì sẽ cho thầy quả vị Tư-đà-hàm kế tiếp. Bấy giờ vị Tỳ-kheo già đã được Sơ quả nên tâm tinh tấn càng tăng lại đến ngồi. Các thầy Tỳ-kheo trẻ lại dùng quả cầu da, đánh vào đầu và nói: Cho quả vị thứ hai. Lúc đó vị Tỳ-kheo già càng chuyên tâm, liền chứng quả vị thứ hai. Các Tỳ-kheo trẻ lại đùa cợt nói: Hôm nay, thầy đã đắc quả vị Tư-đà-hàm nhưng còn qua lại khổ nạn sanh tử, thầy lại đến ngồi tôi sẽ cho thầy quả vị A-na-hàm. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo già đến chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ lại dùng quả cầu da đánh vào đầu mà nói: Hôm nay, tôi sẽ cho quả vị thứ ba. Lúc đó vị Tỳ-kheo già nghe rất vui mừng, càng chí tâm gấp bội liền chứng quả A-na-hàm. Các Tỳ-kheo trẻ lại đùa giỡn nói: Hôm nay, thầy đã chứng quả Bất hoàn, nhưng còn ở trong cõi sắc và vô sắc, phải chịu thân hữu lậu, mỗi niệm vô thường, biến hoại luôn khổ, thầy hãy đến ngồi, tôi sẽ cho quả vị A-la-hán. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo già đến chỗ ngồi, các Tỳ-kheo trẻ lại dùng quả cầu da đánh vào đầu mà nói: Hôm nay, tôi cho thầy quả vị thứ tư. Lúc ấy vị Tỳ-kheo già nhất tâm tư duy, liền chứng quả vị A-la-hán. Chứng được bốn quả vị rồi, tâm thật vui mừng, làm các thức ăn ngon đủ loại, hương hoa mời các Tỳ-kheo trẻ, đến để báo đáp ân đức đó và cùng nhau bàn luận về công đức vô lậu của các quả vị. Những vị Tỳ-kheo trẻ nói lời lúng túng. Vị Tỳ-kheo già nói: Tôi đã chứng quả vị A-la-hán rồi. Các thầy Tỳ-kheo trẻ nghe vậy, đều cùng nhau xin sám hối tội lỗi đùa giỡn trước kia. Thế nên hành giả tu tập cần nên nhớ nghĩ điều lành, cho đến đùa giỡn cũng được phước báo chân thật, huống nữa chí tâm.

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Xưa có một người con gái, thông minh trí tuệ, có đức tin Tam bảo sâu xa, thường cung thỉnh Tăng chúng theo thứ tự. Có một vị Tỳ-kheo đến nhà cúng dường. Sau một thời gian có Tỳ-kheo lớn tuổi theo thứ lớp đến nhà cô gái. Tỳ-kheo lớn tuổi này căn tánh thấp kém, ít hiểu biết. Khi thọ trai xong cô gái chí tâm cần cầu thỉnh thầy thuyết pháp, trải tòa cúi đầu, ngồi nhắm mắt yên lặng. Vị Tỳ-kheo biết mình không thể thuyết giảng pháp được, bèn thừa cơ hội cô nhắm mắt bỏ chạy về chùa. Nhưng cô gái này cố tâm tư duy về Vô thường Khổ Không, sự chẳng tự tại của pháp Hữu vi. Với tâm quán sát thâm sâu, cô ta liền chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, đắc quả vị rồi, hướng đến chùa cầu tìm, muốn báo đáp ơn vị Tỳ-kheo. Nhưng vị Tỳ-kheo này thật không biết nên bỏ chạy đi nơi khác, tâm luôn xấu hổ gấp bội. Lại trốn vào chỗ kín mà không biết cô ấy khổ tâm tìm cầu. Tìm không được, vị Tỳ-kheo mới xuất hiện, cô gái thấy rồi liền trình bày đầy đủ những nhân duyên mê muội của thầy, nên đắc được đạo quả, dâng vật cúng dường báo ân. Vị Tỳ-kheo lớn tuổi nghe xong quá xấu hổ nên ra sức tự khắc phục những sai trái, sau cũng chứng được quả Tu-đà-hoàn. Vậy nên hành giả cần phải siêng năng chí tâm cần cầu giáo pháp. Nếu người chí tâm thì sự mong cầu chắc chắn thành tựu.

Lại trong kinh Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội dạy: Xa xưa ở đời quá khứ A-tăng kỳ kiếp, có một vị Tiên nhơn, tên là Tối Thắng, trú trong núi rừng đủ năm thần thông, thường tu tập tâm từ. Sau đó suy nghĩ: Không chỉ có tâm từ mới có thể cứu độ chúng sanh mà còn phải hiểu biết rộng mới có thể diệt trừ những tà kiến phiền não của chúng sanh mới phát sanh chánh kiến. Nghĩ như vậy, liền đi đến thành ấp xóm làng, tìm cầu thầy thuyết pháp khắp mọi nơi. Lúc đó, có vị Thiên ma đến bảo Tiên nhơn: Hôm nay, ta thuyết giảng một bài kệ của Đức Phật, nếu ông có thể lột da làm giấy, chích máu làm mực, chẻ xương làm bút, sao chép kệ này thì ta sẽ giảng thuyết cho ông. Vị Tiên nhơn Tối Thắng nghe như vậy, liền nghĩ: Ta ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp thường không dùng có việc gì vì người khác mà dứt bỏ để chịu khổ sở vô cùng đều không được lợi ích. Hôm nay, ta sẽ nhẹ nhàng xả bỏ thân giả tạm để được pháp vi diệu thì rất vui mừng, liền dùng dao bén lột da làm giấy, chích máu làm mực, chẻ xương làm bút, chấp tay hướng lên trời cầu xin thuyết kệ của Phật. Lúc ấy, Thiên ma thấy rồi, buồn rầu tiều tụy liền bỏ trốn đi. Vị Tiên nhơn thấy nói: Hôm nay, ta vì pháp mà không tiếc thân mạng lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, chích máu làm mực, chỉ vì chúng sanh nên nguyện chí thành không hư dối, thế giới phương khác

có lòng từ bi lớn, nếu có người thuyết pháp xin hiện trước mặt con. Khi đang cầu nguyện ở phương Đông cách đây ba mươi hai cõi, có cõi Phật tên Phổ Vô Cấu, cõi đó có Phật hiệu là Tịnh Danh Vương, bỗng đứng trước mặt Tiên nhơn, phóng hào quang lớn, chiếu sáng thân Tối thắng, những thống khổ liền được tiêu trừ, thân bình phục như thường. Đức Phật liền thuyết kinh Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội cho Tiên nhơn Tối Thắng, nghe pháp liền chứng Vô ngại biện. Đức Phật thuyết pháp rồi, thu lại không hiện nữa. Tiên nhơn Tối Thắng được biện tài, lại thuyết pháp vi diệu cho chúng sanh khiến vô lượng an trú vào đạo tam thừa. Trải qua một ngàn năm sau mới qua đời, sanh vào nước Phổ Vô Cấu của vua Tịnh nhân, do cung kính pháp nên nay thành Phật. Đức Phật bảo Tịnh Oai: Vị Tiên nhơn Tối-thắng xưa kia nay chính là thân Ta. Vì thế nên biết, nếu có người nào cung kính mong cầu pháp thì chư Phật vì người này mà không vào Niết bàn, pháp cũng không tiêu diệt. Tuy ở cõi khác nhưng thường gặp chư Phật được nghe chánh pháp.

Lại cho là: Khi có đạo thế tục học hành ít ỏi, nhận thức yếu kém, nghĩa là trí có hơn người nhưng muốn tu học mà không chuyên về nội điển, chỉ đam mê sách vở thế tục, kinh điển ngoại đạo, nên trong kinh Niết Bàn Đức Phật dạy: Có đệ tử Thanh-văn mê mờ phá giới, ưa tranh chấp bỏ mười hai bộ kinh, đọc tụng các sách vở thế tục, kinh điển ngoại đạo, biên chép cất giữ tất cả những vật bất tịnh, rồi cho rằng: Đó là lời Đức Phật dạy. Đây những người dùng gỗ Chiên đàn tốt đổi lấy gỗ tạp thường, dùng vàng đổi vật giống vàng hay đá, dùng bạc đổi thành bạch lạp, dùng lụa tốt đổi lấy vải thô, dùng nước cam lồ đổi nước độc hại.

Lại nữa, luận Bà-sa dạy: Như người quán sát mắt mặt trời không sáng tỏ, luận bàn theo sách vở ngoại đạo để tư duy tìm cầu thì khiến được tuệ nhãn chăng? Rõ như người quán sát mắt của mặt trăng thì sáng rõ. Khi luận bàn về pháp của Phật thì được mắt trí tuệ sáng tỏ, còn ngoại đạo tư duy tìm cầu về thế tục thì như đánh con khỉ chỉ xuất ra thứ bất tịnh. Nếu tư duy tìm cầu pháp Phật thì như luyện vàng ròng càng tôi luyện càng sáng.

Trong kinh Bồ Tát Thiện Giới dạy: Bồ tát không đọc tụng chánh kinh của Như Lai mà đọc tụng kinh sách của thế tục, lại đọc chú sớ thì bị tội mà không phạm giới, nếu vì bàn luận nghĩa để phá trừ tà kiến; nếu hai phần kinh Phật, một phần sách vở ngoại đạo. Vì sao? Vì biết sách của ngoại đạo thì hư dối, pháp Phật là chân thật. Vì muốn biết những việc ở đời nên không để người thế tục xem thường ngạo mạn nên dùng văn từ này để chứng minh. Nếu người học pháp Phật chỉ một mực tìm

cầu bên ngoài bỏ phế nội điển thì liền bị tội. Dẫu hiểu rõ nghĩa lý mà chỉ tạm tu hành và vì để điều phục ngoại đạo cũng còn nên xa lìa, tinh tấn tu tập thực hành giáo pháp để thắng vượt. Nếu đam mê nghiêng lệch một hướng thì hư hoại chánh pháp, nên trong luận Địa-trì dạy: Nếu Bồ tát đối với lời Phật dạy mà xả bỏ không tu, trái lại huân tập theo kinh điển, thế tục tà luận ngoại đạo. Đó gọi là phạm. Chúng sanh phạm nhiều là phạm do khởi tâm ô nhiễm, nếu người thông minh thì học tập nhanh chóng được trí tuệ không lay động. Mỗi ngày thường học pháp Phật hai phần, các sách ngoại đạo một phần. Đây gọi là không phạm. Nếu đối với sách vở tà giáo ngoại đạo của thế tục mà ưa thích, không xả bỏ ngay cả ý nghĩ. Đây gọi là phạm, chúng sanh phạm nhiều là phạm do khởi tâm ô nhiễm.

***Thứ 6: Cảm nhân duyên phước đức***

Như trong kinh Phổ-diệu dạy: Nếu có người hiền nghe kinh điển này, chấp tay tự quay về, tức đã xả bỏ tám việc biếng nhác vốn có thì thành tựu tám công đức. Những gì là tám? Một là sắc diện đoan chánh. Hai là được thế lực mạnh mẽ. Ba là quyến thuộc sum vầy. Bốn là đạt được vô lượng biện tài. Năm là học tập nhanh chóng và được xuất gia. Sáu là tu hành thanh tịnh. Bảy là chứng được định Tam muội. Tám là được trí tuệ thông minh, suốt thấu tất cả. Nếu có Pháp sư thì trải tòa đọc tụng kinh này sẽ được tám tòa phước. Những gì là tám? Một là được tòa Trưởng giả. Hai được tòa của vua Chuyển luân. Ba là được tòa của Thiên-đế. Bốn là được tòa của Tự-tại-thiên. Năm là được tòa của A-la-hán. Sáu là được tòa của Bồ tát. Bảy là được tòa của Như lai. Tám là được tòa của vị Chuyển pháp luân cứu độ tất cả chúng sanh. Nếu có Pháp sư tuyên dương pháp này mà khen ngợi: Lành thay! Sẽ được tám hành thanh tịnh. Những gì là tám? Một là lời nói và việc làm tương ứng không trái nhau. Hai miệng nói chân thật không hư dối. Ba là đối với chúng Tăng thành thật không lừa dối. Bốn là lời nói được người tin nhận không từ bỏ. Năm là lời nói nhu hòa không thô lỗ hung ác. Sáu là tiếng nói hòa nhã như tiếng chim phượng ngọt ngào. Bảy là thân tâm tùy thời, âm thanh như Phạm thiên, mọi người trong chúng lắng nghe chứ không nói chuyện. Tám là âm vang như Đức Phật làm vừa lòng chúng sanh. Nếu có viết chép kinh điển thì được tám kho tàng lớn. Những gì là tám? Một là được cả kho tàng ý chưa từng quên mất. Hai là được kho tàng tâm, hiểu rõ phân minh tất cả kinh pháp. Ba là được qua lại khắp trong kho tàng, hiểu rõ tất cả kinh pháp chư Phật. Bốn là được kho tàng tổng

trì, nên những điều được nghe đều có thể hiểu và nhớ. Năm là được kho tàng biện tài, để giảng thuyết kinh pháp cho chúng sanh, khiến cho họ đều vui vẻ thọ nhận. Sáu là được kho tàng pháp thâm sâu, hộ trì chánh pháp. Bảy là được kho tàng pháp đạo ý, chưa từng đoạn dứt giáo pháp Tam bảo. Tám là được kho tàng phụng hành pháp, liền thấu đạt nhẫn vô sở tùng sanh.

Lại kinh Độ Vô Cực Tập dạy: Xưa có một Tỳ-kheo tinh tấn giữ gìn pháp, thích đọc tụng kinh Bát-nhã-ba-la-mật, mọi người nghe đều vui thích. Có một trẻ nhỏ khoảng bảy tuổi, ở ngoài thành chăn dê, từ xa nghe tiếng tụng kinh của Tỳ-kheo liền đến tinh xá lễ bái, nghe lời kinh đó đang nói về sắc, không, nghe xong liền ngộ giải, liền hỏi vị Tỳ-kheo:

Vị Tỳ-kheo đáp: Chẳng thể.

Tiểu nhi vì Tỳ-kheo mà thuyết giải nghĩa này, việc này thật hiếm thấy. Tiểu nhi thật khác thường, trí tuệ phi phàm. Lúc ấy, tiểu nhi liền chạy theo đàn bò xuống núi, gặp một con hổ đã sát hại cậu bé. Sau khi qua đời sanh vào nhà trưởng giả, phu nhân mang thai, thường siêng năng tụng kinh Bát-nhã-ba-la-mật từ sáng đến đầu đêm. Trưởng giả thấy phu nhân khác thường nên cho là bệnh ma quỷ. Khi ấy, có Tỳ-kheo đến nhà, nghe tiếng tụng liền rất vui mừng và bảo: Đây chẳng phải là bệnh ma quỷ mà là tụng kinh Phật. Phu nhân ra lễ bái, vị Tỳ-kheo thuyết pháp cho phu nhân, các nghi nạn khó hiểu đã được giải thích tường tận, chúng tăng vui mừng. Khi đã đủ ngày tháng sanh được một nam nhi, vừa chào đời liền quỳ gối, chấp tay, giảng thuyết kinh Ba-la-mật. Phu nhân sanh rồi trở lại như xưa. Vị Tỳ-kheo bảo: Đây là đệ tử chân chánh của Phật, hãy nuôi dưỡng bảo vệ cho tốt, đứa trẻ này sau khi lớn sẽ làm thầy tất cả mọi người. Chúng ta cũng đều sẽ thọ nhận lời dạy của vị này. Khi đứa trẻ được bảy tuổi pháp đạo hoàn hảo hơn hẳn mọi người, trí tuệ vô biên, ngộ gải kinh điển. Cậu bé thường đến các nơi để giáo hóa mọi người. Nhà trưởng giả có đến năm trăm người, lớn nhỏ đều theo vị ấy học tập, tám vạn bốn ngàn người đều phát tâm đạo vô thượng Chánh giác và năm trăm vị Tỳ-kheo nghe thuyết pháp đều hiểu rõ, diệt trừ hết lậu, mong cầu Đại thừa chứng đắc pháp nhãn thanh tịnh. Vị ấy lúc đó nay chính là thân Ta, Tỳ-kheo chính là Phật Ca Diếp.

Trong kinh Xá Lợi Phất Xứ Thai dạy: Thân mẫu của Xá Lợi Phất lúc mang thai rất thông minh. Sách cao Tăng truyện dạy: Thân mẫu của ngài La Thập lúc mang thai cũng rất thông minh, trước đó đã tụng cả ngàn bài kệ, lúc mang thai, mỗi ngày đã tụng hai ngàn bài kệ, mới

thành quả vị Tu-đà-hoàn, sau đó mới chứng đắc quả Tư-đà-hàm.

Trong kinh Như Thắng Thiên vương dạy: Nếu có Pháp sư nào lưu truyền kinh này ở đâu thì nơi đó là chỗ thành đạo của Như lai. Đối với Pháp sư đó phải xem như thiện tri thức,cung kính như Phật, thấy Pháp sư này phải tôn trọng, cung kính, vui mừng tán thán. Lại nói, nếu Ta ở đời một kiếp hay chưa đến một kiếp mà thuyết giảng thông kinh này thì công đức không thể cùng tận , đây là nơi hành đạo của Pháp sư này.

Này thiện nam, thiện nữ! Hãy nên chích máu rưới xuống đất để bụi trần không tung bay, cúng dường như vậy cũng chưa phải là nhiều. Pháp vi diệu của Như Lai mới khó có thể thọ trì.

Như kinh Niết bàn dạy: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe tên kinh này mà sanh trong bốn đường ác thì không có điều đó xảy ra. Nếu có chúng sanh chỉ một lần nghe kinh thì có thể diệt trừ các tội báo ác nghiệp Vô gián. Lại nói, nếu có chúng sanh chỉ một lần nghe kinh, về sau bảy kiếp cũng không rơi vào đường ác. Lại nói nếu có thể biết Như Lai thường trú không biến đổi, hoặc nghe hai tiếng thường trú, hoặc một lần nghe kinh liền sanh lên cõi trời. Sau khi được giải thoát mới chứng biết được Như Lai thường trú không biến đổi.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Nếu nghe một câu kệ mà chưa từng nghe pháp vẫn được trân báu tốt đẹp trong ba ngàn đại thiên thế giới. Bồ tát nghe được một bài kệ chánh pháp mà sanh tưởng về tài sản vô thượng thì được quả vị thù thắng vua Chuyển luân Thánh vương.

Lại kinh Pháp Hoa dạy: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh Pháp Hoa hoặc đọc tụng giảng thuyết hay biên chép thì người ấy sẽ được tám trăm công đức nơi mắt, một ngàn hai trăm công đức nơi tai, tám trăm công đức nơi mũi, một ngàn hai trăm công đức lưỡi, tám trăm công đức nơi thân, một ngàn hai trăm công đức nơi ý.

Kinh Niết bàn dạy: Sau khi Ta nhập Niết bàn, nếu có người nghe kinh điển Đại thừa vi diệu này mà phát sanh tâm tin kính, phải biết người này ở trong muôn ngàn ức kiếp đời vị lai không rơi vào đường ác. Lại nói, nếu có người nào đối với một hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác mà không hủy báng pháp này, ưa thích kinh điển nhưng không thể giảng thuyết phân biệt cho người khác. Nếu có người đối với hai hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vẫn không hủy báng pháp này, hiểu nghĩa chân chánh, ưa thích thọ trì đọc tụng cũng không thể giảng thuyết cho người khác. Nếu có ai đối với ba hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vẫn không hủy báng pháp này, cho đến sao chép

kinh điển, chỉ vì người khác thuyết giảng nhưng chưa hiểu sâu nghĩa lý. Nếu có người đối với bốn hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vẫn không hủy báng pháp này, cho đến sao chép kinh điển, chỉ vì người khác giảng thuyết nghĩa lý một trong mười sáu phần. Nếu có người đối với bốn hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vì người giảng thuyết nghĩa lý tám trong mười sáu phần. Nếu có người đối với sáu hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vì người mà giảng thuyết nghĩa lý mười hai phần trong mười sáu phần. Nếu có người đối với bảy hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vì người mà giảng thuyết nghĩa lý mười bốn trong mười sáu phần. Nếu có người đối với tám hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, cho đến có thể ở trong đường ác sao chép kinh điển, khuyến khích người khác biên chép, tự mình lãnh thọ, dạy bảo người khác khiến cho họ hiểu rõ như pháp mà tu hành thọ trì, thì có thể thông tỏ tất cả nghĩa lý kinh điển.

***Thứ 7: Duyên báo ân***

Trong kinh Thiện-cung-kính dạy, Đức Phật bảo A Nan: Nếu có người nghe bài kệ bốn câu từ người khác hoặc sao chép trên tre lụa tất cả danh tự thì người ấy ở trong bao nhiêu kiếp đều được làm Hòa thượng, A-xà-lê gánh vác trọng trách. Hoặc gặp thời ngang trái, hoặc đảm nhận công việc để làm, lại đem tất cả nhạc cụ để cúng dường thầy. Những việc làm như vậy tự mình còn không thể báo ân đầy đủ. Nếu đời vị lai, đối với Hòa thượng mà tâm không cung kính, thường xét tìm lỗi. Ta cho rằng người đó ngu si sẽ chịu nhiều khổ não, ở đời vị lai chắc chắn rơi vào đường ác. Vì thế A Nan! Ta thường dạy các thầy nên thực hành cung kính, tôn trọng thì sẽ được pháp tối thắng như vậy, đó là tôn kính pháp sâu xa Tam bảo.

Kinh Phạm-võng dạy: Nếu là Phật tử mà thấy Pháp sư Đại thừa cùng gặp, cùng đi đến tăng phòng, thôn xóm, hoặc đến từ trăm dặm liền ngàn dặm phải tiếp đón đưa rước, lễ bái cúng dường, mỗi ngày dâng cúng ba thời. Giả sử mỗi ngày mất hết hai ba lạng vàng cho đến trăm vị thức ăn uống, giường nằm để cúng dường pháp sư, tất cả cần phải cúng dường đầy đủ, thường thỉnh Pháp sư thuyết giảng ba thời; Mỗi ngày lễ bái ba lần vẫn không sân giận, bực tức nhờ pháp diệt trừ, tự mình thỉnh pháp, nếu không như vậy phạm tội khinh cấu.

Trong kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ trì sáu giới trọng, nghe có nơi giảng pháp cách bốn mươi dặm mà không đến nghe

thì phạm tội thất ý.

Lại kinh Đại Phương Đẳng Đà-la-ni dạy, Đức Phật bảo A Nan: Nếu có cha mẹ, vợ con, mà không cho người này đến đạo tràng thì người ấy đến trước cha mẹ đốt hương, quỳ gối chấp tay thưa: Hôm nay, con muốn đến đạo tràng, xin cha mẹ thương tưởng cho phép, cũng nên tùy thời thuyết pháp cần phải thưa thỉnh ba lần. Nếu không được chấp nhận thì người này vào trong phòng yên tĩnh, suy nghĩ, đọc tụng thọ trì kinh điển. Lại kinh Chánh-pháp-niệm dạy: Nếu người cúng dường Pháp sư thuyết pháp, nên biết người ấy cúng dường Thế tôn ở hiện tại. Người như thế, tùy theo sự cúng dường mà nguyện cầu được thành tựu, chứng đắc quả Bồ-đề, do cúng dường pháp sư. Tại sao nhờ nghe pháp mà tâm được điều phục? Vì điều phục nên đoạn trừ mê mờ lưu chuyển, nếu xa lìa sự nghe pháp thì không có pháp nào điều phục tâm.

Kinh Thắng Tư Duy dạy: Nếu không tạo nghiệp tội hay phước, không gây nghiệp vô động, đó là cúng dường Đức Phật.

Kinh HoaThủ dạy: Nếu đem những thứ hương hoa, y áo, thức ăn, thuốc thang cúng dường chư Phật thì không gọi là cúng dường chân thật. Ngồi đạo tràng của Như lai, đắc pháp vi diệu, tùy theo năng lực tu học gọi là cúng dường chân thật, nói kệ:

*Nếu đem bột hương hoa*
*Y phục và thuốc thang*
*Để cúng dường chư Phật*
*Không gọi cúng chân thật.*
*Ngồi đạo tràng Như Lai*
*Đắc được pháp vi diệu*
*Người có thể tu tập*
*Cúng dường Phật chân thật.*

Luận Thập Trụ Bà Sa dạy: Đức Phật bảo A Nan: Trời mưa hương hoa không gọi là cúng dường tôn kính Như lai. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nhất tâm không buông lung, gần gũi tu tập pháp của bậc Thánh. Đó là cúng dường Phật chân thật.

Kinh Bảo Vân dạy: Không nên đem tài sản cúng dường Đức Phật. Vì sao? Vì pháp thân Đức Phật không nhận những tài vật cúng dường, chỉ dùng pháp thí mới là cúng dường Phật, vì Phật đạo mà dùng pháp cúng dường là pháp cúng dường tối đệ nhất.

Kinh Thiện Cung Kính, Đức Phật dạy: Nếu Tỳ-kheo tuy có tuổi hạ, nhưng không thể ở chỗ vắng lặng, không hiểu rõ một câu pháp, vị ấy phải y chỉ người khác. Vì sao? Vì mình còn không hiểu huống nữa muốn

làm thầy cho người khác y chỉ. Giả sử Tỳ-kheo lớn đã được trăm tuổi hạ mà không thông rõ việc của Sa-môn, không tường tận pháp luật thì cũng phải thuyết y chỉ. Nếu có Tỳ-kheo lãnh thọ pháp của người, nên ở một bên vị thầy ấy cần khởi lòng cung kính tôn trọng. Khi muốn lãnh thọ pháp phải đến trước thầy, không được đùa cười xem thường, không được để bày răng, không được cùng đi, không được nhìn chân, không được động chân, không được giẫm đạp, thầy không hỏi thì chớ tiếp lời, thầy có sai bảo điều gì không được trái lời, chớ nhìn vào mặt thầy, phải cách thầy ba khuỷu tay, thầy bảo ngồi mới ngồi chớ trái lời thầy dạy, đối với thầy nên khởi tâm cung kính. Nếu có việc gì nghi ngờ nên thưa trước hỏi, nếu thầy cho phép sau đó mới thưa thỉnh, phải biết một ngày ba lần đến hầu thăm. Nếu trong ba thời gian không đến thăm hỏi thì thầy nên như pháp trị tội, đến thăm thầy không thấy thì nên cầm một viên đất, hay một nhánh cây, hay một ngọn cỏ để làm chứng. Nếu thấy thầy ở trong phòng tu học thì nên phát tâm nhiễu quanh phòng ba vòng, hướng về thầy đảnh lễ, rồi trở về, nếu không thấy thầy, việc chúng phải dừng, ngoại trừ đại tiểu tiện. Lại nữa, đệ tử trước thầy không được nói lời thô, thầy có quở trách cũng nên im lặng. Nếu thầy ngồi, nằm thì trước nên lau chùi sạch sẽ, không còn rận rệp... Nếu khi thầy ngồi nằm cho đến lúc đứng dậy, đệ tử tu tập, đọc tụng. Khi có người khác đến tham học từ phương Đông đến thầy, khéo biết đúng thời nhiều lần đến bên thầy thưa hỏi những việc cần: Con nên làm những gì? Lại nữa, đệ tử trước thầy không được khạc nhổ, nếu vào chùa nên cung kính thầy, chớ dùng ca sa phủ kín vai, không được trùm kín đầu. Khi trời nắng mỗi ngày hầu quạt thầy ba lần, ba lần dâng nước thầy tắm rửa, ba lần dâng nước mát để uống. Thầy có việc Phật sự nên đem hết năng lực phụ giúp thầy. Đức Phật bảo A Nan: Nếu đời vị lai có các Tỳ-kheo, ở với thầy mà không cung kính, lại nói những điều hay tật xấu của thầy, thì người này chẳng phải là vị Tu-đà-hoàn, cũng chẳng phải là phàm phu, người ngu si này cần phải trị phạt. Thầy thật sự có lầm lỡ cũng không được nói, huống nữa không có. Nếu có Tỳ-kheo bên thầy mà không cung kính, Ta cho rằng sẽ rơi vào một địa ngục nhỏ riêng gọi là Chùy phát, ở đó làm một thân có bốn đầu, thân thể như thế, tướng trạng như đống lửa phát ra, lửa mạnh dữ dội không dứt, rồi trở lại như cũ. Ở địa ngục này lại có nhiều côn trùng, gọi là Câu chủy, các loại trùng độc hại đó thường ăn bằng lưỡi. Khi người ngu đó từ bỏ thân này sanh làm súc sanh, là do từ xưa đã hủy nhục thầy, tội lỗi của lưỡi nên thường bị ăn phân dơ. Khi xả bỏ thân này, tuy sanh vào cõi đời thường ở nơi quê mùa, đầy dẫy pháp

xấu ác. Tuy làm thân người mà da dẻ không giống người, không đầy đủ hình sắc của người, thường bị xem thường chê bai, nhục mạ, xa lìa Phật Thế tôn, không có trí tuệ. Từ đây mà chết lại rơi vào địa ngục càng bị vô lượng, vô biên hình phạt khổ não.

***Thứ 8: Duyên hủy báng pháp***

Nghĩ về đời mạt pháp, con người thường chạy theo sự sai lầm, đạo tục lẫn lộn, những sai lầm và chân thật trà trộn lẫn nhau, không tu tập nội điển, chuyên đọc kinh thế tục, dẫu có sao chép mà tâm chẳng tha thiết, đã không giữ gìn sự trong lắng mà lại gây ra nhiều sai lầm, cùng nhau ngủ nghỉ, hoặc ở nơi cửa hiên nhà, mưa gió côn trùng cắn rỉa cũng không kinh sợ. Cứ trải qua công sức như thế mà chẳng có công đức linh nghiệm gì, đọc tụng mà chẳng có lợi ích cứu khổ, thật là do làm mà không ân cần, cũng do nhân, ngã, kiêu mạn. Trong kinh Kính Lễ dạy: Này thiện nam! Trải qua pháp sanh sống là quan trọng thứ hai không được đảo lộn, nếu vậy thì trong năm trăm đời bị rơi vào chỗ mê mờ tối tăm, không được nghe chánh pháp.

Kinh Đại Tập dạy: Nếu có chúng sanh ở đời quá khứ tạo các nghiệp ác, hoặc phá hủy giáo pháp, hay chê bai Thánh nhơn, làm chướng ngại đối với người thuyết pháp, hoặc sao chép kinh pháp mà bỏ mất văn từ chữ nghĩa, hoặc làm tổn hoại pháp khác, hoặc giấu kín kinh khác. Do tạo các duyên này, hôm nay bị quả báo mù.

Kinh Đại Bát Nhã Đức Phật dạy: Này các thiện nam, thiện nữ! Nếu khi ghi chép kinh Bát-nhã-ba-la-mật-đa sâu xa mà hiện tướng nhăn nhó, ngáp, cười đùa không đứng đắn, cùng nhau xem thường, thân tâm náo động rối loạn, câu văn lẫn lộn, nghĩa lý mù mờ chẳng tăng thêm pháp vị, bất chợt phát khởi viết chép cũng không xong, phải biết đây là ma sự của Bồ tát.

Kinh Đại Thừa Liên Hoa dạy: Thọ trì cấm giới của Phật mà tương lai không hộ trì, mỗi lời nói của Ta, đối với pháp Đại thừa cũng như đêm tối, mỗi một đều tự nói: Ta được pháp Phật, thế mà chịu khổ ở địa ngục Thiết-thương. Sự việc này khó nói được, từ khi ra khỏi địa ngục lại làm người mù điếc câm ngọng, không thấy Chánh pháp.

Luận A Nan thỉnh giới luật dạy: Tăng ni, cư sĩ do đọc tụng Kinh Luật Luận, tay cầm kinh sách mà nói năng thì phạm tội trọng Đốt-cát-la dựa theo số năm của cõi trời Đao lợi mà nhận chịu quả báo trong hai ức năm, đọa vào loài hươu nai, thường bị thống khổ khốc liệt gấp bội, khó nhẫn chịu. Khi cầm kinh luật luận nói cười không ghi nhớ cũng chịu

quả báo như trước. Hoặc đặt kinh tượng trong phòng, trước hiên giảng đường phạm tội Đột-cát-la tám trăm năm theo số năm ở cung trời Đao lợi chịu quả báo trong hai ức năm, đọa vào loài heo chó. Nếu được sanh làm người trong một ức năm thường làm khách thay đổi mãi không được tự do.

Kinh Đại Phẩm dạy: Người chê bai Nhất thiết trí chư Phật trong ba đời, phát khởi, tích tập các nhân duyên, nghiệp phá hoại Phật pháp nên bị đọa vào địa ngục lớn trong vô lượng trăm nghìn vạn ức năm, những người hủy hoại Chánh pháp này từ trong địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác. Nếu khi kiếp hỏa sanh khởi thì lại đến địa ngục phương khác, từ địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác mà sanh sống trong đó. Nếu khi kiếp hỏa phát khởi lại đến sống ở địa ngục ở phương khác. Từ địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác, cứ lưu chuyển mãi trong các địa ngục mười phương. Ở đó nếu gặp kiếp hỏa sanh khởi thì khi chết rồi nhưng nghiệp nhân duyên phá chánh pháp vẫn chưa chấm dứt, lại đến sống trong địa ngục lớn, từ địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác chịu vô lượng khổ. Ở trong kiếp hỏa sanh khởi lại sanh vào súc sanh ở khắp mọi nơi để chịu khổ do tội phá hoại Phật pháp. Như đã nói, trong địa ngục trọng tội lưu chuyển khắp nơi, hoặc được làm thân người nhưng sanh nhà mù lòa của kẻ Chiên-đà-la, hay sanh vào nhà quá nghèo làm vệ sinh nhà xí, hay khiên vác xác chết, hoặc sanh ra không có mắt, một mắt, mắt hư, không có lưỡi, không có tai, không có tay, sanh vào những nơi không có Phật, Pháp và đệ tử của Phật. Vì sao? Vì đã tích chứa sâu dày chủng tử nghiệp phá hoại chánh pháp.

Kinh Niết Bàn dạy: Nếu có ai không tin kinh điển thì hiện đời bị vô lượng tật bịnh khổ não dày vò, chịu sự hủy nhục của mọi người. Sau khi chết, bị mọi người xem thường, nhan sắc xấu xí, tài sản ít ỏi, thường không đầy đủ, tuy được một tí sơ sài nhưng bị xấu ác che lấp, luôn ở nhà bần cùng hà tiện, tà kiến hủy báng chánh pháp. Khi chết gặp cảnh loạn lạc đao binh nổi lên, vua chúa bạo ác, oan gia đối đầu, hiềm khích khổ sở, tuy có bạn lành nhưng chẳng gặp gỡ, tiền của sanh sống cầu mãi không đủ, tuy được chút ít lợi ích nhưng thường bị đói khát, chỉ được những người dưới quan tâm. Quốc vương đại thần tuyển chọn người không kể tuổi tác, giả sử nghe người đó giảng thuyết thì hoàn toàn không tin tưởng thọ trì. Người như thế, giống chim bị gãy cánh không thể bay được. Cũng vậy, người này ở đời vị lai, không thể sống những nơi tốt đẹp của trời người. Nếu có người có thể tin hiểu kinh điển Đại thừa, vốn đã chịu hình dáng thô xấu, nhưng nhờ công đức tin kinh liền

sanh đoan chánh, nhan sắc diện mạo ngày càng tăng thêm, được trời người thích ngắm nhìn, kính thương yêu mến, quốc vương đại thần và quyến thuộc nghe nói đến người này cũng đều thương yêu. Hoặc nghe trong số đệ tử của Ta muốn làm việc hiếm có đệ nhất nên vì mọi người giảng rõ về kinh đại thừa như vậy.

Này thiện nam! Giống như sương mai tuy muốn tồn tại nhưng không còn lại khi mặt trời xuất hiện. Mặt trời lên đều tan hoại tất cả. Thiện nam, chúng sanh tạo các nghiệp ác cũng như vậy, năng lực người đời không thể vượt qua để thấy được mặt trời Đại Niết bàn. Mặt trời này mọc thì sẽ làm tiêu trừ các nghiệp ác. Kinh Pháp Hoa dạy: Khi Đức Phật còn tại thế hay sau khi Ngài diệt độ, có người phỉ báng kinh điển như vầy: Thấy người đọc tụng trì kinh mà xem thường, ganh tị sanh oán kết, tội báo của người này nay ông sẽ được nghe: Người ấy lúc chết, vào địa ngục A-tỳ hết trọn một kiếp rồi sanh lại trong đó, cứ lần lượt như thế đến vô số kiếp, ra khỏi địa ngục lại rơi vào súc sanh trong vô lượng kiếp như cát sông hằng, sanh làm người các căn không đủ, mù, điếc, câm, ngọng. Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất, người hủy báng kinh này, nếu nói tội một kiếp cũng không cùng, kệ dạy:

*Sáng nghe, tin được vui*
*Chiều chết vẫn không buồn*
*Thấy Không liền thanh thản*
*Há rửa sạch tối tăm.*
*Rưới máu thiện khó tìm*
*Đốt thân đâu dễ thấy*
*Trôi nổi như bọt sóng*
*Soi khắp nơi tối tăm.*
*Chim hồng đến an vui*
*Mỗi lần chim thay lông*
*Chưa từng vui hộp quý*
*Sau đó vui pháp loạn.*
*Tam tạng rất khó hiểu*
*Ba kỳ chưa ngừng nghĩ*
*Mình chẳng sửa tâm uế*
*Đâu gặp được chân như.*

****

## THỨ BA: KÍNH TĂNG

- Duyên thuật ý.
- Duyên thuận ích.
- Duyên vi tổn.

***Thứ 1: Duyên thuật ý***

Luận về Tăng bảo, nghĩa là giữ gìn cấm giới chân chánh đầy đủ, oai nghi khác đời, làm mẫu mực cho người đời phát tâm, bỏ đời kiến lập chánh pháp hưng thịnh, tâm ý không bị dao động, không nhớ đến bà con, hoằng dương đạo pháp, báo đáp bốn ân, nuôi dưỡng công đức để làm tươi tốt ba cõi, vượt hẳn trời người không xem trọng vàng ngọc, gọi là Tăng.

Biết được, Tăng bảo là lợi ích không thể tính kể, nên trong kinh dạy: Dẫu người trì giới hay phá giới, già hay trẻ đều nên cung kính, không được xem thường, nếu trái lời dạy này thì phạm tội nặng. Như Phật Thích-ca là Phật bảo, từ kim khẩu thuyết pháp, về giáo lý Hạnh quả là chân pháp bảo, đắc quả Sa-môn là Tăng bảo, khiến cho mọi người một lần chiêm ngưỡng, một lần kính lễ, vạn khổ lụy đều tan biến. Một lần tán thán, một lần xưng danh hiệu thì ngàn tai họa tiêu tan. Tự nghĩ mình ít phước không gặp được sự giáo hóa chân chánh. Lại nhờ vào sự dấu tích còn lại, may mắn được sự che chở của vàng(đỏ lạt), đồng đỏ đậm, vải đen, cỏ đỏ son, làm dung mạo cho bậc Thánh, gọi là Phật bảo. Dùng bút tre viết trên lụa tơ, những lời dạy sâu kín, gọi là Pháp bảo. Cạo tóc mặc áo hoại sắc, cầm giữ ứng khí, gọi là Tăng bảo. Ba loại thể tướng này tuy giả nhưng dùng để làm biểu tượng chân chánh, cung kính Tam bảo tồn tại mãi mãi, nếu xem thường thì chịu nhiều quả báo khổ não, như cây gần mẹ, kính lễ còn lưu lại hơn ngàn đời. Phàm chẳng phải Thánh Tăng, kính lễ tức sáng suốt quá vạn kiếp. Ngọn gió ấy, thổi đến xa gần đều theo, hàm thức tối tăm, thần thức hung ác, phóng đãng lầm lạc sẽ chiêu cảm tội lỗi to lớn. Đã phát tâm xuất gia, tuân theo quy tắc sửa đổi những tật xấu. Vả lại như kính lễ nói: Người đời thì không lễ bái, vì mất lễ kính đâu đồng nhau, người bỏ thế tục, thân mang áo giáp nhẫn nhục mà luồn cúi người đời, lý ấy chẳng thể! Tam bảo đã đồng nghĩa nên cung kính, không thể tuân thủ thiên lệch Phật, Pháp mà xả bỏ Tăng ni, nên pháp không tự nó hoằng truyền mà phải từ người truyền bá. Người có thể truyền đạo thì cần phải nghiêm túc cung kính.

***Thứ 2: Duyên thuận theo lợi ích***

Trong kinh Phạm Võng dạy: Pháp của người xuất gia không nên lễ bái quốc vương, cha me, bà con cũng không nên kính lễ quỷ thần.

Lại trong kinh Niết Bàn dạy: Người xuất gia không nên lễ kính người tại gia.

Trong luật Tứ Phần dạy: Đức Phật bảo: Các Tỳ kheo lớn hay nhỏ đều nên thứ tự lễ bái mà không được lễ bái cư sĩ.

Trong kinh Phật Bổn Hạnh dạy: Vua Du-đầu-đà và trăm quân thần tiếp theo thứ lớp kính lễ Phật. Đức Phật dạy: Hôm nay, Trẫm có thể đảnh lễ Tỳ kheo Ưu-ba-ly và các Tỳ-kheo khác. Vua nghe Phật dạy liền đứng dậy thứ tự đảnh lễ năm trăm vị Tỳ-kheo mới xuất gia.

Trong kinh Tát-giá-ni-càn dạy: Nếu hủy báng pháp Thanh văn, Bích chi Phật, Đại thừa và làm khó dễ người thì phạm tội thô ác. Lại trong luận Thuận-chánh-lý dạy: Chúng thiên thần không dám mong cầu nhận sự lễ bái của người thọ năm giới, như quan thần, vua cũng không mong cầu sự lễ bái của Tỳ-kheo, vì sợ tổn giảm công đức và mạng sống.

Lại trong kinh Niết-bàn dạy, Phật bảo Ca Diếp: Nếu có người nào xây dựng hộ trì chánh pháp thì nên thưa thỉnh xả bỏ thân mạng cúng dường người ấy. Như Ta đã giảng thuyết trong kinh Đại thừa:

*Có người hiểu pháp*
*Hoặc già hoặc trẻ*
*Phải nên cúng dường*
*Cung kính lễ bái.*
*Như Bà la môn*
*Kính thờ thần lửa*
*Có người hiểu pháp*
*Hoặc già hoặc trẻ*
*Phải nên cúng dường.*
*Cung kính lễ bái*
*Cũng như chư thiên*
*Phụng sự Đế thích.*

Tôn giả Ca Diếp bạch Phật: Nếu có Trưởng lão giữ gìn cấm giới, theo người trẻ tuổi đến thưa hỏi mà chưa hiểu thì người này làm sao đáng kính lễ, nếu phải kính lễ thì không gọi là trì giới. Nếu có người trẻ tuổi giữ gìn cấm giới, nếu các vị lớn đến hỏi mà không hiểu,thì người ấy đáng kính lễ không? Nếu người xuất gia theo người tại gia hỏi mà không hiểu thì nên kính lễ không? Nhưng người xuất gia không nên

kính lễ người tại gia. Trong pháp của Phật, người trẻ tuổi, thơ ấu, nên cung kính các bậc trưởng lão. Do các vị trưởng lão này trước đã thọ giới Cụ túc, đầy đủ oai nghi cho nên phải cung kính cúng dường.

Trong kinh A-hàm dạy: Thế nào là Tỳ kheo biết hơn người? Tỳ kheo biết có hai hạng, người có tin hiểu và không có niềm tin. Nếu người có niềm tin thì thù thắng, người không tin thì không như vậy. Nghĩa là người tin hiểu có hai loại: Số người đến gặp Tỳ-kheo và số người không đến gặp. Số người đến gặp Tỳ-kheo thì thù thắng hơn còn số không đến gặp Tỳ kheo thì không như vậy. Số người đến gặp Tỳ kheo có hai loại là kính lễ Tỳ-kheo và không kính lễ Tỳ-kheo. Nếu kính lễ Ty-kheo thì hơn hẳn, còn không kính lễ Tỳ-kheo thì không như vậy. Kính lễ Tỳ kheo có hai loại là hạng hỏi kinh và không hỏi kinh, nếu có hỏi kinh thì thắng vượt , còn không hỏi kinh thì không như vậy.

Lại trong kinh Cụ Tạp Thí Dụ dạy: Thuở xưa, có quốc vương ra khỏi thành, mỗi khi thấy Sa-môn liền xuống xe lễ bái. Sa-môn thưa:

Tâu đại vương! Xin Đại vương chỉ ngừng mà không xuống xe.

Nhà vua trả lời: Ta lên chứ không xuống, sở dĩ nói lên mà không xuống là hôm nay ta vì Sa-môn đảnh lễ,sau khi băng hà sẽ sanh lên cõi trời cho nên nói lên mà không xuống.

Trong luật Thiện Kiến dạy: Vua Du Đầu Đàn Na lễ Phật xong thưa Đức Phật: Ngày nay, ta có ba lần đảnh lễ Như lai. Một là khi Ngài mới ra đời, A-di đoán tướng: Nếu Ngài ở đời sẽ làm Chuyển luân thánh vương. Nếu xuất gia học đạo chắc chắn thành Phật, khi ấy quả đất rung động, ta thấy năng lực thần thông liền đảnh lễ. Thứ hai, khi ta đi du ngoạn có người đang cày ruộng lúc Bồ-tát ở dưới cây Diêm phù, vào buổi trưa mặt trời dừng ở ngọn cây mà không di chuyển che thân Bồ tát, ta thấy thần lực ấy, liền đảnh lễ. Thứ ba, hôm nay thỉnh Phật đến nước ta, Ngài bay lên hư không hóa thành mười tám thân như thần lực điều phục ngoại đạo không khác, liền đảnh lễ.

Trong kinh A Hàm dạy: Lúc ấy Thế tôn bảo các Tỳ-kheo, Ở đời quá khứ, Thích đề hoàn nhơn mỗi khi vào rừng du ngoạn thì bảo người hầu chuẩn bị một ngàn xe ngựa, chuẩn bị xong chỉ vua mới biết. Khi ấy, trời Đế-thích hiện xuống điện Thường thắng, quay về hướng Đông chấp tay đảnh lễ. Bấy giờ, người hầu thấy kinh hoàng run sợ nên roi ngựa rơi xuống đất, Đế-thích thấy vậy nói kệ:

*Ông đâu quỷ mà sợ*
*Roi ngựa rơi xuống đất*
*Người hầu dùng kệ thưa Đế-thích:*

*Thấy vua trời Đế-thích.*
*Mà xả bỏ danh tiếng*
*Cho nên sanh lo sợ*
*Roi ngựa rơi xuống đất*
*Thường thấy trời Đế-thích.*
*Tất cả các đại địa*
*Vua lớn nhỏ trời người*
*Và bốn vua cứu đời*
*Cõi trời ba mươi ba.*
*Tất cả đều kính lễ*
*Bậc tôn quí ở đâu*
*Đế-thích đều tôn quí*
*Hôm nay hướng phía Đông*
*Chấp tay cung kính lễ.*
*Bấy giờ Đế-thích dùng kệ trả lời:*
*Ta ở trong tất cả*
*Vua lớn nhỏ thế gian*
*Và bốn vua hộ thế*
*Cõi trời ba mươi ba*
*Tôn chủ ấy đệ nhất*
*Nên đều đến kính lễ.*
*Mà ở trong thế gian*
*Tùy thuận bậc Chánh giác*
*Hiệu là Mãn-đại-sư*
*Nên ta cúi đầu lễ.*
*Người hầu lại thưa:*
*Người hẳn hơn thế gian*
*Làm cho trời Đế thích*
*Cung kính mà chấp tay*
*Hướng Đông cúi đầu lễ*
*Nay ta cũng kính lễ*
*Cung kính bậc vua trời.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Trời Đế-thích đó là vua Tự tại, lại còn cung kính Phật, Tỳ-kheo các ông xuất gia học đạo cũng cung kính Đức Phật như vậy. Vua trời Đế thích đó bỏ đi danh tiếng, cung kính tán thán và lễ bái Pháp Tăng. Các ông đã có thể phát lòng tin chơn chánh xuất gia học đạo, cũng phải kính tin Pháp, Tăng như thế.

Bấy giờ, trời Đế-thích từ điện Thường thắng đi xuống, hướng khắp

các phương, chấp tay cung kính. Khi ấy người hầu thấy trời Đế-thích từ điện Thường thắng bước xuống đến trong sân, hướng đến các phương chấp tay cung kính. Người hầu thấy run sợ, liền rơi roi ngựa xuống đất nói kệ:

*Đâu là Kiều-thi-ca*
*Lại chẳng phải xuất gia*
*Vì ta nói nghĩa này*
*Khao khát muốn được nghe*
*Khi ấy, trời Đế-thích nói kệ đáp:*
*Ta tôn kính vị ấy*
*Người chẳng phải xuất gia*
*Tự tại đến các phương*
*Không kể đi hay nghỉ.*
*Xóm làng khắp đất nước*
*Tâm không bị trói buộc*
*Không cất chứa tài sản*
*Đi không trú một nơi.*
*Đến thì không mong cầu*
*Chỉ Vô vi là vui*
*Nói thì nói lời thiện*
*Không nói thì tịch định.*
*Chư thiên A-tu-la*
*Mội một trái nghịch nhau*
*Người đời tự tranh chấp*
*Thường chống trái như vậy.*
*Chỉ có người xuất gia*
*Ở nơi tranh không dành*
*Với tất cả chúng sanh*
*Bỏ hết dao và gậy*
*Xa lìa tài cùng sắc*
*Không say cũng không mê*
*Trừ bỏ tất cả ác*
*Nên kính lễ vị ấy.*
*Khi ấy người hầu liền nói kệ:*
*Kính lễ của vua trời*
*Là hơn hẳn thế gian*
*Ta từ nay trở đi*
*Nên kính người xuất gia.*

Trong kinh A-dục vương dạy: Xưa có vua A-thứ-già thấy Sa-di bảy tuổi ở chỗ vắng liền đến lễ bái, bảo với Sa-di: Ta chẳng hướng đến người đời mà chỉ kính lễ ông. Khi ấy, trước mặt Sa-di có một phòng tắm, Sa-di liền vào trong đó, rồi đi ra mà nói: Vua cẩn thận, chớ hướng đến Sa-di phàm tục này đang từ phòng tắm ra. Vua liền bảo Sa-di: Ta đang nói với người, không được lẩn tránh, những điều này trong kinh đều dạy: Sa-di tuy nhỏ cũng không nên xem thường, con vua tuy nhỏ cũng không nên xem thường. Rồng con tuy nhỏ cũng không nên xem thường, Sa-di tuy nhỏ nhưng có thể độ người. Con vua tuy nhỏ nhưng có thể giết người. Rồng con tuy nhỏ nhưng có thể tụ mây làm cho mưa tuôn sấm chớp sét đánh. Đối với những việc nhỏ cũng không nên xem thường.

Trong kinh Phó Pháp Tạng dạy: Sau khi Phật nhập Niết bàn một trăm năm, có vua A-dục thường kính tin Tam bảo, hay mở đại hội chiêu đãi. Đến ngày đại hội, nhà vua xông hương, tắm rửa, mặc áo mới sạch đẹp lên lầu cao, hướng về bốn phương cung thỉnh Chúng Tăng từ xa. Chúng Tăng bay đến hai mươi vạn. Lòng tin sâu xa của vua khó lường, thấy các Sa-môn hoặc già, trẻ, phàm, thánh đều tiếp đón thưa hỏi cung kính đảnh lễ. Lúc ấy, có vị thần Dạ-xa, tà kiến lớn, không có lòng tin kính, thấy vua lễ bái cho rằng: Vua thật vô trí, từ khước phước đức quí báu của mình mà đảnh lễ trẻ nhỏ. Vua nghe rồi liền bảo các thần: Mỗi người phải tìm kiếm giết một trăm con thú và một đầu người, còn bảo Dạ-xa chỉ tìm một đầu người, nếu ai đủ thì đem ra chợ bán. Mọi người thấy đầu người của Dạ-xa thì khinh chê không mua, qua mấy ngày bị thối hôi, họ thấy vậy cùng nhau nhục mạ: Hôm nay, ông chẳng phải Chiên-đà-la mà là Dạ-xoa, La sát, vì sao đem đầu người chết đi bán? Bấy giờ Dạ-xa bị nhục mạ, liền đến chỗ vua thưa: Thần bán đầu người lại bị nhục mạ thần, không muốn thấy huống nữa là mua. Vua lại bảo, nếu không có người mua thì chỉ đem cho không. Dạ-xa vâng lời lại đem ra chợ kêu gọi mọi người: Hôm nay, người nào không có tiền mua thì ta cho không, người ở trong chợ nghe lại nhục mạ thêm, không chịu nhận, Dạ-xa xấu hổ trở về chỗ vua chấp tay thưa: Đầu này khó bán, cho không cũng không nhận, lại bị mắng nhiếc huống nữa có người mua!

Vua hỏi Dạ-xa:Vật gì quí báu nhất?

Dạ-xa trả lời: Người là quí nhất.

Vua nói: Nếu quí sao không bán được.

Dạ-xa trả lời: Người sống thì quí còn chết rồi thì thấp hèn.

Vua hỏi Dạ-xa: Đầu của ta nếu chết có giống đầu ấy không?

Dạ-xa kinh hoàng run sợ không dám trả lời.

Vua liền bảo: Ông chớ sợ,cho phép ông trả lời như thật.

Dạ-xa cố gượng lên trả lời: Đầu vua khi chết cũng giống như vậy.

Vua bảo: Đầu của ta khi chết nếu giống như vậy thì sao ông lại quở trách ta kính lễ chúng Tăng? Nếu ông là thiện tri thức chơn thật của ta thì nên khuyến khích Ta đổi đầu mong manh để được kiên cố, sao hôm nay ông lại ngăn cản ta lễ bái?

Khi đó, Dạ-xa nghe vua nói như vậy liền tự hối hận thầm trách và hứa sẽ sửa bỏ tà thành chánh, qui kính Tam bảo. Do nhân duyên này, chúng sanh nghe được thì khi thấy Tam bảo nên chí tâm lễ bái

***Thứ 3: Duyên chống trái***

Như trong kinh Tượng pháp quyết nghi dạy: Tất cả người thế tục, không kể giàu nghèo, không được đánh đập Tam bảo, nô tì, súc sanh và không thọ nhận sự lễ bái của nô tì và vật Tam bảo, vì đều bị tai ương lỗi lầm. Trong kinh Tát-già-ni-kiền dạy: Nếu phá chùa tháp, hoặc lấy vật của Phật, hoặc bảo người làm mà vui theo, nếu có Sa-môn mặc áo ca sa, hoặc có trì giới hay phá giới, hoặc có trói buộc hay giải thoát, hoặc khiến hoàn tục, hoặc dứt mạng sống. Như vậy là phạm tội căn bản, chắc chắn bị rơi vào địa ngục Vô gián chịu khổ não. Do trong nước vua làm những việc bất thiện, nên các vị Tiên Thánh đều bỏ nước mà đi. Năng lực lớn của chư thần không ủng hộ đất nước nữa. Các vị đại thần khởi lên tranh chấp bốn phương, mưa gió thất thường, nhân dân đói khát, giặc cướp tung hoành, bệnh dịch chết chóc vô số, không biết tự mình làm mà cứ oán trách trời đất.

Trong kinh Nhơn Vương dạy: Trong nước mà vua, đại thần tự ỷ mình cao quí, phá diệt pháp của ta dùng để chế pháp, ngăn cản không cho đệ tử Ta xuất gia, không cho đúc vẽ tượng Phật, lập ra quan quản thúc kiểm tra Tăng tịch, sách vở của chúng Tăng, Tỳ kheo đứng dưới thấp cư sĩ ngồi trên cao. Thái tử của quốc vương tự ban hành pháp chế không theo nhân duyên giáo lý của Phật, phá hủy nhân duyên của Ta. Quan thống trị kiểm soát và làm chủ kinh điển Tăng tịch. Chúng Tăng rất khổ sở trăm việc giữ gìn pháp Phật, không tồn tại được lâu dài.

Trong kinh Đại Tập, Phật dạy: Nếu có chúng sanh ở đời hiện tại và vị lai, thường tin hiểu Phật Pháp Tăng, những chúng sanh đó ở trong hàng trời người thọ được quả báo tối thắng vô lượng, chẳng bao lâu được thành vô úy. Như vậy, cho đến cúng dường một người vì Ta

xuất gia và theo Ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa lại không thọ giới thì cúng dường người này cũng được công đức cho đến vào thành vô úy. Do nhân duyên này nên Ta nói như vậy. Nếu lại có người vì ta xuất gia mà không giữ gìn cấm giới, cạo bỏ râu tóc mặc áo ca sa, người này não hại phi pháp, cho đến phá hoại Pháp thân, Báo thân chư Phật ba đời cho đến đầy dẫy ba đường ác. Đức Phật dạy: Nếu có chúng sanh vì Ta xuất gia cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, giả sử không trì giới thì những người ấy đều là sở ấn Niết bàn của ấn. Nếu lại có người xuất gia mà không trì giới dùng phi pháp làm não loạn nhục mạ, cầm dao gậy đánh đập, trói buộc chém chặt, hoặc cướp y bát và lấy tất cả tài sản thì người ấy đã hoại Báo thân chân thật chư Phật ba đời, tức là khêu mắt của trời người. Người này nhấn chìm chánh pháp của chư Phật và hạt giống của Tam bảo. Này chư thiên, loài người không được lợi ích, rơi vào địa ngục là do ba đường ác tăng trưởng đầy khắp. Lúc ấy, vua Đại phạn thiên làm chủ thế giới Ta bà, liền bạch Phật: Nếu có người vì Phật cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, không thọ giới cấm hay thọ rồi mà hủy phạm, vua Sát-lợi ấy làm rối loạn, hủy nhục, đánh đập trói buộc thì mất bao nhiêu tội?

Đức Phật dạy: Này Đại phạn! Nay ta vì ông nói tóm lược. Nếu có người làm chảy máu vạn ức chư Phật ý ông nghĩ sao? Người ấy mắc tội không?

Vua Đại Phạn thưa: Nếu người chỉ làm chảy máu một thân Phật thì mắc tôi Vô gián lại còn chịu nhiều vô lượng không thể tính kể, rơi trong đại địa ngục A-tỳ, huống nữa làm chảy máu vạn ức chư Phật thì hoàn toàn không thể nói kể hết tội báo của người đó chỉ trừ Như lai.

Đức Phật dạy: Này Đại phạn! Nếu có người não loạn, nhục mạ, đánh trói mà vì Ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, không thọ giới cấm hoặc thọ rồi mà phạm thì mắc tội nhiều hơn thế. Vì sao? Vì người này còn có thể giáo hóa chư thiên loài người đạo Niết bàn. Người này lại ở trong Tam bảo, tâm thường kính tin hơn chín mươi lăm phái ngoại đạo, người ấy nhất định nhanh chóng vào Niết bàn hơn tất cả người ở đời, chỉ trừ người tại gia đắc nhẫn nhục, cho nên trời người nên cúng dường huống nữa người có khả năng thọ trì giới cấm, ba nghiệp tương ưng. Tất cả quốc vương và quần thần xử đoán các việc, như thấy người ấy ở trong pháp Ta mà xuất gia gây các trọng tội đại sát sanh, đại trộm cắp, ô nhiễm phạm hạnh, đại vọng ngữ và những bất thiện khác thì chỉ đuổi ra khỏi nước không cho ở chùa và làm việc chúng Tăng cũng không được dùng roi đánh,cũng không nên nhục mạ làm tăng thêm tội người. Nếu trái pháp, liền trị phạt, người ấy bị mất quả vị giải thoát, thọ vào loài

thấp hơn, từ bỏ tất cả việc thiện của trời người, nhất định trở lại địa ngục A-tỳ huống nữa dùng roi đánh, vì Phật xuất gia thọ giới Cụ túc

Trong kinh Thập Luận, Đức Phật dạy: Này thiện nam tử! Có bốn loại Tăng; Những gì là bốn? Một là Tăng đệ nhất nghĩa. Hai là Tăng thanh tịnh. Ba là Tăng câm như dê. Bốn là Tăng không biết hổ thẹn. Thế nào là Tăng đệ nhất nghĩa? Chư Phật, Bồ tát, Bích chi Phật và bốn quả Sa-môn. Bảy hạng người trên là Tăng đệ nhất nghĩa, người tại gia cũng đắc được quả Thánh gọi là Tăng đệ nhất nghĩa. Thế nào là Tăng thanh tịnh? Là những vị giữ giới Cụ túc gọi là Tăng thanh tịnh. Thế nào gọi là Tăng dê câm? Là không biết phạm giới khinh, trọng, những tội nhỏ nhặt có thể sám hối, mê tối không biết, không gần gũi thiện tri thức, không thưa hỏi nghĩa lý sâu xa về thiện hay ác, những người như vậy đều gọi là Tăng dê câm. Thế nào gọi là Tăng không biết hổ thẹn? Là những người vì mạng sống mà đến ở trong Phật pháp, đều phạm giới và phá hòa hiệp Tăng, không sợ đời sau, buông lung sáu căn, tham đắm năm dục. Những người như vậy gọi là Tăng không tàm quí.

Trong kinh Đại Bi, Đức Phật bảo A Nan: Ở trong pháp của Ta chỉ là dòng họ Sa-môn mà làm nhiễm ô Sa-môn, tự xưng là Sa-môn, hình tướng tương tự Sa-môn mang y ca sa. Ở trong Hiền kiếp, Ngài Di Lặc là đầu tiên, cho đến cuối cùng là Ngài Lô Giá. những Sa-môn ấy trải qua một ngàn Đức Phật mà nhập Vô như Niết bàn, tất cả lần lượt chứng đắc Bát Niết Bàn. Vì sao? Vì trong các Sa-môn này, cứ một lần xưng danh hiệu Đức Phật thì phát sanh lòng tin nên được công đức hoàn toàn không hư dối. Này A Nan! Ta dùng trí tuệ Đức Phật suy lường mà biết được pháp giới chẳng phải không suy lường. Này A Nan! Làm việc lành được phước báo lành, làm việc ác thì bị quả báo xấu. Nếu có chúng sanh tâm thanh tịnh mà xưng niệm Nam mô Phật, do những người ấy được nhãn căn thanh tịnh nên chắc chắn gần đến Niết bàn, huống nữa gặp Phật thân cận cúng dường.

Trong kinh Thập Luận, Đức Phật dạy: Nếu các Tỳ-kheo theo pháp của Ta xuất gia, hết thảy trời người A-tu-la đều nên cúng dường. Nếu giữ gìn cấm giới thì không nên xử hình phạt giam cầm, cắt bỏ tay chân, cho đến giết chết, đều không được pháp này. Nếu có Tỳ-kheo phá giới như bị thối rữa chẳng có phạm hạnh mà cho là phạm hạnh, thối mất quả vị chứng Thánh đạo, bị các phiền não trói buộc làm hủy hoại nhưng còn có thể giáo hóa cho tất cả trời, rồng, người và phi nhơn, được vô lượng công đức như cất chứa châu báu. Cho nên, người theo Ta xuất gia trì giới hay phá giới Ta đều không chấp nhận. Luân vương, đại thần, tể

tướng không được xử trị giam cầm trói buộc, dùng dao gậy chém chặt chân tay cho đến giết chết, huống nữa Tỳ-kheo phạm giới nhẹ oai nghi nhỏ nhặt. Mặc dù người ấy chết nhưng năng lực của giới vẫn còn, giống như bò vàng tuy chết đi nhưng người ta vẫn dùng, như xạ hương, lúc người chết rồi vẫn dùng đều có rất nhiều lợi ích cho chúng sanh. Cũng vậy, Tỳ-kheo làm ác tuy phạm giới nhưng năng lực của giới vẫn còn có thể làm lợi ích vô lượng trời người. Ví như đốt hương cây hương tuy hết nhưng hương thơm vẫn còn. Tỳ-kheo phá giới cũng vậy tự rơi vào đường ác, nhưng làm cho chúng sanh tăng trưởng căn lành. Vì lý do này nên tất cả chúng sanh không nên khinh khi, hủy nhục Tỳ-kheo phá giới, phải nên ủng hộ tôn trọng cúng dường không nên trị phạt trói buộc cho đến lấy đi mạng sống. Bấy giờ, Thế tôn nói kệ:

*Nhìn hoa cải tuy héo*
*Còn hơn các hoa khác*
*Các Tỳ-kheo phá giới*
*Vẫn hơn hẳn ngoại đạo.*
*Trong kinh Đại tập Thế tôn nói kệ:*
*Cạo tóc mặc ca sa*
*Trì giới hay phá giới*
*Trời người nên cúng dường*
*Thường đầy đủ tất cả.*
*Cúng dường người như vậy*
*Chính là cúng dường Ta*
*Nếu có người kính pháp*
*Qui y và cắt tóc.*
*Thân mặc áo ca sa*
*Nói người ấy con Ta*
*Giả sử phạm giới cấm*
*An trú quả Bất thối.*
*Nếu đánh đập người ấy*
*Chính là đánh thân Ta*
*Nếu nhục mạ người ấy*
*Tức là hủy nhục Ta.*
*Người ấy tâm sắp diệt*
*Đèn chánh pháp soi tỏ*
*Vì tài lợi tranh chấp*
*Sát lợi cùng sanh sân.*

Trong kinh Thập Luận dạy: Ví như ở đời quá khứ có một vị vua

tên là Phước Đức, nếu có người phạm nhiều tội thì chỉ trói, chỉ đem đến voi say chứ vua không giết chết. Lúc ấy, voi say cầm hai chân người ấy muốn ném ngã xuống đất nhưng thấy người ấy mặc áo ca sa nên voi say chỉ đặt nhẹ xuống đất không muốn làm tổn thương, rồi ngồi đối diện dùng mũi ngửi chân, liền sanh lòng từ bi. Này thiện nam! Voi là súc sanh mà thấy người mặc y hoại sắc còn không gia tâm làm hại. Đến đời vị lai có vua Chiên-đà-la thấy có người xuất gia pháp khí ở trong pháp của Ta gánh vác nhiều việc nhưng không thành tựu nên bất hại hoặc giết chết người ấy, sau khi chết rơi vào địa ngục A-tỳ. Kệ:

*Chọn tài làm tiêu chí*
*Lan huệ trong bóng im*
*Nghĩa lý tin khó hiểu*
*Phi nhơn chẳng biết rõ.*
*Giữ tâm được tròn đầy*
*Chiếu sáng vào nơi tối*
*Tất cả vượt ba cõi*
*Bay lên trên bốn không.*
*Mong manh như huyễn mộng*
*Tài lợi như bụi trần*
*Chúng sanh xin từ bỏ*
*Thoát khỏi mọi phiền não.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 2)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 3

## PHẦN THỨ 2: KÍNH THÁP

- Duyên thuật ý
- Duyên dẫn chứng
- Duyên hưng phước
- Duyên cảm báo
- Duyên nhiễu tháp
- Duyên nhập tự
- Duyên tu cố

***Thứ 1: Trình bày duyên ý***

Kính xin Như Lai ứng hiện, diệu sắc thân nơi ba ngàn cõi, Đức Phật ẩn kín hào quang, thị hiện tám vạn hình. Tháp an trí ở núi Dõng linh, hình tượng lưu giữ trong hang đá, khắc họa bức nghi theo từng lớp trên gỗ chiên đàn, khắc những bài trạng trên ngọc,vàng. Thân còn nguyên hay tan rã đều được lưu giữ, gom nhặt đưa vào tháp, hào quang chiếu sáng làm mất bóng tối, phước trí nuôi dưỡng hàm thức, làm những tiếng hay vang xa, xóa bỏ tà kiến, phát sanh lòng tin. Đầu tiên vua A-dục phát khởi xây tháp, cuối đời truyền lại cho đầu nhà Đại Đường, tiếp nối làm cho hưng thịnh, nhưng thần hóa thì chẳng phải một, nên kinh dạy: Chánh pháp khi trụ khi diệt, ý tại ở đó.

***Thứ 2: Duyên dẫn chứng***

Trong kinh Quán Phật Tam muội dạy: Lưu giữ hình tượng Phật trong hang đá tại nước Na-càn-ha-la ở bên hồ có con rồng độc. Trong hang đá có rồng và tượng Phật ngồi, rồng biến thành mười tám thân nhập vào trong đá giống như gương sáng, ánh sáng phóng ra bên ngoài, đứng từ xa nhìn thấy mà đứng gần thì không thấy, trăm ngàn chư thiên cúng dường tượng Đức Phật, cũng hiện ra thuyết pháp.

Trong kinh Đại Tập dạy: Phía Đông thành cõi trời Đao lợi,ở trong vườn Chiếu minh có một tháp thờ tóc Đức Phật. Ở phía Nam trong thành Thô thấp có tháp thờ y của Đức Phật. Ở thành phía Tây trong vườn Hoan hỷ có tháp thờ bát của Đức Phật. Ở thành phía Bắc trong vườn Giá ngự có tháp thờ răng của Đức Phật

Luận Trí Độ dạy: Trời Đế Thích giữ y và tóc của Bồ tát, ở bên ngoài thành phía Đông của cõi trời có tháp thờ tóc và y của Đức Phật .

Theo A-dục Vương Truyện nói: Nhà vua có niềm tin đến hỏi đạo nhân: Từ trước đến nay Ta đã giết hại mà bất chấp nghĩa lý, nay phải làm những việc thiện gì để khỏi tai ương đó?

Đạo nhân đáp: Chỉ có xây tháp cúng dường chúng Tăng, phóng thả những người tù, cứu giúp những người nghèo.

Nhà vua hỏi: Có thể xây tháp ở đâu?

Đạo nhân liền dùng thần lực của tay phải thu ánh sáng mặt trời làm thành tám vạn bốn ngàn cõi chiếu khắp cả Diêm-phù đề, nơi nào có ánh sáng chiếu đến thì có thể xây tháp, nay là những nơi xây tháp vậy. Lúc ấy, nhà vua muốn xây dựng tháp thờ xá lợi, liền đem bốn bộ binh đến thành Vương-xá xin vua A Xà Thế cho Xá lợi trong tháp Phật đem về sau đó trở về tu sửa tháp này cùng với tháp trước không khác. Như vậy, vua xin được Xá lợi trong tháp của bảy Đức Phật, rồi đi đến thôn Chúng ma. Lúc đó, các vua rồng dẫn vua vào Long cung, vua cầu xin rồng cúng dường Xá lợi, vua rồng chia cho. Khi ấy, vua làm tám vạn bốn ngàn hộp bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê để đựng Xá lợi Phật lại làm tám vạn bốn ngàn bình báu để đựng đầy những hạt ấy, lại làm vô lượng trăm ngàn cờ phướn dù lọng, bảo các quỉ thần mang hết Xá lợi cúng dường và nói với các quỉ thần: Hãy đến khắp bãi biển cõi Diêm phù đề, thành ấp, xóm làng đủ một vạn nhà xây dựng tháp Thế tôn. Khi ấy, có mật đất nước tên là Trước-xoa-thi-la có ba mươi sáu vạn nhà, người trong nước ấy bảo quỉ thần: Có ba mươi sáu hộp Xá lợi cho chúng tôi xây dựng tháp Phật. Vì số người trong nước ít nên vua tìm mọi cách phân chia cho họ, khiến cho mọi nhà đều đủ để xây tháp. Lúc ấy, có Thượng tọa ở thôn Ba-liên-phất gọi là Dạ-xá, vua đến đó hỏi Thượng tọa: Trẫm muốn trong một ngày xây tám vạn bốn ngàn tháp Phật khắp cõi Diêm phù đề, với ý nguyện như vậy. Thượng tọa bảo: Lành thay, Đại vương! Chỉ sau bữa cơm trưa ngày mười lăm này, cõi Diêm phù đề này sẽ đầy đủ tháp Phật trong cùng một lúc, trong một ngày đã xây dựng đủ số tám vạn bốn ngàn tháp, mọi người đều vui mừng vô cùng, đồng hiệu là tháp A-dục vương.

Trong kinh Đại A-dục vương dạy: Có tám nước cùng phân chia Xá lợi, vua A Xà Thế phân làm tám vạn bốn ngàn phần, riêng miệng và râu của Phật để lại nước ấy. Bàng-nan-đầu và vua rồng đến trong chúng để mong cầu Xá lợi. Vua A Xà Thế không cho, họ liền nói: Ta là vua rồng có năng lực phá hủy đất nước ông. Vua A Xà Thế lo sợ liền đem râu của Phật cho. Vua rồng trở về núi Tu-di cao tám vạn bốn ngàn dặm, ở dưới đó xây tháp bằng thủy tinh. Vua A Xà Thế trở về nước dùng hộp vàng đỏ đựng Xá lợi, làm ngọn đèn thắp sáng ngàn năm. Lấy cát và nước trong năm sông Hằng xây dựng tháp để cất giữ, sau vua A Dục được nước này. Vua tụ tập các phu nhân cao tám mét, tóc cũng dài như vậy đầy đủ các tướng, nhà vua bảo thầy xem tướng cho họ. Thầy tướng thưa: Phu nhân thứ hai sẽ vì vua sanh thái tử thân vàng. Vua liền lễ bái phu nhân. Sau tròn mười tháng hài nhi đầy đủ thân hình. Lúc ấy, nhà vua lại có việc đi xa, Hoàng hậu lại ganh tỵ phu nhân liền tìm mọi cách trừ khử. Hoàng hậu tìm bắt về những con heo mẹ đang sanh và nói với phu nhân thứ hai: Khanh tuổi còn nhỏ mới sanh con, không nên để lộ mặt nhìn bên ngoài hãy dùng vải che mặt. Lúc ấy, phu nhân sanh Thái tử, ánh sáng chiếu khắp cung điện, Hoàng hậu lén mang hài nhi giết đi, liền đưa heo con vào bên phu nhân rồi la mắng: Ngươi nói sẽ vì vua sanh Thái tử thân vàng, vì sao lại sanh heo, rồi đánh mãi vào đầu, nhốt vào nhà giam trong vườn sau, cho ăn rau quả. Khi vua trở về, nghe vậy rất buồn. Sau thời gian, vua đi ra vườn thấy nhà giam bỗng nhớ lại phu nhân nên đón rước về cung. Phu nhân thứ hai dần dần được gần gũi và kể toàn bộ sự việc. Vua nghe thế rất giận dữ liền giết tám vạn bốn ngàn phu nhân. Sau đó, vua A-dục cho xây dựng tù ngục ở ngoài thành để xử trị các tội nhân. Thượng tọa Dạ-xá biết được vua giết các phu nhân phải rơi vào địa ngục, liền bảo Tỳ-kheo Tiêu-tán đến giáo hóa vua khiến phát tâm tin hiểu. Vua hỏi Tỳ-kheo: Nếu giết tám vạn bốn ngàn phu nhân thì tội có thể chuộc lại không?

Thượng tọa trả lời: Cứ mỗi người xây một tháp, trong đó thờ Xá lợi thì thoát khỏi tội.

Vua liền tìm đến Xá lợi của A Xà Thế. Trong lúc nước đó đang bị giao chiến vào năm một trăm hai mươi thì vua A-dục dẫn năm trăm người đến lấy Xá lợi. Nhà vua được Xá lợi nên rất vui mừng liền phân cho quỉ thần mang về chỗ ở và bảo cùng một lúc trong ngày hãy đem đến tám vạn bốn ngàn ngôi chùa.

Các quỉ thần thưa: Núi nhiều vách đá ngăn không thể biết được.

Vua bảo: Nếu gặp trở ngại thì về, chỉ giúp chùa treo chuông. Ta

sẽ bảo A-tu-la dùng tay vén mặt trời làm cho mọi người đều được ánh sáng.

Trong kinh A Nan dạy: Đã xây dựng xong một ngàn hai trăm tháp, thợ may cờ và thêu hoa nhưng chưa treo cờ lên, nhà vua sợ băng hà nên tháp xây xong trong sáu ngày. Vua thỉnh Tăng chúng đến cúng dường vườn của vua. Khi ấy, có A-la-hán Ưu-ba-quật-đa nhận lời thỉnh của vua, dẫn một vạn tám ngàn A-la-hán. Tôn giả Quật-đa hình tướng đoan nghiêm, thân thể mềm mại, nhưng thân hình của vua thì gầy ốm ít đẹp, Tôn giả liền nói kệ:

*Khi ta làm bố thí*
*Tâm tịnh thí vật tốt*
*Không như vua bố thí*
*Dùng cát cúng dường Phật*

Vua bảo Đại thần: Ta dùng cát cúng dường được phước báo như vậy. Vì sao mà không tu kính Thế tôn? Sau đó, vua tìm đến tháp của Tôn giả Ca Diếp và A Nan là đệ tử hiện tại của Đức Phật, cuối cùng cũng tìm được, rồi cứ tự trách tâm mãi, ta nên cung kính,cúng dường tất cả. Vua lại cho xây tháp lớn, mỗi tháp chi phí mười vạn hai ngọc quí để cúng dường tháp ấy lại đến cả tháp Bạc-câu-la phải nên cúng dường. Vua hỏi những việc ấy có được công đức gì?

Tôn giả Quật Đa trả lời: Trẫm không bệnh là đệ nhất và nếu không thuyết pháp một câu cho người thì im lặng không nói.

Vua bảo đại thần: Hãy đem một đồng tiền cúng dường .

Các đại thần thưa vua: Trẫm được công đức nhiều như vậy, sao đối với việc này lại cúng dường một đồng tiền?

Vua bảo các đại thần hãy nghe ta nói kệ:

*Tuy trừ được tối tăm*
*Trí tuệ thường soi sáng*
*Dù có Bạc-câu-la*
*Chẳng lợi gì cho đời.*

Khi ấy, đồng tiền trở lại nhà vua, các đại thần thấy đây là việc hiếm có, liền cùng nhau tán thán Tôn giả: Ô hay! Tôn giả ít muốn biết đủ, cho đến không cần một đồng tiền, vua và đại thần cúng dường cây Bồ đề sống mãi. Phu nhân Đề-xá-la-hy-đa liền nghĩ: Vua rất thương nhớ ta, hôm nay vua bỏ ta và ngọc báu, đến dưới cây Bồ đề, ta tìm cách hủy bỏ khiến vua không đến nữa mới có thể cùng ta hưởng khói lạc. Phu nhân liền sai người tưới dầu đốt cháy, cây khô lá rụng. Vua nghe như vậy rất buồn, hai chân quỵ xuống đất. Phu nhân thấy vua không vui

nên muốn làm cho vua vui, liền thưa: Nếu cây ấy không còn thì mạng của thiếp chẳng có! Như Lai ở nơi cây đó mà chứng đắc đạo, cây ấy đã chết thì tựa vào đâu? Sau đó phu nhân sai người lấy nước lạnh tưới vào, cây sống lại. Vua nghe, rất mừng, đi đến dưới cây, mắt nhìn không nghỉ, dùng bình nước hương tưới cây Bồ đề, cây tươi tốt sum sê trang nghiêm gấp bội. Sau đó nhà vua thân tâm thanh tịnh, tay nâng lư hương, đi đến Thánh điện, hướng về bốn phương nghĩ mà nói: Đệ tử Hiền Thánh của Như Lai ở các phương hãy thương xót mà nhận sự cúng dường của con. Khi ấy, có ba mươi vạn Tỳ-kheo đến tụ tập, trong đại chúng đó có mười vạn là A-la-hán, hai mươi vạn là học nhơn, Thái tử, quan thần ở trong cung cùng với vua đã làm vô lượng công đức, không thể tính kể.

Lại trong kinh Tạp A hàm dạy: Vua A-dục vương hỏi Tỳ-kheo: Ai ở trong pháp của Phật có thể thực hành bố thí lớn?

Các Tỳ-kheo trả lời: Trưởng giả Cấp-cô-độc là người bố thí lớn nhất.

Vua hỏi: Ông ấy bố thí bao nhiêu?

Các Tỳ-kheo trả lời: Dùng hàng ngàn lạng vàng.

Vua nghe rồi, nghĩ: Trưởng giả ấy còn bỏ ra hàng ngàn lạng vàng, nay ta là vua sao lại chỉ đem hàng ngàn lạng vàng bố thí. Hãy nên đem vô số lạng vàng cho đến hết tất cả tài sản trong kho, đem ban cho đại thần, Thái tử, kỷ nữ và những người trong cõi Diêm phù đề, cho đến cúng dường cho tất cả Thánh Tăng. Lại dùng bốn mươi ức lạng vàng để chuộc tội lỗi, nhưng tính tổng cộng mới dùng hết chín mươi sáu ức lạng vàng, thì vua bệnh nặng tự biết sắp băng hà, thường nguyện dùng vô số vàng làm công đức. Hôm nay nguyện chưa thành tựu thì để lại đời sau, chỉ thiếu bốn ức. Vua liền bảo các quan đem những ngọc báu đến cúng dường chùa Kê-đầu-ma và đem nửa quả A-la-lặc đến cúng dường lễ bái chúng Tăng, thưa hỏi các vị Đại Thánh giúp trẫm: Ta thống lĩnh cõi phù đề này, là sở hữu của ta, hôm nay sắp băng hà không được tự tại, chỉ còn nửa quả này xin chư vị thương xót thọ nhận, để ta có chút phước đức. Thượng tọa Dạ-xá liền nghiền nát bỏ vào chè thạch lựu rồi chia đều cho mọi người. Nhà vua liền hỏi quần thần: Ai là vua của cõi Diêm phù đề?

Các quan thưa: Chính là Đại vương

Vua đang nằm liền ngồi dạy, hướng nhìn bốn phương chấp tay lễ bái, nghĩ về công đức của chư Phật và nói: Hôm nay, ta lại đem tài vật bố thí cho những người ở cõi Diêm phù đề và cúng dường Tam bảo. Lúc đó vua viết trên giấy, bỏ vào trong phong bì rồi dán lại, lại dùng răng

cắn vào đó để làm ấn, làm xong mọi chuyện nhà vua liền băng hà. Bấy giờ, thái tử và dân chúng cùng nhau cúng dường và mai táng nhà vua theo như phép vua mà hỏa táng.

Lại nữa, trong kinh Pháp Ích dạy: Nay đại địa này thuộc của Tam bảo, sao lại lập thái tử làm vua?

Các quần thần nghe vậy, lại xuất bốn ức lạng vàng đem cúng dường các chùa để chuộc lại đất đó.

Lại luận Thiện kiến dạy: Vua A-dục dùng chín mươi sáu ức tiền vàng để xây dựng tám vạn bốn ngàn bảo tháp, lại làm nhiều việc bố thí lớn.

***Thứ 3: Phát khởi duyên tạo phước***

Kể rằng, theo các kinh luận như đã dẫn: Nguyên nhân hưng khởi tháp thì đã biết, nhưng chưa biết ý nghĩa của tháp là gì? Có bao nhiêu loại? Người làm tháp đã thông hiểu chưa?

Đáp: Tiếng Hán và Phạn khác nhau, phiên dịch có trước sau, lại có nhiều tên gọi, theo văn tự thì có đúng có sai. Tháp gọi là Tháp-bà tức phần đất vun lên, hay gọi là Chi- đề tức là nơi diệt ác sanh thiện, hay gọi là Đẩu-tẩu-ba, tức là ủng hộ, tán thán, như mọi người khen ngợi giữ gìn. Tây phạn phát âm đúng là Tốt-đổ-ba tức là miếu. Miếu là mạo tức linh miếu. Xây dựng tháp có ba nghĩa: Biểu hiện hơn người. Hai là khiến cho người tin. Ba là để báo ân. Tỳ-kheo phàm phu có phước đức cũng được xây tháp, ngoài ra không được xây. Nếu xây tháp thì có bốn loại: Một là nơi sanh. Hai là nơi thành đạo. Ba là nơi chuyển bánh xe pháp. Bốn là nơi nhập Niết bàn. Nơi sanh và thành đạo của chư Phật chắc chắn có xây tháp. Nơi đản sanh dưới cây A-du-kha, ở đây gọi là cây Vô ưu, nơi phu nhân sanh thái tử, tên của cây này là nơi xây tháp Đản sanh. Đức Phật khi thành đạo dưới cây Bồ đề, gọi cây này là tháp thành đạo. Nơi Như Lai chuyển bánh xe pháp và chỗ nhập Niết bàn thì không nhất định. Ban đầu Đức Phật chuyển bánh xe pháp cho năm Tỳ-kheo tại vườn Lộc-uyển, chu vi có hai mươi lăm tầm, mỗi tầm có tám thước. Người xưa thân rất lớn, một tầm tám xích tổng cộng là hai mươi trượng. Nay người Thiên trúc lập rất nhiều tháp chuyển pháp luân, tìm một tháp đẹp để theo đó mà xây, là khắc ba bánh xe trên ba trụ kiên cố làm biểu tượng về tướng ngày xưa Đức Phật ba lần chuyển bánh xe pháp. Gọi nơi này là tháp chuyển bánh xe pháp. Đức Phật nhập Niết bàn là nơi an trí Xá lợi, gọi đó là nơi chuyển bánh xe pháp. Hôm nay xây chùa gọi là chùa Niết bàn, đây là cố định, nếu căn cứ vào mỗi chỗ

có Xá lợi xây tháp thờ thì không nhất định, xây dựng bốn tháp này gọi là Tốt-đổ-ba.

Trong luận Tỳ Bà Sa dạy: Có người xây dựng tháp lớn nơi Đức Phật Đản sanh và nơi chuyển xe pháp, hoặc có người lấy một viên đá nhỏ làm tháp thì phước đức người này bằng người xây tháp lớn trước, vì đều có tâm tôn kính. Nếu vì Như Lai mà Đại phạn xây dựng tháp lớn hoặc nhỏ thì đều giống nhau, phước đức không khác.

Trong kinh A hàm dạy: Có bốn hạng người đáng xây tháp: Một là Phật, hai là Bích chi Phật, ba là Thanh văn, bốn là Luân vương.

Trong kinh Thập Nhị Nhân Duyên dạy: Có tám hạng người đáng xây tháp: Một là Như lai, hai là Bồ tát, ba là Duyên-giác, bốn là A-la-hán, năm là Na-hàm, sáu là Tư-đa-hàm, bảy là Tu-đà-hoàn, tám là Luân vương. Nếu đã cho phép Luân vương xây tháp một tầng, thì thấy cũng không đảnh lễ, vì chẳng phải là tháp của bậc Thánh. Các vị chứng Sơ quả là tháp hai tầng, cho đến Như Lai là tháp tám tầng, tháp tám tầng trở lên đều là tháp của Đức Phật.

Trong luật Tăng Đề dạy: Khi bắt đầu xây dựng chùa, trước hết phải qui định phạm vi, nơi để làm tháp thì không được ở phía Nam và Tây, nên làm ở phía Đông và Bắc, không được lấn chiếm đất Phật, đất Tăng nên làm ở phía Tây. Phía Nam làm phòng nhà cho Tăng chúng, tháp của Phật nên làm cao hơn, tháp không được nằm trong chùa, không được tẩy rửa, giặt giũ hay khạc nhổ trên đất. Bốn bên của tháp Phật nên tôn thờ Phật, nên khắc chạm những con thú như Sư tử, chim thú với những đường nét sắc sảo, bên trong treo cờ lộng, bốn bên tháp Phật nên tạo những khu vườn, trồng nhiều hoa quả, hoa nở để cúng dường tháp Phật. Nếu cư sĩ tự trồng cây mà thưa: Hoa ở trong vườn là để cúng Phật, quả dâng cúng Tăng dùng. Đức Phật bảo: Nên theo lời cư sĩ thưa, nếu hoa nhiều, đẹp thì được phép mang về nhà, nên nói với họ cúng dường Ta bao nhiêu, còn lại thì đem cho, nếu được thì nên dùng. Người hương đăng mua nhang cúng Phật và quét dọn tháp. Nếu có thật nhiều vật đều đem cúng Phật thì người đời cho rằng: Nghe nói Đức Phật không tham sân si chỉ tự trang nghiêm, nhưng vì hoa quả này lại ham thích,thì người ấy mắc trọng tội.

Đức Phật dạy: Cũng được xây dựng Chi-đề. Nếu có Xá-lợi thì gọi là tháp, nếu không có gọi là Chi-đề. Như những chỗ của Phật: Đản sanh, Thành đạo, Chuyển pháp luân và Niết bàn thì được thờ tượng Bồ tát, tượng Phật Bích chi. Những nơi Đức Phật đi qua này, được xây dựng Chi-đề để dâng hoa quả, dù lọng lên Ngài là cúng dường bậc trung,

dâng cúng tháp Phật là cúng dường bậc thượng, dâng cúng Chi-đề là cúng dường bậc hạ. Nếu bỗng nhiên mưa gió kéo đến, không được cúng dường thì phải tùy thuận vật cần dùng, không được bảo ta là Thượng tọa, ta là Đại-đức ở chốn A lan nhã khất thực, nếu được thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vật ở trong tháp Tăng mà bị giặc cướp thì không cất giấu. Vật của Phật thì nên trang nghiêm tượng Phật. Tòa ngồi của Tăng thì nên trải ra để đặt những thứ thức ăn, khiến cho giặc thấy như vậy, liền khởi tâm từ, kẻ giặc bảo: Các Tỳ-kheo chớ sợ đi ra, tuổi nhỏ nên trông coi, nếu cuối cùng bọn giặc đến cũng không được cất giấu vật, nên nói tất cả đều vô thường, nói như vậy rồi bỏ đi. Đó gọi là pháp nạn.

***Thứ 4: Duyên cảm ứng quả báo***

Trong kinh Tiểu Vị Tằng Hữu, Đức Phật bảo A Nan: Nếu có một người dùng cỏ cây trong khắp thiên hạ đều vì người thì chứng đắc bốn quả và Bích-chi Phật, trọn đời được đầy đủ bốn sự cúng dường, cho đến sau khi diệt độ đều được xây tháp, cúng dường hương hoa, cờ phướn và lọng báu. Lại xây dựng cung điện của trời Đế thích, trang nghiêm bằng tám vạn bốn ngàn trụ báu, tám vạn bốn ngàn cửa sổ báu, tám vạn bốn ngàn giếng trời báu, tám vạn bốn ngàn mái lầu gác, xung quanh bốn phía có các báu trang hoàng xen kẽ nhau. Nếu có thiện nam thiện nữ nào, xây dựng cung điện lớn trang nghiêm bằng trăm ức ngàn loại như trên để cúng dường Tăng bốn phương, người ấy phước tuy nhiều nhưng không bằng người sau khi Phật nhập Niết bàn mà đem vật bằng hạt cải để xây tháp xá lợi lớn bằng quả Yêm ma lặc, cõi đó chỉ bằng đầu kim, bố thí lọng báu trên cũng bằng ngọn lá táo chua. Nếu hình tượng Phật bằng hạt lúa mạch, thì đầy đủ công đức hơn trước trăm lần, không bằng một ngàn lần vạn lần, trăm ngàn vạn lần, không thể sánh bằng, không thể tính kể. A Nan nên biết! Như Lai có vô lượng công đức: Giới phần, định phần, trí tuệ phần, giải thoát phần, giải thoát tri kiến phần, có vô lượng công đức thần thông biến hóa và sáu ba la mật, đều có vô lượng công đức như vậy. Lại trong kinh Vô Thượng Y dạy: A Nan chấp tay hướng về Phật thưa: Hôm nay, con khất thực ở thành Vương-xá thấy một tòa lầu mới đẹp đẽ rộng lớn trong ngoài thành nghiêm mật. Nếu có người, lòng tin thanh tịnh cúng dường Tăng bốn phương và thấy thì được cúng dường bốn việc. Nếu sau khi Như Lai diệt độ, lấy Xá-lợi bằng hạt cải lớn tôn thờ trong tháp. Xây dựng tháp lớn bằng hạt A-ma-la, thành một cõi bằng đầu mũi kim, tầng tháp lớn bằng tán lá táo, đắp tô tượng Phật lớn bằng hạt lúa tẻ. Hai công đức ấy sao gọi là thù thắng? Đức

Phật bảo Tôn giả A Nan: Như người đắc bốn quả bậc Thánh và chứng quả vị Bích-chi Phật đầy trong thiên hạ như cây mía, rừng trúc, lau sậy, ruộng vườn....Nếu có người cúng dường suốt đời, đầy đủ bốn việc thì sau khi nhập Niết bàn chắc chắn được xây tháp lớn, cúng dường hương hoa, y phục, tràng phan. Này A Nan nghĩ sao? Công đức của người này nhiều không?

Tôn giả A Nan thưa: Bạch đức Thế tôn! Rất nhiều.

Này A Nan! Sự việc như vậy. Lại như chỗ an trú của trời Đế thích có lầu gác rất lớn gọi là điện Thường thắng, trang hoàng bằng tám vạn bốn ngàn báu quí. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào lòng tin thanh tịnh xây dựng điện báu hơn vậy trăm ngàn câu chi để cúng dường Tăng bốn phương. Lại có người sau khi Như Lai diệt độ, lấy Xá lợi bằng hạt cải, xây tháp bằng hạt A-ma-la lớn, thành một cõi bằng đầu mũi kim, xây tầng của tháp bằng tán lá táo, tạc hình tượng Phật bằng hạt lúa lớn. Ta cho là công đức này hơn trước trăm phần, không thể sánh kịp, một ngàn vạn ức phần cho đến vô số phần  không bằng một phần, ví dụ chẳng gì bằng. Vì sao? Vì Như Lai có vô lượng công đức, nếu nghiền nát thế giới Ta bà này nhỏ như bụi trần thì tuần tự các bụi trần đó là bốn  quả vị Sa-môn và Bích-chi Phật. Nếu thiện nam, thiện nữ có lòng tin thanh tịnh, trọn đời cúng dường cho đến sau khi Phật diệt độ xây dựng tháp dâng cúng cũng như lấy Xá lợi bằng hạt cải lớn, cho đến tạc tượng bằng hạt lúa lớn, cho rằng công đức này tối thắng hơn trước, trăm phần ngàn vạn ức phần không bằng một phần, cho đến tính toán thí dụ không thể tính kể. Như vậy này A Nan! Tất cả Như Lai xưa kia ở nơi này, biết được tự tánh chúng sanh thanh tịnh, bị khách trần phiền não làm ô nhiễm nhưng không thể xâm nhập vào cảnh giới thanh tịnh của chúng sanh, có thể vì chúng sanh thuyết giảng pháp sâu xa vi diệu, khiến họ trừ bỏ phiền não chướng, tâm lượng thấp kém. Ta rộng lượng với chúng sanh khởi tâm tôn trọng, phát khởi cung kính Đại sư, sanh khởi Bát nhã, phát sanh Xà na, dấy khởi lòng bi lớn, nhờ vào những điều này mà Ta kiến lập pháp. Bồ-tát được nhập vào quả vị A-bệ-bạt-trí, thì nương vào trí như thật để được phương tiện, chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại trong kinh Niết Bàn dạy: Nếu đốt một cây hương cho đến dâng một cành hoa cúng dường Phật, Pháp,Tăng thì chắc chắn sanh vào nước không loạn. Nếu giữ gìn tốt vật của Phật Tăng, dọn quét chùa tháp Phật và phòng nhà Tăng chúng, hay với tâm hoan hỷ xây dựng tượng tháp chỉ bằng ngón tay trỏ thì cũng sanh vào nước không loạn. Đây là cõi Tịnh

độ, thường trang nghiêm, không bị ba chướng nạn làm rối loạn.

***Thứ 5: Duyên đi quanh tháp***

Như trong kinh Bồ Tát Bổn Hạnh dạy: Ngày xưa, khi Đức Phật còn ở đời, Ngài cùng với tôn giả A Nan khất thực trong thành Xá-vệ. Lúc ấy, ở đó có Bà-la-môn từ ngoài vào, thấy Đức Phật từ thành ra phát ánh sáng rực rỡ, liền vui mừng, đi quanh Ngài một vòng đảnh lễ rồi lui ra. Đức Phật mỉm cười, bảo tôn giả A Nan: Bà-la-môn này, gặp Ta vui vẻ, với tâm thanh tịnh đi quanh một vòng. Do công này, từ đây về sau, trải qua hai mươi lăm khiếp không rơi vào đường ác, hàng trời người vui mừng vô cùng, sau hai mươi lăm kiếp sẽ chứng được quả vị Phật, gọi là Trì-thân-na-kỳ-lợi. Do nhân duyên này, nếu ai đi vòng quanh Phật và tháp Phật thì sẽ được sanh vào cõi ấy được vô lượng phước đức.

Lại trong kinh Đề-vị dạy: Trưởng giả Đề-vị bạch Phật: Hương đăng tung hoa, đốt hương là để cúng dường, còn nhiễu quanh tháp thì được lợi ích gì?

Đức Phật dạy: Đi nhiễu quanh tháp có năm phước đức: Một là đời sau được tướng tốt, đoan nghiêm. Hai là được tiếng hay. Ba là được sanh lên cõi trời. Bốn là được sanh trong nhà vua chúa. Năm là được đạo Niết bàn. Do duyên gì mà được tướng đẹp đoan nghiêm? Vì thấy được tượng Phật mà vui mừng. Do duyên gì mà được tiếng hay? Do đã đi quanh tháp thuyết giảng kinh. Do duyên gì sanh lên cõi trời? Do khi đi quanh tháp tâm không phạm giới. Do duyên gì mà sanh vào nhà vua chúa? Do đảnh lễ sát chân Phật. Do duyên gì được đạo Niết bàn? Do có nhiều phước đức khác. Đức Phật dạy: Đi quanh tháp có ba phương pháp: Một là khi chân cất lên thì biết chân cất lên. Hai là khi chân đặt xuống, biết chân đặt xuống. Ba là không được ngó nhìn trái phải, khạc nhổ trên đất chùa, khi đi nhiễu theo hướng phải. Trong kinh luật cấm, chỉ đi về hướng phải, nếu đi về hướng trái thì bị các thần quở trách, cho đến đống lúa cũng nên đi quanh theo hướng phải, nếu trái lại thì thế gian sẽ chê cười. Hôm nay, đi như thế là thuận theo với trời, theo hướng Tây bắc. Bày vai phải hướng về Phật cung kính, đi quanh trăm vòng, mười vòng, bảy vòng, tất cả đều có ý nghĩa của nó. Thường nói đi ba vòng là biểu lộ tôn kính Tam bảo, diệt ba độc, làm sạch ba nghiệp, trừ ba đường ác, được thành tựu Tam bảo.

Kinh Hoa Nghiêm nói kệ:

*Muốn đi quanh tháp*
*Nguyện cho chúng sanh*

*Bố thí cứu giúp*
*Làm sáng ý đạo.*
*Nhiễu tháp ba vòng*
*Nguyện cho chúng sanh*
*Tâm ý đồng nhất*
*Bốn hỷ thường còn.*

Trong kinh Hiền Giả Ngũ Giới dạy: Đi quanh tháp ba vòng là biểu thị ba tôn kính: Một là Phật, hai là Pháp, ba là Tăng. Lại cũng nhớ nghĩ để diệt ba độc: Một tham, hai sân, ba si.

Lại trong Tam thiên oai nghi dạy: Nhiễu tháp có năm việc: Một là đê đầu sát đất. Hai là không giẫm đạp côn trùng. Ba là không được ngoái nhìn trái phải. Bốn là không được khạc nhổ lên đất trước tháp. Năm là không được trong tháp cùng nhau nói chuyện.

Trong kinh Đại Tập, Đức Phật bảo Phạn thiên vương: Chúng Thanh văn của Ta trong hiện tại và vị lai tương ứng ba nghiệp và cùng tương ưng với ba hạt giống Bồ đề, Hữu học, Vô học, trì giới đầy đủ, đa văn thiện hạnh, cứu độ chúng sanh ở trong biển ba cõi. Các thí chủ vì đệ tử Thanh văn của Ta mà xây dựng chùa tháp, lại dâng cúng những vật cần dùng và bà con của họ phó chúc cho các vị, chớ khiến vua xấu ác dùng những pháp sai lầm làm quấy nhiễu. Lúc ấy, Phạn vương, Đế thích, Thiên vương, Long vương, Dạ xoa...đều chấp tay hướng về Phật, thưa: Bạch Đại đức Bà-già-bà, đã có chùa tháp của chư Như Lai và nơi thanh vắng. Ở đời vị lai người tại gia hay xuất gia, vì đệ tử Thanh văn của Thế tôn mà xây chùa tháp, chúng con đều ủng hộ, để xa lìa các nạn lo sợ. Chúng con như vị thí chủ cung cấp những vật cần dùng như thức ăn uống, y phục, chỗ ngồi nằm, thuốc thang để hộ trì.

Trong kinh Thất Phật dạy: Thần bảo vệ chùa có mười tám vị: Một là Mỹ Âm, hai là Phạn Âm, ba là Thiên-cổ, bốn là Thán Diệu, năm là Thán Mỹ, sáu là Ma Diệu, bảy là Hương Âm, tám là Sư Tử, chín là Diệu Thán, mười là Phạn Hưởng, mười một là Nhơn Âm, mười hai là Phật Nô, mười ba là Thán Đức, mười bốn là Quãng Mục, mười lăm là Diệu Nhãn, mười sáu là Triệt Thính, mười bảy là Triệt Thị, mười tám là Biến Thị. Chùa cũng có chư thần hộ vệ nhưng người ở đó cũng nên cố gắng chớ lười biếng mà chịu quả báo ở hiện tại.

***Thứ 6: Duyên vào chùa***

Cho rằng: Theo Ấn độ, người nữ khi vào chùa, đến ngoài cổng chùa vui ví được gặp, nên trước hết phải sửa sang y phục, lễ tượng trưng

một lạy. Khi vào trong chùa rồi lại lạy một lạy mới khoan thai nhìn thẳng bước tới, không được trông ngóng liếc nhìn hai bên.

Kinh Niết Bàn dạy: Người đến Tăng có bảy pháp: Một là phát sanh lòng tin. Hai là lễ bái. Ba là nghe pháp. Bốn là chí tâm. Năm là suy nghĩ về nghĩa lý. Sáu là như lời dạy mà thực hành. Bảy là hồi hướng Đại thừa. Làm lợi ích an lạc cho nhiều người là an trú trong bảy pháp lành, tối thắng vô thượng không thể ví dụ.

Trong kinh Trưởng giả Úc-già, Đức Phật dạy Trưởng giả: Bồ tát tại gia, khi vào Tinh xá tháp của Phật trước phải đứng ngoài cửa lắng lòng làm lễ, sau đó vào Tinh xá tự nghĩ mà nói: Khi nào ta mới được như các vị ở trong chùa, thoát khỏi chốn bụi trần.

Lại trong luận Thập Tỳ-bà-sa dạy: Bồ tát tại gia nếu vào chùa, trước tiên muốn vào thì phải đứng ngoài cửa chùa, năm vóc sát đất nên nghĩ: Đây là nơi an trú của những thiện nhơn, tu tập lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả, thế nên ta cần lễ bái. Nếu gặp các Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi thì phải nghiêm chỉnh tôn kính lễ bái, gần gũi thưa hỏi.

Lại trong kinh Tự ái dạy: Bấy giờ, có vua của một nước đến chỗ Đức Phật, cách Tinh xá còn xa mà nhà vua đã xuống xe che lọng, cởi bỏ dao kiếm, giày dép, chấp tay vào thẳng.

Lại luật Tăng Kỳ dạy: Nếu đi nhìn thẳng thì khi trở lại chùa hợp với thân. Tóm lại khi đi, trước hết đặt gót chân xuống, sau đó mới hạ ngón chân.

Trong luận Trí Độ dạy: Trước khi đi phải nhất tâm, khoan thai, cất chân lên hay đặt xuống đều nhìn mặt đất mà đi, tránh tâm tán loạn, vì muốn bảo vệ chúng sanh. Đây gọi là tướng bất thối của Bồ tát.

Trong truyện Tây Quốc Tự Đồ kể: Đến chỗ Phật lễ ba lạy, nhiễu quanh tháp ba vòng, cùng tán thán ba lần. Lễ bái xong, mới đến bên ngoài phòng chúng Tăng lễ một lạy, sau đó vào gặp Thượng tọa thứ tự xuống dần, mỗi vị đều ba lạy. Nếu chúng Tăng nhiều thì một lạy. Nếu thấy việc chẳng như pháp thì cũng không được chê cười quở trách. Nếu nói ra lời trách móc hiềm khích thì tự mất lợi ích tốt lành, chẳng đúng phép vào chùa.

Trong kinh Niết Bàn dạy: Người vào chùa phải xả bỏ dao gậy và các vật tạp toái, sau đó mới được vào chùa. Xả bỏ dao gậy là từ bỏ tham, sân hướng tâm đến Tam bảo. Xả bỏ những vật tạp toái là từ sự xả bỏ để mong cầu Tam bảo. Khi diệt trừ hết hai việc này thì mới được vào chùa. Đi phải thuận với Phật, không được đi ngược chiều. Giả sử bị trở ngại nên đi theo hướng trái, thì phải luôn tưởng rằng ta đang ở phía phải

của Phật. Khi ra vào đều luôn chú tâm hướng về Phật lễ lạy. Tam bảo là luôn nghĩ là một thể duy nhất. Người nào hiểu biết trọn vẹn đầy đủ về Pháp thì được gọi là Phật. Những phương pháp để hiểu biết được đạo gọi là Pháp. Người học tập theo con đường của Đức Phật gọi là Tăng, tức là biết tất cả phàm phu, Hiền Thánh đều cùng một thể không hai. Khi vào chùa nên cúi đầu nhìn xuống đất, không được ngước lên cao, thấy đất có trùng chớ xao lãng để vô tình sát hại, thường tán thán khen ngợi, không được khạc nhổ trên đất Tăng. Nếu thấy cây cỏ không sạch thì nên nhổ chặt đi.

Trong luật Tứ Phần dạy: Khi đã vào chùa Tăng rồi, trước nên lễ tháp Phật, đến lễ tháp Thanh văn, sau đó lễ Thượng tọa thứ nhất cho đến Thượng tọa thứ tư

Lại luật Ngũ Phần dạy: Nếu vào chùa chúng Tăng nhiều thì chỉ riêng lễ thầy, còn những vị khác chỉ lễ đại diện rồi đi.

Trong luật Tứ phần dạy: Năm chúng xuất gia được lễ tháp người và tháp Phật.

Trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: Đệ tử được phép lễ lăng tẩm thầy để báo ân. Lại trong kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: Trong tháp không nên lễ người khác. Lại trong luật Thập tụng dạy: Trước tháp Phật, tháp Thanh văn, mình và người không nên làm lễ. Lại theo Ngũ bách vấn sự nói: Trước tháp Phật mà lễ người khác thì bị tội. Lại theo kinh Tam thiên oai nghi dạy: Không được ở chỗ cao mà làm lễ. Hiện nay, có nhiều chùa và các nhà thế tục đều ở trên giường mà lễ Phật, điều này đại kiêu mạn. Ví như muốn bái đại vương thì đâu được phép ở trên giường mà lễ lạy? Người đối với vua còn chưa được phép huống nữa đối với Pháp vương thì làm sao sánh được?

Theo luận Tỳ Ni Mẫu dạy: Không được mang giày dép da vào tháp.

Trong bách sự nói: Nếu các loại dép da, giày ủng sạch sẽ thì được phép mang lễ bái. Luật Tăng kỳ dạy: Nếu người thọ nhận lễ bái thì không được như dê câm chẳng nói, phải cùng nhau hỏi thăm sức khỏe ít bệnh, ít não, an vui cả chăng? Đường đạo không vất vả chứ? Kể rằng: Nếu có người hoặc bị nạn cần đến chùa vào ban đêm, thì không được nằm trên giường chiếu của chúng Tăng, tất nhiên không có lòng tư hữu, mượn giường nằm như pháp, nhưng không được cùng Tăng ngủ một giường, nên trong kinh Bảo Khiết dạy: Nếu cùng Tăng ngủ một giường dù chỉ nửa thân cũng bị chết khô, đọa vào địa ngục, chịu khổ lớn. Khi Tăng chưa ngủ không được ngủ trước, không được cười cợt, nói năng

chẳng đúng pháp, mất oai nghi sợ làm chúng động tâm, nếu có đi giải, khạc nhổ vì cầu ở lại đêm nên không đi ra ngoài vẫn không phạm. Khi ngủ nghiêng về bên phải sát giường, chân chồng lên nhau, tâm thường nghĩ tướng ánh sáng, nhớ sẽ thức dậy sớm, là biểu hiện nhân của người xuất gia. Nên kinh dạy: Người nằm ngửa là tướng nằm của Tu-la, nằm mặt ấp sát là dáng nằm của Ngạ-quỷ, nằm nghiêng phía bên trái là kiểu nằm của người tham dục, nằm nghiêng bên phải là tướng nằm của người xuất gia. Phải thức dậy trước chúng, thu xếp gọn gàng rồi đến trước phòng chúng Tăng.Trong kinh Sa-di oai nghi dạy: Nếu muốn vào phòng thầy thì gõ nhẹ ba tiếng.

Trong kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: Muốn vào phòng thầy, phải đủ năm pháp: Một là ở ngoài gõ. Hai là cất mũ nón. Ba là lễ bái. Bốn là đứng thẳng, thầy cho phép mới ngồi. Năm là không quên mang kinh vào.

Theo luật Tăng Kỳ dạy: Đệ tử phải dậy sớm, khi vào phòng thầy nên bước chân phải trước, đảnh lễ sát đất, thưa hỏi thầy có ngủ an giấc không? Nên trong luận Thiện kiến dạy: Đệ tử thưa hỏi thầy nên đứng cách xa sáu nơi: Một là không được đứng trước mặt thầy. Hai là không được đứng sau. Ba là không được đứng quá xa. Bốn là không được đứng quá sát. Năm là không được đứng chỗ cao. Sáu là không đứng trước gió mà phải đứng không gần không xa, chỉ đứng một bên khiến thầy nói nhỏ vẫn nghe được, không làm tổn sức của thầy. Khi hầu thầy, các oai nghi đi đứng đều không được lìa thầy. Theo luận Thiện kiến dạy: Đệ tử đi theo thầy, không được bước giẫm trên bóng của thầy. Kể: Nếu người nữ vào chùa, mọi cách thức đều giống trước, nhưng không được ngồi phía trên người nam, hình dáng nói cười, tô son đánh phấn, kẻ mi mày trang điểm giả tạo đều là cách trêu chọc. Hãy bảo người nữ cầm thau để rửa tay sửa sang chỉnh tề, cần nhất tâm nghiêm túc giáo hóa khiến họ theo lời dạy dâng hương, thành tâm cúng dường, sám hối tự trách mình đã sanh vào phái nữ thường bị chướng ngại, nên ở trong pháp diệu này mà tu trì, giữ gìn pháp Vô nhân, không được vì người mà sửa soạn, sao thật khổ thay! Nên sanh lòng thương xót. Nếu thấy Sa-di thì phải lễ bái như bậc đại Tăng, chớ vì giới phẩm nhỏ mà không cung kính. Vị Sa-di này tuy đối với bậc đại Tăng là nhỏ nhưng đối với thế tục lại lớn, nên phải hết lòng thực hành. Những pháp qui về người nữ thì rất nhiều, đã trình bày đủ trong quyển Pháp uyển châu lâm bách.

Kể là: Nếu người nam, người nữ nào đã xong công việc lâu dài, cần muốn ra khỏi chùa thì phải đến trước tháp Phật lễ ba lạy, lại nhiễu

quanh tháp ba vòng, chấp tay tán dương, sau đó ra ngoài cổng chùa lại vái một vái. Khi gặp chúng Tăng phải đến, nếu ít thì lễ mỗi vị ba lạy, nếu Tăng nhiều thì chỉ lễ tượng trưng ba lạy. Nên luật Thiện kiến dạy: Khi lễ Phật nên nhiễu tháp ba vòng và lễ ba lạy, lễ bốn phương, chấp mười đầu ngón tay sát nhau, đi tới gần rồi ra, trọn không thấy Như lai, lại hướng đến trước làm lễ rồi đi. Người vào chùa là tạo duyên xuất thế, xây dựng chùa là nhân duyên khai mở cõi tịnh, cúng dường Tăng là phép tắc của người xuất ly. Chỉ có người thế tục thiếu thốn vật chất, vào chốn già lam thanh tịnh, nhất cử nhất động đều sợ phép tắc nhưng về nhà thí ra đôi chút thì chuộc lại. Biểu trưng của Tăng là thí pháp, thế tục thì bố thí tài vật, mọi việc làm đều thích hợp với trong ngoài và có lợi ích.

***Thứ 7: Duyên tu sửa***

Trong kinh Y Tượng Pháp Quyết Nghi dạy: Gây tạo việc mới không bằng sửa đổi điều cũ, tạo phước không bằng lánh xa tai họa, những lời nói này nghiệm lại đúng như vậy. Hoặc có chùa tháp trong thôn xóm bị hư hỏng, thiền đường, chánh điện mục nát, phòng ốc sụp đổ, cửa cỏ nhà lá, không ngăn che được khói bụi, chỉ bình nước tưới vào nhà lá cũng không ngăn được gió sương. Cho nên tường cửa đổ nát, mùi hôi lan tràn, trên đường mất dấu chân người, Tăng chúng lưu lạc, không trau dồi tu tập, ngày càng suy sút, tạo tội lỗi sai chưa khi nào dừng bỏ, đêm tối đốt đèn mà tự mình chẳng biết, ngày sáng, cờ hoa đến nơi mà chẳng thấy, thiền đường bặt dứt, lời ca tụng hay ho, lư hương chỉ còn tro tàn của bụi trần, quỉ ác nổi dậy, các thiện thần hết ủng hộ, già lam không vững bền khiến Tăng chúng ngạo mạn, lười biếng. Phật pháp suy đồi đều do cư sĩ không cung kính. Những việc này không đau buồn mà còn mong cầu điều gì nữa?

Lại trong kinh Bảo Lương Khế dạy: Có một Hiền giả có tướng là vua của một nước. Thầy xem tướng thấy vậy bèn gán con gái cho ông ấy. Sau đó Hiền giả vào chùa, Ỷ vào già lam mà sanh kiêu ngạo, nên mất đi dáng vẻ quốc vương, bèn rơi vào địa ngục lớn.

Trong kinh Tát Già dạy: Hoặc có người không thích chùa, tháp và các hình tượng nên gây trở ngại trong thôn xóm, bèn chuyển đi nơi khác. Người ác như vậy, đã chấp giữ điều xấu ác làm rối loạn phân chia chúng sanh, trong phẩm thượng đã trị họ.

Theo kinh Thập Luận dạy: Nếu có người phá chùa, giết hại Tỳ-kheo thì lúc sắp chết, người ấy các chi đều đau nhức, nhiều ngày không

nói, khi chết rơi vào địa ngục A-tỳ, chịu mọi thứ khổ.

Lại trong kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: Quét trên tháp có năm việc: Một là không được mang giày lên. Hai là không được quay lưng vào tháp Phật mà quét. Ba là không được lấy đất tốt ở trên mà ném xuống. Bốn là không được dùng hoa cũ để dâng cúng tượng Phật. Năm là mỗi ngày phải rửa tay sạch, giặt khăn lau chùi tượng Phật. Lại có năm việc: Một là trước phải tưới đất. Hai là sang bằng ra. Ba là phải đợi cho khô ráo. Bốn là không được trái ngược. Năm là không được quét ngược gió. Lại có năm việc: Một không được quét sạch, bỏ đi đất tốt. Hai là phải tự tay nhặt cỏ. Ba là lấy đất mang xuống chỗ thấp. Bốn là không được quét dồn ở bốn góc. Năm là quét sạch trước tháp ba mươi thước. Theo kinh Chánh pháp niệm xứ dạy: Nếu có chúng sanh tâm thanh tịnh cúng dường chúng Tăng, quét dọn tháp Phật, khi chết được sanh về cõi trời Ý lạc, thân không có xương thịt và dơ bẩn, hương thơm thường bay khắp trăm do tuần. Thân này thường trong suốt như gương sáng. Kinh lại dạy: Nếu có chúng sanh biết được ruộng phước nên thấy tháp của Phật bị mưa gió, phòng chúng Tăng hư hoại, với tâm cầu phước mà sửa chữa tu bổ, lại bảo người khác sửa tháp, khi chết được sanh cõi trời, thân luôn trong suốt. Người thân tươi sáng này vào rừng lưu ly cùng với các thiên nữ hưởng thọ khoái lạc. Khi nghiệp hết, trở lại trong loài người thân vẫn trong sáng.

Trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Nếu ai quét hết phòng nhà chúng Tăng trong cõi Diêm phù thì cũng không bằng quét tháp Phật chỉ trong khuỷu tay.

Lại trong kinh Tuyển Tập Bách Duyên dạy: Quét đất được năm công đức: Một là trừ được tâm cấu uế của mình. Hai là từ bỏ tâm cấu uế của người. Ba là diệt trừ kiêu mạn. Bốn là điều phục được tâm. Năm là tăng trưởng công đức được sanh cõi lành.

Theo kinh Vô Cấu Thanh Tịnh Nữ Vấn dạy: Quét tháp được năm công đức: Một là tâm mình thanh tịnh, người khác thấy sanh tâm thanh tịnh. Hai là thương người. Ba là ưa thích cõi trời. Bốn là huân tập nghiệp chân chánh. Năm là lúc chết được sanh vào cõi trời Thiện đạo.

Trong kinh Sa-di Oai Nghi dạy: Quét đất có năm cách: Không được quét sau lưng người. Hai là không được quét ngược gió. Ba là trước nên rưới nước. Bốn là phải quét thật sạch. Năm là phải đi lui.

Theo kinh Tăng Nhất dạy: Quét tháp Phật có năm cách: Một là rưới nước trên đất. Hai là nhặt bỏ sỏi đá. Ba là làm cho đất bằng phẳng. Bốn là quét đất được tâm ngay thẳng. Năm là trừ bỏ xấu ác. Khi đất đã

sạch rồi, nên cầm hương hoa tung khắp mặt đất để cúng dường thì được vô lượng phước đức. Nên kinh Hoa Nghiêm nói kệ:

*Tung hoa trang nghiêm ánh sáng tịnh*
*Diệu hoa trang nghiêm để làm cờ*
*Rải các loại hoa khắp mười phương*
*Cúng dường tất cả chư Như Lai.*

Trong kinh Tiểu Pháp Diệt Tận dạy: Sau khi kiếp hỏa sanh khởi, chỗ đã từng xây dựng chùa thì không bị lửa cháy cho đến cõi kim cang làm bằng đài núi.

Trong kinh Bồ Tát Bổn Hạnh dạy: Thuở xưa khi Phật còn ở đời, Ngài bảo năm trăm vị A-la-hán: Các vị hãy nói những công đức đã làm đời quá khứ mà hôm nay được gặp Ta và có nhân duyên với đạo. Bấy giờ, có A-la-hán tên Định Quang, sau khi vào Niết bàn, phân chia Xá lợi, xây tháp cúng dường. Khi pháp sắp diệt, có người nghèo khổ không có cách để kiếm sống, bèn làm nghề bán củi, khi đến đầm chặt củi, từ xa thấy trong đầm có một chùa tháp rất đồ sộ, liền đến bên tháp, chiêm ngưỡng vui mừng đảnh lễ các hình tượng, lại thấy loài thú như cọp, chim bay đến đó để trú đêm. Trong đó đầy cả gai gốc cỏ lác lộn xộn, chẳng một bóng người, lại không có dấu chân đi cũng không có người cúng dường. Người nghèo thấy vậy đau xót, nhưng không biết thần lực và phước đức của Như Lai mà chỉ thích chặt dọn cây cỏ và những thứ dơ bẩn, dọn quét xong đi nhiễu quanh tháp tám vòng rồi đảnh lễ lui ra. Nhờ công đức này, sau khi chết được sanh vào cõi trời Quang-âm. Trong cung điện ấy, các báu ánh sáng chiếu rực rỡ, lộng lẫy nhất trong các cõi trời không thể tính kể. Khi kết thúc ở cõi trời được một trăm lần sanh làm vua Chuyển luân, bảy báu tự nhiên có, làm vua trong thiên hạ. Sau khi qua đời, được sanh vào nhà trưởng giả dòng họ lớn của quốc vương, tài sản giàu có vô lượng, sắc tướng đoan chánh tuyệt vời không ai bằng, ai thấy cũng yêu thích tôn kính. Vị ấy khi đi, đường tự nhiên sạch sẽ, trong hư không mưa các thứ hoa. Bà-yết-đa nói: Người nghèo xưa kia nay chính là thân Ta, do trước Ta đã quét tháp mà tự nhiên sanh ra nơi này. Trong một a tăng kỳ chín mươi kiếp không rơi vào đường ác, giàu sang phú quý trong thế gian và cõi trời, tự nhiên giàu có hưởng thọ khoái lạc vô cùng. Thân sau cùng này gặp Đức Phật Thích-ca, từ bỏ phú quý đi xuất gia chứng đắc quả A-la-hán, thành tựu ba minh sáu thông và tám giải thoát. Nếu có người đối với Phật Pháp Tăng làm chút việc thiện nhỏ như đầu sợi lông thì được sanh ra nơi hưởng thọ phước báo rộng lớn không có cùng tận.

Lại trong kinh Thí Dụ dạy: Thời Đức Phật Tỳ Bà Thi có thái tử Kỳ-đà đưa đến hai người giúp việc để quét chùa tháp. Do công đức này mà đời đời thường được bảy báu, cung điện nhà cửa, hai bên cửa tự nhiên thường xuất hiện  vàng bạc, nam nữ nâng bình tràn đầy bảy báu lấy mãi không hết. Vào ban đêm tự nhiên thường xuất hiện quân lính cõi trời, có hơn năm trăm binh sĩ bảo vệ nhà cửa, không giám đến gần. Bảy xe báu của vua là: Một là kim luân báu. Hai là  bạch tượng báu. Ba là căm mã báu. Bốn là thần châu báu. Năm là ngọc nữ báu. Sáu là chủ tạng thần báu. Bảy là chủ binh thần báu.

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Xưa kia trong nước Xá vệ, có một trưởng giả xây chùa tháp, sau đó qua đời sanh vào cung trời Đao-lợi. Người vợ ngày đêm nhớ mãi người chồng cũ, ưu sầu khổ não. Vì thường nhớ chồng nên hay quét dọn chùa tháp mà chồng mình đã xây dựng. Người chồng nhìn xuống thấy liền đến nơi người vợ, ân cần hỏi thăm sức khỏe và nói: Nàng nhớ ta nên buồn rầu lắm chăng?

Người vợ nói: Ngươi là ai?

Người chồng liền trả lời: Ta là chồng của nàng, nhờ công đức xây tháp mà được sanh lên cõi trời, thấy nàng nhớ ta mà sửa sang chùa tháp nên đến đây.

Người vợ nói: Hãy đến gần em đi!

Người chồng liền đáp: Thân người ô uế nên không thể gần được. Nàng muốn làm vợ của ta thì siêng năng cúng dường chư Phật, chúng Tăng và sửa sang quét dọn chùa tháp để cầu mong về cõi trời của ta. Nếu được sanh lên cõi trời thì ta chắc chắn lại lấy nàng làm vợ.

Người vợ nghe theo chồng làm các công đức, phát nguyện sanh lên cõi trời. Sau đó, bà qua đời được sanh lên cõi trời lại được làm vợ người ấy. Hai vợ chồng cùng nhau đến chỗ Phật được nghe Ngài thuyết pháp, họ đều chứng quả Tu-đà-hoàn, sau đó trở về cõi trời.

Lại trong luận Phân biệt công đức dạy: Xưa ở trong thành Xá-vệ có cặp vợ chồng, hai người không có con, người chồng thường tin kính Tam bảo, người vợ mất sớm. Do tin kính Tam bảo nên được sanh lên cõi trời Đao-lợi, làm Thiên nữ trẻ, sắc mặt tuyệt đẹp trong số ấy. Thiên nữ nghĩ, ta rất đẹp, hôm nay, trong đây ai là chồng của ta? Liền dùng thiên nhãn thấy được người chồng xưa, nay xuất gia đã già trí tuệ lẫn lộn, thường có đức tin nên siêng năng quét dọn chùa tháp, thấy chồng mình quét dọn chắc chắn được sanh lên cõi trời. Thiên nữ liền hạ xuống, ánh sáng chiếu rực rỡ, đứng trước mặt chồng. Vị Tỳ-kheo thấy rồi liền hỏi nhân duyên đó.

Thiên nữ đáp: Tôi là vợ của người, nay là Thiên nữ. Tôi quán sát thấy ở trên cõi trời không có ai chồng của ta, thấy người tinh tấn quét dọn chùa tháp chắc chắn được sanh cõi trời, nếu được sanh lên đó thì mong cùng ở một chỗ, lại kết duyên vợ chồng. Do đó, tôi đến đây để bày tỏ tình cảnh, nói xong trở lại cõi trời. Khi đó, Tỳ-kheo ấy biết được sự việc này, từ đây trở đi càng tinh tấn hơn, tu sửa chùa tháp, tích lũy càng nhiều công đức nên được sanh lên cõi trời Đâu-suất thứ tư. Thiên nữ nhớ chồng liền đến nói: Người có rất nhiều phước nên được sanh vào trời Đâu-suất. Hôm nay, tôi lại không được làm vợ của người, nói xong lại đi. Vị Tỳ-kheo nghe rồi càng siêng năng gấp bội liền đắc quả A-la-hán, ba minh, sáu thông và đủ tám giải thoát.

Trong kinh Bách Duyên dạy: Khi Đức Phật còn tại thế, trong thành Ca-tỳ-la, có một trưởng giả, tài sản vô lượng, vợ chồng ông thường quét dọn chùa tháp nên sanh đứa con đoan chánh đẹp đẽ, ai thấy cũng tôn kính, đã nhiều lần được gặp Phật, chứng quả vị A-la-hán. Bấy giờ, Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

Ở trong đời quá khứ chín mươi mốt kiếp có Đức Phật Tỳ Bà Thi sau khi vào Niết bàn, có vua Bàn-đầu-mạc-đế thâu nhặt Xá lợi, xây bốn tháp báu cúng dường. Về sau, bị hư hỏng chút ít. Có đồng tử vào tháp thấy như thế, tỏ ra vui vẻ, muốn tập trung mọi người trao đổi cùng nhau tu sửa tháp, phát nguyện xong rồi đi. Do công đức này trải qua chín mươi kiếp không rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ở trong trời người hưởng thọ khoái lạc, luôn được sự tôn kính của trời người, cho đến hôm nay lại gặp Ta, được sự tôn kính của mọi người, đã xuất gia đắc đạo, nghe Phật thuyết pháp hoan hỷ phụng hành. Kệ viết:

*Di thân tám vạn tháp*
*Xây báu cao trăm trượng*
*Nghi phượng, linh điểu khác*
*Tháp vàng thay tay Phật.*
*Điêu khắc vào các góc*
*Lưới cây làm mái cao*
*Đất báu các trong hồ*
*Gió linh vang ra tiếng*
*Khắc dũa cả ngàn lần*
*Vạn bức tượng xanh đỏ*
*Hoa văn khi mờ, tỏ*
*Thần tiên bỗng nhiên đến.*
*Sương phủ nửa tầng nhà*

*Cờ bay lên khỏi mây*
*Nghê đến không dám dừng*
*Gà liệng nương vào đâu*
*Phước địa hạ dây vàng*
*Báo trời đâu hư dối*
*Nguyện mượn thuyền cuối cùng*
*Bờ kia người nói lớn.*

--------------------------------

## PHẦN THỨ 3: NHIẾP NIỆM

- Duyên thuật ý
- Duyên thập niệm
- Duyên lục niệm
- Duyên phát nguyện.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Tâm phàm phu khó giữ gìn. Ví như loài vượn trên núi, thường theo cảnh bên ngoài, giống như voi say, ba nghiệp luôn dấy động, do duyên trợ giúp nên càng tăng trưởng, vì thế Đức Phật chế giới để chế ngự. Trong kinh dạy: Phải lấy tâm làm thầy, tâm không phải thầy thì các nghiệp thân, miệng, ý không cho là ác cùng với thân giới tâm tuệ vững chắc như núi. Trong kinh lại dạy: Giữ tâm một chỗ thì việc gì cũng thành tựu, nhưng tâm tánh mê hoặc điên đảo, thấy "ta" là trên hết, phiền não mê hoặc khó mà nhiếp phục, rối loạn sai sử mọi việc, ở trong tất cả lúc cao mạn khó dẹp trừ. Tự mình không cầu nơi vắng lặng để trừ bỏ được ba độc, thân không phóng túng, miệng thì im lặng, ít ngủ thức nhiều, thường ngồi, ăn uống dè dặt, suy nghĩ về chánh pháp, biết rõ chẳng có, hữu, vô, thân ngay tâm chánh, buộc niệm trước mặt. Những lời dạy đó gọi là nhiếp niệm.

***Thứ 2: Duyên mười niệm***

Như kinh Tăng nhất A Hàm dạy: Bấy giờ Thế tôn bảo các Tỳ-kheo phải tu tập mười pháp khiến thành tựu thần thông để trừ bỏ tưởng tán loạn, đạt đến Niết bàn. Một là niệm Phật. Hai là niệm Pháp. Ba là niệm Tăng. Bốn là niệm giới. Năm là niệm thí. Sáu là niệm thiên. Bảy là niệm hơi thở. Tám là niệm an bát (thiền định). Chín là niệm thân vô

thường. Mười là niệm chết, nên khéo tu tập.

*Niệm Phật, Pháp và Tăng,*
*Niệm giới thí và thiên,*
*Hơi thở và an bát,*
*Sau cùng niệm thân, chết.*

+ Thứ nhất niệm Phật là chuyên cần niệm Phật, công đức đầy đủ hình tướng của Như lai. Thân trí Ngài không có giới hạn biến khắp mọi nơi, đều biết tất cả, tu tập một pháp mà đạt đến Niết bàn, không lìa niệm Phật được các công đức, gọi là niệm Phật.

+ Thứ hai là niệm Pháp, siêng năng niệm Pháp, từ bỏ tham muốn, không còn tâm phiền não khát ái, vĩnh viễn xa lìa không cho phát khởi, đối với dục không còn ưa thích, trừ bỏ bệnh trói buộc, ngăn che, giống như với mùi vị các loài hương, không có các niệm vọng tưởng sai lầm, khiến được thành tựu thần thông đạt đến Niết bàn, tư duy không xa lìa, đạt được công đức, gọi là niệm Pháp.

+ Thứ ba là niệm Tăng, là chuyên cần niệm Thánh chúng của Như lai, thành tựu trí tuệ chân thật không tà kiến, trên dưới hòa kính, với bốn quả bốn hướng của thánh chúng Như Lai nên tôn kính làm theo, diệt trừ các vọng tưởng, đạt đến Niết bàn, không xa lìa niệm Tăng, thành tựu các công đức, gọi là niệm Tăng.

+ Thứ tư là niệm Giới, giới là dừng các điều ác, giới có khả năng thành tựu đạo quả, làm cho người an vui, giới như chuỗi anh lạc đeo trên thân, hiện ra các tướng đẹp, giới như bình nước trong lành, đạt được mọi mong cầu, để khắc phục đoạn trừ các loạn tưởng đạt đến Niết bàn, không xa lìa niệm giới, liền đạt được các công đức, gọi là niệm Giới.

+ Thứ năm là niệm Thí, người chuyên cần niệm thí, sự bố thí tối thượng, vĩnh viễn không hối tiếc, không mong cầu báo đáp, vui vẻ được lợi lớn. Nếu có người nhục mạ, lại dùng thêm dao gậy thì phải khởi tâm từ không sanh khởi sân giận. Với Ta và người được bố thí, vật bố thí tâm đều thanh tịnh, diệt trừ các vọng tưởng, đạt được Niết bàn, không xa lìa niệm Thí để thành tựu các công đức, gọi là niệm Thí.

+ Thứ sáu là niệm Thiên, người chuyên cần niệm Thiên, thân, miệng, ý thanh tịnh không làm việc xấu ác, thực hành giới thành tựu thân. Thân phóng ánh sáng chiếu khắp mọi nơi, thành tựu phước báo nghiệp thiện của thân trời thành tựu đầy đủ các hạnh thân trời, trừ bỏ các vọng tưởng, đạt được Niết bàn, không xa lìa niệm Thiên, liền được các công đức, gọi là niệm Thiên.

+ Thứ bảy là niệm Hơi thở, người tâm ý nhớ nghĩ đến hơi thở,

bản tánh sáng suốt vững chắc cũng không trôi chảy theo dòng, thường chuyên tâm, ưa thích ở nơi thanh vắng, thường mong cầu phương tiện nhập vào định Tam muội, luôn nhớ nghĩ không tham, đạt được ánh sáng thù thắng để trừ bỏ vọng tưởng, đạt đến Niết bàn, không xa lìa niệm hơi thở, liền được các công đức, gọi là niệm Hơi thở.

+ Thứ tám là niệm An bát, người chuyên cần niệm An bát là khi thở dài quán biết ta đang thở dài, khi thở ngắn thì cũng biết ta đang thở ngắn, hoặc hơi thở lạnh, nóng đều thấy biết hơi thở ta đang lạnh nóng, đếm hơi thở ra vào, dài ngắn, để diệt trừ các vọng tưởng, đạt đến Niết bàn, không xa lìa niệm An bát liền được các công đức, gọi là niệm An bát.

+ Thứ chín là niệm Thân, người chuyên cần niệm thân, là nghĩ đến tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, mật, gan, phổi, lá lách, tim, thận, ruột già, ruột non, ruột thừa bàng quang, trăm thứ nước giải, phân dơ, ung nhọt, nước mắt, đàm, mủ, máu, mỡ, nước dãi, đầu lâu, não... Những gì là thân? Là Địa chủng, Thủy chủng, Hỏa chủng, Phong chủng, tất cả đều do cha mẹ mà thành. Từ nơi nào đến? Do những gì đã tạo thành? Sáu căn ở trong thân này sau khi chết sẽ sanh về đâu? Nếu ai diệt trừ những vọng tưởng ấy, đạt đến Niết bàn, không xa lìa niệm thân để được công đức, gọi là niệm Thân.

+ Thứ mười là niệm Chết, luôn nhớ đến sự chết, chết đây rồi sanh nơi kia, mạng sống qua mãi không dừng, các căn hư hoại như cây gỗ mục, mạng căn đoạn dứt, dòng họ phân ly, không hình, không tiếng, cũng không tướng mạo, trừ bỏ vọng tưởng để đạt Niết bàn, không lìa niệm chết để được công đức, gọi là niệm Chết. Nói kệ:

*Niệm Phật, Pháp và Tăng*
*Cho đến niệm Thân, Chết*
*Tuy nói trên là đồng*
*Nhưng nghĩa đều khác biệt.*

***Thứ 3: Duyên sáu niệm***

Lại trong luận Phân biệt công đức dạy:

Thứ nhất, niệm Phật là niệm những gì? Thân Kim cang Phật không có các lậu. Khi Ngài đi cách mặt đất bốn tất có ngàn tướng bánh xe, các hoa văn ở chân in trên mặt đất, khi cất bước các côn trùng dưới chân được an ổn bảy ngày, lúc chúng chết đều sanh lên cõi trời. Xưa kia, có Tỳ-kheo xấu ác, vốn là ngoại đạo giả mượn y phục để phỉ báng, liền đến chỗ Như lai, lại giết những loài trùng bay, rồi đặt vào dấu chân của

Đức Phật, cho là Ngài đã giẫm chết. Côn trùng tuy đã chết nhưng gặp dấu chân Phật liền sống lại. Hoặc vào thành ấp, chân đạp vào thành cửa, chấn động cả trời đất, trăm thứ âm nhạc không đánh mà tự vang, trăm thứ bệnh mù điếc câm, đều tự tiêu biến, thấy được tướng tốt của Phật, tùy theo đức hạnh mà được độ, công đức đầy đủ không thể tính kể. Nói tóm lại, niệm Phật là đứng đầu trong muôn hạnh, nên niệm Phật là nghĩa này vậy.

Thứ hai, niệm Pháp. Pháp là đạo vô vi, vô dục. Phật là vua của pháp. Pháp là chủ của các phiền não. Pháp xuất phát từ Đức Phật. Pháp sanh khởi ra đạo. Pháp như vậy, sao không niệm Pháp trước rồi niệm Phật sau?

Đáp: Pháp tuy vi diệu nhưng không thể biết được, do ẩn kín khắp nơi, nên cần người thông suốt để chỉ dạy mới tự thoát khỏi nghèo khổ. Pháp cũng như vậy, nghĩa lý huyền diệu nên chỉ có Như Lai mới xiển dương. Do đó mà phải niệm Phật trước, niệm Pháp sau.

Thứ ba, niệm Tăng là bốn hướng, bốn quả và mười hai Hiền sĩ đã bỏ những tham muốn ở đời để khai thị, giáo hóa trời người, tức là ruộng phước cho chúng sanh. Xưa kia, có Tỳ-kheo Phạn-ma-đạt ít phước, ở trong chúng một ngàn hai trăm hai mươi vị, khiến cho chúng Tăng không đủ ăn mà chẳng biết ai gây ra lỗi này. Đức Phật liền bảo, phân chúng làm hai, thì một bên được thức ăn và bên kia không được. Lại phân chúng được thức ăn thành hai thì bên được và bên không được. Như vậy, cho đến còn lại hai người thì cũng một người được thức ăn và người không được, lúc đó mới biết người không có phước, tuy (thức ăn) đã đến bát nhưng tự tiêu mất. Đức Phật xót thương hoạn nạn của vị ấy nên tự tay đưa thức ăn vào bình bát, do năng lực phước đức của Ngài đã cản lại mà không bị mất đi. Đức Phật muốn thân hiện tại của vị ấy được phước, nên bảo hai Tỳ-kheo lấy hết thức ăn để vị ấy được no đủ, lập tức được phước. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc nghe Đức Phật thương xót cho vị Tỳ-kheo ít phước ăn, hôm nay, ta cũng vì vị ấy mà làm phước, liền cho gạo dư thừa. Khi ấy, có con chim bay đến, ngậm lấy hạt gạo đi, làm cho mọi người kêu lên: Nhà vua vì Tỳ-kheo Phạn Ma Đạt mà làm phước, sao chim lại lấy đi? Chim liền mang trả về chỗ cũ. Lý do là như vầy: Tỳ-kheo này nhờ năng lực phước đức của Tăng chúng nên chim và muôn thú không đến phá hại, do đây biết được ruộng phước tốt lành, rồi độ mình độ người cho đến đạo ba thừa, pháp niệm chúng Tăng có nghĩa lí như vậy.

Thứ tư, niệm Giới là từ năm giới, mười giới, hai trăm năm mươi

giới cho đến năm trăm giới, tất cả đều chế ngự thân miệng,.. từ bỏ các sai lầm, kiểm soát sáu căn, diệt trừ nhớ nghĩ tham muốn, biểu lộ sự thanh tịnh, ấy là tánh của giới. Xưa có hai vị Tỳ-kheo cùng đến chỗ Phật, giữa đường xa gặp đầm khô nước chỉ còn lại bùn, khi đó có ao nhỏ, rất nhiều trùng. Một Tỳ-kheo giữ giới lấy việc không phạm giới làm đầu, nên suy nghĩ nếu uống nước này thì sát sanh quá nhiều, thà bị chết mà bảo toàn giới luật, nên khi chết được sanh lên cõi trời. Vị Tỳ-kheo khác lại nghĩ, uống nước giữ được mạng sống để đến được gặp Phật mà chẳng biết sau khi chết sanh ở đâu, liền uống nước có côn trùng, giết hại rất nhiều, tuy được thấy Phật nhưng cách Ngài rất xa, liền than khóc, hướng về Đức Phật thưa: Bạn cùng đi với con đã qua đời. Đức Phật chỉ tay lên trời bảo: Thầy có biết cõi trời này không? Cõi trời ấy là bạn ông, nhờ công đức bảo toàn giới luật liền được sanh lên cõi trời. Hôm nay, thầy đến đây tuy thấy Ta nhưng còn cách Ta còn xa, thầy kia tuy mất mạng nhưng luôn ở bên Ta. Nay thầy thấy Ta là thấy sắc thân của Ta mà đâu thấy giới chân thật. Nên kinh dạy: Ba-la-đề-mộc-xoa là đại sư của các vị. Nếu có người nào trì giới mà lần lượt truyền trao cho người, thì pháp thân của Như Lai thường trú không diệt. Giới có ba loại: Một là tục giới. Hai là đạo giới. Ba là định giới. Giữ đủ năm giới, tám giới hay mười giới là tục giới. Bốn đế vô lậu là đạo giới. Tam muội thiền định là định giới. Lấy trí tuệ giữ giới để thành tựu vô lậu mới hợp với đạo giới. Giới của hàng Thanh văn như hoa ở đầu gối, khi động đến liền tan biến. Bồ tát trì giới như hoa cài trên đầu, đi đứng đều không động. Tiểu thừa khi động thì mất hết oai nghi. Bồ tát tâm nguyện không chấp vào pháp bên ngoài. Đại, Tiểu thừa khuôn khổ khác nhau, nên lấy tâm hình trái nhau, trong ngoài tuy khác nhưng cùng đến Niết bàn, nên gọi là Niệm giới.

Trong kinh Phật Bát Nê Hoàn dạy: Muốn gần đạo cần có bốn Hỷ, nên khéo niệm và hành cho tốt. Một là tâm thích niệm Phật không xa lìa. Hai là thường thích niệm Pháp. Ba là luôn thích niệm Tăng. Bốn là thường thích niệm Giới. Nhớ nghĩ bốn điều ưa thích liền được đầy đủ, mà tự biến đâu là vọng, chơn để vượt qua, mong cầu giải thoát thân này, có thể đoạn trừ các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tuy còn sanh trong loài trời người nhưng không quá bảy lần mà đoạn được khổ tế.

Lại trong kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: Cần nhớ nghĩ năm việc. Một là phải nhớ nghĩ công đức Phật. Hai là nhớ nghĩ giới kinh Phật. Ba là cần nhớ nghĩ trí tuệ Phật. Bốn là thường nhớ nghĩ ân khó báo đáp của Phật. Năm là thường niệm tinh tấn và Niết bàn của Phật. Lại có năm việc: Thường nhớ nghĩ Tỳ-kheo Tăng. Hai là thường nhớ nghĩ ân thầy.

Ba thường nhớ nghĩ ơn cha mẹ. Bốn là thường nhớ nghĩ ơn bạn cùng học. Năm là thường nhớ nghĩ ơn những người đã làm cho ta thoát khỏi những nổi khổ.

Lai nữa, trong kinh Xứ Xứ dạy: Ví như cát trong biển lớn không thể tính biết, như người tạo nghiệp ác, thiện thì trước sau họa phước không thể tính, chủ yếu là khi sắp chết, làm việc ác thì gặp nơi xấu ác, còn làm điều lành thì gặp lành, họa phước đều đã chuẩn bị sẵn ở đó, lại cũng chuẩn bị sẵn ở cha mẹ, anh em, vợ con quyến thuộc, khi đắc đạo mới dứt. Nếu không đắc đạo thì còn tiếp diễn. Đức Phật bảo Tỳ-kheo, thường nhớ nghĩ thân mình là vô thường. Có một Tỳ-kheo thưa Phật: Con nhớ nghĩ vô thường, như người ở thế gian thật có năm mươi thứ dơ uế.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này!

Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có ba mươi thứ uế.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này!

Có một Tỳ-kheo thưa: Có mười thứ uế.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này!

Lại có Tỳ-kheo thưa: Có một thứ uế.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này!

Lại có Tỳ-kheo thưa: Có một tháng.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này.

Lại có Tỳ-kheo thưa: Có một ngày.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này.

Lại có Tỳ-kheo thưa: Chỉ trong khoảnh khắc.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này!

Lại có Tỳ-kheo thưa: Chỉ trong hơi thở.

Đức Phật dạy: Đúng vậy! Hơi thở ra mà không trở lại thì thuộc về đời sau. Mạng người nhanh chóng chỉ trong hơi thở.

Trong kinh Tỳ Ni Mẫu dạy: Nếu thuyết pháp cho Tỳ-kheo thì thường nhớ nghĩ quán thân Khổ, Không,Vô thường, Vô ngã, Bất tịnh chớ để quên mất. Vì sao? Vì phải được mười hai niệm mới thành tựu pháp của bậc Thánh. Mười hai niệm là gì? Một là nhớ nghĩ thành tựu thân mình. Hai là nhớ nghĩ thành tựu thân người khác. Ba là nhớ nghĩ, sự nguyện được thân người. Bốn là là nhớ nghĩ sanh vào gia đình có dòng họ tôn quý. Năm là nhớ nghĩ ở trong Phật pháp để sanh lòng tin. Sáu là nhớ nghĩ việc sanh ở nơi nào mà không cần gia công vẫn được các pháp. Bảy là nhớ nghĩ việc sanh ở nào mà các căn đầy đủ. Tám là nhớ nghĩ việc gặp Phật Thế tôn xuất hiện ở đời. Chín là nhớ nghĩ việc

sanh ở đâu thường được thuyết giảng chánh pháp. Mười là nhớ nghĩ việc nguyện được thuyết pháp thường tồn tại lâu dài. Mười một là nhớ nghĩ việc mong cầu pháp thường còn để tùy thuận tu tập. Mười hai là nhớ nghĩ việc thường được tâm thương xót chúng sanh. Nhớ nghĩ đầy đủ mười hai pháp này thì chắc chắn thành tựu pháp của bậc Thánh.

***Thứ 4: Duyên phát nguyện***

Quả vị Phật là tối thắng (?) đến dần dần đạt đến. Là do phát nguyện lớn mà thành tựu, thì phước đức vi diệu chiếu sáng vô cùng. Ban đầu phát nguyện, thì thề nguyện đó biến khắp không gian. Cứ một niệm phát khởi thì được hoa tốt lành trong một trần kiếp. Nếu cung kính chỉ trong nửa khắc thì cũng được nước cam lồ trong một đại kiếp, bởi vì căn cơ của đại thừa là bến bờ của Chủng trí.

Trong luận Địa-trì dạy: Phát nguyện của Bồ tát tóm tắt có năm loại. Một là nguyện phát tâm. Hai là nguyện sanh. Ba là nguyện bình đẳng. Bốn là nguyện cảnh giới. Năm là nguyện lớn. Bồ tát ấy mới phát tâm Vô thượng Bồ-đề, gọi là nguyện phát tâm. Hai là nguyện, đời vị lai vì chúng sanh mà sanh vào các cõi, gọi là nguyện sanh. Nguyện thấy được các pháp chơn chánh, vô lượng các căn lành, tư duy cảnh giới, gọi là nguyện cảnh giới. Nguyện đời vị lai giữ gìn hoàn toàn những việc của các Bồ tát, gọi là Bồ tát nguyện bình đẳng. Nguyện lớn là nguyện bình đẳng.

Lại nói Bồ tát có mười điều nguyện lớn: Một là nguyện cúng dường đầy đủ vô lượng chư Phật. Hai là nguyện hộ trì chánh pháp của chư Phật. Ba là nguyện hiểu rõ chánh pháp chư Phật. Bốn là nguyện sanh cõi trời Đâu suất đạt đến Niết bàn. Năm là nguyện thực hành tất cả hạnh chơn chánh của Bồ tát. Sáu là nguyện thành tựu tất cả chúng sanh. Bảy là nguyện tất cả thế giới đều có thể thị hiện. Tám là nguyện tất cả Bồ tát cùng dùng phương tiện Đại thừa độ. Chín là nguyện tất cả chánh hạnh phương tiện vô ngại. Mười là nguyện chứng đắc Vô thượng Chánh giác. Bồ tát này an trú vào sơ địa, dùng phương tiện lòng tin thanh tịnh, ở đời vị lai sanh mười nguyện lớn. Một lá do tâm thanh tịnh thường nguyện cúng dường chư Phật. Hai là thọ trì bảo vệ chánh pháp của chư Phật. Ba là khuyến thỉnh chư Phật trao truyền pháp chưa từng có. Bốn là thực hành theo hạnh chơn chánh của Bồ tát. Năm là tất cả chúng sanh đều thuần thục. Sáu là có thể thị hiện trong tất cả thế giới. Bảy là tự làm sạch cõi Phật. Tám là tất cả Bồ tát đều dùng phương tiện để giáo hóa Đại thừa. Chín là làm lợi ích cho chúng sanh được đầy đủ.

Mười là tất cả thế giới đều chứng đắc quả vị Bồ-đề để hành các Phật sự. Kệ tụng:

*Ném gậy tin là nhanh*
*Điệu đàn hay không nhiễm*
*Vượn chuyền chế ngự được,*
*Ngựa phóng khó an trú*
*Rong ruỗi theo thanh sắc,*
*Mão quan đẹp lộng lẫy,*
*Đã vào dòng họ vua,*
*Lại làm trẻ trong nhà,*
*Tâm tịnh lắng nghiệp xấu,*
*Xét nghĩ thân lỗi lầm,*
*Hầu hết bằng bảy báu,*
*Khi dùng trừ ba tà.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 3)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 4

### PHẦN THỨ 4: NHẬP ĐẠO

- Duyên thuật ý.
- Duyên vui buồn.
- Duyên xuất gia.
- Duyên dẫn chứng.

***Thứ 1: trình bày về duyên ý***

Ví như do duyên mà giả có, căn cơ thấp kém của chúng sanh, pháp vốn không như vậy, cho đến nhập vào lý vi diệu, là do ba cõi, sáu đường tạo nghiệp chướng mà tự mê mờ. Tám giải thoát, mười trí, tôn kính quay về tông chỉ mà được thông suốt. Do đó, Đức Phật tùy theo nhân duyên ban bố giáo pháp, lo cho ngôi nhà lửa đã bị cháy, tổn hại sẽ lưu lại muôn đời. Cho nên thác sanh vào cung của vua Bạch Tịnh, hiện sắc thân màu vàng, ở trong đó càng tăng ba hoặc, thấy rõ cảnh trong cung là giả dối. Người liền đi ra bốn cửa thành, nhàm chán cảnh phù du dễ tan hoại, mà tự than rằng, đời này sao lại mong manh đổi thay như vậy. Đến cung Thiên vương dẫn con ngựa trắng vượt thành, đưa mũ báu cho sứ giả để lại trong cung, cởi bỏ hài lại, đi tìm chân lý, sự việc là như vậy. Dù quan Đại tiêu đã thưa trình các hoàng tử đều biết nhưng vẫn để ngoài tai mà đến núi Ky, Trang Chu dẫn từ đầu đến cuối dòng nước, mới từ bỏ được tục. Đâu có dám khinh thường Người, khiến hâm mộ người có đức, đoạn trừ ác để lập thân. Được sự tôn kính thì tự mình lắng sạch mà tu thiện, phá hủy thân hình để thành tựu chí nguyện, nên cạo bỏ râu tóc, hình tướng đẹp của thế tục, biến tục để hợp với đạo, xả bỏ xe vua, áo gấm hoa. Tuy hình tướng tỏ ra thân cận nhưng trong lòng muốn bỏ đi sự hiếu kính nối ngôi làm vua, nhưng trong tâm vẫn giấu kín ân đó. Thấu rõ được thân thù là thành tựu thuận lợi lớn,đầy đủ phước đức soi tỏ nơi tối tăm, đâu câu nệ việc nhỏ sai trái. Bậc thượng trí theo lời

dạy của Phật mà được lợi ích, kẻ phàm phu phụ lời dạy của bậc Thánh nên bị tổn hại. Sửa đổi những xấu ác thì người hoàn toàn trong sạch, siêng năng làm thiện thì thấu đạt, cảm hóa được mọi người. Cho nên, những vị tiên ở núi trước đó bỏ làm quan mà đến thiền định bên sông, rồi đi theo con đường khổ hạnh, dùng nước sạch tắm gội toàn thân quý, đến dưới cây thọ thực ở nơi đạo tràng, được cúng dường cơm cháo và toà cỏ. Ấy là mười trí lực viên mãn và sáu thần thông trong quyển Ma binh điện mà thành tựu đạo Chánh giác.

***Thứ 2: Duyên hân hoan và nhàm chán***

Như trong kinh Văn Thù Sư Lợi dạy: Tất cả công đức không bằng tâm của người xuất gia. Vì sao? Vì người tại gia có nhiều hoạn nạn, người xuất gia có vô lượng công đức. Người tại gia bị các chướng ngại, người xuất gia không có chướng ngại. Người tại gia ở nơi cấu uế, người xuất gia ở nơi trong sạch. Người tại gia bị chìm đắm trong bùn tham dục, người xuất gia ra khỏi bùn tham dục. Người tại gia là theo pháp của người ngu, người xuất gia xa lìa pháp của người ngu. Người tại gia không được mạng sống chơn chánh, người xuất gia có mạng sống chơn chánh. Người tại gia ở trong lo buồn khổ não, người xuất gia ở nơi chỗ an vui. Người tại gia ở chỗ phiền não trói buộc, người xuất được ở chỗ giải thoát. Người tại gia ở chỗ bị tổn hại, người xuất gia chẳng ở nơi tổn hại. Người tại gia bị khổ của tham lợi, người xuất gia không bị khổ của tham lợi. Người tại gia ở chốn ồn náo, người xuất gia ở nơi vắng lặng. Người tại gia ở chốn thấp kém, người xuất gia ở nơi tối thắng. Người tại gia bị phiền não thiêu đốt, người xuất gia diệt hết lửa phiền não. Người tại gia thường vì thân mình, người xuất gia luôn vì người khác. Người tại gia lấy khổ làm vui, người xuất gia lấy xa lìa làm vui. Người tại gia tăng thêm gai gốc, người xuất gia diệt hết gai gốc. Người tại gia thành tựu pháp nhỏ, người xuất gia thành tựu pháp lớn. Người tại gia không được sự diệu dụng của pháp, người xuất gia được sự diệu dụng của pháp. Người tại gia hủy nhục ba thừa, người xuất gia tán thán ba thừa. Người tại gia không biết đủ, người xuất gia thường biết đủ. Người tại gia ma vương thương nhớ, người xuất gia làm cho ma vương sợ. Người tại gia nhiều buông lung, người xuất gia không buông lung. Người tại gia làm người giúp việc, người xuất gia làm chủ người. Người tại gia ở nơi đen tối, người xuất gia ở nơi sáng suốt. Người tại gia ở nơi tăng nhiều kiêu mạn, người xuất gia ở nơi diệt trừ kiêu mạn. Người tại gia ít phước báo, người xuất gia có nhiều phước báo. Người tại gia nhiều dua nịnh,

người xuất gia tâm ngay thẳng. Người tại gia thường bị sầu khổ, người xuất gia thường được vui vẻ an lạc. Người tại gia là pháp hư dối, người xuất gia là pháp chơn thật. Người tại gia nhiều tán loạn, người xuất gia không có tán loạn. Người tại gia ở nơi chốn lưu chuyển, người xuất gia chẳng bị lưu chuyển. Người tại gia như thuốc độc, người xuất gia như nước cam lồ. Người tại gia bỏ mất tư duy bên trong, người xuất gia thì được tư duy bên trong. Người tại gia không có nơi trở về, người xuất gia có nơi quay về. Người tại gia có nhiều giận dữ, người xuất gia có nhiều hạnh từ bi. Người tại gia bị gánh nặng, người xuất gia bỏ đi gánh nặng. Người tại gia có nhiều lỗi lầm, người xuất gia không có tội lỗi. Người tại gia bị lưu chuyển trong sanh tử, người xuất gia lại có giới hạn. Người tại gia lấy tài vật làm quý giá người xuất gia lấy công đức làmvật báu. Người tại gia thuận theo dòng sanh tử, người xuất gia ngược dòng sanh tử. Người tại gia là biển lớn phiền não, người xuất gia là con thuyền lớn. Người tại gia bị trói buộc, người xuất gia xa lìa sự trói buộc. Người tại gia hoàn thành pháp của vua, người xuất gia thành tựu pháp Phật. Người tại gia dễ có bạn bè, người xuất gia khó ở lâu với bạn bè. Người tại gia dùng sự thương hại làm trên hết, người xuất gia lấy sự dạy bảo làm tối thắng. Người tại gia tăng trưởng phiền não, người xuất gia xa lìa phiền não. Người tại gia ở trong rừng gai, người xuất gia ra khỏi rừng gai. Này Văn Thù Sư Lợi! Nếu ta chê bai tại gia mà tán thán xuất gia nói đầy cả hư không, chẳng cùng tận. Đây gọi là tai họa của người tại gia và công đức của người xuất gia.

Lại trong kinh Niết Bàn dạy: Người tại gia trói buộc như địa ngục, là nhân sanh ra các phiền não, người xuất gia rộng lớn như hư không là nhân tăng trưởng các pháp lành. Người tại gia trong lòng lo nghĩ về vợ con, bên ngoài xã hội thì lo việc quân dịch, nếu giàu sang thì buông lung phóng túng, nếu nghèo cùng thấp kém đói khát cơ hàn, mất ý chí, việc chung hay riêng đều chăm chỉ lo nghĩ, bận rộn công việc đâu có nhàn rỗi mà tu đạo.

Trong kinh Úc Già Trưởng Lão dạy: Người tại gia có nhiều phiền não trói buộc bởi ân ái cha mẹ vợ con, thường nhớ nghĩ về tài sắc, tham cầu không nhàm chán, được rồi thì giữ gìn cũng nhiều lo sợ, nên lưu chuyển trong sáu đường, trái với pháp Phật, đã gây ra oán thù, nhớ nghĩ về ác tri thức. Vì thế, nên nhàm chán đời sống tại gia, sanh tâm xuất gia. Không có người tại gia nào tu tập đạo Vô thượng Bồ đề mà chỉ do người xuất gia mới đạt quả vị Vô thượng Bồ đề.

Trong kinh Công Đức Xuất Gia dạy: Nếu cho nam nữ, nô tỳ, nhân

dân xuất gia thì được vô lượng công đức. Ví như cúng dường một trăm năm cho bậc A-la-hán không bằng người vì Niết bàn mà trọn ngày đem xuất gia thọ giới thì được vô lượng công đức. Ví như xây dựng tháp bảy báu cao bằng cõi trời ba mươi ba cũng không bằng công đức của người xuất gia. Trong kinh Đại duyên dạy: Nhờ một ngày đêm xuất gia nên suốt hai mươi kiếp không rơi vào đường ác. Lại trong luật Tăng kỳ dạy: Nhờ một ngày đêm xuất gia tu tập phạm hạnh mà thoát khỏi nạn khổ ba đường trong sáu trăm sáu ngàn sáu mươi năm. Lại trong kinh Xuất gia công đức dạy: Nếu ai làm khổ, gây trở ngại ngăn cấm người xuất gia thì người ấy đoạn mất hạt giống của Phật, nhóm họp các tội ác. Ví như biển lớn hiện ra các bệnh hủi, khi chết đọa vào địa ngục tối tăm không thể mong cầu ra khỏi:Trong kinh Ca Diếp dạy: Bấy giờ, những thái tử của đại vương nghe người xuất gia có thật nhiều công đức nên đều phát tâm xuất gia, khắp thiên hạ không có một người cư sĩ, tất cả đều phát tâm mong cầu xuất gia. Các chúng sanh ấy đi xuất gia rồi, không cần gieo trồng hạt giống xuống đất mà lúa gạo tự sanh, các cây tự nhiên sanh ra nhiều loại áo quần, các chư thiên cung cấp hầu hạ. Lại trong kinh Phật tạng dạy: Phải nhất tâm hành đạo, thuận theo pháp mà tu tập, chớ nhớ nghĩ cơm áo gạo muối. Những thứ cần dùng thì chỉ một phần tướng lông trắng của Như Lai cung cấp cho tất cả đệ tử xuất gia qua nhiều đời cũng không hết. Trong kinh Hiền ngu dạy: Như một trăm người mắt mù, nếu có một bác sĩ giỏi thì có thể trị mắt cho những người ấy sáng mắt cùng một lúc. Lại có một trăm người có tội phải móc mắt, nếu người có năng lực thì sẽ cứu họ thoát khỏi tội bị móc mắt. Hai người này tuy công đức vô lượng nhưng không bằng dạy bảo người xuất gia và tự mình xuất gia, phước đức ấy rất rộng lớn.

***Thứ 3: Duyên xuất gia***

Theo luật, khi mới xuất gia trước phải thỉnh hai vị thầy, một là Hòa thượng, hai là A-xà-lê. Trong luận Tát-bà-đa dạy: Nếu trước thỉnh Hòa thượng thọ mười giới, Hòa thượng không có mặt cũng thành tựu mười giới. Nếu nghe Hòa thượng tịch thì thọ giới không thành tựu, nếu không nghe thì vẫn đắc giới.Vị A-xà-lê cũng vậy. Trong kinh Thanh Tín Sĩ Độ Nhơn dạy: Nếu muốn xuống tóc, trước phải rưới nước hương rộng bảy thước nơi chỗ tóc rơi, bốn góc treo cờ, lập một toà cao để người xuất gia ngồi, lại cúng dường hai tòa tối thắng để dành hai vị thầy ngồi. Người muốn xuất gia, trước mặc áo quần thế tục để lễ bái cha mẹ, bà con, dùng kệ thưa:

*Lưu chuyển trong ba cõi*
*Ân ái không thể thoát*
*Bỏ ân vào Vô vi*
*Người chân thật báo ân.*

Nói kệ xong, cởi bỏ y phục thế tục. Trong luật Thiện kiến dạy: Phải dùng nước hương tắm rửa để trừ mùi cư sĩ. Trong kinh Độ nhơn dạy: Tuy mặc y xuất gia nhưng chỉ mang Nê hoàn tăng và Tăng kỳ chi, chưa được đắp ca sa. Khi vào trong đạo tràng nên đến quỳ trước Hòa thượng. Vị Hòa thượng nên nhớ nghĩ như con, không sanh tâm thấp xấu. Đệ tử đối với Hòa thượng như cha, tôn kính cúng dường. Hòa thượng thuyết pháp thật đầy đủ và khuyến khích đệ tử, rồi đến trước vị A-xà-lê. Trong luận Thiện kiến dạy: Dùng nước hoa dội trên đỉnh đầu, dùng kệ tán thán:

*Lành thay! Đại trượng phu*
*Hiểu đời là vô thường*
*Bỏ tục hướng Niết bàn*
*Công đức khó nghĩ bàn.*

Nói kệ xong, bảo lạy chư Phật mười phương, lại dùng kệ khen ngợi:

*Qui y Đại Thế tôn*
*Vượt khổ trong ba cõi*
*Cũng nguyện cho chúng sanh*
*Đều được vào Vô vi.*

Nói kệ này rồi, sau đó vị A-xà-lê mới cho xuống tóc. Trong kinh Độ hơn dạy: Khi cho xuống tóc, người ngồi bên cạnh tụng chú Xuất gia:

*Bỏ hình giữ chí tiết*
*Trừ ái không thân sơ*
*Bỏ nhà truyền đạo Thánh*
*Nguyện cứu độ muôn loài.*

Khi cho xuống tóc, nên để lại một chỏm tóc, đến quỳ trước Hòa thượng. Hòa thượng hỏi: Hôm nay, người có chịu cắt bỏ chỏm tóc đó không?

Thưa: Dạ vâng.

Sau đó, Hòa thượng cho mặc áo cà sa. Khi mặc phải ngay ngắn. Theo luận Thiện kiến lại dùng kệ tán thán:

*Lành thay! Áo giải thoát*
*Y phước điền vô tướng*

*Phụng trì các giới hạnh*
*Nguyện độ các chúng sanh .*

Trong kinh Độ nhơn dạy: Đã mặc áo cà sa rồi lễ Phật, người mới xuất gia theo sau nhiễu ba vòng, lại tự nói kệ:

*Sanh vui mừng thọ nhận*
*Lành thay gặp được Phật*
*Ai là người không vui*
*Phước nguyện cùng tụ hội*
*Nay con được pháp lợi.*

Người mới xuất gia nhiễu quanh rồi, đảnh lễ đại chúng và hai vị thầy, sau đó lui về ngồi ở dưới, thọ nhận lễ bái của sáu thân, xuất gia tâm lìa tục,thường vui vẻ, cha mẹ và người thân đều lễ lạy, vui mừng ý đạo, đó là cách tốt nhất trước khi xuống tóc, khiến được nhất tâm chuyên chú. Trong luận Tỳ ni mẫu dạy: Cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa rồi, sau đó Hòa thượng cho thọ Tam quy, Ngũ giới.

***Thứ 4: Duyên dẫn chứng***

Như trong kinh Tạp Báu Tạng dạy: Xưa kia, có một phụ nữ đoan chánh rất đẹp, ở trong pháp ngoại đạo xuất gia tu tập. Khi ấy, có người hỏi: Nhan sắc như vậy nên ở đời, sao lại xuất gia?

Người nữ đáp: Như nay, tôi xinh đẹp, do đã chán ngán một tí dâm dục nên mới xuất gia. Khi ta còn ở đời, do xinh đẹp nên sớm lấy chồng, sanh được chú bé. Khi đứa trẻ lớn lên đẹp không ai bằng, nhưng luôn thấy gầy yếu như người bệnh. Ta liền hỏi: Con bị bệnh gì? Nhưng đứa con không chấp nhận. Vì hỏi mãi không dứt, người con không im lặng được, nên thưa mẹ: Nếu con không có đạo sợ sẽ mất mạng, tu sửa tham dục thì chính là đạo không cần nhan sắc, liền thưa với mẹ: Con muốn mẹ đổi tình cảm riêng tư, do không được nên con mắc bệnh như vậy. Người mẹ liền nói: Từ xưa đến nay đâu có việc này, lại nghĩ mà nói: Nếu ta không theo ý của con thì nó sẽ chết, nay thà trái với lý mà để cứu mạng con ta. Liền bảo, sẽ tùy theo ý con. Người con bỗng trên giường té xuống đất tan nát. Lúc ấy, thân con ta phát ra ngọn lửa, nhập vào địa ngục. Ta quá hoảng sợ dùng tay kéo, nắm được tóc con ta. Do đó, hôm nay ta nhớ hoài, linh cảm mãi việc ấy trong lòng, nên xuất gia.

Lại trong luân Trí độ dạy: Người xuất gia trong pháp Phật, tuy phá giới, phạm tội, khi tội hết thì được giải thoát. Như trong kinh Ưu Bát La Hoa Tỳ Kheo Ny Bổn Sanh dạy: Khi Phật còn tại thế, Tỳ-kheo ni này được sáu thông, chứng quả A-la-hán, thường vào nhà sang giàu

tán thán pháp xuất gia, bảo với những phụ nữ giàu có rằng: Các chị nên xuất gia.

Các người ấy nói: Chúng tôi còn trẻ, lại xinh đẹp nên trì giới khó, hoặc bị phá giới.

Tỳ-kheo ni nói: Phá giới thì phá nhưng cứ xuất gia.

Lại hỏi: Phá giới bị đọa địa ngục, sao lại phá giới?

Đáp: Đọa địa ngục thì đọa!

Những người ấy cười mà nói: Địa ngục chịu tội, sao lại vào đó?

Tỳ-kheo ni nói: Ta tự nhớ nghĩ, đời trước ta hay hý lộng, mặc nhiều thứ y phục, nói năng lắm lời, khi đắp y Tỳ-kheo lại nói cười nhiều.Vì thế, ở thời Phật Ca Diếp làm Tỳ-kheo ni, sanh trong dòng họ tôn quý, đoan chánh, nên tâm kiêu mạn phá giới cấm, do đó rơi vào địa ngục chịu  vô lượng tội. Khi hết tội thì lại gặp Đức Phật Thích Ca nên đắc quả A-la-hán, dù phá giới mà vẫn đắc đạo quả, lại được theo Phật ở Kỳ-hoàn. Có một Bà-la-môn say sưa, đến chỗ Phật xin làm Tỳ-kheo. Đức Phật bảo A Nan cho xuống tóc, mặc pháp y. Khi tỉnh rượu hoảng sợ, tự thấy thân mình bỗng nhiên là Tỳ-kheo, liền bỏ chạy. Các Tỳ-kheo thưa Phật: Vì sao lại cho Bà-la-môn say đó làm Tỳ-kheo?

Đức Phật dạy: Bà-la-môn say kia trong vô lượng kiếp đều không có tâm xuất gia. Hôm nay, do say nên chợt phát chút tâm, nhờ nhân duyên này, nên sau này sẽ xuất gia thành đạo. Từ các nhân duyên như vậy, nên biết lợi ích của người xuất gia có vô lượng công đức. Vì thế, cư sĩ tuy có năm giới cũng không bằng công đức lớn của người tại gia.

Trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Xưa kia, trong thành Lư Lưu có vua Ưu Đà Tiện, trí tuệ lớn thông minh, thấu suốt. Có phu nhân tên Hữu Tướng, đoan chánh đức hạnh ít ai bằng, vua rất thương yêu. Thuở ấy, theo quốc pháp, các vua không tự gảy đàn cầm. Bấy giờ, phu nhân trong nhà nhỏ cùng vua vui chơi, ỷ vua sủng ái, nên bảo vua đàn cầm còn mình nhảy múa. Khi mới đưa tay nhà vua lộ rõ tướng lành, thấy tướng sắp chết của phu nhân hiện ra, mạng sống còn không quá bảy ngày. Vua liền bỏ đàn xuống, thở dài.

Phu nhân thưa vua: Nhờ ân sủng của vua nên mới dám ở nơi nhà vắng xin vua đánh đàn còn thiếp nhảy múa để được vui vẻ, có gì không thích mà trẫm bỏ đàn thở dài, xin được dạy bảo?

Vua không chịu trả lời, cứ an ủi mãi, vua mới trả lời sự thật

Phu nhân nghe vậy thật lo sợ, thưa vua: Thiếp nghe Tỳ-kheo Thach Thất nói: Nếu có lòng tin xuất gia chỉ trong một ngày chắc chắn được sanh cõi trời. Thiếp muốn xuất gia xin trẫm cho phép chăng?

Vua yêu thương quá sâu nặng, nên bảo với phu nhân: Qua hết sáu ngày, sẽ cho phu nhân đi. Họ cùng nhau tâm đầu ý hợp, đến hết ngày thứ sáu vua bảo phu nhân: Thiếp có tâm tốt xin đi xuất gia nếu được sanh cõi trời chắc chắn gặp ta thì ta mới cho đi, phát nguyện rồi, phu nhân được phép xuất gia, thọ tám trai giới. Trong ngày ấy, tự dặn lòng chỉ uống đường mật, đến sáng ngày thứ bảy liền qua đời. Nhờ nhân duyên lành này được sanh lên cõi trời, nhớ lời thề xưa nên đến chỗ vua, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp cung vua.

Khi ấy, vua hỏi: Ngươi là ai?

Thiên nữ trả lời: Ta là tướng phu nhân, vợ của người.

Nhà vua vui mừng, nói: Xin đến ngồi đây!

Thiên nữ trả lời: Ngày nay, ta thấy ngươi hôi dơ không thể đến gần, nhưng do lời thề xưa nên đến gặp ngươi.

Nhà vua nghe rồi tâm ý khai mở, tự khen: Hôm nay, vị thiên nữ đó xưa là vợ ta, chỉ xuất gia một ngày mà được sanh lên cõi trời, thần thông cao vời mà còn thấy kẻ thấp hèn. Hôm nay, vì cớ gì mà ta không xuất gia? Ta từng nghe nói: Một ngón tay của vị trời khắp cả Diêm phù đề, cõi nước này của ta đâu đáng gì để tham! Nói xong liền bỏ ngôi vị, con cái, đi xuất gia, tu đạo, chứng quả A-la-hán.

Trong luận Trí độ, nói kệ:

*Khổng tước thân trang nghiêm đủ sắc,*
*Không bằng nhạn hạc bay cao xa.*
*Cư sĩ có thế lực giàu sang,*
*Không bằng công đức của xuất gia.*

Trong kinh Tạp Thí Dụ dạy: Ngày xưa có hai anh em đứng đầu có nhiều thế lực, giàu sang của cải vô lượng, cha mẹ qua đời không có nơi nương tựa, tuy là anh em nhưng ý nghĩ khác nhau. Người anh thích bàn luận về đạo, người em ưa thích làm việc thế gian. Người em thấy anh không lo việc gia đình, nên thường hận trách móc: Cùng là anh em, cha mẹ đã mất sớm thì nên siêng năng tìm kế sinh sống, thế mà lại bỏ đi tìm cầu Sa-môn, lãnh thọ kinh Phật, Sa-môn đâu có thể cho anh cơm áo, tài của? Nên nhà càng ngày càng khốn cùng, thiếu hụt, bị người chê cười, bỏ phế nhà cửa, đáng ra phải thừa kế cha mẹ mới gọi là hiếu. Anh lại bảo: Trì năm giới, mười giới, cúng dường Tam bảo, đem đạo giáo hóa bà con mới là hiếu. Đạo tục trái nhau, đó là điều tất nhiên, chỗ xấu ác của là chỗ an vui của đạo. Nơi tục cho là ngọc quý, thì đạo xem là thấp kém. Trí tuệ và ngu si không đồng như sáng và tối. Vì thế, người trí bỏ tối tìm sáng, đạt được đạo chơn thật. Nay em cho chỗ vui ấy chính

là nơi hư dối, khổ não mà đâu có biết, Người em ấy nổi giận, cứng đầu không tin.

Người anh thấy vậy, liền bảo em: Em ưa việc thế sự, lấy tài sản làm vật quý còn ta thích kinh đạo, lấy trí tuệ làm tôn quý. Nay ta bỏ việc đời, về với ruộng phước, phó thác thân mạng cho đời, chỉ như bụi trần, vô thường cuối cùng cũng chết, lại bị tội lỗi trói buộc. Vì thế, bỏ đời lánh xa dục, tìm đến an lạc. Người em nghe anh nói rồi, tâm hướng đến nghĩa đạo, im lặng không trả lời. Người anh bỏ nhà làm Sa-môn, đầu đêm tinh tấn ngồi thiền quán xét, thực hành đúng kinh pháp, chứng đạo quả. Người em nghe vậy, càng thêm sân giận. Người này chưa từng nghe kinh pháp, ưa thích việc đời. Sau khi mạng chung đọa vào loài bò, thân hình khỏe mập, chở khách mua bán, vận chuyển muối nhiều vòng, bò bị yếu sức không được như trước. Vì kiệt sức, què cả hai chân nằm dài không đứng dậy được, người buôn dùng roi đánh đập, cái đầu vừa lay động thì người anh bay đến ở trong hư không, từ xa nhìn thấy em liền bảo rằng: Em giữ gìn ruộng nhà, nay vì đó mà tự đọa làm loài bò. Người anh dùng thần lực chiếu soi để hiện rõ mạng sống trước kia, người em nhận ra mà tự trách mình làm việc ác tham lam ganh ghét, không tin pháp Phật, khinh thường chúng Tăng, chẳng tin lời nói của anh, lại tự chuốt lấy xích mích nên đọa trong loài bò bệnh hoạn kiệt sức, hối hận còn đâu kịp. Người anh biết tâm niệm như vậy nên thương xót, liền hiện làm chủ con bò mà kể lại những chuyện xưa, người buôn nghe được nên đem tặng. Khi ấy, người anh dẫn bò về chùa, khiến cho nhớ nghĩ Tam bảo, trong lúc ăn cơm, thì bò chết được sanh vào cõi trời Đao lợi. Lúc ấy những người buôn đều nghĩ: Chúng ta chỉ lo liệu cuộc sống không thể bố thí, chẳng biết nghĩa đạo thì chết sợ cũng như thế, liền cùng nhau xuất gia, bỏ vợ con và báu quý tu tập hạnh Sa-môn, luôn tinh tấn nên đều đắc được đạo. Do đây thấy được vật báu ở thế gian không đem lại lợi ích cho người, còn phụng trì tôn kính Tam bảo tu thân học đạo đời đời được an lạc.

Trong kinh Phó Pháp Tạng dạy: Ngày xưa có Tôn giả La Hán Xà Dạ Đa dẫn các đệ tử đến thành Đức-xoa-thi-la, đến nơi lại buồn rầu không vui, dừng lại một tí rồi tiếp tục đi, trên đường thấy con chim vui vẻ liền mỉn cười. Các vị đệ tử xin thầy thuyết giảng về nhân duyên ấy. Tôn giả dạy: Trước khi ta đến thành, ở dưới cửa thành có quỷ con đói khát vội vàng đến nói với ta: Mẹ con vào thành kiếm thức ăn cho con, đến nay đã hơn năm trăm năm, con đói khát khốn khổ sẽ sắp mất mạng. Khi tôn giả vào thành nếu gặp mẹ con thì xin người nói lại con

qúa khổ mong gặp mẹ sớm. Khi ta mới vào thành liền gặp mẹ của con quỷ đó, kể lại sự việc đầy đủ. Quỷ mẹ trả lời: Tôi vào thành đến nay đã hơn năm trăm năm chưa từng được nước miếng của một người, tôi đã mất hết khí lực gầy yếu, giả sử nếu được ít nước miếng thì bị quỷ thần cướp lấy, hôm nay bỗng gặp một tí nước miếng của một người muốn ra khỏi thành để cùng ăn với con, dưới cửa có nhiều quỷ thần lớn mạnh lo sợ không dám ra. Nguyện xin tôn giả đưa ra con khỏi thành để được cùng ăn với con. Ta liền hỏi quỷ: Người đã đến đây khi nào? Quỷ thưa với ta: Con thấy thành này đã hư hoại bảy lần. Ta nghe quỷ nói, buồn thương cho nó phải chịu sanh tử lâu dài, do đó mà ta thương vậy. Con chim kia đã trải qua chín mươi mốt kiếp có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ Bà Thi. Lúc đó ta là con của một trưởng giả muốn được xuất gia. Khi ấy, nếu ta xuất gia thì chắc chắn sẽ chứng quả A-la-hán nhưng cha mẹ không đồng ý buộc ta phải lấy vợ. Đã lấy vợ rồi ta lại cầu xin xuất gia. Cha mẹ lại bảo ta phải sanh một đứa con mới được phép đi. Ta vâng lời, sau đó sanh một đứa con trai đến sáu tuổi thì ta lại muốn đi. Cha mẹ lại bảo con đến ôm chân ta khóc lóc: Nếu cha bỏ con thì ai chăm sóc nuôi dưỡng, trước hãy giết con sau mới đi. Ta thấy thế liền sanh tâm ái nhiễm mà nói với con: Cha vì con nên không xuất gia nữa, do người con ấy nên từ đó cho đến chín mươi mốt kiếp chưa từng được gặp Đức Phật. Hôm nay nhờ đạo nhãn thấy được con chim kia là con của ta đời trước. Thương xót người con ngu si nhưng ở trong sanh tử đã lâu đời, đây là nhân duyên ta mỉm cười. Nếu có ai ngăn cản người khác xuất gia, người đó chịu tội báo thường ở trong đường ác nhận khổ đau vô cùng không được giải thoát, khi tội báo đường ác hết thì sanh vào trong loài người không có mắt. Thế nên người trí nếu thấy có người muốn xuất gia thì nên ân cần tìm mọi cách giúp đỡ để được thành tựu, chớ làm khó dễ.

Lại trong kinh Xuất Gia Công Đức dạy: Khi Đức Phật còn tại thế, Ngài cùng với tôn giả A Nan vào thành Tỳ-xá-ly khi đến khất thực, có con của vị vua tên Bính La Tiện Na cùng vui chơi, hưởng khoái lạc với các kỹ nữ ở trên lầu cao. Đức Phật nghe tiếng nhạc, bảo tôn giả A Nan, Ta biết người này sau bảy ngày sẽ chết, nếu không xuất gia thì đọa địa ngục. A Nan nghe rồi liền đến giáo hóa, khuyến khích người đó xuất gia. Thái tử nghe khuyên, nên trong sáu ngày vui chơi thỏa thích, đến ngày thứ bảy xin Phật xuất gia, chỉ một ngày một đêm giữ giới thanh tịnh, qua đời ngay, được sanh vào cõi trời Tứ thiên vương, làm con của Bắc thiên vương tỳ Sa-môn, cùng với dâm nữ hưởng thọ năm khoái lạc, ở cõi trời năm trăm măm, lại sanh vào cõi trời Đao lợi, làm con của Đế

thích, sống một ngàn năm ở cõi trời. Lại sanh vào Diêm ma làm con của vua, sống ở đó hai ngàn năm. Sau đó sanh vào cõi trời Đâu suất cũng làm con của vua, sống bốn ngàn năm. Lại sanh vào cõi trời Hóa lạc làm con của Thiên vương, sống tám ngàn năm ở đó. Khi chết lại sanh vào cõi trời Tha hóa tự tại thứ sáu làm con của Thiên vương cùng với các dâm nữ hưởng thọ khoái lạc quá thấp kém, sống ở đó hết một vạn sáu ngàn năm, thọ khoái lạc như vậy, ở cõi trời lục dục cho đến bảy lần mà ở đó không có tai ương. Một ngày xuất gia, trọn hai mươi kiếp không bị đọa vào đường ác, thường được sanh lên cõi trời hưởng phước tự nhiên. Khi làm thân người cuối cùng được sanh vào nhà giàu có của cải quý báu đầy đủ. Lúc trẻ qua rồi, đến khi lớn nhàm chán trần thế, xuất gia tu đạo, chứng quả Bích-chi Phật, hiệu là Tỳ-lưu-đế-lê, độ thoát vô lượng trời người. Vì nhân duyên này, nên biết xuất gia có vô lượng vô biên công đức không thể ví dụ. Giả sử trong thiên hạ có toàn là A-la-hán, nếu có một người trọn trăm năm hết lòng cúng dường cơm áo, thuốc thang, vật dùng đầy đủ, cho đến khi nhập Niết bàn cũng được xây dựng tháp, cúng dường các thứ chuỗi hột, hoa hương, thì không bằng công đức của một người cầu Niết bàn, chỉ một ngày một đêm xuất gia trì giới. Do đây, mà nói: Pháp xuất gia chân thật, đáng tôn quý, không được tham đắm một ít tài sắc của thế tục mà bị lưu chuyển trong sanh tử, mang khổ vào thân.

Kệ:

*Chim hóa hiện ba núi không thành*
*Năm lửa ân ái tự xoay vòng*
*Đều nhốt vào trong lòng phiền não*
*Sao như vắng lặng thoát thành nguy?*
*Gương trí tròn đầy ánh sáng trong*
*Trăng tròn sáng hiện ở khắp nơi*
*Trải qua gồ ghề theo lối cũ*
*Trẻ qua già đến đâu trở lại.*

--------------------------------------

# PHẦN THỨ 5: TÁN THÁN

- Duyên thuật ý
- Duyên dẫn chứng
- Duyên tán đức.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Nói tổng quát về chí nguyện, dựa vào văn tán tụng ngâm vịnh, văn tán tụng ngâm vịnh nương vào tiếng vang ư! Thế nên, ngâm nga, tán tụng hay tức là đã bày tỏ lại tất cả chí nguyện. Tiếng hay tuyệt vời tức là văn ca ngâm, tán tụng được ưa thích. Lời nói cũng cần tiếng để cùng tỏ rõ nghĩa lý. Ở phương Tây thì chúc tụng, các nước phương Đông thì tán thán. Tán thán là theo văn từ kết thành đoạn. Chúc tụng là kệ ngắn lưu lại để tụng. So hai nghĩa này, tên gọi khác nhưng thể tính thì đồng. Nên kinh nói: Dùng âm thanh vi diệu để tán thán công đức của Phật, chính là nghĩa này. Xưa kia Đức Phật nhập định, tiếng đàn ca chấn động đến hang đá, Bà-đề-dương chúc tụng, tiếng vang đến nơi thanh vắng, người đời biết đến tiếng này, chắc chắn không được khen ngợi, đến cuối đời tu tập có thật nhiều kinh nghiệm rõ ràng. Nhờ vậy, mới bày tỏ những suy nghĩ tinh tế, tiếng tán tụng thanh tịnh cảm ứng đến Phạm âm của núi Ngư, bạch kiều (dãi lụa) thề nguyện, Bồ tát thông hiểu âm thanh vi diệu đó là tiếng nhạc, siêng năng luyện tập, lãnh thọ pháp nên đạt đến thâm sâu, cố gắng đọc văn từ, văng vẳng âm thanh đến nhà ăn và dốc hết sức lực thì đến trời. Âm thanh dài vang đến cõi thanh vắng. Hoặc đưa ra từ ngữ thích hợp hay đọc để chọn những đoạn văn. Những việc này đều do thần ứng mà hiện rõ. Người học phải sáng suốt mẫu mực. Nguyên âm của kinh là tiếng hoàn hảo, tự nhiên phát ra tuyệt hay, phân chia từng đoạn để tu tập, tiếng nói trong trẻo chẳng cần huân tập, nên phát ra tiếng đạo dễ nghe hơn tục, âm sẽ rõ ràng không yếu ớt, hùng mạnh mà không hung dữ, trôi chảy mà không bỏ sót, ngừng lại mà không trì trệ, phát ra nhanh như tướng chim kên lớn, tạo thành khí tiết của người nam hùng dũng, xa nghe thanh nhã vời vợi, gần thì rõ ràng đầy đủ hài hoà. Đây là đã đạt được nguyện lớn. Tán tụng kinh thâm cao như tiếng sấm vang, ý là ở đây vậy. Nếu người ca tụng, tán thán ở trai đường thì chúng tồn tại lâu dài, đêm dài ngàn dặm, đốt tàn hết hương, khi ngủ sáu căn bị ngăn che, bốn chi bị phiền não trói buộc rã rời. Ở đây, chọn lựa những âm thanh tốt để thăng tòa, tìm kiếm các tiếng hay để làm điểm chính, cung thương tấu lên làm rung động, lắc ngọc rung

vàng vang khắp làm vui, buồn bảy chúng như tiếng Ca-lăng, thần khí của chim loan hót khiến cho những người ngủ say lại tỉnh, lười biếng trở thành siêng năng. Giảng đường đầy cả vịt trời, đại chúng tâm hoan hỷ, bấy giờ mới biết âm thanh của kinh là quý trọng như vậy.

***Thứ 2: Duyên dẫn chứng***

Như trong kinh Trường A Hàm dạy: Người có năm loại âm thanh thanh tịnh mới gọi là phạm thanh. Những gì là năm? Một là tiếng nói của người chính trực. Hai là tiếng nói của người hòa nhã. Ba là tiếng nói của người trong trẻo. Bốn là tiếng nói của người sâu sắc. Năm là tiếng nói của người vang khắp, từ xa đều nghe. Đủ năm tính chất này mới gọi là phạm âm.

Trong kinh Phạm Ma Dụ dạy: Âm thanh thuyết pháp của Như Lai có tám loại: Một là âm thanh tuyệt hảo. Hai là âm thanh dễ nghe. Ba là âm thanh hòa nhã. Bốn là âm thanh hài hòa. Năm là âm thanh của người trí tuệ. Sáu là âm thanh an vui. Bảy là âm thanh vi diệu. Tám là âm thanh của người nam, lời nói không thiếu sót, không bị ngắt khoản.

Luật Thập Tụng dạy: Chư thiên nghe chúc tụng, vui mừng cũng khen ngợi theo. Trong kinh Tỳ Ni Mẫu dạy: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nghe các người chúc tụng, lời nói hiền từ, tuy nghe nói nhưng chưa biết nói những pháp gì. Đức Phật dạy: Từ kinh cho đến luận tùy ý giảng thuyết. Trong mười hai bộ kinh, nếu có tâm nghi mà muốn tuần tự thuyết giảng, với chùng hội thì đối với đông, văn từ nhiều, sợ dễ nhàm chán nên tóm lược lấy những từ hay trực chỉ nghĩa lý, không biết như thế nào. Vì nhân duyên ấy thưa bạch Thế tôn. Đức Phật liền cho phép các Tỳ-kheo dẫn chứng những yếu ngôn, diệu ngữ kinh để tỏ rõ nghĩa lý đó. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo, cách Phật không xa, đứng ở chỗ cao, tán tụng kinh điển. Đức Phật nghe thấy, không cho phép dùng tiếng tán tụng này. Vì có năm tai họa, do giống với tiếng ca ngâm, thuyết pháp của ngoại đạo. Một là không giữ gìn cho mình. Hai là không tán thán chúng. Ba là chư Thiên không vui lòng. Bốn là không rõ ràng khó hiểu. Năm là không lưu loát nên nghĩa lý khó hiểu. Đây gọi là năm thứ tai họa.

Trong kinh Hiền Ngu dạy: Xưa kia khi Đức Phật còn ở đời, vua Ba- tư-nặc cùng với binh chúng đi qua tinh xá Kỳ hoàn, nghe một Tỳ-kheo tán tụng tiếng thật hay, quân lính đứng nghe không chán, voi ngựa chỏng tai lắng nghe không chịu đi. Vua bảo binh chúng vào chùa xem, thấy Tỳ-kheo tán tụng, hình tướng thấp thoải xấu xí, vua không muốn

nhìn. Vua thưa Đức Phật: Tỳ-kheo này đời trước tạo nghiệp gì mà bị quả báo như vậy?

Đức Phật bảo vua: Ở đời quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là Ca Diếp. Sau khi vào Niết bàn có vua Cơ Lý Tỳ gom nhặt xá lợi để xây tháp, có bốn Long vương hóa làm hình người, đến chỗ của vua hỏi việc xây tháp: Trẫm dùng vật báu hay đất để làm?

Vua trả lời: Muốn làm tháp lớn nên không có nhiều vật báu, nay chỉ làm bằng đất, chu vi năm dặm, cao hai mươi lăm dặm.

Long vương nói với vua: Tôi là long vương đến đây hỏi xem, nếu trẫm dùng báu để làm thì tôi sẽ hỗ trợ. Vua nghe thế vui mừng.

Long vương lại nói với vua: Bên ngoài cửa thành có bốn dòng suối. Nước của dòng ở phía Đông nếu lấy dùng thì dần dần biến thành lưu ly. Nước của dòng ở phía Nam nếu lấy dùng thì dần biến thành vàng ròng. Nước của dòng ở phía Tây nếu lấy dùng thì dần biến thành bạc trắng. Nước của dòng ở phía Bắc nếu lấy dùng thì dần biến thành ngọc trắng.

Nhà vua nghe như vậy càng rất vui mừng, lập ra bốn vị trông coi, mỗi nơi một vị. Ba vị giám sát kia làm giỏi nên sắp xong, còn vị này biếng nhác nên chỉ một mình chưa xong. Nhà vua đến, thấy vậy hết lời quở trách. Người ấy, nổi oán hận thưa vua:

Tháp quá cao lớn phải khi nào mới hoàn thành? Nhà vua bảo người xây dựng ngày đêm, họ siêng năng làm, nên đã xong trong thời gian ngắn. Tháp rất cao, gồm các thứ báu quý trông rất lạ mắt. Người trông coi này thấy vậy vui mừng hoan hỷ, sám hối những tội trước, liền đem chuông vàng treo ở trong tháp, phát nguyện: Nguyện con khi sanh ra được tiếng thật hay khiến cho mọi người nghe đều ưa thích. Tương lai, có Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni, khiến cho con được thoát khỏi sanh tử. Vì xưa kia do chê tháp cao quá nên sanh ra bị xấu xí, nhờ đem linh vàng treo ở trong tháp và nguyện gặp Phật nên từ đây đến trong năm trăm đời được âm thanh tuyệt hay. Nay lại được gặp Phật xuất gia tu đạo, chứng quả A-la-hán, đó là nhân duyên. Tất cả chúng sanh nếu thấy người khác làm phước thì không nên chê bai, về sau mắc tội báo, hối hận không kịp.

***Thứ 3: Duyên công đức tán thán***

Trong kinh Bồ Tát Bổn Hạnh dạy: Đức Phật bảo tôn giả A Nan, Ta nhớ xưa kia có Như Lai ra đời hiệu là Phất Sa Đa Đà A Dà Độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà. Đức Phật ấy ở trong hang có nhiều báu,

Ta thấy vị Phật kia sanh vui mừng, chấp tay đứng xa một bước, suốt bảy ngày đêm, rồi dùng kệ tán thán vị Phật ấy:

*Trên trời dưới đất không như Phật*
*Thế giới mười phương cũng không bằng*
*Con thấy tất cả trong thế gian*
*Hết thảy không ai sánh bằng Phật.*

Này A Nan! Ta dùng kệ tán thán Đức Phật ấy xong, phát nguyện như vậy và đến nói với thị giả của Đức Phật kia: Vị ấy, trong chín mươi chín kiếp ở đời quá khứ đã thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, ta ở trong thời đó mà được thọ ký, thường siêng năng tinh tấn tăng trưởng vô lượng công đức ở đời, làm Phạn vương, Đế thích, Chuyển luân thánh vương. Do năng lực của nhân duyên nghiệp lành này nên ta được đầy đủ bốn biện tài, không có người nào có thể bàn luận cùng ta, điều phục được ta, đã chứng được quả Bồ đề Vô thượng và chuyển được bánh xe pháp Vô thượng.

Trong kinh Niết bàn dạy: Khi trưởng giả Ca Diếp còn là Bồ tát, liền đứng trước ta dùng kệ tán thán Đức Phật:

*Thầy thuốc giỏi chăm sóc chúng sanh*
*Thân và trí cùng đều vắng lặng*
*Trong pháp vô ngã có chơn như*
*Cho nên kính lễ đấng Vô thượng.*
*Phát tâm xong, hai mà không khác*
*Hai tâm ấy, tâm trước là khó*
*Mình chưa được độ, trước độ người*
*Nên ta kính lễ sơ phát tâm.*

Trong luận Phát Bồ Đề Tâm, luận chủ dùng kệ tán thán Đức Phật:

*Kính lễ vô biên Phật*
*Khứ, vị lai, hiện tại*
*Trí bất động rỗng không*
*Đại từ Tôn cứu đời.*

Thầy của ta làm hai kệ về Đức Phật, hai kệ nói về làm thế nào được sống lâu, hai kệ nói về sắc thân vi diệu của Như Lai, hai kệ nói về thế giới như hư không:

*Đức Phật thương xót chúng sanh,*
*Vì ngăn che nên mờ tối*
*Không mở mắt mà nhìn thấy*
*Chưa nghe giảng để thấy đạo.*

*Nơi thế giới như hư không*
*Như hoa sen không thấm nước*
*Tâm tịnh vượt thoát mọi điều*
*Cúi đầu lễ đấng Vô thượng.*

Kể rằng: Đời Hán lưu hành thường lượt bớt, nên những câu tán tụng phần nhiều thường làm nữa kệ. Thế nên, trong luận Tỳ-ni-mẫu dạy: Không được làm nửa kệ tán tụng, nếu làm thì mắc tội Đột-cát-la, nhưng âm từ của Phạn kệ chưa sâu sắc như ở phương Tây, phát ra kinh gì?

Đáp: Chỉ Đức Phật cho phép mới được làm, y theo kinh mà dùng kệ tán thán, lấy dùng mà không ngại, mà trong ngoài có giới hạn. Từ ngữ tán thán của nước Ngô Thục thì tùy theo sở thích của mỗi nước. Kệ tán thán có nhiều loại, nhưng Trung-hoa và Ấn-độ là thù thắng, cách dùng âm vần khác nhau. Truyền vào nước Ngô sớm có Pháp sư Khương-tăng-hội, người ở nước Khương, học rộng biết nhiều, phiên dịch kinh điển, lại giỏi tiếng Ấn, tán thán lưu truyền pháp tịch diệt, âm thanh dứt khoát thanh nhã. Người đàn việt thích học tất cả âm thanh đó. Trước kia ở nước Phổ có Pháp sư Đạo An, tập hợp chia làm ba khoa: Kinh, Luận, Luật. Các bậc Hiền Thánh lập ra quy chế để khỏi rơi vào địa ngục, pháp của thiên hạ mọi người đều học tập và thực hành. Lại đến đời nhà Ngụy có vua Trần-tư sanh ra đàn con, người con thứ tư là Ngụy Võ-đế, lúc nhỏ ở trong cung điện khuê các, lên bảy tuổi đã đầy đủ văn từ, hạ bút thành tựu, mới viết mà không có sửa chữa. Mọi việc thế gian đều rất giỏi, người ở làng Hàn-đan-thục thấy đều khâm phục, khen ngợi là người cõi trời, thường đọc tụng kinh Phật liên tiếp không ngừng, ôi! Thật thân gần, lấy đây làm tông chỉ cốt yếu của đạo, liền phân chia thay đổi thành bảy loại thanh, tiếng vang của bỗng trầm, luyến, láy. Phúng tụng của người đời đều như hiến chương. Ông ta đi đến núi Ngư, bỗng nghe tiếng của Phạn thiên ở trong không trung thanh nhã mà ai oán, âm thanh đó làm động tâm, nghe tiếng rất lâu và những người hầu đều biết, cảm ứng lý sâu xa của các vị thần, liền ngộ tất cả các pháp, mô phỏng để phân ra từng loại âm thanh, rồi viết lên lá bối, soạn thảo văn từ, phân chia âm tiếng, truyền lại cho đời. Phạn âm hiển rõ ở đời, ban đầu chính là nghĩa đó. Sự lưu truyền lời chúc tụng có sáu điều hợp lý.

Lại trong kinh Bách Duyên dạy: Xưa Đức Phật còn tại thế, trong thành Xá-vệ, dân chúng mỗi người tự chuẩn bị bài hát để khen ngợi, ra thành chơi nhưng khi vừa đến cửa thành gặp Đức Phật và chúng Tăng vào thành khất thực. Mọi người thấy Đức Phật hoan hỷ kính lễ liền

ca hát cúng dường Ngài và đại chúng, phát nguyện rồi đi. Đức Phật mỉm cười và bảo A Nan: Những người này do ca hát cúng dường Phật và Tăng, công đức của duyên này mà ở đời vị lai trong một trăm kiếp không đọa vào đường ác, ở trong hàng trời người thường hưởng khoái lạc rồi trải qua một trăm kiếp sau đó thành Bích-chi-Phật, đều cùng một hiệu gọi là Bạch Diệu Thanh. Nhờ những nhân duyên này, nếu người nào tạo ra âm nhạc cúng dường Tam bảo thì được công đức vô lượng vô biên không thể tính kể. Trong kinh Pháp Hoa nói kệ:

*Nếu sai người tạo nhạc,*
*Đánh trống thổi tù và,*
*Tiêu, sáo, đàn không hầu,*
*Tỳ bà, chập chảo đồng,*
*Các tiếng hay như vậy,*
*Dâng cúng dường tất cả ,*
*Đều đã thành Phật đạo.*

Lại trong kinh Bồ Tát Xứ Thai dạy: Khẩn-na-la ở phía Bắc núi Tu-di, qua núi Thiết-vi có núi Đại-hắt cũng ở trong núi Thập-bảo. Ở đó không có Phật pháp, không có mặt trăng, mặt trời, do năng lực bố thí đời trước mà nay được sống trong cung điện bảy báu, thọ mạng rất dài lâu. Vua này trước kia được làm trưởng giả ở trong loài người đã phát tâm xây dựng tháp Phật. Lúc ấy, Khẩn-na-la cúng dường một mảnh đất đất xây chùa tháp, lại đem thức ăn ngon cho thợ thuyền. Sau khi chết làm một vị thần chí khí ở giữa hai ngọn núi. Lúc đầu được sanh trong loài người là làm trưởng giả của cải nhiều vô lượng. Có một Sa-môn đi khất thực, người vợ lấy cơm dâng cúng, trưởng giả liền nổi giận dữ, bảo: Người đi khất gì mà nhìn ngắm vợ ta, nên hãy hủy hoại chân tay của vị này. Sau khi qua đời, bị thân hình xấu xí qua tám mươi bốn kiếp thường không có chân tay. Chư thiên mở yến tiệc cùng với Càn-thát-bà say sưa, chư thiên ở cõi thượng và hạ đều muốn tấu nhạc, mà dưới nách toát ra mồ hôi liền tự lên cõi trời. Có một Khẩn-na-la tên là Đầu-lâu-ma đàn xướng ca hát thật tướng các pháp để tán thán Thế tôn. Khi ấy núi Tu-di và các rừng cây đều chứng động, Tôn giả Ca Diếp đang ngồi mà thân không yên, năm trăm Tiên nhơn tâm sanh say sưa, mất hết thần túc.

Lại trong kinh Đại Thọ Khẩn Na La Vương Sở Vấn dạy: Bấy giờ, có vua Đại Thọ Khẩn Na La đã đem cây đàn cầm lưu ly của mình và hoa lá vàng trang nghiêm cõi Diêm-phù-đề để tạo được các phước báo tốt lành, ở trước Như Lai tự gảy đàn cùng với hơn tám vạn bốn ngàn kỷ nhạc. Vua Đại-thọ này thường đánh đàn và trổi các nhạc cụ khác,

âm thanh này vang khắp ba ngàn đại thiên thế giới đều nghe, tiếng đàn cầm và các âm thanh vi diệu lắng sâu trong âm nhạc chư thiên cõi dục, làm cho tất cả rừng cây, cỏ thuốc trong núi đều biến động. Như người say sưa quá độ điên đảo lên núi Tu-di dùng sức mạnh làm bằng phẳng không ngừng. Tất cả phàm Thánh chỉ trừ Bồ tát Bất thối chuyển, ngoài ra, tất cả khi nghe tiếng đàn và các âm thanh của nhạc cụ đều không ngồi yên mà đứng dậy nhảy múa. Tất cả Thanh-văn đều bỏ các oai nghi mà sanh tướng buông lung theo tiếng nhạc, như trẻ nhỏ khi múa cười không tự kiềm chế.

Bấy giờ, Bồ tát Kim Quang bảo với các Đại Ca Diếp và chúng Thanh-văn: Các thầy là Đại đức đã xa lìa phiền não được tám giải thoát, tại sao hôm nay đều xả bỏ oai nghi như đứa trẻ kia, cử động tay chân mà nhảy múa?

Khi ấy, các Đại đức đáp: Này thiện nam! Ta ở trong đây không được tự tại, như gió lớn thổi xoáy quanh thân cây, cây ấy không có sức mạnh để tự đứng yên, chẳng phải tâm xưa kia ấy ưa thích dục lạc.

Bấy giờ, Bồ tát Kim Quang bảo Đại Ca Diếp: Nay tôn giả thấy được năng lực oai đức của Bồ tát Bất thối. Nếu ai thấy như vậy mà không phát tâm đạo Bồ đề Vô thượng Chánh giác thì năng lực của tiếng đàn đều là âm thanh thuyết pháp, khiến cho tám vạn Bồ tát chứng đắc Vô sanh nhẫn. Nói kệ:

*Tiếng tán thán thanh cao*
*Thần vang đến sâu thẳm*
*Lên tòa tán tụng hay*
*Cao hứng biến khắp nơi.*
*Nương linh giác hư không*
*Núi Ngư chuyển ý trẻ*
*Phỏng viết Phạm ca trời*
*Cùng tiếng mong ban pháp.*
*Ai oán nên không xuống*
*Phất phới trong vài nhận*
*Tiếng tán tụng Tỳ-kheo*
*Động tâm người, súc sanh.*
*Do thích huyền cú đó*
*Liền cảm nhạn bay không*
*Sáng sớm ngộ lời nguyện*
*Giác linh tự thông suốt.*

--------------------------------------

## PHẦN THỨ 6: HƯƠNG ĐĂNG

- Duyên thuật ý.
- Duyên hương hoa.
- Duyên nhiên đăng.
- Duyên treo cờ phướn.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Phàm nhơn sự việc mà ngộ nghĩa lý, tức từ các tướng mà dẫn dắt đạo chơn. Chiêm ngưỡng hình tượng Thánh hiền, lại dâng hoa hương cúng dường. Vì vậy, hoa báu tung bay, cùng với những hình tượng hoa sen hồng bằng tơ lụa tươi đẹp, gọi là hương Uất-phúc; Hoặc nhẹ như mây tợ như sương xanh biếc, lan tỏa vào sáng sớm, quyện lại trong đêm tối. Khi mặt trăng xuất hiện thì bóng tối tiêu diệt như ngọn đèn phá đi những tối tăm, cũng như trí tuệ làm tiêu trừ nghiệp chướng. Do vậy, trên thân cây đèn lớn, bền chắc có khắc thành tôn tượng Ngài Di Đà, luôn luôn sáng liên tục, nên có hiệu là định quang. Lần lượt chiếu đến duyên nhỏ, gần với ánh sáng sắc thân, cũng như nhờ bố thí một ngọn nến nhỏ mà về sau phước báo được thiên nhãn, huống nữa là làm chấn động Đại trí này, khai mở ánh sáng thù thắng ấy vậy. Do vậy, ngày vua A-dục băng hà đã làm tổng cộng tám vạn bốn ngàn cây đèn, chiếu sáng khắp trong tám vạn bốn ngàn tháp, lại treo các thần phướn tung bay khắp đại thiên, ngọc đỏ chiếu sáng rực rỡ, tỏa chiếu khắp vạn ức. Khi gió trí tuệ chấn động, thì dấu hiệu của nghiệp thanh tịnh phát khởi, khi gió vi tế thổi đến thì phước báo của Chuyển luân không cùng tận.

***Thứ 2: Duyên (cúng dường) hương hoa***

Như trong kinh Phật Thuyết Hoa Tụ Đà La Ni, Đức Phật dạy: Nếu lại có người sau khi Như Lai diệt độ, đi trên đường vắng gặp tháp miếu của Như Lai mà dùng hương, đèn hay một nắm thạch cao tô quét tượng để cúng dường; cho đến có thể dâng cúng một đồng tiền ở trước tượng Phật để tu sửa, hoặc lấy một cốc nước để lau tháp được sạch sẽ, dùng hoa hương cúng dường, mỗi khi đi đến chùa tháp là một lần xưng niệm Nam mô Phật. Nếu ai muốn làm cho người này đọa vào trong ba đường ác một trăm ngàn vạn kiếp thì điều ấy hoàn toàn không có.

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm dạy: Nếu có chúng sanh giữ giới hương, tô quét tháp Phật thì khi qua đời sẽ sanh về cõi trời Hương lạc, và cùng với các Thiên nữ vui chơi, ở đây chết rồi sẽ được làm thân

người sanh vào nhà giàu có.

Trong kinh Thái Hoa Thọ Quyết dạy: Khi ấy, có vua nước La-duyệt bảo trên mười người thường cắt hoa đẹp để mang đến nhà vua. Một ngày nọ, có quý nhơn trong cung đi ra khỏi thành hái hoa liền được gặp Phật và cúi đầu đảnh lễ phát tâm. Tự nghĩ: Dù bỏ thân mạng vẫn đem hoa dâng cúng Phật và Thánh chúng, dù bị ganh ghét nhưng không đọa vào đau khổ. Rồi đem hoa cúng dường Phật và Thánh chúng, tự quy y một lòng kính lễ. Đức Phật biết tâm niệm người ấy, rất thương xót nên tuyết giảng pháp đầy đủ, những người hái hoa đều phát tâm đạo, Đức Phật liền thọ ký về sau sẽ thành Phật, hiệu là Diệu Hoa. Khi người hái hoa trở về lại nhà, nói với hai người bạn khác: Hôm nay ta sẽ chết vì bị vua giết. Cha mẹ hoảng hốt lại hỏi do mắc tội gì? Người ấy thưa là do không có hoa dâng vua chắc chắn bị mất mạng, cho nên từ giã cha mẹ. Hai người bạn nghe càng thêm sầu lo, đưa cho cái hộp trong đó có đầy hoa đẹp, hương tỏa ra bốn mặt. Cha mẹ bảo: Hãy đem đến vua. Khi đó vua rất giận dữ, vì không thấy người hái hoa đến, liền sai người đến bắt trói, tội này sẽ mang bỏ ở chợ. Những người ở trong cung thấy sắc mặt của cô hái hoa không thay đổi.

Vua sân giận hỏi: Người có nhiều tội lỗi sẽ bị giết chết, sao không sợ?

Người hái hoa thưa vua: Người có sanh thì có chết, vật có thành thì có hoại. Mỗi khi vì pháp mắc tội thì không tiếc thân mạng, sáng nay, đi hái hoa đã dâng cúng Phật. Do biết trái pháp lệnh, bị tội sẽ bị mất mạng. Dù chết để làm phước đức, còn hơn sống mà không có phước. Trẫm hãy nhìn cái hộp đầy những bông hoa đó là đều do ân đức của Như Lai che chở, vua rất giận dữ nên lòng không tin, liền đi đến chỗ Đức Phật hỏi Ngài về ý nghĩa này.

Đức Phật đáp: Đúng thế, tâm trí của người này muốn cứu giúp mười phương, không tiếc thân mạng, nên dâng những bông hoa cúng Phật, ý không nhớ đến việc báo đáp, đã được thọ ký tương lai sẽ thành Phật, hiệu là Diệu Hoa. Vua rất vui mừng, hối hận tội lỗi và tự trách mình tâm ý mờ tối, không như Bồ tát tha thứ tội ấy.

Đức Phật dạy:Lành thay! Tự mình có thể sửa đổi, cùng với người không lỗi lầm chăng?

Lại trong kinh Bách Duyên dạy: Khi Đức Phật ở vườn cây Cấp-cô-độc thuộc nước Xá-vệ, Ngài dẫn các Tỳ-kheo đắp y mang bình bát đi khất thực đến hẻm nhỏ, có một phụ nữ ẩm đứa trẻ ngồi nơi hẻm, trẻ nhỏ gặp Thế tôn tâm rất vui mừng. Người mẹ đưa hoa, đứa trẻ nhận

lấy, liền dâng cúng Ngài, ở trong hư không biến thành cái dù hoa, che Đức Phật đi. Đứa trẻ thấy vậy rất vui mừng và phát nguyện lớn: Nhờ công đức căn lành cúng dường này mà khiến cho con đời sau được thành Chánh giác, giáo hoá chúng sanh cùng Đức Phật không khác. Bấy giờ, Thế tôn biết đứa trẻ này phát nguyện liền mỉm cười, từ mặt của đứa nhỏ hiện ra ánh sáng năm màu, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng liền thu lại vào đỉnh đầu.

Bấy giờ, A Nan thưa Đức Phật: Bạch đức Thế tôn! Như Lai tôn kính, mỉm cười không có vọng tưởng, nay do nhân duyên gì mà Như Lai mỉm cười? Nguyện xin Thế tôn giảng giải rõ ràng!

Đức Phật bảo A Nan: Hôm nay, thầy thấy đứa trẻ ấy, dâng hoa cúng dường Ta thì ở đời vị lai không rơi vào đường ác, trong hàng trời người thường hưởng thọ khoái lạc trải qua mười ba A-tăng-kỳ đắc được Phật Bích-chi, hiệu là Hoa Hạnh, cứu độ chúng sanh không có giới hạn, cho nên ta cười. Khi ấy các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy, vui vẻ thực hành.

Lại trong kinh Bách Duyên dạy: Lúc ấy, Đức Phật an trú tại vườn cây của Cấp-cô-độc thuộc nước Xá-vệ, các trưởng giả trong thành đó giàu sang, mọi người đều tập trung đến trên dòng suối diễn tấu kỷ nhạc, đều tự chơi vui. Nước Ba-la-nại mở hội (chợ) hoa, trong hội đó còn ở lại một người vào rừng hái hoa Ba-la-nại để cài trên tóc. Khi người hái hoa đi trên đường mang đến hội thì thấy Thế tôn tướng tốt ánh sáng chiếu soi một trăm ngàn ngày, tâm luôn vui vẻ đến trước lạy sát chân Đức Phật, đem những bông hoa dâng cúng Ngài. Rồi trở lại hái hoa ở trên cây, bẻ cành bị rơi xuống đất qua đời. Người ấy được sanh vào cõi trời Đao-lợi, hình tướng đoan chánh đẹp đẽ, lấy hoa Ba-la-nại làm cung điện.

Trời Đế-thích hỏi: Người ở đâu, làm việc phước gì mà được sanh đến đây?

Đáp: Do nhân duyên xưa, đầy đủ phước báo của cõi trời Đế-thích. Bấy giờ, Đế-thích dùng kệ tán thán:

*Thân người màu vàng ròng*
*Chiếu soi sáng rực rỡ*
*Dung mạo sắc đoan chánh*
*Đứng đầu trong chư thiên.*
*Bấy giờ Thiên tử dùng kệ đáp:*
*Tôi nhờ ân đức Phật*
*Đem hoa Ba-la cúng*

*Do nhân duyên thiện này*
*Nay được phước báo vậy.*

Bấy giờ, Thiên tử cùng với trời Đế-thích đi đến chỗ Phật, Ngài thuyết pháp cho họ tâm ý khai mở, diệt trừ được nghiệp chướng tà kiến trong hai mươi ức, đắc được quả Tu-đà-hoàn, tâm mừng vui, đến trước Đức Phật nói kệ tán thán:

*Thế tôn cao vời vợi*
*Tối thượng không ai bằng*
*Cha mẹ và Sư trưởng*
*Công đức không sánh kịp.*
*Làm khô bốn biển (ái) lớn*
*Vượt qua núi Bạch-cốt (xương trắng)*
*Lấp kín ba đường ác*
*Khai mở ba đường thiện.*

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Bấy giờ, Thiên nữ nói kệ:

*Tôi lấy hoa cài tóc*
*Cúng tháp Phật Thích Ca*
*Nay sanh lên cõi trời*
*Được công đức tối thắng*
*Sanh ở trong hàng trời*
*Báo được thân vàng ròng.*

Lại trong luận Tát Bà Đa dạy: Nếu đất bốn phương Tăng thì không được làm tháp, vì Phật pháp tự để gieo trồng. Nếu Tăng hòa hợp thì được, không hòa hợp thì không được làm. Nếu có trồng nhiều loại hoa ở đất của Tăng thì cần người trong sáng để giữ gìn, tuần tự tùy tâm cúng dường Tăng, hoa cúng dường Tam bảo không được lấy cho mình. Nếu hoa nhiều Tăng dùng không hết mà Tăng đồng ý cho thì lấy. Nếu trong đất Tăng không cho làm tháp tạc tượng vì gần người ô uế không được thanh tịnh. Nếu lầu gác có kinh tượng ở dưới thì không được ở trên. Nếu hoa ở tháp thì không được cúng dường Tăng và Pháp, cần phải dâng cúng Phật. Hoa này cũng được bán lấy tiền, để cúng dường tháp. Nếu nước của tháp thì để cúng dường tháp, giả sử còn thừa thì đem đến người có công làm tháp này mà phải bán lấy tiền để dùng những việc trong tháp, không được làm việc khác. Chi phí thì cần tính toán nếu không thì phạm tội. Nếu trong tháp không có người, nước lại nhiều mà sức lực do một vị Tăng, nước còn bao nhiêu hoàn toàn để vị ấy tính toán chi phí.

Lại trong kinh Văn Thù Vấn dạy: Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi bạch

Đức Phật:

Bạch đức Thế tôn! Hoa cúng dường còn dư dùng để chữa bệnh, phương pháp chữa trị như thế nào?

Đức Phật bảo Văn-thù: Mỗi hoa phải được trì chú khác nhau một trăm lẻ tám biến. Tụng Phật hoa: Nam-mô-phật-thát-tả-trị-sa-ha.

Chú hoa Bát-nhã-ba-la-mật là: Na-mạt-kha-lô-lý. Bát nhã-ba-la-mật-đa-duệ-sa-ha.

Chú hoa Phật-túc là: Na-mạc-ba-đà-chế-điểm-đam-diêm-sa-ha.

Chú hoa Bồ-đề-thọ là: Nam-mô-bồ-đề-quá-lực-khám-lam-sa-ha.

Chú hoa Chuyển-pháp-luân-xứ là: Nam-mô-đạt-ma-chước-kha-la-dạ-sa-ha.

Chú hoa Tháp là: Na-mạc-du-bạt-da-sa-ha.

Chú hoa Bồ tát là: Nam-mô-bồ-đề-tát-đỏa-dã-sa-ha.

Chú hoa Chúng tăng là: Na-mạc-tăng-già-dã-sa-ha.

Chú hoa Phật tượng là: Na-mạc-ba-la-để-tà-sa-ha,

Đức Phật bảo Tôn giả Văn Thù Sư Lợi: Người nào thực hành những chú hoa này, hoặc bốn chúng có lòng tin tu tập thì sáng sớm thức dậy, tắm rửa súc miệng sạch sẽ, nhớ nghĩ công đức Phật, cung kính chú hoa này, không được dùng chân giẫm đạp, lên hoa, cầm hoa như pháp đặt vào chỗ chứa sạch. Nếu có người bị bịnh đau đầu hàn hoặc nhiệt, đều lấy bột hoa hoà vào nước lạnh để xoa vào thân. Nếu đi đại tiện ra máu hoặc đau thắt trong bụng thì nên lấy bột hoa hòa vào nước rồi uống. Nếu miệng bị lở loét thì lấy bột hoa hòa vào nước nóng rồi ngậm. Nếu trời mưa không ngừng, ở nơi chỗ trống dùng lửa đốt hoa khiến cho mưa ngừng. Nếu trời quá hạn hán, ở nơi hoang vắng lấy hoa đặt vào nước, lại đọc chú vào nước rồi tưới lên hoa, trời liền mưa ngay. Hoặc loài bò, ngựa tánh hung hăng, thì dùng hoa xoa vào bụng liền điều phục. Nếu hoa, quả, cây không tươi tốt nên lấy nước phân bò, hòa bột hoa vào để tưới vào những gốc cây ấy, không nên giẫm đạp lên thì hoa quả rất nhiều. Nếu trong ruộng có nhiều nước, lúa non hư hoại nên lấy hoa xay ra bột rồi rải vào ruộng liền phát triển tươi tốt. Nếu trong nước có bịnh dịch thì lấy bột hoa hoà vào trong nước đổ vào trong vỏ sò thổi vang ra âm thanh, người nghe liền lành bịnh. Nếu trong nước có địch oán thù muốn đến xâm chiếm thì lấy nước bột hoa ở xứ đó rưới khắp, giặc thù sẽ rút lui. Nếu ở núi cao có tảng đá lớn, chúng Tỳ-kheo để bột hoa ở trên tảng đá, cùng nhau lễ bái, sau một thời gian lâu, ở trên tảng đá tự nhiên sanh châu báu.

Đức Phật bảo Bồ Tát Văn Thù: Cứ mỗi lần tụng trọn một trăm

tám biến chương cú của chú này thì các thầy ở nơi nào cũng sẽ thuyết, như hoa pháp của Phật,ngoài ra hoa khác cũng vậy. Lại trong kinh Hoa Nghiêm dạy: Xưa kia, ở trong laòi người có một loại hương gọi là Đại-tượng-tạng. Do chiến đấu với rồng mà sanh, hoặc đốt một viên mà phát khởi ánh sáng lớn như lưới mây che phủ ở trên, pháp vị như cam lồ, trải qua bảy ngày bảy đêm thì mưa xuống nước hương, nếu dính vào thân người nào liền thành màu vàng ròng, nếu mặc y phục thì cung điện lầu gác cũng đều thành màu vàng. Nếu có chúng sanh nào được nghe thấy hương này, trong bảy ngày bảy đêm hoan hỷ vui vẻ, thì diệt trừ được tất cả bịnh ngặt nghèo, xa lìa những lo sợ nguy hại, thường có tâm từ bi nhớ nghĩ chúng sanh. Ta biết người đó nên thuyết pháp, khiến cho vô lượng chúng sanh được quả vị Bất thối chuyển. Lại nữa hương Ngưu đầu chiên đàn mọc ở trên núi trừ bỏ cấu uế, nếu dùng để xoa thân thì lửa không thể cháy. Lại trong kinh Bách duyên dạy: Khi xưa Đức Phật còn tại thế, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một trưởng giả thật giàu có, vô lượng tài báu không thể tính kể, sanh được một người con trai tướng mạo đoan chánh, hiếm có ở đời, các lỗ chân lông trên thân toát ra mùi hương Chiên đàn, miệng thường thoảng hương thơm hoa xanh, cha mẹ biết vậy rất vui mừng. Do đó, đặt tên là Chiên-đàn-hương, qua thời gian lớn lên cầu Phật xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Vị Tỳ-kheo thấy vậy liền bạch Phật: Chiên-đàn-hương này đời trước gieo trồng phước gì mà sanh vào dòng họ cao quý, thân thường thoảng mùi thơm, gặp Phật xuất gia, đắc được đạo quả.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Trong chín mươi mốt kiếp ở đời quá khứ, Đức Phật Tỳ Bà Thi sau khi nhập Niết bàn, có vua Bát Đầu Mạc Đế, ông ấy thu nhặt Xá lợi xây dựng bốn tháp báu cao một do tuần để cúng dường. Có một trưởng giả vào tháp Phật, thấy đất đổ xuống và bùn bám vào, nên tu sửa, dùng hương chiên đàn tô quét lên, phát nguyện rồi đi. Do công đức này, từ đây đến chín mươi mốt kiếp không rơi vào đường ác, ở trong hàng trời người thân miệng thường thoảng hương thơm, hưởng thọ phước báo khoái lạc, đến nay gặp Ta xuất gia đắc đạo.

Lại trong luận Đại Trang Nghiêm, Đức Phật dạy: Xưa kia Ta từng nghe, khi Phật Ca Diếp còn là Pháp sư, thuyết pháp cho chúng, được chúng tán thán Ngài, do duyên này, nên lúc qua đời sanh vào cõi trời, thường hưởng thọ khoái lạc. Ở đời Phật Thích Ca Văn, sau khi Ngài nhập Niết bàn một trăm năm, vào thời vua A Du Ca, vị ấy làm đại Pháp sư, đắc quả A-la-hán, miệng thường có hương thơm vi diệu thoát ra. Lúc vị Pháp sư đó bỏ ngôi vua không lâu, vì chúng sanh mà thuyết pháp,

hương thơm trong miệng bay đến nơi vua. Nhà vua nghe thấy hương thơm sanh nghi ngờ, suy nghĩ: Vị Tỳ-kheo kia ngậm bột hương thơm trong miệng chăng, nên tỏa ra hương thơm như vậy? Nghĩ thế rồi, bảo Tỳ-kheo: Hãy súc miệng, xem còn mùi thơm đó chăng!

Vị Tỳ-kheo thưa vua: Sao lại bảo tôi súc miệng?

Nhà vua trả lời: Ta nghe mùi hương sanh nghi ngờ, nên bảo súc miệng, thế mà hương lại thơm hơn, chỉ có hương thơm của Tỳ-kheo chứ không có hương nào khác. Nhà vua thưa Tỳ-kheo: Nguyện xin thuyết pháp cho ta. Tỳ-kheo mỉm cười liền thuyết kệ:

*Bậc tự tại trời đất*
*Nay thuyết pháp cho ông*
*Chẳng phải nước hương trầm*
*Chẳng phải cành lá hoa*
*Chiên đàn và các hương*
*Hòa hợp để tỏa ra*
*Ta sanh tâm nghi ngờ*
*Nên đã nói như vậy.*
*Xưa tán thán Ca Diếp*
*Nay mới được như vậy*
*Hương thơm của Phật kia*
*Cùng hương này không khác*
*Đêm ngày thường có hương*
*Chưa từng bị mất hẳn.*

Trong kinh Nhật Vân dạy: Để khói hương lan tỏa xuống trên đất thì diệt trừ được các tội suốt trong năm trăm năm, lại đọa trong địa ngục Phấn-thỉ, vì sao? Vì do tâm buông lung vậy. Trong kinh Da Vấn dạy: Chuẩn bị cúng dường mà dùng miệng thổi các bụi tro thì rơi vào địa ngục Ưu-bát-la, làm bạn với vua Phong-thần. Trong kinh Yếu-dụng-tối dạy: Mũi ngửi hương thì mất hết mùi hương nên không còn phước đức, đời hiện tại bị đọa vào địa ngục Ba-đầu-ma, vị lai mũi không còn biết mùi vị của hương. Lại trong kinh Nhật-cúng-dường dạy: Khi cúng dường hương không đóng kín thì rơi vào địa ngục Hắc-phấn-thỉ, chịu hết các tội trong nữa kiếp, không còn phước báo trí tuệ. Vì sao? Vì do mở cửa nên hương thơm thoát ra.

Trong Tam Thiên Oai Nghi dạy: Đốt hương ở trước Phật có ba việc. Một là mùi thơm hay thay đổi. Hai là tự tỏa ra hương thơm. Ba là luôn mang đến hương thơm cho người. Đốt trầm hương có ba việc: Một là trước hết lấy tro tàn bỏ đi, nhặt lấy các hương để lại một nơi. Hai là

thường lau chùi sạch sẽ mới đốt hương, lại lấy hương cũ bỏ vào lại lư. Ba là khi đốt hương không thổi khiến hơi bay ra.

***Thứ 3: Nhân duyên nhiên đăng***

Như kinh Bồ tát bổn hạnh, Đức Phật dạy: Xưa kia từ vô lượng kiếp đến nay, ta xả bỏ thân mạng, ở cõi Diêm phù đề làm vua một nước lớn, liền cầm dao đưa cho người hai bên, bảo họ chặt thân này làm thành một ngàn cây đèn. Chia thịt thân ta ra sâu bằng đồng tiền lớn, rồi rót dầu vào, xâu tim, để làm một ngàn ngọn đèn, bảo Bà-la-môn, trước thuyết pháp sau mới đốt đèn. Bà-la-môn dùng kệ thuyết pháp cho vua:

*Thường thì có đoạn*
*Cao thì có thấp*
*Hợp có xa lìa*
*Sanh thì có chết.*

Nhà vua nghe kệ rồi hoan hỷ vui mừng. Nay vì pháp nên lấy thân này làm đèn, không mong cầu vinh hoa ở đời, cũng mong không cầu chứng quả Nhị thừa, nguyện đem công đức này cầu quả vị Vô thượng Chánh chơn. Phát nguyện rồi, sáu phương trong thế giới chấn động, thân đốt làm thành ngàn cây đèn, tất cả chư thiên, Phạn vương, Đế thích, Ngưu vương đều đến thăm hỏi: Nếu đốt thân làm thành ngàn ngọn đèn thì không đau đớn chăng? Vả lại chẳng hối tiếc sao?

Nhà vua trả lời Đế thích: Không bị đau đớn cũng chẳng hối tiếc.

Hỏi: Nếu không hối tiếc sao dùng làm đèn?

Nhà vua phát lời thề: Một trăm cây đèn của ta dùng để cầu đạo Vô thượng, đoán chắc sẽ thành Phật và các bịnh nhọt đều lành. Nói xong, thân liền bình phục không còn dấu vết. Các chư thiên, vương thần, bà con rất nhiều dân chúng cùng phát nguyện vui vẻ, tán thán thực hành mười điều thiện.

Như trong kinh A Xà Thế Vương Thọ Quyết dạy: Khi vua A Xà Thế thỉnh Đức Phật thời cơm xong, Ngài trở về tinh xá Kỳ hoàn. Vua cùng với Kỳ-bà bàn luận, Phật thời cơm xong làm gì?

Kỳ-bà nói: Đốt nhiều hương đèn.

Nhà vua liền ra lệnh: Hãy đổ dầu vào những cái hủ, thắp lên từ cung vua đến tịnh xá Kỳ hoàn. Khi ấy, có bà lão nghèo khổ thấy vua làm việc này, rất cảm động. Bà đi xin được hai đồng tiền, đến quán để mua dầu. Người chủ bảo: Bà lão quá nghèo khổ, kiếm xin được hai đồng tiền sao không mua thức ăn để tự sinh sống mà lại mua dầu thắp?

Bà lão nói: Tôi nghe, Đức Phật xuất hiện ở đời thật khó, trăm kiếp

mới gặp một lần, tôi có duyên lành gặp Ngài mà không cúng dường. Hôm nay, thấy nhà vua làm công đức lớn, tuy quá nghèo cùng, nhưng tôi muốn cúng một cây đèn để làm vốn phước đước cho đời sau. Nghe vậy, người chủ bán dầu vui vẻ tán đồng ý kiến đó, đổi hai đồng được dầu tương ứng hai cây đèn, nhưng đặc biệt dầu lại nhiều thêm ba bình, nên cả thảy được năm cây đèn dầu. Bà lão liền đến trước Phật cúng đèn, đi mãi không ngừng đến nửa đêm, phát lời nguyện: Nếu đời sau, con được thành đạo như Phật thì xin dầu còn mãi để đèn sáng mãi không tắt, làm lễ xong lui ra. Đèn của nhà vua có ngọn tắt, hay hết dầu nhưng đèn của bà lão đặc biệt sáng mãi, các đèn thù thắng ấy soi sáng suốt đêm không ngừng, dầu vẫn còn đến sáng mai. Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên: Trời đã sáng tỏ, nên tắc các ngọn đèn. Tôn giả vâng lời, tuần tự tắt đèn, đều tắt hết đặc biệt đèn của bà lão tắt đến ba lần cũng không được. Tôn giả liền dùng vạt áo cà sa quạt để tắt, nhưng ánh sáng càng tỏ hơn, cho đến dùng thần lực, nương theo luồng gió để mong tắt đèn nhưng lại sáng mạnh hơn, chiếu sáng đến cõi trời Phạn thiên và soi tỏ đến thế giới ba ngàn, tất cả đều thấy ánh sáng đó. Đức Phật bảo tôn giả Mục-liên: Thôi hãy ngừng đi! Công đức ánh sáng của Đức Phật đương lai này, oai thần của thầy không thể tắt được đâu. Bà lão này đời trước đã cúng dường một trăm tám mươi ức Đức Phật, được chư Phật thọ ký, nhưng thường đối với kinh pháp chưa rảnh rỗi tu tập, nên hôm nay vẫn nghèo khổ, không có tài của, sau ba mươi kiếp sẽ được thành Phật, hiệu là Tu-di-đăng-quang Như Lai Chí chơn Chánh đẳng Chánh giác, ở thế giới không có mặt trời mặt trăng, trong thân mọi người đều có ánh sáng lớn, chiếu soi như cõi trời Đao lợi. Bà lão biết vậy đảnh lễ lui ra.

Nhà vua hỏi Kỳ-bà: Ta làm công đức vời vợi như vậy sao Đức Phật không thọ ký cho ta, người già đó chỉ một ngọn đèn mà được thọ ký?

Kỳ-bà trả lời: Trẫm làm tuy nhiều nhưng tâm không chuyên một chỗ, không như bà già ấy, chú tâm đến Đức Phật. Về sau vua A Xà Thế với tâm thành kính dâng dầu hoa cúng dường Phật. Đức Phật liền thọ ký cho vua, về sau tám vạn kiếp, kiếp đó tên Hỷ-quán vua sẽ thành Phật, hiệu là Tịnh-kỳ. Thái tử con của vua A Xà Thế là Chiên-đà-hòa-lợi, khi lên tám tuổi thấy cha được thọ ký rất vui mừng, liền cởi những vật báu trên thân cúng dường Đức Phật,và thưa: Nguyện xin đến khi Tịnh-kỳ làm Phật con sẽ làm vua Kim luân để cúng dường Phật, Đức Phật vào Niết bàn con sẽ thừa kế làm Phật.

Đức Phật dạy: Như lời nguyện của ngươi chắc chắn sẽ thành Phật

hiệu là Chiên-đàn.

Như trong kinh Hiền Ngu dạy: Tôn giả A Nan bạch Phật: 'Không biết Thế tôn trong đời quá khứ đã gieo trồng căn lành gì mà đến nay được phước báo có vô số đèn?"

Đức Phật bảo tôn giả A Nan: Ở quá khứ, chín mươi mốt kiếp trong hai a tăng kỳ, cõi Diêm phù đề này có một vị tên là Ba Tắc Kỳ. Phu nhơn lớn sanh thái tử đầy đủ tướng tốt, thân màu vàng đỏ, thời gian sau khi lớn lên xuất gia thành Phật, giáo hóa mọi người, cứu độ tất cả. Bấy giờ, vua cha thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường ba tháng. Có Tỳ-kheo tên A Lê Mật La ở trong ba tháng làm đèn đàn việt, mỗi ngày vào thành xin các thứ dầu tô, tim đèn. Lúc ấy, công chúa của vua tên Mâu Ni, ở trên lầu cao thấy Tỳ-kheo này, hằng ngày đi vào trong thành loanh quanh tìm những thứ cần dùng, cô ta sanh lòng kính mến ân cần, nên bảo người đến hỏi xem, đến đó để cần gì?

Vị Tỳ-kheo trả lời: Ba tháng này, ta cùng Phật và chúng Tăng làm đèn thắp sáng, nên đến đây xin các thứ dầu, tim đèn.

Người hầu trở lại, thưa với công chúa, cô ta rất vui mừng. Công chúa thưa với Tỳ-kheo: Từ nay về sau, thầy đừng đi xin nữa, tôi sẽ cung cấp đầy đủ những thứ ấy cho thầy.

Tỳ-kheo nhận lời, từ đó về sau thường đến nhận các thứ dầu tô và tim đèn. Bậc Thánh và chư Tỳ-kheo thành tâm bảo: Đức Phật sẽ thọ ký cho cô, ở đời vị lai qua A tăng kỳ kiếp sẽ được làm Phật hiệu là Định-quang-vương-nữ-mâu-ni. Nghe Đại thánh và chư Tỳ-kheo thọ ký thành Phật liền nghĩ: Các thứ đèn Phật đều là của ta, chư Tỳ-kheo thọ ký mình ta chắc không được. Nghĩ thế rồi, đến chỗ Phật trình bày những hoài nghi, Đức Phật liền thọ ký, bảo với Mâu Ni: Ngươi ở đời sau chín mươi mốt kiếp trong hai A tăng kỳ sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, đầy đủ mười danh hiệu. Công chúa nghe rồi liền phát tâm hóa thành nam tử, kính lễ dưới chân Phật cầu xin làm Sa-môn, Ngài liền chấp nhận. Vị ấy tinh tấn tu tập không ngừng. Do cúng dường đèn sáng xưa kia, từ đó về sau trong vô số kiếp, ở trong hàng trời người tự nhiên hưởng thọ phước lạc, thân thể thù thắng khác người. Ngày nay thành Phật hưởng thọ phước báo của đèn sáng đó.

Lại trong kinh Thí Đăng Công Đức dạy: Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất: Hoặc có người đứng trước các hình tượng trong tháp miếu của Phật mà thiết lễ cúng dường những ngọn đèn sáng, cho đến lấy một ít tim đèn hay dầu tô, bột hương thì ánh sáng này chỉ soi tỏ trong một bậc cấp đạo. Này Xá Lợi Phất! Phước đức này chẳng phải Thanh văn,

Duyên giác mà biết chỉ có Như Lai mới có thể biết được. Người cầu phước báo ở đời công đức còn như vậy, huống nữa với tâm an lạc thanh tịnh, liên tục nhớ nghĩ công đức Phật. Phước đức của một từng bậc đạo quả còn như vậy huống nữa chiếu sáng hoàn toàn một đạo quả; Hoặc hai, ba bốn đạo quả; Hoặc thân tháp một bậc, hai bậc cho đến nhiều bậc, một mặt, hai mặt cho đến bốn mặt, cho đến hình tượng của Phật. Này Xá Lợi Phất! Người thắp đèn đó, hoặc mau tắt hay gió thổi tắt, hoặc dầu khô hết hay tim cháy hết hay tất cả đều hết. Như vậy, chỉ trong thời gian ngắn ở trong tháp miếu của Phật cúng dường đèn sáng. Do lòng tin Phật Pháp Tăng mà dâng cúng ruộng phước một tí ánh sáng, nên được quả báo, tích tập các phước đức chỉ có Đức Phật mới biết được, đèn ít như vậy, còn đèn nhiều thì không thể tính kể. Huống nữa, sau khi Ta diệt độ ở trong chùa tháp của Phật hoặc tự làm hay bảo người khác làm. Hoặc đốt một cây đèn, hai cây cho đến nhiều cây, hương hoa chuỗi hột, dù lọng, cờ bằng báu và cúng dường tất cả những thứ thù thắng vi diệu. Lại nữa có người ở trong tháp miếu của Phật dâng cúng đèn sáng thì lúc lâm chung được ba loại ánh sáng. Những gì là ba? Một là, người đó lúc qua đời những việc phước trước kia đều hiện trước mắt, nhớ nghĩ pháp lành không quên mất, do nhớ nghĩ này nên tâm được vui mừng. Hai là, do đây mà nhớ nghĩ niệm Phật, thực hành bố thí, tâm vui vẻ không bị khốn khổ của cái chết. Ba là, nhờ đây liền được tâm nhớ nghĩ pháp.

Này Xá Lợi Phất! Người ấy lúc lâm chung được bốn thứ ánh sáng. Những gì là bốn? Một là khi lâm chung thấy bánh xe tròn đầy ở miệng hiện ra. Hai là thấy trăng sáng như bánh xe tròn đầy hiện ra. Ba là thấy chư thiên tập trung ở một nơi. Bốn là thấy Như Lai Ứng chánh Biến tri, ngồi dưới cây Bồ đề, chứng đắc đạo quả Bồ đề. Tự thấy mình tôn kính Như Lai chấp tay cung kính đứng yên. Này Xá Lợi Phất! Ở trong tháp miếu của Phật cúng dường đèn sáng rồi, thì lúc lâm chung thấy được bốn thứ ánh sáng như vậy. Khi chết sanh vào cõi trời thứ ba mươi ba. Ở đó được năm việc thanh tịnh: Một là năng lực thanh tịnh. Hai là ở trong chư thiên được oai đức thù thắng. Ba là thường được tuệ niệm thanh tịnh. Bốn là thường được nghe và ghi nhớ những âm thanh. Năm là được bà con thường hết lòng ủng hộ, tâm được vui mừng. Ở trong thiên cung ấy, khi qua đời không rơi vào đường ác, sanh vào loài người được dòng họ cao quí, tin hiểu Phật pháp, lúc đó ở thế gian không có Phật cũng không sanh vào nhà tà kiến hung dữ, thấp kém. Do cúng dường đèn mà được bốn pháp an lạc. Những gì là bốn? Một là năng lực và sắc đẹp. Hai là tài sản. Ba là nhiều niềm vui. Bốn là trí tuệ. Nếu người an trú Đại thừa, đối

với tháp miếu của Phật mà cúng dường đèn sáng thì được tám pháp an lạc: Những gì là tám? Một là được mắt thịt thù thắng. Hai là được tâm niệm thù thắng không thể đo lường. Ba là được một phần thiên nhãn tối thắng. Bốn là tu tập đạo tròn đầy nên được giới trọn vẹn. Năm được trí tuệ viên mãn chứng đắc Niết bàn. Sáu là trước đã làm việc thiện thì không bị các nạn. Bảy là đã làm việc thiện nên được gặp Phật có thể thấy tất cả chúng sanh. Tám là nhờ căn lành đó mà được các xe báu của vua Chuyển luân, không bị người khác làm chướng ngại, thân này đoan chánh, hoặc làm Đế thích đầy đủ thiên nhãn, oai lực lớn. Hoặc làm Phạn vương thực hành các việc thanh tịnh đạt được Thiền định lớn.

Này Xá Lợi Phất! Lấy căn lành này hồi hướng quả vị Bồ đề thì được tám pháp an lạc tối thắng. Lại nữa, Xá Lợi Phất! Nếu người ở trước Như Lai mà thấy người khác cúng dường đèn với tâm thanh tịnh, chấp tay tùy hỷ, do căn lành này nên được tám pháp tăng thượng. Những gì là tám? Một là sắc đẹp tăng thượng. Hai là được quyến thuộc tăng thượng. Ba là được giới tăng thượng. Bốn là sanh trong hàng trời người được tăng thượng. Năm được lòng tin tăng thượng. Sáu là được biện tài tăng thượng. Bảy là được Thánh đạo tăng thượng. Tám là đạt quả vị Bồ đề. Lại nữa, Đức Phật lại bảo Xá Lợi Phất: Có năm loại pháp tối ưu khó được: Một được thân người là khó. Hai là ở trong chánh pháp Phật được lòng tin ưa thích là khó. Ba là ưa thích pháp Phật được xuất gia là khó. Bốn là đầy đủ giới thanh tịnh là khó. Năm là được diệt trừ hết các lậu là khó. Tất cả chúng sanh ở trong năm pháp này cho là khó được mà các thầy đã thành tựu.

Trong kinh Thí Dụ dạy: Khi xưa, Đức Phật còn tại thế trong hàng đệ tử phước đức không như nhau. Trưởng lão Xá Lợi Phất là trí tuệ đệ nhất. Đại Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất. Tôn giả A Na Luật là thiên nhãn đệ nhất, có thể thấy ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến những thứ vi tế đều thấy rõ.

Tôn giả A Nan biết được liền bạch Phật: Tôn giả A-na-luật này trước đây đã làm việc gì mà nay được thiên nhãn như vậy?

Đức Phật dạy: Ở đời quá khứ chín mươi mốt kiếp, sau khi Đức Phật Tỳ Bà Thi Niết bàn, lúc đó người ấy còn làm kẻ cướp vào trong tháp muốn trộm lấy vật của tháp. Khi ấy, trong tháp Phật có cây đèn trước Ngài sắp tắt, kẻ cướp dùng mũi tên khêu sáng lên, thấy hào quang oai thần của Đức Phật, tự nhiên lông tóc dựng ngược, liền tự nghĩ: Người khác còn xả bỏ của cải vật chất để mong cầu phước đức, sao ta lại đi ăn cắp! Liền bỏ đi ra, nhờ duyên chơn chánh khêu tim đèn mà được

phước đức nên từ đó đến đời vị lai trong chín mươi mốt kiếp thường được sanh nơi lành, dần dần xả bỏ các việc xấu ác, mỗi ngày tăng thêm phước lành. Nay được gặp Ta, xuất gia tu đạo, chứng quả vị A-la-hán, ở trong loài người được mắt thiên nhãn thấu suốt đệ nhất. Huống nữa là người xả bỏ sanh tâm cúng đèn trước Phật thì phước đức khó có thể tính kể. Lại trong luận Trí độ dạy: Nếu có người trộm cắp ngọc quý và đèn trong tháp Phật thì chết bị đọa địa ngục, nếu sanh làm người thì đời đời bị mù.

Trong kinh Quán Đảnh dạy, Bồ tát Cứu Thoát bạch Phật: Nếu có thiện nam thiện nữ nào bị đau ốm, gầy yếu liệt giường không thể cứu chữa, nay ta sẽ cung thỉnh chư Tăng, trong bảy ngày đêm nhất tâm giữ gìn tám giới, tu tập sáu thời, đọc tụng kinh điển bốn mươi chín biến, siêng năng đốt đèn bảy tầng, treo cờ thần năm màu để nối tiếp mạng sống.

Tôn giả A Nan hỏi: Đèn cờ nối tiếp mạng sống làm như thế nào?

Bồ tát Cứu Thoát trả lời: Cờ thần dài bốn mươi chín thước, đèn cũng như vậy, đèn bảy tầng mỗi tầng bảy ngọn, như bánh xe. Nếu có người gặp nạn bị trói trong lao ngục, cũng nên vì họ làm cờ đèn, xả bỏ các tài vật cho chúng sanh đến bốn mươi ngày thì có thể thoát khỏi nạn nguy hiểm, không bị các quỷ thần hung dữ giam trói. Trong kinh Siêu nhật minh Tam muội dạy: Vua mặt trời cùng vô số trời người đến chỗ Phật cúi đầu thưa: Do thực hành gì mà được mặt trời chiếu khắp thiên hạ? Lại do nhân duyên gì mà mặt trăng chiếu sáng trừ những nơi tối tăm?

Đức Phật dạy: Có bốn việc: Một là vui vẻ bố thí. Hai là không sân giận. Ba là giữ gìn giới luật không phạm. Bốn là thắp đèn trong chùa Phật. Hoặc đối với Sa-môn, cha mẹ và đạo nhơn thì đều được ánh sáng đó, lại tu tập mười điều thiện thân, khẩu, ý như không sát sanh... Đức Phật dạy: Lại có bốn việc để được làm vua mặt trăng: Một là bố thí cho người nghèo thiếu. Hai là giữ gìn năm giới. Ba là cung kính Tam bảo. Bốn là thắp đèn nơi tối như vua, cha, thầy.

Lại trong luật Tăng kỳ Đức Phật dạy: Từ nay cho phép thắp đèn thì đặt lửa một bên rồi dần dần thắp lên. Trước nên thắp đèn sáng ở Xá lợi và hình tượng Phật. Lễ bái trước rồi mới theo thứ lớp mà thắp, ngoài những nơi tắt ra thì không được tắt. Nên bảo các Đại đức muốn tắt đèn thì không được dùng miệng thổi mà chỉ được phép dùng tay và y quạt tắt. Phải cầm đuốc đi để khỏi vấp ngã, đến nơi không được vào liền, nên thưa với chư Đại đức có đèn vào, nếu cho phép mới được vào, nếu

không như vậy thì mắc tội việt oai nghi.

Lại trong Tam Thiên Oai Nghi dạy: Thắp đèn có năm cách. Một là phải lấy khăn sạch lau trong ngoài sạch sẽ. Hai là nên làm tim cho sạch. Ba là nên tự làm dầu mè. Bốn là rót dầu không được quá đầy cũng không được quá ít. Năm là phải để nơi cố định, không nên treo giữa đường làm chướng ngại người đi.

Lại Ngũ Bách Vấn Sự dạy: Để duy trì ánh sáng của Phật, ban ngày không được tắt, Đức Phật thì không có sáng tối, vì vốn không có giới hạn ngôn niệm, nên tắt thì có tội. Đại sư Tam tạng Ba Phả đời Đại đường dạy: Đèn trước Phật không được lấy đi đâu, nếu lấy đặt một bên mà không mất đi ánh sáng thì được.

***Thứ 4: Duyên treo cờ***

Như trong kinh Ca Diếp Ngữ A Nan dạy: Xưa vua A-dục tự ở trong khuôn viên mà xây dựng một ngàn hai trăm tháp, sau khi vua bịnh nặng có một Sa-môn đến thăm. Vua thưa: Trước một ngàn hai trăm tháp đều nên may cờ bằng sợi chỉ vàng, muốn tự tay treo cờ, tung hoa mới thành tựu biện tài, nhưng đã bị bịnh nặng, sợ không được toại nguyện.

Vị Sa-môn liền bảo vua: Trẫm mong cầu thì hãy chấp tay nhất tâm, Sa-môn liền hiện thần thông, một ngàn hai trăm tháp hiện ra trước mặt vua ngay.

Nhà vua thấy vậy rất vui mừng, liền bảo người lấy cờ, hoa bằng vàng để treo lên cột chùa tháp, những chỗ cao hay thấp đều do vua làm hết. Khi vua đã hoàn thành bổn nguyện thì bịnh trở lại, liền phát nguyện lớn, nên mạng sống kéo dài hơn hai mươi lăm năm, gọi là thần cờ tiếp nối mạng sống. Lại trong kinh Phổ Quãng dạy: Nếu bốn chúng nam nữ lúc lâm chung, hoặc đã qua đời, ở trong ngày mất ấy mà may cờ vàng, rồi treo trên cột thì được phước đức, sẽ xa lìa tám nạn khổ được sanh vào cõi tịnh của chư Phật mười phương. Cúng dường cờ, lọng tùy theo tâm đã phát nguyện thì chứng quả vị Bồ đề. Cờ theo gió tung bay sẽ phá tan tất cả thành các bụi trần, mỗi lần cờ bay thì ngôi vị của Luân vương thay đổi, cho đến thổi đi bụi trần thì ngôi vị của vua nhỏ được phước báo vô lượng. Đốt đèn cúng dường chiếu sáng những nơi tối tăm thì bịnh khổ của chúng sanh nhờ ánh sáng ấy mà được thấy nhau. Do phước đức này mà làm dứt khổ cho chúng sanh.

Hỏi: Trong kinh gì nói vì người chết mà làm cờ vàng treo ở tháp cao?

Đáp: Tuy chưa thấy kinh gì giải thích, nhưng có thể dựa vào nghĩa

mong cầu. Trong năm màu sắc chính, màu vàng ở giữa là biểu thị sự trung thành, dốc hết lòng tu tập phước đức để dẫn thân trung ấm không rơi vào đường ác và những nơi thấp hèn. Lại màu vàng là tượng trưng cho vàng, quỉ thần ở chỗ tối sẽ lấy dùng. Ở đời thường dùng để cúng tế quỉ thần bằng cách cắt giấy trắng làm tiền, thì quỷ thần được đồng tiền trắng để dùng, nếu cắt giấy vàng làm tiền thì quỷ thần được đồng tiền vàng để chi tiêu.

Hỏi: Do đâu mà biết được?

Đáp: Theo Ký Minh Báo và Ký Minh Tường đã trình bày đầy đủ có thể biết được. Trong kinh Thí dụ dạy: Có người đào hầm cất lúa, lại có kẻ cướp lấy hết lúa của người chủ. Ông ấy đào hết cả hầm nhưng không thấy một hạt, mà chỉ thấy một con trùng, thân hình rất lớn, kéo đầu lên hỏi: Sao mày ăn hết lúa của ta? Mày là thần gì?

Con trùng trả lời người chủ: Ngươi cùng ta đến ngã tư đường thì biết rõ ta. Người chủ giữ lời hứa cùng đến chỗ hẹn. Trên đường đi gặp một tên quan cỡi ngựa vàng, mặc y phục vàng tất cả đều màu vàng. Tên quan hỏi con trùng: Mày ăn trộm lúa sao lại ở đây? Người chủ mới biết kẻ trộm lúa và hỏi con trùng: Tên quan cỡi ngựa toàn màu vàng đó là ai?

Kẻ trộm lúa trả lời: Là toàn vàng ròng, để báo đáp lại việc đã ăn hết lúa của người chủ. Do đây mà người được vàng, xài không bao giờ hết. Thật là do cõi người và quỷ khác nhau nên cảm nhận không đồng. Vì vậy, bậc Thánh chế ra cờ màu vàng để treo trên tháp lớn của người chết, khiến cho quỷ thần thấy được liền cứu giúp cho những kẻ nơi tối tăm thiếu thốn.

Trong kinh Bách Duyên dạy: Xưa kia, khi Đức Phật còn tại thế ở trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một trưởng giả nhà giàu có, tiền của vô lượng không thể tính kể, sanh được người con trai mãnh kiện, thù thắng hơn hẳn mọi người. Đứa bé lúc mới sanh, giữa hư không có một ngọn cờ lớn che kín trên thân, cha mẹ thấy thế rất vui mừng, vì vậy đặt tên là Ba-đa-ca. Năm tháng trưởng thành cầu xin Phật xuất gia, đắc quả A-la-hán, chứng ba minh, đạt sáu thông, đủ tám giải thoát. Tỳ-kheo thấy vậy, bạch Đức Phật: Vị Ba Đa Ca này đời trước gieo trồng phước gì mà sanh làm người được mãnh kiện hơn hẳn mọi người lại trên hư không có cờ lọng lớn che khắp trên thân, được gặp Thế tôn xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Ở đời quá khứ chín mươi mốt kiếp, sau khi Đức Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết bàn, khi đó có vua tên Bàn Đầu Mạc Đế thâu nhặt Xá lợi ấy, xây dựng bốn tháp báu cao một do tuần để cúng

dường. Khi ấy, có một người ở bên tháp đó mở hội bố thí lớn, làm lá cờ dài treo ở trên tháp, phát nguyện rồi đi. Do công đức này từ đây về sau, chín mươi mốt kiếp không đọa vào đường ác, ở trong hàng trời người thường có cờ lớn che phủ trên người ấy, hưởng thọ phước báo an lạc, đến nay gặp Ta xuất gia đắc đạo.

Lại trong kinh Bồ-tát Bổn Hạnh dạy: Xưa kia, khi Phật còn tại thế, Ngài cùng với A Nan và các Tỳ-kheo từ nước Uất-tỳ-la-duyên đi đến các xóm làng. Lúc ấy, trời rất nóng không có bóng mát. Lại có người giữ dê thấy Đức Phật đi qua nóng, nên phát khởi tâm tốt đan cỏ thành dù để che Đức Phật, cách đàn dê rất xa, liền bỏ dù xuống đất, trở lại bên đàn dê. Đức Phật mỉm cười bảo A Nan: Người chăn dê này do tâm cung kính mà lấy cỏ làm dù che cho Ta, nhờ công đức này mà trong mười ba kiếp không đọa vào đường ác, sanh vào nhà tôn quý trong hàng trời người vô cùng sung sướng, tự nhiên thường có dù bảy báu che trên thân, hết mười ba kiếp xuất gia tu đạo, thành Phật Bích chi gọi là A-nậu-bồ-đề. Kệ tụng:

*Nhàm chán cây vô minh*
*Thích Lộc-uyển, Ba-nại*
*Mới đi vào núi hương*
*Trọn gặp thân không hoại.*
*Hoa định nở quả trí*
*Thần đèn chiếu Phạn thiên*
*Cờ phướn giống màu lụa*
*Hương thơm hợp khói trầm.*
*Uyển chuyển bay trên không*
*Quyện xuống như sen hồng*
*Sớm tối gió thổi đến*
*Lại gặp nhân Luân vương.*
*Nhìn theo không biết chán*
*Cảm bạn lữ quay nhìn*
*Trong sắc biết sao đến*
*Được phước mạng sống lâu.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 4)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 5

## PHẦN THỨ 7: THỌ THỈNH

- Duyên thuật ý
- Duyên cúng dường
- Duyên giản ngụy
- Duyên Thánh Tăng
- Duyên thí thực
- Duyên thực thời
- Duyên thực pháp
- Duyên thực ngật

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Tam bảo là bình đẳng rộng lớn như hư không, không oán thù, không thân thích, dứt hẳn sự sang, hèn và sang hèn đều phù hợp tất cả tâm của đàn việt, nên trong bóng tối thường bỏ tướng, cùng với hư không vô hạn mà cho là lớn. Biết lúc tùy duyên, cùng pháp giới bình đẳng, nhân đã không cùng thì quả cũng vô tận. Vả lại, suy nghiệm ở đời nếu bố thí tài của cho người nghèo thiếu thì vật đã có hạn, tâm cũng có hạn lượng, hoặc tính toán chọn người có đức, hoặc làm mà tính toán để trừ bỏ những hư xấu, hoặc theo hình tướng mà phân biệt, hoặc xem xét hình dung cho là xấu xa. Ước tính người, vật như vậy, mà tâm hạn cuộc thì khó ghi nhận. Phước mà có giới hạn thì chẳng có đức tin, phước báo của vô hạn thì làm sao thấm nhuần, nên xưa có Tỳ-xá-khư-mẫu biệt thỉnh năm trăm vị A-la-hán bị Như Lai quở trách, không bằng thỉnh một vị Tăng phàm phu theo thứ lớp thì được phước vô lượng. Nên biết, tâm không có giới hạn thì phước đức khắp mười phương, tài của chẳng là bao nhiêu thì tâm khắp pháp giới.

***Thứ 2: Nhân duyên cúng dường***

Trong luận Địa Trì dạy: Bồ tát cúng dường Như Lai nói tóm lược có mười loại: Một là cúng dường thân. Hai là cúng dường Chi đề(tháp). Ba cúng dường hiện tiền. Bốn là không cúng dường hiện tiền. Năm là tự mình cúng dường. Sáu là dạy người khác cúng dường. Bảy là cúng dường tài vật. Tám là cúng dường tối thắng. Chín là cúng dường thanh tịnh. Mười cúng dường đạt đến đạo quả. Nếu Bồ tát đối với sắc thân của Phật mà thiết lễ cúng dường gọi là cúng dường thân. Nếu Bồ tát vì Như Lai mà cúng dường, hoặc cúng dường Du-bà, hoặc Quật-nhã-xá, hoặc mới hay cũ đều gọi là cúng dường tháp. Nếu Bồ tát thấy thân Phật và tháp mà thiết lễ cúng dường, thì gọi là hiện tiền cúng dường. Nếu Bồ tát đối với Như Lai và tháp mà đầy đủ tâm mong cầu, nhiều tâm hoan hỷ, hiện tiền cúng dường một đức Như Lai thì chư Phật ba đời cũng như vậy. Hiện tiền cúng dường Như Lai và tháp vô lượng thế giới mười phương ba đời, hoặc mới hay cũ. Như vậy gọi là Bồ tát cúng dường hiện tiền.

Nếu Bồ tát đối với Như Lai và tháp không hiện tiền và sau khi nhập Niết bàn, lấy Xá lợi xây Du bà, nhiều cho đến trăm vạn ức tùy theo khả năng hiện có, gọi là cúng dường rộng lớn không hiện tiền. Do nhân duyên này được vô lượng quả lớn, thường gặt được phước đức thanh tịnh, trong vô lượng đại kiếp không đọa vào đường ác, được Bồ đề Vô thượng, đầy đủ tất cả.

Nếu Bồ tát cúng dường hiện tiền công đức lớn, không cúng dường hiện tiền được công đức lớn hơn trước. Cúng dường cả hiện tiền và không hiện tiền thì được công đức thật tối thượng.

Nếu Bồ tát đối với Như Lai và tháp tự mình cúng dường không biếng nhác, dạy người khác làm, đó gọi là Bồ tát tự cúng dường.

Nếu Bồ tát đối với Như Lai và tháp mà cúng dường thanh tịnh, khiến cho thân quyến tại gia hay xuất gia đều cùng cúng dường, đó gọi là mình và người cùng cúng dường.

Nếu Bồ tát có một ít tài vật, dùng tâm từ bi bố thí cho chúng sanh ít phước nghèo khổ để họ cúng dường Như Lai và tháp khiến được an lạc mà không vì mình. Đây gọi là dạy người khác cúng dường và mình cúng dường thì được qủa báo lớn. Khiến cho người khác cúng dường thì được qủa báo thật lớn, tự mình cúng dường và bảo người khác cúng dường, thì được quả báo thật tối thắng.

Nếu Bồ tát đối với Như Lai và tháp mà cúng dường đầy đủ tất cả cơm áo, các báu, đó gọi là cúng dường tài vật.

Nếu xưa nay Bồ tát dùng tài vật cúng dường hoặc nhiều hay ít, hiện tiền hay không hiện tiền, tự làm hay người khác làm với lòng

tin thanh tịnh mà cúng dường, đem căn lành này hồi hướng Bồ-đề Vô thượng, đó gọi là cúng dường tối thượng.

Nếu Bồ tát tự cúng dường Như Lai và tháp, không khinh thường, không phóng túng, không biếng nhác với tâm cung kính, thanh tịnh, không do lòng tin của người tốt hiện có mà dua nịnh mong cầu tài vật, cũng không được dùng những vật bất tịnh cúng dường, đó gọi là cúng dường vô nhiễm.

Nếu Bồ tát thù thắng không đắm nhiễm vào tài vật, cúng dường Như Lai và tháp, hoặc tự năng lực của mình hay tìm cầu từ người khác, hoặc được vật vừa ý, hoặc do biến hóa thành một, hai, ba, cho đến trăm vạn ức thân, tất cả đều kính lễ Như lai. Mỗi thân ấy hóa thành trăm ngàn cánh tay, mỗi cánh tay cầm đủ loại hoa hương cúng dường Như Lai và tháp. Tất cả thân ấy đều tán thán công đức chân thật của Như Lai đã làm lợi ích cho chúng sanh. Như vậy, gọi là năng lực cúng dường tự tại như ý, không đợi Như Lai xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì Bồ tát an trú quả vị Bất thối chuyển, ở trong các cõi Phật chưa từng bị chướng ngại. Nếu Bồ tát không do năng lực của mình mà được tài vật, cũng không tìm cầu người khác để cúng dường, nhưng đối với chúng sanh khác cho đến vô số thế giới mười phương với tâm thượng, trung, hạ đều đã cúng dường. Bồ tát đối với tất cả sự cúng dường đó đem lòng tin thanh tịnh, với tâm giải thoát thù thắng tùy hỷ cùng khắp, Bồ tát này dùng ít phương tiện để phát khởi sự cúng dường, giữ gìn Bồ đề lớn, cho đến trong chốc lát đối với con bò bệnh hay tất cả chúng sanh đều tu tập bốn Vô lượng tâm. Đó gọi là cúng dường đạt đến đạo quả. Như Lai là bậc tối thượng đệ nhất nên thường cúng dường tài vật trước trăm lần ngàn lần cho đến vô số ví dụ không thể tính kể. Mười pháp như vậy, gọi là tất ca loại cúng dường của Bồ tát, Như lai, Pháp, Tăng cũng vậy, phải biết đối với Tam bảo này phải thực hành mười pháp cúng dường. Bồ tát đối với Như Lai nên khởi sáu tâm thanh tịnh: Là tâm ruộng phước Vô thượng. Tâm ân đức. Đối với chúng sanh Vô thượng. Tâm như hoa Ưu đàm bát khó gặp. Chỉ có độc nhất một tâm trong ba ngàn đại thiên thế giới. Tâm đối với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều luôn luôn nương vào nghĩa lý. Dùng sáu tâm này, dù tưởng chút ít đến cúng dường Như lai, Pháp, Tăng cũng được vô lượng công đức, huống nữa là nhiều.

Lại nữa, trong luận Du-già dạy: Thế nào là Bồ tát ở chỗ Như Lai cúng dường Như lai? Nên biết sơ lược cúng dường có mười loại: Một là đặt ra những thứ lợi ích để cúng dường. Hai là cúng dường riêng biệt. Ba là hiện tiền cúng dường. Bốn là cúng dường không hiện tiền. Năm

là tự làm cúng dường. Sáu là dạy người khác cúng dường. Bảy là dùng tài vật cung kính cúng dường. Tám là cúng dường to lớn. Chín là cúng dường thanh tịnh. Mười là cúng dường đúng pháp.

Lại trong Giới kinh của Ưu-bà-tắc, Đức Phật dạy: Này thiện nam! Bồ tát tại gia, nếu muốn thọ trì giới Ưu-bà-tắc thì trước tiên nên thứ tự cúng dường sáu phần:

Ở phương Đông là cha mẹ. Nếu có người cúng dườngy phục, cơm nước,thuốc thang, đồ nằm, phòng nhà, tiền của và cung kính lễ bái, khen ngợi, tôn trọng cha mẹ thì người này có thể cúng dường cha mẹ ở phương Đông. Cha mẹ lại lấy năm việc để báo ân: Một là một lòng thương yêu. Hai là hoàn toàn không lừa dối. Ba là xả bỏ tài sản cho người đó. Bốn là làm dòng họ quý phái. Năm là dạy việc thế tục.

Phương Nam là Thầy tổ. Nếu có người cúng dường Thầy tổ các thứ y phục, thức ăn, chỗ nằm ngồi, thuốc thang và tôn trọng, tán thán, cung kính lễ bái, sáng sớm đến chiều tối làm theo pháp lành đã học, người này có thể cúng dường Thầy tổ ở phương Nam. Vị Thầy cũng dùng năm việc để đáp ơn (đệ tử). Một là nhanh chóng dạy bảo không để mất thời gian. Hai là dạy dỗ hết lòng. Ba là (đệ tử) hơn mình không ganh tỵ. Bốn là giao phó cho Thầy nghiêm, bạn tốt. Năm là lúc lâm chung xả bỏ tài sản cho đệ tử.

Ở phương Tây là vợ con. Nếu có người dâng cúng vợ con các thứ: Y phục, thức ăn, chỗ nằm ngồi, thuốc thang, đầy đủ vật trang sức trên thân như chuỗi hột thì người này có thể cúng dường vợ con ở phương Tây. Vợ con người ấy cũng dùng mười bốn việc để báo ân lại: Một là nên hết lòng trợ cấp cho họ. Hai là thường làm lụng, trọn không nên giải đãi. Ba là mọi việc làm đều xong hoàn toàn. Bốn là làm nhanh nhẹn chớ để mất thời gian. Năm là thường trông xem khách quý. Sáu là nhà cửa phòng nhà phải sạch sẽ. Bảy là thường phải kính mến, hiền hòa. Tám là luôn dùng lời dạy bảo nhẹ nhàng. Chín là có thể giữ gìn của cải hoàn toàn. Mười là sáng dậy tỉnh táo, tối ngủ giấc sâu. Mười một là giữ gìn nhà sạch sẽ. Mười hai là có thể chịu nghe lời dạy bảo. Mười ba có thể giấu kín việc xấu. Mười bốn là có thể chăm sóc người bịnh.

Người ở phương Bắc là thiện tri thức. Nếu người nào có khả năng cung cấp và gánh vác những việc nặng cho bạn, nói ôn hòa, cung kính lễ bái, tán thán, thì người này có thể cúng dường thiện tri thức ở phương Bắc, là thiện tri thức. Lại có bốn pháp để báo ân người ấy: Một là dạy bảo tu tập pháp thiện. Hai là khiến trừ bỏ việc ác. Ba là khi sợ hãi thì được người cứu giúp. Bốn là người buôn lung thì khiến diệt trừ.

Người ở phương Dưới là giúp việc. Nếu có người cung cấp cơm áo, thuốc thang lúc bệnh thuốc thang cho kẻ giúp việc, không la mắng đánh đập, thì người này có thể cung cấp cơm áo, thuốc thang lúc bệnh cho kẻ giúp việc ở phương Dưới. Người giúp việc này lại dùng mười pháp để báo ân: Một là không gây tội lỗi. Không đợi sai bảo mới làm. Ba là làm chắc chắn phải hoàn thành. Bốn là làm nhanh mà không để thiếu sót. Năm là người chủ tuy nghèo khó nhưng nhất định không bỏ đi. Sáu là thức dậy sớm. Bảy là giữ gìn của cải. Tám là ân ít báo ân thì nhiều. Chín là luôn nhớ nghĩ kính trọng. Mười là  kể điều tốt che việc xấu.

Người ở phương Trên tức là Sa-môn, Bà-la-môn... Nếu có người cúng dường y phục, thức ăn nước uống, thuốc thang lúc bệnh cho Sa-môn, Bà-la-môn ở phương Trên thì người ấy khi sợ hãi được cứu giúp, đói khát có người bố thí thức ăn, nghe việc ác có thể ngăn cản, cung kính, tôn trọng lễ bái tán thán. Người này là có thể cúng dường Sa-môn... ở phương Trên. Người xuất gia lại dùng năm pháp để báo ân: Một có thể khiến cho sanh lòng tin. Hai là dạy bảo tu tập trí tuệ. Ba là giáo hóa để thực hành bố thí. Bốn là chỉ dạy để trì giới. Năm là dạy bảo để được đa văn. Nếu người cúng dường sáu phương như vậy thì có thể tăng trưởng tài sản và sanh mạng, thường thọ trì giới Ưu-bà-tắc.

Lại trong luận Trí-độ dạy: Chư Phật cung kính pháp nên cúng dường pháp, lấy pháp làm thầy. Vì sao? Vì chư Phật ba đời đều dùng tướng quý của các pháp làm thầy.

Hỏi: Như Phật không cầu phước đức tại sao phải cúng dường?

Đáp: Đức Phật trong vô lượng kiếp, tu tập các công đức, thường thực hành các việc thiện, không chỉ cầu báo ân, mà kính công đức nên làm việc cúng dường. Khi Đức Phật còn tại thế, trưởng lão A Na Luật trước đã được thiên nhãn, mắt mù không thấy, mà may áo quần bằng tay, khi kim bị rơi, liền nói: Ai muốn phước đức thì may giúp áo quần cho tôi.

Lúc ấy, Đức Phật vừa đến nơi bảo với Tỳ-kheo: Ta là người thích làm phước đức đến may áo quần cho thầy.

Vị Tỳ-kheo biết tiếng của Đức Phật vội vã mặc y phục làm lễ dưới chân Ngài, thưa:

Đức Phật công đức đã tràn đầy sao lại thích phước đức?

Đức Phật dạy: Ta tuy công đức đã đầy đủ nhưng biết rõ năng lực công đức của báo ân nên Ta đối với tất cả chúng sanh đạt được đệ nhất tối thượng. Do công đức này nên muốn giáo hóa cho đệ tử vì thế mà

dạy bảo như vậy. Ta làm các công đức tại sao các ông không làm. Như người ca múa lão luyện cả một trăm năm mà vẫn còn múa hát.

Có người quở trách nói: Người đã lão luyện một trăm năm sao lại còn múa hát?

Người ấy trả lời: Tôi không cần ca múa mà chỉ muốn dạy lại cho con cháu mới làm như vậy.

Đức Phật cũng thế, công đức đã tràn đầy, vì muốn giáo hóa cho đệ tử thực hành các công đức nên hành cúng dường.

Bà Đại Ái Đạo là mẹ nuôi của Đức Phật khi qua đời, có bốn Thiên vương tiễn đưa kim quang, Ngài ở trước đốt hương, dâng trầm cúng dường để báo ân. Tuy không cầu báo đáp mà vẫn thực hành cúng dường. Chỉ có Phật mới cúng dường Phật, còn người khác không biết công đức của Ngài. Thuyết kệ:

*Người trí kính trí tuệ*
*Thích luận với người trí*
*Người trí biết trí tuệ*
*Như rắn biết chân mình.*

Lại trong kinh Tần Tỳ Bà La Vương tác phật cúng dường dạy: Bấy giờ, vua Tần Tỳ Bà La của nước Ma-kiệt đến chỗ của Phật, thưa Thế tôn: Trẫm làm chủ trong cõi nước này có tài sản, đủ tất cả xin trọn đời cúng dường những vật cần dùng như, y phục, thức ăn, chăn màn, giường chiếu thuốc thang lúc ốm bệnh cho Như Lai và các Tỳ-kheo. Trẫm cũng sẽ khuyến khích các quan thần noi theo để được nhờ ơn cứu độ, xa lìa ba đường, hoàn toàn ở nơi an ổn.

Lại trong kinh Tạp Báu Tạng dạy: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Có tám hạng người, nhất định phải cúng dường, bố thí không nên sanh nghi. Một là cha. Hai là mẹ. Ba là Đức Phật. Bốn là đệ tử. Năm là người đi xa. Sáu là người từ xa đến. Bảy là người bệnh. Tám là người khám bệnh.

Lại trong luận Trí độ dạy: Bồ tát thành tựu vô lượng, vô tận công đức, chỉ dùng một bữa ăn để cúng dường chư Phật và chúng Tăng mà vẫn đầy đủ không hết. Ví như dòng suối chảy mãi không khô cạn. Như Bồ tát Văn Thù Sư Lợi dùng bát cơm nhỏ hoan hỷ cúng dường tám vạn bốn ngàn vị Tăng, tất cả đều đầy đủ mà vẫn không hết. Lại nữa, Bồ tát với bát cơm này cúng dường chư Phật mười phương, chư Phật trước đã dùng đầy đủ mà vẫn còn nguyên cứ sanh ra mãi. Ví như quỷ thần được một miếng thức ăn của người mà lại tăng thêm gấp ngàn vạn lần.

Lại trong kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn dạy: Bồ tát vì cúng dường

Phật, Pháp, Tăng, cha mẹ và anh em thì được cất giữ tài của để xây chùa tháp, tạc tượng, bố thí. Do nhân duyên này mà được nhận vàng bạc, không bị mắc tội.

***Thứ 3: Nhân duyên giảm thiểu sự sai dối***

Như trong kinh Hiền Ngu dạy: Nếu có đàn việt đối với mười sáu loại biệt thỉnh đầy đủ, tuy được phước báo nhưng chưa gọi là nhiều. Những gì là mười sáu? Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni đều có tám loại, cũng không bằng tự nhiên thỉnh bốn vị thì phước đức nhiều hơn trước, trong mười sáu phần không bằng một phần. Đến đời vị lai pháp sắp diệt, dù cho Tỳ-kheo nuôi vợ, giữ con, bốn người trở lên gọi là Tăng, phải cung kính như Xá Lợi Phất, Mục-kiền-liên.

Bấy giờ, Bồ tát Di Lặc hỏi chúng Tăng: Nếu có đàn việt thỉnh một Sa-môn thanh tịnh trì giới đến nhà cúng dường thì được lợi ích rất nhiều, có bằng người được mười vạn tiền không?

Khi ấy, Tôn giả Kiều Trần Như liền thưa: Giả sử người được trăm xe báu quý tính ra phước lợi đó cũng không bằng thỉnh Sa-môn thanh tịnh trì giới đến nhà cúng dường được lợi rất lớn.

Tôn giả Xá Lợi Phất thưa: Giả sử có người có châu báu đầy trong cõi Diêm phù đề còn không bằng thỉnh một vị giữ giới thanh tịnh đến nhà cúng dường được lợi như thế.

Tôn giả Mục Kiền Liên thưa: Dù cho có người được châu báu đầy trong hai thiên hạ cho đến bốn thiên hạ thì lợi ích đó cũng không bằng thỉnh một Sa-môn thanh tịnh đến nhà cúng dường sẽ được lợi ích thù thắng.

Lại trong kinh Tượng Pháp Quyết Nghi dạy: Nếu có đàn việt chuẩn bị thức ăn, cung thỉnh chư Tăng, lại bảo một người giữ cửa ngăn cản Tỳ-kheo ni và những người xin ăn nghèo cùng già bịnh, không cho vào trong hội, thọ dụng xong nhưng chẳng được phần phước lợi.

Trong kinh Phổ Quãng dạy: Bốn chúng đệ tử nếu thực hành trai giới, tâm phải thường nhớ thỉnh Tăng mười phương, không chọn lựa người lành hay dữ, trì giới hay phá giới, cao hay thấp, đến chùa thỉnh Tăng, phải theo thứ tự cúng dường không nghĩ đến sự phân biệt, phước đó mới nhiều vô lượng, vô biên. Nếu gặp vị đạt đến bốn quả vị A-la-hán và người có tâm rộng lớn, nhờ công đức này mà được phước lớn, chỉ một lần nghe pháp thì đắc được đạo Niết bàn Vô thượng.

Lại luật Thập Tụng dạy: Lộc-tử-mẫu biệt thỉnh năm trăm vị A-la-hán. Đức Phật dạy: Kẻ vô trí bất thiện. Ở trong Tăng, nếu theo thứ tự

thỉnh một vị thì được công đức lớn, quả báo lợi ích hơn người biệt thỉnh năm trăm vị A-la-hán, tất cả xa gần đều biết.

Lại trong kinh Thỉnh Tăng phước điền và kinh Nhơn vương, đều quở trách không cho biệt thỉnh, nếu thỉnh như vậy là pháp ngoại đạo chẳng là pháp của bảy Đức Phật.

Trong kinh Phạn Võng dạy: Nếu có đàn việt đến thỉnh chúng Tăng, thì khách Tăng có phần lợi ích. Vị chủ Tăng phòng nên theo thứ lớp mời khách Tăng thọ thỉnh, nếu chư Tăng ở trước chỉ thọ thỉnh mà không mời khách Tăng thì vị chủ Tăng phòng mắc vô lượng tội, không khác súc sanh, chẳng phải Sa-môn, chẳng phải dòng họ Thích, phạm tội khinh cấu. Lại trong luận Trí độ dạy: Như có trưởng giả giàu có, ưa thích cúng dường chúng Tăng, thưa vị Tăng Tri sự: Tôi theo thứ lớp thỉnh Tăng đến nhà thọ thỉnh, mỗi ngày xin thỉnh cho đến hết các vị Sa-di. Vị Tri sự không cho Sa-di thọ thỉnh.

Các Sa-di thưa:Vì lý do gì mà không cho phép Sa-di?

Vị Tri sự đáp: Vì đàn việt không thích thỉnh người trẻ tuổi, liền nói kệ:

*Tóc mai trắng như tuyết*
*Răng rụng da thịt nhăn*
*Còm lưng thân gầy yếu*
*Thích thỉnh chúng như vậy.*

Các Sa-di đều là A-la-hán, như đánh thức vị thầy, bỗng nhiên từ chỗ ngồi liền nói kệ:

*Người đàn việt vô trí*
*Thấy hình tướng bỏ đức*
*Bỏ đi tướng người trẻ*
*Chọn tướng già đen gầy.*

Tướng của người trẻ là trên hết, như Đức Phật thuyết kệ:

*Gọi là tướng trưởng lão*
*Không hẳn là quá già*
*Gầy ốm tóc bạc trắng*
*Già rỗng không vô đức.*
*Xả bỏ quả tội phước*
*Siêng năng tu phạm hạnh*
*Đã lìa tất cả pháp*
*Ấy gọi là Trưởng lão.*

Các Sa-di ấy lại nghĩ: Chúng ta không nên ngồi xem đàn việt so sánh Tăng đẹp xấu, liền nói kệ:

*Giữa khen ngợi, quở trách*
*Tâm chúng ta tuy một*
*Người này hủy pháp Phật*
*Phải nên khuyên dạy bảo.*
*Nhanh chóng đến nhà họ*
*Dùng giáo pháp dạy dỗ*
*Chúng ta không độ người*
*Tức là xả bỏ vật.*

Ngay lúc ấy, các Sa-di tự biến đổi thân mình thành người lớn:

*Tóc mai trắng như tuyết*
*Mi rũ che phủ mắt*
*Da nhăn như gợn sóng*
*Gáy cong tợ dây cung.*
*Hai tay nương gậy đi*
*Thứ lớp mà thọ thỉnh*
*Toàn thân đều run rẩy*
*Đi đứng không an ổn.*
*Ví như cây bạch dương*
*Theo gió mà lay động*
*Đàn việt thấy chúng này*
*Vui vẻ mời vào ngồi.*
*Ngồi chỉ trong giây lát*
*Lại thành người trẻ tuổi*
*Đàn việt sợ hãi nói:*
*Hình tướng già như thế*
*Lại trở thành hình trẻ*
*Như uống thuốc trẻ lại*
*Việc này là thế nào?*

Các Sa-di nói: Ngươi chớ sanh nghi ngờ! Chuyện đó là thường tình, thật đáng thương xót các ngươi, nên hiện thân này. Ngươi phải nhận thấy rõ, Thánh chúng không thể lường, nói kệ:

*Ví như dùng miệng muỗi*
*Để đo lường đáy biển*
*Tất cả trời và người*
*Không thể lường chúng Tăng.*
*Lấy công đức làm quý*
*Vẫn còn không phân biệt*
*Mà ngươi tính tuổi tác*

*Xưng hô các Đại đức*
*Lớn nhỏ do trí sanh*
*Không ở nơi già trẻ*
*Có trí siêng tinh tấn*
*Tuy nhỏ mà là lớn.*
*Biếng nhác không trí tuệ*
*Tuy lớn mà trẻ con*
*Nay ông bình chọn Tăng*
*Sai lầm vì nhỏ lớn.*

Như muốn dùng ngón tay lường để biết đáy biển lớn, thì người trí buồn cười, ngươi không nghe Phật dạy: Bốn việc tuy nhỏ nhưng không thể xem thường. Thái tử tuy nhỏ nhưng sẽ làm vua của một nước, đây không thể xem thường. Con rắn tuy nhỏ nhưng nọc độc có thể làm chết người, đây không thể xem thường. Ngọn lửa tuy nhỏ nhưng có thể thiếu đốt rừng hoang, không thể xem thường. Sa-di tuy nhỏ nhưng được thần thông của bậc Thánh, lớn lao không thể xem thường. Đàn việt nghe những việc này rồi, thấy được thần thông, toàn thân lông tóc dựng ngược, chấp tay hướng về Sa-di thưa: Thưa các Đại Thánh! Hôm nay, con xin sám hối, tâm phàm phu của con mang nhiều tội lỗi, nay muốn thưa hỏi: Với lòng tin thanh tịnh, ở trong Phật bảo, Tăng bảo phước đức nào là tối thắng?

Chúng Sa-di đáp: Chúng tôi trước không thấy có sự tăng giảm trong Phật bảo, Tăng bảo. Vì sao? Như một thời, Đức Phật vào thành Xá-ba-đề khất thực có một Bà-la-môn dòng họ Bà-la-đõa-thệ, Đức Phật nhiều lần đến đó khất thực, Bà-la-môn suy nghĩ: Sa-môn này sao lại đến nhiều lần, như bị mắc nợ người. Đức Phật nói kệ:

*Khi tuôn mưa thật nhiều*
*Nhiều ngũ cốc sanh trưởng*
*Tu vô số phước đức*
*Được phước báu vô lượng.*
*Có nhiều pháp thọ sanh*
*Nên chịu nhiều pháp tử*
*Thành tựu nhiều pháp Thánh*
*Ai chịu nhiều sanh tử!*

Bà-la-môn nghe kệ xong, Đức Phật đã biết rõ tâm tàm quý của ta, nên lấy bát vào nhà đựng nhiều thức ăn hảo hạng dâng cúng Phật.

Ngài không nhận, liền bảo: Ta thuyết kệ mà được thức ăn này, Ta không ăn.

Bà-la-môn thưa: Thức ăn này nên dâng cúng ai?

Đức Phật dạy: Ta không thấy ai, trong hàng trời người có thể dùng hết thức ăn ấy, ngươi hãy bỏ trên cỏ dại hoặc trong nước không có trùng. Bà-la-môn theo lời Phật dạy mang thức ăn để vào nước không có trùng, nước liền phát ra nhiều khói lửa phun lên, như ném vào sắt nung đỏ. Bà-la-môn thấy vậy hốt hoảng nói: Chưa từng có chuyện này, cho đến trong thức ăn mà vẫn có thần lực như vậy. Bà-la-môn đảnh lễ sám hối Đức Phật, xin phép xuất gia thọ giới, dần dần diệt trừ các phiền não, đắc quả A-la-hán. Sau đó. Ma ha Kiều Đàm Di dùng y báu thượng, hạ, bằng vàng dâng cúng Phật. Ngài khuyến nên cúng dường Tăng chúng thì có thể tiêu trừ tất cả, thọ nhận hết tất ca, nên biết Phật bảo, Tăng bảo phước đức vô lượng, nói kệ:

*Nếu người tôn kính Phật*
*Cũng nên kính trọng Tăng*
*Không nên có phân biệt*
*Tất cả đều là báu.*

Lại trong kinh Pháp Cú Dụ dạy, Thế tôn nói kệ:

*Đạo nhơn tâm nhớ nghĩ*
*Không ăn tự biết đủ*
*Từ đây khổ mỏng dần*
*Tiêu hết được sống lâu.*

Trong luật Thập tụng dạy: Bấy giờ, trong thành Vương xá có một cư sĩ Thi-lợi-cừu-đa rất giàu có của cải là đệ tử của ngoại đạo. Người này thường nghi ngờ, Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí không? Cư sĩ liền đi đến chỗ Phật mời: Sáng mai Sa-môn Cù-đàm đến khất thực nhà tôi. Đức Phật vì muốn độ người này, im lặng nhận lời. Khi ấy, cư sĩ đến ngoài cửa nhà, đào đốt hầm lửa lớn mà không có khói lửa bốc lên rồi lấy cát phủ lên, lại vào nhà không trải tòa ngồi, lấy thuốc độc hòa vào thức ăn, suy nghĩ: Nếu Cù-đàm là bậc Nhất thiết trí thì sẽ biết việc này, nếu không phải thì sẽ bị rơi vào hầm lửa này và trúng thuốc độc chết. Khi ấy, bảo người đến thưa Đức Phật: Thức ăn đã làm xong.

Đức Phật bảo A Nan: Nên nói lại các Tỳ-kheo không được đi trước Ta. Đức Phật đi vào trước, chúng Tỳ-kheo đi sau. Hầm lửa của nhà Thi-lợi-cưu-đa, Đức Phật đã biến thành hồ sen đầy nước trong mát, ngọt ngào. Đức Phật và chúng Tăng bước trên lá hoa sen vào nhà, ngồi không tòa tự nhiên biến thành có tòa. Đức Phật bảo Thi-lợi: Hãy từ bỏ nghi ngờ trong tâm, Ta thật là người đạt Nhất thiết trí. Cư sĩ thấy hai năng lực, nên sanh lòng tin tôn kính Đức Phật, chấp tay thưa: Thức ăn

này đã có thuốc độc, Đức Phật không dùng được.

Đức Phật bảo: Dùng thức ăn cúng dường này chúng Tăng chẳng bị bệnh. Đức Phật bảo A Nan: Truyền lệnh trong Tăng: Nếu chưa cùng nhau tụng chú cúng dường thì chưa được ăn. Chú nguyện của Phật là pháp chơn thật để diệt trừ tham giận, ngu si, mong cầu, những chất độc trong thế gian này. Nhờ chơn ngôn này mà độc dược đều tiêu tan, thức ăn tinh khiết, chúng Tăng dùng đủ rồi về. Cư sĩ ngồi trước Phật, nghe pháp ngay chỗ ngồi đắc được pháp nhãn tịnh.

Đức Phật trở về nhóm họp Tăng chúng và dạy: Từ nay không được đi trước Ta và Hòa thượng, Thượng tọa, sư Tăng, chưa cùng nhau xướng cúng dường thì chưa được ăn. Trong luận Ma-đắc-lặc-già dạy: Chúng Tăng khi đi khất thực, Thượng tọa nên dạy tất cả đều bình đẳng, cùng nhau xướng Tăng-bạt, sau đó mới ăn.

***Thứ 4: Duyên Thánh Tăng***

Bậc Đại giác Nê hoàn (Đức Phật), pháp quay về của Thánh chúng, Bồ tát Ứng chơn xiển dương dẫn dắt đời mạt pháp và biến khắp các cõi, tùy duyên hóa độ. Căn cơ khác biệt thì cùng nhà mà ngăn cách cõi trời, nếu ứng hợp thì khác cảnh mà như trước mặt. Chùa Chánh thắng có Tỳ-kheo Thích Pháp Nguyện, chùa Chánh-hỷ có Tỳ-kheo Thích Pháp Cảnh cuối đời Tống, niên hiệu Thái thủy, họa đồ Thánh Tăng ban đầu cho đến đầu đời Đường mới hiện điềm lành, dấu chân còn in lại trên đường, còn một nửa thì lưu lại, hoặc dấu tích trượng chống xuống in sâu trong đất. Cho nên, vua Lương Võ Đế nghe được rất vui mừng, tâm kính ngưỡng, cảm niệm đất nước nên cúng tế. Đến năm thứ tám niên hiệu Vĩnh minh, nhà vua liền lành bịnh, vui mừng nghe chim khách thuật lại mà rời khỏi chiếu chăn, cuối cùng phát thề nguyện quy y Thánh Tăng, thỉnh vào cung điện, cúng tế bảy ngày, cúng dường chư Phật, Thánh hiền và chúng Tăng thức ăn. Trai đường thật nghiêm trang, bụi trần nhỏ cũng không động. Bảy ngày hoàn mãn mới có linh cảm ứng hiện mùi thơm vi diệu của cõi trời, vào sâu trong mũi xuống tận đáy lòng, ánh sáng rọi vào mất đi mùi hương, không còn thơm nhiều, hình ảnh dấu chân và giày dép còn lưu lại đầy trai đường, dựng cây tích trượng tiếng vang lanh lảnh phát ra ngoài cửa sổ, thấy dấu tích nghe mùi hương thần khí đều rung động. Khi có những ánh sáng từ từ xuất hiện thì có hơn mười người đều nghe thấy cùng tấu lên, ngồi đầy đủ trong trai đường, an nhiên dự tiệc. Sở dĩ, mỗi sáng thường quay về thì thấy rõ linh nghiệm thần ứng. Sau đó, ánh sáng từ từ hiện ra. Những người đạo tục bày ra

cúng tế, cung thỉnh đều có điềm tốt lành, bậc Thánh thông suốt cảm ứng không thể thọ hết.

Như xưa, có Trưởng giả Thọ Đề Ca làm cái bát bằng gỗ Chiên đàn, làm túi bỏ vào, treo lên cái cộc bằng răng voi, rồi nói: Nếu Sa-môn, Bà-la-môn không dùng cái thang hay gậy có thể lấy được thì biếu luôn, các người trong và ngoài đạo muốn hiện thần thông đều cầm lấy nó mà đi. Tân Đầu Lô nghe việc này, liền hỏi Tôn giả Mục Kiền Liên: Có đúng như vậy không?

Đáp: Đúng vậy!

Lại nói: Thầy là đệ tử số một của Phật nên đi đến đó mà lấy.

Tôn giả Mục Kiền Liên sợ trái lời Phật dạy nên không lấy. Tân Đầu Lô liền vào phòng của mình, ngồi trên tòa nhập thiền định, duỗi cánh tay lấy bát. Theo luật Tứ phần, tòa lúc ấy vuông vức bằng đá, chu vi rất lớn, dùng thân bay trên hư không, khi được bát rồi, trở lại.

Đức Phật nghe vậy, quở trách: Tỳ-kheo chỉ vì bát của ngoại đạo mà trước người chưa thọ giới lại hiện năng lực thần thông, từ nay về sau đuổi ông ra khỏi chúng không được trú trong cõi Diêm phù đề. Lúc ấy, Tân Đầu Lô như lời dạy của Phật, đến Tây-cù-da-ni giáo hóa bốn chúng, giảng thuyết rộng về pháp Phật, đệ tử bốn chúng ở Diêm phù đề quán xét thấy Tân Đầu Lô, bạch Phật. Ngài cho phép trở lại tòa, thị hiện thần thông, không cho nhập Niết bàn, dạy: Hãy vì bốn chúng ở đời mạt pháp mà làm ruộng phước, thầy cũng tự phát nguyện: Ở dưới ba tầng trời nếu có cung thỉnh thì sẽ đến. Lại trong kinh A Dục Vương dạy: Tỳ-kheo Hải Ý, từ cái vạc bay lên hư không, vì vua nói kệ:

*Thân ông như thân người*
*Năng lực ông hơn người*
*Nên khiến ta biết ông*
*Vì ông hiện thần thông.*

Vua phát tâm, thỉnh Tăng bốn phương, nói kệ:

*Có các A-la-hán*
*Tương lai hộ trì tôi*
*Nên thỉnh A-la-hán*
*Tất cả đều đến đây.*

Nên trong kinh Y thỉnh Tân Đầu Lô dạy: Vua của nước Thiên trúc là Ưu-bà-tắc, trưởng giả nếu mở tất cả hội thí, thường thỉnh Tân Đầu Lô Phả La Đọa dạy bảo các vị A-la-hán. Tân Đầu Lô là tên, Phả La Đọa là họ. Người này là trưởng giả Thọ-đề, thị hiện thần thông. Đức Phật biết được nên không cho phép nhập Niết bàn, liền dạy vì bốn bộ chúng đời

mạt pháp mà làm ruộng phước. Khi thỉnh, ở nơi thanh vắng đốt hương, hướng về núi Ma-lê nước Thiên trúc chí tâm xưng danh hiệu: Đại đức Tân Đầu Lô Phả La Đọa nguyện nhận lời dạy của Đức Phật vì người đời mà làm ruộng phước, xin nhận lời thỉnh của ta đến đây thọ thực, nếu làm nhà mới cũng nên thỉnh như vầy: Xin nhận lời thỉnh của ta, đến nhà này mà nghỉ qua đêm, khi cung thỉnh chúng Tăng tắm rửa cũng thỉnh: Xin chấp nhận lời thỉnh của ta đến nơi này tắm rửa. Trước khi trời sáng, chuẩn bị các thứ nước hương dầu, nước tro, bã đậu (xà phòng), tăm xỉa răng, nước hương rồi hòa vào nước ấm như cách tắm của người, mở cửa thỉnh vào, sau đó đóng cửa. Vị ấy tắm xong, Tăng chúng mới vào. Khi muốn ăn thì cần tắm rửa, chủ yếu là chư Tăng, chí tâm cầu giải thoát không nghi ngờ mê muội, với lòng tin thanh tịnh, sau đó mới khuất phục. Đời gần đây, có một trưởng giả nghe nói Tân Đầu Lô là đại A-la-hán, theo lời dạy của Phật vì đời mạt pháp làm ruộng phước, đúng như pháp mà mở đại thí, chí tâm thỉnh Tân Đầu Lô, rải hoa đầy khắp dưới thảm, muốn được linh nghiệm ấy. Đại chúng dùng cơm xong, mở thảm ra, hoa đều héo tàn, sầu não tự trách không biết từ quá khứ đến vị lai bị tinh lực khô kiệt từng nào, suy nghĩ liền hỏi pháp sư, lại mở hội cúng dường, rải hoa như trước, cũng bị héo, lại càng cạn kiệt hơn. Đem hết tài sản trong nhà, lại mở hội cúng thí, thì vẫn như trước, sầu não tự trách liền thỉnh hơn một trăm vị Pháp sư, cầu thỉnh đầy đủ, sám hối tội lỗi, hướng đến một vị Thượng tọa lớn tuổi, hối hận trình bày những lỗi lầm của mình trước bốn bộ chúng. Thượng tọa bảo: Ngươi đã ba lần mở hội thí mời, ta đều nhận lời. Nhưng ngươi lại bảo người hầu đứng giữ cửa, ngăn cản, vì ta già nua, mặc y phục cũ rách nên bị đuổi ra, Sa-môn Lại-đề không muốn thấy ta trước mắt, ta vì ngươi thỉnh nên cố vào lại bị người hầu dùng gậy đánh bể đầu, trán phải bị thương, nên ngươi bị như vậy, Sao còn sầu não? Nói xong biến đi. Trưởng lão mới biết vị ấy là Tân Đầu Lô. Từ đây về sau, các người mở hội phước đều không dám bảo người giữ cửa. Nếu được Tân Đầu Lô đến, ngồi ở đâu thì hoa càng tươi đẹp thêm. Nếu xây phòng nhà mới, làm giường chõng, muốn thỉnh Tân Đầu Lô thì phải đem dầu hương rải trên đất, đốt hương đèn, giường mền mới, trải tơ lụa, lại dùng lụa trắng phủ lên, đầu đêm như pháp mà thỉnh Ngài, đóng cửa nhớ cẩn thận khuy cài, tất cả đều với lòng tin thì chắc chắn Ngài đến, chí thành thì cảm ứng sẽ đến. Nếu có đến thì trên mền có hiện ra chỗ nằm, ở nhà tắm cũng hiện ra nước dùng. Khi nhận lời cung thỉnh của hội, thì tùy theo Thượng tọa, Trung tọa hay Hạ tọa mà hiện ra hình tướng Tăng, nếu người cầu khác thì hoàn toàn không thể

được. Về sau, thấy chỗ ngồi hoa không héo, mới biết sự việc như vậy.

Thuật lại: Ngày nay, thấy nhà trai đường phần nhiều không y theo pháp mà chỉ theo ý của người phàm mà an trí phàm nhân, không lo tòa ngồi của Phật và Thánh Tăng như kinh trước đã dạy. Thí chủ, trước cần quét dọn lau chùi Phật đường và trang hoàng chỗ ngồi của Tăng, tắm rửa sạch sẽ, đốt hương hảo hạng, treo các cờ lọng, rải những loại hoa, tay nâng lư hương, hết lòng cung kính, phụng thỉnh Tam bảo và Thánh Tăng. Tất cả Thánh phàm trong pháp giới mười phương cũng nên cung thỉnh khắp, nhận sự cung thỉnh của các đệ tử theo các nghi lễ của bậc Thánh đến nhà, mọi người trong nhà đều chí thành đảnh lễ đến trước bảy ngày. Lại phát nguyện này, nếu nhà nghèo cùng, không có hương hoa, lại không có nơi để trang hoàng, nên khi thỉnh đến cần châm chước, không được ngồi toà tốt đẹp trên hết, vì để an trí cho Phật, quét dọn lau chùi đúng pháp, mọi nơi đều sạch, chuẩn bị tòa chúng Tăng bằng những vật mới trắng sạch mềm mại, rồi lót lụa lên. Nếu tâm thí chủ có nhiều cảm ứng, thì sau khi ăn xong, chỗ ngồi giống như của vị ấy, liền biết báo thân đã đến. Nếu không hiện tướng chỉ Hóa thân hiện đến thì không nên xem thường. Nếu Báo, Hóa thân đều không đến thì tòa ấy không được dùng gấm lụa mỏng nhiều màu sắc, vàng bạc để trang hoàng mà chỉ rãi hoa. Tuy là A-la-hán mà cùng với phàm Tăng thọ hai trăm năm mươi giới Biệt giải thoát, nên không được nhận những vật gấm lụa vàng bạc. Nếu là hàng Đại thừa Bồ tát, chư Phật chẳng phải hạn cuộc trong tướng của người xuất gia, đều thọ nhận tất cả sự cúng dường. Trải tòa Thánh Tăng, cũng không được cao quá sáu thước, chỉ ngang bằng sáu thước, như pháp mà trải tòa Tăng, cũng không được tạo hình Thánh Tăng màu trắng đặt ở chỗ ngồi. Các Báo thân tự đến, không được kéo tượng trắng xuống mà ngồi, cũng không được đem bình bát thức ăn của Tăng thường trú mà đựng đầy thức ăn, vì sợ Báo thân đến không thể chạm đến bình bát sạch của Tăng để ăn. Nếu dùng bát bằng chén hay bằng cái mâm của thế tục hiến cúng thì cả Hóa và Báo thân, trên hết là như pháp. Nếu tiền của Thánh Tăng thì trả lại để Thánh Tăng dùng. Nên mua bát, chén, muỗng, đũa, xoong, bát nhỏ, khăn tay, mua cái mâm mặt trên thật đẹp và bên dưới khắc ký hiệu của mỗi người, không dám dùng lộn xộn. Mỗi ngày, từ sáng đến trưa đến từng nhà khất thực, khi đầy thức ăn, dâng cúng Phật và Tăng, là việc làm thật tốt. Khi còn dư tiền thì mua cái giá, những vật để cúng và một cái bàn ăn. Ăn xong nên dùng bã đậu lau chùi sạch sẽ. Đặt những vật cúng tế lên trên cái giá, dùng lụa trắng phủ lên, mỗi ngày cứ như vậy thì đã tỏ lòng cúng

dường Tam bảo, thường không  quên mất, được công đức. Nếu dư tiền nhiều thì như pháp của chùa Tây quốc và phòng nhà của thế tục, ở nơi vắng lặng mà xây phòng nhà cho chúng Tăng, tùy theo bốn mùa, Đông, Hạ mà bày ra vật cúng dường. Nếu ở mùa Hạ, trong thiền đường mỗi ngày nên trải chiếu sạch sẽ, rồi tự tọa thiền. Cái thau đồng, bình đồng rửa bằng bã đậu rồi lấy khăn lau sạch, đến trước giờ ngọ dâng cúng cơm, nửa đêm đốt hương thắp đèn, tùy theo năng lực của tâm, như pháp cúng dường. Nếu đến mùa Đông lạnh chuẩn bị mềm dày, chăn, đốt lửa than, nước nóng, đèn sáng. tùy thời cúng dường. Nếu tiền tài của Thánh Tăng còn quá nhiều thì không được đem đến Tăng khác, phải để Tăng thường trú dùng, cũng không được dùng vào việc của Phật, lại không được dùng vào việc tạc riêng tượng Thánh Tăng. Thấy nhiều người đem tiền của của Thánh Tăng để khắc họa tượng Phật và bốn bức tường thì họa tượng các Thánh Tăng Ca Diếp, A Nan. Do Thánh nhơn La-hán Tân Đầu Lô hiện tại không vào Niết bàn, lại không được đi đứng, nhận làm quyến thuộc của Thánh Tăng, đâu được cùng tự do nơi khác. Nếu sử dụng riêng cho mình thì phải trả gấp bội, nếu không thì mắc tội. Nên trong luật Tứ phần dạy: Đối với điều này thì không được, nếu khác thì mắc tội. Từ trên đến đây đã trình bày theo kinh, luật, sách của Thánh ý nên thực hành. Vật của Tam bảo lại không được cùng nhau sử dụng, sợ sai lầm chỉ bằng một sợi lông thì mất đi ngàn dặm, nói thành thật không hư dối, cảnh tỉnh chính mình chớ nên dùng đến. Thế nên, thời vua Lương Võ Đế có Đại đức Anh-nho nước Hán cùng đến Ấn-độ thỉnh Tam tạng. Dùng mọi cách tập hợp Thánh Tăng, phiên dịch ra đời được năm quyển, như trước đã trình bày, tóm lược cũng không khác.

***Thứ 5: Duyên thí thực***

Như kinh Tăng nhất A hàm dạy: Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh có bốn loại thức ăn, nuôi dưỡng chúng sanh. Những gì là bốn? Đó là đoàn thực, hoặc nhiều hoặc ít; lạc thực; niệm thực; khất thực, đó là bốn loại thức ăn. Thế nào là đoàn thực? Là thức ăn của người đời, các thức ăn đưa vào miệng, nhai nuốt gọi là đoàn thực. Thế nào là lạc thực? Là dùng y phục, dù lọng che, xông ướp các loại hương hoa, đốt hương, dầu thơm và tụ tập các phụ nữ cùng với họ vui chơi, thì được khoái lạc, đó là lạc thực. Thế nào gọi là niệm thực? Là sự tư duy, tưởng tượng, nhớ nghĩ trong tâm, hoặc nói bằng miệng, hoặc thân xúc chạm hay giữ gìn các pháp, đó gọi là niệm thực. Thế nào là thức thực? Là sự nhận biết của ý, Phạn thiên là đứng đầu cho đến Hữu tưởng, Vô

tưởng thiên lấy thức làm thức ăn, đó gọi là thức thực. Do bốn thứ thức ăn này mà lưu chuyển trong sanh tử.

Lại trong kinh Tăng nhất dạy: Thế tôn bảo Tôn giả A Na Luật: Tất cả các pháp đều do thức ăn mà tồn tại. Mắt lấy sự nhìn thấy làm thức ăn. Tai lấy âm thanh làm thức ăn. Mũi lấy mùi hương làm thức ăn. Lưỡi lấy mùi vị làm thức ăn. Thân lấy trơn láng, mịn màng làm thức ăn. Ý lấy pháp làm thức ăn. Niết bàn lấy sự không buông lung làm thức ăn. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Đúng như pháp vi diệu này các ngươi hãy quán thức ăn có chín loại. Thế gian có bốn loại: Một là đoàn thực, hai là lạc thực, ba là niệm thực, bốn là thức thực. Thức ăn của người xuất gia có năm loại: Một là thiền thực, hai là nguyện thực, ba là niệm thực, bốn là bát giải thoát, năm là hỷ thực. Đây là thức ăn của người xuất gia, phải thường cùng nhau nhớ nghĩ để xả bỏ bốn loại thức ăn, cầu được thức ăn của người xuất gia.

Trong kinh Chánh pháp niệm dạy: Nếu chúng sanh nào có lòng từ bi, lòng tin hiểu dùng các thức ăn bố thí cho người, khi qua đời được sanh vào cõi trời Chất-đa-la hưởng thọ các thứ an vui, sau khi mạng chung được làm thân người, giàu sang của cải thật nhiều, thường thực hành chánh pháp. Kinh ấy lại dạy: Chúng sanh nào thấy các người bịnh mà bố thí thuốc thang làm cho họ lành bịnh thì khi mạng chung được sanh vào cõi trời Dục cảnh, hưởng thọ năm dục lạc, ở đó mạng chung được sanh làm thân người, giàu có nhiều của cải. Nếu ai thấy người bịnh lúc sắp mạng chung khát nước, mà lấy đường, nước hay nước đá bố thí cho người này, thì người ấy lúc lâm chung được sanh đến cõi trời Thanh lương, thọ hưởng khoái lạc của cõi trời. Ở đó lúc qua đời sanh làm thân người, cơm nước luôn đầy đủ.

Trong kinh Niết bàn dạy: Quỷ thần ở nơi đồng vắng, do thọ giới không sát sanh nên không ăn thịt, khí lực suy yếu, thân mạng sắp qua đời. Đức Phật bảo với quỷ: Ta đã dạy cho các đệ tử Thanh-văn, Phật pháp tùy nơi, phải bố thí thức ăn cho các ngươi, nếu họ ở đâu mà không bố thí là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử chơn chánh của Ta. Thức ăn phân cho chúng sanh cần chia phần nghiêm chỉnh. Nếu người chủ bố thí thức ăn cho người khác thì nên theo luật Ngũ phần mà phân chia: Nếu ai cho chó, chim ăn thì nên lường trong phần của mình để cho chúng chứ không được lấy của người khác cho ăn.

Lại trong kinh Y Thập Nhị Đầu Đà dạy: Nếu ai được thức ăn thì nên nhớ nghĩ đến sự đói khát của chúng sanh, lấy một phần đem bố thí cho họ. Ta là chủ bố thí, kia là người được nhận, bố thí xong liền phát

nguyện: Khiến cho chúng sanh cùng được hưởng phước này, không còn đói khát khổ cực, mang đến nơi thanh vắng, bớt đi một nắm để trên đá sạch bố thí cho cầm thú, cũng như lời phát nguyện trên. Mỗi khi muốn ăn thì nên nhớ nghĩ, trong thân có tám vạn vi trùng, nếu trùng được thức ăn này thì được an ổn. Hôm nay, ta dùng thức ăn này để bố thí vi trùng. Sau khi đắc đạo thì nên lấy pháp bố thí cho người ấy, đó gọi là không bỏ chúng sanh. Lại trong kinh Quán Phật hình tượng dạy, Đức Phật bảo đại chúng: Có nhiều người đời phát nguyện mong cầu bố thí hàng ngày, không kể ít nhiều, miễn sao khiến đầy đủ, khi sự nghiệp đầy đủ rồi, còn nhiều thức ăn hảo hạng, ăn không hết, đều mang đến cúng dường các vị Sa-môn trì pháp trong chùa, chúng Tăng cùng nhau phân chia thức ăn. Do khi đưa vật ra chỉ mong cầu sanh phước, chứ tất cả không đòi hỏi để phần cho vợ con, ấy là như mầm ở trên đá, các gốc rễ đã tiêu diệt sạch trọn không còn sanh trở lại, khiến người bố thí được rất nhiều phước đức, do cúng dường Tăng. Đây là thí một mà được phước báo gấp vạn lần.

Lại trong luật Tứ Phần dạy: Cúng dường cháo chúng Tăng thì được năm lợi ích: Một là trừ đói, hai là trừ khát, ba là thức ăn đêm dễ tiêu, bốn là đại tiểu tiện dễ dàng, năm là mắt sáng trong. Luật Tăng kỳ dạy: Cúng dường cháo có mười lợi ích, nói kệ:

*Người thanh tịnh trì giới được cúng*
*Tùy thời cung kính được dâng cháo*
*Hành giả đầy đủ mười lợi ích*
*Sắc lực thọ vui biện tài giỏi.*
*Ăn đêm tiêu trừ cơn đói khát*
*Ấy gọi là loại thuốc Phật dạy*
*Muốn sanh người trời vui sống lâu*
*Nay nên cúng dường cháo chư Tăng.*

Lại trong kinh Thực thí hoạch ngũ phước báo dạy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Phải biết ăn uống có điều độ chớ để tổn giảm. Người cầm thức ăn bố thí cho người thì có năm công đức khiến người được đạo, bậc trí thông suốt, tâm cứu độ rộng lớn thì được năm phước. Những gì là năm? Một là bố thí mạng sống. Hai là bố thí sắc đẹp. Ba là được năng lực. Bốn là được an lạc. Năm là được biện tài. Thế nào là bố thí mạng sống? Nếu người không có thức ăn, thì nhan sắc tiều tụy, tàn tạ, sống không qúa bảy ngày bỗng nhiên chết, nên người trí phải bố thí thức ăn. Người bố thí thức ăn tức là bố thí mạng sống. Người đó, thường được sống lâu, sanh trong hàng trời người, được sống mãi không bị chết yểu,

phước báo tự nhiên của cải vô lượng, đó là bố thí mạng sống. Thế nào là bố thí sắc đẹp? Nếu người không có thức ăn, thì nhan sắc tiều tụy tàn tạ, người trí phải bố thí thức ăn. Người bố thí thức ăn thì được sắc đẹp. Người ấy, đời đời đoan chánh, sanh trong hàng trời người nhan sắc tươi sáng, người thấy ưa thích cúi đầu làm lễ, đó là bố thí sắc đẹp. Thế nào là được bố thí sức lực? Người không được thức ăn thì thân gầy yếu, ý chí thấp, làm không có sức lực. Vì thế, người trí phải bố thí thức ăn. Người bố thí thức ăn ấy thì được năng lực, đời đời có nhiều sức mạnh, sanh trong hàng trời người, sức mạnh không ai bằng, ra vào lui tới sức lực không tiêu hao, đó gọi là được bố thí sức lực. Thế nào là được bố thí an lạc? Người không được thức ăn, thì tâm ủ rũ, thân rã rời đứng ngồi không yên, không được an ổn, nên, người trí phải bố thí thức ăn. Người bố thí thức ăn thì được an ổn, người đó đời đời được an vui, sanh trong hàng trời người không gặp tai ương, sống ở nơi nào thường gặp người tốt, tài của nhiều vô lượng, không bị chết yểu, đó gọi là được bố thí an lạc. Thế nào là được bố thí biện tài? Người không được thức ăn, thân gầy yếu, ý chí yếu hèn, miệng nói không ra lời, nên người trí phải bố thí thức ăn. Người bố thí đó được biện tài, nói năng lưu loát, trí tuệ biện tài thông đạt, sanh trong hàng trời người, người nghe thấy đều hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ, thọ nhận giáo pháp. Đó là năm phước của bố thí thức ăn.

Trong kinh Tăng nhất A hàm dạy: Bố thí có năm việc gọi là đúng thời: Một là từ xa đến. Hai là đi xa. Ba là khi bịnh. Bốn là khi nóng lanh. Năm là khi mới đắc quả. Nếu được lúa gạo mới thì trước đem dâng người tinh tấn trì giới, sau đó mình mới ăn. Lại bố thí có ba cách. Thứ nhất là mang thức ăn đến chùa gọi là bậc thượng, đến nhà cúng dường là bậc trung, làm thức ăn cho người đi xin, phát tâm cho như vậy là bậc hạ.

Trong kinh Phó Pháp Tạng dạy: Đời quá khứ chín mươi mốt kiếp Đức Phật Tỳ Bà Thi sau khi nhập Niết bàn có một Tỳ-kheo bịnh đau đầu nặng. Bấy giờ, Bạc Câu La làm một người nghèo, thấy Tỳ-kheo bịnh liền lấy một quả A-lê-lặc cúng dường Tỳ-kheo. Tỳ-kheo uống vào liền lành bịnh. Do quả bố thí này, nên chín mươi mốt kiếp ở trong hàng trời người hưởng phước báo khoái lạc, chưa từng có bịnh. Cuối cùng sanh vào nhà Bà-la-môn, mẹ mất sớm, cha liền cưới vợ khác. Lúc còn nhỏ, Câu La thấy mẹ làm bánh, liền đến lấy bánh của mẹ. Sau đó người mẹ ganh ghét, nắm lấy cậu bé đôi vào trên lò sấy. Lò này tuy đang đốt cháy nhưng không thiêu hại. Người cha từ ngoài chạy vào, thấy Bạc Câu La đang trên lò sấy nóng, liền ẩm xuống. Thời gian sau, khi bà mẹ nấu thịt

trong nồi, cậu bé lại bóc thịt của mẹ, bà quá tức giận tìm cậu ta quăng vào trong chảo, nhưng cũng không nấu chín. Người cha tìm không thấy, liền gọi, Câu-la nghe tiếng gọi, ở trong chảo liền đáp, người cha lại ẩm ra như trước. Bà mẹ dẫn Câu La đến bỏ bên dòng sông, người mẹ giận dữ mà la mắng: Mày là vật quỷ quái yêu tinh sao đã thiêu đốt mà không chết, liền ẩm Câu La đôi xuống dòng sông, gặp một con cá lớn nuốt ăn. Do phước đức nên còn sống không chết, có người đánh cá bắt được con cá này, đem ra chợ bán, đòi giá cao nên nhiều người không mua, từ sáng đến tối cha của Bạc Câu La thấy vậy đồng ý mua mang về nhà, lấy dao mổ bụng. Đứa con trong bụng con cá lớn tiếng thưa: Nguyện xin cha làm cho con được an toàn chớ bị thương. Người cha vạch bụng cá ẩm đứa trẻ ra. Thời gian sau lớn lên cầu xin xuất gia đắc quả A-la-hán, từ sanh đến chết, đã một trăm sáu mươi năm chưa từng mắc bệnh, cho đến cũng không có bệnh nóng lạnh. Do bố thí thuốc nên được sống lâu như vậy. Năm nơi không chết: Lò sấy nóng không cháy, nấu trong chảo không chín, chìm trong nước không chết, cá nuốt không tiêu, dao cắt không làm thương tổn.Vì nhân duyên này, người trí biết phải nên thực hành như vậy. Lại trong kinh Tạp Thí Dụ dạy: Xưa trong nước Xá-vệ, có gia đình nghèo cùng, trong sân trước có cây Bồ đào, trên cây có nhiều bông hoa, họ nghĩ để dâng cúng đạo nhơn. Trước đó nhà vua đã thỉnh cúng thức ăn trong một tháng. Người nghèo cùng thế lực không phải như vua, sau hơn một tháng, mới thỉnh được một đạo nhơn, liền mang hoa dâng cúng, thưa đạo nhơn: Con nghĩ muốn đem hoa cúng dường đã qua một tháng rồi, nay mới được toại nguyện.

Đạo nhơn bảo với Ưu-bà-di: Bố thí trong một tháng.

Ưu-bà-di thưa: Con chỉ cúng dường bông hoa Bồ đào, lấy đâu mà dâng cúng được một tháng?

Đạo nhơn bảo: Chỉ trong một tháng, nghĩ đến việc muốn xả thí tức là đã làm bố thí được một tháng rồi.

***Thứ 6: Duyên ăn đúng thời***

Hỏi: Thế nào là ăn đúng thời? Thế nào là ăn chẳng đúng thời?

Đáp: Theo Luật Tứ Phần dạy: Đúng thời là lúc mặt trời xuất hiện mới được ăn cơm, cho đến nửa ngày, ngay giờ ngọ là ăn đúng thời, mọi người đều quyết định thời gian như nhau, nên kinh Tỳ La Tam Muội dạy: Thế tôn dạy cho Bồ tát Tuệ Phát ăn có bốn thời: Thời gian buổi sáng là chư thiên ăn, giờ ngọ là ăn đúng pháp, buổi chiều là súc sanh ăn và ban đêm là quỷ thần ăn. Đức Phật đã đoạn trừ nhân trong sáu đường

để được đồng với chư Phật ba đời là pháp ăn đúng giờ ngọ, sau giờ đó mà ăn thì giống với các cõi dưới ăn, nên nói chẳng phải thời. Trong luật Thập tụng dạy: Chư thiên ăn quá giờ ngọ cũng không mắc tội. Lại dạy: Ở cõi Diêm-phù-đề có Tỳ-kheo đi đến Tây-câu-gia-ni thì theo thời gian ăn ở Diêm-phù-đề, Tỳ-kheo Câu Gia Ni đến hơn ba phương khác cũng như vậy. Nếu ở lại đêm chỗ này thì dùng thời gian ở nơi này, nếu ở lại đêm chỗ kia thì dùng thời gian ở nơi kia, đến ba phương khác cũng như vậy. Cho nên trong luận Ma-đức-lặc-già hỏi: Nếu có lúc ăn chẳng đúng thời thì không phạm chăng?

Đáp: Có. Nếu ở phía Bắc-cu-lô châu ăn theo thời gian ở đó thì không phạm, còn các phương khác cũng vậy. Thời gian ở Diêm-phù-đề thì đúng ngọ, ở phương Bắc thì nửa đêm, ở phương Đông lúc mặt trời lặn, ở phương Tây là mặt trời mọc. Còn các phương khác thay đổi tùy đó mà biết.

Lại trong luận Tát-bà-đa dạy: Giải thích thời có bốn: Một là, từ khi mặt trời mới mọc cho đến nửa ngày (giờ ngọ), ánh sáng mặt trời nóng dần, gọi là thời, từ trưa đến nửa đêm, ánh sáng giảm dần rồi lặn mất, gọi là chẳng phải thời. Hai là từ khi sáng cho đến nửa ngày là khất thực đúng thời, không sanh phiền não, nên gọi là thời, từ trưa đến nửa đêm là thời gian người đời tổ chức vui chơi, nếu vào thôn xóm khất thực thì bị nhiều phiền não, nên gọi là phi thời. Ba là từ sáng đến nửa ngày, việc dâm loạn của người đời chưa phát, nên khất thực không sanh phiền não, gọi là thời, từ trưa trở về sau, thế gian dừng nghỉ những công việc, đùa giỡn hí lộng, nếu vào thôn xóm khất thực thì sẽ bị phỉ nhục, nên gọi là phi thời. Bốn là từ sáng đến nửa ngày, là khất thực đúng thời, ăn để nuôi thân, tâm tu tập đạo, việc làm thuận theo pháp, nên gọi là thời, từ trưa trở về sau, cần phải tu tập đạo, chẳng phải thời gian khất thực, nên gọi là phi thời.

***Thứ 7: Duyên pháp ăn***

Như trong kinh Đại Di Giáo dạy:Tỳ-kheo khi ăn thì nên vì đàn việt đốt hương tán thán ba lần, khen ngợi bố thí được thức ăn ngon. Thượng tọa nên dạy bảo, mỗi một Đạo sĩ nên rửa tay, súc miệng rồi đến tòa ngồi, cùng nhau nói bài kệ, theo thứ lớp mà đứng dậy không được trái ngược.

Trong kinh Tăng nhất dạy: Nếu có người cúng dường, tay nâng lư hương hướng đến Phật thưa: Hương làm để cúng dường Phật, nên đốt hương cung thỉnh chư Phật mười phương.

*Hương giới, hương định, hương giải thoát*
*Đài mây ánh sáng khắp thế giới*
*Cúng dường vô lượng Phật mười phương*
*Thấy nghe đều được chứng Niết bàn.*

Trong kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: Người ngồi thọ hương cũng được người nữ dâng hương, nhưng sợ tiếp xúc bị đắm nhiễm, nên ra khỏi chỗ ngồi.

Thuật rằng: Nếu được cơm áo thì không được lựa chọn đẹp xấu, chỉ che thân để tu tập đạo, mới thích hợp tâm Phật, như trục xe cần phải có mỡ trơn, bỏ bớt phần gì mịn đẹp, chỉ cần tiến đến trước, là việc làm tốt đẹp, nên trong kinh Tạp bảo tạng, Thế tôn nói kệ:

*Thân này như chiếc xe*
*Tốt xấu không cần chọn*
*Hương thơm và mỡ hôi*
*Giống nhau ở lợi ích.*

Lại trong luận Trí độ dạy: Ăn là để hành đạo, chứ không phải làm lợi thân, như nuôi ngựa, heo không khác. Nếu trước khi ăn thì nên dâng cúng Tam bảo, sau mới bố thí bốn loài,nên trong kinh Hoa nghiêm nói kệ:

*Nếu khi được ăn*
*Nguyện cho chúng sanh*
*Chí ở Phật đạo*
*Vì pháp cúng dường*

Trong kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu mình may y áo, làm bình bát, trước nên dâng cúng Phật, cha me và Sư trưởng, Hòa thượng dùng trước, sau đó đến mình. Nếu dâng lên Phật rồi thì dùng hương hoa để nhận lại. Trước khi ăn, nên cúng dường Sa-môn phạm chí sau đó mới dùng. Khi ăn phải nhớ quán tưởng, muỗng thứ nhất là nguyện đoạn hết tất cả ác, muỗng thứ hai nguyện trọn tu tất cả thiện, muỗng thứ ba tu tập được các căn lành, hồi hướng đến tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo. Nếu khi ăn, miệng không thể niệm đến mình đang ăn thì chỉ tổng thâu trong một niệm cũng được, nên trong luận Ma-đức-lặc-già dạy: Nếu lúc đang ăn, phải biết mình đang ăn, lúc mặc áo phải biết đang mặc áo, lúc vào phòng phải biết đang vào phòng, hoặc người độn căn thì phải biết tổng thâu trong một niệm, nên quyển thứ sáu trong kinh Hoa Nghiêm dạy: Bồ tát có một trăm bốn mươi nguyện, khi được cúng dường thì nên tụng kệ, nếu người thọ nhận như vậy thì chẳng có phiền não, chẳng xa lìa phiền não, lý sự dung thông, lợi ích chúng sanh và được vật tốt. Trong

kinh Tăng nhất A Hàm dạy: Cúng dường vừa đủ thì không phải lỗi ở pháp bố thí. Làm việc vừa đủ thì không phải lỗi của phương pháp làm. Báo ân vừa đủ thì không phải lỗi của pháp báo ân. Nếu ăn quá no thì hơi thở dồn dập, thân hình to lớn, mạch máu không lưu thông, làm cho tâm bị bế tắc, ngồi suy nghĩ không yên. Nếu phân chia có hạn ăn ít thì thân gầy yếu tâm lơ lửng, khí hư hao không vững bền. Nên trong kinh Tăng nhất A-hàm nói kệ:

*Ăn nhiều bị khổ não*
*Ăn ít khí lực suy*
*Khi dùng biết vừa đủ*
*Gọi là không nhiều ít.*

Trong kinh Tát Giá Ni Càn Tử, nói kệ:

*Người nào ăn quá nhiều*
*Thân nặng nhiều biếng nhác*
*Đời hiện tại, vị lai*
*Với thân mất lợi lớn*
*Ngủ nghỉ tự chịu khổ*
*Làm khó khăn người khác*
*Đều mê, khó tỉnh ngộ*
*Nên ăn phải biết đủ.*

Lại trong luật Tứ phần dạy: Nếu người nào trong một tháng trông coi thức ăn cho chúng, muốn biết sống chín mặn lạc thì phải để trong lòng bàn tay mà nếm.

Thuật rằng: Cho nên xuất gia muốn ăn thì trước phải rửa tay, để nhận thức ăn từ người khác, vì người xuất gia không giống phàm phu, nhận rồi ăn. Luận Tác ba đa dạy: Tỳ-kheo nhận thức ăn có năm ý nghĩa: Một là đoạn trừ nhân duyên trộm cắp. Hai là để làm gương. Ba là dứt bỏ phỉ báng. Bốn là thành tựu ít muốn biết đủ. Năm là làm cho người sanh lòng tin cung kính.

Xưa kia, có một Tỳ-kheo cùng đi với ngoại đạo, nghỉ dưới gốc cây, trên cây có quả, muốn ăn thì phải leo lên.

Ngoại đạo bảo với Tỳ-kheo: Hãy leo lên cây mà hái xuống!

Tỳ-kheo nói: Trong giới pháp của ta, cây cao hơn người không được trèo lên.

Ngoại đạo lại bảo: Sao không rung cây mà lấy quả!

Tỳ-kheo nói: Trong giới pháp của ta, không được tự mình rung cây để quả rơi xuống.

Ngoại đạo nghe vậy, tự lên cây hái quả, ném xuống đất cho Tỳ-

kheo, rồi bảo Tỳ-kheo lấy quả mà ăn.

Tỳ-kheo nói: Trong giới pháp của ta không được tự lấy ăn.

Ngoại đạo trở xuống lấy quả đưa cho Tỳ-kheo. Ngoại đạo còn biết như vậy, đối với một quả mà còn có giới pháp như vậy huống nữa là giới pháp của người xuất gia. Ngoại đạo liền sanh tâm tin kính, biết pháp Phật thanh tịnh không như ngoại đạo, nên theo Tỳ-kheo ở trong pháp Phật xuất gia tu đạo, diệt hết các lậu.

Trong kinh Xá Lợi Phất vấn, Phật dạy: Ngoại đạo phạm chí còn biết thọ nhận huống nữa là đệ tử của Ta không nhận thức ăn, đối với các vật không nên không thọ, chỉ trừ cúng dường sanh báu vật sống và người nữ. Nếu người hành pháp thì cần truyền trao y trên thân, nếu cất giữ vàng bạc, nhận rồi thì phân ra bố thí cúng dường.

***Thuật rằng:*** Cúng dường thức ăn chúng Tăng phải bình đẳng, không kể là Thánh phàm lớn nhỏ đều chia khắp, nên trong luật Tăng kỳ dạy: Nếu đàn việt mang nhiều thức ăn dâng Thượng tọa, thì vị Thượng tọa nên hỏi: Tất cả chúng Tăng có được như vậy không?

Đáp: Chỉ một mình Thượng tọa được vậy.

Thì Thượng tọa nên dạy, phải cúng bình đẳng cho tất cả, nếu nói tất cả đều được như vậy thì mới thọ. Pháp của Tăng Thượng tọa không được tuỳ tiện ăn, nên đợi cùng tụng cúng dường rồi sau đó mới ăn. Pháp của Thượng tọa thường dùng cơm chậm rãi, không được ăn nhanh xong trước rồi bỏ đi, nên đợi nước đến, tùy thuận chú nguyện rồi sau mới đi.

Lại trong kinh Xứ xứ dạy, Đức Phật dạy: Sau giờ trưa không được ăn thì được năm phước: Một là ít dâm. Hai là ít nằm. Ba là được nhất tâm. Bốn là không hạ phong. Năm là thân được an ổn, cũng không mắc bịnh, thế nên Sa-môn biết phước không ăn.

Thuật rằng: Nếu tham mà ăn lâu thì tăng thêm phiền não, nên cần quán tưởng bất tịnh để nhàm chán, nên luận Trí độ dạy: Nói về tưởng xa lìa thì phải nên quán thức ăn từ bất tịnh mà sanh: Như thịt toàn từ máu huyết mà sanh, là chỗ máu mủ để vi trùng sinh sống. Như sữa tươi, sữa đặc, phô ma đều từ máu mà thành, cùng với mủ hư thối không khác. Con người như cái túi ô uế đủ mọi thứ bất tịnh, mỗi khi đã vào miệng. Mủ thối rữa có trong nước dãi chảy ra theo hai đường dưới. Nước miếng hòa vào mới thành mùi vị, hình trạng ấy như thức nôn ra ngoài, nhập vào từ cửa bụng. Đất giữ nước thối mục, gió làm chuyển động, lửa nấu chín, như chảo cháo chín nhừ, cặn bã thỉ chìm xuống dưới, nước trong thì ở trên. Như người cất rượu chờ lâu lắng xuống, phần trong là nước cấu, cổ họng có ba lỗ, hơi thở có nước nhờn, tan hòa vào trong trăm mạch,

cùng hợp với máu trước ngưng lại thành thịt, từ thịt mới đó sanh ra mỡ xương tủy, cũng từ đó mà sanh ra các căn của thân, từ thịt mới hòa với thịt cũ sanh ra căn của năm tình. Từ năm căn sanh khởi năm thức, năm thức tuần tự sanh ý thức, rồi phân biệt chấp tướng so lường tốt xấu. Sau đó, sanh tâm ngã (tôi) và ngã sở (của tôi), các phiền não và các nghiệp tội. Lại suy nghĩ về thức ăn này. Người thì công ơn nhiều nông phu rất lớn tính một bát cơm đã mất hết biết bao mồ hôi, nói chung cơm thì ít mà mồ hôi lại nhiều. Thức ăn khổ cực cay đắng như vậy mà khi ăn vào trở thành bất tịnh, qua đêm thì biến thành phân nước tiểu, đó là vị ngon mà dơ bẩn không dám nhìn. Hành giả tự quán xét, như thức ăn dơ bẩn này, nếu ta tham đắm sẽ đọa vào ba đường. Quán thức ăn như vậy sẽ nhàm chán năm dục. Ví như Bà-la-môn tu tập pháp trong sạch, vì có duyên sự nên đến một nước bất tịnh, tự suy nghĩ: Ta phải làm sao thoát khỏi bất tịnh, chỉ cần nhịn ăn mới được thanh tịnh. Thấy một bà già bán bánh trong trắng mà nói: Ta có nhân duyên đến đây một trăm ngày, bà thường làm bánh mang đến nhiều cho ta, sẽ trả nhiều tiền cho. Bà già mỗi ngày làm bánh đưa đến, Bà-la-môn ưa thích nên ăn no vui vẻ. Bà già lần đầu làm bánh trong sạch, sau lại không có màu vị. Bà-la-môn liền hỏi bà: Tại sao như vậy?

Bà già trả lời: Do mùi vị ung nhọt!

Bà-la-môn nói: Sao lại nói vậy?

Bà già trả lời: Ta là phu nhân của đại gia, ở nơi an ổn mà bị ung nhọt, nên lấy bột hình con óc đắp vào đó, nhọt nóng chảy mủ ra hòa vào trong bánh óc này. Mỗi ngày như vậy ta lấy bánh này cho ông, vì thế nên bánh ngon. Hôm nay, ung nhọt của ta đã lành, lấy ở đâu mà làm được?

Bà-la-môn nghe như vậy, hai tay đánh vào đầu, vỗ ngực nôn ra sạch. Ta phải làm sao để trừ bỏ dơ uế để được pháp tịnh, nôn xong sẽ bỏ hết công việc, trở về nước. Hành giả cũng vậy, tham đắm ưa thích ăn uống, ăn mà không quán bất tịnh, về sau gặp khổ báo hối hận sao kịp.

***Thứ 8: Duyên thọ thực xong***

Trong luật Thập tụng dạy: Có Tỳ-kheo thọ nhận thức ăn của người, im lặng vào rồi bỏ đi. Các cư sĩ quở trách: Chúng tôi không biết thức ăn có ngon không. Chư Tỳ-kheo thưa Phật.

Đức Phật dạy: Từ đây, khi ăn xong phải khen ngợi và chú nguyện cho thí chủ. Chúng Tỳ-kheo không biết ai làm, Đức Phật dạy: Thượng tọa làm. Nếu Thượng tọa không có khả năng thì thứ tự cử người có khả

năng làm, nên trong luật Tăng kỳ dạy: Thượng tọa phải biết, người trước đã cúng dường những gì để chú nguyện cho họ. Lại trong luận Ba-ly dạy: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, cư sĩ nếu ăn xong mà không dùng bã đậu tắm rửa, sau đó dùng phân bò để súc miệng thì không thành trai phạn. Như quá khứ, có Tỳ-kheo Liên-đề sáu mươi năm giữ gìn giới cấm không phạm, chỉ mỗi ngày khi ăn xong đều dùng nhiều bã đậu, phân bò (cự ma) để chà xát được sạch sẽ, nếu không như vậy thì chẳng thành trai tịnh. Kinh này không có đề mục, nương vào nghĩa cốt yếu của luật mà nói ra: Cự ma là phân bò vậy. Nếu theo kinh này thì có dùng để súc miệng không?

Truyện ký Xá Pháp sư cho: Những người đời, ngoại đạo ở phương Tây tôn thờ con bò là trời Phạn thiên. Do hai việc này, sanh ra vạn vật nuôi dưỡng nhân dân, cho nên phân bò dùng làm thanh tịnh đạo tràng, Đức Phật cũng tùy theo phong tục nên dùng để làm sạch như vậy, nhưng không dùng để súc miệng chăng? Nếu theo luật Tứ phần, chỉ hộ trì bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, khi ăn quán tưởng năm việc, bốn tướng mà không rong ruổi thì thành tựu trai pháp, không kể phải rửa bằng bã đậu hay súc miệng mới thành. Nếu vì thời tiết mà lỗi oai nghi hoặc mất oai nghi thì dẫu có tắm cũng không thành trai pháp. Trong luận Thiện kiến dạy: Ăn rồi nôn ra, chưa ra khỏi cổ, trở vào lại thì không phạm, nếu nôn ra ngoài lại khỏi cổ thì phạm tội. Trong luật Tăng kỳ dạy: Ăn xong, nếu có khát, Đức Phật cho phép lấy tất cả lúa mạch, đậu, lúa tẻ để nấu. Người không phá giới phi thời dùng nước hồ uống cũng được, hoặc dầu tô, đường, mật, các nước trái cây cần lấy nước làm sạch thì được uống. Nếu đáy bể còn nước cặn, nước mưa tràn vào làm sạch cũng gọi là sạch. Luận Thiện kiến dạy: Nước quả Xá-lâu-già lắng cặn được nước trong, chẳng phải thời cũng được uống. Luận Ma-đức-lặc-già dạy: Nước đường chẳng phải thời cũng được uống. Luật Tăng Kỳ dạy: Con người có bốn trăm lẻ bốn bịnh: Phong đại có một trăm lẻ một, thì dùng dầu mỡ để chữa trị. Nhiệt bệnh hỏa đại có một trăm lẻ một bịnh, dùng cây tía tô để trị. Hàn bệnh thủy đại có một trăm lẻ một bịnh, dùng mật để trị, còn các bịnh khác có một trăm lẻ một bịnh, tùy theo đó mà dùng ba loại thuốc trên để trị. Trong luật Thập Tụng dạy: Đường chẳng phải thời thì không được ăn. Có năm hạng người được ăn phi thời, đó là: Người đi xa, người bịnh, người ít ăn, người đến nơi cúng toàn nước(?), hòa vào trong nước thì được ăn. Trong luật Ngũ phần dạy: Cho phép người đói khát được ăn hai lần.

Trong luật Tăng Kỳ dạy: Hồ tiêu, lá lốt, khương ha lê lặc... những

loại thuốc này phi thời cũng được dùng. Hòa vào là cho phép uống phi thời. Lại luật Tứ phần dạy: Tất cả đắng cay ngọt mặn không được giữ để làm thức ăn, cho phép phi thời uống thuốc trọn đời. Trong luật Thiện kiến dạy: Tất cả cây quả gốc rễ cành lá không được giữ mà ăn, chỉ được phép làm thuốc trọn đời.

Thuật rằng: So sánh sự nhận biết của mọi người, trong phần phi thời, đối với uống thì đúng thời, vì sao? Vì đạo tục thiên lệch, nghe luật khai uống nước trái cây, bèn uống nước táo khi khát, hoặc ăn lê, bồ đào, thạch mật không xây nhỏ thành nước mà uống, và ăn đủ thứ. Tuy có nghiền nhỏ nhưng chẳng lắng lại lấy nước trong, lại lấy luôn nước đục, nồng nặc và cặn bã mà uống. Hoặc có nghe khai giới cho uống nước quả Xá-lâu-già khi bịnh sốt nóng bèn lấy cọng ngó sen sống mà ăn. Hoặc lấy nước hồ (gạo) mà uống. Hoặc thân không đói khát mà phi thời uống tía tô, dầu, mật, đường. Hoặc dùng hạnh nhân sắc cho đặc lại. Những việc lạm dụng này chẳng phải một, không thể kể hết. Căn cứ theo luật Thập Tụng nếu không phải năm hạng người như người đi xa... kể trước thì không được ăn, nếu ăn thì phạm giới, thấy nhiều người phạm, nên trong ký Biệt sơ nói kệ:

*Trăng mọc thật sáng trong*
*Trời đẹp chiếu vô cùng*
*Bốn chúng theo thời họp*
*Bảy chúng lên thiền đường.*
*Cung kính thanh tịnh tụng*
*Ai oán động Cung, Thương*
*Mùi hương quyện trên không*
*Theo gió bay khắp nơi.*
*Cùng vui tán công đức*
*Lời nói vui sâu xa*
*Diệt não dạy lời hay*
*Hiện tại bỏ phần thừa*
*Nương nhờ tướng tơ lụa*
*Pháp tài phát thần quang*
*Ruộng phước nay tròn đầy*
*Dạy ân huệ còn mất.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 5)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 6

### PHẦN THỨ 8: THỌ TRAI

- Duyên thuật ý.
- Duyên dẫn chứng.

***Thứ 1: Trình bày duyên ý***

Chánh pháp sở dĩ được lưu truyền rộng rãi, là do quý trọng tôn kính, ruộng phước sở dĩ được tăng trưởng, là nhờ công đức trai giới, nên bỏ một bữa ăn để cúng dường thì phước báo về thức ăn có mãi, bố thí chỉ một đồng tiền được phước báo vượt hẳn cõi trời. Thế nên, ruộng phước đáng tôn trọng, tài của nhiều cũng có thể xem thường, cùng ở trong hội cây vô giá, tích tụ nhiều phước đức vô hạn.

***Thứ 2: Duyên dẫn chứng***

Trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ dạy: Xưa có bốn dòng họ thỉnh Phật thọ thực, trong đó có người bán sữa bò. Dòng họ lớn giữ lại thức ăn, theo lời dạy để giữ giới, nghe kinh rồi mới trở về. Người vợ nói: Tôi đợi từ sáng sớm chưa ăn, nên ép người chồng ăn, đã hoại tâm trai giới của ông, tuy vậy nhưng vẫn được bảy lần sanh lên cõi trời và bảy lần ở thế gian. Thầy dạy: Một ngày giữ trai giới được thức ăn hơn sáu mươi vạn năm, lại có năm phước đức: Một là ít bịnh, hai là thân được an ổn, ba là tâm ít tham muốn, bốn là ít ngủ nghỉ, năm là sanh lên cõi trời thường biết những việc làm đời trước. Lại vua Ba Tư Nặc muốn thưởng phu nhân Mạc Lợi chuỗi trầm, rồi bảo ra cung ngắm nhìn. Phu nhân vào ngày trai giới mặc áo lụa đi ra, giữa sáu vạn phu nhân bà sáng như mặt trời mặt trăng, đẹp hơn thường gấp bội. Nhà vua ngạc nhiên, sanh tâm cung kính, hỏi: Sao đạo đức lại tỏ rõ khác thường như vậy?

Phu nhân thưa: Thiếp biết, phước ít nên thọ thân nữ cấu uế này, chỉ trong ngày đêm có thể mất mạng, sợ đọa vào ba đường. Vì thế mỗi

ngày phải giữ gìn pháp Phật, từ bỏ yêu thương, theo đạo pháp, đời đời nhờ phước, nguyện đem chuỗi trầm dâng cúng Thế tôn.

Trong kinh A-hàm dạy: Bấy giờ, Lộc Tử Mẫu Tỳ Xá Khư, sáng sớm tắm rửa, mặc áo sạch sẽ, dẫn vợ con cùng quyến thuộc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, thưa Thế tôn: Hôm nay con muốn giữ giới Thập thiện.

Đức Phật hỏi: Hôm nay, vợ ngươi giữ giới chăng?

Giới có ba loại: Những gì là ba? Một là, giới thả bò con. Hai là giới Ni kiền. Ba là giới Bát quan trai. Thế nào là giới thả bò con? Nếu thả bò sáng sớm vào hồ, quá trưa dẫn về lại thôn. Khi trở về thôn lại suy nghĩ: Ngày hôm nay, ta thả bò ở chỗ này, ngày mai ta phải thả bò ở chỗ kia. Hôm nay, bò của ta ăn ở chỗ này, ngày mai phải đến chỗ kia ăn. Hôm nay, bò của ta ngủ ở chỗ này, ngày mai đến ngủ ở chỗ kia. Người cũng như vậy, nếu giữ gìn giới thì phải suy nghĩ: Hôm nay, ta ăn thức ăn như thế này, ngày mai, phải ăn thức ăn như kia. Hôm nay, ta uống nước như thế này, ngày mai phải uống nước như thế kia. Hôm nay, ta ăn uống tiêu hóa như thế này, ngày mai ta phải ăn uống tiêu hóa như thế kia. Người này ở trong ngày đêm ưa thích quá nhiều. Đây gọi là giới thả bò con. Nếu người giữ giới như vậy thì không được lợi lớn, không được quả lớn, không được công đức lớn, không được lưu truyền rộng rãi. Thế nào là giới của Ni kiền? Là người xuất gia của phái Ni kiền, người ấy khuyên mọi người: Ở phương Đông của ông hơn một trăm do tuần có một chúng sanh thường ủng hộ người, từ bỏ dao gậy, ở phương Nam, Tây, Bắc cũng vậy, hoặc cởi bỏ y áo lõa thân. Ta không có cha mẹ vợ con, thường hay nói dối mà cho là chơn đế, hoặc chấp giữ các pháp tà như khổ hạnh đói khát. Đây gọi là giới của phái Ni kiền. Nếu người nào giữ giới như vậy cũng không được lợi lớn, không được quả lớn, không được công đức lớn, không được lưu truyền rộng rãi. Thế nào gọi là giới Bát quan trai? Là đệ tử của bậc Thánh đa văn. Nếu ai giữ giới thì nghĩ như vầy: Là bậc đầy đủ mười danh hiệu, trọn đời xa lìa sát sanh, trừ bỏ sát sanh, xả bỏ dao gậy, có tàm có quý, có tâm từ bi, lợi ích tất cả cho đến côn trùng. Đối với việc sát sanh mà tâm thanh tịnh, cho đến trọn đời xa lìa ăn phi thời, từ bỏ ăn phi thời, chỉ ăn một bữa, không ăn ban đêm, thích ăn đúng thời. Ta cho tám giới này cùng với mười danh hiệu giống nhau không khác, nên gọi là giới. Người ấy an trú vào tám giới của bậc Thánh này, trước hết phải nghĩ: Như Lai không chấp trước vào mười danh hiệu, ra khỏi thế gian, được pháp thanh tịnh, xả bỏ các pháp bất thiện nhiễm ô, xấu ác. Đây gọi là giới Bát quan trai. Nếu thiện nữ

giữ giới Bát quan trai thì khi qua đời được sanh lên cõi trời Lục dục, xa lìa bốn quả Sa-môn. Trong kinh Bồ tát thọ trai dạy: Nếu ai tự mình quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng mà thân người đó đã từng làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác hôm nay đã diệt hết. Con là... thọ giới Bồ tát bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm, tự quay về với Bồ tát. Đức Phật bảo Tu-bồ-đề, ngày trai giới của Bồ tát có mười pháp: Ngày trai giới thứ nhất của Bồ tát không được tô điểm phấn son, xông ướp hương hoa, dầu thơm. Ngày trai giới thứ hai của Bồ tát không được ca múa, đánh trống, trỗi kỹ nhạc. Ngày trai giới thứ ba của Bồ tát không được nằm giường cao. Ngày trai giới thứ tư của Bồ tát, sau giờ ngọ không được ăn. Ngày trai giới thứ năm của Bồ tát, không được cầm nắm dao, vàng bạc, châu báu. Ngày trai giới thứ sáu, của Bồ tát, không được cỡi bò ngựa, đi xe. Ngày trai giới thứ bảy của Bồ tát, không được đánh đập con, người hầu và súc sanh. Ngày trai giới thứ tám của Bồ tát, đều giữ những giới này, theo đàn bố thí thì được phước lớn. Ngày trai của Bồ tát, không được ngủ nghỉ mà phải ở trước Phật chấp tay thưa: Ngày nay, tất cả mười phương chúng con đều trì giới thực hành sáu độ (Ba-la-mật), ai cũng được vô lượng an lạc, thêm phần hoan hỷ, phước bố thí mười phương, tất cả nhân, phi nhân ở những nơi nguy khốn, khổ nhọc đều khiến được phước, giải thoát sầu khổ, sanh ra được làm người an ổn, giàu sang, vui sướng vô cùng.

Ngày trai giới thứ chín của Bồ tát, không được ăn hết thức ăn trong bình bát.

Ngày trai giới thứ mười của Bồ tát, không được cùng cười đùa với người nữ ở chỗ vắng. Người nữ cũng vậy. Đây là mười giới không được phạm cũng không bảo người khác phạm, lại không được khuyến khích người khác phạm. Khi Bồ tát giải giới thì nên tụng: Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tỳ-kheo Tăng. Con là... đã giữ giới Bồ tát bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm, theo đàn bố thí, được sáu Ba-la-mật, như pháp sáu vạn Bồ tát hạnh của chư Bồ tát, ngày đêm giữ giới, đầu đêm ngồi thiền, giữa đêm tụng kinh, cuối đêm nằm nghỉ. Đây là pháp của những ngày trai giới của Bồ tát. Thọ vào ngày mười bốn tháng giêng, đến ngày mười bảy giải giới. Thọ từ ngày mồng tám tháng tư đến ngày mười lăm giải giới. Thọ từ ngày mồng một tháng bảy đến ngày mười sáu giải giới. Thọ từ ngày mười bốn tháng chín đến ngày mười sáu giải giới.

Thuật rằng: Đã thọ giới rồi, nếu muốn giải giới, thì đợi minh tướng xuất hiện (mặt trời mọc) mới được ăn cơm, nếu không như vậy thì phá giới. Thế nào gọi là minh tướng? Như trong luận Tát-bà-đa dạy: Minh

tướng có ba loại màu sắc. Nếu mặt trời chiếu đến cây Diêm phù đề, tức có màu đen; nếu chiếu nơi lá cây thì có màu xanh; nếu chiếu trên lá cây thì có màu trắng. Đối với ba màu này, màu trắng là chính, khi ấy mới được giải giới ăn cơm.

Luật Tăng-kỳ dạy: Khi Phật an trú ở thành Xá-vệ, phương Nam có làng Đại-lâm, có một thương nhân đuổi tám con bò đến phương Bắc của nước Câu-đa. Ở nước đó, cũng có người buôn đang thả bò trong hồ. Lúc đó, có một Ly xa đuổi bắt con rồng để ăn, bắt được một con rồng cái, Con rồng ấy đã thọ giới Bồ tát, nên không sanh tâm sát hại, sau đó Ly-xa xâu mũi dẫn đi.

Người buôn thấy vậy, khởi tâm từ bi, hỏi Ly-xa: Ngươi dẫn con rồng này muốn để làm gì?

Đáp: Ta muốn giết.

Người buôn nói: Chớ giết, ta sẽ đổi cho ngươi một con bò.

Ly-xa đuổi bắt bò mãi không được cả tám con, liền nói: Thịt này rất ngon, hôm nay,vì ngươi nên ta sẽ thả nó.

Người buôn lo sợ, khi thả rồng cái đi rồi, lại suy nghĩ: Người này rất ác, sợ trở lại đuổi bắt, nên đem thả ở hồ khác, chạy theo để xem chừng, thì rồng đã biến thành người và nói với thương nhân: Ngươi đã cho ta mạng sống, nay ta xin báo ân, cùng ta vào cung sẽ báo ân cho ngươi.

Người buôn trả lời: Bản tánh của rồng hay sân giận bộc phát, không thường có thể giết ta.

Rồng đáp: Không có như vậy, người trước trói ta, sức mạnh của ta có thể giết được người đó, nhưng ta đã thọ giới Bồ tát đều không có tâm giết hại, huống nữa nay ngươi cho ta mạng sống mà ta gia tâm giết hại sao! Nếu chưa đi thì hãy đến trong đó một tí, trước để ta thu dọn rồi mời vào, sau khi vào trong cung, liền thấy bên cửa rồng có hai con rồng bị trói nơi cột.

Người buôn hỏi: Các ngươi làm việc gì mà bị trói?

Hai con rồng đáp: Rồng nữ này trong nửa tháng, có giữ giới ba ngày, anh em chúng tôi phải bảo vệ Rồng nữ, do giữ không kỹ nên để Ly-xa đuổi bắt, vì thế mà bị trói, nguyện xin Người thương xót mà nói với Rồng cái thả chúng tôi ra, Rồng cái thu dọn xong liền mời vào cung ngồi trên giường báu. Rồng cái nói: Trong cung rồng có thức ăn có thể dùng trọn đời, có người dùng hai mươi năm, có người dùng bảy năm, có người ăn thức ăn Diêm-phù-đề. Nhưng hôm nay không biết người dùng thức ăn gì?

Đáp: Tôi muốn ăn thức ăn của cõi Diêm-phù-đề, tức thì rồng đưa đến các thứ thức ăn cho ông.

Người buôn hỏi Rồng cái: các con rồng này vì sao mà bị trói?

Rồng cái đáp: Chúng có lỗi muốn giết ta.

Người buôn nói: Người chẳng sát sanh thì không cần phải giết chúng. Người thả chúng ra ta sẽ dùng thức ăn ấy.

Rồng cái đáp: Không được thả chúng, phải phạt sáu tháng rồi đuổi xuống nhân gian. Ngươi buôn thấy trong cung rồng có trang hoàng đủ thứ châu báu. Người buôn liền hỏi: Người trang hoàng đủ thứ như vậy, thọ giới Bồ tát làm gì?

Trả lời: Pháp rồng của ta có năm lần khổ. Những gì là năm? Đó là khi sanh, khi ngủ, khi dâm, khi sân giận, khi chết.Trong mỗi ngày có ba lần da thịt rơi xuống đất, phơi thân trên cát nóng.

Lại hỏi: Người muốn mong cầu điều gì?

Đáp: Ta muốn được sanh ở trong nhân đạo, vì khổ trong loài súc sanh là không biết Phật pháp, muốn đến xuất gia trong pháp của Như lai. Rồng cái liền dâng biếu tám bình vàng và nói: Số vàng này, cha mẹ và bà con của người dùng trọn đời không hết. Lại nói: Người cũng thích ngắm nhìn, tức thì dùng thần thông đem số vàng về nước, lấy tám bình vàng dâng cho cha mẹ. Vàng của rồng này hết rồi lại đầy, dùng trọn đời không thể hết. Nói kệ:

*Cấm chạy theo vị thơm*
*Giữ thân chỉ biết đủ*
*Ngồi phải đủ oai nghi*
*Tổng cọng hơn năm vạn.*
*Giới hương thơm khắp nơi*
*Các căn đều đóng kín*
*Chớ nói theo cay đắng*
*Sẽ vượt khỏi hiểm nguy.*

-----------------------------------

## PHẦN THỨ 9: PHÁ TRAI

- Duyên thuật ý.
- Duyên dẫn chứng.

***Thứ 1: Trình bày duyên ý***

Thân vốn chỉ có vô thường, khổ hư vọng, nên phải nhớ nghĩ nguồn gốc của sanh già bệnh chết, ngày đêm đau buồn vì cái khổ, thương thay cho sự trôi nổi nhanh chóng theo dòng nước, nghĩ đến sự khốn khổ ấy thật là đáng sợ. Bởi do ruộng phước quá mỏng, nên tín thí khó tiêu, vì giữ giới không kiên cố. Những thứ ly bình dễ bể khó cầm, lại như sương móc, ta và người luôn nối nhau ngày càng thêm gắn chặt, mà không sợ khổ lụy trong muôn kiếp, chỉ lo thân mạng này. Cho nên, ăn no ngủ nhiều thì có khác gì con chó chăm chỉ, phá giới ăn đêm chẳng khác nào loài quỷ. Vì thế thí chủ mất đi phước cúng dường, ruộng tốt của chúng tăng giảm dần.

***Thứ 2: Duyên dẫn chứng***

Như trong kinh Xá Lợi Phất vấn dạy: Tôn giả Xá Lợi Phất thưa Đức Phật: Có những đàn việt xây dựng chùa chiền cho Tăng chúng, lại cúng dường nhiều tài vật, Tăng đời sau tương tự Tăng xuất gia, chẳng phải thời mà đến vị Tăng tri sự lấy thức ăn để ăn, người cho, người ăn bị tội gì? Người đàn việt kia được phước gì?

Đức Phật dạy: Người ăn chẳng phải thời là người phá giới, phạm tội ăn cắp. Người cho chẳng phải thời, cũng là người phá giới, phạm tội ăn cắp, trộm lấy vật của đàn việt là do không cho mà lấy, chẳng phải là ý của thí chủ, người thí chủ không có phước do mất vật, nhưng còn có phát tâm thiện đứng yên.

Tôn giả Xá Lợi Phất thưa: Đúng thời nhận (thức ăn), đúng thời ăn mà ăn không hết, đến khi chẳng phải thời lại ăn, hoặc là nhận đúng thời nhưng đến khi chẳng phải thời mới ăn thì lại có phước chăng?

Đức Phật dạy: Người ăn đúng thời là tịnh, là ruộng phước, tức là người xuất gia, ấy là Tăng già, là bạn lành của trời người, là thầy hướng dẫn của trời người. Người ăn bất tịnh giống như người phá giới, là kẻ ăn trộm trong đại kiếp, là ngạ quỷ bị tội ở trong lỗ hang sâu, ấy là do chẳng phải thời mà chuốc lấy. Ăn theo kiểu thời, phi thời liền cùng nhau gọi là người thối đạo, gọi là quỷ ác, là ba đường ác, là phá pháp khí, là người bị bịnh hủi, phá hoại quả thiện, cho phép khất thực

để tự sống. Cho nên, các Bà-la-môn không ăn phi thời, hàng ngoại đạo, phạm chí tà kiến cũng không ăn kiểu tà mạng, huống nữa là đệ tử của Ta, biết pháp, hành pháp mà lại làm như vậy chăng? Nếu người như vậy thì chẳng phải là đệ tử của Ta, là trộm pháp lợi lạc của Ta. Người tham chấp không có pháp gọi là người trộm thức ăn phi pháp. Ăn trộm và nhận trộm thì cứ một viên trả lại một nhúm, một hạt muối phải trả lại, khi chết bị đọa địa ngục Tiêu tràng, nuốt hoàn sắt nóng. Từ địa ngục sanh trong loài khỉ vượn, ăn thức ăn bất tịnh, lại sanh làm loài chim ác, tiếng kêu khiến mọi người sợ hãi. Sau đó, sanh trong loài ngạ quỷ, trở lại chùa, ở trong nhà xí ăn phân dơ đến trăm ngàn vạn năm, sanh làm người nghèo cùng thấp hèn, xấu ác bị người bỏ, không thể nói hết, không thể tin nổi, không như trộm vật của một người, tội đó còn nhẹ hơn, chớ cướp đoạt ruộng phước của nhiều người thì sẽ đoạn dứt con đường xuất thế. Lại trong kinh Kiền đà quốc vương dạy: Khi Phật còn tại thế, bấy giờ có vua của một nước tên Kiền-đà phụng sự Bà-la-môn. Bà-la-môn sống ở trong núi, rất nhiều cây trái, có người đốn củi phá chặt những cây trái ấy. Bà-la-môn thấy vậy, liền đến chỗ vua thưa: Có người tàn phá cây cối của tôi, nhà vua nên giết trị. Nhà vua tôn trọng Bà-la-môn, không dám trái lời, liền giết chết người đó. Về sau thật lâu, có con trâu ăn lúa của người, người chủ bèn cưa một cái sừng, máu chảy, đầu đau không thể chịu nổi, trâu liền đến chỗ vua thưa: Tôi thật ra không có tình tội gì, chỉ ăn ít lúa của người này, mà nay tôi phải mất cái sừng. Người chủ cũng đến chỗ vua. Nhà vua hiểu lời nói của thú vật nên bảo với trâu: Ta phải giết ông chủ đó cho ông! Con trâu đáp: Hôm nay, tuy giết người này, nhưng cũng không làm cho ta hết đâu đầu, chỉ cần lệnh: về sau không được cưa sừng ta như vậy nữa. Nhà vua cảm động, liền nhớ nghĩ: Sự việc Bà-la-môn trước đây chỉ vì ngồi dưới cây mà khiến ta phải giết người, không như con trâu này,việc của đạo này chẳng thoát khỏi sanh tử, vậy cái dụng của đạo này là gì? Liền đến chỗ Phật, năm vóc sát đất đảnh lễ Đức Phật, cầu xin thọ năm giới và mười giới Thập thiện.

Đức Phật bảo: Bố thí, trì giới hiện tại được phước, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ thì ông được phước đức vô lượng. Về sau sanh lên cõi trời, nhà vua hoan hỷ liền chứng qủa Tu-đà-hoàn.

Tôn giả A Nan bạch Phật: Nhà vua và con trâu xưa có nhân duyên gì?

Đức Phật dạy: Xưa kia, thời Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, vua và con trâu là anh em, cùng là Ưu-bà-tắc thọ trì trai giới, một ngày một

đêm. Nhà vua tinh tấn giữ giới, không dám biếng nhác, mạng chung được sanh lên cõi trời, khi thọ mạng ở cõi trời hết rồi lại sanh làm vua. Khi ấy, con trâu phạm giới ăn đêm, nên phải chịu tội báo, khi tội báo hết làm con trâu đến năm trăm đời, nhưng có biết đời trước nên có ý đến khai ngộ cho nhà vua. Con trâu sau bảy ngày mạng chung được sanh lên cõi trời. Đức Phật bảo: Bốn hàng đệ tử, thọ trì trai giới thì không được phạm.

Lại trong kinh Pháp Cú Dụ dạy: Đức Phật ở trong Tinh-xá, vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, nước Xá-vệ thuyết pháp cho trời, rồng, quỷ. Ở phương Đông có nước Uất-đa-la-bà-đề, có Bà-la-môn và năm trăm người cùng muốn đi đến bên bờ sông Hằng, có ba miếu thì thần sông, hồ tắm rửa những cấu uế rồi rưới rượu lên thân hình để cầu thành tiên, như pháp Ni-kiền-tư. Do đầm quá lớn, lạc đường không thể vượt ra được, giữa đường thiếu lương thực, xa nhìn thấy có cây lớn, như có thần khí, tưởng có người ở liền chạy đến dưới cây, thì không thấy gì cả. Bà-la-môn khóc lớn tiếng: Đói khát, thân thể héo mòn chắc chết trong đầm này. Thần cây hiện thân, hỏi các Phạn-chí: Các đạo sĩ từ đâu đến, chừ muốn làm gì?

Các Bà-la-môn cùng trả lời: Muốn đến hồ thần tắm rửa, hy vọng thành tiên, ngày nay đói khát, khổ cực xin thương xót cứu giúp. Khi ấy thần cây đưa tay, trăm thứ thức ăn từ tay hiện ra rất nhiều, cung cấp cho thức ăn đều đầy đủ, thức ăn còn dư đủ cung cấp lương thực đi đường, đến từ biệt đi. Đến nơi thần thưa hỏi: Xưa Người đã tạo phước đức gì mà được hồ rộng lớn như vậy?

Vị thần nói: Xưa kia Ta ở trong nước Xá vệ, có vị quan lớn tên là Tu-đạt, cúng dường thức ăn cho Phật và chúng Tăng, đến chợ mua sữa mà không có bày ra, mượn sữa của ta, cùng đi đến Tinh-xá, trao đổi với ta, bảo đi tắm sạch sẽ để nghe pháp, tất cả đều vui mừng, vô cùng khen ngợi. Khi ấy, ta vâng giữ trai, tối trở về không ăn, người vợ thấy lạ, liền hỏi ta: Không hỏi nên giận sao? Ông nói, thấy Trưởng gia Tu-đạt ở trong vườn cúng dường Phật, mời Ta đến thọ trai, trai ấy là Bát quan. Người vợ giận dữ, la lớn: Cù-đàm làm loạn ở đời, vì sao lại chọn ông, ông bỏ đạo thì họa từ sự xích mích này, ép buộc bức bách quá không được, liền cùng ăn cơm. Vào đêm đó mạng sống ta kết thúc, đến nửa đêm thần sanh đến đây, vì sự ngu si của vợ đã phá giới pháp của ta, không bị dẫn dắt theo nghiệp ấy mà, đến đây sanh ở hồ này, làm thần cây ở đây. Nhờ phước đưa sữa mà trên tay hiện ra thức ăn. Nếu giữ giới pháp thì được sanh lên cõi trời, giàu có hưởng thọ tự nhiên, vì Phạm chí

nói kệ:

*Đền thờ cúng trồng gốc họa*
*Lâu ngày cành lá lớn*
*Tổn gốc, khổ tan thân*
*Giới độ tiên ở đời.*

Lại trong kinh Bách Duyên dạy: Đức Phật ở trong vườn Kỳ-thọ-cấp-cô-độc nước Xá-vệ. Ở đó, đầu đêm có năm trăm Thiên tử, mang hương hoa, ánh sáng màu đỏ chiếu soi khắp rừng Kỳ-hoàn, đi đến chỗ Phật, lễ bái rồi lui ngồi. Đức Phật thuyết pháp cho họ, được đắc quả Tu-đà-hoàn, rồi nhiễu quanh Phật ba vòng trở về cung trời. Sáng hôm ấy, A Nan thưa hỏi: Do nhân duyên gì mà chư thiên đến?

Đức Phật bảo A Nan: Đức Phật Ca Diếp ở trong đời quá khứ có hai Bà-la-môn theo quốc vương đến chỗ Phật lễ bái thưa hỏi. Ở trong đó có một Ưu-bà-tắc khuyên hai Bà-la-môn đó cùng thọ giới pháp. Một người cầu sanh ở cõi trời, một người cầu làm vua ở cõi người. Thọ rồi, trở lại chỗ các Bà-la-môn tụ tập. Các Bà-la-môn nói: Hai ông đói khát hãy cùng ăn uống, ân cần khuyên bảo nhiều lần nên không từ chối được. Người cầu lên cõi trời thì ăn, vì phá giới nên không toại nguyện, sau đó mạng chung sanh trong loài rồng. Người thứ hai không ăn, được làm quốc vua. Do đời trước cùng nhau thọ giới, sanh ở hồ nước trong vườn quốc vương kia. Lúc ấy, người giữ vườn thường dâng cúng vua những quả dưa trong mỗi ngày. Trong hồ đó được một quả tốt đẹp, màu sắc hương vị rất ngon, người giữ vườn liền nói: Ta tuy ra vào, thường trông coi cửa ngõ, thấy rồi lại bỏ đi, liền nghĩ: Ta nên, cầm quả dưa này cho người, vừa nghĩ liền có. Người giữ cửa lại nghĩ: Ta tuy ra vào, lại vì người giúp việc thấy mà bỏ đi nên mang cho người giúp việc. Người giúp việc được rồi lại nghĩ: Phu nhân thường khen ngợi ta với quốc vương, ta nên cầm quả này dâng biếu phu nhân, nghĩ vậy, liền dâng phu nhân. Phu nhân được rồi liền dâng nhà vua. Nhà vua, liền ăn, cảm nhận mùi vị thơm ngon, liền hỏi phu nhân: Hôm nay, thiếp đi đâu mà được quả này? Phu nhân trình bày như thực: Ta đến người giúp việc mà được quả này. Cứ dò hỏi tuần tự như vậy đến người giữ vườn. Vua liền gọi đến, nói: Trong vườn của ta có quả ngon này sao không thấy dâng lên, lại đem cho người khác? Do đây, mà người giữ vườn trình bày tất cả. Vua không tin, mà ra lệnh: Từ hôm nay về sau phải thường dâng hiến qủa này, nếu không thì giết ngươi. Người giữ vườn trở lại trong vườn, khóc la rơi nước mắt, không thể kiềm chế được. Quả này không trồng lấy đâu mà có, vua rồng liến nghe tiếng khóc lại hóa thành thân ngươi đến hỏi:

Hôm nay, vì sao ngươi khóc dữ vậy?

Người giữ vườn liền kể lại đầy đủ sự việc. Rồng nghe xong, trở về trong hồ nước lấy quả dưa đẹp và ngon, để trên cái khay đưa đến cho người giữ vườn, nhưng bảo thưa lại: Ngươi đem quả này dâng lên vua và thưa theo ý của ta: Ta và quốc vương khi Đức Phật còn tại thế, vốn là bạn thân, đều là Phạm Chí cùng thọ tám giới, đồng phát nguyện. Do vua thọ giới đầy đủ nên được làm quốc vương, ta giữ giới không đủ nên bị sanh trong loài rồng. Hôm nay, ta muốn trở lại phụng trì tu tập giới pháp, nguyện mong khi bỏ thân này được làm vua như người. Vì ta mà tìm cầu văn của giới bát quan trai đem đến cho ta. Nếu vua trái ý, ta sẽ dâng nước biến bờ cõi của ông thành một biển lớn. Người giữ vườn nhận khay trái cây đến dâng vua rồi thưa lại lời của rồng. Nhà vua nghe rồi, ăn chẳng ngon gì, sở dĩ như vậy là do lúc ấy cho đến thời không có danh hiệu Phật pháp, huống nữa là văn của giới Bát quan trai, nếu không được như vậy thì sợ sẽ gặp nguy hại, suy nghĩ về lý này mãi không dứt. Lúc ấy, vua nước đó có một đại thần tối cao có thể kính trọng, bảo đại thần: Rồng đòi lấy văn của giới Bát quan trai nơi ta, mong khanh có được.

Đại thần thưa: Đời nay không có pháp, làm gì có được?

Nhà vua lại bảo: Nếu khanh không có, ta phải giết khanh.

Đại thần nghe vậy, liền lui về nhà, nét mặt khác thường, quá ưu sầu khổ não. Bấy giờ, người cha của đại thần tuổi lớn, người mẹ từ ngoài vào, thấy con mặt mày thay đổi khác thường, liền đến hỏi. Đại thần quay về cha mà nói về những sự lý uẩn khúc đó.

Người cha nói với con: Cột trụ nhà ta, cha thấy có ánh sáng, con hãy lấy nó thay đổi thử xem sao. Khi phá ra thì thấy được hai quyển kinh: Một quyển là Thập nhị nhân duyên và quyển thứ hai là văn Bát quan trai giới. Đại thần được kinh rồi rất vui mừng, đặt trên khay vàng hiến dâng lên vua. Nhà vua quá vui mừng (rồng) không thể thắng mình, liền đưa văn kinh cho vua rồng. Vua rồng được rồi quá đỗi vui mừng, mang châu báu dâng tặng nhà vua, xong đều trở về chỗ ở cùng với năm trăm rồng con, siêng năng ra sức tu tập giới Bát quan trai, sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời Đao lợi, đến cúng dường Ta là ánh sáng ấy vậy. Đức Phật bảo A Nan: Sẽ biết năm trăm rồng con tu tập giới Bát quan trai trước kia, nay chính là năm trăm thiên tử. Đức Phật nói, ấy là nhân duyên, có người chứng bốn quả Sa-môn, có người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Khi nghe Đức Phật nói như vậy, đều hoan hỷ làm theo, nói kệ:

*Núi cao chín nhận nhọc còn thiếu*
*Xa giá ngàn dặm mệt đường dài*
*Sửa đổi làm thiện được tiếng thơm*
*Ái tình dễ nhiễm yêu vợ đẹp.*
*Năm phước chuyên tu đã không thành*
*Nếu ai giữ được Bát quan trai*
*Dằn vặt suốt đêm mong đợi gì*
*Sông ái đầy miên man sao qua được.*

-----------------------------------

## PHẦN THỨ 10: PHÚ QUÍ

- Duyên thuật ý.
- Duyên dẫn chứng.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Người tu tập điều thiện được an lạc, như bóng theo hình, người làm ác thì chịu khổ, như âm thanh dội lại tiếng vang. Người giàu có như ngọc châu, tôn quý thì được người kính trọng, tơ lụa năm màu làm vải, vàng bạc làm nhà, trước rồng thổi mây bay, trên phụng lượn trong không sanh gió, khắc chạm chuông ở cung điện lớn, hành lang dài rộng, nền nhà lát bằng ngọc quý, khuyên vàng đeo tai với dây chuyền ngọc xanh, thức ăn quý giá bày la liệt khắp bãi biển, đủ loại đựng thức ăn, mùi thơm thức ăn tỏa khắp. Ngồi ở phòng thanh nhã trong thiền đường cao, thềm rèm bằng ngọc qúy, ống sáo, đàn nhị, gió thổi trong mát, đốt dầu thơm ánh sáng rực rỡ, tơ lụa năm màu rủ che kín, gấm lụa làm chăn để trải, mền bệnh bằng lông, đi bằng xe bốn ngựa nhanh như phi, xe chở hàng nhanh như điện chớp, ngàn xe, vạn người cỡi, thật quá nhiều. Nói tóm lược nhân duyên của phước, được như vậy là do đời trước đã từng cúng dường nên nhận được lợi ích quá nhiều.

***Thứ 2: Duyên dẫn chứng***

Trong kinh Hiền ngu dạy: Xưa kia Đức Phật còn tại thế, nước Xá-vệ có một trưởng giả, giàu sang phú quý, sanh được một người con trai, diện mạo tuấn tú, ở đời hiếm có. Cha mẹ vui mừng, do vậy mà đặt tên là Đàn-di-ly. Sau đó lớn lên, người cha qua đời, vua Ba-tư-nặc lấy chức tước của cha phong cho, khi nhận chức xong, nhà ông biến thành bảy

báu, các kho chứa đầy các thứ báu. Khi ấy, thái tử của vua tên Tỳ-lưu-ly bị bịnh sốt, các vị thầy thuốc khắp nơi bẩm vua: Cần Ngưu-đầu-chiên-đàn để bôi vào đầu thái tử, thì bịnh mới lành. Nhà vua lệnh tìm kiếm, nếu ai tìm được đúng một lạng thì thưởng một ngàn lượng vàng, thế mà chẳng có ai mang đến. Có người tâu vua, trong nhà trưởng giả Đàn-di-ly có rất nhiều, vua nghe xong liền đích thân đi đến, đứng trước cửa nhà trưởng giả đó, thấy cửa bên ngoài toàn là bạc trắng, liền bảo người giữ cửa vào báo tin. Khi ấy, người giữ cửa vào thưa với trưởng giả, vua Ba-tư-nặc đang đứng ngoài cửa. Trưởng giả nghe, liền ra nghinh đón, thỉnh vua vào, bên trong thấy có người nữ diện mạo xinh đẹp, ở đời không ai bằng, ngồi trên giường toàn bạc trắng, dệt bằng những sợi tơ bằng bạc trắng, xung quanh có mười người hầu. Vua hỏi: Đây là vợ của khanh há?

Trưởng giả thưa: Đây là người giữ cửa, người nữ đó là người mới báo tin. Nhà vua từ từ bước vào, toàn là lưu ly màu đỏ, trong cửa có một người nữ ngồi trên giường lưu ly, mặt mày xinh đẹp gấp bội người trước, xung quanh người hầu cũng bằng hai người trước. Vua lại đi tiếp đến cửa, thấy toàn bằng vàng rồng, trong cửa có một người nữ, diện mạo quá xinh đẹp gấp bội người trước, ngồi trên giường vàng rồng, được dệt bằng sợi tơ vàng rồng, người hầu xung quanh lại gấp bội trên. Nhà vua lại hỏi: Đây là vợ của ngươi chăng?

Trưởng giả đáp: Đây là người hầu giữ cửa. Vua vào nhà thấy nền bằng lưu ly, giữa nhà có khắc chạm cả trăm loài thú, gió thổi hình họa hiện ra trên mặt đất, nhà vua thấy cho là nước nên không dám bước tới và nói: Nền toàn lưu ly, hoàn toàn không có đất, trước cung điện là biển.

Trưởng giả Di-ly tâu vua: Đất toàn lưu ly, chẳng phải là nước, Nhà vua liền cởi những vòng xuyến trên tay, thả lăn trên nền gặp tường mới dừng.

Vua biết chỗ, nên cùng vào trong cung điện bảy báu, thấy hoàng hậu đang ngồi giường lưu ly ở trên cung điện, lại mời vua ngồi giường bảy báu. Vua thấy hoàng hậu rơi nước mắt, liền hỏi: Vì sao thiếp không vui, lại rơi nước mắt?

Hoàng hậu thưa: Dạ rất vui! Vì hôm nay, nghe trên thân có mùi khói, cho nên nước mắt rơi.

Vua lại hỏi: Trong nhà không đốt lửa chăng?

Đáp: Thưa không.

Vua hỏi: Lấy gì làm thức ăn?

Hoàng hậu thưa: Khi nào cần ăn, thì tự nhiên có trăm thứ thức ăn.

Vua hỏi: Không cần ánh sáng chăng?

Hoàng hậu thưa: Dùng ngọc ma ni làm ánh sáng chiếu khắp trong nhà.

Lúc ấy, Đàn Di Ly quỳ xuống tâu vua: Vì sao thần Lao-khuất-tôn đến đây?

Vua Ba-tư-nặc kể lại toàn bộ sự việc. Trưởng giả nghe rồi liền dẫn vua vào xem khắp các kho, chứa đầy bảy báu, hương ngưu đầu không thể tính kể. Vua cần lấy hai lượng vàng để đưa cho người dẫn đường này. Vua nói lời rất cẩn trọng với người đó: Hôm nay, Đức Phật xuất hiện khanh có nghe không nghe chăng?

Đàn Di Ly thưa: Thế nào gọi là Phật?

Vua liền giảng rõ, Di Ly hoan hỷ liền đi đến chỗ Phật. Ngài thuyết giảng cho Di Ly, được đắc quả Tu-đà-hoàn, và đi xuất gia đắc quả A-la-hán, đầy đủ Ba minh, Sáu thông, Tám giải thoát.

A Nan thấy thế nên thưa Đức Phật: Đàn Di Ly này đời trước gieo trồng phước nghiệp gì mà được sanh trong loài người hưởng thọ quả báo của cõi trời, lại gặp Thế tôn xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo A Nan: Trải qua chín mươi mốt kiếp trong đời quá khứ, có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ Bà Thi. Sau khi Ngài vào Niết bàn, ở trong đời tượng pháp, có năm Tỳ-kheo cùng nhau chọn một nơi thích hợp ở trong rừng để tinh tấn tu tập đạo. Liền bảo một Tỳ-kheo: Ở đây cách thành xa, đi khất thực khó khăn, thầy nên làm phước, mỗi mùa Hạ đi khất thực về thì cúng dường cho chúng tôi. Trong đó có Tỳ-kheo vào thành khuyến khích các đàn việt, hàng ngày thường làm thức ăn đưa đến cúng dường, bốn Tỳ-kheo kia thân tâm an ổn chuyên tu tập đắc quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo bảo với vị này: Nhờ người mà chúng tôi tu tập an ổn, việc cần làm đã làm xong, ngươi hãy nguyện gì?

Người ấy nghe rồi, vui mừng phát nguyện: Nguyện xin cho con đời vị lai, ở trong hàng trời người giàu sang phú quý, tự nhiên gặp Đức Phật xuất gia đắc đạo. Do công đức này từ nay về sau trải qua chín mươi mốt kiếp không rơi vào đường ác. Ở trong hàng trời người luôn giàu có, cần gì tự nhiên có. Vì thế, hôm nay gặp Ta xuất gia đắc đạo.

Lại kinh Hiền Ngu dạy: Khi Đức Phật còn tại thế, ở nước Xá-vệ có một trưởng giả giàu có tiền của vô lượng không thể tính kể. Trưởng giả sanh được một người con trai, thân thể toàn vàng, đoan chánh tu-

ấn tú, ít ai bằng. Cha mẹ thấy vậy vui mừng vô cùng, vì thế đặt tên là Kim-thiên, ngày sanh kim thiên trong nhà tự nhiên hiện ra một giếng nước, chu vi tám xích, độ sâu cũng vậy. Ai lấy nước dùng cũng đều khen ngợi. Nếu ai cần y thì có y, cần thức ăn thì có thức ăn, tất cả vàng bạc cần đều có, cầu mong điều gì cũng đều như ý. Trải qua năm tháng, Kim thiên trưởng thành, tài nghệ uyên thâm. Người cha liền nghĩ: Con của ta dung mạo tuấn tú tuyệt vời, cần tìm người con gái, thân hình toàn vàng đẹp như con ta. Đang lúc tìm kiếm thì ở nước Xà-bà có một đại trưởng giả sanh một người con gái, tên Kim Quang Minh, đoan chánh lạ thường, thân hình toàn vàng ánh sáng chiếu rực rỡ. Khi mới sanh ra, tự nhiên có giếng nước, chu vi và độ sâu tám xích. Giếng nước hiện ra đủ thứ báu, những thứ cần dùng như y phục, thức ăn đều có đủ, vừa ý mọi người. Cha mẹ cô ta tự nghĩ: Con gái của mình xinh đẹp trong hàng trời người, cần tìm một hiền sĩ có thân vàng sáng rực như con ta để kết hôn. Danh tiếng cô ta vang xa. Sau đó, Kim Thiên cưới cô làm vợ. Về sau, Kim Thiên thỉnh Phật và chúng Tăng đến cúng dường thức ăn, thọ thực xong, Đức Phật liền thuyết pháp, vợ chồng và cha mẹ họ đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Vợ chồng Kim Thiên đều xin cha mẹ xuất gia, họ liền cho phép xuất gia, đều chứng quả A-la-hán, tất cả công đức đều được đầy đủ. A Nan thấy vậy, thưa Phật: Vợ chồng Kim Thiên đời trước gieo trồng phước gì mà được sanh vào nhà giàu có, thân thể toàn màu vàng, tự nhiên có giếng nước tám xích, hiện ra các vật?

Đức Phật dạy A Nan: Ở đời quá khứ chín mươi mốt kiếp, sau khi Đức Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết bàn, có các Tỳ-kheo đi đến thôn xóm giáo hoá, mọi người thấy chúng Tăng nên cùng tranh nhau cúng dường. Lúc đó, có một cặp vợ chồng, gia đình nghèo khổ vô cùng. Người chồng thấy người khác cúng dường chúng Tăng, sầu não than khóc với vợ, nước mắt rơi trên vợ, người vợ hỏi chồng: Vì sao chàng khóc?

Người chồng đáp: Cha ta thường cất chứa vô số của cải đầy kho, đến đời ta thì quá nghèo cùng khốn khổ. Ngày xưa, tuy có của cải mà không cúng dường, nay gặp được chúng Tăng thì nghèo khổ không thể cúng dường. Thân trước không cúng dường nay bị túng thiếu, ngày nay không cúng dường thì mai sau cũng như vậy. Ta suy nghĩ việc này nên sầu não.

Người vợ nói: Chàng tuy có tâm Không mà không có tiền thì cũng có thể cúng dường.

Người chồng nói: Biết phải làm sao?

Người vợ đáp: Chàng hãy đến nhà cũ, tìm khắp ở đó thì có tài vật.

Người chồng liền đến tìm, được một đồng tiền vàng, mang đến vợ. Khi ấy, người vợ có tấm gương sáng, một cái bình đựng đầy nước sạch, bỏ đồng tiền vàng vào bình, lấy tấm kính che trên, hai vợ chồng mang đến cúng dường Tăng, phát nguyện rồi đi. Do công đức này mà từ nay về sau chín mươi mốt kiếp không rơi vào đường ác, sanh trong hàng trời, người thường làm vợ chồng, thân hình toàn vàng, hưởng được an vui. Ngày nay, gặp ta xuất gia đắc đạo.

Kinh Xuất diệu dạy: Khi xưa, Đức Phật còn tại thế, trong nước Ca-tỳ-la-vệ có Mục-liên cùng với người em thật giàu có, tài sản châu báu rất nhiều chứa đầy kho, kẻ hầu người hạ không thể tính kể. Mục Kiền Liên đã nhiều lần đến nhà em bảo: Nghe em keo kiệt không thích cúng dường, Đức Phật từng thuyết giảng bố thí thì được vô số phước báo. Nếu ngày nay em bố thí thì được vô lượng phước báo. Người em nghe anh bảo liền mở kho bố thí, lại xây thêm kho mới để cất chứa phước báo, tuy chưa một ngày được nghe một câu kinh mà tài của khô hạn, kho tàng trống không, kho mới lại không có phước báo. Người em áo não, nói với anh: Trước anh bảo, bố thí thì được phước báo lớn, nên không dám trái lời, người đến cầu xin, bố thí đã hết, kho tàng đã cạn kiệt mà kho mới thì không có phước báo, tướng Vô vi của anh thật đáng nghi ngờ chăng?

Người anh bảo: Thôi, thôi! Không nên nói điều này nữa, chớ để người ngoại đạo tà kiến nghe được sẽ nói lời hồ đồ. Nếu bảo phước đức có hình tướng thì cảnh giới hư không đâu dung chứa hết. Hôm nay anh sẽ phương tiện thị hiện phước báo vi diệu của em, liền dùng thần lực đưa tay tiếp đón người em đến cõi trời thứ sáu. Người em thấy cung điện làm bằng bảy báu, gió hương ao nước, kho lúa tràn đầy không thể tính kể, ngọc nữ thường đi theo, số chúng nhiều đến ngàn vạn, toàn là nữ.

Người em hỏi anh: Tại sao cung điện này cao lớn nguy nga như thế?

Mục Kiền Liên bảo em: Em tự đi mà hỏi.

Người em liền đi đến Thiên nữ hỏi: Vì sao cung điện này do bảy báu hợp thành, cao lớn nguy nga, lơ lửng ở giữa không trung vậy? Ai là người có phước đức để thọ hưởng phước báo ở đó?

Thiên nữ đáp: Trong cõi Diêm phù đề, nước Ca-tỳ-la, đệ tử thần thông của Phật Thích Ca Văn, tên Mục Kiền Liên có người em là đại trưởng giả, do có lòng tốt bố thí, sau sẽ sanh về cõi này, làm phu chủ của chúng tôi. Người em nghe vậy rất vui mừng, đến chỗ anh kể đầy

đủ sự việc đó.

Người anh bảo: Người bố thí có phước báo hay không? Người em xấu hổ, sám hối anh, trở về nhà chuyên tâm tu phước, sau đó mạng chung sanh lên cõi trời, thọ phước báo như thế.

Kinh Thọ Đề Già dạy: Khi Đức Phật còn tại thế có đại trưởng giả giàu có, tên là Thọ Đề Già có đầy các kho vàng bạc, rất nhiều người giúp việc, mọi mong cầu đều được, có một chiếc khăn tay màu trắng, treo ở bên bờ hồ, làm gió trời thổi đến trước cung điện vua, nhà vua ngồi đàm luận cùng các quần thần ở trong chúng hội, nhiều nghi vấn, đoán về sự việc kỳ lạ đó.

Các đại thần đều nói: Tương lai nước ta sẽ nhiều khăn trắng trời cho. Thọ Đề vẫn im lặng.

Nhà vua hỏi Thọ Đề: Các thần đều vui mừng, sao khanh không nói gì?

Thọ Đề tâu vua: Thần không dám dối ngài, đó chính là khăn trắng để lau của nhà thần, treo bên bờ hồ, bị gió trời thổi bay đến trước cung vua, nên không dám nói. Ngay sau đó mấy ngày thì có một cành hoa chín màu bằng vàng, lớn như bánh xe, rơi xuống trước cung điện nhà vua. Nhà vua lại tập họp các thần, hỏi đáp như trước.

Thọ-đề tâu vua: Thần không dám dối ngài, trong vườn phía sau nhà thần hoa héo, rụng tàn bị gió trời thổi bay đến trước cung vua, nên im lặng không dám nói.

Nhà vua nói Thọ Đề: Nhà khanh đúng vậy chăng! Hãy về nhà chuẩn bị mọi thứ, trẫm sẽ ra lệnh hai mươi vạn người đến nhà khanh xem sao.

Thọ Đề tâu: Xin Đại vương tự nhiên đi, không cần chuẩn bị, giường chiếu nhà thần tự nhiên có không cần bày biện, thức ăn tự có không cần làm, tất cả tự nhiên mang đến không cần phải gọi, lại cũng tự nhiên đem đi không cần phải đợi từ chối. Nhà vua liền ra lệnh hai mươi vạn chúng  đến nhà Thọ-đề vào cửa phía Nam, có một thanh niên tuấn tú, dễ mến.

Nhà vua hỏi Thọ-đề: Là con trai của khanh chăng?

Thọ Đề tâu: Là người hầu giữ cửa của thần.

Lại vào trước một tí, đến bên trong cửa lầu, thấy có một cô gái nhan sắc tuyệt đẹp, da dẻ mịn màng, dễ thương.

Nhà vua lại hỏi Thọ-đề: Là con gái hay vợ của khanh?

Thọ Đề tâu: Là người hầu giữ của thần.

Lại vào trong một tí, đến trước giảng đường, tường đều làm bằng

bạc trắng, đất bằng nước thủy tinh. Nhà vua thấy làm bằng nước do dự không dám đến trước, Thọ Đề liền dẫn vua đến trước, đưa lên giảng đường, ngồi trên giường vàng, các cây bằng ngọc. Vợ của Thọ Đề ngồi trên lầu bằng vàng bạc một trăm hai mươi tầng, có lọng rũ xuống, nàng vén lọng bước đến làm lễ vua, nước mắt chảy ra. Nhà vua hỏi Thọ-đề: Vợ khanh lễ ta sao lại chảy nước mắt?

Thọ Đề tâu: Thần không dám dối ngài, nàng ấy nghe thấy đại vương có mùi khói nên nước mắt chảy. Nhà vua bảo đốt tay người dân, đốt mật chư hầu đốt cây sơn, thiên tử cháy đen cũng không có khói, sao nước mắt chảy ra được?

Thọ Đề tâu vua: Nhà thần có ánh sáng của ngọc minh nguyệt thần châu, treo trên giảng đường đêm ngày không khác, chẳng cần ánh sáng của lửa. Trước giảng đường Thọ Đề có lầu cao mười hai tầng, Thọ Đề dẫn vua lên xem khắp bốn bề, thì bỗng chốc đã trải qua một tháng.

Các đại thần Tâu vua: Nước có nhiều việc lớn, xin thỉnh ngài hồi cung. Nhà vua bảo còn một chút nữa, gắng thêm một lát, lại dạo xem vườn hồ bất chợt đã quá một tháng. Hỏi đáp cũng như trước. Trưởng giả Thọ Đề xuất ra bảy thứ báu toàn bằng tơ lụa năm màu mỏng mát, hai mươi vạn chúng, người ngựa đầy đủ, cùng trở lại nước.

Nhà vua hỏi các quần thần: Thọ Đề Già là dân của trẫm, người nữ ở trong nhà còn hơn cả trẫm, ta muốn phạt họ, có thể lấy người ấy không? Các đại thần đều tâu: Bắt lấy được. Nhà vua dẫn bốn mươi vạn chúng đánh trống, khua chuông quanh nhà Thọ Đề, hơn cả trăm lần. Trong cửa phía Nam nhà Thọ Đề có một lực sĩ tay cầm chày vàng, khởi lên một phương kế: Bốn mươi vạn quân cả người và ngựa đều kéo đến đầy đủ, tay chân trong tư thế chiến, eo lưng rộng như A-bà, tướng mạo như kẻ say, đầu óc không ổn định, nếu ta không trừ thì sẽ khởi dậy. Lúc đó Thọ Đề cỡi xe mây lớn đến hỏi mọi người: Bị tổn hại khi nào mà nằm trên đất không dậy vậy?

Đáp: Đại vương lệnh đến phạt trưởng giả. Lực sĩ nắm lấy gậy vàng chỉ mới nghĩ cách thì bốn mươi vạn người, ngựa đều không thể đứng dậy.

Thọ Đề hỏi: Có muốn đứng dậy không?

Mọi người đều đáp: Muốn đứng dậy. Thọ Đề liền phóng năng lực thần thông, trong một lúc khiến bốn vạn người và ngựa cùng đứng dậy trở về nước. Nhà vua liền gọi Thọ Đề-già đi cùng xe đến chỗ Đức Phật, thưa: Bạch Thế tôn! Con đời trước đã tạo công đức gì mà nay được quả báo như vậy?

Đức Phật bảo: Hãy lắng nghe! Trước kia có năm trăm Đồng duyên, ở trên núi hiểm trở, đi giữa đường gặp một đạo nhân mắc bịnh, bèn cho nhà cửa, lúa gạo lương thực, đèn đuốc. Bấy giờ, người cầu xin phát nguyện nhiều, trời tự nhiên cúng dường, từ trên không trung hạ xuống, biến thành mười tám thân, phóng ánh sáng lớn, chiếu khắp trong thiên hạ. Lại phát nguyện làm Phật, phá tan núi Thiết vi, chảo nước sôi sanh ra hoa báu, địa ngục hiện Chiên đàn, ngạ quỷ thành Sa-môn, La sát ngồi tụng kinh, năm trăm thương nhân dâng cúng nhiều vật báu cho người bịnh. Do cúng dường vị Tăng bịnh, cầu xin trời ban cho, nên được phước báo ấy. Người bố thí kia là Thọ Đề, vị Tăng bịnh là Ta, năm trăm thương nhân đều chứng quả A-la-hán.

Lại trong kinh Bách Duyên dạy: Khi Đức Phật còn tại thế, có trưởng giả trong thành Xá vệ, của cải vô lượng không thể tính kể, người vợ sanh một đứa con trai  khôi ngô tuấn tú ở đời hiếm có. Ngày sanh trời mưa thật lớn, cha mẹ rất vui mừng, khắp trong đất nước đều nghe biết. Thầy xem tướng đoán là điềm lành, nên đặt tên là Dạ Xa Mật Đa, cậu bé không ham thích uống sữa, vì giữa răng tự nhiên sanh nước Tám công đức, cần dùng thì luôn tự đầy đủ mãi. Cậu bé dần dần lớn lên, gặp Phật xin xuất gia, đắc quả A-la-hán, chư thiên, người đời thấy vậy đều kính ngưỡng. Bấy giờ, chư Tỳ-kheo biết rồi, nên thỉnh Phật giảng về nhân duyên phước báo đời trước của việc đó.

Khi ấy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Trong đời Hiền kiếp có Đức Phật ra đời hiệu là Ca Diếp, ở thời pháp đó có trưởng giả tuổi đã quá cao, vào đạo xuất gia nên không thể siêng năng, lại lâm trọng bịnh. Thầy thuốc xem bịnh bảo phải uống lá tía tô, bịnh mới lành. Trưởng giả ấy liền theo lời thầy thuốc dùng lá tía tô uống, ngày đêm uống lá thuốc đó, phát sanh bịnh sốt, chạy tìm kiếm nước, nhưng bình nước đều sạch không, lại chạy đến sông suối tất cả đều khô cạn. Tìm khắp mọi nơi đều không có nước. Ông ta thầm oán trách mình, ở bên bờ sông kia cởi áo, cột vào cây, bỏ đó rồi trở lại đến khi mặt trời xuất hiện, với tâm trạng đó thưa thầy. Thầy nghe như vậy liền bảo: Nay, ngươi gặp khổ này tướng trạng như ngạ quỷ, ngươi hãy lấy bình nước của tôi, về trong Tăng để uống. Vị Sư già này liền nhận lời mang bình nước đi, nhưng nước lại khô cạn, nên rất lo sợ, cho là lúc mạng chung mình chắc chắn sẽ bị đọa vào ngạ quỷ, liền tìm đến chỗ Đức Phật trình bày đủ sự việc trên, cầu xin Ngài chỉ rõ. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Nay ở trong chúng Tăng, thầy phải làm cho nước thật trong sạch, có thế mới thoát khỏi thân ngạ quỷ. Nghe vậy rồi Tỳ-kheo rất vui mừng, thường ở trong Tăng làm cho nước

trong sạch, nên trải qua hai vạn năm mạng chung, sanh vào chỗ này, giữa răng (trong miệng) thường có nước Tám công đức trong sạch, tự nhiên đầy đủ, không thèm khát sữa, đến nay gặp Ta xuất gia, đắc đạo, Tỳ-kheo nghe vậy, hoan hỷ phụng hành.

Lại kinh A-dục-vương dạy: Khi Đức Phật còn tại thế, cùng với chúng Tỳ-kheo và A-la-hán vây quanh, đi vào thành Vương-xá khất thực, đến giữa hẻm thấy hai trẻ nhỏ, tên là Đức Thắng và Vô Thắng, cười giỡn nô đùa, đắp đất làm thành, phòng nhà kho thóc lấy đất làm lương khô. Ở trong kho thóc, hai đứa trẻ này thấy tướng ánh sáng vàng tốt đẹp của Đức Phật chiếu khắp trong thành. Đức thắng vui mừng, lượm đất trong kho gọi là lương khô, hướng đến đức Thế tôn phát nguyện: Con sẽ đến cõi trời, thiết lễ cúng dường lớn, do căn lành công đức phát nguyện này nên sau khi Đức Phật nhập Niết bàn một trăm năm được làm Chuyển Luân vương, ở thành Hoa thị của trong cõi Diêm phù đề, trị vì chánh pháp ở đời, hiệu là A-thứ-dà-vương, phân chia Xá lợi, xây dựng tám vạn bốn ngàn bảo tháp. Nhà vua có đức tin, thường thỉnh chư Tăng đến cúng dường. Lúc ấy, trong cung có một người hầu thật nghèo khổ, thấp hèn thấy vua làm phước, tự trách mình nói: Đời trước, nhà vua cúng dường Như Lai một thăng đất mà hôm nay được giàu sang, trong tương lai trở thành vị tối thắng, trước kia ta có tội nay làm kẻ nghèo hèn, lại nghèo cùng không thể tu phước, tương lai sẽ nghèo hèn, đâu có gì mong đợi? Suy nghĩ thế, nên khóc. Chúng Tăng dùng xong, người hầu quét dọn nhà vệ sinh nhặt được một đồng tiền đồng, lấy đồng tiền đó, hoan hỷ cúng dường chúng Tăng. Sau đó, chẳng bao lâu bịnh nặng qua đời, nhập vào thai phu nhân của vua A-dục, đủ mười tháng sanh được một cô gái xinh đẹp ở đời ít ai sánh bằng. Tay phải của cô gái thường nắm chặt suốt năm năm. Phu nhân thưa vua: Sao tay con gái của mình thường nắm lại. Nhà vua gọi đến bồng lên chân, xoa tay con, tay liền mở ra. Trong tay có đồng tiền vàng, lấy mãi không hết, chỉ trong một chốc đồng tiền vàng lại đầy, nhà vua lấy làm kỳ lạ, nên đến Thượng tọa Dạ Xà La Hán hỏi, người con gái đời trước đã làm phước đức gì mà nay trong tay thường có đồng tiền vàng, lấy mãi vẫn còn?

Thượng tọa trả lời: Người này, đời trước ở trong cung vua, quét dọn nhà vệ sinh, được đồng tiền đồng dâng cúng chúng Tăng, do căn lành này nên sanh làm con gái của ngài. Do xưa kia cúng dường chúng Tăng đồng tiền, nhờ căn lành đó mà trong tay thường có đồng tiền vàng, lấy mãi không hết. Kinh Tạp bảo tạng dạy: Xưa có nhiều chúng Tăng an trú trong núi Kỳ-xà-quật, nhân dân các nơi nghe tin nên thường dâng vật

cúng dường. Có một cô gái xin ăn nghèo khổ, thấy các trưởng giả đến núi dâng vật cúng dường, suy nghĩ: Đây chắc chắn là chúng Tăng, ta sẽ đến núi cầu xin. Thấy các trưởng giả dâng nhiều thức ăn cúng dường chúng Tăng, liền nghĩ: Những người đó đời trước đã tu phước đức, nên hôm nay được giàu sang, đời vị lai sẽ thành vị tối thắng. Đời trước ta không tu, nên đời nay bị nghèo khổ, nếu đời này không tu tập thì đời vị lai càng khốn khổ hơn. Suy nghĩ như thế rồi than khóc, trước đã nhặt được hai đồng tiền trong nhà vệ sinh mà thường tiếc lẫn, cất giữ, để sau đi xin không được thì lấy tiền đó mua thức ăn, hôm nay ta nên lấy một phần để cúng dường chúng Tăng. Vài ngày sau không được thức ăn, bèn nghĩ đợi chúng Tăng dùng xong sẽ bố thí. Vị Tăng Duy na trước sắp chú nguyện thì vị Thượng tọa không nghe nên tự chú nguyện, lại lưu lại thức ăn để bố thí. Mọi người thấy Thượng tọa xin thức ăn nên ai cũng cho, người nữ vui mừng nói: Tôi được phước báo sẽ ra ngoài ăn, rồi đến dưới cây ăn xong, nằm nghỉ, cảm ứng của phước bố thí nên được đám mây màu vàng che chở. Đúng lúc ấy, phu nhân lớn nhất của vua nước đó đã mất được bảy ngày, nhà vua cho người dò xét ai có phước để làm phu nhân, liền cho thầy xem tướng đến dưới cây đó. Thấy người nữ này, thầy xem tướng bảo: Người nữ này thật nhiều phước đức đáng làm phu nhân, liền dùng hương thơm tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục phu nhân cho người nữ và mọi thứ tương xứng (của phu nhân), ngàn xe, vạn ngựa đưa đến chỗ vua, nhà vua nhìn thấy rất đổi vui mừng, lấy làm kính trọng. Về sau người nữ nghĩ: Sở dĩ hôm nay ta được phước này là do cúng dường chúng Tăng hai đồng tiền mà được như vậy, nên biết ta mang ân đức lớn của chúng Tăng, liền tâu vua: Trước đây, thiếp rất thấp hèn, được trẫm cứu giúp làm quý phi, nguyện xin cho phép thiếp đến chúng Tăng báo ân. Nhà vua nghe vậy, liền đồng ý. Phu nhân chở cả xe thức ăn và trân báu đến chùa cúng dường. Thượng tọa liền bảo Duy na chú nguyện, mà không tự chú nguyện. Phu nhân nghĩ: Trước cúng dường hai đồng tiền được Thượng tọa chú nguyện, nay chở cả xe trân báu mà không được Thượng tọa chú nguyện. Các vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi cũng ngờ việc này. Bấy giờ, Thượng tọa nói với phu nhân: Tâm niệm cô ngờ nghi ta (tại sao) khi cúng dường hai đồng tiền thì ta chú nguyện, nay chở đến cả xe trân báu mà ta không chú nguyện? Trong pháp Phật của ta chỉ quý ở tấm lòng lành chứ không trọng ở vật quý báu. Trước kia, khi phu nhân cúng dường hai đồng tiền với tâm thiện rất thù thắng, còn hôm nay cúng dường trân báu cho ta, ta tự cao vì thế không chú nguyện. Các Tỳ-kheo trẻ cũng chớ nghi ngờ ta, các vị này nghe vậy xấu hổ nên đều

chứng quả Tu-đà-hoàn, phu nhân nghe pháp tàm quý cũng chứng quả Tu-đà-hoàn.

Kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Thuở xưa, trong nước Câu lưu sa có vua Ác sanh đến vườn giảng đường, thấy có con mèo vàng từ góc phía Đông bắc đi vào, rồi ra phía Tây nam. Lúc nhà vua thấy rồi liền bảo người đào thì được một bồn đồng và ba đấu chứa đầy đồng tiền vàng. Đào sâu dần lại có được một bồn, tuần tự như vậy được ba bồn, cứ mỗi lần thì được ba đấu đầy toàn tiền vàng. Lại đào sang phía bên cạnh khoảng năm dặm cứ trong mỗi bước đều được tiền đồng và đầy cả tiền vàng. Nhà vua tuy được tiền vàng nhưng rất lo sợ, không dám dùng, vì sự quái lạ đó, nhà vua liền đến chỗ Tôn giả Ca Chiên Đàn trình bày nhân duyên đó.

Tôn giả đáp vua: Do nhân đời trước của vua, nên được phước báo, chỉ tiêu dùng mà không khổ.

Nhà vua liền thỉnh hỏi nhân duyên kiếp trước.

Tôn giả đáp: Ở đời quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp, sau khi Đức Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết bàn, Phật pháp còn sót lại, có Tỳ-kheo ở đầu ngã tư đường bày tòa, đặt cái bát lên, rồi ở đó giáo hóa, dạy: Người nào mang tài vật đặt vào bát kiên cố này, khi đã vào bát này rồi thì dù các giặc nước, lửa lớn cũng không thể cướp được. Bấy giờ, có người nghèo cùng, trước do bán củi được ba đồng tiền, thấy vị Tăng giảng dạy như vậy nên vui vẻ cúng dường, liền cầm ba đồng tiền đó đặt vào bình bát, phát nguyện rồi đi. Đi về nhà cách khoảng năm dặm, mỗi bước đi đều vui vẻ, đến cửa nhà sắp vào nhà, lại từ xa hướng đến Tăng chí tâm lễ bái, phát nguyện rồi vào nhà. Người nghèo cùng lúc đó, nay chính là nhà vua, do xưa kia vui vẻ cúng dường Tăng ba đồng tiền mà đời đời được tôn quí như vậy, ba bồn bằng đồng đầy đồng tiền vàng, do mỗi bước đi trong năm dặm đều hoan hỷ nên ở trong khoảng năm dặm đào đều có tiền vàng, vì nhân duyên này, nên khi bố thí cần phải chí tâm vui vẻ để dâng cúng, chớ có hối tiếc. Kệ:

*Giấu đá chấp chẳng chơn*
*Ngoài bình tin là giả*
*Cửa cao được ân huệ*
*Dưới hiên lụa thổi vang*
*Gió tế kết lo sợ*
*Quan văn nơi vắng vẻ*
*Chơn tướng đâu tỏ rõ*
*Giàu sang chưa xả bỏ*

*Tiếng tốt lừa dối người*
*Cùng nhau mà rong ruỗi*
*Rời bỏ theo tiếng hay*
*Thiên nhiên loạn được hòa*
*Phú quý không tranh tiếng*
*Ân sủng, mạ nhục dối*
*Gió liền thổi tắt đèn*
*Bọt huyễn sao giữ trọn.*

-----------------------------------

## PHẦN THỨ 11: BẦN TIỆN

- Duyên thuật ý.
- Duyên dẫn chứng.
- Duyên tu đạt.
- Duyên bần nhi.
- Duyên bần nữ.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Bần tiện hay phú quý đều do nghiệp quá khứ, được mất có không đều do việc làm ngày xưa. Kinh dạy: Muốn biết nhân quá khứ thì nhìn quả hiện tại, muốn biết quả vị lai thì nhìn nhân hiện tại. Cho nên, nhà Nguyên hiến, nhà Kiềm Lâu là dân đen, dây dài, bồn cửa không ngăn được gió bụi, tất cả cửa nẻo đều không che được sương khói, hoặc lấy lúa dé, cỏ ngãi làm thức ăn, hoặc cắt lá sen để làm y áo, cuốn tròn xuyên qua hai tay, lấy dây gai khâu thành hai vạt áo, khoét lỗ ngang bụng; đời sống dựa vào thôn xóm, ngủ tạm nơi miếu thờ, đội mũ cả mười năm, thân mặc áo trăm miếng, quê hương không có ruộng nhà, Lạc dương lại thiếu người chủ, tùy thời mà phóng túng cho qua, lang thang qua ngày. Tuy giác linh có chút xấu hổ nhưng bị tàng lọng xấu xa che lấp, đến Bá-di cũng thấy hổ thẹn liền chịu khổ phương Đông, áo lông thiếu thốn, đâu thấy mùa Xuân tươi sáng, chốc lát cũng không. Vì sao trọn đời như vậy? Như thế là do ngày trước không bố thí thường tham lam cất giữ nên bị quả báo, chỉ một lát đã trắng tay, nên hành giả cần bố thí.

***Thứ 2: Duyên dẫn chứng***

Như kinh Đăng chỉ dạy: Nên biết bần cùng sánh với địa ngục, mất đi chỗ nương tựa, thường thay đổi không nơi chốn, sầu khổ đốt cháy, lo lắng tiều tụy, nhan sắc nhợt nhạt, đi đứng trở ngại, thân thể ốm gầy, đói khát tiêu mòn, mắt mờ, các đốt xương hiện rõ, phủ bởi lớp da mỏng, gân mạch nổi lên, đầu tóc rối bời, tay chân lèo khèo, nhan sắc bạc nhợt, da dẻ nức nẻ, lại không có y áo, đến nơi phân dơ, bỏ tốt lấy xấu, thường chấp lấy tướng, vừa che được thân thì bày ra bốn chi, nằm trên đống phân dơ, lại không có mềm cỏ, bà con thân quen nhìn chẳng biết, tháng ngày xin ăn như chim đói, liền tìm đến bạn thân, muốn xin thức ăn nhưng đến nơi thì người giữ cửa không cho vào, tìm mọi cách để vào nên bị nhục mạ. Chủ nhà đi ra muốn cầm roi đánh, liền cúi đầu khom lưng lễ bái tạ tội. Chủ nhà xem thường cũng không ngoái nhìn lại. Giả sử được vào nhà cũng bị khinh rẽ nghèo nàn không cho mở miệng, lại không có chỗ ngồi, cho ít thức ăn, cầm ném trong cái bị xin, ăn chẳng no đủ. Giả sử gặp hội lớn xin thức ăn dư, vì bị khinh thường nên không cho chỗ ngồi, lại bị đuổi đi. Người bần khổ như rừng cây không có hoa, ong bướm bỏ đi, như sương trên cỏ lá tự tiêu, hang sâu khô nước, chim nhạn không đến, rừng cây khô cháy, hươu nai không tìm về, do diệt hết mầm non không người cung cấp. Ngày nay nghèo khổ, nói đến giàu có chỉ là hư dối ai dám tin được, do ta nghèo cùng không có nơi hướng đến, ví như đồng hoang vắng bị lửa đốt cháy, người không được vui. Như cây khô không có bóng râm không người dừng nghỉ, như mầm non bị sương làm hư hoại không thu hoạch được. Như rắn độc hại người đều nên xa lìa. Như các thức ăn độc hại người không thể nếm thử. Như giữa gò mã trống vắng không có người tìm đến. Như nhà vệ sinh chứa nhiều mùi hôi. Như người tài giỏi mà bị người cho là thấp kém. Tuy nói lời đúng mà người cho là sai trái. Nếu làm việc lành mà người cho là xấu xa. Nếu làm nhanh nhẹn lại chê trách là vội vàng. Nếu thong thả lại cho là chậm chạp. Giả sử khen người, người lại cho là nịnh hót mà khen. Nếu không khen thì lại cho là phỉ báng nói rằng, ngưười nghèo khổ này thường nói không đúng. Nếu dạy cho người lại cho là nói hư dối. Nếu giảng thuyết rộng thì người cho là lắm lời. Nếu im lặng không nói thì lại cho là ích kỷ. Nếu nói thẳng thắng thì lại cho là hung ác. Nếu muốn vừa lòng người thì lại cho là dua nịnh. Nếu quá thân cận thì cho là hư huyễn. Nếu không thân cận thì cho là kiêu ngạo. Nếu thuận theo lời nói của người thì lại cho là dối trá để lấy lòng người. Nếu không thuận theo thì lại cho là cố chấp. Nếu chìu theo ý người thì bị chê là mềm yếu. Nếu không theo ý người thì lại cho rằng, người bần cùng này còn ỷ lại. Nếu

có một chút phóng khoáng thì lại cho người ngu si này không thúc liễm. Nếu thu nhiếp lại thì cho không liêm chính mà dối gạt là đúng đắn. Nếu vui nhộn thì người lại cho là lừa dối, tướng như cuồng loạn. Nếu quá ưu sầu thì lại cho là ngậm độc, nên tâm không vui vẻ. Nếu nghe hết những lời nói của người để giải thích cho người khác thì lại cho với lối sống lấy ngu đổi trí mà nhẫn chịu nhiều xấu hổ. Nếu im lặng thì lại cho là cứng đầu không hiểu lý đạo. Nếu bàn luận sai lầm một tí lại cho là không tin tội phước. Nếu có mong cầu thì cho là vọng cầu bằng được không biết liêm sĩ. Nếu không có mong cầu lại cho là hiện tại không cầu mà muốn được nhiều về sau. Nếu dẫn trong kinh sách lại cho là dối làm thông minh. Nếu nói mộc mạc lại cho là mông muội ngu độn. Nếu cùng bàn luận việc đúng đắn lại cho là nói gượng ép. Nếu riêng nói ở chỗ khuất lại cho là dèm pha nịnh hót. Nếu mặc y phục mới lại cho là mượn để trang sức. Nếu mặc y phục cũ lại cho là thô sơ mục nát. Nếu ăn nhiều cho rằng đói khát như quỷ thèm ăn. Nếu ăn ít lại cho là trong bụng đói thật mà dối là no đủ. Nếu nói kinh luận lại cho là muốn khoe sự hiểu biết của mình, chỉ là cái bóng ngu muội của ngã. Nếu không nói kinh luận lại cho là ngu si không biết như người chăn bò. Nếu một ngày chứng được Đạo tích lại cho là khoe khoan danh tiếng của mình. Nếu im lặng lại cho là tài của ít ỏi. Những người nghèo khổ này qua lại tới lui cho là cúi đầu cầu xin diệt hết lỗi lầm. Người giàu sang làm các việc phi pháp đều không có tội lỗi, bỏ của ra bố thí cho người nên được thành tựu. Người nghèo khổ như vác xác quỷ, tất cả đều lo sợ như gặp bịnh sắp chết, khó có thể chữa trị, như chỗ nguy hiểm hoang vắng hoàn toàn không có nước cỏ. Như bị rơi vào trong biển lớn chìm đắm vào dòng nước mạnh. Như người cổ họng bị nghẹt hơi thở không thoát ra. Như mắt bị màng che không biết nơi đến. Như nhiều thứ dơ bẩn khó rửa sạch. Như thù oán trong nhà, tuy cùng ăn mặc nhưng không bỏ tâm xấu ác. Như mùa hạ giếng khô, người vào trong liền bị ngạt thở. Như người vào bùn lầy không thể ra được. Như nước trên núi đổ xoáy mạnh làm cây cối trôi nổi, gãy hết cành lá. Người nghèo cũng như vậy, gặp nhiều gian nan. Người giàu sang có nhiều công đức tốt, tướng mạo từ hòa, tâm cứu giúp rộng, lễ nghĩa càng nhiều, thường sanh trí dõng mãnh, sự nghiệp phát triển, bà con hòa thuận, tiếng lành vang xa. Do thấy những người này, nên tất cả người giàu sang phú quý ở đời không cất giữ mọi thứ thì được sự tôn quý của hàng trời người, không nên hưởng nhiều khoái lạc, phải biết bần cùng là tích tụ của nhiều khổ, muốn đoạn bần cùng không nên tham lam tiếc lẫn. Vì thế, trong kinh dạy: Người bần

cùng rất nhiều nổi khổ.

***Thứ 3: Duyên Tu-đạt***

Như kinh Tạp bảo tạng dạy: Xưa Đức Phật còn tại thế, có trưởng giả Tu Đạt, cuối đời nghèo khổ sạch hết của cải, ra sức làm thuê cho người, được bốn thăng lúa, nấu cơm ăn. Lúc ấy, tôn giả A Na Luật đến khất thực, người vợ lấy bát đựng đầy cơm để cúng dường. Sau đó, những vị: Tu-bồ-đề, Mục Kiền Liên, Ca Diếp và Xá Lợi Phất tuần tự đến khất thực đều dâng cúng đầy bát, sau cùng là Đức Phật đến cũng cúng dường đầy bát. Trưởng giả về nhà, cùng vợ cúng dường thức ăn.

Cô ta nói: Nếu tôn giả A Na Luật đến, chàng có ăn một mình không, hay cúng dường tôn giả?

Trưởng giả Tu-đạt đáp: Dù mình có nhịn cũng phải cúng dường.

Người vợ nói: Nếu có những vị như Đức Phật: Ca Diếp, Đại Mục Liền, Tu Bồ Đề, Xá Lợi Phất đến thì người phải làm thế nào?

Trưởng giả đáp: Dù mình có nhịn ăn tất cả cũng phải cúng dường quý vị.

Người vợ nói: Ngày mai các bậc Thánh đến khất thực, tất cả thức ăn hiện có đều dâng cúng.

Trưởng giả vui mừng bảo vợ: Chúng ta hết tội lỗi sanh phước đức, liền mở kho lấy lúa, tơ lụa, đầy đủ tất cả thức ăn uống, lấy hết lại đầy. Phước báo đó nói cũng không cùng tận.

Lại trong kinh Tạp Thí Dụ dạy: Xưa trưởng giả Tu-đạt, bảy đời nghèo khổ, đời sau cùng quá nghèo khổ, một đồng cũng không có. Về sau, trong phân mục nát có cây Chiên đàn mọc lên, đem ra chợ đổi được bốn thăng lúa, bảo người vợ nấu hết một thăng, còn ta đi hái rau lá rễ cây, trở về cùng ăn. Đức Phật biết tâm niệm Tu-đạt, nên độ cho khiến phước càng sanh trưởng, nấu cơm vừa chín, thì Đức Phật, Xá Lợi Phất, Mục Liên và Ca Diếp đến, rồi nấu hết cả bốn thăng lúa.Về sau, giàu có lại thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường tất cả, Đức Phật thuyết pháp cho họ được đắc đạo.

Kinh Bồ tát bổn hạnh dạy: Lúc đầu trưởng giả Tu Đạt nhà nghèo quẫn túng thiếu, nhờ Đức Phật thuyết pháp nên thân tâm thanh tịnh, đắc quả A-na-hàm. Chỉ có năm đồng tiền vàng, nhưng cứ một ngày dâng cúng Đức Phật một đồng tiền, một đồng cúng Pháp, một đồng cúng dường chúng Tăng, một đồng để ăn còn một đồng làm vốn. Hàng ngày như vậy, luôn có một đồng tiền không bao giờ hết. Muốn thọ năm giới tâm dục đoạn trừ, vợ và con gái tùy thuận sự ưa thích của cha. Có người

vợ rang gạo làm bánh, do quên nên đốt nhiều lửa thiêu cháy người và súc vật. Vua Ba-tư-nạc bảo các quan thần chế pháp luật: Từ nay về sau ban đêm không được đốt đèn, đuốc, nếu ai phạm thì phạt ngàn lạng vàng. Lúc ấy, Tu Đạt đã đắc đạo, trong nhà đêm ngày ngồi thiền nhập định, nửa đêm gà gáy đốt đèn ngồi thiền. Có người dò xét bắt được, liền trình vua, nên bị hình phạt thay xe chở hàng.

Tu Đạt thưa vua: Hôm nay, tôi nghèo khổ, không có một trăm tiền để mua, phải lấy gì để mua. Vua giận dữ, sai người nhốt vào trong ngục giao Tu Đạt cho người cai ngục trông giữ. Tứ Thiên vương biết vậy, đầu đêm Tứ thiên vương hạ xuống, bảo Tu Đạt: Ta cho ngươi tiền, mua xe thay hình phạt thì sẽ được ra khỏi. Tu Đạt thuyết kinh cho Tứ thiên vương, xong rồi bỏ đi. Nửa đêm có Thiên đế lại đến, nghe Tu Đạt thuyết pháp, xong lại bỏ đi. Đến cuối đêm, Phạn thiên lại xuống nghe thuyết pháp, xong cũng bỏ đi. Bấy giờ, ban đêm vua ngự trên lầu cao nhìn xuống, thấy trong ngục có ánh sáng tỏa ra. Sáng mai, vua liền bảo người đến hỏi Tu Đạt: Đã ngồi trong ngục nóng bức mà không biết xấu hổ lại còn đốt lửa.

Tu Đạt thưa: Tôi không đốt lửa, nếu đốt lửa thì phải có tro khói.

Lại nói: Đầu đêm có bốn ngọn lửa, giữa đêm có một ngọn lửa lớn gấp bội, cuối đêm lại có ngọn lửa lớn gấp bội trước. Nếu nói không đốt lửa thì những gì?

Tu Đạt trả lời: Đó chẳng phải là lửa, đầu đêm Tứ thiên vương đến gặp ta, giữa đêm Thiên đế đến gặp ta và cuối đêm Phạn thiên lại đến gặp ta, ấy là ánh sáng của các vị thiên thần chiếu soi, chẳng phải là lửa. Người hầu nghe rồi, về tâu vua, nghe vậy vua hoảng sợ, lông tóc dựng ngược. Vua nói: Phước đức của người này thù thắng mới như vậy. Hôm nay, sao ta lại hủy nhục họ, bèn ra lệnh người: Hãy phóng thả cho đi ngay chớ có chừng chờ, Tu Đạt ra khỏi liền đến chỗ Đức Phật, lễ bái nghe pháp. Vua Ba-tư-nạc chuẩn bị xe ngựa, đến chỗ Phật. Mọi người thấy vua đều tránh xa, chỉ có Tu Đạt tâm còn trong pháp vị, thấy vua không đứng dậy, nên vua càng giận dữ hơn, cho rằng, người này là dân của ta, mà khinh mạn, thấy lại không đứng dậy, giận mãi trong lòng. Đức Phật biết tâm vua, nên ngừng lại không thuyết pháp.

Vua thưa Phật: Nguyện xin thuyết giảng kinh pháp.

Đức Phật bảo vua: Hôm nay chẳng phải thời. Vì sao lại sanh sân giận người này, cứ để trong lòng không cởi mở, tham đắm sắc đẹp phái nữ, tự cao, tự đại không cung kính? Tâm của bệ hạ cấu uế, nghe pháp vi diệu mà không thông hiểu. Vì thế, hôm nay chẳng đúng thời thuyết

pháp cho ngài. Vua nghe Đức Phật dạy, tự mình suy nghĩ: Ngồi với người này, khiến cho ta nay giảm bớt hai việc, lại sanh sân giận nên không được nghe pháp, lễ Phật lui ra. Vua đi ra ngoài, lệnh cho thị vệ: Nếu thấy người đó (Tu Đạt) đi ra thì chặt lấy đầu. Nói xong, bốn bên có ngay sư tử, hổ lang, cầm thú độc hại đều đến vây quanh vua. Nhà vua thấy hoảng sợ bèn đến chỗ Phật.

Đức Phật hỏi: Sao đại vương trở lại?

Vua thưa Phật: Trẫm thấy sợ nên trở lui.

Đức Phật bảo vua: Có thấy người đó không?

Vua đáp: Thưa không thấy.

Đức Phật dạy: Người này đã chứng quả A-na-hàm. Do vua khởi ý xấu với người ấy, nên bị như vậy. Nếu không trở lại thì nhà vua chắc chắn sẽ bị nguy hiểm, không ai cứu giúp. Vua nghe Đức Phật dạy, hoảng sợ hơn, hướng về Tu Đạt lễ bái sám hối, da cừu trải khắp, vua đứng trước Tu Đạt nói: Đây là dân của ta, luôn chịu nhẫn nhục, thật là khó.

Tu Đạt lại nói: Tôi nghèo cùng, thực hành bố thí cũng thật là khó làm. Thi-la-sư-chất làm nước bình an, bị giặc bắt đi, khi mạng chung không phạm giới nói dối, giặc liền thả ông, thật là việc khó làm. Lại có vị trời Thi-ca-lê nằm trên lầu cao có một vị thiên nữ đến, do giữ gìn cấm giới mà không thọ nhận cô ta, đây cũng là việc khó. Đức Phật ở trước bốn người này, nói kệ:

*Bần cùng bố thí khó.*
*Giàu sang nhẫn nhịn khó.*
*Gặp nạn giữ giới khó.*
*Trai trẻ bỏ dục khó.*

Đức Phật nói kệ xong, vua và quần thần đều rất vui mừng, làm lễ lui ra.

***Thứ 4: Duyên bần nhi***

Như kinh Biện Ý Trưởng Giả Tử dạy: Khi Biện Ý, con trưởng giả làm lễ, chấp tay thưa Phật: Nguyện xin Thế tôn và chúng Tăng sáng mai đến những nhà nghèo chúng con thọ thực. Đức Phật im lặng nhận lời. Những người con trưởng giả lễ Phật ra về, đến nhà chuẩn bị đầy đủ. Ngày mai Thế tôn và chúng Tăng đến chỗ thì ngồi với uy mạo tôn nghiêm. Biện Ý thưa ba mẹ và bà con đảnh lễ Đức Phật, mỗi người cùng đứng hầu. Biện Ý rót nước, Kính-ý thì dâng thức ăn. Khi ăn chưa xong, có một đứa trẻ đến ngồi trước xin ăn. Đức Phật chưa chú nguyện nên

không dám cho, đứa bé không được gì giận dữ bỏ đi, sanh suy nghĩ xấu: Các Sa-môn này buông lung, mê muội, chẳng phải là đạo, người nghèo đi xin, vô tâm thấy mà không cho, trưởng giả bị mê hoặc, dùng thức ăn ngon cho họ mà không có tâm thương xót. Nếu ta làm vua sẽ dùng bánh xe sắt nghiền nát đầu, nói rồi bỏ đi. Đức Phật thọ thực xong, lại có đứa trẻ vào xin ăn, mọi người trong chúng đều cho, được nhiều thức ăn vui mừng bỏ đi, liền nghĩ: Các Sa-môn này đều có lòng từ, lân mẫn người đói khát mà cho ta thức ăn no đủ, được cứu giúp nhiều ngày. Lành thay! Trưởng giả vừa cúng dường các bậc Đại sĩ, phước này vô lượng. Nếu ta làm vua thì nên cúng dường Đức Phật và chúng Tăng suốt bảy ngày. Do không có phước báo nên ngày nay bị đói khát, nói rồi bỏ đi. Đức Phật thọ trai xong, thuyết pháp rồi trở về tinh xá. Ngài bảo A Nan: Từ nay về sau, thọ thực xong nên đưa dần thức ăn xuống, thường phải làm như vậy. Khi ấy, có hai trẻ nhỏ đi xin lần lược đến xin trong nước khác, nằm trên bãi cỏ bên vệ đường. Bấy giờ vua nước đó, bỗng nhiên băng hà, sau không có người kế vị. Lúc đó, thầy tướng của nước biết rõ tướng pháp, theo Sấm thư ký ghi: Sẽ có một người nghèo khổ xứng đáng làm vua. Trăm quan thần, ngàn xe, vạn kỵ sĩ đi đến biên giới của đất nước, nghĩ ai sẽ làm vua đây! Khi nhìn lại trong đám cỏ rậm bên vệ đường, phía trên có đám mây che. Thầy xem tướng đoán: Trong đó có thần nhân, tức là thấy đứa trẻ ăn xin tướng xứng đáng làm vua. Các quan lễ bái, chuyện trò đều bảo là thần. Đứa bé xin ăn hốt hoảng, tự nhủ ta là kẻ thấp hèn chẳng phải dòng họ vua, tất cả đều nói: Có tướng làm vua mà chưa đủ oai lực, liền dùng hương hoa tắm rửa, mặc y phục của vua, có tướng sáng sủa trang nghiêm, nhiều tiếng khen tốt lành, xe trước sau dẫn đường về nước. Khi đó, trẻ xin ăn có tâm niệm xấu đang ngủ quên trong bãi cỏ, bị xe cán mất đầu. Vua về đến nước, âm dương hòa hợp, bốn màu thịnh vượng, cung cấp đầy đủ lương thực, nhân dân an vui khen ngợi đức của vua.

Bấy giờ, vua nghĩ: Xưa ta là người bần cùng, do duyên gì mà được làm vua của một nước. Ngày xưa xin ăn nhờ ân của Phật nên được bửa cơm no, sanh lòng tốt nghĩ: Nếu làm vua thì sẽ cúng dường suốt bảy ngày. Nhờ ân đức của Phật nên ngày nay được phước báo này, liền triệu tập quan thần, đi đến nước Xá vệ đốt hương làm lễ, bảo người hầu đến cung thỉnh Đức Phật thưa: Nhờ ân đức của Thế tôn mà con được làm vua, nguyện xin nhận lời đến giáo hóa nước của con để người mê mờ được sự dạy dỗ. Khi ấy, Đức Phật bảo các đệ tử nên nhận lời thỉnh của vua. Đức Phật cùng vô số đệ tử đến nước đó, vua ra nghinh đón, lễ bái

Đức Phật vào cung thọ trai, thọ trai xong lại thỉnh Ngài thuyết giảng về nhân duyên. Thế tôn giảng thuyết đầy đủ rõ ràng như nhân duyên trước, do khởi tâm lành nên ngày nay làm vua. Lúc đó, có trẻ khởi ý xấu, chẳng chánh trực, bị xe nghiền nát đầu, chết rồi, sau đó đọa vào địa ngục, bị xe lửa thiêu cháy qua ức kiếp mới ra khỏi. Hôm nay, vua thỉnh Phật cúng dường thì phước báo thật sâu dày, đời đời hưởng thọ phước đức không bao giờ hết. Bấy giờ, Thế tôn nói kệ:

*Tâm người là gốc độc*
*Miệng chính là cửa họa*
*Tâm nghĩ miệng phát ra*
*Thân nhận tai ương đó.*
*Người không nghĩ thiện ác*
*Thân làm chịu hoạn nạn*
*Ý muốn hại người khác*
*Ngủ quên xe nghiền đầu.*
*Lấy pháp làm cam lồ*
*Khiến người sanh cõi trời*
*Tâm nghĩ miệng phát ra*
*Thân nhận phước đức đó.*
*Người có nghĩ thiện ác*
*Vốn tự làm thân an*
*Nhớ nghĩ tất cả thiện*
*Như vua được thành trời.*

Vua nước đó lúc nghe được Phật thuyết kinh rất vui mừng, quan thần và nhân dân đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

Kinh Hiền Ngu dạy: Đức Phật ở trong thành Vương xá cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử. Trong nước có năm trăm trẻ nhỏ xin ăn, thường theo Như Lai và chúng Tăng cầu xin để sinh sống, trong lòng nhàm chán, cầu xin xuất gia, nên cùng bạch Phật: Như Lai xuất hiện ở đời thật khó gặp được, chúng con là kẻ thấp kém mong được Ngài cứu giúp thân mạng, chúng con muốn xuất gia, không biết Ngài có cho phép không? Đức Phật bảo những trẻ ăn xin: Pháp của Ta thanh tịnh không có sang giàu, thấp kém. Ví như nước sạch tẩy rửa các thứ bất tịnh, hoặc giàu hoặc nghèo, nước có thể tẩy sạch tất cả, không gì mà không được sạch. Như lửa lớn đến đâu thì bị thiêu đốt. Như hư không, giàu nghèo sang hèn đều có trong đó, chỉ do phóng túng theo tâm ý. Những trẻ xin nghe vậy đều vui mừng, lòng tin càng lớn, quay về thành tâm xuất gia, được Đức Phật thọ ký "Thiện lai"! Đầy đủ hình

tướng Sa-môn, tóc tự rơi rụng, pháp y tự khoát vào thân, được Đức Phật thuyết pháp đắc quả A-la-hán. Ở trong nước đó có các trưởng giả giàu sang nghe những trẻ xin ăn được độ đều sanh tâm kiêu mạn, vì sao Như Lai lại cho phép những trẻ thấp kém ở trong chúng Tăng, chúng ta làm phước nên thỉnh Phật, chúng Tăng thọ thực mà cho những trẻ thấp kém ngồi trên giường của ta, cầm các thứ ăn uống. Bấy giờ, thái tử Kỳ Đà bảo người thỉnh Phật và chúng Tăng thưa: Nguyện xin Thế tôn và chúng Tăng ngày mai đến nhà con thọ thực, con không thỉnh những trẻ ăn xin, cẩn thận chớ đến. Ngày mai, đến giờ thọ trai, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo xin ăn: Ta nhận thọ thỉnh người khác, các thầy ngoại lệ, nay đến nhà đàn việt tự lấy gạo nấu chín rồi về nhà tùy đó mà ăn cơm. Các Tỳ-kheo vâng lời, dùng thần túc đến thế giới bên kia, mỗi vị tự lấy bát đựng đầy rồi trở về, giữ gìn oai nghi, nương theo hư không đi, như chim nhạn bay đến an tọa ở nhà Kỳ Đà, tuần tự ăn. Thái tử thấy chúng Tỳ-kheo đi đứng trong oai nghi, thần túc phước đức, tâm cung kính vui mừng, tán thán là việc hiếm có, liền thưa Phật: Con không biết được, những vị Hiền Thánh này từ đâu mà đến. Đức Phật bảo Kỳ Đà: Muốn biết chăng! Đó là những vị hôm qua ngươi không thỉnh. Đức Phật hướng về Kỳ Đà thuyết giảng nhân duyên đó. Lúc đó, thái tử nghe giảng rồi thật xấu hổ: Ta mê mờ nên che mất không phân biệt sáng tối, không thấu rõ những người này đã làm những việc thiện gì mà nay gặp Thế tôn được thấm nhuần, lại tạo lỗi lầm gì mà đi xin để sinh sống. Đức Phật bảo thái tử Kỳ Đà: Đời quá khứ rất lâu, ở nước lớn Ba-la-nại, có ngọn núi gọi là Lợi sư. Ngày xưa, chư Phật phần nhiều an trú trong đo, hoặc lúc không có Phật cũng có hai ngàn vị Bích-chi-phật thường đi đến đó. Có trưởng giả Tán-đà-ninh, gặp trời hạn mất mùa, nhà đó thật giàu có, liền bảo người giữ kho xem trong kho của ta nay còn lúa gạo được bao nhiêu, ta muốn thỉnh Đại sĩ, không biết có đủ không? Người giữ kho thưa: Còn rất nhiều đủ để cúng dường. Liền thỉnh hai ngàn vị Bích-chi cúng dâng thức ăn, bảo năm trăm người hầu chuẩn bị thức ăn. Bấy giờ, những người hầu tâm chán nản nghĩ: Chúng ta sở dĩ khổ sở là đều do những đứa trẻ xin ăn này. Khi ấy, trưởng giả thường sai người biết thời đến thưa thỉnh. Người đó nuôi một con chó con, mỗi ngày thường dẫn nó đi, đúng ngày đó người hầu quên đi thỉnh, chó con lại đi một mình đến chỗ thường thỉnh, hướng về các Đại sĩ sủa lớn, những vị Bích-chi nghe tiếng sủa của chó biết giờ thọ trai, liền đến an tọa như pháp thọ thực, nhân đây bảo trưởng giả: Hôm nay, trời sẽ mưa, có thể gieo giống. Trưởng giả nghe theo lời nói đó, gieo các giống, đều biến thành bầu,

trưởng giả thấy lạ, theo thời tiết tưới nước, sau thời gian chín thu hoạch liền mổ ra xem, tùy mong cầu mà có các vật, đều trở thành tốt đẹp, lúa tẻ đầy trong đó. Trưởng giả vui mừng, trong nhà đầy đủ, lại phân chia cho bà con, cả nước đều nhờ ân đó. Khi ấy, năm trăm người giúp làm thức ăn nghĩ: Trưởng giả thật được phước báo, đây là nhờ ân của Đại sĩ, chúng ta sao lại nói xấu họ! Cho nên, phải đến các vị Đại sĩ cầu xin sám hối, phát nguyện: Nguyện cho chúng con ở đời vị lai sẽ gặp ân của Hiền Thánh để giải thoát. Do đây, trong năm trăm đời thường làm trẻ đi xin. Nhờ sám hối và phát nguyện nên ngày nay gặp Ta cứu độ. Thái tử nên biết, trưởng giả Tán-đà-ninh giàu có lúc đó là Ta, người giữ kho ấy là Tu Đạt, người mỗi ngày đến thưa thỉnh nay là vua Ưu-chơn, năm trăm người làm thức ăn nay chính là A-la-hán. Bấy giờ, Kỳ Đà và chúng Tăng thấy thần biến ấy đều đắc bốn quả.

***Thứ 5: Duyên tùy hỷ***

Kinh Hiền ngu dạy: Khi xưa, Đức Phật còn tại thế, tôn giả Ca Chiên Diên ở nước A bát đề. Trong nước đó có một trưởng giả của cải giàu sang, có người hầu nhỏ bị phạm tội, trưởng giả dùng roi gậy ngày đêm đánh đập rồi đuổi đi, áo không che kín thân, cơm không đầy miệng. Đến lúc già, người nghèo khổ suy nghĩ: Chết cũng không được, liền cầm bình đến sông lấy nước, lại khóc la lên.

Khi ấy tôn giả, nghe tiếng khóc đi đến chỗ ấy, hỏi và biết được nguyên nhân, nên bảo: Ngươi nghèo khổ sao không bán nó đi?

Người già thưa: Ai mà mua cái bần khổ!

Tôn giả Ca-chiên-diên bảo: Thật ra bần khổ có thể bán.

Người già thưa: Bần khổ có thể bán được chăng? Làm sao bán được?

Tôn giả Ca-chiên-diên bảo: Nếu người bán thì theo lời dạy của ta nên tẩy rửa, rồi đem bố thí.

Người già thưa tôn giả: Hôm nay, con nghèo khổ thân trên không áo che, gắng hết sức mới che kín. Chỉ có cái bình này là của nhà giàu cho, phải lấy gì để bố thí? Hãy cầm bát bố thí.

Khi ấy tôn giả bảo: Hãy lấy nước bố thí. Người nhận chú nguyện rồi truyền giới cho, dạy nhớ niệm Phật, lại hỏi: Ngươi ở đâu?

Người già thưa tôn giả: Không cố định chỗ nào, tùy theo sự nấu nướng, mà ở đó qua đêm, hoặc ở nơi đống phân.

Tôn giả bảo: Ngươi tốt, có tâm cung kính, hãy đến xem chỗ nằm trong nhà trưởng giả rồi lén mở cửa vào, bên trong cửa có trải tọa cụ

bằng cỏ, rồi ngồi suy nghĩ quán tưởng về Đức Phật. Người già vâng lời, đêm đến ngồi trong cửa, liền mạng chung, sanh lên cõi trời Đao lợi. Sáng sớm, trưởng giả thấy vậy sân giận nói: Người hầu này không cho ở trong nhà sao bỗng nhiên lại chết ở đây? Trưởng giả sai người lấy cỏ cột chân, mang bỏ trong rừng lạnh. Người hầu già này được sanh lên cõi trời cùng với năm trăm thiên tử làm quyến thuộc, liền dùng thiên nhãn quán thấy nhân duyên xưa mình sanh lên cõi trời, nên dẫn năm trăm thiên tử đều mang hương hoa đến trong rừng lạnh, đốt hương tung hoa cúng dường xác chết, phóng ánh sáng cõi trời chiếu khắp thôn xóm rừng cây. Trưởng lão thấy điều kỳ lạ, liền bảo mọi người gần xa vào rừng nhìn xem, nói: Người hầu này chết rồi sao cúng dường? Thiên tử đáp: Đây là thân của ta, từ đó nói về nhân duyên sanh lên cõi trời. Sau đó cùng nhau đến chỗ tôn giả Ca Chiên Diên, lễ bái cúng dường, nhân đó mà thuyết pháp, năm trăm thiên tử đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Khi được quả rồi lại trở về cõi trời. Vì nhân duyên này, người trí cần phải học tập như vậy.

Kinh Phật thuyết Ma Ha Ca Diếp độ bần mẫu dạy: Khi Đức Phật ở nước Xá vệ, Ma Ha Ca Diếp một mình đi giáo hóa đến thành Vương xá, thường thực hành hạnh thương yêu chúng sanh, bỏ nhà giàu chỉ khất nhà nghèo. Khi khất thực, nhập trước tiên thiền định để biết người ở đâu ta nên làm phước, liền vào thành lớn Vương xá, thấy một người mồ côi mẹ thật thống khổ, trong đống phân dơ ở ngã tư đường, đào đống phân để làm hang, già yếu bịnh tật đều nằm trong đó, cô đơn lạnh lẽo không có cơm áo. Tôn giả Ca Diếp đến hang cho người mồ côi phên tre để che thân. Tôn giả Ca Diếp nhập định, biết người này đời trước không gieo trồng phước đức, nên đời nay nghèo khổ và rõ biết người này sắp đến ngày mạng chung, nếu ta không độ thì mãi mãi không có phước đức, bị mồ côi đói khát, nhờ áo xanh của trưởng giả làm sạch mùi nước gạo khó nói được. Từ đó bà già đi xin ăn, lấy ngói làm đồ đựng đầy mang hai bên. Tôn giả Ca Diếp đến nơi đó, khất thực chú nguyện, và nói cúng dường cho ta nhiều hay ít đều có phước lớn. Người già nói kệ:

*Toàn thân bị bệnh tật*
*Nghèo cùng đâu thể nói*
*Khổ nhất một trong nước*
*Cơm áo không kín thân.*
*Đời không người từ tâm*
*Thấy vẫn còn thương xót*
*Sao gọi là thương yêu*

*Không biết người chết này.*
*Khổ lạnh ở trong đời*
*Thân này đều gánh chịu*
*Nguyện xin thương xót cho*
*Không có người thương tiếc.*
*Tôn giả Ma Ha Ca Diếp nói kệ đáp:*
*Phật-tôn kính ba cõi*
*Ta đều ở trong đó*
*Muốn trừ khổ cho ngươi*
*Nên đến nghèo khất thực.*
*Nếu bớt phần nuôi thân*
*Chia châu báu cúng dường*
*Lâu ngày được giải thoát*
*Đời sau được sang giàu.*

Người già nghe kệ rất vui mừng, nhớ mùi nước gạo ngày trước đã dùng để cúng dường, chắc rằng không uống được, nên ở xa thưa Tôn giả Ca Diếp: Nếu Ngài thương xót con thì thọ nhận chăng? Tôn giả Ca Diếp trả lời: Tốt lắm! Người già trong hang bò đến lấy, vì lõa thân nên không mang ra được, nghiêng mình cúi xuống, đưa ra đặt trên mành tre, tôn giả Ca Diếp liền nhận và chú nguyện, nhờ phước đó mà được an ổn. Tôn giả Ca Diếp nghĩ: Nếu ta bỏ đi, mang thức ăn đến nơi khác ăn thì bà già không tin, nghĩ là ta sẽ bỏ mất, liền ăn trước mặt bà, rửa bát rồi bỏ vào túi vải, nên luác đó, bà già này có lòng tin chắc thật. Tôn giả Ca Diếp tự nghĩ: Nên hiện thần thông làm cho người này được an vui thật sự nên ở giữa hư không, thị hiện nhiều thần thông. Bấy giờ, bà già thấy vậy rất vui mừng, nhất tâm quỳ xuống, từ xa thưa thỉnh tôn giả Ca Diếp: Nguyện nhờ phước đức nhỏ này mà được sanh lên cõi trời. Khi ấy, tôn giả Ca Diếp bỗng nhiên không hiện. Vài ngày sau, bà già qua đời, sanh lên cõi trời Đao lợi, oai nghi vời vợi làm chấn động trời đất, ánh sáng cực mạnh, ví như trong bảy ngày mà chỉ phát ra trong một lúc, rực rỡ cả cung trời. Đế thích kinh ngạc, phước đức người nào mà cảm ứng mạnh hơn ta vậy? Liền dùng thiên nhãn quán xét, thiên nữ này phước đức đúng như vậy, liền biết thuở xưa thiên nữ vốn sanh vào nơi này. Bấy giờ, thiên nữ nghĩ: Phước báo này là do nhân duyên ngày trước cúng dường tôn giả Ca Diếp, nay ta nên dùng trăm ngàn châu báu cõi trời dâng cúng tôn giả Ca Diếp còn chưa báo đáp một tí ân đức của tôn gia. Thiên nữ liền dẫn người hầu mang hương hoa cõi trời, trong hư không bỗng nhiên tung hoa xuống trên tôn giả, rồi hạ xuống, năm vóc đảnh lễ

sát đất, lui ra chắp tay dùng kệ tán thán:

*Ba ngàn quốc độ*
*Phật tôn quý nhất*
*Tiếp đến Ca Diếp*
*Mới đóng cửa tội.*
*Xưa ở Diêm phù*
*Trước hang phân dơ*
*Làm người già khổ*
*Nghe nói lời chân.*
*Người già mừng vui*
*Dâng cúng nước gạo*
*Thí như hạt cải*
*Được phước như núi*
*Đạt được thiên nữ*
*Thọ hưởng tự nhiên*
*Vì thế đến đây*
*Quy mạng Phước điền.*

Thiên nữ nói rồi trở về cõi trời. Trời Đế thích suy nghĩ: Người nữ cúng nước gạo mà được phước như vậy. Ca Diếp tình thương thật lớn, chỉ làm phước cho nhà nghèo chứ không đến dòng họ giàu sang. Thế nên, Đế thích tìm phương kế để được sự tốt lành, liền cùng với vợ mang trăm thứ thức ăn đựng đầy trong bình nhỏ, đến thành Vương xá, giữa đường giả làm nhà nhỏ xấu xí, thay đổi hình tướng thành ông già, thân hình ốm yếu, đi bộ lưng còm. Hai vợ chồng cùng dệt mền, bộ dang nghèo khổ không cất chứa thức ăn. Sau khi tôn giả Ca Diếp đi khất thực, thấy người nghèo khổ này nên đến khất thực. Ông già nói: Nghèo đến nổi cái gì cũng không có. Tôn giả Ca Diếp chú nguyện điều lành hồi lâu rồi đi. Ông già nói: Vợ chồng chúng tôi quá già chỉ dệt được mền không rảnh đi xin, có một chút thức ăn, sắp ăn, nhưng nghe Nhơn giả hiền đức đến nhà nghèo khất thực, để họ làm phước. Hôm nay, tuy nghèo khổ nhưng tự tâm xả bỏ để cúng dường Hiền giả, xin nhận lấy khiến cho tôi được phước. Vị thức ăn của cõi trời, người đời chẳng biết, nếu mở nắp bình thì hương thơm tỏa ra. Tôn giả biết tất cả nên không nhận. Người già liền nói: Đạo nhân có chút thức ăn chẳng nhiều, đến lấy bình bát, Ca Diếp đưa bình bát để nhận thức ăn và chú nguyện cho thí chủ. Hương thơm này bay đến thành Vương xá, lan khắp cõi nước. Ca Diếp không thích mùi hương đó. Vợ chồng già Đế thích bỏ thân, bay lên không trung, trong chốc lát vô cùng vui mừng. Tôn giả Ca Diếp suy

nghĩ, liền biết trời Đế thích hóa làm người già để tạo phước. Nay ta đã nhận thì không nên trả lại. Tôn giả khen ngợi Đế thích có nhiều phước đức mà không chán nên chịu xuống trần làm thân xấu này để tạo thêm phước đức thì chắc rằng được phước báo. Vợ chồng người già vui mừng. Lúc ấy, các kỷ nhạc cõi trời đến nghinh đón Đế thích về cung, họ lại vui mừng gấp bội. Nói kệ:

*Phía Nam mây bay, tan không tụ*
*Khách Đông Tây nương tựa vào đâu?*
*Vợ hiền nguyện hiến, trộm hi vọng*
*Điền thị màu mỡ há dám mong.*
*Sân trước sum sê không xe ngựa*
*Cửa cỏ vắng lặng che phủ khắp*
*Đời trước vụt qua chiếu sáng khắp*
*Nay khốn khổ không lừa dối mình.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 6)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 7

## PHẦN THỨ 12: TƯỞNG ĐẠO

- Duyên thuật ý.
- Duyên giới nam.
- Duyên giới nư.
- Duyên khuyến đạo.
- Duyên quyến thuộc.
- Duyên ly trước.
- Duyên giáo giới.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Luân chuyển trong ba cõi, trôi nổi trong sáu đường, thần thức không mất, thức tưởng niệm mang, chợt sanh rồi lại mất, vừa đến liền bỏ đi, thân mạng sống đi chết lại nhiều như cỏ, tai nạn khó lường được. Đại địa gò đồi, thân ta chỉ là bụi trần, nước chảy trong biển khơi đều là nước mắt và máu của ta, lấy đây mà quán xét, thì ai chẳng là bạn thân! Người quỷ tuy khác nhưng sanh diệt giống nhau, tình cảm ân ái cũng như hình bóng âm vang. Kẻ tà kiến ngu muội không biết thân sơ, bèn làm tan nát thân người khác để nuôi dưỡng mạng sống mình, lại giết hại lẫn nhau, trở thành oán đối, trải qua nhiều kiếp thù hận lẫn nhau, khổ báo khó cùng, suy nghĩ việc này, sao không thống khổ!

***Thứ 2: Duyên dạy bảo người nam***

Trượng phu ở đời, cao thấp có hai: Một là tôn quý, hai là thấp hèn; một là giàu sang, hai là bần cùng. Người giàu sang phú quý là người nhiều buông lung, kiêu mạn cống cao, khinh thường, nhục mạ kẻ dưới. Hoặc dựa vào thế lực tôn vinh của mình, mà hủy nhục người. Hoặc biết nhiều thông đạt, ỷ vào tài năng mà chê người. Hoặc do lời nói lưu loát mà thích lăng mạ người. Hoặc vì giàu có mà tiêu pha quá độ, khinh chê

người. Hoặc có tướng tốt mà chê người. Hoặc cỡi ngựa giỏi mà khinh người. Hoặc có nhiều của cải nô tỳ, ỷ giàu khinh người. Có nhiều thứ như vậy chúng sanh ngu mê thật là đáng thương không thể nói hết, không biết vô thường sắp đến, vọng khởi cống cao thì quả báo nước nấu dầu bỏng cùng chờ, ngục tốt, giá treo đã chờ đợi lâu ngày mà không lo mà cứ an nhiên hưởng lạc, khác gì heo dê chẳng biết chết đến nơi, khác gì ruồi mồng tham thây chết. Suy từ xưa đến nay giàu sang chẳng phải một, sanh diệt liên tục, sang hèn đều như bụi trần, phú quý chỉ tợ mồ hoang, nghèo cùng cũng đồng tro tàn. Đã biết sanh diệt luôn liên tục nên hạ mình kính trên, vì thế thân sơ không cố định, sang hèn chẳng thường còn, khổ vui đổi thay, thăng trầm thay nhau.

Suy nghĩ về sang hèn luôn tiêu tan, ví như nước, lửa càng lạnh, nóng cực độ thì sẽ thay đổi. Thế nên, thấy người có tài sản cất chứa đầy trong nhà cơm áo đầy đủ, không ra sức tìm kiếm, mà tự nhiên có được, lại thấy có người nghèo khổ đói khát, ra sức tìm cầu, đầu tắt mặt tối thân hình tiều tụy, tinh thần bất an, xuôi ngược tìm cầu mới được, trăm phương thất bại, trọn đời muốn được giàu sang mà phú quý chưa từng nếm đến. Do khổ này, nên khuyến khích họ bố thí, ra sức tu tập phước đức. Hoặc lại có người y phục tốt đẹp, dạo chơi vườn hoa tươi tốt, khí hậu hai mùa Xuân, Thu lạnh, nóng, mát, ấm, khi bốn mùa thay đổi, tùy thời không thiếu. Lại thấy người được miếng vải cũng không lành, mảnh tơ lụa thô xấu, dơ nhớp bụi trần, hôi hám mục nát. Khi nóng thì vải mịn mỏng không hề biết tới, lúc lạnh thì áo lông tơ dày chưa từng hay, cho đến thân thể cũng không gì che thân, nam nữ trần truồng chẳng lấy làm xấu hổ, thật là khốn khổ. Nếu đã thấy khổ này đâu thể không tránh xa, nên phải khuyến khích họ tu phước, cần bố thí y phục cho đến nhà ở, sao không thấy mọi người đều có mà chỉ riêng ta không, nên cần phải dũng mãnh tu tập. Hoặc lại có người được dâng thức ăn ngon ngọt, đầy đủ thứ quý giá, nhiều thứ máy móc, giường mền không thiếu, dầu mỡ thơm phức, hương tỏa khắp nơi. Lại có người ăn sơ sài vật cứng mà không đủ, thường thiếu canh lá lê và rau dâu, sáng sớm hai thứ mặn chua đều không có ăn, cá rau lâu ngày cũng thiếu, cho đến ăn đồ dư thừa, thường ăn cháo lỏng, dùng các loại nước hoa quả, dùng nhiều rau lá vàng úa, thật khốn khổ không lo nổi bản thân, nếu thấy khổ này sao lại không xa lìa! Vì vậy khuyến khích họ tu phước, bố thí thức ăn và nước uống, đâu có thể mọi người đều đầy đủ mà chỉ mình ta khốn khổ. Cho nên, ta phải ra sức tu tập. Hoặc có người đạt tới chức vị vinh hoa, thân mập mặc y mỏng, tự do thỏa thích, khi đi người trời chiêm ngưỡng, khi đứng thì quỷ

thần kính trọng. Lại thấy có người bần cùng, hèn hạ. Người ấy không có răng, sanh không biết mà chết chẳng hay, u tối mờ mịt thật ngu hèn, nằm ngồi trên đống phân dơ, vừa mới nói ra lại bị người đánh đau đớn, chẳng những quỷ thần không cung kính, mà đến loài chó độc cũng làm tổn hại. Nếu thấy khổ này đâu thể không xa lìa, vì vậy khuyến khích họ tu phước để diệt trừ kiêu mạn, phụng hành khiêm cung, đâu thể người khác luôn được quí trọng mà ta luôn bị nghèo hèn, Thế nên, cần phải ra sức tu tập. Hoặc thấy có người tướng mạo tuấn tú, lời nói âm vần đều có trầm bổng, người thích thấy nghe, thường được lợi lớn, nhân từ rộng lớn, nói năng không tổn hại vật, mà lại có người hình tướng thấp xấu, lời nói thô bạo, chỉ biết lợi mình, không nhớ người khác, chịu đựng người khác để mong được hơn, chỉ nhiều sân giận, nên bị chuốt lấy nhiều điều xấu ác. Nếu thấy khổ này, đâu thể không xa lìa, cho nên cần khuyến khích họ tu phước, từ bỏ sân giận, thực hành nhẫn nhục. Đâu thể khiến mọi người khắp nơi thường đến chỗ tối thắng mà duyên tốt của ta vĩnh viễn bị chướng ngại. Thế nên, phải ra sức tu tập. Hoặc thấy có người năng lực cường tráng, ít bịnh hoạn, thường kiên trì hành đạo, không bị chướng ngại, mà lại có người ốm yếu nhiều bịnh hoạn, khí lực suy tổn, cử động một tí càng khổ nhiều, nằm ngồi không yên, thấy xấu ác này, cần xa lìa, vì vậy khuyến họ tu tập phước đức, tùy thời chẩn đoán cứu giúp, bố thí thuốc thang, đâu thể mọi người thường không chút bịnh tật mà ta cứ bịnh tật triền miên. Cho nên, cần phải dũng mãnh tu tập. Với những việc như vậy, phải khuyến khích thật nhiều, nếu không khuyên bảo lẫn nhau thì người học giả chẳng phải ân cần.

***Thứ 3: Duyên dạy bảo người nữ***

Người nữ ở đời, nhiều sân giận, ác độc, lỗi lầm. Đức Phật dạy, người nữ thường nịnh hót người nam, hoặc giả trang điểm trên mặt tô thêm cho đẹp, hoặc mặc các thứ tơ lụa mỏng để dụ dỗ người nam ngu muội, miệng nói cao ngạo hí lộng, cười hát liếc nhìn, hay bàn tính ngâm vịnh, mắt nhìn láo liên, hoặc lấy tay phanh ngực ra, che mặt dấu đầu, hoặc đi chậm, rồi đi nhanh, hoặc lắc người đùa giỡn, hoặc nhắm hay mở mắt, chợt buồn lại chợt vui làm mê hoặc người nam, khiến tâm vọng động. Sự yên ngụy của người nữ như vậy khó nói cho cùng. Phàm phu ngu mê đều bị mê hoặc, ví như người gian ác nhiều dối trá, cũng như cái bình chứa những dối trá xấu xa đàm phẫn nhơ nhớp của người, cũng như lưới giăng cao để bẫy bầy chim rơi vào cũng như lưới kín đàn cá phải dính vào, cũng như hố sâu, người mù bị rơi xuống. Như con thiêu

thân đâm đầu vào lửa. Như ruồi nhặn ưa thích thây chết. Nếu thân cận người nữ thì sẽ mất nước tan nhà, tiếp xúc cũng như cầm đuôi rắn độc, ngoài miệng như mật ngọt, nhưng trong tâm thì như tu hú. Nhà nghèo cùng khốn khổ đều do người nữ. Ra ngoài mất mạng cũng do người nữ. Gia thất không hòa thuận cũng do người nữ. Nam nữ phản nghịch cũng do người nữ. Anh em xa lìa cũng do người nữ. Dòng họ thân sơ tan tác cũng do người nữ. Đọa vào đường ác cũng do người nữ. Không sanh vào cõi trời người cũng do người nữ. Ngăn cản làm việc lành cũng do người nữ. Không đắc được quả Thánh cũng do người nữ, tội lỗi như vậy không thể nói hết. Chúng sanh như vậy thật là đáng sợ, thường bị lửa dục thiêu đốt mà không xa lìa, chịu tai ương khổ sở, đến đời vị lai cũng không dứt hết. Kinh Ma Đằng Nữ dạy: Lúc tôn giả A Nan mang bình khất thực, khi tôn giả dùng xong, đi đến bên dòng nước thấy người nữ, thì Tôn giả A Nan đến xin nước người nữ, cô ta cho rồi đi theo A Nan, biết được chỗ ở. Cô ta về nhà kể với mẹ. Mẹ gọi Ma-đằng, nhưng cô ta nằm ủ rũ khóc trong nhà. Bà mẹ hỏi: Sao khóc thế? Cô ta nói: Mẹ muốn con lấy chồng chớ gả cho người khác, khi con đến bên dòng, có một Sa-môn đến xin nước, con hỏi tên gì, người đáp là A Nan. Con muốn lấy A Nan làm chồng. Bà mẹ không chịu, bảo: Con không được lấy người ấy. Bà đến hỏi A Nan, biết A Nan tu theo đạo Phật, rồi trở về bảo con: A Nan là người tu đạo Phật không nhận làm chồng của con đâu. Cô ấy khóc mãi không chịu ăn. Người mẹ dùng cách bùa chú, thỉnh tôn giả A Nan đến thọ thực, cô gái rất vui mừng, bà mẹ thưa A Nan: Con gái của tôi muốn làm vợ của người.

Tôn giả trả lời: Tôi giữ gìn cấm giới không lấy vợ.

Bà lại nói: Nếu con gái của ta không được làm vợ người thì sẽ tự vẫn.

A Nan bảo: Thầy của ta là Phật, không cho quan hệ với người nữ.

Người mẹ kể hết mọi chuyện cho người con nghe. Người con ở trước mẹ khóc và nói: Mẹ hãy vì con đóng cửa không cho người ấy ra, đến tối làm chồng của con. Người mẹ liền đóng cửa, dùng bùa chú trói A Nan lại, dẫn đến giường, vì con trải mền nơi chỗ nằm, người con rất vui mừng, tự thích chí trang điểm. Tôn giả A Nan không đến, mà mẹ khiến cho đất trước sân phát ra lửa, kéo áo A Nan đến bảo: Người không làm chồng con gái ta thì ta sẽ quăng vào trong lửa. Tôn giả A Nan tự xấu hổ, vì Phật làm Sa-môn mà nay lại không thể thoát khỏi. Đức Phật liền trì thần chú, biết A Nan mắc nạn, nên đến cứu đem về chỗ Phật.

Tôn giả A Nan trình bày đầy đủ sự việc. Người nữ thấy A Nan bỏ đi khóc mãi không nín, nhớ mãi A Nan. Sáng mai cô ta đi tìm tôn giả A Nan, lại thấy tôn giả đi khất thực, cô đi theo sau lưng, thấy đầu cho đến chân của tôn giả. A Nan thấy xấu hổ tránh đi, cô gái theo không dừng. A Nan thưa Phật: Cô Ma-đằng này, hôm nay lại theo sau lưng con. Đức Phật bảo người gọi đến, hỏi người nữ: Cô theo A Nan mong được gì?

Người nữ thưa: Con nghe A Nan chưa có vợ còn con cũng chưa có chồng, nên con muốn lấy làm chồng.

Đức Phật bảo: A Nan không có tóc, nay cô có tóc, người hãy cắt tóc thì Ta bảo A Nan làm chồng ngươi.

Người nữ thưa: Con có thể cắt tóc.

Đức Phật bảo: Hãy về bảo mẹ ngươi cắt tóc rồi đến.

Người nữ trở về thưa tất cả cho mẹ biết. Bà mẹ bảo: Ta sanh con giữ gìn đầu tóc của con, sao lại muốn lấy Sa-môn là chồng, trong nước có nhiều nhà giàu sang, ta sẽ tìm chồng cho con.

Người nữ thưa: Con thà chết để được làm vợ của A Nan.

Bà mẹ bảo: Con của mẹ hãy yên tâm, mẹ dùng dao cắt tóc cho con.

Cô gái trở lại chỗ Phật thưa: Con đã cắt tóc rồi.

Đức Phật dạy: Cô thích A Nan những điểm nào?

Người nữ thưa: Con thích mắt, mũi, miệng, tai, tiếng, bước đi của A Nan.

Đức Phật dạy: Trong mắt chỉ có nước mắt. Trong mũi chỉ có mũi giãi. Trong miệng chỉ có nước miếng. Trong tai chỉ có cấu uế. Trong thân chỉ có phân, nước giãi hôi thối là nơi bất tịnh. Khi thành vợ chồng liền có những điều xấu lộ ra, từ đó sanh con cái, đã có con thì có cảnh chết, đã có chết thì có khóc than, đối với thân này thì có những ích lợi gì?

Cô gái suy nghĩ, những thứ xấu ác trong thân lộ ra, nên tâm ngừng lại, vì thế đắc quả A-la-hán. Đức Phật biết cô đã đắc đạo nên bảo: Người hãy đi đến tôn giả A Nan, người nữ xấu hổ, cúi đầu quỳ trước Đức Phật thưa: Con thật ngu si nên đuổi theo tôn giả A Nan. Hôm nay, tâm con đã khai mở như đêm tối gặp đèn sáng, như người nương thuyền, nếu thuyền hư thì nương bờ, như người mù được sự giúp đỡ, như người già nhờ gậy. Hôm nay, Đức Phật truyền đạt cho con khiến cho con tâm được khai mở như vậy. Các Tỳ-kheo đều thưa Phật: Người nữ này do nhân duyên gì mà đắc đạo. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Cô Ma-đằng này, năm trăm đời trước đã làm vợ của A Nan, thường thương yêu, cung

kính nhau, cùng ở trong giáo pháp Ta mà đắc đạo. Nay, vợ chồng gặp nhau như anh em. Đạo Phật như vậy, dụng nào không làm? Đức Phật dạy kinh này, các Tỳ-kheo nghe rồi đều rất vui mừng.

Kinh Xuất diệu dạy: Xưa trong thành Vương xá có một phụ nữ mang thai, cầm thùng đến giếng lấy nước. Có một người nam, tướng mạo tuấn tú, ngồi bên phải giếng đàn hát vui vẻ. Lúc ấy, người nữ lòng rất đắm say người đó, người đàn ông ấy tâm dục hừng hực, đắm đuối người nữ. Người nữ tâm ý mê loạn, lấy dây trói cổ đứa bé treo trong giếng, sau khi trở lại kéo đứa trẻ ra thì đã chết mất, sầu khổ than khóc lệ rơi. Lúc ấy Đức Phật ở nước Câu Diệm Di, vua nước đó tên là Ưu Điền Câu Lưu. Trong nước có Thệ-tâm tên Ma-nhân-đề sanh một người con gái sắc đẹp như hoa, ở đời ít ai bằng. Người cha cho cô bé đẹp ít có trong nước, nên đặt tên Vô-tỉ. Các vua nước lân cận, quân thần dòng tộc cao sang không ai mà không dám hỏi. Người cha đáp: Nếu có quân tử tướng mạo như con gái của ta thì ta sẽ gã cho người xứng đôi ấy. Đức Phật đi đến nước đó, Thệ-tâm thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân toàn màu vàng tía, tướng tốt trang nghiêm, oai nghi vô thượng, vui mừng nghĩ: Con gái tôi thật xứng đôi với người này. Lại trở về nhà nói với vợ: Ta vì Vô-tỷ mà có con rễ, thúc giục cô gái trang điểm rồi dẫn đến đó. Vợ chồng cũng trang điểm y phục cùng đi. Người con gái bước đi ẻo lã sáng như hoa, trang điểm bằng những thứ ngọc châu kha, chuỗi hột sáng rực khắp nước. Vợ chồng cũng cùng đến chỗ Phật. Trên đường đi, người vợ thấy dấu những vân tướng đẹp của bàn chân Phật, ánh sáng các màu xen lẫn, ở đời chẳng có, biết được đây là vị tôn quý cõi trời, nói với chồng: Theo lý thì dấu chân của người như vậy, thì thế gian chẳng có được, chẳng phải ngươi phàm, chắc chắn tự thanh tịnh không có dâm dục, sẽ không lấy con gái mình. Người chồng nói: Không chịu được, sao bà biết vậy? Người vợ tự nói kệ:

*Người dâm đi kéo gót*
*Người sân bước thu ngón*
*Người ngu chân đá đất*
*Vết này trời người kính.*

Thệ Tâm nói: Cái biết của người nữ chẳng phải, người không vui thì trở về nhà, ta dẫn con gái đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài thưa: Con đã khổ nhọc dạy bảo, chẳng có gì dâng cúng, chỉ có đứa con gái thô sơ này, nguyện đến dọn quét. Đức Phật bảo: Ngươi cho người nữ là tốt đẹp chăng?

Đáp: Con sanh được người nữ này nhan sắc tuyệt đẹp, thế gian ít

ai bằng, vua các nước, dòng họ cao sang đều tìm cầu nhưng con không chấp nhận, thấy Đại nhân ánh sáng chói lọi, ở đời chẳng có, muốn được dâng cúng, vội vàng quay về. Đức Phật dạy: Sắc đẹp của người nữ là chỗ nào?

Thệ tâm đáp: Từ đầu đến chân, thấy toàn bộ đều đẹp cả.

Đức Phật dạy: Thương thay cho mắt thịt! Hôm nay, Ta thấy từ đầu đến chân chẳng có gì đẹp cả, ngươi thấy tóc trên đầu, tóc đó chỉ là lông, đuôi của voi ngựa cũng như vậy, dưới tóc là đầu lâu, mà đầu lâu chính là xương, người giết heo xương đầu cũng như vậy, trong đầu có não. Não cũng như bùn nhơ, mùi tanh của thịt xông lên mũi, tràn xuống đất chẳng dẫm lên được. Mắt là cái hố thường tiết ra ghèn dơ. Trong mũi có mũi dãi. Trong miệng có đàm, nước miếng. Trong bụng chứa gan, phổi đều là thịt sống tanh hôi. Ruột, dạ dày, bàng quan chứa đầy phân, nước tiểu thối tha khó nói được. Bụng chỉ là một cái túi, che đậy các thứ bất tịnh. Bốn chi tay chân các đốt xương cùng nhau chống đỡ, gân mạch ràng buộc lại, da bao bọc bên ngoài, chỉ nhờ vào hơi thở mà hoạt động. Ví như thợ mộc cưa xẻ làm các vật dụng, khi làm xong thì tháo ra từng bộ phận riêng biệt, đầu chân lộn lộn. Con người cũng vậy, có gì tốt đẹp mà cho là không ai bằng. Ngày xưa, Ta ở dưới gốc cây, ma thiên vương thứ sáu dâng cho Ta ba người nữ, nhan sắc tuyệt đẹp, trong trời không gì bằng, chẳng phải những thứ này muốn để phá hoại tâm đạo của Ta. Ta liền thuyết giảng cho họ trong thân là ô uế, đều trở thành già yếu, thân hình hư hoại, không trở lại như xưa, họ tự thấy xấu hổ bỏ đi. Hôm nay, túi phân này sẽ biến thành cái gì, hãy mau dẫn về, Ta không nhận đâu! Thệ-tâm nghe Phật nói bỗng nhiên xấu hổ, không cầu xin nữa. Lại thưa Phật: Nếu Đạo nhân không nhận thì để làm vợ vua Ưu-điền được chăng? Đức Phật im lặng. Thệ-tâm dẫn con gái về gã cho vua Ưu-điền. Vua được người con gái vô cùng vui mừng, xin cha truyền lệnh vì người nữ chọn một ngàn kỷ nhạc vào cung để hầu hạ cô gái. Hoàng hậu đầu Phật làm thầy, đắc quả Tu-đà-hoàn. Người nữ này khen ngợi vua, vua cảm động theo lời nói của cô, nên dùng ngàn cung tên bắn hoàng hậu. Hoàng hậu thấy tên không sợ và chẳng sân giận, nhất tâm nhớ lòng từ của Đức Phật, quỳ xuống hướng về vua, các cung tên đều vây quanh hoàng hậu ba vòng, lại đứng trước vua, trăm tên đều như vậy. Vua biết vậy, buồn bã lo sợ, liền chuẩn bị xe vàng, ngựa trắng cỡi đến trước Đức Phật, khi chưa đến chỗ đã xuống xe để vào chỗ vắng, chắp tay đi đến lạy dưới chân Phật, quỳ xuống trình bày mọi chuyện: Tôi có nhiều tội lỗi, xấu hèn ở trước Tam bảo mà bị người nữ làm cho lòng xấu xa khởi

mạnh, đối với đệ tử của Đức Phật mà khởi tâm xấu ác độc hại, dùng trăm thứ cung tên bắn đệ tử của Đức Phật, nói hết như vậy rồi, lòng sợ hãi, chỉ Phật Thế tôn mới có lòng từ vô lượng. Đệ tử cư sĩ năng lực lòng từ còn như thế huống nữa là Vô thượng Chánh chơn Phật. Hôm nay, con cúi đầu quy y Tam bảo, nguyện xin Phật rũ lòng thương rộng lớn tha thứ lỗi lầm cho con.

Đức Phật khen ngợi: Lành thay! Nhà vua đã biết sám hối những lỗi lầm, biết rõ những việc làm của mình, Ta chấp nhận ý tốt của ngài.

Vua đảnh lễ ba lần, Đức Phật cho phép ba lần. Vua lạy sát đất, lui về chỗ ngồi thưa: Con tính vốn ngang ngược, tham lam giận dữ, tự mình buông lung, không có tâm nhẫn chịu, ba độc không thể diệt trừ, làm ác cthỏa thích. Người nữ đẹp đó không biết sửa đổi xấu ác của mình, tự nghĩ sau khi chết chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục. Nguyện mong Ngài thương xót giảng thuyết cho người nữ rõ hình tướng yêu quái xấu ác, được nhập vào lưới tốt lành để có thể diệt trừ. Con nghe biết những tai họa này để răn dạy cho những người lớn nhỏ trong nước để sửa đổi, từ bỏ.

Đức Phật dạy: Lấy điều này để hỏi chăng? Chỉ nói nghĩa khác.

Vua thưa: Ngoài nghĩa khác thì nói một ngày chưa hết. Người nữ mê loạn nhiều tai họa, không nghe họa này, đâu biết mà xa lìa, xin Ngài giảng đầy đủ sự biến đổi trong địa ngục và xấu ác của người nữ.

Đức Phật dạy: Hãy nghe, này thiện nam! Có kẻ xấu ác cuồng loạn liền xem con gái là đẹp.

Vua thưa: Đúng vậy! Con xin nhận lời chỉ giáo.

Đức Phật dạy: Kẻ sĩ có bốn điều xấu ác phải nhanh chóng biết. Thế gian có dâm phu, thường nghĩ thấy con gái, nghe tiếng hay, xa lìa chánh pháp, nghi chơn, tin tà, bị lưới dục che, chìm trong bóng tối, bị dục sai khiến như người hầu sợ chủ ham thích sắc đẹp của con gái không kể mùi tanh dơ chín lỗ tiết ra, mờ mịt trong dục, như heo nhốt trong chuồng không biết mùi hôi thích thú cho là an lạc, không nghĩ về đời sau sẽ ở địa ngục vô trạch chịu khổ vô cùng, Tâm chuyên về dâm, nuốt nước miếng (khao khát), đùa giỡn với máu mủ, trân báu cho như ngọc quý, ngọt cho như mật, nên nói, kẻ sĩ làm nô tỳ cho dục, là tướng trạng xấu thứ nhất của kẻ sĩ. Lại người mẹ nuôi dưỡng con trong thai, sanh ra cho đến khi lớn, khổ cực khó tả, đến khi con lớn, phiêu bạc xa nhà ưa thích tài vật, mỗi bước đi mỗi việc làm đều hiện rõ tâm tư, cho đến khi có vợ. Nếu ở thành khác, thì đi tìm không kể xa gần, cũng chẳng tránh xa khổ cực. Nếu luôn nghĩ về dâm thì làm cho hao tổn song thân

tuổi già. Khi được vợ thì quý như của báu, cùng nhau hưởng khoái lạc, nghĩ xấu cha mẹ, tin theo lời vợ đẹp, hoặc kiện tụng, không nghĩ mình từ đâu ra, dù cho ân đức của mẹ vô lượng. Đó là tướng trạng xấu ác thứ hai của kẻ sĩ. Người ở đời này, thường cố gắng hết sức để được tài của, trước được dạy về tâm đạo, tôn kính Sa-môn, Phạm chí biết đời là vô thường, bố thí là phước, nhưng sau khi có vợ, lòng dâm dục mê mờ che lấp, trái chánh hướng tà, luôn theo sự tính toán của vợ. Nếu có phát tâm bố thí thì chỉ muốn nói về trạng thái sắc đẹp của vợ, bố thí hoàn toàn không thanh tịnh, trở thành bé nhỏ, không biết lời dạy quan trọng trong kinh Phật. Hoặc không biết quả của họa phước, buông thả dâm dục, lao mình vào lưới, bị đọa vào đường ác, cuối cùng không thể hối cải. Đó là tướng trạng xấu ác thứ ba của kẻ sĩ. Lại nếu vì con cái mà không nhớ ơn nuôi dưỡng, mục đích đời sống là tiền của, không dùng để chăm sóc cha mẹ mà chỉ để tìm cầu dâm dục khắp nơi, luôn giữ vật báu, chiêu đãi phụ nữ. Hoặc giết sáu con vật để cúng tế quỷ thần, ăn uống ca múa, nam nữ tụ họp, vui chơi khoái lạc, trọn ngày như thế. Bên ngoài giả làm phước, ở trong dối trá người. Sau khi say sưa, cùng tìm mọi cách mời gọi làm việc gian dâm, đến khi được rồi thì vui mừng không thể ví dụ. Dâm dục trói buộc không biết được gì, những lúc như thế. Chỉ cho đây là vui mà không biết nơi thống khổ và sự dơ uế của địa ngục, một là thật đáng cười; hai là thật đáng thương. Ví như kẻ cuồng mê không biết sai trái. Đó là tướng trạng xấu ác thứ tư của kẻ sĩ. Thiện nam có bốn việc ác này thì phải đọa vào ba đường, nên suy nghĩ kỹ để tránh xa, thoát khỏi khổ. Lại nghe thuyết giảng sự xấu ác của người nữ. Đức Phật nói kệ:

*Vì do dục sai khiến*
*Buông lung không được an*
*Huân tập gần phi pháp*
*Làm sao thành người Hiền.*
*Thường đọa ba đường ác*
*Xoay vòng như bánh xe*
*Nếu hiện đời có Phật*
*Mà đã không được nghe*
*Người nữ là xấu nhất*
*Lấy nạn làm ân duyên*
*Dây ân ái trói buộc*
*Kéo người vào cửa tội*
*Người nữ có gì đẹp?*
*Chỉ toàn vật dơ nhớp*

*Sao không suy xét kỷ*
*Mà bị cuồng loạn vậy!*
*Bên trong thật hôi dơ*
*Tô điểm dáng bên ngoài*
*Lại như ngậm nọc độc*
*Rồng, rắn mà đùa cười*
*Cũng như cá cắn câu*
*Con thiêu thân vào lửa*
*Cứ lao vào nữ sắc*
*Không lo họa đời sau.*

Đức Phật dạy như vậy, vua Ưu-điền hoan hỷ, đảnh lễ sát đất, bạch Phật: Từ lúc sanh đến nay, con chưa được nghe những xấu ác của người nữ như vậy, khiến cho người nam bồng bột tùy xấu ác mà loạn theo, chỉ vì không biết nên bị loạn tâm ý. Từ nay về sau, trọn đời con xin sám hối, quy y Tam bảo, không dám tái phạm, lễ Phật, vui vẻ lui ra.

Sách ghi: Trọng Ni nói: Nuôi dưỡng trẻ nhỏ và vợ con là, nếu gần gũi thì thuận theo, nếu xa cách thì oán thù. Thế nên kinh dạy: Người nữ đẹp làm điệu bộ có tám mươi bốn cách, nhưng có tám cách chủ yếu là chỗ không thích của người có trí tuệ thì ác, một là ganh tỵ, hai là nói dối sân giận, ba là nhục mạ, bốn là nguyền rủa, năm là lấn áp, sáu là keo kiệt, bảy là khéo trang điểm, tám là ngậm độc. Đây là tám cách lớn, nên người nữ nhiều nịnh hót. Vì vậy, nguyện bỏ dua nịnh sai lầm mong cầu chánh pháp, sớm xuất gia để lợi mình, lợi người.

Luận Trí độ dạy: Tướng của người nữ nếu được yêu thương đón tiếp thì cao ngạo với chồng, nếu tình cảm đó bị bỏ rơi thì lo sợ. Người nữ như vậy thường bị phiền não lo âu, sao thích gần gũi với người nữ đẹp. Như nói, vua của một nước có một công chúa Câu Mâu Đầu, có người thợ bắt cá tên Thuật-ba-già trên đường đi, xa thấy mặt công chúa trong cửa ở trên lầu cao, nhìn say đắm không rời bỏ, trải qua ngày tháng không ăn uống. Vì người mẹ hỏi nên thưa mẹ: Con thấy công chúa, không thể quên được.

Bà mẹ dỗ dành: Con là người thấp kém, công chúa là tôn quý.

Người con trả lời: Con yêu thích không thể quên được, nếu không như ý thì con chết mất.

Bà mẹ vì con vào cung vua, thường dâng thịt chim, cá mập gởi lại cho công chúa mà không lấy tiền. Công chúa thấy lạ, bèn hỏi: Người muốn được gì?

Bà mẹ thưa: Muốn được gần gũi để thưa ý nguyện của tôi. Tôi

chỉ có một đứa con trai, rất ngưỡng mộ công chúa, vì thương nhớ cô mà thành bịnh sắp chết, xin dũ lòng thương xót, nghĩ đến mạng sống của con tôi sắp chết.

Công chúa nói: Người hãy đợi đến ngày mười lăm tháng giêng ở chỗ đó... trong đền thờ trời đứng sau tượng trời. Người mẹ trở về nói với con, nguyện con đã thành, rồi kể mọi sự việc như trên. Người con tắm rửa mặc y phục mới, đứng sau pho tượng. Khi ấy, công chúa đến thưa phụ vương: Con có điều không lành, cần đến đền trời để cầu phước lành. Vua bảo: Thật tốt! Liền chuẩn bị năm trăm xe đi đến đền trời. Sắp đến, bảo các người hầu, ngang cửa hãy dừng lại, chỉ một mình ta vào đền. Thần trời nghĩ: Việc này không đáng để vua ban tặng, không để người thấp hèn này hủy nhục công chúa, liền yểm cho người này ngủ mãi không tỉnh được. Công chúa đã vào, vì tôn trọng nên không đánh thức, đem chuỗi hột trị giá mười vạn lạng vàng bỏ lại rồi đi. Sau đó, người này thức dậy, thấy chuỗi hột liền hỏi mọi người, biết được công chúa đã đến, tình nguyện không theo, lo buồn sầu khổ, lửa dâm dục trong lòng thiêu đốt mà chết. Do đây biết được, tâm người nữ không chọn giàu nghèo chỉ vì tham dục.

Luận Tát Ba Đa dạy: Dù lấy thân bỏ vào miệng của rắn độc nhưng không phạm vào người nữ. Rắn có ba cách giết hại người, có thấy mới hại người, có đụng vào mới hại người, có cắn mới hại người. Người nữ cũng có ba cách hại như vậy: Nếu thấy được người nữ thì phát khởi tưởng về dục, nên diệt pháp lành của người. Nếu tiếp xúc với người nữ thân phạm tội vừa, nên diệt pháp lành của người. Nếu có quan hệ với nhau thì thân phạm tội nặng, nên diệt pháp lành của người. Lại có bảy cách hại: Một là, nếu bị rắn độc hại thì hại chỉ một đời này, còn bị người nữ hại thì hại vô số đời. Hai, nếu bị rắn độc hại thì quả báo hại thân vô ký, còn bị người nữ hại thì hại luôn pháp thân. Ba, nếu bị rắn độc hại thì hại năm thức của mình, còn bị người nữ hại thì hại luôn sáu thức của mình. Bốn, nếu bị rắn độc hại thì được vào chúng thanh tịnh, còn bị người nữ hại thì không đồng với chúng Tăng. Năm, nếu bị rắn độc hại thì được sanh vào hàng trời người, gặp được Hiền Thánh, còn bị người nữ hại thì rơi vào ba đường ác. Sáu, nếu bị rắn độc hại thì đắc được bốn quả Sa-môn, còn bị người nữ hại thì ở trong tám chánh đạo chẳng được lợi ích gì. Bảy, nếu bị rắn độc hại thì người với lòng từ cứu giúp, còn bị người nữ hại thì bị mọi người xa lánh, không có tâm ưa mến. Do nhân duyên này, dù đem thân mạng bỏ vào miệng rắn độc quyết không vì những việc này mà tiếp xúc với người nữ.

Trong kinh Tăng nhất A-hàm dạy: Người nữ có năm thế mạnh xem thường chồng. Những gì là năm? Một là sức mạnh của sắc. Hai là sức mạnh của dòng họ. Ba là sức mạnh của nghiệp. Bốn là sức mạnh của con cái. Năm là sức mạnh tự vệ. Người nữ có năm sức mạnh này, nên xem thường chồng. Người chồng có một sức mạnh giàu sang là luôn che chở vợ mình. Hôm nay, Ma ba tuần cũng có năm sức mạnh đó là sắc, thinh, hương, vị, xúc. Người ngu si chấp vào năm pháp này không thể giải thoát. Nếu đệ tử bậc Thánh thành tựu một năng lực không buông lung thì không bị trói buộc, có thể hiểu rõ các pháp sanh, lão, bịnh, tử hơn hẳn năm sức mạnh của ma, không rơi vào cảnh của ma, chứng đắc Niết bàn. Bấy giờ, Thế tôn nói kệ:

*Giới là đạo cam lồ*
*Buông lung là hẻm chết*
*Không tham thì không chết*
*Mất đạo là tan thân.*

Bấy giờ, Thế tôn bảo Tỳ-kheo: Người nữ có năm tưởng về dục. Những gì là năm? Một là sanh vào nhà giàu sang. Hai là được làm dâu nhà giàu sang. Ba là bảo chồng làm theo lời nói của mình. Bốn là có nhiều con. Năm là chủ động trong nhà cửa. Đó là năm việc mà người nữ thường mong được.

Trong kinh Đại Oai Đức Đa La Ni dạy: Đức Phật bảo A Nan, ví như có bãi cát lớn, đem giọt nước tưới vào thì có thể thấm hết, như một người vợ lấy một ngàn người chồng muốn được ân huệ, thì không thể khiến cho người nữ thấy đủ. Người vợ có ba việc không biết nhàm chán. Một là tự trang điểm. Hai là ở bên người chồng nhận sự dục lạc. Ba là thích lời nói ngọt ngào. Người vợ có năm cửa ung nhọt, người chồng thì không. Năm thứ trùng ung nhọt ở trong âm đạo. Một là trùng nơi âm hộ gồm có tám mươi loại côn trùng, hai đầu có miệng đều như kim chích, trùng ung nhọt đó hay não hại, nhai nuốt, kích thích người nữ khiến cho họ hành động. Do người nữ có những cử chỉ đó nên gọi người phụ nữ bị dâm dục làm loạn, đó là pháp Bất cộng. Do nghiệp báo phát sanh hành dâm, đắm trước chồng không biết chán. Người nữ này thấy chồng liền nói lời ngọt ngào, nhìn say đắm, nhìn rồi lại ngước nhìn quán xét, lòng sanh dâm dục, nhìn nghiêng vào mặt, muốn giữ mặt người ấy, mím môi ngậm răng, mặt đỏ. Vì tâm dục nên trên nách ra mồ hôi, nếu đang đứng thì không muốn ngồi, trái lại đang ngồi thì không muốn đứng. Lấy cây họa trên đất, hai tay luôn cử động, hoặc đi ba bước đến bước thứ tư thì lại ngó nhìn xung quanh, hoặc tựa má vào cửa, nhíu mày than thở, uốn

éo thân mình, tay trái vén áo, tay phải vỗ vào đùi, lại cắn móng tay, lấy cọng cỏ đưa vào răng, lấy tay cào trên đầu, phơi bày cẳng chân, nói với người như tiếng trẻ con, đi trên đất bằng lại nghiêng ngã, liếc nhìn các phương. Biết các tướng dâm của người nữ đã phát ra như vậy phải nên nhàm chán trừ bỏ, chớ để trôi mãi trong bóng tối.

Kinh A hàm giải mười hai nhân duyên: Có vị A-la-hán dùng thiên nhãn thấy rõ người nữ đọa vào trong địa ngục rất nhiều. Liền hỏi Đức Phật vì sao? Đức Phật dạy: Do bốn nhân duyên. Một là do tâm tham muốn nhiều vật quý báu. Hai là do thường ganh tỵ. Ba là do lắm lời. Bốn là do tâm nhiều dâm dục. Cho nên, đọa nhiều vào địa ngục.

***Thứ 4: Duyên khuyến dẫn***

Chỉ có tâm kiêu mạn này thông cả thiện ác, người trí kẻ ngu không thể thoát khỏi, giàu nghèo đều có, nhưng xa lánh cái khinh, nói về các trọng thì ở thế tục rất nhiều, cũng nói có không, ta là đẹp, bình phẩm người hiền, hủy nhục Thánh đức, tất cả cư sĩ trọn đời làm việc đó chưa từng một ngày hổ thẹn biết nói lên tội lỗi của mình, luôn cầu đạo cao thượng mà bỏ quán xét lại mình nên sách ngoại thư ghi: Năng lực tôn kính thiện đạo có thể làm cho thân an, năng lực tôn trọng cha mẹ anh em có thể làm cho dòng họ vinh hoa cũng là quân tử, giảng giải giáo lý cao quý, khuyên bảo tu hành, thường nhơn từ khiêm nhường, kính cẩn tin theo, đều do hạt giống đời trước, bẩm tánh tự nhiên cùng đạo chẳng khác gì. Lại có người xuất gia không nương vào Thánh giáo, sai phạm giới luật, không học chẳng biết, giống thế tục không khác. Nhưng theo hình thức của đạo, tục phạm có nhiều ít, tâm có sáng tối, tội lỗi có nặng nhẹ, nên người xuất gia trước chưa từng phạm, mỗi niệm nghĩ đến đạo thì nghiệp thiện đã huân tập, nền móng phước đức càng dày thêm. Tuy có ác nhỏ do ít xấu hổ, mà tạo tác, không thể đảo lộn. Nếu ít hổ thẹn lại cho trong sáng, nếu luận ở đời, thân sống không xấu hổ, tâm chẳng thẹn nuôi dưỡng vợ con, tài sắc năm dục đầy dẫy, cho đến rượu thịt cay nồng tùy theo sở thích có được, thương yêu mặn nồng chưa từng tạm bỏ, duyên ác luôn trú ẩn đâu thoát ra được, đó là phân rõ đường tối, sáng, thiện, ác khác nhau, nên biết sáng có thể diệt tối, tối có thể trừ bỏ sáng. Ánh sáng đèn nhỏ có thể trừ bóng tối lớn. Người xuất gia tuy phạm lỗi nhỏ, trước đã sáng tỏ thành tựu chánh chơn rồi nay ánh sáng không tăng thêm nhưng bổn minh vẫn luôn soi sáng, như hơi nóng đốt trong bình, nghiệp lành tồn tại mãi. Người xuất gia làm ác rất khó, như thuyền đi trên bờ. Người tại gia tạo tội rất dễ như thuyền chèo trong biển. Trái lại

người xuất gia tu tập rất dễ như thuyền chèo trong biển còn người tại gia tu tập phước rất khó như thuyền đi trên bờ. Thuyền tuy giống nhau nhưng do chỗ khác nên nhanh chậm khác nhau, tu tập phạm khó dễ cũng lại như vậy, sanh tử dễ nhiễm, pháp thiện khó thành, sớm cầu tự độ, khuyến khích tôn kính người xuất gia.

Kinh Hiền Ngu dạy: Công đức của người xuất gia phước rất nhiều. Hoặc cho nam, nữ giúp việc, hoặc cho nhiều người, hoặc tự mình xuất gia vào đạo thì được công đức vô lượng không thể ví dụ. Công đức của người xuất gia cao như núi Tu-di, sâu như biển lớn, rộng lớn như hư không, sở dĩ như vậy là do xuất gia, chắc chắn thành Phật đạo. Khi Đức Phật còn tại thế, trong thành Vương-xá có Trưởng giả tên Phước-tăng, đã quá một trăm tuổi, mọi người trong nhà đều giàu có, nghe nói công đức của người xuất gia vô lượng, liền đến chỗ Phật cầu xin xuất gia, gặp Phật mà không ở, lại đến chỗ Xá Lợi Phất. Xá Lợi Phất thấy lão già không độ. Như thế đến năm trăm A-la-hán đều không độ, liền ra đứng ngoài cánh cửa chùa khóc lớn. Sau đó, Thế tôn đến an ủi và bảo Mục Kiền Liên độ cho lão già xuất gia. Mục Liên cho xuất gia thọ giới. Sau đó, vì sự đả kích của các Tỳ-kheo nhỏ tuổi nên lao xuống sông chết. Mục Kiền Liên quán thấy vậy liền dùng thần thông đưa Tỳ-kheo già lên bờ, rồi hỏi biết nguyên nhân. Mục Liên nghĩ: Người này không sợ sanh tử nên không được đạo, lại quyết tâm cầm chéo áo của thầy bay lên hư không, đến bên bờ biển lớn thấy tử thi của người nữ đẹp đẽ, có một con trùng từ miệng chui ra lại vào mũi, lại từ mắt ra đi vào tai. Mục Liên quán thấy rồi bỏ đó mà đi. Đệ tử hỏi: Người nữ này là ai?

Đáp: Ở trong Xá-vệ, có cô Đại-tát-bạc diện mạo xinh đẹp ở đời ít ai bằng, người này thường dùng ba đọt kỳ mộc làm gương soi mặt, thấy mình xinh đẹp sanh kiêu mạn tự đắm đuối thân mình. Người chồng rất yêu thương, cùng dẫn ra biển, do thuyền hư xấu, bị chìm xuống nước chết, trôi dạt vào bờ. Đây là cô Tát-bạc vì ưa thích thân mình, chết rồi lại sanh làm côn trùng ở trong thân, khi côn trùng chết rồi sanh vào địa ngục lớn chịu khổ vô lượng. Đi đến trước một tí, thấy người nữ thân ngâm trong chảo đồng, vớt ra khỏi chảo đưa vào nước, lấy lửa đốt sôi lên, cởi hết y áo đưa vào chảo, thịt chín rời khỏi xương, nước sôi xương vọt ra, bên ngoài gió thổi, trở lại làm người, tự lấy thịt ăn.

Phước Tăng hỏi thầy: Người này vì sao?

Thầy đáp: Ở trong nước Xá-vệ có Ưu-bà-di tin kính Tam bảo, thỉnh Tỳ-kheo một hạ đến cúng dường, ở đầu đường làm một phòng để an trú, tự bày ra đủ loại thức ăn hảo hạng, sai người giúp việc đưa đến,

đi vào chỗ vắng, liền chọn những thức ăn ngon ăn trước còn dư đưa đến Tỳ-kheo.

Mọi người biết hỏi: Ngươi không cấp thức ăn chứ?

Người hầu đáp: Thưa không.

Tỳ-kheo ăn xong, còn dư đưa cho tôi, tôi mới ăn. Nếu tôi ăn trước thì đời đời tôi phải ăn thịt mình. Do nhân duyên này trước thọ hoa báo, sau đó bị đọa vào địa ngục. Đi tiến thêm một tí thì thấy một cây thịt, có nhiều côn trùng vây quanh rúc rỉa thân ấy, không có chỗ trống, khóc lóc gào thét như ở trong địa ngục.

Đệ tử hỏi thầy: Cây này là sao?

Mục Liên đáp: Đây là Tỳ-kheo tri sự Thác Lợi Tra do lấy vật chúng Tăng mà dùng, hoa quả, thức ăn uống đưa cho cư sĩ. Do nhân duyên này nay chịu hoa báo, sau bị đọa vào địa ngục. Các trùng rúc rỉa thân cây ấy là những người lúc đó được nhận vật. Đi tiến thêm một tí thì thấy người nam thân người lại có nhiều đầu thú và các quỷ thần ác tay cầm cung tên chỉa ba có độc, đầu mũi tên đều có lửa nóng cùng bắn đến người đó xuyên sâu trong thân cháy bỏng.

Phước Tăng hỏi thầy: Người này thế nào?

Mục Liên đáp: Người này đời trước làm chủ thợ săn, giết hại nhiều thú vật nên nay bị khổ như vậy. Sau khi chết đọa vào địa ngục lớn. Đi tiến thêm một tí thì thấy núi lớn dao kiếm, có một người bị đâm từ trên đầu xuống toàn thân hư hoại, rồi lại trở lên như trước không dừng.

Phước Tăng lại hỏi thầy: Người này là thế nào?

Thầy lại đáp: Đây là vị vua ở thành Vương xá cùng nhau chiến đấu đã dùng lửa lớn, đời trước dùng mũi nhọn làm thương tích, giết hại nhiều người và vật, nay chịu quả báo khổ này, sau đó đọa địa ngục. Đi tiến thêm một tí thì thấy một núi xương cốt to lớn đến bảy do tuần có thể che mặt trời, làm biển tối đi.

Bấy giờ, Mục Liên đi kinh hành bên sườn núi trên đống xương, đệ tử hỏi thầy: Núi xương này là thế nào?

Thầy đáp: Thầy muốn biết thì đó tức là xương trong thân của thầy. Phước Tăng nghe rồi sợ dựng tóc gáy, đổ mồ hôi, bạch Hòa thượng: Hôm nay, con nghe mà chưa hiểu xin giảng cho con nguồn gốc nhân duyên.

Mục Liên bảo: Sanh tử lưu chuyển không giới hạn, tạo nghiệp thiện ác hoàn toàn không hư hoại, rồi phải chịu quả báo. Xưa thời quá khứ, ở cõi Diêm phù đề có vua Pháp tăng, ưa thích bố thí, trì giới, nghe pháp, thương yêu chúng sanh không tiếc tài vật thân mạng, lấy chánh

pháp trị nước suốt mười hai năm. Thời gian rảnh rồi vua cùng mọi người vui chơi. Khi ấy, có một người phạm pháp giết người, quan thần tâu vua, nhà vua đang vui đùa liền nói: Theo pháp của nước mà trị, nương luật mà trừ bỏ, giết người thì phải chết, liền đem ra giết. Khi nhà vua vui chơi xong, hỏi lại các quan thần: Người đó đã xử như thế nào? Các quần thần thưa: Đã giết. Nhà vua nghe vậy, buồn rầu quỵ hai chân xuống đất, dùng nước rưới lên mới tỉnh, chảy nước mắt nói: Tất cả bảy báu voi, ngựa, kỷ nữ trong cung đều đến đây, trẫm chỉ vì một người mà vào địa ngục. Hôm nay, trẫm đã giết người, phải biết đây là vua Chiên-đà-la, không biết đời đời sẽ ở đâu, nay trẫm nhất định không làm vua, liền bỏ ngôi vị, vào núi tu thân, sau đó mạng chung, sanh làm con cá Ma kiệt trong biển lớn, thân dài bảy trăm do tuần. Các vua đại thần dựa vào thế lực của mình cưỡng bức muôn dân, giết lầm vô số. Lúc mạng chung đọa làm nhiều cá lớn Ma kiệt, có nhiều côn trùng rúc rỉa thân mình, ngứa ngáy nên cà vào vách núi khiến giết hại côn trùng làm dơ nước biển, máu huyết chảy ra trăm dặm. Mỗi lần cá nhắm mắt thì đã trải qua trăm năm, đói khát thì hớp nước vào miệng như rót nước biển lớn vào. Lúc ấy, gặp năm trăm khách buôn trên biển mang theo vật báu đúng lúc cá há miệng thì thuyền lọt vào miệng, người buôn la lớn cũng chui thẳng vào miệng. Khi đó, người ấy niệm: Nam mô Phật. Cá nghe niệm Phật, ngậm miệng, nước dừng, người buôn được sống, cá đói mà chết, sanh làm thân ngươi ở thành Vương xá. Sau khi cá chết, Dạ-xoa, La-sát đem xác cá đặt trên bờ biển, thịt rã hết, xương chất thành núi này. Vua Pháp-tăng là thân của ngươi vậy, do giết người nên làm thân cá trong biển. Phước Tăng nghe rồi, lo sợ sanh tử, quán thấy thân, hiểu rõ pháp vô thường chứng quả A-la-hán.

Kinh Niết bàn dạy: Nhà thế tục như lao ngục, vợ con như xiềng xích, tài vật như gánh nặng, bà con như oan gia, nên một ngày một đêm thọ trì cấm giới, sáu thời hành đạo, một năm ba tháng trường trai, mỗi tháng có sáu ngày trai giới chỉ ăn rau quả, kiềm chế thân miệng ý, không rong ruổi bên ngoài, luôn tôn trọng xuất gia, kính ngưỡng Phật pháp, nghiêng mình hết lòng, ngồi nằm không quên, ban đêm thúc liễm nơi tướng sáng, ngày thì nghĩ về pháp thanh tịnh, kính trọng Sa-môn, có lòng thương yêu lợi ích cho chúng sanh. Nếu được như vậy thì ở tại gia cũng thoát khổ. Kinh dạy: Phật pháp sắp diệt, cư sĩ phải giữ gìn pháp, tu tập pháp lành, sanh lên cõi trời, như tuyết rơi trong không trung. Tỳ-kheo trái với giới luật đọa vào địa ngục, như mưa từ trời rơi xuống, nên biết khổ mà tu phước, thì phước đó rất lớn, ở nơi phước mà tạo tội thì tội

đó chẳng nhỏ cho nên từ khổ vào vui, chưa từng biết vui trong cái vui, từ vui vào khổ mới biết khổ trong khổ. Lời nói này tự nghiệm mà biết, nguyện mong tự cảnh tỉnh. Kinh Pháp cú nói kệ:

*Nóng không vượt dâm*
*Độc không vượt sân*
*Khổ không vượt thân*
*Vui không vượt diệt.*

Đức Phật nói kệ xong, bảo các Tỳ-kheo: Từ lâu xa vô số kiếp có Tỳ-kheo được năm thông tên là Yinh Tấn Lực, ở dưới cây trong núi, nơi thanh vắng mong cầu đạo. Khi ấy, có bốn con thú bảo vệ hai bên, thường được an ổn: Một là con Linh (chim chìa vôi), hai là con chim, ba là rắn độc, bốn là con hươu. Bốn con thú này ngày tìm kiếm thức ăn, tối trở về ngủ. Có một đêm, chúng cùng hỏi nhau: Ở đời cái gì là khổ nhất? Con chim cho: Đói khát là khổ nhất. Khi đói khát, thân gầy yếu, mắt mờ, thần thức không rõ, thân mình bị vào lưới không thấy được mũi nhọn bắn vào, thân chúng ta tan nát mà chết. Do đây mà nói đói khát là khổ. Chim chìa vôi lại nói: Dâm dục là khổ nhất. Khi ham muốn sắc hừng hực thì không có nhớ sở nguyện, nguy cơ thân này diệt nên mất mạng. Rắn độc nói: Sân giận là khổ nhất, tâm độc một khi sanh khởi không tránh khỏi thân sơ, cũng có thể giết người và mình. Con hươu nói: Sợ hãi là khổ nhất, ta ở trong rừng vắng, tâm luôn sợ hãi cảnh giác, lo ngại thợ săn, chó sói, hổ lang, thoảng nghe có tiếng vội vàng chạy đến bờ hồ, mẹ con cùng bỏ chạy, ruột gan nhào lộn, do đây mà nói: Sợ hãi là khổ. Tỳ-kheo nghe vậy, liền bảo: Các ngươi bàn luận chỉ là cái ngọn của khổ, không phải là nguồn gốc của khổ. Cái khổ của mọi người không ra ngoài tấm thân. Thân là cái thứ chứa khổ, buồn lo vô lượng, nên ta bỏ tục học đạo, diệt ý đoạn tưởng, không tham bốn đại, muốn diệt gốc khổ, ý chí Niết bàn. Do đó, biết thân là gốc khổ, nên sách ghi: Khổ nạn lớn chẳng ngoài thân.

***Thứ 5: Duyên quyến thuộc***

Như kinh Tu ma đề trưởng giả dạy: Khi Phật còn tại thế, thành Xá vệ có con đại trưởng giả tên là Tu-ma-đề, người này lúc qua đời, cha mẹ, bà con và bạn bè đều thương xót khóc lóc, quỵ chân xuống than van la lớn, tuyệt vọng trên đất. Hoặc có người kêu cha mẹ anh em, hoặc có người kêu chồng, chủ đại gia, than khóc đủ thứ như vậy, lại có người tự cầm đất làm bay bụi, lại có người cầm dao cắt tóc mình, ví như có người bị tên độc bắn vào tim đau nhói vô lượng. Hoặc có người lấy y che thân

mà khóc lóc, ví như gió lớn thổi vào rừng cây cành lá đều chấn động. Lại như cá thiếu nước lăn lóc trên cạn, lại như đốn chặt cây lớn làm sạt núi đè chết hổ lang, đó là những thứ độc hại, đau đớn làm thân thêm đau khổ. Bấy giờ, Thế tôn biết mà vẫn hỏi: Này A Nan! Đại chúng đó, sao lại than khóc bi thương vậy? Tôn giả A Nan thưa đầy đủ sự việc, nguyện xin Thế tôn đến đó độ họ. Chư Phật Thế tôn không vì không thỉnh mà thuyết giảng. Hôm nay, con vì những người đó mà khuyến thỉnh Phật Thế tôn dũ lòng từ bi lớn đến đó.

Bấy giờ, Thế tôn nhận lời thỉnh của A Nan đến nhà trưởng giả. Từ xa họ thấy Thế tôn, đều lấy tay lau mặt, đến trước nghinh đón Phật. Đến nơi đảnh lễ khóc lóc ràng rụa không nói nên lời, muốn than thật nhiều nhưng tôn kính Phật nên không dám thở ra, chỉ nghẹn ngào ngừng lại. Đức Phật bảo cha mẹ trưởng giả: Các ngươi sao khóc lóc áo não vậy, do chấp vào pháp huyễn hóa. Những người này cùng thưa: Bạch đức Thế tôn: Trong thành này chỉ có người này thông minh trí tuệ, tráng kiện đặc biệt, đang tuổi thanh niên, là đứng đầu trong thiên hạ, lại có nhiều tài vật quý báu, kho đụn tràn đầy, xe ngựa, y áo, người giúp việc đầy đủ như vậy chẳng thiếu điều gì. Thế mà bỗng nhiên qua đời, cho nên chúng con thương tiếc than khóc, không thể cầm được. Lành thay! Nguyện xin Thế tôn dùng phương tiện thuyết pháp cho chúng con để xa lìa các khổ não, từ nay về sau không còn chịu những khổ não như thế nữa. Lúc ấy, Ngài bảo cha mẹ, bạn bè, bà con và đại chúng: Các khanh có khi nào nghe có sanh mà không có già bịnh chết chăng?

Mọi người thưa Đức Phật: Dạ, chưa từng nghe!

Đức Phật bảo: Đại chúng! Các ngươi muốn xa lìa sanh già bịnh chết sầu bi khổ não thì phải luôn nhớ nghĩ sự trói buộc của ân ái này, phát tâm chánh kiến Tam bảo, vì sao? Vì ở giữa đời chỉ có chư Phật mới dẫn đường cho những kẻ ngu si tối tăm, sự thuyết pháp của các Ngài là vị thuốc tuyệt diệu.

Trong kinh Pháp Cú Dụ dạy: Xưa có Bà-la-môn nhỏ tuổi xuất gia học đạo, đến sáu mươi tuổi mà không đắc đạo. Do vậy, Bà-la-môn trở về nhà, lấy vợ, lập gia đình, sanh được bé trai tuấn tú đáng yêu, đến bảy tuổi đọc sách hiểu rõ, có nhiều biện tài nói năng hơn người, bỗng nhiên bịnh nặng, vào một đêm thì qua đời. Phạm chí thương xót, không thể cầm được, cúi xuống trên thây chết ấy, thây chết liền sống lại, bà con ngăn cản, mang thây chết liệm chôn ở ngoài thành. Phạm chí tự nghĩ: Hôm nay ta khóc xét lại chẳng được ích gì, nên tắm gội sạch sẽ, giữ trai giới mang hương hoa bỏ nhà ra đi, đến đâu cũng hỏi mọi người: Chỗ vua

Diêm-la xử phạt ở nơi nào? Lần lượt đi đến trước một ngàn dặm, vào trong ngọn núi sâu thấy các Phạm chí đã đắc đạo liền hỏi như trước.

Phạm chí hỏi: Khanh hỏi chỗ Diêm vương xử phạt muốn cầu gì?

Đáp: Con có người con trai trí tuệ biện tài hơn người, ngày gần đây đã mất, thương xót không thể quên được, muốn đến xin vua đứa con lại, dẫn về nhà, để nuôi dưỡng tôi lúc tuổi già.

Các Phạm chí thương xót cho vị này là mê tối, nên bảo: Nơi Diêm-la xử phạt chẳng phải là người sống có thể đến được, và nói: Khanh nên từ đây đi về phía Tây hơn bốn trăm dặm gặp núi lớn, trong đó có thành các Thiên thần an trú, tuần tự vào thành nghĩ lại giữa dân chúng. Ngày mồng bốn tháng tư vua Diêm-la thường đến nơi thành này. Khanh giữ gìn trai giới mà đến chắc chắn sẽ gặp. Phạm chí rất vui mừng theo lời chỉ dẫn mà đến trong núi, thấy một đô thành rất đẹp, cung điện nhà cửa như cõi trời Đao-lợi. Phạm chí đến cửa, đốt hương thơm để dưới, chú nguyện cầu mong gặp vua Diêm-la. Vua sai người giữ cửa dẫn ông ta đến. Phạm chí thưa: Đã sanh bé trai để cung phụng thân già này, tôi đã nuôi đến bảy tuổi, ngày gần đây đã qua đời, cúi xin đại vương thương xót tha thứ trả lại mạng sống cho con tôi.

Vua Diêm-la nói: Mong cầu thật tốt! Con của khanh đang chơi trong vườn phía Đông, tự đến đó dẫn đi. Phạm chí liền đến, thấy con cùng chơi với bọn trẻ, chạy vội ẵm nó, khóc than nói: Cha ngày đêm nhớ con ăn ngủ không ngon, sao con không nhớ nổi khổ của cha mẹ chăng? Đứa trẻ sợ kêu lên, lầm rồi! Lão già đã mê mờ, mới đứng trong chốc lát mà gọi ta là con, chớ có nói dối nhiều lời, hãy mau đi! Hôm nay, ta ở đây đã có cha mẹ, trong khi gặp gỡ dối nói đưa tay ôm ta. Phạm chí buồn, than khóc bỏ đi, nghĩ ta nghe Sa-môn Cù-đàm, biết con đường biến hóa của người, quỷ thần nên hỏi. Khi ấy, Phạm chí đến chỗ Phật tại Xá vệ Kỳ hoàn, Ngài đang thuyết pháp cho đại chúng, Phạm chí gặp Phật cúi đầu đảnh lễ, thưa rõ đầu đuôi câu chuyện, đúng là con của con mà nó không chịu nhận còn nói với con lão già mê mờ, vừa đến chốc lát mà nhận ta là con, vĩnh viễn không có tình cha con, vì lý do gì vậy?

Đức Phật bảo Phạm chí: Ngươi thật ngu si, người chết rồi thần thức bỏ đi, đến thọ thân khác. Cha mẹ vợ con do nhân duyên mà hợp. Ví như do khách đi thì mới xa lìa, mê mờ trói buộc, suy lường cho là có nên sầu bi khổ não không biết nguồn gốc, chìm đắm trong sanh tử chưa từng nghỉ, chỉ có người trí không tham ái, biết khổ bỏ tập, siêng năng tu tập giới kinh, diệt trừ tưởng thức, chấm dứt sanh tử. Phạm chí nghe rồi

bỗng nhiên tâm ý khai mở, ngay chỗ ngồi đắc quả A-la-hán .

Kinh Đại pháp cự, Đức Phật dạy: Tất cả chúng sanh đều theo hình loài của nó mà đặt tên như chim tước... mà ngạ quỷ đó ở trong chúng sanh không có tên sai khác nhất định, chớ bảo trời chắc chắn là trời, người nhất định là người, ngạ quỷ nhất định là ngạ quỷ, như một việc trên lại có nhiều tên, như một người có nhiều tên, như trên cõi trời, ngạ quỷ súc sanh rất nhiều tên, cũng lại như vậy có nhiều ngạ quỷ hoàn toàn không có tên, chỉ trong chốc lát biến thành nhiều thân. Tại sao cho là có tên gọi? Nhân duyên nghiệp ác chưa hết thì ở trong một niệm có đủ thân hình.

Kinh Pháp cú dạy: Xưa Đức Phật ở nước Xá-vệ, thuyết pháp cho trời người. Trong thành đó có trưởng giả Bà-la-môn, tài vật nhiều vô lượng, người keo kiệt không thích bố thí, ăn thường đóng cửa, không thích tiếp khách. Khi ăn sai người giữ cửa đóng kín cửa lại, chớ để người xin trùm đầu nói dối len vào. Bấy giờ, trưởng giả bỗng nhớ đến thức ăn ngon liền bảo vợ giết gà mập để làm thức ăn gia thêm tiêu ớt hầm đến chín, nấu thức ăn xong dọn lên mâm, bảo người đóng cửa ngoài, hai vợ chồng cùng với đứa con nhỏ ngồi ăn. Cha mẹ lấy thịt gà cho con ăn mãi nhiều lần như vậy mà không từ chối. Đức Phật biết phước đức của trưởng giả này nên độ, biến hóa thành Sa-môn đi đến, tìm chỗ trưởng giả ngồi ăn, xuất hiện trước mặt trưởng giả, chú nguyện cho ông và nói: Ngươi bố thí bao nhiêu cũng được phước lớn. Trưởng giả ngẩng nhìn Sa-môn biến hóa, lại nhục mạ: Thầy là đạo nhơn mà không biết xấu hổ, đến nhà ta ngồi ăn sao lại nói ngớ ngẫn vậy?

Sa-môn đáp: Khanh ngu si không biết xấu hổ, nay Ta khất thực đâu có gì xấu.

Trưởng giả hỏi: Ta cùng với vợ an vui khoái lạc có gì mà xấu hổ.

Sa-môn đáp: Khanh đã giết cha, lấy mẹ làm vợ để thêm oan gia không biết hổ thẹn, trái lại còn bảo xin ăn là xấu hổ. Khi ấy, đức Thế tôn nói kệ:

*Chỗ sanh cành không ngừng*
*Chỉ vì muốn tham ăn*
*Nuôi oán như gò cao*
*Người ngu cầu giàu mãi.*
*Tuy ngục có xiềng xích*
*Người trí cho không ngục*
*Người ngu thấy vợ con*
*Đắm sâu ngục ân ái.*

*Người trí cho ái ngục*
*Kiên cố khó thoát ra*
*Cho nên cần phải trừ*
*Không thân thuộc mới an.*

Trưởng giả nghe kệ kinh sợ, hỏi: Sao đạo nhơn lại nói như vậy?

Đáp: Con gà trên mâm đó, đời trước là cha của khanh, vì thường tham lam keo kiệt nên sanh làm gà trong nhà để khanh ăn. Đứa con nhỏ là đến làm la sát. Khanh làm khách buôn lớn cho thuyền vào biển, thuyền trôi theo dòng đọa vào nước La sát bị La sát ăn thịt, năm trăm đời như vậy, chết đi sanh lại làm con của ngươi. Vì khanh còn tội nên muốn đến sát hại. Vợ khanh hiện nay chính là mẹ đời trước của ngươi, do thương yêu sâu nặng nên nay trở lại làm vợ. Hôm nay, khanh ngu si không biết đời trước, giết cha bị oan, lấy mẹ làm vợ, lưu chuyển mãi trong năm đường, ai có thể biết, chỉ có đạo nhơn thấy được điều này, người ngu không biết xấu hổ. Khi ấy, trưởng giả sợ hãi bỗng nhiên lông dựng ngược, tướng trạng lo sợ. Đức Phật hiện thần thông khiến cho trưởng giả biết đời trước. Trưởng giả thấy Phật liền biết được đời trước, liền tìm đến sám hối tạ tội, lãnh thọ năm giới, được Đức Phật thuyết pháp, đắc quả Tu-đà-hoàn.

Lại trong kinh Phật thuyết Trưởng Giả Tử Áo Não Tam Xứ dạy: Bấy giờ, trong thành Xá vệ có trưởng giả đại phú, tài của vô số, nhà không có con cái, lo sợ sau này qua đời không ai nối dõi, liền đến chùa quy y Tam bảo, siêng năng không giải đãi nên được thọ thai. Người vợ sáng tỏ biết được năm việc: Một là biết ý của chồng. Hai là biết chồng có nghĩ hay không. Ba là biết được lý do mang thai. Bốn là biết rõ nam hay nữ. Năm là phân biệt rõ lành dữ. Người vợ bảo trưởng giả: Thiếp đã mang thai. Trưởng giả rất vui mừng, đúng ngày tháng, sanh được bé trai, có đến năm người mẹ nuôi để chăm sóc bồng bế. Khi con lớn lên muốn tìm được người vợ tốt, hai vợ chồng dẫn con đi trong vườn có cây Vô ưu màu hoa trắng tinh mềm mại như màu lụa đào. Người vợ nói với chồng: Thiếp muốn được hoa này. Người chồng liền lên cây để hái hoa, cành cây nhỏ yếu nên gãy, làm đứa bé té chết. Cha mẹ nghe vậy, vội vã chạy đến ôm xoa đầu, đoán chắc đã mất hẳn. Cha mẹ thương xót, ngũ tạng thương tổn. Các người khách thấy vậy cũng xót thương. Đức Phật cùng với A Nan vào thành thấy vậy, đau thương cho một đứa con bị cây đổ mà chết. Ngài bảo trưởng giả: Người có sanh thì có chết, vật có thành thì có tan, đến khi mạng đã tận thì không thể tránh được, hãy bỏ đi nhớ thương sầu khổ, chớ có buồn rầu. Đức Phật bảo trưởng giả:

Đứa trẻ này vốn ở cõi trời Đao lợi, khi qua đời đã sanh vào nhà khanh, khi ở nhà khanh qua đời lại sanh vào loài rồng, bị chim đại bàng cánh vàng ăn thịt. Cha mẹ ở ba nơi một lúc cùng than khóc, vậy làm con của ai? Đức Phật nói kệ:

*Các Thiên tử trên trời*
*Là con của khanh chăng?*
*Ở trong các loài rồng*
*Là con thần rồng chăng.*
*Phật giảng thuyết điều này*
*Chẳng phải là thiên tử*
*Cũng chẳng phải con khanh*
*Lại chẳng phải con rồng.*
*Các nhân duyên sanh tử*
*Vô thường như huyễn hóa*
*Tất cả không lâu bền*
*Ví như khách qua đường.*

Đức Phật bảo trưởng giả: Chết không thể xa lìa, bỏ đi không thể tìm được.

Trưởng giả bạch Phật: Đứa bé này đời trước có tội phước gì?

Đức Phật bảo: Đứa bé này đời trước ưa thích bố thí cho người, do phước đức này mà được sanh vào nhà giàu có, thích làm thợ săn giết hại nên mạng sống ngắn ngủi. Tội phước theo người như hình với bóng. Trưởng giả vui mừng đắc được Pháp nhãn.

***Thứ 6: Duyên xa lìa***

Luận Thập Tụng Tỳ Bà Sa dạy: Đối với người tại gia thì cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc, các thứ xe ngựa thì mong cầu càng ngày càng nhiều, không nhàm chán. Người tại gia khó đầy đủ như biển thu nhận các dòng nước. Người tại gia không biết đủ như lửa đốt cháy củi. Người tại gia không dừng nghỉ quán xét liên tục. Người tại gia là tánh khổ như oán đối giả dối thân gần. Người tại gia chướng ngại có thể ngăn cản Thánh đạo. Người tại gia náo loạn cùng nhau tranh chấp. Người tại gia nhiều sân giận chê trách tốt xấu. Người tại gia vô thường tuy lâu dài nhưng vẫn tan hoại. Người tại gia với các khổ rong ruổi mong cầu giữ gìn. Người tại gia đối với nghi ngờ giống như oán giặc. Người tại gia điên đảo tham chấp giả danh. Người tại gia nghề ca sĩ trang điểm đủ thứ giả dối. Người tại gia hội ngộ biến đổi, ắt phải chắc chắn xa lìa. Người tại gia là tạm mượn không có thật. Người tại gia là giấc mộng giàu sang

sẽ mất. Người tại gia như sương mai chỉ trong chốc lát sẽ mất. Người tại gia như giọt mật mùi vị của nó rất ít. Người tại gia như rừng gai sẽ chích làm người bị thương. Người tại gia như con trùng kiên cố quán thấy thường rỉa ăn. Những tai họa như vậy không thể tính kể. Cho nên Bồ tát tại gia nên quán xét như thế để biết được những tai họa ở đời. Người tại gia vợ con thân thuộc nô tỳ tất cả tài vật không thể mong cầu quay trở lại, chẳng phải bạn lành của ta nên cần nhanh chóng xả bỏ. Lại từ xưa đến nay, tất cả chúng sanh ở trong sáu đường, cùng nhau làm cha con thân sơ, đâu có nhất định, nói kệ:

*Vô minh che tuệ nhãn*
*Nhiều lần trong sanh tử*
*Qua lại đã lắm lần*
*Thay nhau làm cha con.*
*Tham đắm vui thế gian*
*Không biết việc thù thắng*
*Lấy oán làm bạn lành*
*Bạn lành lại làm oán.*
*Thế nên Ta phương tiện*
*Chớ sanh tâm yêu ghét*
*Nếu khởi ghét hay yêu*
*Không thể thấu tỏ pháp.*

Trong kinh Bồ tát tạng dạy: Này Xá-lợi tử! Nếu có chúng sanh nào tham đắm kẻ hầu nam nữ, ưa thích các sắc nữ, nên biết người đó đắm trước những đá vụn của cơn mưa đá, là đắm trước mũi nhọn của dao sắt, là đắm mùi vị của hòn sắt thật nóng, là thích ngồi giường sắt nóng, ưa mùi vị của những cái ghế sập sắt nóng. Này Xá-lợi tử! Nếu có ưa vòng hoa, xức dầu thơm tức là đắm trước vòng hoa sắt nóng cũng là đắm thích phân dơ xoa vào thân. Này Xá-lợi tử! Nếu có thọ nhận phòng nhà thì phải biết nhận chịu bình sắt thật nóng. Nếu có nhận người hầu giúp việc thì phải biết là nhận chịu mọi khổ ác trong địa ngục. Nếu có thọ nhận voi, ngựa, lạc đà, bò, dê, gà heo thì phải biết chịu trong địa ngục tối tăm lẫn lộn với những con chó. Lại thọ trăm ngàn cheo leo thì phải tu sửa hoàn toàn giam cầm. Nói tóm lại, nếu thọ nhận các thê thiếp nam nữ và ưa thích những sắc nữ thì nên biết sẽ chịu tất cả đau khổ lo buồn. Này Xá-lợi-tử! Thà phải chịu ngàn khó khăn, tu sửa vô lượng giường sắt nóng, giường này rất nóng hay chịu trong hang sâu nóng dữ dội, đối với sự cung cấp thê thiếp và những ham muốn nữ sắc cho đến không vì tâm ô nhiễm cũng xa lìa ngắm nhìn các tướng đó, huống nữa

thân gần bồng bế, vì sao? Này Xá-lợi-tử! Nên biết vợ là gốc các khổ, là gốc chướng ngại, là gốc giết hại, là gốc trói buộc, là gốc sầu khổ, là gốc oán đối, là gốc sanh mắt mù, nên biết người vợ diệt đi mắt tuệ của bậc Thánh; nên biết người vợ như hoa sắt nóng, rãi khắp trên đất phải đi giẫm trên đó; nên biết người vợ đối với những tánh tà thì phát triển mạnh. Này Xá-lợi tử! Do nhân duyên gì gọi là vợ? Gọi vợ là gánh nặng. Vì sao? Vì làm cho chúng sanh thêm gánh nặng, lại làm cho chúng sanh phải mang gánh nặng mà đi, làm cho chúng sanh phải mang gánh nặng đi khắp nơi, làm cho chúng sanh vì gánh nặng đó mà mệt mỏi, làm cho chúng sanh vì gánh nặng mà bị đè ép bức bách, làm cho chúng sanh vì gánh nặng bị thương tổn. Này Xá-lợi tử! Do nhân duyên gì gọi vợ? Vợ là chỗ bị phó thác của chúng sanh, là chỗ chìm đắm trong dòng nô lệ tham ái, người thuận theo vợ là nơi bị nộp thuế, người vợ đẹp là nơi bị mê hoặc đắm; người vợ tốt là chỗ nơi quay về; người vợ đảm đang là nơi nương tựa; người vợ tự do là chỗ buông lung; người vợ nô tỳ là nơi thống khổ; người vợ tùy thời biến đổi là chốn mong manh. Này Xá-lợi tử! Vì những lý do như vậy nên gọi là các chỗ ấy là vợ.

Lại kinh Tạp A-hàm dạy: Bấy giờ, đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Có ba hạng con. Những gì là ba? Sanh con tùy thuận. Sanh con tối thắng. Sanh con thấp kém. Thế nào là sanh con thuận theo? Là cha mẹ của người con không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu thì con cũng theo không sát sanh.... Đây gọi là sanh con tùy thuận. Thế nào là sanh con tối thắng? Là nếu cha mẹ không thọ giới không sát sanh...mà con lại thọ giới không sát...Đây gọi là sanh con thù thắng. Thế nào là sanh con thấp kém? Là nếu cha mẹ của người con không thọ giới không sát sanh...thì con cũng không thể thọ giới không sát sanh...Đây gọi là sanh con thấp kém.

***Thứ 7: Duyên giáo giới***

Như trong kinh Trung A hàm dạy: Lúc ấy, có người chăn ngựa, tên là Chỉ Thi đến chỗ Đức Phật đảnh lễ dưới chân Ngài, lùi sang ngồi một bên, thưa Phật: Bạch Thế tôn! Con thấy người thế gian thật là nông cạn, như đàn ngựa. Thế gian chỉ có con mới có thể điều phục ngựa điên cuồng, hung ác. Con dùng mọi cách chỉ cần trong chốc lát sẽ khiến tướng trạng của chúng hiện ra, rồi tùy theo bịnh tìm cách chữa trị.

Đức Phật bảo người chănngựa: Này người chủ xóm làng! Ngươi dùng mấy cách để điều phục ngựa?

Người giữ ngựa đáp: Bạch Thế tôn! Có ba cách điều phục ngựa

ác. Những gì là ba? Một là mềm mại. Hai là thô tháo. Ba là vừa mềm vừa thô.

Đức Phật bảo người chủ xóm làng: Ngươi dùng ba cách điều phục ngựa, mà vẫn không điều phục được, thì phải làm sao?

Người giữ ngựa đáp: Con hoàn toàn không biết cách điều phục nào nữa, liền phải giết nó. Vì sao vậy? Vì chớ khiến nó làm nhục con. Bạch Thế tôn! Ngài là bậc Vô thượng Điều ngự trượng phu đã dùng mấy cách để điều phục trượng phu?

Đức Phật bảo người giữ ngựa: Ta cũng có ba cách điều phục bậc trượng phu. Những gì là ba? Một là chỉ dùng một cách mềm dẻo. Hai là chỉ cứng cỏi. Ba là cả mềm lẫn cứng. Đức Phật bảo người chủ xóm làng: Chỉ một hướng mềm dẻo như ngươi đã nói, đó là thân làm thiện, đó là báo của thân làm thiện, đó là miệng ý làm thiện, đó là báo của miệng, ý làm thiện, đó gọi là trời, là người, là hóa sanh vào cõi lành, là Niết bàn, là nhu nhuyến. Hai là chỉ cứng rắn, như ngươi đã nói, đó là thân làm ác, đó là báo của thân làm ác, là miệng, ý làm ác, là báo của miệng, ý làm ác, là địa ngục, là súc sanh, là ngạ quỷ, là cõi ác, là đọa vào địa ngục. Đó gọi là lời dạy cứng rắn của Như lai. Ba là dùng cả mềm dẻo lẫn cứng rắn, nghĩa là Như Lai có khi giảng thuyết thân làm thiện, có khi giảng thuyết về báo thân làm thiện, có khi giảng thuyết về miệng, ý làm thiện, có khi giảng thuyết về báo của miệng, ý làm thiện, có khi giảng thuyết về thân làm ác, có khi giảng thuyết về báo của thân làm ác, có khi giảng thuyết về miệng, ý làm ác, có khi giảng thuyết về báo của miệng, ý làm ác. Đó gọi là trời, là người, như vậy là cõi lành, là Niết bàn, là địa ngục, là súc, là cõi ác, là đọa vào cõi ác. Đây gọi là lời dạy mềm lẫn cứng rắn của Như lai. Người chăn ngựa thưa Phật: Bạch đức Thế tôn! Nếu dùng ba cách này để điều phục chúng sanh, người không điều phục được thì làm như thế nào?

Đức Phật bảo người chủ xóm làng: Cũng nên giết đi. Vì sao? Vì chớ khiến cho người nhục mạ Ta.

Người chăn ngựa thưa Phật: Nếu giết người, thì trong pháp của Thế tôn không thanh tịnh. Trong pháp Thế tôn cũng không được sát sanh mà nay Ngài nói sát sanh, nghĩa này thế nào?

Đức Phật bảo người chủ xóm làng: Trong pháp Như Lai cũng không có sát sanh, nhưng trong pháp của Ta dùng ba cách để giáo hóa, nếu người không điều phục thì không cùng nói, không dạy, không giáo giới, thì chẳng phải là chết chăng?

Người chăn ngựa thưa Phật: Bạch Thế tôn! Đúng vậy! Không

cùng nói, mãi mãi không được giáo giới, thật đúng là chết. Cho nên, con từ nay xa lìa các việc làm bất thiện, xấu ác, nghe Đức Phật giảng thuyết hoan hỷ lui ra.

Kinh Pháp cú dụ dạy, Đức Phật hỏi người chăn voi: Có mấy cách điều phục voi?

Đáp: Thưa có ba cách. Những gì là ba? Một là dây cương và móc buộc miệng dẫn đi. Hai là giảm ăn thường đói để ốm. Ba là dùng roi đánh càng thêm đau đớn. Dùng móc câu sắt buộc miệng để kiềm chế há miệng lớn, không cho ăn uống là vì kiếm chế thân phóng đảng, dùng roi đánh đập để điều phục tâm. Đức Phật bảo cư sĩ. Ta cũng có ba cách để điều phục tất cả cũng chính điều phục mình để chứng Niết bàn. Một là do chí thành nên chế ngự tai họa của miệng. Hai là dùng lòng từ tuyệt đối để điều phục thân kiên cường. Ba là dùng trí tuệ để diệt trừ ý tưởng ngu muội bị ngăn che. Gìn giữ ba điều này mới độ tất cả, xa lìa ba đường ác. Lại kinh Diêm la vương ngũ sử dạy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Người sống ở đời không hiếu cha mẹ, không kính Sa-môn, không có nhân nghĩa, không học giới kinh, không sợ đời sau, người ấy khi bỏ thân mạng sẽ bị đọa trong địa ngục. Người chủ làm việc cai quản thưa với vua Diêm-la: Người này quá ác, không hiếu thuận cha mẹ, làm các việc ác, không có phước đức, không sợ sanh tử, chỉ nhận sự trừng phạt của vua. Vua Diêm-la trước tiên thường an nhiên dùng lời nói chơn chánh, hiện làm năm sứ giả hỏi: Thứ nhất, ngươi không thấy, người đời lúc mới còn nhỏ cựa quậy nằm trên phân dơ không thể tự lo được, miệng không biết nói, không biết xấu tốt, ngươi có thấy vậy không?

Người đáp: Thưa con đã thấy.

Vua hỏi: Ngươi tự cho là không như vậy, nhưng người, thần từ đó mà có sanh, tuy vẫn chưa thấy, thường phải tự mình đoan chánh ba nghiệp, vì sao mà phóng tâm thỏa chí tạo tội lỗi.

Tội nhân đáp: Con ngu muội không thấy biết được.

Vua bảo: Ngươi ngu si phóng dật làm các việc ác, chẳng phải là lỗi của cha mẹ, sư trưởng, vua, Sa-môn, đạo nhơn. Tội do ngươi gây sao không vui được, nay phải chịu như vậy. Đây là Diêm vương hiện ra thiên sứ thứ nhất.

Diêm thứ hai lại hỏi: Khi người làm con, thiên sứ lại đến, ngươi có biết không?

Đáp: Con không biết.

Vua hỏi: Ngươi không thấy người đời tuổi già tóc bạc, răng rụng, ốm gầy, đi còm, bước cúi, khi đứng phải cần gậy không thể rời được

chăng?

Đáp: Thưa, đúng thế.

Vua hỏi: Ngươi cho rằng người có thể thoát khỏi, không già chăng? Phàm người đã sanh đều phải già nua, thường phải giữ thân, miệng, ý đoan chính, tu tập giới cấm, đâu tự phóng túng?

Người đáp: Con vì ngu si nên như vậy

Vua hỏi: Ngươi tự cho mình là ngu si chẳng phải là lỗi của cha mẹ, vua quan, Sa-môn, đạo nhơn, tội đều do ngươi, đâu không vui được, nay phải chịu như thế. Đây là Diêm vương hiện ra thiên sứ thứ hai.

Diêm vương thứ ba lại hỏi: Khi ngươi làm con, sao không thấy trai gái ở đời thân bị tật bịnh, đau đớn, đứng ngồi không yên, khi sắp chết lòng càng lo buồn, các thầy thuốc không chửa trị được chăng?

Người đáp: Thưa có

Vua nói: Ngươi có thể không bịnh chăng? Có sanh tức có già đều phải bịnh, biết thân tráng kiện thì nên siêng năng làm việc thiện, thường phải giữ thân, miệng, ý đoan chính, tu tập giới cấm, đâu tự phóng túng?

Người đáp: Con vì ngu si nên như vậy.

Vua hỏi: Ngươi tự cho mình là ngu si nên làm ác chẳng phải là lỗi liên quan với cha mẹ, vua quan, Sa-môn, đạo nhơn, tội đều do ngươi, đâu không vui được, nay phải chịu như thế. Đây là Diêm vương hiện ra thiên sứ thứ ba.

Diêm vương thứ tư hỏi: Khi ngươi làm con sao không thấy các thây chết ở đời, hoặc cất chứa các thây chết, hay vứt bỏ đi đến, bảy ngày thì da thịt thối rửa, bị cả trăm chim muôn, cáo...đều đến rỉa thịt. Phàm người đã chết thân đều thối rã, ngươi không thấy sao?

Đáp: Thưa có.

Vua hỏi: Ngươi cho mình thoát khỏi không chết chăng? Phàm đã sanh thì phải chết, biết ở thế gian, thường phải giữ thân, miệng, ý đoan chính, tu tập giới cấm, đâu tự phóng túng?

Người đáp: Con vì ngu si nên như vậy.

Vua hỏi: Ngươi tự làm ác chẳng phải là lỗi của cha mẹ, vua quan, Sa-môn, đạo nhơn, tội đều do ngươi, đâu không vui được, nay phải chịu như thế. Đây là Diêm vương hiện ra thiên sứ thứ tư.

Diêm vương thứ năm lại hỏi: Khi ngươi làm con, sao không thấy người khốn khổ bị quan bắt bớ đem đến chỗ quan, dùng các hình phạt, hoặc chặt tay chân, hoặc xẻo mũi, tai hay đốt thân hình, hay treo đầu dưới ánh nắng mặt trời, hay cắt mổ các tay chân, đủ mọi thứ ác độc khổ

đau chăng?

Đáp: Thưa có.

Vua bảo: Ngươi cho rằng mình có thể thoát khỏi ác độc chăng? Mắt nhìn thấy tội phước ở thế gian rõ ràng, sao không siêng năng giữ thân, miệng, ý đoan chính, tu tập giới cấm, sao tự mình lại hưởng khoái lạc?

Người đáp: Con vì ngu si nên như vậy.

Vua hỏi: Ngươi tự làm với tâm không ngay thẳng, chẳng phải là lỗi của cha mẹ, vua quan, Sa-môn, đạo nhơn. Hôm nay, tai họa của tội lỗi ngươi phải chịu. Đây là Diêm vương hiện ra thiên sứ thứ năm.

Đức Phật thuyết kinh rồi các đệ tử đều lãnh thọ lời dạy, đảnh lễ, hoan hỷ phụng hành.

Kinh Đại Pháp Cú nói kệ:

*Tuy nói ngàn lời*
*Không hành ích gì*
*Không bằng lần nghe*
*Siêng tu được lợi.*
*Tuy nói ngàn lời*
*Nghĩa cú không đúng*
*Không bằng một lời*
*Nghe diệt được ý.*
*Tuy nói ngàn lời*
*Không nghĩa ích gì*
*Không bằng một nghĩa*
*Nghe, tu giải thoát.*
*Tuy nói ngàn lời*
*Không kính ích gì*
*Không bằng lần làm*
*Vui vẻ tu tập.*
*Tuy nói ngàn lời*
*Tâm ta không diệt*
*Không bằng một câu*
*Bỏ kiêu, buông lung.*
*Tuy nói ngàn lời*
*Mong cầu danh tiếng*
*Không bằng nói lời*
*Trừ bỏ đắm chấp.*
*Tuy nói ngàn lời*

*Không muốn diệt tội*
*Không bằng một niệm*
*Xa lìa sanh tử.*
*Tuy nói ngàn lời*
*Sắc, tình trì trệ*
*Không bằng lần hiểu*
*Tâm, cảnh không vướng.*
*Tuy nói ngàn lời*
*Không cầu xuất thế*
*Không bằng lần ngộ*
*Dứt hẳn ba cõi.*
*Tuy nói ngàn lời*
*Không có Bi, Trí*
*Không bằng lần nghe*
*Lợi mình và người.*
*Người sống trăm tuổi*
*Bỏn xẻn quá nhiều*
*Không bằng một ngày*
*Từ bỏ tài sắc.*
*Người sống trăm tuổi*
*Không thích trì giới*
*Không bằng một ngày*
*Tâm tịnh giữ giới.*
*Người sống trăm tuổi*
*Nhiều sân không nhẫn*
*Không bằng một ngày*
*Vui vẻ không sân.*
*Người sống trăm tuổi*
*Biếng nhác không siêng*
*Không bằng một ngày*
*Tinh tấn thân tâm.*
*Người sống trăm tuổi*
*Tâm tính phóng dật*
*Không bằng một ngày*
*Tâm về vắng lặng.*
*Người sống trăm tuổi*
*Tâm thức mê mờ*
*Không bằng một ngày*

*Tỏ ngộ vô minh.*
*Người sống trăm tuổi*
*Thân tâm vụng về*
*Không bằng một ngày*
*Khéo dùng phương tiện.*
*Người sống trăm tuổi*
*Thường bị khiếp nhược*
*Không bằng một ngày*
*Tuệ lực mạnh mẽ*
*Người sống trăm tuổi*
*Không phát nguyện thiện*
*Không bằng một ngày*
*Phát bốn hoằng nguyện.*
*Người sống trăm tuổi*
*Không sanh một trí*
*Không bằng một ngày*
*Tuệ tánh thông lợi.*

Kinh Tạp A hàm chư thiên nói kệ:

*Sĩ phu sanh thế gian*
*Búa do miệng sanh ra*
*Trở lại chém thân mình*
*Đây do lời nói ác*
*Đáng nhục mạ lại khen*
*Đáng khen lại hủy nhục*
*Tội đó do miệng sanh*
*Chết đọa vào đường ác.*

Kệ viết:

*Ngu thành tâm lập chí*
*Tôn kính người thông sáng*
*Cùng nhau lập hoằng thệ*
*Bỏ tục thích nhàn vắng*
*Người vật đều từ bỏ*
*Sáng suốt rời ràng buộc*
*Vắng lặng mong cầu chơn*
*Cố gắng tâm nhu nhuyến*
*Cảnh giác tu ba nghiệp*
*Bàn bạc lắng bốn dòng*
*Tâm phát bốn hoằng thệ*

*Thuyền từ cứu người chìm*
*Mong quay về diệu giác*
*Khéo tu hội Niết bàn*
*Tâm ở Bát chánh đạo*
*Lập chí suốt ba kì.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
HẾT - QUYỂN 7

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 8

## PHẦN THỨ 13: BÁO ÂN

- Duyên thuật ý.
- Duyên báo ân.
- Duyên bội ân.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Nghe vầy, Tam bảo ân nặng, đấng cha lành của bốn loại, nuôi dưỡng và chuyển hóa mười phương đều là con cả, cơ hội không nhỏ mà không đến, bậc trí có đến chắc chắn được an ổn, khiến cho khối ưu sầu gọt giũa thành tượng, uất ức như tia chớp. Vua Ba-tư-nặc đúc hình tượng, phát khởi như vậy tránh xa hoàn toàn, về sau, chắc chắn mình được lợi ích, điềm lành thường ứng, tiếng tốt vang xa, cỏ thơm theo gió, nhớ nghĩ tức tội diệt phước sanh, kính trọng thì có tài vật tốt nhiều đời, do Như Lai nuôi lớn pháp thân ta, cha mẹ nuôi dưỡng sanh thân ta, ân đức ân sâu dày, trời cao khó báo đáp. Huống nữa là phản bội ân sâu nặng, há không bị chìm đắm trong biển khổ sao! Cho nên, người vợ là thuốc độc. Người chồng được khen thưởng mà đốt người giết vật, hai tay đều rơi. Nên luận Trí độ dạy: Người biết ân là nguồn gốc của lòng đại bi, khai mở cửa ban đầu của pháp lành, được người tôn kính, tiếng khen vang xa, khi chết được sanh lên cõi trời, cuối cùng thành Phật đạo. Người không biết ân thật là súc sanh vậy.

***Thứ 2: Duyên báo ân***

Kinh chánh pháp niệm dạy: Có bốn ân lớn thật khó báo đáp. Những gì là bốn? Một là mẹ; hai là cha; ba là Như lai; bốn là Pháp sư thuyết pháp. Nếu ai cúng dường bốn hạng người này thì được vô lượng phước, hiện tại được người khen ngợi còn đời vị lai đắc quả Bồ đề.

Trong kinh Bát Nhã dạy, nếu có người hỏi: Ai là người biết ân có

thể báo đáp? Cần phải trả lời: Đức Phật là bậc biết ân và báo ân. Vì sao? Vì tất cả thế gian biết ân, báo ân không ai hơn Đức Phật.

Trong kinh Tăng nhất A-hàm dạy: Bấy giờ Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu có chúng sanh biết báo ân (trả lại) thì người này đáng kính. Ân nhỏ còn không quên huống nữa là ân lớn. Giả sử cách đây trăm ngàn do tuần vẫn gần Ta không khác. Ta thường khen ngợi: Nếu có chúng sanh không biết báo ân thì ân lớn còn không nhớ huống nữa là ân nhỏ. Người ấy chẳng gần Ta, Ta chẳng gần vị ấy, chính là mang y Tăng-già-lê ở hai bên Ta nhưng người này vẫn cách xa Ta. Cho nên, Tỳ-kheo phải nhớ nghỉ báo ân, chớ học không trả ân.

Kinh Xá Lợi Phất vấn, đức Phật dạy: Người nào thọ giới tùy theo năng lực của mình để làm bố thí, không có giới hạn nhiều ít. Tôn giả Văn-thù-lợi thưa Phật: Vì sao Như Lai thuyết giảng ân của cha mẹ lớn không thể không báo, lại dạy ân của Sư Tăng không thể tính kể. Thế thì ai là cận tối thắng? Đức Phật dạy: Người tại gia việc hiếu cha mẹ ở dưới đầu gối, chớ cho rằng ngang bằng với báo ân sanh trưởng, vì ân sanh thành dưỡng dục rất cao sâu nên gọi là lớn. Nếu từ thầy học hỏi khai mở sự hiểu biết thì ân này cũng lớn. Người xuất gia bỏ cha mẹ, bỏ nhà sanh tử, vào pháp môn thọ pháp vi diệu, năng lực của thầy cũng thế, nuôi lớn pháp thân, phát sanh công đức tài vật trí tuệ làm mạng sống, công lao chẳng phải lớn sao? Suy đến cùng thì hai công đức ấy đều như nhau.

Lại kinh Trung ấm dạy, đức Phật hỏi Bồ tát Di Lặc: Trẻ ở cõi Diêm-phù-đề khi mới sanh ra (sanh ở trên đất), cho đến ba năm mẹ phải bồng bế cho uống sữa hết bao nhiêu?

Bồ tát Di Lặc đáp: Uống hết một trăm tám mươi hộc sữa, còn ở trong bụng mẹ đã ăn bốn phần. Trẻ ở Đông-Phất-vu-đãi (Tì-đề-ha) khi mới sanh ra cho đến ba năm uống hết một ngàn tám mươi hộc sữa. Trẻ sanh ở Tây-câu-da-ni, khi mới sanh ra cho đến ba năm uống hết tám trăm tám mươi hộc sữa. Trẻ ở Uất-đơn-việt khi mới sanh ra ngồi ở đầu đường, người đi qua cho bú bảy ngày trở thành người lớn, người ở đó không có sữa. Thân trung ấm của chúng sanh ăn bú đều là gió.

Lại kinh Nan Báo dạy: Vai trái cõng cha, vai phải mang mẹ trải qua ngàn năm luôn ở trên lưng vẫn không báo đáp được công ơn cha mẹ.

Kinh Tăng nhất A hàm dạy: Phước báo công đức hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ cùng với công đức Bồ tát Nhất Sanh Bổ Xứ đều như nhau. Kinh Lục Độ Tập dạy: Xưa kia khi Bồ tát còn là nhà đại lý (kinh doanh), tích chứa tài vật nhiều vô lượng, thường cúng dường Tam bảo,

từ bi thương yêu chúng sanh, nhìn chợ thấy làm thịt ba ba, tâm thương xót liền hỏi giá đắc rẻ, người chủ ba ba biết Bồ tát có đức thương yêu.

Người chủ thưa: Một trăm vạn.

Bồ tát đáp: Được vậy. Bồ tát mang những con ba ba về nhà tạm thời thả xuống nước, thấy chúng bơi lội, thương xót, vui vẻ nghĩ: Chúng khó an toàn như vậy, hôm nay ta phát nguyện lớn, chư Phật khen ngợi. Qua đêm sau, ba ba đến cắn vào cửa, thấy cửa có tiếng lạ Bồ tát liền đến thấy ba ba.

Ba ba thưa Bồ tát: Con thọ ân Ngài rất nhiều mới được an toàn, không biết lấy gì để báo ân. Loài vật ở trong nước biết nước dâng cao, nước lớn chắc chắn sẽ làm hại rất nhiều, nguyện nhanh chóng chuẩn bị thuyền tạm thời đưa đón.

Đáp: Rất tốt.

Sáng mai đến cửa trình bày sự việc cho vua, vua cho đời trước của Bồ tát có nhiều tiếng tốt, tin tưởng lời nói của Bồ tát. Khi nước thấp dâng cao thì ba ba sẽ đến trong nước lớn có thể nhanh chóng làm hạ xuống. Bệ hạ tìm đến chỗ tôi mới thoát khỏi nạn. Thuyền đi phía sau, con rắn lao nhanh đến thuyền, Bồ tát bảo cứu nó, ba ba nói: Được. Lại thấy con cáo trôi nỗi, Bồ tát dạy cứu, ba ba nói cũng tốt. Lại thấy một người trôi trên nước ngước mặt cầu trời kêu cứu mạng con, Bồ tát vớt lấy, ba ba nói cẩn thận không nên cứu. Tâm phàm nhân hư dối ít có lòng tin về sự chết, phản bội ân, tìm cầu thế lực mạnh để làm ác.

Bồ tát nói: Loài côn trùng còn cứu vớt như vậy, đối với con người ta mà hại thì đâu còn nhân từ? Ta không nhẫn tâm làm như vậy, nên cứu người ấy, ba ba hối hận, lại đến gò cao, ba ba nói: Ân đã trả xong, xin lui.

Đáp: Tôi được Như Lai Vô trước Chí chơn đẳng Chánh giác chắc chắn sẽ cứu độ.

Ba ba nói: Thật tốt. Ba ba để rắn, cáo đi. Con cáo đến ở trong cái hang, được miếng đá đỏ tía của người xưa cất chứa trăm cân vàng. Nó vui vẻ nói: Sẽ lấy vật ấy để báo ân.

Con cáo lại thưa: Trùng nhỏ thọ nhận ân mới được thoát chết, vật ở trong hang của trùng mong được cái hang ở mới an ổn, được một trăm cân vàng. Hang này chẳng phải gò mã, chẳng phải nhà chẳng phải cướp, chẳng phải trộm, chỉ do ta chí thành mà có, nguyện để cúng dường Thánh hiền. Bồ tát suy xét sâu xa không nhận vì chỉ tổn giảm chứ không được lợi ích, nhưng đối với người nghèo thì dùng để bố thí, chúng sanh được cứu giúp thì không tốt hay sao! liền nhận lấy.

Người bị trôi thấy vậy thưa: Phần của con một nửa.

Bồ tát liền lấy mười cân cho người.

Người bị trôi lại thưa: Vàng này đào trộm trong mộ, tội đáng chết, sao không chia làm hai cho, tôi quyết báo quan lại biết.

Bồ tát đáp: Người nghèo khổ ta muốn bố thí cho họ, luôn muốn cứu giúp vẫn không đủ.

Người trôi bèn đến báo vua. Bồ tát bị bắt, không thể kêu oan, chỉ quy y Tam bảo, hối hận tự trách về lỗi của mình, với lòng từ, nguyện cho chúng sanh lìa tám nạn chớ có oán kết, như con hôm nay. Rắn, chồn đều nói sao có việc này?

Rắn nói: Con sẽ cứu giúp người, bèn mang thuốc tốt đến ngã tư, mở cửa ngục vào, thấy nhan sắc Bồ tát tiều tụy, suy nhược thật xót thương, thưa với Bồ tát: Người tùy ý dùng thuốc này. Con sẽ đến cắn ngón tay của thái tử, nọc độc này không ai trị được. Khi người nghe lệnh truyền trị bịnh cho thái tử thì người hãy dùng thuốc tốt này chữa tức khỏi bịnh. Bồ tát im lặng nghe rắn nói như vậy. Lúc Thái tử sắp mất mạng, vua liền truyền lệnh: Ai chữa thái tử lành thì được làm tướng quốc. Bồ tát nghe lệnh bên ngoài truyền chữa lành bịnh cho thái tử, bèn nói: Ta sẽ trị lành. Nhà vua vui mừng hỏi lý do sự việc. Bồ tát kể lại đầu đuôi câu chuyện. Nhà vua hối hận tự trách lỗi mình: Ta thật mờ ám và truyền lệnh giết người bị nước trôi, giải tù cho Bồ tát và phong làm tướng quốc, đưa về cung, cùng bàn luận Phật pháp khiến cho nước nhà thái bình.

Đức Phật bảo các Sa-môn: Nhà kinh doanh là thân Ta, vua nước đó là Di Lặc, con ba ba là tôn giả A Nan, con cáo là Thu-lộ-tử, con rắn là Mục Kiền Liên, người bị nước cuốn trôi là Điều-đạt. Bồ tát từ bi trí tuệ thực hành Bố thí Ba la mật là vậy.

Luận Tân Bà Sa dạy: Xưa vua Ca-nị-sắc-ca, ở nước Kiền Đà La có Huỳnh môn thường trông coi những việc trong cung, lúc ra ngoài thành thấy có bày bò hơn năm trăm con, đi vào trong thành, liền hỏi người chăn bò: Đây là bò gì?

Đáp: Loại bò này sẽ bỏ đi loài giống. Khi ấy, Huỳnh môn nghĩ: Trước ta làm ác chẳng phải thân nam, nay đem tài sản để cứu đàn bò thoát nạn, bèn mua đàn bò, chúng đều thoát cả, nhờ năng lực nghiệp thiện mà thân Huỳnh môn thành thân nam, ông rất vui mừng, về thành giữ lại chức vụ trong cửa cung. Người này khi ra vào thưa thỉnh, vua thấy lạ liền gọi vào hỏi lý do gì. Khi ấy, Huỳnh môn kể rõ ràng tất cả. Vua nghe kinh ngạc vui mừng, ban thưởng tài vật quý, thăng chức quan lớn, truyền rao bên ngoài đều biết.

***Thứ 3: Duyên phản bội ân***

Như kinh Bách dụ dạy: Xưa kia có một phụ nữ hoang dâm vô độ, tình dục hẩy hừng, là người vợ xấu xa đối với chồng, mỗi khi nghĩ đều tìm cách giết chồng, nhiều lần bày kế nhưng không hại được. Đúng lúc chồng đi sứ nước lân cận, vợ âm thầm tìm phương cách làm những viên thuốc độc để hại chồng, lại nói dối: Hôm nay, chàng đi sứ xa, thiếp nghĩ mãi vẫn còn thiếu, nay thiếp làm năm trăm viên thuốc Hoan hỷ làm hành trang để chàng đi đường, khi đến nước khác nếu thấy đói thì lấy ăn. Người chồng nghe vợ nói vậy, đến nước khác chưa kịp ăn thì đêm đã đến, ngủ giữa rừng sợ thú ác nên trèo lên cây để tránh, những viên Hoan hỷ bỏ ở dưới gốc cây. Trong đêm ấy, có năm trăm tên trộm, cướp năm trăm con ngựa và nhiều vật báu rồi đến dưới cây đó nghỉ. Vì vội vàng trốn thoát nên đều đói khát, lại thấy dưới cây có những viên Hoan hỷ, bọn cướp lấy ăn mỗi đứa một viên, bị trúng độc nặng, bọn cướp đều chết hết. Khi trời sáng, sứ giả trên cây, thấy bọn giặc chết đầy dưới gốc cây, giả dùng mũi tên bắn vào những xác chết, rồi bắt ngựa và thu nhặt vật quý đem về nước. Khi ấy, vua nước đó nhà vua cùng nhiều người đi tìm tung tích, trên đường đi gặp người này.

Nhà vua hỏi: Người ở đâu? Được những con ngựa này chỗ nào?

Sứ giả đáp: Tôi người nước... đi trên đường gặp bọn cướp, dùng cung tên bắn, nay năm trăm tên cướp đều chết dưới cây. Do đó, tôi có những thứ này. Tôi được ngựa và những vật báu này đem đến dâng vua. Nếu trẫm không tin thì hãy đến đó xem, bọn giặc bị giết chết tại chỗ.

Nhà vua liền bảo những người hầu tin tưởng đến xem thì đúng như lời tâu. Nhà vua khen ngợi là việc chưa từng có, nên trở về nước phong thêm chức tước, thưởng thêm ngôi làng. Những quan lâu năm thấy vậy ganh tỵ, tâu vua: Người lạ này chưa đáng tin cậy, sao bỗng nhiên được ân huệ quá vậy, ban chức tước hơn các vị quan lâu năm.

Vị quan lạ này nghe được nói: Ai có sức mạnh thì thi thố với ta, xin mời đến trường Bình nguyên để đấu sức. Các quan lâu năm lo sợ không đấu nổi. Một thời gian sau, ở nơi thật hoang vắng của nước đó có con sư tử ác, hay cắn người chết, làm mất đường của vua. Khi ấy, các vị quan lâu năm cùng kiến nghị sứ giả đó, người tự cho mình là mạnh không ai địch nổi thì hôm nay giết con sư tử trừ tai hại cho nước, mới là đáng phục. Bàn luận như thế rồi, bèn tâu vua. Nhà vua nghe vậy, bèn truyền trao cho sứ giả một thanh đao và gậy. Lúc ấy, sứ giả nhận sắc lệnh, lập chí kiên quyết tìm đến chỗ sư tử. Sư tử thấy sứ giả ấy liền vươn mình, gầm lớn nhảy chồm phía trước. Người ấy hốt hoảng trèo lên cây. Sư tử

há miệng nhìn lên cây, người đó run sợ, rơi thanh đao xuống trúng ngay miệng sư tử, nó liền chết. Bấy giờ, sứ giả vui mừng, trở về tâu vua, nhà vua lại ban thêm ân huệ gấp bội, mọi người trong nước đều kính phục ngợi khen.

Lại Chư kinh tập yếu: Có người vào rừng chặt cây, quên đường về. Khi ấy, lại gặp ngày mưa lớn, tối lại đói khát lạnh lẽo, các loại ác trùng thú dữ muốn đến hại ông ta. Người này vào trong hang đá, lại thấy con gấu lớn bỏ chạy ra. Gấu liền bảo: Người chớ sợ! Hang này ấm áp có thể ngủ qua đêm. Trời mưa liên tiếp bảy ngày, gấu thường lấy nước cam ngon cung cấp người ấy. Sau bảy ngày, trời tạnh mưa, gấu dẫn người này chỉ đường về và nói với người đó: Thân của ta có nhiều tội bị nhiều người oán ghét, nên có ai hỏi thì chớ nói có ta.

Người đó đáp: Vâng.

Nhưng người thợ săn hỏi người này: Ông từ đâu đến, có thấy các thú?

Người này lại đáp: Có một con gấu nhưng ta mang ơn nó, nên không thể chỉ cho các ông được.

Thợ săn bảo: Ông là loài người thì quan hệ với người sao lại thương tiếc con gấu? Nay muốn mất đạo hay sao mà đến đây? Ông hãy chỉ cho ta, ta sẽ cho ông phần nhiều. Người này thay lòng đổi dạ liền dẫn người thợ săn đến, chỉ chỗ gấu, giết chết nó, rồi cho người này phần nhiều. Người này đưa tay nhận thịt, hai khủy tay khụy xuống.

Người thợ săn nói: Ngươi có tội gì?

Đáp: Con gấu xem tôi như cha mẹ thương con. Hôm nay, tôi đã phản bội sẽ mắc quả báo.

Người thợ săn khinh sợ, không dám ăn thịt, đem dâng cúng Thượng tọa Tăng. Vị A-la-hán bảo với các vị Hạ tọa: Đây là vị Bồ tát, ở đời vị lai ra đời sẽ thành Phật, chớ ăn thịt này, liền cho xây tháp cúng dường. Vua nghe việc này, liền ban lệnh trong nước: Người nào phản bội ân sẽ không cho ở trong nước.

Kinh Cửu sắc lục dạy: Xưa thân Bồ tát là thân nai chín màu, lông có chín màu, sừng trắng như tuyết, thường sống bên nước, ăn cỏ uống nước, làm bạn với một con chim. Bấy giờ, trong nước có người chết chìm, theo dòng trôi khi nổi khi chìm, ngước mặt kêu trời: Thần núi, thần cây, chư thiên long thần sao không thương xót tôi? Con nai nghe tiếng trong nước, liền xuống cứu, bảo: Ngươi hãy bám vào lưng, níu vào sừng của ta theo ta lên bờ. Người chìm lên được bờ, nhiễu quanh nai ba vòng, hướng đến nai cúi đầu xin được làm đại phu hay nô tỳ để cung cấp

hầu hạ, hái rau, lấy nước.

Nai bảo: Không được, hãy đi đi! Nếu muốn báo ơn ta thì chớ theo ta ở đây. Con người ưa thích sừng da của ta, chắc chắn sẽ đến giết ta.

Khi ấy, phu nhân của vua ban đêm nằm mộng thấy nai chín màu, liền giả vờ bịnh không dậy được.

Nhà vua hỏi: Sao vậy?

Đáp: Đêm thiếp nằm mộng thấy con voi khác thường, lông có chín màu, sừng trắng như tuyết, thiếp nghĩ muốn được da nó để làm mền, hai sừng của nó làm cái chuôi phất trần, trẫm sẽ vì thiếp mà tìm được nó chứ, nếu trẫm tìm không được thì thiếp sẽ chết. Nhà vua triệu tập các người trong nước nếu tìm được thì sẽ chia đất nước cho để cai trị, ban cho bát vàng đầy lúa bạc và ban cho một bát bạc đầy lúa vàng. Người chết chìm nghe vậy muốn được giàu có nên nghĩ: Con nai là súc sanh, sống chết ở đâu, rồi đến nói cho vua biết chỗ của nai ở. Nhà vua rất vui mừng nói: Nếu ngươi lấy được da, sừng của nai đem đến đây thì ta sẽ cấp cho nửa nước. Lúc ấy, trên mặt người chết chìm tự nhiên sanh các ung nhọt. Người chìm nước nói: Tâu đại vương! Con nai này tuy là súc sanh nhưng có oai thần rất lớn, vua nên cho nhiều người đi mới có thể bắt được, nhà vua liền ra lệnh nhiều binh sĩ đến bên dòng nước, con chim trên cây thấy binh đến liền hót báo hiệu cho nai bỏ chạy. Binh sĩ của vua đến, nai vẫn ngủ say, không tỉnh, con chim liền nhảy xuống, mổ vào tai làm nai hoảng hốt tỉnh dậy, nhìn quanh bốn hướng, không có lối thoát, liền chạy đến bên xe vua, các quan thần chuẩn bị bắn, thì vua ra lệnh chớ bắn, nai này rất phi thường, nó là thiên thần. Nai nói: Tâu đại vương! Ngài chớ bắn con, trước đây con là người sống ở nước này, nai lại quỳ xuống hỏi vua: Ai chỉ con ở đây? Nhà vua liền chỉ người mặt ung nhọt đang đứng bên xe. Nai ngước đầu nhìn mặt người ấy, mắt rơi lệ không thể kềm chế, người này trước đây bị chìm trong nước, ta không kể thân mạng, nhảy xuống để cứu lên, trái với lời ước hẹn, người không được vớt lên bờ chẳng khác nào cây trôi nổi trong nước. Nhà vua hổ thẹn bảo: Ngươi đã nhận ơn của người sao lại phản bội muốn giết hại nó? Liền ra lệnh trong nước: Nếu ai đuổi bắt nai này thì sẽ bị giết năm đời. Loài nai cũng nhờ ơn này, uống nước ăn cỏ không phá hoại lúa má. Khi thời tiết mưa gió năm giống lúa tốt tươi người không bịnh tật, đất nước thái bình. Con nai chín màu ấy chính là thân Ta, con chim là A Nan, vua nước đó là vua cha Việt-đầu-đàn, phu nhân của vua là Tôn-đà-lợi, người chết chìm là Điều-đạt. Ta tuy có tâm lành chỉ hướng cho tất cả, nên ai muốn hại Ta khó đạt được ý nguyện.

Kinh Tước Vương dạy: Xưa kia, thân Bồ tát là một chim Tước chúa, tâm từ bi cứu giúp chúng sanh, nên thân thường ghẻ lở. Có con cọp ăn thịt thú, ốm yếu chỉ còn xương sống, nhe răng đói khát sắp chết. Chim tước thường mổ xương đưa vào miệng, mỗi ngày đều làm lợi ích như vậy, miệng chim tước bị lở, nên gầy yếu, thường đem xương đến để nuôi cọp, chim tước bay lên cây thuyết kinh Phật: Sát sanh là hung ác, việc ác đó thật lớn. Con hổ nghe tiếng của chim tước nói vậy, bỗng nhiên sân giận nói: Mới rời khỏi miệng ta mà dám nói nhiều lời. Chim tước thấy cọp không thể giáo hóa được liền nhanh chóng bay đi. Đức Phật dạy: Chim tước chúa chính là thân ta, con cọp là Điều-đạt.

Kinh Tạp bảo tạng dạy: Khi Đề-bà-đạt-đa thường làm ác muốn hại đức Thế tôn, cho đến thuê năm trăm Bà-la-môn bắn giỏi, bảo họ hãy dùng cung tên bắn vào Thế tôn. Khi các cung tên bắn đến Thế tôn thì đều biến thành hoa. Năm trăm Bà-la-môn thấy việc thần biến ấy nên rất hoảng sợ, bỏ cung tên xuống đến đảnh lễ, sám hối Đức Phật, Ngài thuyết pháp, mọi người đều chứng quả Tu-đà-hoàn, lại thưa Đức Phật cho phép chúng con xuất gia học đạo. Đức Phật dạy: Lành thay Tỳ-kheo! Râu tóc họ liền tự rụng, pháp phục tự mặc vào thân, lại được nghe thuyết pháp, đắc quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo thưa Phật: Bạch đức Thế tôn! Thần lực của Ngài thật hiếm có, Đề-bà-đạt-đa thường muốn hại Phật, nhưng Ngài thường phát lòng từ bi.

Đức Phật dạy: Không phải chỉ ngày hôm nay như vậy, mà ở đời quá khứ trong thành Ba la nại, có một thương chủ, tên là Bất Thức Ân cùng với năm trăm khách buôn vào biển tìm vật báu, khi được của quý lại trở về đến chỗ xa kín lại gặp La sát nước, nhấn kéo thuyền đó không thể tiến về trước được. Những người thương gia rất hoảng sợ đều cùng nhau khẩn cầu: Thần mặt trời, mặt trăng, thần trời, thần đất! Ai có lòng từ bi cứu giúp chúng con. Khi ấy, có con ba ba lớn, lưng rộng một dặm, phát tâm từ bi đến chỗ thuyền, cõng những người buôn qua khỏi biển. Khi con ba ba vừa ngủ một tí thì (trong đó) có người không biết ân muốn lấy đá đánh váo đầu giết nó. Những người buôn nói: Chúng ta nhờ ba ba cứu vớt, nếu không khó sống được, giết nó là không tốt, không biết ân đức. Người không biết ân nói: Ta đang bị đói khát hành hạ, ai có thể nhớ ân đây? Khi ấy liền giết chết ba ba ăn thịt nó, trong ngày đó có đàn voi dẫm chết người ấy. Lúc bấy giờ, ba ba lớn chính là thân Ta, người không biết ân chính là Đề-bà-đạt-đa, năm trăm khách buôn là năm trăm Bà-la-môn, xuất gia đắc đạo. Ta ở trong đời quá khứ cứu giúp rất

nhiều người thoát khỏi nạn nguy hiểm, hôm nay trừ được những hoạn nạn trong sanh tử.

Kinh Phật thuyết chiên đàn thọ, Đức Phật bảo A Nan: Hãy lắng nghe và thọ trì! Khi còn ở nước Duy-da-ly, có năm trăm người vào biển tìm lấy của báu, khi thuyền trở lại trải qua núi sâu, trời tối, liền ngủ lại đêm, dự tính sáng đi sớm, bốn trăm chín mươi chín người đều dẫn nhau đi, một người ngủ say lạc mất bạn, lại gặp trời mưa sấm chớp, quên mất lối đi, do cùng quẫn nên khóc lóc kêu trời, có cây hương chiên đàn lớn, thần cây bảo với người cùng quẫn: Ngươi nên nghĩ lại ở đây, ta sẽ cung cấp áo quần, thức ăn mùa hạ đến rồi đi. Người cùng ở lại đó ba tháng, thưa thần cây: Con đã nhận ơn được bảo toàn thân mạng mà chưa có một chút báo ân nhỏ nào. Nhưng con mong được gặp cha mẹ ở quê nhà, thật ra muốn trở về, xin người chỉ đường. Thần cây đồng ý, với ý tốt lấy bình bằng vàng cho người này rồi chỉ đường cách đây không xa sẽ đến làng.

Người ấy sắp đi, hỏi thần cây: Cây này hương rất thơm ở đời hiếm có, hôm nay, bị héo con muốn biết tên của nó.

Thần nói: Không nên hỏi.

Người này lại nói: Con núp bóng cây này trú qua ba tháng, nếu trở về nước thì nhớ ơn cây.

Thần cây nói: Cây đó là chiên đàn, gốc rễ cành lá trị trăm bịnh cho người, hương bay xa, ở đời rất kỳ lạ, người đời mong cầu không thể được. Người này trở về nước bà con rất vui mừng. Sau thời gian không lâu, vua của nước mắc bịnh đau đầu, khẩn cầu các vị thần trời đất, sông núi mà bịnh vẫn không giảm. Thầy thuốc giỏi bảo: Chỉ có hương chiên đàn mới chữa lành bịnh. Nhà vua liền khắp mọi nơi nhưng không có, bèn ra lệnh trong nước: Nếu người nào kiếm có hương chiên đàn thì sẽ được lễ bái, phong chức hầu và lấy con gái vua. Khi ấy, người này nghe thưởng được bỗng lộc nhiều nên đến vua thưa: Tôi biết chỗ hương chiên đàn. Nhà vua sai quan cận thần đi với người này đến chặt lấy cây hương chiên đàn. Khi đến nơi, thấy cây tươi tốt, nhánh cành sum sê, hoa quả say trĩu, cảm thấy là điều hiếm có nên không dám chặt phá, nếu vậy thì trái với lệnh của vua, suy tính bồi hồi không biết làm sao. Lúc đó, thần cây ở hư không nói: Hãy chặt đi! Chỉ để gốc lại, chặt rồi lấy máu người bôi lên, lấy gan, ruột đắp lên đó thì cây tự sống trở lại. Người hầu nghe thần nói như vậy, liền sai người chặt. Người ấy đứng bên cây, cành cây rơi xuống trúng vào người nên bị chết. Người hầu bàn tính với người xung quanh, rồi hướng lên thần cây nói: Nên lấy máu, gan, ruột của

người này để cúng tế thần cây, chứ chẳng biết lấy ai để báo đền, người này hôm nay chết, nên dùng để báo ân, liền mổ lấy gan máu theo yêu cầu của vị thần, cây sống lại như trước không khác. Các quan lấy xe chở cây đem về nước, vị thầy thuốc chế biến thuốc nên bịnh vua lành ngay, cả nước đều vui mừng. Mạng sống nhân dân trong nước vua, mỗi khi họ bịnh đều cho hương này tất cả lành hẳn, cả nước vui mừng, an lành. Tôn giả A Nan đứng dậy cúi đầu thưa: Người cùng này sao lại phản ơn vậy, trái lời hẹn với thần cây. Đức Phật dạy: Ở trong đời quá khứ, thời Phật Duy thần Vệ có ba cha con, người cha tu tập thực hành trai giới, chưa từng biếng nhác. Người con lớn thường đứng trước sân dâng hương cúng dường mười phương chư Phật. Người con nhỏ thì ngu si, không biết Tam bảo, liền lấy áo trùm lên mùi hương đó.

Người anh bảo em: Việc này rất quan trọng, sao em lại để cho phạm?

Người em oán trách nói ra lời thề ác độc: Chặt hai chân của anh. Người anh lại nghĩ, nên đánh chết em.

Người cha nói: Hai anh em con tranh cải khiến cha đau cả đầu.

Người con lớn thưa: Xin cắt thân con làm thuốc để cha được lành bịnh, do không nói dối nên đời đời không chịu tội. Người em khởi ý ác muốn chặt chân anh, kết quả sẽ là người đến chặt thân cây. Người anh muốn đánh chết em, hôm nay, làm thần cây. Cây nhân quả làm thể đánh chết người em. Lúc ấy, vua đau đầu đó là người cha, giữ gìn giới tinh cần được mọi người tôn quý, khi nói đau đầu đó nên nay bị đau đầu mỗi một đều phải chịu tai ương. Đức Phật dạy: Tội phước báo ứng như hình với bóng. Kệ viết:

*Lành thay! Năng nhơn*
*Cứu giúp làm đầu*
*Thừa cơ cảm ứng*
*Nuôi dưỡng thương yêu*
*Cáo rắn thưởng vàng*
*Che chở thân mạng*
*Biết ân báo đức*
*Tối tăm vẫn hiện.*
*Vợ phụ bạc chồng*
*Trời ban mạng sống*
*Giặc thú không hại*
*Lại liền phản bội*
*Trái ân bội nghĩa*

*Phước hại nguy thân.*
*Tham hương chặt cây*
*Gan máu bôi thần.*

--------------------------------

## PHẦN THỨ 14: PHÓNG SANH

- Duyên thuật ý.
- Duyên hưng hại.
- Duyên phóng sanh.
- Duyên cứu ách.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Thường nghe trăm loài đều tham sống, côn trùng nhỏ nhít nơi tăm tối cũng biết sợ chết, vì vậy hổ lìa rừng thì mất mạng trong lò, nhổ lông muôn thú đều sợ, bèn đánh vào thân tra khảo. Đến như khen ngợi mạng sống, dù có ý với ngọc hoàng, Khổng-thị thả rùa, vốn không có tình với ấn vàng, nhưng tối trời chờ mãi chẳng sáng, mà báo ứng thường theo kịp. Nên biết nhân quả là hành nghiệp soi chiếu như mặt trời. Thế nên, phát tâm từ bi lớn, cứu khổ làm chính yếu, phát bốn thệ nguyện, cứu chúng sanh làm gốc. Chỉ năm bộ gọi là loài đều bày ra trên đỉnh(đồ đựng) để phô trương, càng tăng thêm phóng đảng, dùng dao chém giết, quần sanh đâu có tội gì, khi thấy lại khởi tâm giết hại? Hàm thức chẳng tội tình gì mà lại ngang tàn bày biện gấm vóc? Vì thế, khiến quỷ oán trách, không diệt trừ khổ báo, càng thêm thù hận. Hôm nay, khuyến khích mọi người cùng tu tập làm lành, nếu gặp các ách nạn sợ hãi thì hãy phóng sanh, tùy loài thả chúng bay lên hay bơi xuống, theo thức ăn của chúng mà tạo thành vẫy màu tím, đuôi màu đỏ, cùng nhau thích sống trong sông hồ, ngực như gấm, lông xanh biếc, tất cả đều sống tự tại trong mây nước, hoặc nghe ba quy y mà hiểu đạo, khác gì rồng mù, nghe Tứ đế mà lên trời cũng giống như chim oanh, cùng lập nền móng trường thọ, thường chiêu cảm thân mạng thường còn.

***Thứ 2: Phát khởi duyên giết hại***

Trong kinh Niết Bàn dạy: Có mười sáu ác luật nghi. Những gì là mười sáu? Một là nuôi dưỡng dê con cho mập để bán. Hai là vì lợi mà mua để giết mổ. Ba là vì lợi nuôi dưỡng heo con cho mập rồi bán. Bốn

là vì lợi mà mua để giết mổ. Năm là vì lợi nuôi dưỡng nghé con cho mập rồi bán. Sáu là vì lợi mà mua để giết. Bảy là nuôi dưỡng gà cho mập để bán. Tám là vì lợi mà mua để giết mổ. Chín là câu cá. Mười là làm thợ săn. Mười một là trộm cướp. Mười hai là chủ làm nem chả. Mười ba là bủa lưới bắt chim. Mười bốn là nói hai lưỡi. Mười lăm là cai ngục. Mười sáu là nguyền rủa ân sủng. Nếu ai vì chúng sanh đoạn trừ hết mười sáu việc ác như vậy thì mới gọi là tu giới.

Trong luận Tạp A-tỳ-đàm tâm dạy: Có mười hai loại trú không phải luật nghi: Một là mổ dê. Hai là nuôi gà. Ba là nuôi heo. Bốn là bắt chim. Năm là bắt cá. Sáu là thợ săn. Bảy là làm giặc. Tám là chủ làm nem chả. Chín là làm cai ngục. Mười là nguyền rủa ân sủng. Mười một là nuôi chó. Mười hai là người thợ săn. Người mổ dê gọi là giết dê, vì do tâm giết hại, nếu nuôi dưỡng hoặc bán hoặc giết đều gọi là mổ dê. Nuôi gà nuôi chó cũng như vậy. Người bắt chim hay giết chim để nuôi sống mình, bắt cá, thợ săn cũng như vậy. Người làm giặc thường cướp đoạt tổn hại. Người chủ nem chả cũng là người chủ giết hại để nuôi sống mình. Người cai ngục lấy việc giữ ngục để nuôi sống mình. Người nguyền rủa ân sủng luôn nguyền rủa ân sủng bằng sự hung hăng của loài rắn để sống. Người mổ chó là chiên đà la. Người thợ săn là vua của sự săn bắn.

Luận Đối pháp dạy: Nghiệp của bất luật nghi, những gì gọi là nghiệp bất luật nghi? Đó là: Mổ dê, nuôi gà, chó, bắt chim, cá, săn nai, bủa lưới bắt thỏ, chủ nem chả, giết hại trâu, trói voi, lập đàn nguyền rủa ân sủng, cai ngục, dèm pha, muốn làm tổn giảm. Người mổ dê là muốn nuôi sống mình; mổ nuôi, mua bán, nuôi gà, heo đều như vậy, tùy lúc mà làm. Người trói voi thường ở trên núi, trói bắt để điều khiển nó. Lập đàn nguyền rủa ân sủng là thường nguyền rủa ân huệ bằng sự hung hăng của loài rắn để sống, hoặc do sanh vào dòng họ kia, hoặc do thừa kế sự nghiệp ấy, tức là hoặc sanh vào nhà này hay sanh vào nhà khác, cứ theo thứ lớp như vậy mà có sự mong cầu nên quyết định nghiệp hiện hành đó, tức thân và lời nói là phương tiện trước tiên để chắc chắn quyết định nghiệp hiện hành đó. Đó gọi là nghiệp bất luật nghi.

***Thứ 3: Nhân duyên phóng sanh***

Kinh Phạm võng dạy: Nếu là Phật tử với tâm từ bi thực hành phóng sanh, xem tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta, ta đời đời từ cha mẹ mà thọ sanh, nên sáu đường chúng sanh đều là cha mẹ của ta, nếu giết hại ăn thịt chính là giết cha mẹ ta cũng chính là giết

thân ta. Tất cả đất nước là thân trước của ta, tất cả lửa gió là bản thể của ta, nên thường phóng sanh để đời đời thọ sanh. Nếu thấy người đời giết hại súc sanh thì nên dùng cách cứu giúp cho chúng thoát khỏi nạn khổ, luôn giáo hóa giảng thuyết giới Bồ tát cứu độ chúng sanh. Nếu ngày cha mẹ anh em qua đời, nên thỉnh Pháp sư giảng thuyết giới kinh luật Bồ tát, để làm tư lương phước đức cho người mất, được thấy chư Phật, được sanh lên cõi trời, nếu không như vậy phạm tội khinh cấu.

Luật Tăng kỳ dạy: Đạo tục gồm bảy chúng. Phải lọc nước rồi mới được dùng, nếu lọc nước rồi thì nên bỏ vào lòng bàn tay để thấy văn tay, nhìn thật kỹ nước đó. Khi xem xét có đàn voi lớn hay xe chở tre vừa đi qua thì không nên dùng. Người đáng tin cậy thì nên cho họ lọc nước, nếu không thì nên tự mình lọc. Khi lọc nếu có trùng thì nên thả chúng lại nơi nó sống được an toàn, hay đến nơi xa hoặc gần có hồ hay giếng nước, nếu bảy ngày nó không mất thì thả vào trong hồ giếng đó. Nếu biết nước có trùng thì không nên cho người mượn gàu múc nước. Hoặc nước hồ sông có trùng thì không được kêu lên: Nước này có trùng! Nếu có ai hỏi, thì đáp: Trưởng giả tự nhìn xem. Nếu bạn cùng thầy biết, nói: Trong đây có trùng! Thì nên lọc nước để dùng. Trong luật Thập tụng dạy: Có hai Tỳ-kheo chưa từng thấy Phật, từ phía Bắc xa xôi cùng đến Xá vệ diện kiến Thế tôn, trên đường đi khát nước, gặp nước có trùng.

Người phá giới nói: Nên cùng nhau uống.

Người giữ giới nói: Trong nước có trùng sao uống được.

Người phá giới nói: Nếu ta không uống chắc chắn sẽ chết khát, không được thấy Phật, liền uống rồi đi. Người trì giới cẩn thận giữ giới nên không uống, bị khát mà chết, lại được sanh vào cõi trời thứ ba mươi ba, thân trang nghiêm, đến đảnh lễ Phật trước, Đức Phật thuyết pháp được đắc pháp nhãn tịnh, thọ nhận pháp Tam quy, sau đó trở về cõi trời. Người uống nước đến chỗ Phật sau, khi Đức Phật đang thuyết pháp cho bốn chúng, Ngài khoát y hiện thân màu vàng, bảo: Ngươi ngu si muốn thấy thân thịt của Ta, làm sao bằng người trì giới trước đã thấy pháp thân trí tuệ của Ta. Đức Phật dạy: Từ nay về sau, nếu Tỳ-kheo đi hơn hai mươi dặm mà không đẩy lọc nước thì phạm tội. Nếu tự mình không đồng ý với bạn thì cho phép bỏ đi.

Có người đem quân đi chinh chiến, gặp một Tỳ-kheo giáo hóa người đó, ông ta đều bỏ đầu cung vào đẩy lọc nước, mang đi để lọc nước khi dùng. Có vị quan biết được tâu vua, nhà vua nghe thế, sân giận, muốn giết ông ấy, nói: Ngươi đối với côn trùng nhỏ còn sợ không giết, huống nữa khi thấy giặc làm sao giết được?

Người chinh chiến thưa rõ ràng với vua: Côn trùng nhỏ nhít nếu ở trong nước hại quân thần thì tôi sẽ giết sạch, còn nó không có oán thù sao không cho lọc nước?

Vua nghe rồi thả người ấy đi, do năng lực từ bi căn lành của người đó nên giặc đến đầu hàng.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy: Nước để cách đêm nếu không xem kỹ thì sợ sanh trùng nhỏ nếu không lọc thì không dùng không uống. Đây gọi là giữ gìn giới nhỏ không sát sanh.

Luận Trí độ dạy: Đời quá khứ dân chúng nhiều bịnh tật, bạc nhược tiều tụy. Lúc ấy, Bồ tát làm thân cá đỏ, tự lấy thịt của mình cho người bịnh, để chữa bịnh cho họ. Lại có Bồ tát làm thân con chim ở trong rừng, thấy có người vào trong nước sâu, chẳng phải là nơi người đi đến, bịthủy bất thần không thể thoát ra, Bồ tát đi đến núi Hương lấy dược thảo bỏ trên lưới đó, các dây lưới liền mục nát, người đó thoát khỏi. Bồ tát đời trước đã làm nhiều việc như vậy, làm vô lượng thân cứu độ muôn người, gọi là kinh Bổn sanh.

Luật Thập tụng, Đức Phật dạy: Đời quá khứ gần dưới núi Tuyết, có con nai chúa gọi là Oai đức, làm chủ năm trăm con nai. Khi ấy, có thợ săn mang lúa bỏ vào trong lưới. Con nai chúa đi trước, sợi lông của chân phải rơi vào trong lưới. Nai chúa nghĩ: Nếu ta hiện ra tướng thì các con nai không dám ăn lúa, để ăn hết lúa mới hiện ra tướng của chân. Khi ấy, các con nai đều bỏ đi, chỉ còn nai cái, nói kệ:

*Đại vương nên biết*
*Lưới của thợ săn*
*Nguyện tìm phương tiện*
*Thoát khỏi bẫy ấy.*

Bấy giờ, nai chúa dùng kệ đáp:

*Tôi cố tìm cách*
*Thế lực đã hết*
*Lông vội rơi lưới*
*Không thể ra được.*

Nai cái thấy thợ săn đến rồi, hướng đến dùng kệ nói:

*Ông dùng dao bén*
*Trước giết thân tôi*
*Nhưng sau xin thả*
*Cho nai chúa đi.*

Người thợ săn nghe vậy, lòng xót thương, dùng kệ nói:

*Tôi trọn không giết người*

*Cũng không giết nai chúa*
*Thả ngươi và nai chúa*
*Tùy ý mà ra đi.*

Người thợ săn liền thả nai chúa. Đức Phật dạy: Nai chúa xưa kia nay chính là Ta, năm trăm con nai là năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có người thợ săn bắt được nhạn chúa, gặp được con nhạn bạn, muốn đổi thân mình để cứu bạn, lại nói kệ trả lời, người thợ săn thương xót thả hai con nhạn đi. Sau đó, báo ân mà được vật báu. Đại ý cũng như trước.

Luận Trí độ dạy: Vua nghe nai nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, nói kệ:

*Ta thật là cầm thú*
*Gọi là người đầu nai*
*Ngươi tuy là thân nai*
*Mà đầu lại là người.*
*Nếu dùng lý mà nói*
*Thì chẳng phải thân người*
*Nếu có tâm từ bi*
*Cầm thú mà như người.*
*Ta từ nay về sau*
*Không ăn tất cả thịt*
*Ta dùng thí vô úy*
*Nên mới được an tâm.*

Lại trong luật Thập Tụng dạy: Tôn giả Mục Kiền Liên giảng thuyết kinh Bổn sanh cho vua A-dục nói: Đại vương! Xưa có con chim ngói bị người bắt nhốt trong lồng, trói trên đất, rất buồn sầu, kêu lớn, những con chim cùng loài tập trung lại bị người giết. Chim ngói hỏi người: Tôi có tội không?

Đạo nhân trả lời: Ngươi kêu lớn mà có tâm giết hại không?

Chim ngói trả lời? Tôi kêu bạn đến chẳng có tâm giết hại.

Đạo nhơn trả lời: Nếu không có tâm giết hại thì ngươi không có tội, nói kệ:

*Không cùng nghiệp mà đến*
*Không cùng tâm mà sanh*
*Người thiện giữ gìn tâm*
*Tội ngươi chẳng tăng thêm.*

Lại luật Tăng kỳ dạy: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, đời quá khứ có một Tiên nhơn sinh sống trong núi Hương, cách núi không xa có một

ao nước, trong nước có một con ba ba, nổi lên tìm thức ăn. Ăn xong hả miệng nhìn mặt trời mà ngủ. Trong núi Hương có con khỉ cái vào hồ uống nước, đứng trên bờ thấy con ba ba hả miệng mà ngủ, con khỉ liền làm pháp dâm dục, tức trong thân xuất ra, đưa vào miệng con ba ba. Khi con ba ba tỉnh dậy, ngậm miệng lại, thu sáu căn vào trong nang, nói kệ:

*Người ngu chấp vào tướng*
*Như ba ba ngậm miệng*
*Không giữ được tiếp xúc*
*Chẳng búa thì không lìa.*

Bấy giờ, ba ba vội vàng nắm con khỉ muốn kéo vào trong nước, con khỉ rất lo sợ, suy nghĩ: Nếu ta vào nước chắc chắn sẽ chết, thật khốn khổ yếu hèn. Con ba ba ra sức kéo xuống nước, gặp chỗ nguy hiểm, lúc ấy, ba ba nằm ngửa ra, hai tay con khỉ lại ôm vào con ba ba, suy nghĩ: Ai sẽ làm cho ta thoát khổ nạn này? Con khỉ lại nhớ chỗ ở của Tiên nhơn, vị ấy sẽ đến cứu ta, liền ôm giữ ba ba, hướng theo vị Tiên nhơn mà đến. Vị Tiên nhơn từ xa nhìn thấy, nghĩ: Việc gì lạ vậy? Sao con khỉ lại làm những điều hý lộng như thế? Bà-la-môn (Tiên nhơn) nói: Con khỉ này có những vật báu gì mà mang đến được, do đức tin gì mà hướng đến chỗ ta? Lúc ấy, khỉ nói kệ:

*Ta là khỉ ngu si*
*Không phước não hại người*
*Bậc Hiền sĩ cứu nguy*
*Mạng sống chẳng bao lâu.*
*Hôm nay Bà-la-môn*
*Nếu không cứu giúp ta*
*Giây lát sẽ mất mạng*
*Khốn khổ trở lại rừng.*

Bấy giờ, Tiên nhơn dùng kệ trả lời:

*Ta đã cứu thoát ngươi*
*Trở lại trong núi rừng*
*Sợ ngươi là loài khỉ*
*Nên bị sanh trở lại.*
*Bấy giờ Tiên nhơn kia*
*Kể lại việc quá khứ*
*Đời trước Ba ba ngươi*
*Từng tên là Ca Diếp*
*Con khỉ đời quá khứ*

*Hiệu là Kiều-trần-như*
*Đã làm việc dâm dục*
*Nay đoạn được nhân duyên*
*Ca Diếp thả Kiều-trần*
*Vào lại trong núi rừng.*

***Thứ 4: Nhân duyên cứu nguy***

Kinh Xuất diệu dạy: Phía Nam của biển sóng cuồn dâng lên, tràn vào bờ, có ba con cá lớn theo nước vào bị mắc cạn, chúng cùng nhau bảo: Chúng ta bị nạn ở đây, nước tràn lên chưa xuống, phải chờ nước xuống mới trở lại được biển lớn, thuyền cản trở nước không thể qua được. Con cá thứ nhất hết sức lực đẩy thuyền nên qua được. Con cá thứ hai nhờ cỏ mà vượt qua. Con thứ ba đã kiệt sức, bị người đánh cá bắt. Đức Phật nói kệ:

*Ngày nay đã qua*
*Mạng sống giảm dần*
*Như cá thiếu nước*
*Có gì vui đâu?*

Kinh Di lặc sở vấn bổn nguyện dạy: Đức Phật bảo A Nan, khi xưa Ta cầu đạo, siêng năng chịu khổ vô lượng. Ở đời quá khứ, có thái tử con vua hiệu là Bảo-hoa, tướng thật tốt đẹp, từ vườn nhìn ra thấy người bịnh ung nhọt đi trên đường, đến gặp mà hỏi: Khanh phải dùng những thứ thuốc gì để chữa bịnh?

Người bịnh thưa: Nếu được tủy máu của người để xoa lên thân con thì bịnh sẽ lành. Thái tử nghe thế, tự mổ thân mình lấy xương tủy máu đem cho người bịnh, một lòng bố thí không hối tiếc. Thái tử con vua đó chính là thân ta. Nước trong biển lớn có thể lường được còn xương tủy máu của ta không thể tính kể, để cầu đạo Chánh giác.

Kinh Đại tập dạy: Bấy giờ, Bồ tát Khoáng-giả hiện làm thân quỷ. Bồ tát Tán-chi hiện làm thân nai. Bồ tát Tuệ-cự hiện thân làm khỉ cái. Bồ tát Ly-ái hiện làm con dê. Bồ tát Tận-lậu hiện làm con ngỗng chúa. Năm trăm vị Bồ tát như vậy, mỗi vị đều hiện ra tất cả thân, mỗi thân đều phóng ra ánh sáng và hương thơm, mỗi tay của Bồ tát đều nâng đuốc sáng cúng dường mười phương chư Phật. Từ bảy Đức Phật đến nay đều cùng làm quyến thuộc, thọ trì năm giới, phát tâm Bồ đề chỉ muốn điều phục tất cả chúng sanh, khiến họ phát tâm Bồ đề mà phải chịu thân này.

Kinh Tạp bảo tạng dạy: Xưa kia có một đạo nhơn La-hán nuôi

một Sa-di, biết Sa-di này còn bảy ngày nữa chắc chắn qua đời, bèn cho trở về nhà đến ngày thứ bảy bảo trở lại chùa. Sa-di chào thầy về, trên đường đi thấy đàn kiến nhỏ bị nước cuốn trôi, mạng chúng sắp chết. Sa-di sanh lòng thương cởi áo cà sa vớt chúng lên, lấy đất đắp cao ngăn nước lại, đặt chúng vào nơi khô ráo nên tất cả đều sống. Cho đến đầu ngày thứ bảy, Sa-di trở lại chỗ thầy, thầy thấy lạ thường, liền nhập thiền định, dùng thiên nhãn quán xét biết được Sa-di này tuy không còn phước đức nhưng nhờ nhân duyên cứu đàn kiến mà bảy ngày không chết lại còn sống dài lâu.

Kinh Đại bi, Đức Phật bảo A Nan: Đời quá khứ có một đại thương nhân, vì tìm vật báu nên cùng với các thương nhân khác vào trong biển lớn. Những con thuyền của họ vì đã đầy ắp, đến giữa biển thuyền bị hỏng, các thương nhân lo sợ buồn rầu. Trong số đó hoặc có người vớt được tấm ván, có người bơi, có người chết. Khi ấy ta làm người đi buôn trong biển lớn đó, dùng phao nổi cứu họ. Có năm người gọi thương nhân: Bồ tát thương chủ, nguyện thương xót bố thí vô úy cho chúng tôi.

Người buôn trả lời: Các trượng phu chớ lo sợ! Ta sẽ khiến cho các ngươi an ổn ra khỏi biển lớn. Này A Nan! Thương nhân lúc đó thân mang kiếm bén nghĩ: Pháp trong biển lớn không chứa thây chết, như Ta hôm nay tự bỏ thân này, các thương nhân này chắc chắn được cứu ra khỏi biển lớn. Nghĩ rồi liền gọi những người buôn: Hãy nắm chặt thân ta. Những thương nhân đó, chạy lại ôm vào vai, đầu gối. Bấy giờ thương nhân muốn bố thí sự không sợ sệt nên tu tập lòng từ, phát tâm dõng mãnh, cầm kiếm bén chặt đứt thân mạng, rồi qua đời. Khi ấy, trên bờ biển phơi đầy xác chết, năm người buôn đó liền qua khỏi biển, an ổn vui vẻ thoát nạn, trở về Diêm phù đề. Này A Nan! Thương nhân hồi đó chính là thân Ta, đâu phải người nào lạ, năm người đi buôn nay chính là năm Tỳ-kheo, lúc đó ở biển lớn được Ta cứu. Hôm nay, lại sống chết biển này lại được cứu thoát, an trú Niết bàn vô úy.

Luận Trí độ dạy: Trong vô lượng A tăng kỳ kiếp đời quá khứ có một rừng cây lớn rất nhiều cầm thú, lửa ở đồng vắng cháy khắp ba bề, chỉ còn lại một bề có giòng nước, các thú rừng hoảng hốt trốn thoát nhưng chẳng có nơi. Đức Phật bảo: Bấy giờ, Ta làm con nai có sức mạnh với thân rất lớn, lấy chân trước đưa lên bờ, dùng chân sau bám vào bờ kia, cho các thú lần lượt bước trên lưng mà qua, da thịt đều rách nát. Do năng lực từ bi nên dám chịu đựng đến chết, đến con thỏ cuối cùng ta đã kiệt sức, gắng hết mình để đưa nó qua thì xương sống gãy mất rơi xuống đất, trải qua nhiều đời như thế chẳng phải chỉ ngày nay. Những

thú được cứu nay chính là các đệ tử, con thỏ sau cùng nay là Tu-bạc-đà. Đức Phật an vui siêng năng tu tập, nay vẫn không ngừng.

Kinh Hiền ngu dạy: Đức Phật ở đời quá khứ xa cưa lúc ấy, dân chúng đói khát. Như Lai với tâm từ bi cứu độ chúng sanh làm thân cá lớn dài năm trăm do tuần, người trong nước muốn ăn thịt nó, không cần hỏi người nuôi đều đến lấy ăn, ăn rồi lại sanh ra. Trải qua mười hai năm bố thí máu thịt như vậy. Kinh Thọ sanh dạy: Xưa có một Bồ tát thường làm ba ba chúa, sống lâu trong biển lớn, hóa thân làm thân như các loài khác, dân chúng đều tu hành nhân đức. Nhà vua tu tập từ bi cứu giúp thương yêu chúng sanh như mẹ thương con, biển đó dài sâu không hạn lượng, cùng khắp mọi nơi. Khi đó ba ba chúa bò ra khỏi biển trên bờ nằm nghỉ, ngày tháng trôi qua, lưng nó khô cứng như đất khô. Người buôn từ xa đến, đứng trên lưng ba ba, lấy củi đốt nấu chín làm thức ăn bò và ngựa, xe chuyên chở đá đều dừng trên nó. Ba ba chúa muốn trở mình để xuống nước như sợ làm việc bất nhân, muốn gượng lên chịu đau nhưng không thể kham được, lại tìm cách vào nơi nước cạn, diệt trừ lửa nóng, không nguy hại đến người buôn. Mọi người hoảng sợ, vì nước trong hồ dâng lên nên cùng than khóc áo não, đảnh lễ chư thiên nguyện xin cứu giúp. Ba ba chúa xót thương họ, vì thế báo ân cho người buôn nói: Thận trọng chớ lo sợ, tôi bị lửa đốt, nên cho nước vào để hết đau đớn, nay sẽ được an ổn, không còn nguy hại. Các người buôn nghe rồi, hy vọng mình được sống, cùng nhau nói: Nam mô Phật! Con ba ba phát tâm từ bi lớn lại cõng chúng lên bờ, họ thoát khỏi cái chết, rất vui mừng. Mọi người từ xa khen ngợi công đức của ba ba chúa và tôn vinh là chiếc cầu đưa nhiều người qua sông, làm thuyền lớn vượt ba cõi, nếu chứng đắc Phật đạo thì nguyện trở lại cứu thoát nạn sanh tử.

Ba ba chúa đáp: Lành thay! Đúng như lời các ngươi nói, hãy tự mình đi đi. Đức Phật dạy: Ba ba chúa chính là thân Ta; năm trăm người buôn nay là năm trăm đệ tử như Xá Lợi Phất...

Kinh Chánh pháp niệm xứ dạy: Nếu có chúng sanh bị phạm pháp, đáng chịu khổ chết thì dùng tài vật đổi lấy mạng sống để thoát chết, không cầu báo ân, lúc chết được sang vào cõi trời Hoan hỷ, từ cõi trời làm thân người không bị các nạn vua. Nếu có chúng sanh trì giới, thấy lửa lớn thiêu đốt chúng sanh dùng nước dập tắt, cứu chúng sanh ra khỏi lửa, qua đời sanh cõi trời Hành đạo, hưởng thọ đủ khoái lạc.

Kinh Như độ cẩu tử dạy: Xưa có một nước, lúa gạo quý hiếm, dân chúng đói khát. Khi ấy, có Sa-môn vào thành khất thực, đi khắp các cửa cũng chẳng có gì, liền đến cửa trưởng giả giàu có mới được ít thức ăn

dở, lại đi ra thành. Khi sắp ra thành, trong cửa có thợ săn mổ đứa trẻ, ẩm con chó mang về nhà muốn giết, thấy một Sa-môn phía trước vui mừng đảnh lễ. Vị Sa-môn chú nguyện cho sống lâu. Sa-môn biết được con chó sắp bị giết chết, hỏi người thợ săn: Hôm nay, ngươi mang nó đi đâu?

Đáp: Đi đến nơi trống vắng, không ai biết được.

Sa-môn lại nói: Ta biết rồi! Sao lại dấu kín, tội sát sanh thật ác độc, hãy dùng thức ăn để ta đổi con chó, khiến cho nó được sống thì ngươi có vô lượng phước.

Người thợ săn đáp: Không trao đổi.

Ta đến các cửa nhà kiếm thức ăn, ngươi chỉ có ít thức ăn sao đủ được. Sa-môn ân cần khuyên bảo, người này bị xúc chạm nên không chịu đồng ý. Sa-môn lại nói: Giả như không bằng lòng thì có thể chỉ cho ta. Người đó liền ra chỉ chỗ (con chó) cho Sa-môn. Sa-môn đem thức ăn cho con chó ăn, đặt tay lên đầu chó vỗ về chú nguyện, nước mắt nó tràn ra. Sa-môn nói: Tội của khanh đã làm thân chó, không được tự do, bị giết ăn thịt, nguyện ngươi đời đời tội diệt phước sanh xả bỏ thân chó được làm thân người, tự nhiên gặp Tam bảo. Chó được ăn, tâm lành phát sanh, vui mừng biết tự quy y. Người thợ săn dẫn về nhà giết ăn thịt. Chó qua đời sanh vào nhà trưởng giả giàu có, vừa sanh ra liền có tâm từ. Lúc ấy có Sa-môn thứ lớp khất thực đến trong cửa nhà trưởng giả, con của trưởng giả thấy vị Sa-môn đó, nhớ lại duyên xưa nên cúi đầu đảnh lễ Sa-môn và cung thỉnh cúng dường trăm vị thức ăn, thưa cha mẹ: Hôm nay, con muốn theo vị Hòa thượng này, thọ trì kinh giới, làm đệ tử.

Cha mẹ quá thương con nên không chấp nhận, nói: Nay gia đình ta chỉ có một mình con, con phải làm chủ nối dõi dòng họ, vì lý do gì muốn bỏ nhà ra đi?

Người con than khóc không chịu ăn uống, nói: Nếu không cho phép thì con sẽ chết.

Cha mẹ thấy vậy, nên chấp nhận. Người con theo thầy học đạo, cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y, đọc tụng kinh Phật, hiểu nghĩa lý sâu xa, chứng đắc Tam muội Bất thối chuyển, giáo hóa tất cả phát tâm đạo lớn. Ở đời khó gặp Phật, Pháp, và khó nghe kinh, có thể cùng nhau sớm được độ thoát. Súc sanh còn đắc đạo huống nữa con người không được quả sao. Giả sử có phạm giới lại sanh hổ thẹn, khi lắng sạch thì các tội dơ sẽ tự tiêu tan.

Kinh Tạp A Hàm dạy: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, ở vào đời quá khứ có chim tên La-bà bị chim ưng cắp đi, bay lên hư không, ở trên hư không kêu: Ta không tự biết, bất chợt gặp nạn này. Ta từ bỏ cảnh giới

cha mẹ mà đến nơi khác nên gặp phải nạn này. Hôm nay, sao lại bị người khác nhốt không được tự do?

Chim ưng nói: Ngươi đang ở đâu thì tự có cảnh giới của mình, mà được tự do.

La bà đáp: Ta đang ở trong ruộng đất cày, tự có cảnh giới, chân tránh các nạn. Đây là cảnh giới của cha mẹ ta.

Chim ưng kiêu mạn, nói với La bà: Nếu thả ngươi trở về chỗ gò đất cày thì có thoát khỏi nạn không?

La bà thoát khỏi móng vuốt chim ưng, trở về gò đất cày, sống ở đó. Sau đó, lại ở trên gò đất muốn cùng đấu tranh với chim ưng, chim ưng nổi giận dữ, nói: Nhỏ kia! Dám cùng ta đấu tranh, vì quá sân giận, chân bay thẳng lên cao đánh nhau. Chim La bà liền chui xuống gò đất cày, Chim ưng dùng hết năng lực xông đến gò đất cứng bị tan thân mà chết. Khi ấy, chim La bà núp dưới gò đất, ngước lên nói kệ:

*Chim ưng dùng sức đến*
*La bà nhờ gò đất*
*Vì sân giận quá nhiều*
*Họa đến phải nát thân.*
*Ta hiểu rõ tất cả*
*Nhờ cảnh giới của mình*
*Chuyển tâm oán về thiện*
*Tự vui với sức mình.*
*Dẫu ngươi ngu hung ác*
*Sức trăm ngàn rồng, voi*
*Không bằng trí tuệ ta*
*Một trong mười sáu phần.*
*Thấy trí thù thắng ta*
*Trừ bỏ chim ưng kia.*

Tụng viết:

*Hàm thức đều sợ chết*
*Sống lo sợ hiểm nạn*
*Như cá ở hồ khô*
*Khó gặp dòng nước chảy.*
*Xa gần đều cha mẹ*
*Sao không thương yêu nhau?*
*Lòng từ cứu khổ nạn*
*Phước báo tự nhiên có.*

---------------------------------------

## PHẦN THỨ 15: HƯNG PHƯỚC

- Duyên thuật ý.
- Duyên tu tập.
- Duyên ưng pháp.
- Duyên sấn thí.
- Duyên tẩy tăng.
- Duyên tạp phước.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Xưa vua Ưu Điền mới khắc chiên đàn, Ba Tư Nặc mới đúc vàng thật đều hiện rõ chơn tục trên những bức tranh tuyệt đẹp, có thể phóng ra ánh sáng lành đến nơi xa xôi, thờ móng tay và tóc ở trong tháp cố định, di ảnh và y áo đặt trên hai đài, đều là Như Lai hiện tại. Khi đã thấy biết rồi trở thành phép tắc, tự thâu nhặt dấu vết bên bờ sông, ngoài rừng Đồ duy, phân cho tám vị vua, thỉnh về nước xây tháp, bình tro cho hai nơi, mười cõi này đều hưng thịnh, người nào sinh ra ở đây đều đắc đạo, thuyết pháp, chứng Niết bàn. Búi tóc trên đỉnh đầu, bốn (mươi) cái răng, hai chân, bình bát, tích trượng, quần nhỏ...đều dựng tháp, khắc bài minh, nêu bằng đá có thần khí khác thường. Sau đó hơn một trăm năm, vua A-dục sai các người hầu bơi ra biển phá các tháp, tìm lấy xá lợi, khi trở về gặp gió và nước thủy triều nên rơi mất tất cả. Vì thế, hôm nay các tộc loại trong biển, cũng có khi gặp như vậy, sau đó tám vạn bốn ngàn tháp, nhân đó mà xây dựng. Các người con gái của vua A-dục cũng theo đó mà phát tâm tốt, khắc vào đá rồi mạ vàng, họa bức tranh có thần linh, cho đến trôi trên sông, lênh đênh giữa biển, hay hiện ảnh tượng ở Đông xuyên. Tuy thế, nhưng dấu vết về thần linh vẫn tiềm ẩn bên trong mà chẳng nghe thấy hình tướng, lánh xa vắng lặng ở nước Tần, rồi tự quay về Ấn độ, mới truyền nhiều bức họa về đức Thích Ca. Lăng tẩm của vua nước Lương tồn tại lâu và họa những hình tượng đó. Về sau, chính mình chắc chắn có lợi ích. Các hình tượng tháp miếu lúc đó cùng nhau cạnh tranh quyết liệt mới kịp với thời đại nước Lương, nên để lại nhiều tiếng tăm, chỉ có pháp thân không có hình tượng, chỉ do cảm ứng mà có hình tướng thì sự cảm giác bị thiên lệch, vì thế hình tướng khác biệt. Nếu với tâm mờ mịt hoang mang thì nghĩa chơn thật bị chướng ngại. Nếu ý chí đầy đủ thì cho đến cây, đá tâm cũng khai mở, nên giải bày ân cần về sự hiếu chân thật thì sẽ cảm ứng. Dưới đáy những đồ bằng đồng có bài minh. Đinh lan thật là tươi đẹp, cây mẹ lại thay đổi sắc. Lỗ dương

lại cầm mác mà thay đổi mỗi ngày, bà ta tuôn lệ xuống thành băng, tất cả đều giấu kín ở trong bản tánh của người, nên sai bảo người có danh tiếng giỏi, biết đạo để giáo hóa cho người. Thần do vật mà cảm ứng, đâu gọi là hư dối! Cho nên, cúng tế thần chính là cúng thần linh ở hiện tại, tức là thần và đạo giao cảm nhau. Kính tượng như kính Phật, tức là pháp thân. Thế nên, vào đạo nhất định lấy trí tuệ làm căn bản, trí tuệ chắc chắn lấy phước đức làm gốc, ví như chim đủ hai cánh, bỗng nhiên bay cao lên vạn tầm. Xe có đủ hai bánh, một khi khởi hành ngàn dặm, đâu chẳng chuyển động, đâu không gắng làm phước.

***Thứ 2: Duyên tu phước***

Như trong kinh Phật thuyết phước điền dạy, Đức Phật bảo trời Đế thích: Lại có bảy pháp bố thí rộng lớn, gọi là ruộng phước. Người được phước tức sanh Phạn thiên. Những gì là bảy? Một là phát khởi xây dựng tượng phật và các phòng nhà, lầu gác chư Tăng. Hai là làm vườn tượt cây quả, ao tắm sạch sẽ. Ba là thường bố thí thuốc men để cứu giúp người bịnh tật. Bốn là người giữ vững thuyền để độ thoát dân chúng. Năm là xây dựng cầu cống để người già yếu vượt qua. Sáu là đào giếng gần đường để người khát nước được uống. Bảy là làm nhà vệ sinh bên đường để tiện lợi cho người. Làm bảy việc này sẽ được phước làm phạn thiên.

Bấy giờ, tại chỗ ngồi có Tỳ-kheo Đức Thông, nghe pháp rất vui mừng, thưa Phật: Con tự nghĩ đời trước của con, sanh trong nước Ba la nại, làm con của trưởng giả, xây dựng một Tinh xá bên đường lớn, cúng dường chư Tăng các thứ giường nằm, nước uống, thức ăn, người đi lỡ đường cũng có thể dừng nghỉ. Do công đức này, khi mạng chung sanh làm trời Đế thích, sau đó sanh vào đời làm vua Chuyển luân, lui tới ba mươi sáu lần như vậy, cai quản trời người trong chín mươi mốt kiếp, dưới chân hiện sanh sợi lông đi trên, không dạo chơi, hưởng phước tự nhiên. Nay được Thế tôn lân mẫn chúng sanh, diệt trừ hết ngu si cấu uế của con, được trí tuệ vắng lặng, mầm sanh tử đã khô héo, gọi là Chơn như. Công đức chân thật đó mới được như vậy.

Lại có Tỳ-kheo Ba Câu Lư thưa Đức Phật: Con nhớ đời quá khứ sanh trong nước Câu na kiệt, làm con của trưởng giả, lúc đó không có Phật, chúng Tăng chỉ dạy giáo pháp cho đại chúng, con cũng đến nghe pháp vui mừng, đem theo một quả thuốc A lợi lặc dâng lên chúng Tăng. Nhờ phước báo này qua đời sanh vào cõi trời, sau đó sanh trong đời, thường được tôn quý, hơn hẳn mọi người. Trải qua chín mươi mốt kiếp

chưa từng tật bịnh, lại còn phước đức gặp Phật, chứng đắc Ứng chơn (A-la-hán).

Lại có Tỳ-kheo Tu-đà-da, thưa Phật: Con nhớ đời quá khứ sanh vào nước Duy da ly, làm con của nhà nghèo, gặp lúc không có Phật, chúng tăng giáo hóa. Khi ấy, con mang sữa vào chợ bán, gặp hội chúng Tăng giảng pháp, con đi qua vội đứng lại nghe pháp, được vui mừng, liền dâng sữa cúng dường chúng Tăng, được chúng Tăng chú nguyện con càng thêm mừng vui. Do phước đức này, khi qua đời sanh lên cõi trời, sau đó sanh vào trong đời được nhiều tôn quý. Trải qua chín mươi mốt kiếp, sau cùng còn ít tội lỗi, lại sanh vào dân gian, đang lúc vài tháng trong bụng, mẹ đã mắc bịnh qua đời, ở trong lăng cùng mẹ, đủ ngày tháng mới sanh, ở đó bảy năm uống sữa của mẹ chết để tự sing sống, chỉ một chút phước mà được gặp Phật chứng đắc Chơn đế.

Lại có Tỳ-kheo A Nan, thưa Phật: Nhớ đời quá khứ, con sanh vào nước La duyệt kỳ, làm con dân thường, thân bị ung nhọt đáng sợ mà không trị lành. Có bạn thân là đạo nhơn, đến nói con: Con nên tắm rửa chúng Tăng, rồi dùng nước dơ đó rửa ung nhọt thì có thể lành mà còn được phước, con rất mừng vui, liền đến chùa càng chí tâm cung kính, làm một giếng mới với hương hoa, dầu gội tắm rửa chúng Tăng, rồi dùng nó tẩy rửa ghẻ nhọt, nhờ đó trị lành. Do công đức này được sanh làm người tuấn tú thân vàng rực rỡ, không có cấu bẩn, trải qua chín mươi mốt kiếp thường được phước sạch sẽ, tăng thêm nhiều phước đức. Hôm nay, lại gặp Phật trừ tâm cấu uế, chứng được Ứng chơn (A-la-hán).

Bấy giờ, tại chỗ ngồi có Tỳ-kheo ni Nại nữ, thưa Phật: Nhớ đời quá khứ con sanh làm người nữ ở nước Ba la nại. Khi ấy, có Phật hiệu Ca Diếp thuyết pháp với đại chúng chung quanh, con cũng ngồi đó nghe kinh rất vui mừng, rất muốn cúng dường, nhưng nhìn lại chẳng có gì, tự nghĩ quá nghèo khổ nên tâm bi cảm, bèn đến vườn người khác xin quả dưa dâng cúng Phật. Lại xin được một quả nại lớn thơm tuyệt vời cùng mang thêm cái chậu nước đến cúng dường Phật Ca Diếp và chúng Tăng. Đức Phật biết được tâm ý đó, nên chú nguyện cho người ấy, rồi phân chia nước và quả nại cho tất cả. Do phước đức ấy, nên khi qua đời sanh cõi trời được làm thiên hậu, sau đó sanh ở đời mà không do thai mẹ. Trải qua chín mươi mốt kiếp, sanh trong hoa nại, xinh đẹp tuyệt vời, thường nhớ đời trước. Hôm nay, gặp đức Thế tôn giáo hóa được đạo nhãn.

Bấy giờ, trời Đế thích từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay, lễ Phật, thưa: Bạch Thế tôn! Con nhớ đời trước của con, sanh vào nước

lớn Câu lưu, làm con của trưởng giả, mặc y xanh vào thành dạo chơi, thấy chúng Tăng khất thực bên đường. Bấy giờ, thấy dân chúng bố thí rất nhiều, con liền nghĩ: Mong có nhiều vật quý giá dâng cúng chúng Tăng thì được vui chăng? Con liền cởi chuỗi hột bằng ngọc cúng dường. Chúng Tăng cùng nhất tâm chú nguyện, con vui vẻ rồi đi. Do nhân duyên này, mà con được sanh về cõi trời làm trời Đế thích, trải qua chín mươi mốt kiếp vĩnh viễn lìa tám nạn.

Đức Phật bảo Đế thích và đại chúng: Hãy lắng nghe! Ta sẽ nói về việc làm đời trước của mình. Đời trước xa xưa của Ta, trong nước Ba la nại, ở cạnh đường, Ta xây dựng nhà vệ sinh, dân chúng trong nước đều thoải mái biết ơn. Do công đức này mà đời đời được sạch sẽ, nhiều kiếp hành đạo trong ô trược mà không nhiễm, thân vàng rực rỡ chẳng dính bụi trần, thức ăn tiêu hóa, không mắc bịnh tiểu tiện.

Đức Phật bảo Đế thích: Trong chín mươi sáu đạo, đạo Phật là tôn quý nhất, trong chín mươi sáu pháp, pháp Phật là chân thật nhất. Trong chín mươi sáu chúng, chúng của Phật là chân chánh nhất. Vì sao? Vì Như Lai từ A tăng kỳ kiếp, phát nguyện hết lòng xả bỏ thân mạng để tích lũy phước đức, thề nguyện vì chúng sanh mà thực hành sáu độ, bốn vô lượng tâm, và đầy đủ các việc lành, thành tựu trí tuệ, ba cõi trời người không ai sánh bằng. Nếu có chúng sanh một lòng tôn kính hướng về Như Lai phát nguyện thì sẽ hơn được trân báu trong đại thiên thế giới, được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười hai bộ kinh, hiểu rõ tội phước, lời nói thành thật, giáo hóa ba thừa, tất cả đều tu tập, người nghe vui vẻ thích làm Sa-môn, tin Phật tu pháp, ý chí hướng thượng thanh cao, xả bỏ tham lam, tranh chấp ở thế gian, hướng dẫn thanh tịnh thế gian làm phước, chúng Tăng do đây mà thông cả trời người. Đây là đạo tối thắng vô thượng.

Kinh Tăng nhất A hàm dạy: Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn phước làm Phạn thiên. Những gì là bốn? Nếu ai có lòng tin mà chưa từng đến chỗ dựng tháp, mà ở trong đó xây tháp thì được phước thứ nhất của Phạn thiên. Nếu ai có lòng tin tu sửa chùa tháp, đó là được phước thứ hai của Phạn thiên. Nếu có ai có thể làm cho chúng Tăng hòa hợp, đó là phước thứ ba của Phạn thiên. Nếu khi Đức Phật lần đầu tiên chuyển pháp luân, mà chư thiên, người đời cung thỉnh chuyển pháp luân, đó là được phước thứ tư của Phạn thiên.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo khác thưa Phật: Phước của Phạn thiên là bao nhiêu? Thế tôn bảo: Trải qua một dặm, chúng sanh có được công đức, như vậy cứ lần lượt phước từ cõi trời thứ tư đến cõi trời Tha hóa tự tại,

không bằng phước của một vua Phạn thiên. Nếu cầu phước của ông ta thì phước này vô lượng.

***Thứ 3: Duyên ứng pháp***

Nếu muốn tu sửa, tôn tạo theo lý cần phải đúng pháp thì làm tuy ít mà được vô lượng phước. Nếu không đúng pháp mà tự ý làm dù nhiều cũng vô ích. Trong kinh Phật tại kim quan kính phước dạy: Kinh và tượng là chính yếu, chớ bàn luận về đạo. Thuê thợ làm kinh tượng chớ bảo người khác làm, người tạo tượng Phật cúng dường, hai người đều có phước không thể lường, nếu muốn nói phước đó thì không thể hết. Phải làm theo lời dạy của Ta mới là Phật tử chơn chánh. Nếu chí thành như vậy thì làm ít mà phước nhiều. Hỏi cách làm của thợ để tạo kinh tượng thì được pháp khí, hợp với việc nắm giữ sự chánh trực chăng? Đức Phật dạy: Không được trả giá cả như bán cha mẹ để lấy tài vật, nếu trái nghịch cả ba ngàn thì chính là thiên ma, sớm lìa pháp của Ta, những ai uống rượu, ăn thịt, năm vị cay nồng thì chẳng phải là quyến thuộc Phật, chẳng theo giáo lý của bậc Thánh. Tuy tạo kinh tượng nhiều vi trần nhưng phước đó rất ít, bởi không nói đủ trong kiếp thiêu, không vào biển vương cung của loài rồng, lao lực mà lại ít phước là do tội không kính, chết vào địa ngục, chủ thợ không được lợi ích, chư thiên không có phước, chẳng bằng không tạo mà tâm ngay thẳng lễ bái thì được phước vô lượng. Nếu một mực như vậy thì tạo nhiều mà phước ít. Nếu thợ đúc tượng làm tượng mà các tướng không đủ thì trong năm trăm vạn đời bị các căn không đủ. Nếu hết lòng tạo tượng như pháp thì quả báo tốt đẹp đến trước.

Lại kinh Tội phước quyết nghi dạy: Tăng, Ni, cư sĩ... hoặc tự bỏ tài vật và khuyến hóa người khác mà được vật, nghĩ rằng Phật chấp nhận, người kinh doanh được việc này. Khắc chim thú trên hình tượng Phật, tính toán hao tổn mất hết năm tiền, thì phạm tội nghịch, rốt cuối chẳng trở ngại, một kiếp đọa vào địa ngục A tỳ, nếu đem hương đèn, dầu để cúng dường thì không mắc tội. Phật không cầu lợi, không có người nào lấy dùng, ban đầu dâng cúng Phật. Các bậc Thượng Trung Hạ tọa nên dạy cho cư sĩ: Cúng Phật rồi dâng Tăng dùng thì không phạm. Nếu không như vậy mà ăn vật của Phật thì bị đọa địa ngục A-tỳ trong một ngàn ức năm. Đàn việt không nghe lời dạy trước thì bị chịu quả báo đó. Nếu sanh vào dân gian thì chịu thân nghèo khổ trong chín trăm vạn năm. Sao vậy? Vì vật của Phật không ai có thể bàn luận giá trị được.

Kinh Quán Phật Tam muội dạy: Vua Ưu-điền kính ngưỡng Thế

tôn, dùng vàng đúc tượng, nghe Phật sẽ an tọa trên bệ báu. Voi liền chở tượng vàng đến nghinh đón Thế tôn. Bấy giờ, tượng vàng trên voi hạ xuống, giống như Phật Đản sanh, chân bước trên hư không, dưới chân mưa hoa, cũng phóng ánh sáng đến nghinh đón Thế tôn, chắp tay lễ Phật. Bấy giờ, Thế tôn cũng chắp tay quỳ gối hướng về tượng. Ở trong không có trăm ngàn vị Phật hóa thân, cũng đều quỳ gối chắp tay hướng về tượng. Bấy giờ, Thế tôn thưa với tượng: Ngài ở trong đời sau sẽ làm Phật sự lớn, sau khi tôi Diệt độ, các đệ tử của tôi sẽ phó chúc cho Ngài. Trong hư không, các Phật hóa thân cũng đồng thanh thưa: Nếu có chúng sanh nào ở thời Phật Diệt độ, sau đó xây dựng hình tượng, dâng cúng dường thì người này đời sau chắc chắn nhớ Phật và chứng Tam muội Thanh tịnh.

Lại nữa, Ký Ngoại Quốc ghi: Khi Đức Phật ở trên cung trời Đao lợi thuyết pháp cho mẹ, trải qua chín mươi ngày, vua Ba-tư-nặc nhớ, muốn thấy được Đức Phật bèn khắc tượng Như Lai bằng gỗ chiên đàn, an trí ở tòa của Phật. Sau đó, Đức Phật trở về vào Tinh xá, tượng ra nghinh đón Phật. Đức Phật nói: Thỉnh Ngài trở lại an tọa, sau khi tôi Diệt độ có thể vì bốn chúng làm các pháp tắc, tượng lại đến chỗ ngồi. Tượng này là đầu tiên trong các tượng. Đức Phật dời đến hai bên Tinh xá, an trú cùng chỗ với tượng khác, cách khoảng hai mươi bước. Tinh xá Kỳ hoàn xưa có bảy tầng, các nước thi nhau cúng dường không dứt, trong đài có đèn sáng tỏa rộng, con chuột ngậm tim đèn làm thiêu cháy cờ lộng, bảy tầng của Tinh xá đều cháy sạch. Dân chúng các nước rất áo não vì tượng chiên đàn đã cháy. Sau đó bốn năm ngày, ở phía Đông tinh xá có mở cửa nhỏ, bỗng nhiên thấy tượng ấy đi đến phòng đó, mọi người vui mừng, cùng nhau tu sửa tinh xá. Đây là lần thứ hai di chuyển tượng về chỗ cũ. Trong kinh Ưu điền vương tác phật tượng hình dạy: Xưa khi Đức Phật còn tại thế, vua của nước Bạc kỳ tên Ưu-điền-lai đến chỗ Phật đảnh lễ, chấp tay thưa Phật: Bạch đức Thế tôn! Nếu sau khi Phật Diệt độ, nếu có chúng sanh nào tạo hình tượng Phật sẽ được phước gì? Đức Phật dạy: Nếu ai tạo hình tượng Phật thì công đức vô lượng không thể nghĩ bàn, đời đời sanh ra không rơi vào địa ngục, trong hàng trời người hưởng thọ phước sung sướng, thân thể thường bằng đá đỏ vàng, mặt trong sáng, mặt đoan chánh, thân thể tay chân tuyệt đẹp, mọi người đều kính mến. Nếu sanh trong loài người thường làm con của vua, đại thần, trưởng giả nhà hiền thiện, tôn quý giàu sang, tài sản vật báu không kể hết, thường được cha mẹ anh em bà con tôn quý. Nếu làm vua thì làm vị đứng đầu trong các vua, là chỗ quay về của vua các nước, cho đến làm

vua Chuyển luân thánh vương, làm vua trong bốn cõi trời, tự nhiên có ngàn con và bảy báu, bay khắp tất cả cõi trời, nếu sanh vào cõi trời thì tối thắng trong các cõi đó, cho đến làm vua trong cõi trời Lục dục, ở đó cũng được tôn quý nhất. Nếu sanh chỗ Phạn thiên thì làm vua Đại phạn, đoan chánh không ai bằng hơn hẳn các Phạn thiên khác, thường được các Đại thiên tôn kính. Về sau được sanh cõi nước Vô lượng thọ, làm vị đứng đầu tối thắng trong các Bồ tát, trải qua vô số kiếp được thành Phật nhập Niết bàn. Nếu ai làm hình tượng Phật thì sẽ được phước báo như vậy. Kệ trong kinh Pháp hoa:

*Nếu người làm tượng Phật*
*Họa tạc các hình tượng*
*Cho đến đồng tử giỡn*
*Lấy cỏ cây làm viết*
*Hoặc dùng các ngón tay*
*Để họa thành tượng Phật*
*Những người như thế đó*
*Đều đã thành Phật đạo.*

Kinh Tạo lập hình tượng phước báo dạy: Phật đến nước Câu la duy, vua của nước đó là Ưu-điền, mười bốn năm đầu nghe Phật đến, thường bảo các quan cận thần ra nghinh đón, đảnh lễ Phật, chắp tay quỳ xuống thưa: Trong hàng trời người không ai bằng Ngài, ánh sáng vời vợi mới được như vậy, liền sợ Đức Phật bỏ đi về sau không còn thấy được nữa, nay, muốn làm tượng Phật tôn kính phụng thờ thì được phước báo gì? Nguyện xin Ngài giảng thuyết cho chúng con. Bấy giờ, Thế tôn dùng kệ đáp:

*Vua hãy nghe Ta nói*
*Phước đức của Thượng sĩ*
*Không có ai sánh bằng*
*Phước báo làm tượng Phật.*
*Thường sanh nhà giàu sang*
*Tôn quý, báu vô lượng*
*Quyến thuộc luôn tôn kính*
*Phước báo làm tượng Phật.*
*Được phước báo Thiên nhãn*
*Sắc xanh biếc không bằng*
*Phước báo làm tượng Phật.*
*Cha mẹ thấy vui mừng*
*Đoan chánh oai đức lớn*

*Yêu thích không nhàm chán*
*Phước báo làm tượng Phật.*
*Thân vàng sáng rực rỡ*
*Như tượng sư tử đẹp*
*Chúng sanh thấy vui vẻ*
*Phước báo làm tượng Phật.*
*Dòng lớn cõi Diêm phù*
*Bà-la-môn, Sát lợi*
*Người phước sanh trong đó*
*Phước báo làm tượng Phật.*
*Không sanh nước biên địa*
*Không mù, không xấu xí*
*Các căn luôn đầy đủ*
*Phước báo làm tượng Phật.*
*Mạng chung nhớ đời trước*
*Thấy Phật ở trước mắt*
*Không biết khổ lúc chết*
*Phước báo làm tượng Phật.*
*Làm vua nổi danh tiếng*
*Kim luân thường đi theo*
*Làm chủ bốn thiên hạ*
*Phước báo làm tượng Phật.*
*Tiếng tăm trời Đế thích*
*Thứ hai được thần túc*
*Giữ trời ba mươi ba*
*Phước báo làm tượng Phật.*
*Vượt khỏi dục giới này*
*Làm vua trời Diệu phạn*
*Ca di Phạn thiên kính*
*Phước báo làm tượng Phật.*
*Hưởng thọ phước như vậy*
*Nếu ai khắc họa tượng*
*Trời đất có thể lường*
*Phước này không thể tính.*
*Cho nên cúng dường Phật*
*Xông ướp hoa hương thơm*
*Cúng dường chư Bồ tát*
*Diệt hết lậu Vô vi.*

***Thứ 4: Duyên bố thí***

Kinh Chuyển luân ngũ đạo, Đức Phật dạy: Người nào thân làm công đức thiêu hương, đốt đèn được nhiều công đức, thường luôn làm như vậy, không được mời người nào mà không phát nguyện cúng dường, như người khác ăn thì mình đâu được no. Cúng dường đốt hương tinh khiết, thắp đèn sáng mãi, dâng hương lễ hội, tụng kinh thông suốt để pháp thường còn, cúng dường được phước, chư thiên ủng hộ, tất cả ác đều trừ bỏ, hàng phục được ma. Người biếng nhác không tinh tấn, một mai bệnh tật không an lành, thì đốt hương thơm làm phước. Nếu chưa hàng phục thì ma quân hiện tiền, tranh nhau đến quấy nhiễu, làm các việc quái lạ, cho nên thường phải tinh tấn, tội phước theo người như hình theo bóng, gieo trồng ruộng phước như cây Ni câu loại, như gieo một vài hạt giống mà dần dần được vô lượng trái hạt. Đức Phật bảo A Nan: Bố thí thì được vạn lần, lời nói không hư dối. Đức Phật nói kệ:

*Hiền giả thích bố thí*
*Thiên thần ủng hộ mình*
*Thí một được vạn lần*
*An lạc sống dài lâu.*
*Người thiện nay bố thí*
*Phước ấy không thể lường*
*Đều sẽ thành Phật đạo*
*Cứu độ khắp mười phương.*

***Thứ 5: Duyên tắm rửa Tăng chúng***

Kinh Thí dụ dạy: Phật lấy ngày mồng tám tháng chạp là ngày hiện thần thông để hàng phục sáu phái ngoại đạo. Ngoại đạo không thể sánh kịp, nhảy xuống nước mà chết, Ngài luôn giảng thuyết rõ pháp để hàng phục họ. Những người được giáo hóa thưa Phật: Ngài dùng nước pháp tẩy tâm cấu uế cho con, hôm nay, con mời Tăng tắm rửa để tẩy hết cấu uế của con, diệt trừ các duyên.

Trong kinh Ma Ha Sát Đầu cũng gọi là kinh Quán Phật Hình Tượng, Đức Phật dạy: Mọi người trong thiên hạ, chư Phật mười phương đều lấy nửa đêm ngày mồng tám tháng tư là ngày Đản sanh, tất cả người muốn xuất gia học đạo đều vào nửa đêm ngày mồng tám tháng tư, tất cả đều thành Phật vào ngày đó, cũng nhập Niết bàn vào nửa đêm ngày mồng tám tháng tư. Đức Phật dạy: Sở dĩ lấy ngày mồng tám tháng tư là do giao điểm giữa mùa Xuân và mùa Hạ, tội ương đều dứt trừ, vạn vật đang sanh trưởng, khí độc chưa xuất hiện, thời tiết ôn hòa không

lạnh, không nóng, đây là ngày Đản sanh, chư thiên và mọi người đều nhớ đến công ơn của Phật nên dục (tẩy rửa) Phật như Ngài còn tại thế và chỉ dạy mọi người trong thiên hạ như vậy. Đức Phật dạy: Khi Ta còn là Bồ tát, qua lại ba mươi sáu lần làm vua Đế thích ở cõi trời, qua lại ba mươi sáu lần làm vua Kim luân, qua lại ba mươi sáu lần làm Hoàng đế Phi hành. Hôm nay, các vị Thánh hiền ai có tâm tốt nhớ nghĩ ân đức của Phật Thích Ca thì dùng hương hoa dục Phật hình tượng thì được phước lớn nhất, thì chư thiên quỷ thần đều chứng biết. Ngày mồng tháng tư là pháp dục Phật, phải thường lấy ba loại hương: Một là hương lương, hai là hương mục, ba là hương ngải nạp. Hòa ba thứ hương cỏ đó với nhau, ngâm vào trong nước. Nước này có màu xanh, nếu mùi hương ít thì có thể lột vỏ cây Cam đại tần, dùng hương Uất kim ngâm vào nước. Ngâm đến khi nước có màu đỏ thì lấy nước trong suốt tưới tắm tượng, rồi lấy lụa trắng, bông trắng lau lại, thử nhìn lại sau khi dục phật, gọi là thanh tịnh, nếu vậy thì được phước bậc nhất.

Kinh Ôn thất dạy: Đức Phật bảo trưởng giả Kỳ Vật, cách tẩy rửa Phật thường có bảy vật thì sẽ trừ được bảy bịnh và được bảy phước báo. Bảy vật đó là gì? Một là xông nóng, hai là nước sạch, ba là xà phòng, bốn là dầu mỡ, năm là nước tro lắng trong, sáu là nhánh dương, bảy là nội y. Đây là pháp dục Phật. Sao gọi là trừ bảy bịnh? Một là bốn đại an ổn. Hai là trừ phong. Ba là trừ tê thấp. Bốn là cảm lạnh. Năm là trừ bịnh nóng sốt. Sáu là trừ cấu uế. Bảy là thân thể nhẹ nhàng, mắt trong sáng. Đây là trừ được bảy bịnh được bảy phước: Một là bốn đại không bịnh, thường sống an ổn. Hai là được sanh nơi sạch sẽ, diện mạo đoan chánh. Ba là thân thể thường có mùi thơm, y phục sạch đẹp. Bốn là cơ thể mềm mại, ánh sáng oai đức rất lớn. Năm là được nhiều người vây quanh lau quét bụi cấu. Sáu là răng miệng thoảng ra hương thơm, lời nói được tin cậy. Bảy là được sanh vào nơi tự nhiên có y phục.

Luật Thập Tụng dạy: Tẩy dục có năm lợi ích. Một là trừ được cấu bẩn. Hai là làm cho ở lỗ chân lông có màu sắc. Ba trừ được lạnh nóng. Bốn là hạ phong điều hòa. Năm là thường ít bịnh. Này Xá Lợi Phất! Mùa Hạ nóng nhiều có một khách ở trong vườn múc nước tưới cây, thấy Xá Lợi Phất có lòng tin ít, nói với Tôn giả: Hãy cởi y móc cây, xuống đây lấy nước thì thân mát mẻ, người này sau khi qua đời được sanh cõi trời Đao lợi có oai đức lớn, công đức tuy ít nhưng gặp được ruộng tốt nên được phước nhiều, liền hiện xuống chỗ Xá Lợi Phất tung hoa cúng dường, Xá Lợi Phất nhân đó mà tin người ấy, thuyết pháp căn bản cho ông, được đắc quả Tu-đà-hoàn.

Kinh Hiền Ngu dạy: Lúc ấy, trời Thủ Đà Hội hiện xuống chỗ Thế tôn ở cõi Diêm phù đề, thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường, Thế tôn im lặng chấp nhận. Thí chủ bày các món thức ăn và đủ mọi thứ tẩy rửa thích nghi như nhà ấm, nước ấm vừa ý, dầu mỡ, cỏ... để tắm, đều chuẩn bị đầy đủ, lúc ấy Thế tôn và các Tỳ-kheo đều lãnh thọ sự cúng dường ấy. Quí vị tẩy rửa xong, tha thiết mời dùng thức ăn thật ngon, hiếm có ở đời, ăn rồi súc miệng trở lại chỗ ngồi.

Khi ấy, A Nan bạch Phật: Vị trời đó, ngày trước làm phước đức gì mà thân hình đẹp lạ, oai tướng đặc biệt, ánh sáng rực rỡ như núi báu lớn?

Đức Phật bảo A Nan: Từ thời quá khứ, lúc Phật Tỳ Bà Thi, đời đó vị trời này làm con của nhà nghèo khổ, thường làm thuê nuôi thân, nghe Phật thuyết giảng về đức tắm rửa Tăng chúng, vui mừng nên siêng năng làm, kiếm được ít tiền, lúa để mua các thứ tắm và thức ăn, thỉnh Phật và chúng Tăng, hết lòng cúng dường. Do làm phước này, sau khi qua đời, sanh vào cõi trời Thủ Đà Hội, được tướng sáng này. Từ bảy Đức Phật trở về sau, cho đến một ngàn Đức Phật ở hiện tại cũng như vậy. Tẩy rửa Đức Phật và chúng Tăng được Ngài thọ ký, ở đời vị lai trong hai A tăng kỳ trăm kiếp sẽ thành Phật hiệu là Tịnh-thân đầy đủ mười danh hiệu.

Kinh Tạp Thí Dụ dạy: Đời xưa, có người ở thời hai vị Phật Đệ Nan Đà và Duy Vệ, chỉ có phước tẩy rửa chúng Tăng mà được công đức sanh vào dòng họ Thích, thân hiện ra năm sáu tướng, ánh sáng thần thông toàn vàng rực, nhờ phước đó mà cùng đời với Phật, chuyên tinh tấn đạo tràng và đắc sáu thông. Ngày xưa, cúng dường chút ít mà được phước báo lớn. Huống nữa, hôm nay làm được nhiều việc, bố thí cùng khắp chắc chắn được tôn hiệu, càng vui vẻ cứu độ tất cả.

Kinh Phước Điền dạy, lại có Tỳ-kheo A Nan thưa Phật: Nhớ đời quá khứ, con sanh vào nước La duyệt kỳ, làm con dân thường, thân bị ung nhọt đáng sợ mà không trị lành. Có bạn thân là đạo nhơn, đến nói con: Con nên tắm rửa chúng Tăng, rồi dùng nước dơ đó rửa ung nhọt thì có thể lành mà còn được phước, con rất mừng vui, liền đến chùa càng chí tâm cung kính, làm một giếng mới với hương hoa, dầu gội tắm rửa chúng Tăng, rồi dùng nó tẩy rửa ghẻ nhọt, nhờ đó trị lành. Do công đức này được sanh làm người tuấn tú thân vàng rực rỡ, không có cấu bẩn, trải qua chín mươi mốt kiếp thường được phước sạch sẽ, tăng thêm nhiều phước đức. Hôm nay, lại gặp Phật trừ tâm cấu uế, chứng được Ứng chơn (A-la-hán).

Luật Thập Tụng dạy: Nhà tắm làm bằng hình tròn, như túi tròn, có

mở một cửa thông gió, ở dưới làm một ống để dẫn nước trong ra ngoài, đưa đủ ba bồn nước lên lầu, đến nơi có người ở. Dùng bồn này chứa nước cho ba tầng lầu, cho khí nóng bay lên, tầng trên chứa nước nóng, tầng giữa chứa nước ấm, tầng dưới chứa nước lạnh, tùy ý lấy dùng, không phân biệt nước nóng, nên gọi là nước sạch.

Kinh Tăng nhất A hàm dạy: Bấy giờ, Thế tôn bảo Tỳ-kheo: Xây dựng nhà tắm có năm công đức. Những gì là năm? Một là trừ gió. Hai là bịnh lành. Ba là hết cấu uế. Bốn là thân nhẹ nhàng. Năm là mập trắng. Nếu có người muốn cầu năm công đức này đối với bốn bộ chúng thì nên xây nhà tắm.

Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu muốn tắm rửa thì bảo người làm vườn quét dọn sạch sẽ, soạn củi tro củi, nước ấm ở đó, rồi đánh kiền chùy, khiến người biết để vào tắm. Mỗi người dùng cái đai cột vào eo áo để nhận biết, rồi móc lên giá. Khi vào nhà tắm không được vẩy hai tay, một tay che trước mà vào. Nếu muốn lau mình thầy thì trước phải thưa thì không có tội, không được một lúc mà đưa cả hai tay, trước phải lau một tay, còn một tay che trước rồi lau tay khác. Nếu lau cả hai tay trong ngoài rồi thì đóng cửa ngồi để thân toát mồ hôi. Phải dùng lượng nước vừa đủ, không dùng quá nhiều. Nếu hồ nước rửa thì phải biết đủ thì không có tội. Không được lõa thân ở chỗ trống mà tắm. Nước ngang eo đến nách mà dùng thì không có tội. Nếu ngồi trong nước đến ngang rốn cũng được. Khi ra ngoài phải lấy y mặc chỉnh tề rồi đi.

***Thứ 6: Duyên tập hợp nhiều phước***

Như luận Tát Bà Đa dạy: Nếu người nào xây dựng Tăng phòng, tạo tháp tượng, ở đường vắng đào giếng và làm thuyền, cầu thì được tất cả công đức. Người thí chủ bố thí tài vật thì trừ được ba việc: Một là việc về quá khứ sẽ bị hủy hoại. Hai là người này hoặc chết. Ba là khởi tà kiến. Ba việc này sẽ không xảy ra mà phước đức thường sanh trưởng.

Kinh Tăng nhất A hàm dạy: Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Năm việc bố thí không được phước. Những gì là năm? Một là cho người dao. Hai là cho người thuốc độc. Ba là cho người bò hoang. Bốn là cho người dâm nữ. Năm là bày ra việc cúng tế thần. Nếu bố thí năm điều này thì không có phước. Lại có năm việc bố thí được phước trời người. Những gì là năm? Một là làm công viên. Hai là trồng cây gây rừng. Ba là làm cầu. Bốn là làm thuyền lớn. Năm là ở tương lai hay quá khứ xây dựng phòng nhà ở. Đó là năm việc mà nay được phước. Bấy giờ Thế

tôn nói kệ:

*Tạo công viên mát mẻ*
*Thích làm cầu đường tốt*
*Bên bờ đưa người dân*
*Và làm phòng nhà đẹp.*
*Người đó trong một ngày*
*Thường hưởng được các phước*
*Giới định được thành tựu*
*Người này sẽ sanh thiên.*

Lại luật Tăng Kỳ, các Thiên tử dùng kệ thưa Phật:

*Những người nào hướng thiện,*
*Những người nào sanh thiên,*
*Những người nào ngày đêm,*
*Nuôi lớn công đức lành?*
*Thế tôn dùng kệ đáp:*
*Đường vắng làm giếng tốt*
*Trồng vườn cây, thí quả*
*Gây rừng cho mát mẻ*
*Cầu thuyền dân chúng qua*
*Bố thí tu giới tịnh*
*Trí tuệ bỏ keo kiệt*
*Công đức ngày mỗi tăng*
*Thường sanh trong trời người.*

Kinh Chánh Pháp dạy: Nếu có chúng sanh nào cho nước trong mát, hoặc lấp nguồn suối, giếng, vì sợ độc trùng rơi vào giếng, ngộ lỡ người đi đường uống phải thì nhận lấy khổ não, người bố thí nguồn nước này, khi chết sanh làm trời Tam quán không hầu, hưởng năm khoái lạc. Từ đây mạng chung được làm vua của loài người, mọi người đều kính mến. Nếu thấy bịnh khốn đốn cổ họng chỉ còn tiếng, mạng sống gần chấm dứt, nếu bố thí nước hồ, hoặc bố thí tài vật để đổi lấy thân mạng cho người đó, người bố thí này khi mạng chung được sanh làm trời Thâm thủy, được sự vui sướng, như cõi trời Đế thích. Từ cõi trời này mạng chung, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển, nhưng không rơi vào ba đường ác, được thọ thân người, từ khi sanh cho đến lúc chết không gặp bịnh khổ, chẳng lọan động. Nếu có chúng sanh nào trì giới, thấy Tỳ-kheo Tăng dâng cúng quạt khiến cho mát mẻ để đọc tụng kinh pháp liên tục, thì khi mạng chung sanh làm trời Phong hành, hương thơm ngào ngạt thoảng đến không gì bằng. Nếu có chúng sanh nào ở bờ sông

mà xây dựng thuyền cầu, với lòng tốt đưa người trì giới và những người khác, không kể người làm ác, thì lúc mạng chung mang sanh cõi trời Man trì, hưởng năm khoái lạc, mạng chung ở trong loài người làm vua Điển tạng.

Kinh Thí Dụ dạy: Xưa có ba mẹ con, thường làm ba việc: Một là làm thuyền lớn thả trên sông để đưa dân chúng qua sông. Hai là ở chợ làm giếng nước trong mát cung cấp cho muôn dân. Ba là ở bốn cửa đều xây dựng nhà vệ sinh thuận cho việc tiểu tiện. Họ tu tập các công đức như vậy, sau khi mạng chung đều sanh lên cõi trời, hưởng phước báo tự nhiên. Khi hạ sanh làm người trong nhà trưởng giả giàu có, sống lâu, không sanh vào ba đường ác. Nói về người có chút phước mà còn được quả báo cao rộng vô lượng như vậy, huống nữa người tu công đức rộng lớn, xây dựng chùa tháp, lập đàn bố thí, làm các việc phước đức gấp trăm ngàn vạn lần thì hơn nhiều việc này không thể so sánh được. Nên luận Thành thật dẫn kệ kinh:

*Nếu gây trồng vườn rừng*
*Làm cầu, giếng vân vân*
*Người ấy được phước đức*
*Mỗi ngày càng tăng thêm.*

Kinh Hoa thủ, Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: Bồ tát có bốn pháp trọn không thối chuyển Vô thượng Bồ đề. Những gì là bốn? Một là thấy tháp miếu hư hoại thì nên gia tâm tu sửa, hoặc đống đất, hoặc bùn hay gạch ngói. Hai là nếu giữa ngã tư đường có nhiều người ngắm nhìn thì nên xây tháp tạo tượng, đó là duyên phước lành khiến mọi người nhớ Phật. Trong tháp họa vẽ những tướng chuyển pháp luân và xuất gia cho đến tướng Phật nhập Niết bàn ở Sa la song thọ. Ba là nếu thấy hai bộ Tỳ-kheo Tăng tranh cải nhau thì cầu xin, tìm mọi cách được an hòa. Bốn là nếu thấy Phật pháp sắp hoại diệt thì có thể độ tụng giảng thuyết cho đến một câu kệ, khiến cho Phật pháp không tuyệt dứt, vì để hộ trì pháp, kính dưỡng pháp sư, chuyên tâm giữ gìn pháp không tiếc thân mạng. Nếu Bồ tát thành tựu bốn pháp này thì đời đời làm vua Chuyển luân thánh vương, được thân lớn năng lực như Na la diên. Khi xả bỏ Tứ thiên được xuất gia, tùy ý tu tập bốn phạm hạnh, khi mạng chung sanh lên cõi trời làm Đại phạn vương, cho thành tựu hoàn toàn Vô thượng đạo. Thế nên, người trí muốn cầu Phật đạo phải tu học như vậy.

Lại kinh Phóng Ngưu, rút ra từ phẩm Biệt của kinh Tăng nhất A hàm đồng dịch, Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Có mười một cách, thả nghé mà không biết đúng chỗ thì không hiểu cách nuôi trâu. Những gì là

mười một? Một là thả nghé mà không biết màu sắc. Hai là thả nghé mà không biết tướng. Ba là thả nghé mà không biết cọ rửa sạch. Bốn là thả nghé mà không biết tẩy rửa nhọt. Năm là không biết hun khói. Sáu là không biết chọn đường đi. Bảy là không biết chỗ trâu. Tám là không biết đường nào vượt qua dòng nước. Chín là nên dùng cỏ nước ngon. Mười là không biết trâu bị dắt, bị giết. Mười một là không biết rõ thứ gì nên ăn và thứ gì không. Như vậy là mười một việc thả nghé mà không biết cách nuôi và giữ trâu, thì cuối cùng trâu không tăng thêm, mà ngày càng giảm dần. Dụ này cho Tỳ-kheo cũng có mười một loại làm tổn giảm lợi ích, không thể nói đủ. Đức Phật nói kệ:

*Thả nghé con xét kỹ*
*Trâu chủ có phước đức*
*Sáu năm sáu đầu trâu*
*Thành sáu mươi không giảm.*
*Thả nghé con thông minh*
*Biết rõ ràng các tướng*
*Như thả nghé con này*
*Được phật đời trước khen.*

Kệ tụng:

*Bóng thẳng hình ngay*
*Hư thật tương ưng*
*Thiện mãi phước thêm*
*Quả từ trong nhân.*
*Theo chất viên âm*
*Thua thật khen sâu*
*Âm đức trí tuệ*
*Âm thầm thưởng công.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 8)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 9

## PHẦN THỨ 16: CHỌN BẠN

- Duyên thuật ý.
- Duyên thiện hữu.
- Duyên ác hữu.
- Duyên phụ trái.
- Duyên trừng quá.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Theo chỗ cùng cực của nghĩa lý thì chỉ có thiện và ác, ngược nhìn lại hai đường này, chợt biện giải khác nhau, chỗ sâu xa có tội phước khổ vui, hiện ra tức có hiền ngu, vinh nhục, thích vinh ghét nhục, theo vui bỏ khổ, chúng sanh đều như vậy. Nay biết thích vinh hoa mà không biết ngưỡng mộ bậc hiền, cầu phước mà không biết tránh họa. Ví như gieo trồng lúa lép, lúa đắng mà muốn mùa được lúa trắng tinh. Ngựa chạy liếu láo lười nhác mà mong phóng nhanh vượt hẳn đến đích, thì chẳng phải là lầm sao. Như trí của loài chim thú, côn trùng, còn biết nương vào gió để bay cao xa, thành tựu việc của chúng, huống nữa con người mà không biết nhờ bạn để trở thành người tốt. Cho nên, phải nương vào bạn tốt thì có tiếng tăm mới có phước đức. Nếu thân gần bạn mê mờ thì thân khốn khổ, mang tiếng ác. Nên tông Huyền quỷ, đề cao mô phạm, thay đổi tâm ý, sự việc thành tựu cũng nhờ bạn. Như con ruồi bám theo trâu mà bay xa trăm bước, hay bám vào đuôi chim loan thì bay xa vạn dặm. Đây là nhờ vào công sức của cánh chim bay nhanh. Phàm phu cũng vậy, bị đắm chìm các nẻo thấp kém, không thể vượt lên hàng trời người. Nếu nương tựa oai lực của Hiền thánh thì vượt lên mười địa, cùng sanh cõi tịnh.

***Thứ 2: Duyên bạn tốt***

Kinh Niết bàn dạy: Tỳ-kheo A Nan nói: Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức. Đức Phật dạy: Không phải thế, đầy đủ phạm hạnh mới gọi là thiện tri thức. Lại nói, thiện tri thức là nói đúng như pháp, làm đúng theo lời nói. Thế nào là nói đúng pháp? Làm đúng pháp? Là tự mình không giết hại, không bảo người giết hại, cho đến tự hành chánh kiến, bảo người hành chánh kiến. Nếu được như vậy gọi là thiện tri thức chơn thật. Tự mình tu Bồ đề cũng dạy cho người khác tu tập Bồ đề, do nghĩa này gọi là thiện tri thức. Tự thân tu tập Tín, Giới, Thí, Đa văn, Trí tuệ cũng nên dạy cho người tu tập Tín, Giới, Thí, Đa văn, Trí tuệ, do nghĩa này gọi là thiện tri thức. Thiện tri thức là pháp lành. Những việc gì thiện tri thức làm đều không cầu an lạc cho mình mà thường cầu an lạc cho chúng sanh. Thấy lỗi của người khác cũng không nói cái xấu của người, luôn nói điều lành, do điều này, gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Như trăng trên trời, bắt đầu ngày mồng một đến ngày rằm từ khuyết đến tròn. Thiện tri thức cũng như vậy, hướng dẫn người học xa dần pháp ác, tăng trưởng pháp lành. Này thiện nam! Nếu ai thân gần thiện tri thức vốn chưa có Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến thì liền có ngay, nếu chưa đủ thì được tăng trưởng. Lại nói, bạn tốt thường quán thấy người nào nhiều tham dục, sân giận, ngu si, suy tư, người nào nghiên về thứ gì nhiều? Nếu biết người tham muốn nhiều thì nên thuyết pháp quán bất tịnh. Người nhiều sân giận thì thuyết pháp từ bi. Người suy tư nhiều thì dạy cho họ quán sổ tức. Người nhiều chấp ngã nên phân biệt cho họ về mười tám giới, nghe rồi tu tập, tuần tự quán bốn Niệm xứ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp, quán được pháp này rồi lại quán mười hai Nhân duyên. Quán xong, đến pháp Noãn, đắc được pháp Noãn, cho đến dần dần đắc các quả vị A-la-hán, Bích chi Phật, Đại thừa Bồ tát, Phật... nương vào đây mà sanh thì liền không còn nghi hoặc, lợi mình, lợi người không thêm nước và sữa. Đây gọi là thiện tri thức chân thật. Quả vị của pháp sư, nếu không đầy đủ như vậy thì chẳng gọi là thiện tri thức. Pháp mà thêm nước thì không nên nương tựa. Cho nên, bàn luận về phật tánh, trích dẫn kệ kinh:

*Không trí, chẳng bạn tốt*
*Bạn ác bỏ chánh hạnh*
*Con nhện rơi trong sữa*
*Sữa này thành chất độc.*

Do đó, cần phải làm lợi ích cho chúng sanh, trước điều phục mình, sau giáo hóa người thì không có lỗi ít nghe, không có lỗi quên làm, không có lỗi tán loạn, không có lỗi khinh mạn, không có lỗi điên đảo,

không có lỗi mong cầu, không có lỗi giận dữ, không có lỗi tà hạnh, không có lỗi chấp ngã, không có lỗi tiểu hạnh. Ai đầy đủ mười pháp như vậy là thiện tri thức. Trong luận Trang Nghiêm nói kệ:

*Đa văn và kiến đế*
*Khéo nói lại lân mẫn*
*Trượng phu này không lui*
*Nương Bồ tát tối thượng.*

Kinh Phật Bổn Nguyện dạy: Bấy giờ, Thế tôn cùng với trưởng lão Nan Đà, đi đến nhà bán hương, nhà đó có các gói hương. Thấy rồi bảo trưởng lão Nan Đà: Này Nan Đà! Ngươi hãy đến lấy các gói hương ở nhà đó. Nan Đà vâng lời, đến đó lấy.

Đức Phật bảo Nan Đà: Chỉ trong giây lát, ngươi hãy lấy các bó hương, sau đó để lại trên đất.

Bấy giờ, trưởng lão nghe Đức Phật dạy, liền nắm hương trong chốc lát rồi để lại trên đất.

Khi ấy Đức Phật bảo Nan Đà: Nay, ngươi hãy ngửi xem tay của mình.

Nan Đà nghe Phật dạy, nên ngửi xem.

Đức Phật hỏi Nan Đà: Ngươi ngửi tay có những mùi gì?

Bạch đức Thế tôn! Mùi hương thơm ngát.

Đức Phật bảo Nan Đà: Đúng vậy! Nếu người gần gũi thiện tri thức, thường cùng ở, tùy thuận mà huân tập, luôn gần gũi thì nhất định sẽ có tiếng lành vang xa. Bấy giờ, Thế tôn nói kệ:

*Nếu tay cầm nước hương trầm thủy*
*Dùng các loại hương như Uất, Xạ*
*Cầm trong giây lát hương thơm ngắt tay*
*Gần thiện tri thức cũng như vậy.*
*Bấy giờ, Thế tôn nói kệ:*
*Nếu ai thân cận ác tri thức*
*Hiện đời không được danh tiếng tốt*
*Chắc chắn do gần bạn xấu ác*
*Tương lai sẽ đọa ngục A tỳ.*
*Nếu gần gũi bậc thiện tri thức*
*Tùy thuận việc làm của người đó*
*Tuy chưa hiện chứng lợi thế gian*
*Tương lai diệt hết các nhân khổ.*

Luật Tứ phần dạy: Tâm ý của bạn thân cần phải có bảy pháp mới thành bạn tốt. Một là làm việc khó có thể làm. Hai là khó cho có thể

cho. Ba là khó nhẫn có thể nhẫn. Bốn là việc bí mật cùng nhau tâm sự. Năm là cùng nhau che dấu. Sáu là gặp khổ không bỏ. Bảy là nghèo khổ không xem thường. Bảy pháp như vậy người nào có thể làm thì nên thân gần họ.

Lại trong luận Đại trang nghiêm Đức Phật nói kệ:

*Không bịnh lợi đệ nhất*
*Biết đủ giàu bậc nhất*
*Bạn tốt thân bậc nhất*
*Niết bàn an lạc nhất.*

Kinh Ca la việt lục hướng bái dạy:Thiện hữu tri thức có bốn loại: Một là bên ngoài như kẻ thù nhưng trong lại nồng hậu. Hai là thẳng thắng khuyên bảo người, nói điều tốt với người ngoài. Ba là ốm bịnh hay bị quan phạt oan thì cùng nhau tranh đấu, cùng giải tỏa nổi buồn. Bốn là thấy người nghèo khổ không từ bỏ, nên nghĩ người đó sắp giàu có. Thiện tri thức lại có bốn loại: Một là nếu người bị quan đuổi bắt thì dẫn về núp, sau đó giải quyết. Hai là khi có bịnh tổn hại thì dẫn người về chăm sóc. Ba là biết sẽ chết vì quan giết thì nên đến thăm. Bốn là nếu biết chết rồi thì nhớ đến nhà thăm họ.

***Thứ 3: Duyên bạn ác***

Kinh Thi ca la việt lục hướng bái dạy: Ác tri thức có bốn loại: Một bên trong có tâm oán ghét, ngoài mặt giả làm thân thiện. Hai là trước mặt người nói tốt sau lưng nói xấu. Ba là khi có việc khẩn cấp trước mặt tỏ ra sầu khổ, sau thì vui vẻ. Bốn là ngoài có vẻ nồng hậu, trong nhiều oán hận. Ác tri thức lại có bốn loại: Một là chỉ một chút lỗi mà nổi giận nhiều. Hai là nhờ làm việc mà không chịu làm. Ba là khi thấy bạn có việc cần thì tránh đi. Bốn là thấy người chết lại bỏ không nhìn đến.

Kinh Niết bàn dạy: Đại Bồ tát xem voi ác và ác tri thức đều như nhau. Vì sao? Vì cả hai đều hủy hoại thân mình, nên đại Bồ tát đối với những con voi ác không lo sợ còn ác tri thức thì sanh tâm lo sợ. Vì sao? Vì những voi ác có thể hủy hoại thân, sau đó cũng có thể hoại tâm, nhưng ác tri thức đều hoại cả hai. Voi ác chỉ hoại một thân còn ác tri thức hoại vô lượng thân và tâm thiện. Voi ác có thể phá hoại thân xấu ác, bất thiện. Ác tri thức hoại cả thân và tâm thanh tịnh. Voi ác hoại thân thịt. Ác tri thức thì hoại pháp thân. Bị voi ác giết hại không đến ba đường ác. Bị bạn ác giết chắc chắn vào ba đường ác. Voi ác chỉ oán thân còn ác tri thức oán các pháp lánh. Thế nên Bồ tát thường phải xa lìa các ác tri thức. Kinh Tăng nhất A-hàm, Thế tôn nói kệ:

*Chớ gần ác tri thức*
*Chớ ngu mà làm theo*
*Nên gần thiện tri thức*
*Tối thắng trong loài người*
*Trong người không có ác*
*Gần học ác tri thức*
*Trồng căn ác về sau*
*Mãi đi trong bóng tối.*

Kinh Trung A-hàm ghi: Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Có bảy pháp oán đối để gây thù hận. Một là không muốn oán đối để được sắc đẹp, dù thích tắm rửa, xoa ướp hoa hương, nhưng vì sắc mà tâm sân giận che lấp làm việc oán đối. Thứ hai không muốn oán đối để ngủ nghỉ an ổn, tuy nằm trên giường, với chăn bông đắp kín nhưng do sầu khổ không bỏ, tâm sân giận che lấp mà gây oán đối. Thứ ba không muốn oán đối được lợi lớn, tuy đáng được lợi nhưng không được, đáng không được lợi lại được, hai pháp này chống trái lẫn nhau, do tâm sân hận nên làm oán đối. Thứ tư không muốn để oán đối được bạn tốt, nếu bạn thân gần thì tránh xa, do tâm sân giận che lấp mà làm oán đối. Thứ năm không muốn để oán đối được tiếng khen, điều ác đó là tiếng xấu đồn khắp các phương, do tâm sân giận che lấp mà làm oán đối. Thứ sáu không muốn oán đối được tiền của rất giàu có, người giàu có nhiều tài vật đó phải bị mất đi, do tâm sân giận che mất mà làm oán đối. Thứ bảy không muốn oán đối để lúc thân hoại mạng chung đến nơi tốt lành, muốn thân miệng ý của họ làm ác, rồi khi chết chắc chắn đến nơi xấu ác, sanh trong địa ngục mà làm oán đối. Lại kinh A hàm dạy: Xa lìa điều ác, gần việc lành có bốn pháp, nên nhanh chóng tránh xa một trăm do tuần (một do tuần là bốn mươi dặm, một trăm do tuần là bốn ngàn dặm). Bốn pháp là: Một là bạn xấu ác. Hai là chúng xấu ác. Ba là lắm lời, đùa giỡn. Bốn là sân giận hay đấu tranh.

Kinh Thiện sanh dạy: Người thọ giới không được làm năm việc: Nghĩa là mỗ trẻ con, dâm nữ, hàng rượu, quốc vương, nhà Chiên Đà La... Có năm loại nghiệp không nên làm: Nghĩa là bán thuộc độc, thuộc da, đánh xu bồ, cờ vây, lục bát, ca múa xướng hát. Kinh kinh Bảo vân dạy: Người trì giới không được phá giới không thể ở nhà.

Luận Kim Cang Tiên dạy: Người xuất gia không được hướn đến nhà mỗ trẻ con, dâm nữ, hàng rượu, voi ác, chó dữ, ... mà không thể cũng không được đi lại nhiều lần gần gũi chúng.

Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì, Đức Phật dạy: Này thiện nam!

Sau khi Phật Diệt độ, nếu có pháp sư, tùy theo sự ưa thích của người mà khéo thuyết giảng cho họ, có thể học Đại thừa Bồ tát và Đại chúng phát tâm hoan hỷ bằng sợi lông, hay chỉ rơi giọt nước mắt thì nên biết đều là thần lực Phật. Nếu có người ngu, thật chẳng phải là Bồ tát, giả xưng là Bồ tát mà hủy báng Bồ tát chơn thật và các việc làm của họ. Lại nói: Họ biết gì, họ hiểu gì. Nếu những người hòa hợp được điều này thì có thể trú trì lưu thông pháp của ta. Nếu người chống trái điều này thì không hành chánh pháp. Những người hủy báng pháp này bị tội rất nặng, rơi vào ba đường ác khó có thể diệt trừ. Nếu người ngu si đối với lời dạy của Phật mà không tín thọ, tuy đọc tụng ba bộ đại thừa, giảng thuyết cho người đắc bốn thiền vì hủy báng người khác, nên trong bảy mươi kiếp chịu nhiều khốn khổ, huống nữa người si thật không biết gì mà tự cống cao ngã mạn, cho đến hủy báng một câu kệ thì nên biết các việc này rơi vào địa ngục, vĩnh viễn không thấy Phật. Nếu với mắt xấu ác liếc nhìn người phát tâm Bồ đề thì bị quả báo không có mắt. Nếu dùng miệng thô ác hủy báng người phát tâm Bồ đề thì bị quả báo không có lưỡi.

Xưa khi Đức Phật còn tại thế, có Tỳ-kheo ni Vi Diệu đắc quả A-la-hán, nói chuyện với Ni chúng về quả báo của việc tạo nghiệp thiện ác, ở đời quá khứ, Tỳ-kheo ni này bảo với Ni chúng, ở đời quá khứ có một trưởng giả, nhà giàu có nhưng không có con, vì thế cưới thêm cô vợ bé. Người chồng rất thương yêu, sau thời gian sanh một bé trai. Vợ chồng thương con nhìn không biết chán, người vợ lớn có tâm ganh ghét, nghĩ: Đứa trẻ này, nếu lớn lên sẽ cầm giữ gia nghiệp, ta ra sức cực nhọc, nuôi dưỡng có lợi ích gì, không bằng ta giết nó, liền cầm kim chích lên má, sau đó chết. Người vợ bé nghi vợ lớn giết con, liền nói. Ngươi giết con ta. Lúc ấy, vợ lớn cho rằng không có báo ứng tội phước, tai ương, liền thề: Nếu ta giết con của ngươi thì chồng của ta đời đời làm rắn độc, sanh được đứa con bị trôi trên nước, bị sói ăn thịt, tự ăn thịt con, đang sống mà bị chôn vùi, nhà cha mẹ do lửa mà chết. Phát những lời thề này rồi, sau khi qua đời do giết con nên đọa vào địa ngục chịu vô lượng khổ, hết tội địa ngục lại sanh cõi người làm con gái Phạn chí, lớn lên dần, thích lấy chồng, sanh con, sau đó mang thai đủ tháng sắp sanh, người chồng dẫn về nhà cha mẹ, trên đường, đau bụng sinh, ban đêm ngủ dưới gốc cây, người chồng ngủ ở chỗ khác. Do lời thề trước, hôm nay phải chịu lấy. Khi ấy, có rắn độc đến cắn chết người chồng. Người vợ thấy chồng chết sanh sầu khổ tuyệt vọng, sáng mai mới tỉnh dậy liền cõng đứa bé lớn trên vai, ôm bé nhỏ khóc lóc đi tiếp. Trên đường có con sông sâu

và rộng, liền để con lớn bên bờ này, đưa bé nhỏ qua bờ kia trước, trở lại đón đứa lớn. Người con thấy mẹ đến, vội nhảy xuống nước đến mẹ, liền bị nước cuốn trôi. Người mẹ ra sức kiếm tìm mà không được, chỉ trong chốc lát chìm xuống chết mất, khi trở lại bé nhỏ thì con sói đã ăn rồi, chỉ có máu chảy ra, con sói giẫm đạp trên đất. Người mẹ ngất xỉu, lâu sau mới tỉnh lại, lại đi tiếp, gặp một Phạn chí là người bạn thân của cha, nên trình bày đủ cảnh khổ với Phạn chí. Phạn chí thương xót, cùng khóc, liền hỏi trong nhà có bình an cả không? Phạn chí trả lời: Ngày gần đây, cha mẹ, bà con lớn nhỏ đều bị lửa cháy cả rồi, nghe nói như vậy, sầu khổ đến chết không tỉnh lại. Phạn chí dẫn về nhà nuôi dưỡng như con gái. Sau đó, lấy chồng mang thai sắp sinh. Người chồng ra ngoài uống rượu đến tối mới về, vợ tối đóng cửa, trong một mình, trong chốc lát người vợ sanh, người chồng ở ngoài gọi, người vợ sanh chưa xong, không có người đến mở, người chồng phá cửa vào, đánh vợ ngất xỉu, người vợ kể lại chuyện sanh, người chồng giận dữ nên đánh chết con, lấy rau tía tô nấu chín, bắt vợ phải ăn. Người vợ ăn thịt con xong, tự thấy đau xót, nghĩ mình phước mỏng phải gặp người này, liền bỏ chạy về thành Ba la nại, ngồi nghỉ ở dưới cây trong vườn. Khi ấy, có con trưởng giả, vợ của ông mới chết, ông thường đến mộ thương tiếc than khóc, thấy người nữ này ngồi dưới cây một mình, liền hỏi: Vợ chồng chung sống bao lâu mà chồng đã qua đời? Lúc ấy, theo phép nước đó, nếu khi sống vợ chồng thương yêu nhau, thì lúc chồng chết người vợ cùng chôn theo chồng. Bấy giờ, có bọn giặc đến đào mộ, họ thấy mặt mày người nữ xinh đẹp, nên lấy làm vợ, trải qua vài tuần, người chồng đào mồ người khác, bị vua giết, bạn giặc đem thây chết giao cho bà ta, lại bị chôn theo chồng, được ba ngày bị con cáo, chó sói đến đào mộ, nhờ vậy mà được sống lại, tự trách mình đời trước đã gây tội gì mà nay giữa chừng lại gặp tai họa này, chết rồi sống lại, nay tương tựa vào đâu để bảo toàn thân mạng. Nghe được Đức Phật Thích Ca ở trong Kỳ hoàn, liền đến chỗ Phật cầu xin xuất gia, nhờ năng lực phát nguyện dâng cúng Bích Chi Phật thức ăn nên hiện tại được gặp Phật xuất gia tu đạo, đắc quả A-la-hán, biết được nghiệp sát sanh đời trước, do phát thề rơi vào địa ngục, hiện tại chịu quả báo xấu ác đắng cay, không thể nói hết. Tỳ-kheo Vi Diệu tự nói, người vợ lớn ngày xưa nay chính là thân ta, tuy đắc quả A-la-hán nhưng thường bị kim châm nóng từ trên đầu xuống chân ra ngoài, đêm ngày khổ sở không thể chịu nổi, tai họa như thế, trọn không diệt sạch. Luận Nhập Đại thừa Bồ tát Kiên-ý nói kệ:

*Hủy báng pháp Đại thừa*

*Chắc chắn vào đường ác*
*Lửa đốt rất khổ sở*
*Tin tội báo như vậy*
*Nếu từ địa ngục ra*
*Sau chịu báo ác khác*
*Các căn thường thiếu xấu*
*Mãi không nghe tiếng pháp.*
*Giả như mà được nghe*
*Lại sanh hủy báng pháp*
*Do duyên hủy báng pháp*
*Lại đọa vào địa ngục.*

***Thứ 4: Duyên trái phụ***

Như kinh Pháp cú dụ dạy: Xưa kia, khi Phật còn ở đời, có người buôn Ca Sa vương vào thành La duyệt xin ăn. Trong thành có con trâu cái mới sanh húc chết Ca Sa. Người chủ trâu rất lo sợ bèn bán trâu cho người khác. Người đó dẫn trâu về định cho nó uống nước thì đằng sau nó lại húc người chủ mới này chết. Người trong nhà của chủ quá tức giận giết nó, đem thịt ra chợ bán. Người chủ ruộng mua cái đầu trâu này cột vào sợi dây khiên về, cách nhà hơn một dặm, lại ngồi nghỉ dưới cây, móc đầu trâu trên cành cây, chỉ một tí thì dây đứt, đầu trâu rơi xuống đất, sừng trâu đâm trúng vào đầu người chủ ruộng, ông ấy chết ngay. Chỉ trong một ngày mà đã phạm sát ba người. Vua Bình Sa nghe vậy, cho là việc quái lạ, liền cùng các thần đến chỗ Đức Phật hỏi ý nghĩa tất cả sự việc. Đức Phật bảo vua: Ngày trước có ba người buôn đến trong nước kia lập nghiệp sinh sống, ở nhờ nhà bà già độc thân, bà đã đồng ý giá cả cho thuê. Những người này biết bà độc thân nên khinh thường không muốn trả(tiền), họ thấy bà lão không có, bèn im lặng bỏ đi. Bà già khi về lại nhà thì không thấy người khách nào, bèn hỏi nhà đó, biết họ đã đi cả rồi. Bà lão sân giận, tìm tòi đã quá mệt, chỉ trong chốc lát tiền của đã tiêu tan. Ba người khách đó ngược lại còn nhục mạ. Tôi trước đã cho thuê sao lại tiêu hết, cùng nhau phản bội mà không trả tiền cho tôi? Bà già đơn độc, cô thế không thể khiếu nại gì được bèn sầu não nguyền rủa: Hôm nay, ta khốn cùng nên những hiềm khích hay đấu tranh nào ta cũng chịu cả, nguyện đến đời sau nơi ta sanh ra nếu có gặp lại ta sẽ giết các người, đúng vậy khiến gặp được trên đường, trọn không bỏ được. Đức Phật bảo với vua Bình-sa: Bà già lúc đó nay chính là trâu cái, ba người buôn là Phất-ca-sa và hai người cùng chết đó, do

trâu húc chết. Đức Phật nói kệ:

*Nói ác mạ nhục*
*Lăng nhục dối người*
*Làm nhiều như vậy*
*Oán thù sanh nhanh*
*Nói lời từ hòa*
*Tôn kính mọi người*
*Bỏ oán chịu xấu*
*Oán liền tự diệt*
*Sanh làm phu sĩ*
*Búa ở trong miệng*
*Sẽ chặt thân mình*
*Do lời nói ác.*

Kinh Xuất diệu dạy: Trong nước Kế tân có hai anh em, người anh xuất gia chứng A-la-hán, người em ở nhà lo tu sửa nối nghiệp nhà. Người anh đã nhiều lần khuyên bảo em bố thí, trì giới, tu thiện làm phước, hiện tại được tiếng khen, chết sanh vào nơi lành, người em nói anh: Nay anh đã xuất gia không nghĩ về chuyện công hay tư, không nghĩ đến vợ con ruộng vườn tài sản, còn em thì có những việc này. người anh đã nhiều lần khuyên bảo mà chẳng nghe lời anh, sau đó, bịnh rồi chết, sanh trong loài bò cởi xe cho người, chở muối vào thành. Người anh từ trong thành đi ra, gặp con ngựa này liền thuyết pháp cho nó, nghe rồi nghẹn ngào buồn bả.

Người chủ bò thấy vậy, thưa đạo nhơn: Ông đã nói gì, làm cho con bò tôi u sầu không vui.

Đạo nhân nói: Con bò này trước đây là em của tôi. Do đời trước mắc nợ bạn một đồng muối, nên nay phải đọa làm bò dùng sức lực để trả nợ cho bạn.

Chủ bò nghe vậy, thưa đạo nhơn: Người em bạn này ngày trước có thân quen với tôi. Lúc ấy, người chủ bò bảo với bò: Từ nay, ta thả ngươi, không sai khiến nữa. Bò nghe vậy, cảm động chí tâm niệm Phật, liền lao từ núi xuống vực thẳm chết ngay, lại được sanh lên cõi trời hưởng khoái lạc. Vì nhân duyên này, nên người nào mắc nợ thì phải trả.

Trong luận Thành thật dạy: Nếu có người nào mắc nợ không trả thì phải đọa vào các loài dê, bò, hươu, lừa, ngựa để trả nợ đời trước.

Luận Tỳ Bà Sa dạy: Nghe một người nữ bị ngạ quỷ bắt giữ. Có người dùng chú thuật hỏi quỷ: Sao lại não hại thân nữ đó? Quỷ đáp: Người nữ này là oan gia của ta, trong năm trăm đời thường giết hại ta.

Ta cũng ở trong năm trăm đời mất đi mạng căn. Nếu người nữ bỏ tâm oán thù trước thì tôi cũng bỏ. Khi ấy, người nữ nói: Hôm nay, ta đã từ bỏ tâm oán thù. Con quỷ thấy biết người nữ tuy nói bỏ mà tâm không từ, liền giết cô ta.

Trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Tôn giả Mục Liên đến bờ sông, thấy năm trăm ngạ quỷ đều đến dòng nước. Lại có con quỷ giữ nước, lấy gậy sắc đuổi quỷ khác chạy, khiến không gần được. Bấy giờ, các con quỷ đến đảnh lễ Tôn giả Mục Liên và thưa hỏi tội lỗi của mình.

Một con quỷ thưa: Con đã chịu thân này, thường bị nạn khát nóng, nghe nói nước ở sông trong mát, vui mừng chạy đến nhưng nước sôi làm bỏng thân, thử ngậm một hớp thì làm cho ngũ tạng cháy bỏng thối nát, mùi hôi không thể tả. Đây là do duyên gì mà chịu những tội như vậy?

Mục Liên đáp: Do ngươi đời trước đã từng làm thầy xem tướng lành dữ của người thật ít, dối nhiều, chê bai hay khen ngợi, tự cho mình đã xem xét kỹ, do tâm người động, dối trá mê hoặc, để cầu tài lợi, mê hoặc chúng sanh, mất đi việc như ý.

Lại có một con quỷ nói: Con thường bị con chó lớn, răng nhọn trắng đỏ đến ăn thịt, chỉ còn lại xương, khi gió thổi đến lại làm thịt có lại, chó lại đến ăn, khổ này do nhân duyên gì?

Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi làm chủ tế trời, thường bảo mọi người giết dê, lấy máu tế trời còn ngươi ăn thịt, nên lấy thịt mà trả.

Lại có một con quỷ nói: Trên thân của con luôn bị phân dơ bám vào dơ nhớp, lại lấy nó ăn, tội này do nhân duyên gì?

Tôn giả Mục Liên bảo: Đời trước ngươi làm Bà-la-môn ác tà kiến không có đức tin. Có một đạo nhân đi khất thực, ngươi lấy phân bỏ đầy bát rồi lấy cơm che trên, dâng đạo nhân. Đạo nhân trở về dùng tay bóc ăn thì phân dơ bén đầy tay, nên ngày nay ngươi phải chịu tội này.

Lại có một con quỷ nói: Bụng con thật lớn như cái vò còn cái cổ, tay chân đều nhỏ như cái kim, không ăn uống gì được, là do đâu mà khổ vậy?

Tôn giả Mục Liên bảo: Ngươi đời trước làm chủ xóm làng, tự ỷ mình giàu có, uống rượu ngang tàn, khinh khi kẻ khác, lấy thức ăn của người, làm cho chúng sanh đói khổ, nên nay chịu khổ này.

Lại có một con quỷ nói: Con thường đến nhà vệ sinh muốn ăn phân, nhưng có bầy quỷ lớn cầm gậy đuổi con, nên không được nhà vệ sinh, trong miệng hôi thối, đói khát khốn khổ vô cùng, là do nhân duyên gì vậy?

Tôn giả Mục liên đáp: Đời trước ngươi chủ vẽ tượng Phật, có các cư sĩ chuẩn bị thức ăn cúng dường chúng Tăng mà ngươi ăn thức ăn ngon lại dùng thức ăn thô cúng dường chúng tăng và khách, nên phải bị khổ này.

Lại có một con quỷ nói: Trên thân con mọc đầy cả lưỡi, búa đến chặt lưỡi, chặt rồi lại sanh, như thế không dứt là tại sao vậy?

Tôn giả Mục Liên bảo: Đời trước khi làm đạo nhân, chúng Tăng sai giã đường làm nước tương. Khối đường lớn khó tan, ngươi lấy búa gõ ra, trộm lấy một miếng bỏ vào miệng, do đó, nên lưỡi thường bị chặt.

Lại có một con quỷ nói: Con thường ngậm bảy viên sắt nóng vào trong miệng nuốt xuống bụng làm cho ngũ tạng cháy bỏng ra ngoài rồi trở vào, đó là do nhân duyên gì mà bị tội này?

Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi làm Sa-di đi phân trái cây, đến chỗ thầy mình, vì kính thầy nên có tâm thiên vị dâng nhiều hơn, thật ra chỉ bảy quả lớn, nên thọ khổ này.

Lại có một con quỷ nói: Thường bị hai bánh xe sắt nóng kẹp dưới hai nách, toàn thân nóng bỏng, do nhân duyên mà bị vậy?

Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước, khi chúng Tăng làm bánh, ngươi trộm lấy hai bánh kẹp vào hai nách, nên nay chịu khổ này.

Lại có một con quỷ nói: Con có cái bướu lớn ở cổ lớn như cái chum, khi đi phải vác nó trên vai, khi nghỉ thì ngồi trên nó, đi đứng đều khổ sở, do gì mà khổ vậy?

Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi buôn bán ở chợ, thường cân non lường thiếu của người, cân nặng đong đầy cho mình, thường muốn được phần lợi nhiều cho mình, xâm phạm người khác.

Lại có một con quỷ nói: Trên hai vai con thường có mắt, ở ngực thì có miệng, mũi, lại không có đầu, đó là nhân duyên gì?

Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi thường làm đệ tử của người chủ chả nem, nếu khi ai giết hại, ngươi lại vui mừng, lấy dây trói kéo chúng, nên nay chịu khổ này.

Lại có con quỷ nói: Thân con thường bị kim sắc nóng châm vào thân, chịu khổ vô cùng, là do nhân duyên gì vậy? Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi làm người giữ ngựa hoặc giữ voi, ngựa và voi khó điều phục nên ngươi dùng kim sắc châm vào chân, khi đó chúng đi chậm chạp là do kim châm, do đó nay chịu khổ này.

Lại có một con quỷ nói: Thân con thường có lửa phát ra, lại thiêu đốt làm con nóng bức khổ não, là do nhân duyên gì vậy?

Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi làm phu nhân của vua

một nước, lại có phu nhân khác thương yêu vua hơn, nên thường sanh tâm ganh tỵ, tìm mưu kế hại người này. Khi vua còn ngủ với phu nhân đó, do chưa mặc y áo, bà liền sanh tâm ác, đúng lúc làm bánh có dầu nóng, phu nhân lấy dầu rưới trên bụng, làm bụng cháy bỏng mà chết, nên chịu khổ như vậy.

Lại có một con quỷ nói: Thường có gió thổi xoáy quanh làm thân con bị chuyển động, không được tự tại mà ý tự do rong ruổi, tâm thường sầu muộn, là do nhân duyên gì vậy?

Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi làm thầy bói, khi nói dối, khi lại nói thật làm mê hoặc tâm người, không theo ý của họ, nên chịu khổ này.

Lại có một con quỷ nói: Thân của con thường như cục thịt không có tay chân mắt tai mũi... chỉ làm côn trùng bị chim rỉa, tội khổ khó lường, là do nhân duyên gì vậy?

Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi thường cho người khác thuốc hư thai, nay chịu khổ này.

Lại có một con quỷ nói: Con thường bị nhốt trong lồng sắc nóng đốt cháy toàn thân, làm đau đớn, là do nhân duyên gì vậy?

Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi làm lưới bủa bắt chim cá, nên nay chịu khổ như vậy.

Lại có một con quỷ nói: Con thường lấy vật lồng trùm lên đầu vì luôn sợ người đến giết con, tâm luôn lo sợ không thể chịu được, là do nhân duyên gì vậy?

Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi tà dâm với nữ sắc, thường sợ người khác thấy, hoặc sợ chồng cô trói bắt chết, hoặc sợ phép quan giết bêu ở chợ, lo sợ liên miên, nên nay chịu khổ này.

Lại có một con quỷ nói: Con nhận chịu thân này trên vai thường có bình đồng đầy nước đồng nóng chảy, tay cầm gáo tự múc tưới thân, toàn thân cháy nóng chịu khổ như vậy vô lượng, là do nhân duyên gì vậy?

Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi xuất gia học đạo đã lấy bình sữa, cất riêng nơi khác cho mình, có khách đạo nhơn đến mà không mời, đợi họ đi rồi mới mang ra cho những người Tăng trú xứ, sữa này là vật của chiêu đề Tăng, tất cả đều có phần, người này cất riêng tuy cho nhưng không bình đẳng. Do nhân duyên đó mà nay tội chịu này.

Trong kinh Thí Dụ dạy: Xưa kia, nước ngoài có người, hồn chết dùng roi tự đánh vào thây chết của mình. Người bên hỏi: Người này đã chết sao lại lấy roi tự đánh? Đây là thân cũ của ta, do trước ta thường

làm việc ác, thấy kinh giới không đọc tụng, trộm cắp nói dối, tà hạnh với vợ người, không hiếu thuận cha mẹ, anh em, tiếc tài của không chịu bố thí, nay chết ta phải chịu trong đường ác, luôn chịu khổ đắng cay, không thể kể hết, nên nay phải dùng roi tự đánh.

Trong kinh Y Vô Lượng Thọ dạy: Kiều Phạm Ba Đề đời quá khứ từng làm Tỳ-kheo, ở bên ruộng lúa người mà đào bới gốc rễ, đến khi chín thì hạt lúa rơi vải trên đất, nên trong năm trăm đời làm bò để trả nợ. Cho nên, luận Trí độ dạy: Vì tập khí của người đó, sau này được làm thân người, khi sanh ra có móng chân, thức ăn như bò. Đức Phật thương xót độ cho ông xuất gia đắc quả A-la-hán.

***Thứ 5: Duyên tội lỗi***

Kinh Duy Ma dạy: Nếu dùng một ngàn lời nói thống khổ mới có thể vào luật. Sách nói: Nghe khuyên bảo như nước chảy, những lời nói đó phải ghi nhớ, thường trái mà không tin, ngựa ác khó điều phục, vỗ vào ngực nhiều xấu hổ mà thường tự an ủi, khi nghe đến bài tựa tâm đã quanh co. Hôm nay, muốn giữ gìn lời nói và chỉnh đốn thân mình. Nếu trước chưa điều phục tâm mình thì tiếp đến phải chiết phục ý. Nên kinh dạy: Giữ tâm ở một chỗ thì mọi việc đều thành tựu. Thí như núi vàng, hang cáo, thỏ không dám nghỉ. Đấy biển sâu thì con chẩu oa không dám trú ở. Thế nên biết, sữa đổi tâm chính là làm cho ý mình thanh tịnh thì quả báo ba đường dứt hẳn, đầy đủ bốn đức, ngăn ngừa ý như thành, giữ miệng như bình, tức là sông vàng vẫn còn gởi lại người kia. Người chủ giữ cửa Hóa quảng cũng tin như vậy, đã sách tấn ba nghiệp tức là trừ được bốn hoạn nạn. Những gì là bốn? Là Sanh, già, bịnh, chết. Nên kinh Thọ thai dạy: Khi chúng sanh thọ thai là đầy đủ tất cả nạn, hình thái mù mịt như bụi trần bay, đủ mười tháng trong thai mẹ đã biết khổ, gió nghiệp thúc dục sanh ra, gió xoáy vào thân tựa như băng lạnh. Thật thế, sanh là khổ. Kinh Niết bàn dạy: Ví như tim đốt đèn chỉ bằng dầu mỡ, nếu dầu mỡ đã hết thì chẳng còn cháy lâu. Con người cũng vậy, dựa vào thân mạnh khỏe, khi thân đã cạn kiệt thì mạng sống đâu lâu dài được.

Trong kinh Xuất Diệu, Đức Phật nói kệ về khổ của già:

*Trẻ tinh khí tráng kiện*
*Lúc già bị bức bách*
*Hình ốm yếu khô gầy*
*Sức cạn, đi nhờ gậy.*

Đức Phật nói kệ về khổ của chết:

*Khí hết thần mất*

*Hình hài tan tác*
*Người vật hợp nhất*
*Không sống chẳng chết.*

Lại kinh Niết Bàn dạy: Người chết đối với chỗ hiểm nạn không có tư lương, đến nơi xa vắng không có bạn đồng hành, đi suốt ngày đêm không biết chỗ dừng, hang núi thâm sâu tối tăm chẳng có đèn sáng, vào nơi không có cửa mà vẫn có chỗ, tuy chỗ không thống khổ mà không thể trị lành, qua thì không ngăn chặn lại mà đến thì không thể thoát ra được.

Lại kinh Vô Lượng Thọ dạy: Sanh ra chỉ một mình mà chết đi cũng chỉ một mình, đến một mình, đi một mình, chỗ vui khổ, tự thân nhận thấy, không có người thay thế, mờ mờ ảo ảo biệt li mãi mãi, đường đi khác biệt, không hẹn ngày gặp, thật khó thay! Nếu được gặp nhau, cùng sống thì vui mừng, bà con sum họp hết lòng thương yêu nhau. Nếu chết thì sớm mất tối tàn, liền sợ sệt, phân chia hình bóng, hát, khóc đưa nhau, người chết không biết, trong nhà trống vắng chẳng nhìn thấy. Còn mất, có không thay đổi trong chốc lát, nên kinh Xuất Diệu, Đức Phật dùng kệ thuyết lại cái khổ của chết:

*Mạng như quả sắp chín*
*Lo sợ gặp rồi tan*
*Đã sanh tức có khổ*
*Đến lúc chết vẫn còn.*
*Như người tù chết*
*Đưa đến nơi chợ*
*Hướng đến đường chết*
*Mạng người như vậy*
*Như nước chảy sông*
*Qua không trở lại*
*Mạng người cũng vậy*
*Nguyện không trở lại.*

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Có mười loại nghiệp Mạn cần phải tránh xa. Một là đối với ruộng phước tôn trọng như Hòa thượng, A-xà-lê, cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn mà không tôn trọng cung kính cúng dường, đó là nghiệp mạn. Hai là đối với các Pháp sư được pháp vi diệu, đối với pháp sâu xa Đại thừa, biết đường ra khỏi sanh tử, được Đà-la-ni thành tựu đa văn, đầy đủ tạng trí tuệ, có thể khéo thuyết pháp mà không tin thọ, cung kính cúng dường, đó là nghiệp mạn. Ba là khi lãnh thọ pháp, nếu nghe pháp sâu xa, nên phát tâm lìa dục, hoan hỷ vô lượng, nhưng

không tán thán pháp sư, để chúng được hoan hỷ, đó là nghiệp mạn. Bốn là khởi tâm kiêu mạn tự cao, nhục mạ người, không xét kỹ mình, không chế ngự tâm, đó là nghiệp mạn. Năm là khởi ngã tâm kế chấp, thấy người có công đức trí tuệ mà không khen ngợi cái tốt của họ, trái lại thấy người không có công đức lại nói cái tốt về họ, nếu nghe người khác khen với người đó thì sanh tâm ganh tỵ, đó là nghiệp mạn. Sáu là, nếu có Pháp sư biết về pháp, luật, chân thật, biết đúng lời Phật dạy mà tâm sanh ganh ghét cho là chẳng phải pháp, chẳng phải luật, chẳng phải chơn thật, chẳng phải lời Phật dạy, muốn phá hủy lòng tin của người khác, đó là nghiệp mạn. Bảy là tự mình trãi ngồi ở tòa cao, tự cho ta là pháp sư, không nên làm việc, không nên cung kính cúng dường người khác, các bậc tu tập Trưởng lão phạm hạnh có đức đều phải cung kính cúng dường ta, đó là nghiệp mạn. Tám là luôn xa lìa với vẻ kính cẩn nhìn người bằng mắt xấu ác, thường dùng những nét hòa nhã để nhìn chúng sanh, cho là nhã nhặn không thô ác, trừ tâm sân giận mà đối Pháp sư đó tìm lỗi lầm của vị ấy, đó là nghiệp mạn. Chín là tâm ngã mạn, đối với bậc đa văn thì không đến cung kính nghe pháp, gặp khó khăn cũng chẳng thưa hỏi: Những gì là thiện? Những gì là ác? Những gì đáng làm? Những gì không đáng làm? Làm những gì là có thể làm lợi ích cho chúng sanh lâu dài? Làm những gì không đem lại lợi ích cho chúng sanh? Làm những gì thì từ sáng vào sáng? Làm những gì thì từ tối vào tối? Những người như vậy là tâm ngã trôi nổi, không thể thấy được con đường chân chánh, đó là nghiệp mạn. Mười là khởi tâm mạn, nên không gặp được chư Phật, khó đắc pháp, diệt trừ hết căn lành của đời trước, không đáng nói mà nói, khởi tâm trách cứ, bàn luận chê bai, trú trong pháp như vậy là đạo tà kiến. Do tâm Bồ đề kém nên không bỏ hẳn việc làm của Bồ tát, tuy không bỏ đạo Bồ tát nhưng ở trong vô lượng trăm ngàn vạn kiếp vẫn không gặp Phật, huống nữa là nghe pháp, đó là nghiệp mạn. Kinh Xuất Diệu, kệ:

*Chúng sanh bị mạn trói*
*Đắm trước nơi kiêu mạn*
*Vì kiến chấp mê hoặc*
*Không bỏ bờ sanh tử.*

Thế nên biết, phàm phu tuy làm ác ít nhưng quả báo đời sau nhiều vô lượng, như độc trong tâm, ý người không đồng. Cư sĩ kinh doanh để sống mà không nhìn lại cái chết, nhưng đã sanh thì không thể bảo toàn, cái chết chắc chắn sẽ đến, nhìn lại mạng người mong manh chẳng sớm thì chiều, chỉ trong chốc lát, ma ác vô thường biến đổi, mà cứ lo sửa

sang ruộng nhà, vợ con.

Kinh Pháp cú dụ dạy: Khi Đức Phật ở nước Xá vệ, trong thành có Bà-la-môn, gần tám mươi tuổi, tiền của vô lượng, là người khó giáo hóa, không biết đạo đức, chẳng kể vô thường, liền xây nhà tốt đẹp, phía trước có hai dãy nhà, phía sau giảng đường có đài hóng mát và nhà ấm, phía Đông và Tây có mái hiên. Hai dãy nhà có mười cái cầu, phía trước và sau của giảng đường rất lớn còn chưa xong, Bà-la-môn lại vạch ra những việc kinh doanh khác. Đức Phật dùng đạo nhãn thấy, người này mạng sống chưa trọn một ngày, qua đời sau cũng không thể tự biết được mình mà lại lo tu sửa, tinh thần không có phước, thật đáng thương xót. Đức Phật cùng A Nan đi đến cửa nhà ông ân cần hỏi: Ngươi có mệt nhọc không? Hôm nay, làm nhà này để làm gì?

Bà-la-môn thưa: Dãy trước để tiếp khách, nhà sau dành cho tôi, hai mái Đông, Tây là để cho những đứa trẻ nghỉ ngơi và những người giúp việc cùng với tài sản. Mùa Hạ thì đến đài nghỉ mát, mùa Đông thì vào nhà ấm nghỉ.

Đức Phật bảo: Từ lâu Ta đã nghe công đức đời trước, nghĩ mãi mới muốn giảng nói, Đức Phật dùng bài kệ căn bản, còn hay mất đều có ích, muốn cùng nhau trao đổi, hãy khéo xét kỹ được chăng? Xin bỏ chút công việc cùng ngồi trò chuyện được không?

Bà-la-môn đáp: Hôm nay, tôi rất bận, ngày mai đến sẽ cùng gặp nhau tốt hơn.

Đức Phật nói kệ rồi, giảng thuyết cho ông, Thế tôn giảng kệ:

*Có con có tài*
*Người ngu vội vàng*
*Ta chẳng phải ta*
*Đâu có con, tài*
*Nóng sẽ nghỉ đây*
*Lạnh sẽ nghỉ kia*
*Ngu nhiều tính toán*
*Chẳng biết đổi thay*
*Người ngu khuất lấp*
*Tự cho trí mình*
*Ngu cho là trí*
*Đúng là thật ngu.*

Bà-la-môn nói: Bài kệ này thật hay! Hôm nay thật quá bận, ngày mai hãy đến bàn luận. Khi đó, Thế tôn thương xót bỏ đi. Sau đó, Bà-la-môn cầm rui mái nhà, rui rớt xuống, đánh bể đầu, chết mất. Cả nhà

than khóc, náo động bốn phía. Đức Phật cách chỗ đó chưa xa, liền có sự vô thường biến đổi này, đến đầu làng gặp mười người Phạn chí hỏi Ngài: Thế tôn đi đâu?

Đức Phật nói: Đến nhà Bà-la-môn chết để thuyết pháp cho Bà-la-môn, vì không tin lời Phật, không biết vô thường, hôm nay bỗng nhiên đã thành đời sau, thuyết nghĩa bài kệ trước cho các Phạn chí, họ nghe rồi vui mừng đắc quả Đạo tích. Khi ấy, Thế tôn nói kệ:

*Ngu gần bậc trí*
*Như rót rượu(vào) ly*
*Tuy quen tập khí*
*Do không biết pháp*
*Gần trí nghe hiểu*
*Như lưỡi liếm vị*
*Tập trong chốc lát*
*Hiểu đạo căn bản.*
*Người ngu tạo tác*
*Thân phải chịu họa*
*Tâm quyết làm ác*
*Tự mang tai ương.*
*Làm việc bất thiện*
*Trở lại thương lão*
*Nước mắt tuôn rơi*
*Trả nghiệp đời trước.*

Bấy giờ, các Phạn chí nghe lại bài kệ này càng thêm lòng tin, lễ Phật hoan hỷ, phụng hành.

Kinh Chánh Pháp Niệm dạy: Nếu có chúng sanh gặp bạn người khác mà cùng nhau tranh cải, để thêm oán kết, mà có thể làm họ hòa thuận, người này lúc mạng chung được sanh vào cõi trời Dục ái, tùy theo tâm nghĩ mà được hưởng năm dục. Nếu có chúng sanh thấy người bị đánh sắp mất mạng, vì người đó đánh trả để cứu thoát nạn, hoặc ở nơi chỗ hiểm cứu người, dạy họ đạo chơn chánh, hoặc nơi nghi ngờ đáng sợ khiến cho họ được an ổn thì mạng chung được sanh lên cõi trời Chánh hạnh, được thiên nữ cúng dường hưởng năm thứ dục lạc, hoặc sanh trong loài người, thì ở trong nhà trưởng giả chánh kiến. Hoặc có người tâm hòa diệu, lìa tất cả cấu uế, được Niết bàn giải thoát như trong bàn tay, người tâm mềm mại như bạch lạp, tu tập nghiệp lành được mọi người tin tưởng. Người cứng cỏi tâm như kim cương thường không từ bỏ tâm oán kết, khó điều phục hành động, bị mọi người ghét, không tin

yêu. Bấy giờ, Bồ tát Khổng Tước dùng kệ kinh Phật tụng:

*Người lành tâm hòa diệu*
*Giống như vàng đã luyện*
*Người này trong ngoài thiện*
*Mau thoát được các khổ*
*Nếu người tâm điều hòa*
*Tất cả đều hòa nhã*
*Người ấy sanh việc thiện*
*Như ruộng phước tốt lành.*

Lại kinh Ha Điêu A-na-hàm dạy: A-na-hàm có tám pháp không muốn để cho người biết. Những gì là tám. Một là không mong cầu, không muốn cho người biết. Hai là tin mà không để người biết. Ba là tự thẹn không để người biết. Bốn là tự xấu hổ không muốn khiến cho người biết. Năm tinh tấn không muốn cho người biết. Sáu là tự quán xét không muốn để cho người biết. Bảy là đắc được thiền không để cho người biết. Tám là có chút trí tuệ không để cho người biết. Sở dĩ không muốn để cho người biết là không muốn khiến người khác lo phiền. Tụng kệ:

*Xem tâm như cỏ cải*
*Hoa lan thơm khắp nơi*
*Trục xe có khi hư*
*Tơ trắng không như lụa*
*Ba ích riêng được vui*
*Hành Bốn xứ được hộ*
*Cố gắng hết sức mình*
*Dạy bảo được thành kính.*

----------------------------------

## PHẦN THỨ 17: TƯ THẬN (SUY NGHĨ CHÍN CHẮN)

- Duyên thuật ý.
- Duyên thận quả.
- Duyên thận họa.
- Duyên thận cảnh.
- Duyên thận dụng.

### *Thứ 1: Trình bày về duyên ý*

Suy nghĩ cẩn thận đề phòng lỗi lầm, lý không lo lắng là im lặng trừ bỏ hủy báng, xa lìa nguồn gốc ác. Xưa dạy bảo nên thận trọng sau này, người quân tử như Ô mai mặn, kính trên hộ trì dưới là nuôi dưỡng hướng đi chính yếu. Lại dùng gương soi sự chìm nổi của tội phước, biết được khổ vui của lành dữ. Ví như mắt trong bóng tối thì tự biết, mượn gương để soi hình tóc rối bời thì tự biết lý do ở nơi mình chắc phải mượn lược để tự chải cho suông, thấy được hình ảnh của mặt là chức năng ánh sáng của gương, tóc được suông là nhờ công năng của lược tốt. Sở dĩ tiếng thơm bay xa là do lợi ích của lời nói khéo, sở dĩ được quả tốt là do nhân tốt lành. Cho nên, thân sắp hủy hoại chắc chắn không nhận lời khuyên bảo đúng, mạng sống sắp chết thì không trao cho thuốc tốt.

***Thứ 2: Duyên cẩn thận với tội lỗi***

Trong phẩm Tế long kinh Đại tập dạy: Bấy giờ, trong đàn có con rồng mù tên Phả-la-cơ-lê-xa khóc lớn: Bạch Đại thánh Thế tôn! Xin cứu giúp con! Hôm nay, con chịu thân quá khổ, ngày đêm bị các loài trùng ăn sột soạt, ở trong nhà nước nóng, không được chút an vui. Đức Phật bảo Lợi-Xa: Trong đời quá khứ, ông ở trong pháp của Ta từng là Tỳ-kheo, hủy phạm giới cấm, trong thì lừa dối khinh khi, nhưng ngoài thì tỏ ra tướng tốt, ham chấp nhiều bà con đệ tử, cứ nói ta xa lìa bốn pháp, nghe hiểu tất cả, là Hòa thượng đắc quả A-la-hán, vì vậy mà được nhiều người cúng dường mà chỉ thọ dụng một mình, thấy người trì giới lại nói xấu ác cho họ, làm cho họ buồn rầu. Vì vậy, những người ấy nghĩ như vầy: Đời đời chúng ta sanh đến chỗ ngươi để ăn thịt ngươi, do tạo nghiệp ác như vậy nên chết sanh trong loài rồng. Đó là thân trước của ngươi. Chúng sanh nguyện ăn thịt của ngươi là do nhân duyên nghiệp ác mà bị quả báo mù này. Lại vô lượng kiếp trong quá khứ ở địa ngục đồng đỏ rực, thường bị các loài trùng ăn. Rồng nghe nói như vậy, buồn rầu than khóc nghĩ: Hôm nay, chúng con đều chí thành xin sám hối, nguyện cầu những khổ này nhanh chóng thoát khỏi, ở trong loài rồng qua hai mươi sáu ức năm bị đói khát, nhớ thân quá khứ tất cả đều rơi nước mắt, nhớ thân quá khứ tuy được xuất gia mà tạo nhiều nghiệp ác, trải qua vô lượng thân trong ba đường ác, do còn nghiệp báo nên ở trong loài rồng chịu nhiều khổ đau, như rồng mù, con cũng như vậy. Bấy giờ Thế tôn bảo với loài rồng: Các ngươi hãy lấy nước rửa sạch chân của Ta để các tội báo của các ngươi dần được diệt trừ. Khi ấy, tất cả rồng lấy tay múc nước, thì nước tất cả thành lửa, biến thành đá lớn, ở trong tay đầy cả lửa dữ, hết rồi lại sanh cứ như vậy đến bảy lần. Tất cả loài rồng thấy vậy

rùng mình than khóc, nước mắt như mưa. Đức Phật bảo: Hãy phát thề nguyện lớn thì lửa dữ đều tắt, cho đến tám lần dùng tay múc nước rửa chân Như Lai chí thành sám hối. Đức Phật thọ ký cho loài rồng, đến thời Phật Di lặc sẽ được làm người gặp Phật xuất gia, tinh tấn trì giới đắc quả A-la-hán. Khi ấy, các loài rồng nhớ lại được đời quá khứ, biết lỗi lầm quá khứ của mình đối với Phật pháp, hoặc nhân duyên làm bà con với mọi người, hoặc nghe pháp nhân duyên ở quá khứ, vị lai bỏ các những điều đó, phát lòng tin, dâng cúng dường các hoa quả, thức ăn và y áo cho các Tỳ-kheo sau đó mới ăn. Hoặc có thuyết nói: Con thường ăn hoa quả trong bốn phương, hoặc nói: Con đến chùa cúng dường chúng Tăng, hay lễ bái, ăn uống như vậy. Hay nói: Con ở trong pháp của Phật Tỳ Bà Thi đã từng làm người, nói: Con ở trong pháp của Thích-ca-mâu-Ni từng làm người, hay do gần gũi bậc lớn thưa hỏi nhân duyên, hay đến nghe pháp nhân duyên, lại trở về chùa có lòng tin cúng dường Tăng, cúng dường đủ thứ hoa quả thức ăn. Các vị Tỳ-kheo nhận rồi cho lại con, con liền ăn. Do nhân duyên này, trong địa ngục trải vô lượng kiếp ở lửa hung dữ hoặc đốt hoặc nấu, hoặc uống nước đồng sôi, hoặc nuốt hòn sắt nóng. Từ địa ngục ra lại sanh vào súc sanh, bỏ thân súc sanh lại làm ngạ quỷ, cứ như thế chịu đủ các khổ, nghiệp ác chưa hết sanh trong loài rồng thường khốn khổ. Đức Phật bảo loài rồng: Nghiệp ác này cùng với ăn trộm vật của Phật không khác, đối với năm tội nghịch thì tội các ngươi chỉ bằng một nữa. Hôm nay, các ngươi nên hết lòng thọ trì Tam quy, luôn tu tập việc lành, nhờ duyên này mà ở Hiền kiếp gặp Đức Phật sau cùng là Lâu-chí, ở đời Đức Phật đó tội các ngươi sẽ trừ diệt. Bấy giờ, loài rồng nghe như vậy rồi đều chí tâm trọn đời thọ trì Tam quy. Khi ấy, trong chúng rồng có rồng nữ mù trong miệng phù thủng mục nát đầy các loài trùng như phân dơ cho đến các chất xấu uế, như người nữ các căn bên trong không sạch tanh hôi khó nhìn, ăn uống các loại máu huyết chảy ra, tất cả cơ thể thường bị các loài trùng độc như ruồi, muỗi ăn nuốt, thân thể là nơi hôi dơ không thể thấy biết. Bấy giờ, Thế tôn với tâm từ bi thấy vợ con rồng mắt mù đau khổ như vậy, hỏi: Ngươi vì duyên gì mà bị thân xấu ác này? Ở trong đời quá khứ từng tạo nghiệp gì? Vợ rồng thưa: Bạch đức Thế tôn! Hôm nay, con thọ thân này chịu khổ dày vò chưa từng nghỉ, giả sử muốn nói cũng không nói được. Con nhớ đời quá khứ ba mươi sáu ức, trong trăm ngàn năm sanh vào loài rồng ác chịu những khổ này cho đến một tí trong ngày cũng không dừng. Vì con ở trong chín mươi mốt kiếp đời quá khứ thời Đức Phật Tỳ Bà Thi làm Tỳ-kheo ni trong pháp Phật, nghĩ về những ham muốn tội

lỗi hơn cả người say. Tuy được xuất gia mà không như pháp, ở trong Già lam phạm pháp luật, thường bị ba đường ác, các lửa thiêu đốt, thưa như thế rồi, nguyện xin Ngài cứu thân con. Đối với việc này Thế tôn dạy: Thật đúng như vậy! Ngài lấy ít nước mặn bỏ vào miệng rồng, lửa và côn trùng, máu mủ trong miệng rồng đều sạch. Miệng rồng trong sạch liền bạch: Bạch Đại Thánh Như lai! Quá khứ, thời Đức Phật Ca Diếp con từng làm người ở chỗ cày ruộng, có một Tỳ-kheo đến xin con năm mươi tiền, con trả lời: Đồng ý, nhưng đợi lúc lúa chín sẽ cho thầy ăn. Tỳ-kheo bảo: Nếu năm mươi tiền không được thì xin mười đồng tiền. Lúc đó, con sân và nói với Tỳ-kheo: Mười đồng cũng không cho! Tỳ-kheo đó buồn rầu. Lại ở thời khác, con đến chùa, vào vườn cây, ăn trộm lấy mười quả Yêm la của Tăng hiện tiền để dùng riêng. Do nghiệp đó mà bị khổ trong địa ngục. Nghiệp ác chưa hết lại sanh làm rồng đói khát ở trong đầm hoang thường bị côn trùng rỉa ăn, máu mủ chảy ra, đói khát khổ cực, Tỳ-kheo kia vì sân giận tạo nghiệp ác nên chết liền sanh làm thân rồng nhỏ độc, ở dưới nách, hút máu con, nóng bức thân con khó thể chịu được. Vì thế, thân con nóng bức máu mủ tràn trề. Rồng thưa Đức Phật: Thế tôn đại từ bi, nguyện đem lòng thương cứu giúp thân con, khiến cho con thoát khỏi oan gia với rồng độc này. Bấy giờ, Thế tôn lấy tay múc nước, dạy: Ta xưa kia đã từng ở đời cơ cực, lúc đó nguyện làm chúng sanh thân lớn cao mập vô lượng, với năng lực này ở trong hư không nói như vầy: Các loài trùng thân lớn ở trong đầm hoang kia, gọi là không sân, các ngươi có thể đến đây lấy thịt thân này dùng làm thức ăn, có thể trừ được đói khát. Lúc đó, người và phi nhân trong đời đó nghe tiếng như vậy, tất cả đều tranh nhau đến lấy thịt đó ăn. Lời nói đó chân thật, đáng tin, nên con rồng nhỏ độc dưới nách đi ra. Bấy giờ, hai con rồng đều bạch Phật: Thưa Thế tôn! Chúng con còn bao lâu nữa mới thoát khỏi loài rồng? Đức Phật bảo rồng: Nghiệp này rất lớn, đến năm vô gián. Vì sao vậy? Nếu đối với vật bốn phương thường trú hay vật hiện tiền Tăng, đàn việt dốc hết lòng tin dâng cúng tài vật, vườn cây hoa quả, thức ăn uống, vật sinh sống, giường mềm, chăn gối, thuốc men trị bịnh, tất cả đồ cần dùng mà lại riêng dùng phung phí, hoặc đem ra ngoài, hoặc xin cho bạn bè, cư sĩ, tội báo này rất nặng ở địa ngục A tỳ. Thế nên, các ngươi phải thọ Tam quy, quy y Tam bảo rồi mới ở trong nước mát lạnh, như vậy là ba lần xưng, ba lần thọ thì thân liền an ổn như vào trong nước mát. Bấy giờ, Thế tôn nói kệ cho loài rồng:

*Thà dùng dao bén tự cắt thân*
*Phân chia thân từng phần từng đoạn*

*Có được niềm tin cúng dường Phật*
*Tài vật người tục là nạn lớn.*
*Thà nuốt hòn sắc nóng đỏ rực*
*Khiến trong miệng phát ra ánh sáng*
*Nếu có thức ăn của chúng Tăng*
*Không nên lấy dùng của riêng mình.*
*Thà bị lửa lớn như Tu di*
*Dùng tay cầm lấy để mà ăn*
*Những người thế tục hay tại gia*
*Không lấy thức ăn cúng dường Tăng.*
*Thà dùng dao bén xẻo thịt mình*
*Thân thể màng da để mà ăn*
*Những người thế tục hay tại gia*
*Không nên nhận vật thực chúng Tăng.*
*Thà đeo thân mình ném nơi khác*
*Lửa cháy hừng hực ở trong đó*
*Những người thế tục hay tại gia*
*Không nên ngồi nằm giường chúng Tăng.*
*Thà đem dùi sắt lớn cháy đỏ*
*Tay nắm chặt lấy phòng cháy bỏng*
*Những người thế tục hay tại gia*
*Không lấy vật Tăng để dùng riêng.*
*Thà đem dao bén, chày đá lớn*
*Tự cắt giã thịt thành từng miếng*
*Đối với người xuất gia thanh tịnh*
*Chớ nên khởi tâm niệm giận dữ.*
*Thà lấy tay mình móc hai mắt*
*Ném quăng chúng xuống ở trên đất*
*Người nào tu tập các pháp lành*
*Không nên tỏ rõ tâm giận dữ.*
*Thà đem lá sắt nóng vào thân*
*Ngồi nằm rảo chạy khắp Đông Tây*
*Không nên có tâm sân ganh tỵ*
*Với Tăng thanh tịnh cúng dường y.*
*Thà uống nước tro, nước đất mặn*
*Nung nóng sôi miệng giống như lửa*
*Không nên mang lòng ác sân giận*
*Cúng tăng thanh tịnh áo, thuốc, cơm.*

Bấy giờ, Thế tôn nói kệ xong, một vạn bốn ngàn chúng rồng đều thọ Tam quy, tất cả nghiệp báo quá khứ hay hiện tại, ngay trong khổ não mà được giải thoát, lại thâm tín Tam bảo, tâm không còn thối lui, lại có tám mươi ức chúng rồng cũng đều phát tâm quy y cung kính.

Kinh Đại Tập dạy: Nếu làm Tỳ-kheo đủ các vật dụng sinh sống, đều do lòng tin của đàn việt cúng dường, mà chúng sanh này tự mình ăn hoặc cho người khác, hoặc cùng người khác trộm cắp cất dấu vật nơi khác để riêng dùng, nếu làm như vậy sẽ đọa vào ba đường ác chịu khổ lâu dài. Lại có chúng sanh khốn khổ thấp hèn, không được tự do, nên xuất gia mong được giàu sang giải thoát an vui, khi xuất gia rồi lại biếng nhác giải đãi không đọc tụng kinh, thiền định trí tuệ thường bỏ bê không tu tập, ưa thích biết việc riêng của Tăng. Lại có Tỳ-kheo suốt ngày tinh tấn thích tu tập pháp lành, đọc tụng kinh điển, ngồi thiền, tu tuệ không bỏ qua dẫn một chốc lát. Do nhân duyên này mà được bốn chúng cúng dường đầy đủ. Khi người tri sự được lợi dưỡng rồi, hoặc tự ăn riêng, hoặc trộm lấy cho bà con thân quen. Do những duyên này bị đọa đường ác lâu dài, ra rồi lại vào, ngu si như vậy không biết quả báo tương lai nhẹ hay nặng. Hôm nay, Ta dạy các đệ tử Sa-môn nhớ pháp mà giữ gìn, không được tự kheo mình là Sa-môn. Người hành pháp chân thật dựa vào chúng Tăng để thọ nhận vật cúng dường của tín thí, như bánh, rau, quả, hoa, chỉ có chúng Tăng mới ăn vật này, không được đưa cho người thế tục, cũng không được nói đây là vật của ta, ăn biệt chúng; lại cũng không được lấy vật của Tăng mà cất chứa và dùng để đổi chát mà nói là có lợi ích, sẽ bị người đời chê cười. Lại cũng không được đưa tốt lấy xấu cùng với người đời tranh giành quyền lợi. Không được vì lý do ăn với Tăng, để chúng sanh phải đọa vào ba đường ác, cần phải khuyến khích, chỉ dạy pháp lành làm cho Tỳ-kheo có lòng tin chân thật với Tam bảo, giáo hóa chúng sanh và cha mẹ được an vui trong ba pháp giải thoát.

Kinh Thập Luận dạy: Nếu các tài vật sanh sống của Tăng bốn phương, thì những người trì giới hay phá giới đều không dùng nó. Vì nhân duyên này sau khi chết đọa vào địa ngục A tỳ.

### *Thứ 3: Duyên cẩn thận với tai họa*

Kinh Cựu Tạp Thí Dụ dạy: Xưa có một nước đầy đủ năm thứ lúa, người dân an ổn, không bịnh tật, ngày đêm ca hát, người không lo buồn. Nhà vua hỏi các quần thần: Trẫm nghe trong thiên hạ có cái họa gì?

Quần thần tâu: Thần cũng không biết. Nhà vua bảo một vị thần đến nước lân cận tìm cầu nó. Vị thần liền hóa trang thành người buôn

bán trong chợ, thấy có loài như con heo, khóa sắt cột trói đem đi bán. Thần hỏi: Đây gọi là gì?

Đáp: Là họa mẫu.

Thần hỏi: Có bán không?

Đáp: Bán.

Hỏi: Bao nhiêu tiền?

Đáp: Một ngàn vạn.

Hỏi: Chúng ăn gì?

Đáp: Ăn một thăng kim, đã mua chúng rồi, các thần bảo mọi nhà tìm kiếm kim. Như vậy dân chúng mọi nơi đều cùng nhau tìm kiếm kim, khiến các quận huyện rối loạn. Dân chúng ở các nơi bị họa độc không nhờ vào đâu. Thần tâu vua: Tuy được họa mẫu nhưng lại làm dân chúng loạn lạc, nam nữ mất việc làm, muốn giết chúng nó nhưng Bệ hạ có cho phép chăng?

Nhà vua bảo: Rất tốt!

Các thần liền đem ra thành giết, đâm mà không vào, đánh đập cũng không bị thương, chém vẫn không chết, chất củi đốt thân đỏ như lửa, liền bỏ chạy qua làng thì đốt làng, qua chợ thì đốt chợ, vào thành thì đốt thành, vào nước thì đốt nước, làm dân chúng rối loạn lo buồn, đói khát cơ cực. Tất cả đều do ngồi không mà nhàm chán an lạc lại mua họa về nên bị khổ. Dụ này như ham muốn nữ sắc bị đốt cháy, người nam tham độc đến chết cũng không biết khổ.

***Thứ 4: Duyên cẩn thận về cảnh***

Kinh Chánh pháp niệm xứ dạy: Bồ tát Khổng-tước bảo đại chúng: Nếu có Tỳ-kheo sợ ác tức là lìa các họa, nghĩa là không cùng đến chỗ người nữ cười giỡn. Không vào nơi hàng rượu không gần nơi bán rượu, không cùng nói chuyện, không gần người nếm rượu cũng không cùng nói chuyện, không gần giặc, không gần người trước đây làm ác, không gần người thích đấu tranh, không gần người che giấu lòng độc hại người, không gần người đã nhiều kiếp bỏ đạo, không gần người cười cợt , không gần người ca hát, không gần trẻ nhỏ, không gần người bị nữ sắc trói buộc, không gần người thô tháo, không gần người không giữ gìn miệng, không gần người tham, không gần người lừa dối buôn bán, không gần người gian xảo ở chợ xấu ác ở đời, không gần người đào sông hồ, không gần người nữ Huỳnh môn cùng đi trên đường, không gần người chăn voi, không gần người làm chả nem, không gần người điều phục ngựa, không gần người đoạn kiến, không gần người không có

giới. Những người ác như vậy không nên gần gũi, nếu gần những người này chắc sẽ học theo họ. Thế nên, Tỳ-kheo phải sợ tiếng ác, không nên cùng họ làm việc bất thiện, cùng một chí hướng, nói kệ:

*Nếu gần người bất thiện*
*Tức là người bất thiện*
*Nên cần phải lìa ác*
*Chớ làm việc xấu ác.*
*Gần gũi những người nào*
*Thì thường cùng thân cận*
*Gần cùng nhau làm việc*
*Hoặc thiện hoặc bất thiện.*
*Tất cả người cầu thiện*
*Sẽ gần với người thiện*
*Như vậy mới được vui*
*Thiện chẳng phải như khổ.*
*Gần thiện thêm công đức*
*Gần ác thêm lỗi lầm*
*Công đức và tướng ác.*
*Như nay nói tóm lược*
*Nếu gần với người thiện*
*Thì được nhiều tiếng khen*
*Nếu gần người bất thiện*
*Khiến người bị xem thường.*
*Thường nên gần bạn lành*
*Xa lìa người xấu ác*
*Do gần gũi người lành*
*Mới bỏ các nghiệp ác.*

Kinh Tạp A hàm dạy: Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo, ví như cái chày gỗ đêm ngày thường dùng không nghỉ sẽ bị mòn. Tỳ-kheo cũng vậy, từ xưa đến nay không đóng cửa các căn, ăn không biết đủ, đầu đêm cuối đêm không siêng năng tỉnh thức tu tập pháp lành, nên biết các người ấy trọn đời bị giảm sút không tăng pháp lành như chày giã kia.

Kinh Tự ái, Đức Phật dạy: Người đời tâm thường độc hại, miệng nói lời ác, thân làm việc ác. Ba điều này phát ra ở thân miệng ý, mỗi khi nói tăng thêm ác cho chúng sanh. Chúng sanh trúng độc hại liền oán hận, phát thề muốn báo thù, hoặc ở hiện tại hoặc thân sau cùng, thần thức bay lên trời lại xuống báo thù họ. Trong loài người, súc sanh, quỷ

thần ở núi Thái cùng nhau làm giặc, đều do đời trước, chẳng phải từ hư không sanh ra. Đức Phật nói kệ:

*Tâm là tâm pháp*
*Tâm là đứng đầu*
*Trong tâm chẳng mê*
*Liền nói liền làm*
*Tự chuốc lấy khổ*
*Bánh xe theo trục*
*Tâm là gốc pháp*
*Đứng đầu sai khiến*
*Trong tâm nghĩ thiện*
*Liền nói liền làm*
*Nhận lấy phước lạc*
*Như bóng theo hình.*

Kinh Cựu tạp thí dụ dạy: Xưa có con ba ba gặp trời hạn hán khô cạn, đầm hồ khô nước, trong hồ không có thức ăn. Khi ấy, có đàn chim ưng tụ họp bên hồ, ba ba cầu xin được cứu thoát, nên chim hạc ngậm ba ba bay qua các xóm làng, nó không im lặng được, hỏi: Đây là ở đâu? Hỏi mãi không ngừng, chim hạc liền trả lời, khi hả miệng ra thì ba ba rơi, gặp người bị mỗ ăn thịt. Người ngu không cẩn thận miệng lưỡi. Ví như kinh Pháp cú dụ dạy, Đức Phật bảo Bà-la-môn: Ở đời có bốn việc con người không thể làm, hành giả được phước không bị bần cùng này. Những gì là bốn? Một là khi trai tráng mạnh khỏe cẩn thận chớ kiêu mạn. Hai là tuổi già tinh tấn không tham dâm dục. Ba là có tài vật quý báu nhớ thường cúng dường. Bốn là tìm thầy học hỏi, lãnh thọ lời dạy chân chánh. Như vậy, người già, không làm bốn việc này tức là thường không tính toán thành bại, một mai mất đi. Ví như hạc già giữ mãi hồ không này tìm kiếm không có thức ăn. Bấy giờ, Thế tôn nói kệ:

*Ngày đêm kiêu mạn*
*Già không ngừng dâm*
*Có của không thí*
*Không nghe lời Phật.*
*Bốn việc ngăn che*
*Tự lừa dối mình*
*Khổ thay già đến*
*Sắc biến thành già.*
*Lúc nhỏ vừa ý*
*Già thấy tàn tạ*

*Lại không giàu có*
*Già như chim hạc.*
*Tìm giữ hồ không*
*Đã không giữ giới*
*Không chứa tài vật*
*Già nua kiệt sức.*
*Nghĩ sao cho kịp*
*Già như lá thu*
*Ô uế giàn giụa*
*Mất mạng đã đến*
*Sau hối chẳng kịp.*

Kinh Tạp bảo tạng dạy: Đức Phật kể, xưa có vua nước Ca thi tên là Ác thọ, việc làm thật phi pháp, gây khổ não cho dân chúng, đàn áp khách buôn bốn phương một cách vô đạo, các vật quý báu đều bị thâu thuế chiếm đoạt không trả lại đúng giá. Vì thế, các vật quý giá đều ở nhà kẻ giàu có. Mọi người đều nói nên tiếng ác đồn khắp. Bấy giờ, có chim Oanh vũ chúa ở trong rừng nghe người đi đường nói điều xấu ác của vua, liền nghĩ: Ta tuy là loài chim mà còn biết việc đó là sai, hôm nay, ta phải đến đó nói đạo lý thiện cho ông. Vua đó nếu nghe ta nói, chắc nghĩ: Chúa của loài chim mà còn biết nói thiện, sao vua là người mà bị người đời chê trách, thì nhà vua chắc chắn sẽ sửa đổi. Chim liền bay lên cao, đến trong vườn vua, bay lượn quanh rồi hạ xuống đậu trên cây, đúng lúc phu nhân của vua vào vườn dạo chơi, oanh vũ vỗ cánh hót: Hôm nay, vua hung ác thật không đạo đức, tàn hại vạn dân, độc ác cho đến chim thú đều kêu khóc, người ôm hận oán kết, tiếng than khóc đó vang khắp thiên hạ đều nghe, phu nhân cũng khắc nghiệt như vua không khác, cha mẹ muôn dân đâu đáng như vậy. Phu nhân nghe rồi, nổi cơn giận dữ, chim nhỏ nào mà dám lắm lời hủy nhục ta vậy, bèn sai người tìm bắt. Bấy giờ, chim oanh không kinh sợ, bay vào tay người bắt. Phu nhân bắt được đem đến vua.

Vua hỏi chim oanh: Sao hủy nhục ta?

Chim oanh đáp: Vua nói sai rồi, tôi chỉ muốn đều được lợi, chứ không dám hủy nhục.

Khi ấy, vua hỏi: Có điều gì sai?

Chim đáp: Vua có bảy việc chẳng đúng pháp, có thể khiến vua mất mạng.

Vua hỏi: Những gì là bảy?

Chim oanh đáp: Một là đam mê nữ sắc không tôn kính chính ng-

hĩa. Hai là say sưa rượu trà làm rối loạn, không đoái hoài việc nước. Ba là ham thích cờ bạc không tu tập lễ kính. Bốn là do dạo chơi mà giết hại vật, không có tâm từ. Năm là thích nói lời ác, mở miệng toàn điều ác. Sáu là thu thuế thường dùng hình phạt tăng gấp bội. Bảy là không dùng nghĩa lý mà chỉ đoạt lấy tài sản của dân. Bảy việc này có thể làm nguy hại thân vua. Lại có ba việc sụp đỗ nước nhà của vua.

Vua hỏi: Những gì là ba?

Đáp: Một là gần gũi người ác, dua nịnh sai lầm. Hai là không theo các bậc Hiền Thánh không chấp nhận lời nói thiện. Ba là ưa chinh chiến nước khác mà không chăm lo dân chúng. Nếu ba điều này không diệt trừ thì không sớm muộn đất nước sẽ sụp đỗ. Đã làm vua thì quân sĩ phải noi theo và kính ngưỡng. Vua phải như chiếc cầu để đưa muôn dân qua. Vua phải như cái cân thân sơ đều bình đẳng. Vua phải như con đường không trái vết chân của bậc thánh. Vua phải như mặt trời chiếu sáng ở thế gian. Vua phải như mặt trăng làm cho vạn vật tươi mát. Vua phải như ân cha mẹ nuôi dưỡng và thương yêu. Vua phải như bầu trời che khắp tất cả. Vua phải như mặt đất nuôi lớn vạn vật. Vua phải như lửa đốt cháy các hoạn nạn của muôn dân. Vua phải như nước thấm nhuần bốn phương, phải như Chuyển luân thánh vương ở quá khứ đã dùng mười điều thiện giáo hóa chúng sanh. Vua nghe rồi tự thấy hổ thẹn, nói thành thật với chim oanh: Ta là vua của muôn người, đã làm việc không đạo đức, xin thỉnh ngươi làm thầy dẫn đường, giáo hóa, ta xin lãnh thọ, sửa đổi làm việc chánh nghĩa. Bấy giờ, trong nước phong trào làm ác đã diệt trừ. Phu nhân, quan thần đều sanh tâm cung kính và trung thần, mọi người vui mừng. Chim oanh lúc ấy chính là Ta, vua Ác-thọ nước Ca thi là Phụ tướng, phu nhân của vua là vợ Phụ tướng.

***Thứ 5: Duyên cẩn thận khi hoạt dụng***

Luật Tăng kỳ dạy: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, đời quá khứ nước Ca thi, thành Ba la nại có Bà-la-môn ở nơi hoang vắng đào giếng để những người chăn trâu đến giếng uống nước và tắm rửa. Từ sáng đến tối có bầy chồn đến uống nước thừa trên đất, có con chồn chúa không uống nước trên đất, liền cúi đầu trong châu uống nước, uống xong đưa lên quá cao bị rơi xuống, nước trong miệng còn nước chảy ra ở cổ, bầy chồn nói với chồn chúa: Nếu còn đọng trên ngọn lá thì có thể dùng được, nên giữ gìn, huống nữa người làm chậu này có ích cho người đi đường. Vì sao đập bể? Chồn chúa nói: Ta làm chỉ để vì vui, biết gì mà nói chuyện người khác. Khi đó, có người đi đường nói với Bà-la-môn: Chậu nước

của người đã bị bễ rồi, lại làm giống như trước, cũng bị con chồn phá vỡ mười bốn lần như vậy, các con chồn khác khuyên can nó nhiều lần nhưng không nghe lời. Khi ấy, Bà-la-môn nghĩ: Ai đã phá vỡ lọ này, ta nên đi tìm xem, thì gặp ngay con chồn này. Bà-la-môn nghĩ: Phước đức đào giếng của ta để lại nạn, nên làm lọ bằng gỗ chắc chắn khó bễ, khiến cái đầu vào dễ mà ra khó, đặt bên cạnh giếng. Sau đó cầm roi rình ở chỗ khuất, người đi đường uống xong, đến chồn chúa vẫn uống như mọi khi, uống xong vức bình trên đất nhưng không bị bễ. Khi ấy, Bà-la-môn cầm roi đáng chết chồn, trong hư không có vị trời nói kệ:

*Trí thức nói tâm từ*
*Cứng cỏi không nghe khuyên*
*Người ngu chịu họa này*
*Bị tan thân mất mạng*
*Nên chồn chúa ngu si*
*Bị khổ bình gỗ đó.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, con chồn chúa bấy giờ nay là Đề-bà-đạt-đa, bầy chồn nay là các Tỳ-kheo khuyên can Đề-bà-đạt-đa, nên biết ở đời quá khứ đã không nghe lời thiện tri thức nên bị tan thân mất mạng nay lại không chịu nghe khuyên bảo của các Tỳ-kheo, do đó bị đọa vào đường ác, chịu khổ lâu dài. Tụng kệ:

*Luôn nghĩ cẩn thận*
*Thân làm chân chánh*
*Miệng không hai lời*
*Tâm không khởi vọng*
*Ít muốn biết đủ*
*Quên hẳn bỉ thử*
*Cạnh tranh chiến đấu*
*Phạt buồn khuyên vui.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 9)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 10

## PHẦN THỨ 18: LỤC ĐỘ

## THỨ NHẤT: BỐ THÍ

- Duyên thuật ý
- Duyên xan ngụy
- Duyên tài thí
- Duyên pháp thí
- Duyên trạch thí
- Duyên phước điền
- Duyên tương đối.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Thực hành bố thí là căn bản của mọi việc làm, là việc đầu tiên của sáu độ, là mục đích của bốn nhiếp pháp, nên tinh xá Cấp-cô-độc đem vàng rãi mà không tiếc. Tu Đạt-noa cúng dường voi trắng cũng không tiếc lẫn còn có thể cứu ông ta thoát nạn, quên mất thân mình. Tát-đỏa bỏ thân mình để cứu các thân mạng gầy yếu đói khát. Thi-tỳ cắt thịt bắp vế đổi thức ăn cho chim ưng. Huống nữa, đất nước, vợ con, lo nghĩ sao cho đủ, của báu cất chứa trong kho thù giữ trong ý. Sách thế tục nói: Cởi áo bỏ ăn, xoa từ đầu đến chân, xe ngựa, áo lông cừu cho bạn cùng che thân, xem thường tài vật, trọng nghĩa khí, tôn kính người hiền, quý kẻ sĩ, vả lại tài vật vô thường. Con người sanh ra để làm gì mà phải khổ tâm cất chứa, rốt cuộc bố thí gì? Ấy là bốn sự lo sợ cắt xén, năm nhà tranh giành cướp đoạt. Sao có người trí lại thường quen với vật quý xem ra còn hơn người ngu, lẫn tiếc tài của nhà cửa, xa xỉ, phóng túng tâm ý không có tâm xả nên tan thân mất mạng; chỉ vì tham lam, nên thường sợ chết, khiến cho vợ con hiềm khích, anh em bất hòa, bà con xa lìa, bạn bè cách biệt. Tất cả đều do nhân keo kiệt, duyên keo

kiệt, pháp keo kiệt, nghiệp keo kiệt, nếu là tâm Bồ tát sẽ bị chướng ngại đạo từ bi, không sanh tâm cứu giúp, chỉ làm tổn hại người. Tội lỗi như vậy đều do tham lam làm căn bản.

***Thứ 2: Duyên keo kiệt dối trá***

Kinh Bồ tát Xứ thai Đức Phật nói kệ:

*Người đời nhiều ngu si*
*Giữ chặt không bố thí*
*Chứa ngàn vạn ức của*
*Cho rằng là của ta.*
*Đến khi lúc lâm chung*
*Nhìn thấy quỷ thần ác*
*Gió dao cắt xẻ thân*
*Ra vào không ngừng nghỉ.*
*Biết tham theo thiện ác*
*Thọ báo nhiều khổ vui*
*Sẽ đến nơi chịu tội*
*Cầu hối cải sao kịp?*

Kinh Tác giá ni kiền tử, kệ:

*Người tham cất chứa nhiều*
*Có không sanh nhàm chán*
*Vô minh tâm điên đảo*
*Thường nghĩ tổn hại người*
*Hiện tại nhiều oán ghét*
*Lúc chết đạo đường ác*
*Thế nên các bậc trí*
*Cần phải thường biết đủ.*
*Tiếc của không bố thí*
*Cất giấu sợ người biết*
*Lúc chết đi tay không*
*Ở ngạ quỷ chịu khổ.*
*Chịu đói khát nóng lạnh*
*Sầu khổ thường nung nấu*
*Người trí không cất chứa*
*Diệt tâm tham keo kiệt.*

Kinh Phân biệt nghiệp báo nói kệ:

*Gốc tu là bố thí*
*Tính nóng nhiều sân giận*

*Không nhớ nghĩ chơn chánh*
*Sau làm rồng lớn mạnh.*

Kinh Bồ Tát Bổn Hạnh dạy: Nếu thấy người xin ăn mặt mày nhăn nhó, chân quỵ xuống, nên biết người này trong ngạ quỷ mới ra.

Kinh Đại Tập dạy: Có bốn pháp làm chướng ngại Đại thừa. Những gì là bốn? Một là không thích bố thí. Hai là bố thí rồi hối tiếc. Ba là bố thí rồi thấy lỗi lầm. Bốn là không niệm về sự khổ mà bố thí. Lại có bốn pháp. Một vì tham mà bố thí. Hai vì sân giận mà bố thí. Ba vì si mê mà bố thí. Bốn vì lo sợ mà bố thí. Lại có bốn pháp: Một là không hết lòng bố thí. Hai là không tự tay bố thí. Ba là bố thí không hiện kiến. Bốn là bố thí mà xem thường. Kinh Ưu-bà-tắc, Đức Phật dạy: Bồ tát bố thí xa lìa được bốn điều xấu ác: Một là phá giới. Hai là lưới nghi. Ba là tà kiến. Bốn là keo kiệt. Lại xa lìa năm pháp: Một là khi bố thí không chọn có đức hay không. Hai là khi bố thí không nói tốt xấu. Ba là khi bố thí không chọn dòng họ. Bốn là khi bố thí không xem thường người cầu xin. Năm là khi bố thí không nói mắng nhiếc. Lại có ba việc khi bố thí mà không được quả báo tốt đẹp: Một là vì trước thì phát tâm nhiều sau cho ít. Hai là lựa chọn vật xấu đem bố thí cho người. Ba là bố thí rồi tâm hối tiếc. Lại có tám việc bố thí mà không thành tựu quả vị tối thượng: Một là bố thí rồi mà thấy người đó có tội. Hai khi bố thí mà tâm không bình đẳng. Ba là bố thí rồi mà mong cầu họ đền đáp. Bốn là bố thí rồi mà thích khen ngợi mình. Năm là nói suông sau chẳng bố thí gì. Sáu là bố thí rồi mà nói xấu, mắng nhiếc. Bảy là bố thí rồi mà cầu trả lại gấp bội. Tám là bố thí rồi mà sanh tâm nghi ngờ. Chủ bố thí như vậy thì không thể gần gũi, gặp chư Phật và các bậc Hiền Thánh. Nếu đem đủ sắc thinh hương vị xúc mà cúng dường thì người đó gọi là bố thí thanh tịnh.

Người bố thí ruộng phước lành mà thiên lệch, thường không thích bố thí, người này vị lai sẽ bị quả báo không ưa bố thí.

Nếu người bố thí rồi mà hối tiếc, hay ăn cắp vật của người mà bố thí, người này vị lai tuy được tài của nhưng cũng bị hao tổn không tích chứa được.

Nếu làm phiền não bà con để được vật mà bố thí, người này vị lai tuy được phước báo nhiều nhưng thân thường bịnh khổ.

Nếu người trước không biết hiếu dưỡng cha mẹ, làm khổ sở vợ con, nô tỳ, thiếu thốn mà bố thí gọi là người ác, gọi là bố thí giả danh, không gọi là bố thí đúng nghĩa. Người bố thí như vậy gọi là không có tâm thương yêu, không biết báo ân, người này vị lai tuy được tài của quý giá nhưng thường mất không tích lũy được, không biết sử dụng,

thân nhiều bịnh khổ.

Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Người không có tài của mà tự cho là có, tức là không đúng? Vì sao? Vì tất cả nước, cỏ là của mọi người, tuy là quốc vương nhưng không hẳn là có thể bố thí, dù nghèo cũng có thể bố thí, vì sao? Vì người nghèo có phần ăn của họ, ăn rồi rửa bát, lấy nước đã rửa bát đem bố thí vẫn dùng được cũng có phước đức. Nếu đem bột gạo rang bằng bụi trần bố thí cho kiến nhỏ cũng được phước báo vô lượng phước đức. Mọi người quá khổ cực, ai mà không có bột gạo bằng hạt bụi để cho người nghèo thiếu thốn? Ai lại không có y phục để lộ thân đỏ? Nếu có y phục sao lại không có sợi chỉ, cây kim bố thí cho người, để băng vết thương, như cho tài vật bằng ngón tay làm tim đèn vậy. Này thiện nam! Người trong thiên hạ, có ai thấy người nghèo khổ mà không có thân hình? Thế nên, họ có thân thể như vậy thì người khác có thể làm phước, nên ra sức quét tưới cũng được phước báo. Do đó, luận Thành thật dạy: Quét dọn đất Tăng bằng cõi Diêm phù đề không bằng quét đất Phật như bàn tay.

Luật Tứ phần và luật Sa-di tắc dạy: Xưa Đức Phật còn tại thế, trong thành Bạt-đề có cư sĩ tên là Mân-nại có oai lực lớn tiền của trân báu rất nhiều, cứu giúp tài vật cho người tùy ý, trong kho có hố thật lớn như trục xe, lúa gạo tự hiện ra. Người vợ dùng tám thăng gạo làm thức ăn để nuôi bốn bộ binh và người ăn xin bốn phương, ăn mãi vẫn không hết, con của họ dùng ngàn lạng vàng để cho bốn bộ binh và người ăn xin bốn phương, tùy ý cho mãi vẫn không hết. Vợ của người con lấy túi hương thơm xoa lên bốn bộ binh và người ăn xin bốn phương, tùy ý cho khiến no đủ, hương thơm cho mãi không hết. Người hầu lấy cày để cày đất thì bảy gò đất hiện ra rất nhiều lúa gạo, người hầu lấy tám thăng lúa cho bộ bốn binh người và ngựa ăn mãi vẫn không hết. Trong nhà người lớn hay nhỏ đều đều tranh cải, mỗi người đều nói: Đó là năng lực phước đức của tôi. Mẫn-nại đến chỗ Phật thưa hỏi: Ấy là do năng lực của ai? Đức Phật dạy: Mọi người đều có. Xưa trong thành Vương xá, người thợ may có vợ một đứa con trai và con dâu cùng với người hầu trai, hầu gái, lúc mọi người cùng ăn có vị Bích chi Phật đến nhà khất thực, mọi người đều cùng nhau chia bớt phần ăn để cúng dường. Vị Bích chi Phật nói: Mỗi người cho bớt một tí, rất nhiều người các ngươi thì ta đã đủ rồi. Họ liền cùng nhau cúng dường, vị Bích chi Phật dùng cơm xong, hiện các thần thông trong hư không rồi biến đi. Gia đình thợ may và các quyến thuộc qua đời được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương đến cõi trời Tha hóa, luân chuyển bảy lần, phước này vẫn còn nên nay cứu độ chúng

sanh. Trong kinh Tịnh nghiệp chướng dạy: Nếu Bồ tát không thấy hai tướng đối đãi keo kiệt và bố thí, phạm giới và trì giới, sân giận và nhẫn nhục, biếng nhác và tinh tấn, tâm loạn và thiền định, ngu si và trí tuệ, thì gọi là các nghiệp chướng thanh tịnh.

***Thứ 3: Duyên bố thí tài vật***

Kinh Đại Bảo Tích dạy: Bố thí tài vật có năm loại: Một là hết lòng bố thí. Hai là có đức tin bố thí. Ba là bố thí đúng thời. Bốn là tự tay bố thí. Năm là bố thí như pháp.

Luận Bồ Tát Địa Trì dạy: Tất cả bố thí tóm lược có hai loại: Một là bố thí vật bên trong. Hai là bố thí vật bên ngoài. Bồ tát bỏ thân gọi là bố thí vật bên trong. Nếu ăn rồi mà nhã thức ăn bố thí cho chúng sanh ăn gọi là bố thí bên ngoài lẫn bên trong, như đã nói ở trên gọi là bố thí bên ngoài. Bồ tát bố thí bên trong có hai loại. Một là tùy theo sự ưa thích của người khác mà vận dụng hết năng lực của mình để cứu giúp. Ví như có người vì cơm áo của bà con mà chính mình làm giúp việc cho người, Bồ tát như vậy không vì lợi ích mà chỉ vì Bồ đề Vô thượng, vì an lạc chúng sanh, vì muốn đầy đủ thí Ba la mật, tùy theo lòng mong cầu của người khác mà tự đem thân bố thí. Hai là tùy theo sự cần thiết của người khác mà đem tất cả từng phần của thân thể bố thí cho họ. Bồ tát bố thí bên ngoài có hai loại: Một là tùy theo sự mong cầu mà họ ưa thích thì vui vẻ bố thí cho họ. Hai là làm theo ý muốn của họ, hết lòng bố thí. Bồ tát bố thí vật bên ngoài bên trong có sai khác, tất cả đều bố thí bình đẳng, hoặc đã bố thí, hoặc không bố thí. Nếu đối với sự ưa thích của chúng sanh mà không an ổn, không vui vẻ thì không bố thí. Nếu đối với sự an ổn của chúng sanh mà họ không thích mà an ổn, vui vẻ thì vẫn bố thí tất cả.

Kinh Đại Tập dạy: Bồ tát bố thí có bốn việc, đầy đủ trí tuệ. Những gì là bốn? Một là đem giấy bút mực cúng dường Pháp sư để viết kinh sách. Hai là dùng đủ thứ để trang hoàng tòa đẹp cúng dường pháp sư. Ba là đem các thứ cần dùng cúng dường tôn kính pháp sư. Bốn là không có tâm dua nịnh khen ngợi pháp sư.

Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu cúng dường y áo thì được sắc tướng tốt đẹp, hay dùng thức ăn cúng dường thì được sức khỏe phi thường, nếu dùng đèn cúng dường thì được mắt sáng tỏ, nếu dùng xe cúng dường thì thân được an lạc, nếu cúng dường nhà thì được tất cả, nếu đem vật sạch đẹp thì sau được sắc đẹp mọi người thích ngắm nhìn, tiếng lành vang khắp, mong cầu như ý, sanh vào dòng họ cao quý. Đây không gọi

là ác.

Nếu có người tự làm y áo tốt đẹp, các đồ dùng với tâm hoan hỷ, mình chưa dùng mà đem bố thí cho người, vị này ở đời vị lai sẽ được cây Như ý. Hoặc có người thường phát nguyện bố thí cho người ăn trước, sau đó mới ăn, nếu trái với lời nguyện phạm vào vật của Phật thì sanh lòng tàm quý, nếu không trái phạm thì được nhân duyên của trí tuệ vi diệu. Người bố thí như vậy là tối thượng trong các pháp bố thí. Người này gọi là bố thí tối thượng.

Nếu bố thí vợ con, người hầu, cơm áo với tâm thương yêu vui vẻ để bố thí, trong đời vị lai được phước đức vô lượng. Nếu thấy trong ruộng có nhiều chuột, chim sẻ ăn phá lúa thì nên thương yêu nghĩ: Chuột, chim này nhờ ta mà sống. Nghĩ vậy, nên vui vẻ không làm hại chúng. Nên biết người này được phước vô lượng. Kinh Đại Bồ tát tạng dạy: Bồ tát đắc quả Vô thượng Bồ đề, nên thực hành bố thí ba la mật đa, đã tu tập bố thí, thì được mười lợi ích khen ngợi. Những gì là mười? Một là Đại Bồ tát dùng năm dục tốt đẹp bố thí thì được đầy đủ giới thanh tịnh, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến. Hai là Bồ tát đem niềm vui tuyệt vời, và những vật yêu thích mà bố thí thì được đầy đủ pháp an vui, thanh tịnh. Ba là Bồ tát đem tất cả bố thí nên cảm ứng đầy đủ pháp nghĩa viên mãn, hướng đến tòa Bồ đề tròn đủ. Bốn là Bồ tát bố thí tay nên cảm ứng được tay pháp thanh tịnh viên mãn, cứu vớt tất cả chúng sanh. Năm là Bồ tát bố thí tai, mũi được thành tựu viên mãn các căn. Sáu là Bồ tát đem các chi phần bố thí nên được thân Phật oai nghiêm thanh tịnh không nhiễm. Bảy là Bồ tát bố thí mắt được mắt pháp thanh tịnh, nhìn thấy tất cả chúng sanh, đầy đủ không chướng ngại. Tám là Bồ tát bố thí máu thịt được thân kiên cố, bảo vệ nuôi dưỡng tất cả chúng sanh, chơn thật với đầy đủ phương tiện khéo léo. Chín là Bồ tát bố thí tủy não nên được đầy đủ các thân Kim cang viên mãn không thể phá hủy. Mười là Bồ tát bố thí đầu não thì chứng được đầu trí tuệ Nhất thiết trí Vô thượng tối thượng viên mãn vượt khỏi ba cõi. Này Xá-lợi tử! Vị Đại Bồ tát thực hành Bồ đề bố thí như vậy, tướng mạo giáo hóa như vậy, viên mãn pháp Phật, lợi ích tán thán công đức vi diệu đều là đầy đủ pháp bố thí Ba la mật. Bấy giờ, Thế tôn nói kệ:

*Bố thí không cầu tài, sắc đẹp*
*Cũng không nguyện đến cõi trời, người*
*Ta cầu quả Bồ đề tối thượng*
*Thí vậy liền được phước vô lượng.*

***Thứ 4: Duyên bố thí pháp***

Thuật: Ở đây, so sánh rõ tương đối về Tài và Pháp, mạnh yếu, nên luận Trí độ dạy: Đức Phật thuyết giảng bố thí thì bố thí pháp đứng đầu. Vì sao? Vì bố thí tài vật có hạng lượng, bố thí pháp thì không. Bố thí tài vật được phước báo dục giới còn bố thí pháp thì ra khỏi tam giới. Bố thí tài vật không thể diệt trừ phiền não còn bố thí pháp thanh tịnh qua bờ kia. Bố thí tài vật chỉ cảm ứng phước báo trời người còn bố thí pháp thì cảm ứng quả ba thừa. Bố thí tài vật thì người ngu và bậc trí đều làm, còn bố thí pháp chỉ có người trí. Bố thí tài vật thì chỉ có người bố thí được phước còn bố thí pháp người nghe và người thuyết đều có lợi ích. Bố thí tài vật ngu như súc sanh cũng có thể nhận, còn bố thí pháp chỉ hạn cuộc người thông minh. Bố thí tài vật chỉ lợi ích sắc thân còn bố thí pháp lợi ích tinh thần. Bố thí tài vật tăng thêm bịnh còn bố thí pháp có thể diệt trừ ba độc, nên kinh Đại tập dạy: Bố thí vật báu tuy nhiều nhưng không bằng chí tâm đọc một bài kệ. Bố thí pháp tối thắng vi diệu hơn hẳn ăn uống.

Kinh Vị Tằng Hữu dạy: Thiên đế hỏi Dã can: Bố thí thức ăn và bố thí pháp có những công đức gì, nguyện xin giảng rõ. Dã can đáp: Bố thí thức ăn thì cứu vớt mạng sống trong một ngày, bố thí tài vật quý báu, thì cứu giúp thiếu thốn một đời nhưng tăng thêm sự trói buộc còn thuyết pháp giáo hóa gọi là bố thí pháp có thể khiến chúng sanh vượt khỏi thế gian.

Luận đại trượng phu dạy: Bố thí tài vật thì đời đạo đều có, còn người bố thí pháp chỉ có lòng từ bi. Bố thí tài vật trừ được khổ của thân còn bố thí pháp trừ khổ ở tâm của chúng sanh. Bố thí tài vật thì cho người nhiều tham muốn, tài vật quý báu cho người nhiều ngu si. Người bố thí tài vật và pháp thì được tiền tài vô tận, người bố thí pháp được trí tuệ vô tận. Người bố thí tài vật thì được thân vui vẻ. Người bố thí pháp thì tâm được an lạc. Người bố thí tài vật thì được chúng sanh yêu mến. Người bố thí pháp thì được thế gian tôn kính. người bố thí tài vật thì được người ngu yêu thương. Người bố thí pháp thì được người trí kính mến. Người bố thí tài vật thì đem niềm vui đến cho họ. Người bố thí pháp thì đem niềm vui cõi trời và Niết bàn, như kệ nói:

*Trí Phật như hư không*
*Bi lớn như mây quyện*
*Thí pháp như mưa ngọt*
*Tràn đầy hồ Ấm, Giới.*
*Bốn Nhiếp làm phương tiện*

*Nhân an lạc giải thoát*
*Tu tập tám chánh đạo*
*Đắc được quả Niết bàn.*

Kinh Nguyệt đăng Tam muội, Đức Phật dạy: Nếu có Bồ tát thực hành bố thí pháp có mười điều lợi ích. Những gì là mười? Một là từ bỏ việc ác. Hai là thường làm việc lành. Ba là trú pháp thiện của người. Bốn là làm tịnh cõi Phật. Năm là hướng đến đạo tràng. Sáu là bỏ được việc thương yêu. Bảy là chế ngự phiền não. Tám là chúng sanh cúng dường thì được phần phước đức. Chín là đối với chúng sanh tu tập tâm từ. Mười là thấy pháp sanh an vui.

Luận Bồ tát Tùy địa dạy: Bồ tát biết những người tà kiến cầu pháp với người trí thì không troa truyền pháp cho họ, không cho quyển kinh. Nếu ai ham đắm tài vật bán kinh điển thì cũng không bố thí pháp. Nếu được quyển kinh mà che giấu thì cũng không bố thí pháp. Nếu người đó không hiểu được nghĩa lý thì không nên bố thí pháp. Nếu những người đó hiểu được lý nghĩa quyển kinh này thì tự biết nghĩa, liền trì kinh tùy theo chỗ an lạc mà giảng cho họ. Nếu chưa hiểu nghĩa lý thì tự tu học. Lại biết người ấy có quyển kinh như vậy thì nên chỉ cho họ nghĩa lý, hoặc đem sách cho. Bồ tát nên quán tâm mình, người có ít pháp keo kiệt thì nên cho họ kinh, tức là bố thí pháp. Ta thà ở hiện tại bị ngu si, câm ngọng mà bố thí pháp để diệt trừ phiền não vẫn còn bố thí huống nữa đời vị lai được trí tuệ phương tiện. Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu bà di giáo hóa người đầy đủ Giới, Thí, Đa văn, Trí tuệ nếu dùng giấy bút cho người biên chép hay tự mình biên chép chánh kinh của Như lai, sau đó bố thí cho người đọc tụng, đó gọi là bố thí pháp. Người bố thí pháp như vậy, đời vị lai sẽ được lên cõi trời nhan sắc tuyệt đẹp. Vì sao? Vì chúng sanh nghe pháp đoạn trừ sân giận, nhờ nhân duyên ấy nên ở đời vị lai được sắc tuyệt đẹp. Do chúng sanh nghe pháp nên tâm thương yêu không giết hại, vì nhân duyên đó nên đời vị lai được sống lâu. Do chúng sanh nghe pháp nên không cướp đoạt vật của người, vì nhân duyên đó nên đời đời được nhiều tài của. Do chúng sanh nghe pháp nên tâm khai mở ưa thích bố thí, vì nhân duyên đó nên đời vị lai được thân mạnh khỏe. Do chúng sanh nghe pháp nên tâm xa lìa phóng dật, vì nhân duyên đó nên đời vị lai được thân an lạc. Do chúng sanh nghe pháp nên trừ bỏ tâm sân giận, ngu si, vì nhân duyên đó nên đời vị lai được vô ngại. Do chúng sanh nghe pháp nên có đức tin không chướng ngại, vì nhân duyên đó nên đời vị lai có tín tâm sáng tỏ. Giới, Thí, Đa văn, Trí tuệ cũng như vậy, cho nên biết bố thí

pháp là tối thắng hơn hẳn bố thí tài vật.

Hỏi: Khi đã biết bố thí pháp hơn hẳn bố thí tài vật, nên nay chúng sanh chỉ học bố thí pháp mà không hành bố thí tài vật, chưa biết có được không?

Đáp: Vì không hiểu bố thí tài vật, tâm mê chấp mà bố thí, tạm cầu quả báo sắc đẹp và tiếng tốt của trời người, e rằng sẽ bị đọa ba đường ác không ra khỏi đời. Sở dĩ, các bậc Thánh ân cần khuyến khích bố thí pháp vì khiến cho họ ngộ giải được ba sự thể là Không mà thực hành bố thí tài vật để nhanh chóng chứng quả vị Bồ đề Niết bàn tối thắng.

Luận Trí độ dạy: Năm độ trước ví như người mù. Độ Trí tuệ thứ sáu như người có mắt. Nếu không được trí tuệ dẫn đường thì năm độ trước đọa vào đường ác, không thành xuất thế. Nếu nghe bố thí pháp hơn hẳn bố thí tài vật mà người ngu không hiểu liền giấu kín tài vật, chỉ ưa thích tụng kinh, nếu thực hành pháp như vậy thì không bằng người hiểu bố thí một đồng tiền còn hơn người mê đọc tụng trăm ngàn vạn quyển kinh. Vì vậy, Như Lai mới đưa ra ý chỉ của giáo để hiểu và hành. Nếu chỉ hiểu mà không hành thì sự hiểu đó chỉ là hư. Nếu chỉ hành mà không hiểu thì hành đó cũng là suông không. Vì thế, điều chủ yếu là phải hiểu và hành mới đạt đến bờ kia. Nếu chỉ hiểu mà không hành, thì như người có mắt mà không có chân không thể bước đi được. Nếu chỉ hành mà không hiểu thì như người có chân mà không có mắt sao có thể thấy đường! Lại chỉ có hiểu mà không hành thì như hoa bị hư, không thể kết trái được. Nếu chỉ hành mà không hiểu thì như có quả thật mà không do hoa nở. Vậy nên, điều cần thiết là Hiểu và Hành phải song song mới chứng quả vị Phật.

***Thứ 5: Duyên suy lường bố thí***

Thuật rằng: Là người bố thí có người trí kẻ ngu. Nếu người trí hành bố thí thì cần xem người trước, có ích mới thí, không ích lợi thì thôi. Thế nên, kinh Ưu-bà-tắc giới kinh dạy: Nếu thấy người bần cùng thì trước nên nói: Ngươi có thể quy y Tam bảo, thọ trì trai giới không? Nếu người ấy nói được, thì trước truyền Tam quy y và trai giới, sau mới bố thí tài vật. Nếu nói không được thì lại bảo: Ngươi có thể theo lời dạy của ta mà nghĩ: Tất cả pháp là Vô thường, Vô ngã, Niết bàn vắng lặng không? Nếu nói được thì nên dạy bảo rồi bố thí. Như người đó không có tài vật thì ngoài sự dạy bảo ra còn cho tài vật để làm việc bố thí. Nếu người đó ngu si ham chấp tài vật không biết Vô thường, vật thuộc của người khác mà tham lam lẫn tiếc. Bồ tát thấy vật này không có lợi liền

vội vàng bố thí, bỏ đi để tu đạo nghiệp. Trong luận Đại trang nghiêm dạy: Nếu vật làm cho người khổ não thì không nên cất giữ, tự ý bày ra vật quý thì chắc chắn bị mất. Như ong hút mật, người khác có thì ta mất. Vật quý cũng như vậy, vật đem bố thí có đúng pháp và không. Vật không đúng pháp là tự ý đem bố thí được phước rất ít. Vật đúng pháp là bố thí thì được phước rất nhiều. Kinh Đại Bảo Tích dạy: Vật không nên bố thí lại có năm việc. Một là người cầu tài vật phi lý thì không bố thí cho họ, vì vật bất tịnh. Hai là rượu, thuốc độc thì không bố thí cho họ, vì làm rối loạn chúng sanh. Ba là lưới, bẫy thì không bố thí cho họ, vì làm não loạn chúng sanh. Bốn là dao gậy, cung tên thì không bố thí cho họ, vì làm hại chúng sanh. Năm là nữ sắc, âm nhạc thì không bố thí cho họ, vì làm hoại tâm thanh tịnh của người.

Luận Địa Trì dạy: Bồ tát không dùng thức ăn bố thí không như pháp. Nghĩa là bố thí thức ăn dư cho người xuất gia, thức ăn dơ như: Phân dơ, nước miếng, máu mủ không được nói là không biết, cơm và lúa tẻ trộn lại không như pháp thì nên bỏ, không được ăn hành và các thứ cay nồng, không ăn thịt, không uống rượu nồng nặc. Hòa hợp những thứ như vậy là không như pháp, chớ nên bố thí cho người và cất giữ.

Luận Trí Độ dạy: Nếu người dùng roi đánh đập, tra khảo, giam cầm để được vật bố thí thì đời sau sanh trong loài voi ngựa, bò đã làm thân súc sanh lại phải chở nặng, bị roi đánh, người cởi kéo xe mới được chuồng tốt thức ăn ngon, vì làm việc nặng cho người mới được cung cấp. Lại như người ác nhiều sân giận, quanh co không ngay thẳng mà bố thí thì sẽ bị đọa trong loài rồng được cung điện báu, thức ăn ngon, sắc đẹp. Người nhiều kiêu mạn, tâm giận dữ mà bố thí thì đọa làm chim cánh vàng thường được tự do, có ngọc quý như ý để làm chuỗi hột, những thứ cần dùng đều được vừa ý, biến đổi vạn điều đều được thành tựu. Lại như quan lại bắt ép dân chúng không theo pháp trị để được tài vật dùng bố thí thì bị đọa quỷ thần trong loài quỷ Cưu bàn trà, có nhiều biến hóa năm trần để tự vui chơi. Lại như người nhiều sân giận ngu si nếm rượu và thịt ngon mà bố thí thì đọa vào quỷ Dạ-xoa thường đủ thứ âm nhạc vui chơi, ăn uống. Người quá ưu phiền cứng cỏi mà bố thí xe ngựa thay cho đi bộ thì đọa làm quỷ Dạ-xoa, có sức mạnh đi lại như gió. Lại có người ganh ghét thích tranh cải, lại bố thí phòng nhà, chỗ nằm, y áo thức ăn ngon thì sẽ sanh trong cung điện, thấy Dạ-xoa bay đi, đủ các vật khoái lạc thân thể. Nếu người trước làm não hại người, cưỡng cầu người, vật để kinh doanh làm phước thì chuốc lấy tội đó, không bằng tịnh tâm tu sửa bên trong thì được lợi ích lớn.

Luận Địa Trì dạy: Nếu có Bồ tát bố thí làm cho người khác chịu khổ, hay bức bách họ, hay lừa dối lấn áp để tìm cầu vật không đúng pháp, năng lực của mình và người không theo ý muốn. Nếu làm vì chúng sanh thì dù có bỏ mất thân mạng cũng không theo ý muốn của họ, khiến họ phải bức bách thì không nên bố thí, chẳng phải là Bồ tát bố thí thanh tịnh. Bồ tát không bố thí bên ngoài là, nếu có chúng sanh mưu cầu những phi pháp như nữ sắc, lửa, dao, rượu, làm mô giới để vui chơi đến xin thì Bồ tát không bố thí, nếu vì bố thí cho người thì sẽ sanh nhiều tâm xấu, đọa vào đường ác không đến bờ kia. Nếu người khác đến cầu xin từng phần thân ta thì nên bố thí cho họ, không nên suy tính người kia đến trước ngươi thì họ sẽ thối tâm.

Kinh Ưu-bà-tắc dạy: Nếu làm não hại bà con để được vật bố thí thí người này ở vị lai tuy giàu có nhưng thường bịnh khổ. Nếu trước không hiếu dưỡng cha mẹ, não hại vợ con , nô tỳ mình khốn khổ để bố thí thì gọi là người ác. Đây gọi là bố thí giả danh, không phải bố thí đúng nghĩa. Người bố thí như vậy gọi là không thương yêu, không biết báo ân, người này vị lai tuy được tài vật quý báu nhưng không thể cất chứa, không biết cách sử dụng, thân nhiều bịnh khổ. Vì đây là bằng chứng cưỡng bắt người, vật để kinh doanh tu phước nên chuốc lấy quả báo khổ. Hôm nay, đời mạt pháp đạo tục thay đổi làm sai lầm, cạnh tranh cố ý gượng ép giảng thuyết để tìm cầu tài vật, kinh doanh tu sửa chùa tháp, theo kinh mà không đúng thì chuốc lấy tội trước, không bằng ngồi yên tịnh, tu sửa bên trong, thực hành chân chánh, bên trong xa lìa thì ở đây không có lỗi lầm. Nếu ai thanh tịnh thuyết pháp cho người, ở trước người cung kính cầu pháp thì nên bố thí pháp, thuyết giảng pháp cho họ được phước trí, không được trước biết chắc chắn trộm văn của người, gom góp lại để trừ bỏ, mà lại dối hủy báng cơ hiềm, đàn áp để mong gặp phước trước. Trong luận Vô tánh nhiếp giải thích: Nếu Bồ tát thấy chúng sanh do tài sản, địa vị gặp nhiều chướng ngại mà không bố thí, chớ bố thí trống không, chẳng có quả. Giả sử có bố thí cho thì họ cũng không nhận được. Dựa vào đâu mà cho là vậy, kệ tụng:

*Như con bú sữa mẹ*
*Suốt tháng vẫn không chán*
*Nếu họng con bị nghẹt*
*Sữa mẹ sao vào được.*
*Thà sai người tống thiếu tài vật*
*Xa lìa đường ác làm việc xấu*
*Chớ bảo giàu làm loạn các căn*

*Để đời sau chịu khổ binh khí.*

Kinh Tăng Nhất A-hàm dạy: Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nên đúng thời bố thí mới được năm lợi ích. Những gì là năm? Một là bố thí cho người xa đến. Hai là bố thí cho người đi xa. Ba là bố thí cho người bệnh. Bốn là bố thí lúc thiếu thốn. Năm là nếu đầu tiên được những quả dưa, lúa thì cúng dường trước cho người tinh tấn trì giới, sau mới ăn. Do đó muốn thực hành bố thí được năm điều này thì nên suy nghĩ đúng thời mới bố thí. Nếu đúng thời thì người bố thí thanh tịnh, lại được quả báo thích hợp. Nghĩa là đúng thời bố thí thì tâm thanh tịnh. Nếu trời lạnh thì ban cho nhà ấm, mền gịa, củi lửa, những thức ăn nóng. Nếu trời nóng thì ban cho nhà mát, áo mỏng, nước, quạt và những thức ăn mát. Khi khát cho nước, đói cho thức ăn, mưa gió thì đưa rước, trời ấm áp thì thỉnh chư Tăng. Như thế, bố thí đúng thời làm cho mọi người vui vẻ, đời sau sẽ được phước báo vừa ý.

***Thứ 6: Duyên về ruộng phước***

Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu bố thí cho loài vật thì được phước báo trăm lần, cúng dường người phá giới thì được phước báo ngàn lần, cúng dường cho người trì giới được phước báo ngàn vạn lần, ban cho ngoại đạo thì người xa lìa tham muốn được phước báo trăm vạn lần, bố thí cho người hướng đến đạo thì được phước báo ngàn triệu lần, cúng dường bậc Tu-đà-hoàn được phước báo vô lượng, Tư-đà-hàm hướng cũng được phước báo vô lượng, cho đến thành Phật cũng được phước báo vô lượng. Hôm nay, Ta vì ngươi mà giảng rõ các ruộng phước. Nếu ai phát lòng thương yêu nhiều bố thí cho loài vật, chuyên tâm cung kính cúng dường chư Phật thì phước này đều bình đẳng không có khác. Nói trăm lần là được sống lâu như lời nguyện, sắc đẹp, sức khỏe, an ổn, tài năng. Bố thí như thế thì chủ bố thí được sống lâu, sắc đẹp, sức khỏe, an ổn, tài năng, tất cả đều được trăm lần cho đến vô lượng cũng lại như vậy. Vì thế trong Khế kinh Ta nói: Ta cúng dường Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất lại cúng dường Ta, nhưng Ta được phước nhiều hơn Xá Lợi Phất. Hoặc có người nói: Người nhận lấy làm ác thì tội của chủ bố thí, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì chủ bố thí khi bố thí để cho họ hết khổ chẳng phải để làm ác, nên chủ bố thí sẽ được quả báo tốt. Người nhận gây tội ác thì tự chuốc lấy, không phải là của chủ bố thí.

Có người hỏi: Nếu cúng dường Thánh nhân thì được phước nhiều thì tại sao kinh dạy: Người trí thực hành bố thí không chọn ruộng phước?

Đáp: Nay giải thích ý nghĩa này có nhiều hướng, nói rõ sự khác biệt người thí là người trí và kẻ ngu, cảnh vật bố thí khác nhau là tình thương và cung kính. Tình thương là thương người bần khổ, cung kính là cung kính Tam bảo. Tình thương là ruộng nhỏ mà lòng lớn, cung kính là ruộng tối thắng mà lòng nhỏ. Nếu chấp lấy tâm thù thắng mà cúng dường phật thì không bằng thí cho bần khổ. Nên kinh Tượng pháp quyết nghi dạy: Có những chúng sanh thấy người khác cùng nhau làm phước, chỉ cầu tiếng khen nên dốc hết tài sản trong nhà để bố thí. Thế mà, thấy người bần cùng khốn khổ cô quạnh lại trách mắng đuổi đi không cho dù chỉ sợi lông. Những chúng sanh này gọi là làm thiện điên đảo, ngông cuồng tu phước gọi là làm phước chẳng đúng. Những người này dù quá lân mẫn, dùng nhiều tài vật bố thí nhưng được phước rất ít. Này thiện nam! Trong một thời, Ta bảo Đại chúng: Nếu người ở trong a-tăng-kỳ kiếp dùng thân cúng dường chư Phật mười phương, Bồ tát và chúng Thanh-văn cũng không bằng người bố thí một miếng ăn cho súc sanh, phước này thù thắng vô lượng vô biên gấp trăm ngàn vạn lần phước kia, cho đến bố thí cho các loài kiến, chó đói khát thì ruộng tình thương đó tối thắng.

Luận Trí Độ dạy: Như Tôn giả Xá Lợi Phất dùng bát cơm bằng vàng dâng lên Đức Phật, Ngài liền cho lại con chó, rồi hỏi Tôn giả Xá Lợi Phất: Ai được phước nhiều hơn? Tôn giả Xá Lợi Phất thưa: Theo con hiểu nghĩa của pháp Phật thì Ngài cho chó có phước nhiều hơn.

Nếu cứ kính pháp trọng người, biết chỗ an trú tu đạo thì ruộng cung kính là tối thượng. Thế nên, kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu bố thí súc sanh thì được phước báo gấp trăm lần, cho đến Tu-đà-hoàn thì được phước báo vô lượng, Bích-chi, La-hán thì vẫn không bằng Đức Phật, huống nữa các loài khác. Nếu cứ bố thí bình đẳng không quan tâm đến tình thương hay cung kính, với lòng bình đẳng như vậy mà bố thí thì phước rất rộng lớn. Nên kinh Duy Ma dạy: Phân làm hai phần, một phần cúng dường Như Lai tối thắng khó thành Phật, một phần bố thí người ăn xin nghèo nhất trong thành thì hai ruộng phước này như nhau.

Kinh Hiền Ngu dạy: Di mẫu của Phật là Tôn giả Ma-ha-ba-xà-ba-đề được Đức Phật cho phép xuất gia, tự dệt tấm vải lụa vàng với tâm thành chỉ đợi dâng cúng Như lai. Khi thấy Đức Phật , Di mẫu vui mừng tận đáy lòng liền dâng tấm vải lụa này cúng dường Như lai. Đức Phật bảo Kiều-đàm-di: Hãy đem tấm vải này cúng dường chúng Tăng. Di mẫu lại thưa Phật: Con được Phật cho xuất gia nên thường nhớ nghĩ cố tự tay dệt tấm vải mong đợi Ngài, nguyện xin Thế tôn thương xót thọ

nhận cho con. Đức Phật bảo: Biết rằng Di mẫu hết lòng dệt vải muốn cúng dường Ta, nhưng với tâm ân ái thì phước đức đó không lớn, nếu cúng dường chúng Tăng thì phước đó càng nhiều hơn, Ta biết, nên mới khuyên bảo như vậy.

Lại trong kinh Thỉnh Tăng Phước Điền dạy: Thỉnh riêng năm trăm vị A-la-hán không bằng thỉnh theo thứ tự một vị Tăng phàm phu. Trong pháp của Ta không có pháp thọ thỉnh riêng. Nếu thỉnh Tăng riêng thì không phải là đệ tử của Ta, đó là pháp của Lục sư ngoại đạo. Đối với bảy Đức Phật không có pháp thỉnh riêng, nên biết cúng dường có ba loại không thể nói tóm tắt.

***Thứ 7: Duyên tương đối***

Thuật rằng: Ở đây tương đối phân thành năm loại.

1. Là ruộng tài tương đối có bốn: Một ruộng nhiều tài ít; Như Đồng tử cúng dường đất cho chư Đức Phật. Hai là tài nhiều ruộng ít nên đem báu bố thí cho những người nghèo. Ba là ruộng tài nhiều như đem báu quý cúng dường chư Phật. Bốn là ruộng tài ít như đem cỏ bố thí súc sanh.

2. Là tương đối nặng nhẹ có bốn: Một là tâm nặng mà tài nhẹ. Như người nữ nghèo khổ, đem một tấm vải cúng dường Đại chúng thì được phước rất nhiều. Hai là tài nặng tâm nhẹ. Như phu nhân của vua, tâm ngã mạn đem vật báu cúng dường chúng Tăng thì được phước rất ít.

3. Là tương đối trống rỗng: Một là tâm trống rỗng không phải cảnh trống rỗng, như tuy học là Không nhưng thấy tài của thì tiếc không bố thí, chịu quả báo bần khổ. Hai là cảnh trống rỗng, tâm không trống rỗng, biết bố thí tài vật được giàu sang thường được an vui, phước rất nhiều.

4. Là tương đối nhiều ít: Như kinh Pháp Cú dạy: Bố thí có bốn loại. Những gì là bốn? Một là bố thí nhiều mà được phước ít, như người ngu si cúng tế, uống rượu, ca múa làm hao tốn tiền mà không có phước đức và trí tuệ, đó là bố thí nhiều mà được phước ít. Hai là bố thí ít mà được phước nhiều, như người có lòng từ làm việc phước, chúng tăng dùng rồi tinh tấn học tụng. Cúng dường này tuy ít nhưng phước rất lớn, đó gọi là bố thí ít mà được phước nhiều. Ba là bố thí ít thì được phước ít, như tâm xấu, bố thí ngoại đạo tà kiến, cả hai đều ngu si, đó gọi là thí ít phước ít. Bốn là thí nhiều được phước nhiều. Nếu có người hiền biết đời là Vô thường với tâm tốt đem tài của xây dựng chùa tháp, tinh xá,

vườn cây, cúng dường Tam bảo, y áo, mền giày dép, giường nằm, tủ, thức ăn ngon. Phước này như năm sông lớn chảy vào biển khơi. Phước đức tuôn chảy mãi đời đời không dứt, đó gọi là bố thí nhiều mà phước đức cũng nhiều.

5. Là tương đối nhiễm tịnh. Như luận Trí Độ dạy: Trong pháp Đức Phật bố thí có bốn loại: Một là người bố thí thanh tịnh người nhận không thanh tịnh. Hai là người bố thí không thanh tịnh mà người nhận thanh tịnh. Ba là cả người thí và người nhận đều thanh tịnh. Bốn là người thí và người nhận đều không thanh tịnh. Ở đây, chỉ cần giải một câu còn những câu khác có thể biết. Thế nào là cả người bố thí và người nhận thanh tịnh? Như Đức Phật tự cúng dường Đức Phật. Đây gọi là cả hai đều thanh tịnh. Như năng lực và công đức của Đức Phật Bảo-tích ở phương Đông đã hiện ra các loại hoa, dựa vào pháp thân Thập trụ của Bồ tát Phổ-minh đưa những hoa ấy, tung lên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, biết rõ chư Phật mười phương, đây là ruộng phước thứ nhất, gọi là cả hai đều thanh tịnh.

Kinh Ưu-bà-tắc giới, Đức Phật dạy: Người nào có tài của, thấy người đi xin đến mà nói gắt gỏng, nên biết người này đời sau phước đức mỏng, nghèo cùng. Người như vậy gọi là người không có tài sản tự cho là không có tài của, nghĩa này không đúng? Vì sao? Vì tất cả nước cỏ là của mọi người, tuy là quốc vương mà chưa chắc hẳn là có thể được, mà dù nghèo cũng có thể bố thí, vì sao? Vì người nghèo có phần ăn của họ, ăn rồi rửa bát, lấy nước đã rửa bát đem bố thí vẫn dùng được cũng có phước đức. Nếu đem bột gạo rang bằng bụi trần bố thí cho kiến nhỏ cũng được quả báo vô lượng phước đức. Mọi người quá khổ cực, ai lại không có bột gạo bằng hạt bụi để cho người nghèo thiếu thốn? Ai lại suốt ngày không ăn ba nắm bột để bảo tồn mạng sống, vì thế các người hãy lấy một nửa phần thức ăn để bố thí cho người xin ăn. Này thiện nam! Người cùng cực ai mà có y phục để lộ thân đỏ? Nếu có y phục sao lại không có sợi chỉ, để bố thí cho người băng vết thương, như cho tài vật bằng ngón tay làm tim đèn chăng? Người trong thiên hạ, có ai thấy người nghèo khổ mà không có thân hình? Thế nên, họ có thân thể như vậy thì người khác có thể làm phước, nên tự mình ra sức giúp đỡ vui vẻ không nhàm chán, cũng gọi là bố thí cho chúng sanh được phước đức, hoặc lúc có một phần, hoặc ngang bằng, lại có lúc hơn người. Do nhân duyên này, Ta thọ nhận thức ăn của vua Ba-tư-nặc cũng chú nguyện cho vua và người nghèo khổ đều được phước đức như nhau không khác. Như người mua bốn thứ hương: Hương xoa, hương vụn, hương bột, hương đốt,

nếu có người mua, hoặc ngửi, hoặc cân lường đều nghe các mùi hương ấy đều không sai khác. Các hương này không mất một tí nào. Tu tập pháp bố thí cũng như vậy, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc thô hoặc tế với tâm tùy hỷ đến giúp đỡ, hay từ xa nghe mà vui mừng. Người này do tâm bình đẳng nên được phước báo không sai khác. Nếu người không có tài vật mà thấy người khác bố thí, tâm không tin, nghi ngờ ruộng phước, đây gọi là bần cùng. Nếu của báu nhiều tự tại vô ngại, lại được ruộng phước lớn mà bên trong không có niềm tin, không thực hành bố thí cũng gọi là bần cùng. Thế nên, người trí tự quán thấy một nắm thức ăn, nếu mình ăn thì được sống còn bố thí cho người khác sẽ bị chết mà vẫn bố thí, huống nữa là nhiều ư. Người trí lại quán, ở đời nếu có người trì giới đa văn đắc quả A-la-hán vẫn không thể đoạn dứt sự đói khát, nếu ai khó có được phòng nhà, y phục, cơm nước, đồ nằm ngồi thuốc thang, đều do đời trước không có duyên bố thí. Nếu người phá giới mà thích bố thí thì người này tuy đọa làm ngạ quỹ, súc sanh lại thường no đủ không thiếu thốn. Dù ở cõi trời giàu sang hưởng thọ khoái lạc vô lượng nhưng không biết đủ. Do đó, Ta vì an lạc vô thượng mà thực hành bố thí, không phải vì hàng trời, người. Vì sao? Vì vô thường, vì có giới hạn.

Nếu thí chủ hoan hỷ không hối tiếc, thân gần người tốt, giàu có của cải, tự tại sanh vào dòng họ cao quý được an vui của hàng trời người, đạt đến quả Vô thượng, diệt trừ tất cả phiền não trói buộc.

Nếu thí chủ tự tay mình bố thí thì được sanh vào dòng họ cao quý, nhiều vật quý báu, bà con sum vầy, thường bố thí, tất cả chúng sanh thấy đều vui mừng, thấy rồi cung kính tôn trọng khen ngợi.

Lại trong luận Đại Trượng Phu dạy: Nếu người tâm keo kiệt nhiều thì dù bố thí đất bùn vẫn quý như vàng ngọc, nếu người tâm thương yêu nhiều thì dù bố thí vàng ngọc lại nhẹ như cây cỏ. Nếu người tâm keo kiệt nhiều mà khi của báu mất mát tâm sanh nhiều phiền não. Nếu người bố thí để cho người nhận vui vẻ thì mình cũng vui. Giả sử có thức ăn ngon, nếu không bố thí cho người lại ăn một mình thì không cho là ngon. Giả sử có thức ăn không ngon mà ban cho người, sau đó mới ăn, trong tâm vui vẻ thì thức ăn ấy rất ngon. Bậc trượng phu tốt nếu bố thí rồi còn thừa mình ăn, tâm vui mừng như chứng Niết bàn, nếu người không có lòng tin thì ai tin lời nói này. Giả sử có thức ăn thô sơ, có người đói đến trước còn không bố thí huống nữa là vật ngon ngọt mà ban cho người. Hoặc có người ở chỗ nhiều nước mà không lấy ít nước bố thí cho chúng sanh huống gì tài vật quý. Người này, ở đời phân đất dễ được như nước. Người keo kiệt nghe người đến xin phân đất còn tiếc lẫn, huống

nữa là tài vật.

Như có hai người: Một người rất giàu, người khác lại rất nghèo khổ. Nếu có người xin đến, hai người này đều khổ sở lo âu. Người có tài vật thì sợ người đến xin bớt, người không có tài vật thì nghĩ: Ta phải làm thế nào để có ít tài vật cho họ. Thế là cả hai đều khổ, nhưng quả báo thì khác nhau. Người nghèo có lòng thương xót được sanh loài người hưởng thọ vô lượng an lạc. Người giàu có keo kiệt sanh làm ngạ quỷ, chịu nhiều khổ sở. Nếu Bồ tát khổ nhưng có tâm thương xót thì đã đầy đủ, huống nữa bố thí tài vật. Bồ tát với tâm thương yêu, không có tài vật, thấy người ăn xin không chịu được, nói không mà thương xót rơi lệ. Giả sử, nghe người khác khổ còn không chịu nổi, huống nữa thấy người khác khổ mà không cứu giúp, điều đó không xẩy ra. Người có tâm từ, thấy có chúng sanh khổ cực, không có tài vật mà có thể bố thí, thương nổi khổ than mãi không ngừng, chẳng thể nói hết. Nếu người cứu chúng sanh, thấy chúng sanh đau khổ thương khóc rơi lệ, do thế, biết người này buồn. Bồ tát khóc có ba trường hợp: Một là thấy người tu tập công đức vì tôn kính nên rơi lệ. Hai là thấy chúng sanh đau khổ không có công đức, vì xót thương nên rơi lệ. Ba là do thực hành bố thí lớn vui mừng mà rơi lệ. Nếu tính nước mắt của Bồ tát từ xưa đến nay nhiều hơn nước bốn biển. Chúng sanh ở đời xa lìa bà con thương yêu nước mắt không bằng Bồ tát. Bồ tát thấy chúng sanh nghèo khổ, không có của bố thí vì thương nên rơi nước mắt. Bồ tát nghe tiếng người ăn xin mà rơi nước mắt. Người xin thấy nước mắt Bồ tát như mưa, tuy không nói cho mà biết chắc chắn sẽ có. Bồ tát thấy người xin đến thật đau khổ. Người xin được tài vật, tâm sanh vui mừng hết khổ. Bồ tát nghe người xin nói, thương rơi nước mắt mãi không ngừng. Người xin nói đủ, bấy giờ Bồ tát mới ngừng bố thí vì chúng sanh đã đủ. Bồ tát vào núi rừng tu tập thiền định, diệt trừ ba độc, tài vật nhiều gấp bội không có người xin để bố thí. Hôm nay, ta xuất gia đoạn trừ các phiền não.

****

## THỨ HAI: TRÌ GIỚI

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Từng nghe Giới là thầy của người, đạo tục thường thực hành, tâm làm chủ nghiệp, nên phàm Thánh đều phải chế ngự, nhờ Tam bảo mà được tài vật, bốn loài đều thấm nhuần. Nên kinh Tứ Sanh dạy: Chánh

pháp trụ hay chánh pháp diệt, ý nghĩa là chỗ đó. Do trì giới mà được phước đức, tự hiện rõ trong Đại kinh. Tánh thiện đáng tôn sùng, được trình bày rõ trong nhiều luận mới sáng tỏ. Ví như ngọc quý, các nghĩa hương xoa, việc đó đồng với tham nước mới vượt qua biển lớn, gọi là thuyền bền chắc. Sanh trưởng mầm thiện gọi là đất bằng. Thế nên Bồ tát thọ nhận nhiều như vi trần mà không thiếu khuyết. A-la-hán giữ giới bằng hạt cải cũng không phạm. Thà phải đói khát mà chết không uống nước có trùng. Thà bị trói mà chết chứ không làm tổn hại cây cỏ. Sách ghi: Lập thân hành đạo, nêu danh ở đời sau, nói làm giữ chữ tín, nhưng cạnh tranh đấu đá, đâu để tâm phóng túng như ngựa không có dây cương và cái dàm nên rong ruổi mãi như khỉ, không có xích trói. Cái túi lọc nước bị trôi thì phạm giới, đường trước đâu có kỳ hẹn. Bình phước đức đã vỡ, duyên lành mất hẳn, người xấu cùng tụ tập, bạn bè hung ác kết thành bè đảng càng thêm gió động, tạo nhiều tội lỗi, không hổ thẹn, không biết sỉ nhục ngày càng lớn mạnh. Lại bị chìm nổi như cành lá rau đay, rau diếp, nghệ đều là khổ. Cây quả Ha-lê thể biến thể không còn ngọt, từ sáng vào tối, không hẹn ngày ra, số kiếp tiêu diêu, đau khổ khó chịu được, ở trong chảo nước sôi sùng sục, nước hơi bốc lên đến trời, than trong lò đỏ như mặt trời vang ra tiếng nổ khắp đất, nước đồng sôi rót vào miệng làm bụng cháy gan tiêu, thân cột vào trụ đồng thì xương thịt đều tan rã, kêu la mãi. Sao nói hết những khổ này, thật ra đều do phạm giới.

***Thứ 2: Duyên siêng năng trì giới***

Luận Đại trang nghiêm dạy: Nếu ai chí tâm trì giới đến khi mất mạng thì được phước báo hiện tại. Xưa Ta nghe trong thành Nan đề bạc đề có hai anh em Ưu-bà-tắc cùng giữ năm giới. Người em rốt cuộc bị bịnh đau ngực sắp chết. Có thầy thuốc bảo ăn thịt chó mới giết và uống rượu, mới lành bịnh. Người em nói: Thịt chó có thể ra chợ mua ăn còn uống rượu thì thà bỏ thân này chớ không phạm giới uống rượu, người em đau đớn. Người anh đưa rượu cho em nói: Hãy xả giới rồi uống rượu để chóng lành bịnh. Người em trả lời: Em tuy bịnh nặng nhưng nguyện thà bỏ thân này chớ không phạm giới. Nói kệ:

*Lạ thay lúc sắp chết*
*Giới Anh lạc không phá*
*Dùng giới trang nghiêm thân*
*Không chôn vùi các giới.*
*Thân người đã khó được*

*Gặp giới lại khó hơn*
*Nguyện bỏ trăm ngàn thân*
*Không hủy phạm giới cấm.*
*Vô lượng trăm ngàn kiếp*
*Cho đến khi gặp giới*
*Ở trong cõi Diêm phù*
*Thân người rất khó được.*
*Tuy có được thân người*
*Gặp chánh pháp khó hơn*
*Khi gặp được pháp bảo*
*Người ngu không biết giữ.*
*Khéo phân biệt rõ ràng*
*Việc này cũng lại khó*
*Giới báu ta lãnh thọ*
*Làm sao lại muốn phá*
*Cho đến người oán ghét*
*Chẳng phải bà con ta.*

Người anh nghe, nói: Vì ta là anh nên không đành để em bịnh nặng. Người em thưa: Chẳng là thân thuộc đến khi chết cũng tan hoại, nói kệ:

*Em muốn nơi tốt hơn*
*Hủy giới bị đọa lạc*
*Nếu phá giới như vậy*
*Sao gọi là thương yêu!*
*Em cần tu căn giới*
*Mới muốn được mất đi*
*Mà giữ gìn năm giới*
*Giới rượu rất là nặng*
*Nay ép em phá giới*
*Không gọi là anh em.*

Người anh hỏi em: Sao lại lấy giới rượu làm căn bản, em dùng kệ trả lời:

*Nếu ở trong cấm giới*
*Không hết tâm hộ trì*
*Lại trái với tâm Bi*
*Giọt rượu bằng đầu cỏ*
*Cũng không dám nếm thử.*
*Do đó, nên em biết*

*Rượu là nhân ác đạo*
*Giới của người tại gia*
*Cho rượu quả báo xấu.*
*Chỉ Phật mới biết rõ*
*Ai có thể suy lường*
*Phật nói thân miệng ý*
*Ba nghiệp mà làm ác*
*Chỉ rượu là căn bản*
*Bị đọa trong đường xấu.*
*Ưu-bà-tắc ngày xưa*
*Do nhân duyên uống rượu*
*Bèn hủy bốn giới khác*
*Là làm nhiều điều ác*
*Rượu là quả phóng túng*
*Không uống đóng đường ác*
*Gặt được tâm tín lạc.*
*Bỏ keo kiệt tài vật*
*Thủ-la nghe Phật dạy*
*Được vô lượng lợi ích*
*Ta không có ý khác*
*Muốn người hủy phạm giới*
*Tóm lược nói như vậy*
*Dù bỏ mạng trăm ngàn*
*Không hủy phạm lời Phật*
*Dù đem thân phơi khô*
*Chết không uống rượu này.*
*Giả sử hủy phạm giới*
*Sống lâu trăm ngàn năm*
*Không bằng giữ gìn giới*
*Khi thân sắp qua đời*
*Chắc chắn sẽ lành bịnh.*
*Nhưng em không thể uống*
*Huống nay không biết chắc*
*Lành bịnh hay không lành*
*Việc làm tâm quyết định.*
*Lòng mới vui mừng lớn*
*Liền thấy được chơn đế*
*Bịnh mới được tiêu trừ.*

Luận đại Trang Nghiêm dạy: Ta xưa từng nghe, có các Tỳ-kheo cùng với các người buôn vào biển tìm vật báu, vào biển rồi thuyền lại bị hư. Bấy giờ, có Tỳ-kheo trẻ vớí được miếng ván gỗ. Tỳ-kheo Thượng tọa không níu được ván gỗ nên bị chìm trong nước sắp chết. Lúc ấy Thượng tọa hốt hoảng sợ bị trôi theo nước, bảo Tỳ-kheo trẻ: Thầy không nhớ đến giới của Phật chế, phải cung kính Thượng tọa, nay thầy được tấm ván thì đưa cho tôi. Khi ấy, Tỳ-kheo trẻ nghĩ: Như Lai Thế tôn có dạy lời đó, có nhiều lợi ích nên đưa ván cho Thượng tọa và nghĩ: Nếu ta đưa tám ván cho Thượng tọa thì chắc chắn bị chìm trong nước, trôi dạt theo sóng, hoạn nạn trong biển lớn thật ghê sợ. Nay ta mất mạng không thể bảo tồn vả lại còn nhỏ tuổi, mới xuất gia chưa đắc đạo quả. Vì lo sợ này, nên hôm nay ta xả bỏ thân để cứu giúp Thượng tọa. Ngay lúc ấy, suy nghĩ rồi nói kệ:

*Ta vì tự cứu mình*
*Theo lời Phật tối thắng*
*Nhóm vô lượng công đức*
*Gọi là biến mười phương.*
*Thân mạng thật hèn mọn*
*Tại sao trái Thánh giáo?*
*Ta nay thọ giới Phật*
*Đến chết vẫn kiên trì.*
*Vì theo lời Phật dạy*
*Đưa ván mất thân mạng*
*Nếu không vì việc khó*
*Trọn không gặt quả khó.*
*Nếu bỏ lời dạy Phật*
*Mất lợi cõi trời người*
*Và cả đại Niết bàn*
*Vui bậc nhất vô thượng.*

Nói kệ xong, liền đưa tấm ván cho Thượng tọa, khi đó vị thần biển mới thấy lòng chí thành đó, liền đưa vị Tỳ-kheo trẻ này lên bờ. Thần biển chắp tay thưa vị Tỳ-kheo: Nay, con kiên quyết quy y giới. Hôm nay gặp Thầy là việc khó, con có thể giữ gìn giới Phật, thần biển dùng kệ thưa:

*Thầy đúng là Tỳ-kheo*
*Thật đúng người khổ hạnh*
*Hiệu lớn là Sa-môn*
*Thầy xứng đáng tên ấy.*

*Tại sao con hôm nay*
*Mà lại không ủng hộ*
*Thấy người hay trì giới*
*Việc này chẳng phải khó.*
*Phàm phu không phạm giới*
*Mới là việc hiếm có*
*Tỳ-kheo nơi an ổn*
*Thận trọng được thanh tịnh.*
*Đã xả bỏ tham ái*
*Hộ trì giới của Phật*
*Việc khó mà hay làm*
*Đây là thật hy hữu.*

Luận đại Trang Nghiêm dạy: Xưa Ta từng nghe có Tỳ-kheo thứ tự khất thực đến đứng trước cửa nhà ông Xuyên-châu. Khi ấy, thầy Châu vì quốc vương mà xâu ngọc Ma-ni. Y Tỳ-kheo màu đỏ, vừa đến liền chiếu sáng thợ Châu đó, có các màu hồng đỏ. Thợ Xuyên-châu vào nhà lấy thức ăn dâng vị Tỳ-kheo. Khi ấy, con ngỗng thấy hạt châu màu đỏ như miếng thịt, liền nuốt mất. Thợ Châu cầm thức ăn cúng dường Tỳ-kheo xong, tìm hạt châu chẳng biết ở đâu. Hạt châu này rất quý giá, thợ Châu nghèo khổ, vội vả tìm, nói với Tỳ-kheo: Thầy có được hạt châu không? Tỳ-kheo sợ giết con ngỗng nên muốn tìm cách gì để ngỗng thoát nạn, nói kệ:

*Nay ta hộ mạng ngươi*
*Phân thân chịu khổ đau*
*Lại không có phương tiện*
*Chỉ lấy mạng đổi ngươi.*
*Nếu bảo người khác lấy*
*Nói vậy thì không được*
*Nghĩ mình không có tội*
*Thì không được nói dối.*
*Nay ta bỏ thân mạng*
*Để cứu sống ngỗng này*
*Do duyên ta hộ giới*
*Mà thành tựu giải thoát.*

Thợ xâu hạt châu tuy nghe kệ, nhưng nói với Tỳ-kheo: Nếu không thấy nó trả lại thì chịu khổ, chết không yên. Tỳ-kheo liền hướng vọng về bốn phương mong cầu nhưng không thể cứu được, như nai vào vườn không biết hướng đi, Tỳ-kheo không cứu cũng như vậy. Bấy giờ, Tỳ-

kheo chỉnh đốn y phục ngay ngắn, người đó nó với Tỳ-kheo: Hôm nay, thầy đánh tôi được chứ? Tỳ-kheo đáp: Không thể được. Tôi đánh với người hầu, nói kệ:

*Khi tôi bỏ thân mạng*
*Mất đi như củi hết*
*Được mọi người khen ngợi*
*Vì ngỗng xả bỏ thân*

Thợ Châu lại lấy roi, gậy đánh vào hai tay và đầu rồi trói lại, nhìn quanh bốn hướng chẳng biết ai bảo, lại nghĩ: Chịu khổ sanh tử cũng như vậy. Tỳ-kheo nói kệ:

*Xả thân mong manh này*
*Để lấy mạng giải thoát*
*Ta mặc y phấn tảo*
*Khất thực làm sự nghiệp.*
*Ngủ nghỉ dưới gốc cây*
*Do những nhân duyên gì*
*Mà phải làm giặc trộm*
*Ngươi nên quán xét kỹ.*

Bấy giờ, thợ Châu nói với Tỳ-kheo: Sao lại nói nhiều vậy, càng trói chặt đánh thêm, vội vã lấy dây trói chặt mắt, tai, mũi, miệng đều chảy máu. Ngỗng đó bị đưa đến làm thịt, thợ Châu tức giận đánh ngỗng chết.

Tỳ-kheo hỏi: Ngỗng đó sống hay chết.

Thợ Châu đáp: Ngỗng này chết sống có gì để hỏi. Tỳ-kheo hướng đến con ngỗng, thấy chết than khóc, buồn rầu hướng về ngỗng nói kệ:

*Ta nhận các khổ não*
*Mong ngươi được mạng sống*
*Nay mạng ta vẫn còn*
*Mà ngươi chết trước ta.*
*Ta muốn hộ mạng ngươi*
*Chịu đựng mọi khổ cực*
*Sao ngươi lại chết trước?*
*Phước báo ta không thành.*

Thợ Châu hỏi Tỳ-kheo: Ngỗng này bà con gì với thầy mà sầu khổ như vậy?

Tỳ-kheo đáp: Nguyện ta không thành, nên không vui.

Thợ Châu hỏi: Muốn phát nguyện gì? Tỳ-kheo dùng kệ đáp:

*Bồ tát thời quá khứ*

*Bỏ thân làm bồ câu*
*Ta cũng làm điều này*
*Bỏ thân muốn thay ngỗng*
*Mong cho ngỗng được sống*
*Sống lâu luôn an ổn*
*Do ngươi giết chết ngỗng*
*Tâm nguyện ta không tròn.*

Bấy giờ, Tỳ-kheo nói xong, thợ Châu mỗ ngỗng lấy lại hạt châu, thấy hạt châu rồi khóc lớn, thưa: Thầy bảo vệ con ngỗng mà không tiếc thân mạng, ta đã làm việc phi pháp này, nói kệ:

*Thầy tích lũy công đức*
*Như lấy tro che lửa*
*Ta vì quá ngu si*
*Thiêu cháy cả trăm thân.*
*Thầy gương sáng của Phật*
*Thật là rất xứng đáng*
*Ta vì quá ngu si*
*Không thể quán xét kỹ.*
*Do lửa mê muội đốt*
*Nguyện tạm ngừng ở đây*
*Nhận sám hối của con*
*Như người đi sai đường.*
*Đặt chân rồi bước tiếp*
*Nam mô thanh tịnh hạnh*
*Nam mô kiên trì giới*
*Gặp những khổ nạn này.*
*Bậc luôn trì giới cấm*
*Vì ngỗng thân chịu khổ*
*Không hủy phạm giới cấm*
*Việc này thật khó có.*

Luận đại Trang Nghiêm dạy: Có các Tỳ-kheo thiền hành nơi hoang vắng bị giặc cướp hết áo quần. Chúng sợ các Tỳ-kheo về báo lại xóm làng nên muốn giết chết hết. Trong bọn giặc có người trước đây đã từng xuất gia, nói với bè đảng: Nay sao muốn giết hại hết? Theo pháp của Tỳ-kheo thì không làm hại đến cỏ cây. Hôm nay, ta nên lấy cỏ trói các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sợ tổn hại cỏ nên chịu chết mà không đi đến bốn phương để báo lại. Bọn giặc liền dùng cỏ trói các Tỳ-kheo, rồi bỏ đi. Các Tỳ-kheo bị cỏ trói sợ phạm cấm giới nên không bứt ra nằm im.

Thân không áo quần bị nóng mặt trời, các loài muỗi, ruồi và bò chét kéo nhau đến quấy nhiễu, bị trói từ sáng đến lúc mặt trời lặn tối đen, những cầm thú ngang nhiên rược chạy, thật đáng ghê sợ. Có Tỳ-kheo lớn dùng kệ nói với các Tỳ-kheo trẻ:

*Nếu người có trí tuệ*
*Kiên trì giữ cấm giới*
*Cầu Niết bàn trời người*
*Theo nguyện mà được quả.*
*Vua rồng Y-la-bát*
*Do hủy cấm giới này*
*Làm tổn thương cành lá*
*Chết đọa trong loài rồng.*

Những Tỳ-kheo chịu khổ đau đớn, không cử động, co duỗi, sợ làm cây chết, một lòng giữ giới thà chết đi, nói kệ:

*Xưa nay ta đã từng*
*Gây tạo các việc ác*
*Nếu được sanh làm người*
*Trộm cắp, phạm vợ người.*
*Bị tử hình vương pháp*
*Tính đếm không thể hết*
*Lại chịu khổ địa ngục*
*Số nhiều cũng như vậy.*
*Giả sử nắng mặt trời*
*Phơi thân tôi khô héo*
*Tôi cần giữ giới Phật*
*Hoàn toàn không phạm giới.*
*Giả sử gặp thú dữ*
*Vồ xé thân tay ta*
*Trọn không dám phạm giới*
*Giới cấm của Phật chế*
*Ta thà chết giữ giới*
*Còn hơn sống phá giới.*

Các Tỳ-kheo nghe vị Tỳ-kheo lớn nói kệ rồi, thân mọi người đều không lay động, ví như cây lớn khi không có gió, cành lá không động. Khi ấy, gặp lúc vua đi săn bắn, đi dần đến chỗ các Tỳ-kheo bị trói. Từ xa vua đã thấy, ngờ tưởng là Ni kiền tử lõa thân, bảo người đến xem, biết là Tỳ-kheo. Vua nghe điều này càng thêm nghi ngờ, đến chỗ Tỳ-kheo nói kệ:

*Cỏ xanh trói buộc tay*
*Như lông chim oanh vũ*
*Như tế dê cho trời*
*Không động cũng không lay.*
*Tuy biết chỗ nguy hiểm*
*Đứng im không hại cỏ*
*Như rừng lửa đốt cháy*
*Trâu tiếc đuôi mà chết.*
*Nói kệ xong, đến chỗ đó dùng kệ hỏi:*
*Thân thể thật cường tráng*
*Không bịnh có sức lực*
*Sao chỉ do nhân duyên*
*Cỏ trói không lay động*
*Mọi người đều biết rõ*
*Thân mình có sức mạnh*
*Bị chú làm mê hoặc*
*Hay vì khổ hạnh chăng*
*Hoặc nhàm chán thân mình*
*Xin nói rõ ý đó?*
*Tỳ-kheo dùng kệ đáp vua:*
*Giữ gìn các cấm giới*
*Không dám kéo bứt ra*
*Phật dạy các cỏ cây*
*Đều là chỗ quỷ thần*
*Chúng tôi không dám trái*
*Do đó không thể bứt.*
*Ví như chú ranh giới*
*Vì rắn vẽ cảnh giới*
*Do sức lực thần chú*
*Rắn độc không dám đến.*
*Đức Phật họa cảnh giới*
*Chúng tôi không dám vượt*
*Được bến cầu bậc Thánh*
*Được đầu mắt lanh lợi*
*Ai người được trí tuệ*
*Muốn hoại bình Giới đức!*

Bấy giờ, quốc vương nghe kệ rồi rất vui mừng, liền mở trói cỏ cho các Tỳ-kheo, nói kệ:

*Lành thay! Bậc kiên cố*
*Lời dạy của Đức Phật*
*Thà bỏ thân mạng mình*
*Hộ pháp không hủy phạm.*
*Hôm nay ta quy y*
*Hiển rõ pháp lớn này*
*Quy y lìa khổ não*
*Đấng Mâu-Ni giải thoát*
*Giữ cấm giới bền chắc*
*Ta vâng giữ như vậy.*

****

## THỨ BA: NHẪN NHỤC

- Duyên thuật ý
- Duyên khuyến nhẫn
- Duyên nhẫn ích.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Từng nghe: Nhẫn là đức tối thượng trên hết, trì giới khổ hạnh cũng không sánh bằng. Như Tỳ-kheo Sàn-đề bị hình phạt tàn phế mà không hận. Nhẫn nhục là đứng đầu, bị cắt xẻ mà không tức giận. Thế nên, lấy đạo từ bi cứu độ làm đầu. Bồ tát luôn luôn ôm lòng thương yêu, thường đến địa ngục, chịu khổ cho họ, giáo hóa chúng sanh, bố thí với tâm vui vẻ, lẽ nào với lòng bao dung nhiệm mầu mà lại sanh não hại sân giận bao giờ! Cho đến mở mắt nhìn nhau, tiếng ác, sắc xấu càng tăng thêm roi gậy, kết hận thành oan gia, cha mẹ anh em gây hại lẫn nhau, bạn bè bà con lại làm thương tổn, thật ác nghịch đối với con diều hâu hay con vọ ngậm độc hơn con ong và bò cạp. Sở dĩ như vậy nên nhiều kiếp oán thù, đời đời không dứt.

***Thứ 2: Duyên khuyến khích nhẫn nhục***

Như luận Thành Thật dạy: Miệng nói ác, mắng nhiếc tiểu nhân không chịu được, như chim bị mưa đá. Miệng nói ác hủy nhục đại nhân, lại nhẫn được, như voi gặp mưa hoa. Hành giả trước tiên thường xem xét nhân duyên xưa nay của người. Hoặc ở đời quá khứ là cha mẹ, nuôi dưỡng thân ta mà không tránh tội phước, ta chưa từng đáp ân, sao nay

lại khởi sân giận? Hoặc là anh em, vợ con, bà con, hoặc là Thánh nhân, xưa là bạn lành, do phàm tình không biết, sao lại ra tâm hủy hại?

Luận Nhiếp dạy: Quán theo năm nghĩa để trừ sân giận: Một là xem tất cả chúng sanh đối với ta đều có ân cả. Hai là xem tất cả chúng sanh niệm niệm luôn luôn diệt, người này làm tổn hại, người nào bị tổn hại? Ba là xem chỉ có pháp không có chúng sanh, thì đâu có người làm tổn và người bị tổn. Bốn là xem tất cả chúng sanh đều chịu khổ như mình, vì sao lại muốn làm họ khổ thêm? Năm là xem tất cả chúng sanh là con mình, sao lại sanh tổn hại? Do năm quán này, nên có thể diệt trừ sân giận.

Kinh Báo Ân dạy: Giả sử, bánh xe sắt nóng xoay vòng trên đảnh đầu của ta, trọn không vì khổ này mà sanh tâm ác.

Luận Thành Thật dạy: Người thực hành tâm từ bi giấc ngủ an ổn, thức cũng an ổn, không nằm mộng ác, được trời bảo vệ, người thương yêu, không độc hại, không đánh nhau, nước lửa không làm mất mạng. Luật Tứ Phần dạy kệ:

*Nhẫn nhục đạo thứ nhất*
*Phật dạy tối Vô vi*
*Xuất gia não hại người*
*Không gọi là Sa-môn*

Kinh Di giáo dạy: Người thực hành nhẫn nhục được gọi là người có năng lực lớn.

Kinh dạy: Thấy lỗi người miệng không được nói, mình có lỗi lầm thì nên phát lộ.

Sách ghi: Nghe lỗi của người như nghe tên cha mẹ. Tai nghe được nhưng miệng không được nói.

Kinh dạy: Tán thán việc lành của người, không nói điều tốt của mình.

Sách ghi: Quân tử nêu cái tốt của người, không thay đổi cái tốt của họ.

Kinh dạy: Bố thí không mong người khác báo ân. Nếu được người khác cho vật gì, dù nhỏ chỉ bằng trên đầu sợi lông, đều phải chú nguyện, tàm qúy thọ nhận.

Sách ghi: Công tử có đức với người, công tử quên đức đó, người có đức với công tử xin công tử chớ quên.

Lại nói: Bố thí cho người cẩn thận chớ nhớ, được nhận bố thí cẩn thận chớ quên.

Kinh dạy: Mình giận thì tự lấy làm thí dụ chớ dùng gậy đánh,

giết.

Sách ghi: Vật gì mình không thích thì không nên cho người, nên biết giáo lý ngoại nội căn bản đều giống nhau, tuy hình có trắng đen nhưng hạnh nguyện không khác. Nếu theo tôn chỉ này thì gần giống thế tục. Theo nội ngoại là gì? Kinh dạy: Đức Phật vì chúng sanh mà thuyết pháp, đoạn trừ vô minh mê muội giống như thầy thuốc tùy bịnh cho thuốc, đó là giáo lý bên trong. Sách ghi: Đạo trời không gần gũi chỉ có nhân từ là đồng, đó gọi là giáo lý bên ngoài. Nếu xuất gia có thể quán xét Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã mà xa lìa sanh tử, chí cầu xuất thế. Đây là nương vào giáo lý bên trong. Nếu theo đó mà ngược lại, đối với ngoài thế tục, người tại gia nếu nhàm chán xả bỏ tham dục, ưa thích chí cao thượng, luôn tôn kính Tam bảo, tu tập Tứ đức, thực hành hiếu kính, nhơn nghĩa lễ trí luôn hòa kính yêu thương, có thể làm theo hạnh đó là ngược mà đồng với bên trong, nếu trái với tôn chỉ đó thì đồng ngoại đạo. Người tại gia có thể tùy giáo lý bên trong thì ngộ được chân lý, tâm luôn nhập vào đạo, dần dần bước lên đường tối thắng đạt được quả vị Bồ đề. Biết như vậy, muốn thực hành những việc này cần hạ mình, tôn kính đức người khác, như lau bụi trần, mình lấm cả bụi trần mà người thì thanh tịnh, nên kinh dạy: Mất chính là được, đạo Phật là vậy.

Sách ghi: Người quân tử khiêm nhường tức được nghĩa, nên luôn tinh cần hơn người khác, thường tự khắc phục trách mình.

***Thứ 3: Nhẫn nhục được lợi ích***

Như kinh Đại Bảo tích day:Nhẫn nhục có mười việc. Một là không xem tướng ngã và ngã sở. Hai là không nhớ nghĩ dòng họ. Ba là diệt trừ kiêu nạm. Bốn là quả báo ác không đến. Năm quán nghĩ tướng vô thường. Sáu là tu từ bi. Bảy là không buông lung. Tám là trừ bỏ những đói khát khổ vui. Chín là đoạn trừ sân giận. Mười là tu tập trí tuệ. Nếu người thành tựu mười việc này thì nên biết người đó có thể tu nhẫn. Kinh Nguyệt đăng Tam muội, Đức Phật dạy: Nếu Bồ tát đối với nhẫn nhục thì có mười lợi ích. Những gì là mười? Một là không bị lửa cháy. Hai là không bị chặt. Ba là không bị độc hại. Bốn là không bị nước cuốn trôi. Năm được phi nhơn ủng hộ. Sáu là được thân tướng trang nghiêm. Bảy là đóng kín các đường ác. Tám là tùy theo sự ưa thích mà sanh vào cõi Phạn thiên. Chín là đêm ngày thường an lạc. Mười là thân luôn được vui vẻ.

Kinh Tư Ha Tam Muội Đức Phật dạy: Nhẫn có sáu việc thành tựu Nhất thiết trí. Những gì là sáu? Một là được năng lực của thân. Hai là

được năng lực của miệng. Ba là năng lực của ý. Bốn là đươc năng lực thần thông. Năm là được năng lực của đạo. Sáu là được năng lực trí tuệ.

Kinh Lục Độ Tập dạy: Có bốn việc nhẫn nhục thành tựu trí tuệ. Những gì là bốn? Một là cầu pháp thì phải chịu sự chê bai của người. Hai là cầu pháp thì phải không lánh xa sự đói khát, lạnh nóng gió mưa. Ba là cầu pháp thì phải làm thuận theo Hòa thượng A xà lê. Bốn là cầu pháp thì có thể nhẫn, Không, Vô tướng, Vô nguyện. Lại Tỳ-kheo phải tránh tiếng xấu ác của người nữ. Kinh kệ:

*Tuy nghe nhiều tiếng ác*
*Nếu người hành nhẫn nhục*
*Khôngbị khổ làm hại*
*Cũng không nên phiền não.*
*Nghe tiếng người khủng bố*
*Như tiếng thú trong rừng*
*Chúng sanh mà thô tháo*
*Không thành pháp xuất gia.*
*Người nhân từ nhẫn chịu*
*Tiếng xấu trung, hạ, thượng*
*Người trú tâm kiên cố*
*Tức là pháp xuất gia.*
*Không vì lời nói người*
*Khiến ngươi thành giặc cướp*
*Cũng không vì người nói*
*Khiến ngươi thành La hán*
*Như ngươi tự biết mình*
*Chư thiên cũng lại biết.*

Luật Ngũ Phần dạy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Thời quá khứ, bên bờ hồ nơi hoang vắng có hai chim nhạn và con rùa làm bè bạn. Thời gian sau, nước hồ khô cạn, hai chim nhạn bàn nhau: Hôm nay, nước hồ khô cạn, bạn rùa chắc phải khổ lớn, bàn bạc như vậy rồi nói rùa: Nước trong hồ này đã khô cạn, bạn không có nơi che thân, bạn có thể ngậm cọng cỏ, mỗi chúng tôi cắp một phía, sẽ đưa bạn đến nơi có nhiều nước, khi bạn ngậm cây nhớ cẩn thận không được nói. Bấy giờ, chúng liền ngậm cây, trải qua nhiều xóm làng, những đứa trẻ thấy liền nói: Chim nhạn ngậm con rùa đi! Rùa nổi giận nghĩ nói: Sao xen vào việc của người? Miệng mới rời cây thì rùa bị rơi xuống đất chết ngay. Do nhân duyên đó, Thế tôn nói kệ:

*Mạng sống của người*
*Như búa trong miệng*
*Sở dĩ phá thân*
*Do lời nói ác*
*Chê trở lại khen*
*Việc khen lại chê*
*Tự thọ tai ương*
*Cuối cùng chẳng vui.*

Đức Phật dạy: Con rùa là Điều Đạt, xưa do sân giận mà nói đến nổi phải chết khổ sở. Nay lại sân si hủy nhục Như Lai sẽ đọa địa ngục.

Kinh Pháp Cú Dụ dạy: Xưa có Sa-môn La Vân khi chưa đắc đạo, tính tình cứng cỏi, lời nói ít chân thật. Đức Phật bảo La Vân: Thầy hãy đến Tinh xá Hiền đề ở để giữ miệng, nhiếp ý, chuyên tâm tu học kinh giới. La Vân vâng lời đảnh lễ ra đi. La Vân ở được chín mươi ngày xấu hổ, tự hối hận, ngày đêm không dừng nghỉ. Đức Phật đến gặp La Vân, Sa-môn liền vui vẻ hướng về đảnh lễ Ngài.

Đức Phật bảo La Vân: Hãy lấy bồn đựng nước rửa chân cho Ta! La Vân vâng lời, rửa chân Phật xong. Đức Phật lại bảo: Nước này có thể dùng ăn uống được không?

La Vân thưa: Bạch Thế tôn, không thể dùng được, nước này đã dơ, vì đã rửa chân nên bị cấu uế, do đó không dùng được.

Đức Phật bảo La Vân: Thầy cũng như vậy, con Ta tuy là cháu vua, đã bỏ bổng lộc thế gian, được làm Sa-môn mà không nhớ siêng năng giữ gìn thân miệng, ba độc cấu uế dẫy đầy ấp ủ trong tâm, cũng như nước này không thể dùng lại được, dẫu bỏ luôn cái bồn, vì nó cũng không thể đựng thức ăn, do đã bị dơ. Thầy cũng như vậy, miệng không thật, tâm tính cứng cỏi, không siêng năng từng bị tiếng ác, cũng như cái bồn này không thể đựng thức ăn. Đức Phật dùng ngón chân hất cái bồn tự nhiên nó lật úp lại, hỏi: Thầy có tiếc không?

La Vân thưa: Bạch Thế tôn! Cái bồn này đã rửa chân, tuy tiếc cũng không cần.

Đức Phật bảo: Thầy cũng như vậy, tuy là Sa-môn mà không giữ gìn thân miệng, làm thương tổn chúng sanh, khi chết thần thức sẽ bị đọa mãi trong ba đường, Hiền Thánh không tiếc nuối, cũng như thầy nói vậy. La Vân nghe vậy, tàm quý lo sợ cảm kích tự mình gắng sức nhớ mãi không quên, tinh tấn nhu hòa, luôn nhẫn như đất, đắc quả A-la-hán.

Kinh La Vân nhẫn nhục dạy: Bấy giờ, thường đến khất thực nhà

Bà-la-môn không có lòng tin, keo kiết lại không cho. La Vân bị đánh trên đầu chảy máu, lại bóc cát bỏ vào bình bát, thầy vẫn chịu đựng không trả thù, rồi cầm bát đến bên sông rửa đầu và bát, nói: Tôi tự đi khất thực, không có việc gì mà gây gỗ tôi. Tôi chỉ khổ chút thôi, sao ông lại gây nhiều khó khăn vậy? Như dùng kiếm bén cắt thây chết thì nó chẳng biết đau, đó không phải kiếm không bén. Như nước cam lồ cõi trời cho con heo ngu trong chuồng uống, con heo bỏ chạy, không phải nước cam lồ không ngon. Ta dùng lời nói chân thật của Phật để giáo hóa người ngu hung dữ ở đời mà không suy nghĩ, há chẳng đúng sao? Sa-môn trở về bạch Phật. Đức Phật dạy: Đây là điểm yếu của thầy, khi chết phải vào địa ngục Vô trạch, đến ngục quỷ nhiều đau khổ, trải qua tám vạn bốn ngàn năm thầy qua đời sẽ sanh làm con trăn, độc trở lại hại mình. Lại thọ làm thân con rắn độc thường ăn đất cát một vạn năm mới chấm dứt. Do tâm sân giận đối với người thọ giới phải chịu thân độc hại, lấy cát bỏ trong bình bát, đời đời ăn cát đất mà chết. Tội hết được làm người, khi mẹ đang mang thai thì bị bịnh nặng trong nhà ngày càng túng thiếu, đứa trẻ sanh ra ngu đần không có tay chân, bà con hoảng sợ hỏi: Sao mang thai sanh ra điều không tốt? Bà liền mang bỏ ngã tư đường, người qua lại ngạc nhiên dùng dao gậy, ngói đá đánh vào đầu văng não, đau đớn một tuần mới chết. Chết rồi thần thức lại sanh ra người ngu đần như trước, trải qua năm trăm đời tội nặng mới hết. Sau đó, sanh làm người thường bịnh tật đau đầu, sanh thời không gặp Phật, luôn ở trong ba đường.

Luận Tân Bà Sa dạy: Từng nghe, ở đời quá khứ trong thời Hiền kiếp này có vua tên Yết-lợi. Lúc ấy, có Tiên nhơn tên Nhẫn-nhục ở trong rừng chuyên tu khổ hạnh. Khi ấy, nhà vua đưa đứa con trai vào cung cho bà con , đi dạo chơi trong rừng. Trải qua thời gian lâu bị bịnh mắt, trong cung các tỳ nữ vì hoa quả nên vào rừng, đằng xa đã thấy vị Tiên nhơn, liền tự chỉnh đốn thân tâm ngay ngắn, im lặng tiến đến chỗ đó, đến nơi đảnh lễ đi nhiễu quanh rồi ngồi xuống. Tiên nhơn giảng về tội lỗi của ham muốn. Các tỳ nữ sanh nhàm chán. Khi vua trở về không thấy những người nữ, liền nghĩ: Sẽ không có người dụ dỗ mà dắt đi chứ? Vua vội vàng cầm kiếm tìm mọi nơi, đến khi thấy những người nữ đang ngồi xung quanh Tiên nhơn, quá nổi giận nói: Quỷ lớn sao lại dụ người nữ của ta? Lại đến trước mặt hỏi: Ngươi là ai?

Đáp: Ta là Tiên nhơn.

Lại hỏi: Ở đây làm gì?

Đáp: Tu đạo nhẫn nhục.

Vua nghĩ: Người này thấy ta nổi sân nên nói "ta tu nhẫn nhục", nay ta thử xem. Lại hỏi: Ngươi đã chứng được thiền định phi tưởng, phi phi tưởng xứ chưa?

Đáp: Chưa được.

Như thế cứ tiếp tục hỏi vặn cho đến khi: Ngươi đã chứng được quả thứ nhất chưa?

Đáp: Chưa được.

Nhà vua càng giận dữ gấp bội nói: Ngươi là người chưa lìa dục sao lại phóng túng nhìn những người nữ của ta?

Lại đáp: Ta là người tu nhẫn nhục.

Nhà vua nói: Thử duỗi một cánh tay có nhẫn được không?

Bấy giờ, Tiên nhơn liền duỗi cánh tay. Nhà vua dùng kiếm bén chặt cánh tay, như đoạn gốc ngó sen, rơi xuống đất. Nhà vua lại hỏi vặn: Ngươi là người gì?

Đáp: Ta là người tu nhẫn nhục.

Lúc đó, vua lại bảo duỗi cánh tay khác, rồi cũng chặt luôn. Như trước hỏi vặn, Tiên nhơn cũng trả lời như trước, cứ như thế chặt dần đến hai chân, xẻo hai tai, cắt mũi, cứ mỗi lần như vậy đều hỏi đáp như trên, làm thân của tiên nhân chia làm bảy phần rơi trên đất, làm thành bảy hố (vết thương) rồi, vua mới dừng.

Tiên nhơn bảo: Hôm nay, sao nhà vua tự sanh nhàm chán? Giả sử có chặt toàn bộ thân ta thành nhiều phần nhỏ như hạt cải cho đến bằng hạt bụi, ta cũng không có một chút tức giận, trọn không có hai. Lại phát nguyện: Như ông ngày hôm nay, ta thật không có tội mà lại bị chặt thân thành bảy phần, làm thành bảy lỗ. Ở đời vị lai, khi ta chứng quả Vô thượng Bồ đề sẽ dùng tâm đại bi không chờ ông thỉnh, trước hết khiến cho ông tu tập bảy thứ đạo để đoạn trừ bảy Tùy miên. Nên biết Tiên nhơn Nhẫn-nhục ấy, nay chính là Phật Thích Ca Mâu Ni, vua Yết Lợi nay là Cu Thọ Kiều Trần Na. Lúc Kiều Trần Na thấy Thánh đế rồi, Phật dùng năng lực thần thông trừ ám chướng đó, nay nhớ lại việc quá khứ, Kiều Trần Na nghe rồi rất xấu hổ, chắp tay cung kính.

****

## THỨ TƯ: TINH TẤN

- Duyên thuật ý.
- Duyên đãi nọa (lười biếng).
- Duyên sách tu (khuyên tu).

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Người tu hạnh nhẫn nhục do còn lờ mờ, tôn chỉ đó chưa rõ nên phải sách tấn, khiến không biếng nhác. Cho nên, kinh dạy: Tỳ-kheo, các ông luôn tinh tấn, ánh sáng trí tuệ mười lực, bị vùi lấp, các ông đang bị vô minh che phủ. Lại nói: Người Xiển đề nằm như thây chết suốt ngày mà cho là thành đạo, điều đó không thể có. Luận Thích dạy: Người tại gia biếng nhác mất lợi lạc ở đời. Người xuất gia biếng nhác thì mất pháp bảo. Cho nên quý vị cần nên dõng mãnh chư Phật mới ngợi khen. Ca Diếp càng tinh tấn được Như Lai thuật chứng. Sách ghi: Từ sáng đến tối gắng hết sức mình mới gọi là trung với thần, con có hiếu. Vì thế, nên biết sự phóng túng biếng nhác không hướng thượng. Tinh tấn, siêng năng trong mọi lúc đâu bị ngu si phóng túng kiêu căng khiến các mầm thiện căn không khai mở, làm cho cây cành đạo pháp càng khô héo thêm. Huống nữa đến lúc chết, vua (Diêm vương) gọi vào trói trong ngục tối, đến nơi mênh mông, lâu ngày liền mất hết tư lương, nơi tối tăm nếu tra khảo thì sẽ trả lời thế nào? Lúc ấy, hối hận làm sao cho kịp! Thế nên, ngày nay khuyến khích mọi người tu hành, biết thân mình còn đầy đủ sức khỏe, chuẩn bị tư lương, thường kiểm thúc ba nghiệp, chớ làm trái với sáu thời. Mỗi ngày từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, từ chiều đến tối, từ tối đến sáng, cho đến trong một giờ, một khắc, một niệm, một sát na phải kiểm thúc ba nghiệp. Xét tâm làm việc thiện, xét tâm làm việc ác. Xét tâm làm việc hiếu, xét tâm làm việc trái nghịch. Xét tâm nhàm chán tâm tài sắc, xét tâm tham chấp tâm tài sắc. Xét tâm làm việc thiện cõi trời người, xét tâm làm việc bất thiện trong ba đường. Xét tâm nhàm chán tiếng khen chấp ngã, xét tâm tham cầu tiếng khen chấp ngã. Xét tâm ưa tu ba thừa xuất thế, xét tâm xem thường ba thừa thích thế gian. Thiện ác như vậy đêm ngày chống trái nhau, hành giả thường nên kiểm thúc chớ để buông lung đọa vào lưới tà kiến, luôn cảnh tỉnh ba nghiệp, cùng nhau ra sức trao đổi lời dạy. Tâm tự dặn lòng, miệng nói: Ngươi thường nên nói việc thiện chớ nói phi pháp. Miệng nói: Tâm! Ngươi nên nghĩ chánh pháp chớ nghĩ phi pháp. Tâm lại bảo thân: Ngươi nên siêng năng tinh tấn chớ biếng nhác. Như vậy, tâm của

ta tự kiềm chế, miệng của ta tự cẩn thận, thân của ta tự ngăn ngừa. Cứ như thế, tự mình sách tấn đủ để bay cao, sao lại ra sức lôi kéo người để khởi nhiều oán ghét. Kinh dạy: Thân làm thiện, khẩu làm thiện, ý làm thiện thì chắc chắn sanh đường lành. Thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác thì chắc chắn sanh đường ác. Như ngựa chạy nhanh nhìn lại bóng của mình thì lại chạy nhanh hơn, không như nuôi ngựa hèn nhác phải dùng roi đánh. Nếu không tự mình học hỏi mà cứ trách người, lại tăng thêm khổ não, tội lỗi sâu dày.

***Thứ 2: Duyên biếng nhác***

Kinh Bồ tát Bổn Hạnh dạy, Đức Phật bảo A Nan: Người biếng nhác các hạnh suy yếu, cư sĩ biếng nhác thì cơm áo không đủ sống, sự nghiệp không thành. Xuất gia biếng nhác không dứt trừ khổ sanh tử, tất cả các việc đều do tinh tấn mà tăng trưởng. Khi ấy, Đế thích nói kệ:

*Muốn cầu đạo tối thắng*
*Không tiếc thân mạng mình*
*Bỏ thân như phân đất*
*Hiểu không có tôi, ta.*
*Tuy bố thí vật báu*
*Việc này không là khó*
*Người dõng mãnh như vậy*
*Tinh tấn mau thành Phật.*

Kinh Tăng nhất A hàm dạy: Nếu có người nhiều biếng nhác làm việc bất thiện, nên bị tổn giảm, nếu thường siêng năng thì thật là tối thượng, sở dĩ vậy là do Bồ tát Di Lặc trải qua ba mươi kiếp mới được làm Phật. Ta dùng năng lực tinh tấn dõng mãnh để Bồ tát Di Lặc đời sau thành Phật, cho nên nhớ nghĩ phải tinh tấn, chớ biếng nhác. Kinh Thí dụ dạy: Thời Đức Phật Ca Diếp có hai anh em đều là Sa-môn, người anh trì giới ngồi thiền một lòng cầu đạo không bố thí, người em tu phước bố thí mà thích phá giới. Người anh theo Phật xuất gia, chứng quả A-la-hán, y thường không đủ mặc, cơm thường không no. người em sanh làm voi, có sức mạnh, có thể dẹp hết thù địch, được quốc vương kính mến, vàng bạc, anh lạc đeo đầy thân lại ban cho mấy trăm chuồng và khu đất, cung cấp cho voi mọi thứ cần dùng. Lúc ấy, người anh là Tỳ-kheo, đúng khi khó khăn, đi khất thực bảy ngày mà không có, sau cùng được chút thức ăn dở, nên kéo dài mạng sống một tí, biết được con voi này đời trước là em mình, liền đến bên voi, cầm tai nói: Ngày xưa tôi và người đều có tội. Voi nghĩ lời nói của voi, biết được nhân duyên đời trước của mình,

buồn rầu không ăn, lo sợ liền đến tâu vua.

Vua hỏi voi: Trước đây không có người xúc phạm voi chăng?

Voi tâu: Không có ai khác, chỉ có vị Sa-môn đến đứng bên một lát rồi đi.

Vua liền sai người tìm được vị Sa-môn rồi hỏi: Đến đứng bên voi làm gì?

Sa-môn đáp: Tôi nói với voi là "Tôi và voi đều có tội". Sa-môn kể lại vua mọi việc như trên. Nhà vua ngộ được, thả vị Sa-môn ngay.

Kinh Phật thuyết mã hữu bát thái thí nhơn, Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Ngựa có tám thói xấu ác. Những gì là tám? Thói thứ nhất là khi được mở dây cương và cái dàm thì kéo xe muốn bỏ chạy. Thói thứ hai là khi cái giá xe bị xiêu vẹo thì nó muốn cắn người đó. Thói thứ ba là đưa hai cẳng chân trước cắn xe rồi bỏ chạy. Thói thứ tư là đạp vào bánh xe. Thói thứ năm là người chăn cầm cái ách đặt lên thân thì nó né ra khỏi xe bỏ chạy. Thói thứ sáu là bảo nó đi một bên thì nó chạy bậy. Thói thứ bảy là cắn vào xe chạy nhanh, nếu gặp được nước bùn thì đứng lại không chịu đi. Thói thứ tám là treo thức ăn chín trên xe thì nó chỉ nhìn không ăn, khi người chủ dắt đi sẽ đóng giá xe thì lại vội vàng cùng cắn hít vào, muốn ăn nhưng không được. Đức Phật dạy: Con người cũng có tám thói xấu ác đó. Những gì là tám? Thói thứ nhất là khi nghe giảng về kinh Phật thì bỏ đi không thích nghe, như ngựa khi được mở dây cương và cái dàm thì kéo xe muốn bỏ chạy. Thói thứ hai là khi nghe ý nghĩa của kinh thì không hiểu, không biết thú hướng của kinh lại tức giận lùng bùng không thích nghe, như ngựa, khi cái giá xe bị xiêu vẹo thì nó muốn cắn người đó. Thói thứ ba là khi nghe kinh mà phản đối không lãnh thọ, như ngựa khi đưa hai cẳng chân trước cắn xe rồi bỏ chạy. Thói thứ tư là khi nghe kinh lại mạ nhục, như khi ngựa đạp vào bánh xe. Thói thứ năm là khi nghe kinh mà muốn bỏ đi, như ngựa có người chăn cầm cái ách đặt lên thân thì nó né ra khỏi xe bỏ chạy. Thói thứ sáu là khi nghe kinh lại không chịu nghe, đầu óc lững lơ liếc nhìn để nghe tiếng, như ngựa khi bảo nó đi một bên thì nó chạy bậy. Thói thứ bảy là khi nghe kinh lại muốn xem xét cái khó, để hỏi vặn khiến người không thể trả lời, nín bặt đáng tội vọng ngữ, như ngựa nếu gặp được nước bùn thì đứng lại không chịu đi. Thói thứ tám là khi giảng kinh không chịu nghe, ngược lại nhớ nghĩ mong cầu nhiều tham dục, không muốn lãnh thọ, chết đọa vào đường ác, vội vàng muốn học hỏi hành đạo cũng không được, như ngựa treo thức ăn chín trên xe thì chỉ nhìn không ăn, khi người chủ dắt đi đóng giá xe thì lại vội vàng cùng cắn hít vào,

muốn ăn nhưng không được. Đức Phật dạy: Con ngựa có tám thói xấu ác thì con người cũng có tám thói xấu như vậy. Tỳ-kheo nghe kinh vui vẻ đảnh lễ lui ra.

***Thứ 3: Duyên khuyến khích tu học***

Như kinh Thí dụ dạy: Có Sa-môn ở nước La duyệt kỳ ngồi tự phát nguyện:" Ta không đắc đạo trọn không đứng dạy, khi thèm ngủ bèn lấy cái dùi dài tám khủy tay đâm vào hai đầu gối đau thốn không ngủ được" như thế, một năm mới đắc đạo. Trong kinh Bạc Câu La dạy: Bạc Câu La nói: Từ khi ta xuất gia đến nay đã tám mươi năm chưa từng nằm yên, lưng chưa dính chiếu để ngủ nghĩ.

Kinh Di giáo dạy: Tỳ-kheo các vị, nếu ai siêng năng thì việc dễ thành. Vì thế các người thường siêng năng. Ví như nước ít mà thường chảy thì đá có thể mòn. Nếu hành giả luôn luôn biếng nhác thì ví như cái khoang nung lửa chưa đỏ lại ngưng dù muốn được lửa thì khó được, đây gọi là tinh tấn.

Luận Trí Độ dạy: Thân tinh tấn là nhỏ, tâm tinh tấn mới là lớn, ngoại tinh tấn là nhỏ, nội tinh tấn mới là lớn. Đức Phật dạy: Năng lực nghiệp ý là lớn, như vị Tiên nhơn sân giận thì có thể làm cho đất nước khốn khó tiêu diệt. Lại thân, miệng là năm tội nghịch thì bị quả báo lớn một kiếp trong đại ngục A tỳ, chịu nghiệp lực của ý. Khi được sanh vào cõi Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng thì sống ở đó tám vạn kiếp cũng ở trong cõi Phật mười phương, sống lâu vô lượng. Thế nên biết, thân miệng tinh tấn là nhỏ còn ý tinh tấn mới là lớn, như các kinh khen ngợi nhiều về tinh tấn. Một lòng chánh niệm mau đắc đạo quả, thì chưa hẳn phải cần đa văn. Luận Tỳ Bà Sa dạy: Hai người cùng đến một nơi. Một người cỡi ngựa nhanh, một người cỡi ngựa chậm. Do người cỡi ngựa chậm trước đã phát nguyện nên đến chỗ trước, vì có lòng tin giải thoát, siêng năng tu tập nên đến Niết bàn trước, thì khắp nơi được lợi.

Kinh Lục Độ dạy: Có bốn loại tinh tấn, thành tựu trí tuệ. Những gì là bốn? Một là siêng năng đối với đa văn. Hai là siêng năng đối với tổng trì. Ba là siêng năng ưa thích thuyết pháp. Bốn là siêng năng tu tập chánh hạnh.

Kinh Lục độ tập dạy: Đức Phật bảo đệ tử nên siêng năng tinh tấn lắng nghe đọc tụng, chớ biếng nhác, sẽ bị Ấm Cái ngăn che. Ta ở đời quá khứ nhiều kiếp có Phật Nhất Thiết Độ Vương, khi ấy trong chúng có hai Tỳ-kheo, một là Tinh Tấn Biện, hai là Đức Lạc Chỉ cùng nghe pháp. Tinh Tấn Biện ưa thích nghe kinh, nên đắc quả A-duy-việt-trí đầy

đủ thần thông. Đức Lạc Chỉ ngủ mê không tỉnh, chẳng được gì. Khi ấy, Tinh Tấn Biện bảo Đức Lạc Chỉ cần tinh tấn sao ngủ hoài vậy? Lúc ấy Đức Lạc Chỉ nghe người anh liền đi kinh hành lại đứng ngủ, thân không đứng vững, đến bên suối ngồi muốn tư duy thiền định lại muốn ngủ. Khi ấy, Tinh-tấn-biện dùng phương tiện khéo léo độ cho Đức Lạc Chỉ, biến thành con ong chúa hướng đến cặp mắt Đức Lạc Chỉ muốn cắn, khi đó Đức Lạc Chỉ hoảng hốt tỉnh dậy, ngồi tiếp, chỉ sợ ong chúa một tí rồi lại ngủ. Khi ấy con ong chúa bay vào nách cắn bụng, ngực, Đức Lạc Chỉ run sợ không dám ngủ nữa. Khi ấy, nước trong suối có nhiều hoa tươi đủ màu sắc tinh khiết. Ong chúa bay đến trên hoa, hút vị ngọt mát. Khi ấy, Đức Lạc Chỉ ngồi ngay ngắn nhìn ngắm hoa, lại sợ không dám ngủ nữa. Ong chúa hút vị ngọt. Trong hoa không ra, chỉ giây lát, ong chúa ngủ say rớt trong bùn dơ, nó tắm rồi lại bay đến hoa đó. Lúc đó, Đức Lạc Chỉ hướng về ong nói kệ:

*Ngươi hút vị ngọt này*
*Thân thể được an ổn*
*Không nên mang trở về*
*Cho tất cả vợ con.*
*Vì sao rơi trong bùn*
*Tự làm dơ thân mình*
*Như vậy chút trí tuệ*
*Hoại thân vì vị ngọt.*
*Như ngươi ở trong hoa*
*Không ở lâu trong đó*
*Trời lặn hoa khép lại*
*Cầu nở không thể được.*
*Phải cần ánh mặt trời*
*Khi đó mới nở được*
*Tối tăm lâu mệt mỏi*
*Như thế thật khốn khổ.*

Bấy giờ, ong chúa hướng đến đáp kệ:

*Phật ví như cam lồ*
*Nghe giảng không nhàm chán*
*Không nên vì biếng nhác*
*Tất cả không ích gì.*
*Biển sanh tử năm đường,*
*Như rơi vào bùn dơ*
*Bị ái dục trói buộc*

*Không trí thật là mê.*
*Trời mọc hoa mới nở*
*Như sắc thân của Phật*
*Trời lặn hoa khép lại*
*Thế tôn vào Niết bàn.*
*Gặp Như Lai ở đời*
*Nên tinh tấn lãnh thọ*
*Bỏ ấm cái ngủ nghỉ*
*Chớ gọi Phật thường còn.*
*Pháp sâu xa yếu tuệ*
*Không vì nhân duyên sắc*
*Thấy đó mà tham chấp*
*Nên biết thiện phương tiện.*
*Thiện phương tiện hóa độ*
*Có ích không dối gạt*
*Nên hiện biến hóa này*
*Cũng vì lợi tất cả.*

Đức Lạc Chỉ nghe Tinh Tấn Biện nói kệ liền đắc được Pháp nhẫn vô-sanh, đắc pháp đà-la-ni. Đức Phật bảo A Nan: Tinh Tấn Biện ấy nay chính là Ta, Đức Lạc Chỉ chính là Bồ tát Di Lặc. Khi đó, Ta cùng với Bồ tát Di Lặc nghe pháp, Bồ tát chỉ ngủ không được lợi gì, còn Ta không tìm phương cách khéo léo để thức tỉnh Bồ tát, nên đến nay Di Lặc vẫn còn ở trong sanh tử chưa giải thoát.

Kinh Pháp Cú Dụ dạy: Ngày xưa, nước ngoài có cư sĩ rất tín tâm, cúng dường Tam bảo, ban đầu không nhàm chán. Lúc ấy có Sa-môn cùng với người bạn, chứng đắc thần thông, đã hết sanh tử. Khi ấy cư sĩ tín tâm bị bịnh nặng, các thầy thuốc ra sức chữa trị nhưng không lành, người vợ ngồi bên thương khóc, vì thế khốn khổ, nếu chàng qua đời thì thiếp biết nương tựa vào đâu, con gái cũng cô đơn biết dựa vào nơi nào. Người chồng nghe vậy chết, thần hồn trở lại làm thân con trùng ở trong mũi vợ, vợ khóc lóc không ngừng, đạo nhơn đi đến chỉ cho người vợ biết là chồng qua đời lại làm con trùng ở trong mũi. Vì thế, đạo nhân muốn khuyên bà bớt đau buồn. Bà thấy đạo nhơn đến càng đau khổ, hỏi: Vì sao Hòa thượng biết chồng con chết? Bà hỷ mũi côn trùng liền văng xuống đất, bà quá xấu hổ, muốn lấy chân dậm đạp. Đạo nhân bảo: Hãy dừng, chớ giết hại! Người chồng của bà đã hóa làm con trùng này. Bà thưa đạo nhơn: Chồng con chuyên cần trì giới luật không ai sánh bằng, do nhân gì mà qua đời phải làm thân con trùng? Đạo nhân đáp: Do bà

thương xót kêu la sanh tâm ân ái, vì thế qua đời đọa làm thân trùng. Đạo nhơn thuyết pháp cho trùng, nó liền sanh lên trời ở trước Đức Phật, chỉ vì ngồi bên ân ái nên đọa làm con trùng cũng thật xấu hổ. Con trùng nghe nói, tâm ý khai mở, tự trách mình, liền mạng chung, được sanh lên cõi trời. Vậy nên, ngươi hãy phản tỉnh mình, không được biếng nhác, quả báo xấu sẽ đến mình.

****

## THỨ NĂM: THIỀN ĐỊNH.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Thắng nghiệp thần thông, chẳng phải thiền định không sanh, tuệ căn vô lậu chẳng phải tịnh không động. Nên kinh dạy: Thiền định sâu xa thì đắc được năm thông, tâm chuyên chú một việc, đó là tướng Tam muội. Sách cũng nói: Nên làm thân mình như cây khô, tâm như tro tàn, không đào bới chỗ giàu sang, không góp nhặt nơi nghèo cùng, thần thức bám víu lờ mờ bên trong, để hiện ra thân hình như đống đất, nên phải nhiếp tâm một chỗ thì công đức nhiều như rừng cây, ý tán loạn từng mảnh thì phiền não la liệt. Vì thế, trên đầu gối của Thích tử Đàm-quang hổ dữ đến nằm. Búi tóc của Tiên nhơn trên đỉnh đầu chim đến làm tổ. Biết vậy, Bồ tát thường tu tập ngồi yên, không đoạn phiền não mà vào Niết bàn, không bỏ đạo pháp mà hiện việc phàm phu. Lại có thể quán xét thân này từ đầu đến chân có ba mươi sáu vật, tám vạn côn trùng, bất tịnh vô thường, khổ không, vô ngã, tâm tánh chúng sanh ví như khỉ vượn, loạn động phan duyên, vui theo khoái lạc, buông lung, không sáng suốt để kiểm thúc thân tâm cho ngay thẳng, ý chuyên cần, cứng cỏi khó dạy bảo, ngang ngược khó điều phục, tập khí gần với năm trần cấu, lưu chuyển trong ba cõi. Như ngoại đạo dán nhựa vào để bẩy chim, mang gậy thiên ma, vì thế xoay vần trong biển khổ, rơi mãi trong ngục hiểm ác, đều do phóng dật rối loạn tâm ý. Như gió vây quanh ngọn đèn, ví như trăng trong sóng nước lăn tăn, sóng sánh nhè nhẹ, trôi nổi đầy tràn, ảnh đã không hiện thì ánh chiếu đâu có rõ. Vì thế, các điều ác tập hợp lại sanh khởi, phước thiện do đây mà suy giảm, do không tu tập đoạn các mê hoặc thường sanh khởi tham sân, chưa tu tập mà không biết hưởng nhiều khoái lạc, làm chướng ngại thiền định, các phiền não cùng nhau tụ tập dày vò ngăn cản các duyên vắng lặng, cùng nhau dấy khởi, năm ấm che tâm, cửa thiền khép kín, sáu trần luôn vọng tưởng

rong ruổi như voi say không có dây cương, tựa như khỉ chuyền cành. Thế nên, mỗi niệm phải thúc liễm tâm, mỗi mỗi luôn thay đổi, đâu phải niệm trước đều là ác, liền khắc phục khổ, lắng sạch bụi trần, niệm sau khởi thiện, ý lại buông lung mà phơi bày xấu ác. Cho nên, khi bàn luận về bốn điều tốt đẹp, thường tán thán một niệm, sau đó mới có thể chân chánh, xa lìa thương nhớ phàm phu, nếu trái với lý này thì Thánh cũng không được. Hôm nay, như lưới dày không thể tự tiếp xúc, cần phải nhờ vào các căn, tưởng bên trong sẽ hiện ra bên ngoài, làm sao mà biết như vậy. Nay tâm cảm ứng bên trong thì việc hiện ra bên ngoài, hoặc duyên bên ngoài mà khởi ô nhiễm trong tâm. Nên biết, nội ngoại cùng giúp đỡ nhau cứ xoay vần mãi. Tâm thức là quân, thần không thể bỏ. Nên kinh dạy: Tâm vương nếu ngay thẳng thì sáu thần không tà. Thức ý mà mê muội thì chủ đó không minh bạch. Nay dạy bảo sáu thần mỗi mỗi phải biết xấu hổ, chế ngự sáu căn không để rong ruổi tán loạn.

***Thứ 2: Duyên tướng thiền định***

Kinh Pháp cú, phẩm Tâm ý dạy: Xưa Đức Phật còn tại thế có một đạo nhơn, ngồi dưới gốc cây bên bờ sông học đạo, suốt mười hai năm tưởng tham vẫn còn, tâm rong ruổi, ý tán loạn nghĩ về sáu dục. Mắt với sắc, tai với thanh, mũi với hương, miệng với vị, thân với thọ, tâm với pháp. Thân tĩnh, ý rong chơi chưa từng dừng nghĩ suốt mười hai năm không đắc được đạo. Đức Phật biết có thể độ, nên Ngài hóa thành Sa-môn, liền đến gốc cây cùng ngủ qua đêm với ông ta, chỉ chốc lát trăng sáng tỏ, có một con rùa từ dưới sông bò đến dưới gốc cây. Lại có chó nước đói đi tìm thức ăn, gặp rùa liền muốn ăn,lúc đó bốn chân, đầu và chân của rùa đều thụt vào trong cái mai, nên chó không thể ăn được. Chó nước vừa đi, thì rùa lại bò đi, không thể làm gì được, bèn thoát khỏi nạn.

Đạo nhơn hỏi vị Sa-môn biến hóa: Con rùa này được bảo vệ thân bằng áo giáp, chó nước không được phương tiện ấy chăng?

Sa-môn biến hóa trả lời: Ta nghĩ người đời không bằng con rùa này, không biết vô thường buông lung sáu căn, ngoại ma nhanh chóng hủy hoại thân thể, thần thức xa lìa, sanh tử không có đầu mối, luân chuyển trong năm đường, đau khổ vô vàn, tất cả đều do ý gây, nên mình phải gắng sức cầu an ổn vắng lặng. Sa-môn biến hóa nói kệ:

*Giấu sáu (căn) như rùa*
*Giữ ý như thành*
*Tuệ đấu cùng ma*

*Hơn tức không họa.*

Lại kinh Đại Bảo Tích dạy: Bồ tát tu tập thiền định có mười pháp, không giống như Nhị thừa. Những gì là mười? Một là tu tập thiền định không có tôi, ta, đầy đủ các thiền định Như Lai. Hai là tu tập thiền định không chấp, vị ngọt. Ba là tu tập thiền định đầy đủ các thần thông, vì biết các tâm hành của chúng sanh. Bốn là là tu tập thiền định vì biết các tâm, cứu độ tất cả chúng sanh. Năm là tu tập thiền định thường hành đại bi, đoạn trừ các phiền não trói buộc chúng sanh. Sáu là tu tập các thiền định Tam muội, khéo biết vào ra, vượt thoát ba cõi. Bảy là tu tập thiền định thường được tự tại, đầy đủ tất cả pháp lành. Tám là tu tập thiền định, tâm của vị ấy vắng lặng hơn các thiền Tam muội của Nhị thừa. Chín là tu tập thiền định đắc được trí tuệ, vượt ra ngoài thế gian đến bờ bên kia. Mười là tu tập thiền định có khả năng làm hưng thịnh chánh pháp, nối tiếp Tam bảo để được tồn tại lâu dài. Người tu tập thiền định như vậy là không cùng với Thanh-văn, Bích-chi-Phật.

Đức Phật lại dạy: Bồ tát nào ưa thích hạnh khất thực đầu đà thì có mười lợi ích. Những gì là mười? Một là diệt trừ cờ kiêu mạn. Hai là không mong cầu thương yêu của bà con. Ba là không vì danh tiếng. Bốn là an trú trong dòng Thánh. Năm là không dua nịnh, lừa dối, không biểu hiện ra tướng khác, không kiêu mạn. Sáu là không tự đề cao mình. Bảy là không hủy nhục người khác. Tám trừ bỏ tham ái, sân giận. Chín là nếu vào nhà người thì không vì ăn uống mà bố thí pháp. Mười là thuyết pháp cho người có lòng tin lãnh thọ.

Luận Trí Độ dạy: Tam muội có hai loại, Tam muội Phật và Tam muội Bồ tát, các Bồ tát này chỉ ở trong Tam muội của Bồ tát mà được tự tại không ở trong Tam muội Phật mà tự tại. Trong kinh Chư Phật Tập Yếu dạy: Bấy giờ, Văn Thù Thi Lợi muốn thấy chỗ nhóm họp của chư Phật mà không gặp được, vì chư Phật đã trở về chỗ của mình. Văn Thù Thi Lợi lại đến chỗ nhóm họp của chư Phật, thấy có một người nữ ngồi thiền định bên Đức Phật. Văn Thù Thi Lợi vào đảnh lễ Phật rồi thưa: “Vì sao người nữ này được nhập định gần Đức Phật, mà con không được?”

Đức Phật bảo: Thầy đến thức người nữ này ra khỏi Tam muội, rồi tự hỏi người đó. Văn Thù Thi Lợi liền gảy móng tay để thức mà cô không tỉnh, gọi lớn vẫn không tỉnh, cầm tay kéo cũng không dậy, lại dùng thần thông làm rung động cả đại thiên thế giới nhưng vẫn không tỉnh.

Văn Thù Thi Lợi thưa: Bạch đức Thế tôn! Con không thể đánh

thức người ấy được. Bấy giờ, Đức Phật phóng hào quang lớn xuống phương dưới, trong đó có Bồ tát Khí Chư Cái từ phương dưới đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài, đứng về một bên. Đức Phật bảo Bồ tát Khí Chư Cái: “Thầy hãy đánh thức người nữ này!” Bồ tát vừa gảy móng tay thì người nữ liền ra khỏi Tam muội.

Văn Thù Thi Lợi thưa: Vì lý do gì mà con làm rung động ba ngàn đại thiên thế giới cũng không thức tỉnh được người ấy, nhưng Bồ tát Khí Chư Cái chỉ gảy móng tay liền ra khỏi Tam muội?

Đức Phật bảo Văn Thù Thi Lợi: Thầy do người nữ này mới phát tâm Bồ đề. Người nữ này lại do Bồ tát Khí-chư-ái mới phát tâm Bồ đề. Vì thế, thầy không thể đánh thức được. Thầy đối với Tam muội công đức của chư Phật chưa đầy đủ, nhưng Bồ tát Khí Chư Cái trong Tam muội lại được tự tại, trong Tam muội Phật mới ít nhiều được thâm nhập mà được tự tại thôi.

Thuật viết: Nếu tóm lược thì có 1,2 văn kinh tán thán pháp tu tập thiền định, tự tìm bên ngoài sẽ hiểu rõ đầy đủ như pháp tọa thiền, nghi thức pháp quán của đại thừa, tiểu thừa đầy đủ hơn còn trong mười quyển quán môn. Học giả nên riêng tìm hiểu, không nói rõ nơi đây.

****

## THỨ SÁU: TRÍ TUỆ

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Có hai thứ trang nghiêm, trí tuệ là tối thắng, theo thứ lớp là phẩm thứ ba. Trí tức là không ngu si nên Kinh dạy: Năm độ không có trí tợ như mù tối. Thế nên, Bát nhã (trí tuệ) tối thắng vượt khỏi thế gian, phá trừ các hữu. Thích luận ghi: Phật là mẹ của chúng sanh, Bát nhã có thể sanh Phật, thế thì trí tuệ tức là tổ tiên của chúng sanh. Sách ngoài nói: Bậc hiền triết được tôn kính vẫn phải nói là ráng bắt chước cái đức: “ Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí” mới gọi là thể hiện đạo Khổng Ni. Nên chỉ có pháp trí tuệ không thể không tu nhân của xuất thế, không nên phí bỏ huân tập, có thể diệt được tối tăm lớn. Ví như, mặt trăng tròn chiếu sáng ba đường, mới từ bỏ các độc hại, tựa như mài giũa hết các gốc rễ xấu ác, đâu có thể chịu những thứ ấy mà chìm mãi trong mê mờ, nhận mọi sự ràng buộc lẫn nhau, tâm ngã càng kết chặt, thường nhiều tham ái, luôn lấm vô lượng minh, chưa hiểu rõ nhân duyên, không tu đối trị. Cho nên, dồn nén kiêu mạn như núi Tung hoa cao cheo leo, nước ái mênh mông

rộng như bể khơi, hoặc ngang ngược chấp Đoạn, Thường, so sánh thiên lệch tức xa lìa, thần vàng thần trắng, ta biết ta thấy, một bước những thường, năm bờ cháy mãi, học bò ăn cỏ, nhai nuốt phân nhơ như chó, hay luận đầy sự thật thấp hèn, sao biết được tông chỉ trung đạo, hay ngăn cấm giữ gìn bốn lỗi, đâu có thể ngộ được yếu chỉ đại thừa. Hoặc cho là vì vô minh mới sanh Giác, kỳ thật ngoài ra không biết, việc thế giản thường, vâng dạ cho ấy cho là quý, hoặc lại nói Phi tưởng, Hữu tưởng là chứng Niết bàn, tính toán cõi Tự tại có thể thành thế giới, ngu si mê mờ lầm tưởng xem ngón tay mà tìm trăng, giữ gốc cây mà đợi thỏ, cỏ thơm hôi chưa rõ, đâu phân biệt, đậu hay lúa, tuy biết vui cười mà chưa dứt, chạy theo sự nhận biết mà cho là cùng với con đười ươi không khác. Vì không biết lý không thường là vô minh. Phàm là tâm điên đảo đều là tà kiến. Trú trong năm phiền não chưa giảm một mảy may, một trăm lẻ tám kiết sử trói buộc chằng chịt vẫn còn trong đó. Cho nên, Bồ tát vì cầu tám chữ mà không tiếc thân mạng, sợ trong duyên gặp khổ mà thối lui, vì thế tự khắc phục tâm mình, giữ tâm chí cho bền chắc.

***Thứ 2: Duyên cầu pháp***

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Bồ tát là vì cầu pháp. Người có khả năng bố thí pháp, nói: "Nếu ngươi có thể chặt thân thành bảy phần ném vào đống lửa ta sẽ nói pháp cho ngươi", Bồ tát nghe vậy vui vẻ vô lượng, nghĩ: "Ta vì pháp còn không tiếc thân mạng, vào trong các đường ác của địa ngục A tỳ chịu khổ vô lượng, huống chi vào đống lửa nhỏ ở thế gian mà được nghe pháp."

Kinh Tập Nhất Thiết Công Đức Tam Muội dạy: Ở đời quá khứ lâu xa, đức Phật Thích Ca làm vị Tiên nhơn đắc năm thông gọi là Tối thắng. Lại theo luận Trí Độ dạy: Đức Phật Thích-ca-văn khi xưa còn làm Bồ tát gọi là Lạc pháp. Khi ấy, thế gian không có Phật, không nghe được pháp lành, cầu pháp bốn phương tinh tấn không giải đãi mà không thể được. Bấy giờ, có ma biến làm Bà-la-môn, nói: Ta có một bài kệ của Phật thuyết, ngươi có thể lấy da làm giấy, dùng xương làm viết, máu làm mực để viết kệ này, ta sẽ cho ông. Khi ấy, Bồ tát Pháp Lạc nghĩ: Ta nhiều đời tan thân vô số mà không được lợi này, liền vội vàng lột da, để khô muốn viết kệ vào đó, ma liền diệt thân. Khi ấy, Phật biết tâm chí thành Bồ tát, liền từ phương dưới hiện lên nói pháp sâu xa, Bồ tát liền được Pháp nhẫn vô sanh.

Kinh Niết Bàn dạy: Vì nhân duyên cầu pháp mà khoét thân làm đèn, buộc da thịt lại dùng dầu tô rưới lên đốt để làm tim đèn. Bấy giờ,

Bồ tát chịu khổ nóng bức, tự trách tâm mình nói, khổ trong địa ngục còn gấp trăm ngàn vạn lần khổ này, không thể sánh bằng. Ngươi ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp chịu khổ đau lớn đều không có lợi ích, nếu ngươi không chịu khổ nhẹ này thì làm sao ở trong địa ngục cứu khổ chúng sanh? Đại Bồ tát lúc ấy quán, thân không biết khổ nên tâm không thối, không động, chuyển. Khi đó, Bồ tát tự hiểu sâu xa định của ta sẽ đắc quả A-nậu-bồ-đề. Bấy giờ, Bồ tát các phiền não chưa đoạn được, vì nhân duyên cầu pháp có thể dùng đầu mắt tay chân tủy não máu thịt bố thí cho chúng sanh, dùng đinh đóng vào thân, lao vào hang núi sâu phát ra lửa. Bồ tát tuy chịu vô lượng khổ như vậy mà tâm vẫn không thối chuyển, không lay động. Bồ tát biết được định của ta nay tâm đã không thối chuyển, sẽ đắc A-nậu-bồ-đề.

Kinh Đại Tập dạy: Bồ tát vì nghĩa của một chữ, một câu có thể dùng vật quý giá của mười phương thế giới để dâng cho Pháp vương, chỉ do nhân duyên một bài kệ mà bỏ thân mạng. Tuy ở trong vô lượng hằng hà sa kiếp tu tập bố thí cũng không bằng một lần nghe về Bồ đề mà tâm hoan hỷ, thích nghe, thích nói chánh pháp, thường được chư Phật và chư thiên hộ niệm. Do năng lực nhớ nghĩ mà đối với tất cả kinh điển, sách luận ở thế gian, đều có thể thông suốt.

Kinh Đại Phương Tiện Báo Ân dạy: Bồ tát luôn siêng năng cầu thiện tri thức để nghe pháp Phật, cho đến nghĩa một câu một bài kệ thì phiền não trong ba cõi đều tiêu sạch. Bồ tát khi chí tâm cầu lời dạy của Phật, khao khát pháp sâu nặng không tiếc thân mạng. Giả sử giẫm trên đống sắt nóng, lửa hừng vẫn không cho là họa. Bồ tát vì một bài kệ còn không tiếc thân mạng huống nữa mười hai bộ kinh. Vì một bài kệ còn không tiếc thân mạng huống nữa tài vật khác. Vì lợi ích của nghe pháp mà thân được an lạc, sanh tín tâm, chánh tâm, chánh kiến, thấy người thuyết pháp như thấy cha mẹ, tâm không kiêu mạn, chỉ vì chúng sanh chí tâm nghe pháp không vì lợi dưỡng, chỉ vì chúng sanh không vì lợi mình. Vì chánh pháp nên không sợ những thứ giặc cướp, thú dữ, hổ lang, nóng lạnh, đói khát, nạn vua, trước để điều phục các căn phiền não của mình, sau mới nghe pháp.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Bồ tát dùng phương tiện cầu pháp như vậy, như có các vật trân báu vẫn không quý, tiếc, với các vật này không sanh tưởng khó, nếu được một câu pháp chưa từng nghe còn hơn được trân báu quý đầy trong cả ba ngàn thế giới. Nếu được nghe một bài kệ còn hơn được các địa vị vua Phạm thiên, Thích đề hoàn nhơn, Chuyển luân thánh vương. Bồ tát thường nghĩ, nói: Ta lãnh thọ một câu pháp,

giả sử bị lửa đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới từ cõi trời Phạm thiên đè xuống thân ta, huống là lửa nhỏ. Ta chịu hết mọi khổ trong các địa ngục vẫn mong cầu pháp, huống gì các khổ nhỏ ở nhân gian! Vì cầu pháp nên phát tâm như thế, như pháp được nghe tâm thường hỷ lạc, ắt đều được chánh quán.

Kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: Nếu không thành tựu sáu pháp thì không thể xa lìa cấu đắc Pháp nhãn tịnh. Những gì là sáu? Một là không thích nghe pháp. Hai là tuy nghe pháp mà không lắng lòng nghe. Ba là không muốn hiểu biết. Bốn là chưa được pháp, không tìm cách cần cầu. Năm là nếu được pháp không khéo giữ gìn. Sáu là không chịu thuận theo. Nếu trái lại sáu pháp này thì xa lìa trần cấu đắc pháp nhãn tịnh. Kinh Vị tằng hữu dạy: Xưa, ở nước Tỳ-ma, núi Đồ-đà có một con chồn bị sư tử đuổi, chạy rơi xuống một cái giếng, trải qua ba ngày, sắp chết tâm khai mở nói kệ:

*Tất cả đều vô thường*
*Hận không cho sư tử*
*Bởi lẽ thân buộc khổ*
*Tham mạng chết vô ích*
*Chết vô ích rồi hận*
*Lại dơ nước giếng người*
*Sám hối Phật mười phương*
*Nguyện xin tỏ tâm con*
*Thay đổi nghiệp ác trước*
*Đời hiện tại trả hết*
*Từ đây gặp thầy giỏi*
*Trọn tu hành thành Phật.*

Đế thích nghe kệ rồi, cùng tám vạn chư thiên đến bên giếng hỏi: Đã lâu, chưa nghe Thánh giáo nơi u tối này, nói pháp chẳng phải phàm, nguyện xin tuyên pháp lại.

Chồn trả lời: Đế thích vô lễ! Không biết thời nghi, Pháp sư ở dưới mà mình lại ở trên, trước không tu kính mà hỏi pháp căn bản. Khi ấy, Đế thích lấy y trời khoác vào cúi đầu sám hối, nhớ nghĩ: Xưa kia, ta từng nghe người đời nói trước phải trãi tòa cao sau mới thỉnh pháp sư. Chư thiên liền cởi hết y báu chất lại thành tòa cao. Chồn thăng tòa thuyết pháp: Có hai nhân duyên lớn. Một là thuyết pháp giáo hóa trời người được phước vô lượng. Hai là được báo của ân cho ăn, được báo ấy vô lượng.

Thiên đế thưa: Thoát khỏi ách nạn giếng, công đức đó rất lớn.

Những ân gì không sánh bằng?

Đáp: Sanh tử đều đúng vậy. Có người ham sống lại có người ưa chết, có người ngu si không biết sau khi chết, lại có sanh, nên trái xa với pháp Phật, không gặp Minh sư, tham sống sợ chết, chết đọa địa ngục. Người có trí tuệ phụng sự Tam bảo, gặp được thầy giỏi bỏ ác làm lành. Những người như vậy, gặp ác ưa chết để sanh lên cõi trời.

Thiên đế thưa: "Như Thế tôn dạy " Bảo toàn mạng sống vô ích, chí nguyện được cho sư tử ăn, cho pháp là thế nào".

Đáp: Bố thí thức ăn chỉ nuôi sống một ngày, bố thí vàng bạc cứu nguy một đời càng tăng thêm sanh tử. Người thuyết pháp giáo hóa có thể làm cho chúng sanh thoát ra đạo ra thế gian, được quả Tam thừa, khỏi ba đường ác, hưởng an lạc cõi trời người. Vì thế Phật dạy: Dùng pháp bố thí thì được công đức vô lượng.

Thiên đế thưa: Hôm nay, thân Pháp sư là nghiệp báo hay là ứng hóa?

Đáp: Là tội chẳng phải ứng.

Thiên đế thưa: Con cho là bậc Thánh mới biết được tội báo, không biết rõ tội ấy, nguyện xin được biết lý do.

Đáp: Ngày xưa, Ta làm con nhà nghèo trong thành Ba đầu ma, nước Ba-la-nại, dòng Sát lợi, lúc còn nhỏ rất thông minh đặc biệt thích học tập, đến năm mười hai tuổi theo Pháp sư vào núi, không bỏ một tí thời giờ, trải qua năm mươi năm, thông suốt chín mươi loại kinh sách đều nhờ ân Hòa thượng, công đức đó khó đáp đền. Do trước đã học, nhờ trí tuệ mới biết đời trước của mình làm vua, ăn chơi xa xỉ đắm say khoái lạc, phước hết qua đời, sanh vào địa ngục, súc sanh. Khi ấy, Đế thích cùng tám vạn chư thiên thọ mười pháp thiện, trở lại cung trời, Hòa thượng khi nào bỏ được tội báo này mà sanh lên cõi trời?

Chồn đáp: Chỉ sau bảy ngày xả báo thân này sẽ sanh vào cõi trời Đâu suất, các người có liền được sanh vào cõi trời đó có nhiều Bồ tát thuyết pháp giáo hóa bảy ngày qua đời, sẽ sanh vào cung trời Đâu suất, lại biết được mạng sống trước của mình thực hành mười điều thiện. Kinh Hiền ngu dạy: Đức Phật ở trong hồ rừng nước Ba la nại thuyết pháp vi diệu cho chư thiên và bốn chúng. Khi ấy, trong hư không có bầy nhạn năm trăm con nghe âm thanh của Phật rất thích thú, liệng quanh rồi muốn hạ xuống, gặp thợ săn giăng lưới, chim nhạn bị mắc trong đó, bị thợ săn giết liền sanh vào cõi trời Đao lợi, ở trên đầu gối của cha mẹ đến tám năm thân tướng tráng kiện không ai bằng, ánh sáng như núi vàng, tự nghĩ nói: Do gì mà ta sống ở đây? Liền biết được phước báo

thích nghe pháp đời trước, bèn cầm hoa xuống chỗ Thế tôn cõi Diêm phù, đảnh lễ, thưa: Con nhờ nghe pháp mà được sanh cõi trời tuyệt đẹp, nguyện xin Ngài giảng thuyết lại cho con. Đức Phật giảng pháp Tứ đế đắc quả Tu-đà-hoàn, liền trở về trời, nói kệ:

*Dòng nước thuyền bơi*
*Đến bờ bên kia*
*Muốn thoát sanh tử*
*Trước có phước tuệ*
*Soi suốt Tam luân*
*Lắng trong Lục tế*
*Dây cương điều ngựa*
*Làm vàng mài đá*
*Dấu chân trong nước*
*Cùng đánh trói cỏ*
*Năm nhẫn làm thềm*
*Bốn cần không bỏ*
*Sóng tâm sâu thẳm*
*Bụi trần quyện mù*
*Diệt sạch các nghiệp*
*Đến nơi đạo tràng.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 10)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 11

## PHẦN THỨ 19: NGHIỆP NHÂN

- Duyên thuật ý.
- Duyên phát nghiệp.
- Duyên tội hành.
- Duyên phước hành.
- Duyên tạp nghiệp.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Thương thay! Những kẻ mê mờ chướng nặng, bỏ ba xe (Tam thừa) mà chẳng chịu đi, nổi chìm trong biển khổ, chịu cháy bỏng mà không biết mệt, như ruồi nhặng thích thây chết tanh hôi, như thiêu thân lao đầu vào lửa. Bởi mê nhân lầm quả, không biết thiện ác, nên thích gây nhân khổ, tùy duyên mà khởi nghiệp, chịu đủ mọi khổ nạn lầm than, đến nay bị thiêu chín mà chẳng biết thôi dừng đức. Như Lai tâm bi rộng lớn, không nỡ bỏ mãi chúng sanh, chỉ bảo cho pháp khổ vui, lìa khổ.

***Thứ 2: Duyên phát sanh nghiệp***

Hỏi: “Thế nào là nghĩa của nghiệp đạo?”

Đáp: Bảy nghiệp nơi thân khẩu tức là tự thể và tướng gọi là nghiệp đạo còn ba nghiệp của ý tương ưng với tâm. Lại nghiệp đó có thể làm nên nghiệp đạo gọi là nghiệp đạo.

Hỏi: Nếu nghiệp gọi là đạo thì đều có thể đồng đến địa ngục. Sao ba nghiệp còn lại (ý) chẳng phải là nghiệp đạo?

Đáp: Như bảy nghiệp đó lấy ba nghiệp ý làm căn bản, do tương ưng nên không thể như bảy nghiệp trước được, nên không gọi là nghiệp đạo. Như trong luận Đối pháp dạy. Lại nữa, có bốn loại nghiệp khác nhau. Nghĩa là nghiệp Hắc hắc dị thục, nghiệp Bạch bạch dị thục, nghiệp Hắc bạch hắc bạch dị thục, nghiệp phi Hắc bạch vô dị thục có

thể diệt trừ các nghiệp. Nghiệp Hắc hắc dị thục là nghiệp bất thiện do nhiễm ô, không được quả ưa thích. Nghiệp Bạch bạch dị thục là nghiệp thiện trong ba cõi, không có nhiễm ô, được quả ưa thích. Nghiệp Hắc bạch hắc bạch dị thục là các tạp nghiệp trong cõi dục, những nghiệp thiện, bất thiện lẫn lộn. Nghiệp phi Hắc bạch vô dị thục, có thể diệt trừ các nghiệp là phương tiện trong đạo không bị gián đoạn. Các nghiệp vô lậu dùng phương tiện đạo không gián đoạn đạo để đối trị các nghiệp đó. Phi hắc là xa lìa phiền não cấu uế. Bạch là hoàn toàn thanh tịnh. Vô dị thục là xa lìa sanh tử. Có thể diệt trừ nghiệp là do nghiệp vô lậu mà vĩnh viễn trừ hết các nghiệp ác, hữu lậu trong ba cõi và tập khí dị thục.

Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu có thiện nam nào không hiểu nghiệp duyên như vậy thì bị lưu chuyển sanh tử trong vô lượng kiếp, tuy sanh vào Phi tưởng, Phi phi tưởng xứ thọ tám vạn kiếp, phước hết lại đọa vào ba đường ác, nên Đức Phật dạy: Này thiện nam tử! Tất cả họa đồ mô phỏng không hơn hẳn ý, ý họa vẽ phiền não, phiền não họa nghiệp, nghiệp thì họa thân.

Trong phẩm Nghiệp của A-tỳ-đàm-tạp-tâm, kệ:

*Nghiệp thường trang bị đời*
*Hướng đến khắp mọi nơi*
*Là đều do Tư nghiệp*
*Cầu giải thoát khỏi đời*
*Các nghiệp thân, miệng, ý*
*Đều có trong các hữu*
*Nghiệp đó là các hành*
*Trang bị đủ các thân*
*Thân nghiệp nên biết hai*
*Là làm và không làm*
*Nghiệp miệng cũng như vậy*
*Nghiệp ý là Tư nghiệp.*

Trong luận Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn Kinh dạy: Mười nghiệp đạo bất thiện là tất cả pháp ác đều do tham sân si mà khởi. Do nương vào ba độc mà sát sanh. Nếu nương vào tâm tham khởi: Như vì da thịt, tiền tài mà đaọt sanh mạng. Gọi là do tâm tham khởi. Nếu nương vào tâm sân khởi hoặc do tâm sân mà giết hại oan gia. Gọi là do tâm sân khởi. Nếu nương vào tâm si khởi: Như có người nói: Giết các loại rắn, bò cạp. Vì nó làm não hại chúng sanh nên giết cũng không có tội. Hoặc nói: Như Ba La Tư các việc như giết chết cha mẹ già, người bịnh nặng thì không có tội báo. Gọi là do tâm si khởi. Như nương vào ba độc mà sanh trộm

cướp. Nếu nương vào tâm tham khởi, hoặc vì mình hay thân người, vì ăn uống. Gọi là do tâm tham khởi. Nếu nương vào tâm sân khởi thì ở bên người sân và những vật ưa thích mà ăn trộm vật ấy. Gọi là do tâm sân khởi. Nếu nương vào tâm si khởi: Như có Bà-la-môn nói: Tất cả các vật có ở đại địa đều là của ta. Vì sao? Vì quốc vương kia trước đã bố thí cho ta, do ta không có năng lực nên bị các dòng họ khác cướp mất mà xử dụng. Vì thế, ta lấy vật của mình, nên không gọi là ăn trộm. Gọi là do tâm si khởi.

Do nương vào ba độc khởi tà dâm. Nếu nương vào tâm tham khởi, đối với chúng sanh khởi tâm tham nhiễm, không tu hành như thật... Gọi là do tâm tham khởi. Nếu nương vào tâm sân khởi, dựa vào sự giúp đỡ tài vật sinh sống của người khác, vì dựa vào đó tâm sân khởi, dâm với thê thiếp của oam gia hoặc với người được oan gia yêu mến. Gọi là do tâm sân khởi. Nếu nương vào tâm si khởi, như có người nói: Ví như cái cối giã mịn các thứ như hoa quả, thức ăn, sông nước và các con đường thì người nữ hành dâm mới không có tội, hoặc như các tội Ba La Tư hành tà dâm với mẹ. Gọi là do tâm si mà khởi.

Do nương vào ba độc mà nói dối, như lời nói hai lưỡi, nói ác, nói thêu dệt. Nếu nương vào tâm tham khởi, thì dựa vào tham trói buộc sanh, tuần tự hai tâm hiện tại. Như vậy gọi là do tâm tham khởi. Nếu nương vào tâm sân trói buộc sanh thì gọi là do tâm sân sanh. Nếu nương vào tâm si trói buộc sanh thì gọi là do tâm si sanh, như tham, sân và tà kiến cũng nên biết như vậy.

Hỏi: Ở trong nghiệp đạo, những gì là tiền quyến thuộc? Những gì là hậu quyến thuộc?

Đáp: Nếu tìm mọi cách để giết hại dê. Hoặc dùng tài vật mua rồi đem tới lò mỗ. Mới chặt một nhát đầu, hoặc hai hoặc ba nhát dao mà dê chưa chết thì đã có nghiệp ác, gọi là tiền quyến thuộc. Tùy theo nhát dao lúc đó như thế nào mà khi đoạn dứt mạng sống, suy nghĩ lúc ấy đã có tác nghiệp và vô tác nghiệp. Đây gọi là nghiệp đạo căn bản. Sau đó, thân hành động tác nghiệp. Gọi là hậu quyến thuộc sát sanh. Cho đến nói thêu dệt cũng như vậy. Nên biết ngoài những nghiệp tham, sân, si, tà kiến thì không có tiền quyến thuộc, vì tâm sanh khởi ban đầu đã thành tựu nghiệp đạo căn bản.

Lại thân, miệng, ý có mười nghiệp đạo bất thiện, tất cả đều có tiền, hậu quyến thuộc. Nghĩa này thế nào? Như người sanh tâm muốn giết mạng chúng sanh này, nhân đó muốn đoạn mạng chúng sanh khác nữa. Như muốn giết hại chúng sanh để cúng tế trời, tức cướp vật của

người khác, muốn giết người đó lại muốn hành dâm với vợ của họ. Nếu sanh tâm như vậy, liền bảo vợ người đó giết chồng. Lại dùng đủ lời nói tranh chấp, rối loạn phá hoại tình thân thuộc của người kia, hoặc không đúng thời, trái với sự thật, đối với vật của người đó sanh tâm tham, đối với người ấy phát khởi tâm sân. Vì giết hại người đó mà sanh tà kiến như vậy, tăng trưởng tà kiến giết hại mạng người đó, lại muốn giết hại cả vợ, con trai gái của người đó, cứ tuần tự như vậy đầy đủ mười nghiệp đạo bất thiện. Những nghiệp này gọi là tiền quyến thuộc. Tất cả mười nghiệp đạo bất thiện cũng nên biết như vậy.

Xa lìa đường thiện chẳng phải phương tiện, tu tập nghiệp đạo thiện là phương tiện. Vì xa lìa căn bản, xa lìa phương tiện, nên nói phương tiện là như Sa-di đó muốn thọ đại giới, phải đến giới trường lễ lạy chúng Tăng, thỉnh Hòa thượng, thọ trì ba y, mới thưa lần thứ nhất, thưa lần thứ hai như vậy. Gọi là tiền quyến thuộc. Thưa lần thứ ba cho đến yết ma xong. Những việc làm là Tác nghiệp và các suy nghĩ lúc đó là Vô tác nghiệp. Những việc đó đều gọi là nghiệp đạo căn bản. Tiếp theo trao truyền tứ y, cho đến làm tất cả việc lành, Tác nghiệp và Vô tác nghiệp của thân, miệng, như vậy đều gọi là hậu quyến thuộc.

Nói rằng: Trên đã dẫn chứng kinh luận để làm rõ nhiều loại nghiệp nhân, đến đây vẫn chưa xử đoán rõ tội nhẹ hay nặng, nên trong kinh Biệt dẫn Ưu-bà-tắc giới nói rõ nghiệp không đồng, liệt kê có bốn loại. Một là vật đối với ý có bốn. Hai là nặng nhẹ không giống nhau có tám. Ba là thượng, trung, hạ không giống nhau có tám. Bốn là theo luận Tác bà đa có tâm không tâm không giống nhau có tám. Hiện nay xét về tội đều bao gồm tất cả. Thứ nhất kinh dạy: Có vật nặng ý nhẹ. Có vật nhẹ ý nặng. Có vật nặng ý nặng. Có vật nhẹ ý nhẹ. Thứ nhất có vật nặng ý nhẹ là như tâm không có ý ác giết cha mẹ vậy. Thứ hai là có vật nhẹ ý nặng như dùng tâm ác giết súc vật. Thứ ba có vật nặng ý nặng như với tâm tàn ác để giết cha mẹ sanh mình. Thứ tư là có vật nhẹ ý nhẹ với tâm nhẹ giết hại súc sanh.

Thứ hai nghiệp ác như vậy lại có tám loại nặng nhẹ khác nhau. Những gì là tám? Một là có nhiều phương tiện thành tựu căn bản nhẹ. Hai là căn bản nặng mà phương tiện thành tựu ít. Ba là thành tựu phương tiện nhiều mà căn bản lại nhẹ. Bốn là có phương tiện căn bản nặng mà thành tựu nhẹ. Năm có phương tiện thành tựu rồi nặng mà căn bản lại nhe. Sáu là có căn bản thành rồi nặng mà phương tiện lại nhẹ. Bảy là có phương tiện căn bản thành tựu rồi đều nặng. Tám là có phương tiện căn bản thành tựu rồi đều nhẹ. Vật là một thứ do năng lực của tâm mà bị

quả nặng nhẹ, như mười nghiệp lành cũng có ba điều đó. Một là phương tiện, hai căn bản, ba thành tựu. Lại có người thường siêng năng lễ bái cúng dường những người có đức như cha mẹ, Sư trưởng, Hòa thượng trước nên thưa hỏi, nói lời hòa nhã. Đây gọi là phương tiện. Nếu làm xong rồi mà tâm luôn tu tập nhớ nghĩ, vui vẻ không hối tiếc. Đây gọi là thành tựu. Khi làm chuyên tâm chấp giữ. Đây gọi là căn bản. Mười điều thiện như thế thì mười điều ác cũng như vậy.

Thứ ba là mười nghiệp đạo. Lại có ba điều, là thượng, trung và hạ. Phương tiện là thượng. Căn bản là trung. Thành tựu là hạ. Hoặc phương tiện là trung. Căn bản là thượng. Thành tựu là hạ. Hoặc phương tiện là hạ. Căn bản là thượng. Thành tựu là trung.

Thứ tư, dựa vào luận Tác Bà Đa phương tiện, căn bản, thành tựu. Khi làm hữu tâm, vô tâm tự mình rơi vào ba cõi sáu đường, sanh nghiệp nhiều ít có khác. Thứ nhất nói rõ sự phát khởi bất thiện ở địa ngục. Theo luận Tỳ đàm có năm nghiệp đạo. Một là nói ác. Hai là nói thêu dệt. Ba là tham. Bốn là sân. Năm là tà kiến. Đối với nói ác, thêu dệt và sân thì phải chịu khổ, ba loại này đều hiện hành. Lời nói xấu ác bị ở ngục tốt, nên nó hiện hành. Tức là lời ác này không thích hợp, trái với pháp, chẳng đúng chánh pháp, tức là rơi vào lời nói thêu dệt. Bấy giờ, phẫn nộ tức là sân giận. Ba việc này là không thiện, thì địa ngục hiện hành. Nếu nói về nghiệp tham và tà kiến thì chỉ thành tựu trong tâm mà không hiện hành. Do người phàm phu nói những lời thô ác chưa đoạn được phiền não, nên tham tà kiến thành tựu trong tâm, việc đó nam nữ đều chịu khổ, nếu nam nữ không cùng làm việc sai lầm thì tâm tham này không hiện hành. Do thường thọ khổ nên tâm thức luôn mê ám, không thể tìm cầu nhân quả có không, nên cũng không có tà kiến hiện hành. Nếu tự mình còn giết hại, trộm cắp, nói dối, nói hai lưỡi thì những việc đó không làm thì không có điều đó.

Hỏi: Nếu địa ngục không có nghiệp đạo tham và tà kiến hiện hành thì sao lại nói chúng đã thành tựu? Hai pháp này nếu tâm pháp phiền não chưa đoạn xong, đời vị lai, tuy không hiện hành nhưng tánh luôn thành tựu, không giống với bảy chi sắc nghiệp của thân, miệng, là pháp thô phát khởi mới thành tựu, không tạo tác thì không nói là thành nên luận Tạp tâm dạy: Trong địa ngục không có tướng giết hại thì không có nghiệp đạo sát sanh, không nhận tài sản nên không có nghiệp đạo trộm cắp, không thu nhận người nữ nên không có nghiệp đạo tà dâm, có tưởng sai khác nên gọi là nói dối, do không có tưởng khác đó nên không nói dối, thường thích xa lìa nên không nói hai lưỡi. Vì bị khổ bức

bách nên có lời nói ác, nói không đúng lúc nên cố nói thêu dệt, tham và tà kiến thành tựu mà không hành tác. Thứ hai, thứ ba nói rõ về đường ngạ quỷ, súc sanh có đầy đủ mười ác mà không có bảy chi ác luật nghi của thân, miệng.

Hỏi: Nay trong loài súc sanh không biết nói dù có âm thanh thì có thành tựu nghiệp miệng không?

Đáp: Khi sân của chúng sanh khởi có phát ra tiếng khác tuy chẳng nói được mà cũng thành tựu nghiệp miệng.

Luận Thành thật dạy: Âm thanh của súc sanh là nghiệp miệng phải không?

Đáp: Tuy không nói ra nhưng tiếng của chúng khác thường do từ tâm khởi nên cũng gọi là nghiệp. Nói đầy đủ cũng có mười. Nếu có nhiều là loài rồng chúa, biết rõ ý chí của người nên đầy đủ mười nghiệp đạo. Trừ loài súc sanh mê ám chỉ có sáu thứ, ba thuộc thân và ba thuộc ý, còn bốn thứ kia không có, vì miệng không hiểu được lời nói. Nếu căn cứ vào kiếp ban đầu của súc sanh mà hiểu được tiếng người thì mới đủ mười nghiệp ác.

Thứ tư là trong loài người mà tạo tội. Loài người khắp thiên hạ ở trong ba châu Nam-diêm, Đông-phất, Tây-ngưu tạo nhiều nghiệp ác nên đủ mười nghiệp ác. Nhưng Đông, Tây thì nhẹ mà phương Nam rất nặng vì có tạo ác luật nghi. Nếu nói về tội của Bắc-câu-lô-châu thì ở phương đó chỉ có bốn nghiệp bất thiện. Một là nói thêu dệt, hai tham, ba sân, bốn tà kiến. Do có ca hát ngâm vịnh nên có nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến có thành tựu mà không tạo tác.

Hỏi: Ở phương Bắc có hành dục sao nói không có nghiệp đạo tà dâm?

Đáp: Ở phương đó không có vợ chồng cùng giao hợp, tuy có sự dâm nhưng không xâm đoạt lẫn nhau, nên không có tà dâm.

Hỏi: Đã có hành dâm tức tham dục hiện hành, sao nói chỉ thành tựu mà không làm?

Đáp: Họ chỉ khởi tham dâm chẳng phải tục thường đè nén, tuy nhiều lần hiện hành mà bậc Thánh vẫn cho không có tội. Chỉ do tâm tham dâm sở khởi (không chủ đông), chẳng phải là nghiệp tội mà không chịu khổ báo, huống gì tâm tham nặng khởi (chủ đông), như vợ chồng ở đời tham ái chẳng chế ngự.

Hỏi: Người phương Bắc có những thứ ca hát ngâm vịnh là pháp không đúng, tức là nói dối, sao không nói có nghiệp nói dối?

Đáp: Những người này thuần phát, chính trực không làm gian dối,

tâm không dối người, nên không nói dối. Họ sống lâu ngàn năm nên không giết sinh mạng. Phương đó, cơm áo, lúa gạo, cây trái, y báu tự nhiên có nên không có người canh giữ, không có ăn trộm. Người ở đó hòa nhã không có những nghiệp nói hai lưỡi, nói ác. Luận Tạp tâm dạy: Bắc-câu-lô-châu có bốn nghiệp đạo bất thiện, thọ mạng lâu dài, không có sát sanh, không ưa thích tài vật nên không ăn trộm, không thích nhiều người nữ nên không có tà dâm, không lừa dối người nên không nói dối, thường hòa thuận nên không nói hai lưỡi, do nhu hòa nên không nói lời thô ác. Có ca hát, có nói thêu dệt, nhưng luận về ý nghiệp đạo thì tuy thành tựu mà không hiện hành.

Thứ năm là ở trong cõi trời mà tạo tội. Sáu tầng trời ở cõi Dục này có giết hại, trộm cướp. Tuy đối với mười nghiệp bất thiện đều có nhưng không có bảy loại ác luật nghi của thân, miệng. Luận Tạp tâm dạy: Sáu tầng trời cõi Dục có mười nghiệp đạo, xa lìa bất luật nghi, tuy không hại trời mà lại hại các loài khác, như hại A-tu-la, cũng có chặt tay chân nhưng lại sanh trở lại, nếu chém đầu thì chết lần lượt cướp đoạt lẫn nhau, cho đến đều có tất cả mười nghiệp đạo, cũng có phước mỏng của trời nhưng thiếu ít tư duyên, cướp giật lẫn nhau, nên có nghiệp ttrộm cắp. Hoặc có những tầng trời thọ ít dâm dục của các trời đẹp khác, nên có tà dâm, còn bảy nghiệp khác xem trong văn thì biết rõ.

Dựa vào mười thiện phân biệt, như luận A tỳ đàm dạy: Trong các loài ở địa ngục đó chỉ có ba thiện nghiệp ý, nhưng chỉ thành tựu mà không hiện hành, phương Bắc cũng vậy, ngoài ra tất cả đều đủ mười nghiệp thiện, trong văn có thể biết rõ.

Luận về cõi trời Sắc và Vô sắc. Theo luận A tỳ đàm thì không có nghiệp bất thiện; Theo lý mà nói cũng có ba nghiệp bất thiện rất vi tế, nghĩa là ý đó có những tà mạn. Thân, miệng có lỗi lầm như trong cõi thiền thứ nhất. Vua Bà-già-phạm bảo với các Phạn chúng: Các ngươi an trú ở đây ta sẽ cho các ngươi hết già, chết các ngươi không cần đến chỗ Cù Đàm.

Tỳ-kheo Hắc-sỉ đến đó hỏi: Thiền thứ nhất do Tam muội gì sanh? Từ Tam muội gì diệt?

Phạn vương nói: Ta đứng đầu trong chúng Phạm.

Tỳ-kheo nói: Tôi không hỏi lớn nhỏ của Phạn vương mà chỉ hỏi "Trong sơ thiền do Tam muội gì sanh? Từ Tam muội gì mà diệt?"

Vị đó không trả lời được liền kéo Tôn giả ra khỏi chúng, bảo: Ta không thể biết sơ thiền do Tam muội gì sanh? Từ Tam muội gì mà diệt? Sao ngươi chịu ở trong chúng này mà hủy nhục ta? Đây là dua nịnh, dối

trá, phiền não bất thiện, ta sẽ thưa Phật khiến cho ngươi không được giải thoát. Khi ấy, Phạm thiên hủy báng Phật, nói thêu dệt, nói ác. Cõi trên chỉ có ở đây nói dua nịnh, dối trá, phát khởi nghiệp bất thiện nhỏ của thân khẩu nhưng không nói thô tháo làm thương tổn người khác. Vì sanh trên này đã từng tu tập định, diệt hết các phiền não tham, sân thô ở cõi dục, nên được quả báo này. Lại siêng tu định, dù có phiền não mà chỉ có tâm si, vì mê mờ đạo nên sanh ái mạn, thích tu pháp thiện mong được hơn người. Những phiền não này làm hủy hoại định, không tổn hại vật, không chống trái nhau để hại. Theo luận Tỳ đàm: Phiền não cõi trên không phải bất thiện, cho là vô ký. Những tham nhỏ này có thể làm nhiễm ô tâm tịnh. Tuy là vô ký nhưng thể nhiễm ô, nên quả sanh ra không đồng báo sanh sắc, tâm, khổ, vui và các oai nghi. Vì thanh tịnh vô ký, nên Luận nói: Nhiễm ô vô ký. Do ô nhiễm này nên nghiệp chín muồi thọ sanh. Nếu những phiền não này không thấm nhuần nghiệp thì hạt giống của nghiệp hoàn toàn bị thiêu cháy không còn tiếp diễn. Chúng sanh ở cõi trên không còn sanh lại. Do nghiệp chín muồi nên còn tái sanh.

Hỏi: Phiền não cõi trên đã thấm nhuần thì nghiệp chín muồi sanh quả báo, sao lại vô ký?

Đáp: Các phiền não cõi trên tuy do nghiệp chín muồi nhưng chỉ được tổng báo thọ sanh mà thôi, không do cảm này mà chính là cảm quả vui, cũng không chuốc lấy quả khổ, nên Vô ký không đồng những phiền não bất thiện ở cõi dưới mà cảm ứng được quả báo và các tổng báo khổ khác.

Theo luận Thành thật: Trong hai cõi trên đã sanh khởi tà kiến đều gọi là bất thiện. Luận lại nói: Người ở cõi Sắc và Vô sắc cho là Niết bàn, lúc qua đời thấy sắc tham thân trung ấm, nên sanh tà kiến cho là không có Niết bàn, hủy báng pháp Vô thượng. Nên biết trong đó có nghiệp bất thiện. Luận lại nói: Tà kiến cõi trên đó là nhân duyên của khổ, theo nghĩa lý cõi trên thì căn cứ quả vị mà suy xét. Tâm chúng sanh rất vi tế nên phát khởi cảm ứng cũng nhỏ, phần nhiều không thành nghiệp nên Vô ký. Nếu căn cứ theo Thông luận, bên trong không ngăn ngừa có sanh tà thô thì thành ra nghiệp bất thiện. Như thế, Luận Tỳ đàm nói nghĩa trước để xem xét, luận Thành thật đưa ra nghĩa thông suốt phần thông sau. Căn cứ theo lý sâu xa thì các phiền não rất vi tế đều do trái với lý mà sanh khởi. Tất cả đều bất thiện. Theo luận Thành thật nghiệp ác bất thiện trong ba cõi cùng nhau phát khởi, chỉ có tăng giảm nhiều ít là khác mà thôi.

Cho rằng: Nói đến phàm phu thì giảng rõ các tội chướng do nghiệp thân, miệng sanh khởi. Nếu bàn luận về Thánh nhân, như các quả Tu-đà-hoàn khi ra khỏi chánh định thì mất chánh niệm hình như có ý sanh khởi nghiệp bất thiện rất nhỏ, sanh các nguyện ác, đủ dục trói buộc. Tham, sân tuy mạnh nhưng có một tí giống như còn ở phàm phu, chỉ cần gặp thì sanh khởi. Tham, dục, sân, mạn không còn suy xét, khởi lên tâm tà kiến cũng không khởi tâm giết hại trộm cắp. Theo luận Tỳ đàm có quyến thuộc thì nắm lấy thêm các nghiệp bất thiện nhỏ. Theo luận Thành thật có ý bất thiện, giả sử thân, miệng có lay động nhưng không thành nghiệp báo như giọt nước đồng nóng tuy ướt mà khô.

***Thứ 3: Duyên tạo tội***

Cho là: Nói rõ về bậc Thánh là làm phước theo sau. Nói đến người tạo tội thì chẳng những chỉ thế mà còn thấy sai lầm, đắm nhiễm cảnh trần, chấp vào định Ngã Nhân, giữ chặt đúng sai khiến cho ta và người đều thành nghiệp ác. Thế nên, kinh dạy: Tham dục không sanh diệt, không thể khiến tâm phiền não. Nếu người có Ngã Tâm và có sự thấy biết, thì người này bị tham dục sẽ rơi vào địa ngục. Thế nên, ngoài tâm tuy không có cảnh phân biệt mà chúng sanh đó mê tình gượng thấy khởi nhiễm ô, như thấy cảnh trong mộng mà khởi tham, sân, cho mộng đó là thật không hư dối. Lý thì thật nhưng cảnh không, chỉ có chúng sanh thấy mê lầm. Luận Trí Độ dạy: Như trong mộng không có việc thiện mà cho là thiện, không có việc sân mà cho là sân, không có sự lo sợ mà cho là có sợ. Chúng sanh ba cõi cũng như vậy, vô minh mê mờ không đáng sân mà lại sân. Nên biết ngoài tâm tuy không có cảnh phân biệt mà chúng sanh thấy mê lầm mà khởi nhiễm ô, ngoài tâm tuy không có tướng địa ngục nhưng khi các nghiệp ác thành thì thấy sai lầm chịu khổ. Kinh Chánh pháp niệm dạy: Người ở Diêm ma la chẳng phải chúng sanh nhưng người có tội thấy cho là chúng sanh, trong tay cầm nắm kềm sắt cháy rực, người trong địa ngục đó khi nghiệp ác hết sau khi qua đời lại không thấy ngục Tốt diêm la nữa. Vì sao? Vì những người đó chẳng phải là chúng sanh có tội. Như tim và dầu hết thì không có đèn. Nghiệp hết cũng như vậy, không thấy lại trong ngục tốt Diêm la, như ánh sáng mặt trời ở cõi Diêm phù đề xuất hiện thì bóng tối tan biến, nghiệp ác hết thì ngục tốt Diêm la cũng như vậy. Mắt ác, miệng ác như tướng sắc mà chúng sanh lo sợ, tất cả đều mòn sạch, như phá bức tường có hình họa thì bức họa đó cũng mất. Nghiệp ác họa trên tường cũng như vậy, tức không thấy sắc tướng ngục tốt ở Diêm la đáng sợ, ở đây theo văn

để chứng minh. Nghiệp ác của chúng sanh phải chịu khổ, tự nhiên trong không mà lầm tưởng có địa ngục.

Hỏi: Người thấy địa ngục thì đã thấy ngục Tốt và Hổ lang, khiến cho thấy sai lầm, ở chốn địa ngục đó có Diêm la phán xử các người tội, tức là có các cảnh này. Sao lại nói không?

Đáp: Thấy chủ ngục đó cũng là thấy sai lầm, chính do người tội nghiệp ác, huân tập tâm khiến cho tâm thay đổi khác trong không mà vọng thấy, thật ra trong đó không có địa ngục, Diêm la. Luận Duy thức dạy: Như trong địa ngục không có chủ địa ngục mà địa ngục của chúng sanh, theo hành nghiệp tự nhiên thấy có chủ địa ngục và các khổ nên sanh tâm thấy đây là chốn địa ngục, đây là là đêm, đây là là ngày. Ta do nghiệp ác nên thấy chó, thấy chim, hoặc thấy núi đè, qua văn này có thể chứng minh. Do tâm huân tập thiện ác nên sự thấy có khác, thật không có địa ngục. Vì vậy, ngoài tâm không có địa ngục. Khi nghiệp ác hình thành thì kéo theo tự thấy sai lầm.

Hỏi: Quả báo của nghiệp khổ này chẳng phải là điều thiện, sao không nói ngay hết điều thiện khiến học tập, sao lại phải nói về nghiệp khổ?

Đáp: Nhân quả thiện, ác, các pháp cần phải đối đãi nhau. Nếu không nói về các tham... là tội lỗi thì do đâu mà hiển thị bố thí...là thiện. Nếu không nói ba đường là khổ thì không do đâu rõ được niềm vui của trời người. Thế nên cần phải nói phàm phu tạo tội, khiến cho người biết được mà nhàm chán xa lìa quay về đường thiện. Nếu người căn tánh mê muội khi nghe nghiệp khổ thì sanh chàm chán xa lìa, cầu đến chỗ an vui, do đây mà chuyển tâm tu các nghiệp phước. Nếu người căn tánh lanh lợi, khi nghe khổ này thì sanh chàm chán xa lìa, cầu được giải thoát. Do đây, mà có thể chuyển tâm tu hành thiền quán, khiến ở trong mê hoặc được nhân vượt thoát thế gian. Vì thế, Kinh dạy: Tất cả phiền não đều là chủng tử Phật, nên biết nghiệp khổ là căn bản để nhàm chán xa lìa, là duyên khởi thiện, thế nên cần phải giảng thuyết. Nếu không giảng về tạo tội của nghiệp ác này thì chúng sanh không biết nên làm hay từ bỏ. Tuy nói lên cái thấy để cân nhắc các tội lỗi xấu ác, nhưng thật ngoài tâm không có nghiệp khổ khác, chỉ biết không có cảnh tâm thể thường vắng lặng. Thế nên, kinh dạy: Tuy nói tội lỗi tham dục mà không thấy pháp có tham. Tuy nói tội lỗi sân giận mà không thấy pháp có sân giận. Tuy nói tội lỗi si mê mà biết pháp không có si mê, không chướng ngại. Tuy dạy cho chúng sanh về khổ của lo sợ trong ba đường mà không thấy được cái tướng súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Do văn này

chứng minh có thể biết nhân quả tạo tội chỉ do tâm chứ không ngoài nó. phàm phu mê ám không hiểu nên mới dùng phương tiện, phải nói nghiệp khổ mới hướng đến hai cửa, chứ thật ra giảng thuyết về thể của tội không phân biệt có thểphá trừ, do người mê chưa hiểu nên nhất định phải giảng về tội. Đây là phân biệt rõ cho người ngu mê mờ để hiểu chơn vọng, nên nhất định phải giảng thuyết ý tạo tội.

***Thứ 4: Duyên thực hành phước đức***

Cho rằng: Ở đây nói rõ người làm phước là nghịch với người tạo tội trước mà làm phước. Trước nói rõ về phàm phu tu tập thiện ở cõi dục, để người loạn tâm tu tập phước thiện mà sanh cõi dưới gọi là nghiệp cõi Dục, tất cả đều sanh khởi trong năm đường. Trước thuật lại cảnh địa ngục, theo luận Tỳ đàm người ở địa ngục cũng có ba nghiệp thiện, tức là ba thiện căn của ý, ở đây chỉ thành tựu mà không hiện hành. Vì chỗ nạn này phần nhiều không nghe pháp, suy nghĩ hướng đạo nên không hiện hành, nếu luận về sanh được căn lành thì địa ngục cũng có. Như vua của nước Tiên cử giết năm trăm Bà-la-môn bị sanh vào trong địa ngục, nhưng phát lòng tin nên được sanh vào nước Cam lồ, nên biết có hiện hành. Nếu theo luận Thành Thật, cũng nói địa ngục có thiện hiện hành, dù không có nổ lực phương tiện khởi tu tập thiện chứng đắc Thánh đạo, nhưng có sanh được căn lành khởi thiện. Nghĩa là chúng sanh từ vô thỉ đến nay đã từng tu tập Tín, Tấn, Niệm...ở thế gian, chưa khởi tà kiến hủy báng, không có nhân quả, thiện này không mất, nếu sanh thiện liền thành tựu, gọi là sanh được thiện, nương theo các căn lành này mà phát khởi thiện tâm. Nếu có nghiệp đời trước cảm ứng với duyên mạnh thì Đại thánh giáo hóa khiến cho hết khổ, thuyết pháp đạo để có phương tiện tu tập. Thứ hai những loài rồng trong súc sanh cũng có tu thiện, như kinh Niết bàn dạy: Khi Đức Phật thuyết pháp nghĩa lý có vô lượng chim, cầm thú phát tâm Bồ đề sanh lên cõi trời. Nếu theo luận Tỳ Đàm súc sanh, ngạ quỷ tóm thâu trong mười điều thiện phi luật nghi. Vì bảy thiện luật nghi về thân, miệng của chúng đều do tất cả chúng sanh mà khởi. Do ngạ quỷ không thể chịu được, nên trong luận Tác bà đa nói: Súc sanh do ngu si mà không sanh khởi luật nghi. Nếu theo luận Thành thật thì quỷ thần, súc sanh cũng được đắc giới.

Nếu người ở Bắc-câu-lô-châu chỉ thanh tịnh do ý thành tựu, ba nghiệp thiện đạo không hiện hành, không đoạn trừ thiện, nên đến khi kiếp tận thì người đều tu tập thiền định, một mình tu tập, không phân biệt rõ nên chẳng xa lìa được dục, còn ba phương đều khác có mười

thiện và có không đủ.

Nếu theo sáu tầng trời của cõi Dục mà nói tức là không có giới biệt giải thoát của người xuất gia, chỉ có mười thiện và giới của người tại gia. Luận Thành thật dạy: Như trời Đế thích phần nhiều thọ tám giới, các loài rồng cũng vậy, không hạn cuộc trong loài người. Nếu luận về chư thiên ở Sắc giới, theo luận A Tỳ Đàm sanh ở cõi trên mà mất cõi dưới. Cõi trên không khởi thiện nghiệp cõi dưới, vì cõi này nhân địa quả đoạn. Thân sanh cõi trên cõi dưới đoạn pháp. Đây là căn cứ hữu lậu , do cõi dưới mà thành tựu cõi trên, sanh cõi trên mất cõi dưới, liền không tu tập mà khởi. Theo luận Thành thật dạy: "Cõi trên được thành tựu ở cõi dưới, cũng dựa vào khởi thiện nghiệp ở cõi dưới, như các Phạm thiên gặp Phật lễ bái, tán thán, tức là khen ngợi việc thiện. Ở đây, dựa vào cõi dục mà sanh khởi việc thiện. Nếu theo luận Tỳ Đàm, Tỳ Bà Sa thì Phạm thiên lễ bái chẳng phải thiện ở cõi dục là tâm khởi oai nghi ở Sơ thiền. Căn cứ vào đây là Vô ký không phải là thiện. Y theo bên ngoài của thân miệng là nghiệp sắc của cõi trên. Đây là nói về nghiệp phước, thiện lẫn lộn với nhau của cõi Dục, theo thân mà phát khởi cảnh.

Thứ hai là nói rõ về nghiệp của bốn thiền định của cõi Sắc, theo thân mà khởi cảnh. Nếu như trong loài ngạ quỷ, súc sanh gặp được Thánh duyên mạnh có thể ngộ đạo, thì ở đây cũng được do khởi tu tập, do nương theo thiền định vô lậu mà khởi. Giả sử không có thiền định sâu xa căn bản, thể chân chánh, chắc chắn có tâm thiền vị lai thô thiển, thiền vị lai này là nghiệp của cõi Sắc, theo thiền này mà khi đoạn trừ cáckiết cõi Dục, nghiệp này chiêu cảm quả Sơ thiền ở Phạn thiên. Nếu luận về hàng trời người, tu tập nghiệp cõi Sắc, trừ ra Bắc-câu-lô-châu không tu tập thiền định, còn ba phương khác và tầng trời cõi Dục đều tu tập mười điều thiện cõi Sắc. Người chứng đắc thiền là do ba nghiệp của ý: Không tham, không sân, chánh kiến. Nếu luận về bảy nghiệp thiện của thân, miệng là dựa vào tâm định phát sanh giới thiền. Giới thiền tức là bảy điều thiện của thân, miệng. Nên khi được thiền là có mười điều thiện của cõi Sắc. Nếu luận về chư thiên cõi Vô sắc, theo luận Tỳ Đàm thì trời cõi Vô sắc không tu tập nghiệp định ở cõi Sắc, sanh cõi trên xả bỏ cõi dưới, vì đoạn địa dưới. Theo luận Thành thật phàm sống ở Vô sắc cũng sanh xuống trong nghiệp của cõi Sắc, ở đây nói rõ về mười thiện nghiệp đạo của nghiệp phước thiền định cõi Sắc dựa theo thân mà có cảnh. Nếu luận về nghiệp bốn không định của cõi Vô sắc dựa vào thân mà có cảnh, thì trời, người ba cõi đều được tu tập. Từ trên đến đây đều nói rõ các việc làm phước theo thân mà khởi cảnh. Nếu luận về Thánh

nhân làm phước thì chẳng liên quan đến phàm phu mong muốn được, nên không nói.

***Thứ 5: Duyên tạo tội, phước***

Cho là: Những việc làm này bậc Thánh cho là không nhất định, đã tạo tội thì trong các kinh giới gọi là nghiệp Hắc hắc và nghiệp bất thiện. Phàm phu làm phước các kinh gọi là nghiệp Hắc bạch và nghiệp Dĩ thiện, tuy có đủ laọi hành tướng, mà thể không khác. Thế nào là thể của hành tướng? Như luận Trí Độ dạy: Sát sanh... là nghiệp bất thiện. Bố thí... là nghiệp thiện. Đây là nói hai hành tướng tội phước, nói sát sanh là bằng với lấy đủ mười điều ác, đều gọi là hành tướng của tội. Nói đến bố thí là bằng với lấy những nghiệp giới định trong đó. Giống như việc hiện ở đời đều gọi là làm phước (hành tướng của phước) là thiện ở thế gian này. Tám thiền định là mong thiện rối rắm ở cõi Dục, gọi là hành bất động, hoặc mong cầu trí tuệ quán xét lý xuất thế, mà trụ duyên sự này thì gọi là làm phước. Như nói sáu độ, năm độ trước đều có thiền định, thần thông cũng gọi là phước, nhưng vì các người phước, tội nên hành tướng không giống nhau. Hoặc chuyên tu phước, hoặc chỉ tạo tội. Hoặc lại có người đều tạo tội phước. Người chuyên tu phước như gọi là tâm thanh tịnh như trì giới, bố thí...lợi ích cho người khác. Người chỉ tạo tội như không có thấm nhuần tâm từ, thân miệng ý tác động đều làm tổn hại người khác. Người gây cả tội phước như khi làm phước trong tâm không tâm thanh tịnh cùng làm hao tổn vật. Đây tức là tạo tội phước tạp nghiệp ở cõi Dục không phải thuần tịnh cũng gọi là bất tịnh. Nếu luận về tạo tội thì thô hiện bên ngoài có thể biết. Nếu luận về tội và phước cùng làm với phước thanh tịnh thì có giống và khác, có phần nào ẩn kín bên trong khó biết. Nghĩa là làm phước căn cứ tướng bên ngoài, trong việc này tin, thích làm đều giống nhau. Nếu căn cứ trong tâm như cầu cho mình hay người đều khác, thô hay tinh không bằng nhau. Vì tu phước bên ngoài thì giống nhưng trong khác nên có thuần và tạp hai nghiệp không giống nhau. Nếu có thể điều phục tâm từ bi thương tiếc vật, (chúng sanh) tùy chỗ cho đều trở thành việc thiện lớn. Nếu không giữ niệm, thấy tướng tu phước là trong tâm thô, ngoài tâm tế, chỉ thành tạp nghiệp, tội phướccùng làm. gọi những người đó là ngu tình. Tuy có hơn thế gian nhưng về lí thật ra trái với đạo, cũng không phải phước thanh tịnh. Vì khi tu phước không quán sanh Không, ngã điên đảo thường làm khắp chung ba tánh nên nghiệp quả cũng tương ứng điên đảo. Giả mượn chấp lấy tánh này, thế nên mê đạo, vì tâm không tham đắm, phần nhiều

lại cầu quả báo ở đời, lại phần nhiều cầu danh nên chẳng phải là phước thanh tịnh, vì lẽ thuần và tạp này thế tục phần nhiều mê muội. Vì thế, nay tóm lược làm thành chương luận cho người biết để làm, trước luận về tạp nghiệp (tội và phước), sau nói rõ về phước thanh tịnh. Nhưng tạo các tội phước thì có thô tế. Thô là làm ác đều làm tổn hại người khác. Tế là mình chỉ mong cầu quả báo thế gian. Trước bàn về tạp nghiệp thô. Nếu luận về bố thí, hoặc có, như lấy tiền của phi pháp bố thí, như trộm vật của người để dùng bố thí, do đây cảm ứng đến quả vị lai thường luôn thiếu thốn; hay bố thí rồi lại hối tiếc thì được quả cũng như vậy. Nên kinh Ưu-bà-tắc dạy: Người nào bố thí rồi lại hối tiếc, hay cướp đoạt vật của người khác để bố thí, thì người này ở đời vị lai được tài vật, tuy được tài vật, thường bị hao tán không giữ được. Nếu người có bố thí cũng làm tổn hại người khác. Nghĩa là khi bố thí không có niệm thiện chân chánh hoặc sân giận, hoặc kiêu mạn sẽ rơi vào đường ác, tuy được phước báo nhưng chỉ riêng trong hàng súc sanh lãnh thọ, không cảm ứng trời người. Kinh Phân biệt nghiệp báo nói kệ:

*Tu tập bố thí lớn*
*Tánh vội vàng sân si*
*Không nương vào chánh niệm*
*Sau làm thân rồng lớn*
*Thường tu bố thí lớn*
*Tâm cao ngạo khinh người*
*Do tạo nghiệp này sanh*
*Sức mạnh chim đại bàng.*

Nếu người tu phước vì cầu quả báo ở đời như khi bỏ tài vật mà cầu quả báo cho mình về sau, hoặc sợ thân và tài vật vô thường mà bố thí, hoặc vì tiếng khen mà chuyên cầu lợi mình. Đây chẳng phải tâm từ bi để cứu giúp người khổ, giống như trao đổi ở chợ, chẳng phải nghiệp thuần tịnh. Vì thế trong kinh gọi là bố thí không thanh tịnh, như luận Bách pháp dạy: Người vì phước báo mà bố thí gọi là bố thí bất tịnh, giống như trao đổi ở chợ, nên quả báo có hai loại. Hiện báo là được tiếng và kính mến. Hậu báo là đời sau được giàu sang phú quý. Đây gọi là bố thí bất tịnh. Thí như khách buôn xa đến phương khác, tuy mang nhiều vật được nhiều lợi ích nhưng phải thương yêu chúng sanh, chỉ vì cầu lợi mình. Nghiệp này bất tịnh, bố thí mà cầu quả báo cũng như vậy, do đây mà biết được. Thật không có tâm thương yêu mà chỉ cầu tiếng khen cho mình hay cầu quả báo vị lai, tuy có bố thí rộng rãi nhưng chẳng phải là nghiệp thanh tịnh. Nghiệp này chẳng thanh tịnh nên có quả báo bất tịnh.

Kinh Phân biệt nghiệp báo dạy: Nếu bố thí mà mong sanh cõi trời, hoặc cầu được báo ân, tiếng khen, hoặc lo sợ quả báo mà bố thí nên được quả không thanh tịnh, thọ nhận thô ít. Bố thí như vậy thì trì giới...các việc thiện không thanh tịnh cũng giống thế. Luận Bách Pháp dạy: Người trì giới bất tịnh tự cầu quả báo an vui, nếu trì giới mong được khoái lạc ở cõi trời vá các thiên nữ, hoặc trong loài người được giàu sang phú quý hưởng năm dục lạc. Vì dâm dục nên bị che khuất tướng, bên trong muốn sắc người, ngoài làm thiện để gần gũi. Đây gọi là bất tịnh. Bên ngoài thì nhẹ nhàng nhưng trì giới không thanh tịnh. Như Tôn giả A Nan dùng kệ nói với Tôn giả Nan Đà:

*Như dê đực tiếp xúc*
*Đến trước lại bỏ đi*
*Người vì dục trì giới*
*Việc này cũng như vậy.*

Tâm mở rộng thường vì lợi ích người, thì được nhiều phước. Lại đối với người bịnh tật và nghèo khổ mà bố thí hoặc biết pháp mà thiếu vật cần dùng, nếu bố thí mà khiến cho họ được lợi ích tăng trưởng điều lành người được bố thí có thích nghi thì được nhiều phước đức. Kinh Hiền ngu dạy: Đức Phật khen ngợi năm cách bố thí được phước vô lượng, là bố thí cho người từ xa đến, bố thí cho người đi xa, bố thí cho người bịnh, bố thí thức ăn uống cho người khi đói khát, bố thí cho người biết pháp. Năm cách bố thí này đời hiện tại được phước, bố thí này đời hiện tại chắc chắn được phước, không như cầu danh. Bố thí không chính đáng tuy đem ra nhiều nhưng quả báo không được thanh tịnh. Lại tùy theo sự ưa thích của người mà bố thí để mong được chút ít quả báo mà làm việc bất thiện, thì người này tội ít, cũng gọi là thiện. Nếu mong xa lìa dục và chuyên vì người khác, tạo tội phước này tức là có tội. Luận Trí Độ dạy: Người thô có tội thô, người tế có tội tế. Nên tạp nghiệp này tội phước cùng làm, tâm mong cầu chẳng thuần nhất, là nghiệp bất tịnh. Trên đây nói rõ tội phước cùng hiện hành, là tạp nghiệp bất tịnh ở cõi dục này xong. Nếu luận về nghiệp tịnh thì xem xét ở trước có thể biết. Luận Bách pháp dạy: Bố thí thanh tịnh thì được người yêu kính, lợi ích phước cũng rất nhiều, kinh Nhân quả nói kệ:

*Nếu có người nghèo khổ*
*Không có của bố thí*
*Thấy người khác bố thí*
*Mà phát tâm tùy hỷ*
*Phước báo của tùy hỷ*

*Cùng người thí không khác.*
*Luận Đại trượng phu nói kệ:*
*Thương yêu thí một người*
*Công đức như đại địa*
*Vì mình cho tất cả*
*Được báo như hạt cải*
*Cứu người thoát một nạn*
*Còn hơn thí tất cả*
*Ánh sáng các vì sao*
*Không bằng mặt trăng sáng.*

Nếu các phàm phu tạo các tội phước này, mà không hiểu nhân quả thiện ác đều không có tánh, đây gọi là mê sự, chấp tánh nên thường trói buộc trong ba cõi. Luận Trí Độ dạy: Ví như ruồi nhặng bám víu mọi nơi chỉ trừ lửa ra. Chúng sanh tham ái cũng như vậy. Trong pháp thiện, bất thiện đều cố giữ, cho đến phi tưởng cũng chấp, chỉ trừ không chấp vào lửa lớn tánh Không của Bát nhã Ba la mật, do đây mà nghiệm biết không có: Tánh thiện, ác thường lưu chuyển trong năm đường tức sẽ không có Phật tánh chúng sanh. Ở đây nói tóm lược tội phước của phàm phu, hai việc làm mê sự, chấp lấy tánh, dựa vào kinh đã luận bàn xong.

Kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Xưa Đức Phật còn tại thế, vua Ba-tư-nặc có một người con gái, gọi là Thiện-quang thông minh xinh đẹp, được cha mẹ thương yêu đưa vào cung lại Vua cha bảo con gái: Con nhờ năng lực của ta mà được tiến cung và mọi người kính yêu.

Con gái thưa: Con bị năng lực của nghiệp, chứ chẳng do vua cha.

Vua nghe vậy tức giận, nói: Hôm nay, ta sẽ thử xem con có nghiệp lực gì, liền ra lệnh người xung quanh tìm một người ăn xin thật nghèo khổ, giao cho con gái.

Vua bảo con: Con tự có nghiệp không nhờ đến ta thì từ nay có thể nghiệm biết.

Người con đáp: Con bị năng lực của nghiệp, liền cùng người ăn xin nghèo khổ bỏ đi.

Người vợ hỏi chồng: Có cha mẹ không?

Người chồng đáp: Cha mẹ ta trước ở trong thành Xá vệ này là trưởng giả lớn nhất, cả nhà cha mẹ đã qua đời, không nơi nương tựa, vì thế xin ăn nghèo khổ như vậy.

Người vợ hỏi chồng: Nay chàng có biết chỗ nhà cũ ở đâu không?

Người chồng đáp: Biết! Nhưng nhà bị hư mục, chỉ có đất trống. Vợ

chồng cùng nhau đến nhà cũ, đi khắp nơi, đến đâu thì mọi vật ẩn tàng tự hiện ra, liền lấy báu quý thuê người xây nhà, chưa đầy một tháng thì cung điện nhà cửa đều xong. Những người ca hát, hầu hạ, giúp việc không thể tính hết. Bỗng nhiên vua nhớ đến con gái Thiện Quang của ta làm sao sinh sống?

Có người tâu: Vợ chồng Thiện Quang cung điện, tiền tài không kém gì bệ hạ. Một ngày nọ, Công chúa nói với chồng, hãy đến cung nghinh vua. vua liền nhận lời đến, thấy nhà cửa cung điện lộng lẫy, khen ngợi chưa từng có, nên vua đến chỗ Đức Phật thưa: Người nữ này trước đã làm phước gì mà nay được sanh vào nhà vua và thân có ánh sáng.

Đức Phật đáp: Ở đời quá khứ chín mươi mốt kiếp, sau khi Đức Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết bàn, có vua Bàn-đầu xây tháp bằng bảy báu thờ xá lợi. Phu nhân lớn của vua thấy vậy liền lấy mão trời sửa sang lại cho đẹp rồi đặt trên đỉnh tượng. Bên trong mão trời có ngọc như ý bảo châu chạm sát đỉnh tháp rồi phát nguyện: Nguyện cho thân con ở đời vị lai có ánh sáng màu vàng đỏ tía, sanh vào nhà tôn quý giàu sang, chớ đọa vào tám nạn ba đường ác. Phu nhân xưa nay chính là Thiện Quang. Sau thời Đức Phật Ca Diếp đời quá khứ lại dâng cúng Đức Phật và chúng Tăng thức ăn hảo hạng người chồng ngăn cản, người vợ khuyên thỉnh “ Hôm nay, thiếp mời đầy đủ chư Phật và chúng Tăng” người chồng nghe lời vợ. Người vợ lúc ấy nay là Thiện Quang, người chồng nay là chồng của Thiện Quang, do đời trước ngăn vợ nên thường nghèo khổ, cũng do nghe lời vợ thỉnh Tăng, chính nhờ vợ mà nay được giàu có, nếu không nhờ người vợ thì đời sau trở lại nghèo khổ. Vì lý do này, nghiệp thiện ác theo thân mà chịu quả báo, chưa từng sai, mất.

Kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Khi Đức Phật còn tại thế, vua Ba-tư-nặc trong khi đang ngủ nghe hai vị quan trong cung cùng tranh luận về lý đạo. Người thứ nhất nói: Ta nhờ vua mà sống. Người thứ hai nói: Ta do nghiệp của mình chứ không nhờ vua. Vua nghe được, người thứ nhất nói thì muốn ban thưởng cho, liền sai người đến gặp ông đó và nói phu nhân: Hôm nay, trẫm sẽ bảo người mang nhiều vật quý giá đến. Vua sai người thứ nhất mang rượu đến và uống cùng với phu nhân. Người này vừa ra cửa thì máu trong mũi chảy ra không thể đi được, liền bảo người thứ hai đưa đi. Phu nhân thấy vậy ban cho nhiều tiền tài, y phục, chuỗi hột. Ông này đi đến trước vua, vua thấy rất lạ, nên gọi người thứ nhất đến hỏi: Trẫm đã sai ngươi đi sao không đi? Người đó trình đầu đuôi câu chuyện cho vua nghe. Vua nghe rồi tán thán lời dạy của Đức Phật rất đúng, tự mình gây nghiệp thì tự chuốc lấy quả báo không mất

đi. Do quán quả báo thiện ác này nên biết nghiệp đã dẫn dắt chứ chẳng phải trời hay vua ban cho, điều cốt yếu là tự tạo thì phải nhận, nên sanh khởi chánh kiến nói: Quả báo của nghiệp rất gần với hàng trời người, xa quả báo của Phật. Nếu trái với lời dạy của bậc Thánh thì chịu khổ như trước, nói kệ:

*Do tìm đường lạc hướng*
*Nên xả bỏ mục đích*
*Khổ quá quay về vui*
*Vui nhiều lại tìm khổ*
*Tội phước đâu có khác*
*Đều do tâm đối đãi*
*Nếu đoạn nghiệp hữu lậu*
*Thường thấy được pháp thân.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 11)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 12

### PHẦN THỨ 20: THAM DỤC NGĂN CHE

- Duyên thuật ý
- Duyên ngũ dục
- Duyên ngũ cái.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Kinh Thiết Tầm nói: Hành giả tu đạo đều cho năm dục là căn bản chướng ngại đạo, nếu không học để đoạn trừ thì không thể chứng bậc Thánh. Muốn biết nguồn gốc thì nói tóm có ba loại: Một là trong có năm căn, hai ngoài có năm trần, ba là năm thức được sanh. Do ba điều này nên có thể sanh dục nhiễm ô. Kinh Niết bàn dạy: Này thiện nam! Ví như voi ác tâm chưa điều phục, có người điều khiển mà tự ý bỏ đi, xa lìa xóm làng, đến nơi đồng trống. Người không thể khéo thâu nhiếp, năm căn này cũng vậy, sẽ dẫn người xa lìa thành ấp Niết bàn, đến nơi đồng hoang sanh tử. Này thiện nam! Ví như quan thần dua nịnh, xúi vua làm ác. Quan thần nịnh hót năm căn cũng như vậy, thường thúc giục chúng sanh tạo vô lượng xấu ác. Ví như đứa con ác, không chịu nghe lời khuyên bảo cha mẹ, Sư trưởng mà làm tất cả việc ác. Không tự điều phục năm căn cũng như vậy, không chịu nghe theo lời khuyên răn tốt lành của cha mẹ, không việc ác nào không gây tạo. Này thiện nam! Người phàm phu không giữ gìn năm căn thường bị cướp hại của loài ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, cũng như kẻ oán, lén hại người hiền. Lại trong kinh Di giáo dạy: Giặc năm căn tai họa đến nhiều đời, là hại rất nặng, cần phải cẩn thận. Vì thế, người trí chế ngự mà không thuận theo. Giữ tâm như giữ giặc. Giả sử để cho nó buông lung cũng chẳng để lâu, gặp nó là phải mài mòn cho hết. Luận bàn về "Cái" là nghĩa ngăn che của "Ấm", nghĩa là sự ngăn che làm chướng ngại người tu hành, làm cho tâm tánh hôn mê, định tuệ không rõ, mất đi người thiện, là chướng

ngại chính của đạo tu nên gọi là Cái. Luận Đối pháp dạy: Sự ngăn che này khiến cho việc thiện không hiển rõ là nghĩa Cái. Che lấp tâm mình, ngăn cản các việc thiện, không thể thay đổi được, nên gọi là nghĩa Cái. Năm dục trước duyên năm trần ngoài mà sanh. Năm thứ ngăn che này từ trong năm căn mà phát khởi.

***Thứ 2: Duyên năm dục***

Thứ nhất dục trói buộc khổ. Luận về năm dục đã có các căn đó, nên phát sanh năm dục, trói buộc chúng sanh không được giải thoát. Kinh Niết bàn dạy: Người phàm phu bị năm dục trói buộc để ma Ba tuần tự do dẫn đi, như người thợ săn kia bắt vượn rồi mang về nhà. Này thiện nam! Ví như quốc vương an phận với nước mình thì thân tâm an lạc, nếu đến lãnh thổ người khác thì gặp các khổ. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu được tự tại nơi cảnh giới của mình thì được an vui, nếu đến cõi khác thì gặp nhiều ma ác, chịu nhiều khổ não. Cảnh giới của mình là Bốn niệm xứ. Cảnh giới người khác là năm dục. Năm dục là sắc, thanh, hương, vị, xúc...trên thân nam nữ. Năm dục này, mong đợi là nghĩa. Tham đắm năm trần gọi là dục và cảnh duyên xúc với ý thức gọi là pháp trần. Sáu trần này chẳng ngay thẳng, nên gọi là chỗ hành của ma cũng gọi là giặc ác. Kinh Niết bàn dạy: Như sáu tên giặc lớn có thể cướp lấy tài sản, báu vật của tất cả chúng sanh. Giặc ác sáu trần cũng vậy, có thể cướp lấy tài sản thiện căn của tất cả mọi người, như sáu tên giặc lớn nếu vào nhà người có thể cướp đoạt hết những vật hiện có trong nhà, không kể tốt xấu, khiến người từ giàu có bỗng nhiên nghèo khổ. Giặc sáu trần này cũng vậy, nếu vào trong căn người thì đoạt lấy tất cả pháp thiện. Khi pháp thiện đã hết trở thành nghèo khổ, hiu quạnh, làm một Xiển đề. Vì thế Bồ tát quán sát kỹ sáu trần như sáu giặc lớn. Thứ hai, dục là khổ chướng ngại. Luận về lỗi lầm của tham dục là ma năm dục che lấp, giặc ác sáu trần. Đức Phật phán quyết nó là mê lầm, ngăn cản Phật tánh. Kinh Niết bàn dạy: Năm thức của chúng sanh tuy chẳng phải là một niệm nhưng là hữu lậu, lại tà vạy điên đảo tăng trưởng các lậu, làm cho tất cả phàm phu tham đắm ở sắc cho đến nhận thức, vì đắm sắc nên khởi tâm tham, vì khởi tâm tham nên bị sắc trói buộc, cho đến bị nhận thức trói buộc, do trói buộc nên không thoát khỏi những phiền não, sanh già bịnh chết lo buồn khổ lớn. Lại dạy: Nếu có Bồ tát tự nói giới đã thanh tịnh, tuy không cùng nói chuyện với người nữ, giễu cợt, nghe tiếng của họ nhưng thấy người nam thường đi theo người nữ, hay thấy người nữ đi theo người nam, thì sanh tham đắm.

Bồ tát như vậy là đã thành tựu pháp tham dục, hủy phá giới thanh tịnh nhiễm ô phạm hạnh, khiến giới bị ô uế, không được gọi là giới Cụ túc thanh tịnh.

Luận Trí Độ dạy: Bồ tát quán thấy đủ thứ bất tịnh ở trong các pháp suy, mà quán pháp suy với người nữ là pháp nặng nhất, tất cả đao lửa, sấm chớp, sét đánh thình lình, oan gia rắn đôc vẫn còn gần chút ít, nhưng người nữ keo kiệt, sân giận, ganh tỵ, dua nịnh, mĩ miều, tranh cãi, tham lam, tật đố không thể gần được. Vì sao? Tâm người nữ nhỏ mọn, trí tuệ kém cỏi, chỉ muốn là gần, không thấy giàu sang, trí tuệ, danh tiếng thường làm việc dâm dục xấu ác, phá hoại căn lành của người, như gông cùm, xiềng xích trói nhốt trong tù, tuy nói khó thoát ra nhưng vẫn còn dễ mở hơn sự trói buộc của người nữ, đắm nhiễm sâu dày nơi các căn không thể thoát khỏi, bịnh đó thật nặng. Đức Phật nói kệ:

*Thà lấy sắt nóng*
*Lăn khắp trong mắt*
*Không vì tâm nhiễm*
*Liếc nhìn sắc nữ*
*Cười duyên điệu bộ*
*Kiêu mạn hổ thẹn*
*Quay đầu ngắm nhìn*
*Khéo nói tức giận*
*Dáng đi mĩ miều*
*Làm mê hoặc người*
*Mắc vào lưới dâm*
*Người đều chìm đắm*
*Ngồi nằm đi đứng*
*Nhìn chăm sắc đẹp*
*Người ngu trí mỏng*
*Mới bị say sưa*
*Cầm kiếm hướng địch*
*Như thế mới thắng*
*Giặc nữ hại người*
*Nếu không ngăn cấm*
*Rắn dữ ngậm độc*
*Như bị nắm tay*
*Tình nữ mê người*
*Không nên xúc chạm*
*Những người có trí*

*Không nên ngắm nhìn*
*Nếu muốn quán họ*
*Tưởng như mẹ, chị*
*Nhìn rõ, quán rõ*
*Bất tịnh chất đầy*
*Lửa dục không dứt*
*Bị nó thiêu đốt.*

Sắc có những tội lỗi như vậy, còn các pháp thanh, hương, vị, xúc đã kể ra cũng thế. Tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến nay luôn chìm đắm trong sanh tử không thể xa lìa. thật do sắc nữ trói buộc khó thoát ra, mê mờ không có mắt trí tuệ, gặp hố sanh tử liền bị vùi lấp. Hôm nay, chỉ có đạo tục không thấy họa của tham dục rong ruổi chạy theo thì ngày nào mới quay trở lại để thoát khỏi lỗi lầm. Tâm thường nhiễm ô chưa từng ngừng nghĩ, giới còn không giữ, làm sao có định tuệ để quán thấy Phật tánh? Nên kinh Niết bàn nói kệ:

*Làm ác không hối ngay*
*Như sữa liền thành váng*
*Tựa tro phủ trên lửa*
*Người ngu khinh giẫm lên.*

Thứ ba quở trách về khổ của tham dục. Như luận Trí Độ dạy: Hành giả nên quở trách năm dục: Thương thay! Chúng sanh thường bị năm dục làm khổ đau, mà cầu chúng không ngừng liền rơi vào hầm lửa lớn bị lửa nóng đốt dữ dội. Năm dục không có lợi như chó gặm xương. Năm dục tranh nhau mạnh như chim tranh giành thịt. Năm dục đốt người như cầm đuốc ngược gió. Năm dục hại người như giẫm xéo rắn độc. Năm dục không thật như có trong mộng. Năm dục không lâu dài như giả mượn chốc lát. Người đời ngu si mê hoặc tham đắm năm dục đến chết vẫn không bỏ, vì vậy đời sau chịu vô lượng khổ. Năm dục này chỉ vui được trong giây lát, khi mất đi thì thật là khổ, như mật dính trên dao, người liếm tham vị ngọt mà không biết sẽ thương tổn lưỡi. Năm dục đó là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc năm việc này chướng ngại chính trong thiền định. Nếu người muốn tu định thì nên xả chúng.

Thứ nhất, quở trách về lỗi lầm ham muốn sắc. Như vua Tần-bà-sa-la vì sắc nên thân bị rơi vào nước địch, một mình ở trong phòng dâm nữ A-phạm-bà-la. Vua Ưu-điền bị đắm nhiễm sắc nên chặt tay năm trăm Tiên nhơn. Các lý do như vậy gọi là quở trách về tội lỗi của sự ham muốn sắc.

Thứ hai quở trách về tội lỗi của sự ham muốn âm thanh. Tướng

của âm thanh không dừng lại, mới nghe liền mất. Do người ngu si không hiểu tướng của tiếng là vô thường biến mất, nên đối với âm thanh mà mê lầm sanh ham thích, những âm thanh đã qua, nghĩ đến sanh đắm đuối, như năm trăm vị Tiên nhơn ở trong núi. Ở đó, có cô Chân-đà-la đang tắm trong ao ở Tuyết sơn, các Tiên nhơn nghe tiếng hát của cô ta liền mất thiền định, tâm ý quay cuồng, phóng túng, không thể tự giữ được thiền, mất hết công đức, về sau đọa vào đường ác. người trí quán xét âm thanh luôn sanh diệt, tướng trước sau không đồng, nếu biết như vậy sẽ không đắm nhiễm. Những vị đó, đối với những tiếng hay của trời còn không thể rối loạn huống nữa là tiếng của người. Các lý do như vậy gọi là quở trách về tội lỗi của sự ham muốn âm thanh. Trong luận dạy: Như năm trăm vị Tiên nhơn khi bay, nghe tiếng hát của cô Khẩn-đà-la mà đắm nhiễm cuồng say, đều mất hết thần túc, liền rơi xuống đất. Như nghe mà biết được tiếng ca hát, gãy đàn từ đống đất của vua Khẩn-đà-la dùng thật tướng các pháp để tán thán Đức Phật. Khi ấy núi Tu di và các cây đều rung động. Đại Ca Diếp cùng với chúng đệ tử đang ở chỗ ngồi liền lay động, không yên.

Bồ tát Thiên-man thưa Đai Ca Diếp: Thầy là vị lớn tuổi nhất, thực hành hạnh Đầu đà nhất sao hôm nay không chế ngự được tâm mình.

Đại Ca Diếp đáp: Tôi đối với các dục của hàng trời người tâm không lay động, vì Bồ tát ấy với âm thanh vô lượng phước đức của Bồ tát lại do trí biến thành âm thanh tôi không thể chịu được! Ví như khi tám phương gió thổi, núi Tu di không hề lay động. Đến khi kiếp tận gió thổi đến núi Tu di khiến cho cỏ dại bị thúi mục như đàn A tu thường phát ra âm thanh, tùy theo ý người mà tấu lên, không có người đàn, ở đây không có tâm tán loạn cũng không có người nhiếp tâm, phước đức này sanh nên tùy ý vang tiếng. Pháp thân của Bồ tát cũng như vậy, không có sự phân biệt cũng không có tâm tán loạn, cũng không có tướng thuyết pháp, là nhân duyên phước trí vô lượng.

Thứ ba quở trách về tội lỗi của sự ham muốn hương. Người cho thích hương là ít tội, nhưng tham đắm hương là mở cửa cho các kiết sử. Tuy có trì giới một trăm năm nhưng có thể bị hoại trong một lúc. Như có A-la-hán thường vào trong cung rồng, thọ thực xong đưa bát cho Sa-di rửa, trong bát còn vài hạt cơm thừa, Sa-di ngửi mùi thấy rất thơm, bèn ăn thật ngon, tìm mọi cách vào dưới giường của thầy đưa hai tay nắm vào giường dây. Vị thầy đến lúc mang giường dây vào cung rồng, rồng bảo: Người này chưa đắc đạo, sao lại đem đến đây?

Vị thầy nói: Không biết. Sa-di được ăn uống, lại thấy Long nữ

hình tướng xinh đẹp, mùi thơm không ai bằng, nên tâm nhiễm nặng, rồi thề xấu: Ta sẽ làm phước chiếm lấy cung rồng, rồi ở đó.

Rồng nói: Sau này chớ đem Sa-di đến đây. Sa-di trở về, hết lòng bố thí trì giới, luôn mong được lời thề là muốn sớm làm rồng. Khi đi, nhiễu quanh chùa, dưới chân nước chảy ra, tự biết chắc chắn thành rồng, theo lối nhỏ đến chỗ cũ của thầy bên hồ lớn, lấy áo cà sa che đầu đi vào liền chết, hóa thành con rồng lớn. Do phước đức nhiều nên giết chết con rồng kia rồi thả xuống hồ, làm đỏ cả hồ, trước đây chưa từng có như vậy. Các thầy và chúng Tăng quở trách, Sa-di nói: Tâm con đã định thì tướng hiện ra. Chúng Tăng đến bờ hồ xem, nhân duyên là do lỗi tham đắm hương.

Lại có một Tỳ-kheo kinh hành bên hồ sen trong rừng, nghe thấy hương thơm hoa sen, nên ưa thích. Thần hồ nói: Thầy sao bỏ ngồi thiền định dưới gốc cây đó mà trộm hương của ta, do đắm say mùi hương như các kiết sử đang nằm đều đứng dậy. Lúc ấy, lại có một người đến trong hồ hái nhiều hoa sen, đào bới gốc rễ bừa bãi rồi bỏ đi. Thần hồ im lặng mà không nói.

Tỳ-kheo nói: Người này phá hết hồ hoa của ngươi sao không nói, ta chỉ đi trên bờ hồ mà bị ông quở trách ta ăn trộm hương?

Thần hồ nói: Người xấu ác ở đời thường ở trong ô uế, tội lỗi ngập đầu nên ta không nói còn thầy thích thiền hành mà đắm vào hương này, sẽ phá hoại những việc tốt của ngươi nên ta trách. Ví như cuộn vải trắng tinh, nếu có một tí nhơ khác thì mọi người đều thấy. Người ác đó ví như tấm vải đen, thêm một tí đen vào mọi người không thấy ai thèm hỏi đến! Các lý do như vậy gọi là quở trách về tội lỗi của sự ham muốn hương.

Thứ tư quở trách về tội lỗi của sự ham muốn mùi vị. Phải tự giác ngộ, ta chỉ vì tham mùi vị nên chịu khổ, bị nước đồng sôi đổ vào miệng, nuốt hòn sắt nóng, nếu không quán xét thức ăn mà quá ham thích thì sẽ bị đọa làm loài trùng bất tịnh. Như một Sa-di luôn thích váng sữa. Khi mỗi lần đàn việt cúng dường váng sữa chúng Tăng mà có phần sữa thừa thì Sa-di thèm muốn không thể lìa được. Sau khi chết sanh vào bình váng sữa dư đó. Thầy của Sa-di đã đắc quả A-la-hán, lúc chúng Tăng phân sữa, thầy bảo: Hãy làm từ từ chứ làm tổn thương Sa-di thích váng sữa này.

Những vị ấy trả lời: Đây là loài trùng, sao lại nói Sa-di thích sữa?

Đáp: Côn trùng này xưa là đệ tử Sa-di của ta, chỉ ưa thích váng

sữa thừa mà phải sanh vào bình này. Người thầy được phần sữa, côn trùng lại đến trong đó.

Người thầy bảo: Ta là Hòa thượng của ngươi, ngươi nên bỏ tâm tham đắm váng sữa, cầu xuất thế giải thoát. Trùng hiểu lời Thầy, liền thọ lại Tam quy, tức mạng chung sanh lên cõi trời. Lại vua của nước tên Nguyệt-phân có một thái tử ưa thích vị ngon. Người giữ vườn mỗi ngày đưa đến quả ngon. Trong vườn có một cậy rất lớn, trên cây đó có con chim nuôi đàn con, thường bay đến Hương sơn, lấy quả thơm ngon đem về nuôi con, đàn con tranh nhau ăn nên quả bị rơi xuống đất. Sáng sớm người giữ vườn thấy quả lạ, màu sắc khác thường liền dâng lên vua. Vua quý quả này vì sắc hương khác thường. Thái tử thấy, liền đòi nhà vua thương con nên cho luôn. Thái tử ăn quả, hưởng mùi vị đó, nên rất thích, muốn có mỗi ngày. Vua liền gọi người giữ vườn hỏi: Quả này ở đâu? Người giiữ vườn thưa: Quả này không có cây, thần lượm ở nơi đất, không biết từ đâu mà có. Thái tử khóc lóc không chịu ăn, vua thúc dục người giữ vườn van xin ông tìm cho được. Người giữ vườn đi đến chỗ quả đó, thấy có một tổ chim và chim mẹ ngậm quả mang về tổ. Người giữ vườn lấy cái lồng che trên cây muốn lấy quả, lúc đó chim mẹ bay về liền đoạt lấy quả đem dâng vua, cứ mọi ngày như vậy. Chim mẹ tức giận nên đến trong Hương sơn lấy quả độc, màu sắc, hương vị như quả trước, người giữ vườn cũng lấy được về dâng vua rồi cho thái tử ăn, chẳng bao lâu thân thể mục rã mà chết. Các lý do như vậy gọi là quở trách về tội lỗi của sự ham muốn vị.

Thứ năm quở trách về tội lỗi của sự ham muốn xúc chạm. Xúc này là nhân của kiết sử, là nguồn gốc trói buộc tâm. Vì sao? Vì bốn tình trên đều chia ra phân biệt, nhưng ở đây thì do khắp thân đều đắm nhiễm. Vì nó khó bỏ thường tạo tội nặng. Bấy giờ, Thế tôn dạy cho các Tỳ-kheo về nhân duyên đời trước. Vào đời quá khứ lâu xa, ở nước Ba-la-nại, trong núi có một vị Tiên nhơn, vào giữa mùa thu, tắm trong bồn nước, tiểu tiện trong đó, thấy hai con nai cùng giao hợp nên tâm dục dấy khởi, xuất tinh trong bồn. Con nai đến uống nước liền mang thai, đủ tháng sanh con, hình tướng như người, trên đầu có một sừng, chân giống chân nai. Khi sanh con đến bên am Tiên nhơn, mà sanh thấy con là người nên bỏ lại cho Tiên nhơn rồi đi. Tiên nhơn ra thấy nai con, tự nhớ duyên xưa, biết là con của mình, đem vào nuôi nấng. Ngày tháng trôi qua, nai con lớn lên, được dạy dỗ học tập thông suốt mười tám bộ kinh lớn, học ngồi thiền, thực hành Bốn vô lượng tâm, đắc năm thần thông, gặp lúc trên núi mưa lớn bùn trơn, chân nai con đi không được, té

quỵ trên đất, khiến bể bình nước bên mình, chân lại bị thương nên càng tức giận. Nai con bèn lấy bình nước đầy chú nguyện khiến ngừng mưa. Bởi phước đức của vị Tiên nhơn nên các quỷ thần, rồng làm cho mưa ngừng. Do không mưa nên năm loại lúa và năm thứ quả đều không sanh trưởng, mọi người khốn khổ không có con đường sống. Vua Ba-la-nại buồn rầu lo lắng, truyền cho tập hợp các đại thần bàn về việc này. Hôm sau, họp bàn có một người nói: không mưa này. Có người thông minh nói: Nghe là vị Tiên nhơn trên núi có Tiên nhơn (con) một sừng, vì chân không thích nghi nên lên núi bị té xuống đất, làm chân bị thương, do đó sân giận và chú nguyện làm cho không mưa suốt mười hai năm. Vua suy nghĩ: Nếu mươi hai năm không mưa, nước ta tiêu mất không còn dân chúng. Vua liền chiêu mộ, nếu ai có thể làm cho vị Tiên nhơn mất năm thông ta vì dân, sẽ chia một nửa dất nước để cai trị. Hồi ấy, trong nước có một dâm nữ Phiến-đà xinh đẹp thật giàu có xin vua làm việc đó. Người nữ hỏi mọi người: Người đó có phải người không?

Mọi người đáp: Vị đó Tiên nhơn sanh ra. Nếu là người thì ta có thể hại.

Nói rồi liền lấy mâm vàng đựng đầy báu quý, tâu vua: Tôi sẽ cởi cổ vị Tiên nhơn đó đến đây cho vua. Dâm nữ xin vua năm trăm xe ngựa chở năm trăm người con gái đẹp cùng năm trăm xe nai chở nhiều viên hoan hỷ chế biến bằng các cỏ thuốc, dùng tơ họa vẽ tương tự nhiều loại quả và mang nhiều thứ rượu ngon nồng độ mạnh, sắc vị như nước, mặc y phục bằng vỏ cây đi vào trong rừng, để giống như người Tiên. Lại ở bên am Tiên nhơn, làm am bằng cỏ để ở. Tiên nhơn một sừng đi ra thấy vậy, các người nữ đều ra nghinh đón, dùng những hoa đẹp, thơm tho cúng dường Tiên nhơn, vị này rất vui, các người nữ với những lời ngọt ngào, từ tốn thưa hỏi Tiên nhơn rồi mời vào phòng ngồi trên giường mền chiếu sang đẹp, cùng uống rượu ngon trong suốt như nước, lại bỏ các viên hoan hỷ trong trái dưa, khi ăn uống no nê, nói với người nữ: Ta từ xưa đến nay chưa được nước ngon quả ngọt như thế này.

Các Tiên nữ nói: Chúng tôi một lòng làm lành, nên vị trời cho tôi được sở nguyện nước ngon quả ngọt này.

Tiên nhơn hỏi các Tiên nữ: Các ngươi làm thế nào hồng hào mập lớn thế?

Đáp: Chúng tôi đã dùng những quả ngon, nước ngọt này nên như vậy.

Tiên nhơn: Vì sao một thời gian các ngươi không ở đây?

Đáp: Chúng tôi cũng có thể ở được! Vậy có thể chung tắm rửa là

có thể được ở. Nói rồi, người nữ đưa tay mềm mại xoa lên thân Tiên nhơn làm ông ta rung động, liền tắm với các người nữ, tâm dục phát sanh, trở thành việc dâm dục, mà mất thần thông. Do đó, trời đổ mưa lớn suốt bảy ngày đêm, khiến ai cũng vui mừng, đầy đủ thức ăn. Sau bảy ngày, rượu và thức ăn hết, bèn tìm cách vào núi lấy quả, cây, nhưng mùi vị nó không ngon, Tiên nhơn đòi giống như trước, người nữ thưa: Đã hết thức ăn, hôm nay chúng ta cùng đi, cách đây không xa có một nơi có những thứ đó. Vị Tiên nhơn đồng ý, nên cùng nhau đi, cách thành không xa, trên đường đi người nữ nằm xuống và nói: Ta quá mệt không đi được nữa.

Tiên nhơn bảo: Nếu ngươi không đi được hãy bám vào cổ ta, ta sẽ cõng ngươi. Người nữ trước đã sai người tin cho vua biết, để vua chứng kiến rõ khả năng trí tuệ của mình. Vua sai người chuẩn bị ngựa giá đến xem, và hỏi: Nhờ lý do gì mà được vậy?

Người nữ đáp: Dùng lực phương tiện, hôm nay, không trở lại được như trước nữa, khiến ở trong thành này, nên cung kính cung cấp thức ăn ngon cho ông ấy theo mọi sự mong cầu của ta, phong cho ông ấy làm quan lớn. Vị quan này chỉ sống được ít ngày, thân thể ốm gầy, nhớ nghĩ thích thú thiền định, chán ngán dục lạc thế gian.

Vua hỏi Tiên nhơn: Sao ngươi không vui, mà thân hình ốm gầy dần vậy?

Tiên nhơn đáp: Tôi tuy hưởng năm khoái lạc, nhưng luôn nhớ đến cảnh các vị Tiên đi kinh hành giữa rừng vắng, thật không quên được!

Nhà vua tự nghĩ: Nếu gượng bắt trái với lòng ông thì chỉ khổ mà thôi, nếu khổ nhiều chắc sẽ chết, ta chỉ muốn cầu khỏi nạn khô hạn, nay được rồi, vì sao lại ép buộc ý chí của ông ấy, nên sai người thả, trở về lại núi. Tiên nhơn tinh tấn chẳng bao lâu đắc năm thông. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Vị Tiên nhơn đó chính là thân ta, còn dâm nữ kia là Da-du-đà-la. Các viên thuốc hoan hỷ để mê hoặc là do Ta chưa đoạn được các phiền não nên bị mê hoặc, hôm nay, Ta dùng lại viên thuốc hoan hỷ đó để mê hoặc Ta thì không thể được. Do việc này, nên biết pháp Xúc rất nhỏ nhiệm, có thể làm lay động vị Tiên nhơn huống nữa là phàm phu. Các lý do như vậy gọi là quở trách về tội lỗi của sự ham muốn xúc. Như vậy là đã quở trách và diệt được năm sự ngăn che.

***Thứ 3: Duyên năm sự ngăn che***

Hỏi: Năm sự ngăn che (cái) là gì?

Đáp: Một là tham dục. Hai là sân giận. Ba là thùy miên. Bốn là

trạo hối. Năm nghi.

Thứ nhất người bị tham dục ngăn che là ngồi thẳng tu thiền định mà tâm khởi lên sự biết, vọng niệm liên tục, mong cầu không dứt dẫn đến sanh khổ. Như luận Trí Độ dạy: Thuật rằng Bà-già vì nhớ công chúa của vua trong tâm tham dục dấy khởi còn muốn đốt thân, mang đến cúng tế trời huống nữa sanh tham dục độc hại thiêu đốt mà không thể thiêu đốt các pháp thiện, tâm chấp đắm dục không có lí do gì được đến gần đạo, nói kệ:

*Người tàm quý vào đạo*
*Mang bát giáo hóa người*
*Sao dục trần dấy khởi*
*Chìm đắm trong năm tình.*
*Đã bỏ năm dục lạc*
*Xả rồi không nhìn lại*
*Sao trở lại tham dục.*
*Như ngu ói ăn lại*
*Mong cầu dục là khổ*
*Khi được nhiều lo sợ.*
*Khi mất lắm não phiền*
*Tất cả chỗ không vui*
*Hoạn nạn đã như thế.*
*Vì sao không thể bỏ*
*Được phước vui thiền định*
*Tức không bị lừa dối.*

Thứ hai người bị sân giận ngăn che là, Sân mất đi các căn bản pháp lành, là nhân duyên đọa vào đường ác, là oan gia của pháp an lạc, giặc lớn của tâm thiện, tích giữ lời nói ác, dao búa của họa. Nếu ai tu tập đạo thì nên suy nghĩ: Sân là não hại mình và mọi người thân, khen ngợi oán giận của ta, là bức họa từ quá khứ đến vị lai cũng như thế, là chín chỗ khổ não, phát sanh sân giận, nhớ đến sân tức che mất tâm nên gọi là cái. Thế nên, phải nhanh chóng trừ bỏ chớ cho phát triển. Như luận Trí Độ, Thích-đề-bà dùng kệ hỏi Phật:

*Diệt pháp nào an ổn?*
*Diệt pháp nào không lo?*
*Pháp nào là gốc độc ?*
*Diệt hết tất cả thiện.*
*Đức Phật dùng kệ đáp:*
*Diệt sân tức an ổn*

*Diệt sân tức không lo*
*Sân là gốc của độc*
*Sân diệt các pháp thiện.*

Biết như thế cần phải tu tâm từ bi, cố gắng diệt trừ để tâm được thanh tịnh, quán biết âm thanh là rỗng không chớ khởi sân si. Luận Trí Độ dạy: Bồ tát biết các pháp không sanh cũng không diệt, tánh của nó đều không. Nếu người nào sân giận, mắng chửi hoặc đánh đập hay giết hại đều là mộng huyễn, quán xét âm thanh vốn là không, chỉ là tiếng gió, theo duyên mà có, sao phải sân giận? Nên luận dạy: Như người muốn nói thì gió trong miệng gọi là Ưu-đà-na, lại vào trong rốn, đến rốn phát ra tiếng, tiếng phát ra qua bảy nơi, đây gọi là nói, như kệ:

*Gió gọi là Ưu-đà-na*
*Chạm rốn phát lên trên*
*Gió phát qua bảy nơi*
*Đỉnh, môi, lợi cùng răng*
*Lưỡi, cuốn họng và ngực*
*Do đó có lời nói*
*Người ngu không hiểu thế*
*Mê chấp khởi sân si.*

Kinh Ưu-bà-tắc dạy: Người có trí nếu gặp sự nhục mạ thường nghĩ như vầy: Lời nói hủy nhục không sanh ra cùng một lúc, lời đầu sanh thì lời sau chưa sanh, lời sau sanh ra thì lời đầu lại diệt. Nếu không cùng lúc sao lại nhục mạ? Khi gặp gió thanh này sao ta lại sân giận? Nên luận Trí Độ dạy: Bồ tát quán thấy bị chúng sanh hủy nhục trăm ngàn kiếp cũng không sanh giận dữ, trái lại dù khen ngợi trăm ngàn kiếp cũng không vui mừng, vì hiểu rõ âm thanh như mộng như tiếng vang.

Thứ ba người bị ngủ nghỉ (thùy miên) ngăn che là trong tâm mê mờ rối loạn, gọi là Miên. Bị năm tình che lấp, buông lung các căn, nằm rũ rượi mê man, gọi là Thùy. Thùy miên này che lấp, có thể phá hủy để được an lạc chơn thật đời này và đời sau. Pháp ác này là bất thiện nhất. Vì sao? Vì các trần khác che lấp thì có thể biết mà trừ bỏ, nhưng ngủ nghỉ thì như người chết chẳng có cảm giác. Vì không có cảm giác nên khó diệt trừ. Như luận Trí Độ dạy: Bồ tát dạy cho các đệ tử về ngủ nghỉ, nói kệ:

*Các ngươi chớ ôm thây chết ngủ*
*Đủ mọi bất tịnh giả gọi người danh*
*Như tên bắn thân bị thương nặng*
*Các khổ tập trung sao ngủ được?*

*Như người bị trói đem đi giết*
*Lửa cháy đến nơi sao ngủ được?*
*Giặc não không diệt hại chưa trừ*
*Như cùng rắn độc ngủ chung phòng*
*Cũng như lâm trận dao trắng xóa*
*Lúc ấy, làm sao mà được ngủ?*
*Ngủ là tối tăm không thể thấy*
*Luôn luôn dối, đoạt người thông minh*
*Do ngủ che tâm không thấy được*
*Lỗi lớn như thế sao ngủ yên!.*

Thứ tư sự ngăn che của (trạo hối) ăn năn, có ba. Một là miệng trạo cử, tức ưa thích ngâm vịnh, tranh cãi đúng sai, bàn luận đùa cợt không lợi ích, nói những lời thế tục... gọi là miệng trạo cử. Hai là thân trạo cử, tức là thích cỡi xe, rong ruổi, buông lung, hoặc các tướng của thân phải dùng sức như kéo, lắc cổ tay, vỗ tay... . Gọi là thân trạo cử. Ba là tâm trạo cử, tâm tình phóng đãng, buông ý nắm duyên, suy nghĩ những kỹ xảo, tài năng văn chương, nghệ thuật thế gian, biết suy xét các pháp ác, gọi là tâm trạo cử. Trạo cử là pháp, phá hoại tâm xuất gia, nên luận Trí Độ nói kệ:

*Người đã cắt tóc mặc cà sa*
*Mang cầm bình bát đi xin ăn*
*Vì sao ham chấp pháp trạo cử*
*Buông lung tâm ý mất pháp lợi.*

Đã không có lợi ích của pháp, lại mất niềm vui ở thế gian, biết những lỗi này nên mau chóng trừ bỏ. Nói hối là nếu trạo cử mà không ăn năn thì không thành ngăn che. Vì sao? Vì trạo cử còn ở trong duyên, sau muốn vào thiền định thì ăn năn những việc làm trước, nên lo buồn che mất tâm, gọi là ngăn che. Ở đây có hai loại: Một là do trạo cử sau mới sanh ăn năn, như trước đã nói. Hai là người tạo tội quá nặng thường lo sợ như tên độc bắn vào tim nhất định không nhổ ra được. Luận Trí Độ nói kệ:

*Không đáng làm mà làm*
*Đáng làm mà không làm*
*Bị lửa não thiêu đốt*
*Đời sau đọa đường ác.*
*Nếu người tội biết hối*
*Hối rồi không lo sợ*
*Tâm như vậy an lạc*

*Không cần nghĩ chấp trước.*
*Hoặc có hai loại hối*
*Hoặc đáng làm không làm*
*Không đáng làm mà làm*
*Là tướng người ngu si.*
*Không đem tâm hối cãi*
*Không làm mà lại làm*
*Tạo các ác đó rồi*
*Không thể khiến không làm.*

Thứ năm là do dự (nghi) ngăn che, tức do nghi ngờ mà ngăn che tâm, nên trong các pháp tâm không nhất định. Vì tâm không quyết định, nên đối với pháp Phật, trống rỗng không được gì cả. Như người vào núi báu nếu không có tay thì chẳng lấy được. Lại nữa, nghi ngờ nói chung, rất nhiều lỗi, chưa hẳn chướng ngại trong việc quyết định. Nay nói, riêng về chướng ngại quyết định có ba loại nghi. Một là nghi ngờ mình. Hai là nghi ngờ thầy. Ba là nghi ngờ pháp. Một là nghi ngờ mình là nghĩ như, "các căn của chúng ta ám độn, tội lỗi sâu nặng, chúng ta chẳng phải là người ư! Tự nghi ngờ mình như vậy, định tuệ không phát sanh, nếu muốn học pháp thì chớ xem thường mình, vì căn lành đời trước khó lường được. Hai là nghi ngờ thầy. Chính vị thầy oai nghi tướng mạo như vậy mà không có đạo thì làm sao dạy bảo ta? Nghi ngờ kiêu mạn đó chính làm chướng ngại quyết định, muốn trừ bỏ pháp nghi ấy cũng như vàng đựng trong túi da thối. Vì tham vàng nên không thể bỏ túi da. Hành giả cũng vậy, Thầy tuy không thanh tịnh cũng nên nghĩ đến Phật. Ba là nghi ngờ về pháp. Như người ở đời, tâm vốn chấp giữ. Những pháp đã thọ mà tâm không tin kính thực hành. Nếu có tâm do dự thì pháp không thâm nhập vào tâm. Vì sao? Như luận Trí Độ dạy:

*Như người đi đường rẽ*
*Nghi ngờ không lãnh thọ*
*Trong các pháp thực tướng*
*Nghi cũng lại như vậy*
*Nghi nên không chuyên cầu*
*Thật tướng của các pháp*
*Nghi này từ si sanh*
*Là ác trong pháp ác*
*Trong thiện và bất thiện*
*Sanh tử và Niết bàn*
*Quyết định pháp chân thật*

*Trong pháp chớ sanh nghi*
*Nếu người thường nghi ngờ*
*Chết vua ngục trói xử*
*Như sư tử bắt nai*
*Không thể thoát ra được*
*Ở đời tuy có nghi*
*Phải theo pháp thiện tốt*
*Ví như thấy đường rẽ*
*Có lợi thì nên theo.*

Hỏi: Pháp bất thiện tuy nhiều vô lượng mà sao chỉ bỏ năm pháp?

Đáp: ở trong năm pháp này là tuy nghĩa như hẹp nhưng chúng bao gồm ba độc cũng thâu nhiếp suốt cả tám vạn bốn ngàn các cửa phiền não. Thứ nhất là ngăn che của tham dục, tức là độc của tham. Thứ hai là sự ngăn che của giận dữ, tức là độc của sân. Thứ ba là sự ngăn che của thùy miên, nghi nghờ tức là độc của si. Pháp trạo cử ăn năn là một ngăn che chia đều, tức là bao gồm bốn phiền não còn lại. Trong một pháp có hai vạn một ngàn, trong bốn pháp thì tổng cộng có tám vạn bốn ngàn các cửa phiền não, vì thế, nếu diệt trừ được năm Cái này tức là trừ bỏ tất cả pháp bất thiện. Ví như người mắc nợ được hết. Như người bịnh được trị lành. Như người đói khát đến nước giàu có. Như ở trong giặc ác mà tự thoát khỏi an ổn, không bị tai hai. Hành giả cũng vậy, đoạn trừ được năm cái này tâm được thanh tịnh. Ví như mặt trời, mặt trăng bị năm thứ che lấp là khói, mây, bụi trần, sương và tay Tu la ngăn che, tức không sáng rõ. Tâm cũng như vậy, hợp lại có thể biết, kệ:

*Năm dục mờ hiểu biết*
*Năm Cái che phước đức*
*Sáu căn tạo các khổ*
*Sáu giặc loạn tâm, sắc*
*Sóng dục cuốn theo trần*
*Lưới ái tùy tâm dệt*
*Ba độc ngại hiểu Không*
*Trôi mãi trong bốn dòng*
*Tuy đến Đông lại Thu*
*Tạm tính mà chưa chọn*
*Xem Bồ câu không cùng*
*Khỉ chuyền cành sao giữ?*
*Mình không dứt dục cái*
*Sao được xa? Bước lên?*

*Bằng che mái thành báu (Bảo thành)*
*Cùng thấy đức Năng nhơn.*

****

## PHẦN THỨ 21: BỐN LOÀI

- Duyên thuật ý.
- Duyên hội danh.
- Duyên tương nhiếp.
- Duyên ngũ sanh.
- Duyên trung ấm.
- Duyên thọ thai.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Người làm thiện thì cảm ứng được an vui, hướng đến trời người, xa quả Phật, làm ác chịu khổ, gần với ba đường, xa ba thừa Thánh đạo. Người ngu không tin, người trí có thể biết. Nên có bốn loài khác biệt, sáu loài sai khác, đường sáng tối khác biệt, cõi thăng trầm cũng khác, lý duyên nghiệp rõ như vậy, quả báo của nhân quả thường như vậy.

***Thứ 2: Duyên tổng hợp tên gọi***

Trong kinh Bát nhã dạy: Một sanh bằng trứng, hai sanh bằng thọ thai, ba sanh nơi ẩm thấp, bốn là sanh bằng biến hóa.

Kinh Trung A hàm giải thích về mười hai nhân duyên, Sanh có bốn cách. Một là sanh bằng bụng là người và súc sanh. Hai là nóng lạnh hòa hợp mà sanh như các côn trùng sâu, bò chét, rận. Ba là sanh bằng cách biến hóa, như trời và địa ngục. Bốn là sanh bằng trứng như các loài chim bay, cá, ba ba.

Kinh Chánh pháp niệm xứ dạy: Súc sanh nhiều vô lượng, tóm có ba nơi. Một là sinh hoạt dưới nước, như các loài cá....Hai là sống trên đất liền, như các loài voi... Ba là sinh sống trên hư không, như các loài chim, hoặc các loài súc sanh chỉ dùng thiên nhãn mới thấy. Sanh có bốn loại. Những gì là bốn. Một là sanh bằng thai như các loài voi, ngựa, trâu, dê. Hai là sanh bằng trứng, như các loài rắn, trăn, ngỗng, vịt, gà, dế. Ba là sanh nơi ẩm thấp, như rận, bò chét, kiến riện. Bốn là sanh bằng biến hóa, như rồng mặt dài... Kinh dạy: Sanh là các căn mới phát triển. Chết là các căn bị diệt. Luận Thiện kiến dạy: Một là sanh bằng

sắc. Hai là sanh không sắc. Sanh có sắc thì có thể hoại, sanh không sắc thì không thể hoại. Sanh không sắc thì dựa vào sanh có sắc. Sắc và tâm cùng nương tựa nhau mà thành, khiến cho trước không lùi về sau, sau không chạy về trước gọi là chết.

Kinh Niết bàn dạy: Phật tánh của chúng sanh trú trong năm ấm, nếu hủy hoại năm ấm gọi là sát sanh, nếu có sát sanh tức đọa đường ác. Do sanh tử này nên sanh có bốn. Nương vào màng mà sanh gọi là trứng. Tổng hợp cất chứa rồi xuất ra gọi là thai. Như thấm nhuần mà phát khởi gọi là thấp. Bỗng nhiên mà hiện ra gọi là hóa. Chúng sanh bị tóm thâu, không thoát qua bốn loại này.

***Thứ 3: Duyên cùng nhau thâu nhiếp***

Luận Tỳ Bà Sa dạy: Trong cõi Dục này tóm thâu đủ sáu đường. Cõi sắc và cõi Vô sắc mỗi mỗi đều có phần ít sáu đường. Sở dĩ sai khác là do cõi Dục loạn lạc, chúng sanh phần nhiều xấu ác khởi các nghiệp không thuần, hoặc thiện, hoặc ác, vì không giống nhau, theo nghiệp chịu báo có nhiều khác biệt. Hai cõi trên chỉ là định, chúng sanh tĩnh lặng, khởi các nghiệp cũng thuần, nên không có nhiều đường sai khác.

Hỏi: Bốn loài, sáu đường cùng thâu nhiếp thế nào?

Đáp: Như trong luận Tỳ Đàm dạy: Trời và địa ngục chỉ một hướng hóa sanh. Quỷ có hai hướng là thai sanh và hóa sanh. Người và súc sanh mỗi loại đều đủ bốn thứ sanh. Nên luận này hỏi: Sanh tóm thâu các đường, hay là đường thâu tóm các sanh? Liền tự đáp kệ:

*Sanh thu nhiếp các đường (loài)*
*Đường không nhiếp các sanh (loại sanh)*
*Tức trung ấm mạnh sanh*
*Biết chẳng đường tóm thâu.*

Nên biết nghĩa sanh rộng, nghĩa đường hẹp. Vì hóa sanh rất rộng lớn, gồm hai đường và một phần ít của ba đường. Trong địa ngục hoàn toàn hóa sanh.

Hỏi: Sáu cõi trời Dục đều hành dâm giống người sao không có sanh bằng thai? Đáp: Dục ái tuy đồng nhưng việc làm khác nhau. Kinh Lâu thán chánh pháp niệm dạy: Cõi tứ thiên và trời Đao lợi hai nơi này, khi dâm dục có hình tướng nam nữ giao hội, giống người không khác, nhưng không xuất tinh như người. Cõi tứ thiên trên hoàn toàn khác. Diệm ma thiên hành dục, ý thích chỉ ôm hay cầm tay mà thành, không cần giao hợp. Trong Đâu suất thiên ý thích nói cười mà thành, không đợi ôm nhau. Trong Tha hóa lạc thiên cùng nhìn nhau mà thành không

đợi nói cười. Trong Hóa thiên chỉ nghe tiếng nói, hoặc nghe mùi thơm mà thành, không đợi nhìn nhau nên khác với loài người. Vì các cõi trời sanh bằng biến hóa, nên từ đầu gối mẹ hiện ra. Đường ngạ quỷ sanh bằng biến hóa có thể biết. Sanh bằng thai là ít giấu được, như người quán tịnh kia nói: Xưa trong thành Xá vệ có người nữ bị vướng tinh trùng của quỷ, sau đó sanh ra năm trăm quỷ con. Luận Câu xá nói: Có một con quỷ nói với Mục Kiền Liên: Ban ngày ta sanh năm con, đêm ta sanh năm con, sanh ra làm thức ăn, lại không được no. Đây là quỷ sanh bằng thai. A-tu-la có hai đường sanh là bằng thai và biến hóa. Do có giao hợp nên có sanh bằng thai. Kiếp đầu tiên của A-tu-la là từ trời mà sanh, tức là sanh bằng biến hóa. Theo kinh Quán Phật Tam Muội nói: Căn bản của Tu-la-nữ là từ trong ẩm ước, trứng, bùn, ở biển lớn mà sanh ra, nên có chung hai cách sanh là biến hóa và thai, cũng có đủ bốn cách sanh. Người cũng có bốn cách sanh. Sanh bằng thai thì có thể thấy được. Sanh bằng trứng, như kinh Niết Bàn dạy: Như Tỳ-xá-khư-mẫu sanh một cục thịt, trong đó hiện ra ba mươi hai trứng. Luận Tỳ Bà Sa hỏi: Làm thế nào để biết trong loài người có sanh bằng trứng? Như lời Đức Phật dạy: Ở cõi Diêm phù lợi, có nhiều người buôn vào biển tìm vật báu, gặp hai con nhạn, tùy theo sở thích mà biến hóa. Một con mất, còn lại một con, cùng với người đó đùa giỡn, cùng ngủ một phòng rồi giao hợp, liền sanh hai cái trứng, trứng được ấp nóng lên sanh được hai đồng tử, sau lớn lên, xuất gia chứng quả A-la-hán. Người thứ nhất tên là Thi-bà-la, thứ hai tên Ưu-bát-thi-ba.

Hỏi: Làm thế nào để biết được loài người sanh nơi ẩm thấp?

Đáp: Như trong kinh đã dạy: Có vua Đảnh-sanh, Tôn giả Giá-la, Tôn giả Ưu-bà-giá-la, Lê-nữ và Nại-nữ tất cả đều sanh như vậy.

Hỏi: Làm sao biết loài người sanh bằng biến hóa?

Đáp: Như kiếp ban đầu của loài người đã được pháp của bậc Thánh, không sanh bằng trứng và ẩm thấp.

Hỏi: Tại sao lại không sanh bằng trứng và ẩm thấp?

Đáp: Sanh bằng trứng và ẩm thấp là cách sanh của súc sanh. Súc sanh có bốn cách sanh. Sanh bằng thai, trứng, ẩm thấp. Ba cách này mắt nhìn thấy, nên biết được, còn sanh biến hóa theo kinh Lâu thán nói: Chim Đại bàng cánh vàng có bốn cách sanh, trở lại ăn rồng có bốn cách sanh, sanh bằng biến hóa thì có đủ bốn loại thức ăn, sanh bằng thai có ba loại thức ăn, sanh bằng trứng có hai thức ăn, sanh bằng ẩm thấp thì lại một thức ăn ẩm thấp.

Trong kinh Khởi thế dạy: Phía Bắc biển lớn là nơi loài rồng và tất

cả chim Đại bàng làm chủ, nên làm một cây lớn, gọi là Cư-tra-xa-ma-ly. Gốc cây ấy to bảy do tuần, ăn sâu xuống đất hai mươi do tuần, thân cao một trăm do tuần, cành lá che khắp năm mươi do tuần. Phía Đông của cây có rồng và chim Đại bàng sanh bằng trứng. Phía Nam của cây có con rồng và chim Đại bàng sanh bằng thai. Phía Tây của cây có rồng và chim Đại bàng sanh bằng ẩm thấp. Phía Bắc của cây có rồng và chim Đại bàng sanh bằng biến hóa, xung quanh cây đều có cung điện, chu vi sáu trăm do tuần, tường vách bảy lớp trang hoàng bằng bảy báu, hương thơm bay xa, các chim cùng hót. Lại chúa chim Đại bàng sanh bằng trứng khi dục phát khởi nắm lấy rồng sanh bằng trứng rồi bay đến trên cành cây lớn Cư-tra-xa-ma-ly phía Đông, nhìn nước biển lớn rồi bay xuống, hai cánh quạt biển lớn làm nước tràn ra hai trăm do tuần. Ở đó, ấp rồng sanh bằng trứng, đem ra biển tùy ý mà ăn. Chúa chim đại bàng sanh bằng trứng chỉ có thể lấy được rồng sanh bằng trứng, chứ không thể lấy được rồng sanh bằng thai, thấp, hóa. Nếu chim đại bàng sanh bằng thai muốn lấy rồng sanh bằng trứng thì phải trở về biển phía Đông của cây mới lấy được. Chim sanh bằng thai muốn lấy rồng sanh bằng thai thì phải hướng đến trong biển phía Nam của cây mới lấy được. Khi nước dâng tràn bốn trăm do tuần nên chúa chim sanh bằng thai đó chỉ có thể lấy được rồng sanh bằng trứng và thai, không thể lấy được rồng sanh bằng ẩm thấp và biến hóa.

Chúa chim đại bàng sanh ẩm thấp muốn lấy rồng sanh bằng trứng thì phải về biển phía Đông của cây lấy ăn. Lại chúa chim đại bàng sanh ẩm thấp muốn lấy rồng sanh bằng thai thì đến trong biển phía Nam của cây lấy ăn, nước tràn lên bốn trăm do tuần, chúa chim đại bàng sanh ẩm thấp muốn lấy rồng sanh ẩm thấp thì hãy đến trong biển phía Tây của cây để lấy, nước tràn khắp tám trăm do tuần, chúa chim đại bàng sanh ẩm thấp chỉ có thể lấy những con rồng sanh bằng trứng, thai và ẩm thấp.

Chúa chim đại bàng sanh bằng biến hóa muốn lấy rồng sanh bằng trứng liền đến trong biển phía Đông của cây mà lấy. Nếu muốn lấy rồng sanh bằng thai thì phải đến biển phía Nam của cây mà lấy. Nếu muốn lấy rồng sanh ẩm thấp thì đến biển phía Tây của cây mà lấy. Nếu muốn lấy rồng sanh bằng biến hóa thì phải đến biển phía Bắc của cây mà lấy, nước tràn lên một ngàn sáu trăm do tuần, các rồng đều bị chim đại bàng ăn hết.

Kinh Quán Phật Tam Muội, Đức Phật dạy: Trong cõi Diêm phù đề và Tứ thiên hạ có chim đại bàng gọi là Ca-lầu-la-vương nhanh nhẹn

và tự tại nhất trong các loài chim. Nghiệp báo của chim này là ăn loài rồng, ở cõi Diêm phù đề mỗi ngày ăn một rồng chúa và năm trăm rồng nhỏ, ngày thứ hai ở Phất-ba-đề, ngày thứ ba ở Cù-da-ni, ngày thứ tư ở Uất-đơn-việt đều ăn như ngày đầu, cứ ăn xoay vòng như vậy, trải qua tám ngàn năm. Lúc đó, chim tướng chết đã hiện, các rồng nhả độc trong thân không sao ăn được. Chim đại bàng đói khát cồn cào, khắp nơi lo sợ tìm cầu nhưng không được, lại bay qua các núi nhưng hoàn toàn chẳng được an ổn, đến núi kim cang dừng nghỉ một chút, hạ xuống ngay bên bờ nước lớn, từ bờ nước lớn lại gặp gió xoáy cuốn lại núi kim cang, cứ như vậy cho đến bảy lần, sau đó qua đời. Khi chim đó qua đời, vì những chất độc trong nó làm cho núi mười báu cùng lúc lửa bốc cháy. Khi ấy, Nan Đà-long-vương sợ núi này cháy liền tuôn mưa lớn thấm sâu, xoáy quanh thân chim như trục xe, làm thịt tan rã, chỉ còn quả tim, lại bảy lần lên xuống như trước, sau đó trở về đỉnh núi Kim cang. Nan Đà-long-vương lấy trái tim của chim để làm minh châu, còn Chuyển Luân vương lấy làm ngọc như ý.

Kinh Lâu Thán dạy: Các rồng trong đời lấy ba sức nóng để thiêu đốt, nhưng A-nậu-đạt-long-vương không dùng ba sức nóng đó để thiêu. Một long vương khác làm nóng cát rồi tuôn xuống trên thân, khiến thân thiêu cháy rất đau đớn. Hai là long vương khác khi khởi lên tướng dâm thì bị gió nóng thổi đến trên thân khiến thân bị thiêu cháy, mất đi nhan sắc, lại bị làm thân rắn, càng lo sợ không vui. Ba là long vương khác bị chim đại bàng ăn, tất cả đều hoảng hốt lo sợ, các con rồng khác trong đời đều bị độc hại làm nóng bức, chỉ có A-nậu-đạt-long-vương không bị nóng.

Luật Thiện Kiến, Đức Phật dạy: Rồng có năm việc, không từ bỏ thân rồng. Những gì là năm? Một là khi hành dâm, nếu hành dâm cùng với rồng thì lại sanh thân rồng, nếu hành dâm với người thì không được làm thân rồng. Hai là lúc thọ sanh không xa lìa thân rồng. Ba là khi lột da. Bốn là khi ngủ nghỉ. Năm là lúc chết. Năm việc này không thể từ bỏ thân rồng.

Hỏi: Bốn loại thức ăn tóm thâu như thế?

Đáp: Như trong luận Tỳ đàm tóm tắc có sáu đường đều có bốn thứ thức ăn, nhưng có rộng, hẹp khác nhau, như trong địa ngục có đoàn thực là nuốt hòn sắc nóng, uống nước đồng sôi, tuy làm cho khổ tăng lên nhưng để trừ đói khát, gọi là đoàn thực. Lại trong địa ngục trói buộc nhẹ hơn đều có lạnh và ấm, hai ngọn gió cùng thổi xoáy vào thân, cũng gọi là đoàn thực, chỉ hai cõi trên không có đoàn thực, vì thân của họ nhẹ

nhàng. Luận kệ:

*Bốn thức ăn Dục giới*
*Bốn đường sanh cũng vậy*
*Thức ăn hai cõi trên*
*Có ba, đoàn thực không.*

Hỏi: Chưa biết trong sáu đường, sao biết tăng thêm thức ăn?

Đáp: Như trong luận Tỳ đàm nói: Ở trong sáu đường: Quỷ hoàn toàn là loài sanh bằng trứng, bao gồm cả ba vô sắc trước, đều là thức ăn tăng thêm sự suy nghĩ. Vì sao? Vì trong đường ngạ quỷ ý làm việc nhiều hơn. Chúng sanh sanh bằng trứng, khi ở trong vỏ trứng, do nhớ nghĩ mẹ nên trứng không hư, ba Vô sắc trước cũng như ý, vận hành tư duy nhiều. Vì thế, tất cả đều lấy suy nghĩ làm thức ăn để lớn lên. Loài người và trong cõi trời Lục dục đều do đoàn thực mà lớn lên. Vì sao? Vì chủ yếu nhận thức ăn để nuôi sống thân mạng; hết thảy ở trong địa ngục và cõi Phi tưởng đều lấy thức làm thức ăn để lớn lên. Vì sao? Vì ở trong địa ngục, thức duy trì danh, sắc. Trong cõi Phi tưởng lấy thức để giữ danh. Ở trong cõi sắc cùng với sanh ẩm thấp đều lấy xúc làm thức ăn để lớn lên. Vì sao? Vì trong cõi sắc tu tập thiền định, do lạc và xúc duy trì thân; trong loài sanh ẩm thấp, do tiếp xúc với ẩm thấp (nóng lạnh) để duy trì sanh mạng.

***Thứ 4: Duyên sanh vào năm đường***

Luận Địa trì dạy: Bồ tát sanh có năm cách, an trú trong tất cả hạnh, an lạc tất cả chúng sanh. Một là sanh để dứt khổ. Hai là tùy loài mà sanh. Ba là sanh tối thắng. Bốn là sanh tăng thượng. Năm là sanh sau cùng.

Bồ tát do năng lực của nguyện nên gặp đời đói khát chịu làm thân cá lớn, lấy thịt cứu giúp chúng sanh. Lúc đời bịnh tật thì làm thầy thuốc giỏi, trị các bịnh. Ở đời chiến tranh thì làm vua có năng lực mạnh, cứu giúp để dứt trừ chiến tranh, đem pháp giáo hóa cho người tà kiến và kẻ làm ác. Như vậy, Bồ tát sanh trong đó vô lượng, gọi là sanh để diệt khổ. Bồ tát do năng lực nguyện tự tại nên với tất cả chúng sanh, trời, rồng, quỷ thần cùng nhau tranh loạn, các ngoại đạo khởi lên tà kiến, Bồ tát thường sanh trong đó luôn làm người dẫn đường, thuyết giảng rộng rãi khiến cho họ vào chánh pháp. Đây gọi là tùy loại mà sanh. Bồ tát do tánh thọ sanh, hơn hẳn các quả báo thân sắc và thọ mạng ở thế gian, gọi là sanh tối thắng. Bồ tát từ an trú tâm thanh tịnh, cho đến tối thượng Bồ tát trú, ở cõi Diêm phù đề tự tại thọ sanh khắp nơi thật đặc biệt, gọi là

sanh tăng thượng. Bồ tát tối thượng an trú thọ sanh điều phục đầy đủ các tăng thượng của nghiệp Bồ đề, sanh vào nhà Sát-lợi, Bà-la-môn chứng đắc quả Vô thượng Bồ đề, làm tất cả phật sự, gọi là sanh tối hậu. Bồ tát ba đời đều thọ sanh bằng năm loại này. Ngoài ra nhân Vô thượng này thì nhanh chóng chứng đắc quả Bồ đề Vô thượng.

Luận Du Già dạy: Các Bồ tát thọ sanh tóm lược có năm loại, thâu tóm các sự sanh. Tất cả Bồ tát thọ sanh đều không có tội, lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh. Những gì là năm? Một là sanh để trừ các tai ương. Hai tùy theo loài mà sanh. Ba là sanh có năng lực lớn. Bốn là sanh tăng thượng. Năm là sanh tối thắng. Bồ tát gặp những đói khát chịu làm thân cá lớn, cứu giúp chúng sanh, khiến cho no đủ, hoặc lúc bịnh dịch thì làm thầy thuốc giỏi, trị các bịnh. Ở đời chiến tranh thì dùng phương tiện thiện xảo năng lực mạnh, dứt trừ chiến tranh, hoặc có vua ác trị phạt phi pháp, thì dùng nguyện lực thương xót tất cả, hoặc khởi tà kiến để diệt tà ác. Đây gọi là nói tóm lược sanh để diệt trừ các tai ương ngang tàn. Hoặc có Bồ tát dùng nguyện lực sanh đến các loài khác, dùng phương tiện giáo hóa. Đây gọi là nói tóm lược sanh tùy theo loài. Hoặc có Bồ tát sanh theo bản tánh để thích nghi với thọ mạng, hình dáng kích thước, màu sắc, dòng họ, tự tại giàu có thật là thù thắng, làm việc để lợi người và mình. Đây gọi là nói tóm lược thọ sanh có thế lực lớn. Hoặc có Bồ tát an trú trong mười cõi, làm mười vị vua đặc biệt hơn người. Khi thành tựu rồi, do nghiệm này mà cảm ứng được tăng thượng. Đây gọi là nói tóm lược thọ sanh tăng thượng. Hoặc có Bồ tát sanh ở trong đây, tư lương Bồ đề quá viên mãn, hoặc sanh vào nhà của nước lớn mạnh giàu có, có thể hiểu biết và làm những Phật sự. Đây gọi là nói tóm lược thọ sanh tối thượng. Nếu các Bồ tát ở trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại thanh tịnh, hiền từ sanh đến các nơi tốt lành đều thuộc vào năm loại sanh này, ngoài ra không ngoài năm loại này, chỉ trừ ở phàm phu Bồ tát mới thọ sanh. Vì sao? Vì ý trong này biết được sự thọ sanh của Bồ tát, là y báo của quả vị đại Bồ đề, khiến cho các Bồ tát mau chứng Bồ đề.

***Thứ 5: Duyên Trung ấm***

Luận Tân bà sa dạy: Trung ấm có nhiều tên gọi hoặc là Trung hữu, Kiện đạt phược, Cầu hữu, Ý thành. Hỏi: Sao gọi là Trung hữu?

Đáp:Trung hữu có mặt sau khi chết và trước khi sanh, khoảng giữa thời gian đó có tự thể sanh.

Hỏi: Sao Trung hữu gọi là Kiện đạt phược?

Đáp: Vì thức ăn của nó bằng hương để tồn tại. Tên này chỉ thuộc

về trung hữu cõi Dục.

Hỏi: Sao Trung hữu gọi là Cầu hữu?

Đáp: Trong sáu cửa, cầu có sanh.

Hỏi: Sao Trung hữu gọi là Ý thành?

Đáp: Do ý mà sanh, nghĩa là các hữu tình từ ý mà sanh hay từ nghiệp mà sanh, hay do dị thục mà sanh, hay từ dâm dục mà sanh. Từ ý sanh là kiếp ban đầu của con người với các trung hữu cõi Sắc và Vô sắc thân đều do biến hóa. Từ nghiệp sanh là các địa ngục, như Khế kinh dạy: Địa ngục hữu tình chúng sanh là bị nghiệp trói buộc không thể thoát khỏi, do nghiệp mà sanh, không do ý thích. Từ dị thục sanh là như loài chim bay và quỷ thần, do năng lực của dị thục mạnh nên nhẹ khỏe có thể bay trên hư không, sườn núi ngăn chặn cũng không bị trở ngại. Từ dâm dục sanh là cõi trời Lục dục và loài người. Các thân Trung hữu từ Ý sanh là cố dựa ý vận hành nên gọi là Ý thành.

Theo luận Bà Sa, hỏi: Các căn Trung hữu đủ hay không?

Đáp: Tất cả Trung hữu các căn đều đủ. Ban đầu thọ Dị thục chắc chắn viên mãn. Có thuyết nói không đủ. Như các dấu ấn, ấn vào các vật hiện lên hình giống. Như thế Trung hữu phản ánh hướng đến bản hữu. Nếu khi bản hữu các căn không đổi, thí theo lý của thuyết đầu tiên lại tốt. Chỗ Trung hữu ở sáu nơi, cầu sanh khắp cả, nên các căn chắc chắn đầy đủ. Ở đây nói như mắt... chẳng phải căn của nam nữ. Cõi Sắc Trung hữu không có các căn đó. Cõi Dục Trung hữu các căn đó cũng không nhất định, nên thọ sanh bằng hai cách trứng và thai. Chỗ Trung hữu trú có căn nam và nữ. Trong thai và trứng thì không đủ các căn. Nếu không như vậy thì không có nghĩa thọ sanh bằng trứng, bằng thai.

Hỏi: Hành tướng Trung hữu trong các đường là thế nào?

Đáp: Ở địa ngục Trung hữu đầu xuống dưới chân lên trên hướng về địa ngục. Tụng nói:

*Điên đảo đọa địa ngục*
*Chân trên đầu quay xuống*
*Do hủy báng các Tiên*
*Thích tịnh tu khổ hạnh.*

Trung hữu ở các cõi trời này chân dưới mà đầu trên, như người dùng tên bắn lên hư không bay thẳng lên không vận hành, trụ ở sáu đường, còn thân Trung hữu các đường khác thì đi ngang, như chim bay lên hư không đi đến chỗ ở. Như trên tường vẽ vị tiên bay, nhấc thân đưa tay bên thân vị ấy mà tìm chỗ sẽ sanh.

Hỏi: Hành tướng của Trung hữu đều như vậy chẳng?

Đáp: Không nhất định như vậy. Vả lại nói con người qua đời chết ở địa ngục lại sanh vào địa ngục, không nhất định đi đầu dưới chân trên. Nếu chết trong cõi trời lại sanh vào cõi trời không thẳng chân dưới đầu trên để đi. Nếu chết ở địa ngục sanh vào loài người phải đầu ở trên để bay lên. Nếu chết ở cõi trời sanh vào loài người thì đầu quay xuống dưới. Trung hữu của hai đường ngạ quỷ và bàng sanh tùy chỗ trú, nên biết như vậy.

Theo luận hỏi: Khi Trung hữu sanh có y (quần áo) không?

Luận đáp: Trung hữu ở cõi Sắc tất cả đều có y. do trong cõi Sắc có nhiều hổ thẹn. Tàm quý là y phục của pháp thân. Như pháp thân đủ y phục thù thắng, thân sanh ra cũng vậy, nên Trung hữu đó thường có đầy đủ y. Trung hữu cõi Dục phần nhiều không có y. Vì trong cõi Dục không có tàm quý chỉ trừ Bồ tát và Tỳ-kheo ni thanh tịnh. Trung hữu luôn được thọ nhận có y phục đẹp, có một số Thầy khác nói: Thân Trung hữu của Bồ tát thì không có y, riêng các Tỳ-kheo ni thanh tịnh được thọ Trung hữu, luôn có y đầy đủ.

Hỏi: Do duyên gì mà Trung hữu của Bồ tát không có y mà Tỳ-kheo ni thanh tịnh có y?

Đáp: Tỳ-kheo ni thanh tịnh đã từng dâng y phục cúng dường Tăng bốn phương, nên Trung hữu đó thường có y phục.

Hỏi: Bồ tát sanh ở quá khứ lấy y phục tốt đẹp cúng dường Tăng bốn phương, những Tỳ-kheo thanh tịnh cũng được y ấy, dù nghiền nhỏ làm bụi trần, y cúng dường của Tỳ-kheo ni vẫn không sánh bằng. Vì sao thân Trung ấm của Bồ tát không có y, mà những Tỳ-kheo ni ấy lại có y?

Đáp: Do nguyện lực của Tỳ-kheo ni đó khác Bồ tát. Nghĩa là Tỳ-kheo ni thanh tịnh dùng y cúng dường Tăng bốn phương, phát nguyện: Nguyện con đời đời luôn mặc y phục cho đến thân trung hữu cũng không lộ thân. Do nguyện lực này nên sanh ở nơi nào luôn có nhiều y phục, thân sau cùng của họ thọ Trung hữu cũng luôn có y phục, vào trong thai mẹ cho đến ra đời y không lìa thân. Thân những vị đó lớn dần lên, rồi xuất gia thọ giới Cụ túc liền được năm y, chuyên tu chánh hạnh, chẳng bao lâu đắc quả A-la-hán cho đến sau khi nhập Niết bàn dùng y cột thân thiêu đốt. Bồ tát ở vô số kiếp trong ba đời quá khứ đã tu tập tất cả những việc lành tối thắng đều hồi hướng quả vị Bồ đề Vô thượng, lợi ích an lạc cho các hữu tình. Do hạnh nguyện ấy, tuy thấy tướng hảo mà không thấy y phục. Nguyện lực có khác không nên làm khó! Theo luận hỏi: Ở trong thân Trung hữu có nhờ đoàn thực không?

Đáp: Trung hữu cõi Sắc không nhờ đoàn thực. Thân Trung hữu cõi dục chắc chắn nhờ đoàn thực.

Hỏi: Đoàn thực của Trung ấm cõi Dục thế nào?

Có thuyết nói: Trung ấm cõi Dục đến nơi có thức ăn liền ăn thức ăn của nó, đến nơi có nước liền uống nước của nó. Do ăn uống ấy để mình được sống. Ở đây nói phi lý, vì sao? Vì Trung hữu rất nhiều khó cho khắp. Trong khế kinh dạy: Như đổ từ những bao lúa ít nhựa nếu bỏ vào trong chảo nấu thành rất nhiều mật mà chúng sanh năm đường thọ Trung hữu quá nhiều, phân tán khắp nơi, số đó nhiều vô lượng quá hơn thế nữa. Nếu thân Trung hữu thọ nhận các thức ăn uống thì tất cả thế gian đều có ăn uống, chỉ dùng cho thân Trung hữu của loài chó cũng không đủ, huống nữa các thân Trung hữu khác mà đầy đủ. Lại thân Trung hữu rất nhỏ, nếu ăn thức ăn nhiều, thô thì thân phải hủy hoại. Nên nói: Thức ăn của Trung hữu là hương, chẳng phải ăn chất thô sơ, nên không sai lầm như thuyết trước. Nghĩa là: Trung hữu có phước thích hưởng hoa quả sạch ngon, khí hương thơm nhẹ nhàng, để tự nuôi sống. Trung hữu không có phước, ham thích thức ăn tanh hôi, thối rã, khí hương nhẹ ít để tự nuôi sống, lại những thức ăn đó, khí (hơi) rất ít, Trung hữu tuy nhiều nhưng cung cấp vẫn đủ.

Theo luận dẫn chứngở trong kinh, Thế Tôn nói: Ba việc hòa hợp để vào thai mẹ. Cha mẹ hòa hợp với tâm ô nhiễm, thân mẹ điều thích không có bịnh, đúng thời, Kiện-đạt-phược có mặt đúng lúc. Lúc ấy, Kiện-đạt-phược hai tâm nối tiếp hiện vào thai mẹ. Ba việc hòa hợp trong đây là: Một là cha mẹ đều thích hòa hợp. Hai là thân mẹ đúng thời thích ứng. Ba là Kiện-đạt-phược đúng lúc xuất hiện. Cha mẹ cùng hòa hợp với tâm nhiễm ô là cha mẹ đều khởi thích dâm mà cùng giao hội. Thân mẹ thích ứng đúng thời là mẹ khởi lên ưa thích, thân tâm vui thích, gọi là thân điều thích. Trì luật nói: Do mẹ khởi lên ưa thích, thân tâm vẫn đục nhiễm, như mùa Xuân, Hạ nước dơ chảy mãi không thể ngăn được, gọi là thân nhiễm ô. Bụng mẹ tốt lành không bị phong gió cảm nóng làm khó chịu, nên gọi là vô bịnh. Do trong chín tháng hay mười tháng này luôn giữ thai không để tổn hại. Nói đúng thời là, người mẹ có bất tịnh dơ uế, mấy ngày trong tháng thường xuất huyết, hoặc quá nhiều, hay do ít ẩm ướt nên thai không thành. Nếu quá ít, do khô quá đặc nên thai không thành. Nếu xuất huyết này không nhiều, không ít, không khô, không ẩm mới thành thai, gọi là đúng thời. Trung hữu này khi vào thai, mẹ xuất huyết lúc sau cùng còn lại hai giọt, tinh cha sau cùng còn một giọt hòa hợp liên tục mới thành thai. Kiện-đạt-phược xuất

hiện đúng lúc là Trung hữu, xuất hiện đúng ngay lúc này chẳng phải nơi nào khác, chẳng trước, chẳng sau. Kiện-đạt-phược này lúc đó hai tâm tuần tự hiện ra. Nhập vào thai tạng là khi Kiện-đạt-phược sắp vào thai đối với cha, mẹ hai tâm thương và giận nối tiếp nhau khởi lên mới được thai. Nếu Trung hữu của người nam khi sắp vào thai đối với cha thì giận mà mẹ thì thương.

Theo luận hỏi: Trung hữu ở đâu mà vào thai mẹ?

Có thuyết nói: Trung hữu không ngăn ngại, tùy theo chỗ ưa thích mà nhập vào thai.

Hỏi: Nếu thân Trung hữu không bị chướng ngại thì sao nương vào thai mẹ mà trú?

Đáp: Bị nghiệp lực trói buộc, nên trú ở đó. Nghiệp lực của chúng sanh không thể nghĩ bàn, không có vật gì làm chướng ngại. Vì thế, ở đây không nên làm khó. Phải nói như vậy: Trung hữu vào thai nhất định ra từ cửa sanh là chỗ ái, do nghĩa lý này nên có các song sanh(?), đứa sanh sau thì lớn. Vì sao? Vì vào thai trước thì chắc chắn phải sanh ra sau.

Hỏi: Trung hữu của Bồ tát nhập thai ở nơi nào?

Đáp: Vào nách (hông) phải, biết đúng lúc (chánh tri) nhập thai, đối với tưởng của mẹ không thích dâm. Lại có người nói: Vào từ cửa sanh, các cách sanh bằng trứng hay bằng thai cũng như vậy.

Hỏi: Trung hữu đời trước của Luân vương, Độc giác khi vào thai chỗ nào?

Đáp: Vào nách phải, biết đúng nhập thai, đối với tưởng của mẹ không thích dâm. Lại có người nói: Vào từ cửa sanh, các cách sanh bằng trứng hay bằng thai cũng như vậy.

Có thầy khác nói: Phước trí của Bồ tát thật tối thượng, nên khi sắp nhập thai không có tướng điên đảo, không khởi thức dâm. Luân vương, Độc giác tuy có phước trí nhưng chẳng tối thượng, khi sắp vào thai tuy không có tưởng điên đảo mà có khởi thích dâm, nên khi vào thai thì phải cửa sanh mà vào.

Dẫn chứng theo luận Thi Thiết nói: Nếu cha mẹ đó, nghiệp phước tăng thượng mà nghiệp phước của con kém thì không được vào thai. Nếu cha mẹ đó phước mỏng mà nghiệp phước của con dày thì không được vào thai. Điều chính yếu là nghiệp của ba người cha, mẹ và con phải như nhau mới được vào thai.

Hỏi: Nếu chồng giàu có mà hòa hợp với vợ nghèo khổ, hay vợ giàu có mà hòa hợp với chồng nghèo khổ mà sao Trung hữu vẫn được

vào thai?

Đáp: Khi chồng giàu có mà hòa hợp với vợ nghèo khổ, thì chắc chắn trong thân chồng có tưởng thấp kém, đối với người vợ sanh tưởng cao quý. Khi vợ giàu có mà hòa hợp với chồng nghèo khổ thì chắc chắn trong thân vợ có tưởng thấp kém, đối với người chồng sanh tưởng cao quý. Khi chồng nghèo khổ mà hòa hợp với vợ giàu có, thì chắc chắn trong thân chồng có tưởng cao quý, đối với người vợ sanh tưởng thấp kém. Khi vợ nghèo khổ mà hòa hợp với chồng giàu có thì chắc chắn trong thân vợ có tưởng cao quý, đối với người chồng sanh tưởng thấp hèn. Con sắp vào thai cha mẹ cũng phải biết như vậy, nên khi vào thai cũng có những nghĩa như nhau.

Lại theo Luận hỏi: Trung hữu rất vi tế, tất cả vách, tường núi cheo leo, cây cối đều không thể ngăn ngại, vậy Trung hữu chỗ này, chỗ kia có ngăn ngại nhau không? Có người nói: Trung hữu này, kia cũng không có ngăn ngại nhau. Vì tướng rất là nhỏ nên khi tiếp xúc với thân không thể nhận biết. Lại có thuyết nói: Trung hữu này và kia đều có ngăn ngại nhau, vì khi chúng gặp nhau, lần lượt có nói năng.

Hỏi: Như thế sao nói Trung hữu vô ngại?

Đáp: Ở chỗ khác thì vô ngại, không phải gọi Trung hữu.

Hỏi: Trung hữu này, kia đều ngăn ngại nhau chăng?

Đáp: Cùng loài mới ngăn ngại, chẳng phải khác loài. Trung hữu ở địa ngục chỉ ngăn ngại Trung hữu địa ngục, cho đến Trung hữu cõi trời thì ngăn ngại Trung hữu cõi trời. Lại có thuyết nói: Trung hữu yếu ngăn ngại mạnh, vì thô, nặng. Mạnh không ngại yếu kém vì nó rất nhỏ nhẹ. Nghĩa là Trung hữu ở địa ngục ngăn ngại Trung hữu năm loài. Trung hữu của bàng sanh ngăn ngại Trung hữu bốn loài.Trung hữu của ngạ quỷ ngăn ngại Trung hữu ba loài. Trung hữu của người ngăn ngại Trung hữu hai loài. Trung hữu của trời chỉ ngăn ngại Trung hữu trời.

Kinh Chánh Pháp Niệm dạy: Có mười bảy pháp Trung ấm hữu. Ngươi nên niệm để tu đạo tịch diệt, hoặc trời, hoặc người nhớ nghĩ đạo này mệnh chung không lo sợ Diêm la làm tổn hại. Những gì là mười bảy pháp Trung ấm hữu?

Một là, nếu loài người chết sanh lên cõi trời thì thấy ưa thích tướng Trung ấm, như vải trắng rũ xuống trên đất, trắng tinh mềm mại, thấy vườn rừng, hồ hoa, nghe ca múa đùa giỡn, lại nghe các mùi hương, tất cả đều ưa thích, vô lượng các vật hòa hợp, mới tiếp xúc liền sanh ở cõi trời. Do nghiệp thiện mà hiện tại được nhạc trời, sắc thái dung mạo, hân hoan thanh tịnh, bà con anh em khóc lóc, vì tướng thiện nên không

nghe không thấy, tâm cũng không nhớ nghĩ. Khi qua đời, bắt đầu sanh vào chỗ an lạc, thân trời tương tợ như đóng dấu hành văn, thấy nơi tốt đẹp cõi trời, liền sanh ưa thích cảnh, nên thọ được làm thân trời. Đây gọi là Trung ấm hữu sanh đầu tiên.

Thứ hai Trung ấm hữu là, nếu người ở cõi Diêm phù đề, qua đời sanh vào Uất đơn việt thì thấy vải đỏ mỏng mềm, nên ưa thích màu sắc, liền sanh tâm tham, dùng tay nắm lấy dơ tay quờ quạng hư không, bà con cho là hai tay tìm không (tay bắt chuồn chuồn!). Lại có gió thổi, nếu người bịnh này khi mùa Đông lạnh thì gió ấm thổi đến làm hết khổ lạnh, nếu gặp lúc nóng bức thì gió thổi đến khiến cho tươi mát, vì vậy tâm an vui. Do tâm duyên nên không nghe tiếng khổ khóc lóc bi thương. Nếu nghiệp đó động thì tâm cũng động, nghe tiếng than khóc của họ thì gió thổi sanh đi nơi khác. Vì thế, bà con qua đời khóc lóc thật là chướng ngại. Nếu không ngại thì sẽ sanh vào Uất đơn việt, trong đó dần dần xuất hiện các tướng tốt lành, thấy hồ sen xanh, ngỗng, vịt, uyên ương đủ trong hồ, liền chạy đó vui chơi, muốn vào thai mẹ là từ hồ hoa đó, đi đến trên gò đất, thấy cha mẹ giao hợp, thích thú, do bất tịnh, vì thấy điên đảo thấy thân của cha mình là con ngỗng đực, mẹ là ngỗng cái. Nếu sanh con trai thì tự thấy thân đó thành ngỗng đực. Nếu sanh con gái thì tự thấy thân thành ngỗng cái. Nếu sanh con trai thì thấy cha ngại, nhưng thấy mẹ thì thương. Nếu sanh con gái thì thấy cha, thương, nhưng thấy mẹ thì ngại. Ấy gọi là sanh Trung ấm hữu thứ hai ở Uất-đơn-việt.

Trung ấm hữu thứ ba là, nếu người chết trong cõi Diêm phù đề thì sanh đến Ngưu hóa châu có tướng hiện ra. Khi qua đời thấy phòng nhà đều màu vàng giống như vàng ròng che khắp như mây, thấy tấm vải màu vàng đưa tay nắm lấy. Bà con anh em nói người bịnh hai tay nắm hư không. Người này bây giờ việc lành sắp hết, thấy thân như trâu, thấy đàn trâu như thấy trong mộng. Nếu sanh con trai thì thấy cha mẹ hòa hợp hành bất tịnh, tự thấy thân mình có nhiều nhà cửa, thấy tướng người cha giống như trâu đực, liền trừ khử người cha giao hợp với mẹ. Nếu sanh con gái, tự thấy thân mình như tướng trâu mẹ liền nghĩ: Vì sao trâu đực cùng hòa hợp với trâu cái đó mà không cùng với ta. Nghĩ như vậy rồi, thọ làm thân nữ Ấy gọi là sanh Trung ấm hữu thứ ba ở Ngưu hóa châu.

Trung ấm hữu thứ tư là, nếu người chết trong cõi Diêm phù đề thì sanh đến cõi Phất Bà Đề thì có các tướng hiện ra, thấy tấm vải màu xanh, một màu xanh che trùm tất cả hư không, thấy phòng nhà như hư không, sợ tấm vải màu xanh đó, ẩn trốn dùng tay ngăn lại ngăn lại, bà

con nói là người chết ngăn hư không, liền mạng chung, thấy thân trung ấm giống thân con ngựa, tự thấy cha mình như ngựa đực, mẹ như ngựa cái, cha mẹ hòa hợp hành bất tịnh. Nếu sanh con trai liền nghĩ: Ta sẽ cùng hòa hợp với ngựa cái đó. Nếu sanh con gái, tự thấy thân mình như tướng ngựa cái liền nghĩ: Vì sao ngựa đực đó không cùng với ta hòa hợp với ta. Nghĩ như vậy rồi, thọ làm thân nữ. Ấy gọi là sanh Trung ấm hữu thứ tư của Phất-ba-đề.

Trung ấm hữu thứ năm là, nếu người Uất đơn việt khi qua đời, thấy tướng đi lên trên. Nếu nghiệp của trời thì tự tại lên cõi trời, dùng tay nắm hư không như thấy trong mộng, mùi hương hoa thơm lừng, sắc đẹp tuyệt hảo nhất nắm trong tay. Khi thấy hoa sanh tham. Hôm nay, thấy cây này ta sẽ bay lên. Nghĩ như vậy rồi, liền ở trên cây đó rồi bay lên núi Tu di, thấy hoa quả tốt đẹp của cõi trời, ta sẽ dạo chơi. Đây là thọ thân Trung ấm thứ năm phẩm hạ của người Uất-đơn-việt.

Trung ấm hữu thứ sáu là, nếu người Uất-đơn-việt do nghiệp trung khi qua đời, muốn sanh lên cõi trời thì có tướng hiện ra, thấy hồ hoa sen quá thích thú, các loài ong đẹp. Tất cả hương thơm hoa sen tỏa ra. Chỉ trong chốc lát theo hư không bay lên giống như sanh lên cõi trời trong mộng, liền nghĩ như vầy: Hôm nay, ta sẽ đến hồ sen tuyệt đẹp ấy. Đây là thọ thân Trung ấm thứ sáu phẩm trung của người Uất-đơn-việt.

Trung ấm hữu thứ bảy là, nếu người Uất-đơn-việt do nghiệp trội hơn sanh lên các pháp đường lành của cõi trời Ba mươi ba. Khi qua đời, thấy các pháp đường tuyệt đẹp, trang nghiem, thù thắng. Bấy giờ, người ấy liền bay lên pháp đường tối thắng, sanh vào cung điện đó làm con vị trời. Đây là thọ sanh Trung ấm thứ bảy phẩm thượng trên cõi trời của người Uất-đơn-việt.

Trung ấm hữu thứ tám là, nếu người Uất-đơn-việt khi qua đời, thấy tướng hiện vào nơi vườn rừng vui chơi, hương thơm tinh khiết đáng yêu, nghe nhạc vui, không có nhiều khổ não, tâm người ấy không ô nhiễm. Nhờ tâm thanh tịnh mà bay lên cung điện trên hư không, thấy chư thiên đều lui tới trên không, như thấy trong mộng, rất thích Ba mươi ba cõi trời tuyệt đẹp, có đầy đủ năm dục. Từ Uất-đơn-việt chết sanh trong trời này. Đâygọi là người Uất-đơn-việt sanh đến cõi trời này, tập theo vui chơi, và tướng khi chết này là Trung ấm hữu thứ tám.

Trung ấm hữu thứ chín là, nếu người Cù-da-ny khi qua đời, sanh vào cõi trời có hai loại nghiệp. Những gì là hai? Một là nghiệp còn sót lại. Hai là nghiệp sanh. Sanh lên cõi trời, người này khi mạng chung thì có tướng hiện ra, nhờ nghiệp lành nên khi qua đời ở khí huyết nơi cổ

sạch sẽ, gân mạch không bị đứt hại, các căn thanh tịnh, thấy hồ nước lớn mênh mông chảy êm đềm xuống, trôi nổi đến bờ bên kia. Khi đến bờ rồi, thấy các thiên nữ xinh đẹp nhất, trang sức đủ thứ, vui cười ca múa. Người này thấy vậy, tâm tham muốn gần gũi, ôm người nữ, liền sanh vào cõi trời hưởng khoái lạc. Như mộng, Trung ấm liền diệt mất. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ chín.

Trung ấm hữu thứ mười là, nếu người Phất-ba-đề khi qua đời, thấy các tướng chết, thấy nghiệp của mình và của người, hoặc thấy cung điện pháp đường trang nghiêm thù thắng, tâm ưa muốn, muốn đến gần thọ sanh thấy bên ngoài, cung điện có các thể nữ và các người đàn ông cùng ca hát khoái lạc. Lúc ấy Trung ấm hữu suy nghĩ muốn được cùng vui, liền vào trong chúng giống như ngủ mới tỉnh dậy liền sanh lên cõi trời. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ mười.

Trung ấm hữu thứ mười một là các nghiệp ác của ngạ quỷ đã hết, thọ các nghiệp thiện khác, vốn làm các việc thiện ở các đạo khác cũng như đạo kính cha mẹ, muốn sanh vào cõi trời thì có tướng hiện ra. Nếu chết trong ngạ quỷ muốn sanh lên trời thì ở trong ngạ quỷ thân bị đốt cháy đói khát, thường thích muốn ăn, luôn nhớ cháo hồ. Khi qua đời, không niệm nhớ lại, niệm cũ đều diệt, tất cả các nghiệp ác đều không gần gũi, tuy thấy cơm nước chỉ nhìn, như người trong mộng, thấy ăn mà không uống, thấy cõi trời ưa thích liền chạy đến đó, ở đó tức sanh trên cõi trời. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ mười một.

Trung ấm hữu thứ mười hai là ngu si nên chịu thân súc sanh đủ vô lượng loài, trải qua trăm ngàn ức thọ thân sanh tử, rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh xoay vần ở thế gian không cùng tận. Nhờ các nghiệp thiện trong súc sanh còn sót lại nên khi chết sanh đến hai cõi trời, hoặc sanh cõi trời Tư thiên vương thiên, hoặc sanh vào cõi trời thứ ba mươi ba, ở trong đường ác súc sanh khi khổ báo muốn hết, thân sắp được thoát khỏi thì có các tướng hiện. Lúc qua đời thấy ánh sáng hiện ra, nhờ nghiệp thiện còn sót lại mà tâm si mỏng ít, hoặc thấy chỗ an vui liền chạy đến như thấy cảnh trong mộng, lúc đến đó liền sanh cõi trời. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ mười hai.

Trung ấm hữu thứ mười ba là chúng sanh ở địa ngục hiếm rất khó được sanh lên cõi trời, nhân duyên nghiệp thiện còn sót lại đã chín muồi thì người ở địa ngục vì nghiệp hết nên sắp được thoát khỏi. Ở địa ngục khi qua đời thì có các tướng hiện. Lúc qua đời, hoặc ngục tốt ném vào trong chảo cũng như nước bọt tan ra không sanh lại, hoặc dùng cây gậy đánh đến chết cũng không sanh lại, nếu đặt vào hòm sắt, đặt vào liền

chết không sanh lại, hoặc đặt vào trong sông tro, vào rồi tiêu tan không sanh lại, hoặc cầm gậy bằng sắt đánh cho đến chết cũng không sanh lại, hoặc chim sắt ăn rồi không sanh lại, hoặc các thú dữ ăn rồi không sanh lại. Những nghiệp ác của người trong địa ngục này hết. Sau khi qua đời lại không thấy ngục tốt ở Diêm la, như dầu tim hết thì đèn tắt. Tướng Trung ấm hữu ở địa ngục không hiện ra, bỗng nhiên trong hư không có các tiếng cười ca múa tuyệt vời, hương gió thổi đến thân hưởng thú vui tuyệt vời, muốn sanh gần nơi đó, hoặc sanh vào cõi trời thứ Ba mươi ba, hay sanh vào cõi trời Tứ thiên vương. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ mười ba.

Trung ấm hữu thứ mười bốn là loài người chết sanh lại người thì hiện ra các tướng, khi qua đời thấy tướng như núi đá lớn, như bóng của núi trên thân. Bấy giờ, người ấy nghĩ: Núi này hoặc rơi trên thân ta, nên lấy tay muốn chống đỡ núi này. Bà con thấy cho rằng người sắp chết tay bám vào hư không, thấy như vậy, lại thấy núi như tấm vải trắng liền bay theo tấm vải đó, lại thấy vải màu đỏ lần lượt qua đời. Lại thấy ánh sáng, thấy cha mẹ kia hòa hợp thương yêu rồi khởi lên điên đảo. Nếu sanh con trai thì thấy thân mình cùng hòa hợp với mẹ, người cha bị ngăn ngại. Nếu sanh con gái thì tự thấy mình hòa hợp với cha, người mẹ ngăn ngại. Lúc đó Trung ấm liền hoại thì Trung ấm khác tuần tự sanh khởi, như dấu ấn đã ấn vào văn bản đã thành. Đây là loài người chết lại sanh vào loài người. Gọi là Trung ấm hữu thứ mười bốn.

Trung ấm hữu thứ mười lăm là trong cõi trời qua đời lại sanh cõi trời trên, tức không có khổ não, như con của trời khác. Khi mạng chung khổ do thân yêu xa lìa nên rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như con Trời này (thiên tử) không mất thân mình được trang nghiêm đầy đủ, cũng không có trời khác ngồi lại chỗ cũ của họ, mà ngồi ở cõi trời tốt hơn. Như cõi Tứ thiên, sau khi mạng chung lại sanh vào cõi trời Ba mươi ba được tướng tốt đẹp hơn đáng ưa thích. Đây gọi là Trung ấm hữu tương tục thứ mười lăm.

Trung ấm hữu tương tục thứ mười sáu là, nếu từ cõi trời trên mà sanh xuống cõi trời dưới, thấy các ao tắm, vườn rừng, hoa sen cũng không sánh bằng, thấy rồi sanh đói khát khổ não, khao khát tham muốn được sanh đến đó. Như vậy, tuy Trung ấm hữu cùng sanh vào hai cõi trời nhưng có hai tướng sanh. Đây gọi là Trung ấm hữu tương tục thứ mười sáu.

Trung ấm hữu tương tục thứ mười bảy là, nếu người Phất-ba-đề sanh vào Cù-da- ni có những tướng này. Người ở Cù-da-ni sanh vào

Phất-bà-đề lại có tướng gì? Như vậy, người ở hai thiên hạ cùng sanh cho nhau đều do một tướng, khi qua đời thấy hang toàn đen tối. Ở trong hang này có ánh sáng điện màu đỏ phủ xuống như cờ hoặc đỏ hoặc trắng. Người này thấy những thứ đó rồi đưa tay nắm hết, các ấm liền diệt. Lại dùng tay kéo cờ, theo cờ đó vào hang để thọ thân trung ấm, ấm sanh gần đó, được thọ pháp sanh cũng như trước đã nói. Hoặc thấy hai con trâu, hoặc thấy hai con ngựa giao hợp nhiễm ô tâm sanh tham dục, đã sanh tham dục tức ấm phải sanh. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ mười bảy.

***Thứ 6: Duyên thọ thai***

Luận Thiện kiến dạy: Người nữ muốn mang thai, khi Nguyệt hoa thủy xuất ra, ở đây gọi là huyết. Khi muốn mang thai. Chỗ hài nhi ban đầu chỉ là bọc máu, bảy ngày tự phân ra, từ đây mà xuất hiện. Nếu máu ra nhiều mà không ngưng, tinh người nam không trú tức ra ngoài, nếu ra hết thì người nam phải dùng tinh lại, sau lại thành thai. Khi máu hết, tinh người nam được trụ lại liền có thai. Lại người nữ có bảy việc để thọ thai. Một là tiếp xúc. Hai là lấy y. Ba là xuất tinh. Bốn là dùng tay xoa. Năm là thấy sắc. Sáu là nghe tiếng. Bảy là ngửi hương.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng tiếp xúc?

Đáp: Người nữ khi nguyệt thủy xuất, ưa thích người nam. Nếu người nam dùng thân mà tiếp xúc với người nữ, sanh tham đắm mà mang thai.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng cách lấy y?

Đáp: Như Ưu-đà-di cùng với vợ xuất gia, nhưng còn thương yêu nên cùng nói, muốn y có tinh. Tỳ-kheo ni lấy y đó liếm, lại lấy bỏ vào trong căn liền mang thai.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng xuất tinh?

Đáp: Như nai mẹ uống tinh của Đạo sĩ, với tâm tham dục mà uống nên mang thai, con nai sanh ra là Đạo sĩ.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng tay xoa?

Đáp: Như Bồ tát Thiểm-tử, cha mẹ đều mù. Trời Đế thích biết nên can phạm vào liền xuống đến tác làm vợ chồng, đã quyết chí xuất gia vì đạo nên âm dương không hợp chỉ rờ dưới rốn, liền mang thai sanh ra Thiểm-tử.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng thấy sắc?

Đáp: Có người nữ khi Nguyệt hoa thủy thành, không được giao hợp với người nam, dục tình quá mạnh, chỉ thấy người nam, như người

nữ trong cung cũng như vậy, tức liền mang thai.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng nghe tiếng?

Đáp: Như con cò trắng, chỉ có con cái không thấy con đực, đến mùa Xuân thời tiết mới điều hòa, khi vừa nghe tiếng cò kêu lên thì cò cái lắng lòng nghe tiếng đó, liền mang thai. Gà mái cũng nghe tiếng gà trống mà mang thai.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng ngửi hương?

Đáp: Như con bò cái thương mến chỉ ngửi mùi trâu nghé cũng mang thai.

Kinh Tăng nhất A hàm dạy: Bấy giờ Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Có ba nhân duyên biết chỗ đến thọ thai. Một là mẹ có tham dục, cha mẹ cùng ở một nơi, nhưng thức bên ngoài chưa thích ứng hướng đến thì không thọ thai. Nếu thích ứng hướng đến chỗ mà cha mẹ không cùng ở thì cũng không thọ thai. Hai là nếu người mẹ không tham dục, người cha tham dục mạnh, mẹ không ân cần nhiều thì chẳng thọ thai. Ba là nếu cha mẹ cùng ở một chỗ, người mẹ tham dục mạnh, cha không ân cần nhiều thì chẳng thọ thai. Lại có ba việc. Một là nếu cha mẹ cùng ở một chỗ, cha có bịnh phong, mẹ có bịnh lạnh thì chẳng thọ thai. Hai là nếu cha mẹ cùng ở một chỗ, mẹ có bịnh phong, cha có bịnh lạnh thì chẳng thọ thai. Ba là nếu thân cha thủy khí nhiều mà mẹ không có bịnh này thì cũng chẳng thành thai. Lại có ba việc. Một là nếu cha mẹ cùng ở một nơi, tướng cha có con, tướng mẹ không có con cũng chẳng thọ thai. Hai là là nếu cha mẹ cùng ở một nơi, tướng mẹ có con, tướng cha không có con cũng chẳng thọ thai. Ba là nếu tướng cha mẹ đều không có con thì chẳng thành thai. Lại có ba việc. Một là đúng thời thần thức hướng đến thai, cha hành sự không được thì chẳng thành thai. Hai là nếu phải thời cha mẹ nên cùng ở một nơi nhưng mẹ ở xa không có đó thì chẳng thành thai. Ba là cha mẹ cùng ở một nơi mà không hành dục thì chẳng thành thai. Lại có ba việc. Một là nếu đúng thời cha mẹ phải đến cùng một chỗ, như thân cha bị bịnh nặng, đúng lúc thần thức đến thì chẳng thành thai. Hai nếu thân mẹ bị bịnh nặng thì chẳng thành thai. Ba là nếu thân cha mẹ đều bị bịnh nặng thì chẳng thành thai. Nếu thân cha mẹ đều không bịnh, thần thức đến tướng, cha mẹ cùng có con thì thành thọ thai.

Luận Du-già dạy: Lại nữa, thai tạng có tám giai đoạn khác nhau. Những gì là tám? Tám giai đoạn là: Yết-la-lam, Át-bộ-đàm, Bế-hộ, Kiện-nam, Bát-la-xa-khư, Phát-mao-trảo, Căn, Hình. Nếu trước đã ngưng tụên trong ít, gọi là Yết-la-lam. Nếu hiện ra phủ lên như váng

sữa mà chưa thành thịt gọi là Át-bộ-đàm. Nếu đã thành thịt rồi mà quá mềm gọi là Bế-hộ. Nếu thành dày hơn một tí chịu đựng được tiếp xúc, gọi là Kiện-nam. Cục thịt này tròn lớn dần lên, các tướng của chi hiện ra, gọi là Bát-la-xa-khư. Từ đó về sau, tóc lông móng tay hiện, gọi là Phát-mao-trảo. Từ đây về sau các căn như mắt...sanh, gọi là Căn. Theo đó mà hiện rõ ràng tất cả, gọi là Hình.

Lại ở trong thai tạng hoặc do năng lực của nghiệp trước, hoặc do mẹ không tránh được, hoặc do năng lực không ngang bằng nên bị sanh tùy theo gió, khiến thay đổi về da, tóc, sắc và các chi khác của thai tạng mà sanh. Tóc biến đổi mà sanh là do đời trước đã làm có thể cảm ứng nghiệp ác bất thiện này, hơn nữa do mẹ mình có nhiều tập khí thường nếm vị mặn gạn lọc bằng tro, hoặc uống hay ăn, khiến cho thai tạng tóc lông ít có. Sắc biến đổi là mà sanh là do nghiệp nhân đời trước như nói ở trên, hoặc do hiện tại mẹ luôn gần gũi với những thứ khói nóng, khiến cho thai sanh có màu đen sẩm. Lại do mẹ hay ở trong nhà quá lạnh khiến cho sanh thai có màu trắng tinh. Lại do mẹ ăn nhiều chất cay nóng, khiến cho thai khi sanh có màu đỏ. Da thay đổi mà sanh là nghiệp nhân đời trước như nói ở trước và hiện nay mẹ có nhiều tập khí dâm dục, khiến cho thai tạng sanh ra có ghẻ lở, da dẻ xấu xí. Các chi phần thay đổi mà sanh là do nhân duyên nghiệp đời trước như nói trên, hay do mẹ luôn chạy nhảy mất oai nghi và không tránh, không bằng duyên ở hiện tại, khiến cho các căn và các chi của thai tạng đó giảm bớt sanh ra khuyết. Lại thai tạng đó nếu là con gái thì ở bên lưng phải dựa vào xương sống hướng đến trong bụng mà ở. Nếu là con trai thì ở bên lưng trái của mẹ, nương vào bụng hướng vào xương sống mà ở. Thai tạng này thành tựu đầy đủ, người mẹ không thể chịu được thai nặng này, gió bên trong phát sanh, nhiều đau đớn. Lại nghiệp báo của thai tạng này đã phát ra gió khiến cho đầu hướng xuống dưới chân lên trên, bọc thai nhi liền hướng đến cửa sanh. Khi sanh ra bọc thai bị xé tan phân làm hai bên nách rồi ra cửa sanh, lúc này gọi là sanh, về sau tiếp xúc dần với cuộc sống mà phân biệt được các xúc như nhãn xúc...cho đến ý xúc. Kệ:

*Lý nghiệp nhiều đầu mối*
*Đường sanh chẳng phải một*
*An, nguy vết xe khác*
*Sạch, dơ nguồn đâu giống*
*Chất rơi hết còn tướng.*
*Tìm hương có hồn đi*
*Lạc vào đường tối tăm*

*Vụt bay lên xa tít*
*Ấm ngưng đọng trói buộc.*
*Tiếng quát mắng ồn ào*
*Thân đến núp nhà tranh*
*Nghĩ vào vườn hoa vui*
*Vợ chồng nhiều tình ái*
*Tham sân tánh tối tăm*
*Biến tri xưng Chánh giác*
*Đưa tay chỉ Thế tôn.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 12)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 13

## PHẦN THỨ 22: THỌ BÁO

- Duyên thuật ý.
- Duyên báo loại.
- Duyên hiện báo.
- Duyên sanh báo.
- Duyên hậu báo.
- Duyên định báo.
- Duyên bất định.
- Duyên thiện báo.
- Duyên ác báo.

***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Dụng về nghiệp thiện ác thật có ba báo rõ ràng, như hình theo bóng, như nghiệm rõ trong sáu đường. Ba báo đó là thích để lại tiếng tăm cho đời sau, vượt hẳn ân sâu xa của chín sắc(?), chỉ đưa thân mình vào chúa cầm thú, liên tục chịu năm khổ cửa xẻ tàn khốc. Đây là hiện báo. Chúng sanh chìm đắm trong hang tối. Thần thức bay lên nhẹ nhàng xoay vần mà không đổi, thân lễ bái ẩm đã trải qua nhiều tai ương tan tác, không hiểu mất hư của vương tử. Đây gọi là sanh báo. Ngoại đạo ngang nhiên hay họa mà chẳng suy nghĩ, mê pháp, xưa nay đều lờ mờ. Ví như cho rằng hổ tàn ác có cánh, bay lên nên chìm đắm, chịu khốn khổ khó lường. Đây gọi là hậu báo. Huyền- giám lần thay đổi, chìm đắm trong dòng, rắn ở dưới sâu đến biến hóa, trói ông ấy vào tường, khiến ngộ được ngôi nhà Ba minh, Bốn đế, thoát khỏi sự u tối của Năm khổ Ba báo.

***Thứ 2: Duyên các loại báo***

Kinh Ưu-bà-tắc giới, Đức Phật dạy: Này thiện nam! Chúng sanh

tạo nghiệp có bốn loại. Một là Hiện báo, hai là Sanh báo, ba là Hậu báo, bốn là Vô báo. Lại có bốn loại. Một là thời nhất định, báo không nhất định. Hai là báo nhất định, thời không nhất định. Ba là thời và báo đều nhất định. Bốn là thời và báo đều không nhất định. Chúng sanh tạo nghiệp có đủ và không đầy đủ. Nếu trước suy nghĩ, sau làm gọi là tạo nghiệp đầy đủ. Nếu trước không suy nghĩ, mà làm ngay gọi là tạo nghiệp không đầy đủ. Lại tạo nghiệp không đầy đủ là chắc chắn tạo nghiệp rồi quả báo không nhất định. Lại tạo nghiệp rồi cũng đầy đủ là gây nghiệp rồi chắc chắn sẽ có quả báo. Lại tạo nghiệp xong mà không đầy đủ là quả báo tuy nhất định nhưng thời gian không nhất định. Lại tạo nghiệp xong cũng đầy đủ là thời gian và quả báo đều nhất định. Lại tạo nghiệp xong không đầy đủ là trì giới, chánh kiến. Lại tạo nghiệp xong cũng đầy đủ mà hủy giới tà kiến. Lại tạo nghiệp xong không đầy đủ là ba thời sanh hối hận. Lại tạo nghiệp xong cũng đầy đủ là ba thời không hối hận. Những điều ác như vậy, thì điều thiện cũng thế.

***Thứ 3: là duyên Hiện báo***

Như kinh Phật thuyết hành thất hạnh Hiện báo dạy: Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo có bảy hạng người có thể đáng làm và cung kính, là ruộng phước Vô thượng của thế gian. Bảy hạng người dó là gì? Một là thực hành lòng Từ. Hai là tu tập tâm Bi. Ba là thực tập tâm Hỷ. Bốn là tu tập tâm Xả. Năm thực hành tâm Không. Năm là tu tập tâm Vô tướng. Bảy là tu tập tâm Vô nguyện. Những chúng sanh tu tập bảy pháp này ở trong hiện tại được phước báo. Tôn giả A Nan thưa Đức Phật: Sao Ngài không giảng về các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi mà chỉ nói đến bảy việc này?

Đức Phật dạy: Người thực hành hạnh từ với bảy loại người này và với quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật bằng nhau, nhưng việc của người đó thực hành này không giống nhau. Tuy cúng dường bậc Tu-đà-hoàn... hiện tại không được quả báo nhưng cúng dường những vị này thì hiện tại được phước báo. Vì vậy, này A Nan nên siêng năng để thành tựu bảy pháp.

Kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Xưa nước Càn-đa- vệ có người đồ tể trẻ dẫn năm trăm bò con muốn giết hết. Khi ấy, có một vị quan trong cung (thái giám) dùng vàng tiền chuộc đàn bò thả đi. Vì nguyên nhân này, nên hiện tại được đủ phước báo thân người nam các căn đầy đủ, lại đến nhà vua, bảo người vào thưa: Tôi tên là...đang ở ngoài.

Vua bảo: Đây là nhà ta, ngươi tự ý bỏ đi chưa từng thưa trình, nay

sao như vậy? Khi ấy, vua kêu hỏi: Nguyên do vị quan ấy.

Đáp: Thần đến gặp một đồ tể trẻ dẫn năm trăm bò con muốn giết chúng, thần liền chuộc rồi thả đi. Vì lý do ấy, nên được thân thể đầy đủ nên không dám vào. Vua nghe rất vui mừng, sanh lòng kính tin Phật pháp. Phàm báo của hoa (nhân) được cảm ứng như thế, huống là báo của quả, đâu thể lường được.

Luận Tân Bà Sa dạy: Xưa có những người đồ tể mua bán bò, đuổi bò trên đường bộ. Người nhiều mà lương thực đã hết, đói khát, nóng bức, thiếu thốn, liền dừng lại cùng bàn: Đàn bò này cuối cùng chẳng phải của ta. Chúng ta nên cắt lưỡi để cứu đói. Khi ấy, dùng muối xoa vào miệng bò, bò thích vị mặn nên thè lưỡi ra liếm, liền dùng dao bén chặt đứt lưỡi, rồi lấy lửa nướng cùng nhau ăn. Ăn xong, súc miệng, tẩy rửa dùng tăm xỉa răng xong. Do sức mạnh của nghiệp ác dùng tay cắt lưỡi bò nên lưỡi của họ đều như quả chín muồi đồng thời rụng xuống.

***Thứ 4: Duyên Sanh báo***

Như kinh Niết bàn dạy: Này thiện nam! Như khi người chết chịu nhiều đau khổ, bà con vây quanh khóc lóc, đau đớn. Người đó hoảng sợ chẳng biết nơi nương tựa. Tuy có năm trần mà không biết, các chi run rẩy mà không thể tự cử động, thân thể lạnh buốt, hơi nóng sắp hết, thấy được tướng quả báo ác, thiện đã tu tập đời trước. Như mặt trời lặn xuống núi lớn, thì bóng của đống đất cao di chuyển từ Đông chuyển sang Tây. Nghiệp báo của chúng sanh cũng như vậy, khi ấm này diệt thì ấm kia tiếp tục sanh. Như đèn sáng thì bóng tối mất, bóng tối mất thì đèn sáng. Này thiện nam! Như ấn sáp ấn xuống bùn. Ấn và bùn hợp lại, ấn xong thì văn mới thành, nhưng ấn sáp này không thể thay đổi do bùn cũng không phải từ bùn mà ra không do chỗ khác đến. Vì lý do ấn này mà sanh văn này. Ấm hiện tại diệt thì ấm Trung ấm sanh. Ấm hiện tại này hoàn toàn không thay đổi vì Trung ấm sanh năm ấm, mà Trung ấm sanh năm ấm chẳng tự sanh cũng không từ nới khác đến. Nhờ ấm hiện tại nên Trung ấm sanh ấm, như dấu ấn đã ấn vào bùn, khi ấn xong văn mới thành. Tên tuy không khác mà thời điểm mỗi một khác nhau. Vì thế Ta nói Trung ấm sanh năm ấm chẳng phải do nhục nhãn hay thiên nhãn có thể thấy được. Trong Trung ấm này có ba loại thức ăn. Một là ăn bằng suy nghĩ. Hai là ăn bằng tiếp xúc. Ba là ăn bằng ý thức. Trung ấm có hai loại: Một là quả nghiệp thiện. Hai là quả nghiệp ác. Nhờ nghiệp thiện nên nhận biết về thiện. Do nghiệp ác nên biết toàn về ác. Khi cha mẹ cùng giao hội, tùy theo nhân duyên của nghiệp mà hướng

đến nơi thọ sanh. Đối với mẹ sanh yêu mến, với cha lại sanh giận, khi tinh cha xuất ra nghĩ đó là của mình, thấy rồi tâm sanh vui mừng. Vì thế, mà có ba loại nhân duyên phiền não. Khi ấm của Trung ấm hoại thì sau đó sanh năm ấm, như dấu ấn, ấn vào bùn, khi ấn mất thì văn mới thành. Khi sanh các căn có đầy đủ hay thiếu? Nếu đủ thì thấy sắc sanh tham, do tham phát khởi nên gọi là ái. Cuồng đắm nên sanh tham gọi là vô minh. Do tham và ái là nhân duyên của vô minh nên được thấy cảnh giới đều điên đảo.

Kinh Tu Hành Đạo Địa dạy: Người hành động không thuần, hoặc là thiện hoặc ác, nên con đường của người đến là do cha mẹ hòa hợp, tinh không mất, con đến mới sanh. Trong thai mẹ thông suốt không bị trở ngại, lòng thường vui vẻ không nhớ nghĩ sai lầm thì được người con nhu hòa, chịu khó. Tinh ấy không trong, không đục, vừa đủ thích nghi, không mạnh cũng không hư hoại, không màu đỏ, đen, không bị các độc lẫn lộn, hay gió lạnh khác với tiểu tiện (nước tiểu), nên đến thọ sanh tinh, thần liền khởi. Giả sử là con trai thì không hòa hợp với người nữ. Năm dục thông suốt, con trai chỉ kính nhớ đến người nữ. Khi người cha hạ tinh, thần thức rất vui mừng nói: “Làcủa Ta cho”. Bấy giờ, trung ấm ngưng tụ thành năm ấm nhập vào bào thai. Cha, mẹ và tinh hòa hợp đã ở trong bào thai, thần thức mừng gấp bội. Đây gọi là Sắc ấm. Khi vui mừng ấy gọi là Thọ ấm khổ vui. Khi nhớ nghĩ đến tinh gọi là Tưởng ấm. Do nhân duyên tội phước ngày xưa mà được vào thai gọi là Hành ấm. Chỗ thần thức trong thai gọi là Thức ấm. Hòa hợp như vậy gọi là năm ấm. Nếu ở trong thai mà được hai căn là Ý căn và Thân căn trú được bảy ngày, không tăng giảm. Lại đến tuần thứ hai có chuyển động một ít như váng sữa mỏng. Đếntuần thứ ba tựa như váng sữa đặc. Đến tuần thứ tư tinh ngưng lại như bơ. Đến tuần thứ năm tinh trong thai thay đổi như sữa đặc. Đến tuần thứ sáu biến đổi như cục thịt. Đến tuần thứ bảy chuyển thành một khối thịt. Đến tuần thứ tám thì khối thịt đó cứng như ngói. Đến tuần thứ chín biến thành năm bọc gồm hai khủy tay, hai đùi vế và cổ, từ trong đó sanh ra. Đến tuần thứ mười có năm bọc gồm hai tay, hai chân cùng với đầu sanh. Đến tuần thứ mười một thì sanh tiếp mười bốn bọc gồm năm ngón tay, năm ngón chân cùng mắt, tai, mũi và miệng, từ đây sanh ra. Đến tuần thứ mười hai, các bọc này dần dần thành tựu đầy đủ. Đến tuần thứ mười ba thì hiện các tướng bụng. Đến tuần thứ mười bốn tức sanh gan, phổi, tim và lá lách với thận. Đến tuần thứ mười lăm thì sanh ruột già. Đến tuần thứ mười sáu tức sanh ruột non. Đến tuần thứ mười bảy có đùi vế hiện ra. Đến tuần thứ mười tám thì sanh tạng, thục

tạng hiện ở hai nơi này. Đếntuần thứ mười chín xương mặt xuất hiện, xương đùi và xương sườn, bàn tay, mu bàn chân, cánh tay, đốt xương, gân cùng gắn liền với nhau. Đến tuần thứ hai mươi thì sanh các tướng âm, rốn, vú, má. Đến tuần thứ hai mươi mốt thì xương ở thân đều phân rõ tùy theo chỗ thích hợp, hai xương ở trên đầu, ba mươi hai xương quanh miệng, bảy xương bám ở cổ, hai xương bám lá lách, hai xương bám khủy tay, bốn xương bám cánh tay, mười hai xương bám ngực, mười tám xương bám lưng, hai xương bám vào xương háng, bốn xương bám vào đầu gối, bốn mươi xương bám vào chân, lại có các xương rất nhỏ, toàn thân tổng cộng có một trăm lẻ tám xương cùng gắn liền với thịt, gồm có mười tám xương bám vào hai bên sườn, hai xương bám trên vai. Như vậy xương ở thân gồm có ba trăm xương gắn liền với nhau. Những xương đó mền như trái bầu non. Đến ngày tuần thứ hai mươi hai thì các xương ấy hơi cứng như trái bầu chưa chín. Đến tuần thứ hai mươi ba những xương đó cứng dần lên như (quả) hạnh đào. Ba trăm xương này đều nối liên tiếp nhau. Xương chân bám theo chân, xương đầu gối bám theo đầu gối. Như vậy xương đùi, xương đùi vế, xương háng, xương sườn, xương ngực, xương sống, xương vai, xương cổ, xương quai hàm và các xương cánh tay, cổ tay cùng với xương chân, mỗi mỗi đều tự gắn liền với nhau, như một khối xương, tợ huyễn hóa, tùy theo gió thổi đến mà cử động. Đến tuần thứ hai mươi bốn sanh một trăm đốt xương liền bám vào thân. Đến tuần thứ hai mươi lăm sanh hơn bảy ngàn mạch máu nhưng chưa đầy đủ. Đến tuần thứ hai mươi sáu các mạch máu nhỏ được hình thành đầy đủ các lỗ căn liên kết nhau. Đến tuần thứ hai mươi bảy có ba trăm sáu mươi ba gân đã thành. Đến tuần thứ hai mươi tám các cơ bắt đầu sanh thành. Đến tuần thứ hai mươi chín, cơ thịt bắt đầu dày lên. Đến tuần thứ ba mươi mới có lớp tượng da. Đến tuần thứ ba mươi mốt da chuyển thành dày. Đến tuần thứ ba mươi hai lớp da (cứng) hình thành. Đến tuần thứ ba mươi ba mắt, mũi, môi, ngón tay, hai đầu gối và các đốt thành. Đến tuần thứ ba mươi bốn thì có chín mươi chín vạn lỗ chân lông tóc hiện ra nhưng vẫn chưa đủ. Đến tuần thứ ba mươi lăm các lỗ chân lông mới đầy đủ. Đến tuần thứ ba mươi sáu các móng mới thành. Đến tuần thứ ba mươi bảy trong bụng mẹ, nếu có gió động thì mắt, tai, mũi, miệng đứa bé mở. Nếu có gió khởi nhiễm vào tóc lông, hoặc đẹp hay xấu mà thành thân thể nhan sắc, hoặc trắng đỏ, đen, có đẹp có xấu đều do việc làm đời trước. Hoặc ở trong bảy ngày này mà sanh gió lạnh, nóng, đại tiểu tiện điều hòa. Đến tuần thứ ba mươi tám trong bụng mẹ, theo việc làm đời trước gió tự nhiên khởi. Nếu việc là

đời trước thiện thì có gió thơm nên có thân thể đáng ưa, nhẹ nhàng, các đốt xương ngay thẳng không sai lệch khiến cho thân hình đoan chánh thật đáng kính. Nếu việc là đời trước ác thì có gió hôi dơ nên thân thể bất an không vừa ý, gió đó thổi đến các đốt xương làm cho cong quẹo khiến không ngay thẳng, không làm người nam, lại không được yêu mến. Đây là tuần thứ ba mươi tám thiếu bốn ngày đầy chín tháng thân thể xương cốt đã thành hình người. Thân hài nhi này có hai phần, từ cha và từ mẹ. Các thứ mềm như lông tóc, má, mắt, lưỡi, cổ, tim, gan, lá lách, thận, tá tràng, máu là từ mẹ mà sanh. Còn các thứ cứng như móng tay, răng, đốt xương, tủy, não, gân, mạch là từ cha sanh. Hài nhi trong bụng mẹ, chỗ sanh tạng nằm ở dưới, chỗ thục tạng nằm bên trên. Nếu là bé trai thì lưng bên ngoài mà mặt hướng vào trong phía hông trái của mẹ. Nếu là bé gái thì lưng hướng vào mà mặt quay ra ngoài ở phía hông phải của mẹ, ở chỗ quá dơ dấy, tối tăm, các đốt xương co rút chưa duỗi ra, còn yếu ở trong bọc da, được bụng mẹ bao bọc, trong bọc đầy máu huyết khó chịu, nương ở phân dơ, nước tiểu. Ở trong thai chín tháng thiếu bốn ngày. Nếu đời trước làm thiện, chỉ trong ngày qua ngày sau nhớ nghĩ việc lành, ta đang dạo chơi trong vườn cũng ở trong cõi trời. Người làm ác thì chắc chìm đắm trong địa ngục thế gian đến ngày thứ ba chỉ sầu khổ không vui, đến ngày thứ tư trong bụng mẹ gió phát khởi, ở trên hay ở dưới trở thành thân hài nhi quay đầu xuống cửa sanh. Nếu người có phước đức thì nghĩ: Ta nhảy xuống hồ nước vui chơi, tắm rửa như ở giường cao bước xuống nơi đầy hương hoa. Người không có phước tự nghĩ: Ta từ núi bị rớt xuống hố đất cao, khe rãnh, bờ rừng. Hoặc như bị rơi trên lưới gai của địa ngục. Hay bị gươm chém vào ở giữa chỗ trống của tảng đá, sầu lo không vui. Quả báo thiện ác không giống nhau như vậy, khi đó hài nhi cũng như sống địa ngục. Gió bên ngoài thổi, người mẹ rửa tay bằng nước nóng làm thai nhi đau đớn, giống như bệnh ung nhọt. Thế nên, khổ não, cứ lo sợ chết, liền có nghi hoặc nên ngu si tối tăm không biết đi đâu, sống ở trong chỗ máu huyết tanh dơ, quỷ mị đến quấy nhiễu, bị bịnh động kinh, gần với tử thi, quỷ điên đảo làm mờ mịt đường đi, xem xét tất cả đều hủy hoại thai, như bốn đường giao nhau thịt rơi thành từng đoạn, diều hâu chim cắt, hổ đều đến tranh dành. Các tà yêu oái cũng muốn dành lấy hài nhi đi vòng quanh cũng lại như vậy. Nếu người có phước đức lành đời trước tà không thể cướp lấy được, thì hài nhi lớn lên, được bú mớm nuôi nấng thích nghi nên được sức khỏe tốt, toàn thân sanh ra tám mươi trùng. Hai loại ở gốc tóc, một gọi là thiệt đề, hai gọi là trọng đề. Ba loại ở đầu gọi là Kiên cố thương tổn hủy

hoại. Một loại ở não. Hai loại ở ngoài não, một gọi là triết chu, hai gọi là mao nhiễu, ba là quán loạn. Hai loại ở trán, một gọi là giáp hạ, hai gọi là hủ hủ. Hai loại ở mắt, một gọi là thiệt đề, hai gọi là trọng đề. Hai loại ở tai, một gọi là thức vị, hai gọi là hiện vị mạc. Hai loại trong nhĩ căn, một gọi là xích, hai gọi là phục xích. Hai loại ở mũi, một gọi là phì, hai gọi là phục phì. Hai loại ở miệng, một gọi là diêu, hai gọi là động diêu. Hai loại trong răng, một gọi là ác tế, hai gọi là hung bộc. Ba loại ở gốc răng, gọi là suyễn tức hưu chỉ tốt diệt. Một loại ở lưỡi gọi là cam mỹ. Một loại ở thiệt căn gọi là nhu nhuyến. Một loại ở trên (?)gọi là vãng lai. Một loại ở cổ họng gọi là thấu hầu. Hai loại trong con ngươi, một gọi là sanh, hai gọi là bất thục. Hai loại ở trên vai, một gọi là thùy, hai gọi là phục thùy. Một loại ở trên cánh tay gọi là trụ lập. Một loại ở trên tay gọi là chu toàn. Hai loại trên ngực, một gọi là ngạch khanh, hai gọi là quán phổ. Một loại ở tim gọi là ban bác. Một loại trong vú gọi là chúng hiện. Một loại trong rốn gọi là vi nhiễu. Hai loại trong sườn, một gọi là nguyệt, hai gọi là nguyệt diện. Hai loại ở xương sống , một gọi là nguyệt hành, hai gọi là nguyệt mạo. Một loại ở giữa xương lưng gọi là an phong. Một loại ở bọc da gọi là hổ trảo. Hai loại trong thịt, một gọi là tiêu phu, hai gọi là thiêu thọ. Bốn loại ở xương, một gọi là kham độc, hai gọi là thậm độc, ba gọi là tế cốt, bốn gọi là tạp. Năm loại ở tủy, một gọi là sát hại, hai gọi là vô sát, ba gọi là phá hoại, bốn gọi là tạp hài, năm gọi là bạch cốt. Hai loại ở ruột, một là đường lang, hai gọi là đường lang chủy. Hai loại ở ruột non, một gọi là nhi tử, hai gọi là đại tử. Một loại ở gan gọi là ngân sài. Một loại trong sanh tạng gọi là chi mục. Một loại ở thục tạng gọi là thái tức. Một loại ở cốc đạo gọi là trọng thân. Ba loại trong phân gọi là cân, hai gọi là mục kết, ba gọi là mục biên pháp. Hai loại ở xương cùng (đít), một gọi là lưu hạ, hai gọi là trọng lưu. Năm loại ở trong tế bào, một gọi là nhục tánh, hai gọi là ác tộc, ba gọi là ngọa ngộ, bốn gọi là nhi ngộ, năm gọi là hộ kế. Một loại ở xương đầu gối gọi là qua chi. Một loại trên đầu gối gọi là hiện thương. Một loại trên đùi gọi là thiết chủy. Một loại ở trên ngón chân gọi là thiêu nhiên. Một loại giữa lòng bàn chân gọi là thực bì. Đây là tám mươi tám loại trùng ở trên thân mình, ngày đêm ăn thịt.

Lại do trong thân người có gió nên sanh bịnh, có một trăm lẻ một loại. Nóng lạnh hòa hợp mỗi mỗi đều có một trăm lẻ một loại. Nếu tính tổng cộng trong thân có bốn trăm lẻ bốn bịnh. Như cây sanh ra lửa rồi lại tự thiêu đốt nó. Bịnh cũng như vậy, như các nhân chính tạo nên thân thể cũng trở lại gây ách nạn cho người. Như trùng trong thân nhiễu

loạn làm bất an. Có ba mươi sáu vật giả hợp làm thân người. Vì hư dối che lấp nên bị cuồng si, vọng khởi ân ái nhớ nghĩ bà con. Người trí thấy được dối nên an ổn gần gũi. Ví như đồ sành sứ cuối cùng rồi cũng bể. Thân này hư dối thường bị chết yểu. Giàu nghèo đều vào con đường chết mà không biết. Ví như thành lớn có bốn cửa bị lửa lần lược thiêu đốt cho đến cửa Đông thì đã cháy thành tro, sanh già bịnh chết cũng như vậy.

Luận Du già dạy: Ở trong thai trải qua ba mươi tám tuần lễ thì các chi phần đều đầy đủ. Từ đây về sau, trải qua bốn ngày mới sanh ra, ở đây gọi là đầy đủ. Hoặc trải qua chín tháng hay hơn chín tháng, hay chỉ tám tháng cũng gọi là đủ. Còn mới bảy tháng hay sáu tháng thì chưa đầy đủ còn bị thiếu khuyết. Thế nên, Kinh Pháp hoa nói kệ:

*Thọ thai hình vi tế*
*Đời đời thường tăng trưởng*
*Người ít phước, đức mỏng*
*Bị các khổ dày vò.*

Kinh Tam Muội dạy, cho: Trong thân khi phần hỏa tăng lên thì nước giảm dần cho nên Già-la-la đặc lại thành cứng dần dần thành miếng thịt, chúng sanh do đây phước ít, từ nhỏ đến lớn chịu nhiều khổ. Kinh Thiền bí yếu dạy: Thân người có ba phần. Rốn là trung nguyên, đầu là điện đường, trán là thiên môn.

Kinh Xứ thai dạy: Khi người thọ thai, tuần lễ đầu có bốn đại, tuần lễ hai gió dần dần thổi vào hướng đến hông, cho đến tuần lễ mươi tám, gió gọi là Hoa thổi vào hướng đến cửa sanh.

Kinh Thí dụ dạy: Gió chống đỡ nước, nước chống đỡ đất, đất chống đỡ lửa. Mạnh gọi là nam, yếu gọi là nữ. Gió nước cùng nhau chống đỡ gọi là nam, đất nước cùng chống đỡ gọi là nữ.

Luận Giải thoát đạo dạy: Toàn thân con người nghiền nát làm bụi trần thành một hộc hai thăng.

Kinh Tăng Nhất dạy: Trong thân con người có ba trăm hai mươi xương, có chín vạn chín ngàn lỗ chân lông, gân mạch mỗi thứ đều có năm trăm, có tám mươi chỗ thân trùng ở.

Lại trong kinh Ngũ đạo thọ sanh dạy: Trẻ sanh được ba năm uống hết một trăm tám mươi hộc sữa không kể thức ăn khi còn trong thai. Người ở phương Đông cõi Phất-vu-đãi uống một ngàn tám mươi hộc sữa. Người ở phương Tây Câu-da-ni uống một vạn tám trăm hộc sữa. Người ở phía Bắc Uất-đơn-việt mới bảy ngày thành thân, ngày mới sanh ngồi ở đường hẻm, người qua lại đưa ngón tay mút nên không cần

uống sữa.

***Thứ 5: Duyên Hậu báo***

Luận Bà sa dạy: Có đồ tể trẻ đã bảy lần sanh làm đồ tể mà không rơi vào đường ác mà được sanh vào hàng trời người, do trước bảy lần sanh đó đã từng cúng dường thức ăn cho Phật Bích chi, nhờ năng lực phước đức đó nên đã bảy lần sanh không bị rơi vào đường ác, nhưng người này trong bảy lần sanh đó do đã tạo nghiệp tội giết hại, nên khi qua khỏi bảy đời đó sẽ tuần tự chịu khổ không thể thoát khỏi, thiện ác đều như vậy.

Luận Trí Độ dạy: Xá Lợi Phất tuy thật thông minh nhưng chẳng phải Nhất thiết trí, đối với trí Phật chỉ là trẻ nhỏ. Như kinh A bà đàn na dạy: Vào buổi trưa ở Kỳ hoàn, Đức Phật đi kinh hành, tôn giả Xá Lợi Phất cũng đi theo. Khi ấy, có chim cắt đuổi theo chim chìa vôi. Chìa vôi bay đến bên Phật, Ngài đi qua bóng che khuất nó nên chìa vôi được an ổn hết lo sợ, không còn kêu la. Khi đến bóng của tôn giả Xá Lợi Phất thì chim lại kêu la sợ hãi như trước. Tôn giả Xá Lợi Phất thưa Phật: Thân của Ngài và con đều không có ba độc vì lý do gì mà bóng của Ngài che chìa vôi thì nó không sợ hãi kêu la còn bóng con che nó thì chim sợ như trước. Đức Phật dạy: Ba độc của thầy tập khí chưa hết, vì thế bóng của thầy che thì chưa dứt trừ sợ hại. Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất: Ngươi hãy quán xét nhân duyên đời trước của chim đó, đã mấy đời làm chim. Tôn giả Xá Lợi Phất liền nhập Tam muội Túc mạng trí chỉ thấy chim này trong loài chim được tám vạn đại kiếp thường làm thân chim chìa vôi, còn trước đó không thấy được nữa. Tôn giả Xá Lợi Phất ra khỏi thiền định thưa Phật: Chim này trong tám vạn đại kiếp đã làm thân chim, còn trước đó con không thể thấy được. Nếu thầy không biết hết đời quá khứ thì thử xem ở đời vị lai khi nào nó sẽ thoát được kiếp chim. Tôn giả Xá Lợi Phất nhập Tam muội thấy đến tám vạn đại kiếp cũng chưa thoát được thân chim còn quá hơn số đó không thể biết được, chẳng rõ được chim này khi nào mới thoát được loài này. Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất: Trí tuệ của Thanh-văn, Phật Bích chi còn giới hạn, chim này ở trong hằng hà sa đại kiếp luôn làm thân chim không thoát được tội, luân chuyển trong năm đường, về sau làm thân người trải qua năm trăm đời mới được các căn lanh lợi. Khi ấy, có Phật độ cho vô lượng A tăng kỳ chúng sanh, về sau nhập Vô dư Niết bàn, pháp còn lại ở thế gian người này làm Ưu-bà-tắc thọ năm giới nghe Tỳ-kheo tán thán công đức của Phật, lúc đó mới phát nguyện gặp Phật, sau đó ba tăng kỳ kiếp thực

hành sáu pháp Ba la mật, đủ mười địa chứng đắc quả Phật, độ vô lượng chúng sanh rồi vào Niết bàn. Khi ấy, tôn giả Xá Lợi Phất sám hối Ngài, thưa: Đối với con chim mà con còn không biết gốc ngọn của nó huống nữa các duyên phiền não trói buộc. Như vậy, con biết đó là trí tuệ của Phật, để được trí tuệ Phật dù vào A tỳ địa ngục chịu vô lượng kiếp khổ cũng chẳng lấy là khó.

***Thứ 6: Duyên Định báo***

Kinh Phật thuyết nghĩa túc, Đức Phật bảo Phạm chí: Ở đời có năm việc không thể tránh được, cũng chẳng thoát khỏi. Những gì là năm? Một là thường làm tổn giảm. Hai là luôn bỏ quên. Ba là luôn bị bịnh ốm gầy. Bốn là sẽ bị già nua. Năm là sẽ chết. Muốn làm năm pháp này giảm bớt thì không thể được.

Kinh Phật thuyết Tứ bất khả đắc, Đức Phật cùng các Tỳ-kheo và Bồ tát sáng sớm mang bình bát đi khất thực trong thành Xá vệ, bốn chúng đều đi theo, chư thiên, rồng thần đều cúng dường hương hoa, kỷ nhạc theo hầu trên không. Đức Phật khi đó dùng đạo nhãn nhớ lại đời trước thấy được bốn anh em cùng sanh (ruột), xa nhà bỏ sự nghiệp, ở núi vắng lặng, đắc được năm thông gọi là Tiên nhơn, biết được nghiệp trước đến nay đã hết, đều muốn tránh xa sự chết, mỗi người nghĩ mà bàn luận: Chúng ta có thần túc bay đi tự tại đến khắp nơi không bị trở ngại. Hôm nay, lại bị khác thường không thể được, mạng sống sắp mất rất nguy hại, nên tìm phương cách thoát khỏi nạn này, không thể chết được! Một vị bay lên hư không, ẩn thân mình, đối với vô thường sao biết được chỗ của Ta! Vị khác vào trong chợ, ở nơi ồn náo rộng lớn vô lượng, trong đó mà lánh mạng chết, đối với sự vô thường hướng đến một người, sao chắc tìm được ta. Lại một người chạy lui vào biển lớn ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, xuống không đến đáy, trên cũng không hiện ra, ở giữa đó, mà đối với sự vô thường làm sao tìm được! Lại người khác trốn vào núi lớn nơi không có người, xẻ núi làm hai, rồi vào trong đó làm núi khép lại, đối với vô thường sao biết được chỗ của Ta! Khi ấy, bốn vị muốn tránh xa mạng chết đều không thể được. Người giấu mình trong hư không liền bị rơi xuống đất như quả chín bị rơi. Người ở trong núi thì bị tan thân, cho cầm thú ăn. Người trong biển lớn chết đuối bị cá, ba ba đến ăn. Người vào trong chợ đông người bị chết ngất. Thế tôn thấy vậy, cho rằng bốn người tối tăm này không hiểu rõ, muốn bỏ nghiệp đời trước mà ba độc chưa dứt trừ, không được trí tuệ vô cực của Ba đạt (Thiên nhãn, lậu tận, túc mạng), xưa nay có ai mà thoát khỏi nạn

này? Đức Phật nói kệ:

*Tuy ẩn mình trên không*
*Khéo ở trong biển lớn*
*Giả sử vào các núi*
*Mà muốn che thân mình*
*Mong cầu thoát cái chết*
*Chưa từng có được vậy.*
*Vì thế tinh tấn học*
*Không thân mới là yên!*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Ở đời có bốn việc không thể đạt được. Những gì là bốn? Một là lúc nhỏ sắc mặt hồng hào, tóc đen, răng trắng, tướng mạo sáng sủa, sức lực mạnh khỏe, cử chỉ đi đứng ra vào tự tại, lên xe cỡi ngựa mọi người thương mến ngắm nhìn không ngớt, bất chợt già nua răng rụng, đầu bạc, mặt nhăn, da nhíu, thân tựa vào gậy, khò khè ốm đau rên rĩ. Nếu ai muốn trẻ mãi không già hoàn toàn không thể có.

Hai là thân thể tráng kiện, xương tủy vững chắc, bước đi không ai bằng, ăn uống tự tại, trang điểm trên đầu không ai bằng, dương cung bắn tên, cầm nắm binh khí, có nguy hại cũng không khuất phục mạ nhục giữ miệng tức là người tráng kiện anh hùng. Tự suy tính mình và ta sẽ không có suy yếu, chợt bệnh đến ngay nằm liệt trên giường, không thể cử động, thân đau như bị đánh, tai, mũi, miệng, mắt không nghe tiếng, mùi thơm, vị ngon, sắc đẹp, trơn láng, ngồi đứng cần người, mồ hôi toát ra, thân nằm ở đó, bảo bệnh nan y. Giả sử, muốn được khỏi bịnh luôn an lành không có bịnh, quyết chẳng thể được.

Ba là muốn cầu sống lâu muôn đời, bị bịnh mà chết, mạng sống ngắn ngủi, nghĩ suy vạn năm, thọ mạng ngắn sầu lo nhiều, không quán xét vô thường, năm dục phóng túng, buông lung tâm ý, giết hại, trộm cắp. Dâm loạn, nói hai lưỡi, nói ác, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, ganh tỵ, tà kiến, không hiếu cha mẹ, không thuận thầy bạn, xem thường bậc lớn, phản nghịch không đạo đức, mong cầu giàu sang, muốn được tồn tại mãi, hủy báng thánh đạo. Sai lầm đó không ai bằng; làm tướng một cõi, người đời ngưỡng mộ, không biết trời đất trong ngoài do đâu, không biết bốn Đại do duyên hợp thành, như người ảo thuật, không rõ xưa nay sự hưng thịnh ở thế gian, không chịu nghe lời người dẫn đường, không biết từ đâu sanh và chết về đâu, tâm ở trời đất là chỗ của ta. Nhưng sự vô thường đến thì như gió thổi mây bay, cầu mong sống lâu, nhưng mạng sống thình lình qua đời không được tự tại, muốn được sống

lâu cũng không thể được.

Thứ tư là cha mẹ anh em, gia đình, bà con, bạn bè thương yêu vui sướng vinh hoa, tài vật giàu có, chức quyền bỗng lộc, cỡi xe dạo chơi, vợ con, tự kiêu ngạo, ăn uống khoái khẩu, người hầu trai trẻ, rảo bước liếc nhìn lẳng lơ, ngoái xem bóng mà đi, xem thường mọi người, cho mình trên hết, mọi người như khách trọ, các loài cầm thú ra vào tự do, không có hạn chế, không xem xét trước sau, sai khiến bà con thân thuộc theo ý mình. Khi nghiệp đời trước đã hết, như nước nóng làm tiêu tan tuyết, tâm mới lo sợ mong cầu cứu giúp hoạn nạn để được an ổn như lời nguyện cầu. Than ôi! Mạng sống quá ngắn, chỉ theo quỷ thần không trở lại nữa, cha mẹ anh em, vợ con thân thuộc, bạn bè tốt, thương yêu quyến thuộc chỉ còn một mình chức quan tài vật, nô tỳ hầu hạ đều tan tác, chạy tuốt như sao băng, muốn cầu không chết tức không thể được. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ xưa đến nay, trời đất hình thành không thoát khỏi bốn khổ hoạn nạn này. Do bốn khổ này mà Đức Phật xuất hiện ở đời.

***Thứ 7: Duyên Bất định***

Trong luận Thập trụ Tỳ Bà Sa dạy: Người biết hoàn toàn về pháp bất định là các pháp chưa sanh thì chưa phân biệt rõ ràng. Như kinh Phật phân biệt nghiệp dạy, Đức Phật bảo tôn giả A Nan: Có người thân tạo nghiệp thiện, miệng tạo nghiệp thiện, ý tạo nghiệp thiện người này qua đời lại rơi vào địa ngục. Có người thân tạo nghiệp ác, miệng tạo nghiệp ác, ý tạo nghiệp ác người này qua đời được sanh lên cõi trời.

Tôn giả A Nan thưa: Bạc Thế tôn! Sao lại như thế?

Đức Phật dạy: Người này nhân duyên tội phước đời trước đã thuần thục còn nhân duyên tội phước đời nay chưa thuần thục. Hoặc lúc sắp chết có chánh kiến hay tà kiến, khởi tâm thiện hay ác, vì tâm sắp chết có năng lực rất mạnh. Kinh Tăng nhất A hàm dạy: Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Ngày nay, có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Có người trước khổ sau vui. Có người trước vui sau khổ. Có người trước khổ sau khổ. Có người trước vui sau vui. Thế nào là người trước khổ sau vui? Hoặc có người sanh vào nhà nghèo khổ, cơm áo không đủ nhưng không tà kiến, biết được nhờ phước đức ngày xưa nên cảm ứng sanh vào nhà giàu sang, không làm phước đức bố thí nên luôn nghèo khổ, cơm áo không đủ, liền hướng tâm sám hối việc làm xưa, mình còn có những gì chia đều mọi người, nếu sanh trong loài người thì được nhiều tài của, không bị thiếu hụt. Vì thế, người này gọi là trước

khổ sau vui. Thế nào là người trước vui sau khổ? Hoặc có người sanh vào nhà dòng họ cao quý, cơm áo đầy đủ nhưng người đó thường có tà kiến, thích hợp với biên kiến, sau sanh trong địa ngục, nếu được làm người sanh nhà nghèo khổ, cơm áo không đủ. Người này gọi là trước vui sau khổ. Thế nào là người trước khổ sau khổ? Hoặc có người sanh vào nhà nghèo khổ, cơm áo không đủ nhưng luôn theo tà kiến, thích hợp với biên kiến, sau sanh trong địa ngục, nếu sanh trong loài nên rất nghèo khổ, cơm áo không đủ. Vì thế, người này gọi là trước khổ sau khổ. Thế nào là người trước vui sau vui? Hoặc có người trước sanh vào nhà dòng họ cao quý, nhiều tài sản, kính trọng Tam bảo, thường thực hành bố thí, sau sanh vào hàng trời người luôn được giàu sang có nhiều của cải. Vì thế, người này gọi là trước vui sau vui.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Hoặc có chúng sanh trước khổ sau vui. Hoặc có chúng sanh trước vui sau khổ. Hoặc có chúng sanh trước khổ sau khổ. Hoặc có chúng sanh trước vui sau vui. Nếu người sống một trăm năm mà bằng mười năm, hoặc trong một trăm năm làm các công đức, hoặc trong một trăm năm tạo các nghiệp ác. người đó vào thời gian khác, hoặc mùa Đông vui mà mùa Hạ thì khổ, hoặc thời gian làm phước ít, thời gian tạo tội thì nhiều. Sau đó, sanh ra thời gian thọ phước ít, thời gian chịu tội thì nhiều. Nếu thời gian khác tạo tội ít, thời gian làm phước thì nhiều. Sau đó, sanh ra thời gian chịu tội ít, thời gian hưởng phước thì nhiều. Hoặc trước thời gian tạo tội nhiều mà sau cũng nhiều, người này sau khi sanh ra trước chịu khổ sau cũng chịu khổ. Nếu có người thời gian làm phước ít, sau đó làm phước cũng nhiều, người này sau khi sanh ra trước an vui sau cũng an vui. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo có bốn hạng người xuất hiiện ở đời. Những gì là bốn? Hoặc có người thân vui tâm không vui. Hoặc có người thân không vui tâm vui. Hoặc có người thân tâm đều vui. Hoặc có người thân tâm đều không vui. Thế nào gọi là người thân vui tâm không vui? Là người phàm phu làm phước, đối với bốn việc cúng dường y phục, cơm nước, chỗ nằm ngồi, thuốc thang không thiếu nhưng không thoát khỏi khổ của ba đường ác. Đây gọi là người thân vui tâm không vui. Thế nào gọi là người thân không vui tâm vui? Là bậc A-la-hán không tạo các công đức, đối với bốn việc cúng dường không thể làm xong nhưng thoát khỏi khổ của ba đường ác. Đây gọi là người thân không vui tâm vui. Thế nào gọi là người thân tâm đều không vui? Là người phàm phu không tạo các công đức, không làm bốn việc cúng dường, lại không thể thoát khỏi khổ của ba đường ác. Đây gọi là người thân tâm đều không vui. Thế nào gọi

là người thân tâm đều vui? Là người tạo các công đức, đối với bốn việc cúng dường cho bậc A-la-hán đều đầy đủ, lại có thể thoát khỏi khổ của ba đường ác. Đây gọi là người thân tâm đều vui.

***Thứ 8: Duyên phước báo thiện***

Kinh luận Di Lặc-Bồ tát sở vấn dạy, hỏi: Thế nào là quả bố thí? Nói tóm lược bố thí có một loại quả, là quả thọ dụng. Quả thọ dụng lại có hai loại là quả thọ dụng ở hiện tại và quả thọ dụng ở vị lai. Lại có ba loại quả, hai loại quả trên và thêm quả Bát nhã. Lại có bốn loại quả. Những gì là bốn? Một là có quả mà không có dụng, hai là có dụng mà không có quả, ba là có quả mà có dụng, bốn là không có quả mà không có dụng. Thứ nhất có quả mà không có dụng là không chí tâm bố thí, không tự tay bố thí, xem nhẹ tâm bố thí. người bố thí như vậy tuy được vô lượng quả báo nhưng không thể thọ dụng. Như Thiên chủ Xá vệ tuy được vô lượng báu quý mà không thể dùng được. Thứ hai có dụng mà không có quả là tự mình không bố thí mà thấy người khác bố thí khởi tâm tùy hỷ, do nghĩa này tuy được thọ dụng mà mình không có quả. Như vật của Thiên tử tất cả Sa-môn, Bà-la-môn...tuy được cơm áo để dùng mà mình không được quả. Lại như bốn binh của Chuyển luận thánh vương tuy được cơm áo mà không có quả. Thứ ba là quả và dụng đều có. Tức là chí tâm bố thí, không xem nhẹ tâm bố thí như Thọ Đề-già và các trưởng giả. Thứ tư quả và dụng đều không có là bố thí rồi nhưng liền diệt hết, hoặc đó là chướng ngại đạo Thánh xuất thế như bậc Thánh xa lìa phiền não. Lại có năm loại quả là mạng sống, sắc đẹp, năng lực, an vui và biện tài. Nhờ ăn mới được sống, vì thế bố thí thức ăn, tức là bố thí mạng sống. Vì lý do này mà về sau được sống lâu. Như vậy bố thí sắc đẹp, năng lực, an vui và biện tài cũng như vậy.

Lại có năm loại quả trội hơn. Đó là cúng dường cha mẹ, người bịnh, pháp sư, Bồ tát thì được quả báo thù thắng. Ân nuôi dưỡng của cha mẹ nuôi lớn thân mạng. Vì thế cúng dường cha mẹ được quả báo tối thắng. Lại bố thí cho người bịnh là người cô độc đáng thương, vì nghĩa này nên phát tâm từ bi bố thí cho thì được phước báo thù thắng. Lại cúng dường vị thuyết pháp có thể sanh pháp thân, tăng trưởng pháp thân, biết diệt ác được lành, bình đẳng hay không bình đẳng, điên đảo hay không điên đảo. Vì thế cúng dường vị ấy thì được quả báo thù thắng. Lại các vị Bồ tát luôn hộ trì để lợi ích cho chúng sanh, phát tâm từ bi hộ trì Tam bảo, không đoạn mất nhân. Vì nghĩa này nên cúng dường Bồ tát thì được quả báo thù thắng. Do Bồ tát phát tâm dõng mãnh từ bi nguyện

lực lớn không như những phước khác với tâm hẹp hòi.

Kinh Tăng nhất A Hàm, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Hôm nay, Ta sẽ nói về phước của bốn Phạm thiên. Những gì là bốn? Nếu có tín nam tín nữ nào chưa từng xây Tháp, ở trong đó có thể xây dựng. Thứ hai tu sữa chùa cũ. Thứ ba làm Tăng chúng hòa hợp. Thứ tư như Đa Tát A Kiệt, lần đầu tiên Phật chuyển pháp luân vì chư thiên, người đời, khuyến thỉnh Phật chuyển pháp luân, ấy là bốn loại phước mà Phạm thiên thọ nhận. Các Tỳ-kheo bạch Thế tôn: Phước đức của Phạm thiên đến tột cùng là bao nhiêu? Thế tôn bảo: Công đức của tất cả chúng sanh trong một dặm cõi Diêm phù đề mới bằng công đức một vị Luân vương. Công đức của người ở cõi Diêm phù và một vị Luân vương mới bằng công đức của một vị ở Cù-da-ni. Phước đức của hai phương người trong một dặm ở Diêm phù và Cù-da-ni cũng không bằng phước đức một người ở Phất-vu-đạt kia. Phước đức của ba phương đó cũng không bằng phước đức của một người ở Uất-đơn-việt. Phước đức trong bốn thiên hạ cũng không bằng phước đức của Tứ thiên vương. Cho đến phước của 4 thiên hạ và phước 6 cõi trời Dục cũng không bằng phước một Phạm thiên vương Nếu có thiện nam tín nữ nào mong cầu phước ấy thì được qủa báo hạn lượng như thế. Kinh Trung A hàm dạy, bấy giờ Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu người nào thọ trì bảy loại này được sanh vào cõi trời Đế thích. Nói kệ:

*Cúng dường cha và mẹ*
*Cùng các bậc tôn trưởng*
*Nhu hòa và khiêm cung*
*Lìa nói ác, hai lưỡi*
*Điều phục tâm keo kiệt*
*Thường nói lời chơn thật*
*Sanh trời Ba mươi ba*
*Thấy, thực hành pháp này*
*Nói, làm đều như vậy*
*Vị lai sanh Trời ấy.*
*Kinh Tạp bảo tạng, nói kệ:*
*Nghiệp phước như quả chín*
*Không dùng thần thông được*
*Người nhờ giữ xe giới*
*Sau được sanh cõi trời*
*Biết chắc như đèn tắt*
*Được đến ở Vô vi*

*Tất cả do làm được*
*Cầu trời chẳng được gì.*

***Thứ 9: Duyên quả báo ác***

Phàm có hình tức bóng hiện, có tiếng tức vang theo, chưa thấy hình còn mà bóng mất, tiếng liên tục mà âm vang không có. Quả báo thiện ác tương ưng, lý đã rõ như vậy, may mắn, nguyện tin sâu xa, không ngờ về sau tiêu mất; quả báo khổ nặng nhẹ thế nào, sẽ trình bày đầy đủ ở dưới. Như thân giết hại chém, cắt từng miếng, nướng chín con hầu tìm vị ngọt, chim ưng đuổi theo chó, thợ săn bắn các loài sẽ đọa vào địa ngục bị búa bổ xẻ từng miếng, người đốt nấu chín chúng sanh thì đọa vào địa ngục than đỏ nung đốt, thả vào chảo sôi. Vì sát sanh này nên ở mãi mãi trong địa ngục chịu khổ tàn khốc, khi chịu khổ rồi lại làm súc sanh như bò, ngựa, chó, dê, lừa, loa, lạc đà, gà, chó, cá, chim, ngao, hầu nhỏ bị người giết hại. Loài loa, hến không được sống lâu lấy thịt nơi thân bâm nhỏ dùng làm đồ nhắm. Cầm thú trên núi chết sống vô số, nếu không có chút thiện thì mãi mãi không thoát. Thoát kiếp cầm thú nếu còn tí phước được làm thân người thì ở trong bào thai mà bị hư, sanh ra mất mạng, hoặc mười hay hai mươi tuổi mà chẳng biết gì chỉ từ mê vào tối. Thế nên, nhớ nghĩ thương xót người, phải biết mạng sống ngắn ngủi đều do nghiệp giết hại.

Luận Địa Trì dạy: Tội sát sanh có thể khiến cho chúng sanh đọa vào ba đường ác, nếu sanh trong loài người bị hai quả báo. Một là chết sớm, hai là lắm bịnh. Mười việc ác như vậy, mỗi một đều đủ năm loại quả báo. Một là sao sát sanh chịu khổ trong địa ngục? Vì giết hại làm khổ chúng sanh nên khi qua đời mọi khổ trong địa ngục đều đến. Hai là sao sát sanh lại sanh ra làm súc sanh? Vì giết hại thì không có lòng từ bi thương xót, trái với đạo con người nên chịu hết tội ở địa ngục lại sanh làm súc sanh. Ba là sao sát sanh chịu làm ngạ quỷ? Vì người giết hại nhất định với tâm bỏn xẻn, tham đắm vị ngon ngọt nên bị làm ngạ quỷ. Bốn là vì sao sát sanh khi làm người bị chết sớm? Do người này giết hại tàn sát mạng sống loài vật nên bị chết sớm. Năm là vì sao sát sanh luôn bị nhiều bịnh? Vì giết hại xa lìa sự vừa ý, tai họa cạnh tranh, chất chứa, nên phải bịnh nhiều. Thế nên, phải biết giết hại là khổ lớn.

Kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Khi ấy, có con quỷ thưa với Tôn giả Mục Liên: Trên hai vai con thường có mắt, ngực có miệng mũi mà không có đầu là vì lý do gì? Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi thường làm học trò nem chả, nếu thấy người giết hại ngươi lại ưa thích, dùng dây

cột vào bối tóc kéo đi. Vì thế nên phải chịu tội này. Đây là hoa báo làm ác còn về sau mới chịu quả khổ ở địa ngục. Lại có con quỷ thưa với Tôn giả Mục Liên: Thân con thường như cục thịt không có tay chân, mắt, tai, mũi...luôn bị trùng chim ăn, tội rất khổ sở là vì lý do gì?

Đáp: Đời trước ngươi luôn cho người uống thuốc phá thai. Vì thế nên phải chịu tội này. Đây là hoa báo còn về sau mới chịu quả khổ ở địa ngục. Lại do tham lam giết hại quá nhiều, do đó không còn nghĩa nhường nhịn mà luôn trộm cắp. Hôm nay, thân trộm lấy của không cho, chết đọa vào địa ngục hầm sắt, trong nhiều kiếp thọ nhiều khổ não, chịu hết các khổ; rồi làm súc sanh, thân thường mang nặng đánh đập thúc giục, không chút dừng nghỉ, chỉ được ăn uống cỏ nước, ở đó chịu vô lượng sanh tử, nhờ duyên đời trước hoặc còn tí thiện thì được làm người thấp kém luôn làm kẻ hầu hạ bị người sai khiến, thúc giục không được tự do, trả nợ chưa xong vẫn chưa được nghe pháp, do chịu khổ luân hồi vô cùng, nên biết khổ này do ăn trộm. Hôm nay, thân che mất ánh sáng không dùng ánh sáng cúng dường Tam bảo, trái lại lấy ánh sáng Tam bảo để dùng riêng mình, chết sẽ đọa vào địa ngục tối tăm, giường dây đen, tai điếc chịu đau khổ ở trong nhiều kiếp, khi chịu hết khổ lại đọa trong loài rận chí không hợp được ánh sáng, ở đó chịu vô lượng sanh tử cũng nhờ duyên xưa còn tí thiện thì được làm người thấp kém, thân hình đen tối dơ dáy không sạch, mùi hôi ô uế mọi người chê bai xa cách, hai mắt bị mù lòa không thấy, vì thế nên biết che mất ánh sáng cũng do duyên trộm cắp.

Kinh Địa trì dạy: Tội trộm cướp khiến cho chúng sanh đọa vào ba đường ác, nếu sanh trong loại người bị hai loài quả báo, một là nghèo khổ, hai là có tài vật mà không được tự do. Vì sao trộm cướp bị đọa vào địa ngục? Vì người đó cướp, trộm, giết, đoạt lấy cắp vật của người khác, làm khổ chúng sanh nên thân chết bị đọa vào địa ngục băng lạnh chịu đủ các khổ. Vì sao trộm cướp thoát khỏi địa ngục lại đọa vào súc sanh? Vì người này không làm theo đạo của người nên chịu quả báo súc sanh, thân thường mang nặng, bị lấy thịt cung cấp cho người để trả nợ cũ. Vì sao thoát khỏi rồi lại đọa làm ngạ quỷ? Do tham lam keo kiệt nên trộm cướp. Vì thế, khi hết tội súc sanh lại làm ngạ quỷ. Vì sao làm người nghèo khổ? Do người này trộm cướp khiến người khác không còn,vì thế mà nghèo túng. Vì sao có tài vật mà không tự do? Do người này ăn trộm vật của quan, nếu có tiền tài thì bị họa 5 nhà sử dụng chung. Không được tự tại phải biết trộm cướp là khổ lớn thứ hai.

Kinh Tạp bảo tạng dạy: Lúc đó có một con quỷ thưa Tôn giả Mục

Liên: Bụng con to như cái lu, cổ họng, tay chân nhỏ như cây kim ăn uống không được là vì lý do gì mà khổ như vậy. Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi làm chủ một thôn xóm cứ ỷ mình giàu sang, uống rượu ngang nhiên, xem thường người khác, cướp giựt của người mà ăn uống làm chúng sanh đói khát khốn khổ, do duyên này mà chịu tội như vậy. Đây chỉ là hoa báo, về sau mới chịu quả báo ở địa ngục.

Lại có một con quỷ thưa Tôn giả Mục Liên: Con thường bị hai bánh xe sắt nóng kẹp dưới hai nách xoáy vào thân làm cho bỏng lên là lý do gì vậy? Tôn giả Mục Liên đáp: Đời trước ngươi làm bánh cho chúng Tăng trộm lấy hai cái giấu dưới hai nách. Do duyên này mà chịu tội như vậy. Đây chỉ là hoa báo, về sau mới chịu quả báo ở địa ngục.

Do nhân duyên ăn trộm nên tâm không ngay thẳng, phóng túng, dâm đảng. Hôm nay, thân dâm dục hiện đời gặp nhiều nguy hiểm, luôn sợ sệt, hay bị người bên cạnh người chồng kia biết (ngoại tình), đúng lúc phải chịu tai vạ, chịu hình phạt đao trượng, đầu chân lìa ra cho đến mất mạng, chết đọa ngay vào địa ngục, nằm trên giường sắt, hay ôm trụ đồng, ngục quỷ đốt thiêu cháy thân mình. Tội địa ngục hết lại làm súc sanh như gà, vịt, chim, khổng tước, chó, heo, ngài chịu sanh tử vô lượng, trong nhiều kiếp bị các khổ đau, khi hết khổ lại nhờ duyên xưa còn chút duyên lành sanh được làm người nhưng thấp kém, chỗ xấu xa dâm loạn, làm thê, thiếp, thất tiết, nếu có tình thương thì bị người đoạt mất, luôn lo sợ, nhiều nguy hiểm, ít an ổn. Phải biết các khổ nguy hiểm đều do duyên tà dâm sanh ra.

Luận Trì địa dạy: Tội tà dâm cũng khiến cho chúng sanh đọa vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì mắc hai quả báo, một là vợ không trong trắng, hai là không được quyến thuộc thích. Vì sao tà dâm bị đọa vào địa ngục? Do tà dâm xâm phạm vợ người chẳng phải của mình, nếu phạm vật người là khổ. Thế nên, qua đời chịu khổ trong địa ngục. Vì sao tà dâm ra khỏi lại đọa làm súc sanh? Vì tà dâm là không đúng với lý ở đời, cho nên ra khỏi địa ngục phải làm thân súc sanh. Vì sao tà dâm lại đọa làm ngạ quỷ? Vì dâm đãng đều do tham ái, ích kỷ, tội ấy nên làm ngạ quỷ. Vì sao tà dâm vợ không trong trắng? Là do phạm vào vợ người nên nếu được vợ thường không trong sạch. Vì sao tà dâm không được bà con thương mến? Vì tà dâm đã cướp mất ân sủng của người nên quyến thuộc chẳng mến mộ, nên bị người cướp mất ân. Thế nên, phải biết tà dâm là khổ lớn thứ ba.

Kinh Tạp bảo tạng dạy, xưa có một con quỷ thưa với tôn giả Mục Liên: Con thường lấy lồng chụp lên đầu mình, luôn sợ người đến giết,

lo sợ khó chịu nổi. Do nhân duyên gì vậy? Đáp: Đời trước ngươi phạm dâm với vợ người, sợ người thấy, hay lo người chồng sẽ trói bắt đánh chết, hay sợ pháp của quan, bị giết bêu ở chợ luôn luôn lo sợ nên chịu tội này. Đây chỉ là hoa báo làm ác, về sau mới chịu quả khổ ở địa ngục. Lại do tà dâm mà nói dối. Nay nói dối làm khổ chúng sanh, chết đọa vào địa ngục khóc lóc ở nhiều kiếp chịu các khổ não, hết khổ lại đọa làm ngạ quỷ, ở đó chịu vô lượng khổ não sanh tử. Nhờ nhân duyên xưa nếu còn chút thiện được làm thân người nhưng thấp kém, nhiều bịnh tật, ốm yếu gầy món, thốn thiếu khổ cực, cơ cực từ nhỏ, không có người thương yêu. Vì thế, nên biết khổ này đều do nói dối mà sanh ra.

Luận Trì địa dạy: Tội nói dối cũng khiến cho chúng sanh đọa vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì mắc hai quả báo, một là bị nhiều hủy nhục, hai là bị người lừa dối. Vì sao nói dối đọa vào địa ngục? Vì nói dối không thật làm cho người khổ não. Do đó, chết đọa vào địa ngục. Vì sao nói dối ra khỏi lại làm súc sanh? Vì lừa dối trái với sự biết, tin của người. Do đó, ra khỏi địa ngục làm súc sanh. Vì sao nói dối lại làm ngạ quỷ? Vì nói dối là nhân lừa dối keo kiệt, tội lừa dối keo kiệt nên làm ngả quỷ. Vì sao làm người bị nhiều hủy nhục? Vì nói dối không thành thật. Vì sao nói dối bị người lừa dối? Vì nói dối dụ dỗ gạt người khác. Vì thế, phải biết nói dối là khổ lớn thứ tư.

Do nói dối mà dẫn đến nói hai lưỡi, hiện tại nói ra không có lòng từ, gièm pha nhục mạ, nói ác làm rối loạn, chết chắc đọa vào địa ngục, bị cắt lưỡi bỏ vào nước đồng sôi, hay đem cày ruộng, chịu khổ não trong nhiều kiếp, khi hết khổ lại làm súc sanh ăn phân dơ, như chim đề hồ không có lưỡi, ở đó chịu vô lượng sanh tử. Do nhân duyên xưa nếu còn chút thiện làm thân người nhưng yếu đuối, không có lưỡi, hơi miệng hôi, câm ngọng khó nói, răng không đều, trắng, thưa thớt nước dãi chảy mãi, nói ra chẳng ai tin. Vì thế nên biết, nói dèm pha, rối loạn đều do nói hai lưỡi sanh ra.

Luận Trì địa dạy: Tội nói hai lưỡi cũng khiến cho chúng sanh đọa vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì mắc hai quả báo, một là bị quyến thuộc tệ ác, hai là bà con không hòa hợp. Vì sao nói hai lưỡi đọa vào địa ngục? Vì nói hai lưỡi làm cho người thương yêu xa lìa, khổ chia lìa nên chịu khổ địa ngục. Vì sao nói hai lưỡi ra khỏi địa ngục làm súc sanh? Do nói hai lưỡi tranh chấp, làm loạn như chồn chịu làm thân súc sanh. Vì sao nói hai lưỡi làm ngạ quỷ? Vì nói hai lưỡi cũng là duyên keo kiệt, ganh tỵ. Do tội ganh tỵ nên làm ngạ quỷ. Vì sao nói hai lưỡi làm người gặp bà con xấu ác? Do dùng lời nói hai lưỡi khiến cho

người thân nghĩ xấu. Vì sao nói hai lưỡi gặp bà con không hòa thuận? Do duyên nói hai lưỡi làm cho người xa lìa bà con tốt, không được hòa thuận. Vì thế, nên biết nói hai lưỡi là khổ lớn thứ năm.

Lại nói hai lưỡi mà dẫn đến nói thô ác. Hiện tại do nói ác mà tranh chấp, tàn sát lẫn nhau, giết hại các chúng sanh. Khi chết phải đọa vào địa ngục đao binh chịu nhiều khổ trong nhiều kiếp. Khi khổ hết lại làm súc sanh, chuyên chở buôn bán vội vã nên chân, tay, đùi vế đều tan rã, chịu khổ trong nhiều kiếp. Khi khổ hết, ở đó chịu vô lượng sanh tử. Do nhân duyên xưa nếu còn chút thiện làm thân người nhưng yếu đuối, bốn chi không đủ, bị hoạn, chặt chân, xâm mình, xẻo mũi, hình hài tàn phế, quỷ thần không ủng hộ, người ghét bỏ. Thế nên, biết tàn hại chúng sanh đều vì lý do nói ác mà sanh ra.

Luận Trì địa dạy: Tội nói lời ác cũng khiến cho chúng sanh đọa vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì mắc hai quả báo, một là thường nghe tiếng xấu, hai là nếu nói ra điều gì cũng bị tranh chấp. Vì sao nói lời ác đọa vào địa ngục? Vì nói lời thô ác muốn để hại người, người nghe khổ não. Vì vậy, khi chết chịu khổ trong địa ngục. Vì sao nói lời thô ác ra khỏi địa ngục lại làm súc sanh? Vì nói thô ác hủy nhục người nên làm súc sanh. Do đó, ra khỏi địa ngục làm súc sanh. Vì sao nói lời thô ác lại làm ngạ quỷ? Vì keo kiệt mà nói nhiều lời nhục mạ xấu ác, vì thế, hết khổ súc sanh lại làm ngạ quỷ. Vì sao nói ác bị quả báo thường nghe tiếng xấu? Vì phát ra lời thô bỉ người khác. Vì sao những lời thô ác nói ra đều bị tranh cãi? Vì nói lời thô ác trái với phước đức, người nghe thường dẫn đến tranh cãi. Vì thế, nên biết nói lời thô ác là khổ lớn thứ sáu.

Lại do nhân duyên nói thô ác nên dẫn đến lời nói thêu dệt, chẳng có lợi ích. Do không có lợi ích hiện tại sanh kiêu mạn, chết đọa vào địa ngục trói buộc chịu khổ sở trong nhiều kiếp, khi hết khổ đọa làm súc sanh, chỉ nghĩ đến nước cỏ, không biết ơn nuôi dưỡng cha mẹ ở đó chịu vô lượng sanh tử. Do nhân duyên xưa nếu còn chút thiện làm thân người nhưng yếu đuối, sanh ở biên địa, không biết trung hiếu nhân nghĩa, không gặp Tam bảo. Nếu ở trong nước, người thấp lùn, xấu xí, lưng còng, bị người xem thường. Vì thế, nên biết kiêu mạn là do lắm lời vô nghĩa không kiềm chế sanh ra.

Luận Trì Địa dạy: Tội nói lời vô nghĩa cũng khiến cho chúng sanh đọa vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì mắc hai quả báo, một là khi nói ra mọi người không tin nhận. Hai là có nói ra lời cũng không rõ ràng. Sao nói lời vô nghĩa bị đọa trong địa ngục? Vì nói rồi

mà chẳng có nghĩa, sự việc thành chỉ tổn hại. Thế nên, lúc qua đời chịu khổ ở địa ngục. Sao nói lời vô nghĩa khi thoát khỏi tội rồi lại làm súc sanh? Vì do lời nói vô nghĩa trái với luân lý làm người, nên khi ra khỏi địa ngục thọ thân súc sanh. Sao nói lời vô nghĩa lại làm ngạ quỷ. Vì nói lời vô nghĩa nên keo kiệt làm chướng ngại, do keo kiệt mê hoặc nên làm ngạ quỷ. Vì sao tội nói vô nghĩa sau khi được sanh làm người, nói ra điều gì người cũng không tin nhận? Do nói lời vô nghĩa chẳng đáng làm theo. Sao nói lời vô nghĩa có nói mà không rõ ràng? Nói không có nghĩa đều do mê mờ, nên không không rõ ràng. Vì thế, nên biết nói lời vô nghĩa là khổ lớn thứ bảy.

Lại do nói vô nghĩa nên không khiêm nhường khiến cho tham muốn không nhàm chán, hiện tại tham lam lẫn tiếc không bố thí, chết phải đọa vào địa ngục phân sôi chịu khổ trong nhiều kiếp, hết khổ lại đọa làm súc sanh, ngạ quỷ không có cơm áo, xin thức ăn, phân dơ của người không cho không được, ở trong đó chịu vô lượng sanh tử. Do nhân duyên xưa nếu còn chút thiện làm thân người nhưng yếu đuối, đói lạnh trần tuồng, khốn khổ túng thiếu, người đã không cho, xin cũng chẳng được. Nếu có một chút bằng sợi lông cũng bị đoạt lấy ra sức gìn giữ mà chẳng được gì, mất thân mạng. Vì thế nên biết, không bố thí đều do tham muốn sanh ra.

Luận Trì địa dạy: Tội tham muốn cũng khiến cho chúng sanh đọa vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì mắc hai quả báo, một là tham muốn nhiều, hai là không biết đủ. Sao tham muốn bị đọa vào địa ngục? Vì tham muốn tác động thân, miệng mà khổ vật, nên thân chết chịu khổ địa ngục. Sao tham muốn ra khỏi địa ngục lại làm súc sanh? Do tham muốn này thường tác động trái đạo làm người, nên ra khỏi địa ngục liền làm súc sanh. Sao tham muốn làm ngạ quỷ? Do tham muốn này chắc chắn bị tham lam lẫn tiếc, tội tham lam lẫn tiếc nên đọa làm ngạ quỷ. Sao tham muốn mà lại nhiều mong cầu? Do tham muốn này nên mong cầu càng nhiều. Sao tham muốn mà không biết đủ? Vì tham muốn này mà mong cầu muốn nhiều không chán. Thế nên biết tham muốn là khổ lớn thứ tám.

Lại do tham muốn không vừa ý, nên tức giận phẩn nộ khởi sân si. Nay thân chịu khổ, nhiều sận giận, sau chết đọa vào địa ngục Nê lê, ở đó trải qua nhiều kiếp thọ vô lượng khổ. Khi đã thọ hết khổ rồi lại đọa làm súc sanh như rắn độc, hổ mang, hổ, chó sói, beo ở trong đó chịu vô lượng sanh tử. Do nhân duyên xưa nếu còn chút thiện làm thân người nhưng yếu đuối, lại nhiều giận hờn, mặt mày xấu ác, bị người ghen

ghét, bà con cho đến mình cũng không thích nhìn. Vì thế, nên biết sân giận đều do giận dữ mà sanh ra.

Luận Trì địa dạy: Tội sân giận cũng khiến cho chúng sanh đọa vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì mắc hai quả báo, một là thường bị mọi người soi mói những cái hay cái dở của mình. Hai là thường bị người làm phiền não. Vì sao tức giận mà bị đọa vào địa ngục? Do sân giận làm hại mọi vật, chịu khổ trong địa ngục. Vì sao sân giận khi ra khỏi địa ngục lại làm súc sanh? Do sân giận này không có nhơn từ tha thứ, vì thế ra khỏi địa ngục làm súc sanh. Vì sao sân lại làm ngạ quỷ? Do sân giận mà keo kiệt khởi lên nên tội bỏn xẻn bị làm ngạ quỷ. Vì sao sân giận thường bị mọi người soi mói những cái hay cái dở của mình? Vì tức giận không có lòng bao dung nên bị mọi người soi mói những cái hay cái dở của mình. Vì sao thường bị mọi người não hại? Do sân giận não hại người thì cũng bị người não hại lại. Vì thế sân giận là khổ lớn thứ chín.

Do sân giận này mà thường hạn hẹp không tin đạo chơn chánh, hiện đời tà kiến, ngăn người nghe pháp tụng kinh, mình không ăn rau, chết phải đọa vào địa ngục ngu điếc, chịu các khổ không nhiều kiếp. Khi hết khổ đọa làm súc sanh, không nghe tiếng Tam bảo, Bốn đế, không biết là thiện, bị giết hại dùng roi đánh đập, không biết là ác. Ở trong đó chịu vô lượng sanh tử. Do nhân duyên xưa nếu còn chút thiện làm thân người nhưng yếu đuối, điếc mù không biết chẳng khác vách đá, nói hay tiếng tốt đều không biết. Vì thế nên biết, nếu làm chướng ngại nghe pháp đều do tà kiến.

Luận Trì địa dạy: Tội tà kiến cũng khiến cho chúng sanh đọa vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì mắc hai quả báo, một là sanh vào nhà tà kiến. Hai là luôn dua nịnh. Vì sao tà kiến bị đọa vào địa ngục? Vì tà kiến chỉ hướng về tà đạo và dùng hiểu biết thế gian để hủy báng Phật Pháp Tăng, không tôn kính Tam bảo, đã thế mà còn đoạn mất đường chơn chánh của người, khiến họ mắc khổ. Vì thế, qua đời đọa vào địa ngục A tỳ. Vì sao tà kiến lại làm súc sanh? Do tà kiến nên không biết lý đúng đắn cho nên khi ra khỏi địa ngục lại bị làm súc sanh. Vì sao tà kiến lại làm ngạ quỷ? Do tà kiến mà keo kiệt, chấp chặt hẹp hòi không bỏ, vì thế làm ngạ quỷ. Vì sao tà kiến sanh vào nhà tà kiến? Do tà kiến, tâm tập theo thói hẹp hòi mãi, nên làm người lại sanh vào nhà tà kiến. Vì sao tà kiến lại dua nịnh? Do tà kiến nên không trung thực, vì thế làm người mà luôn dua nịnh. Thế nên, phải biết tà kiến là khổ lớn thứ mười.

Như vậy, mỗi một tội ác nhỏ nhặt vô lượng vô biên đều đọa vào địa ngục.

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 13)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 14

## PHẦN THỨ 23: MƯỜI ĐIỀU ÁC

- Duyên sát sanh
- Duyên trộm cắp
- Duyên tà dâm
- Duyên vọng ngữ
- Duyên ác khẩu
- Duyên hai lưỡi
- Duyên thêu dệt
- Duyên xan tham
- Duyên sân nhuế
- Duyên tà kiến

***Thứ 1: Duyên sát sanh***

Hễ sanh vào trong sáu đường, tất cả chúng sanh ai cũng tham luyến sự sống. Đã nương gá vào tinh cha huyết mẹ để có thân hình này, hầu hết chúng ta ai cũng sợ chết. Thế rồi trong cõi bể dâu tan thương thăng trầm vạn nẽo ấy, người ngu cũng như kẻ trí luôn muốn tìm cho mình một nơi an nhàn để tránh xa tục lụy. Bởi vậy, trong lịch sử nhân loại, ghi lại lắm chuyện li kì và đầy kịch tính, như nên Kinh Cầm Đầu Án, xin nộp mạng cho quân Ngụy, hoặc loài thú cùng đường khi vào lò mổ còn van xin được sống nơi hoang dã. Vua nước Hán cho bánh muốn được đáp đền bằng ngọc minh châu, Dương Bảo dâng hoa liền mong được vòng ngọc trắng. Cho đến vị Sa di cứu đàn kiến lại được sống lâu, hoặc theo dòng nước cứu cá lại được Trời ban cho trân bảo. Nói chung tất cả những chuyện như vậy, xẩy ra trong cuộc đời này, không biết mực nào diễn tả hết. Do đó, mới biết mọi việc làm của con người đều có nhân quả rõ ràng. Kẻ gây ác nghiệp chắc chắn sẽ nhận lấy quả xấu đúng như sự tạo tác của mình. Tuy nhiên do không thấu hiểu, con người

thường giết hại nhiều sinh vật khiến cho chúng chịu đựng bi thương khổ não vô cùng, đến nổi mặt đất tuy rộng nhưng chẳng có chỗ dung thân và Trời cao không thể nghe được lời cầu cứu van xin. Cho nên trong kinh dạy: Tất cả chúng sanh đều sợ dao gậy, luyến tiếc sống. Lấy việc tha thứ cho mình có thể làm ví dụ nên chớ giết, chớ đánh. Nhưng kẻ phàm tục điên đảo, tà kiến, Vô minh, hoặc vì việc xấu tốt, chuyện chung, chuyện riêng, cúng bái, chiêu đãi khách mời, nên thường bảo nhà bếp, làm thịt, nấu nướng các loài sanh vật để bày tiệc dâng hiến mọi người. Hoặc là cuối năm Tết đến, công việc hoàn tất, Trời ảm đạm sa sương, đồng nội nóng nực như lửa đốt. Lúc ấy, phi ngựa như gió, thả chim Ưng bay liệng như điện chớp và dang kiếm dương cung oai hùng như bậc tướng sĩ xua đuổi các loài vào rừng rậm, ở hang, núp cây, đào phá hang tổ, bủa lưới khắp đồng trống, giăng bẩy khắp núi cao, hoặc ngăn trước đường, ngăn trái, chặn phải, cát bụi mờ mịt, khói lửa mù trời làm cho chim lạc bạn kinh hãi bay đi, thú lìa đàn vội vã tháo chạy. Nhạn nghe tiếng dây cung tranh nhau bay tán loạn. Vượn ôm cây rền rỉ thảm thương. Muôn loài đều lâm vào cảnh cùng đường, kêu gào bi thảm. Ở rừng sâu mà dứt tiếng. Sở dĩ cung tên không phải bắn chơi, nên làm cho muôn thú rách nách, thủng ức, vỡ đầu, hại não. Hoặc lại buông câu xuống nước đục ven sông, rãi mồi ở dòng nước trong sạch. Học cách câu cá ở ven sông cũng như bắn cá nơi hang giếng. Mọi tin tức đưa đi đều bặt vô âm tín. Bản chất muôn màu của cánh buồm thuyền hay đưa người đi mật báo cũng tan tành từng mãnh vụn. Có chiếm được địa bàn thì thân thể nát tan, địa bàn cũng hủy hoại. Nếu lại có dân rợ nỗi dậy thì Vua phải thân chinh đánh dẹp. Biên giới có phản tặc thì phải nhờ đến các thần võ. Tuy Vua chúa hiền lương nhưng còn phải động đến can qua. Bậc hiền triết minh quân còn phải đi chinh phạt. Cho nên, chiến dịch ở núi Nhi mới nêu cao danh. Sư ở nơi thanh vắng mới xứng danh đức độ. Trong ấy , hoặc có trăm vạn người ủng hộ chiến tranh, dẫn năm ngàn người tiến tới, đánh tan Tào công ở trận Xích bích, bắt Hạn võ ở sông Ô, bêu đầu ở đài cao, đem thây chết để nơi phố chợ. Tất cả đều là những bậc anh hùng, một mai oai võ, đương thời lưu truyền như thế, không thể ghi chép. Xương chất thành núi, máu chảy đầy sông. Ngày nay Vua chúa nỗi dậy tàn hại kẻ yêu nghịch, đem quân vây đánh, dò xét biên giới, dự bị quân mã, thao lược hùng mạnh, dưới bóng cờ xí như mây thì ai đâu dám tự an, ở giữa binh khí như sương nên tin rằng còn nhiều hiểm nạn. Vì vậy đành phải buông đao, cúi đầu cầu xin tha mạng. Những tội như thế không thể trình bày hết được. Phàm là chúng sanh

đều làm tổn hại nhau, vì oán, vì thù, phụ bạc thân mạng. Hoặc gây nhân giết hại liền bị quả báo nhiều bệnh. Nguyện từ ngày nay, xa lìa giết hại, cho đến kiếp vị lai nguyện làm quyến thuộc Bồ-đề, không hoại duyên tốt, gần gũi đạo pháp.

Lại nữa, kinh Niệm Chánh Pháp dạy: Thế nào là không giết hại?

Nếu các giống lúa sanh các trùng nhỏ thì không được xay, giã. Biết lúa có trùng nên bảo hộ thân mạng chúng, không được chuyển giao cho người khác, lại không được giết hại. Hoặc trên lưng trâu, ngựa, lạc đà, lừa mang vác nặng nên ung nhọt bên trong sanh trùng thì phải lấy nước rửa ung nhọt, không dùng cỏ thuốc giết hại vi trùng. Nên dùng lông chim lau rửa để lấy trùng ra khỏi những cục thịt thối làm cho chúng được toàn mạng và bảo hộ trâu, lừa...ấy khỏi bị tổn hại thân mạng và bảo hộ mạng sống côn trùng dù chỉ một con kiến nhỏ. Hoặc vào ban đêm, ban ngày lúc đi phải giữ chánh niệm, tâm không nghĩ đến sự giết hại. Nếu thấy chúng sanh muốn ăn côn trùng thì nên lấy thức ăn của mình mà đổi lấy chúng làm cho chúng được thoát nạn.

Lại nữa, luật Tỳ-nại-da dạy: Thuở xưa, lúc Phật còn tại thế, trong nước Xá-vệ có một Bà-la-môn thường cúng dường cho Tỳ-kheo La-hán Ca Lưu Đà Di. Bà-la-môn ấy chỉ có một người con đã đến tuổi trưởng thành nên cưới vợ. Lúc sắp chết Bà-la-môn dạy con: Sau khi cha qua đời con nên xem Tôn giả Ca Lưu Đà Di như cha ngày nay, chớ để Tôn giả thiếu thốn.

Bấy giờ, cha mẹ đều qua đời. Người con vâng lời cha mẹ trở lại cúng dường Ca Lưu Đà Di giống như lúc cha còn sống. Thời gian sau, con Bà-la-môn ra đi nên dặn vợ cúng dường. Ngày ấy, bỗng có năm trăm tên giặc cướp kéo đến. Trong đó có một tên dung mạo bảnh trai, người vợ trông thấy liền sai người gọi đến và cùng nhau tư thông.

Ca Lưu Đà Di thường đến nhà, nên cô ta sợ Sa-môn tiết lộ việc này ra ngoài. Do đó, cô ta cùng bàn với tên cướp, tìm cách giết hại. Vua Ba-tư-nặc nghe Tôn giả Ca Lưu Đà Di bị giặc cướp giết chết, Vua nghĩ đến Tôn giả nên trong lòng bực tức liền giết nhà Bà-la-môn và hơn mười tám nhà bà con ruột thịt, bắt năm trăm tên cướp và chặt đứt đầu, chân chúng, ném vào trong hố. Tỳ-kheo thấy rồi, trở về bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Trước đây, Ca Lưu Đà Di đã làm việc ác gì mà nay bị vợ Bà-la-môn giết hại?

Phật dạy các Tỳ-kheo: Quá khứ xưa kia, Ca Lưu Đà Di làm chủ tế Trời. Có năm trăm người khiên một con dê buộc chặt bốn chân, đem đến tế Trời. Họ cùng cầu nguyện. Chủ tế lễ xong rồi liền giết con dê.

Do giết hại nó nên đọa Địa ngục, chịu khổ vô cùng. Xưa, chủ tế Trời, nay là Ca Lưu Đà Di. Tuy đắc quả La-hán nhưng tai ương không hết nên Ca Lưu Đà Di phải chịu quả báo này. Con dê lúc ấy, nay là người phụ nữ kia. Năm trăm người cột chân dê, nay là năm trăm tên cướp bị Vua chặt tay chân.

Khi ấy, Phật bảo các Tỳ-kheo: Người nào giết hại sẽ chịu quả báo, hoàn toàn không mất.

Lại nữa, kinh Hiền Ngu dạy: Xưa kia, lúc Phật còn tại thế ở trong thành Xá-vệ, có Trưởng giả Lê-kỳ-di có bảy người con đều cưới vợ. Người vợ của đứa con út tên là Tỳ-xá-ly, thông minh, hiền trí, biết hết mọi việc. Lúc ấy, Lê-kỳ-di giao hết gia sản cho cô ta. Do cô ta hiền trí nên Vua Ba-tư-nặc coi như em gái. Lúc mang thai, đủ tháng ngày cô ta liền sanh ba mươi hai cái bọc. Trong mỗi bọc có một bé trai, dung mạo khôi ngô, dõng kiện phi thường, sức của một người đánh trả ngàn người. Những bé trai đến lúc trưởng thành, cưới vợ đều là con cái nhà giàu có trong nước. Bấy giờ, Tỳ-xá-ly thỉnh Phật và chúng Tăng đến nhà để cúng dường. Đức Phật thuyết pháp cho họ nghe. Cả nhà đều đắc quả Tu-đà-hoàn, chỉ có người con út chưa chứng đắc. Anh ta cỡi voi dạo chơi, bỗng gặp con của Bộ tướng phi ngựa trên cầu. Anh ta liền tóm lấy cậu ấy ném xuống hào ở dưới gầm cầu, gây thương tích đầy mình. Cậu ta liền đến chỗ cha, thưa chuyện. Bộ tướng bảo con: Người kia sức mạnh, lại là thân thuộc của nhà Vua, khó mà tranh hơn họ được. Ta phải âm thầm tìm cách trả thù. Bộ tướng liền đem bảy báu làm thành ba mươi hai cây roi ngựa, dùng thép làm đao để chỗ roi ngựa, rồi tặng cho một người một cây. Mọi người ưa thích, vui vẽ nhận lấy và thường mang theo bên mình lúc ra vào diện kiến Vua. Theo phép nước, khi gặp Vua, làm lễ thì không được mang đao. Bộ tướng thấy vậy liền sàm tấu Vua: Con của Tỳ-xá-ly lớn tuổi, sức mạnh, một người đương đầu với ngàn người. Nay ôm ấp mưu kế làm phản, muốn giết Vua nên chúng đều làm đao bén để trong roi ngựa. Sự thật rõ ràng, Vua liền lục soát, quả đúng như vậy. Vua cho là thật nên giết tất cả. Giết xong, Vua đem ba mươi hai cái đầu đặt trong cái tráp, dùng ấn niêm phong tặng cho em gái, đúng vào ngày Tỳ-xá-ly thỉnh Phật và chúng Tăng đến nhà để cúng dường. Thấy Vua đem tráp đến tặng, cô ta cho là Vua trợ giúp việc cúng dường nên muốn mở ra xem. Đức Phật liền ngăn cản. Đợi Tăng dùng xong, chú nguyện rồi, Phật vì họ mà thuyết pháp vô thường, khổ...Tỳ-xá-ly đắc quả A-na-hàm. Sau khi Phật đi, cô ta mở tráp, thấy ba mươi hai cái đầu con mình, nhờ đoạn ái dục nên không đến nỗi áo não, nhưng

bà ta nói: "Đau đớn thay! Sầu bi thay! Người có sanh tất phải có chết, không được sống lâu, luân hồi trong năm đường. Sao khổ não như thế!" Ba mươi hai gia đình bà con bên vợ nghe sự tình này, áo não nói: "Đại vương vô đạo, cuồng giết người hiền". Họ cùng nhau tập hợp binh mã muốn đến báo thù. Nhà Vua sợ hãi, tẩu thoát đến chỗ Phật. Mọi người dẫn quân vây quanh tinh xá Kỳ-hoàn. A Nan biết Vua giết ba mươi hai người con của Tỳ-xá-ly nên thân tộc bên vợ muốn báo thù, Tôn giả liền chấp tay, bạch Phật:

Vì nhân duyên gì mà ba mươi hai người con bị Vua giết hại?

Phật bảo A Nan: Quá khứ xưa kia, có ba mươi hai người ăn trộm một con trâu, cùng khiêng đến nhà một lão bà và muốn giết nó. Bà ta vui vẽ lấy dụng cụ để giết. Lúc sắp giết chết, trâu quỳ xuống xin tha mạng. Mọi người tranh nhau giết nó. Trâu chết rồi, thề: "Nay ngươi giết ta, đời sau ta không tha cho ngươi". Làm thịt xong, mọi người cùng ăn. Bà ta ăn no rồi vui vẽ nói: "Chưa lúc nào ta được no nê như ngày hôm nay, nhờ có khách đến đây"

Phật bảo A Nan: Con trâu lúc ấy nay là Vua Ba-tư-nặc. Người trộm trâu, nay là ba mươi hai người con của Tỳ-xá-ly. Bà mẹ già, nay là Tỳ-xá-ly. Do giết hại trâu nên trong năm trăm đời thường bị giết hại. Bà già hoan hỷ nên trong năm trăm đời thường bị làm mẹ, lúc thấy con mình bị giết chết nên vô cùng áo não, nay được gặp Ta mới đắc quả A-na-hàm.

Thân tộc bên vợ nghe lời Phật dạy liền hết sân giận, cùng nhau thưa: "Người ấy tự gieo trồng thì ngày nay phải chịu quả báo. Do giết hại một con trâu, nay phải đền mạng như thế, huống chi giết nhiều. Vua Ba-tư-nặc là Vua của ta, tại sao ta lại ôm lòng oán hận mà muốn giết hại?"

Sau đó, họ liền cúi đầu, xin sám hối Vua. Vua cũng bỏ qua, không hỏi tội họ.

A Nan bạch Phật: Họ tu phước gì mà được giàu có, tráng kiện, gặp Phật đắc đạo?

Phật dạy A Nan: Quá khứ xưa kia, vào thời Phật Ca Diếp, có một bà già gom góp các loại hương, hòa hợp làm dầu rồi muốn đến thoa vào tháp. Giữa đường, gặp ba mươi hai người nên bà khuyên họ cùng đến thoa dầu vào tháp. Thoa xong, họ cùng phát nguyện: "Xin được sanh ra ở chỗ tôn quý, giàu có, thường được cùng nhau làm mẹ con, gặp Phật, đắc đạo".

Từ đó đến nay, trong năm trăm đời, họ được sanh ra ở nhà tôn

quý, thường cùng nhau làm mẹ con. Nay được gặp Phật nên đắc đạo.

*Bài tụng Chánh báo:*
*Vui vẽ giết kẻ khác*
*Sầu đau, vào Địa ngục*
*Dơ uế nước đồng chảy*
*Thường tưới rót liên tục*
*Dao liệng, lửa hừng bay*
*Gai độc xé nát thân*
*Chịu khổ vạn ức phần*
*Thương tâm không kể hết.*

Bài tụng Tập báo:

*Giết hại, đọa bốn loài*
*Chịu khổ ba đường xong*
*Được sanh trong loài người*
*Chết yểu, nhiều sầu, bệnh*
*Cơn dịch bệnh, gian khổ*
*Chết yểu, thường trầm luân*
*Người có trí nhìn nhận*
*Chớ tùy tiện giết hại.*

***Thứ 2: Duyên trộm cắp***

Tham dục là nguyên nhân cơ bản khiến chúng sanh trầm luân trong sáu cõi. Đã làm con người phần nhiều ai cũng tham luyến vật chất của cải. Tuy người và sinh vật khác nhau nhưng sự keo kiệt không khác. Nếu gặp tài vật mà vội lấy thì chẳng phải là hiền nhân, thấy lợi vong ân chẳng thành quân tử. Vả lại, tiền tài, của báu, lụa là là vật bên ngoài. Tràng phan, hương hoa là vật cúng dường chúng tăng. Lẽ ra phải xét đến sự bần cùng của mình mà tùy hỷ sự giàu có của kẻ khác, đâu phải vì sự bần cùng của mình mà tham đoạt tài sản của kẻ khác. Cho nên, trong sổ sách có chép: Điều Đạt trộm hoa liền bị đọa lạc, Kiều Phạm bớt xén lúa nên trở lại làm thân trâu, Ca Diếp xin bánh, bị người đời chê bai, Tỳ-kheo ngửi trộm hoa, bị thần Ao quở trách. Như thế, mới biết được trộm cắp là phạm phải tội nặng. Vì vậy, hôm nay chúng ta thấy có những kẻ ngày không chỗ ăn, đêm không chỗ ngủ, chim đậu, hươu nghỉ co cấp ngoài Trời, an giấc bên đường, xoay vần cầu ăn, liền bị mẹ đuổi đi; Giá-cô bay về hướng Nam; con theo Hồ mã trở về hướng Bắc; chồng theo bóng Mặt Trời chạy về hướng Tây; vợ trôi theo dòng chảy về hướng Đông; tất cả đều hoài vọng về quê cũ, đứt từng khúc ruột.

Ai cũng nhớ nơi sanh mà than khóc, lệ chảy ra máu, tâm uất ửởng tụ bờ mi. Sự khổ đau này đều do đời trước không bố thí mà lại trộm cắp. Thế nên, kinh dạy: "Muốn biết nhân quá khứ nên xem quả hiện tại. Muốn biết quả vị lai cần xem nhân hiện tại". Vì vậy, mong các hành giả thường răn đe mình, chớ khởi tâm trộm cướp. Ngay cả của rơi cũng không tham, huống chi cố ý ăn trộm của người.

*+ Trộm vật của Phật.*

Kinh Niết bàn dạy: Xây dựng chùa, cúng dường hương hoa, châu báu, không hỏi mà lấy: Nếu biết hoặc không biết đều phạm phải tội ăn trộm cả.

Lại nữa, luận Tỳ-nại-da dạy: Nếu trộm tràng hoa trong tháp Phật, tháp Thanh-văn đều phạm phải tội nặng, vì đoạn mất phước của thí chủ cúng dường.

Luật Thập tụng dạy: Nếu có chủ mưu trộm đồ vật ở trong chùa hay trong tinh xá, thì phạm trong tội.

Như luật Thập tụng dạy: Nếu trộm Xá lợi Phật, luận Tát-bà-đa dạy: Nếu trộm tượng Phật, với tâm thanh tịnh để tôn thờ, hoặc cúng dường nơi khác, vì suy nghĩ: Họ cũng đệ tử, ta cũng đệ tử, thì cũng đều không phạm, dù cho không nói ra lấy để cúng dường.

Theo luận Ma-đắc-lặc-già dạy: Người trộm xá lợi, tượng Phật để làm việc mua bán sinh sống thì phạm đại trọng tội.

*+ Trộm vật của Tăng.*

Như luật Ngũ phần dạy: Mượn vật của Tăng không trả, tính theo trị giá mà phạm trọng tội.

Kinh Quán Phật Tam Muội dạy: Người trộm vật của Tăng mang tội còn nặng hơn tội giết tám vạn bốn ngàn cha mẹ.

Kinh Bảo Lương dạy: Thà ăn thịt thân mình, chứ nhất quyết không dùng vật của Tam bảo.

Theo kinh Phương Đẳng, Bồ-tát Hoa Tụ dạy: Ngũ nghịch và bốn trọng tội ta có thể cứu. Người trộm vật của Tăng, ta không thể cứu.

Phẩm Tế rồng trong kinh Đại tập dạy: Lúc ấy, có các loài rồng đắc Túc mạng, liền nghĩ về nghiệp quá khứ của mình nên khóc than như mưa. Chúng cùng nhau đến trước Phật, thưa:

Con nhớ quá khứ, ở trong Phật pháp, hoặc làm người đời do nhân duyên thân thuộc, hoặc là nhân duyên nghe pháp, có được tín tâm, đem cúng dường các thứ hương hoa, ẩm thực, cùng các Tỳ-kheo theo thứ tự mà ăn.

Hoặc có rồng thưa: Con đã từng ăn hoa quả, vật thực của chúng

Tăng bốn phương.

Hoặc có rồng thưa: Con đến chùa cúng dường chúng Tăng, hoặc lại lễ bái, ăn uống như vậy. Cho đến bảy đức Phật đã qua, có nhiều người đời, có tín tâm, vì cúng dường nên bố thí các thứ hoa quả, ẩm thực. Tỳ-kheo nhận rồi lại đem cho con. Con có được liền ăn. Do nghiệp duyên ấy nên đọa trong Địa ngục. Trải qua vô lượng kiếp ở trong lửa lớn, hoặc bị thiêu, bị nướng, hoặc bị uống nước đồng, nuốt hòn sắt nóng. Ra khỏi Địa ngục, đọa vào Súc sanh. Hết thân Súc sanh, đọa vào Ngạ quỷ, chịu đựng các sự khổ đau như vậy.

Phật dạy các loài rồng: Ác nghiệp này cũng như việc trộm vật của Phật, so với tội ngũ nghịch đều giống nhau nhưng quả báo của tội này khó mà thoát khỏi. Ở trong Hiền kiếp sẽ gặp đức Phật sau cùng hiệu là Lâu Chí, vào thời của đức Phật ấy thì tội mới được tiêu trừ.

Hỏi: Vì sao tội trộm, dùng vật Tăng là trọng tội?

Phật dạy: Vì vật của Tăng, đều hướng đến phàm Thánh mười phương, trên đến chư Phật, dưới đến phàm Tăng. Tùy cảnh vô biên, kết tội vô biên. Hạt bụi có thể biết được số lượng nhưng tội báo của người này không thể tính được. Vì sao? Vì những thí chủ đã bỏ ra từng đồng, từng hạt gạo nguyện đem cúng dường phàm Thánh mười phương xuất gia dùng, để ngày đêm tu đạo. Họ không muốn đem cho người đời. Như một tiếng chuông đồng hưởng tiếng, xa gần đồng ăn, phàm Thánh thọ dụng đều thành đạo nghiệp, làm thiện thì nhiều, mắc tội thì ít. Nay thấy chúng sanh ngu si, không biết sang hèn, không tin Tam bảo, hoặc tham lấy vật quý đem dùng cho thân mình, hoặc ăn vật thực của Tăng, thọ dụng hoa quả, hoặc cỡi gia súc của Tăng, hoặc dẫn người giúp việc của Tăng đi, hoặc mượn vật của Tăng đã lâu không trả, thấy Tăng nhiều lần đến xin lại càng mạ nhục, hoặc dựa vào thế lực để tìm lỗi của Tăng. Những sự tổn hại như thế nhiều đến vô lượng không thể kể hết. Tự mình suy nghĩ về những lỗi này sao không đau lòng? Nay không cho là chẳng phải vì lòng keo kiệt, tham tiếc mà không cho là vì lòng từ thương xót hàng cư sĩ, sợ họ chịu khổ. Nếu đem cho là không chân chánh, làm tổn hại người đời, tự mình cũng mắc tội nên sanh vào đời vị lai đồng chịu tai ương. Thế nên trong kinh Phật Bản Hạnh dạy: Một niệm ác có thể mở năm cửa bất thiện:

- Ác có thể thiêu cháy căn lành của người.
- Từ nơi ác lại sanh ác.
- Bị Thánh nhơn quở trách.
- Đạo quả giảm sụt.

- Chết rồi đọa vào đường ác.

Đã biết vậy thì không nên dễ dãi buông lời mà phải hết sức răn mình. Nếu đời sau chịu khổ như thế thì biết mình đã dùng vật của Tăng.

*+ Trộm vật dùng lẫn lộn.*

Như kinh Bảo Ấn dạy: Hai vật của Phật và Pháp, không được dùng lẫn lộn. Do không cho vật của Phật, Pháp làm chủ nên không thể bàn luận, không giống vật của Tăng thường trụ, chiêu đề đều có thể bàn bạc để dùng. Nếu dùng vật của Tăng, tu sửa tháp Phật thì phải nương theo pháp, Tăng hòa hợp thì được dùng. Tăng không hòa hợp thì khuyên người đời tu sửa. Nếu vật của tháp Phật cho đến một tiền trở lên do tâm nguyện của thí chủ nên bỏ. Chư Thiên, loài người đối với vật này nên sanh tưởng Phật, tưởng tháp cho đến gió thổi hư hoại cũng không được trao đổi cúng dường. Vì vật của Như Lai thì không người nào định giá được.

Luật Thập Tụng dạy: Đối với phòng Tăng, tượng Phật, người giúp việc và voi, ngựa, trâu, bò, dê...đều có sở thuộc riêng, không được dùng lẫn lộn.

Luật Tăng Kỳ dạy: Hoa cúng dường Phật nhiều thì cho phép chuyển đến hương đăng. Do quá nhiều thì được đem bán lấy tài vật vô tận.

Ngũ Bách Vấn Sự Khẩn Quyết dạy: Tràng phan của Phật nhiều, muốn làm các việc phật sự khác thì cho phép nhưng nếu thí chủ không chấp thuận thì không được làm.

Luật Ngũ Phần dạy: Thức ăn cúng dường nơi tháp Phật thì người tu sửa tháp được ăn.

Luật Thiện Kiến dạy: Vật thực cúng dường trước Phật thì Tỳ-kheo hầu Phật được ăn. Nếu không có Tỳ-kheo thì cư sĩ hầu Phật được ăn.

Kinh Tội Phước Quyết Nghi dạy: Lúc mới dâng cúng Phật thì Thượng, trung, hạ tọa đều dạy cư sĩ: “Cúng Phật và Tăng”. Cho nên, cúng Phật rồi đem cho Tăng ăn thì không phạm. Nếu không làm như vậy, thì vì ăn vật của Phật nên ngàn ức năm đọa trong Địa ngục A-tỳ. Thí chủ không nghe lời thầy dạy cũng chịu quả báo như thế. Nếu sanh ở nhân gian thì chín trăm vạn năm thường ở chỗ hèn hạ. Vì sao? Vì vật của Phật thì không ai định giá được. Nếu thí chủ nghĩ muốn tạc tượng Thích Ca, mình lại tạc tượng Di-đà; muốn cúng dường Đại phẩm, lại sung vào Niết bàn; muốn làm phòng Tăng, lại cúng thức ăn cho Tăng; muốn cúng hai chúng, lại cúng một chúng; muốn cúng Tăng mười phương, lại cúng

Tăng hiện tiền; muốn cúng đại chúng, lại dùng cúng riêng một người; muốn cúng chúng Tăng, lại cúng cư sĩ. Tất cả đều trái ngược với ước nguyện của thí chủ. Tính theo tiền nhiều ít, mà qui ra tội. Nếu quá năm tiền thành tội nặng, dưới năm tiền phạm tội nhẹ. Cho nên, luật Tứ Phần dạy: " Hứa chỗ kia, đem đến chỗ này đều phạm tội".

Xác định theo văn này: Lụa năm màu dùng cho Phật còn dư, không được dùng cho Bồ-tát Thánh Tăng vì địa vị thầy trò khác nhau, không được dùng lẫn lộn. Có thể dùng các thứ trang nghiêm khác trở lại cúng dường Phật thì không phạm. Nếu thí chủ thông dùng trải lót tượng Phật để được trang nghiêm, tất cả tượng đạo tục phàm Thánh, cúng dường các thứ cây cỏ, hoa thơm, núi sông, chim thú, không chỉ vì Phật, thông làm thì không có tội. Thế nên, Ngũ Bách Vấn Sự dạy: "Dùng lụa năm màu kết thành hình chim thú, mắc tội, trừ lúc ở trước Phật vì sự cúng dường nên không phạm".

Kinh Bảo Lương dạy: Ta cho phép hai hạng Tỳ-kheo được quản chúng. Đó là: Thanh tịnh trì giới và biết sợ đời sau.

Như Kim cang có hai hạng: Biết nghiệp báo có hổ thẹn và tâm ăn năn.

Lại có hai hạng: A-la-hán và người siêng tu Bát Giải-thoát.

Hai hạng Tỳ-kheo như vậy, Ta cho phép làm quản chúng. Tự mình không lầm lỗi, có thể ủng hộ người khác. Nhận thấy việc này rất khó nên Phật bảo Ca Diếp:

Ở trong phật pháp, có các hạng người xuất gia, đủ các dòng họ, vô số tâm tánh, vô số giải thoát, vô số đoạn kết, có người ở A-lan-nhã, có người đi khất thực, có người thích ở núi rừng, có người thích ở gần xóm làng, nơi thanh tịnh để trì giới, có người hay lìa bốn ách nạn, có người siêng tu đa văn, có người biện thuyết các pháp, có người giỏi trì giới luật, có người giỏi trì nghi thức Tỳ-ni, có người đi khắp các thành ấp, tụ lạc, vì người nói pháp. Có các vị Tỳ-kheo như vậy thì Tỳ-kheo quản chúng Tỳ-kheo tăng phải khéo biết tâm tưởng các người như vậy.

Cho nên trong kinh dạy: Tỳ-kheo quản chúng ấy phải nên phân biệt, vật của Thường trú tăng, không được dùng cho Chiêu-đề Tăng. Vật của Chiêu-đề Tăng, không được dùng cho Thường trú tăng. Vật của Thường trú tăng, vật của Chiêu-đề Tăng không nên dùng lẫn lộn với vật của Phật. Nếu vật của Thường trú tăng nhiều mà Chiêu-đề Tăng cần dùng thì Tỳ-kheo quản chúng phải tập Tăng phát thẻ lấy biểu quyết. Tăng hòa hợp như pháp thì nên đem vật của Thường trú Tăng phân cho Chiêu-đề Tăng. Nếu tháp Như Lai cần tu sửa, hoặc sẽ hư hoại mà thấy

vật của Thường trú tăng hoặc Chiêu-đề Tăng nhiều thì Tỳ-kheo quản chúng phải tập Tăng phát thẻ lấy biểu quyết, nên nói như vầy: "Tháp Phật kia bị hư hoại, nay có người muốn tu sửa, mà vật của Thường trú tăng, vật của Chiêu-đề Tăng nhiều. Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu Tăng đến đúng thời, xin Tăng lắng nghe! Nếu Tăng hoan hỷ đem vật cho, hoặc vật của Thường trú tăng, hoặc vật của Chiêu-đề Tăng, nay tôi đem sửa tháp Phật". Nếu Tăng không hòa hợp thì Tỳ-kheo quản chúng nên khuyến hóa người tại gia để họ cúng dường tiền tài tu sửa tháp Phật.

Nếu vật của Phật nhiều thì không được đem chia cho Thường trú Tăng và Chiêu-đề Tăng. Vì sao? Đối với vật này nên tưởng như Thế Tôn còn tại thế. Vật của Phật cho đến một sợi chỉ, đều là của thí chủ tín tâm cúng dường Phật. Cho nên, chư Thiên, loài người đối với vật này phải nên sanh tưởng như tháp, huống nữa là vật báu. Hoặc ở trong tháp Phật, thà để cho gió thổi, mưa rơi làm hư hoại hết, chứ không nên lấy y này đổi lấy vật báu. Vì sao? Vì vật ở trong tháp Như Lai không ai định giá được. Vả lại, tuy Đức Phật không cần dùng đến, nhưng người quản chúng đối với vật của Tam bảo không nên dùng lẫn lộn. Nếu sử dụng lẫn lộn nên tự mình phải chịu nhiều khổ báo trong một kiếp, hoặc hơn một kiếp, vì xâm phạm vật của Tam bảo.

Kinh Bảo Lương, Đức Phật dạy:

Tỳ-kheo quản chúng, nếu vì tâm sân hận, đến đuổi Tỳ-kheo giữ giới thanh tịnh đi, hoặc bắt làm người để sai vặt hì sẽ đọa Địa ngục. Nếu được sanh làm người thì phải làm nô tỳ, bị chủ đánh đập, rất là khổ sở. Lại nữa, Tỳ-kheo quản chúng vì tự tiện chế luật lệ vượt giới hạn của Tăng, trách phạt Tỳ-kheo, sai làm việc không đúng thời, thì kiếp sau sẽ đọa trong Địa ngục nhiều đinh. Sanh vào trong đây rồi, bị trăm ngàn đinh đâm khắp thân mình và thân ấy cháy hừng như đống lửa lớn. Lại nữa, Tỳ-kheo quản chúng đến chỗ Đại đức trì giới, nói lại sự việc để khủng bố, bằng tâm sân giận nên sẽ sanh vào Địa ngục. Lưỡi vị ấy bị kéo dài đến năm trăm dặm, bị trăm ngàn đinh đóng vào. Trong mỗi một đinh phát ra lửa cháy lớn. Nếu Tỳ-kheo quản chúng thọ nhận vật của Tăng, mà keo kiết cất giữ, hoặc cho Tăng không đúng lúc, hoặc lại cho một cách khó khăn, hoặc cho trong sự khốn khổ, hoặc cho ít, hoặc không cho, hoặc có người thì cho, có người thì không cho, thì do việc làm bất thiện này nên sau khi chết rồi, vị ấy sẽ sanh trong loài Ngạ quỷ dơ uế, thường ăn phân dơ. Trong trăm ngàn kiếp thường không được ăn, hoặc có lúc được ăn thì thức ăn biến thành phẩn tiểu, hoặc là máu mủ. Thế nên, này Ca Diếp! Tỳ-kheo quản chúng, thà tự ăn thịt thân mình, chứ

suốt đời không lấy lẫn lộn vật của Tam bảo làm y bát hay ăn uống.

*+ Trộm vật của người đời.*

Luật Thiện Kiến dạy: Vật của người khác cũng như vật của Tam bảo phải hết sức giữ gìn. Phải cẩn thận cất giấu ở trong nhà rồi dùng khóa khóa lại. Tuy nhiên nếu có giặc cướp vào nhà trộm lấy, hoặc cưỡng đoạt lấy, khiến cho ngay cả người gìn giữ vật cũng trường hợp nào ngăn cản được, thì người chịu trách nhiệm giữ vật ấy đối với người chủ chẳng có tội nhưng nếu chủ nhân trông coi lơ là, không cần giữ gìn nên bị giặc trộm lấy thì người trông coi vật phải đền trả lại. Do đó, người giữ vật ấy có tội.

Luật Thập Tụng dạy: Ở xa nhận vật của người khác gởi, đi giữa đường bị hư hoại. Nếu người với tâm tốt mà vật bị hư thì không cần bồi thường. Nếu người với tâm xấu phá hư thì phải bồi thường. Nếu mượn vật của người khác mà không hỏi, bằng tâm tốt hoặc tâm xấu, nếu hư thì đều phải đền trả.

Luật Thập Tụng dạy: Vật của giặc trộm được đem đến, hoặc bố thí bằng tâm tốt, hoặc bị người khác tranh giành, khủng bố mà cho thì được lấy. Do đó người nhận trở thành chủ nhân của vật. Nhưng chớ theo giặc xin, giặc tự cho thì được lấy. Tuy nhiên khi mình mặc nhiễm hoại sắc mà có chủ nhân trước đến nhận lấy lại thì nên trả.

Luận Ma-đắc-lặc-già dạy: Nếu người cuồng loạn đem vật bố thí mà không biết đó là cha mẹ, thân quyến thì được lấy. Nếu cha mẹ hiểu biết mà không tự tay cho thì không được lấy.

Luật Thập Tụng dạy: Nếu lấy thịt còn thừa lại của hổ thì phạm tội nhỏ, bởi vì mình không đoạn tham vọng. Nếu lấy thịt còn thừa lại của sư tử thì không phạm, do nó đã vứt bỏ.

Luận Tát-bà-đa dạy: Trộm tất cả vật còn thừa của chim thú, đều mắc tội nhỏ.

Luật Tứ Phần dạy: Nếu tưởng cho mà lấy, tưởng đồ vứt bỏ mà lấy, tưởng vật tạm dùng mà lấy, tưởng của bạn thân mà lấy, đều không phạm. Theo luật cần đủ bảy pháp mới gọi là bạn thân:

Làm việc khó làm.
- Cho vật khó cho.
- Nhẫn việc khó nhẫn.
- Nói chuyện bí mật cho nhau.
- Bảo vệ nhau.
- Gặp khổ không bỏ nhau.
- Nghèo cùng không khinh nhau.

Người có đủ bảy pháp này là bạn thân tốt, lấy vật thì không phạm.

Trong Kinh Tăng nhất A-hàm Phật dạy các Tỳ-kheo: Nếu giặc cướp trộm vật của người khác, bị chủ bắt được, rồi trói lại đem đến Vua trị tội. Vua liền sai người nhốt trong lao ngục, hoặc chặt chân tay, hoặc xẻo tai, cắt mũi, hoặc lột da, rút gân, hoặc treo ngược, hoặc cưa, hoặc dùng lửa nướng, nấu, đốt da và các thần kinh trên đầu, hoặc rót nước đồng lên thân, hoặc dùng mũi nhọn đâm vào thân thể, hoặc thả voi dữ dẫm đạp, hoặc mổ bụng rút ruột phơi trên cỏ, hoặc trói ngược, đánh trống dẫn đến giữa chợ, cột dưới gốc cây Nêu chém đầu, hoặc lại cắt từng phần trên thân, hoặc dùng dao cắt, tên bắn, dùng vố số cách giết làm cho họ khổ đau thống thiết vô cùng tận. Vì nhân duyên nghiệp ác trộm cướp này nên sau khi chết, sanh vào Địa ngục, lửa lớn đốt thân, đồng chảy rót miệng, nước sôi, lò lửa, núi đao, rừng kiếm, đốt sống, phân tiểu, cối đá nghiền nát, cối xay quết giã, chịu các sự khổ đau như thế. Đau khổ độc hại, thống thiết không thể tính kể, trăm ngàn vạn ức năm không lúc nào ngừng nghỉ. Hết tội Địa ngục, sanh vào loài Súc sanh: Làm voi, ngựa, trâu, dê, lừa, lạc đà...trải qua trăm ngàn năm đền trả bằng sức lực. Tội Súc sanh hết lại sanh vào Ngạ quỷ chịu đói khát khổ não không thể nói hết đến nổi không nghe đến tiếng cơm nước, trải qua trăm ngàn năm chịu khổ như vậy. Hết tội trong đường ác được sanh trong loài người, chịu hai quả báo:

- Nghèo cùng, áo không đủ che thân, cơm ăn không no bụng.
- Thường bị Vua ép chế và hoạn nạn lửa, nước hoặc ác tặc cướp đoạt.

Kinh Niệm Chánh Pháp dạy: Thế nào là trộm cướp?

Nếu người thường suy nghĩ bất thiện như vầy: "Mong muốn riêng mình thu hoạch được nhiều ngũ cốc, mong cho thế gian không thu hoạch được ngũ cốc". Lại vào lúc khác, chúng sanh thiếu phước, ruộng lúa không thu hoạch được. Vì thế, người ác kia thấy nhân dân đói khát, trong lòng vui mừng. Như ta suy nghĩ, bán thóc ở chợ bằng tâm xảo trá, cân lường lúa gạo bằng tâm lừa dối người, cuối cùng lại tạo nghiệp. Nếu tâm suy nghĩ thì gọi là tư nghiệp. Nếu hành động dối trá gọi là nghiệp dối trá. Tạo nghiệp dối trá rồi gọi là nghiệp thành tựu.

*+ Trộm vật rơi*

Như kinh Niệm Chánh pháp dạy: Nếu thấy vật rơi ở bên đường, hoặc là vàng, bạc và các vật báu khác thì nhặt lấy rồi hô lên: "Vật này của ai?". Có người nào nói: "Vật đó của tôi", thì phải hỏi hình dáng. Họ

nói đúng thì nên trả lại. Nếu không có người nhận, ngày nào cũng phải đem vật đó ra hỏi. Nội trong bảy ngày, nếu không có người nhận lấy thì đem vật báu ấy giao cho Vua, Đại thần, người đứng đầu quận hoặc châu. Nếu Vua, Đại thần, người đứng đầu quận hoặc châu thấy người có phước đức, không lấy vật ấy thì nên đem vật ấy cúng dường để hộ trì Phật, pháp, Tăng. Đây gọi là không lấy trộm.

Luật Tăng kỳ dạy: Nếu thấy y phục của người rơi thì nên hỏi rõ của ai để trả lại cho họ. Nếu không có chủ nhận lấy thì nên treo ở trên cao, chỗ sáng sủa để mọi người nhìn thấy. Nếu có người nói: "Vật của tôi", thì nên hỏi: "Vật ông mất ở đâu?" Họ trả lời đúng thì cho lại. Nếu không biết thì nên giữ lại đến ba tháng. Nếu được trong đất tháp thì dùng làm tháp, được trong đất Tăng thì dùng cho Tăng bốn phương. Nếu vật quý báu như vàng, bạc, châu báu thì không được để lộ mà hỏi. Người được vật nên quan sát kỷ xem có những đặc điểm gì, sau đó mới đưa ra hỏi. Khi người đến nhận dạng đúng thì nên trao trả lại trước mọi người, không được trả lại ở chỗ vắng, nên dạy họ ba pháp quy y và nói: "Nếu Phật không chế giới, thì ông không thể nhận được vật này". Nếu không có người đến nhận thì cất giữ đến ba năm như trước, phải tùy chỗ mà dùng. Nếu người sửa tháp, được của báu dưới đất thì dùng làm tháp, cho đến ở trong chùa chiền hay tinh xá nơi chư Tăng cư trú. Cũng như thế.

Luận Thành Thật dạy: Dùng vật dưới lòng đất, không có tội. Khi Phật còn ở đời, Trưởng giả Cấp Cô Độc là bậc Thánh nhân cũng dùng vật này, nên biết là không tội. Lại nữa, tự nhiên mà được vật nên không gọi là ăn trộm.

Luật Tăng Kỳ dạy: Vào trong xóm làng thấy có vật rơi, không được lấy. Người cúng dường cho Tỳ-kheo tức là thí chủ. Trong làng xóm, thấy y bị gió thổi, không được tưởng y phấn tảo mà lấy. Nếu ở đoạn đường trống vắng, chỗ không có người ở thì được lấy.

Luật Ngũ Phần dạy: Nếu người được y, trải qua mười hai năm mà không người nhận lấy thì nên tập hợp Tăng lại để bàn bạc về giá trị của nó nhằm hiến cúng cho Tăng bốn phương. Nếu sau đó người kia trở lại đòi y thì nên dùng vật của Tăng để đền trả. Tuy nhiên không nên nhận là tốt nhất.

Bài tụng Chánh báo:

*Trộm cướp đem cho người*
*Tự vào ngục Nê-lê*
*Mỏ chim bằng Kim cang*

*Mổ não, móc ruột người*
*Rót nước đồng vào miệng*
*Chày sắt giã nát thân*
*Khủng khiếp, sợ bỏ chạy*
*Lại ném vào rừng kiếm.*
*Bài tụng Tập báo:*
*Trộm cướp bị quả báo*
*Vào Địa ngục nung chảy*
*Hết tội, sanh làm người*
*Suốt đời bị đói khát*
*Của mình, người khác giữ*
*Khác gì kẻ hèn hạ*
*Vì lời nói, việc làm*
*Nên phải chịu khốn cùng.*

***Thứ 3: Duyên tà dâm***

Nên biết lời nói dâm loạn thường gây tổn đức. Ví vậy, người có trí thì họ không bao giờ nói bậy. Dâm dục luôn khiến cho thân trở nên mê loạn nhơ nhớp, nên bậc Thánh thường xuyên tránh xa. Trong lịch sử nhân loại có biết bao chuyện thương tâm xảy ra cũng vì ham muốn sắc dục. Như Châu Úc mê Bao Tự mà để mất nước. Phổ Hiến luyến ái Lệ Cơ nên rơi vào cảnh nhà tan cửa nát. Trên núi cao bậc Độc giác không thoát khỏi triền phược là do đắm trước ngoại cảnh. bởi vậy, thà để lửa đốt thân còn hơn tham luyến dâm dục. Tuy nhiên vì chúng sanh sanh ra trong cõi Dục, không biết tu tập, quán chiếu nên không thể dứt trừ phiền não. Vả lại, thân hình do bốn đại hòa hợp mà có thì thử hỏi lấy gì làm chủ thể. Thân, thọ, tâm, pháp: bản tánh đều không. Da dày, da mỏng: xoay quanh bất tịnh. Sanh tạng, tục tạng thì dơ uế khó lường. Tất cả thường muốn dẫn người vào ba đường ác. Cho nên, Bồ tát Đại sĩ thường hành pháp tu quán hôi thối chảy tràn khắp thân. Oán tặc sáu trần tất cả đều xúc não nhau. Năm ấm hư giả, nên không thể nắm bắt được. Vậy mà phàm phu do điên đảo mới tham đắm vào đó rồi vọng thấy, mê say sắc đẹp, phong cách, thái độ, răng trắng, môi đỏ, mi dài, tóc mượt, lộng lẫy, yểu điệu làm tăng thêm vẻ đẹp kiều diễm. Do đó, Lạc Xuyên bỏ ngọc bội, có thể tháo xe cho Vua Trần nghỉ ngơi. Hán Khúc mân mê châu báu bèn để tình cho cha. Trên đài Vu sơn, theo mây mưa để đi lại. Bên dòng nước Thư cô, dựa theo suối mà trở về, liền sai đốt hương, mặc y phục nước Hàn, tấu nhạc đàn cầm, mang những hình

tướng xấu, hoặc do chiếu gối mà thành thân, hoặc mượn mũ treo mà bí mật làm việc. Đâu biết hình như nước bọt, thân tợ mây bay, trong ngoài đều không, chỉ là tiêu tan trong khoảnh khắc. Toàn thân bất tịnh, biến đổi vô thường, ngay nơi rãnh nước cũng đầy kiến, dế. Phàm là chúng sanh mà có tà hạnh này thì trái với đạo Phạm thiên, chướng nghiệp Bồ-đề, là nhân để sanh trong bốn loài, hoặc quả của ba đường ác. Nên biết: Đầu mối của ba cõi là do nghiệp dâm. Quả báo của sáu đường, chủ yếu là ái nhiễm. Do nghiệp thấm dần nên thành trọng tội. Điều ấy, bậc Thánh chê trách, không làm.

+ *Người dục nhiều là khổ.*

*Như bài kệ kinh Niết-bàn:*
*Nếu thường sầu khổ*
*Sầu lại tăng trưởng*
*Như người ham ngủ*
*Thì ngủ càng nhiều*
*Ham rượu tham dục*
*Cũng lại như vậy.*

Bài kệ kinh Niệm Chánh pháp nói:

*Như lửa thêm củi khô*
*Lửa càng bùng cháy mạnh*
*Như vậy, người nghiệp ái*
*Lửa ái càng tăng thêm*
*Tuy củi lửa cháy rực*
*Người có thể dập tắt*
*Lửa ái thiêu thế gian*
*Ràng buộc không thể bỏ.*

Bài kệ trong luận Trí độ:

*Người đời ngu si*
*Tham đắm năm dục*
*Đến chết không bỏ*
*Cho nên đời sau*
*Chịu vô lượng khổ*
*Thí như người ngu*
*Tham mê quả ngọt*
*Ăn nó trên cây*
*Không sợ rơi xuống*
*Người chặt cây ấy*
*Cây ngã, người té*

*Thương tổn thân, tay*
*Đau khổ mà chết*
*Vui trong chốc lát*
*Chết thì khổ nhiều*
*Như mật dính dao*
*Tham liếm vị ngọt*
*Không biết lưỡi rách*
*Sau chịu khổ nhiều.*

Bài kệ trong luận Thành Thật:

*Tham dục khổ thật*
*Phàm phu điên đảo*
*Vọng sanh tưởng vui*
*Người trí thấy khổ*
*Thấy rồi liền bỏ.*
*Thọ dục không chán*
*Như uống nước mặn*
*Lại càng khát thêm*
*Bởi khát tăng thêm*
*Làm sao vui được?*
*Thí như chó cắn*
*Máu dính trên xương*
*Nước dãi tăng thêm*
*Tưởng là vị ngon.*
*Tham dục cũng vậy*
*Không có mùi vị*
*Do vì điên đảo*
*Cho là vị ngọt*
*Nên biết sắc dục*
*Vui ít khổ nhiều*
*Không nên tham cầu*
*Mới gọi thật vui.*

\+ *Quán sự bất tịnh của người nữ.*

Thông thường, phụ nữ, bên ngoài giả bộ đoan trang. Tuy nhiên, bên trong chứa đầy dơ uế. Những người tham đắm không biết được đó là giả dối. Nếu là người trí thì có thể biết được sự ô uế này.

Kinh Thiền bí yếu dạy: Trưởng lão Mục Liên đã chứng đắc La-hán. Bấy giờ, vợ cũ của Trưởng lão trang sức lộng lẫy đi theo, muốn hại Mục Liên. Lúc ấy Mục Liên nói kệ:

*Thân thể ngươi liên kết*
*Da thịt bọc quấn quanh*
*Bên trong đầy dơ uế*
*Không tốt đẹp chút nào*
*Túi da đầy phẩn tiểu*
*Thường chảy nơi chín lỗ*
*Như Quỷ không chỗ nương*
*Lấy gì để yêu quý?*
*Thân ngươi như nhà xí*
*Được che bằng da mỏng*
*Người trí bỏ, lìa xa*
*Như người xa hầm xí*
*Nếu người thấy thân ấy*
*Như chán ghét dơ uế*
*Tất cả đều xa lìa*
*Như người tránh hầm xí*
*Thân ngươi được trang sức*
*Bằng hương hoa, Anh lạc*
*Phàm phu bị tham ái*
*Người trí không bị mê*
*Thân ngươi đầy bất tịnh*
*Nơi cấu uế tụ tập*
*Như trang hoàng hầm xí*
*Người ngu cho là đẹp*
*Xương sườn nương cột sống*
*Như rui gác rường nhà*
*Ngũ tạng ở trong bụng*
*Như rương phẩn bất tịnh*
*Thân ngươi như nhà xí*
*Ngu tưởng báu nên tham*
*Trang sức bằng Anh lạc*
*Ngoài đẹp như bình vẽ*
*Người nào không nhiễm dục*
*Suốt đời không vướng mắc*
*Ngươi đến quấy nhiễu ta*
*Như thiêu thân vào lửa*
*Tất cả các độc dục*
*Nay ta đã diệt sạch*

*Năm dục đã lìa xa*
*Lưới ma đã rách nát*
*Tâm ta như hư không*
*Tất cả không vướng mắc*
*Ngay dục lạc cõi Trời*
*Tâm ta cũng không nhiễm.*

Kinh Tăng nhất A-hàm dạy: Thà đem sắt đỏ lửa đâm vào mắt, chứ không dùng mắt nhìn sắc mà sanh khởi loạn tưởng.

Kinh Niệm Chánh Pháp dạy: Tâm tánh người nữ nhiều đố kỵ. Do đó, sau khi chết phần nhiều họ đều sanh vào loài Ngạ quỷ. Tuy lời ngon, tiếng ngọt nhưng tâm đầy độc hại, nhiều sự dối trá, mê hoặc thế gian.

*+ Người nữ thì khó thân mà dễ chán.*

*Như bài kệ kinh Vua Ưu Điền:*
*Người nữ thích làm ác*
*Keo kiệt là nhân duyên*
*Bị ân ái trói buộc*
*Dẫn người vào tội lỗi*
*Điều bất chánh dẫn người*
*Đi vào ba đường ác*
*Cõi Trời bị đọa lạc*
*Đều do nữ mê hoặc.*

Trong kinh Niệm Chánh Pháp, cũng có kệ:

*Trong Trời nhiều trói buộc*
*Không qua cửa nữ sắc*
*Nữ trói buộc chư Thiên*
*Dẫn đến ba đường ác.*

Luận Trí Độ dạy: Bồ-tát quán thấy tất cả sắc dục đều là bất tịnh. Trong các sự suy yếu thì sự suy yếu vì người nữ là lớn mạnh nhất. Lửa, dao, sấm chớp, sét đánh, oan gia, độc rắn còn có thể tạm gần. Người nữ keo kiệt, ganh tỵ, sân giận, nịnh hót, kỳ quái, dơ bẩn, tranh đua, tham lam, tật đố, cãi vã, không nên thân gần. Do đó, Phật nói kệ:

*Thà dùng sắt đỏ*
*Xoáy vào trong mắt*
*Không dùng tâm tà*
*Tán loạn nhìn nữ*
*Mỉm cười làm dáng*
*Lười biếng, e thẹn*

*Ngoảnh mặt, liếc mắt*
*Ngon ngọt, sân giận*
*Đi đứng ẻo lả*
*Để mê hoặc người*
*Võng lưới dâm dục*
*Người đều sa vào*
*Đi, đứng, ngồi, nằm*
*Liếc nhìn mê hoặc*
*Người ngu trí kém*
*Vì đó mê say*
*Cầm kiếm đánh giặc*
*Còn có thể thắng*
*Giặc nữ hại người*
*Không thể ngăn được*
*Rắn độc ngậm độc*
*Có thể nắm bắt*
*Tình nữ mê hoặc*
*Không thể tiếp xúc.*
*Bài kệ trong kinh Tăng nhất:*
*Chớ quan hệ người nữ*
*Cũng đừng cùng chuyện trò*
*Người lìa xa người nữ*
*Là lìa được tám nạn.*

Bài kệ trong kinh Tát-già-ni-kiền-tử:

*Vợ mình không biết đủ*
*Ưa dâm phụ nữ khác*
*Người này không tàm quý*
*Thường chịu khổ, không vui*
*Đời hiện tại, tương lai*
*Chịu khổ cùng trói buộc*
*Chết rồi sanh Địa ngục*
*Thường chịu khổ, không vui.*

Kinh Tạp Thí Dụ dạy: Lúc Phật còn ở đời, có một Bà-la-môn sanh được hai người con gái rất xinh đẹp nên mới treo vàng, tìm xem: "Người nào mắng con ta xấu, ta sẽ cho vàng". Trải qua ba tháng, rốt cục không tìm được ai nên Bà-la-môn dẫn con đến chỗ Phật. Đức Phật liền quở trách:

Người con gái xấu xa này, chẳng có gì tốt đẹp.

A Nan thưa: Cô này quá xinh đẹp mà Phật cho là xấu. Phải chăng là có gì không tốt?

Phật dạy: Mắt người không nhìn sắc, đó là mắt tốt; tai, mũi, miệng cũng vậy. Thân không tiếp xúc trơn láng, mịn màng, đó là thân tốt. Tay không trộm của người, đó là tay tốt. Nay xem người nữ này, mắt nhìn sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân ưa sự mịn màng, tay thích trộm vật. Như thế, đều là không tốt.

Trong Kinh Phật Bát Nê-hoàn, Đức Phật bảo cô gái chủ vườn cây:

Người ưa tà dâm, có năm sự trở ngại:

- Danh tiếng không tốt.
- Pháp Vua loại bỏ.
- Nhiều nghi ngờ.
- Chết vào Địa ngục.
- Hết tội Địa ngục, đọa vào Súc sanh.

Tất cả đều do tội này đem đến.

Người nào có thể diệt tâm, không tà dâm thì tăng trưởng được năm phước:

- Được nhiều người khen ngợi.
- Không sợ quan huyện.
-Thân được an ổn.
- Chết sanh lên cõi Trời.
- Giữ ý thanh tịnh, đắc quả giải thoát.

+ Người nữ dối trá.

Như trong kinh Tạp thí dụ dạy: Xưa, có một chàng trai tuấn tú con nhà giàu, dùng vàng làm tượng một cô gái, rồi nói với cha mẹ: “Cô gái nào như thế, thì con mới lấy vợ”. Lúc ấy, ở nước khác có một cô gái xinh đẹp, đoan chánh, cũng làm tượng vàng như thế. Cô ta nói với cha mẹ: “Có chàng trai nào như thế, thì con mới lấy chồng”. Cha mẹ hai bên nghe vậy, liền cho họ cưới nhau.

Bấy giờ, nhà Vua cầm gương soi mình, hỏi quần thần: Người trong thiên hạ, có ai như Trẫm không?

Quần thần đáp: Thần nghe ở nước kia có chàng trai tuấn tú vô cùng.

Vua liền sai sứ giả triệu đến. Sứ giả đến bảo: Vua muốn gặp Hiền giả.

Chàng liền nghiêm xa giá đi đến và tự nghĩ: “Vì ta thành đạt nên Vua cho mời đến”, liền trở về nhà lấy thơ. Chàng ta chợt trông thấy

vợ mình tư thông với nô tỳ. Buồn bả, sân giận, bực bội, do đó nhan sắc chàng trở nên tiều tụy. Quần thần thấy thế cho là chàng đi đường mệt mỏi liền vào nghỉ ở trong chuồng ngựa. Ban đêm, ở trong chuồng ngựa, chàng ta thấy Hoàng hậu tư thông với người giữ ngựa. Lúc ấy, chàng ta mới hiểu: "Hoàng hậu còn như thế, huống chi vợ mình". Do đó, tâm ý chàng ta sáng tỏ, nên nhan sắc trở lại như cũ, liền đến yết kiến Vua. Vua hỏi: Vì sao lại ở bên ngoài đến ba ngày?

Đáp: Thần ra đi quên việc nên phải về nhà lấy thơ, chợt thấy vợ thần tư thông với nô tỳ, vì thế mà trong lòng thần rất phẩn nộ, nhan sắc suy giảm nên phải ở trong chuồng ngựa ba ngày. Đêm qua, thần lại thấy Hoàng hậu đến tư thông với người giữ ngựa, nên thần nghĩ: "Hoàng hậu còn như thế, huống chi người khác". Do đó mà tâm ý của thần được bày tỏ nên nhan sắc trở lại như cũ.

Vua nói: Vợ Trẫm còn như thế, huống chi các người nữ khác!

Hai người thấy vậy nên đều vứt bỏ tất cả, vào núi, cạo tóc, làm Sa-môn, suy nghĩ về người nữ không đáng tin cậy. Vì thế, họ tinh tấn tu hành nên đều đắc quả Phật Bích Chi.

Kinh Cựu Tạp Thí Dụ dạy: Xưa, có một phụ nữ sanh được một cô con gái xinh đẹp tuyệt trần. Lúc lên ba, Quốc vương thấy vậy, cho gọi đạo sĩ đến xem tướng và hỏi: Sau này cô ta có làm phu nhân không?

Đạo sĩ đáp: Người này có tướng phu nhân, sau Vua sẽ cưới.

Vua nghĩ "Ta sẽ cất giấu ở đâu để đến sau này". Nhà Vua liền gọi chim Hạc đến hỏi: Ngươi ở đâu?

Chim Hạc đáp: Con ở trên núi cao, phía trước có cây, người không qua được, dưới có nước chảy, thuyền không đi được.

Vua nói: Trẫm gởi đứa bé này cho ngươi nuôi dưỡng.

Hạc liền mang đứa bé đi. Theo lời Vua dặn hằng ngày Hạc lấy thức ăn nuôi dưỡng đứa trẻ. Một thời gian sau, trên đó có một toán lính bị nước cuốn trôi. Có một cây lạ trôi theo dòng nước và một chàng trai ôm lấy thân cây theo dòng nước chảy, không trở về được. Có một cây Bồ-đào vọt lên mọc tựa bên sườn núi. Chàng ta đến ở trên cây thấy Hac giao hợp với một cô gái nên cô ta trốn đi. Hạc cảm thấy thân cô ta quá nặng. Mọi người đi tìm gặp được chàng trai. Chàng ta đem hết sự việc kể lại cho Vua nghe. Vua liền mời nhà sư vào, hỏi: Đạo nhân trước đây xảo quyệt như vậy sao?

Sư nói: Người có nghiệp nhân đời trước, không năng lực nào ngăn cản nỗi. Gặp cơ hội thì nãy sinh. Súc sanh cũng vậy.

Kinh Cựu Tạp Thí Dụ dạy: Xưa, có một vị Quốc vương bảo vệ

người nữ trong cung rất nghiêm ngặt. Hoàng hậu nói với Thái tử:

Ta là mẹ ngươi, sanh ra ngươi mà không thấy tình cảnh trong nước. Ta muốn xuất cung một lần. Người có thể thưa trình với Đại vương. Bà ta nói đến ba lần như thế.

Thái tử thưa Vua. Vua liền ưng thuận.

Thái tử nghiêm giá ra đi thì quần thần ở trên đường làm lễ, phu nhân vội đưa tay vén rèm để người trông thấy. Thái tử cảm thấy lòng dạ đàn bà như thế, liền giả nói đau bụng mà xin trở về.

Phu nhân nói: Ta thật là vô dụng?

Thái tử tự nghĩ: "Mẹ ta còn như thế, huống chi người khác", đến tối, Thái tử bỏ nước ra đi, vào núi dạo chơi. Lúc ấy, ở bên đường có một cây, bên dưới có dòng suối. Thái tử ở trên cây, trông thấy Phạm chí một mình vào ao nước tắm. Tắm xong, trong lúc ăn uống, Phạm chí làm phép thuật nhả ra một cái bình. Trong bình có một cô gái, liền cùng cô ta đi vào chỗ khuất trong thất. Hai người cùng nằm. Cô gái lại nhả ra một cái bình. Trong bình có một chàng trai. Cô ta lại cùng nằm với chàng trai, nằm xong thì nuốt bình. Tức thời Phạm chí đứng dậy, lại để vợ vào trong bình, nuốt rồi, cầm gậy ra đi. Thái tử trở về nước, tâu trình lên nhà Vua. Vua cho mời Phạm chí và bầy tôi đến, ra lệnh ba người ăn như lúc ở bên đường.

Phạm chí đến nói: Thần chỉ ăn một mình.

Thái tử nói: Ngươi phải biến ra vợ.

Phạm chí không biến vợ ra.

Thái tử bảo cô gái: Ngươi phải biến ra chồng để ân ái rồi nuốt chửng lấy. Thái tử nói đến ba lần như thế, nhưng cô gái vẫn không làm theo. Sau khi hại người kia, họ liền bỏ đi. Khi ấy, Vua hỏi Thái tử: Do đâu mà con biết họ?

Đáp: Mẹ con đi ra ngoài cung xem tình hình trong nước ra sao và con tháp tùng theo mẹ. Nhưng khi ra đi, mẹ con vén màn để lộ tay làm cho mọi người trông thấy, nên con liền nghĩ: "Đàn bà thật nhiều dục lạc". Con liền nói dối là đau bụng để thoái thác không đi. Trở về, con vào trong núi, thấy Phạm chí chứa vợ trong bụng. Do đó, con nghĩ đàn bà gian dâm không dứt. Vậy, xin Phụ vương ân xá cho trong cung được tự do đi lại.

Vua lệnh cho hậu cung: Người tham dục ấy, ý chí buông lung như thế.

Sư nói: Thiên hạ không thể tin. Đàn bà là như vậy.

Kinh Cựu thí dụ dạy: Xưa, có bốn dòng tộc giữ kín người nữ không

cho ai thấy. Người nữ bảo tớ gái hẹn hò, cùng người thợ bạc tư thông. Sau đó, chồng bắt gặp.

Cô ta nói: Thiếp không làm việc tà hạnh. Xin chàng chớ nghĩ thiếp dối trá.

Chồng nói: Tôi không tin cô. Chàng ta liền dẫn cô nàng đi đến Thần cây để thề nguyền.

Vợ nói: Tốt lắm.

Người chồng sau đó trì trai bảy ngày. Lúc người chồng mới vào thất ăn chay, cô ta bí mật nói với con người thợ bạc: Ngươi giả làm người điên ở chợ, gặp người thì ôm lấy, giễu cợt. Người chồng trì trai xong, liền dẫn vợ đi.

Cô ta nói: Thiếp không muốn nhìn vào chợ. Chàng dẫn giúp thiếp đi qua chợ.

Con người thợ bạc ôm lấy cô ta, rồi giả làm người điên nằm trên đất. Người vợ liền lớn tiếng kêu cứu chồng mình: Chàng ơi! Ai sai nó ôm thiếp?

Người chồng đáp: Người điên này, đâu cần để ý làm gì? Hai vợ chồng cùng đến chỗ Thần cây để khấn vái.

Cô ta nói: Từ lúc sanh ra đến nay, con chưa hề làm chuyện xấu, chỉ bị người cuồng ôm lấy. Cô ta liền được sống, còn anh chàng kia cảm thấy xấu hổ, im lặng.

Phật dạy: Nên biết, tất cả người nữ đều gian dối như nhau, không thể tin được.

Luật Thập Tụng dạy: Lúc Phật ở nước Xá-vệ, có một Bà-la-môn sanh cô gái mặt mày sáng suốt, dung mạo thanh cao, tên là Diệu Quang. Thầy tướng nói: “Sau này, cô ta sẽ tư thông với năm trăm chàng trai” Mọi người nghe thế, nên đến lúc cô ta đã mười hai tuổi mà chẳng một ai đến cầu hôn.

Bấy giờ, Bà-la-môn có người khách láng giềng biết giá trị vật báu nên thường vào biển tìm kiếm. Người khách này ở trên lầu cao trông thấy cô ta, liền sanh tâm dục, hỏi người khác: Cô kia là con cái nhà ai?

Đáp: Con gái Bà-la-môn kia.

Hỏi: Có ai cưới chưa?

Đáp: Chưa.

Hỏi: Có ai cầu hôn chưa?

Đáp: Chưa.

Hỏi: Vì sao không có người cầu hôn?

Đáp: Vì thầy tướng nói: “Sau này cô ta sẽ giao hợp với năm trăm

đàn ông nên không ai đến cầu hôn.

Lúc ấy, người khách nghĩ: “Ngoài Sa-môn dòng họ Thích ra thì không một ai vào nhà ta”. Do đó, chàng ta liền đến xin cầu hôn. Cưới cô ta về nhà không bao lâu thì chàng cùng bạn vào biển. Chàng liền bảo người giữ cửa: Ta muốn vào biển. Ngươi chớ cho đàn ông vào nhà ta, chỉ trừ Sa-môn dòng họ Thích. Họ là người không có tội lỗi.

Đáp: Vâng.

Sau khi người bán châu đi khỏi, Sa-môn đến nhà khất thực. Cô ta trông thấy liền nói: Hãy cùng tôi hành dâm.

Các Tỳ-kheo không biết nên thưa hỏi Phật. Phật dạy: “Nhà này chắc là có người phi phạm hạnh, các ông không nên đến đó”.

Sau đó, cô ta mắc bệnh, đến tối thì qua đời. Mọi người trong nhà dùng vật dụng bao bọc lại rồi để ở bãi tha ma. Lúc ấy, có bọn cướp gần năm trăm người đi ngang qua nơi này, thấy cô gái mới chết nên sanh tâm dục liền đến hành dâm.

Trước đây, do cô ta nói với Sa-môn, Bà-la-môn cùng tôi hành dâm nên sau khi chết đọa vào đường ác, ở phương Bắc nước kia, sanh làm rồng dâm tên là Tỳ-ma-đạt-đa.

Kệ tụng Chánh báo:

*Tà dâm vào Địa ngục*
*Rừng đao, lá đao kia*
*Sắt nóng nung vào miệng*
*Nước đồng rót vào lòng*
*Rồng độc rút xương, tủy*
*Chuột Kim cang ăn Ấm*
*Ôm chặt lấy cột đồng*
*Nằm lún sâu giường sắt*
*Kệ tụng về nhân quả:*
*Mê dâm loạn tình sắc*
*Chịu khổ không cùng tận*
*Nghiệp hết, được làm người*
*Vợ thường phản bội mình*
*Ôm lòng nghi ngờ nhau*
*Chẳng ai chịu thuận tình*
*Người có chút tri thức*
*Sao lại không hổ thẹn?*

***Thứ 4: Duyên nói dối***

Có người sinh ra ở đời theo nghiệp mà thọ nhận nhiều thứ dơ bẩn. Bản thân vốn giả tạo thường rơi vào phạm trù dối trá. Bởi vậy, chúng ta cứ vọng tưởng hư cấu, mê hoặc, điên đảo, trái ngược với bản tâm, lời nói thường dối trá, mê hoặc mọi người, làm cho người hiểu sai lầm, dẫn đến bị muôn vàn khổ đau chồng chất, trăm ngàn ưu sầu tụ tập. Do nguyên nhân hư vọng này nên chịu quả báo bị khinh rẽ, ở Địa ngục khổ đau lại càng nóng bức não thêm. Thậm chí không hiểu chánh pháp cũng đều do nói dối mà ra. Vì thế, trong kệ tụng của kinh Niệm Chánh Pháp dạy:

*Người nói lời dối trá*
*Gây phiền não chúng sanh*
*Như kẻ hắc ám kia*
*Có sống cũng như chết*
*Lời nói như dao cắt*
*Làm sao lưỡi không rơi?*
*Nếu nói lời dối trá*
*Thì mất các công đức*
*Người nói lời dối trá*
*Trong miệng có rắn độc*
*Dao ở ngay trong miệng*
*Ngọn lửa đốt trong miệng*
*Độc trong miệng là độc*
*Độc rắn chẳng phải độc*
*Độc miệng hại chúng sanh*
*Chết rồi đọa Địa ngục*
*Người nói lời dối trá*
*Mủ trong miệng chảy ra*
*Lưỡi thì như bùn dơ*
*Lưỡi cũng như lửa cháy*
*Người nói lời dèm pha*
*Thường bị người khinh rẽ*
*Bị người tốt lìa xa*
*Trời cũng không ủng hộ*
*Thường ganh ghét người khác*
*Cùng các chúng sanh ác*
*Tìm cách não loạn người*
*Do đó vào Địa ngục*

Lại nữa, trong giới kinh Ưu-bà-tắc nói:

*Nếu lại có người*
*Ưa nói dối trá*
*Người này phải chịu*
*Xấu xí, hung ác*
*Lời nói tuy thật*
*Người không tin tưởng*
*Mọi người ghét bỏ*
*Không muốn trông thấy*
*Đó là hiện tại*
*Quả báo nghiệp ác.*
*Bỏ thân này rồi*
*Đọa vào Địa ngục*
*Chịu nhiều khổ sở*
*Đói khát dày vò*
*Đó là đời sau.*
*Quả báo nghiệp ác*
*Nếu được làm người*
*Miệng bị sứt môi*
*Lời nói tuy thật*
*Người không tin tưởng*
*Người không thích nhìn*
*Tuy nói chánh pháp*
*Người không muốn nghe*
*Người ác như vậy*
*Vì sức nhân duyên*
*Các vật bên ngoài*
*Của cải giảm ít*
*Do đó nên biết*
*Người nói dối trá*
*Chịu khổ ba đời.*

Kinh Thiền Bí Yếu dạy: Nếu có bốn chúng ở trong phật pháp, vì lợi dưỡng nên tham cầu không biết chán, hoặc vì danh vọng nên thường giả tạo và làm việc ác, không ngồi thiền, thân miệng buông lung, hành động phóng dật, hoặc vì tham lợi dưỡng nên tự nói ngồi thiền thì Tỳ-kheo ấy phạm Thâu-lan-giá. Nếu không biết sửa đổi thì phạm mười ba Tăng-tàn. Nếu để qua một ngày đến hai ngày thì Tỳ-kheo ấy là giặc trong loài người, là đầu đảng của La-sát, chắc chắn đọa đường ác, phạm đại tội rất nặng. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không thấy xương trắng, tự

nói đã thấy, cho đến đếm hơi thở thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ mê hoặc chư Thiên, rồng, Quỷ thần...Bọn người ác này là ma Ba-tuần, vì sự nói dối nên tự nói "Ta đắc phép quán bất tịnh cho đến Đảnh pháp". Hạng người này, sau khi chết rồi, nhanh như điện chớp rơi vào Địa ngục A-tỳ sống lâu một kiếp. Ra khỏi Địa ngục, đọa trong Ngạ quỷ, tám ngàn năm ăn hòn sắt nóng. Ra khỏi Ngạ quỷ, đọa vào Súc sanh, sống mang vác nặng, chết bị cắt da, trải qua năm trăm chết đi sống lại mới được sanh trong loài người. Khi làm người thường bị điếc, đui, câm, ngọng, tàn tật, trăm bệnh bủa vây. Những nổi thống khổ chồng chất như thế, không thể kể hết.

Bởi vậy, trong kệ của kinh Niệm Chánh Pháp dạy:

*Cam lồ và thuốc độc*
*Đều từ trong miệng, lưỡi*
*Cam lồ là lời thật*
*Dối trá là độc hại*
*Nếu người cần cam lồ*
*Người ấy nói chân thật*
*Người nào cần độc hại*
*Người ấy nói dối trá*
*Độc không quyết định chết*
*Nói dối thì quyết định*
*Nếu người nói dối trá*
*Ấy là lời người chết*
*Nói dối không lợi mình*
*Không ích gì cho người*
*Nếu mình, người không vui*
*Tại sao lại nói dối?*
*Nếu người ác phân biệt*
*Ưa muốn nói dối trá*
*Chết rơi trên đao, lửa*
*Gặp khổ não như thế*
*Độc hại tuy rất ác*
*Chỉ giết chết một thân*
*Nghiệp ác nói dối trá*
*Phá hủy trăm ngàn thân.*

Hơn nữa trong Kinh Tu Lại dạy: Đức Phật dạy: Hễ người nói dối là tự khinh mình, cũng khinh khi người khác. Người nói dối làm cho thân mình xấu xa, và niệng nói ra không ai tin tưởng, cũng tâm trở nên

buồn khổ. Người nói dối làm cho miệng mình dơ bẩn, làm cho sắc thân ấy bị Thiên thần bỏ rơi. Người nói dối làm mất hết nền tảng của nghiệp lành, tự mình bị ngu si, quên mất đường thiện. Người nói dối thường lấy các điều ác làm căn bản, nên dứt hết tất cả mọi nguồn gốc của hạnh lành.

Do đó, trong kinh Niệm Chánh Pháp, Vua Diêm-la nói kệ quở trách người mắc tội:

*Lời thật được an lạc*
*Lời thật đắc Niết bàn*
*Lời dối chịu quả khổ*
*Đời này, đời sau khổ*
*Nếu không bỏ nói dối*
*Tất chịu nhiều khổ sở*
*Lời thật không cần mua*
*Cũng dễ được, không khó*
*Thật chẳng nước khác đến*
*Chẳng cầu từ người khác*
*Vì sao bỏ lời thật,*
*Ưa muốn nói dối trá?*
*Người nói lời dối trá*
*Là nhân duyên Địa ngục*
*Nhân duyên trước đã tạo*
*Kêu ca có ích gì?*
*Lửa nói dối lớn nhất*
*Có thể thiêu biển cả*
*Huống chi thiêu người dối*
*Như đốt cháy cỏ cây*
*Người nào bỏ lời thật*
*Mà dùng lời nói dối*
*Đó là người ngu si*
*Bỏ vàng mà lấy đá*
*Người nào không yêu mình*
*Mà thích ở Địa ngục*
*Lửa nói dối nơi thân*
*Ở kia tự thiêu mình*
*Lời thật rất dễ được*
*Trang nghiêm hết mọi người*
*Bỏ lời thật nói dối*

*Ngu si đến cõi kia.*

Lại nữa, trong luận Trí Độ kệ nói:

*Lời thật: Giới đệ nhất*
*Lời thật: Lên thang Trời*
*Lời thật: Nhỏ như lớn*
*Lời dối: Vào Địa ngục.*

Luận Tát-bà-đa dạy: Người không nói dối, nếu mà thuyết pháp, giảng luận hay nói về chuyện đúng, sai, thì không tự cho mình là đúng. Người này thường tìm tòi nguồn gốc nên không có lỗi. Chẳng qua, búa ở trong miệng.

Luật Thập Tụng dạy: Người nào thuộc dòng họ cao quý mà nói là thấp hèn. Người nào hai mắt mà nói một mắt. Tất cả việc ấy đều là nói dối. Lại nữa, người một mắt mà nói là người mù, đều mắc tội khinh não người khác.

Trong kệ tụng Chánh báu kệ nói:

*Nói dối lừa gạt người*
*Chịu tội trong Địa ngục*
*Lửa, cưa nát thân mình*
*Sắc nóng cày trên lưỡi*
*Dùng nước đồng rót vào*
*Dùng sắt cứng phá thân*
*Thống khổ nát xương tủy*
*Rên rỉ khan cổ họng.*
*Bài kệ Tập báo nói:*
*Nói dối vào ba đường*
*Chịu tội ác hết rồi*
*Dư nghiệp sanh loài người*
*Bị phỉ báng, sầu não*
*Lại lừa gạt người khác*
*Tâm hận như lửa đốt*
*Người trí chớ nói dối*
*Thấy quả, nên diệt nhân.*

***Thứ 5: Duyên nói ác***

Phàm phu lửa sân giận, độc hại thường cháy, gặp duyên sanh chướng, xúc cảnh khởi sân, cho nên phát ra lời nói giận dữ, từ miệng đốt tâm, trước tiên thì tổn hại mình, khổ như dao cắt, trái với tâm lành của Bồ-tát, ngược với lòng từ bi của Như Lai, nên nghiệp báo sai khác.

Bài kệ trong kinh dạy:

*Nói ác xúc não người*
*Thích nói xấu người khác*
*Cứng cõi khó điều phục*
*Ngạ quỷ, miệng phát lửa.*

Luận Trí độ dạy: Hoặc có Ngạ quỷ đời trước nói lời ác, ưa nói lời thô ác với chúng sanh kia, làm cho chúng sanh oán ghét thấy như kẻ thù. Vì tội này nên đọa trong Địa ngục.

Kinh Pháp Cú dạy: Dù làm Sa-môn nhưng không giữ gìn thân miệng, nói lời thô ác thì bị nhiều đau thương, mọi người không thích, người trí không thương tiếc. Thân chết thì thần thức đi luân hồi trong ba đường ác, sống chết liên tục, khổ não vô lượng, ngay cả Chư Phật, Thánh hiền đều không thương tiếc. Giả sử chúng sanh không có lỗi lầm nơi thân nhưng nghiệp miệng không cẩn thận thì cũng đọa đường ác. Thế nên, trong luận dạy: "Lúc ấy, có một con Quỷ, đầu như đầu heo, trong miệng trùng dòi chảy ra, thân có màu vàng sáng chói. Đời trước, Quỷ này làm Tỳ-kheo dùng lời thô ác mắng Tỳ-kheo khách. Do thân trì giới nên thân có ánh sáng. Miệng nói lời thô ác nên trùng từ trong miệng chảy ra".

Kinh Tăng Nhất A-hàm dạy: Thà dùng kiếm bén chặt đứt lưỡi mình, chứ không nói lời thô ác vì sợ đọa vào ba đường ác.

Kinh Hộ Khẩu dạy: Quá khứ, lúc Phật Ca Diếp xuất hiện ở đời, nhiều lần nói pháp, giáo hóa cùng khắp. Sau khi nhập Niết bàn, ở cõi Vô-dư Niết bàn thời có Tỳ-kheo thọ giới ba năm tên là Hoàng Đầu. Chúng tăng ra lệnh: "Tất cả sử tạp nhạp không được xem qua, nên cùng Tỳ-kheo học sau mà nói pháp vi diệu".

Lúc ấy, trong lòng Tỳ-kheo Hoàng Đầu khinh rẽ lệnh Tăng nên không tuân theo mà cùng với Tỳ-kheo học sau diễn nói nghĩa kinh cho họ: "Gọi người truyền trao kinh thứ nhất là con voi, người thứ hai là con ngựa, lại gọi là con lạc đà, con heo, dê, sư tử, hổ, gọi các loài thú như thế không tính kể hết". Tuy Hoàng Đầu lãnh thọ nghĩa kinh mà không tránh khỏi tội lỗi. Thân hoại mạng chung đọa vào Địa ngục, trải qua ngàn vạn kiếp chịu khổ vô cùng vẫn chưa hết tội. Ra khỏi Địa ngục lại sanh vào trong biển cả, thọ thân hình loài ở dưới nước. Một thân trăm đầu, hình thể rất lớn. Các loài khác trông thấy đều bỏ chạy.

Kinh Xuất Diệu dạy: Lúc Phật còn ở đời, Tôn giả Mãn Túc đến cõi Ngạ quỷ, thấy một con Quỷ hình trạng xấu xí, người nào trông thấy đều phải kinh sợ đến nỗi sởn gai ốc. Thân quỷ như đống lửa lớn. Miệng

tuôn ra dòi, máu mủ chảy tràn, hôi thối không thể gần. Hoặc miệng phát ra lửa cháy đến mười thước. Hoặc mắt, tai, mũi, thân thể, tay chân phóng ra lửa cháy đến mười thước. Môi miệng vễnh vễu, giống như heo rừng. Thân thể dài rộng một dặm. Tay cặp vào tai nên nó cất tiếng kêu gào, chạy từ đằng Đông sang đằng Tây. Mãn Túc trông thấy rồi hỏi: Ngươi đã tạo nghiệp gì mà nay phải chịu khổ như thế?

Ngạ quỷ đáp: Xưa tôi là người xuất gia, luyến tiếc phòng ốc, xan tham không bỏ, tự ỷ mình là con nhà cao quý, nên nói năng thô ác, thấy Tỳ-kheo trì giới tinh tấn thì đến chửi mắng họ. Do tạo tội ở miệng, ở mắt, hoặc tội thị phi nên chịu khổ này. Thà dùng dao bén cắt lưỡi của mình chứ không nên một ngày mắng nhiếc Tỳ-kheo trì giới tinh tấn. Bởi thế, nếu Tôn giả trở về cõi Diêm-phù thì nên đem hình trạng con để răn dạy các Tỳ-kheo: "Khéo giữ lỗi ở miệng, chớ vọng nói ác. Thấy người trì giới, nên khen ngợi công đức của họ". Từ khi thọ thân Ngạ quỷ đến nay, con đã trải qua ngàn vạn năm thường phải chịu khổ này. Sau khi qua đời lại vào Địa ngục. Khi nói lời này xong, Ngạ quỷ khóc lóc, nằm xuống đất giống như núi Thái sơn sụp đổ. Đất Trời đảo lộn. Đây là do lỗi ở miệng tạo ra vậy.

Kinh Bách Duyên dạy: Có người vợ của Trưởng giả mang thai, nhưng thân của bà thể hôi hám khiến cho mọi người không thể gần. Đủ tháng, cô ta sanh được một đứa con, xương sườn liền nhau, ốm o, tiều tụy, không thể nhìn được. Trên thân thường có nhiều phân tiểu chảy ra. Đứa trẻ lớn dần, không muốn ở nhà, thích ăn phân dơ, không chịu lìa bỏ. Cha mẹ, bà con chán ghét không muốn trông thấy nên đuổi nó đi xa, không cho qua lại. Mọi người thấy thế nên gọi nó là Diêm-bà-la. Sau đó, Diêm-bà-la gặp Phật, xuất gia, tu hành và chứng quả A-la-hán.

Trong quá khứ, vào thời đức Phật Câu Lưu Tôn xuất hiện ở đời, có một người xuất gia làm trụ trì. Có nhiều thí chủ đến cúng dường dầu thơm để chúng Tăng tắm và dùng xoa thân. Thuở đó trong Tăng chúng ấy, có một vị La-hán, do trụ trì không biết nên thấy vậy liền la mắng: "Ông là người xuất gia mà dùng dầu thơm xoa thân. Ta nhìn trên thân ông giống như người bôi phân". La-hán thương xót ông ta, liền hiện thần thông. Chủ chùa thấy rồi, sám hối bái tạ xin trừ tội lỗi. Do nghiệp ác mắng nhiếc này nên trong năm trăm đời, thân thường dơ uế, không thể gần gũi. Nhờ xưa kia xuất gia theo Phật, sám hối La-hán nên nay được gặp Ta, xuất gia, đắc đạo. Thế nên, chúng sanh cần giữ nghiệp miệng, chớ nên mạ nhục nhau.

Kinh Hiền Ngu dạy: Xưa kia, khi Phật còn ở đời, Ngài cùng với

các Tỳ-kheo đi đến sông Lê-việt ở Tỳ-xá-ly, thấy người làm nghề đánh cá, buông lưới bắt được một con cá có trăm cái đầu. Có năm trăm người kéo cá lên không được. Lúc ấy, bên bờ sông có năm trăm người chăn bò nên họ liền đến nhờ kéo giúp. Ngàn người gộp sức lại mới kéo nó lên được. Trông thấy sự việc quái lạ nên mọi người tranh nhau xem. Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đi đến chỗ cá. Đức Phật hỏi cá: Ngươi là Ca-tỳ-lê phải không?

Cá đáp: Vâng.

Hỏi: Mẹ ngươi nay ở nơi nào?

Đáp: Đọa Địa ngục A-tỳ.

A Nan thấy vậy liền hỏi Phật về nhân duyên kiếp trước. Phật dạy A Nan: Quá khứ vào thời Phật Ca diếp, có Bà-la-môn sanh được một đứa con trai tên là Ca-tỳ-lê. Chàng ta thông minh, sáng suốt, đa văn đệ nhất.

Sau khi cha mất, người mẹ hỏi chàng: Nay con là người thông minh nhất. Trên đời còn có ai hơn con không?

Chàng đáp: Sa-môn là bậc thù thắng nhất. Nếu con có những điều nghi ngờ, con đến hỏi Sa-môn thì Sa-môn giải thích cho con hiểu rõ. Người ấy hỏi con thì con không trả lời được.

Người mẹ hỏi: Sao bây giờ con không học pháp của ông ta?

Chàng đáp: Người nào muốn học pháp ấy thì phải làm Sa-môn. Con là người ở đời thì làm sao học được?

Người mẹ nói: Nay con có thể giả làm Sa-môn, học thông suốt rồi thì trở về nhà.

Người con nghe lời, liền xuất gia làm Sa-môn, chỉ trong một thời gian ngắn đã học thông suốt Tam tạng liền xin hoàn tục trở về nhà. Người mẹ lại hỏi con: Bây giờ, con đã hơn họ chưa?

Chàng đáp: Chưa hơn.

Người mẹ nói: Từ nay trở đi, có đàm luận với họ, lúc nào không trả lời được thì con có thể nhục mạ họ. Như thế thì con sẽ hơn.

Người con nghe lời, sau đó đàm luận không được liền mắng nhiếc: "Các ông Sa-môn ngu si vô trí, đầu như đầu thú. Đầu các ông như trăm đầu thú". Do mắng nhiếc như thế nên nay phải làm thân cá. Một thân có trăm đầu thu khác nhau như: Lừa, lạc đà, trâu, ngựa, heo, dê, chó... đều có đủ cả.

A Nan bạch Phật: Đến bao giờ thì mới được thoát thân cá?

Đức Phật dạy: Trong hiền kiếp này, hoặc quá khứ ngàn đức Phật, người ấy vì nghiệp duyên kia nên không thoát được thân cá này. Vì vậy,

nên đối với nghiệp thân, miệng, ý thì không thể không cẩn thận!

Truyện Hạnh Vua Huyền Sách dạy: Khi còn ở đời, Phật thấy chúng sanh ở thành Tỳ-da-lợi bị khổ não liền đến cứu giúp nên Ngài mới đi qua nước này. Lúc ấy, hai nhóm Kê-việt-tra gồm năm trăm người đang ở trên sông Bà-la Câu-mạt-để giăng lưới bắt cá lớn Ma-kiệt có mười tám đầu, ba mươi sáu mắt. Đầu cá có nhiều đầu thú... ( Như trên). Đức Phật vì nó mà thuyết pháp. Cá nghe pháp rồi liền chết và được sanh lên cõi Trời làm Thiên tử. Thiên tử quán biết trước đây mình là một con cá lớn, nhờ nghe Phật thuyết pháp liền được sanh lên cõi Trời. Thiên tử liền đem các hương hoa, anh lạc, châu báu trên Trời xuống cúng dường Phật. Lúc ấy, cả hai nhóm đánh bắt cá đều phát tâm sám hối. Cách phía Bắc sông Câu-mạt-la hơn một trăm bước, họ đốt bỏ lưới đánh cá. Thu lấy tro đựng đầy bình đồng, họ đem đến chỗ thuyết pháp, để ở trên tháp, tôn tượng trang nghiêm, đến nay vẫn còn.

Cho nên phải biết người tu tập như pháp thì được sanh vào cõi lành.

Kinh Bách duyên dạy: Xưa kia, khi Phật còn ở đời, Phu nhân Mạt Lợi, vợ Vua Ba-tư-nặc sanh một người con gái tên là Kim Cang. Mặt mày xấu xí, thân thể thô kệch, da nhám sì như da rắn, đầu tóc thô cứng như lông ngựa. Vua cảm thấy không vui liền ra lệnh nhốt vào thâm cung, không cho ra ngoài. Cô ta lớn dần, đến tuổi lập gia đình. Vua sai một vị thần: Khanh tìm kiếm một người, vốn là dòng quý tộc, nay bị nghèo khó, khanh có thể dẫn đến đây.

Vị thần ấy nhận lệnh rồi tìm được người đem đến cho Vua. Vua dẫn người kia đến chỗ khuất, nói nhỏ: Trẫm nghe khanh con nhà hào kiệt, nay bị bần cùng. Trẫm có đứa con gái mặt mày xấu xí, khanh vui lòng nhận cho. Trẫm sẽ cung cấp nuôi dưỡng.

Lúc ấy, người nghèo quỳ thưa: Nếu như Đại vương ban cho con chó thì tiện dân cũng không dám trái lệnh. Huống chi là con gái của Vua và Phu nhân Mạt Ly đã sanh ra.

Vua liền gả con và làm cho tòa nhà gồm bảy lớp cửa. Vua dặn phò mã phải tự mình khóa cửa lại mỗi khi ra vào, chớ để người ngoài trông thấy cô ta. Vua xuất của cải cung cấp đầy đủ cho con rể và phong làm Đại thần, sau cho bàn luận cùng với các nhà hào quý. Theo luật thì đến ngày hội, vợ chồng phải cùng đi. Các Đại thần khác đều dẫn vợ đến, riêng Đại thần này chỉ đi một mình, không dẫn vợ theo. Mọi người nghi ngờ về việc quái lạ này: “Vợ người kia có lẽ là rất xinh đẹp, hoặc là rất xấu xí, không thể ra ngoài, cho nên không đến”. Do đó, mọi người

âm thầm phục rượu, làm cho phò mã say sưa rồi mở lấy khóa cửa và sai năm người đến nhà nhìn xem. Đến nơi, họ mở cửa, người vợ nghi là chẳng phải chồng mình, trong lòng tự trách, áo não mà nói: "Xưa kia, ta gây tội gì mà nay bị chồng giam giữ, không thấy đến Trời, Trăng". Cô ta liền quỳ xuống, chí tâm đảnh lễ Thế Tôn: "Nguyện Phật từ bi hiện đến trước con, tạm cứu giúp con qua cơn khổ nạn này".

Đức Phật biết được tâm nguyện liền từ đất vọt lên, ở trước mặt cô ta, hiện tướng tóc xanh biếc. Cô ta ngẫng đầu lên thấy tướng tóc của Phật, thì tỏ lòng cung kính, hoan hỷ. Cho nên, tóc cô ta tự nhiên xanh biếc. Đức Phật hiện đến tướng mặt thì tâm cô ta càng hoan hỷ gấp bội nên mặt cô ta lại xinh đẹp, đoan chánh, làm cho da thô tự nhiên biến mất. Đức Phật hiện toàn thân làm cho cô ta tận mắt trông thấy thì cô ta càng thêm hoan hỷ nên thân thể trở nên đoan chánh giống như Tiên nữ. Phật liền nói pháp vi diệu cho cô ta nghe, liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Sau khi đức Phật đi khỏi thì năm người vào, trông thấy cô ta đoan chánh không ai sánh bằng. Xem xong, họ đóng cửa lại rồi bỏ khóa ở chỗ cũ.

Người chồng về nhà thấy vợ xinh đẹp, vui mừng hỏi: Nàng là ai?

Cô ta đáp: Thiếp là vợ của chàng.

Chồng hỏi: Trước đây nàng xấu xí, bây giờ do đâu mà xinh đẹp, đoan chánh vậy?

Cô ta liền kể hết sự việc trên rồi nói: Thiếp muốn gặp Phụ vương. Chàng hãy tâu trình lên cho thiếp.

Người chồng đến tâu Vua: Hiện giờ, Lang nữ muốn đến gặp Đại vương.

Vua nói: Chớ nên nói việc này! Hãy nhanh chóng đóng cửa lại, cẩn thận chớ để cô ta ra ngoài.

Phò mã thưa: Nay, Lang nữ nhờ oai thần của Phật nên được đoan chánh, xinh đẹp như Tiên nữ.

Vua nghe như vậy, liền sai nghinh đón. Trông thấy cô ta đoan chánh, Vua hoan hỷ vô cùng, liền đi đến chỗ Phật, thưa: Bạch Thế Tôn! Con không biết đời trước con gái con đã tạo phước gì, nay mới được sanh vào nhà hào quý mà lại xấu xí.

Đức Phật dạy: Quá khứ, ở nước Ba-la-nại có Trưởng giả thường cúng dường một vị Phật Bích Chi, thân thể xấu xí. Bấy giờ, con gái Trưởng giả thấy Phật Bích Chi như thế nên ác tâm nhục mạ: "Người gì mà mặt mày xấu xí, da thô nhám sì. Ngươi ở đâu mà đáng ghét thế?"

Lúc ấy, Phật Bích Chi muốn nhập Niết bàn liền hiện mười tám phép biến hóa. Cô ta thấy rồi liền tự trách mình, thành khẩn sám hối.

Do quá khứ mắng Phật Bích Chi nên khi sanh ra thường xấu xí. Nhờ phước cúng dường nên được sanh vào nhà giàu có, tôn quý, sung sướng vô cùng.

Kinh Hưng khởi hạnh dạy: Quá khứ, Thích Ca dùng lời ác mắng Ca Diếp: "Sa-môn đầu trọc, đâu có đạo Phật" nên bây giờ một ngày ăn một hạt mè, một hạt gạo, một hạt đậu, phải chịu khổ hạnh trong sáu năm như thế.

Do vậy, trong kệ kinh Tu Hành Đạo Địa nói:

*Ngu si tâm cứng cỏi*
*Không mềm dẻo, nói thiện*
*Thường hại, ác, hai lưỡi*
*Nói ra không rõ ràng*
*Dơ uế ở nơi tâm*
*Như lửa than lấp tro*
*Đạp phải cháy chân người*
*Thường nói lời nhu hòa*
*Tùy thuận theo mọi người*
*Nói sao thì làm vậy*
*Thân tâm không hại người*
*Thí như cây hoa thơm*
*Quả nó cũng ngon ngọt*
*Phật giảng nói như vậy*

Tâm, miệng phải cẩn thận

Kinh Bách Duyên dạy: Lúc Phật còn ở đời, trong thành Vương-xá có một Trưởng giả có của báu nhiều vô lượng, không thể tính kể. Vợ của Trưởng giả mang thai đã mười tháng nhưng chưa sanh. Sau đó, người mẹ lại có thai, đủ tháng, đủ ngày thì sanh con. Tuy nhiên thai lúc trước ở sườn bên phải vẫn còn nằm trong bụng. Như vậy, người mẹ cứ mang thai và chín người con đều được sanh ra đủ tháng, đủ ngày. Chỉ có một người con ở lại trong thai, không chịu ra ngoài. Bấy giờ, người ấy bệnh nặng, dùng đủ thuốc thang để chữa trị nhưng không thuyên giảm. Do đó, bà bảo mọi người trong nhà: "Đứa con trong bụng ta đang sống. Bây giờ, nếu ta chết đi thì phải mổ bụng để lấy nó ra mà nuôi dưỡng"

Lúc ấy, do bịnh quá nặng, không chữa trị được nên bà qua đời. Sau đó, quyến thuộc đem thi thể ấy để giữa nhà và mời thầy tài giỏi đến mổ bụng, lấy đứa con ra. Đứa trẻ nhỏ xíu nhưng tóc thì trắng toát, khom lưng mà đi, nhìn quanh mọi người rồi nói: "Các người nên biết! Bởi vì đời trước tôi nói lời thô ác nhục mạ chúng Tăng nên phải ở mãi

trong bào thai, trải qua sáu mươi năm, chịu khổ não này, khó mà nói ra”. Thân quyến nghe rồi, thương cảm khóc lóc, không thể nói được.

Lúc ấy, Thế Tôn ở xa biết được đứa trẻ này, căn lành đã thuần thục, liền dẫn đại chúng đến chỗ thi hài.

Đức Phật hỏi đứa trẻ: Ngươi là Tỳ-kheo trưởng lão?

Đứa trẻ thưa: Dạ đúng.

Đức Phật hỏi đến ba lần, đứa trẻ cũng đáp như vậy. Khi nghe đức Phật cùng đứa trẻ đối đáp thế, đại chúng càng thêm nghi hoặc, liền bạch Phật:

Trước đây bé già khọm này đã tạo nghiệp gì mà phải ở mãi trong bào thai cho đến lúc tóc bạc, già khọm và tại sao lại hỏi đáp với Như Lai?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo đại chúng: Trong hiền kiếp này, có đức Phật Ca Diếp ra đời. Lúc ấy, các Tỳ-kheo cùng an cư. Chúng tăng hòa hợp cử một Tỳ-kheo niên cao, lạp trưởng làm Duy-na và trong Tăng cùng lập quy trong Tăng cùng lập nội quy: “Đối với Tỳ-kheo an cư phải đắc đạo mới cho phép Tự tứ. Người chưa đắc đạo không cho Tự tứ”.

Lúc ấy, chỉ có Tỳ-kheo làm Duy-na chưa đắc đạo nên Tăng không cho Bố-tát Tự-tứ. Vì thế, ông sầu não, nghĩ: “Ta chỉ làm việc quản lý Tăng để họ an ổn hành đạo. Nay bọn chúng trở mặt, không cho ta cùng Tự-tứ, Bố-tát, Yết-ma”. Do đó, ông ta liền sân giận, mạ nhục, đuổi hết chúng Tăng, rồi đóng cửa phòng, nói: “Mong sao cho các ngươi thường ở chỗ tối tăm như ta đang ở trong phòng tối này”. Nói xong, ông ta tự sát, liền rơi vào Địa ngục, chịu nhiều khổ não, đến nay mới được thoát khỏi, nên phải ở mãi trong thai chịu khổ não này.

Chúng Tăng nghe rồi, ai nấy đều hộ trì ba nghiệp, nhàm chán sanh tử. Có người đắc Bốn quả Sa-môn. Có người phát tâm Duyên-giác. Có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề .

Lúc ấy, quyến thuộc dắt cậu bé già về nhà nuôi dưỡng. Đến lúc trưởng thành, cậu ta xuất gia, tu hành và đắc quả A-la-hán.

Đức Phật dạy chúng Tăng: Nhờ xưa kia cúng dường chúng Tăng và làm Duy-na, nên nay được gặp Ta, xuất gia tu hành đắc đạo.

Các Tỳ-kheo nghe rồi đều hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ Chánh báo:

*Miệng ác như tên độc*
*Bắn vật bị tổn thương*
*Địa ngục mở cửa chờ*
*Vứt nó vào nồi đồng*

*Cắt lưỡi, uống nước đồng*
*Khổ não khó nghĩ lường*
*Nếu cho thân vô ích*
*Cẩn thận miệng hại gì*
*Bài tụng Tập báo:*
*Ác khẩu nhiều ngỗ nghịch*
*Bị Địa ngục thiêu đốt*
*Có dư báo loài người*
*Lại nghe lời dao, kiếm*
*Nếu đàm luận với người*
*Bị người oán tranh tụng*
*Báo xưa, cam tâm chịu*
*Bỏ ác thì thiện hiện*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 14)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 15

***Thứ 6: Duyên hai lưỡi.***

Con đời sống trong cuộc đời này, đối với sanh, già, bệnh, chết đều không có thời hạn để tự thoát khỏi. Bồ-đề Niết bàn là nơi hội tụ của những ai biết tu hành. Sỡ dĩ chư Phật được mọi người phàm cũng như Thánh kính trọng nương theo là vì quý Ngài đã tu tập thành tựu Bốn nhiếp pháp. Bồ-tát thành Thánh là do hành sáu pháp Ba-la-mật nêń ai cũng kính ngưỡng. Nay thấy những kẻ phàm tục thường tụ tập lại để nói  lời ác chia rẽ, nói chuyện đúng, sai, khiến cho quyến thuộc của người khác xa lánh nhau, bạn bè ly tán, và gieo rắc nghiệp bất hòa làm cho người lia phải sống đau khổ trong cảnh chia lìa. Nếu tâm tốt mà chỉ bbảo người xa lánh kẻ ác thì cũng trở nên phá hoại. Tuy nhiên thấy làm như vậy, sẽ đem lại lợi ích cho người khác thì không phạm tội. Thế nên, luận Thành Thật dạy: “Nếu dùng thiện tâm giáo hóa, tuy làm họ biệt ly nhưng không mắc tội. Nếu dùng ác tâm làm người gây loạn tức là nói hai lưỡi, nên mắc tội rất nặng, tức đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Nếu sanh trong loài người thì bị người khác phỉ báng, mắc tội xấu ác, và rơi vào tình trạng quyến thuộc chia lìa như quả báo của sự nói dối được trình bày ở trên. Nếu căn cứ vào việc không thuận với người này hay người kia mà sanh ra nói dối, thì cũng có nghĩa là nói hai lưỡi. Như trên đã trình bày rõ, tội nói hai lưỡi này chắc chắn sẽ đọa vào đường ác, chịu khổ đau trong ba đời, nên không cần phải ghi chép gì nữa.

Trong luật Tứ phần, đức Phật bảo cá Tỳ-kheo: Các ông nên biết: Xưa kia, có hai con thú ác làm bạn với nhau. Một con là Sư tử Thiện Nha,một con là Hổ Thiện Bát . Hai con thú này ngày đêm rình bắt đàn hươu. Lúc ấy, có một con Dã can (chồn) thường đi đến chỗ hai con thú kia để ăn thịt thừa của chúng. Nó tự suy nghĩ: “Nay ta không thể đến đây mãi mãi. Phải tìm cách gì để cho hai con thú kia cấu xé nhau, không còn thân nhau nữa”.

Lúc ấy, Dã can đến nói với Sư tử Thiện Nha: Hổ Thiện Bát nói

thế này: "Quê quán, dòng họ, sức lực của ta hơn nó. Vì sao? Ngày ngày, ta ăn thức ăn ngon. Sau đó, Sư tử Thiện Nha đến chỗ ta, ăn thừa của ta để sinh sống". Lúc ấy, nó liền nói kệ:

*Hình sắc và chỗ sanh*
*Sức mạnh và thù thắng*
*Thiện Nha không thể hơn*
*Thiện Bát nói như thế.*

Thiện Nha hỏi Dã can: Do đâu mà ngươi biết được?

Đáp: Hai chúng tôi cùng đến gặp nhau một chỗ để trò chuyện nên biết.

Bấy giờ, Dã Can nói dối với Thiện Nha rồi đến nói với Hổ Thiện Bát: Bạn không biết đâu, Thiện Nha nói thế này: "Dòng họ, quê quán, thế lực của ta ngày nay đều hơn nó. Vì sao? Ta thường ăn thịt ngon. Hổ Thiện Bát ăn thịt dư của ta để sinh sống". Lúc ấy, nó liền nói kệ:

*Hình sắc và chỗ sanh*
*Sức mạnh và thù thắng*
*Thiện Bát không thể hơn*
*Thiện Nha nói như thế.*

Thiện Bát hỏi: Do đâu mà ngươi biết được?

Đáp: Hai chúng tôi cùng đến gặp nhau một chỗ để trò chuyện nên biết.

Sau đó hai con thú gặp mặt thì trừng mắt nhìn nhau. Sư tử Thiện Nha liền nghĩ: "Ta cần phải hỏi". Nó liền đưa tay đánh con kia.

Bấy giờ, Sư tử Thiện Nha nói kệ với Hổ Thiện Bát:

*Hình sắc và chỗ sanh*
*Sức mạnh và thù thắng*
*Thiện Nha không bằng ta*
*Thiện Bát nói vậy chăng?*

Thiện Bát tự nghĩ: "Nhất định là do Dã Can gây sự chia rẽ chúng ta". Nó liền nói kệ:

*Thiện Bát không nói vậy*
*Hình sắc và chỗ sanh*
*Sức mạnh và thù thắng*
*Thiện Nha không thể hơn*
*Nếu nghe lời không tốt*
*Tin người nói hai bên*
*Tự phá hoại tình thân*
*Liền thành kẻ oán thù*

*Nếu dùng trí chân thật*
*Sẽ diệt trừ sân giận*
*Nay ta có thể khuyên*
*Cho thân được lợi ích*
*Cần phải khéo hàng phục*
*Để diệt kẻ xấu ác*
*Cần phải giết Dã Can*
*Kẻ gây rối chúng ta.*

Hai con thú liền đánh chết Dã Can.

Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Hai con thú này bị con thú kia phá hoại, cùng tụ hội một chỗ nhìn nhau không vui. Huống chi loài người, bị người phá hoại mà tâm lại không phiền não chăng?

Kinh Niệm Chánh Pháp, Vua Diêm La nói kệ trách tội nhân:

*Vui quá nói nhiều lời*
*Càng tham làm người sợ*
*Lỗi miệng tự nói láo*
*Hai lưỡi là đệ nhất.*

Kinh Hoa Thủ, đức Phật nói kệ:

*Miệng ác và hai lưỡi*
*Thích nói lỗi người khác*
*Người không thiện như thế*
*Ác nào mà chẳng làm.*

Luận Trí Độ có dạy: Nói thật thì không cần bố thí, trì giới, trí tuệ, nghe nhiều nhưng tu theo lời chân thật sẽ được phước vô lượng.

Kinh Báo Ân, đức Phật nói kệ:

*Phật bảo A Nan*
*Người sanh ở đời*
*Phước ra từ miệng*
*Nên hộ trì miệng*
*Còn hơn lửa lớn*
*Lửa lớn bùng cháy*
*Thiêu của thế gian*
*Miệng ác bùng phát*
*Thiêu hủy Thánh tài*
*Tất cả chúng sanh*
*Họa ra từ miệng*
*Búa bủa thân thể*
*Họa diệt thân mình.*

Bài tụng Chánh Báo:

*Hai lưỡi gây gổ người*
*Bị Địa ngục phân thân*
*Ngục tốt chặt miệng ra*
*Dao nung đỏ cắt lưỡi*
*Đã khổ đau như thế*
*Lại càng thêm đói khát*
*Nghiệp ác, không tự do*
*Lại uống máu trong thân.*

Bài tụng Tập Báo:

*Dèm pha hại nhiều người*
*Thêm chịu khổ ba đường*
*Nếu như được làm người*
*Dư báo vẫn luôn theo*
*Quyến thuộc phần đông ác*
*Ngang ngược và sân giận*
*Mà tạo ác không mất*
*Địa ngục không xưa nay.*

***Thứ 7: Duyên thêu dệt***

Nếu nói lời trung thực thì hiển bày đạo lý, còn nói lời thêu dệt thì trái lẽ chơn thường. Từ lời nói trung thực này có thể làm phát sanh tính chân thực và kế tiếp hình thành nên phong thái đức độ, rồi nghiễm nhiên trong vị trí Thánh Hiền. Ngược lại nhười nói lời thiêu dệt hư vọng sanh khởi rồi chìm sâu trong tội lỗi và chịu nhiều khổ đau. Bởi vậy, nên biết muốn thành tựu thánh vị, việc nói chân thật là con đường hữu hiệu nhất. Người nói lời hư dối, hoàn toàn trái với đạo lý. Lời không chân chánh đều là lời thêu dệt. Những lời nói thêu dệt chẳng có lợi ích cho mình và người, chỉ tăng thêm sự buông lung, tăng thêm lời nói không tốt, nên khi chết rồi sẽ đọa vào ba đường ác. Sau khi được sanh làm người dù có nói lời chân chánh thì người cũng không tin. Tuy nhiên việc nói năng không rõ ràng thì đồng nghĩa với nói lời thêu dệt. Thế nên Luận Thành Thật dạy: Dù là lời nói chân thật mà nói không đúng lúc thì cũng rơi vào lời nói thêu dệt. Như trong bài kệ luận Trí Độ có dạy:

*Kẻ rơi vào Ngạ quỷ*
*Lửa xuất ra từ miệng*
*Bốn hướng phát thanh lớn*
*Là tội báo của miệng*

*Dù hiểu biết nghe nhiều*
*Thuyết pháp giữa đại chúng*
*Do nghiệp không thành tín*
*Mọi người không tin được*
*Muốn danh tiếng lừng vang*
*Được mọi người tin theo*
*Nên cần phải chí thành*
*Không nên nói thêu dệt.*

Luận Tát-bà-đa có dạy: Lỗi của miệng thường có bốn loại:

1. Nói hai lưỡi nhưng không nói dối, không nói lời ác. Nếu có người đem lời nói của người này đến nói với người kia, với lời thành thật không nói dối, lời dịu dàng không nói hung ác nhưng với tâm chia lìa nên gọi là hai lưỡi.

2. Nói hai lưỡi là nói dối nhưng không nói ác. Nếu có người đem lời nói của người này đến nói với người kia bằng tâm chia lìa nên gọi là hai lưỡi, bằng lời nói dối nên gọi là nói dối, bằng lời nói êm dịu nên gọi là không nói hung ác.

3. Nói hai lưỡi là nói hung ác nhưng không nói dối. Nếu có người đem lời nói của người này đến nói với người kia bằng tâm chia lìa nên gọi là hai lưỡi, bằng tâm thô ác nên gọi là nói ác, nhưng nói thành thật nên không phải là nói dối.

4. Nói hai lưỡi là nói dối, nói hung ác. Nếu có người đem lời nói của người này đến nói với người kia bằng tâm chia lìa nên gọi là hai lưỡi, bằng lời nói dối nên gọi là nói dối, bằng lời nói ác nên gọi là nói hung ác.

Mình hoặc người nói dối, nói hung ác đều có bốn loại như vậy. Có một loại nói thêu dệt không chia lìa nhau nên không nói riêng. Vì thế luận Thành thật dạy: "Ngoài ba nghiệp của miệng hoặc hợp hoặc lìa, còn một loại nói thêu dệt tất không chia lìa nhau."

Bài tụng Chánh báo:

*Thêu dệt không nghĩa lý*
*Làm tâm người mê loạn*
*Làm họ mất căn lành*
*Bị nước đồng rót miệng*
*Sắt nung đỏ đốt lưỡi*
*Ngũ tạng đều tan nát*
*Thống khổ không chịu nỗi*
*Thường đau xót kêu gào.*

Bài tụng Tập báo:

*Nói dối trái chân lý*
*Do đó đọa đường ác*
*Thoát khỏi, được làm người*
*Lời nói không rõ ràng*
*Không có tâm tin tưởng*
*Thường bị người chê cười*
*Xấu hổ với người trí*
*Sao không nói tốt đẹp.*

***Thứ 8: Duyên xan tham***

Chúng sanh thường mắc bệnh nghi ngờ, chấp ngã làm đầu mối và các thứ mê muội, tham lam, keo kiệt làm nền tảng cho thiện nghiệp mỏng như lông tóc, ác nghiệp nặng hơn núi cao, phước ít như băng đóng mùa Xuân, bần cùng nhiều như mưa mùa Thu. Vì vậy, lưới Sáu trần dễ gì thoát được, bến Ba độc do đâu để vượt qua. Thân thể nặng nề như loài cá chìm trong sông nên muốn vỗ cánh bay như chim trên Trời thì khó đạt được, đến nỗi phải chịu nhiều sự khốn cùng tiếp nối, giành giựt, bức hiếp khổ não không dừng, tranh nhau làm hại. Giống như thiêu thân bay vào ngọn lửa, như tằm làm kén tự ràng buộc mình. Tất cả đều do tham lam, keo kiệt mà phải chịu tội đói lạnh. Bố thí là nhân sanh phước nên thường thọ nhận sự giàu có vui sướng. Như trong kệ kinh Phân Biệt Nghiệp Báo có dạy:

*Thường ưa tu trí tuệ*
*Mà không hành bố thí*
*Sanh ra thường thông minh*
*Nghèo khổ không tài sản*
*Chỉ ưa hành bố thí*
*Mà không tu trí tuệ*
*Sanh ra được giàu có*
*Ngu si không hiểu biết.*
*Tu bố thí, trí tuệ*
*Sanh có trí, giàu sang*
*Hai việc này không tu*
*Suốt đời nghèo, ngu si.*

Trong Nhiếp luận có dạy: Keo kiệt là chướng ngại nhiều của sự ganh ghét là chướng ngại sự tôn quý. Lại nữa, chúng sanh khởi tham lam thì không nằm ngoài tài sản, sắc đẹp. Thứ nhất ái sắc có nhiều lỗi

như trước đã trình bày. Vì sợ có người không đồng ý nên nay xin nói sơ qua.

Trong kinh Niết bàn có dạy: Ví như có người cưới vợ là nữ La-sát và Nữ La-sát này theo đó sanh con, sanh rồi liền ăn, ăn con rồi lại ăn chồng. Ái sắc cũng như vậy, tùy theo các chúng sanh mà sanh con thiện căn, sanh rồi lại ăn con, ăn con rồi lại ăn chúng sanh, do đó phải đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Lại nữa, như có người thích hoa thơm nhưng không thấy cành hoa có quá nhiều rắn độc nên liền đến ngắt lấy, ngắt rồi liền bị rắn cắn mà qua đời. Tất cả phàm phu cũng vậy, tham hoa năm dục, không biết tai họa rắn độc của ái này mà liền thọ nhận nên bị rắn độc ái chích đốt và sau khi qua đời liền đọa vào đường ác.

Luận Trí Độ có dạy: Tài vật là nhân duyên tội nghiệp của vô số phiền não còn các pháp thiện như trì giới, thiền định, trí tuệ... là nhân duyên Niết bàn. Do vậy, đối với tài vật còn phải tự bỏ đi huống chi ở trong ruộng phước tại sao không bố thí! Ví như có hai anh em ra đi đều mang theo mười cân vàng, giữa đường lại không có gặp người bạn nào khác. Người anh nghĩ: “Tại sao ta không giết em để lấy vàng. Ở giữa đường trống mênh mông này ai mà biết được sự việc này.” Người em cũng sanh tâm muốn giết chết anh để lấy vàng. Hai anh em đều có tâm ác nên nói năng, nhìn ngó khác thường. Sau đó hai anh em đều giác ngộ mà trở lại sanh tâm hối hận: “Chúng ta chẳng phải là người, nếu đem so với cầm thú thì có khác gì đâu? Chúng ta đồng là anh em, chỉ vì một ít vàng mà phải sanh tâm niệm ác. Hai người liền đi đến bên bờ suối. Người anh đem vàng vứt trong nước. Người em nói: “Lành thay! Lành thay!” Người em cũng vứt vàng trong nước. Người anh nói: “Lành thay! Lành thay!” Hai anh em cùng hỏi nhau: “Vì sao nói “Lành thay”? Hai người đều đáp: “Vì số vàng này mà ta sanh tâm xấu, muốn làm hại nhau. Nay bỏ được nó, ta nói “Lành thay! Lành thay!” Do nhân duyên này nên cần phải tự xả bỏ.

Luận Đại Trang Nghiêm có dạy: Ta từng nghe, ở nước Xá-vệ, Phật cùng A Nan đi trong đồng trống, đến một bờ ruộng thấy có của báu dưới đất. Đức Phật liền bảo: A Nan! Có rắn độc lớn.

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Rắn độc ác.

Lúc ấy, có một người đang cày ruộng, nghe đức Phật và A Nan nói có rắn độc liền nghĩ: “Ta đến xem thử, vì sao Sa-môn nói là rắn độc”. Người cày ruộng đi đến chỗ ấy thì trông thấy đống vàng, liền suy nghĩ: “Sa-môn nói rắn độc, đó là vàng ròng”. Người ấy liền lấy vàng đem về nhà.

Trước đây, anh ta nghèo cùng ăn mặc thiếu hụt. Nhưng nay, do nhặt được vàng mà trở nên giàu có, ăn mặc tùy ý. Nhà Vua thấy lạ liền cho mời người nhà giàu ấy đến giam vào ngục, xét hỏi. Tuy nhiên số vàng lấy được trước kia nay anh ta đã dùng hết nên không được miễn tội, vua ban lệng liền đem ra xử trảm.

Người ấy nói: Rắn độc, A Nan! Rắn độc ác, Thế Tôn! Người bên cạnh nghe vậy liền tâu lên nhà Vua.

Vua cho gọi người ấy đến hỏi: Vì sao nói rắn độc, A Nan. Rắn độc, Thế Tôn?

Người ấy tâu: Ngày trước thần dân đang cày ruộng thì nghe đức Phật và A Nan nói: "Rắn độc, rắn độc ác". Đến nay, thần dân mới hiểu được.

Nhà Vua nghe nói vậy liền phóng thích anh ta.

Kinh Tăng nhất A-hàm có dạy: Xưa kia, lúc đức Phật còn ở đời, trong thành Xá-vệ có Trưởng giả Bà-đề có nhà cửa sang trọng, của cải vô lượng, vàng bạc nhiều không thể tính kể. Mặc dù giàu có như thế nhưng ông ta vô cùng keo kiệt, cất giữ không dám dùng đến, ăn mặc rất tồi tệ, cũng không dám đem cho vợ con, quyến thuộc, tôi tớ, bạn bè thân quen và các Sa-môn, Bà-la-môn...lại còn sanh khởi Tà kiến, đoạn mất căn lành. Do không có con cháu nên sau khi qua đời tất cả châu báu của ông ta đều nộp vào cửa quan. Vua Ba-tư-nặc tự đến thâu nhận. Lấy rồi, nhà Vua về đến chỗ Phật thưa: "Sau khi Trưởng giả Bà-đề qua đời thì sẽ sanh vào đâu?"

Đức Phật dạy: "Trưởng giả Bà-đề do đã hết phước mà không tạo nghiệp phước mới, do sanh khởi tà kiến đoạn mất căn lành nên sau khi qua đời bị đọa vào Địa ngục Rên xiết."

Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy nên khóc than, bạch Phật: "Trưởng giả Bà-đề xưa kia đã tạo nghiệp gì mà được sanh vào nhà giàu có và đã tạo ác gì mà không hưởng được sự sung sướng?"

Đức Phật dạy: "Quá khứ xa xưa, có đức Phật Ca Diếp sau khi Niết bàn thì Trưởng giả này sanh ở nước Xá-vệ làm con nhà nông. Bấy giờ, có Phật Bích Chi đến nhà đó khất thực, Trưởng giả liền đem thức ăn cúng dường. Đức Phật thọ nhận rồi bay lên hư không mà đi. Trông thấy vậy, Trưởng giả liền phát nguyện: "Mong nhờ căn lành này mà làm cho con đời đời được sanh ra trong nhà giàu có, không đọa vào ba đường ác". Sau khi cúng dường rồi, Trưởng giả lại sanh tâm hối hận: "Thức ăn của ta vừa rồi nên đem cho người đày tớ còn hơn, không nên cho Sa-môn trọc đầu kia".

Đức Phật bảo nhà Vua: "Nhờ quá khứ Trưởng giả Bà-đề đem thức ăn cúng dường Phật Bích Chi và với công đức phát nguyện cho nên thường được sanh ra có nhiều của báu, không bị thiếu thốn. Do sau khi cúng dường xong lại sanh tâm hối hận nên dù được sanh ra trong nhà giàu có mà không được hưởng thụ món ăn sang trọng, keo kiệt cất giữ không dám ăn, mặc, lại không cho vợ, con, quyến thuộc, cũng không cho bạn bè quen biết và Sa-môn, Bà-la-môn...Vì thế người có trí được nghe nhân duyên này nếu có của cải dù nhỏ thì nên đem bố thí, chớ có keo kiệt. Trong lúc bố thí phải chí tâm, tự tay mình trao cho người. Bố thí rồi thì nên hoan hỷ, chớ sanh tâm hối hận. Có bố thí như thế thì mới có được quả báu lớn vô lượng vô biên".

Kinh Xuất Diệu có dạy: Xưa kia lúc đức Phật còn ở đời, trong nước Xá-vệ có Trưởng giả Nan-đà giàu có nhiều của cải, vàng bạc, châu báu, voi ngựa, xe cộ, tớ trai, tớ gái, y phục, ruộng vườn, cơ nghiệp đồ sộ không thể suy lường. Nói chung ông là người giàu có nhất nước không ai sánh bằng. Mặc dù nhà giàu nhưng Trưởng giả không có tín tâm, lại keo kiệt, tham lam, ganh tỵ. Cửa nhà lầu làm bảy lớp, Trưởng giả bảo người giữ cửa nếu có người đến xin dù chỉ một người cũng không được cho vào. Trên không, trong sân giăng lưới sắt thưa, sợ có chim bay vào ăn lúa gạo. Dưới bốn bức tường dùng đất sét trét kín, sợ chuột đào hang làm hao tổn tài vật. Trưởng giả chỉ có một người con tên là Chiên Đàn Hương. Đến lúc sắp qua đời Trưởng giả dạy nó: "Bệnh của ta chắc không qua nỗi. Sau khi ta chết, tất cả của báu con chớ làm hao phí một mảy may, chớ có cho Sa-môn, Bà-la-môn. Nếu có trẻ con đến xin thì không nên cho một đồng. Tất cả của cải này cung cấp đủ cho trong bảy đời". Dạy con rồi, Trưởng giả qua đời liền gá sanh vào bào thai của bà mù thuộc dòng Chiên-đà-la ở nước Xá-vệ. Sau khi chào đời thì mắt đứa bé ấy bị mù không trông thấy gì. Bà mẹ nghĩ: "Nay ta mù mắt, nếu sanh được con trai thì ta có người giúp đỡ". Biết được người con sanh ra bị mù thì bà ta càng ưu sầu gấp bội, thảm thương nói kệ:

*Con mù, ta cũng mù*
*Hai người không mắt sáng*
*Gặp lúc nghèo túng này*
*Tăng thêm sầu cho ta.*

Bấy giờ, bà mù nuôi con lớn đến tám, chín tuổi, có thể đi lại được. Bà ta trao cho một cây gậy ăn xin và bảo con: "Con hãy tự mình đi xin ăn để sinh sống, không cần ở lại đây. Ta cũng mù cũng phải đi xin ăn để sống những ngày còn lại".

Đứa bé mù đi xin ăn từng nhà, rồi lần lữa cũng đến nhà Chiên Đàn Hương, đứng ở ngoài cửa nói: "Tôi bị mù lòa nên đến xin ăn".

Lúc ấy, người giữ cửa sân giận nắm tay đứa trẻ liệng xuống hầm sâu, bẻ gãy tay trái, và đánh lõa đầu rồi đem thức ăn xin được vứt xuống đất. Có người trông thấy vậy cảm thương đến nói với bà mù.

Bà mẹ nghe rồi liền chống gậy lần mò tìm đến chỗ đứa trẻ rồi vội bồng nó đặt lên đầu gối mình mà nói: "Con có tội gì mà phải chịu nguy hiểm này".

Đứa trẻ thưa: "Vừa rồi, con đến ngoài cửa nhà Chiên Đàn Hương xin ăn liền bị kẻ xấu đánh ném như vậy".

Bấy giờ, đức Phật thấy biết như vậy rồi liền bảo A Nan:

Tai họa! Tai họa! Trưởng giả Nan Đà qua đời, sanh làm con của bà mù thuộc dòng Chiên-đà-la kia, lúc mới chào đời đã bị mù lòa. Xưa kia, cơ nghiệp giàu có vô lượng, nào là voi ngựa, bảy báu nhiều vô số không thể tính kể nhưng nay có dùng được chăng? Bởi vì keo kiệt tham lam nên phải chịu quả báo mù lòa này. Sau khi qua đời đọa vào Địa ngục A-tỳ.

Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo và nhân dân trong nước vây quanh, đi đến nhà Chiên Đàn Hương nơi chỗ đứa bé mù. Lúc ấy, Chiên Đàn Hương nghe đức Phật ở bên ngoài liền ra lễ lạy rồi đứng qua một bên. Đức Phật biết chúng đã tập hợp, lại thấy Chiên Đàn Hương liền nên Ngài giảng nói rộng về sự keo kiệt, tham lam, ganh tỵ thì phải chịu vô lượng tội. Ngài lại giảng nói bố thí thì hưởng phước nhiều vô tận. Đức Phật muốn cho mọi người xa lìa chấp có, hướng đến đạo giải thoát.

Lúc ấy, Thế Tôn muốn cho Chiên Đàn Hương thoát khỏi khổ nơi Địa ngục nên Ngài hỏi đứa bé: Ngươi là Trưởng giả Nan đà phải không?

Đứa bé đáp: Chính con là Nan Đà.( Hỏi đáp ba lần như thế).

Đại chúng nghe rồi ngạc nhiên nói: Trưởng giả Nan Đà sao mà thân hình lại như thế?

Lúc ấy, Chiên Đàn Hương nghe thấy việc này rồi thương cảm không cầm được nước mắt, liền vội đảnh lễ cầu cứu Phật, nguyện xin dứt sạch tội lỗi và thỉnh Phật cùng chúng Tăng ngày mai đến nhà thọ thực. Ngày hôm sau, đức Phật thọ thực xong liền thuyết pháp vi diệu. Lúc ấy Chiên Đàn Hương đắc quả Tu-đà-hoàn.

Đức Phật bảo A Nan: Người nào cất chứa của cải, không dám ăn mặc, lại không bố thí, đó chính là kẻ ngu trong bọn người ngu. Cho nên người trí cần phải hành bố thí, cầu lìa sanh tử, chớ sanh tâm keo kiệt mà

phải chịu vô lượng khổ đau.

Luật Thập Tụng có dạy: Lúc đức Phật còn ở nước Xá-vệ, có trưởng lão Ca Lưu Đà Di đã chứng đắc đạo A-la-hán. Trưởng lão ôm bát vào thành khất thực. Khi đi đến nhà Bà-la-môn thì chủ nhà đi vắng, vợ ông ta đang đóng cửa chiên bánh trong nhà.

Tỳ-kheo Ca Lưu Đà Di nhập định, xuất thần thông từ bên ngoài ẩn xuống mặt đất rồi vọt lên trong nhà. Mới nghe tiếng tằng hắng thì bà ta ngoảnh mặt lại nhìn rồi thầm nghĩ: "Sa-môn này từ đâu vào, chắc là thèm ăn bánh nên đến đây. Ta nhất quyết không cho".

Bà ta liền nói: "Giả sử có làm rơi mắt của ngươi, ta cũng không cho".

Tỳ-kheo dùng thần lực làm cho hai con mắt rớt ra.

Bà ta lại nghĩ: " Có làm mắt ngươi lớn như cái bát, ta cũng không cho".

Tỳ-kheo lại biến mắt lớn như cái bát.

Bà ta lại nghĩ: "Giả sử ngươi có đứng chổng chân lên Trời, ta cũng không cho".

Tỳ-kheo liền đứng lộn ngược.

Bà ta lại nghĩ: "Nếu như ngươi chết đi, ta cũng không cho".

Tỳ-kheo liền nhập định Diệt thọ tưởng khiến tâm tưởng đều diệt, không còn nhận biết.

Lúc ấy vợ Bà-la-môn lôi kéo Tỳ-kheo mà không thấy động đậy gì nên bà ta lo sợ: "Sa-môn này thường đến cung Vua Ba-tư-nặc, là bậc thầy của phu nhân Mạt-lợi. Nếu nhà Vua mà nghe tin chết ở chỗ ta thì ta sẽ gặp phải nguy hại lớn". Bà ta liền nói với Tỳ-kheo: "Nếu ngươi sống lại thì ta sẽ cho một cái bánh".

Ca Lưu Đà Di liền xuất định. Vợ Bà-la-môn nhìn thấy bánh nướng xong thơm ngon quá nên lòng tham tiếc không muốn cho. Bà ta liền cắt một miếng bột nhỏ ở trong thau đem nướng. Nướng xong, bà ta để vào chỗ bánh trước rồi mới cho. Bà vừa cầm cái bánh ấy lên thì thấy các cái kia cũng dính chùm vào nhau.

Thấy thế, Ca Lưu Đà Di nói: "Tôi không cần bánh này. Bà có thể đem cúng dường cho chúng Tăng ở tinh-xá Kỳ-hoàn".

Bà này đời trước đã trồng căn lành nên bây giờ liền suy nghĩ: "Thật ra Tỳ-kheo này không tham bánh nhưng vì thương xót ta nên mới đến đây vậy". Bà liền đem rổ bánh đến tinh-xá Kỳ-hoàn cúng dường chúng Tăng rồi ngồi trước Ca Lưu Đà Di.

Bấy giờ, Ca Lưu Đà Di quán biết được nhân duyên của ba ta nên

Tôn giả liền giảng nói giáo pháp vi diệu. Ngay lúc ấy bà ta đắc pháp nhãn tịnh trở thành Ưu-bà-tắc. Sau đó hai vợ chồng Bà-la-môn đem hết của cải và sức lực của mình để cúng dường A-xà-lê cho đến khi họ qua đời giống như người con phụng dưỡng cha mẹ, cho đến đời sau nhân duyên ấy vẫn còn.

Kinh Bách Duyên dạy: "Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc lâm Ca-lan-đà nơi thành Vương-xá. Bấy giờ, Mục Liên đang ở dưới một gốc cây, trông thấy thân một Ngạ quỷ giống như đống lửa, bụng lớn như núi, cổ họng nhỏ như cây kim, tóc cứng như dao nhọn đâm quanh thân thể, ở nơi chân tay đều có lửa đốt cháy, đói khát muốn chết, môi miệng khô cháy. Lúc nó đến gần sông, suối thì nước liền khô cạn. Nếu như nước mát, ngọt trên Trời rơi xuống thân nó thì đều biến thành lửa cháy. Mục Liên liền hỏi về nghiệp duyên của nó, Ngạ quỷ đáp: "Con phải chịu đói khát không thể nào nói được. Ông nên về thưa hỏi đức Phật".

Mục Liên liền đi đến chỗ Phật trình bày sự việc trên mong Ngài nói rõ xưa kia Ngạ quỷ đã tạo nghiệp gì mà nay phải chịu khổ não như thế?

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Mục Liên: Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

Trong hiền kiếp ấy, ở nước Ba-la-nại có đức Phật ra đời hiệu là Ca Diếp.

Lúc ấy, có một Sa-môn đi đường nóng khát quá bỗng trông thấy cô Ác Kiến múc nước bên giếng. Sa-môn đến xin nước, cô ta đáp: "Mong sao cho ngươi phải chịu chết khát, ta quyết không cho. Dù ngươi có làm cho nước của ta vơi cạn đi nữa, ta cũng không cho". Do đó Sa-môn đành chịu khát mà lên đường đi tiếp. Còn cô gái kia thì vẫn keo kiệt, tham tiếc, gặp người đến xin nhất quyết không cho. Sau khi qua đời, cô ta đọa trong loài Ngạ quỷ. Do nghiệp duyên ấy mà phải chịu khổ như vậy.

Đức Phật bảo Mục Liên: Cô gái không cho nước lúc ấy, bây giờ là Ngạ quỷ này.

Lúc đức Phật nói về nhân duyên của cô Ác Kiến rồi thì các Tỳ-kheo liền bỏ nghiệp xan tham. Có vị thì chứng đắc bốn quả Sa-môn, có vị thì phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Sau khi nghe lời đức Phật dạy, tất cả đại chúng đều hoan hỷ làm theo.

Kinh Phó Pháp Tạng dạy: "Bấy giờ có La-hán Tăng-già-Da-xá có nhiều trí tuệ, lời nói thanh thoát. Xưa kia tuy dã xuất gia nhưng lúc chưa chứng quả Tu-đà-hoàn nhưng khi dạo đi bên bờ biển ông ta vẫn

trông thấy một cung điện được trang hoàng bằng bảy báu, có ánh sáng thù thắng. Ông ta liền vào cung điện ấy nói kệ khất thực:

*Đói lã, bệnh đệ nhất*
*Hành là khổ đệ nhất*
*Như vậy người biết pháp*
*Sẽ đắc đạo Niết bàn.*

Lúc ấy, chủ nhà ra nghênh đón, cung phụng, trải đệm cỏ mời ngồi. Da-xá thấy ở trong nhà ấy có hai Ngạ quỷ trần trụi, đen gầy, đói khát, thân thể bị còng lại và đặt ở trên giường, lại thấy có một cái bát đựng đầy nước hương, dùng bình nước đầy đặt ở bên cạnh Ngạ quỷ. Bấy giờ, chủ nhà liền đem thức ăn để dâng cúng Tỳ-kheo. Chủ nhà nói: "Đại đức! Xin Ngài cẩn thận, chớ đem thức ăn cho Ngạ quỷ kia". Lúc ấy, Tỳ-kheo trông thấy chúng đói khổ liền lấy một ít thức ăn cho chúng. Ngạ quỷ ăn rồi liền ói ra máu mủ lan tràn khắp mặt đất, làm dơ bẩn cung điện.

Lúc ấy, Tỳ-kheo thấy chuyện lạ liền hỏi: "Ngạ quỷ này do đâu mà phải chịu khổ báo này". Chủ nhà đáp: "Có lẽ Ngạ quỷ này đời trước là cháu của con, hoặc là vợ, là con của con. Xưa kia con bố thí, làm việc công đức mà vợ chồng kia thường luôn sân giận, tham tiếc. Con thường khuyên bảo mà họ không chịu nghe lời. Do đó, con lập nguyện: "Tội nghiệp như thế chắc họ phải chịu quả báo ác. Nếu lúc chịu tội, mong cho con được thấy họ". Do nhân duyên ấy nên họ phải chịu khổ não như thế.

Da-xá đi một đoạn đến chỗ khác thấy lầu gác được trang trí bằng các thứ báu kỳ diệu, có rất nhiều chúng Tăng kinh hành, ngồi thiền. Hằng ngày họ thường đi đến đó đánh chùy, tập trung thọ thực. Lúc ăn sắp xong thì bàn cỗ biến thành máu mủ, họ liền lấy bình bát đánh ném lẫn nhau, đầu mặt bị thương, máu chảy khắp thân nên Da-xá nói: "Vì sao họ tham tiếc tài vật để nay phải chịu khổ này?"

Chủ nhà đáp: "Trưởng lão! Đời trước, vào thời đức Phật Ca Diếp, bọn chúng đồng ở một chỗ. Khi khách tăng đến ai cũng sân giận, cất chứa thức ăn uống không chịu đem ra phân chia. Do nhân duyên ấy nên phải chịu khổ báo này".

Bài tụng Chánh báo:

*Tham dục giả đạo đức*
*Trau chuốc làm nghiệp lành*
*Chứa nhiều điều xảo trá*
*Tâm cầu lợi ngàn vàng*

*Chịu tội trong Địa ngục*
*Tập khí như giặc cướp*
*Cùng nhau cắt hết thịt*
*Liên tiếp đến xương trắng.*

Bài tụng Tập báo:

*Vì tham dục cho nên*
*Luân hồi trong sáu đường*
*Hết tội được làm người*
*Chủ báo còn theo thân*
*Tâm thường như chó sói*
*Ai mà thích gần họ?*
*Suốt đời không tỉnh ngộ*
*Đáng trách- người ngu si.*

***Thứ 9: Duyên sân nhuế***

Hễ bốn con rắn hung dữ khởi động, ba độc tháo chạy, sáu giặc xâm lấn khiến trăm sầu tụ hợp. Kẻ nào xưa kia huân tập sự hiềm khích, rình tìm chỗ tốt xấu, lòng thường kết oán thì chỉ làm hại nhau thêm. Người không có nhân nghĩa, dễ mất lòng từ bi, tạo duyên giết hại, pháp giết hại, dạy cách chết, khen ngợi sự chết, hoặc cất giấu thuốc độc, lén tạo thần chú tà vạy, làm tổn thương lục phủ ngũ tạng, xé nát ruột gan khiến kẻ khác phải ngậm hờn suốt đời, ôm sầu nơi chín suối, thì kết quả oán nghiệp cứ xoay vần mãi mãi trong ác đạo. Như vậy, làm sao nói hết được nỗi phiền toái khó trình bày này. Cho nên trong kinh có dạy: "Trong nhà Trưởng giả sanh nhiều cây độc, La-sát trên biển thường xin phao nỗi, cũng như có vạn bó củi khô mà chỉ cần một chút lửa là có thể thiêu cháy. Căn nhà tối trăm năm chỉ cần một ngọn đèn là có thể phá tan hết bóng tối. Nên biết tâm sân còn mạnh hơn lửa cháy rực. Do đó hành giả cần phải phòng hộ tâm mình. Trong bọn giặc cướp phá hoại công đức thì không có gì nguy hại hơn sự sân giận. Bởi vì một chút sân khởi lên có thể thiêu cháy hết thảy rừng công đức . Do đó kẻ bạo ác thì thường làm cho loài người, loài vật đều sợ hãi. Nếu ai không biết chọn lời của người lành thì liền có hại. Kẻ ưa hại người thì ai cũng nhàm chán, không yêu thích, và tránh xa kẻ ấy như trốn tránh hổ, sói. Kẻ ấy bây giờ phải chịu nghèo khổ, chết rồi đọa vào Địa ngục. Cho nên người trí thấy tội lỗi này rồi thì cần phải dùng sự nhẫn nhục để diệt trừ nó mới không còn lo sợ khổ não."

Kinh Niệm Chánh Pháp dạy: "Kẻ nào khởi sân giận là tự thiêu

cháy thân mình, trong lòng ôm sự độc hại thì nhan sắc thay đổi làm cho mọi người lìa bỏ, sợ hãi, lánh xa, khinh bỉ, không ưa. Sau khi qua đời, kẻ ấy sẽ đọa vào Địa ngục. Đối với kẻ sân giận thì không việc ác nào mà họ không làm. Cho nên người trí phải xa lìa sân giận như tránh lửa lớn. Ai biết được tội lỗi của sân giận thì có thể tự làm lợi ích cho mình. Muốn được lợi mình, lợi người cần phải thực hành nhẫn nhục. Thí như lửa lớn thiêu cháy phòng ốc, nếu có người dũng cảm dùng nước rưới lên thì dập tắt lửa. Cũng vậy, nước trí tuệ có khả năng diệt lửa sân giận. Nhẫn nhục là tâm lành bậc nhất, có khả năng trừ bỏ sân giận. Người hành hạnh nhẫn nhục thì được mọi người yêu mến, muốn nhìn và tin tưởng. Người hành nhẫn nhục thì nhan sắc thanh tịnh, tâm yên lặng không tháo động, thân tâm thanh tịnh, tránh xa lỗi lầm ở thân, miệng, lìa tâm sầu não, lìa nỗi sợ hãi ở đường ác, lìa sự oán ghét, lìa suy nghĩ ác, lìa sự sầu não, lìa sự sợ hãi oan gia, lìa người ác, miệng ác mắng chửi, lìa sự sợ hãi hối cải, sợ nạn tiếng ác, lìa sự sợ hãi không có lợi, lìa sự sợ hãi khổ đau, lìa sự sợ hãi kiêu mạn. Nếu người có thể lìa sự sợ hãi như thế thì tất cả công đức đều được đầy đủ, được xưng danh hiệu là bậc nghe thấy khắp mọi nơi, được an lạc trong hiện tại và tương lai. Ai gặp họ cũng xem như cha mẹ mình. Người hành nhẫn nhục như thế thì mọi người đều gần gũi. Bởi vì sân giận giống như rắn độc, cũng như dao, lửa nên phải dùng nhân nhục để trừ diệt nó làm cho nó không còn. Nhẫn chịu sự sân giận gọi là nhẫn nhục. Người thiện nhân nào thường tu hành thiện thì nên nghĩ thế này: "Nhẫn nhục giống như châu báu, cần phải giữ gìn nó. Thế nhưng các chúng sanh có tâm thiện, ác khác nhau. Người ngu lăng nhục người khác cho đó là sự tối thắng. Người trí lấy sự im lặng làm bậc nhất. Người ngu thì đối với sự tranh tụng nhỏ cũng trở thành oán lớn. Nếu mình hơn người thì oán càng sâu, hoặc bị oan ức thì lại tăng thêm sầu khổ. "Do đó cần giữ gìn miệng lưỡi không nói lỗi của người. Nếu người kia có mắng nhiếc ta thì đều là nghiệp xưa, chẳng phải quả báo bây giờ."

Kinh Lục Độ Tập có dạy: "Xưa kia lúc Bồ-tát làm thân con voi chúa, tâm tánh bao dung, thấy biết có Phật, pháp, tăng, quy y Tam bảo, thường dùng lòng từ rộng lớn cứu giúp chúng sanh, thệ nguyện lúc thành Phật thì sẽ cứu độ tất cả. Voi chúa thường có năm trăm voi tùy tùng bên mình. Lúc ấy, voi chúa có đến hai vợ. Một hôm, voi chúa bẻ được một cành hoa sen trong nước, màu sắc tuyệt diệu, nó liền đem đến cho vợ cả. Vợ cả được tặng hoa, vui vẻ nói: "Thời tiết bây giờ băng giá quá nhiều, làm sao kiếm được hoa này?" Vợ bé thấy vậy sanh tâm

ganh tỵ nên thề: “Ta nguyện sẽ lấy độc chim Châm để giết chết mày”. Lập tức nó bị uất khí mà chết. Lúc ấy, thần thức cảm ứng nên nó làm con gái của dòng họ Chiên-đà-la nhưng lại có nhan sắc tuyệt đẹp, trí tuệ thông suốt, hiểu rộng các việc xưa nay, xem tướng thiên văn thì biết được lúc thịnh, suy. Nhà Vua nghe như thế nên đến cưới làm vợ. Cô ta được cưới về liền lên phương án trị nước, hội họp trung thần. Vua rất vui mừng, kính trọng cô ta và cũng hết sức chìu chuộng. Một hôm, cô ta nói: “Thiếp nằm mộng thấy con voi sáu ngà nên trong lòng thiếp muốn dùng ngà ấy để làm đồ trang sức. Nếu Đại vương không kiếm được nó thì có lẽ thiếp sẽ chết mất”. Vua nói: “Chớ nói lời quái lạ, người ta mà nghe thấy thì họ sẽ chê cười”.

Bấy giờ thấy phu nhân ưu sầu, Vua liền cho mời bốn vị đại thần đến bàn chuyện, tự nói là mình nằm mộng thấy. Vua hỏi: “Xưa nay có con voi như thế chăng?”

Vị đại thần thứ nhất tâu: “Thần không nghe nói có con voi như thế”. Vị thứ hai tâu: “Đại vương không thể mộng thấy như vậy”. Vị thứ ba tâu: “Thần thường nghe nói có con voi ấy ở nơi xa”. Vị thứ tư tâu: “Nếu có thể đến chỗ Đế Thích thì sẽ rõ việc đó”.

Bốn vị thần liền triệu tập những người săn bắn ở bốn phương đến hỏi. Người phương Nam nói: “Khi cha tôi còn sống ông ta thường nói có con voi ấy nhưng ở nơi xa xôi khó đến được”. Các vị thần liền tâu lên Vua: “Người này biết con voi ấy”. Phu nhân liền nói: “Ngươi đi về hướng Nam khoảng ba ngàn dặm rồi vào núi, đi trong hai ngày thì đến chỗ voi ở. Ngươi làm hầm bên đường, cắt tóc, mặc y phục Sa-môn, rồi ở trong hầm bắn nó, chặt lấy hai ngà của nó đem về đây cho ta”.

Tượng sư vâng lệnh đi đến chỗ voi, bắn chân voi. Thấy tượng sư mặc pháp phục, ôm bình bát, ngồi ở trong hầm, voi chúa tưởng là Sa-môn liền cúi đầu thưa: “Đãnh lễ Đạo sĩ. Ngài muốn làm việc gì mà giết chết tôi”.

Đáp: “Ta muốn có được ngà của ngươi”. Voi nói: “Tôi đau đớn quá nên khó nhẫn chịu được. Vậy Ngài hãy mau lấy ngà của tôi đi. Nếu không thì tâm tôi não loạn sẽ sanh niệm ác. Khi niệm ác sanh khởi thì sẽ rơi vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Nếu tâm luôn nhẫn nhục hành từ nhưng mà ác đến thì thiện đi”. Đó là hạnh nguyện cao cả của Bồ-tát.

Ngươi kia liền cắt lấy ngà voi. Voi nói: “Đạo sĩ, ông hãy đi đi. Nếu không thì bầy voi tìm đến sẽ đạp chết mất”. Voi đợi người kia đi thật xa đến lúc đau đớn khó chịu nỗi, nó ngã lăn xuống đất an nhiên mà

chết, và liền được sanh lên cõi Trời.

Đàn voi ở khắp nơi chạy lại đều nói: "Ai đã giết voi chúa của ta". Chúng chạy tìm khắp nơi không có liền trở về bên voi chúa mà khóc than đau đớn. Thợ săn lấy ngà voi đem về dâng Vua. Vua trông thấy ngà voi thì trong lòng rất đau xót. Phu nhân cầm ngà voi trong tay sắp muốn nhìn xem thì liền bị sét đánh, thổ huyết mà chết, rồi đọa vào Địa ngục.

Đức Phật dạy các Sa-môn: Bấy giờ voi chúa là thân ta. Vợ lớn là Cầu-di. Thợ săn là Điều-đạt. Phu nhân là Hảo-thủ. Bồ-tát giữ chí Bát nhã hành trì giới như vậy.

Trong luận Trí độ, Thích-đề hỏi Phật:

*Vật gì giết an ổn*
*Vật gì giết không sợ*
*Vật gì là gốc độc*
*Tiêu diệt tất cả thiện.*
*Đức Phật nói kệ đáp:*
*Giết sân thì an ổn*
*Giết sân thì không sợ*
*Sân là gốc độc hại*
*Sân diệt tất cả thiện.*
*Bài kệ trong kinh Tạp-bảo-tạng:*
*Chiến thắng tăng thêm oán*
*Thất bại lại thêm sầu*
*Người không tranh thắng, bại*
*An lạc tối thắng nhất.*

Người nào thực hành nhẫn nhục thì có được năm đức: Một là không sân giận. Hai là không mắng chửi. Ba là được mọi người yêu mến. Bốn là có danh tiếng tốt. Năm là được sanh vào cõi thiện. Nếu thành tựu năm đức này thì có được sự an lành.

Bài kệ trong kinh Trường A-hàm:

*Ngu mắng, trí im lặng*
*Thì thắng được kẻ ngu*
*Ngu kia không hiểu biết*
*Nghĩ rằng được khủng bố*
*Ta quán đệ nhất nghĩa*
*Nhẫn nhục là hơn hết*
*Người ác ở cõi ác*
*Gặp sân lại sanh sân*

*Ở nơi sân không sân*
*Là chiến thắng tối thượng*
*Hễ người có hai duyên*
*Vì mình cũng vì người*
*Gặp người không tranh cải*
*Không gọi là ngu si*
*Nếu người có năng lực*
*Hay nhẫn người ngu si*
*Nhẫn ấy là đệ nhất*
*Hơn hết trong các nhẫn*
*Ngu tự cho có lực*
*Lực ấy chẳng phải lực*
*Lực nhẫn đúng như pháp*
*Lực ấy không thể ngăn.*

Bài kệ trong kinh Tu hành đạo địa:

*Miệng nói lời dịu dàng*
*Mà tâm chứa độc hại*
*Thấy người rất hoan hỷ*
*Thân thích như tùy tùng*
*Miệng nói lời hòa nhã*
*Trong tâm chứa chấp độc*
*Như cây hoa sáng đẹp*
*Mà quả đắng hoặc độc*

Kinh Xích Chủy Điểu Dụ dạy: "Xưa kia có con chim tên là Câu kỳ dạo ở rừng cây Sản nhụ còn các con nó thì ở trên cây. Bấy giờ Câu kỳ thân với một con Khỉ. Ở giữa rừng cây ấy có một con Rắn, đợi Câu kỳ đi vắng nó liền ăn hết các con Chim con. Câu kỳ mất con thì khóc than bi ai, không biết con mình giờ ở đâu? Nó suy nghĩ hồi lâu mới biết là Rắn đã ăn con mình. Lúc ấy Khỉ đến chơi thấy vậy liền hỏi xem chuyện gì xãy ra. Chim đáp: "Rắn đã ăn hết con của tôi". Khỉ nói: "Tôi sẽ trả thù cho bạn".

Khi Rắn độc bò đi, khỉ liền quấy nhiễu. Rắn sân giận quấn lấy Khỉ. Khỉ chụp lấy đầu rắn kéo lên trên đá, nghiền nát đến chết và ném bỏ xác rồi trở về. Câu kỳ thấy mối thù đã trả xong nên rất vui mừng. Loài súc sanh mà còn muốn trả thù nhau nữa, huống chi là con người.

Kinh Tạp Thí Dụ dạy: "Xưa kia có một con rắn, đầu và đuôi của nó tranh cải nhau. Đầu nói với đuôi: "Ta phải làm lớn". Đuôi nói với đầu: "Ta phải làm lớn". Đầu nói: "Ta có tai có thể nghe, có mắt có

thể thấy, có miệng có thể ăn, lúc đi ta đi ở trước nên ta làm lớn. Ngươi không có những khả năng này thì làm sao làm lớn”. Đuôi nói: “Ta làm cho ngươi đi nên mới đi được vậy. Nếu ta không đi, ta dùng thân quấn quanh cây ba vòng thì nội trong ba ngày thôi, ngươi không ăn, không uống sẽ đói khát mà chết”. Thấy vậy, đầu nói: “Ngươi có thể thả ta ra, ta cho ngươi làm lớn”. Đuôi nghe nói vậy liền thả ra. Đầu nói: “Ngươi đã làm lớn thì cho ngươi đi trước”. Đuôi đi trước chưa được mấy bước liền rơi vào hầm sâu mà chết”. Đây là dụ chúng sanh chấp vào nhân ngã nên cuối cùng phải đọa vào ba đường ác.

Luật Tăng-kỳ dạy: Vào thời quá khứ, có một đàn gà ở trong một rừng cây ăn quả. Lúc ấy, có một con cáo đến ăn hết đàn gà chỉ còn sót lại một con gà mái. Bấy giờ, có con quạ đi lại với con gà mái nên gà mái sanh con. Lúc con học kêu, quạ nói kệ:

*Con này không phải ta*
*Cha đồng trống, mẹ xóm làng*
*Hòa hợp sanh con nhỏ*
*Không quạ, chẳng phải gà*
*Nếu muốn học tiếng ông*
*Lại là gà đã sanh*
*Nếu muốn học tiếng mẹ*
*Cha nó lại là quạ*
*Học quạ tợ tiếng gà*
*Học gà tợ tiếng quạ*
*Học cả gà lẫn quạ*
*Hai tiếng đều không thành.*

Đây là dụ Đạo nhân trì cấm giới không thuần, trong giống như thiện nhưng miệng nói lời ác, muốn nói lời thiện thì miệng lại xuất ác, muốn nói không thiện mà hình tướng là xuất gia.

Kinh Chặt cây độc có dạy: “Xưa kia ở nước Xá-vệ, có khu vườn của một vị quan nọ sanh ra một cây độc. Người nào đến dạo chơi dưới cây này đều bị đau đầu như muốn vỡ ra, hoặc là bị đau ở thắt lưng. Cây này bị chặt rồi nó cũng sanh lại. Vì cây tốt đẹp nên mọi người đều thích ngắm nhìn. Người nào không biết được sự độc hại của nó mà đến đó liền bị chết. Có người trí bảo nên đốn tận gốc nó. Vừa muốn đào gốc, họ lại sợ chết nên phải suy đi nghĩ lại. Người xuất gia học đạo cũng như vậy. Đức Phật nói kệ:

*Chặt cây không tận gốc*
*Chặt rồi nó lại sanh*

*Chặt ái không tận gốc*
*Thường luôn sanh sầu khổ*
*Giác ngộ được tự tánh*
*Liền chứng đắc sơ quả.*

Bài kệ trong kinh Trâu nghé:

*Ác từ tâm sanh*
*Lại tự làm giặc*
*Như sắt sanh sét*
*Sét lại hủy sắt*
*Cây nhiều hoa quả*
*Bị chiết lấy cành*
*Hổ mang ngậm độc*
*Lại hại thân thể.*

Bài kệ trong luật Thiện kiến:

*Nếu người khởi tâm sân*
*Như xe vội vã chạy*
*Lái xe chế phục nó*
*Không cho đó là khó*
*Người chế phục tâm sân*
*Việc này là khó nhất.*

Bài kệ trong kinh Tu-hành-đạo-địa:

*Có kẻ do tâm sân*
*Liền oán hại kẻ khác*
*Đời sau làm Hổ mang*
*Hoặc làm loài thú dữ*
*Thí như bửa cây trúc*
*Ba tiêu, lừa mang thai*
*Nó liền hại trở lại*
*Nên phải phát tâm từ.*

Kinh Bách Duyên có dạy: "Một thời Đức Phật ở vườn Trúc Ca-lan-đà nơi thành Xá-vệ. Trong thành ấy có trưởng giả Hiền Diện, có vô lượng của báu không thể nào tính kể. Thế mà trưởng giả thường nịnh hót, quanh co, keo kiệt, tham lam, ganh tỵ, không hề có tâm bố thí, ngay cả loài chim bay ngang qua cũng bị đuổi đi không cho nó đến gần nhà, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào đến xin thì ông ta dùng lời ác mắng họ. Do đó sau khi qua đời, ông ta làm thân rắn để trở lại giữ tài vật xưa. Nếu có người đến gần của cải đó thì nó lại trừng mắt sân giận hung dữ nhìn họ, làm cho họ sợ hãi chết đứng. Vua Tần-bà-sa-la nghe vậy thì rất hãi

hùng. Vua suy nghĩ: "Nay con rắn độc này thấy người thì làm hại. Chỉ có đức Phật mới điều phục được nó". Nghĩ vậy rồi, Vua liền dẫn quần thần đi đến chỗ Phật, đãnh lễ dưới chân Phật xong, ngồi qua một bên rồi thưa hết sự việc trước và nói cúi xin Thế Tôn điều phục con rắn này, chớ để cho nó làm hại người". Đức Phật im lặng nhận lời.

Ngày hôm sau, đức Phật đắp y, ôm bình bát đi đến chỗ rắn ở. Rắn thấy đức Phật đến thì sân giận muốn cắn chết Như Lai. Đức Phật dùng năng lực từ bi ở năm đầu ngón tay của Ngài phóng ánh sáng năm màu chiếu đến thân rắn làm cho nó được mát mẻ nên lửa độc tiêu trừ. Do đó, nó hoan hỷ ngẫng đầu lên mọi người xung quanh rồi tự nhủ: "Đây là phước đức ai phóng ánh sáng chiếu đến thân thể ta được mát mẻ, sung sướng không gì bằng".

Bấy giờ đức Thế Tôn thấy rắn đã được điều phục nên Ngài nói về nhân duyên xưa kia. Nghe Phật nói xong, rắn hết sức hối hận, tự trách mình. Nhờ vậy, mây chướng tan đi nên rắn nhớ được kiếp trước: Lúc làm Trưởng giả đã tạo nghiệp ác. Bởi vậy, ở trước đức Phật, nó hết lòng tin kính Ngài.

Đức Phật bảo: "Đời trước ngươi không nghe lời ta khuyên nên nay phải chịu làm thân rắn. Bây giờ, ngươi đã chịu khuất phục thì nên nghe lời dạy bảo của Ta". Rắn đáp: "Con xin tùy thuận theo lời dạy bảo của Ngài". Đức Phật dạy: "Nếu ngươi vâng lời thì nên vào trong bình bát của Ta". Đức Phật nói dứt lời thì nó chui vào trong bình bát. Ngài đem nó vào trong rừng. Nhà Vua cùng quần thần nghe Thế Tôn điều phục rắn độc vào trong bình bát đem đi nên liền cùng dân chúng trong nước đến xem. Rắn trông thấy mọi người thì hết sức hổ thẹn, chán ghét thân hình này liền chết đi nên được sanh lên cõi Trời Đao-lợi. Nó tự nghĩ: "Ta đã tạo phước gì mà được sanh lên cõi Trời". Nó liền quán sát biết được: "Lúc còn ở thế gian ta phải chịu làm thân rắn. May thay được gặp Phật, sanh tâm tín kính, nhàm chán thân rắn ác độc nên được sanh lên đây, hưởng thọ sự khoái lạc của cõi Trời. Nay ta nên trở lại để báo đáp ân Phật". Rắn liền đem hương hoa, ánh sáng chiếu diệu đến trước chỗ Phật. Nó đãnh lễ Ngài, cúng dường xong ngồi qua một bên nghe Phật thuyết pháp, tâm ý sáng tỏ liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Ở trước đức Phật, nó nói kệ khen Ngài:

*Đại thánh tôn quý nhất*
*Công đức đều đầy đủ*
*Hay khai mở kẻ ngu*
*Sẽ được đắc đạo quả*

*Trừ bỏ phiền não dơ*
*Vượt qua biển sanh tử*
*Nay nhờ ân của Phật*
*Được thoát ba đường ác.*

Bấy giờ, Thiên tử khen ngợi đức Phật xong, đi nhiễu quanh Ngài ba vòng rồi trở về cung Trời. Lúc Vua Tần-bà-sa-la nghe đức Phật nói về nhân duyên keo kiệt, tham lam thì trong hội chúng ấy có người đắc bốn quả Sa-môn, có người thì phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Tất cả đại chúng đều hoan hỷ phụng hành.

Kinh Bách Duyên dạy: "Lúc ở nước Kiều-tát-la, đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo muốn đến chỗ cây Lặc-na, vào trong một cái đầm có năm trăm con trâu rất hung dữ. Lại có năm trăm người chăn trâu trông thấy đức Phật dẫn các Tỳ-kheo từ xa đến trong đường này, chúng liền lớn tiếng kêu gọi: "Xin Thế Tôn chớ đi đến con đường này, vì trong bầy trâu ấy có con trâu hung ác, nó thường húc người bị thương nên Ngài khó có thể đi qua được". Phật bảo người chăn trâu: "Các ngươi chớ sợ hai. Nếu con trâu ấy đến húc Ta thì Ta tự biết tránh đi".

Tức thời, con trâu ác liền chạy đến, nó vễnh đuôi, dựng sừng, nhãy cẵng, rống lên rồi nhào đến phía trước. Bấy giờ, ở năm ngón tay của Như Lai hóa làm năm con Sư tử đứng hai bên Ngài, có hầm lửa lớn ở bốn phía xung quanh Ngài. Lúc ấy con trâu ác kia vô cùng kinh hãi, nó nhìn quanh bốn phía để tẩu thoát nhưng không có lối ra, chỉ có một khoảnh đất nhỏ ở phía trước chân Phật là mát mẻ an ổn. Nó liền chạy đến và cảm thấy bình an không còn sợ hãi. Nó vội quỳ xuống, gục đầu, liếm chân Thế Tôn rồi lại ngẫng đầu lên nhìn Ngài. Nó cảm nhận được sự hoan hỷ tràn đầy thân mình.

Lúc ấy đức Phật biết tâm niệm của trâu đã thuần thục nên Ngài vì nó mà nói kệ:

*Tâm dữ sanh ý ác*
*Muốn đến làm hại Ta*
*Dốc lòng mong chiến thắng*
*Trở lại liếm chân Ta*

Nghe đức Thế Tôn nói kệ rồi con trâu vô cùng xấu hổ. Tự nhiên, tâm ý nó được sáng tỏ, mây chướng tiêu tan nên nó biết được đời trước, lúc ở trong loài người nó đã tạo nghiệp ác. Do đó nó càng thêm xấu hổ, liền bỏ ăn, bỏ uống mà qua đời. Sau khi chết, vừa được sanh lên cõi Trời Đao-lợi tự nhiên nó to lớn như em bé tám tuổi. Nó suy nghĩ: "Ta đã tu phước gì mà được sanh lên cõi Trời này?" Quán sát rồi, nó biết được

lúc mình còn ở đời đã làm thân trâu, may nhờ có Phật hóa độ mới được sanh lên cõi Trời. Vậy nay ta hãy trở lại thế gian để báo đáp ân Phật". Nghĩ rồi, nó liền đem hương hoa đến chỗ Phật, ánh sáng rực chiếu nơi Ngài. Thiên tử đãnh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên. Đức Phật liền vì nó mà thuyết pháp Tứ-đế. Sau khi nghe pháp thì tâm ý được sáng tỏ liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Sau đó, Thiên tử nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở về cung Trời.

Sáng sớm hôm sau, năm trăm người chăn trâu đi đến chỗ Phật, đức Phật nói pháp vi diệu làm sáng tỏ tâm ý họ nên tất cả đều chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, rồi cầu xin Phật cho phép xuất gia làm Sa-môn.

Đức Phật nói: "Lành thay! Tỳ-kheo!" Thì râu tóc tự rụng, pháp phục đắp trên thân, họ liền trở thành Sa-môn, siêng năng tu hành. Tức đắc quả A-la-hán. Các Tỳ-kheo thấy việc này rồi, bạch Phật:

Bầy trâu và năm trăm người chăn trâu này xưa kia đã tạo nghiệp gì mà sanh trong loài trâu? Chúng lại tu phước gì mà được gặp Thế Tôn?

Đức Phật bảo: Các ông muốn biết nhân duyên nghiệp ác xưa kia chúng đã tạo. Nay ta sẽ nói cho các ông nghe. Đức Phật liền nói kệ:

*Xưa tạo nghiệp thiện ác*
*Năm kiếp rồi không mất*
*Nhờ nhân duyên nghiệp thiện*
*Nay được quả như vậy.*

Trong hiền kiếp, ở nước Ba-la-nại có đức Phật xuất hiện ở đời, hiệu là Ca Diếp. Ở trong giáo pháp ấy có Tỳ-kheo Tam tạng dẫn năm trăm người đệ tử du hành đến nước khác. Ở trong đại chúng có người hỏi đến pháp, nhưng vì không thông hiểu để giải đáp nên Tam Tạng sanh tâm sân giận rồi dùng lời ác mắng họ: "Các ông bây giờ không có sự hiểu biết lại đi hỏi ta thì cũng giống như những con trâu đến húc người vậy". Lúc ấy các đệ tử thấy vậy liền bỏ đi. Vì nhân duyên nghiệp ác của miệng nên trong năm trăm đời thường sanh ra trong loài trâu và người chăn trâu thường tùy tùng theo. Cho đến ngày hôm nay vẫn chưa thoát khỏi thân trâu.

Đức Phật dạy: "Này các Tỳ-kheo! Nên biết Tỳ-kheo Tam tạng kia nay chính là con trâu ác ở trong bầy trâu. Các đệ tử lúc ấy, nay là năm trăm người chăn trâu."

Lúc đức Phật nói về nhân duyên con trâu ác đó thì ai nấy đều tự phòng hộ nghiệp thân, miệng, ý, nhàm chán sanh tử, chứng đắc bốn quả Sa-môn, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề .

Khi nghe lời đức Phật dạy xong, tất cả đại chúng đều hoan hỷ phụng hành. Bài tụng Chánh báo:

*Người ngu nhiều sân giận*
*Bị địa ngục thiêu đốt*
*Sói vây quanh giành giựt*
*Rắn độc tranh đến trước*
*Sân giận cắn xé ăn*
*Bới tung cả thân thể*
*Mình tạo thì mình chịu*
*Lửa sân tranh nhau đốt.*

Bài tụng Tập báo:

*Tâm sân nhiều độc hại*
*Trầm luân đường ác khổ*
*Sau khi được làm người*
*Dư báo theo não hại*
*Người thích tìm lỗi lầm*
*Hiềm khích như cỏ độc*
*Điều ấy không có lợi*
*Ngu sân có gì quý?*

***Thứ 10: Duyên tà kiến***

Trước tiên hội nhập vào Phật pháp cần phải có tín tâm làm đầu. Thí như có người đến núi báu, nếu không tin có châu báu thì tay không mà trở về. Thế nên trong kinh dạy: "Người ngu không biết nhân quả, mê vọng sanh khởi Tà kiến, hủy báng không có Tam bảo, Tứ đế, không họa, không phước, cho đến không có thiện ác, cũng không có nghiệp báo thiện ác, cũng không có đời nay, đời sau chúng sanh thọ sanh thì chính là kẻ phá hoại pháp thiện ác đoạn mất căn lành, chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ.

Trong kinh Đại-phẩm có dạy: Người nào không tin, hủy báng kinh Bát-nhã Đại thừa thì sẽ đọa vào Địa ngục A-tỳ trong vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, chịu nhiều khổ đau, luân chuyển từ Địa ngục này đến Địa ngục khác. Sau khi hết kiếp ở Địa ngục này lại sanh trong Đại Địa ngục ở phương khác, hết kiếp Địa ngục ở phương ấy lại sanh trong Đại Địa ngục ở phương này; hết tội ở Địa ngục lại sanh trong loài Súc sanh và cũng phải trãi qua mười phương cõi nước; hết tội Súc sanh lại sanh trong loài người ở chỗ không có phật pháp, bần cùng, hạ tiện, các căn không đủ, thường bị si cuồng, không biết phân biệt, tuy có hiểu biết

nhưng vọng sanh tà chấp nên cũng gọi là Tà kiến. Bởi vậy, trong luận Thành-thật có dạy: "Kẻ ngu si có sự sai khác. Vì sao? Không phải tất cả kẻ ngu đều là bất thiện. Nếu ngu tăng thượng trở thành Tà kiến tức thành nghiệp đạo bất thiện. Cho nên từ sự ngu si tăng trưởng Tà kiến tức thành tội nặng, chắc chắn sẽ đọa vào Địa ngục A-tỳ. Tùy theo mỗi loại Tà kiến mà có tội nặng, nhẹ. Tội nhẹ thì có thể chuyển hóa, tội nặng thì không thể thay đổi. Không "Nhân" thấy có "Nhân", không "Quả" thấy có "Quả", đó là tội có thể chuyển đổi. Nên biết nghiệp ác gọi là Tà kiến. Nghiệp thiện là Chánh kiến. Không hủy báng Tứ đế, mê hoặc Thánh đạo, không biết đạo lý từ tâm sanh ra chỉ làm khổ thân để cầu giải thoát như con chó đuổi theo hòn đá mà không biết nguồn gốc của nó". Do đó, luận Đại Trang Nghiêm dạy: "Như khi người bắn Sư tử thì nó tìm đuổi theo người. Như con chó ngu thấy có vật đánh ném thì nó liền chạy theo hòn đá mà không biết nguôn gốc. Nói Sư tử là dụ cho người trí thông hiểu tìm rõ nguồn gốc để diệt phiền não. Nói con chó ngu tức là dụ cho ngoại đạo bị năm ngọn lửa đốt thân, không biết được là do tâm làm nguồn gốc. Thế nhưng các phàm phu ngu si đa số đều mê hoặc Chánh đạo, không biết quán sát thân tâm vốn là không có Ngã, chỉ tu khổ hạnh, lấy đó làm đạo cũng như ngoại đạo mê vọng, thực hành theo tà pháp, chấp chặt vào sự sai lầm trái với chân lý nên thành pháp ác". Cho nên luận Trí Độ dạy: "Tà kiến là tội nặng nên dù có trì giới...nơi thân, miệng có tốt đi nữa cũng đều theo Tà kiến, vì tâm ác bất thiện". Như thí dụ Phật tự nói: "Gieo trồng giống khổ dù cho bốn đại đã thành đều tạo ra khổ. Cũng vậy, người Tà kiến dù có trì giới tinh tấn đều thành pháp ác. Những kẻ không chấp dù ít hành bố thí nhưng không chấp vẫn dễ dạy. Kẻ chấp chặt thì khó hóa độ, dù không tự hại mình thì cũng làm tổn thương người khác". Cho nên, Luận Thành Thật dạy: "Thà không làm, chớ đừng làm theo Tà đạo mà đến khi thân hoại mạng mất sẽ phải đọa vào đường ác".

Kinh Niệm Chánh Pháp dạy: Vua Diêm-la nói kệ trách người mới phạm tội:

*Ngươi Tà kiến ngu si*
*Bị lưới si trói buộc*
*Nay đọa Địa ngục này*
*Ở nơi biển khổ lớn*
*Ác kiến thiêu hết phước*
*Hèn hạ nhất loài người*
*Ngươi sợ Địa ngục trói*

*Đó là phòng nhà ngươi*
*Hoặc quyến thuộc Tà kiến*
*Người ấy không trí tuệ*
*Đi khắp các Địa ngục*
*Bị oan gia phiền nhiễu*
*Tâm là oán đệ nhất*
*Oán này là ác nhất*
*Oán này trói buộc người*
*Dẫn đến chỗ Diêm vương.*

Bấy giờ đức Thế Tôn nói kệ:

*Ngu như cá lấm bùn*
*Trụ yêu thích phòng nhà*
*Tạo nghiệp thì vui cười*
*Thọ khổ thì khóc than.*

Bài kệ trong kinh Tu Hành Đạo Địa:

*Miệng kia có ngu si*
*Tâm ngươi đầy mê ám*
*Không thể nghĩ đến ác*
*Cũng không thể nghĩ thiện.*
*Nằm ngủ thì mê mờ*
*Mọi việc không thể làm*
*Như nấu nướng trong bão*
*Thức ăn không thể chín*
*Huân tập nhiều ngu si*
*Các căn không đầy đủ*
*Sanh trong loài trâu, dê*
*Sau đó đọa Địa ngục.*

Trong kinh Nguyệt Quang đồng tử cũng gọi là kinh Thân Nhật có dạy:

Lúc ấy có Trưởng giả tên là Thân Nhật nhận lời của Lục sư Ngoại đạo muốn thỉnh Phật và chúng Tăng đến nhà mình để hại chết. Ngoại đạo bảo: "Trong, ngoài nhà Trưởng giả đào hầm sâu năm, sáu thước, trong đó đổ hơn nữa hầm than lửa và dùng tấm tôn mỏng che lên. Trên đó lại phủ một lớp đất mỏng. Trong thức ăn dọn ra đều có độc. Nếu hầm lửa không giết chết họ thì thức ăn độc cũng đủ hại, dùng mưu đồ này thì lo gì mà họ không chết". Trưởng giả làm theo lời dặn, Ngoại đạo rất hoan hỷ.

Lúc ấy Thân Nhật đi đến chỗ Phật, ân cần thỉnh Ngài và Thánh

chúng. Bấy giờ, đức Thế Tôn thương xót kẻ cuồng si muốn tế độ họ nên Ngài im lặng nhận lời. Trong lòng Thần Nhật vui mừng "quả đúng như mưu kế".

Ngay cả lửa độc của núi Tu-di, thiêu đốt ngàn cõi nước hay mũi nhọn của đao kiếm cũng không thể đủ sức làm tổn hại một sợi lông tơ của Phật. Nay chúng muốn dùng hầm lửa, thuốc độc mà muốn làm hại Phật thì cũng giống như ruồi, muỗi mà muốn làm sụp đổ núi Thái sơn. Như cánh của ruồi, của mối đất mà muốn che mặt Trời, mặt Trăng thì chỉ thêm hại đén mình, chi bằng chúng phải sớm hối cải.

Bấy giờ, Trưởng giả bị tội lỗi ngăn che, tâm không sáng tỏ. Đức Thế Tôn nghĩ: "Nay Ta nhận lời mời của Trưởng giả không giống như thường lệ. Ngài liền hiện thần thông làm chấn động khắp mười phương thì năm ngàn Thánh chúng cùng các Long thần bay trên không, đi dưới đất nhiều vô số không thể tính kể, cùng một lúc đến nhà Trưởng giả để làm việc lợi ích. Phật dùng thần đức biến hầm lửa thành ao bảy báu đầy đủ tám vị, thức ăn độc biến thành thức ăn ngon của cõi Trời. Lục sư Ngoại đạo kinh hãi cùng nhau tẩu thoát. Còn Trưởng giả thì thuần phục, đãnh lễ dưới chân Phật rồi thuật lại sự việc. Lúc ấy Trưởng giả biết giác ngộ theo Phật và được Ngài cứu độ. Tất cả mọi người đến trong hội đều được an lạc trong pháp âm, được phước, được độ nhiều không thể tính kể.

Trong kinh Quán Phật Tam Muội có dạy: "Bấy giờ, Thế Tôn thưa phụ vương: "Trong thành Xá-vệ, ở nhà Trưởng giả Tu-đạt có một nô tỳ già tên là Ni-đê-la. Bà ta rất siêng năng trong công việc nhà. Thấy vậy, Trưởng giả giao chìa khóa, ủy thác tất cả công việc chi, tiêu trong nhà cho bà. Tu-đạt thỉnh Phật và chúng Tăng để cung cấp những thứ cần dùng. Lúc ấy có Tỳ-kheo bệnh nên cầu xin nhiều vật dụng. Bà già keo kiệt, tham tiếc liền nỗi sân, cơ hiềm phật pháp cùng chúng Tăng. Do đó bà ta nói: "Trưởng giả của ta ngu si nên bị mê hoặc mà chấp nhận pháp thuật của Sa-môn. Những kẻ khất sĩ ấy cầu xin không biết chán. Có đạo nào mà như thế". Nói xong, bà ta phát nguyện ác: "Đến lúc nào thì ta mới được khỏi nghe danh Phật, khỏi nghe tên Tăng".

Lời nói ấy truyền đi khắp thành Xá-vệ. Nghe lời nói này, phu nhân Mạt-lợi than: "Trưởng giả Tu-đạt như hoa sen thơm được mọi người ưa mến. Thế mà tại sao ông ta lại có rắn độc bảo hộ". Phu nhân liền cho gọi vợ Tu-đạt đến nói: "Người nô tỳ già ở trong nhà ngươi đã nói lời ác hủy báng phật pháp. Tại sao ngươi không đuổi bà ta đi."

Vợ Trưởng giả quỳ xin: "Thưa Phu nhân, Ương-quật-ma là người

hung ác mà đức Phật còn có thể điều phục được, huống chi nô tỳ già này".

Mạt-lợi nghe vậy thì hoan hỷ nói: "Ngày mai ta thỉnh Phật, nhà ngươi sai nô tỳ đến trong lúc thọ trai".

Hôm sau, Trưởng giả sai nô tỳ đem đầy bình vàng đến trợ giúp Vua cúng dường. Mạt-lợi thấy bà ta đến liền nói: "Người Tà kiến kia, nếu mà được Phật hóa độ thì có lẽ ta sẽ được lợi ích".

Lúc ấy, đức Phật đi vào cửa chánh. Nan-đà hầu bên phải, A-nan hầu bên trái, La-hầu-la đi sau Phật. Bà lão trông thấy đức Phật thì trong lòng rất kinh hãi đến nỗi sởn gai ốc. Đức Phật nói: "Người ác kia, đi theo sau Ta". Tức thì bà ta chạy trốn theo cái lỗ nhỏ của chó đi ra. Cửa liền đóng lại, các cửa đều đóng bít, chỉ có một cửa chính mở ra. Người nô tỳ già lại lấy quạt để che mặt. Đức Phật ở phía trước làm cho cái quạt của bà trong như tấm kính, không còn ngăn cản. Bà ta quay mặt về hướng Đông thì thấy hướng Đông có Phật. Hướng Nam, Tây, Bắc cũng vậy. Bà ta ngẩng đầu nhìn lên, phương trên cũng có Phật. Bà cúi đầu xuống đất, đất hóa thành Phật. Bà lấy tay che mặt thì đầu mười ngón tay đều hóa thành Phật. Bà lão nhắm mắt nhìn tâm liền được khai ngộ, thấy hư không hóa Phật đầy khắp mười phương.

Lúc ấy trong thành có hai mươi lăm Chân-đà-la nữ, lại có năm mươi Bà-la-môn nữ và các dòng tộc khác đến cùng phu nhân Mạt-lợi. Trong cung gồm năm trăm người nữ, những người không tin Phật khi trông thấy đức Phật Như Lai bước đi trên không, vì bà lão mà hiện vô số thân thì họ đều phá bỏ Tà kiến, đê đầu đãnh lễ Phật và nói: "Nam mô Phật". Xướng lên rồi thì họ liền trông thấy Hóa Phật nhiều như rừng nên họ đều phát tâm Bồ-đề. Bà lão Tà kiến vẫn chưa sanh lòng tin nhưng nhờ được gặp Phật nên trừ diệt tội sanh tử trong tám mươi vạn ức kiếp. Được gặp Phật rồi, bà ta vội chạy về nhà thưa với Trưởng giả: "Ngày nay, thình lình ta phải đối diện việc đại ác, trông thấy Cù Đàm ở cung Vua tạo các sự huyễn hóa, thân như núi vàng, mắt như hoa sen xanh, phóng ra ánh sáng thù thắng". Nói xong, bà ta vào trong lồng tre, dùng trăm tấm vải mỏng che trên lồng tre, dùng bạch điệp quấn đầu, nằm ở chỗ tối tăm.

Đức Phật trở về tinh xá, Mạt-lợi bạch Phật: "Xin Ngài hóa độ người đàn bà tà kiến này, chớ trở về tinh xá". Đức Phật dạy: "Người này tội chướng nặng nề, không có duyên với Như Lai. Bà ta có duyên lớn với La-hầu-la. Đức Phật ra về rồi sai La-hầu-la đến nhà Tu-đạt độ bà lão kia. La-hầu-la hóa làm Chuyển luân Thánh vương, một ngàn hai

trăm năm mươi Tỳ-kheo hóa làm Thiên tử cùng đến nhà Tu-đạt, biến bà lão thành ngọc báu nữ.

Lúc ấy Thánh vương dùng châu như ý chiếu sáng mặt người nữ làm cho bà ta trông thấy như ngọc báu nữ. Do đó bà ta càng hoan hỷ gấp bội mà nói: "Các Sa-môn lớn tiếng đàm luận nói có đạo nhưng không thành tựu bậc nhất. Chỉ có Thánh vương xuất hiện ở đời làm cho ta được nhiều lợi ích, làm cho ta đang già nua lại được như ngọc báu nữ". Nghĩ vậy rồi, bà đãnh lễ Thánh vương. Lúc ấy thần Điển Tạng tuyên nói về Thập thiện. Nghe xong bà ta vô cùng hoan hỷ, vội làm lễ, hối hận tự trách, tâm được điều phục. Bấy giờ La-hầu-la và các Tỳ-kheo hiện lại nguyên hình. Bà lão thấy rồi liền nghĩ: "Phật pháp thanh tịnh không bỏ chúng sanh. Giống như ta là người hung ác mà còn được hóa độ". Bà liền thọ trì năm giới, chứng đắc Tu-đà-hoàn. La-hầu-la dẫn bà đến chỗ Phật làm lễ sám hối tội lỗi đã tạo và bà cầu xin xuất gia.

Sau khi chứng quả A-la-hán, bà lão hiện mười tám pháp biến ở giữa hư không. Thấy vậy, Vua Ba-tư-nặc và phu nhân Mạt-lợi đều bạch Phật: "Bà lão ấy trước đây có tội lỗi gì mà sanh làm nô tỳ, lại có phước gì mà được gặp Phật đắc đạo?"

Đức Phật bảo Vua: "Quá khứ lâu xa, có đức Phật xuất hiện ở đời hiệu là Nhất Bảo Cái Đăng Vương. Sau khi đức Phật ấy nhập Niết bàn, trong thời tượng pháp, có Vua Tạp Bảo Hoa Quang có một người con tên là Khoái Kiến. Khoái Kiến xuất gia học đạo mà tự ỷ mình là con Vua nên thường kiêu mạn. Hòa thượng nói nghĩa "không" sâu xa của kinh Bát nhã Ba-la-mật cho Khoái Kiến nghe. Vương tử nghe rồi lại lầm hiểu tà thuyết. Sau khi vị thầy diệt độ, Khoái Kiến nghĩ: "Đại Hòa thượng của ta hoàn toàn không có trí tuệ, chỉ biết tán thán về nghĩa "Không". Ta nguyện đời sau không gặp nhau vậy. A-xà-lê của ta có trí tuệ biện tài, nguyện đời đời thường làm thiện tri thức của ta". Nghĩ vậy rồi liền dạy đồ chúng cùng hành Tà kiến. Tuy trì cấm giới nhưng do hủy báng Bát nhã, lầm hiểu theo tà thuyết nên sau khi qua đời thì rơi vào Địa ngục A-tỳ chịu khổ vô cùng trong tám mươi ức kiếp. Lúc ra khỏi Địa ngục thì làm người nghèo hèn, trải qua năm trăm kiếp thân bị mù, si, không mắt, một ngàn hai trăm kiếp thân thường làm nô tỳ.

Đức Phật bảo Đại vương: "Hòa thượng lúc ấy, nay là thân Ta. A-xà-lê nay là La-hầu-la. Tỳ-kheo con Vua nay là bà lão. Đồ chúng đệ tử nay là những người nữ Tà kiến phát tâm Bồ-đề.

Kinh Tát-giá-Ni-kiền-tử có dạy: Xưa kia lúc Phật còn ở đời, nơi thành Uất-xà-diên có Vua Nghiêm Xí nghe Tát-giá-Ni-kiền-tử nói:

"Nếu có người ác không tin Tam bảo, thiêu đốt chùa tháp, kinh điển, hình tượng, dùng lời ác chê bai nói người tạo tác không có phước đức gì, người cúng dường thì hiện tại bị hao tổn, tương lai không ích lợi gì, hoặc nghi ngờ về chùa tháp và các hình tượng rồi hủy hoại nơi ấy, phá bỏ đem để chỗ khác, hoặc phá phòng nhà của Sa-môn, hoặc lấy vật của Phật, Pháp, Tăng như vườn rừng, ruộng nhà, voi ngựa, xe cộ, nô tỳ, lục súc, y phục, ngọa cụ, tất cả châu báu, hoặc bắt Sa-môn làm việc quân dịch, trách mắng họ, bảo lột cà sa, bắt hoàn tục, hoặc có lúc thì khinh lờn, đùa bỡn, lúc thì hủy nhục, mắng nhiếc chê bai, hoặc dùng gậy, cây tự tay quất đánh, hoặc dùng các vật khác làm hại thân họ bị thương, thì xếp vào tội gì trong chúng sanh?

Đáp: Đại vương, người này thuộc vào hạng chúng sanh ác nghịch. Đại vương, nên biết đó là thuộc hạng chúng sanh bị trị tội rất nặng. Vì sao? Vì đã tạo tội căn bản rất nặng. Có năm tội thuộc về tội căn bản:

1. Phá hoại tháp chùa, thiêu đốt kinh tượng, lấy vật của Tam bảo, hoặc do mình tự làm, bảo người làm hay thấy người làm mà hoan hỷ trợ giúp. Đây là tội nặng căn bản thứ nhất.

2. Hủy báng pháp ba thừa, che dấu tội ác. Đây là tội nặng căn bản thứ hai.

3. Nếu có Sa-môn tín tâm xuất gia, cạo bỏ râu tóc, thân mặc cà sa, hoặc có người trì giới lại đem bắt nhốt vào ngục, dùng xiềng xích trói buộc, sai đi quân dịch, trách mắng đủ điều, hoặc bắt cởi bỏ cà sa, ép buộc hoàn tục, hoặc giết chết họ. Đây là tội nặng căn bản thứ ba.

4. Trong năm tội nghịch, nếu tạo một tội thì đó là tội nặng căn bản thứ tư.

5. Hủy báng tất cả đều không có nghiệp báo thiện ác, suốt đời thường làm mười nghiệp bất thiện, không sợ đời sau, tự mình làm hoặc bảo người làm và chấp chặt không bỏ. Đây là tội nặng căn bản thứ năm.

Nếu người phạm tội nặng căn bản như thế mà không tự sám hối thì nhất định tất cả các căn lành đều bị đốt cháy, sẽ vào Địa ngục lớn chịu khổ không bao giờ dứt, không có thời hạn ra khỏi. Nếu trong nước nào có người ác này thì Tam bảo bị hủy diệt, tất cả La-hán, chư Phật, Thánh nhân đều bỏ nước mà đi. Chư Thiên đau xót, Thiện thần không ủng hộ, mọi người giết hại nhau, giặc nổi loạn khắp nơi, Long vương lẫn trốn, nước khô cạn bất thường, mưa gió không đúng thời, ngũ cốc không thu hoạch được, nhân dân đói khát, dần dần ăn nuốt nhau, xương trắng đầy đồng, vô số bệnh tật, chết chóc đầy dẫy. Tất cả dân chúng

không biết suy nghĩ về tội lỗi này mà trở lại oán trách chư Thiên và Thiện thần.

Kinh Quán Phật Tam muội có dạy: Có bảy tội nặng. Trong mỗi một tội đều có thể làm cho chúng sanh đọa vào Địa ngục A-tỳ, trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp:

1. Không tin nhân quả.
2. Hủy báng không có mười phương Phật.
3. Đoạn việc học Bát nhã.
4. Phạm bốn tội nặng, lừa dối ăn của tín thí.
5. Dùng vật của Tăng.
6. Phá phạm tịnh hạnh Tỳ-kheo-ni.
7. Hành bất tịnh hạnh với thân quyến.

Kinh Tiểu ngũ trược có dạy: Tội ngũ nghịch phân biệt có năm hạng:

1. Ngạo mạn với cha mẹ mà phụng sự Quỷ thần.
2. Giết Vua.
3. Khinh khi bạc đãi kẻ hậu sanh.
4. Coi rẻ thân mạng, quý trọng tài vật.
5. Bỏ phước, theo họa.

Trong Kinh Trung A-hàm, đức Phật dạy các Tỳ-kheo: “Nếu người phàm tục ngu si, thân tạo ác, miệng nói ác, ý hành ác hạnh thì sau khi qua đời sẽ sanh vào cõi ác trong Địa ngục Nê-lê, chịu nhiều sự thống khổ, không có được một phút an vui.”

Như có kẻ ăn trộm bị bắt được giao cho Vua trị. Vua liền bắt kẻ ấy, rồi ra lệnh cai ngục vào lúc sáng sớm dùng trăm cái kích để đâm, nhưng kẻ ấy vẫn còn sống. Đến trưa, Vua lại ra lệnh dùng hai trăm cái kích để đâm, kẻ ấy vẫn còn sống. Đến chiều tối Vua lại ra lệnh dùng ba trăm cái kích để đâm, phá nát thân mạng nhưng kẻ ấy vẫn còn sống.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ý các ông thế nào? Kẻ ấy có bị cái kích làm khổ không? Khi một cái kích đâm vào đã đau đớn, huống chi ba trăm cái.”

Đức Phật liền lấy một ít cát đá như hạt đậu ở trong tay và bảo các Tỳ-kheo: Cát đá ở trong tay Ta đem so với đá ở núi Tuyết thì ở đâu nhiều hơn?

Các Tỳ-kheo thưa: “Đá ở núi tuyết quá nhiều không thể dùng để ví dụ.”

Đức Phật dạy: “Đau khổ bị ba trăm cái kích đâm đem so với khổ ở Địa ngục thì như một ít cát đá trong tay Ta. Khổ ở Địa ngục thì gấp

trăm ngàn lần như đá ở núi Tuyết không thể ví dụ được. Đau khổ trong Địa ngục Nê-lê như thế nào?

Nếu có chúng sanh đọa trong Đia ngục Nê-lê thì bị ngục tốt dùng búa thui lửa bổ thân ra làm tám mảnh và đem để ở bốn phương, phải trải qua trăm ngàn năm như thế, đau khổ vô cùng mà không chết được; lúc mong được hết khổ lại ngồi nơi giường sắt, bị kìm kẹp sắt miệng, nuốt hòn sắt nóng, phải trải qua trăm ngàn năm như thế; lại ngồi giường sắt, bị nước đồng đổ vào miệng, phải trải qua trăm ngàn năm như thế; lại nằm nền sắt, bị sắt nóng đâm vào đầu, vào thân, phải trải qua trăm ngàn năm như thế; lại lè lưỡi ra liếm nền sắt, bị đinh đóng vào lưỡi như trương da trâu, phải trải qua trăm ngàn năm như thế; lại kéo cổ, gân buộc ở trên xe, phải trải qua trăm ngàn năm như thế; lại đốt nền sắt rồi bắt đến đó, trải qua trăm ngàn năm như thế; lại bắt đứng trên núi lửa, máu thịt tiêu tan, lúc dơ chân lên thì sống lại, phải trải qua trăm ngàn năm như thế; lại bỏ vào nồi để nấu, phải trải qua trăm ngàn năm như thế, đau khổ vô cùng mà không chết được. Đến lúc xét thấy hết tội thì mới được ra khỏi. Đây là sự thống khổ trong Địa ngục Nê-lê. Hết tội ở Địa ngục lại sanh vào loài Súc sanh phải luôn ở chỗ tối tăm và chúng thường ăn nuốt lẫn nhau, chịu khổ vô lượng không thể kể hết. Tội Súc sanh hết nếu được làm người thì rất khó giống như rùa mù gặp bộng cây nỗi. Khi sanh trong loài người thì nghèo nàn hèn hạ, bị người sai khiến, nhan sắc xấu xí, hoặc các căn bị tàn tật, thiếu khuyết, hoặc bị chết yểu. Nếu tạo nghiệp ác thì thân chết đi rồi sống lại luân chuyển mãi mãi ở trong Địa ngục Nê-lê, không thể tính được.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Phàm phu ngu si tạo các hạnh ác nơi thân, miệng, ý nên mắc tội như vậy.

Phật dạy: Nếu người có trí tuệ tạo hạnh lành nơi thân, miệng, ý thì khi qua đời sẽ được sanh ở cõi lành, hoặc được sanh ở cõi Trời hưởng thêm sự an lạc. Chẳng khác nào Chuyển luân vương đầy đủ bảy báu và bốn thứ diệu lạc trong nhân gian.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Ý các ông nghĩ sao? Đó có phải là an lạc không?

Các Tỳ-kheo đáp: Một báu, một diệu lạc còn an lạc huống chi là bảy báu, bốn diệu lạc.

Đức Phật lại lấy một ít cát rồi bảo các Tỳ-kheo: Cát đá ở trong tay Ta đem so với đá ở núi Tuyết thì ở đâu nhiều hơn?

Các Tỳ-kheo thưa: Đá ở núi tuyết nhiều vô lượng không thể ví dụ.

Đức Phật dạy: Sự khoái lạc của Chuyển luân vương so với sự khoái lạc ở trên Trời thì như một ít cát đátrong tay Ta. Sự sung sướng ở trên Trời còn gấp trăm ngàn lần như đá ở núi Tuyết không thể lấy làm ví dụ. Sự sung sướng ở trên Trời như thế nào?

Nếu được sanh lên Trời thì thọ sáu trần tùy ý, hưởng thọ khoái lạc không thể tính kể. Nếu ở trên Trời rồi sanh xuống nhân gian thì được sanh trong nhà Vua chúa, hoặc được sanh trong dòng họ cao sang, giàu có, tôn quý, của báu nhiều vô lượng, tiếng tốt vang xa, đoan chánh thù diệu, được mọi người yêu mến.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nếu người có trí tuệ làm các hạnh lành nơi thân, miệng, ý thì được phước như thế. Đây là sự khoái lạc hữu lậu ở thế gian. Nếu tu căn lành hồi hướng Bồ-đề thì ngay lúc đang ở trong sanh tử cũng được thọ phước báu, cho đến Niết bàn vẫn không hề mất.

Bài tụng Chánh báo:

*Sáu giặc tà gian dối*
*Bảy thức loạn trái chơn*
*Hủy báng lý chân chánh*
*Nói dối, sân, tham lam*
*Ngang ngược tạo nghiệp ác*
*Lời thật không ưa nghe*
*Nhất định vào Địa ngục*
*Chịu đựng muôn sầu khổ.*
*Bài tụng Tập báo:*
*Tà kiến nghiệp ngu si*
*A-tỳ thọ gai độc*
*Hết tội được làm người*
*Lại tiếp tục Tà kiến*
*Tà, chánh đã trái nhau*
*Tự nhiên thành quanh co*
*Nếu không sửa tâm này*
*Thì ở mãi lao ngục*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 15)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 16

## PHẦN THỨ 24: DỐI TRÁ

- Duyên thuật ý
- Duyên giả thân
- Duyên giả trá thuốc độc
- Duyên giả trá tôn quý
- Duyên giả trá khủng bố
- Duyên giả trá nuôi dưỡng

***Thứ 1: Duyên thuật ý***

Hễ đến với đạo chẳng có gì ngăn cản, chỉ quý ở chỗ trung thực. Cho nên nói lời thiện thì người ở ngàn dặm đều muốn nghe còn nói lời ác thì dù người ở gần bên cũng như điếc. Thế nhưng giáo pháp lưu truyền vào thời mạt pháp, lòng người thường dối gạt, hoặc có kẻ dùng chơn để tạo giả, hoặc tô vẽ sự hư ngụy để dối gạt sự chân chánh. Tất cả đều do con người có lòng tà, chánh còn pháp thì có chân, giả. Khi danh lợi đã xâm nhập thì ta và người cùng tranh hơn. Đối với người thân hiện tại còn không có sự trợ giúp, huống chi đối với kẻ xưa nay vốn xa lạ, do đó khó có thể cùng nhau làm bạn. Cho nên trong kinh có dạy: Tâm chân thật là đạo tràng vì không có sự hư dối vậy.

***Thứ 2: Duyên giả thân***

Trong kinh Tạp Bảo tạng có dạy: Tất cả sự gian dối, xảo trá, mê hoặc ấy nếu nhìn bên ngoài thì giống như chân thật nhưng bên trong thì ôm lòng gian xảo. Cho nên người trí nên phải quán xét sự chơn, giả. Như xưa kia có Bà-la-môn tuổi đã già nua mà vẫn ham muốn cưới vợ trẻ. Người vợ chê chồng mình già, muốn gian dâm với người khác nên khuyên chồng mở hội thỉnh mời các Bà-la-môn trai trẻ. Chồng nghi vợ mình có lòng tà vạy nên không thỉnh mời. Lúc ấy, con bà vợ trước té

vào trong lửa. Người vợ trẻ thấy mà không kéo ra. Bà-la-môn nói: “Con té nhào trong lửa, tại sao không cứu nó?”. Người vợ đáp: “Thiếp từ nhỏ đến nay chỉ gần chồng mình, không hề gần một người con trai nào khác. Tại sao bảo thiếp kéo người con trai này”. Người chồng già nghe rồi cho rằng lời nói ấy đúng, liền mở đại hội, tập hợp các Bà-la-môn. Bấy giờ, người vợ trẻ liền tư thông với họ. Người chồng trông thấy, hết sức sân giận, liền lấy của báu, bỏ vợ mà ra đi. Lúc đi đường gặp Bà-la-môn nên cùng làm bạn, cùng ngủ. Sáng sớm họ cùng lên đường. Bà-la-môn bảo: “Ở chỗ ngủ tối hôm qua có một lá cỏ dính vào áo tôi. Tôi từ nhỏ đến nay không lấy vật của thế gian nên nay tôi muốn đem lá cỏ này trả lại nơi chủ nhân của nó. Ông thong thả ở lại đây đợi tôi quay trở lại”. Bà-la-môn già tin lời nói ấy, lại càng thêm kính mến, hứa sẽ chờ đợi. Bà-la-môn giả cầm lá cỏ vào trong rãnh nằm nghỉ. Một lát sau thì quay trở lại, nói lá cỏ đã trả lại rồi. Bà-la-môn già thấy thuận tiện liền đem của báu gởi cho Bà-la-môn kia. Người kia nhận lấy của báu rồi tẩu thoát. Bà-la-môn già thấy vậy vô cùng sợ hãi và giận dữ.

Bà-la-môn già đi đến một đoạn rồi nghỉ dưới gốc cây. Thấy trong miệng chim sẽ đang ngậm cỏ, chim Quán liền bảo đàn chim: “Các ngươi nên thương yêu nhau, cùng nhau tụ tập ở một chỗ”. Đàn chim tin theo lời nói ấy, cùng đến ở một chỗ. Chim Quán đợi đàn chim bay đi liền đến tổ chim kia mổ trứng ăn. Các con chim sắp đến nó lại ngậm cỏ. Đàn chim biết sự dối gạt ấy đều bỏ đi. Nghỉ dưới gốc cây một lúc Bà-la-môn trông thấy một ngoại đạo xuất gia, mặc áo vá nạp, an vui bước đi chậm rãi, miệng bảo chúng sanh đi đi. Bà-la-môn già hỏi: “Tại sao vừa đi vừa nói chúng sanh đi đi”. Ngoại đạo đáp: “Người xuất gia thương yêu tất cả chúng sanh, sợ làm tổn thương trùng, kiến nên nói vậy”. Bà-la-môn già thấy vậy càng tăng thêm lòng tin, tìm đến nhà ông ta vào lúc chiều tối. Khi nghe tiếng ca vũ, Bà-la-môn đi ra nghe, mới thấy rõ ở trong phòng của ngoại đạo xuất gia có một lỗ đất, trong đó có một phụ nữ đi ra cầm đàn đùa bỡn, hoan lạc với ông ta. Bà-la-môn già thấy vậy, suy nghĩ: “Muôn loài trong thiên hạ không có gì có thể tin được”. Ông ta liền nói kệ:

*Không buộc nam tử kia*
*Đem cỏ trả lại chủ*
*Quán, Sẽ giả ngậm cỏ*
*Ngoại đạo sợ hại trùng*
*Miệng bảo nó đi đi*
*Giả dối, hư ngụy thế*

*Tất cả không thể tin*
*Sẽ đem khổ nạn đến.*

Cho nên trong kinh Bát nhã, đức Phật dạy: Như ta ngày xưa nói kệ:

*Tất cả sông ngòi*
*Tất có khúc quanh*
*Tất cả rừng rậm*
*Tất có cây cối*
*Tất cả người nữ*
*Tất có quanh co*
*Tất cả tự tại*
*Tất thọ an lạc.*

***Thứ 3: Duyên giả trá thuốc độc***

Như trong kinh Tạp Bảo Tạng có dạy: Đề-bà-đạt-đa tạo các điều kiện muốn giết Phật nhưng không thành. Lúc ấy, có Bà-la-môn đến ở Thiên Trúc, ông ta giỏi biết về thần chú điều chế thuốc độc. Đề-bà-đạt-đa liền điều chế thuốc độc rồi đem rãi trên đức Phật, nhưng gặp phải lúc gió thổi ngược lại làm cho thuốc độc rơi ngay trên đầu mình. Do đó ông ta ngất xỉu, xuôi chân sắp muốn chết. Các thầy thuốc đều không thể chữa trị. A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đề-bà-đạt-đa bị thuốc độc sắp chết.

Đức Phật thương xót nên nói lời chân thật: Từ lúc làm Bồ-tát cho đến khi được thành Phật, Ta thường sanh tâm từ bi đối với Đề-bà-đạt-đa. Ta không hề có sự oán hận ông ta nên đọc nó sẽ tự tiêu mất. Đức Phật nói dứt lời thì độc liền bị tiêu diệt.

Các Tỳ-kheo nói: Hay thay! Hay thay! Thế Tôn! Đề-bà-đạt-đa thường sanh tâm ác đối với Như Lai. Tại sao Như Lai còn lo đến mạng sống của ông ta.

Đức Phật dạy: Chẳng phải ngày hôm nay, Đề-bà-đạt-đa có tâm ác đối với Ta mà quá khứ ông ta cũng vậy.

Các Tỳ-kheo thưa hỏi Phật: Đề-bà-đạt-đa có tâm ác đối với Phật như thế nào ?

Đức Phật dạy: Đời quá khứ, trong thành Ba-la-nại ở nước Ca-thi, có hai Bộ tướng: Tư-na và Ác-ý. Tư-na thường hành thuận theo pháp. Ác-ý thường tạo việc ác, ưa thích dèm pha nên nói với Vua: "Tư-na muốn tạo phản, làm ác".

Nhà Vua liền tống Tư-na giam vào ngục. Bỗng trong hư không có

tiếng vang: “Người hiền như thế không có tội lỗi gì tại sao lại bắt trói? Ác-ý ăn trộm của báu trong kho Vua đem để ở chỗ Tư-na mà Nhà Vua cũng không hay biết”. Vua liền bảo bắt Ác-ý đem giao cho Tư-na giết chết. Tư-na liền bảo Ác-ý đến sám hối Vua.

Ác-ý biết mình có tội, liền đến Vua Tỳ-đề-ê làm một cái rương đựng hai con rắn ác, chứa đầy thuốc độc tâu Vua Tỳ-đề-ê sai sứ đem dâng cho Vua nước kia. Vua và Tư-na hai người cùng xem chớ sai người khác. Nhà Vua thấy rương báu được trang sức lộng lẫy, lòng rất vui mừng liền gọi Tư-na đến để cùng mở ra xem. Tư-na thưa: “Vật ở phương xa đem đến không nên tự xem một mình. Trái cây từ xa đem đến không được ăn liền. Vì sao? Hoặc có thể do độc làm tổn thương mình”.

Nhà Vua nói: “Trẫm muốn xem bây giờ”.

Tư-na ân cần khuyên can đến ba lần, nhà Vua vẫn không chịu nghe. Tư-na thưa: “Đại vương không chấp nhận lời nói của thần, thì Đại vương tự xem lấy, thần không thể xem”. Nhà Vua liền mở ra xem thì hai mắt mù lòa không tháy được gì. Tư-na cảm thấy ưu sầu, đau khổ muốn chết mất. Ông ta liền sai người đi khắp nơi, qua các nước xa để tìm thầy thuốc giỏi. Sau đó thì tìm được thuốc tốt trị lành mắt cho nhà Vua.

Lúc ấy nhà Vua là Xá-lợi-phất. Tư-na là Ta. Ác-ý là Đề-bà-đạt-đa.

***Thứ 4: Duyên giả trá tôn quý***

Trong luật Tăng Kỳ, đức Phật dạy: Vào thời quá khứ tại thành Ba-la-nại ở nước Già-thi, có Đại học sĩ Bà-la-môn tên Phất-lô-ê làm Quốc sư, thường chỉ dạy cho năm trăm người đệ tử.

Bấy giờ trong nhà Bà-la-môn có một nô tỳ tên là Ca-la-ha thường được sai cung cấp vật dụng cho các đệ tử. Nô tỳ ấy có căn tánh lanh lợi, nghe được lời thuyết pháp thì ghi nhớ tất cả. Một hôm nô tỳ ấy cùng các đồng tử nhỏ có sự hiềm khích thù hận nhau. Nó liền chạy sang nước khác rồi tự nói dối: “Tôi là Da-nhã-đạt-đa con của Bà-la-môn Phất-lô-ê, Quốc sư nước Ba-la-nại. Từ xưa đến nay tôi muốn cùng đại sư học đạo Bà-la-môn”. Pháp sư đáp: “Được vậy”. Nô tỳ thông minh, trước đã từng nghe, nay lại được nghe nên nghe rồi thì có thể thọ trì. Quốc sư rất vui lòng liền sai dạy dỗ năm trăm người đệ tử: “Ngươi hãy dạy bảo cho ta. Ta muốn đi đến vương quốc”. Quốc sư không có con trai chỉ có một người con gái nên liền bảo: “Da-nhã-đạt-đa, ngươi hãy nghe lời ta chớ có về nước, ta sẽ gả con gái cho ngươi”.

Đáp: "Con xin vâng lời".

Hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống. Gia đình ngày càng giàu có, sung sướng. Da-nhã-đạt-đa vốn là người khó chịu nên khi vợ làm thức ăn thì nó thường sân giận bảo không vừa miệng. Người vợ suy nghĩ: "Nếu có người nào từ nước Ba-la-nại đến thì ta sẽ theo họ ăn uống. Sau đó ta có thể về cung dưỡng cho phu chủ".

Bà-la-môn Phất-lô-ê nghe hết sự việc liền suy nghĩ: "Nô tỳ Ca-la-ha của ta chạy trốn sang nước kia. Ta phải đến bắt lại, hoặc là có thể gặp nó". Ông ta liền đi đến nước kia.

Lúc ấy, nô tỳ kia đang cùng đồ chúng đến vườn dạo chơi. Giữa đường đi trông thấy chủ cũ từ xa, nó hết sức kinh hãi nên thầm bảo môn đồ: "Các người nên đi xa và mỗi người tự mình tụng tập". Môn đồ đi rồi, nô tỳ đến trước chủ làm lễ và thưa: "Con đến nước này xưng Đại gia là cha của con, rồi theo học kinh điển với Quốc sư và lập gia đình với con gái ông ta. Xin Tôn trưởng bây giờ chớ nói rõ việc của con. Con sẽ cùng nô tỳ phụng dưỡng Đại gia".

Bà-la-môn chủ giỏi xử lý việc đời liền nói: "Ngươi thật là con của ta nhưng lại sớm bỏ ta mà ra đi".

Nô tỳ liền dẫn đến nhà vợ rồi thưa với trong nhà: "Người thân của con đến". Vợ anh ta rất vui mừng liền cho bày biện các thức ăn uống. Dâng thức ăn xong, cô ta núp ở khoảng không nhỏ, lặng lẽ làm lễ dưới chân Bà-la-môn rồi thưa: "Con phụng sự, cung dưỡng chồng nhưng các món thức ăn thường không vừa ý. Xin Tôn trưởng chỉ dạy cho con. Lúc còn ở nhà chồng, con thường ăn những món gì? Con sẽ học cách làm các món ăn ấy".

Bà-la-môn khách sân giận suy nghĩ: "Đúng vậy! Đúng vậy! Khốn khổ cho con quá. Nó sớm ra đi. Bây giờ ta đến đây dạy cho con một bài kệ làm cho chồng con không còn nói gì nữa. Cô gái nghe rồi hoan hỷ, tạ từ lui ra, bảo chồng: "Vì Tôn trưởng Bà-la-môn từ xa đến đây nên sáng sớm muốn ra đi". Anh ta nghĩ: "Theo lời vợ đã nói, sáng sớm nên ra đi, chớ để ở lâu, sợ sẽ nói những lỗi làm làm tổn hại đến ta không ít". Anh ta liền đem hết của báu bảo vợ làm thức ăn rồi tự mình dâng cúng. Người chồng liền gặp chủ nói chuyện không bao lâu. Cô gái dâng thức ăn xong làm lễ dưới chân xin nghe bài kệ. Bà-la-môn liền dạy kệ:

*Không thân đến nước khác*
*Dối trá với người ta*
*Thường ăn thức ăn dở*
*Ăn ngon thì hiềm trách.*

Nay ta cho con bài kệ này, nếu lúc nó sân giận, chê thức ăn dở thì nên đến bên cạnh quay lưng tụng nhỏ bài kệ này làm cho nó nghe được. Bà-la-môn dạy rồi liền trở về nước. Nô tỳ ấy tiễn chủ ra đi rồi thì mỗi lúc đến giờ ăn lại sân giận. Cô vợ đứng bên chồng tụng lại bài kệ kia. Chồng nghe bài kệ ấy thì không vui, liền nghĩ: “Than ôi! Lão già kia đã phơi bày sự việc xấu xa của ta”. Từ đó về sau, anh ta thường nói dịu dàng, mong vợ đừng giận, sợ vợ đến nói chuyện bí mật riêng tư của mình cho người khác nghe.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Lúc ấy, Bà-la-môn Phất-lô-ê tức là thân Ta. Nô tỳ Ca-la-ha nay là Tỳ-kheo Xiển-đà, đã từng cậy vào Ta để lăng nhục kẻ khác. Nay cũng vậy, nó dựa vào thế lực của Ta để ngược đãi người khác.

***Thứ 5: Duyên giả trá về sự sợ hãi***

Luận Trí-độ có dạy: Tất cả các pháp đều là giả dối như thế nhưng chúng sanh ngu si không biết thân sơ nên sân giận, mắng nhiếc, làm tăng thêm sự tổn thương cho đến phải mất mạng, sanh tội nặng nên phải rơi vào ba đường ác, chịu khổ vô cùng. Thí như trong núi có một ngôi chùa. Trong ấy có một căn phòng riêng biệt. Trong phòng có một con Quỷ, thường đến khủng bố não hại người. Các người tu thường bỏ phòng ấy mà đi. Bấy giờ có một khách Tăng đến. Duy-na phân ở trong phòng trống kia và nói: “Trong phòng này có con Quỷ ưa não hại người. Nếu ông có thể ở trong đó thì ở”. Khách tăng tự cho mình có trì giới, đa văn nên liền nói: “Quỷ nhỏ mà làm được gì? Tôi sẽ hàng phục nó”. Ông ta liền đi vào phòng nghỉ.

Đến tối, lại có một vị khách tăng đến, xin ở lại. Duy-na cũng bảo vào ở trong phòng đó, cũng nói có quỷ não hại người. Tỳ-kheo này cũng đáp: “Quỷ nhỏ mà làm được gì? Tôi sẽ hàng phục nó.

Vị khách tăng vào trước đóng cửa, ngồi thiền đợi Quỷ. Tỳ-kheo đến sau, ở trong đêm tối đẩy cửa để vào. Vị đến trước cho là Quỷ nên không chịu mở cửa. Vị đến sau đem hết sức lực đẩy cửa. Vị bên trong dùng sức cự lại. Vị bên ngoài đắc thắng đẩy cửa xông vào. Hai người đánh nhau. Đến sáng nhìn nhau mới nhận ra là bạn đồng học cũ. Biết rồi cả hai người đều cùng nhau xin lỗi. Mọi người tụ lại cười nhạo về sự việc kỳ quái này.

Chúng sanh cũng vậy, năm ấm đều hư dối, không ngã, không nhân mà lại chấp chặt nên cùng nhau đấu tranh làm tăng thêm sự độc hại. Nếu lúc thân thể tan rã trên đất chỉ còn xương thịt, không người

không ta. Do đó Bồ-tát bảo chúng sanh: "Các ngươi chớ đối với nguồn gốc vốn trống không mà đánh nhau. Làm được thân người còn khó huống là gặp Phật.

***Thứ 6: Duyên giả trá nuôi dưỡng***

Như kinh Cựu Tạp Thí Dụ có dạy: Xưa có một người đàn bà giàu có nhiều của báu. Bà ta tư thông với một người con trai rồi lấy hết vàng bạc, tài vật và cùng dẫn nhau đi. Đến bên bờ sông, chàng ta bảo: "Nàng hãy đem hết tài vật đến đây, ta sẽ mang sang sông giúp cho, rồi sẽ trả lại". Chàng ta mang sang sông rồi tẩu thoát không trả lại. Cô ta sầu khổ ngồi một mình bên dòng sông, chẳng có ai để cầu cứu, chỉ thấy một con Cáo rừng bắt một con Nhạn. Nó thấy con Cá dưới sông liền bỏ Nhạn bắt Cá. Bắt Cá không được Nhạn cũng mất luôn. Cô gái liền bảo Cáo: "Sao ngươi ngu quá vậy, tham lam bắt hai con nên chẳng được con nào". Cáo nói: "Ta ngu còn có thể được. chứ nhà ngươi thì ngu hơn ta".

Trong luật Tăng-kỳ, đức Phật dạy các Tỳ-kheo: "Vào thời quá khứ, Trời mưa thất thường, suốt bảy ngày không dứt. Những người chăn trâu suốt bảy ngày không thả trâu ra ngoài. Lúc ấy, có mộtcon Sói đói đi tìm thức ăn đã đi qua bảy thôn mà không kiếm được gì. Nó tự trách mình: "Ta có hình tướng gì xấu mà trãi qua bảy thôn chẳng kiếm được thức ăn. Chi bằng ta ở trong hang trì trai, cầu nguyện cho chúng sanh đều được an ổn". Sau đó nó tự nhiếp hộ thân, nhắm mắt ngồi ngay thẳng.

Đến các ngày trai, Đế-thích thường cỡi long tượng Y-la trắng đi quan sát thế gian xem ai trì trai, ai phá giới. Lúc đến hang núi kia thấy Sói nhắm mắt tư duy, Đế-thích nghĩ: "Lạ thay! Loài Lang, Sói thật là đặc biệt. Ngay cả con người còn không có tâm như thế, huống là loài Lang, Sói mà làm được như vậy".

Đế-thích muốn thử xem để biết sự hư thật, liền hóa làm một con Dê, đứng ở trước hang rồi lớn tiếng gọi bầy. Sói thấy Dê liền nghĩ: "Lạ thay! Nhờ phước đức trì trai nên có được sự báo ứng. Ta đã đi qua bảy thôn để tìm thức ăn chẳng được gì. Nay mới tạm trì trai mà bàn cỗ đã tự đến, nhà bếp đã dọn sẵn. Ta nên ăn xong sau đó trì trai". Nghĩ rồi, nó ra khỏi hang, phóng đến chỗ Dê. Dê thấy Sói đến thì kinh hãi tháo chạy. Sói liền đuổi theo. Dê chạy không dừng. Đuổi bắt đã xa, Dê hóa làm con Chó, miệng vuông, tai to, quay lại đuổi Sói, gầm gừ rền vang. Sói thấy Chó đến, nó sợ hãi bỏ chạy. Chó vội đuổi Sói. Đến lúc yếu sức, Sói mới chạy thoát vào hang. Sói nghĩ: "Ta muốn ăn nó. Nó lại muốn

ăn ta”.

Bấy giờ, Đế-thích hóa làm con Dê què, đứng trước hang Sói kêu vang. Sói nghĩ: “Trước đây ta đói, bị hoa mắt nên trông thấy Chó mà tưởng là Dê. Nay nó thật sự là Dê”. Sói quan sát kỷ, thấy rõ tai, sừng, lông đích thực là Dê. Nó liền phóng ra đuổi bắt. Dê lại kinh hãi bỏ chạy. Đuổi bắt sắp được, Dê lại hóa làm Chó, trở lại đuổi bắt Sói như trước. Sói nghĩ: “Ta muốn ăn nó. Nó lại muốn ăn ta”.

Lúc ấy, Đế-thích lại hóa làm con Dê con, đứng trước hang Sói gọi mẹ. Sói liền sân giận nói: “Dù ngươi có xé thịt ra từng mảng, ta cũng không ra, huống chi là con Dê con mà muốn lừa gạt ta”. Sói liền trì trai, tịnh tâm tư duy.

Bấy giờ, Đế-thích biết Sói đã tâm niệm trì trai, liền hóa làm Dê con ở trước Sói. Sói liền nói kệ:

*Nếu đích thật là Dê*
*Ta còn không muốn ra*
*Huống nữa là hư vọng*
*Khủng bố ta như trước*
*Thấy ta trì trai rồi*
*Ngươi lại đến thử xem*
*Nếu như từng khúc thịt*
*Ta còn không thể tin*
*Huống nữa là Dê con*
*Mà giả kêu be be.*
*Bấy giờ, Đế-thích nói kệ:*
*Nếu người nào xuất gia*
*Trì giới mà buông lung*
*Không thể bỏ lợi dưỡng*
*Cũng như Sói trì trai.*

Trong luật Ngũ-phần, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Xưa kia có một người tịnh hạnh ở trong hang núi đọc kinh thư Sát-lợi. Có một con Cáo rừng thường ở bên để nghe tụng kinh. Trong tâm có sự hiểu biết, nó liền nghĩ: “Ta hiểu lời kinh thư này nên có thể làm chúa trong loài thú”. Nghĩ rồi, nó liền đi ngao du, bất chợt gặp một con Cáo rừng gầy yếu, liền muốn giết nó. Nó nói: Tại sao muốn giết tôi?

Cáo nói: Ta là chúa tể của loài thú. Nếu ngươi không phục tùng theo ta thì ta sẽ giết.

Cáo gầy nói: “Xin chớ giết tôi! Tôi xin theo hầu.”

Lúc ấy, hai con Cáo cùng lên đường lại gặp một con Cáo khác và

muốn giết nó. (Hỏi, đáp như trên). Con Cáo này cũng nói xin theo. Như vậy, dần dần nó điều phục được tất cả loài Cáo. Nó dùng bầy Cáo để điều phục loài Voi, dùng loài Voi để điều phục loài Hổ, dùng loài Hổ để điều phục loài Sư tử. Khi được quyền làm chúa tể rồi, nó suy nghĩ: "Nay ta là chúa tể trong loài thú. Vậy ta không nên lấy vợ trong loài thú". Do đó nó liền cỡi Voi trắng, thống lãnh bầy thú nhiều không tính kể đến vây thành Ca-di nhiều đến ngàn vòng. Nhà Vua thấy vậy, sai sứ ra hỏi: Tại sao bầy thú lại làm như vậy?

Cáo rừng nói: Ta là chúa tể trong loài thú, muốn cưới con gái nhà Vua. Nếu nhà Vua gả cho ta thì tốt, bằng không thì ta sẽ tiêu diệt nước ngươi.

Sứ giả vào tâu lại với Vua. Nhà Vua liền triệu tập quần thần để bàn luận. Chỉ trừ một vị thần không đồng ý, ngoài ra các vị thần đều chấp nhận gả công chúa. Vì sao? Vì sự bảo hộ đất nước chỉ nhờ vào Voi, Ngựa. Ta có Voi, ngựa, chúng có Sư tử. Voi, Ngựa nghe tiếng Sư tử thì đã kinh hãi nằm rạp xuống đất. Cuộc chiến không ngang nhau, ta sẽ bị thú tiêu diệt. Tiếc chi một đứa con gái mà để phải chịu cảnh tang thương một đất nước.

Lúc ấy, có một vị Đại thần sáng suốt, thông hiểu sâu xa, tâu Vua: "Xưa nay thần chưa nghe chuyện con gái nhà Vua đem gả cho loài thú hạ tiện bao giờ. Thần tuy là kẻ ngu muội thế nhưng muốn giết con Cáo ấy, làm cho bầy thú phải tháo chạy."

Nhà Vua liền hỏi: Kế sách ra sao?

Đại thần đáp: "Nhà Vua ra kỳ hạn ngày chiến đấu nhưng trước phải cầu xin chúng nó một ước nguyện: "Xin cho Sư tử đánh trước, gầm sau. Như vậy chúng sẽ nghĩ là ta sợ liền sai Sư tử gầm trước, đánh sau." Đến ngày đánh nhau, Vua ra sắc lệnh tất cả người vật trong thành đều bịt tai.

Nhà Vua đem lời của Đại thần, sai sứ đến hẹn ngày và cầu xin một ước nguyện trên. Đến ngày chiến đấu, Vua lại đưa thưa xin ước nguyện, sau đó thì xuất quân. Khi quân trận áp sát muốn giao chiến, Cáo rừng ra lệnh Sư tử gầm vang. Cáo nghe tiếng Sư tử rống lên thì thất kinh hồn vía. Ngay trên lưng Voi, Cáo ngã xuống đất. Ngay lập tức bầy thú chạy tán loạn.

Đức Phật dùng sự việc này mà nói kệ:

*Cáo rừng quá kiêu mạn*
*Muốn cầu quyến thuộc mình*
*Đi đến thành Ca-di*

*Tự xưng là chúa thú*
*Người kiêu mạn cũng vậy*
*Tập hợp thống lãnh chúng*
*Ở nước Ma-kiệt-đà*
*Tự xưng là pháp chủ.*

Lúc ấy, Vua Ca-di là thân Ta. Đại thần thông minh là Xá-lợi-phất. Chúa Cáo rừng là Điều-đạt.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Xưa kia Điều-đạt lừa dối có thân thuộc, nay cũng như vậy. Do đó, Phật nói kệ:

*Gặp gỡ người lành dễ*
*Gặp gỡ người ác khó*
*Gặp gỡ người ác dễ*
*Gặp gỡ người lành khó.*

Trong kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Ta nhớ xưa kia có một con sông tên là Ba-lợi-da-đa. Bên bờ sông ấy, có một người thợ kết tràng hoa. Ông ta có một khu vườn ở ven sông. Trong sông ấy có một con Rùa, từ dưới nước nỗi lên bò đến trong vườn hoa tìm thức ăn. Rùa ta bò khắp, dẫm đạp hết vườn hoa. Khi ấy, chủ vườn thấy Rùa dẫm đạp hoa liền bắt nó bỏ vào trong sọt, sắp muốn đem làm thịt. Rùa suy nghĩ: "Làm sao để thoát nạn đây? Ta phải tìm cách gì để dối gạt ông chủ này?" Nó liền nói kệ với chủ vườn:

*Tôi xuất thân từ nước có bùn*
*Ông chủ dùng hoa rửa thân tôi*
*Thân tôi đã có bùn không sạch*
*Sợ làm dơ sọt và hoa ông.*

Lúc ấy, chủ vườn suy nghĩ: "Lành thay! Con Rùa này biết dùng lời nói để chỉ bày cho ta. Ta nên ghi nhận lời nói ấy. Phải rửa thân nó để khỏi làm dơ sọt và hoa của ta". Nghĩ rồi, ông ta liền đem Rùa xuống nước để rửa thân nó. Ông ta để nó trên đá và xuống múc nước để rửa.

Bấy giờ, Rùa dốc hết sức lực lao đầu xuống nước. Người thợ kết tràng hoa thấy Rùa ở trong nước liền nói: "Lạ thay! Con Rùa này có thể lừa dối ta như thế. Nay ta có thể mê hoặc con Rùa này làm cho nó lại nỗi lên mặt nước". Ông ta liền nói kệ:

*Rùa hiền lắng nghe lời ta nói*
*Hiện nay Rùa lớn, nhỏ rất nhiều*
*Ta làm nhiều vòng hoa ngươi ăn*
*Ngươi tự do theo ta vui sướng.*

Bấy giờ, Rùa suy nghĩ: "Người này dối gạt ta. Mẹ nó nằm trên

giường bệnh. Vợ nó kết hoa thành chuỗi đem bán để sinh sống. Nay nó nói như thế, nhất định là nó dối gạt ta, muốn ăn thịt ta nên mới dụ ta như thế”. Lúc ấy, Rùa nói kệ:

*Nhà ngươi nấu rượu họp thân quyến*
*Làm ra vô số các thức ăn*
*Ngươi đến trong nhà nói lời này*
*Thịt Rùa nấu rồi mỡ dính đầu.*

Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Này các Tỳ-kheo! Nên biết con Rùa nhảy vào nước lúc ấy là thân Ta. Thợ kết tràng hoa là Ma-ba-tuần. Nó muốn mê hoặc Ta mà không được. Nay nó lại muốn lừa dối thì làm sao được?

Lại nữa, Phật bảo các Tỳ-kheo: Ta nhớ xưa kia lúc còn ở trong biển, có một con Rồng lớn. Con Rồng ấy có vợ đang mang thai. Con Rồng cái suy nghĩ muốn ăn tim con Khỉ nên thân thể gầy yếu, vàng vọt, run rẩy không an. Lúc ấy, Rồng thấy thân thể vợ gầy yếu, không còn nhan sắc như thế nên liền hỏi vợ: Vợ hiền! Nàng có bệnh gì, muốn ăn gì? Sao ta không nghe nàng hỏi xin ta thức ăn. Vì sao?

Rồng cái im lặng. Chồng nó lại hỏi: Sao bây giờ nàng không trả lời ta?

Rồng cái đáp: Nếu chàng làm cho thiếp đạt được điều mong ước thì thiếp sẽ nói. Còn chàng không có khả năng ấy thì thiếp nói ra làm gì!

Chồng nói: Nàng nói thử xem sao. Nếu thấy có lý thì ta cố gắng tìm cách làm bằng được.

Rồng cái nói: Nay thiếp muốn ăn tim con Khỉ, chàng có thể tìm được không?

Chồng đáp: Cái mà nàng cần là việc làm rất khó. Vì sao? Vì ta ở dưới biển, còn Khỉ ở trên cây, trên núithì làm sao kiếm được.

Rồng cái nói: Phải làm sao bây giờ? Nếu không tìm được tim Khỉ thì thai này chắc sẽ chết mất. Còn thiếp thì không bao lâu nữa sợ sẽ qua đời.

Lúc ấy, chồng nói: Vợ hiền! Nàng hãy từ từ chịu đựng. Ta sẽ tìm cách. Nếu làm được việc này thật là điều không thể nói được, tức ta cùng nàng đều cùng vui vẽ.

Bấy giờ, Rồng liền lên bờ. Cách bờ không xa có một cây lớn tên Ưu-đàm-ba-la. Trên cây có một con Khỉ lớn đang hái quả ăn. Rồng thấy Khỉ ngồi trên đó ăn trái cây thì nó bò dần đến dưới cây. Đến nơi nó dùng lời ngọt ngào, dỗ dành hỏi thăm Khỉ: Lành thay! Ba-tư-sư-tra ở trên cây này làm gì thế, không khổ não lắm chăng, tìm kiếm thức ăn

dễ được không mệt nhọc chăng?

Khỉ đáp: Đúng vậy, bạn ạ. Nay tôi không gặp phải khổ não gì.

Rồng hỏi: Bạn ở nơi này ăn uống những gì?

Khỉ đáp: Tôi ở trên cây Ưu-đàm-ba-la ăn trái cây ấy.

Rồng lại nói: Nay tôi gặp được bạn thì trong lòng vô cùng hoan hỷ, khó mà kiềm chế được. Tôi muốn làm bạn tốt của bạn. Chúng ta cùng kính mến nhau. Bạn nhận lời ta chẳng cần ở đây làm gì. Hơn nữa, cây này ít trái, thì làm sao có thể ở đây mà được sung sướng. Bạn có thể xuống đây, đi theo tôi. Tôi sẽ dẫn bạn vượt biển sang bờ bên kia có khu rừng lớn, cây cối um tùm, hoa trái sum sê.

Khỉ nói: Làm sao tôi qua bên kia được. Nước biển thì sâu, rộng mênh mông, rất khó mà vượt qua. Tôi muốn qua đó làm sao để qua.

Rồng đáp: Lưng tôi sẽ mang bạn sang bờ bên kia. Bạn chỉ cần xuống đây, cỡi lên lưng tôi.

Do tâm không định, ngu si kém cỏi nên Khỉ vui mừng, nhảy từ trên cây xuống, cỡi trên lưng Rồng, đi theo nó. Bấy giờ, rồng ta suy nghĩ: “Lành thay! Lành thay! Nguyện vọng của ta đã thành”. Nó muốn đem Khỉ đến chỗ ở của mình nên cùng Khỉ lặn chìm trong nước.

Khỉ hỏi: Tại sao bỗng nhiên bạn lặn trong nước?

Rồng đáp: Vợ ta mang thai, nàng ấy nghĩ: “Muốn ăn tim ngươi”, do đó ta đem ngươi đi.

Bấy giờ, Khỉ nghĩ: “Than ôi! Nay ta gặp phải sự nguy hiểm. Tự mình đi nhận cái chết. Bây giờ, phải làm cách gì để thoát nạn đây”. Nó lại nghĩ: “Ta phải lừa dối Rồng”. Nghĩ rồi, Khỉ nói với Rồng: Bạn ơi! Tim của tôi gởi trên cây Ưu-đàm-bà-la nên không mang theo đây. Tại sao lúc ấy bạn không nói thật để biết bạn cần tim, tôi sẽ đem theo. Bạn hãy quay lại để tôi lấy tim rồi đi.

Rồng nghe nói vậy nên cả hai cùng quay lại. Khỉ thấy Rồng lên bờ thì vô cùng vui mừng, đem hết sức lực nhanh chóng nhảy lên. Từ trên lưng Rồng, Khỉ nhảy lên cây Ưu-đàm. Rồng ở dưới đợi một lúc, thấy Khỉ lẩn quẩn không xuống. Nó nói: Bạn thân ơi! Mau xuống đây đi đến nhà tôi.

Khỉ im lặng, không xuống. Rồng thấy Khỉ ở lâu không xuống nên nói kệ:

*Khỉ thân mến! Tìm được tim rồi*
*Xin từ trên cây mau xuống đây*
*Tôi sẽ đưa bạn đến rừng kia*
*Chỗ có nhiều hoa trái sum sê.*

Bấy giờ, Khỉ nghĩ: "Con Rồng này ngu si quá". Nó liền nói kệ:

*Tuy Rồng bày mưu kế giỏi thật*
*Nhưng mà tâm trí quá ngu si*
*Ngươi nên lắng nghe, suy nghĩ kỹ*
*Chúng sanh ai mà không có tim*
*Rừng kia tuy có nhiều hoa trái*
*Và các quả quý như Am-la*
*Nay ta không muốn đi đến đó*
*Thà ta tự ăn quả Ưu-đàm.*

Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nên biết con Khỉ lớn ấy là thân Ta. Rồng kia là ma Ba-tuần. Lúc ấy nó mê hoặc Ta mà không được. Nay nó lại muốn đem năm dục ở đời đến dụ dỗ Ta, đâu có thể động đến chỗ ngồi của Ta.

Trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: Xưa kia có một con Quạ và con Cú vọ oán ghét nhau. Quạ đợi ban ngày, biết Cú vọ không thấy nên đến đạp chết bầy Cú vọ rồi xé thịt ăn. Cú vọ bèn đợi đến ban đêm, biết Quạ mờ mắt, nó lại đến mổ bầy Quạ, mổ vào bụng nó, xé thịt ăn. Sợ ngày, sợ đêm, cả hai đều không sống yên trọn ngày. Có một con Quạ hiểu biết, nó bảo bầy Quạ: Đã là thù oán thì không thể hóa giải mà luôn luôn tìm cách giết hại nhau. Với tình cảnh này thì cả hai đều không an toàn. Tôi phải tìm cách núp trong bầy Cú vọ thì sau đó chúng ta mới được an ổn. Nếu sự việc không được như thế thì cả hai đều bị hủy hoại.

Bầy Quạ đáp: Nên làm cách gì để diệt giặc thù?

Quạ đáp: Các bạn nhổ lông, mổ đầu tôi. Tôi sẽ bày cách xin chúng che chở.

Bầy Quạ liền làm theo lời nó. Với dáng vẽ tiều tụy, Quạ đến bên ngoài hang Cú vọ, kêu rên thảm thiết. Nghe tiếng kêu, Cú vọ hỏi: Nay ngươi bị thương tích, tại sao lại đến chỗ ta?

Quạ nói: Bầy Quạ thù ghét tôi, chúng không muốn cho tôi sống nên tôi đến đây để xin lánh nạn.

Lúc ấy, Cú vọ cảm thấy thương tâm, nuôi dưỡng, thường đem thịt thừa cho ăn. Ngày tháng trôi qua, Quạ được bình phục trở lại. Nó bày kế ngậm cành cây khô và các cây cỏ để trong hang Cú vọ, giống như trả ân. Cú vọ bảo Quạ: Cần gì làm vậy?

Quạ đáp: Trong hang trống rỗng, toàn là đá lạnh nên dùng cây, cỏ này để chống gió lạnh.

Cú vọ bằng lòng, im lặng không đáp. Quạ liền xin giữ lỗ hang để báo ân.

Khi ấy gặp lúc bảo tuyết giá lạnh, bầy Cú vọ bảo Quạ vào ở trong hang. Quạ thấy tiện lợi liền rất vui mừng. Nó ngậm cây lửa để thiêu cháy hang Cú vọ. Trong một lúc cả bầy Cú vọ ở trong hang đều bị thiêu sạch.

Bấy giờ, chư Thiên nói kệ:

*Các người có hiềm oán*
*Không nên tin tưởng nhau*
*Như Quạ giả thân thiện*
*Thiêu cháy bầy Cú vọ.*

Trong Lục-độ-tập kinh có nói: Xưa kia, Bồ-tát làm chúa tể trong loài Khổng tước, rời bỏ năm trăm vợ cũ và muốn lấy con Chim sẽ xanh làm vợ. Chim sẽ chỉ ăn quả ngọt, vị ngon. Hằng ngày Khổng tước đều phải đi kiếm thức ăn cho vợ.

Ở nước kia có một Phu nhân đang lâm bệnh. Bà ta mộng thấy con Khổng tước, nếu mà ăn thịt của nó thì có thể chữa lành bệnh. Thức dậy, Phu nhân tâu lại với Vua. Nhà Vua ra lệnh cho thợ săn nhanh chóng tìm kiếm. Phu nhân nói: Người nào tìm được Khổng tước thì ta sẽ ban cho một ngàn cân vàng, và gả cho một cô gái giàu đẹp.

Các thợ săn trong nước chia nhau đi tìm. Khi trông thấy Khổng tước thường theo một con Chim sẽ đến chỗ thường ăn. Thợ săn liền dùng mật khô bôi lên các cây. Khổng tước liền lấy đem về cho vợ. Thợ săn lại dùng mật khô bôi lên thân thể, ngồi chờ. Khổng tước đến lấy mật, thợ săn liền tóm lấy nó. Khổng tước nói: Ngươi thả ta ra thì sẽ có lợi. Ta sẽ chỉ cho ngươi núi vàng, có thể nói đó là kho báu vô tận. Xin ngươi tha mạng.

Thợ săn nói: Đại vương ban cho ta ngàn cân vàng và cô gái giàu đẹp làm vợ. Ta đâu có thể tin lời nói của ngươi. Ta sẽ bắt ngươi đem dâng cho nhà Vua vậy.

Khổng tước nói: Đại vương có lòng thương xót tất cả chúng sanh, tấm lòng ấy thấm nhuần khắp nơi. Xin Ngài chấp nhận lời nói ngu hèn này, cho tôi một ít nước, tôi sẽ dùng lòng từ chú nguyện, khiến Hoàng hậu uống vào sẽ nhanh chóng lành bệnh. Nếu sự việc này không thành thì tôi xin chịu tội.

Nhà Vua đồng ý. Phu nhân uống thuốc, lành bệnh, nhan sắc tươi sáng. Mọi người trong nước cũng vậy cả nước đều khen lòng nhân từ của Vua nên mạng Khổng tước được sống còn. Thọ mạng cả nước đều được lâu dài. Khổng tước nói: Xin ném thân tôi vào hồ nước kia và chú nguyện nước ấy, dùng cứu dân chúng, chữa lành các bệnh. Nếu có sự

nghi ngờ thì xin hãy dùng gậy đánh chân tôi.

Nhà Vua đồng ý, làm theo lời Khổng tước. Mọi người trong nước uống nước ấy đều có được năng lực: Người điếc thì nghe được, người mù thì thấy được, người câm thì nói được...các bệnh đều lành. Phu nhân và dân chúng trong nước đều lành bệnh. Song Khổng tước cũng không bị hại. Khổng tước cảm kích đến thưa Vua: Nhờ ân đức Vua thấm nhuần, thần cứu tế mạng sống cả nước. Báo đáp xong, thần sẽ xin đi.

Vua nói: Được.

Khổng tước bay liệng lên cây, lại nói: Trong thiên hạ có ba điều ngu.

Vua hỏi: Ba điều ngu đó là gì?

Khổng tước nói: Thần ngu, thợ săn ngu, nhà Vua ngu.

Vua nói: Xin hãy giải thích những điều ấy?

Khổng tước nói: Trong giới luật của chư Phật cho sắc là lửa. Thiêu thân, hại mạng đều do tham sắc. Tôi bỏ sự cung phụng của năm trăm bà vợ, mê say chạy theo Chim sẽ, đi tìm thức ăn hầu hạ cho Chim sẽ giống như kẻ tôi tớ, bị lưới cuồng say trói buộc làm nguy hiểm đến thân mạng. Đó là tôi ngu.

Người thợ săn ngu si, đối với lời chí thành, khẩn thiết của tôi mà ông ta bỏ núi vàng, bỏ vô số châu báu để tin theo lời dối trá, tà vạy của Phu nhân, mê vợ đẹp. Tất cả người đời đều điên cuồng như thế, bỏ giới chân chánh của Phật, tin theo sự dối trá của yêu quái, say sưa dâm loạn, hoặc bị họa tan nhà, hoặc chết vào núi Thái sơn chịu vô lượng khổ não. Khi được trở lại làm người thì cũng như chim không cánh, có muốn bay lên Trời đâu phải là chuyện dễ dàng. Dâm nữ mê loạn giống như yêu quái. Do đó mà mất nước, nguy mạng nhưng chồng ngu tin theo lời dối trá, thợ săn tin theo lời nói ấy. Đó là thợ săn ngu.

Vua được Thiên y trừ bệnh cả nước, các độc đều diệt, nhan sắc sáng rỡ. Thần nhờ vào sự hân hoan mà được Vua thả đi. Đây là Vua ngu.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Chúa Khổng tước từ đó về sau bay khắp tám phương để tìm kiếm thuốc hay, từ tâm ban cho chúng sanh chữa trị lành bệnh. Chúa khổng tước là thân Ta. Nhà Vua là Xá-lợi-phất. Thợ săn là Điều-đạt. Phu nhân là vợ Điều Đạt.

Bồ-tát từ bi, trí tuệ, làm việc bố thí như vậy.

Trong kinh Tạp Bảo Tạng, đức Phật dạy: Vào thời quá khứ có nhiều Hải âu, Uyên ương sống trong ao hoa sen. Lúc ấy, có chim Quán tước thong thả đi trong ao. Các con chim thấy vậy đều nói: Con chim

này hành thiện, oai nghi nhẹ nhàng, không não hại nước.

Lúc ấy, lại có con Ngỗng trắng nói kệ:

*Nó thong thả bước đi*
*Âm thanh rất nhẹ nhàng*
*Lừa dối ở thế gian*
*Ai không biết xảo trá.*

Quán tước nói: Tại sao nói như thế. Xin cùng tôi làm bạn.

Ngỗng trắng nói: Ta biết ngươi là kẻ xảo trá nên không bao giờ làm bạn.

Nên biết, bấy giờ chúa Ngỗng là thân Ta. Quán tước là Đề-bà-đạt-đa.

Trong king Tạp-bảo-tạng, đức Phật dạy: Vào thời quá khứ, có chú Gà rừng thường dẫn bầy Gà ở bên núi Tuyết. Mào Gà đỏ tươi, thân thể trắng muốt, nó bảo bầy Gà: Các ngươi hãy xa lìa thành ấp, xóm làng, chớ ăn uống nơi mọi người. Chúng ta có rất nhiều kẻ thù oán nên phải cẩn thận bảo vệ.

Lúc ấy, trong xóm làng có một con Mèo nghe tin bên kia có một đàn Gà đang sinh sống, nó liền đi đến đó rồi ở dưới gốc cây, bước đi thong thả, hai mắt nhìn xuống, bảo đàn Gà: Ta làm vợ ngươi. Ngươi làm chồng ta. Nhưng mà thân hình ngươi thì đoan chánh đáng yêu, mào đỏ trên đầu, toàn thân đều trắng. Ta phụng sự ngươi, ngươi sẽ được an ổn sung sướng.

Gà liền nói kệ:

*Con Mèo mắt vàng ngu si kia*
*Khi gặp súc vật nhỏ thì muốn ăn*
*Không thấy ai chứa vợ như thế*
*Mà được sống sung sướng, an vui.*

Bấy giờ, Gà ấy là thân Ta. Mèo là Đề-bà-đạt-đa. Quá khứ đã muốn lừa gạt Ta, ngày nay cũng vậy, muốn dối gạt đồ chúng của Ta.

Bài kệ tụng:

*Tình gian dối xảo trá*
*Mong tin kẻ ngu si*
*Giả dối làm thân thiện*
*Lừa dối nương tựa nhau*
*Ngoài thân, trong thì hại*
*Sớm tối gây hại nhau*
*Cùng chung sống lâu ngày*
*Mới thấy suy sụp dần.*

## PHẦN THỨ 25: ĐỌA MẠN

- Duyên thuật ý
- Duyên dẫn chúng
- Duyên lập chí.

***Thứ 1: Duyên thuật ý***

Làm người mà không đắc đạo là do tinh thần mê muội, đa số đều do ngoại cảnh quấy rối. Sự việc ấy lược nói có ba: danh lợi, sắc đẹp, sự sung túc.

Danh lợi là nhu cầu thiết yếu hằng ngày đối với tâm, là quan trọng mà không lệ thuộc theo thời gian. Sắc đẹp mới là sự ràng buộc sâu nặng. Sự sung túc làm khổ lụy thống thiết. Tất cả vạn vật đều là cành nhánh của ba điều này. Do đó bậc Thánh biết rõ. Nếu không đoạn ba điều này thì kẻ cầu đạo không từ đâu mà đạt được. Cũng như lửa gặp nước, thì công dụng vẹn toàn, lìa nhau thì vinh quang nhạt phai. Cho nên trong kinh có dạy: Bản chất vi tế thì thế lực mạnh. Bản chất mạnh bạo thì thế lực yếu. Do đó xét kỹ thật ra tất cả đều do công lực siêng năng mà ngộ đạo. Đọa lạc là do tham danh tiếng, sắc đẹp nên làm chướng ngại Thánh đạo. Vì vậy, dòng họ Thích dống trống nơi Lộc uyển. Khổng tử tuyên dương âm đức ở nơi ấp Châu nước Lỗ. Nếu còn tai mắt mà không nghe thấy thì tâm thức lấy đâu mà lãnh hội.

***Thứ 2: Duyên dẫn chúng***

Như trong luận Tát-bà-đa có dạy: Đối với giới luật ở trong năm đường mà nói thì chỉ có loài người là đắc giới. Ngoài ra đối với bốn đường còn lại thì không đắc giới.

Giống như cõi Trời do quá đắm trước dục lạc nên không đắc giới.

Xưa kia do đệ tử có bệnh nên Đại Mục-kiền-liên lên đến cõi trời Đâu suất để hỏi Kỳ-bà. Lúc ấy ông ta đang cùng chư Thiên vào vườn Hoan hỷ. Mục-liên đợi ở bên đường. Tất cả chư Thiên đều không nhìn thấy, chỉ có Kỳ-bà đến sau nhìn thấy. Khi nhìn thấy Mục-liên, Kỳ-bà vẫy tay rồi thắng xe đi thẳng. Mục-liên nghĩ: "Người này là đệ tử của ta, nay thọ nhận phước báo cõi Trời nên đắm trước lạc thú ở cõi Trời mà mất hết bản tâm". Mục-liên liền dùng thần thông chặn xe đứng lại. Kỳ-bà xuống xe, làm lễ dưới chân Mục-liên. Mục-liên nêu các sự việc quở trách. Kỳ-bà đáp:

Do con ở trong loài người làm đệ tử đại đức nên đưa tay ra hiệu hỏi thăm. Vả lại, Đại đức thấy chư thiên có ai như con không?

Bấy giờ, Mục-liên dạy Thích-đề-hoàn-nhơn: Gặp được Phật xuất hiện ở đời là khó. Tại sao người không thường xuyên đến gần gũi, học hỏi chánh pháp.

Đế-thích muốn hiểu rõ ý Mục-liên nên sai sứ gọi một Thiên tử đến, gọi đến lần thứ ba mà Thiên tử không đến, sau đó, đành phải đi. Đế-thích nói với Mục-liên:

Thiên tử kia chỉ có một Thiên nữ, một kỷ nhạc, do quá vui say, nhiễm dục tình sâu nặng, dù biết mệnh lệnh quan trọng nhưng không thể dứt được nên không chịu đến huống chi là Thiên vương có vô số cung điện, vô số Thiên nữ, thức ăn tùy ý có trăm vị thơm ngon, trăm ngàn kỷ nhạc để giải trí, nhìn Đông quên Tây. Tuy biết gặp được Phật ra đời là khó, nghe được chánh pháp là khó nhưng do tham nhiễm dục lạc trói buộc nên không được tự do. Lại biết vì sao ba đường ác không có nhân duyên để đắc giới, chỉ có trong loài người mới đắc giới. Như ở phía Bắc Uất-đơn-việt, không có Phật pháp. Còn ba châu khác cũng không đắc giới, vì phước báo làm chướng ngại và ngu si nên không thọ nhận chánh pháp.

Luật Thiện Kiến có dạy: Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo ngồi ở dưới, mời người nghe pháp ngồi ở trên cao để thuyết pháp cho họ. Bởi vì khinh mạn pháp nên bị Phật quở trách. Đức Phật dạy: Xưa kia, ở trong nước Ba-la-nại có vợ cư sĩ Xa-ba-gia đang mang thai. Cô ta muốn ăn quả Am-la nên nói với chồng: Thiếp muốn ăn quả Am-la. Phu quân có thể tìm kiếm cho thiếp.

Chồng đáp: Bây giờ, chẳng đến thời kỳ ra quả, ta làm sao kiếm được?

Cô ta nói: Nếu phu quân không kiếm được chắc thiếp phải chết mất.

Anh chàng nghe nói vậy liền suy nghĩ: “Chỉ trong vườn Vua mới có quả không đúng mùa”. Nghĩ rồi, anh chàng chờ đến tối liền vào vườn nhà Vua, tìm hái quả chưa có thì trời đã hửng sáng. Không ra khỏi vườn được, anh ta đành núp ở trên cây. Lúc ấy, Vua và Bà-la-môn vào vườn muốn ăn quả Am-la. Bà-la-môn ngồi dưới nói pháp cho Vua ở trên cao nghe. Người ăn trộm quả ở trên cây suy nghĩ: “Ta ăn trộm quả việc này đáng tội chết nhưng nhờ nhà Vua nghe Bà-la-môn nói pháp nên ta được thoát nạn. Nay ta là người không biết pháp, nhà Vua và Bà-la-môn cũng vậy. Vì sao? Ta vì vợ nên ăn trộm quả của nhà Vua.

Pháp sư thuyết pháp ở dưới, nhà Vua tánh kiêu mạn ngồi nghe trên cao. Bà-la-môn vì tham lợi dưỡng nên ngồi ở dưới nói pháp cho Vua. Bây giờ, cả ba chúng ta đều không biết pháp, ta sẽ được thoát nạn. Anh ta liền trèo xuống, đến trước nhà Vua, nói kệ:

*Hai người không biết pháp*
*Hai người không thấy pháp*
*Người dạy không nương pháp*
*Người nghe không hiểu pháp*
*Vì nhu cầu ăn uống*
*Ta nói không biết pháp*
*Vì danh tiếng, lợi dưỡng*
*Mà hủy pháp xuất gia.*

Vua nghe bài kệ này rồi liền tha tội cho người ăn trộm.

Lúc Ta làm người phàm còn biết việc phi pháp, huống chi nay Ta đã thành Phật. Các ông nên vì những người mà ngồi dưới để thuyết pháp. Người ăn trộm quả lúc ấy là thân Ta.

Luận Trí-độ có dạy: Vào thời đức Phật Ca Diếp có hai anh em cùng xuất gia cầu đạo. Một người chuyên trì giới, tụng kinh, ngồi thiền. Một người chuyên đi khuyến hóa các thí chủ làm phước. Đến lúc đức Phật Thích Ca ra đời thì một người sanh vào nhà Trưởng giả, một người làm voi trắng lớn có sức hùng mạnh để dẹp giặc. Người con Trưởng giả xuất gia học đạo, chứng đắc quả A-la-hán và sáu thần thông nhưng do phước mỏng nên khất thực khó được.

Một ngày kia, La-hán ôm bát vào thành khất thực khắp nơi mà chẳng được gì. La-hán đến chuồng voi trắng, thấy Vua đem nhiều thức ăn cho voi. La-hán nói: "Ta và ngươi đều có tội lỗi". Voi liền tin, ba ngày không ăn. Người giữ voi rất lo sợ, vội tìm kiếm đạo nhận. Khi gặp đạo nhận, anh ta nói: Người đã làm phép thuật gì mà làm cho voi nhà Vua không ăn uống gì cả?

La-hán đáp: Con voi ấy đời trước là em của ta. Ta và nó cùng sanh ra vào thời đức Phật Ca Diếp. Hai anh em đều xuất gia học đạo. Ta chỉ trì giới, tụng kinh, ngồi thiền, không tu bố thí. Em ta thì chỉ chuyên khuyến hóa thí chủ làm việc bố thí nhưng không tu trì giới, không chịu học hỏi. Do đời trước nó không chịu trì giới, tụng kinh, ngồi thiền nên đời nay phải làm thân voi này, nhờ siêng tu bố thí nên ăn uống đầy đủ, sung túc. Còn ta thì chỉ hành đạo không chịu bố thí nên nay được đắc đạo quả nhưng khất thực không được gì. Vì sự việc này nên ta thấy nhân duyên không đồng, tuy được gặp nhau nhưng còn phải chịu đói khát.

Trong kinh Bách Dụ có dạy: Xưa kia vào ngày lễ Khánh tiết, ở nước ngoài thì tất cả phụ nữ đều đem hoa Ưu-bát-la dùng làm đồ trang sức. Lúc ấy, có vợ anh nhà nghèo nói với chồng: Nếu chàng kiếm được hoa Ưu-bát-la cho thiếp thì thiếp sẽ làm vợ chàng. Nếu chàng không kiếm được thì thiếp sẽ bỏ chàng mà đi.

Anh chàng này trước đây thường giả làm tiếng chim Uyên ương rất hay nên anh ta liền vào ao nhà Vua giả làm tiếng chim Uyên ương để hái trộm hoa. Lúc ấy, người giữ ao hỏi: Ai trong ao vậy?

Anh ta đáp: Ta là Uyên ương.

Người giữ ao bắt được đem đến chỗ nhà Vua. Giữa đường đi anh ta lại giả làm tiếng Uyên ương. Người giữ ao nói: Hồi nãy sao ngươi không làm tiếng chim Uyên ương, giờ giả làm thì có ích gì?

Người ngu ở đời cũng vậy, suốt đời tàn hại làm các việc ác, không tu việc lành, đến lúc lìa trần mới nói: “Nay ta muốn tu việc lành” thì đã bị ngục tốt dẫn đi, giao cho Diêm vương. Dù muốn tu việc lành cũng không kịp nữa. Như người ngu kia đi đến chỗ Vua còn giả làm tiếng chim Uyên ương.

Trong kinh Bách Dụ có dạy: Xưa kia có một Trưởng giả giàu có, hai người đứng hầu hai bên muốn lấy lòng ông ta nên rất cung kính với ông ta. Lúc Trưởng giả khạc nhổ thì hai người hầu hai bên tranh nhau dùng chân dẫm lên chà đi. Có một người ngu không đạp kịp nên anh ta suy nghĩ: “Nếu để Trưởng giả nhổ xuống đất thì mọi người đạp hết, chi bằng lúc Trưởng giả sắp muốn nhổ thì ta cứ đạp trước”.

Lúc ấy, Trưởng giả sắp muốn khạc nhổ, lập tức người ngu kia đưa chân đạp miệng Trưởng giả làm sưng môi, gãy răng. Trưởng giả hỏi: Tại sao ngươi đạp miệng ta?

Người ngu trình bày nguyên nhân, nên khi đàm sắp ra thì liền đưa chân đạp trước để lấy lòng người.

Hễ làm việc gì cần phải làm đúng lúc. Khi sự việc chưa đến nếu đem hết sức lực thì trở lại chịu phiền não. Cho nên, người đời cần biết: đúng lúc và không đúng lúc.

### *Thứ 3: Duyên lập chí*

Như kinh Tạp Thí Dụ có dạy: Xưa kia có anh chàng Tát-bạt nghe tin ở nước kia có của báu, anh ta muốn đến đó để sinh sống nhưng mà giáp giới giữa hai nước có nạn La-sát nên không thể qua được. Tát-bạt đi du hành thấy cửa ở hướng Đông có một vị đạo nhân ngồi trên giường trống không, nói bán năm giới. Tát-bạt hỏi: Năm giới là gì?

Đạo nhân đáp: Năm giới tuy vô hình nhưng miệng giữ, tâm hành thì đời sau được sanh lên Trời. Hiện tại có thể vượt qua nạn quỷ La-sát.

Tát-bạt muốn mua liền hỏi bán nó bao nhiêu?

Đạo nhân đáp: Một ngàn tiền vàng thì sẽ nhận hết. Lúc người đến ranh giới nước ngoài nếu gặp phải quỷ La-sát thì chỉ nói: "Ta là đệ tư năm giới của Thích Ca".

Sau đó không lâu, Tát-bạt đến giữa biên giới của hai nước thì thấy quỷ La-sát. Thân nó dài đến mười ba mét, đầu như áo tơi vàng, mắt như đinh đỏ, có vảy cá trên toàn thân, lại thường há miệng như cá đập mang, ngưỡng nhìn yến bay, đạp đất lún đến đầu gối, miệng chảy máu nóng, bọn chúng nhiều đến vô số xúm đến bắt lấy Tát-bạt. Tát-bạt nói: Ta là đệ tử năm giới của Thích Ca.

La-sát nghe vậy, chúng nó không chịu thả. Tát-bạt liền dùng hai tay nắm lấy vảy mà cũng không rút ra được. Anh ta lại dùng chân đạp đầu vùng ra cũng không được, toàn thân bị cuốn vào trong vảy và mai nên chỉ có thể động đậy. La-sát nói kệ:

*Thân ngươi và tay chân*
*Tất cả đều bị buộc*
*Phải đi đến chỗ chết*
*Vùng vẫy để làm chi?*

Nhờ ý chí kiên cố nên Tát-bạt nói kệ:

*Thân ta và tay chân*
*Nhất thời bị trói buộc*
*Nhiếp tâm như đá vàng*
*Quyết không bị ngươi hại.*

La-sát nói:

*Ta là chúa loài Quỷ*
*Xưa nay ăn chúng mày*
*Những người có sức lực*
*Nhiều không thể tính kể*
*Chỉ đưa đến cái chết*
*Làm gì mà tự khoe.*

Tát-bạt sân giận, tự nghĩ thân này bị luân hồi trong ba cõi chưa từng cầu xin ai. Nay ta phải cầu xin La-sát cho ăn một bữa thật no. Anh ta liền nói kệ:

*Thịt sống của thân ta*
*Lâu nay muốn xả bỏ*

*La-sát bắt được ta*
*Thì dùng để bố thí*
*Chí mong cầu Đại thừa*
*Thành quả Nhất thiết trí.*

La-sát thông hiểu ý của Tát-bạt nên trong lòng rất hổ thẹn, liền thả anh ta ra, rồi quỳ xuống chắp tay sám hối:

*Ngài là thầy độ người*
*Hiếm có trong ba cõi*
*Chí cầu nơi Đại thừa*
*Không lâu sẽ thành Phật*
*Nên con xin quy y*
*Cúi đầu để làm lễ.*

La-sát sám hối rồi tiễn Tát-bạt ra nước ngoài lấy được nhiều châu báu xong lại đưa trở về nhà. Anh ta tu nhiều công đức liền được thành tựu quả Tu-đà-hoàn.

Nên biết năng lực trì giới không thể nghĩ bàn. Vậy các hành giả nên giữ gìn cấm giới như người lập chí dõng mãnh này.

Trong luận Trí Độ có dạy: Có một con Rồng độc, có nhiều năng lực. Lúc nó dùng mắt nhìn người thì người sẽ bị chết, dùng miệng hà hơi thì người cũng bị chết.

Bấy giờ, Rồng thọ giới trong một ngày, xuất gia ở trong rừng cây, ngồi lâu suy nghĩ mỏi mệt nên ngủ mất đi. Pháp của loài Rồng khi nằm ngủ thì hình trạng như Rắn, có bảy màu sắc xen tạp nhau. Thợ săn trông thấy, vui mừng nói: Đây là việc hiếm có, khó kiếm được da này để dâng lên cho nhà Vua dùng làm đồ trang sức, thật là thích hợp. Anh ta liền dùng gậy đè đầu xuống rồi lấy dao cắt da nó. Rồng nghĩ: “Sức lực của ta có thể lật đổ cả cõi nước, một vật nhỏ này đâu đủ để làm khổ ta. Bây giờ ta trì giới nên không chấp vào thân này, phải vâng theo lời Phật dạy, nhẫn nhịn nhắm mắt không nhìn, nín hơi không thở. Vì thương xót người này, vì trì giới nên một lòng chịu cắt, không có ý hối hận. Khi đã bị lấy mất da, thịt tươi ở trên đất thì bị mặt Trời nóng đốt nên Rồng phải lăn lộn trong đất. Nó muốn đến chỗ nhiều nước thì thấy các trùng nhỏ xúm đến ăn thịt mình, vì trì giới nên không dám động đậy. Nó tự nghĩ: “Nay đem thân ta bố thí cho các loài trùng vì hành Phật đạo. Nay ta dùng thịt bố thí để chúng nó được no đủ. Sau đó ta đem pháp bố thí làm lợi ích cho tâm chúng”. Sau khi chết đi, Rồng được sanh lên cõi Trời.

Súc sanh còn có thể giữ gìn cấm giới đến chết cũng không phạm, huống chi loài người không có sự bao dung nên phạm!

Trong luật Ngũ phần, đức Phật dạy: Quá khứ có một con Rắn độc cắn một con Trâu nghé rồi vào trong hang. Có một thầy bùa dùng một con Dê chú nguyện để Rắn bò ra nhưng không có kết quả. Thầy bùa liền ở trước Trâu nghé đốt lá bùa. Trâu nghé liền hóa thành Ong lửa bay vào trong hang đốt Rắn. Rắn không chịu đựng nỗi phải bò ra khỏi hang. Dê liền dùng sừng húc nó để trước thầy bùa. Thầy bùa nói: Ngươi hãy hút độc lại đi, nếu không thì ta sẽ ném ngươi vào lửa.

Rắn nói kệ:

*Ta đã nhả độc này*
*Không thể hút lại được*
*Nếu phải mất mạng này*
*Thì không thể sống lại.*

Lúc ấy, Rắn không thâu độc lại, tự gieo mình vào lửa.

Đức Phật dạy: Bấy giờ, Rắn độc là Xá-lợi-phất. Xưa kia chịu khổ như vậy còn không lấy độc lại, huống chi ngày nay mà lại đi lấy khoái lạc đã bỏ.

Trong kinh Tạp Bảo Tạng, đức Phật có dạy: Vào thời quá khứ, đức Phật thường du hóa ở nước Ca-thi và Tỳ-đề-ê. Giáp giới giữa hai nước là một đồng trống mênh mông. Ở đó có ác quỷ Sa-tra-lô làm cắt đứt đường đi. Tất cả mọi người đều không thể qua được. Có một thương chủ tên là Sư tử dẫn năm trăm người muốn đi qua con đường này. Mọi người dều lo sợ không thể qua được con đường này. Thương chủ nói: Các ngươi hãy cẩn thận, chớ sợ hãi, hãy đi theo sau ta.

Lúc ấy, mọi người đi đến chỗ Quỷ. Quỷ nói: Ngươi không nghe danh tiếng ta sao?

Mọi người đáp: Ta nghe danh tiếng ngươi nên muốn đến thi đấu.

Quỷ hỏi: Ngươi có năng lực gì mà muốn đến thi đấu?

Mọi người đều tra cung tên, bắn Quỷ. Năm trăm mũi tên đâm vào bụng Quỷ. Mọi người đấm, đá vào đầu, dùng tay phải đánh tay phải, dùng chân phải đạp chân phải, dùng chân trái đạp chân trái, dùng đầu đánh đầu. Quỷ nói kệ:

*Ngươi dùng tay, chân cùng với đầu*
*Tất cả các vật đè thân ta*
*Ngoài ra còn vật gì nữa không?*
*Thương chủ nói kệ:*
*Nay chân, tay và đầu ta*
*Tất cả tiền tài và dao gậy*
*Các loại vật ấy đã vào bụng*

*Chỉ có tinh tấn không buộc ngươi*
*Nếu mà tinh tấn không dừng nghỉ*
*Quyết đấu cùng ngươi không ngừng nghỉ*
*Giờ đây ta hết sức tinh tấn*
*Quyết không sợ hãi ngươi nữa đâu.*

Quỷ đáp: Nay vì bọn bây nên năm trăm khách mua đều bỏ đi.

Trong luận Tạp-bà-sa có dạy: Ma-vương thấy Bồ-tát ngồi dưới cây Bồ-đề, chánh niệm bất động, thệ nguyện đạt đến quả Vô thượng nên nó vội ra khỏi cung Ma rồi đi đến chỗ Bồ-tát. Nó nói: Chàng Sát-đế-lợi có thể ra khỏi tòa này. Hiện giờ đang vào thời ác trược, chúng sanh rất ương ngạnh, chắc chắn không thể chứng quả Bồ-đề. Thà ngươi hiện làm Chuyển-luân-vương, ta sẽ đem bảy báu đến dâng cúng.

Bồ-tát nói: Lời nói của ngươi cũng như kẻ dụ dỗ trẻ con. Mặt Trời, mặt Trăng và các vì sao có thể rơi rụng, núi rừng, mặt đất có thể vọt lên hư không nhưng muốn ta không đắc Chánh giác, đi khỏi tòa này thì việc ấy không thể xãy ra.

Sau đó, Ma dẫn quân ma nhiều đến ba mươi sáu ức. Mỗi Ma hiện vô số hình trạng đáng sợ, trên tay cầm nắm vô số binh khí chiến đấu đủ các màu sắc dàn hàng khắp ba mươi sáu dặm cùng một lúc hướng đến cây Bồ-đề, làm não loạn Bồ-tát nhưng chẳng được ích gì.

Thân tâm Bồ-tát không lay động như núi Tu-di.

Trong kinh Tăng già-la-sát có dạy: Xưa kai có một vị Bồ-tát hiện thân làm chim Anh vũ. Nó thường ở trên cây lớn. Có một cơn gió mạnh thổi đến liền có lửa phát ra. Lửa mỗi lúc một mạnh dần làm thiêu trụi một ngọn núi. Anh vũ suy nghĩ: “Giống như loài chim bay còn trở lại trên cây để sanh tâm báo ân. Huống chi ta đã ở đây lâu dài mà không tìm cách dập tắt lửa”.

Anh vũ liền đến biển, dùng hai cánh lấy nước biển mang về tưới lửa, hoặc dùng miệng tưới. Nó vội chạy đằng Đông đằng Tây để dập lửa. Lúc ấy, có vị Thiện Thần cảm động đến sự cần khổ ấy liền đến dập tắt lửa giúp chim.

Trong luận Trí Độ có dạy: Xưa kia lửa ở một đồng trống có lửa đốt cháy rừng. Trong rừng có một con chim Trỉ, siêng năng tự lực bay đi lấy nước tưới rừng. Bay đi, bay lại vô cùng vất vả thế mà nó chẳng cảm thấy khổ. Lúc ấy, Trời Đế-thích đến hỏi: Ngươi làm việc gì vậy?

Trỉ đáp: Ta cứu rừng này. Vì thương xót chúng sanh nên rừng này đã che chở nuôi dưỡng chúng sanh cư trú lâu ngày. Rừng là nơi mát mẻ khoái lạc. Tất cả chủng loại và thân thuộc chúng ta đều nương tựa. Ta

có sức lực tại sao không cứu lấy?

Đế-thích nói: Thế ngươi siêng năng đến bao giờ?

Trỉ nói: Cho đến lúc chết.

Đế-thích nói: Ai sẽ công nhận cho ngươi?

Trỉ liền lập thệ nguyện: Tâm ta chí thành, không có hư vọng, nguyện lửa tự diệt.

Lúc ấy, Trời Tịnh cư biết thệ nguyện sâu rộng của Trỉ liền dập tắt lửa. Cây cối xưa nay vẫn tươi tốt, không còn bị lửa diệt.

Bài kệ tụng:

*Lười học, mê ba giáo*
*Hỏi đến chẳng biết gì*
*Hợp đèn không kết hạt*
*Cột hoa sao có trái*
*Không sanh tâm cao mạn*
*Mạ nhục chẳng được gì*
*Đạo lạc đường u ám*
*Ra vào ngục tối tăm*
*Cho đến trăm ngàn năm*
*Vạn ức khổ bức bách*
*Gặp biển khổ không biết*
*Đều do tâm kiêu mạn*
*Ví dụ như người thiện*
*Lập chí cần rõ luật*
*Hùng hổ khinh mạn pháp*
*Nay không biết hối cải.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 16)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 17

## PHẦN THỨ 26: RƯỢU THỊT

- Duyên thuật ý
- Duyên uống rượu
- Duyên ăn thịt

***Thứ 1: Duyên thuật ý***

Rượu là cửa buông lung. Bậc Thánh nhân biết được cội nguồn nó nên luôn xa lìa chỗ say sưa: lìa duyên rượu, bỏ bạn rượu, gần bạn pháp là ra cửa mê, vào cửa tỉnh.

Thịt là đoạn mất hạt giống Đại từ. Bậc Thánh nhân biết đó là nhân giết hại nên xả bỏ mùi tanh tao, làm thanh tịnh thân, miệng, chỉ ăn rau để giữ gìn tâm mình, ngưỡng mộ lòng từ thiện mà cảm ứng lâu dài. Cho nên Tục-lễ-ký có nói: "Thấy việc sanh chứ không nỡ thấy việc chết, nghe tiếng kêu không ăn thịt." Đây cũng là nghĩa không giết hại. Nếu xúi người ăn thịt uống rượu tức đồng với súc sanh, cầm thú, lang, sói, cũng là giết tất cả quyến thuộc. Ăn nuốt thân thuộc thì bị báo oán trải qua số kiếp lâu dài không có cùng tận.

Trong luận Tát-bà-đa có dạy: Có một cô gái làm hại chó Sói đến năm trăm đời. Chó Sói cũng hại cô ta trong năm trăm đời.

Lại có một cô gái giết hại Quỷ trong năm trăm đời. Quỷ cũng giết hại cô ta suốt năm trăm đời.

Nên biết trong lúc trải qua sáu đường đều phải chịu nhiều báo oán, hoặc là Sư trưởng, cha mẹ, anh em, chị em, con cháu, hoặc là bạn bè. Nay thân phàm phu này đều không có đạo nhãn, không biết phân biệt nên trở lại ăn thịt lẫn nhau, không có sự giác ngộ. Lúc ăn thịt, vật ấy có linh hồn, nó liền sân hận, trở thành kẻ thù oán. Cốt nhục chí thân trở thành oán thù. Sự việc này, sao không thể tự tư duy, chỉ tạm tranh lấy một chút vị ngon nhất thời cho lưỡi mà lại gây oán đối lâu dài với

kẻ oán, người thân, làm cho ai cũng đau lòng khó mà diễn tả được. Cho nên trong kinh Niết bàn có dạy: Tất cả thịt đều không ăn, và thịt tự chết cũng không ăn, huống nữa là thịt không tự chết.

Trong kinh Lăng-nghiêm có dạy: Vì lợi mà giết chúng sanh, vì tài để lấy thịt, cả hai nghiệp này đều không thiện. Đến khi chết phải đọa vào Địa ngục Kêu gào.

Thế nào là vì lợi mà giết hại chúng sanh?

Trên đất giăng lưới săn, dưới nước bủa lưới bắt. Đây là vì lợi mà giăng bắt chúng sanh.

Thế nào là vì tài mà giết hại chúng sanh?

Nếu đem so với người giết hại thì mình là người trung gian dùng tiền để mua thịt. Đây gọi là dùng tài để lấy thịt.

Nay người nào không dùng của mua thịt mà huân tập giới ác, làm hại chúng sanh, chuyên cung cấp cho miệng, cũng lại không có sự tính toán thì người ấy ăn thịt cũng là giết hại. Vì sao gọi là không giết hại. Đây là sự việc trái với văn kinh, đoạn hạt giống Đại từ, làm chướng ngại không gặp được Phật.

***Thứ 2: Duyên uống rượu***

Thuật rằng: Giáo lý này có quyền, có thật. Quyền tức là thuận theo dẫn dụ, lấy khinh thoát trọng, ban đầu khai không phạm. Căn cứ vào lý này thì chẳng phải là không có tội. Khái quát theo thật giáo thì khinh, trọng đều cấm, trước sau không phạm. Đây gọi là trì giới.

Ban đầu căn cứ theo quyền thuyết nên kinh Vị-tằng-hữu có dạy: Bấy giờ, Thái tử Kỳ-bà nghe nói về quả báo không cùng của thập thiện đạo. Thái tử liền quỳ xuống, chấp tay thưa:

Trước đây Phật dạy con thọ trì năm giới, nay con muốn xả bỏ. Vì sao? Vì trong năm giới thì giới rượu rất khó giữ nên con sợ mắc tội.

Đức Phật dạy: Lúc ông uống rượu để làm việc ác chăng?

Kỳ-bà đáp: Trong nước của con rất hùng mạnh, thường thường khi xuất trận đãi tiệc phải có rượu để cùng nhau hưởng lạc, không có ác ý. Vì sao? Vì có rượu là nghĩ đến giới nên không có sự buông lung. Do đó uống rượu mà không làm ác.

Đức Phật dạy: Lành thay! Lành thay! Kỳ-bà! Nay ông đã có được trí tuệ phương tiện. Nếu người ở đời đều như ông thì dù có uống rượu cả đời cũng không gây ra việc xấu ác gì. Như vậy, hành giả chỉ có sanh phước mà không có tội. Người nào uống rượu mà không sanh nghiệp ác vì tâm hoan hỷ nên không có phiền não. Nhân tâm thiện thì thọ quả báo

thiện. Nếu giữ năm giới thì có mất gì không? Uống rượu mà nghĩ đến giới thì lại tăng thêm phước. Trước đây giữ năm giới, nay lại thọ thập thiện thì công đức này lại càng gấp bội quả báo thập thiện.

Lúc ấy, Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy khi tâm hoan hỷ thì không sanh nghiệp ác. Đó gọi là thiện hữu lậu. Sự việc này không đúng. Vì sao? Lúc người uống rượu thì tâm hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên không phiền não. Vì không phiền não nên không làm não hại. Không não hại nên ba nghiệp thanh tịnh. Đạo thanh tịnh là nghiệp vô lậu.

Bạch Thế Tôn! Con nhớ xưa kia trong lúc đi dạo chơi săn bắn con quên dẫn Ngự trù theo. Khi ở trong núi rừng sâu con cảm thấy đói muốn ăn. Những người hầu cận liền tâu: "Lúc Hoang thượng đi không lệnh cho Ngự trù theo hầu nên hiện giờ không có gì để ăn". Con nghe vậy thì vội cỡi ngựa về cung, bảo lấy thức ăn. Dương gia Trù giám Tu-ca-la thưa: "Giờ thì không có thức ăn. Thần sẽ làm ngay". Trong lúc quá đói, con giận dữ, không suy nghĩ liền ra lệnh quần thần xử trảm Trù giám. Con ra lệnh xong thì quần thần cùng bàn luận: "Xét ra trong nước mình thì chỉ có người này xử sự trung lương. Bây giờ nếu nhà Vua ra lệnh giết đi thì không ai có thể làm Trù giám hợp ý Vua".

Lúc ấy, phu nhân Mạt-lợi nghe tin con ra lệnh giết chết Tu-ca-la thì bà ta vô cùng luyến tiếc. Biết được con đang rất đói nên phu nhân liền sai dọn đủ thứ rượu thịt thơm ngon. Bà ta tắm gội rồi dùng hương thơm trang điểm thân mình xong dẫn các kỷ nữ đi đến chỗ con. Con thấy phu nhân trang sức lộng lẫy, dẫn theo kỷ nữ và mang rượu thịt ngon đến liền hết sân giận. Vì sao? Vì phu nhân Mạt-lợi giữ gìn năm giới của Phật, không uống rượu thì trong tâm con thường sân giận. Thế mà ngày nay bỗng nhiên lại đem rượu thịt đến hưởng lạc cùng con. Tình thế đã thay đổi, con liền cùng phu nhân uống rượu ăn thịt, trổi các kỷ nhạc, hoan hỷ vui chơi, tâm sân liền dứt. Phu nhân biết con không còn phẫn nộ liền sai Thái giám truyền mệnh lệnh con bảo thần chớ giết chết Trù giám. Thần phụng mệnh lệnh.

Đến sáng hôm sau, con tự trách mình, sầu não không ăn, nhan sắc tiều tụy. Phu nhân hỏi con sao mà sầu não, có bệnh gì chăng? Con nói: "Hôm qua ta bị cơn đói giày vò nên nỗi sân giận bảo giết Tu-ca-la. Ta nghĩ trong nước không có ai lại hết lòng chăm nom việc ăn uống cho ta như Tu-ca-la. Do đó ta rất hối hận nên sanh sầu não".

Phu nhân tâu: "Người ấy còn sống. Xin Đại vương chớ âu sầu".

Con hỏi lại: "Sự thật đúng như thế hay chỉ là lời nói đùa?"

Phu nhân tâu: “Đúng là ông ta còn sống, chẳng phải thần thiếp nói đùa”.

Con ra lệnh cận thần gọi Trù giám đến. Sứ giả đến mời, chỉ trong chốc lát thì đã dẫn người đến. Do đó con vô cùng hoan hỷ nên không còn ưu sầu.

Nhà Vua bạch Phật:

Phu nhân Mạt-lợi giữ gìn năm giới của Phật, một tháng trì trai sáu ngày. Vậy mà chỉ trong một ngày nàng ấy đã phạm đến hai giới: uống rượu và nói dối ở trong năm giới và trong Bát quan trai giới. Sự việc ấy là thế nào? Giới tội đã phạm là nặng hay nhẹ?

Đức Phật đáp:

Người nào phạm giới như thế thì có được công đức rất lớn, chẳng có tội gì. Vì sao? Vì đã làm việc lợi ích.Như trước đây Ta đã giảng nói: “Có hai hạng người tu thiện: Tu thiện hữu lậu và tu thiện vô lậu”. Phu nhân Mạt-lợi đã phạm giới thuộc về thiện hữu lậu. Ngược lại không phạm giới là thiện vô lậu. Theo đó mà biết thì phá giới tu thiện là thiện hữu lậu, sanh khởi tâm thiện là thiện vô lậu.

Vua bạch Phật:

Như lời Thế Tôn dạy thì Phu nhân Mạt lợi đã phá giới uống rượu mà không sanh tâm ác nên có công đức mà không có tội. Tất cả mọi người đều cũng như vậy sao?

Đức Phật dạy:

Ta nghĩ gần đây, trong thành Xá-vệ, có các nhà hào tộc, Sát-lợi, vương công, vì một vài sự tranh tụng nhỏ mà lại dẫn đến thù oán lớn. Hai bên đều bày mưu kế và khởi binh đánh nhau. Họ đều là thân thích của nhà Vua nên Vua rất khó trách phạt. Nhà Vua suy nghĩ về việc đánh nhau của họ mà mình thì không thể can ngăn được nên trong lòng vô cùng ưu sầu. Vua lại nghĩ: “Xưa kia Thái tử cùng với Đề-vi-la giận nhau, sự thật khó phân nên họ muốn giết hại nhau. Nhờ có Thái hậu cho uống rượu mà họ được hòa thuận với nhau”. Nhà Vua suy nghĩ rồi ra lệnh Đại thần bày tiệc rượu và thức ăn ngon lành và ra lệnh cho các nhà hào tộc cho đến quần thần, sĩ dân trong nước đều đến tham dự để luận bàn việc lớn.

Quần thần đều tranh nhau đi, quyến thuộc và tùy tùng của hai nhà đều có đến năm trăm người cùng đi dự hội. Ở trên Điện đường trang nghiêm, nhà Vua vui vẽ ra lệnh các vị thần dùng loại chén báu lưu ly đựng đầy ba thăng rượu ngon rồi nhà Vua uống một chén ở trước chúng hội. Vua nói: “Nay luận bàn về việc nước thì cũng không khác gì tâm

ta hiện giờ. Vì vậy mọi người hãy uống xong chén thuốc cam lồ này rồi sau đó sẽ bàn việc".

Mọi người đều đáp: Chúng thần xin tuân chỉ.

Nhà Vua lại các nhạc công trổi nhạc. Mọi người được uống rượu và nghe nhạc nên trong tâm đều hoan hỷ rồi quên hẳn thù hận. Nhờ rượu chấm dứt sự chiến tranh nên cả nước đều hưởng thái bình. Đây chính là nhờ công năng của rượu.

Ta thầm nghĩ ở đời có đủ hạng người tiểu nhân, bần cùng, tôi tớ, mọi rợ hoặc dựa vào ngày Tết, hoặc thường ở quán rượu, tụ tập uống rượu. Vì tâm hoan lạc nên không cần bảo mà họ cũng tự nhãy múa, còn lúc chưa uống rượu thì không thể có vậy. Như thế nên biết: do uống rượu đem đến sự hoan lạc nên không sanh niệm ác, đó là tâm thiện. Nhờ có tâm thiện nên thọ quả báo thiện. Con khỉ được uống rượu còn biết nhãy múa huống là người đời.

Nhà Vua thưa:

Như lời Thế Tôn dạy: "Tạo nhân thiện thì nhận quả báo thiện, tạo nhân ác thì chịu quả báo ác". Phu nhân Mạt-lợi trước đây đã từng đem sự tốt đẹp đến cho mọi người nên nay có được quả báo tốt đẹp. Như vậy, tại sao Thế Tôn còn bảo giữ gìn năm giới, một tháng trì trai sáu ngày. Trong các ngày trai thì không được trang sức đẹp đẽ, thoa hương, ca múa, trổi nhạc và không cho phép thân cận phu quân, luyến ái sắc đẹp. Rốt cuộc nàng đã làm gì mà phải chịu khổ như thế?

Đức Phật dạy: Lời Đại vương đã hỏi thật đúng như thế.

Lúc phu nhân Mạt-lợi còn trẻ nếu ta không dạy giữ gìn giới pháp, tu trí tuệ thì làm sao có được phước đức như ngày hôm nay để có thể tự độ và độ Vua. Công đức ấy quy về ai đây?

Dưới đây là lược nói về thật thuyết khinh trọng, không phạm gọi là giữ giới chân chánh. Bởi vì đức Phật tùy theo căn cơ của chúng sanh nên có thông, có ngăn. Thông là khai, giá tùy lúc. Lượng là tổn ích. Giống như Vua Ba-tư-nặc muốn giết trù giám, Thái tử muốn hại cha, tất cả đều nhờ rượu mà quên đi thù hận, bảo toàn tánh mạng, khỏi mắc trọng tội. Do dùng khinh để nói trọng nên không chịu tai ương nhưng vẫn có lỗi uống rượu. Tội báo về sau thì không dựa vào phép khai trươc đây nên liền đồng phạm. Do đó mà mỗi người hãy tự xét rõ ý của giáo lý; lại phải xét về bản thân mìnhlàm phước ít ỏi, đau được dự vào hàng Thánh. Tư-nặc, Mạt-lợi khai, giá không đồng, do đo phải nương kinh để không phạm đến mảy may mới là bậc Tối thắng.

Cho nên trong luật Tứ phần, đức Phật có dạy: "Người nào là đệ

tử của ta thì không dùng rượu dù chỉ bằng ngọn cỏ huống chi là uống nhiều, cho nên cần phải đề phòng.

Luận Thành Thật dạy:

Hỏi: Uống rượu là có tội thật chăng?

Đáp: Không phải vậy. Vì sao? Uống rượu không làm phiền não cho chúng sanh nhưng lại là nhân gây tội lỗi. Người uống rượu là mở cửa bất thiện, làm chướng ngại tâm định và các pháp lành. Cũng như trồng cây ăn quả tất phải có tường ngăn. Nên biết lỗi của rượu giống như quả không vườn.

Kinh Ưu-bà-tắc có dạy: Nếu người nào ưa uống rượu thì người ấy hiện tại dễ bị mất của cải, thân tâm nhiều bệnh, thường ưa tranh cải, tiếng xấu vang xa, mất hết trí tuệ, không biết hổ thẹn, dung nhan và sức lực tiều tụy, thường bị mọi người trách mắng, không ai thích nhìn, không thể tu pháp lành. Đó là ác báo hiện tại. Sau khi bỏ thân mạng này rồi thì đọa vào Địa ngục, chịu cảnh đói khát và vô lượng khổ não. Đây là quả báo nghiệp ác trong đời sau. Nếu được làm người thì tâm thường cuồng loạn, không giữ được chánh niệm tư duy pháp lành. Vì nhân duyên ác này nên tất cả của cải đều bị tiêu tan.

Trong kinh Trường A-hàm có dạy: Người uống rượu thì phạm sáu lỗi: Mất của, sanh bệnh, đánh nhau, tiếng ác lưu truyền, sân giận, hung bạo và trí tuệ ngày một tổn giảm.

Luận Trí-độ có dạy: Uống rượu có ba mươi sáu lỗi:

1. Hiện tại của cải cạn kiệt. Vì sao? Vì uống rượu say sưa, tâm không kiềm chế nên phung phí vô độ.

2. Là cửa ngõ của bệnh tật.

3. Là nguyên nhân gây sự.

4. Lõa lồ không biết hổ thẹn.

5. Tiếng xấu vang xa, người không cung kính.

6. Không có trí tuệ.

7. Đáng được của mà không được, đã có của lại bị mất tiêu.

8. Việc bí mật đều nói cho người khác nghe.

9. Sự nghiệp bị phế bỏ, không thành đạt.

10. Say sưa là nguồn gốc ưu sầu. Vì sao? Vì trong lúc say thì tạo nhiều tội lỗi, khi tỉnh thì xấu hổ, ưu sầu.

11. Sức lực yếu dần.

12. Nhan sắc bị hư hoại.

13. Không biết kính cha.

14. Không biết kính mẹ.

15. Không kính Sa môn.

16. Không kính Bà-la-môn.

17. Không kính chú bác và các bậc tôn trưởng. Vì sao? Vì say sưa mê loạn nên không biết phân biệt.

18. Không tôn kính Phật.

19. Không kính Pháp.

20. Không kính Tăng.

21. Làm bạn với kẻ ác.

22. Xa lánh người hiền.

23. Là người phá giới.

24. Không biết hổ thẹn.

25. Không phòng hộ sáu căn.

26. Phóng túng buông lung.

27. Bị người oán ghét, không muốn trông thấy.

28. Bị quyến thuộc và các hàng trí thức bỏ rơi.

29. Làm việc bất thiện.

30. Xả bỏ pháp thiện.

31. Hàng trí thức không tin dùng. Vì sao? Vì uống rượu thì sanh phóng túng.

32. Xa lìa Niết bàn.

33. Gieo nhân duyên cuồng si.

34. Sau khi chết thì đọa vào đường ác ở trong ngục Nê-lê.

35. Nếu được làm người thì lúc sanh ra thường bị cuồng si.

Vì các lỗi như thế, do đó không nên uống rượu.

Trong kinh Sa-di ni giới có dạy: Không được uống rượu, không được ngửi rượu, không được nếm rượu. Rượu có ba mươi sáu lỗi, bỏ đạo, phá nhà, hại thân, mất mạng đều do nơi rượu; kéo Đông, dẫn Tây, nắm Nam, vướng Bắc, không thể tụng kinh, không kính Tam bảo, khinh dễ thầy bạn, bất hiếu cha mẹ, tâm ý mê muội, đời đời ngu si, không gặp đạo lớn, không có ý thức, nên không uống rượu. Muốn lìa năm ấm, năm dục, năm triền cái, chứng đắc năm thần thông, thoát khỏi năm đường thì không nên uống rượu.

Bài kệ trong kinh Tát-giá Ni-kiền-tử:

*Uống rượu nhiều buông lung*
*Hiện tại thường ngu si*
*Quên mất hết mọi việc*
*Bị người trí quở trách*
*Đời sau thường ngu si*

*Phần nhiều mất công đức.*
*Cho nên người có trí*
*Phải lìa xa lỗi rượu.*

Như trong luận Thập-trụ Bà-sa có ghi:

Hỏi: Người nào bố thí rượu thì mắc phải tội gì không?

Đáp: Người bố thí rượu thì được phước nhưng người nhận lấy rượu thì không được uống. Do đó trong luận có dạy: Là Bồ-tát thì có lúc phải xả bỏ tất cả: ai cần ăn thì cho ăn, cần uống thì cho uống. Nếu có ai đem rượu đến bố thí thì nên sanh tâm niệm: "Nay là lúc ta hành bố thí Ba-la-mật thì nên tùy thuận ai cần dùng đến thì đem cho, sau đó mới tìm cách để dạy họ lìa rượu, được trí tuệ, không còn buông lung". Vì sao? Vì pháp bố thí Ba-la-mật là làm theo sự mong cầu của mọi người.

Bồ-tát tại gia dùng rượu thì không mắc tội.

Trong kinh Phạm-võng có dạy: Nếu tự mình cầm bình rượu đưa cho người uống thì trong năm trăm đời thường không có tay, huống là tự uống; không được dạy người và tất cả chúng sanh uống rượu, huống là tự uống.

Kinh Ngũ giới tướng Ưu-bà-tắc dạy: Đức Phật ở tại ấp Bạt-đà-la Bà-đề, nơi ấy có con Rồng Am-la-bà-đề-đà rất hung dữ thường hay hại người nên không ai dám đến đây; voi, ngựa không thể đến gần, các loài chim cũng không bay qua được. Vào mùa Thu đúng lúc thu hoạch vụ lúa đậu...đều bị nó phá hoại.

Lúc ấy, Trưởng lão A-la-hán Tỳ-kheo Sa-già-đà du hành đến nước Chi-đề, nghỉ tạm qua đêm ở ấp Bạt-đề. Sáng sớm Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào trong thôn khất thực thì nghe nói ấp này có con Rồng hung ác thường hay hại người và các loài chim, thú. Nó cũng phá hoại vụ lúa, ngô...vào mùa Thu. Nghe vậy, Tỳ-kheo đi khất thực xong liền đến nơi Rồng Am-bà-đề-la ở. Các loài chim trải tòa để ngài ngồi. Rồng nghe mùi y thì rất sân giận, từ thân nó xuất ra khói. Trưởng lão Sa-già-đà liền vào Tam muội, dùng sức thần thông làm cho trên thân cũng xuất ra khói. Rồng càng sân giận thêm, nó làm trên thân xuất ra lửa. Trưởng lão lại vào Tam muội Hỏa quang làm cho trên thân cũng xuất ra lửa. Rồng lại mưa xuống rắn độc, hổ mang, rết, sâu bọ. Trưởng lão liền biến nó thành hoa sen xanh, châu báu, hoa chiêm bạc... Rồng hiện hết những thần lực nhưng cũng không hơn Sa-già-đà nên nó liền mất ánh sáng, oai lực. Sa-già-đà biết rồng đã hết sức không còn động đậy được nữa, Trưởng lão liền hóa thân nhỏ xíu chui vào hai lỗ tai, chui ra nơi hai mắt; ra khỏi hai mắt rồi vào mũi ra miệng; ở trên đó đi kinh hành qua lại mà

không làm  tổn thương rồng.

Bấy giờ, trông thấy việc như thế rồng hết sức kinh sợ đến nỗi sởn cả gai ốc, nó vội chắp tay thưa Sa-già-đà: Con xin nương theo Ngài.

Sa-già-đà nói: Ngươi chớ quy y ta, nên quy y Thế Tôn- bậc thầy của ta.

Rồng đáp: Từ nay con xin quy y Tam bảo. Con nguyện suốt đời làm Ưu-bà-tắc của Phật.

Rồng thọ Tam-quy làm đệ tử Phật rồi nên không làm cac việc ác như trước nữa. Mọi người và các loài chim thú đều qua lại nơi ấy. Lúa, ngô... của mùa Thu không còn bị hư hoại, tiếng lành vang xa. Các quốc gia khác đều biết Sa-già-đà có năng lực hàng phục Rồng ác quay lại làm thiện. Nhờ danh tiếng lẫy lừng nên ai cũng tranh nhau làm thức ăn đến thỉnh Sa-già-đà. Trong nhóm người ấy có một cô gái nghèo tín kính đã thỉnh được ngài. Cô ta làm cháo sữa và thầm nghĩ: "Sa môn ăn cháo sữa này nên bị phát lạnh", cô ta liền lấy rượu sắc đem cho Sa-già-đà. Sa môn không thấy liền uống. Uống xong Trưởng lão thuyết pháp rồi đi ngang qua giữa sân chùa. Lúc ấy, rượu đã thấm sâu phát say, đến gần cửa chùa thì Tỳ-kheo không còn một chút tình táo nào, nên đã ngã lăn xuống đất, y Tăng-già-lê, đẩy lọc nước, bình bát, gậy...ở một nơi, người ở một ngã, say sưa chẳng biết gì.

Đức Phật cùng A-nan đang đi đến nơi này thì thấy Tỳ-kheo. Thế Tôn biết mà vẫn hỏi: A-nan, đây là ai vậy?

A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Đây là Trưởng lão Sa-già-đà.

Đức Phật liền bảo A-nan: ông nên lấy nước trải tòa, tập tăng ở đây cho Ta.

A-nan vâng lời, lấy nước trải tòa tập tăng rồi bạch Phật: chuúng tăng đã vân tập. Xin Thế Tôn biết cho.

Đức Phật liền rửa chân rồi hỏi các Tỳ-kheo: các ông đã thấy, nghe có con Rồng Am-ba-la-đề-đà hung bạo ác hại nên trước đây không ai dám đến nơi này. ngay cả loài chim thú cũng không thể bay ngang qua. Lúc lúa, ngô chín vào vụ Thu đều bị nó phá hại. Sa-già-đà có khả năng bảo nó làm thiện. Do đó chim thú được đến trên, dưới suối.

Trong số ấy thì có người được nghe nói, có người thấy, có người nghe, thấy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: ý các ông nghĩ sao? Bấy giờ, thiện nam Sa-già-đà có chế phục được con ễnh ương không?

Đáp: Không thể.

Đức Phật dạy: Bậc thánh uống rượu còn phạm lỗi như thế, huống

là phàm phu. Như vậy, tất cả tội lỗi đều do nơi rượu gây ra. Từ này về sau nếu nói ta là đệ tử Phật thì không được uống rượu, dù chỉ là một giọt bằng đầu ngọn cỏ cũng không được uống. Đức Phật liền dùng nhiều lời quở trách tôi lỗi uống rượu rồi. Nhân đó Ngài y theo luật chế giới không uống rượu.

Hỏi: Trên Trời có rượu không?

Đáp: Không chỉ có gạo chế ra rượu mà nghiệp cũng hóa thành rượu.

Do đó kinh Niệm Chánh Pháp dạy: Trời Dạ-ma nam cùng chúng Tiên nữ vào ao đùa giỡn và uống rượu Trời, lìa nơi say sưa, hiện lạc công đức: sắc, hương, vị, xúc đều đầy đủ. Chư thiên cso vị thì dùng bát báu mà uống rượu, thọ dụng thức ăn tô-đà, sắc, hương, vị, xúc đều đầy đủ. Họ thầm nghĩ: "Nước này thành rượu cho ta được uống". Lúc nghĩ như thế, nước liền biến thành rượu Trời, lìa các sự say sưa. Trời đã uống rượu nên càng thêm an lạc. Vì nghiệp thiện này nên Trời sanh tâm hoan hỷ. Sau đó chư Thiênvì nghiệp lực mình nênthọ lạc như vậy. Bỗng có con chim Thường lạc thấy chr Thiên ở trong ao Hoan hỷ uống rượu nên nó nói kệ:

*Chìm đắm vào phóng dật*
*Tham trước các cảnh giới*
*Rượu kia làm tâm mê*
*Việc gì lại uống rượu?*
*Vì cảnh giới lửa thiền*
*Không biết làm, không làm*
*Sanh tâm tham vườn rừng*
*Việc gì lại uống rượu?*

Chim Thường lạc kia thấy chư Thiên vui say uống rượu Trời ở ao nên nói kệ để chế phục họ.

Kinh Niệm Chánh Pháp, Vua Diêm-la nói kệ trách người tội:

*Rượu làm loạn tâm người*
*Đến nỗi như trâu, dê*
*Không biết làm hay không*
*Do đó nên bỏ rượu.*
*Rượu là chỗ tội lỗi*
*Thường không có lợi ích*
*Các thềm bậc đường ác*
*Tối tăm ở nơi này*
*Uống rượu đến Địa ngục*

*Cũng đến nơi Ngạ quỷ*
*Làm nghiệp loài Súc sanh*
*Là lỗi rượu gây cuồng*
*Rượu là độc trong độc*
*Địa ngục trong Địa ngục*
*Bệnh nặng trong các bệnh*
*Là lời bậc trí nói*
*Nếu người thích uống rượu*
*Là nhân không hoan hỷ*
*Không hoan hỷ nên sân*
*Không vui nên làm ác*
*Sanh nghi nơi đức Phật*
*Hoại thế gian, xuất thế*
*Như lửa thiêu giải thoát*
*Rượu là pháp duy nhất*
*Nếu người bỏ được rượu*
*Đi đúng đường chánh pháp*
*Là đến chỗ đệ nhất*
*Nơi không còn sanh, tử.*

Hỏi: Không bệnh uống rượu thì mắc tội, nếu bị bệnh thì có khai cho uống rượu không?

Đáp: Căn cứ vào luật Tứ phần dạy: "Nếu có bệnh mà các loại thuốc khác không trị lành, cần dùng rượu làm thuốc thì không phạm".

Hỏi: Khai cho được uống bao nhiêu rượu?

Đáp: Căn cứ vào kinh Văn Thù Sư-lợi thưa hỏi có dạy: Nếu hòa hợp các thứ để làm thuốc như thầy thuốc đã nói có nhiều loại thuốc hòa lại với nhau, ít rượu nhiều thuốc thì được dùng.

Kinh Xá-lợi-phất thưa hỏi có nói: Xá-lợi-phất bạch Phật:

Vì sao Thế Tôn dạy bậc chứng đạo thì không cho uống rượu. Giống như trái Đình lịch gọi là phá giới, mở cửa phóng dật. Tại sao trong tinh xá vườn trúc Ca-lan-đà có một Tỳ-kheo mắc bệnh nhiều năm đang bị nguy kịch, lúc ấy, Ưu-bà-ly hỏi: "Ông cần thuốc gì, ta sẽ đi khắp mười phương cho đến lên Trời để tìm kiếm cho ông. Nếu chữa lành bệnh thì ta sẽ tìm lấy".

Tỳ-kheo đáp: "Thuốc tôi cần đến trái với giới luật nên tôi không tìm kiếm mà đến nỗi này. Thà bỏ mạng sống này chứ không để phạm luật".

Ưu-bà-ly: "Thuốc ấy là thứ gì?

Đáp: "Thầy thuốc nói cần năm thăng rượu".

Ưu-bà-ly nói: "Nếu là bệnh thì Như Lai đã khai cho".

Nhờ tìm được rượu mà Tỳ-kheo uống liền lành bệnh. Khi lành bệnh rồi, Tỳ-kheo cảm thấy hổ thẹn giống như phạm luật. Tỳ-kheo vội đến chỗ Phật tha thiết sám hối. Đức Phật thuyết pháp cho ông nghe. Nghe xong, Tỳ-kheo hoan hỷ nên liền đắc quả A-la-hán.

Đức Phật dạy: Rượu có nhiều lỗi, là nơi mở cửa phóng dật. Như người uống trái Đình lịch, phạm tội đã quở trách. Nếu trừ bệnh khổ thì không cấm như trước.

Thuật: không được thấy văn trước khai cho rồi tự do uống rượu. Đích thật là bệnh nặng đến lúc sắp chết mà đã dùng các loại thuốc khác không lành phải cần có rượu hòa vào mới lành thì y theo phương tiện khai trước mà được dùng. Tuy nhiên đối với người thân lực cường tráng, không nương oai nghi có chút bệnh liền tăng lòng tham, không hộ trì đạo nghiệp vọng dẫn lời kinh luật nói, Phật khai cho các loại thuốc là áo đắp mặc, thí Phật và tăng, nhân công lợi tư, dối trá đạo tục. Vì vậy người trí phải giữ giới như giữ mạng sống, không nên phạm phải. Cho nên, bài kệ trong kinh Tát-giá Ni-kiền-tử nói:

*Rượu là gốc phóng dật*
*Không uống tránh đường ác*
*Thà bỏ trăm ngàn thân*
*Không hủy phạm giáo pháp*
*Thà để thân khô cằn*
*Quyết chí không uống rượu*
*Nếu như hủy phạm giới*
*Sống đến năm trăm năm*
*Không bằng người giữ giới*
*Tức thời mất thân mạng*
*Quyết chắc chữa lành bệnh*
*Ta còn không uống rượu*
*Huống là không biết được*
*Lành bệnh hay không lành*
*Tâm quyết định như thế*
*Nên hoan hỷ vô cùng*
*Tâm đã hoan hỷ rồi*
*Là được thấy chân đế*
*Bệnh hoạn liền tiêu tan.*

Nên biết, chúng sanh có bao nhiêu bệnh thì tất cả bệnh ấy đều do

tham, sân, ngã mạn gây nên. Từ nhân có quả nên chịu khổ báo này chứ chẳng phải vì không được uống rượu nên không lành bệnh. Do đó kinh Niết bàn dạy:

Bốn mũi tên độc chính là nguyên nhân gây bệnh cho chúng sanh. Đó là: Tham dục, sân giận, ngu si, kiêu mạn. Nếu có nguyên nhân gây bệnh thì có bệnh sanh: lửa ái hấp thụ bệnh, khí huyết trái nghịch, thân thể tê liệt, tâm mê loạn, kiết lỵ, nôn mữa, mắc nghẹn, mắc tiểu hoài, tai mắt đau buốt, bụng trướng, lưng gù, điên cuồng mất trí, bị quỷ mỵ nhập vào. Đó là các bệnh ở thân tâm. Nếu biết nguyên nhân gây bệnh, đoạn ác tu thiện thì khổ báo trong ba đời đều được dứt trừ. Nếu không biết quán xét mà lại dung túng người dùng thuốc rượu thì bệnh càng nặng thêm khó mà chữa lành được.

Trong kinh Tỳ Ni Mẫu, Tôn giả Ni-sa-tắc nói: Trước đây khi chưa xuất gia, hằng ngày Tỳ-kheo Sa-đề thường dùng ít rượu để nuôi dưỡng thân mạng, do đó sau khi xuất gia rồi không được uống rượu nên bốn đại không điều hòa. Các Tỳ-kheo thấy vậy bạch Phật. Đức Phật dạy:

Người bị bệnh thì cho phép ngửi cái vò rượu, nhưng đến khi lành thì không cho ngửi nữa; nếu không lành thì cho phép dùng rượu để tắm; nếu không lành thì cho phép dùng rượu hòa với bột làm bánh ăn; nếu không lành thì cho phép ngâm mình trong rượu.

Như Khế kinh trong luận Tỳ-bà-sa dạy: Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong khu rừng tại nước Kiều-tát-la. Trong ấy cũng có Ngoại đạo xuất gia đang sinh sống gần Tôn giả. Cách rừng không xa, trong các thôn ấp ấy nhằm lúc thiết hội Nguyệt tiết. Lúc ấy, Ngoại đạo đi khắp các thôn ấp, ăn thịt heo no nê, tự do uống rượu, rồi trộm lấy đồ dư đem về đến rừng thấy Xá-lợi-phất đang ngồi dưới một gốc cây. Vì rượu làm mê loạn nên Ngoại đạo sanh tâm khinh miệt nói:

Ta với người tuy cùng xuất gia nhưng chỉ mình ta giàu có hưởng lạc, còn người thì bần khổ. Thế rồi, Ngoại đạo nói kệ:

*Ta đã no rượu thịt*
*Trộm của dư đem về*
*Mặt đất, cỏ cây, núi,*
*Đều xem như đống vàng.*

Lúc ấy, Xá-lợi-phất nghe xong thì suy nghĩ: “Ngoại đạo chết tiệt này không biết hổ thẹn nên mới có thể không nương tựu theo pháp Già-đà này. Nay ta cũng nói kệ đáp lại nó”. Nghĩ rồi, Tôn giả liền nói kệ:

*Ta thường no Vô tướng*
*Thường ở cửa Định, Không*

*Mặt đất, cỏ cây, núi,*
*Đều thấy như nước dãi.*

Qua bài tụng này, Tôn giả Xá-lợi-phất đã rống tiếng rống Sư tử, nói đến ba cửa Giải thoát. Câu đầu nói về cửa Vô tướng Giải thoát. Câu hai nói về cửa Không Giải thoát. Hai câu sau nói về cửa Vô nguyện giải thoát.

***Thứ 3: Duyên ăn thịt***

Thuật rằng: Giáo pháp này cũng có quyền, có thật. Người nói về quyền giáo thì căn cứ trong luật Tỳ-ni có dạy: Thế Tôn lúc mới thành đạo vì muốn độ những kẻ phàm phu thô ác, chưa lãnh thọ được giáo pháp vi tế. Vả lại pháp tiệm giáo nói về ba thứ tịnh nhục: lìa sự thấy, nghe, nghi; không vì mình mà giết; chôn cất tự chết thì khai cho được ăn. Trước nói thô sau nói tế rồi lần lượt giúp người lìa khỏi tội lỗi cho nên ý nghĩa của nó tùy lúc khó hiểu được thuyết này.

Nếu căn cứ vào thật giáo thì từ lúc mới đắc đạo cho đến hôm nhập Niết bàn, bậc Đại thánh ân cần nhắc nhở, trước sau đều không khai.

Kinh Niết Bàn dạy: Tất cả chúng sanh nghe mùi thịt ấy đều kinh hãi lo sợ muốn chết, các loài sống ở nước, mặt đất, trên không cũng đều bỏ họ mà chạy. Chúng đều nói: kẻ ấy là oán thù của chúng ta. Cho nên Bồ-tát không ăn thịt nhưng vì độ chúng sanh mà thị hiện ăn thịt. Tuy thị hiện ăn thịt mà thật ra thì không ăn. Có các chúng sanh kiến chấp, không biết Như Lai phương tiện nói pháp liền thiên chấp về giáo pháp Tỳ-ni, nói Phật cho ăn ba loại thịt thanh tịnh. Đó cũng là phỉ báng lời dạy của Như Lai. Người ngu si ấy đã tạo nên tội chướng lớn, mãi mãi sẽ rơi vào chỗ không có lợi ích, cũng không thấy được đệ tử Hiền thánh ở hiện tại, vị lai, huống nữa là được gặp chư Phật, Như Lai.

Đại Tuệ! Các hàng Thanh-văn thường ăn gạo, bột, dầu, mật...mới có mạng thanh tịnh. Hạng người cất giữ phi pháp, thọ nhận phi pháp thì Ta nói đó là vật bất tịnh, Ta còn không cho ăn huống chi máu thịt bất tịnh mà lại cho phép ăn chăng?

Ăn thịt bất chánh làm hoại pháp lành, chướng đạo quả. Ngay cả những kẻ sống bằng nghề tà vạy, quanh co để mưu cầu cuộc sống riêng tư cũng là chướng đạo.

Kinh Văn Thù Sư Lợi thưa hỏi:

Nếu là đã giết thì không được ăn. Nếu thịt trong rừng đã nát vữa, muốn ăn thì được ăn. Nếu muốn ăn thịt thì nên đọc bài chú này:

Đa điệt tha, a nại ma, a nại ma, a thị bà đa, a thị bà đa, na xá, na

xá, đà ha, đà ha, bà phất, bà phất, tăng kha lật đa nhĩ, sa ha.

Đọc bài chú này ba lần rồi mới được ăn thịt. Uống cũng không ăn. Vì sao? Nếu nghĩ là uống thì không nên ăn huống chi là sẽ ăn thịt.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi:

Do chúng sanh không có sức từ bi, thường ôm lòng giết hại, vì nguyên nhân này nên phải đoạn trừ việc ăn thịt. Nếu không ôm lòng giết hại, có tam từ bi rộng lớn nhưng vì giáo hóa tất cả chúng sanh nên nếu ăn thịt thì không có tội.

Thuật rằng: Đây cũng là giáo pháp tiệm chế trước kia nên trừ vì mình mà giết thì không được ăn. Nếu thịt tự chết bị nát vữa tưởng như cây cỏ mới khai cho ăn. Người muốn ăn thịt thì phải tụng chú và sanh tâm hổ thẹn rồi mới khai cho ăn. Nếu sau đó chế không cho ăn các loại thịt, không hỏi là thịt dư của chim, thịt tự chết đều không được ăn.

Như kinh Vị-tằng-hữu khai cho uống rượu. Kinh Văn Thù khai cho ăn thịt....Xét về các kinh này thì tất cả đều là lúc mới thành đạo, Như Lai quán biết căn cơ của chúng sanh không thể đốn đoạn, đốn chế cho nên Ngài tiệm khai, tiệm chế. Sau khi biết căn tánh của chúng sanh đã thuần thục nên Ngài vĩnh đoạn và chế ngự cho dù có nhỏ như lông tơ cũng không cho phép nếu không nói rõ nguyên nhân.

Bấy giờ, có người ngu chỉ đọc kinh này liền phóng túng phạm lỗi, vì không hiểu khai, giá, thông, bế có sự sai khác. Cho nên trong văn đốn, tiệm tổng lục nếu biết rõ gốc ngọn của nó thì gần như đoạn dứt hoàn toàn, khai mở phạm hạnh.

Hỏi: Rượu hòa làm thuốc rất hay. Thịt bổ sung thêm cho mâm cỗ thêm ngon. Xưa nay hai thứ này hòa đồng vị, bây giờ thấy gì dở mà không ăn?

Nếu Phật giáo cấm nơi tang lễ tức giống như Vua nghiêm khắc ra lệnh ban cho người đời ăn đâu có khai cho Tăng phải kiềm chế mà không ăn?

Đáp: Tham tài, ưa sắc là sự thô bỉ của đàn ông. Ăn ngon, ngửi thơm là sự xấu ác của kẻ sĩ. Dứt tình theo đạo thì được bậc Hiền tán thán. Nén dục, ngưỡng mộ đức, các nhà triết học xưa trăn trở, huống chi thịt lại là nguyên nhân của sự giết hại mạng sống. Rượu có thể làm loạn thần thức. Do đó không ăn là phải lẽ, cớ sao lại cho là trái. Nếu gặp sự phóng túng thì nghiêm cấm ngăn ngừa. Tuy trái lệnh Vua nhưng thuận tâm Phật.

Hỏi: Vì rượu hại mạng nên cấm ngăn là việc đương nhiên. Còn rượu không làm tổn hại chúng sanh tại sao lại đốn chế. Nếu không tổn

hại thì định tội nói dối cũng không có lỗi, uống nước ăn cơm cũng đều phạm tội, nhưng thực ra thì không như vậy, sao phải cấm đoán việc uống rượu?

Đáp: Kiết giới tùy việc, phạm tội thì căn cứ vào tâm, do làm hại thân mạng nên ăn thì mắc tội. Tánh của rượu thì không hại nhưng do mê muội nên gây ra các tội lỗi khác. Tội lỗi sanh là do rượu, bỏ rượu thì hết lỗi lầm. Cho nên việc ngăn, chế không đồng, chẳng gọi thể của rượu là tội lỗi.

Hỏi: Tội thì có tánh tội, giá tội mà thể rượu sanh tội, nay có người uống rượu không say, lại không mê loạn, cũng không sanh tội. Người này uống rượu mà không đắc tội. Như thế thì có thể uống, không gây tội lỗi, sao lại bỏ rượu mới thành giữ giới thiện? Có thể cho rằng người uống rượu không say thường gọi là trì giới, uống ít mà say thì đó là mắc tội lớn?

Đáp: Chế giới để ngăn lỗi lầm, là căn bản để sanh pháp lành. Giới là ngăn việc ác làm cho thân miệng không trái nghịch. Trong duyên ngăn, dứt, giá, tánh đều đoạn mới gọi là giới thiện. Nay người uống rượu đã không mê loạn, chưa phá giới khác. Đúng theo lý thì không mắc tội nhưng chính nhân uống rượu mà sanh tội, ngoìa thì trái với giáo lý, trong thì là duyên sanh tội nên vẫn gọi là có tội, do không đồng với không uống cũng giống như không trì giới.

Thứ nhất: Chứng minh thật có bị tổn hại.

Theo kinh dạy người uống rượu có mười tội lỗi.

*1. Chứng minh tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến nay đều là thân thuộc của mình, do đó không nên ăn thịt lẫn nhau.*

Trong kinh Lăng Già dạy: Ta quán thấy chúng sanh luân hồi trong năm đường, cùng sống chết, cùng nuôi dưỡng nhau, thay đổi làm cha mẹ, anh chị em, hoặc trai, hoặc gái, trong đó đều là lục thân quyến thuộc; hoặc sanh vào các cõi ác, cõi thiện đều là thân thuộc. Do đó, Ta quán thấy các chúng sanh ấy lại ăn thịt lẫn nhau thì đều không phải là người thân. Do tham thịt nên lần lượt ăn nuốt lẫn nhau, thường sanh tâm giết hại, lại tăng thêm nghiệp khổ, luân chuyển trong sanh tử không thoát ra khỏi.

Lúc Phật nói như thế, các La-sát ác nghe lời Phật dạy đều bỏ tâm ác, bỏ ăn thịt rồi chúng khuyên nhủ lẫn nhau cùng phát tâm Bồ-đề, bảo hộ mạng chúng sanh là cũng tự hộ thân mình, xa lìa và không ăn tất cả các loại thịt. Lúc ấy, bọn chúng cảm động, thương xót, rơi lệ, bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Con nghe lời Phật dạy rồi quán sát trong sáu đường thì con đã ăn thịt đều là thân thuộc của mình, mới biết ăn thịt chúng sanh là kẻ oán thù lớn, đoạn mất hạt giống đại từ, tăng thêm nghiệp bất thiện, là gốc khổ não lớn. từ nay con nguyện dứt bỏ, không ăn thịt và cũng không cho ai ăn thân quyến của con. Nếu đệ tử Như Lai có ai không ăn thịt thì ngày đêm con sẽ gần gũi ủng hộ. Nếu người nào ăn thịt thì con sẽ làm cho họ không được lợi ích.

Đại Tuệ! Ác quỷ La-sát thường hay ăn thịt mà nghe lời Ta dạy còn phát tâm từ bỏ thịt không ăn, huống chi đệ tử của Ta hành theo thiện pháp mà lại cho ăn thịt? Nếu người nào ăn thịt thì nên biết đó là kẻ oán thù lớn nhất của chúng sanh. đoạn dứt hạt giống Thánh của Ta.

Đại Tuệ! Nếu đệ tử của Ta, nghe lời dạy của Ta mà không quán sát lại ăn thịt thì nên biết đó là bọn Chiên-đà-la, chẳng phải là đệ tử của Ta, Ta không phải là thầy của họ.

*2. Chứng minh vì chúng sanh ăn thịt thì sợ hãi. Do đó không nên ăn thịt.*

Như kinh kia dạy: Chúng sanh nghe mùi của người ăn thịt thì kinh hãi tháo chạy. Vì thế Bồ-tát tu hạnh như thật, vì hóa độ chúng sanh nên không ăn thịt.

Thí như bọn Chiên-đà-la, thợ săn, đồ tể, bắt các loài chim, cá nơi họ đi qua. Do đó mà từ xa trông thấy họ, chúng sanh liền nghĩ: “Nay ta phải chết vì kẻ đi đến đây là kẻ đại ác, không biết tội phước, đoạn mạng chúng sanh để cầu lợi hiện tại. Nay nó đến nơi này là muốn tìm bắt chúng ta. Thân chúng ta đều có thịt nên nay nó đến đây thì nhất định chúng ta sẽ chết”.

Đại Tuệ! Do người ăn thịt nên chúng sanh trông thấy thì kinh hãi như thế. Đại Tuệ! Chúng sanh ở trên không hay ở trên mặt đất trông thấy người ăn thịt đều kinh hãi và sanh tâm nghi hoặc: “Nay ta sẽ chết hay được sống. Người ác này không tu tâm từ cũng giống như lang sói thường đi khắp nơi tìm thịt để ăn, như loài trâu ăn cỏ, loài bọ hung ăn phẩn không biết no đủ. Thịt của thân ta chính là thức ăn của nó. Vậy ta không nên gặp nhau”. Nghĩ rồi, nó liền cao chạy xa bay như người sợ hãi La-sát vậy.

*3. Chứng minh người ăn thịt làm hoại tín tâm của người khác. Vì vậy không nên ăn thịt.*

Như kinh kia dạy: Người nào ăn thịt thì làm mất tín tâm của chúng sanh, làm cho họ nghĩ thế gian không đáng tin cậy, đoạn dứt quả báo tin tưởng. Thế nên, Đại Tuệ! Bồ-tát vì muốn hộ tín tâm của chúng

sanh thì đối với tất cả các thịt đều không nên ăn. Vì sao? Ở thế gian ai mà trông thấy người ăn thịt thì họ đều hủy báng Tam bảo rồi nói thế này: "Ở trong phật pháp nơi nào mà có Sa môn, Bà-la-môn chân thật tu phạm hạnh, xa bỏ thức ăn đáng ăn của bậc Thánh, ăn thịt chúng sanh giống như La-sát, đoạn bánh xe chánh pháp của Ta, diệt mất hạt giống Thánh, tất cả đều do lỗi ăn thịt. Thế nên, Đại Tuệ! Đệ tử của Ta vì muốn bảo hộ người ác hủy báng Tam bảo thì không nên sanh tâm tưởng đến thịt huống nữa là ăn.

*4. Chứng minh người hành tâm từ thì ít muốn.*

Như kinh kia dạy: Bồ-tát vì mong cầu thoát khỏi sanh tử thì phải luôn chuyên tâm niệm từ bi, hành ít muốn, biết đủ, nhàm chán sự khổ đau ở thế gian, mau cầu giải thoát. Hoặc bỏ nơi đô thị ồn náo đến nơi thanh vắng, ở rừng Thi-đà, chỗ A-lan-nhã, giữa gò mã, dưới gốc cây, một mình tư duy, quán sát tất cả thế gian chẳng có gì vui thích: vợ con quyến thuộc tưởng như xiềng xích; cung điện, lâu dài tưởng như lao ngục; ngọc ngà châu báu tưởng như đống phẩn; các thức ăn uống tưởng như máu mủ, nhận các thức ăn tưởng như bùn, ung nhọt, chỉ muốn duy trì mạng sống, buộc niệm nơi Thánh đạo, không tham mùi vị rượu, thịt, mùi hôi hành, hẹ, tỏi, kiệu đều xả bỏ không ăn. Nếu ai được như vậy là người tu hành chân chánh, đáng được thọ nhận sự cúng dường của tất cả Trời, người. Đối với thế gian nếu không sanh tâm nhàm chán, xa lìa mà lại tham trước các vị rượu, thịt; các vị cay, thơm đều ăn hết thì không xứng đáng để thọ nhận của tín thí ở đời.

*5. Người ăn thịt đều do quá khứ đã từng làm quỷ La-sát, vì tập khí xưa nay tham mùi vị thịt. Do đó không nên ăn thịt.*

Như kinh kia dạy: Có các chúng sanh ở đời quá khứ đã tu vô lượng nhân duyên, có chút căn lành được nghe giáo pháp của Ta nên sanh tín tâm, xuất gia trong giáo pháp của ta. Các chúng sanh ấy quá khứ cũng đã từng làm quyến thuộc của La-sát, sanh trong loài hổ, sói, sư tử, chồn cho nên dù có ở trong giáo pháp của Ta mà tập khí ăn thịt vẫn còn sót lại, do đó khi họ trông thấy người ăn thịt thì hoan hỷ, thân gần, rồi vào các thành, ấp, xóm làng, chùa, tháp, uống rượu, ăn thịt để được hoan lạc. Chư Thiên và người trông thấy họ giống như La-sát tranh ăn thây chết. Thế mà họ đâu biết mình đã lìa chúng tăng, làm quyến thuộc La-sát, dù mặc áo cà-sa, cạo bỏ râu tóc nhưng chúng sanh trông thấy họ thì đều kinh hãi như gặp phải La-sát. Ở đây nói rõ người ăn thịt đều do quá khứ đã từng làm La-sát, sư tử, hổ, sói, chồn. Cho nên cần phải dứt bỏ việc ăn thịt.

*6. Chứng minh người ăn thịt học chú thuật thế gian còn không thành tựu huống nữa là học pháp xuất gia thì do đâu mà chứng được. Cho nên hành giả không nên ăn thịt.*

Như kinh kia dạy: Các thầy bùa chú Tà kiến ở thế gian mà ăn thịt thì làm chú thuật không thành. Vì muốn thành tựu chú thuật mà họ còn không ăn thịt, huống là đệ tử của Ta vì muốn xuất gia mong cầu giải thoát, đạt đến Thánh đạo, tu đại từ bi, tinh tấn khổ hạnh còn sợ không đắc đạo thì làm sao có sự giải thoát. Vì người ngu kia ăn thịt nên chịu quả báo như thế. Cho nên, Đại Tuệ! Đệ tử của Ta vì sự mong cầu giải thoát xuất thế thì không nên ăn thịt.

*7. Chứng minh tất cả chúng sanh đều yêu quý thân mạng như mình. Cho nên hành giả không nên ăn thịt.*

Như kinh kia dạy: Ăn thịt thì tham đắm sắc lực, mùi vị mà phần đông con người đều tham trước. Cho nên quán sát trong thế gian tất cả các loài có mạng sống đều tự bảo trọng thân mình, sợ hãi khổ chết. sự quý mến thân mình ở loài người, loài vật đều không khác. Thà được sống còn dù cho ghẻ lở đầy thân cũng không chịu bỏ mạng để hưởng vui ở chư Thiên. Vì sao? Vì lo sợ nỗi khổ khi chết, do quán sát sự chết là đau đớn nhất, là pháp đáng sợ. Mình thì sợ chết, tại sao lại giết hại kẻ khác để ăn thịt. Cho nên, Đại Tụê! Người muốn ăn thịt thì trước hết phải nghĩ về thân mình, sau đó quán sát chúng sanh mà không nên ăn thịt.

*8. Chứng minh người nào ăn thịt thì tất cả chư Thiên, Hiền thánh đều xa lìa, ác thần sợ hãi. Vì thế hành giả không nên ăn thịt.*

Như kinh kia dạy: Người ăn thịt thì chư Thiên đều xa lìa huống nữa là Thánh nhân. Do đó Bồ-tát thấy bậc Thánh đang tu hành từ bi thì không nên ăn thịt.

Đại Tuệ! Người ăn thịt thì lúc ngủ hoặc thức đều khổ; nếu ở trong mộng thì chỉ thấy việc ác, kinh sợ đến nỗi sởn gai ốc, tâm không an. Vì họ không có tâm từ nên thiếu các thiện lực; nếu ở một mình nơi vắng vẻ thì đa số đều bị loài phi nhân rình tìm quấy nhiễu. Hổ, sói, sư tử cũng đến rình bắt họ để ăn thịt. Vì vậy họ thường sợ hãi, bất an.

*9. Chứng minh những người ăn thịt, nếu là thịt thanh tịnh còn không nên ăn huống chi là thịt bất tịnh. Cho nên hành giả không nên ăn thịt.*

Như kinh kia dạy: Ta nói những kẻ phàm phu vì mong cầu mạng sống thanh tịnh nên ăn thức ăn thanh tịnh còn tưởng như ăn thịt con mình, huống là cho phép ăn những thức ăn không phải thức ăn của bậc Thánh. Thánh nhân mà dùng thịt thì sanh vô lượng tội lỗi, mất hết công đức ở

đời. Tại sao nói Ta cho phép các đệ tử ăn các mùi vị máu thịt bất tịnh. Người nào nói Ta cho phép thì đó là kẻ đã hủy báng Ta. Thế nên trong luật dạy: " Ăn máu thịt của sanh vật, phạm tội Thâu-lan-giá.

*10. Chứng minh người ăn thịt sau khi chết sẽ sanh vào trong loài La-sát. Cho nên hành giả không nên ăn thịt.*

Như kinh kia dạy: Người nào ăn thịt chúng sanh là do quá khứ đã huân tập việc ăn thịt. Đa số họ đều sanh vào loài La-sát, sư tử, hổ, sói, chồn, chim Thứu, chim Cắt, chim Ưng, chim Diêu, cú vọ. Tất cả loài có sanh mạng đều tự bảo vệ mình, nếu ai tùy tiện không vâng lời thì chịu đói khác, thường sanh tâm ác, nghĩ đến việc ăn thịt kẻ khác nên sau khi qua đời lại thọ sanh vào đường ác, khó được thân người, huống nữa là đắc đạo Niết bàn. Nên biết người ăn thịt có vô lượng tội lỗi như vậy. Do đó hành giả không ăn là đã tích tụ vô lượng công đức.

Trong kinh Ương Quật Ma, Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Do Như Lai Tạng nên Phật không ăn thịt chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy. Tất cả chúng sanh từ vô thỉ luân chuyển trong sanh tử đều là cha mẹ, anh chị em, sự biến đổi của vô thường cũng giống như nhà ảo thuật. Thịt mình, thịt người ta cũng đều là một loại thịt. Cho nên chư Phật không ăn thịt.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: Tất cả cõi chúng sanh, cõi Phật tức là một cõi; thịt đã ăn tức là một thịt. Cho nên chư Phật quyết không ăn thịt.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: nếu bò bị chết, người chủ lấy da bò làm giày, dép cúng dường cho người trì giới thì người ấy có nên nhận không? Người không thọ nhận là hành đúng pháp Tỳ-kheo, người thọ nhận là làm trái pháp Tỳ-kheo nhưng không phá giới, từ đó dần dần lìa nhân duyên giết hại

Lại nữa kinh này nói trong thân chúng sanh có tám mươi vạn vi trùng. Nếu đoạn mạng một chúng sanh là đoạn mạng tám mươi vạn vi trùng; hoặc nướng, hoặc nấu, hoặc ngâm nước, phơi nắng, đều có trùng nhỏ như: Giòi, ngài, ruồi thường gần bên. Cho nên lại giết hại thêm vô lượng mạng sống. Cho dù chính tay mình giết nhưng kẻ đồ tể không dám tự ăn đều vì người ăn thịt mà giết hại. Nên biết người ăn thịt là đồng tội với kẻ giết hại. Hoặc có Tăng ni xuất gia ở chùa mà cùng với các cư sĩ an nhiên tụ hội uống rượu, ăn thịt, làm xông mùi tạp uế cay nồng, ô nhiễm chốn chùa chiền, không biết tủi thẹn với Tôn nhan, hổn tạp như thế thì còn hơn Ngoại đạo.

Kinh Địa Ngục Ni-la-phù-đà dạy: thân như từng khúc thịt không

có sự hiểu biết. Đây là ai? Đó là những Tăng ni xuất gia uống rượu, sao không thâm tín kinh điển sanh tâm hổ thẹn, tự bỏ chánh pháp thì đồng với Ngoại đạo. Nếu ăn thịt cha của chúng sanh, thì như ăn thịt cha mình. Nếu ăn thịt mẹ chúng sanh thì như ăn thịt mẹ mình. Như vậy thì anh chị em, lục thân quyến thuộc đều có sự tương quan lẫn nhau, cùng oán thù nhau, không có giải thoát được.

Giới kinh Sa-di-ni dạy: không được giết hại. Phải thương xót chúng sanh như cha mẹ nhớ con, thương loài nhỏ nhiệm như con đỏ.

Thế nào là không giết hại? Đó là giữ gìn thân, miệng, ý. Thân không khinh thường người, loài vật có hơi thở. Tay cũng không làm, không dạy người làm; thấy giết không ăn, nghe giết không ăn, nghi giết không ăn, vì mình mà giét lại không ăn. miệng không nói nên giết, phải giết, báo oán, cũng không được nói chết vui, giết vui, thịt con này mập, thịt con kia ốm, thịt con này ngon, thịt con kia dở. Ý cũng không nhớ nghĩ, phải thương xót chúng sanh như cốt nhục của mình: như cha, như mẹ, như con. Các loài như thế không có sai khác, đều cùng một tâm niệm mong cầu Đại thừa.

Trong kinh Hiền Ngu, đức Phật bảo Vua Ba-tư-nặc: Quá khứ xa xưa trong vô số kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề này có một nước tên là Ba-la-nại. Vua tên là Ba-la-ma-đạt dẫn bốn binh chủng vòa núi săn bắn, vui chơi. Vua đến bên chằm đuổi theo cầm thú, một mình, một ngựa vào thẳng rừng sâu. Bấy giờ, Vua qua mệt mỏi liền xuống ngựa, nghỉ ngơi chốc lát.

Lúc đó, ở trong rừng ấy có một con sư tử cái dục tâm hừng hẫy đang chạy tìm đồng bọn. Vì không tìm được nên nó tạm ở dưới gốc cây. Bấy giờ trông thấy nhà Vua ngồi một mình ở giữa rừng nên lòng dục nó càng mạnh thêm, nên trong lòng muốn Vua thuận theo ý nó. Thế rồi, nó đến bên cạnh nhà Vua, ngồi quay lưng, cong đuôi. Vua biết ý nó nên tự suy nghĩ: “Đây là loài thú dữ, có thể nuốt sống ta. Nếu ta không theo ý nó thì dễ nguy hại đến tính mạng. Do sợ hãi nên Vua thuận theo sư tử để làm việc dâm dục, xong rồi, sư tử đi xa. Các binh chủng tùy tùng đến, Vua cùng mọi người liền trở về cung thành. Sư tử từ đó liền mang thai, đủ tháng, đủ ngày sanh ra một đứa trẻ, thân hình giống người nhưng ở chân thì loang lỗ. Sư tử nhớ biết nhà Vua kia liền cắp con mình mang đến cho nhà Vua. Vua cũng nghĩ nhớ đây là con mình liền nhận lấy, nuôi dưỡng. Do chân nó bị loang lỗ nên đặt tên là Ban-túc. Ngày tháng trôi đi, nó lớn lên dần và rất mạnh mẽ, hùng dũng. Sau khi Vua cha băng hà, Ban-túc lên ngôi kế vị.

Bấy giờ, Vua Ban Túc có hai phu nhân, một là dòng Sát-đế-lợi, hai là dòng Bà-la-môn. Khi đi du hành, Ban-túc dặn hai phu nhân nếu ai đến trước thì được cùng Trẫm vui chơi một ngày, nếu ai đến sau thì Trẫm không nhìn mặt. Sau khi Vua đi rồi, hai phu nhân trang sức lộng lẫy, nghiêm giá đi đến giữa đường thì gặp miếu thờ Thiên thần. Họ xuống xe, làm lễ xong rồi đến sau, theo lời Vua dặn mà họ không đến trước. Lúc ấy, phu nhân sân giận Thiên thần: "do làm lễ ngươi mà ta bị Vua dối xử lạnh nhạt. Nếu ngươi có thần lực thì sao lại không ủng hộ ta. Sau đó phu nhân hủy hoại, sang bằng miếu thờ. Thiên thần sầu não muốn đến phá cung Vua nhưng lại bị Thiên thần khác cản ngăn không cho vào. Có một Tiên nhân ở trong núi thường được nhà Vua cúng dường, hằng ngày đúng giờ ăn thường hay bay vào cung Vua. Tiên nhân không thích ăn thức ăn thịnh soạn, chỉ ăn các món ăn thô cứng. Chợt có một ngày Tiên nhân không đến, Thiên thần biết vậy liền hóa hình Tiên nhân, ngồi vào chỗ thường ngồi nhưng không chịu ăn thức ăn đã dọn sẵn mà muốn ăn cá thịt. Vua liền làm theo, Thiên thần ăn xong thì đi. Ngày hôm sau, vị Tiên nhân củ đến, Vua dọn thịt ra. Tiên nhân bực tức, Vua nói:

Hôm qua Đại tiên bảo tôi làm, sao nay lại không ăn?

Tiên nhân nói: hôm qua ta có bệnh nên nghỉ một ngày mà không đến. Đó là ai nói vậy thế nhưng chớ có khinh suất. Tiên nhân bảo Vua: Trong mười hai năm sau sẽ có chuyện ăn thịt người. Nói xong Tiên nhân bay trở về trong núi.

Sau đó có một hôm, Trù-giám quên làm thịt. Lúc ấy, không biết tính sao, ông ta liền đi ra ngoài tìm thịt thì trông thấy một đứa trẻ mập mạp, trắng trẻo vừa mới chết nằm trên đất. Nghĩ là đúng lúc cần thiết, Trù-giám liền chặt bỏ đầu, chân rồi mang về nhà bếp, dùng thêm gia vị làm thức ăn cho Vua. Vua ăn xong thì có cảm giác thịt này ngon gấp bội thịt thường dùng. Nhà Vua hỏi Trù-giám:

Từ trước đến nay Trẫm đã dùng thịt nhưng chưa có loại thịt nào ngon như thịt này. Đây là thịt gì?

Trù-giám hoảng sợ vội quỳ xuống trước Vua, tâu:

Nếu nhà Vua tha tội thì thần mới dám nói thật.

Nhà ngươi phải nói rõ sự thật thì ta mới không hỏi tội của nhà ngươi.

Trù-giám liền trình bày tất cả sự việc cho Vua nghe. Vua nói: Thịt này rất ngon. Từ nay về sau, ngươi cứ như thế mà làm.

Trù-giám tâu: trước đây là vô tình mà gặp người chết, nay muốn

tìm cầu thì không thể có được.

Vua nói: nhà ngươi cứ bí mật tìm kiếm, nếu ai phát hiện thì việc xử đoán là do Trẩm.

Trù-giám tuân lệnh, tối đến thường lén bắt lấy trẻ con làm thịt dâng Vua dùng hằng ngày.

Lúc ấy, trong thành ai cũng khóc than bảo mất con nít. Mọi người đều thắc mắc: “Tại sao như thế?”. Các đại thần cùng nhau họp bàn, phải thử rình xem. Do đó trên các nẽo dường đều có người đứng rình nên bắt gặp người Trù-giám của nhà Vua bắt trẻ con. Họ liền trói lại đem trình lên nhà Vua và tâu trình hết tất cả sự việc.

Vua nói: Đó là Trẫm sai làm.

Các quan thần đều bực tức, tự nghĩ: “Nhà Vua là giặc ăn thịt các con ta. Vua ăn thịt người thì làm sao mà chúng ta có thể cùng nhau thống trị đất nước. Vì thế họ từ bỏ Vua để tránh khỏi tai họa sau này. Mọi người đồng tâm cùng bày mưu kế. Lúc ấy, họ nhóm họp bao vây nhà Vua rồi nói: Phải bắt Vua giết đi.

Vua thấy binh lính bao vây, hoảng hốt nói: tại sao các ngươi lại bức bách ta?

Các thần đáp: Người làm Vua là lấy việc nuôi dưỡng dân để làm sự nghiệp, sao lại sai người Trù-giám giết người làm thức ăn, tâm ác bạo ngược, không từ sự khổ đau nào nên phải giết Vua.

Vua bảo các thần: Từ nay về sau Trẫm tuyệt đối không làm. Xin các khanh tha thứ, Trẫm sẽ tự hối cải.

Các thần nói: Nhất quyết không thể tha thứ, không cần nhiều lời.

Nghe vậy, Vua biết mình sẽ chết liền bảo các thần: dù các khanh có muốn giết ta thì cũng xin hoãn lại giây phút cho ta được nói đôi lời. Nhà Vua liền lập thệ nguyện: “Từ trước đến nay con đã tu các hạnh lành, làm Vua đem pháp chánh trị nước, cúng dường Tiên nhân. Tất cả công đức ấy làm cho con ngày nay trở thành phi hành La-sát”.

Dứt lời, Vua liền biến thành La-sát bay lên không trung. Vua bảo các thần: Các ông muốn hợp sức giết ta nhưng ta có may mắn lớn nên mới có thể thoát khỏi. Từ nay về sau các ông hãy khéo mà giữ gìn vợ, con yêu quý của mình. Ta sẽ lần lượt bắt ăn. La-sát nói xong, bay đi giữa núi rừng bắt người mang về làm thức ăn. Mọi người sợ hãi, ai cũng lẫn trốn. Từ đó về sau La-sát luôn giết người để ăn. Bọn La-sát nương tựu nhau nên đồ chúng của nó càng về sau càng đông dần và việc hại người càng lan rộng ra. Sau đó các La-sát nói với Ban-túc: chúng tôi sẽ giúp việc cho nhà Vua. Xin nhà Vua cho phép chúng tôi cùng hội họp.

Vua liền chấp thuận và bảo chúng phải bắt được năm trăm nhà Vua để làm lễ hội. Bọn chúng hứa rồi, hằng ngày thường vào trong rừng sâu bắt được bốn trăm chín mươi chín nhà Vua. Lúc còn thiếu một người, chúng bắt được Tu-đà-tố-di là bậc đạo cao đức trọng. Tu-đà-tố-di theo Vua La-sát nghỉ được bảy ngày, nghỉ rồi lại đi. Tu-đà nói pháp cho chúng nghe. Ngài phân biệt tội giết hại và quả báo ác của việc giết hại. Ngài lại nói về phước của từ tâm, không giết hại. Ban-túc nghe rồi hoan hỷ, đảnh lễ, vâng theo lời dạy, không còn tâm giết hại. Nhà Vua liền thả cho các Vua về lại nước của mình. Tu-đà-tố-di liền bảo các binh chúng trở về giúp Vua Ban-túc xây dựng đất nước. Tiên nhân trước đây lập thệ nguyện nay đã đủ mười hai năm. Từ đó về sau không còn người ăn thịt.

Lúc ấy, Vua tu-đà-tố-di nay là thân Ta. Ban-túc nay là Ương-quật-ma-la. Những người trong mười hai năm bị Ban-túc ăn thịt nay là những người bị Ương-quật-ma-la giết chết. Các người này đời đời thường bị Ương-quật-ma-la giết hại. Ta cũng nhiều đời chế phục Ương-quật-ma-la làm thiện. Ương-quật-ma-la là Tỳ-kheo Chỉ-phát.

Lúc ấy, Vua Ba-tư-nặc lại thưa: Tỳ-kheo Chỉ-phát giết hại nhiều người, nay đã đắc đạo thì có chịu quả báo không?

Đức Phật dạy: Việc đã làm ra thì phải có quả báo. Nay Tỳ-kheo này đang ở trong phòng nhưng lửa Địa ngục đã phát ra từ các lỗ chân lông làm đau đớn vô cùng không thể dùng lời mà diễn tả được.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Ngươi đenm hộ bài này đến phòng Chỉ-phát để ngăn các lỗ chân lông.

Tỳ-kheo liền làm theo lời dạy, đem hộ bài vào trong phòng thì sự nóng bức được tiêu tan. Tỳ-kheo kinh ngạc trở lại bạch Phật.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: việc quả báo là như vậy.

Nhà Vua và cả hội chúng đều tin hiểu.

Bài tụng viết:

*Tài, sắc cùng với rượu*
*Gọi là ba hoặc nghiệp*
*Thần mê thì tan nhà*
*Vua theo thì mất nước*
*Thịt ngăn tâm đại từ*
*Mùi nồng ngăn đức tịnh*
*Mến mộ đạo quân tử*
*Không muốn sự dơ ấy.*

# PHẦN THỨ 27: XEM TƯỚNG

- Duyên thuật ý
- Duyên quán tưởng
- Duyên quy tín

***Thứ 1: Duyên thuật ý***

Tất cả đạo giáo từ vô thỉ đều do đức đồng cảm. Phàm phu chạy theo nghiệp, tạo hóa lại lắm phương, tâm cảnh trái nhau, quả báo khổ vui đều sai khác.  Như sáp ấn xuống bùn, ấn xong thì chữ hiện. Tướng nghiệp đã rõ ràng nên thấy quả báo thì có thể suy xét được. Do đó được làm người hay súc vật thì nơi chỗ và âm tiếng khác nhau. Hồ Hán đã phân hình. Sang, hèn đều có tôn ti sai khác. Thánh, phàm có thiện, ác không đồng.

***Thứ 2: Duyên quán tướng***

Như kinh Chánh kiến dạy: Lúc ấy,đức Phật đang ở trong hội chúng thì Tỳ-kheo Chánh Kiến dù là người mặc pháp phục nhưng tâm niệm còn nghi ngờ.

Phật dạy: Có sanh trong đời sau, ngay cả người chết cũng có sự báo ứng. Vì sao biết được?

Câu hỏi này chưa nói ra Phật cũng đã biết trước. Đức Phật bảo các đệ tử: Thí như gốc cây chỉ cần gieo một hạt, được bốn đại nuôi dưỡng, từ đó lớn lên sanh ra lá, cành, nhánh, đốt, rồi nó biến đổi dần thành cây đại thọ. Cây lại sanh quả, quả lại thành cây. Năm tháng trôi qua như thế nên chuyển thành vô số cây.

Phật bảo các đệ tử: Muốn có nhiều cành, lá, hoa, quả lại trở thành hạt có được không?

Các đệ tử thưa: Không thể được, bởi nó đã chuyển biến này một tàn rụi. Hạt trồng lại sanh ra vô số cành, lá, hoa, quả như thế, cành, lá, hoa, quả chuyển sanh rồi lại tàn rụi, không thể trở lại thành hạt vậy.

Đức Phật bảo các đệ tử: Cũng vậy, sanh tử là do Vô minh phát sanh, thay đổi hợp thành; mười hai nhân duyên thần thức thay đổi, theo đó mà có cha mẹ, lại thọ thân hình không có thần thức nên không có quả báo.

Thí như nung chảy đá ra thành sắt, rèn sắt làm đồ dùng. Đồ dùng có thể làm thành đá không?

Chánh Kiến thưa: Không thể đem sắt làm thành đá.

Phật dạy: Thức được chuyển từ thân trung ấm như đá thành sắt, rồi lại chuyển thọ thành thân khác như sắt thành đồ dùng. Khi chết thì thân hình thay đổi không thể trở lại như cũ. Vì thức thọ nhận thân người lại nhờ có cha, mẹ; đã có cha mẹ lại có căn

1. Khi đã ở trong thân trung ấm thì không thể trở lại.

2. Tùy theo chỗ thọ thân ở trong bào thai.

3. Mới sanh ra thì quên mất tất cả.

4. Lúc biết bò biết đi thì ý niệm cũ lại snh ý niệm mới.

5. Ý niệm mới đã sanh thì tham trước việc ăn uống nên đoạn dứt ý niệm cũ.

6. Từ lúc được sanh ra thì ngày ngày huân tập thêm những điều mới lạ nên không.

Đức Phật dạy các đệ tử:

Khi thần thức là chuyện ác thì lúc chết đi lại tùy theo việc đã làm mà chịu quả báo sai khác. Thân không thể trở lại thành thức. Xem tướng có thể biết được quả báo vậy. Nếu chưa có tâm Bồ-đề, không có mắt thanh tịnh thì lúc thân chết, thức sẽ đi luân hồi theo hành động đã tạo, rồi thọ lấy thân khác. Do đâu mà có sự báo ứng ấy?

Thí như đêm ba mươi có vật dụng năm màu để trong bóng tối, thì ngàn vạn ức người không thể thấy được. Nếu có người cầm đuốc chiếu sáng vật ấy thì ai cũng phân biệt được năm màu. Như người ngu si mờ mịt trong đường ác chưa có mắt tuệ, do đó phải luân hồi qua lại giống như đêm ba mươi muốn thấy năm màu thì không thấy được. Nếu người tu tập trì giới, thâu nhiếp tâm ý thì như người cầm đuốc để thấy được màu sắc.

Thí như người cụt tay muốn vẽ, người mù mắt muốn nhìn, muốn xâu kim trong đêm tối, tìm lửa trong nước thì hoàn toàn không thể đạt được.

Các ông hãy siêng tụng kinh, trì giới, suy gẫm sâu về sự sống chết, nó từ đâu đến và sẽ đi về đâu thì sẽ được thanh tịnh, trừ các phiền não, điều nghi được giải. Chánh Kiến nghe rồi hoan hỷ vâng làm.

Kinh Thái tử A-dục-vương có dạy: Trong sáu đường đều có tướng ấy.

***+ Tướng Địa ngục.***

*Nguồn gốc của con người*
*Trôi theo dòng sanh tử*
*Ứ đọng hoặc chảy thẳng*
*Rơi vào trong năm đường*

*Chết kia lại sanh đây*
*Thảy đều có nhân duyên*
*Tướng mạo của con người*
*Giờ đây Ta sẽ nói*
*Đi, đứng mà vội vàng*
*Không biết được về mình*
*Nhìn ngó láo liếng quanh*
*Là thường hay quên nhiều*
*Cử chỉ rất nhẹ nhàng*
*Thích dạo chơi đồng vắng*
*Thì người này mới từ*
*Trong Địa ngục đến đây*
*Đau nhức cả tay, chân*
*Ngủ, nghỉ thường kinh sợ*
*Mộng thấy các điều ác*
*Địa ngục Dây đen đến*
*Tóc cứng, mắt đỏ hung*
*Răng dài, hay sân giận*
*Tiếng không trong, lắm tật*
*Từ ngục Hiệp hội đến*
*Nói năng luôn lớn tiếng*
*Không có chút e dè*
*Thích tranh cãi với người*
*Không rõ việc thật hư*
*Nằm ngủ thì rên rỉ*
*Mộng sợ rồi hét vang*
*Nên biết hạng người này*
*Từ ngục Khóc gào đến*
*Thương hay thích khóc than*
*Mong muốn sự cao xa*
*Ưa gây gổ với người*
*Không cần biết thân sơ*
*Mở miệng thì sân giận*
*Qua đêm thì không ăn*
*Người này vốn đã từ*
*Địa ngục Khóc gào đến*
*Thân lớn mà chân nhỏ*
*Sức lực lại yếu ớt*

*Nói năng thường uất nghẹn*
*Nghe như tiếng lu bể*
*Thần thức thì không định*
*Tâm không có hiếu thuận*
*Nên biết hạng người này*
*Từ ngục A-tỳ đến*
*Thân thô kịch, xấu xí*
*Thường rét run, khổ nhiều*
*Ưa nóng và thích khát*
*Xan tham và tật đố*
*Thấy người làm bố thí*
*Mình liền sanh phiền não*
*Hạng người này mới từ*
*Địa ngục Nóng đốt đến*
*Thấy lửa thì kinh sợ*
*Lại thích sự nóng ấm*
*Bước đi rất nhẹ nhàng*
*Không bỏ phí thời gian*
*Làm rồi liền hối tiếc*
*Và ưa muốn bố thí*
*Hạng người này đã từ*
*Địa ngục Nóng bức đến*
*Mắt nhỏ hay sân giận*
*Thường hay bị quên lãng*
*Làm các việc thấp hèn*
*Không có tâm quảng đại*
*Thấy việc lớn lo sợ*
*Thấy việc nhỏ ham vui*
*Hạng người này mới từ*
*Địa ngục Ưu- bát đến*
*Mắt đỏ, thân xấu xí*
*Thường hay ưa gây chuyện*
*Phỉ báng bậc Hiền thánh*
*Và những vị đắc đạo*
*Ngày đêm thường rình người*
*Làm các việc phi pháp*
*Nên biết hạng người này*
*Từ ngục Bát đầu đến*

*Mắt có đến ba sừng*
*Bất hiếu với cha mẹ*
*Sanh ra thì chết yểu*
*Là ngục Câu móc đến*
*Thích mang đao, cầm kiếm*
*Ức hiếp đánh người ta*
*Thì sẽ bị người giết*
*Từ ngục Bân trì đến*
*Thân bị nhiều nhọt nóng*
*Hơi miệng thường hôi thối*
*Không ai thích thân gần*
*Từ ngục Khoáng dã đến*
*Thân hình thì dài lớn*
*Bước đi rất yếu ớt*
*Da mỏng manh, tóc ít*
*Thường hay đau đớn nhiều*
*Người thấy liền bực tức*
*Tham ăn không biết chán*
*Nên biết hạng người này*
*Từ Địa ngục Lửa đến*
*Da trắng và mắt xanh*
*Nói năng thì mù mờ*
*Lời không có đầu mối*
*Thích đùa ở thế gian*
*Trông thấy bùn lầy sâu*
*Thì lại nằm trên đó*
*Hạng người này mới từ*
*Trong Địa ngục Tro đến*
*Tóc quăn và mắt vàng*
*Người gặp thì chán ghét*
*Việc đến thì lo sợ*
*Từ ngục Rừng kiếm đến*
*Tay thường luôn cầm đao*
*Nghe đánh đấu liền vui*
*Thì bị đao làm hại*
*Từ Địa ngục Đao đến*
*Da đen, cổ thì nghẹt*
*Ưa ở nơi phòng tối*

*Miệng nói lời hung ác*
*Từ ngục Than hừng đến*
*Sức yếu và hơi ngắn*
*Không có được tự do*
*Tất cả điều được, mất*
*Đều không do nơi mình*
*Thấy đồ tể giết hại*
*Thì gần gũi bên họ*
*Nên biết hạng người này*
*Từ ngục Xé nát đến*
*Giận, vui rất bất thường*
*Biết ăn ăn sửa đổi*
*Có thể xin cảm tạ*
*Không kể ngày hay đêm*
*Luôn trách cứ tâm mình*
*Hạng người này mới từ*
*Địa ngục Cong lưng đến*
*Thích sống nơi dơ, tối*
*Thích ăn dở, thô cứng*
*Đắm trước sự dơ, xấu*
*Từ Địa ngục Phân đến*
*Nhan sắc rất xấu xí*
*Lời nói lại thô kệch*
*Thích tranh cải với người*
*Từ ngục Hương thơm đến*
*Nên quán xét thân này*
*Đã từ ở đâu đến*
*Biết rồi nên xa lìa*
*Như tránh khỏi kiếp thiêu*
*Tướng trạng trong Địa ngục*
*Nói sơ qua như thế.*

***+ Tướng Súc sanh***

*Kế đến nói Súc sanh*
*Thân hình đều khác nhau*
*Chuyên tâm để quán sát*
*Không tạo các duyên ấy*
*Nói năng mà thư thả*
*Không sanh tâm sân giận*

*Khiêm hạ bậc Tôn trưởng*
*Là từ loài voi đến*
*Thân hình rất hôi hám*
*Chịu đựng sự nóng, lạnh*
*Sân giận khó bỏ được*
*Từ loài lạc đà đến*
*Đi xa và ăn  nhiều*
*Không tránh sự nguy hiểm*
*Nhớ đến việc chân chính*
*Là từ loài ngựa đến*
*Ban ân và độ lượng*
*Vượt trên sự nóng, lạnh*
*V quên mất việc đã làm*
*Là từ loài trâu đến*
*Lớn tiếng, không hổ thẹn*
*Chứa nhiều sự nhớ thương*
*Không biết việc phải trái*
*Là từ loài lừa đến*
*Không sự già hay trẻ*
*Thường tham muốn ăn thịt*
*Không từ nan việc gì*
*Là loài sư tử đến*
*Thân lớn, mắt tròn xoe*
*Dạo ở nơi vắng vẻ*
*Ganh ghét cả vợ con*
*Là từ loài cọp đến*
*Lông dài mà mắt nhỏ*
*Rất ít khi sân giận*
*Thích đi khắp mọi nơi*
*Là từ cầm thú đến*
*Tánh tình rất trung thành*
*Ưa thích dùng độc hại*
*Một mình ở gò mả*
*Là từ loài cáo đến*
*Tiếng yếu ớt, nhỏ nhẹ*
*Không có sự dâm dục*
*Không thương yêu vợ con*
*Là từ loài sói đến*

*Không thích ăn mặc đẹp*
*Hay rình bắt, gian trá*
*Ít ngủ và hay sân*
*Là từ loài chó đến*
*Thân lùn và lông dài*
*Ăn nhiều, ngủ cũng nhiều*
*Không thích nơi sạch sẽ*
*Là từ loài heo đến*
*Lông vàng, rất hung ác*
*Thích ở núi một mình*
*Tham ăn các hoa quả*
*Là từ loài khỉ đến*
*Thường có nhiều gian dối*
*Không sợ hãi một ai*
*Làm việc thì cẩn thận*
*Là từ loài quạ đến*
*Đam mê các sắc dục*
*Ít biết sự lẽ nghĩa*
*Tâm chẳng ghi nhớ gì*
*Từ loài bồ câu đến*
*Làm việc rất chăm chỉ*
*Không chịu sự nhục mạ*
*Bất hiếu với cha mẹ*
*Là loài cối, tu hú*
*Cũng không biết về pháp*
*Lại không biết về tội*
*Ngày đêm thường mê muội*
*Là từ loài dê đến*
*Thích nói chuyện hão huyền*
*Thân gần các hào tộc*
*Được mọi người yêu mến*
*Là từ loài vẹt đến*
*Đi, đứng thường vội vàng*
*Không thích ở trong chúng*
*Nói năng rất nhiều lời*
*Là từ loài ngỗng đến*
*Bước đi rất chậm chạp*
*Trong tâm không đắn đo*

*Làm hại nhiều chúng sanh*
*Là từ loài hạt đến*
*Thân nhỏ mà tham dâm*
*Tâm, ý thường bất định*
*Thấy sắc thì mê liền*
*Từ loài khổng tước đến*
*Mắt đỏ và răng cùn*
*Nói sủi bọt mép ra*
*Nằm thì thân cuộn lại*
*Là từ loài rắn đến*
*Nói năng liền sân giận*
*Không quán xét nghĩa lý*
*Miệng phát xuất lửa độc*
*Là từ loài chẩm đến*
*Ở một mình, tham ăn*
*Nói ra thì ấm ớ*
*Đêm đến thường ít ngủ*
*Là từ loài mèo đến*
*Xuyên tường để trộm cướp*
*Tham của, hay bắt nạt*
*Không có kẻ thân sơ*
*Là từ loài chuột đến*
*Quán sát về tướng mạo*
*Từ loài Súc sanh đến.*

***+ Tướng Ngạ quỷ***

*Thân dài, hay sợ hãi*
*Lông tóc dầy khắp thân*
*Y phục luôn dơ bẩn*
*Là loài Ngạ quỷ đến*
*Dâm loạn và xan tham*
*Ghét những kẻ thành đạt*
*Không thích làm bố thí*
*Là từ ngạ quỷ đến*
*Bất hiếu với cha mẹ*
*Cùng những người lớn nhỏ*
*Động đến thì tranh cải*
*Là từ ngạ quỷ đến*
*Không có tâm chí thành*

*Hướng đến các công việc*
*Sức yếu, trí kém cỏi*
*Là từ ngạ quỷ đến*
*Âm tiếng bị tắc nghẹn*
*Dễ sanh tâm sân giận*
*Thích ăn thức ăn nóng*
*Là từ ngạ quỷ đến*
*Thường túng thiếu tiền bạc*
*Nghèo hèn và xấu xí*
*Bị người trí cười chê*
*Là từ ngạ quỷ đến*
*Trong nhà không thờ Phật*
*Không thích nghe chánh pháp*
*Đoạn tuyệt đường Trời, người*
*Là từ ngạ quỷ đến*
*Không biết dạy vợ, con*
*Anh em hay chị em*
*Bị mọi người chán ghét*
*Là từ ngạ quỷ đến*
*Sống cô độc một mình*
*Không ai nhìn ngó đến*
*Chết thọ thân đời sau*
*Không lìa khỏi duyên xưa*
*Ý chí rất hẹp hòi*
*Không ưa sự vinh hoa*
*Làm các việc xấu ác*
*Là từ ngạ quỷ đến*
*Hành vi không tốt lành*
*Gây ra nhiều phiền toái*
*Bị mọi người ruồng bỏ*
*Là từ ngạ quỷ đến*
*Gặp các việc thất bại*
*Không hiểu rõ nguyên nhân*
*Không nghe người can gián*
*Là từ ngạ quỷ đến*
*Ghét những nơi thanh vắng*
*Thích những chỗ hôi hám*
*Nhan sắc rất xấu xí*

*Từ loài phong thần đến*
*Thân lớn thích làm đẹp*
*Tham ăn các loại thịt*
*Thích ở nơi đền miếu*
*Từ loài Dạ xoa đến*
*Sân giận và đánh nhau*
*Thấy của thì tham đắm*
*Không có các tai họa*
*Là loài Dạ xoa đến*
*Thấy người thì kinh hãi*
*Gặp họ thì trừng mắt*
*Giống như kẻ mất của*
*Là từ La sát đến*
*Thân nhỏ, da manh mai*
*Nhan sắc rất tươi vui*
*Nghe đến thì hoan hỷ*
*Là Càn thát bà đến*
*Tâm tốt và nhỏ nhẹ*
*Tự mình thoa hương thơm*
*Biết các thứ kỷ nghệ*
*Là Càn thát bà đến*
*Thường ưa thích ca múa*
*Nam nữ chỉ bảo nhau*
*Trước nói rồi sau cười*
*Là Chân-đa-la đến*
*Tánh tình rất nhu mì*
*Biết được trước thời tiết*
*Đoạn trừ các phiền não*
*Là Chân đà la đến*
*Đây là tướng Ngạ quỷ*
*Dạ xoa và La sát.*

**+ *Tướng A-tu-la***

*Mắt tròn và mặt vuông*
*Thân và tóc đều vàng*
*Biết hết các kỹ thuật*
*Là A-tu-la đến*
*Đi thẳng nhìn xuống đất*
*Không có sự do dự*

*Gặp kẻ oán liền đánh*
*Là A-tu-la đến*
*Đây là A-tu-la*
*Nói sơ lược tướng ấy.*

***+ Tướng người***

*Biết được chỗ sanh ra*
*Chấp chặc không quên mất*
*Biết rõ về sự nghiệp*
*Là từ loài người đến*
*Hiểu rõ sự hư dối*
*Mà mình không làm theo*
*Tạo nên sự bình đẳng*
*Là từ loài người đến*
*Lời nói thiện hoặc ác*
*Ban đầu không quên mất*
*Không tin sự gian trá*
*Là từ loài người đến*
*Tham dâm, ghét, keo kiệt*
*Tâm chấp chặc khó bỏ*
*Hiểu rõ pháp ở đời*
*Là từ loài người đến*
*Bố thí bằng tín tâm*
*Hiểu pháp và phi pháp*
*Tâm tánh luôn ngay thẳng*
*Là từ loài người đến*
*Không bỏ phí thời gian*
*Cũng không có lười biếng*
*Cung kính các bậc Thánh*
*Là từ loài người đến*
*Nếu gặp các sa môn*
*Trì giới học hiểu rộng*
*Thì hết lòng cung phụng*
*Là từ loài người đến*
*Biết cúng dường chư Phật*
*Chánh pháp và chúng tăng*
*Tùy thời đến nghe pháp*
*Là từ loài người đến*
*Nghe pháp liền hiểu rõ*

*Nghe việc ác không làm*
*Mau đến cõi Niết bàn*
*Là từ loài người đến*
*Đây là tướng loài người*
*Nói thô về tướng ấy.*

***+ Tướng Trời***

*Nương ở núi Tu-di*
*Là có năm cõi Trời*
*Vốn đã tạo nhân duyên*
*Tướng ấy không đồng nhau*
*Thân nhỏ mà chân lớn*
*Miệng thường luôn mỉm cười*
*Người trí tuệ quán sát*
*Từ nơi Khúc thiên đến*
*Tâm tánh tốt vô cùng*
*Của cải rất ít có*
*Thấy đánh thì sợ hãi*
*Là từ Thi thiên đến*
*Thân to lớn, da trắng*
*Dung mạo rất đoan chánh*
*Không ưa thích ánh lửa*
*Là từ Bà thiên đến*
*Tâm tánh luôn vui vẻ*
*Việc ác không căn cứ*
*Không hề ùa theo họ*
*Là từ Lạc thiên đến.*
*Chịu khó để suy nghĩ*
*Phân biệt nghĩa hoàn hảo*
*Từ hiếu với cha, mẹ*
*Từ Tỳ-diệu thiên đến.*
*Đêm không thích ở nhà*
*Ưa dạo ở núi, rừng*
*Vọng nghĩ sắc người nữ*
*Là từ Nhị thiên đến.*
*Của báu tuy rất ít*
*Sanh trong nhà hèn hạ*
*Tâm thì ưa thanh tịnh*
*Là từ Tam thiên đến.*

*Xét hành động của mình*
*Không thể chế phục được*
*Mong đạt được hy vọng*
*Là từ Diệm thiên đến.*
*Ý muốn dâm người khác*
*Không giữ vợ của mình*
*Bị quỷ sứ sai sử*
*Là từ Hóa thiên đến.*
*Phụng sự cha lẫn mẹ*
*Đúng pháp và đúng nghĩa*
*Lỗi mình gây, người chịu*
*Từ Đâu suất thiên đến.*
*Cầu đạo theo tà đạo*
*Tâm không có gian lận*
*Không thích ở trong nhà*
*Là từ Phạm thiên đến.*
*Ý nguyện rất chất thực*
*Thường ham thích ngủ nghỉ*
*Cũng không hiểu biết pháp*
*Từ Vô tưởng thiên đến.*
*Trong sáu đường chúng sanh*
*Thảy đều có nguồn gốc*
*Tánh hạnh đều không đồng*
*Ý chí lại khác nhau.*

***Thứ 3: Duyên quy tín***

Như trong kinh Na Tiên Tỳ-kheo vấn Phật dạy: Lúc ấy, có Vua Di-lan-đà hỏi La-hán Tỳ-kheo Na Tiên:

Nghe nói: "Người đời làm ác trong một trăm năm, đến lúc sắp chết niệm Phật thì sau khi qua đời có được sanh lên cõi Trời", Ta không tin lời nói này. Lại nói: "Giết chết một chúng sanh thì sau khi chết sẽ đọa vào Địa ngục", Ta cũng không tin lời nói này.

Tỳ-kheo Na Tiên hỏi Vua: Ví như có người đem hòn đá nhỏ để trên nước thì hòn đá ấy chìm hay nỗi?

Vua nói: Hòn đá ấy sẽ chìm.

Na Tiên hỏi: Ví như đêm trăm cục đá lớn để ở trên thuyền thì thuyền ấy chìm không?

Vua nói: Không chìm.

Na Tiên nói: Đem trăm cục đá lớn để trong thuyền, nhờ có thuyền nên không bị chìm. Người tuy có gốc ác nhưng bất chợt niệm Phật, nhờ vậy mà không đọa vào Địa ngục, lại được sanh lên cõi Trời. Điều ấy không thể tin được chăng?

Hòn đá nhỏ bị chìm giống như người làm ác không biết về Phật pháp nên sau khi chết liền đọa vào Địa ngục. Điều này không thể tin được chăng?

Vua nói: Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo Na Tiên nói:

Như có hai người cùng chết, mọt người sanh ở cõi Phạm thiên thứ bảy, một người sanh ở nước Kế Tân. Hai người này ở gần, xa khác nhau nhưng cùng chết một lúc.

Như có hai con quạ cùng bay, một con ở trên cây cao, một con ở trên cây thấp. Hai con quạ cùng bay thì hình bóng chúng nó có cùng in xuống mặt đất không?

Như có người ngu làm ác thì bị tai ương lớn. Người trí làm ác thì bị tai ương nhỏ.

Thí như đốt sắt ở trên đất mà một người biết là đốt sắt, một người không biết. Trong lúc hai người cùng cầm lấy thì người thì người không biết sẽ bị phỏng nặng, còn người biết thì bị thương nhẹ. Làm ác cũng vậy, vì người ngu không thể tự hối cải nên họa ấy rất lớn, người trí làm ác mà biết nên hằng ngày tự hối hận thì tai họa nhẹ dần đi.

Kinh Học Tứ Phẩm nói: Người đời còn có kẻ không bằng Súc sanh. Súc sanh có lúc còn hơn người. Vì sao? Vì con người tạo tội không biết dừng nghỉ, đến lúc chết đọa vào Địa ngục; hết tội Địa ngục mới được làm Ngạ quỷ; hết tội Ngạ quỷ mới chuyển làm Súc sanh; hết tội Súc sanh mới trở lại làm người. Do hết tội Súc sanh mà được làm người nên phải siêng làm việc thiện, vâng theo lời dạy của Tam bảo thì luôn được lìa khỏi ba đường ác, được phước Trời, người, về sau lại được giải thoát.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, đức Phật dạy: Ở đời có năm điều khó: Một là nghèo khổ bố thí là khó. Hai là giàu sang học đạo là khó. Ba là giữ thân không chết là khó. Bốn là được gặp kinh Phật là khó. Năm là sanh ra gặp Phật ra đời là khó.

Kinh Tạp Thí Dụ dạy: Ở đời có mười sáu việc khó:

1. Gặp đức Phật ra đời là khó.
2. Giả sử gặp Phật rồi mà được làm người là khó.
3. Giả sử làm người rồi mà được ở nơi thủ đô là khó.
4. Giả sử ở nơi thủ đô mà được sanh vào nhà tôn quý là khó.

5. Giả sử sanh vào nhà tôn quý mà tay chân và sáu căn được hoàn thiện là khó

6. Giả sử tay chân và sáu căn được hoàn thiện mà có được tài sản là khó.

7. Giả sử có được tài sản mà gặp được bạn tốt là khó.

8. Giả sử có trí tuệ mà có trí tuệ là khó.

9. Giả sử mà được tâm tốt là khó.

10. Giả sử được tâm tốt mà làm việc bố thí là khó.

11. Giả sử làm việc bố thí mà muốn gặp người hiền thiện, gặp bậc có đức là khó.

12. Giả sử gặp người hiền thiện, gặp bậc có đức mà đi đến chỗ đó là khó.

13. Giả sử đi đến chỗ đó mà thích nghi là khó.

14. Giả sử thích nghi mà nghe và lãnh thọ chánh pháp là khó.

15. Giả sử nghe pháp và lãnh thọ chánh pháp mà thông hiểu là khó.

16. Giả sử thông hiểu mà thọ kinh thậm thâm là khó.

17. Giả sử thọ kinh thậm thâm mà theo lời dạy để tu hành là khó.

18. Giả sử thọ kinh tu hành mà chứng quả Thánh là khó.

Đó là mười tám việc khó.

Bài kệ trong kinh Tội Nghiệp Báo Ứng:

*Nước chảy không thường đầy*
*Lửa mạnh không sáng lâu*
*Mặt Trời mọc rồi lặn*
*Trăng tròn rồi lại khuyết*
*Người giàu sang phú quý*
*Vô thường lại qua đi.*

Nên biết thân người khó được, dễ mất. Do dễ mất mà không nên tham trước. Thân người trong mỗi niệm đều đến gần cái chết, như khiêng heo, dê đi đến lò mổ. Cho nên kinh Niết bàn dạy: Quán xem thân mạng này thường bị vô lượng oán thù quấy nhiễu, mỗi niệm dần dần không được tăng trưởng, giống như nước dốc không thể dừng lại, cũng như sương móc không thể tồn tại lâu dài, như người tù đi đến chợ thì trong mỗi bước lại đến gần cái chết.

Trong kinh Ma Già có kệ:

*Thí như Chiên-đà-la*
*Đuổi trâu đến lò mổ*

*Mỗi bước gần cái chết*
*Mạng người mau chóng vậy.*

Kinh Thúc Ca nói: Con Bà-la-môn Thúc Ca bạch Phật: Hàng cư sĩ tại gia thường tu phước đức, can lành thì hơn hàng xuất gia, việc này là thế nào?

Đức Phật dạy: Sự việc này không nhất định. Như có kẻ xuất gia không tu căn lành thì không bằng tại gia. Tại gia siêng tu thì hơn người xuất gia.

Trong ba ngàn oai nghi có dạy về sự nghiệp của người xuất gia là: Ngồi thiền, tụng kinh và hóa độ chúng sanh.

Nếu làm đủ ba việc này là đúng pháp xuất gia. Nếu không thực hành như thế thì sống hay chết đều uổng phí, chỉ là nguyên nhân chịu tội.

Kinh Bách Dụ dạy: Xưa kia có người cần dùng lửa và nước lạnh, họ liền đem cất lửa ở trong nước. Sau đó khi họ muốn lấy lửa thì lửa đã tắt, muốn lấy nước lạnh thì nước lại nóng. Hai việc lửa và nước đều mất. Cũng vậy, người đời ở trong Phật pháp xuất gia cầu đạo, đã xuất gia rồi lại nhớ đến sự vui sướng với vợ con, năm dục. Do đó mà mất lửa công đức và mất cả nước trì giới. Người nhớ nghĩ về dục cũng vậy.

Kệ tụng:

*Thiện ác đều khác nhau*
*Đạo Thánh phàm cũng vậy*
*Năm ấm tuy giống nhau*
*Mà sáu đường sai khác*
*Xem tướng quán hình sắc*
*Đều biết rõ nghiệp xưa*
*Khổ, vui hình khác nhau*
*Ai có thể ngăn cấm.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 17)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 18

## PHẦN THỨ 28: ĐỊA NGỤC

- Duyên thuật ý
- Duyên hội danh
- Duyên thọ báo
- Duyên thời lượng
- Duyên điền chủ
- Duyên vương đô
- Duyên nghiệp nhân
- Duyên giới húc

***Thứ 1: Duyên thuật ý***

Phàm ngăn dòng chẳng bằng lấp nguồi, muốn ngưng nước sôi thì phải tắt lửa. Vì sao? Vì nguồn là nơi nước bắt đầu chảy, nếu nguồn chưa ngăn thì nước chảy không ngừng; lửa đang sôi nước mà lửa chưa dập tắt thì nước làm sao hết nóng. Cho nên ngăn nguồn mà không ngăn dòng thì nước vẫn khô cạn, dập tắt lửa không ngưng nước sôi mà nước tự nguội. Đai loại như thế nên có thể hiểu rõ. Như chán ghét ấy chi bằng dứt nhân, lo sợ khổ đau chi bằng bỏ ác. Do nhân sanh ra quả nên nhân chưa dứt thì quả vẫn còn. Do ác sanh ra khổ nên ác chưa dứt thì sao hết khổ. Cho nên đã dứt nhân thì dù không chán ghét quả mà quả cũng tự mất, ngăn điều ác dù không sợ khổ mà khổ tự lìa. Do đó sách của Quân tử đều khuyên dạy như thế.

***Thứ 2: Duyên hội danh***

Hỏi:Vì sao gọi là Địa ngục?

Đáp: Theo luận A-tỳ-đàm nói: Địa ngục theo tiếng Phạm là Nê-lê, vì không có hỉ lạc (vui đùa), lại không hỷ lạc, lại không được ra khỏi, lại không có phước đức, lại không trừ các nghiệp ác nên sanh ở trong

ấy.

Lại nói: Cõi này là nơi thấp kém nhất trong cõi Dục gọi là phi đạo. Do đó gọi Địa ngục là Nê lê.

Trong luận Bà Sa gọi Địa ngục là không tự tại, nghĩa là người tội bị ngục tốt bên mình khống chế, không được tự do nên gọi là Địa ngục; cũng là nơi không đáng ưa nên gọi là Địa ngục. Lại nữa đất ấy ở dưới cùng nghĩa là ở tận phía dưới, trong tất cả vạn vật thì đất ấy ở dưới hết nên gọi là Để (dưới cùng), ngục còn gọi là cục. Cục nghĩa là bị bắt, bị trói không được tự tại nên gọi là Địa ngục. Lại gọi là Nê lê, đó là âm tiếng Phạm, phương này gọi là "không có", nghĩa là trong Địa ngục không có lợi ích nên gọi là không có.

Hỏi: Địa ngục có nhiều loại, hoặc ở dưới hay ở trên đất, hoặc ở trong hư không, vì sao đều gọi là Địa ngục?

Đáp: Xưa dịch là Địa ngục, là nơi thấp hèn không kể mặt đất hay hư không. Nay y theo kinh luận mới dịch vậy. Âm chính của tiếng Phạm là Na-lạc-ca, hoặc là Nại-lạc-ca là nơi giam người. Vì là nơi tụ tập khổ nên gọi là Nại-lạc-ca.

Lại nữa, luận Bà-sa mới hỏi: Vì sao chỗ ấy gọi là Nại-lạc-ca?

Đáp: Các hữu tình ấy không vui, không ái, không vị, không lợi, không thích vui nên gọi là Nại-lạc-ca.

Hoặc có người nói: "Do đời trước họ đã tạo tác nên nay tăng trưởng thêm sự bạo ác, nơi thân, miệng, ý làm ác, nên khiến họ phải luân hồi do đó gọi là Nại-lạc-ca". Có người nói: "Kẻ ấy do điên đảo mà bị đọa lạc nên gọi là Nai-lạc-ca".

Như kệ tụng:

*Điên đảo đọa Địa ngục*
*Chổng đầu chân ngược lên*
*Bởi hủy báng chư Phật*
*Vắng lặng tu khổ hạnh.*

Có người nói: Nại-lạc gọi là người, Ca là làm ác. Vì người ác sanh tại chỗ ấy nên gọi là Nại-lạc-ca.

Hỏi: Vì thấp nhất mà to lớn nên là Vô gián chăng?

Đáp: Chỗ ấy thường phải chịu khổ không có lúc hỉ lạc nên gọi là Vô gián.

Hỏi: Ngoài Địa ngục này ra thì những nơi khác đâu có quả dị thục của ca múa, ăn uống, thọ nhận hỉ lạc, sao không gọi là Vô gián?

Đáp: Ngoài Địa ngục này ra còn những nơi khác tuy không có quả dị thục của hỉ lạc mà có quả đẳng lưu hỷ lạc.

Như luận Thi thiết nói: Trong Địa ngục Đẳng hoạt có lúc gió mát thổi đến, máu thịt liền sanh trở lại, có lúc âm thanh vang lên thì các hữu tình ấy bỗng nhiên sống lại. Bởi vì, vào những lúc máu thịt tái sanh, và mạng sống trở lại như thế, nên trong chốc lát được hỷ lạc làm gián đoạn sự chịu khổ, do đó không gọi là Vô gián.

***Thứ 3: Duyên thọ báo***

Như trong luận Tân Bà-sa nói: Có người hỏi: Địa ngục ở đâu? Đáp: Đa số Địa ngục đều ở dưới cõi châu Thiệm-bộ này. Được an lập thế nào?

Có thuyết nói: Ở dưới châu này khoảng bốn vạn Du-thiện-na là đến đáy Địa ngục Vô gián. Địa ngục Vô gián ngang, rộng, cao, thấp đều hai vạn Du-thiện-na. Bên trên Địa ngục Vô gián, trong một vạn chín ngàn Du-thiện-na được tạo dựng bảy Địa ngục. Nghĩa là từ dưới lên trên bắt đầu có Địa ngục Cực nhiệt, Địa ngục Nhiệt, Địa ngục Đại Khiếu, Địa ngục Tiểu Khiếu, Địa ngục Chúng hợp, Địa ngục Hắc thằng, Địa ngục Đẳng hoạt. Trong bảy Đại ngục này thì mỗi ngục ngang rộng đến vạn Du-thiện-na, phía trên còn có một ngàn Du-thiện-na: Là năm trăm là đất sét và năm trăm là bùn.

Có thuyết nói: Từ chỗ bùn này trở xuống có Địa ngục Vô gián ở giữa và bảy Địa ngục vây quanh giống như xóm làng vây quanh thành lớn vậy.

Hỏi: Như vậy, luận Thi thiết nói làm sao thông suốt? Vả lại như nói: Châu Thiệm bộ có chu vi là sáu ngàn Du-thiện-na và ba Du-thiện-na rưỡi. Mỗi một Địa ngục lại rất rộng lớn thì làm sao ở dưới châu này dung chứa hết được?

Đáp: Châu Thiệm bộ trên nhỏ dưới rộng giống như đống lúa nên dung chứa hết tất cả. Do đó, trong kinh có dạy: nước bốn biển càng vào càng sâu. Lại nữa, trong mỗi Địa ngục lớn có đến mười sáu ngục nhỏ. Nghĩa là bốn phía cửa của Địa ngục lớn thì mỗi cửa có thêm bốn ngục nhỏ. Mỗi ngục nhỏ đều có thêm bốn thứ hình phạt:

Một là thêm lò than nghĩa là ở đây thêm vào lò than ngập đến đầu gối. Hai là thêm phân tiểu nghĩa là ở đây thêm đầy phân tiểu. Ba là thêm hai vật bén nhọn nghĩa là ở đây thêm vào có ba loại:

1. Đường dao nhọn, nghĩa là trong đây trải khắp dao nhọn để làm đường đi.

2. Rừng lá kiếm, nghĩa là rừng này toàn dùng kiếm làm lá.

3. Rừng mũi sắt nhọn, nghĩa là rừng này có mũi sắt nhọn dài đến

mười sáu ngón tay, dao nhọn làm đường...

Ba loại này tuy khác nhau mà rừng sắt thì giống nhau. Cho nên ở đây tăng thu nhiếp. Bốn là: Sông lớn nóng, tăng thêm bên trong, có bốn loại sông: Sông lớn nước muối nóng hợp với Địa ngục căn bản để làm thành mười bảy Địa ngục. Như vậy tám Địa ngục lớn và các ngục nhỏ cộng lại là có một trăm ba mươi sáu chỗ. Cho nên trong kinh nói có một trăm ba mươi sáu Nại-lạc-ca. Do đó trong kinh A-hàm có dạy: Có tám Địa ngục lớn. Trong tám ngục lớn ấy thì mỗi ngục đều có mười sáu Địa ngục nhỏ vây quanh, giống như ngoài bốn châu thiên hạ có tám vạn thiên hạ vây quanh. Trong tám vạn thiên hạ lại có biển lớn. Ngoài biển lớn lại có núi lớn Kim cang. Ngoài núi này lại có núi cũng tên là Kim cang. Ở giữa hai núi các Mặt trời, Mặt trăng, chư thiên, Thần với uy lực và ánh sáng đều không chiếu đến đây.

Tám Địa ngục lớn:

1. Địa ngục Tưởng.
2. Địa ngục Hắc thằng (dây đen).
3. Địa ngục Thôi yểm (chèn ép).
4. Địa ngục Khiếu oán (kêu gào).
5. Địa ngục Đại Khiếu oán (kêu gào lớn).
6. Địa ngục Thiêu thán (than nóng).
7. Địa ngục Đại Thiêu thán (than nóng lớn).
8. Địa ngục Vô gián.

*+ Thứ nhất: Địa ngục Tưởng có mười sáu ngục*: Chúng sanh trong ngục này, tay sanh ra móng vuốt sắt, lần lượt sân giận lẫn nhau, dùng móng tay móc vào nhau khiến thịt ở tay rớt ra tưởng là đã chết nên gọi là Địa ngục Tưởng.

Lại nữa, chúng sanh ở trong ấy thường ôm lòng độc hại, cầm dao, kiếm lần lượt đánh chém, lột da, cắt thịt lẫn nhau làm cho thân thể nát tan trên đất, tưởng là đã chết, nhưng gặp cơn gió mát thổi đến thì sống lại. Kẻ ấy tự nghĩ: “Nay ta đã sống lại”. Người tội đã chịu khổ lâu rồi nay ra khỏi Địa ngục Tưởng thì hãi hùng xin tha mạng, bỗng liền rơi vào Địa ngục Cát đen, gió bão nóng bức thổi lên làm cát đen nóng bám vào thân người tội, đốt cháy da thấu xương. Lửa cháy vòng quanh trong thân, thiêu thân chín rục. Vì chịu tội chưa hết nên vẫn còn sống để chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Cát đen lại đến Địa ngục Phân sôi, có phân sôi, hòn sắt nóng tự nhiên đầy tràn, dưới bắt người tội ôm lấy hòn sắt làm thiêu cháy chân tay, thân thể. Người tội lại bốc hòn sắt, Phẩn sôi để vào trong miệng, chảy từ cổ họng đến bụng rồi xuyên suốt xuống

dưới đều bị chín rục. Có trùng mỏ sắt mổ thịt thấu tủy, người tội đau đớn vô cùng. Lúc chịu tội chưa hết thì vẫn còn sống để chịu khổ lâu dài, ra khỏi Địa ngục Phẩn sôi lại đến Địa ngục Đinh sắt thì bị ngục tốt bắt họ nằm trên sắt nóng dang thân thể ra rồi dùng đinh đóng tay chân, đóng khắp thân thể đến năm trăm cây đinh. Người tội đau nhói gào lên nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Đinh sắt lại đến Địa ngục Đói, bị ném lên trên giường sắt nóng, đồng chảy rót vào miệng, từ cổ họng đến bụng, xuyên suốt xuống dưới đều bị chín rục, tội vẫn chưa hết nên còn sống, chịu khổ lâu dài; ra khỏi Địa ngục Đói lại đến Địa ngục Khát thì ngục tốt liền vứt người tội lên sắt nóng, lấy hòn sắt đổ vào miệng thiêu đốt mũi miệng người tội, xuyên suốt xuống dưới đều bị chín rục, đau đớn khóc than, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Khát lại vào Địa ngục Nồi đồng, ngục tốt sân giận nắm chân người tội ném vào nồi đồng. Người tội bị nhào lên, cuộn xuống theo nước sôi, thân thể nát nhừ, muôn vàn sự khổ đều đến nhưng vẫn không chết, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Nồi đồng lại đến Địa ngục nhiều Nồi đồng, ngục tốt tóm chân người tội liệng vào nồi đồng, cuộn lên xuống theo nước sôi, toàn thân chín rục. Ngục tốt lại dùng móc sắt móc lấy người tội để sang nồi đồng khác, đau đớn vô cùng nhưng vẫn không chết, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục nhiều Nồi đồng lại đến Địa ngục Cối đá ngục tốt bắt lấy người tội ném vào đá nóng, căng chân tay ra rồi dùng đá nóng lớn đè lên thân thể, xoay chuyển, chà nát xương thịt, đau khổ thống thiết nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Cối đá lại đến Địa ngục Máu mủ. Máu mủ sôi sùng sục, người tội ở trong đó chạy đằng Đông, đằng Tây, thân thể nóng bức, đầu mặt chín rục, lại lấy máu mủ để ăn, xuyên suốt xuống dưới, đau đớn vô cùng nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Máu mũ lại đến Địa ngục Chứa lửa. Có đống lửa lớn, lửa ấy bốc cháy đuổi bắt người tội. Người tội tay cầm đấu sắt nóng để đong đống lửa lớn thiêu khắp thân thể, đau đớn vô cùng, rên rỉ khóc than nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Chứa lửa lại đến Địa ngục Sông tro. Địa ngục ấy sâu, rộng đến năm trăm do tuần. Tro nóng sôi sùng sục, mùi hôi dâng trào, chuyển theo sóng nước âm vang đáng sợ. Từ đáy đến trên thì sắt châm ngang dọc. Ven bờ sông có rừng cây kiếm, cành lá, hoa quả đều là đao, kiếm. Người tội vào sông bị chìm nổi theo sóng nước. Sắt nhọn đâm xuyên suốt trong, ngoài thân, máu mủ chảy ra, đau đớn muôn phần nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Sông

tro, lên bờ thì đao, kiếm đâm chém khắp thân, thương tích đầy mình, lại có lang, sói đến cấu xé thịt người tội để ăn, leo lên rừng cây thì bị đao, kiếm đâm vào, leo xuống thì bị đao, kiếm chọc thủng thân thể, tay vịn vào thì bị đứt tay, chân đạp xuống thì bị đứt chân, da thịt rơi rớt chỉ còn xương trắng, gân mạch liền nhau. Bỗng trên rừng kiếm có chim mỏ sắt mổ thịt não trên đầu, người tội đau đớn kêu gào nhưng vẫn không chết lại vào sông tro, chìm nổi theo sóng nước, kiếm nhọn đâm thân, đau khổ muôn phần, da thịt chín rục, máu mủ chảy tràn chỉ có xương trắng trôi nổi bên ngoài, gió mát thổi đến thì sống lại nhưng nghiệp xưa dẫn dắt liền đến Địa ngục Hòn sắt. Người tội bị quỷ ngục đuổi bắt nuốt hòn sắt nóng, tay chân chín rục, thân thể bốc lửa, muôn vàn sự khổ đều đến nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Hòn sắt lại đến Địa ngục Búa rìu. Ngục tốt bắt lấy người tội ném trên sắt nóng rồi dùng rìu báu sắt nóng chặt bủa tay chân, tai mũi thân thể người tội. Người tội đau đớn kêu gào nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Búa rìu lại đến Địa ngục Lang sói, có bầy lang sói tranh nhau cắn xé người tội làm thịt rơi, xương gãy, máu mủ lan tràn, đau khổ muôn phần nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Lang sói lại đến Địa ngục Cây kiếm, có bão nổi lên thổi lá cây kiếm đâm vào thân người tội, làm cho đầu mặt thân thể đều bị tổn thương. Lại có chim mỏ sắt mổ mắt, người tội đau đớn kêu gào nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống, chịu khổ lâu dài. Ra khỏi Địa ngục Cây kiếm lại đến Địa ngục Băng giá, có gió lạnh buốt thổi trên thân người tội, làm cho toàn thân lạnh giá, da thịt rơi rứt, đau đớn kêu gào sau đó qua đời. Đối với miệng, ý cũng vậy. Đây là những người đọa vào Địa ngục Tưởng, sợ hãi đến sởn gai ốc.

*+ Thứ hai: Địa ngục Hắc thằng có mười sáu ngục nhỏ vây quanh.* Ngang, rộng mỗi ngục đều năm trăm do tuần. Ngục tốt bắt lấy người tội ném trên sắt nóng, duỗi tay chân người tội ra rồi dùng dây sắt nóng cột thân người tội, dùng búa sắt nóng chặt dây làm thân người tội đứt ra trăm ngàn khúc. Lại dùng dây sắt cột thân người tội rồi cưa xẻ. Lại dùng dây sắt nóng treo thân người tội rồi đưa đẩy qua lại vô số lần. Lại đuổi bắt người tội, ở giữa có gió bão mạnh thổi nổi lên thổi các dây sắt rơi rớt trên thân, đốt da thấu xương, thiêu xương tận tủy làm cho người tội đau đớn muôn phần nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống. Đó là Địa ngục Hắc thằng . Hết tội ở Địa ngục Hắc thằng lại đến Địa ngục Cát đen, rồi đến Địa ngục Băng giá, sau đó qua đời, không thể kể hết nỗi khổ được. Ngoài ra còn có mười sáu Địa ngục chịu khổ đau đớn cũng

giống như trước nhưng nổi khổ lại tăng thêm. Do có ác ý với cha mẹ, Phật, Thanh văn, nên đọa vào Địa ngục Hắc thằng, chịu nhiều đau khổ không thể kể hết.

*+ Thứ ba: Địa ngục lớn Thôi Yểm (đè ép) cũng có mười sáu ngục nhỏ vây quanh.* Ngang rộng mỗi ngục đều năm trăm do tuần.

Sao gọi là đè ép? Vì có hai núi đá lớn nằm song song nhau. Người tội vào trong đây thì tự nhiên hai núi hợp lại đè ép thân thể xương thịt tan nát rồi núi trở lại như cũ. Người tội đau đớn muôn phần nhưng vẫn không chết, lại có voi sắt lớn, toàn thân cháy rực, kêu la đi đến giày đạp người tội, xoay quanh toàn thân làm cho người tội tan nát, máu mủ tràn lan, kêu gào đau đớn nhưng vẫn không chết. Ngục tốt lại bắt người tội nằm trên đá lớn, rồi dùng đá lớn đè ép. Ngục tốt lại bắt người tội nằm trên đất rồi dùng chày sắt giã từ chân đến đầu làm cho da thịt nát nhuyễn máu mủ chảy tràn muôn vàn đau đớn, chịu tội chưa hết nên vẫn còn sống. Ra khỏi Địa ngục đè ép lại đến Địa ngục Cát đen rồi đến Địa ngục băng giá, sau đó qua đời. Do tạo ba nghiệp ác, không tu ba hạnh lành nên đọa vào Địa ngục đè ép chịu khổ vô cùng không thể nói hết được

*+ Thứ tư: Địa ngục lớn kêu gào cũng có mười sáu ngục nhỏ vây quanh.* Ngang rộng mỗi ngục đều năm trăm do tuần. Sao gọi là Địa ngục kêu gào?

Ngục tốt bắt người tội ném vào nồi lớn rồi lại đặt trong nồi sắt lớn, đốt lửa nấu nhừ người tội. Người tội đau đớn, kêu gào ầm ĩ. Ngục tốt lại bắt người tội ném trên lò sấy lớn rồi đem đun trở lại. Người tội đau đớn, chịu khổ vô cùng. Ra khỏi Địa ngục kêu gào lại đến Địa ngục cát đen rồi đến Địa ngục băng giá sau đó qua đời. Do sân giận ôm lòng độc hại tạo các việc ác nên đọa vào Địa ngục kêu gào

*+ Thứ năm: Địa ngục Đại khiếu (kêu gào lớn) cũng có mười sáu ngục nhỏ vây quanh.* Ngang rộng mỗi ngục đều năm trăm do tuần. Sao gọi là Địa ngục kêu gào lớn?

Ngục tốt bắt người tội để trong giỏ sắt rồi đặt trong nồi sắt đốt lửa nấu người tội rồi ném trên lò sấy lớn, sau đó đem đun trở lại. Người tội đau đớn, kêu gào ầm ĩ. Nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống chịu khổ vô cùng. Hết tội Địa ngục kêu gào lớn rồi đến Địa ngục cát đen lại đến Địa ngục băng giá, sau đó qua đời.

Do huân tập tà kiến, bị lưới ái dẫn dắt, làm việc xấu ác nên đọa vào Địa ngục kêu gào lớn .

*+ Thứ sáu: Địa ngục đốt nướng cũng có mười sáu ngục nhỏ vây*

*quanh.* Ngang rộng mỗi ngục đều năm trăm do tuần. Ngục tốt bắt người tội để trong thành sắt. Trong ngoài thành ấy lửa cháy đỏ rực đột nướng người tội. Ngục tốt lại đặt người tội lên lầu sắt. Trong ngoài lầu ấy lửa cháy đỏ rực, đốt nướng người tội da thịt vữa ra. Lại có lò sắt trong ngoài lầu ấy lửa cháy đỏ rực, đốt nướng người tội da thịt vữa ra muôn vàn đau khổ nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống chịu khổ vô cùng. Ra khỏi Địa ngục đốt nướng lại đến Địa ngục băng giá sau đó qua đời. Vì thiêu nướng chúng sanh nên đọa vào Địa ngục thiêu nướng chịu khổ lâu dài.

*+ Thứ bảy: Địa ngục thiêu nướng cũng có mười sáu ngục nhỏ vây quanh.* Ngang rộng mỗi ngục đều năm trăm do tuần. Ngục tốt bắt người tội để trong thành sắt. Trong ngoài thành ấy lửa cháy đỏ rực đốt nướng người tội. Ngục tốt lại đặt người tội lên lầu sắt. Trong ngoài lầu ấy lửa cháy đỏ rực, đốt nướng người tội da thịt vữa ra muôn vàn đau khổ. Có hầm lửa lớn, lửa cháy đỏ rực ven hai hầm lửa có núi lửa lớn, ngục tốt lấy móc sắt xiềng người tội để trong hầm lửa, lửa lớn thiêu đốt da thịt vữa ra nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống chịu khổ vô cùng. Ra khỏi Địa ngục thiêu nướng lớn vào Địa ngục băng giá sau đó qua đời. Do bỏ việc lành, làm việc ác nên đọa vào địa ngục thiêu nướng lớn.

*+ Thứ tám: Địa ngục Vô gián cũng có mười sáu ngục nhỏ vây quanh.* Ngang rộng mỗi ngục đều năm trăm do tuần. Sao gọi là Địa ngục A tỳ. Phương này gọi là Địa ngục Vô gián. Thế nào là Vô gián?

Ngục tốt róc da người tội từ đầu đến chân rồi dùng da ấy quấn quanh thân người tội, hoặc dùng bánh xe lửa, sắt nóng nghiền nát vòng quanh qua lại trên thân người tội làm cho thân thể nát nhừ, da thịt rơi rụng, muôn vàn đau khổ nhưng tội chưa hết nên vẫn còn sống chịu khổ vô cùng. Lại có thành sắt bốn bề đốt nướng người tội. Lửa cháy từ Đông sang Tây, Tây cháy sang Đông. Nam, Bắc, trên dưới cũng như vậy, lửa cháy vòng quanh, không có khoảng trống. Người tội rảo chạy Đông, Tây, thân thể bị thiêu nướng, da thịt vữa ra, đau đớn vô cùng. Người tội ở mãi trong đây mới thấy cửa mở vội tìm hướng chạy, thì thân thể tay chân đều xuất ra lửa, muốn đến mở cửa thì cửa tự nhiên đóng lại. Do tội chưa hết nên vẫn còn sống chịu khổ vô cùng. Lại người tội ở trong ấy nên mắt chỉ thấy toàn sắc xấu, tai nghe tiếng ác, mũi ngửi mùi hôi, thân xúc chạm sự đau đớn, ý nghĩ pháp ác, chịu khổ lâu dài không có ngừng nghỉ trong chốc lát nên gọi là Vô gián. Ra khỏi Địa ngục Vô gián lại đến Địa ngục băng giá sau đó qua đời. Vì tội nặng, làm việc ác nên đọa vào Địa ngục Vô gián chịu nhiều khổ đau không thể kể hết được. Ở tám Địa ngục lớn đều trải qua mười sáu ngục nhỏ chịu tội như trước.

Lại nữa, kinh Quán Phật Tam Muội Hải dạy: Địa ngục A tỳ ngang rộng bằng nhau đều tám ngàn do tuần, có bảy lớp thành sắt, bảy lớp lưới sắt, có mười tám vách ngăn được bao quanh đến bảy lớp đều là rừng đao, lại có bảy lớp cây đao có bốn móc; có bốn chó đồng lớn cao to đến bốn mươi do tuần. Mắt như điện chớp, răng như cây kiếm, nanh như núi đao, lưỡi như sắt nhọn, tất cả lông trên thân đều cháy rực, bốc mùi khét rẹt. Có mười tám cai ngục, miệng như Dạ xoa, có sáu mươi bốn mắt, có những hồn săt trên răng chó bay ra tán loạn cao đến bốn do tuần, nanh phát ra lửa đốt cháy xe sắt, vành xe phát lửa, đao, kiếm nhọn thiêu cháy ngục A tỳ rực đỏ như nước đồng. Cai ngục có tám đầu. Trên mỗi đầu đều có mười sáu sừng bốc cháy như tháp lửa, rồi như vành đao, xoay tròn liên tục ở giữa ngọn lửa khắp thành A tỳ. Trong thành có bảy lớp lá phướn sắt, lửa vọt lên như nước sôi. Nước sắt chảy như nước sôi vọt lên tán loạn khắp bốn cửa thành. Có mười tám nồi đồng sôi vọt khắp trong thành. Mỗi một cửa thành có tám vạn bốn ngàn trăn sắt, rắn lớn nhả độc, lửa đầy kháp trong thành. Rắn gào lên như sấm sét rồi mưa ra hòn sắt lớn. Có năm trăm Dạ xoa, năm trăm ức trùng, mỗi con trùng có tám vạn bốn ngàn mỏ, trên đầu tuôn ra lửa như mưa, đầy khắp trong thành A tỳ. Các con trùng ấy nhả lửa lớn, hừng cháy chiếu sáng đến tám vạn bốn ngàn do tuần ngục, trên đến biển lớn, nước chảy đốt núi, dưới đến đáy biển, hình như trục xe. Kẻ nào giết cha, hại mẹ, mắng nhiếc thân thuộc thì sau khi lìa đời, chó đồng liền biến thành mười tám xe giống như bảo cái. Tất cả lửa cháy hóa làm ngọc nữ. Người tội ở xa thấy vậy vui mừng chạy đến. Gió đao thổi băng giá phát ra âm thanh người tội muốn được ngồi lên xe thì bị lửa thiêu cháy mà lìa đời. Đang ngồi trên xe liền bị ngọc nữ cầm búa sắt chặt bủa khắp thân thể, tay chân gãy ra từng đoạn, người tội liền rơi vào ngục A tỳ, từ trên rơi xuống như vòng lửa xoay tròn. Chó đồng gầm sủa tranh đến nhai xương, gặm tủy. Ngục tốt La sát cầm thiết xoa lớn móc đầu người tội lên, toàn thân lửa cháy khắp ngục A tỳ. Vua Diêm la quát mắng: “Kẻ ngu si kia, ngươi đã tạo tội ác nên đọa vào Địa ngục. Lúc ở trần gian ngươi bất hiếu với cha mẹ, tà mạn vô đạo. Nay ngươi ở đây là Địa ngục A tỳ. Như thế xoay vần qua lại người tội phải chịu nhiều khổ đau không thể nói hết. Một ngày một đêm chịu tội ở Địa ngục giống như ở cõi Diêm phù sáu mươi tiểu kiếp. Như vậy trong một đại kiếp thì người tạo tội ngũ nghịch phải chịu tội năm kiếp.

Lại có chúng sanh phạm bốn giới trọng, luống dối ăn của tín thí, phỉ báng, tà kiến, không biết nhân quả, bỏ học Bát nhã, hủy báng chư

Phật mười phương, trộm vật của chúng tăng, dâm dật vô đạo, bức hiếp Tỳ-kheo-ni tịnh hạnh và chị em thân thích, làm các việc ác. Tội báo của người này sau khi qua đời thì phải trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp chịu khổ ở Địa ngục rồi lại vào trong mười tám vách ngăn ngục ở phương Đông, chịu khổ như trước. Phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy. Một thân đầy chật cả ngục A tỳ. Tay chân đầy khắp mười tám vách ngăn. Ngục A tỳ có mười tám ngục nhỏ. Trongg mỗi ngục nhỏ đều có mười tám Địa ngục băng giá, mười tám Địa ngục hắc ám, mười tám Địa ngục lửa nhỏ, mười tám Địa ngục vành đao, mười tám Địa ngục vòng kiếm, mười tám Địa ngục xe lửa, mười tám Địa ngục phẩn sôi, mười tám Địa ngục nồi nước đồng, mười tám Địa ngục sông tro, năm trăm ức Địa ngục rừng kiếm, năm trăm ức Địa ngục rừng cây nhọn, năm trăm ức Địa ngục trụ đồng, năm trăm ức Địa ngục móng sắt, năm trăm ức Địa ngục lưới sắt, mười tám Địa ngục hang sắt, mười tám Địa ngục hòn sắt, mười tám Địa ngục đá nhọn, mười tám Địa ngục uống nước đồng. Như thế, trong Địa ngục A tỳ có mười tám Địa ngục nhỏ, trong mỗi một ngục riêng có mười tám vách ngăn với các ngục nhỏ, bắt đầu từ Hàn băng đến ngục uống nước đồng. Tổng có một trăm bốn mươi hai vách ngăn địa ngục, tất cả đều do người tội tạo nghiệp không đồng nhưng đều trải qua các Địa ngục này để chịu khổ.

Lại nữa, trong kinh Khởi thế, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Ngoài Địa ngục A tỳ thì trong các Địa ngục lớn cũng có các Địa ngục nhỏ vây quanh, đều rộng năm trăm do tuần. Tất cả chúng sanh đều do nghiệp quả ác mà sanh ra nơi đây. Những cai ngục đều dùng hai tay nắm lấy chúng sanh kia ném vào lửa cháy, sắt nóng, hoặc ném trên đất, lửa cháy bùng lên, người tội úp mặt xuống đất thì ngục tốt liền cầm dao đâm từ mắt cá lên làm lòi gân ra. Ngục tốt lại xoáy đến gân cổ đều dính liền nhau, đau thấu đến tim tủy, đau đớn không thể nói hết được. Sau đó đóng người tội vào xe sắt. Xe ấy rất nhiều lửa cháy. Chỗ người tội đi qua thì toàn là lửa cháy, sắt nóng, đường hiểm, bị ngục tốt hành hạ không có phút tạm dừng. Người tội muốn đến phương nào tùy ý liền đến, tùy chỗ để đi thì bị ngục tốt bắt lại chưa hề bỏ qua. Tùy theo chỗ mà người tội phải trải qua sự nung chảy, máu thịt thân thể đều bị rơi rớt. Vì lúc xưa khi làm người hay phi nhân đã tạo nghiệp này nên nay đều phải nhận lấy quả báo bất thiện mà từ phương Đông có đống lửa lớn tự nhiên phát ra, bùng cháy dữ dội. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới đều như vậy. Người tội bị đống lửa vây quanh rồi dần dần ép gần nên phải chịu đau đớn vô cùng, ra khỏi đống lửa lớn ở tầng phía

Đông lại bắn vọt đến tầng phía Tây, ra khỏi đống lửa lớn ở tầng phía Tây lại bắn vọt đến tầng phía Bắc, ra khỏi đống lửa lớn ở tầng phía Bắc lại bắn vọt đến tầng phía Nam, từ dưới vọt lên, từ trên vọt xuống. Lửa bắn ngang, dọc, trên, dưới nối tiếp giao nhau. Lửa cháy hừng hực liên tiếp vọt lên cao.

Bấy giờ, ngục tốt bắt những người tội đem ném vào trong sáu đống lửa lớn ấy. Người tội vô cùng đau đớn mà không chết được. Do nghiệp lực chưa dứt mà người tội phải ở trong ấy để chịu khổ. Trong ngục A tỳ và các ngục lớn thì tất cả chúng sanh đã tạo các nghiệp bất thiện nên phải trải qua vô lượng kiếp chịu khổ vô cùng. Sau khi họ chịu khổ rồi thì bốn cửa ngục mở ra. Lúc cửa mở thì các chúng sanh nghe tiếng vội hướng về cửa mà ra, rồi nghĩ: "Nay chắc chúng ta sẽ được thoát". Lúc vội chạy như thế, thì toàn thân người tội lại bốc lửa mạnh mẽ dữ dội giống như lực sĩ cầm đuốc cỏ khô ngược gió, đuốc kia đã cháy lại càng cháy mạnh thêm. Những chúng sanh kia chạy rồi lại chạy. Thân của họ lại cháy dữ dội, lúc muốn dỡ chân lên thì máu thịt rời ra, lúc muốn đặt chân xuống thì máu thịt sanh lại. Họ đi đến cửa ngục, cửa ngục liền đóng nên không ra được, tâm càng áo não thêm. Họ úp mặt xuống đất thì lửa cháy khét da trên thân, rồi cháy đen thịt, lại cháy đến xương, thấu tận tủy. Lửa cháy hừng hực dữ dội làm cho người tội càng bị bức não gấp bội. Chúng sanh ở đây phải chịu khổ vô cùng. Do nghiệp ác chưa hết nên lãnh thọ tất cả khổ não. Ngục A tỳ này đến trong các Địa ngục lớn thì tất cả mọi lúc đều không được thọ lạc một giây phút nào. Như thế họ lần lượt chịu các khổ não.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Các ông nên biết trong khoảng không gian của thế giới kia có mười Địa ngục. Mười Địa ngục đó là:

1. Địa ngục Át-phù-la.
2. Địa ngục Nê-la-phù-đà.
3. Địa ngục A-hô.
4. Địa ngục Hô-hô-bà.
5. Địa ngục A-tra-tra.
6. Địa ngục Tao-kiệm-đề-ca.
7. Địa ngục Ưu-bát-la.
8. Địa ngục Ba-đầu-ma.
9. Địa ngục Phân-đà-lợi.
10. Địa ngục Câu-mâu-đà.

Do đâu mà gọi là Địa ngục Át-phù-đà? Tất cả chúng sanh có thân hình giống như bọt nước nên gọi là Địa ngục Át-phù-đà.

Do đâu mà gọi là Địa ngục Nê-la-phù-đà? Tất cả chúng sanh có thân hình giống như khúc thịt nên gọi là Địa ngục Nê-la-phù-đà.

Do đâu mà gọi là Địa ngục A-hô? Tất cả chúng sanh này lúc bị đau khổ thì hét lên: Ôi cha! Ôi cha! Đau khổ quá! Nên gọi là Địa ngục A-hô.

Do đâu mà gọi là Địa ngục Hô-hô-bà? Các chúng sanh này lúc bị đau khổ bức bách thì rên: hừ... h..ừ... nên gọi là Địa ngục Hô-hô-bà.

Do đâu mà gọi là Địa ngục A-tra-tra? Các chúng sanh này chịu khổ đau dày vò toàn thân muốn la lên nhưng lưỡi không phát ra tiếng được nên gọi là Địa ngục A-tra-tra.

Do đâu mà gọi là Địa ngục Tao-kiện-đề-ca? Các chúng sanh này ở trong Địa ngục lửa cháy hừng hực như hoa Tao-kiện-đề-ca nên gọi là Địa ngục Tao-kiện-đề-ca.

Do đâu mà gọi là Địa ngục Ưu-bát-la? Các chúng sanh này ở trong Địa ngục lửa cháy dữ dội, sắc lửa như hoa sen xanh nên gọi là Địa ngục Ưu-bát-la.

Do đâu mà gọi là Địa ngục Câu-mâu-đà? Các chúng sanh này ở trong Địa ngục lửa cháy dữ dội, sắc lửa như hoa Câu-mâu-đà nên gọi là Địa ngục Câu-mâu-đà.

Do đâu mà gọi là Địa ngục Bôn-trà-lợi? Các chúng sanh này ở trong Địa ngục lửa cháy dữ dội, sắc lửa như hoa sen trắng nên gọi là Địa ngục Bôn-trà-lợi.

Do đâu mà gọi là Địa ngục Ba-đầu-ma? Các chúng sanh này ở trong Địa ngục lửa cháy dữ dội, sắc lửa như hoa sen hồng nên gọi là Địa ngục Ba-đầu-ma.

Lại nữa, trong luận Lập thế A-tỳ-đàm, đức Phật dạy: Có Địa ngục lớn tên là Hắc ám. Ngoài ven của mỗi thế giới ấy tất cả hiện có đều không che đậy. Có các chúng sanh đi bằng tay còn mắt thì không nhìn thấy. Cho dù Mặt trời, Mặt trăng có đủ năng lực lớn và tất cả ánh sáng đều không chiếu đến đó được.

Lúc chư Phật xuất hiện ở đời có ánh sáng lớn chiếu khắp, nhờ đó mà họ được thấy nhau. Ven ngoài Thiết luân ở giữa hai thế giới tức ngoại giới là Địa ngục Hàn băng, có mười tên gọi:

11. Địa ngục Át-phù-la.
12. Địa ngục Nê-la-phù-đà.
13. Địa ngục A-hô.
14. Địa ngục Hô-hô-bà.
15. Địa ngục A-tra-tra.

16. Địa ngục Tao-kiệm-đề-ca.
17. Địa ngục Ưu-bát-la.
18. Địa ngục Ba-đầu-ma.
19. Địa ngục Bôn-trà-lợi.
20. Địa ngục Câu-mâu-đà.

Các chúng sanh ở trong ấy đi ngang, mà tưởng tiến tới trước cũng như loài thủ công, cho đến bên ngoài núi Thiết luân cũng thưởng đi ngang. Thân lượng chúng sanh như đại chủng Át-đa, khi tiếp xúc gió lạnh thân nứt ra như quả bị chín rục, như tiếng nổ của rừng trúc lau bị lửa thiêu rụi. Như vậy các chúng sanh bị gió rét tiếp xúc khiến khiến xương gãy vang ra tiếng kêu. Nhờ đó mà họ được biết nhau và đi lại tiếp xúc nhau nên họ biết được có các chúng sanh ở trong đây. Hoặc trong thế giới này chết phần nhiều đến sanh ở đây, Địa ngục Hàn băng ở ngoài núi Thiết luân. Hoặc thế giới khác có chúng sanh mới chết nên sanh vào Địa ngục Hàn băng. Phần nhiều thế giới kia sanh ngoài Thiết luân khoảng cách giữa hai giới, chỗ hẹp nhất là tám vạn do tuần, ở dưới không có đáy, ở trên không bị ngăn che, chỗ rộng nhất là mười sáu vạn do tuần.

***Thứ 4: Duyên thời lượng***

Trong kinh Khởi thế, đức Phật dạy: Như nước Kiều-tát-la dùng hộc đong lường mè, đủ hai mươi hộc cao ngất. Có một thanh niên đã trăm năm rồi lấy một hạt mè. Như thế đủ trăm năm nữa lại lấy một hạt đem vứt chỗ khác. Khi ném hết hai mươi hộc mè ấy đi thì Ta nói tuổi thọ của người kia vẫn chưa hết. Vả lại, dùng số lượng này để nói lược về tuổi thọ một Át-đề-đà. Như vậy, hai mươi Át-đề-đà là một Nê-lê-phù-đà-thọ. Hai mươi Nê-lê-phù-đà-thọ là một A-hô-thọ. Hai mươi A-hô-thọ là một Hô-hô-bà-thọ. Hai mươi Hô-hô-bà-thọ là một A-tra-tra. Hai mươi A-tra-tra là một Tao-kiện-đề-ca thọ. Hai mươi Tao-kiện-đề-ca thọ là một Ưu-bát-hoa. Hai mươi Ưu-bát-hoa là một Câu-mâu-đà. Hai mươi Câu-mâu-đà là một Bôn trà lợi. Hai mươi Bôn-trà-lợi là một Ba-đâu-ma. Hai mươi Ba-đâu-ma là một trung kiếp.

Kinh Tỳ-kheo Na Tiên thưa Phật dạy: Lửa cháy trong thế gian không bằng lửa cháy trong Địa ngục Nê-lê. Như đem hòn đá nhỏ để trong lửa ở thế gian, mãi đến chiều tối vẫn chưa tiêu hủy, lấy cục đá lớn để trong ngục Nê-lê thì bị tiêu mất. Cũng như có người làm ác chết trong đọa ngục Nê-lê, dù ngàn vạn năm người ấy cũng không chết. Cũng như rồng, trăn, thuồng luồng dùng đá làm thức ăn thì đá tiêu. Như

người mang thai có con ở trong thai thì thai không tiêu. Đây là do nghiệp lực thiện ác mà dẫn đến tiêu hay không tiêu. Như người đã tạo nghiệp thiện ác thì nghiệp ấy theo người như bóng theo hình. Người chết chỉ mất thân mạng chứ nghiệp lực thì không mất. Thí như lửa cháy suốt đêm, ngày thì lửa trước tắt đi, lửa sau lại cháy lên. Nay đã tạo nghiệp thì đời sau sẽ thành quả.

Lại nữa, trong Địa ngục Bát-đầu-ma, lửa cháy hừng hực dữ dội, người tội phải đi trên lửa này một trăm do tuần đốt cháy thân mình. Nếu đi sáu mươi do tuần thì hai tai của người tội bị điếc không còn nghe thấy gì. Nếu đi năm mươi do tuần thì hai mắt của người tội bị mù không thể nhìn thấy gì. Như Tỳ-kheo Cù-ba-lợi đã có tâm ác, phỉ báng Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên nên khi qua đời liền bị đọa vào Địa ngục Bát-đầu-ma này.

Lại như kinh Khởi Thế có dạy: Trong Địa ngục Bát-đầu-ma, nếu chúng sanh nào lìa chỗ này một trăm do tuần liền bị lửa cháy nơi Địa ngục giữ lại. Nếu lìa năm mươi do tuần thì các chúng sanh ấy sẽ bị lửa làm mù mắt, không còn trông thấy gì. Nếu lìa hai mươi lăm do tuần thì máu thịt trên thân chúng sanh ấy bị lửa thiêu hủy tan rữa. Nghĩa là đối với người phạm hạnh xuất gia mà sanh tâm nhơ bẩn, tâm tổn não, tâm độc ác, tâm không lợi ích, không có tâm từ, tâm không trong sạch nên phải nhận lấy tai ương này. Cho nên đối với tất cả những người phạm hạnh thân, miệng, ý nghiệp luôn khởi lòng từ thì thường được hưởng thọ sự an lạc.

***Thứ 5: Duyên điển chủ***

Kinh vấn Địa ngục và Tịnh độ Tam muội dạy: Tổng cộng các Địa ngục gồm có một trăm ba mươi bốn khu vực. Trước hết là nói đến tên gọi, chỗ ở của ngục chủ:

Vua Diêm-la xưa kia là Vua Tỳ-sa. Lúc ấy, Vua Tỳ-sa và Vua Duy-đà-thỉ-sanh cùng đánh nhau. Khi bị thua trận Vua Tỳ-sa thề: "Nguyện làm chủ Địa ngục". Mười tám cận thần thống lãnh trăm vạn người đầu có tai nhọn, thảy đều căm giận, chống đối. Bèn đồng lập nguyện: "Sau này sẽ giúp Vua trừng trị những người tội này".

Vua Tỳ-sa nay là Vua Diêm-la. Mười tám đại thần nay là các Vua nhỏ. Trăm vạn người nay là các (A-bàng vậy).

Trong kinh Vấn Địa ngục dạy: Mười tám Vua tức là thủ lãnh mười tám Địa ngục:

1. Ca Điển chủ Địa ngục Nê lê.

2. Quật Tôn Điển chủ Địa ngục núi đao.
3. Phí Phí Tiến Thọ chủ Địa ngục cát sôi.
4. Phí Điển chủ Địa ngục phẩn sôi.
5. Ca Thế chủ Địa ngục tai đen.
6. Hê sa chủ Địa ngục xe lửa.
7. Thang vị chủ Địa ngục nước đồng sôi.
8. Thiết ca Nhiên chủ Địa ngục giường sắt.
9. Ác sanh chủ Địa ngục núi đè.
10. Kinh Khuyết chủ Địa ngục băng giá.
11. Tỳ Ca chủ Địa ngục lột da.
12. Diêu đầu chủ Địa ngục súc sanh.
13. Đề Bạt chủ Địa ngục đao binh.
14. Di Hỏa chủ Địa ngục sắt mài.
15. Duyệt Đầu chủ Địa ngục đóng băng.
16. Kinh Khuyết chủ Địa ngục ống sắt.
17. Danh Thân chủ Địa ngục trùng giòi.
18. Quán thân chủ Địa ngục đồng chảy.

Trong kinh Tịnh Độ Tam Muội có dạy:

Có ba mươi sáu Địa ngục khác nhau. Mỗi Địa ngục đều có chủ ngục. Ở đây không phiền trình bày ra, chỉ kể tên gọi của năm vị quan.

1. Tiễn Quan cấm giết.
2. Thủy Quan cấm trộm.
3. Thiết Quan cấm dâm.
4. Thổ Quan cấm hai lưỡi.
5. Thiên Quan cấm uống rượu.

***Thứ 6: Duyên vương đô***

Trong kinh Thế khởi có dạy: Ở cõi Diêm-phù-đề, bên ngoài hai núi Thiết vi còn có trú xứ cung điện Vua Diêm-ma. Cung điện ấy ngang rộng đều bằng sáu mươi do tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la, xung quanh được bao bọc bằng nhiều màu sắc đáng yêu, bảy báu tạo thành. Đối diện bốn hướng đều có các cửa. Mỗi một cửa đều có lầu gác, điện đài, vườn cây, ao hoa, có vô số cây, cho đầy quả ngọt, gió hương bay xa, các loài chim cùng hòa tiếng.

Do Vua tạo nghiệp ác nên phải nhận lấy quả bất thiện. Do đó ngày đêm sáu thời tự nhiên có nước đồng sôi rót chảy trước mặt. Cung điện biến thành sắt, công đức năm dục đều ẩn mất. Vua thấy thế rồi,

sợ hãi bất an, đến nỗi sởn gai ốc nên liền chạy ra ngoài cung, nếu đang ở ngoài cung thì vội chạy vào trong. Cai ngục liền bắt Vua Diêm ma ném vào đất sắt nóng. Đất ấy hừng cháy dữ dội. Cai ngục liền lấy kềm sắt cạy miệng ra rồi rót nước đồng vào làm cho môi miệng Vua Diêm ma đều bị thiêu cháy. Sau đó lại thiêu đốt lưỡi, rồi thiêu cháy cổ họng, thiêu cháy đại tràng, tiểu tràng... cho đến bài tiết ra ngoài...

Lúc ấy, Vua Diêm ma nghĩ: "Tất cả chúng sanh xưa kia đã tạo nghiệp ác nơi thân, miệng, ý, hoặc các chúng sanh khác đã tạo nghiệp như thế đều phải chịu nỗi khổ này", nguyện cho ta từ nay được xả bỏ thân này rồi, lúc thọ thân khác đều cùng được sanh ra gặp nhau ở nhân gian, ở trong giáo pháp của Như Lai, sẽ được tin hiểu, cạo bỏ râu tóc, mặc y ca-sa, có được chánh kiến, bỏ nhà xuất gia, đã xuất gia rồi tự tu chứng đạo thần thông, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đã làm xong, không thọ thân ở đời sau". Phát nguyện như thế rồi, Vua huân tập căn lành nên ở cung điện liền biến thành bảy báu như cung điện chư Thiên, năm công đức liền được đầy đủ. Nhờ ba nghiệp thiện mà liền được an lạc.

Như trong luận Tỳ-bà-sa nói: Hỏi: Các cai ngục là hữu tình số hay phi hữu tình số?

Đáp: Những hữu tình đến chỗ Diêm vương bắt đầu ở địa ngục bị xiềng xích trói buộc là Hữu tình số. Nếu dùng các khổ cụ trong Địa ngục để hại hữu tình là phi hữu tình số.

Dưới châu Thiệm bộ có Địa ngục lớn. Trên châu Thiệm bộ cũng có các Địa ngục bao quanh và các Địa ngục riêng biệt, hoặc ở trong hang hoặc ở trên núi, hoặc ở nơi đồng trống, ở trong không trung. Đối với ba châu khác chỉ có các Địa ngục bao quanh và các Địa ngục riêng biệt, không có Địa ngục lớn. Vì sao? Vì chỉ có châu Thiệm bộ làm thiện mạnh mẽ, làm ác cũng dữ dội, ngoài ra các châu kia không có như thế. có thuyết nói: Châu Bắc câu lô cũng không có các Địa ngục bao quanh... vì là nơi chỉ thọ nghiệp thanh tịnh.

Hỏi: Nếu các châu kia không có Địa ngục lớn thì khi các hữu tình tạo nghiệp vô gián, đoạn căn lành...thì sẽ ở đâu để thọ quả?

Đáp: Họ sẽ rơi vào Địa ngục lớn ở châu Thiệm bộ này để thọ quả.

Hỏi: Hữu tình ở Địa ngục ấy hình trạng như thế nào?

Đáp: Hình dáng giống như người.

Hỏi: Ngôn ngữ thế nào?

Đáp: Lúc mới sanh đây đều dùng Thánh ngữ, sau khi thọ khổ rồi

chỉ nói những lời thọ khổ đau đớn, cho đến không có một lời nào mà có thể hiểu, chỉ có âm thanh chém chặt, róc xé.

***Thứ 7: Duyên nghiệp nhân duyên***

Trong kinh Tội Nghiệp Báo Ứng Giáo Hóa Địa Ngục có dạy: Bấy giờ, Bồ tát Tín tướng vì các chúng sanh mà phát lên lời thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Nay có các chúng sanh thọ tội bị các ngục tốt vằm giã thân thể từ đầu đến chân, cho đến đỉnh đầu. Chặt xong, gió thổi, họ sống trở lại, rồi chặt tiếp là nguyên nhân tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ không tin Tam bảo, bất hiếu đối với cha mẹ, mổ giết, vằm chặt, cắt, chém chúng sanh nên phải chịu tội báo này.

Hỏi: Lại có chúng sanh thân thể bị tê liệt, lông tóc rơi rụng, toàn thân nóng rực, chỉ có chim đậu, hươu ở, không có dấu chân người, làm ô danh thân tộc, người không muốn nhìn vì mắc phải bệnh hủi. Vậy chúng sanh này đã gây tạo tội nghiệp gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ không tin Tam bảo, bất hiếu đối với cha mẹ, phá hoại chùa tháp, lột áo người xuất gia, chặt bắn Hiền Thánh, làm tổn thương sư trưởng, tâm thường phản phúc, vong ân bội nghĩa, làm việc cẩu thả, dâm loạn không kể tôn ty, không có kiêng nể nên chịu tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh thân thể dài lớn, điếc ngây không chân, lăn lóc đi bằng bụng, chỉ ăn bùn đất để nuôi mạng sống, thường bị các trùng nhỏ rúc rỉa để ăn, thường phải chịu đau đớn không thể nói hết được. Vậy chúng sanh này đã gây tạo tội nghiệp gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ không có lòng tin, chỉ ưa lời hoa mỹ, bất hiếu đối với cha mẹ, ngang ngược với thầy bạn. Nếu lúc làm Đế vương, Đại thần trấn giữ châu quận khắp bốn phương, cai quản dân chúng thì ỷ vào thế lực để đoạt lấy của dân, không có đạo lý, làm cho họ phải đau đớn, khổ sở, than oán mà đi nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh hai mắt bị mù lòa chẳng trông thấy được gì, có lúc thì đụng vào gốc cây, có lúc thì rơi vào hố, rãnh. Sau khi chết rồi thọ lại thân khác cũng bị như vậy là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ không tin tội phước, che mất ánh sáng của Phật, khâu mắt chim Ưng, dùng lồng nhốt chúng sanh, dùng túi da bịt kín đầu làm cho chúng sanh không trông thấy được gì nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh bị câm điếc không thể nói được. Nếu

muốn nói gì thì chỉ ra dấu bằng tay mắt nhưng không thể hiểu được là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ phỉ báng Tam bảo, hay nói đến việc tốt xấu của người, cầu người chết yểu, vu oan người lương thiện, ganh ghét người hiền nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh bụng to, cổ nhỏ, không thể nuốt gì được. Nếu có gì để ăn thì liền biến thành máu mủ là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ ăn trộm thức ăn của Tăng chúng, hoặc gặp lúc có đại hội làm phước thì núp ở chỗ khuất để trộm ăn, của mình thì keo kiết mà tham lấy của người khác, thường làm việc ác, cho người uống thuốc độc đến nỗi bị nghẹt thở nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh thường bị cai ngục đốt cháy đinh sắt rồi đóng vào trăm đoạn trên xương đầu, đóng đinh rồi thì lửa tự nhiên thiêu cháy thân thể làm cho chín rục là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ làm thầy châm cứu, châm kim vào thân người nhưng người không lành bệnh mà vẫn lừa dối để lấy của người, làm cho họ phải khổ não nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh thường ở trong nồi nước nóng, bị cai ngục đầu bò dùng thiết xoa ba chỉa móc lấy người tội để vào trong nồi nước nóng, nấu cho chín nhừ xong thổi sống lại, rồi lại nấu tiếp là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ tin theo tà kiến điên đảo, mổ giết chúng sanh, rưới nước nóng để cạo lông rồi lại bỏ vào nồi đồng để nấu, số nhiều vô lượng nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh thường ở trong thành lửa bị thiêu nướng đến tim. Lúc bốn cửa thành đều mở nếu họ chạy đến cửa thì cửa tự đóng lại, chạy Đông, chạy Tây cũng không thể thoát ra được mà bị lửa thiêu cháy là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ thiêu đốt sông núi, dùng lửa nướng gà, thiêu nướng chúng sanh làm cho da thịt bị rã rời nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh thường ở trong núi Tuyết, khi gió lạnh thổi đến thì da thịt bị nứt ra, muốn chết không được là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ làm giặc đón đường, lột lấy y phục của người làm cho người phải chết lạnh vào mùa Đông. Họ lột da bò, dê làm cho nó phải đau đớn vô cùng nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh thường ở trên cây đao kiếm, nếu nắm lấy cây thì liền bị thương, tay chân đều đứt là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ mổ giết chúng sanh, nấu nướng, cắt xẻo, róc xé phân chia xương thịt đầu chân ra từng loại, rồi đem treo

ở trên cao, cân lường để bán. Hoặc treo chúng khi còn sống làm chúng đau khổ khó chịu đựng được nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh năm căn không đủ là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ dùng chim ưng, chó chạy để săn bắn cầm thú, hoặc chặt lấy đầu, chân, hoặc chặt lấy cánh chim nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh tay chân co quắp, lưng gù, không có ngón chân, chân què, tay cong không thể đi lại được là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ là những người ở trong đồng trống dùng các binh khí, đào hầm hố săn bắn làm cho chúng sanh bị vỡ đầu, gãy chân, thương tích đầy mình nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh bị cai ngục xiềng xích thân thể không thể thoát ra được là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ giăng lưới bắt chúng sanh, dùng lồng nhốt người, thú vật làm cho các chúng sanh ấy phải chịu đau khổ. Hoặc họ làm chúa tể, lệnh trưởng tham lấy tiền của, trói oan người lương thiện, oán thấu Trời xanh, vì không đạt được ý ác nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh bị điên cuồng không phân biệt được tốt xấu là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ uống rượu say sưa, phạm ba mươi sáu lỗi nên nay được thân ngu si giống như người say, không biết tôn ty, không biết tốt xấu nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh thân thể rất nhỏ, âm tạng quá lớn, cử động mệt nhọc, đi đứng ngồi nằm đều rất khó khăn là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước lúc họ buôn bán chỉ khen của mình, chê bai của người, cân lường dối trá, lừa gạt mọi người nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh nam căn không đủ. Đó là kẻ huỳnh môn, không lập gia đình là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ giết chết (thiến) voi, ngựa, bò, dê, heo, chó nhưng nó vẫn còn sống nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh từ lúc sanh ra đến lúc chết không có con cái, cô độc một mình là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ làm người bạo ác, không tin tội phước. Trong lúc đàn chim sanh trứng, họ lấy để trong bình, đổ ngập nước nấu. Họ muốn lấy tất cả trứng chim hồng, anh vũ, ngỗng, nhạn đem về để nấu ăn. Các loài chim ấy mất con thì rên rỉ bi thảm đến nỗi chảy máu mắt nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh cô đơn từ lúc nhỏ không có cha mẹ, anh

em, thường bị người khác sai khiến, sinh sống khổ cực, lớn lên thành người thường bị tai họa, bị huyện quan trói, nhốt vào lao ngục, không ai thăm viếng, đói khát khốn khổ không thể nói hết là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ ưa thích bắt các loài chim thú như: Điêu, thứu, ưng, diêu, gấu, bi, hổ, báo, xiềng xích nó lại mà nuôi. Các chúng sanh này phải sống một mình ở đây, còn cha mẹ anh em thì luôn đau buồn, rên rỉ kêu gào, tổn hại đến tâm can, cảm động lòng người nhưng không thể cung dưỡng, thường bị đói khát, da bọc lấy xương, cầu chết không được nên bị tội này.

Hỏi: Lại có chúng sanh thân hình xấu xí, da đen như sơn, mặt mắt xanh lè, đầu má nhô cao, da mặt đầy ghẻ nước, mũi thì xẹp dẹp, hai mắt vàng đỏ, răng sún thưa thớt, hơi miệng hôi thối, lùn tịt, gân thịt sưng vù, đại tràng và xương hông lòi ra, đi lại khó khăn, lưng gù, ngực rỗng, tốn áo hao cơm. Mụt nhọt máu mủ, gân thịt chảy nước, mắt mù ghẻ lác, ung thư. Tất cả các bệnh tật xấu ác đều tập hợp trên thân ấy. Tuy họ thân gần người mà người chẳng để ý. Nếu người tạo tội thì mình lại mang vạ lây. Trọn đời không thấy Phật, không nghe pháp, không gặp chư tăng là vì tội gì?

Đức Phật dạy: Do đời trước họ làm con thì bất hiếu với cha mẹ, làm thần thì không trung thành với Vua, làm Vua thì không kính nể kẻ dưới, chơi bạn thì không có sự tin tưởng nhau, ở trong làng xóm thì không kể đến tuổi tác, ở triều đình thì không cần đến chức tước, làm việc thì dối trá, tâm ý điên đảo, không có độ lượng, không tin Tam bảo, giết Vua, hại thầy, xâm lấn đất nước, cướp bóc của dân, đánh thành phá lũy, nhỗ trại trộm cướp, gây tạo vô số nghiệp ác. Thích làm người ác xâm chiếm kẻ cô độc già yếu, phỉ báng hiền thánh, khinh mạn sư trưởng, lừa dối kẻ hèn hạ, phạm đủ tất cả các tội nghiệp, tập hợp tất cả các quả báo ác nên bị tội này.

Bấy giờ, nghe lời Phật dạy rồi thì tất cả chúng sanh thọ tội đều ưu sầu khóc lóc động cả mặt đất nước mắt như mưa mà bạch Phật: Cúi xin Thế Tôn sống lâu ở đời để thuyết pháp cho chúng con được giải thoát.

Đức Phật dạy: Nếu Ta còn sống lâu ở đời thì những kẻ phước mỏng không gieo trồng căn lành, cho là Ta thường còn nên không nghĩ đến vô thường.

Này thiện nam! Thí như trẻ con có mẹ ở bên mình thì không nghĩ đến chuyện khó gặp. Nếu mẹ nó đi vắng thì nó mới nhớ mong. Lúc mẹ trở về thì rất vui mừng.

Này thiện nam! Nay Ta cũng vậy, biết rõ các chúng sanh có ng-

hiệp duyên thiện ác, có thọ báo tốt xấu nên Ta nhập Niết bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn vì những chúng sanh thọ tội nói kệ:

*Nước chảy không thường đầy*
*Lửa lớn không cháy lâu*
*Mặt Trời mọc rồi lặn*
*Trăng tròn rồi lại khuyết*
*Kẻ tôn quý giàu sang*
*Vô thường lại qua vậy*
*Phải siêng năng tinh tấn*
*Đãnh lễ đấng Vô thượng.*

Lại nữa, Cựu Tạp Thí Dụ Kinh dạy: Xưa kia, có sáu người thân nhau và đã tạo tội nên cùng đọa vào Địa ngục, cùng ở trong một cái nồi. Họ đều muốn nói về tội ấy. Người thứ nhất nói: Sa. Người thứ hai nói: Na. Người thứ ba nói: Đặc. Người thứ tư nói: Thiệp. Người thứ năm nói: Cô. Người thứ sáu nói: Đà-la.

Đức Phật thấy vậy thì mỉm cười. Mục Liên bạch hỏi Phật:

Có sáu người thân nhau cùng đọa vào Địa ngục. Họ đều muốn nói về nguồn gốc tội ấy nhưng nước sôi sùng sục nên không nói được. Do đó mà họ chỉ tiện nói ra một lời.

Người thứ nhất nói "Sa" là thế gian có sáu ức vạn năm nhưng ở trong Địa ngục Nê lê chỉ có một ngày nên không biết lúc nào được thoát khỏi. Người thứ hai nói "Na" là không có thời hạn được ra khỏi, cũng không biết lúc nào sẽ được thoát ra. Người thứ ba nói "Đặc" nghĩa là than ôi ta phải cố sống nhưng không thể chế ngự được ý, đoạt lấy phần của năm nhà cúng dường Tam bảo. Do ngu si tham muốn không đủ nên nay hối hận thì chẳng được ích gì. Người thứ tư nói "Thiệp" nghĩa là ta mưu sanh cũng không có lòng chí thành, còn tài sản thì thuộc về người khác. Do đó mà họ đau khổ. Người thứ năm nói "Cô" nghĩa là ai sẽ bảo hộ ta, thoát ra địa ngục này, liền không phạm giới cấm, được sống sung sướng ở cõi Trời. Người thứ sáu nói "Đà-la" nghĩa là sự việc này đầu mối chẳng phải do tâm tính toán.

Thí như người lái xe bị lạc đường, gãy chốt, hư xe thì hối hận cũng không kịp nữa.

Trong kinh Thập Luân dạy: Có năm tội nghịch là tội ác nặng nhất. Đó là: cố ý giết cha mẹ, A-la-hán, phá hoại hòa hợp tăng sự của Thanh văn, cho đến ác tâm làm Phật chảy máu. Đó là năm tội nghịch. Nếu trong năm tội nghịch này mà người nào phạm một tội thì không được xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu cho phép họ xuất gia thì phạm tội nặng. Do

đó, nên đuổi họ đi, hoặc đã xuất gia, có các oai nghi. Không nên dùng hình phạt roi gậy, cầm cố...

Lại có bốn tội rất nặng đồng với bốn tội nghịch, phạm tội căn bản. Bốn tội đó là: Giết Phật Bích Chi, phạm dâm với Tỳ-kheo-ni A-la-hán, lấy vật của Tam bảo để dùng riêng cho mình, tà kiến phá hoại Tỳ-kheo tăng. Nếu trong bốn tội căn bản này mà người nào phạm một tội thì không được xuất gia trong Phật pháp. Nếu như xuất gia thì không nên cho thọ giới cụ túc. Nếu thọ giới cụ túc thì nên đuổi họ đi, vì đã xuất gia, có các oai nghi. Không nên dùng roi, gậy trói buộc khiến họ bỏ mạng. Như thế đều phạm tội căn bản, chẳng phải tội nghịch.

Có loại tội căn bản cũng là tội nghịch. Người nào xuất gia, thọ giới cụ túc, được thấy Đế, Đạo, đoạn dứt mạng sống thì đó cũng là tội căn bản, cũng là tội nghịch. Những chúng sanh như thế mà ở trong giới luật của Ta thì nên đuổi họ đi.

Có loại tội căn bản chẳng phải là tội nghịch. Người nào xuất gia mà tự hại mạng sống của mình là phạm tội căn bản chẳng phải tội nghịch. Nếu có vật của tăng bốn phương như vật thực, đồ dùng thì không nên cho họ cùng hưởng lợi dưỡng.

Có loại không phải tội căn bản, chẳng phải là tội nghịch. Chúng sanh nào có tâm nghi ngờ đối với Tam bảo, hoặc xuất gia ở trong giáo pháp cho đến thấy người tụng kinh mà làm trở ngại dù chỉ một bài kệ. Đây không phải tội căn bản, cũng chẳng phải tội nghịch mà gọi là người đại ác, gần với tội nghịch. Nếu họ không biết sám hối để tiêu trừ tội căn ấy thì không cho xuất gia trong Phật pháp. Nếu họ xuất gia thọ giới cụ túc mà không biết hối lỗi thì cũng đuổi đi. Vì sao? Vì không tin chánh pháp, hủy báng ba thừa, hoại mất chánh pháp, muốn diệt đèn pháp, đoạn hạt giống Tam bảo, làm tổn hại người, Trời mà không có lợi ích, sẽ đọa vào đường ác. Hai hạng người này là hủy báng Thánh hiền thì suốt đời vào Địa ngục, tăng trưởng pháp ác. Đây là đại trọng tội căn bản. Vì sao? Vì không có oai nghi là pháp tội căn bản. Nếu Tỳ-kheo cố ý dâm dật, cố giết người đời, không cho mà lấy, phạm tội cố vọng ngữ.

Trong bốn tội này người nào phạm một tội đều không cho nhận vật của tăng bốn phương, các vật ăn uống, đồ nằm đều không được cùng thọ dụng. Tuy nhiên Vua, đại thần không nên cho họ gậy gộc, dây trói, trừng trị cho đến giết chết.

Thế nào là trọng tội căn bản?

Người nào làm những việc này thì sau khi qua đời sẽ đọa vào

đường ác. Đây là căn bản đường ác nên gọi là tội trọng căn bản.

Giống như hòn sắt ném lên không trung quyết không thể tạm ở đó mà nó nhanh chóng vùi xuống đất. Như vậy, trong năm tội nghịch, bốn tội trọng và hai hạng chúng sanh hủy báng chánh pháp, hủy báng Hiền Thánh mà người nào phạm phải một tội trong mười một loại tội này thì sau khi qua đời sẽ đọa vào Địa ngục A-tỳ.

Trong kinh Niệm Chánh Pháp có dạy:

Nỗi khổ trong Địa ngục A-tỳ gấp bội ngàn lần tức trong một kiếp trải qua bảy Địa ngục lớn. Người tạo năm tội nghịch thì thân ấy to lớn đến năm trăm do tuần. Người tạo bốn tội nghịch thì thân ấy to lớn đến bốn trăm do tuần. Người tạo ba tội nghịch thì thân ấy to lớn đến ba trăm do tuần. Người tạo hai tội nghịch thì thân ấy to lớn đến hai trăm do tuần. Người tạo một tội nghịch thì thân ấy to lớn đến một trăm do tuần.

Người tạo năm tội nghịch kia đến khi qua đời thì kêu gào ầm ĩ, cổ họng nghẹt thở. Như thế chết đi, sắc Trung hữu sanh không nhìn thấy, sắc ấy đối với thân của họ cũng như đứa trẻ tám tuổi. Vua Diêm la đốt sắt nóng rồi quấn vào cổ người tội và trói hai tay rồi treo ngược lên, trải qua hai ngàn năm đều bị như thế, phần lớn là thiêu cháy tóc, thiêu cháy đầu, rồi đến thiêu cháy thân. Cõi Trời lục dục kia nghe mùi ở trong Địa ngục ấy thì đều mất hết pháp mầu. Vì sao? Vì trong Địa ngục A-tỳ rất hôi hám vậy.

Trong kinh Quán Phật Tam muội, đức Phật bảo A Nan:

Có chúng sanh giết cha, hại mẹ, mạ nhục thân thuộc. Những người tạo tội này thì sau khi qua đời họ nhanh chóng rơi vào Địa ngục giống như trong khoảnh khắc tráng sĩ co duỗi cánh tay. Vua Diêm la liền quát tháo người tội: "Người ngu si kia, gieo nghiệp Địa ngục. Lúc còn ở đời thì ngươi bất hiếu với cha mẹ, tà mạn vô đạo nên nay ngươi bị sanh vào Địa ngục A-tỳ này". Nói xong, Vua liền ẩn mất.

Bấy giờ, ngục tốt đuổi bắt người tội từ vách ngăn trên đến vách ngăn dưới, trải qua tám vạn bốn ngàn vách ngăn rồi khoan thân người tội, sau đó lại giăng trùm lưới sắt bao quanh. Một ngày một đêm ở ngục A-tỳ bằng sáu mươi kiếp ở Diêmphù-đề. Như vậy, lúc thọ mạng hết một đại kiếp thì người phạm năm tội nghịch chịu tội đủ năm kiếp.

Lại có chúng sanh phạm bốn tội trọng, luống dối ăn của tín thí, phỉ báng, tà kiến, không biết nhân quả, đoạn học Bát nhã, hủy báng chư Phật mười phương, trộm vật của tăng kỳ, dâm dật vô đạo, bức hiếp Tỳ-kheo-ni tịnh giới và chị em thân thích, không biết hổ thẹn, hủy nhục người thân, làm các việc ác thì tội báo của người này đến lúc qua đời

bị gió đao xẻ thân, chỉ trong chốc lác thì thân ấy giống như hoa sắt đầy khắp mười tám ngăn Địa ngục. Mỗi một hoa có đến tám vạn bốn ngàn lá. Một lá đều có đầu, thân, tay, chân, tất cả đều ở trong một ngăn. Địa ngục cũng không lớn thêm mà thân ấy cũng không nhỏ lại nhưng đầy khắp trong Địa ngục lớn như thế, trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp. Khi chúng sanh ấy chết ở Địa ngục này lại vào trong mười tám ngăn Địa ngục ở phương Đông để thọ tội như trước. Tất cả các Địa ngục ở phương Nam, Tây, Bắc đều trải qua mười tám ngăn như thế.

Trong kinh Báng Phương Đẳng có dạy:

Có năm tội nghịch: phá hoại tăng kỳ, làm ô nhiễm Tỳ-kheo-ni, đoạn các căn lành. Người nào tạo đủ các tội này thì thân đầy khắp trong ngục A-tỳ, còn tay chân thì đầy khắp mười tám ngăn ngục.

Lửa ngục A-tỳ này thường luôn bốc cháy. Chúng sanh gieo nghiệp ở Địa ngục thì lúc sắp qua đời, cửa Đông liền mở, người ấy thấy ngoài cửa Đông có suối nước trong mát, có rừng cây hoa quả, hiện đủ các thứ như thế. Các người tội này ở ngăn dưới trông thấy thì mắt cháy rực lửa liền từ vách dưới vùng dậy, lăn lóc đi bằng bụng rồi vọt thân lên đến vách ngăn trên, tay cầm bánh xe đao. Lúc ấy trong hư không mưa hòn sắt nóng. Người tội chạy về cửa Đông, đến cửa thì liền bị ngục tốt La-sát cầm xoa sắt đâm mắt, chó sắt ăn tim làm cho người tội té xỉu mà chết ngất. Chết rồi liền sống lại, người tội thấy cửa phía Nam mở rồi cũng như trước không khác. Như vậy, các cửa phía Tây, Bắc cũng như thế. Trong khoảng thời gian ấy trải qua đến nữa kiếp. Ở ngục A-tỳ chết rồi, người tội lại sanh vào ngục băng giá, chết rồi lại sanh vào chỗ u ám, tám ngàn vạn năm đều bị mù mắt, làm thân con trùng lớn, lăn lóc đi bằng bụng, mê muội không hiểu biết gì, bị trăm ngàn cáo, sói giành giựt để ăn. Sau khi qua đời, người tội lại sanh vào loài súc sanh, trải qua năm ngàn vạn thân làm loài chim thú. Lúc được sanh làm người thì đui điếc, câm ngọng, phung hủi, ung thư, nghèo nàn hèn hạ, thân được trang sức bởi các sự suy yếu, thọ thân thấp hèn này trải qua năm trăm thân, sau đó lại sanh vào loài ngạ quỷ, gặp thiện tri thức, các vị Bồ-tát quở trách: “Trong vô lượng đời trước, ngươi đã tạo quá nhiều tội lỗi, phỉ báng bất tín. Ngươi tạo đủ tội như thế thì một thân đầy khắp ngục A-tỳ, tay chân lại đầy khắp mười tám ngăn ngục, đọa vào trong ngục A-tỳ chịu các khổ não không thể nói hết. Nay ngươi phải nên phát tâm từ bi.

Khi nghe như vậy rồi các ngạ quỷ đều xưng: “Nam mô Phật”. Nhờ vào sức niệm Phật nên sau khi qua đời chúng liền được sanh trong trời Tứ thiên vương, sanh vào trong ấy rồi thì tự trách và hối hận, phát tâm

Bồ-đề. Ánh sáng của chư Phật không bỏ bọn chúng, đều thương yêu tất cả chúng sanh như con ruột, dạy chúng tránh xa Địa ngục như thương yêu mọi người như quý đôi mắt của mình.

Cho nên trong kinh Khởi Thế, đức Phật nói kệ:

*Nếu thân, miệng, ý tạo các nghiệp*
*Tạo rồi liền rơi vào đường ác*
*Như thế sẽ sanh vào Địa ngục (Đẳng hoạt)*
*Chỗ đáng ghê sợ và kinh hãi*
*Trải qua vô số ngàn ức năm*
*Chết trong khoảnh khắc rồi sống lại*
*Thù oán đều cùng nhau vay trả*
*Do đó mà chúng sanh giết hại nhau*
*Nếu khởi tâm ác với cha mẹ*
*Và chúng Thanh văn, Phật, Bồ-tát*
*Bọn này phải đọa ngục dây đen*
*Nơi này chịu khổ rất mãnh liệt*
*Dạy người chánh hạnh, khiến tà vạy*
*Thấy người có thiện, thường phá hoại*
*Tội này cũng vào ngục dây đen*
*Nói dối, hai lưỡi và nói ác*
*Thích gieo ba loại nghiệp ác nặng*
*Không trồng hạt giống ba nghiệp lành*
*Bọn ngu này chắc chắn phải vào*
*Chịu khổ lâu dài trong Địa ngục*
*Hoặc giết các loài bò, dê, ngựa*
*Heo, gà và các loài cầm thú*
*Hoặc giết các loài kiến, trùng nhỏ*
*Người này sẽ rơi vào Địa ngục*
*Thế gian sợ hãi, gieo nhiều nghiệp*
*Do đó bức não các chúng sanh*
*Sẽ đọa Địa ngục núi cối đá*
*Chịu khổ đâm giã và tán xay*
*Tham dục, độc si bao kiết sử*
*Xoay chuyển chánh lý theo đường tà*
*Phân biệt đúng sai trái pháp luật*
*Sẽ bị đao, kiếm làm tổn thương*
*Dựa vào thế lực cướp của người*
*Có sức hay không cũng cướp lấy*

*Nếu làm các việc bức não ấy*
*Sẽ bị voi sắt chà đạp ngay*
*Nếu thích giết hại các chúng sanh*
*Tay chân đầy máu, tâm hung ác*
*Thường làm các nghiệp bất tịnh ấy*
*Thì sẽ đọa vào ngục kêu gào*
*Do hay xúc não các chúng sanh*
*Nên bị lửa ngục kêu gào đốt*
*Kẻ ấy ở đó kêu gào lớn*
*Là do dua nịnh, tâm gian dối*
*Che phủ trong rừng đầy kiến chấp*
*Trầm luân trong lưới ái bít bùng*
*Thường làm các nghiệp tháp kém ấy*
*Nên sẽ đọa vào ngục kêu gào*
*Lúc đến chỗ kêu gào lớn đó*
*Thành sắt lửa cháy đến hãi hùng*
*Trong phòng nhà sắt ở nơi đây*
*Ai vào sẽ bị thiêu cháy ngay*
*Nếu ở thế gian làm các nghiệp*
*Thường hay não loạn các chúng sanh*
*Kẻ ấy sẽ sanh chỗ nóng bức*
*Chịu sự đốt nóng vô lượng kiếp*
*Sa-môn, Bà-la-môn ở đời*
*Cha mẹ, tôn sư, các trưởng lão*
*Nếu thường xúc não họ không vui*
*Kẻ ấy sẽ đọa ngục nóng bức*
*Cõi Trời thanh tịnh không ưa tu*
*Thân thuộc đáng yêu thường xa lìa*
*Thích làm các việc như thế đó*
*Kẻ ấy sẽ đọa ngục nóng bức*
*Ác hại Sa-môn, Bà-la-môn*
*Cha mẹ và các người hiền thiện*
*Hoặc lại làm hại các tôn giả*
*Sẽ bị ngục nóng bức thiêu đốt*
*Thường hay ưa làm các nghiệp ác*
*Chưa hề phát sanh một tâm lành*
*Người này sẽ đọa ngục A-tỳ*
*Chịu đủ vô lượng các khổ não*

*Nếu nói chánh pháp là phi pháp*
*Hoặc nói phi pháp là chánh pháp*
*Đối với việc lành không lợi ích*
*Người này sẽ đọa ngục A-tỳ*
*Hai ngục Đẳng hoạt và Dây đen*
*Chúng hợp, kêu gào thảy là năm*
*Nóng bức, nóng bức lớn là bảy*
*Địa ngục A-tỳ là thứ tám*
*Tất cả gồm tám Địa ngục lớn*
*Thiêu đốt thống khổ khó nhẫn chịu*
*Bởi vì các người tạo nghiệp ác*
*Trong ấy còn mười tám ngục nhỏ.*

***Thứ 8: Duyên khuyên răn***

Trong kinh Khởi Thế, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Ở thế gian có ba thiên sứ. Đó là: già, bệnh, chết." Có người buông lung làm ba nghiệp ác nên sau khi qua đời thì đọa vào Địa ngục. Các cai ngục liền bắt kẻ ấy đến trước Vua Diêm la, thưa:

Đại vương! Các chúng sanh này lúc còn ở đời thường hay buông lung, tự do làm ba nghiệp bất thiện. Nay chúng sanh vào đây, xin Đại vương khéo chỉ dạy cho.

Vua Diêm la hỏi người tội: Lúc ở đời thì thiên sứ thứ nhất đã khéo chỉ dạy ngươi, khéo quở trách ngươi, đâu phải ngươi không biết mà lại sanh vào đây?

Đáp: Đại vương! Thật sự con không biết.

Vua lại hỏi: Sao lại không biết? Lúc còn làm người, hoặc là phụ nữ, hoặc là trượng phu, hiện tướng già yếu, tóc bạc, răng rụng, da nhăn, nốt ruồi đầy thân giống như hạt mè, tay cong, lưng khòm, đi lại khó khăn, chân không nương thân, lảo đảo, cổ nhỏ da rông trệ xuống hai bên như mảng thịt bò, môi miệng khô khan, cổ lưỡi khô rít, thân thể cong queo, sức lực yếu ớt, hơi thở khò khè giống như tiếng cưa, muốn đến phía trước thì phải chống gậy mà đi, càng già càng suy tổn, xương thịt teo dần, gầy yếu, muốn đi lại thì cử động chậm chạp không như thời trai tráng, ngay cả thân tâm cũng thường bất an, tay chân mỏi mệt khó chủ động. Ngươi có thấy vậy không?

Đáp: Đại thiên! Con đã thấy vậy.

Lúc ấy, Vua lại bảo: Người ngu si kia, ngươi không có sự hiểu biết. Ngày xưa, ngươi đã thấy hình trạng như thế, tại sao lại không nghĩ

thế này: "Nay ta có tướng già yếu như vầy, chưa thể xa lìa được. Vậy ta nên làm việc lành để được an lạc, lợi ích lâu dài".

Người tội đáp: Đại thiên! Con không suy nghĩ như thế nên phóng túng tạo nghiệp buông lung.

Vua nói: Người ngu si kia, ngươi không tu nghiệp lành nên phải chịu tội của sự phóng túng. Khổ báo này không phải người nào làm mà chính là do ngươi tự tạo nên nay nghiệp đã nhóm họp mới chịu quả báo này.

Bấy giờ, Vua Diêm la quở trách lần thứ hai: Các người sao không thấy thiên sứ thứ hai xuất hiện ở thế gian?

Đáp: Đại vương! Con không thấy.

Vua lại bảo: Sao ngươi không thấy, khi làm người ở đời, hoặc là phụ nữ, hoặc là trượng phu, bốn đại hòa hợp bỗng nhiên chống đối nhau nên bệnh khổ xâm nhập, bị trói buộc khốn khổ, hoặc lúc nằm trên giường nhỏ, giường lớn, phân tiểu dơ dáy rồi trăn trở trong ấy, không được tự do, nằm xuống, ngồi dậy phải nhờ người nâng đỡ, bồng lên, lau rửa, cho ăn uống. Tất cả sự việc ấy đều nhờ đến người. Vậy ngươi có thấy không?

Người tội đáp: Con có thấy.

Vua lại nói: Người ngu si kia, ngươi thấy như thế, tại sao lại không nghĩ thế này: "Nay ta bị các pháp như vậy nên chưa lìa được bệnh hoạn. Vậy ta nên làm việc lành để được an lạc, lợi ích lâu dài".

Người ấy đáp: Con không suy nghĩ như thế nên mới lười biếng, tâm hành phóng túng.

Vua lại bảo: Ngươi đã lười biếng không làm việc thiện nên phải chịu quả báo này. Khổ báo này không phải người nào làm mà chính là do ngươi tự tạo nên nay nghiệp đã nhóm họp mới chịu quả báo này.

Bấy giờ, Vua Diêm la quở trách lần thứ ba: Các người sao không thấy thiên sứ thứ ba xuất hiện ở thế gian?

Đáp: Đại vương! Con không thấy.

Vua lại bảo: Sao ngươi không thấy, khi làm người ở đời, hoặc là phụ nữ, hoặc là trượng phu, tùy lúc lìa đời, đặt ở trên giường, dùng vải tạp sắc che lên, đem ra để ngoài xóm làng, dựng tràng phan, bảo cái và các thứ trang nghiêm, quyến thuộc vây quanh, đưa tay bức tóc thì tro bụi đầy đầu, áo não vô cùng, lớn tiếng gào khóc, đấm ngực kêu la, đau buồn nức nở như gặp phải gai đâm. Vậy ngươi có thấy không?

Người tội đáp: Con có thấy.

Vua lại nói: Người ngu si kia, ngươi thấy như thế, tại sao lại không

nghĩ thế này: “Ta cũng có chết chưa được tránh khỏi. Vậy ta nên làm việc lành để được an lạc, lợi ích lâu dài”.

Người ấy đáp: Con không suy nghĩ như thế. Vì sao? Vì sự phóng túng.

Vua lại bảo: Ngươi đã buông lung không làm việc thiện nên phải chịu quả báo này. Khổ báo này không phải người nào làm mà chính là do ngươi tự tạo nên nay nghiệp đã nhóm họp mới chịu quả báo này. Sau khi dùng ba thiên sứ để răn dạy quở trách rồi, Vua Diêm la bảo dẫn người tội đi. Lúc ấy, cai ngục nắm hai chân người tội dốc lên rồi ném vào Địa ngục.

Bài kệ tụng:

*Sanh đến, chết lại đi*
*Ngày tháng xoay vần trôi*
*Gió chiều lay động mất*
*Sóng xô vật dời theo*
*Ngu si mất đường chánh*
*Trôi dạt trong vực sâu*
*Rơi vào chỗ tăm tối*
*Muôn kiếp bị hành hạ*
*Khổ luân chuyển sáu đường*
*Ba nghiệp chưa vẹn toàn*
*Trôi dạt không người cứu*
*Đau xót lại thương tiếc*
*Nương lời dạy quán vật*
*Mới biết nơm hư vọng*
*Biển khổ sông sâu đến*
*Phải lên thuyền Bát nhã.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 18)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 19

## PHẦN THỨ 29: TỔNG CHUNG

- Duyên thuật ý
- Duyên xem bệnh
- Duyên chữa bệnh
- Duyên an trí
- Duyên kiểm tâm
- Duyên bỏ mạng
- Duyên di tống
- Duyên thọ sanh
- Duyên tế tự

***Thứ 1: Duyên thuật ý***

Ba cõi mênh mông, sáu đường đông đúc đều do bốn đại nương nhau và năm căn mà thành thân. Khi hợp thành thân, khi tan thành không. Bởi vì tánh chất của đất, nước, gió, lửa sai khác nhưng đều gọi là thành phần của thân thể, đều có sự mong cầu vừa ý. Sự mong cầu đã khó cho nên điều hòa được nó là sự khác thường. Một đại không điều hòa thì bốn đại đều bị hao tổn. Như khi địa đại tăng thì hình thể đen sẫm, gân thịt xanh xao, máu đọng, hạch nỗi như sắt đá. Nếu địa đại giảm thì tay chân gầy yếu mất hết nữa phần, thân thể khô khan, tàn tạ, mất hết sự thấy nghe. Nếu thủy đại tăng thì da thịt mềm nhũn, thân nỗi mọng nước, toàn thân vàng vọt, thần sắc bi thảm, tay chân sưng phù, bàng quang phình to. Nếu thủy đại giảm thì thân thể gầy yếu, xương lồi, gân nỗi, mạch chìm, môi lưỡi khô khan, tai mũi lồi lõm, ngũ tạng nóng đốt, nước miếng nhỏ dãi, lục phủ tiêu hao, không thể chịu đựng. Nếu hỏa đại tăng thì thân thể nóng bức, hừng hực như lửa, ung thư ghẻ nhọt lở loét, máu mủ chảy tràn, mùi hôi xông lên. Nếu hỏa đại giảm thì tay chân ốm yếu, lục phủ ngũ tạng lạnh giá, đóng băng, miệng hoặc

ngậm sương, khí nóng lại đến, chưa được ôn hòa, ăn vào không tiêu, hay bị nôn mửa. Nếu phong đại tăng thì đầy hơi, ngực nghẽn, lục phủ không thông, tay chân mềm yếu, toàn thân tê liệt. Nếu phong đại giảm thì thân hình ốm yếu, khí lực mong manh, đi lại mệt mỏi, hay thở dài, ho khạc, nôn ọe, cổ lưỡi khô rát, bụng lép lưng gù, trong tâm lạnh buốt, gân mạch cổ họng đều bị cổ trướng. Các bệnh như thế đều do bốn đại tăng giảm bất thường. Đến khi có bệnh, một đại suy yếu thì ba đại đều khổ và dần đều bệnh, đều bị bức não. Khi bốn đại chống chọi nhau thì lục phủ khó mà điều hòa. Tất cả các sự việc ấy đều do nhân ác đời trước tích tập lại nên đến nay phải chịu khổ báo. Người không biết hổ thẹn, không biết nhân nghĩa thường tùy theo bốn mùa mà cung cấp các vật cần dùng, ngày đêm chỉ biết cung dưỡng thân mình, chẳng hề nghĩ đến ân của người khác. Đến khi thân này không còn cung phụng được nữa thì bệnh khổ liền kéo đến. Đã biết không ân, uổng phí cho công nuôi dưỡng, càng phung phí ăn ngon mặc đẹp, cuối cùng trở thành phẩn uế. Cho nên chúng ta ăn là chỉ nuôi lấy thân mình để trừ đói khát không giống như kẻ kia do nghiệp trước chất chứa chỉ làm khổ thân mình, phế bỏ tâm tu đạo đều do thân là đồ dùng khổ, ấm là bình chén nên dễ vỡ, khó giữ giống như bọt nước. Bốn đại phù hư thường chống trái nhau. Năm ấm duyên giả hay sanh não loạn. Cho nên làm người ở đời khi gặp lúc dơ đục này thì cần phải hết sức lo sợ. Cõi tối tăm nhiều vô lượng, chúng quỷ thần nhiều vô số, dòng tộc quá đông, suy tính chưa rõ. Hoặc ở phòng nhà, nương núi non, nếu có chúng sanh thì ta cầu phúc cho nó. Nếu như kẻ sáng suốt mà mê muội, suy nghĩ mờ mịt, ngay cả lúc thức hay lúc ngủ đều lo sợ, đến lúc gặp nạn mới nhiếp niệm, không đợi ân xá, ngay nơi hiểm nạn mà được an. Thà chịu khổ muôn ngàn lần cũng xin làm lợi ích cho đạo, tăng thêm uy quang để làm lợi lạc cho chúng sanh, không còn não hại nhau.

Lời răn dạy này cần ghi nhớ. Nếu có tín tâm thì lúc gặp nạn cũng chỉ là mảy may.

***Thứ 2: Xem bệnh***

Là người phàm tục ai mà không bệnh. Do có báo thân này nên thường biết là có bệnh tật. Hoặc có kẻ bỏ thế tục để xuất gia, sống một mình, hoặc có người già yếu nghèo bệnh mà không có người hầu hạ, chăm sóc thì biết nương cậy vào đâu. Cho nên trong luật Tứ phần đức Phật có dạy: “Từ nay về sau các thầy phải nên chăm sóc người bệnh, nên cử người chăm sóc người bệnh. Nếu người nào muốn cúng dường

Như Lai thì trước hết nên cúng dường người bệnh. Ngay cả lúc đi đường mà gặp người bệnh thuộc năm chúng xuất gia thì Phật dạy bảy chúng đều đến hỏi thăm. Nếu bỏ, không quan tâm đến họ thì đều phạm tội. Tâm của chư Phật dùng đại từ bi làm thể. Người nào tùy thuận theo lời dạy của Ta chính là tâm Phật".

Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu ở giữa đường mà gặp người bệnh thuộc năm chúng xuất gia thì nên tìm xe đưa họ đi, nên cung dưỡng như pháp. Cho đến lúc người ấy chết cũng nên hỏa táng hay chôn cất, không được bỏ người bệnh mà đi.

Có chín pháp thành tựu sẽ bị chết bất thường:

1. Biết thức ăn không lợi ích mà tham ăn.
2. Không biết độ lượng.
3. Thức ăn bên trong chưa tiêu hóa mà lại ăn tiếp.
4. Thức ăn chưa tiêu hóa mà nôn mửa ra.
5. Thức ăn đã tiêu hóa mà cưỡng ép giữ lại.
6. Ăn thức ăn không tùy theo bệnh.
7. Thức ăn tùy theo bệnh mà không biết độ lượng.
8. Lười biếng.
9. Không hiểu biết.

Tăng Nhất A hàm có dạy: Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Người nào chăm sóc người bệnh thì phải thành tựu đủ năm pháp, không được sai thời, thường ở trên giường bệnh. Thế nào là năm pháp?:

1. Người chăm sóc người bệnh không biết thuốc men.
2. Lười biếng không có tâm dõng mãnh.
3. Thường hay sân giận, cũng hay ngủ nghỉ.
4. Vì tham sự ăn mặc nên chăm sóc người bệnh.
5. Không cung dưỡng đúng pháp cũng không cho người đến thăm hỏi. Người chăm sóc người bệnh thành tựu năm pháp này không được sai thời.

Trong kinh Thiện sanh, Thế Tôn nói kệ:

*Người nên chăm sóc bệnh*
*Hỏi thăm những đau đớn*
*Thiện ác có báo ứng*
*Như gieo trồng được quả*
*Thế Tôn tức là cha*
*Kinh pháp chính là mẹ*
*Đồng học là anh em*

*Do đó được giải thoát.*

Lại nữa trong kinh Pháp cú có dạy: Ở nước Hiền Đề có Tỳ-kheo trưởng lão bị bệnh lâu ngày, thân thể gầy ốm, nhơ uế, nằm trong tinh xá Hiền Đề, không ai chăm sóc.

Lúc ấy, đức Phật dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến đó. Ngài dạy các Tỳ-kheo thay nhau chăm sóc, nấu cháo. Các Tỳ-kheo nghe mùi hôi ấy đều khinh rẽ, tránh xa trưởng lão. Đức Phật sai Đế Thích lấy nước nóng, rồi tự tay kim cang Ngài tắm rửa thân người bệnh. Bấy giờ, mặt đất rung chuyển, tự nhiên sáng rỡ, mọi người đều kính ngưỡng. Quốc vương, dân chúng, Trời, rồng, quỷ thần, và vô số người đi đến chỗ Phật rồi cùng làm lễ bạch Phật:

Phật là bậc tôn quý, ba cõi không ai sánh bằng. Ngài đã đầy đủ đức độ, sao lại hạ mình tắm rửa Tỳ-kheo bệnh?

Đức Phật dạy: Sở dĩ Như Lai xuất hiện ở đời chính là vì những chúng sanh bần cùng khốn khổ, không người giúp đỡ này. Người nào cúng dường Sa-môn bệnh và các người nghèo nàn, cô độc, già yếu thì được phước vô lượng, mọi sự mong cầu đều được như ý, về sau sẽ được đắc đạo.

Vua bạch hỏi Phật: Vị Tỳ-kheo này đời trước có tội gì mà này phải chịu bệnh nhiều năm, chữa trị không lành?

Đức Phật dạy: Xưa kia có Vua Ác Hành, trị nước rất hung bạo. Ông ta sai năm trăm người mạnh khỏe lấy roi đánh người tội. Năm trăm người ấy cậy vào uy thế của vua mà tự làm mưa làm gió. Nếu người muốn mua roi, thì đời giá thật cao, được đút lót ít vật thì đánh nhẹ tay, không có đút lót thì đánh nặng, làm cho cả nước đều bị tai họa. Có một người hiền bị người mưu hại, sắp sẽ bị đánh liền nói với năm trăm người kia: “Tôi là đệ tử Phật, không có tội lỗi gì cả mà bị người hàm oan. Xin mọi người rũ chút lòng từ tha thứ cho”.

Năm trăm người kia nghe nói là đệ tử Phật nên nhẹ tay quất, roi không chạm đến thân. Sau đó năm trăm người ấy chết rồi đều đọa vào Địa ngục. Họ bị tra khảo, đánh đòn, chịu muôn vàn sự đau khổ; hết tội lại sanh vào loài súc sanh, thường bị roi gậy đánh đập trong năm trăm kiếp; hết tội được làm người thì thường bị bệnh tật đau đớn luôn theo bên mình.

Quốc vương lúc ấy, nay chính là Điều Đạt. Năm trăm người nay là các Tỳ-kheo bệnh. Người hiền là thân Ta. Do đời trước Ta được họ tha thứ, không đánh đòn nên bây giờ Như Lai phải đích thân tắm rửa họ.

Người làm thiện hay ác thì phúc hay họa luôn theo bên mình, dù

đã thay hình đổi dạng nhưng không thể thoát khỏi nghiệp báo. Đức Phật nói kệ:

Roi gậy đánh người hiền
Dối nói là không tội
Họa ấy có mười phần:
- Lửa đốt không thể cứu.
- Sống chịu khổ khốc liệt
- Hình thể hủy hoại mất
- Tự nhiên bệnh não phiền
- Hoảng hốt mất tinh thần.
- Bị người đời khinh rẽ
- Hoặc gặp nạn huyện quan tài sản bị mất sạch
- Thân thích phải lìa xa.
- Phòng nhà tài sản có bị lửa cháy thiêu rụi
- Chết liền vào Địa ngục
Đó là mười tài sản.

Lúc nghe đức Phật nói kệ và biết sự việc kiếp trước rồi nên Tỳ-kheo bệnh tự trách mình. Do đó ông ta được lành bệnh, đắc đạo A-la-hán.

Quốc vương Hiền Đề hết lòng vâng làm liền đắc đạo Tu-đà-hoàn.

Trong kinh Thiện Sanh có dạy: Chăm sóc người bệnh không nên chán nản. Nếu mình không có gì để cho người bệnh thì phải ra ngoài tìm kiếm. Nếu không tìm được vật thì phải mượn vật của Tam bảo. Khi người bệnh lành rồi thì nên trả lại gấp bội.

Trong kinh Ngũ Bách Vấn Sự có dạy: Người chăm sóc người bệnh, đêm vật cho người bệnh thì nên cung cấp những vật cần dùng cho họ. Người nào không thăm hỏi ngườu bệnh, hoặc chỉ hỏi với tâm hiềm khích thì cả hai trường hợp đều không được giao chăm sóc người bệnh. Nếu ai đã lấy vật của người bệnh để dùng thì nên trả lại, không trả thì phạm tội nặng.

Trong luật Tứ phần dạy: Chăm sóc bệnh có được năm công đức:

1. Biết thức ăn mà người bệnh có thể ăn và không thể ăncó thể ăn được thì liền đem cho.

2. Không khinh ghét người bệnh, đại tiện, tiểu tiện khạc nhổ.

3. Có tâm từ thương xót chứ không phải vì việc ăn mặc mà chăm sóc bệnh

4. Thường chuẩn bị cháo thuốc chu đáo cho đến lúc lành hoặc lìa

đời.

5. Thường hoan hỷ nói pháp cho người bệnh nghe thì thiện pháp của mình ngày càng tăng trưởng.

***Thứ 3: Duyên chữa bệnh***

Con người đều có tứ chi, ngũ tạng, lúc thức, lúc ngủ, hít vào, thở ra, tinh khí tuần hoàn, lưu chuyển, thì làm sáng khoái, vừa ý thì làm khí sắc, phát ra thì làm âm thanh. Đó là lẽ thường của con người.

Dương là tinh khí, âm là hình hài. Mọi người đều như nhau chẳng có sự sai khác nào: Nóng thì sanh nhiệt, không thì rét lạnh; kết lại thì sanh bướu, chìm trong thì ung thư, vội vã thì lo sợ, kiệt sức thì tiều tụy. Do đó thầy thuốc dùng kim châm, dùng thuốc để cứu người. Thánh nhân và những bậc đức độ thường làm việc lợi ích cho người. Do đó mà thân họ dễ lành bệnh, tai nạn trong thiên hạ có thể tiêu tan.

Như kinh Tăng Nhất A-hàm có dạy: Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có ba bệnh rất nặng, đó là: Gió, đàm, lạnh, nhưng cũng có ba loại thuốc hay để chữa trị. Nếu trúng gió thì dùng lá tía tô làm thuốc và dùng để ăn uống. Nếu bị đàm thì dùng mật làm thuốc và dùng để ăn uống. Nếu bị lạnh thì dùng dầu làm thuốc và dùng để ăn uống. Đó là có ba bệnh nặng thì có ba loại thuốc ấy để chữa trị.

Như vậy, Tỳ-kheo cũng có ba bệnh nặng, đó là: Tham, sân, si nhưng cũng có ba thuốc hay để chữa trị.

1. Nếu bị bệnh tham thì dùng pháp bất tịnh để trị và tư duy về đạo bất tịnh.

2. Nếu bị bệnh sân thì dùng tâm Từ để trị và tư duy về đạo tâm từ.

3. Nếu bị bệnh nặng về ngu si thì dùng trí tuệ để trị và đạo nhân duyên đã khởi lên.

Đó gọi là có ba bệnh nặng thì có ba loại thuốc hay để trị.

Luận Trí Độ có dạy: Bát nhã Ba-la-mật có thể trừ diệt tám vạn bốn ngàn bệnh căn bản. Các bệnh ấy đều do bốn bệnh: Tham, sân, si, và các phần độc tương ưng. Trong bốn bệnh này thì mỗi bệnh đều có hai vạn một ngàn bệnh.

Dùng quán bất tịnh để trừ hai vạn một ngàn phiền não tham dục.

Dùng quán từ bi để trừ hai vạn một ngàn phiền não sân giận.

Dùng quán nhân duyên để trừ hai vạn một ngàn phiền não ngu si.

Dùng toàn bộ các thuốc (quán) bên trên để trừ hai vạn một ngàn phiền não tương ưng.

Thí như châu báu có thể trừ tối tăm, Bát nhã Ba-la-mật có thể trừ bệnh ba độc phiền não.

***Thứ 4: Duyên an trí***

Trộm nghe: Nhà ba cõi thật ra là vật đựng tứ đại; cảnh lục trần là nơi cư ngụ của ngũ ấm. Tất cả đều do vọng tưởng giả dối tạo thành mê hoặc, đảo điên nhận lấy lẫn nhau mà phát khởi, nên dẫn đến muôn khổ vây quanh, trăm sầu tụ họp. Nay như quả đã chín muồi, mạng sống như đèn trước gió, nhưng chúng sanh vẫn còn tham đắm đến chết cũng không giác ngộ, lại lo sợ những điều xưa kia và hiện tại, luyến ái tài sản, chấp trước quyến thuộc. Đức Phật dạy chết như dời qua chỗ khác, để cho sanh tâm chán lìa, biết vô thường sắp đến nên sanh tâm chánh niệm.

Trong luật Tăng Kỳ có dạy: Nếu đại đức bệnh thì nên để ở chỗ sáng sủa tốt đẹp nhất trong phòng nhằm để cho đạo, tục đến thăm hỏi sanh khởi ý thiện. Người chăm sóc bệnh phải xông hương, đốt đèn, lấy nước rải trên đất để cúng dường tiếp đãi người khách.

Theo sách Tây Vức Kỳ Hoàn Tự đồ có nói: Góc Tây Bắc chùa, chỗ mặt Trời lặn làm Vô Thường viện. Nếu có người bệnh thì nên sắp đặt ở trong đó. Điện đường trong viện này cũng gọi là vô thường, phần nhiều người chán nản bỏ đi rất đông quay trở lại chỉ có một, đôi người. Trong điện đường an trí một tượng Như Lai, mặt hướng về phương Đông, nên để người bệnh ngồi trước tượng. Nếu không đủ sức thì bảo người bệnh nằm, mặt hướng về phía Tây và quán tướng tốt của Phật. Trong tay tượng Phật buộc một tràng phan năm màu rồi để cho tay người bệnh cầm đuôi tràng phan, ý nghĩ vãng sanh về tịnh độ rằng: Dẫu biết ngồi thì tiện lợi hơn nằm, nhưng chắc chắn Phật không vì thế mà ghét bỏ ta. Vì chỗ đây, cõi này cũng vốn là cõi tạp uế, Đức Phật còn phải thị hiện, linh hiển tiếp ứng các chúng sanh thấp kém, huống chi nay ta sắp qua đời Phật đâu nở bỏ ta! Lại nữa, tùy theo bệnh nhân ưa thích cảnh giới nào, mà làm các hình tượng Phật Di Đà, Di Lặc, Quán Âm rồi an trí như trước, xông hương, rải hoa liên tục cúng dường làm cho người bệnh sanh tâm tốt lành.

***Thứ 5: Duyên kiểm tâm***

Ba giới chẳng có, năm ấm đều không; bốn đảo, mười triền cùng

nhau hòa hợp. Tất cả đều như điện chớp, vạn kiếp chỉ ở trong khoảnh khắc; hết gò lại giếng thay đổi, xoay vòng, gói trọn, trăm năm chỉ ở trong lòng bàn tay, mê mờ thì đường càng xa, yếu sức, thì bỏ mất đường về, lẫn quẫn bảy thước chẳng biết đó là giả tạo, hoặc để ngoài tai nghe, mắt thấy, cuối cùng ngôn đàm kiến thức rỗng không, chẳng ai nương tựa, chẳng người cứu giúp, chẳng tin, chẳng thọ nhận. Một khi sanh linh chấp dứt, biết thời hạn nào trở lại kiếp người. Thế nên, an ủi lấy lòng, tự mình cân nhắc, đừng để đến nguy hiểm rồi mới tu niệm.

Luật Thập Tụng có dạy: Người chăm sóc bệnh nên thuận theo người bệnh, phải khen ngợi sự tu học của họ, trước đây không nên chê bai làm thiện tâm họ bị lui sụt.

Luật Tứ Phần có dạy: Nên nói pháp cho người bệnh hoan hỷ.

Luận Tỳ Ni Mẫu có dạy: Người bệnh không nghe lời người chăm sóc bệnh, người chăm sóc bệnh làm trái ý người bệnh, cả hai việc ấy đều phạm tội.

Kinh Hoa nghiêm có dạy: Khi người bệnh sắp lìa trần nên nói pháp cho họ.

Bài kệ viết:

*Tỏa ánh sáng gọi là thấy Phật*
*Ánh sáng giác ngộ người mệnh chung*
*Niệm Phật Tam muội ắt thấy Phật*
*Sau khi qua đời sanh trước Phật*
*Khuyên người sắp qua đời niệm thiện*
*Dạy họ tôn kính chiêm ngưỡng tượng*
*Lại khuyên họ quy y Thế Tôn*
*Nhờ đó được thấy ánh sáng Phật*

Như trước đã dạy cần đem kinh tượng đến chỗ người bệnh và nói rõ tên kinh tượng ấy rồi bảo họ mở mắt xem làm cho họ thấy rõ, rồi thỉnh các bậc đạo cao đức trọng tụng kinh Đại thừa, xiển dương chánh pháp, tràng phan hương hoa uyển chuyển trước mắt, hương thơm hòa quyện vào mũi, nên ban cho lời tốt lành, chớ lưu truyền lời xấu ác. Do khi sắp lìa trần phần lớn là các nghiệp ác hiện ra nên không thể chủ động để dẹp bỏ nó đi được. Vì vậy người nuôi bệnh phải dùng phương tiện khéo léo, dỗ dành làm cho người bệnh chuyên niệm không dứt, nương pháp lực này mà được vãng sanh nơi tịnh độ.

Luận Trí độ có dạy: Khi sống làm việc thiện nhưng đến khi lìa trần lại nghĩ việc ác thì sẽ sanh vào cõi ác. Khi sống làm ác nhưng đến lúc sắp qua đời mà suy nghĩ đến việc thiện nên được sanh lên cõi Trời.

Kinh Duy ma có dạy: Luôn nhớ nghĩ đến việc tu phước thì đời sống được thanh tịnh.

Kinh Chánh pháp niệm có dạy: Người trì giới chăm sóc người phá giới đang bệnh mà không cầu ân huệ, không có nhàm chán cung dưỡng thì sau khi qua đời sẽ được sanh ở cõi Trời Phổ Quán, đầy đủ năm dục không biết nhàm chán.

Luận Vãng sanh dạy: Thiện nam, tín nữ nào tu thành tựu năm pháp niệm thì nhất định sẽ được sanh vào cõi nước An Lạc, được gặp đức Phật A Di Đà. Năm pháp ấy là: lễ bái, tán thán, phát nguyện, quán sát, hồi hướng.

Trong kinh Tùy nguyện vãng sanh, đức Phật bảo Bồ-tát Phổ Quảng: "Nếu bốn hạng nam tử, nữ nhân vào ngày lâm chung nguyện sanh về mười phương cõi Phật thì trước tiên phải tắm rửa thân thể, mặc y phục sạch sẽ, đốt các loại hương thơm, treo tràng phan, bảo cái, lọng lụa rồi tán thán Tam bảo, đọc tụng kinh điển, nói pháp nhân duyên, thí dụ cho người bệnh nghe, dùng lời thanh nhã để nói nghĩa vi diệu trong kinh như: Khổ, Không chẳng thật, do bốn Đại giả hợp, hình như ruột chuối ba tiêu, cũng như ánh chớp chẳng tồn tại lâu dài. Cho nên nói nhan sắc không đẹp mãi, nó sẽ trở về với sự hư hoại. Người tinh chuyên hành đạo thì có thể thoát khổ và tùy theo tâm nguyện đều được thành tựu.

***Thứ 6: Duyên xả bỏ thân mạng***

Chỉ là vật chứa độc của bốn đại có đầy sự uế tạp ở trong đây mà sáu giặc điên cuồng làm chủ cảnh này đều bị dính vào không thể nào cưỡng lại được, chỉ có trong trạng thái xoay vần theo thứ tự. Ngay cả việc chia sớt một mảy lông hay một miếng ăn để làm lợi cho thiên hạ, mà vẫn còn lấy làm tham tiếc không cho. Do đó luôn bị chìm đắm trong sanh tử, chấp chặt vào hữu vi. Cho nên chư Phật rất thương xót họ, còn Bồ-tát thì lại chạnh lòng. Thầm nghĩ những kẻ giàu có ở đời, đến lúc cha mẹ mất rồi thì đa số họ đều làm lễ tang, giết nhiều sanh mạng, tụ tập thân thích, tiếp đãi khách khứa, dối cầu sự tối thắng hiện tại, không tránh nghiệp nhân, hoặc sợ thiên hạ dị nghị, mỉa mai, không tu theo kinh điển. Cho nên cha mất do đó mà thêm khổ, mẹ chết lại chìm vào sông tro. Vì vậy mà phải lăn lóc trong ba cõi, lưu lạc trong sáu đường, bốn loài dễ nương tựa, vạn kiếp khó thoát ra. Đau đớn mẹ hiền ở chốn u linh, thương cho nghịch tử lấy độc báo ân, như che nắng quá lâu ắt phải nghĩ đến thấm nhuần mưa xuống. Nếu dịch bệnh nhiều chắc chắn đợi

thầy thuốc hay đến chữa. Thế nhưng cha mẹ qua đời đều là những người phàm, cũng có khả năng không có nghiệp ác, nhưng nhân tội không thể mất đi, khổ báo khó trừ. Nếu không nương nhờ các phước thù thắng thì quả vui đâu dễ gì mà chứng đắc? Giả sử lâm chung mới phát nguyện khiến an táng ở rừng Thi-đà (rừng để xác chết cho cầm thú ăn) và của cải, tài sản đều tu tập tu hành công đức, mong các loài cầm thú no đủ, thì cũng chỉ miễn được oan trái ở đời sau đó vậy.

Trong kinh Thập nhị phẩm sanh tử, đức Phật dạy: Người ta chết có mười hai hạng:

1. Vô dư tử: Nghĩa là A-la-hán chết không còn bị vướng mắc.

2. Độc ư tử: Nghĩa là A-na-hàm chết, không còn sanh trở lại ba cõi.

3. Hữu dư tử: Nghĩa là Tư-đà-hàm chết còn phải qua lại ba cõi.

4. Học độ tử: Nghĩa là Tu-đà-hoàn, kiến đạo chết.

5. Vô khi tử: Nghĩa là người bị Bát bối nhân (Tứ hướng, tứ quả) chết.

6. Hoan hỷ tử: Nghĩa là người hành nhất tâm chết.

7. Số sổ tử: Nghĩa là người làm giới ác chết.

8. Hối tử: Nghĩa là phàm phu chết.

9. Hoạch tử: Nghĩa là người cô độc khổ sở, (chết bất đắc kỳ tử) chết.

10. Phược trước tử: nghĩa là súc sanh bị trói buộc chết.

11. Thiêu chước tử: Nghĩa là nơi Địa ngục bị thiêu đốt chết.

12. Cơ khát tử: Nghĩa là Ngạ quỷ chết đói khát.

Vậy đối với Tỳ-kheo hiểu biết thì chớ có buông lung.

Kinh Tinh độ Tam muội có dạy: Người nào làm thiện thì được sanh lên cõi Trời, làm ác thì sẽ đọa vào Địa ngục vì lúc qua đời có người đến dẫn đi. Do đó mà khi bệnh sắp chết liền thấy người đến dẫn đi: người được sanh lên cõi Trời thì thấy Trời người cầm y phục Trời, tấu nhạc Trời mà đến đón rước, sanh ở những phương khác thì thấy các bậc tôn quý nói lời tốt đẹp. Người làm ác đọa vào Địa ngục thì thấy binh sĩ cầm đao, mâu, thuẫn, kích đang đứng vây quanh. Do sự hiện thấy không đồng nhưng mà không thể nói vì tùy theo nghiệp đã làm mà nhận lấy quả báo. Trời giám định ngay thẳng không làm oan uổng cho ai. Do đó tùy theo nghiệp đã làm nên lưới Trời không dung tha được.

Kinh Hoa Nghiêm có dạy: Khi người sắp qua đời thì thấy tướng Trung ấm. Người nào tạo ác nghiệp sẽ thấy trong ba đường ác mà chịu khổ, hoặc thấy Diêm vương kéo đi, hoặc các binh sĩ cầm gậy chỉ đường.

Hoặc nghe tiếng khổ. Người nào làm thiện thì thấy cung điện, chư Thiên, trổi nhạc trang nghiêm, vui chơi khoái lạc, đủ các việc thù thắng như thế.

Kinh Pháp Cú có dạy: Xưa kia, lúc Phật đang ở nơi tinh xá Kỳ-hoàn nói pháp cho Trời, người nghe. Ở bên đường có một trưởng giả giàu có vô lượng mà chỉ có một người con. Đến hai mươi tuổi anh ta mới cưới vợ nhưng chưa được bảy ngày. Hai vợ chồng rất thương yêu nhau nên muốn đến sau vườn thượng xuân để vui chơi thưởng ngoạn. Thế nhưng trong vườn ấy có một cây Nại rất cao to, hoa rất đẹp. Cô ta muốn hoa nhưng không ai hái cho. Anh ta liền leo lên cây lần đến một cành cây nhỏ thì cành cây bị gãy làm cho anh ta rơi xuống đất mà chết. Cả nhà chẳng kể lớn bé đều vội chạy đến chỗ anh ta rồi kêu rời, than đất mong cho anh ta được sống lại. Ai nghe đến cũng rất thương tâm. Lúc liệm vào quan tài thì đem về nhà. Cả nhà khóc than không ngừng. Đức Thế Tôn thương xót những kẻ ngu muội ấy, Ngài liền đến thăm viếng. Mọi người trong nhà trưởng giả trông thấy đều cảm động làm lễ, trình bày hét thảy sự khổ đau của mình. Đức Phật bảo trưởng giả:

Ông hãy nín đi và lắng nghe pháp. Tất cả vạn vật đều vô thường, không thể tồn tại lâu dài. Có sanh thì có chết, tội phước luôn theo nhau với đứa trẻ này ở ba nơi. Các ngươi vì nó khóc than áo não, tuyệt vọng, đó cũng chính là nhân làm cho nó khó sanh vào nơi tối thắng. Rốt cuộc, nó là con ai? Ai là thân thích? Lúc ấy, Thế Tôn nói kệ:

*Mạng sống như quả chín*
*Thường sợ nó héo rụng*
*Đã sanh là có khổ*
*Ai có thể không chết*
*Lúc mới thích ái dục*
*Có thể vào bào thai*
*Mạng sống như tia chớp*
*Thời gian trôi khó dừng*
*Thân này là vật chết*
*Tinh thần là vô hình*
*Làm người chết sống lại*
*Nhưng tội phước không mất*
*Chung thủy chẳng một đời*
*Lâu dài từ si ái*
*Từ nơi thọ khổ vui*
*Thân chết, thần không mất.*

Trưởng giả nghe xong rồi thấu hiểu chân lý nên bớt ưu sầu liền quỳ xuống bạch Phật:

Con tôi đời trước đã gây tạo tội gì mà nay đang sống khỏe mạnh như thế lại bị chết yểu? Cúi xin Thế Tôn nói rõ tội lỗi nó đã tạo.

Đức Phật dạy: Vào thời quá khứ có một đứa bé cầm cung tên vào nơi cây thần để đùa vui. Đi theo nó có ba người cũng ở trong ấy. Trên cây có một con chim. Đứa trẻ muốn bắn con chim ấy. Ba người kia lại khuyến khích: "Nếu mày bắn trúng con chim ấy thì đúng là đứa trẻ tài giỏi trong thế gian". Đứa trẻ nghe lời nói ngon ngọt ấy liền đem cung bắn chim. Chim bị trúng tên liền chết ngay tức khắc. Ba người cùng người làm cho đứa trẻ hoan hỷ rồi tự bỏ đi. Trải qua sanh tử trong vô số kiếp, ở đời thường gặp cùng nhau chịu tội. Trong ba người ấy thì một người có phước nay được ở trên Trời, một người sanh ở trong biển nay hóa làm Long vương, một người ngày nay là trưởng giả. Đứa trẻ trước đây sanh ở cõi Trời làm Thiên tử nhưng cuối cùng bị rơi từ trên cây xuống mà chết và liền sanh vào trong biển làm con của Long vương. Đến ngày sanh nhật thì bị Kim sí điểu bắt ăn. Ngày nay ba chỗ đều áo não khóc than, đâu có thể nói hết được. Do những kẻ ấy đời trước đã hoan hỷ vui theo nên ba người ấy phải chịu quả báo như thế. Lúc ấy, Thế Tôn nói kệ:

*Thần thức tạo ba cõi*
*Ba chỗ thiện, bất thiện...*
*Trung ấm lặng lẽ đến*
*Thích hợp theo chỗ sanh*
*Tham dục nơi sắc hữu*
*Đều do hành đời trước*
*Như tượng tùy bổn tượng*
*Quả báo như hình bóng.*

Lúc nghe nói kệ rồi thì trưởng giả thông hiểu, mọi người đều hoan hỷ nên cùng đắc đạo Tu-đà-hoàn.

Trong luật Tứ phần có dạy: Lúc ấy, đức Thế Tôn muốn làm lợi ích cho chúng sanh khi họ qua đời nên Ngài nói kệ:

*Tất cả đều tận diệt*
*Cao thì sẽ rơi rớt*
*Có sống thì có chết*
*Sanh mạng đều vô thường*
*Nhiều chúng sanh chết đi*
*Vì thảy đều hữu vi*

*Tất cả các thế gian*
*Không ai không già chết*
*Lẽ thường của chúng sanh*
*Đời đời đều phải chết*
*Tùy thuộc tạo nghiệp gì*
*Tội phước đều quả báo*
*Nghiệp ác đọa Địa ngục*
*Nghiệp thiện sanh cõi Trời*
*Cao thượng sanh đường lành*
*Đắc Niết bàn vô lậu.*

***Thứ 7: Duyên di tống***

Sanh tử tiếp nối không thể tách rời tục đế. Dù đã xuất gia mong cầu đạo tốithắng nhưng Phần đoạn khó bỏ biến dịch chưa trừ, vẫn còn nương vào ba cõi, tùy theo tục đế mà dời đổi lưu chuyển. Đến như người còn kẻ mất đều có nương vào nội ngoại, đến lúc lâm chung, an trí chỗ nào, uy nghi tán, liệm làm sao, tiếp sau đây sẽ nói đủ. Vả lại, luận về thi thể mất đi nên để hướng Nam hay hướng Bắc vì hồn vía không đồng. Nay xin nói sơ lược:

Bộ Lễ ký lễ vận nói: Phách của thân thể thì ở dưới, thần khí ở trên nên đầu của người chết để hướng Bắc, đầu người sống thì hướng Nam.

Giao đặc Sanh nói: Hồn khí về Trời, phách quay của thân trở về đất nên cúng tế, cầu nguyện theo nghĩa âm dương. Tế nghĩa nói: Khí là phần mạnh của thần, hồn là phần mạnh của quỷ.

Tả Truyện Chiếu Nhị nói: Tử Sản bảo Triệu Cảnh: Người sanh ra, chết biến hóa. Phách đã sanh ra phách dương. Hồn dùng tinh này nhiều tức là hồn phách. Phách mạnh và vì có tinh mạnh sản khoái, đạt đến thần sáng suốt. Nam, nữ khỏe mạnh chết, hồn phác của họ còn có khả năng nương nhờ ở người, bởi vì dâm mê hoặc và mạmh mẻ huống chi hồn phách của người có ít lương thiện ư!

Hoài Nam nói: Khí trời là phần hồn. Khí đất là phách. Phách hỏi hồn: Đạo lấy gì làm thể? Hồn nói là không có hình! Lại nói có hình. Nếu không có tại sao lại hỏi. Lại nói: Ta dứt khoát có cái gì đó để gặp thội! Nhưng thấy ta thì không có hình, nghe ta thì không có tiếng, cho rằng ta là tối tăm; tối tâm là nguyên nhân thí dụ cho đạo, mà chẳng phải đạo.

Hỏi: Đã biết hồn phách riêng biệt. Vậy nay khi người chết vì sao

lại dùng y phục để gọi hồn mà không gọi phách?

Đáp: Hồn là linh hồn người chết nên lúc làm lễ cho người mới chết thì dùng y phục của họ đã mặc để trên phách thây chết, vì hồn xuất ra ngoài, nên đem y phục gọi hồn, hồn biết y phục của mình nên theo y phục đó mà quay về nơi phách. Nếu hồn quay về với phách thì miệng của người chết cử động. Nếu hồn không quay về nơi phách thì miệng của người chết không cử động. Theo lý mà nói nên gọi là triệu hồn mà không nói là gọi phách.

Do đó trong Tiêu tang phục yếu ký viết: Lỗ Ai Công làm tang cha mình, Khổng Tử hỏi: Có dùng áo gọi hồn không?

Ai Công trả lời: Áo của hồn sẽ khởi lên nơi Bá Đào, Bá Đào ở dưới núi Kinh. Vì đi giữa đường gặp người chết rét bên cây dương giác, Ai Công đem thây chết, xót thương thần hồn bị chết rét nên đổi y phục phần hồn. Cha tôi lúc còn sống thì mặc gấm thêu hoa, lúc chết thì y phục ấy đâu dùng làm gì?

Hỏi: Tại sao cần treo phan, viết tên họ người chết?

Đáp: Phan triệu hồn đặt chỗ đất khô để hồn biết tên họ người chết, rồi theo tên ấy mà đi vào nhà tối, cũng gọi là nhập vào phần phách. Hoặc đi vào trong nhà “trùng”, vì trong “trùng” sắp những thứ thức ăn cúng tế. Do sự sống chết khác biệt, sáng, tối không đồng nên quỷ thần thì ăn ở chỗ u tối còn người sống thì ăn ở nơi sáng sũa. Vì vậy nên tôn trọng dùng cả cừ bọc đầy thức ăn đặt bên trong chỗ thần đất.

Theo như Tây Vực thì có bốn phép làm tang: Thả nước, thiêu đốt, chôn, để trong rừng.

Trong luật Ngũ phần có dạy: Nếu lúc thiêu đốt thây chết thì nên để trên đá, không được để trên cỏ, trên đất, vì sợ làm tổn hại đến côn trùng.

Trong luật Tứ phần có dạy: Như Lai và Chuyển Luân vương đều làm hỏa táng, còn người khác thì dựa theo như trước. Luật Ngũ phần dạy chết nên chôn cất.

Luật Tứ phần và Ngũ bách vấn sự dạy: Nếu thấy tháp của Như Lai và tháp của năm chúng xuất gia lớn hơn những tháp đã làm trước, đều phải lần lượt y theo niên lạp của những người này lúc còn sống mà hành lễ. Nếu là cư sĩ thấy tháp người xuất gia thì không cần phân biệt lớn hay nhỏ đều nên kính lễ.

Nói rằng: Đã biết đạo tục đều như thế. Nếu gặp lúc thầy tổ hoặc cha mẹ mất, người ngoài đến phúng điếu, mà nhỏ tuổi hơn người mất thì đến sắp đặt lễ như thường lệ, rồi trước tiên đến chỗ người con hiếu

im lặng an ủi phúng điếu, sau đó đến chỗ Đại đức để trình bày tình cảnh bi ai xong thì làm lễ. Thế nhưng cũng có thấy những hạng cư sĩ ngu si đã làm sai với giáo pháp, lại truyền dạy đến người khác, không cho lạy vong linh cha mẹ, chú bác, miệng thì nói tôi đã thọ giới, họ là quỷ thần nên không hợp lễ, sợ phá giới. Đó là điều không thích hợp với ý Thánh, trái lại người ấy phải chuốc lấy tội vô tri. Nhận thấy sư tăng thì nuôi dưỡng pháp thân ta, còn cha mẹ, chú bác thì nuôi dưỡng sanh thân ta. Nhờ các vị ấy mà ta được lớn lên thành người. Nghĩ đến ân đức này cao ngất hơn Trời, do đó khó mà báo đáp được! Ta đã nhiều kiếp báo ân đâu thể một đời có thể báo đáp hết. Thế mà không biết kỉnh ân lại khởi tâm ngạo mạn, thường cư xử thô bỉ, làm sao thành con hiếu. Do đó Thế Tôn là một bậc Đại thánh mà còn tự khom mình đỡ lấy thi thể cha mình đưa đi huống chi hạng phàm phu tục tử ngu si lại sanh tâm ngạo mạn?

Cho nên trong kinh Niết bàn có dạy: Biết ân là gốc đại bi. Không biết ân thì còn thậm tệ hơn loài súc sanh.

Lại nữa, kinh Tịnh Phạn vương Nê hoàn có dạy: Vua Bach Tịnh ở nước Xá Di đang lâm bệnh nặng, sắp chết nên ông ta nghĩ đến Thế Tôn và Nan Đà. Thế Tôn đang ở trong núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương Xá, cách đó khoảng chừng năm mươi do tuần, Thế Tôn ở núi Linh Khứu dùng thiên nhãn xa nghe được sự mong nhớ của cha. Ngài liền cùng A Nan nương theo hư không mà đến. Lúc ấy Thế Tôn dùng tay sờ lên trán để an ủi Vua rồi nói kinh Ma Ha Ba La Bản Sanh. Vua cha nghe rồi thì đắc quả A-na-hàm. Nhà Vua liền nắm tay Phật để trên tim của mình. Đức Phật lại thuyết pháp, Vua liền đắc quả A-la-hán. Bất chợt vô thường kéo đến, Vua liền băng hà. Lúc làm lễ hỏa táng, đức Phật và Nan Đà đứng cung kính ở đầu áo quan, còn A Nan và La Vân ở phía sau chân quan tài.

Bấy giờ, A Nan Đà quỳ xuống bạch Phật:

Xin Thế Tôn cho con được khiêng quan tài của bác.

La Vân lại thưa:

Xin Thế Tôn cho con được khiêng quan tài của ông nội.

Thế Tôn liền an ủi:

Tất cả người đời sau đều rất hung bạo, không biết báo đáp công ơn sanh dưỡng của cha mẹ. Vì những hạng chúng sanh bất hiếu này nên Ta tìm phương pháp để giáo hóa họ. Do đó, Như Lai muốn khiêng quan tài của phụ vương.

Lúc ấy, ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách. Tất cả các núi ẩn hiện chao đảo như thuyền nước trên. Tất cả chư Thiên, Long,

Thần đến dự đám tang đều sụt sùi khóc. Tứ thiên vương dẫn trăm ngàn ức chúng quỷ thần đến dự lễ tang, liền bạch Phật:

Vì những người con bất hiếu đối với cha mẹ trong đời sau mà Thế Tôn đem lòng đại từ bi muốn đích thân mình khiêng quan tài của phụ vương. Tứ thiên vương đều bạch Phật:

Chúng con là đệ tử Phật, được nghe pháp Phật mà đắc quả Tu-đà-hoàn. Cho nên chúng con phải khiêng quan tài của phụ vương. Đức Phật liền cho phép Tứ thiên vương khiêng quan tài của nhà Vua. Tức thời Tứ thiên vương biến làm người, cùng với tất cả nhân dân đều khóc lên. Đức Thế Tôn bưng lư hương đi trước đến chỗ mộ. Rồi bảo một ngàn vị La-hán đến bãi biển lấy các loại cây hương Ngưu đầu chiên đàn để hỏa thiêu. Đức Phật dạy: "Khổ, Không, Vô thường giống như huyễn hóa, bóng trăng dưới nước, cảnh vật trong gương.

Lúc thiêu thân xong, các Vua, mỗi người cầm năm trăm bình sữa dập tắt lửa, tranh nhau tìm lấy xương, đựng đầy trong tráp kim cang rồi ở trên xây tháp và treo tràng phan, bảo cái cúng dường tháp miếu.

Đức Phật bảo hội chúng: Phụ vương Tịnh Phạn là người thanh tịnh nên được sanh ở cõi trời Tịnh cư.

Kinh Phật mẫu nê hoàn có dạy: Tỳ kheo ni Đại Ái Đạo là di mẫu của của Phật. Bà ta không chịu đựng được cảnh mình diệt độ sau Phật nên Bà liền diệt độ trước. Bà liền cùng năm trăm Tỳ kheo ni đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi đảnh lễ dưới chân Ngài xong hiện đức thần túc, ngay nơi chỗ ngồi ẩn đến phương Đông, ở trong không trung làm mười tám phép biến hóa; tám phương trên dưới đều như vậy, phóng ánh sáng lớn chiếu đến khắp những nơi tối tâm sáng rực cả chư Thiên. Năm trăm Tỳ kheo ni cũng biến hóa như vậy rồi cùng vào Niết bàn.

Phật dạy lý gia làm năm trăm kiệu xe, giường bằng hương dầu cây mè, các loại tử tài, mỗi thứ đều năm trăm, dùng âm thanh vi diệu để cúng dường. Tất cả phàm Thánh thấy vậy đều rơi lệ. Trà tỳ xong, mọi người thâu lấy xá lợi đem đến chỗ Phật.

Lúc ấy, khắp bốn phương đều có hai trăm năm mươi vị A-la-hán dùng thần túc bay đến, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đến chỗ xá lợi. Ngàn vị Tỳ-kheo đều tề tựu nơi chỗ ngồi. Đức Phật bảo A Nan lấy xá lợi đựng đầy bát rồi để trong tay Ngài. A Nan vâng làm. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Xá lợi này vốn là thân ô uế, hung ác, ngu si, ganh ghét, mưu mô, bại đạo hoại đức, nay đã được nhổ sạch làm hạnh trượng phu, đắc đạo A-la-hán nên hoàn toàn thay đổi. Làm sao để có việc này? Bởi thế đức Phật ra lệnh xây tháp cúng dường.

Trong kinh Tăng Nhất A-hàm, đức Phật bảo A Nan và La Vân: Các ngươi sắp đặt kiệu Đại Ái Đạo, Ta sẽ đích thân cúng dường.

Bấy giờ, Thích Đề Hoàn Nhơn và Tứ Thiên vương bạch Phật: Xin Thế Tôn chớ vất vả như thế. Chúng con sẽ tự cúng dường.

Đức Phật bảo: Thôi! Thôi! Vì sao? Vì cha mẹ sanh con đã làm cho con nhiều điều lợi ích. Ân nặng nuôi nấng, bú mớm, mang thai cần phải báo đáp, không thể không làm. Mẹ của chư Phật quá khứ và vị lai đều nhận lấy diệt độ trước thì chư Phật đều tự đích thân cúng dường, hỏa táng, thâu lấy xá lợi.

Lúc ấy, Thiên vươngTỳ-sa-môn bảo các quỷ thần đến rừng chiên đàn lấy củi chiên đàn đem đến giữa đồng trống. Đức Phật đích thân nâng một góc giường, Nan Đà nâng một góc giường, La Vân nâng một góc giường, A Nan nâng một góc giường nương nơi hư không bay đến nơi trà tỳ.

Bấy giờ, đức Phật lấy gỗ chiên đàn để thiêu thân Đại Ái Đạo. Phật bảo: Nên xây tháp cúng dường bốn hạng người : Phật, Phật Bích Chi, A-la-hán lậu tận, Chuyển Luân Thánh vương. Các vị ấy đều dùng mười điều thiện giáo hóa muôn loài. Lúc ấy, mọi người đều thâu lấy xá lợi, xây tháp cúng dường.

Kinh Tạp A-hàm có dạy: Di mẫu Đại Ái Đạo là mẹ của Nan Đà.

Lại nữa, trong kinh Tăng Nhất A-hàm có dạy: Xét sơ qua trong bốn bộ đệ tử trước sau gồm có tám người:

Người đắc đạo đầu tiên trong hàng Tỳ-kheo là Tỳ-kheo Câu Lân, có khả năng khuyến hóa không mất oai nghi. Người đắc đạo sau cùng là Tu Bạt Đà La, đắc đạo vào ngày đức Phật nhập Niết bàn.

Người đắc đạo đầu tiên trong hàng Tỳ-kheo ni là Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo. Người đắc đạo sau cùng là Đà La ở nước Câu Di. Người đắc đạo đầu tiên trong hàng Ưu-bà-tắc ông thương khách. Người đắc đạo sau cùng là Câu Di Na Ma La. Người đắc đạo đầu tiên trong hàng Ưu-bà-di là bà Nan-bà. Người đắc đạo sau cùng là Lam Ưu-bà-di.

### *Thứ 8: Duyên thọ sanh*

Lúc sống thì tám thức nương nhau. Lúc chết thì bốn đại lìa nhau. Vụt một cái thì đã trăm tuổi và cuối cùng đều lìa đời, xoay vần trong ba cõi, lưu chuyển không ngừng. Cho nên trong kinh dạy: Có bắt đầu thì có kết thúc, có sống thì có chết, lời Thánh dạy không sai. Cho nên trong duyên này lược nói về sáu pháp.

*1. Khi sắp chết, xem thân nóng hay lạnh và xét việc thiện ác của*

mình thì biết rõ quả báo đời kế tiếp. Do đó luận Du-già có dạy: các hữu tình này chẳng phải sắc cũng chẳng phải tâm. Nếu như có mạng sống thì lớn nhỏ đều như nhau, chết thì nhanh, chậm.

Các Sư truyền nhau rằng: người làm thiện thì lạnh từ dưới lên, hơi ấm ở lại ngang rốn hoặc trở lên sau cùng mới hết thì được sanh trong loài người; hơi ấm ở đầu mặt sau cùng mới hết thì sanh cõi Trời. Còn người làm ác người thì trái ngược lại, nếu nóng từ trên đến thắt lưng sau cùng mới hết thì sanh ở ngạ quỷ. Nếu hơi nóng từ thắt lưng đến đầu gối sau cùng mới hết thì sanh ở loài súc sanh. Nếu hơi nóng từ đầu gối đến bàn chân sau cùng mới hết thì sanh trong địa ngục. Bậc Vô học lúc nhập Niết bàn thì hơi nóng thoát ra từ tim hoặc đỉnh đầu .

Nhưng trong luận Du Già cho rằng: Yết- la-lam là chỗ gá sanh đầu tiên trong thân túc gọi là Nhục tâm (tim thịt). Như vậy biết ban đầu gá sanh ở đây thì sau cùng cũng mất đi tại đây.

Các nhà giải thích nói: Theo luận Du Già tức là do làm việc thiện đời sống hướng thượng nên, từ dưới dần dần xả bỏ sau đến nhục tâm mới nói xả ở trên. Do tạo ác đời sống hướng xuống nên trước xả bỏ ở trên, sau đến nhục tâm cuối cùng xả bỏ ở dưới.

Theo luận Câu Xá nói: Nếu người đích thực chết thì ý thức diệt mất ở nơi nào trong thân?

Nếu bị chết đột ngột thì căn cùng ý thức đều diệt một lúc. Nếu từ từ chết thì ở đây có bài kệ:

*Chết dần đến chân rốn*
*Đoạn diệt tâm, ý thức*
*Không sanh ở Trời người*

Trung luận này giải thích: Nếu người chết phải sanh ở đường ác và cõi người thì những người này chết dần dần. Ở bậc A-la-hán thì đoạn diệt nơi tâm ý thức.

Các bộ khác nói:ở trên đầu. Vì sao? Vì thân căn ở đây cùng ý thức đều diệt. Nếu người đang chết thì thân căn như nước của đá nóng dần dần sút giảm trên những chỗ như chân... mà chết dần.

Các nhà giải thích nói Câu Xá Luận theo nghĩa tiểu thừa mà nói: Khi thân chết thì các chỗ trên thân cùng ý thức đều diệt. Theo Đại thừa thì các chỗ nơi thân căn cùng bổn thức đều diệt.

*2. Phương pháp thọ sanh*

Theo luận Câu Xá nói: việc làm sẽ ứng hợp với chỗ thọ sanh. Từ thân trung ấm này do nghiệp lực đời trước của chúng sanh mà sanh ra nhãn căn. Tuy ở chỗ rất xa nhưng có thể thấy chỗ gá sanh nơi cha mẹ.

Nếu là con trai thì liền khởi tâm dục của người nam đối với mẹ. Ngược lại, nếu là con gái thì liền khởi tâm dục của người nữ đối với cha. Tâm này sân giận thì trong ấy do chúng sanh khởi hai tâm điên đảo. Vì cầu mong sanh đến chỗ bông lung thì sanh đến đó. Chỗ được gửi gắm là bào thai bất tịnh liền sanh hoan hỷ nhưng khi gá sanh đến đó chỉ trong khoảnh khắc thì chúng sanh liền gắn chặt khắn khít với năm ấm. Lúc ấy, trung ấm của năm ấm liền diệt. Như thế, mới nói là thọ sanh. Nếu thai là nam thì ở bên trái hông mẹ, ngồi quay ngược với lưng mẹ. Nếu thai là nữ thì ở bên phải hông mẹ, ngồi hướng mặt về lưng mẹ. Nếu thai không phải nam không phải nữ thì tùy theo loại dục gá sanh dừng lại cũng như vậy, không có thân trung ấm khác. Đối với nam hay nữ đều đầy đủ các căn cho nên hoặc là nam hoặc là nữ gá sanh mà ở. Sau đó ở trong thai mà lớn dần hoặc làm huỳnh môn, hoặc gá sanh ở thai sanh hay noãn sanh. Như thế, theo đạo lý thì chúng sanh muốn gá sanh vào loài ẩm thấp thì ưa thích mùi hương nên sanh đến đó. Hương này hoặc tịnh hoặc bất tịnh tùy theo nghiệp đời trước. Nếu hóa sanh vì muốn thọ lạc nơi ấy nên liền sanh đến. Như vậy, nếu chúng sanh ở Địa ngục thì làm sao ưa thích chỗ ấy. Do tâm điên đảo nên các chúng sanh này bị gió, mưa, lạnh xúc não thân, thấy lửa Địa ngục hừng cháy thì ưa thích muốn được hơi ấm nên sanh vào đó. Lại nữa, khi thân bị gió nóng và lửa thiêu đốt, đau đớn khó chịu mà thấy Địa ngục giá lạnh nước trong liền thích được mát mẻ nên sanh vào đó. Thai sanh và noãn sanh đối với chỗ sanh thì nghịch lại với cha mẹ. Hai loại thấp sanh và hóa sanh gá sanh nhờ tinh cha, huyết mẹ nên không có sự khác lạ. Thấp sanh chỉ tham ái mùi hương mà sanh đến chỗ đó, tùy theo nghiệp thiện ác để có mùi hương ưa thích là sạch hay dơ. Hóa sanh chỉ ưa chỗ nương tựa. Dù Địa ngục là chỗ khổ đau nhưng người tội ưa thích thì cũng được thọ sanh trong chỗ ưa thích này. Vì sao? Vì không ái thì không thọ sanh.

Luận nói: Như xưa kia tạo tác mà có khả năng cảm ứng sanh như thế, ưa thích thân như vậy, thấy chúng sanh cũng như vậy cho nên sanh đến chỗ đó.

Các sư trước đây đã nói thế này: lúc ba mươi tuổi làm việc giết hại, giăng lưới bắt sanh vật nên khi làm việc này ắt có chúng bạn, nghiệp này có thể cảm ứng sanh vào Địa ngục. Sau đó ở trong thân trung ấm thấy được thân mình, lúc ba mươi tuổi làm việc giăng bắt, lại thấy xưa kia đã làm việc này với chúng bạn. Lúc thấy Địa ngục cũng như xưa thấy ở trong sông hồ cùng chúng bạn dắt kéo nhau. Do đó mà chuyển đổi rồi thọ sanh ở trong ấy. Sau đó mới hiểu ra là do trước đây đã tạo

không ít nghiệp nên nhất định chỉ do một nghiệp cũng đủ để kéo vào Địa ngục.

Hoặc lúc hai mươi tuổi tạo nghiệp này, hoặc lúc ba mươi tuổi tạo nghiệp này nên khi ở trong thân trung ấm thấy thân mình rõ như xưa lúc còn trẻ hay đã già rồi mà tạo các nghiệp nên bị sanh trong Địa ngục. Như lúc còn nhỏ các chúng sanh này đã sanh khởi tâm như thế nên liền đến nơi ấy, do yêu thích nơi này nên thọ sanh đến. Đây là theo kinh, các sư đã giải thích như thế.

Luận Du-già nói: Nếu người phước mỏng thì sẽ sanh vào nhà hạ tiện, lúc chết và lúc nhập thai liền nghe đủ loại tiếng bấn loạn và vọng thấy vào trong rừng trúc cỏ lau. Nếu người nhiều phước thì sẽ sanh vào trong nhà tôn quý. Bấy giờ, người ấy liền nghe âm thanh khả ái, vắng lặng tốt đẹp và vọng thấy đang lên cung điện... thấy các sự khả ái như thế.

Luận Câu Xá nói: Lúc lâm chung mà người khởi tâm Tà kiến, do nhân bất thiện làm đầu, Tà kiến làm duyên nên đọa vào Địa ngục.

Có Luận sư nói: Tất cả nghiệp bất thiện đều là nhân Địa ngục. Ngoài các bất thiện này thì sanh trong Súc sanh hay Ngạ quỷ. Lại do nghiệp xưa mạnh nên đọa vào Súc sanh như: dâm dục mạnh nên sanh trong loài bồ câu, chim sẽ, uyên ương; sân giận mạnh thì sanh trong loài rắn độc; ngu si mạnh thì sanh trong loài heo, dê, trai, hến; kiêu mạn mạnh thì sanh trong loài sư tử, hổ, sói; buông lung nhiều thì sanh trong loài khỉ; xan tham, ganh ghét nhiều thì sanh trong loài chó đói; nếu có dư một chút phước lành bố thí thì dù có sanh trong loài Súc sanh mà có được chút ít an lạc. Hai nghiệp thân và miệng tuy do tâm làm chủ nhưng thọ báo của khẩu nghiệp rất nhiều như mắng người, khinh lờn, hung bạo dụ như loài khỉ tức sanh trong loài khỉ. Như tham lam như quạ, lời như chó, đần độn như heo, dê, tiếng kêu như lừa, đi như lạc đà, lưng cao như voi, dâm như chim sẻ, nhát như mèo chồn, quanh co như cáo. Các việc ác như thế thì thọ báo đều từ khẩu nghiệp mà do ba độc làm gốc. Trong ba độc thì tham ái là nặng nhất như cầm một đầu vải, tất cả sợi vải đều tùy theo hết.

Luận Trí Độ nói: Nếu không đoạn ái thì ái đồng sanh. Do đó trong bốn loài đều do ái sanh khởi. Như nói tham dục nhiều thì sanh trong loài chim sẽ. Quá tham mùi vị thì sanh trong hầm xí. Vì ái dục nên sanh trong thai hoặc sanh bằng trứng. Tham mùi hương nên thọ sanh nơi loài ẩm thấp. Tùy theo sự tham ái mà khởi nghiệp mạnh nên thọ hóa sanh. Nếu tâm khởi ưa làm nghiệp tội mạnh thì khi chết vọng thấy Địa ngục,

thọ hóa sanh. Nếu ái phước mạnh thì thọ hóa sanh ở cõi thượng giới.

Thành luận nói: Giống như gốc cây không chặt thì cây ấy vẫn còn sống. Căn tham không chặt thì cây khổ thường còn.

Luận Du-già nói: Vì sao ái ngã vô gián sanh? Vì nhân ái trước hí luận từ vô thỉ đã huân tập. Vì nghiệp nhân tịnh bất tịnh đã huân tập, nên chúng nương tựa làm thể; vì hai loại nhân tăng thương lực nên từ chủng tử tức thân trung ấm dị thục, vô gián được sanh. Khi chết thì như hai đầu cái cân lên xuống không định, mà trong đây ắt đầy đủ các căn. Người tạo nghiệp ác thì trung ấm thấy ánh sáng lớp màn đen, hoặc đêm tối âm u. Người làm nghiệp thiện thì thân trung ấm thấy như ánh sáng lớp áo trắng, hoặc như trời sáng sủa vào ban đêm.

Luận Câu Xá có dạy: Trung ấm có đầy đủ năm căn, kim cang hoặc các vật khác không thể ngăn ngại. Núi Tu-di cho đến kim cang có thể có chúng sanh thọ sanh trong đó sắc, trung ấm vi tế kim cang không thể ngăn ngại. Người có thiên nhãn mới thấy được sự việc này lại nêu ra những sự việc đã nghe, dẫn chứng người từng nghe đã nói Như.

*3. Thọ mạng dài ngắn*

Luận Câu Xá có dạy: Nếu không định nơi sanh ở nơi khác thì ngay trong ngày đó mà thọ sanh. Thí như vào mùa Hạ, việc dục của bò thay đổi nhiều, chó thì vào mùa Thu, gấu thì vào mùa Đông, ngựa thì vào mùa Xuân, cáo thì lúc nào cũng tham dục. Lúc chúng sanh cảm ứng sanh trong loài bò nếu không nhằm vào mùa Hạ thì liền sanh trong loài bò rừng. Nếu cảm ứng sanh trong loài chó mà không đúng thời liền sanh trong loài cáo.

Lại nữa luận Câu Xá thuộc phái Tiểu thừa giải thích thì có bốn cách khác nhau.

a, Thời gian ngắn sau khi chết rồi, liền thọ sanh thân trung ấm.

b, Thân trung ấm được trụ trong hai tuần, không hạn định trong thế gian này.

c, Được bốn mươi chín ngày mà chưa đủ duyên sanh, nên thân trung ấm chết đi rồi thọ lại, cũng không hạn định trong thế gian này.

d, Tùy duyên thọ sanh cho đến trải qua số kiếp mà không hề mất đi.

Theo luận Du-già nếu chưa đủ duyên sanh, thì tối đa bảy ngày chết rồi sống lại, cho đến bảy lần bảy ngày thọ sanh sống lại thì từ đó về sau chắc chắn có được duyên sanh. Sự việc này khác với bốn sự việc ở trước.

*4. Thông lực mau chậm*

Theo Luận Câu Xá nói: Trung ấm nương hư không mà đi như người bỏ mạng sống đến thọ sanh ngoài vô lượng thế giới chỉ trong khoảnh khắc. Thần lực của nhị thừa chưa ra khỏi một thế giới mà thân trung ấm đã đến vô lượng thế giới, dù là thần lực của Phật đi nữa cũng không ngăn cản được. Nếu chúng sanh ấy không vãng sanh thì cũng ở các cõi khác, vì nghiệp lực quyết định.

Theo luận Thông thắng nói: Căn cứ vào thần thông thì Trung ấm hơn hàng nhị thừa và phàm phu.

Theo Luận Bà-sa thì thần túc hơn tức là căn cứ nhanh hơn thần thông của Phật.

*5. Thấy lẫn nhau không đồng:*

Theo luận Câu Xá dạy: Nếu trung ấm đồng sanh trong một đường thì nhất định sẽ thấy nhau. Hoặc người có thiên nhãn hết sức thanh tịnh, là một loại đạo tuệ thì người ấy cũng thấy thân trung ấm kia sanh. Nếu người do quả báo có thiên nhãn thì không thể thấy vì trung ấm rất vi tế.

Vì thế, Tát-bà-đa bộ nói: Nếu cùng thọ sanh trong loài người thì đồng là thân trung ấm loài người và cùng thấy nhau. Như vậy thì chắc chắn không thể thấy trung ấm các đường khác. Nếu người tu đắc thiên nhãn, thiên nhãn ấy tức là tu đạo thì có thể thấy được sắc trung ấm. Nếu do quả báo được thiên nhãn thì không thể thấy sắc trung ấm, vì sắc trung ấm vi tế hơn các sắc.

Theo Chánh lượng bộ nói: Trung ấm cõi Trời có thể thấy tất cả sắc trung ấm của năm đường. Trung ấm loài người có thể thấy sắc trung ấm của bốn đường, trừ trung ấm cõi Trời. Lần lượt loại trừ như vậy cho đến trung ấm Địa ngục trừ trung ấm bốn đường kia, chỉ thấy được trung ấm Địa ngục.

*6. Thân lớn nhỏ*

Theo luận Câu Xá dạy: Thân trung ấm như đứa trẻ sáu, bảy tuổi mà thức thì minh mẫn. Trung ấm ở Bồ-tát như tráng sĩ nhỏ tuổi hoàn hảo, đủ tướng lớn nhỏ. Cho nên dù đang ở trung ấm mà muốn vào thai thì có thể chiếu rọi vạn ức cõi nước.

***Thứ 9: Duyên tế tự***

Thầm nghe: Vàng ngọc khác với trân châu nhưng đối với con người đều là của báu. Cũng vậy, tuy nghĩa giữa Đạo giáo và Nho giáo khác nhau nhưng gần xa đều tôn thờ. Chẳng lẽ sống chết ở nước mình mới thuận tiện để làm thầy, xứ Phật lại xa nước mình có tâm cũng chẳng

hơn thờ cúng ở gần bên. Do đó, trình bày lý đúng sai theo kiến thức ngu muội của mình, thật chẳng dám tự chuyên. Xưa lời Khổng Khâu nói đã mất mà lập miếu làm quy cũ ngàn năm, ngôn âm của Phật Thích Ca đã qua, mà lập chùa, linh tháp để muôn đời giữ lại chỉ vì muốn nhìn thấy hình khắc ghi nổi nhớ đối diện tượng tâm mới quy về, đều chỉ vì một nghĩa tôn kính thầy, trung với chủ. Cho nên như các việc hiếu sự: Tạc tượng mẹ bằng gỗ... buộc dây gai, kết cỏ đinh lan... Bồ tát Vô Tận Ý cởi chuỗi ngọc dâng cúng tháp Phật Đa Bảo, như người chột mắt tìm được vật xưa bỏ sót, không thể tưởng tượng được đã làm trong sạch bụi trần, từ lâu tích tụ thành rừng. Thật ở lý không sao giải thích được.

Theo Án lễ kinh nói: Thiên tử bảy miếu, chư hầu năm miếu, Đại phu và Hương sĩ đều có cấp bậc nên, Thiên là thần thì tế thiên nơi gò đất tròn. Địa là thần đất nên tế đất nơi đám vuông. Nhân là quỷ nên tế người nơi tông miếu. Rồng, quỷ giáng mưa xuống, nuôi bò để kéo cày. Do đó, hoặc tạo hình nơi thôn, phố, dựng tượng ở cửa thành, há có thể so sánh với Đấng Đạo sư trong ba cõi thiên hạ là cha lành của bốn loài, có oai đức lớn được các phương tôn quý đến vạn ức lần, có phương pháp giáo hóa vì trăm sinh linh nên được người thiện hồi hướng, giống như các dòng chảy đều xuôi về bể, như ánh sáng lớn thu nhiếp Mặt trời, Mặt trăng và các vì chiếu khắp. Do đó, từ nước Nguyệt Chi để lại hình bóng Cung-na-kiệt-la giữ lấy tro thân, xá lợi phân bố khắp nơi. Kỳ Hoàn lại tạo dựng tháp Thánh hiền, nhờ vào việc phước ấy hoặc là sự tôn kính mà mong được an lạc.

Như kinh Trường A-hàm có dạy: Tất cả nhà ở của mọi người đều có quỷ thần. Đường lớn, ngõ hẻm hay bờ ruộng, phố chợ, lò mổ, các núi và gò mả... không chỗ nào mà không có quỷ thần. Nói chung tất cả quỷ thần tùy theo chỗ nương tựa mà gọi tên. Những người mới sanh đều có quỷ thần theo ủng hộ, còn người sắp chết thì quỷ thần hút lấy tinh khí. Người làm mười việc ác hoặc trăm hoặc ngàn đều cùng một thần theo. Người làm mười việc thiện thì giống như Quốc vương có trăm ngàn người theo hầu.

Lại kinh Thập Phương Thí Dụ dạy: Trên Trời dưới đất, Quỷ thần đều biết rõ tội phước thọ mạng của con người sắp đến hoặc chưa đến, không thể cứu người, không thể giết người, không thể làm cho người giàu có hay nghèo hèn, muốn khiến cho người làm ác phạm tội giết hại thì người ấy bị suy yếu, cuồng loạn để nói về tội phước làm cho người thiết lập cúng tế mình đó thôi. (Cho nên biết, ảo vọng cúng tế quỷ thần, cầu mong phước hiện đời làkhó thể được.)

Trong kinh Phổ Diệu, Tôn giả Ca Diếp dùng kệ thưa Phật:

*Lúc cúng tế đến nay*
*Đã hơn tám, mười năm*
*Thờ thần gió, lửa, nước*
*Mặt trời, Trăng, núi sông*
*Sớm tối không lơ là*
*Trong tâm không nghĩ khác*
*Rốt cuộc chẳng được gì*
*Gặp Phật mới an lạc.*

Kinh Tạp bảo tạng có dạy: Xưa kia có một người Bà-la-môn ngày đêm luôn phụng sự cúng tế ở miếu Trời, Trời liền hỏi: "Nhà ngươi muốn gì?" Bà-la-môn nói: "Nay con cầu làm chủ coi việc cúng tế ở trên Trời". Trời nói: "Đằng kia có bầy bò, ngươi nên đến hỏi con bò đi trước tiên".

Bà-la-môn nghe rồi liền đến chỗ bầy bò kia và hỏi con bò đi trước tiên: "Nay nhà ngươi thế nào, vui hay khổ?" Bò đáp: "Tôi quá khổ sở. Tất cả xương sườn, xương sống của tôi đều bị đóng ách chở các vật nặng, chưa có lúc nào được nghỉ ngơi". Bà-la-môn lại hỏi: "Vì sao mà ngươi lại làm thân bò?" Bò đáp: "Tôi là chủ quản việc cúng tế ở trên Trời mà tự ý phóng túng thọ dụng những vật tế Trời. Do đó mà sau khi qua đời tôi phải làm thân bò để chịu cảnh khổ này".

Bà-la-môn nghe xong liền trở về chỗ Trời. Trời hỏi: "Nay ngươi có muốn làm chủ việc cúng tế ở trên Trời nữa không?" Bà-la-môn đáp: "Con đã nghe thấy sự việc này rồi nên không dám nữa". Trời nói: "Người làm việc thiện hay ác đều tùy theo đó mà nhận lấy quả báo". Bà-la-môn cảm thấy hối hận liền tu các việc lành và sửa đổi các việc ác trước đây.

Trong kinh Tap bảo tạng có dạy: Xưa kia có một ông già rất giàu có. Ông ta muốn ăn thịt do đó mà tìm cách lừa dối các con nên chỉ cây bên bờ ruộng rồi bảo: "Ngày nay sự nghiệp của gia đình ta được giàu có và sống hòa thuận đều nhờ ân của thần cây ấy. Ngày nay, các con nên bắt dê trong bầy để cúng tế". Vâng theo lời cha nên lúc ấy các người con liền giết dê cúng tế cây kia và làm một cái nhà tế Trời ở dưới cây. Sau đó người cha qua đời và nghiệp luôn theo bên mình nên trở lại sanh làm thân dê ở trong nhà ấy. Gặp lúc các con muốn tế thần cây liền bắt một con dê chính là cha mình chuẩn bị đem ra giết. Con dê liền nghẹn ngào cười, nói: "Cây ấy có thần linh gì đâu? Do trước đây ta muốn ăn thịt nên lừa dối bảo các con cúng tế để chúng ta cũng được ăn. Nay ta

phải nhận lấy tội báo”.

Bấy giờ, có vị La-hán đến khất thực thấy vong hồn người cha của họ làm thân dê. Ngài thương xót chủ nhân nên liền dùng đạo nhãn làm cho họ tự quán sát mới biết được là cha mình. Do đó họ rất sầu não liền chặt cây thần, hối cải tu phước, không còn giết hại nữa.

Trong Ưu-bà-tắc giới kinh, đức Phật dạy: Hoặc có thuyết cho: “Con làm việc thiện, cha có làm việc ác đi nữa nhưng nhờ con làm lành nên cha không rơi vào ba đường ác”. Nghĩa này thì không đúng. Vì sao? Vì nghiệp của thân, miệng, ý đều khác nhau nên cha mất rồi thì sẽ rơi vào ngạ quỷ. Con có phước theo nên được sanh trong cõi Trời không còn nhớ nghĩ các vật ở loài người. Vì sao? Vì thành tựu ở cõi Trời là một thứ báu vi diệu. Nếu vào địa ngục thì phải chịu các khổ não cho nên không hề suy nghĩ. Trong loài súc sanh hay loài người cũng vậy.

Nếu nói duyên gì mà chỉ riêng ngạ quỷ được nhớ, đó là ví gốc tham ái, keo kiệt nên đọa vào ngạ quỷ. Đã là ngạ quỷ thì thường hối lỗi, suy nghĩ muốn được cho nên được. Nếu sanh trong các đường khác mà các quyến thuộc họ đọa vào ngạ quỷ thì hết thảy đều được nhớ lại. Vì vậy người trí khuyên nên vì ngạ quỷ làm việc phước thiện. (Đồng ý với Kinh Chánh Pháp Niệm)

Còn việc cúng tế thì ai là người thọ nhận? Tùy theo nơi tế tự mà có sự thọ nhận khác nhau. Nếu gần rừng cây thì thần cây thọ nhận. Ở nơi nhà, sông, suối, giếng, núi, rừng, gò đất cũng như vậy. Người cúng tế cũng có được phước. Vì sao? Vì đã làm cho người thọ nhận sanh tâm hoan hỷ. Phước đức của sự cúng tế là được bảo vệ thân mạng, tài của. Nếu nói sát sanh để cúng tế mà được phước thì không đúng. Vì sao? Vì không thấy người nào gieo hạt lan mà lại sanh ra cây chiên đàn, cũng như đoạn mạng sống của chúng sanh mà có được phước đức. Người nào muốn cúng tế thì nên dùng hương hoa, sữa, trái cây. Làm việc phước cho hương linh thì có ba lúc: tháng giêng mùa Xuân, tháng năm mùa Hạ và tháng chín mùa Thu. Nếu dùng phòng nhà, đồ nằm, thuốc men, vườn rừng, ao giếng, bò, dê, voi, ngựa...để cúng thí cho người khác thì sau khi mạng chung sẽ tùy theo phước đức của sự bố thí mà người ấy thọ nhận phước đức mau hay chậm. Phước ấy theo người như bóng theo hình.

Hoặc có thuyết cho: Khi mất thì mất tất cả. Như vậy là không đúng. Vì vật hoại không dùng quên mất trong ba đời chứ không phải qua đời là mất hết. Người nào đã xuất gia mà lại bắt chước theo người đời, đến ngày Tết không ăn uống, chạy theo pháp thế gian thì đó chẳng phải là người xuất gia chân chánh. Lại cũng tin vào pháp thế gian và xu-

ất thế gian, mà nếu tùy theo các nhà đã có những vật tốt, xấu... thường vui vẻ bố thí thì đó chính là bố thí tất cả. Nếu đem thân mạng hoặc vợ con là những vật quý trọng để cho người khác thì đó gọi là bố thí không thể nghĩ bàn.

Luận Bà-sa dạy: Vì Ngạ quỷ làm phước thì quỷ được ăn uống, bản thân cũng được sự lợi ích như hôi thì được thơm, xấu thì được đẹp.

Lại nữa trong kinh có dạy: Sự ăn uống của loài ngạ quỷ không giống nhau: Như kẻ ăn máu mủ, ăn phẩn dơ, nhưng khi được cúng thí thí cho rồi thì tất cả thức ăn uống đều biến thành mùi vị thơm ngon hảo hạng. Nếu quỷ thọ sanh vào nơi khác, khi người thân vì bố thí cho thì do nghiệp lực của quỷ có thể từ chỗ xa biết mà hoan hỷ. Hoặc trở lại thọ khổ báo ngay nhà mình, được thân nhân bố thí thì tự thân quỷ thấy sanh hoan hỷ.

Theo luận Bà-sa dạy: Người nào cầu tài không như pháp cho đến khi thành tựu, thì bởi vì keo kiệt nên đối với quyến thuộc của mình còn không cho huống lại là người khác. Do không có tâm bố thí nên sau khi chết liền đọa vào ngạ quỷ, ở trong nhà xí hôi hám cạnh nhà mình. Những người thân thuộc suy nghĩ: "Nó cất chứa của cải không dám đem dùng, lại không bố thí cho người ta". Do đó họ khổ não nên muốn đem vật thực bố thí cho người. Họ liền mời tất cả bà con, bạn bè, Sa-môn, Bà-la-môn để cúng thí.

Bấy giờ, ngạ quỷ trông thấy sự việc này cho nên dù đó là của cải của quyến thuộc mà cứ tưởng như của mình. Do đó ngạ quỷ suy nghĩ: "Tài sản này ta đã gom góp nay họ đem cho người". Suy nghĩ rồi ngạ quỷ liền hoan hỷ, và sanh tâm tín kính đối với ruộng phước. Dù được sanh vào đường khác nhưng phần đông đều không có năng lực này, làm cho vong nhân không có được phước này nên tu thiện thì được lợi ích lớn, giống như sanh tâm từ thì được phước.

Luận Trí độ dạy: Như người có tâm từ nghĩ đến tất cả chúng sanh muốn làm cho họ được an lạc. Mặc dù chúng sanh không được như thế nhưng người nghĩ vậy sẽ được nhiều phước lợi. Nếu không thích bố thí thì dù có sanh lên cõi Trời hay đạt được quả Thánh cũng trở lại bị thiếu cơm áo. Cho nên trong Ưu-bà-tắc giới kinh dạy: "Dù trì giới chứng đắc A-la-hán cũng không tránh được sự đói khổ. Nếu thích bố thí thì dù có đọa vào ngạ quỷ cũng thường được no đủ.

Lại nữa, kinh Vị tằng hữu dạy: Có một Quốc vương bạch Phật: Tiên vương-cha tôi phụng sự Ngoại đạo, thường bố thí cầu phước Trời Phạm thiên. Với công đức ấy thì sẽ sanh vào cõi Trời nào?

Đức Phật dạy: Quả báo của nhà Vua ấy nay đã vào Địa ngục. Vì sao? Vì không gặp thời tốt, không gặp bạn lành, không có phương tiện lành, dù có tu các công đức nhưng không thoát khỏi tội, song công đức bố thí cũng không mất. Sau khi hết tội mới được hưởng phước. Nên biết tu phước không hợp với tội. Tiên đế của Đại vương có năm nghiệp ác phải sanh vào trong Địa ngục:

1. Kiêu mạn, ganh tỵ, việc không đáng cũng bị trừng trị, không có nhẫn nhục.

2. Tham lam của báu, xử đoán bất bình đến nỗi làm cho thiên hạ ôm lòng oán hận.

3. Vui thích săn bắn làm khốn khổ nhân dân, làm tổn thương mạng sống đáng quý của chúng sanh.

4. Đam mê nữ sắc, có mới quên cũ, cư xử bất bình, dẫn đén sự oán hận.

5. Phá giới.

Theo văn này mà chứng biết: phụng sự tà giáo, tu phước thiện ác sai khác thfi hai quả báo khổ vui không lẫn lộn nhau. Huống chi là người lợi căn, đa văn, chánh tín Tam bảo mà phải nhận lấy quả khổ.

Trong kinh Duy vô Tam muội, Phật bảo A Nan: Thiện nam cầu đạo, an thiền thì trước hết nên đoạn niệm. Sở dĩ người đời không đắc đạo là chỉ vì ngồi thiền mà suy nghĩ toàn những chuyện uế tạp. Một niệm đến thì một niệm đi. Trong một ngày một đêm có đến tám ức bốn ngàn vạn niệm. Niệm niệm nối tiếp không dứt. Một niệm thiện cũng có được quả thiện. Một niệm ác cũng chịu quả báo ác, như vang theo tiếng, như bóng theo hình. Cho nên tội báo thiện ác có sự sai khác.

Kinh Trung A-hàm dạy: Nếu vì người chết mà làm việc bố thí tế tự sẽ được phước: nếu sanh trong loài ngạ quỷ thì được ăn, còn sanh trong các đường khác thì không được vậy. Do các loài có nuôi sống mạng bằng thức ăn, nếu quyến thuộc không sanh trong ấy nhưng mình bố thí thì sẽ được phước. Ngay cả thí chủ mà sanh trong sáu đường thì vật thí thường theo, bởi vì trì giới. Cho nên khi được thân người phải cần các phước báo khác trợ giúp.

Kinh Vãng sanh nói: Làm phước cho người chết thì trong bảy phần công đức người chết hưởng được một phần, còn lại là thuộc về người tạo phước ở hiện đời (người sống).

Trong kinh Quán đảnh A Nan thưa Phật: Nếu người mạng chung liền đến núi rừng làm tháp, làm mả thì hồn phách của họ có ở trong đó không?

Đức Phật dạy: Cũng có, cũng không. Nếu khi còn sống mà người ấy không tạo căn lành, không biết Tam bảo mà không làm ác, cũng không nhận được phước thiện, không chịu họa ác, không có bạn lành để tu phước cho nên hồn phách ở trong mả, trong tháp chưa có đi đâu. Do đó mà nói hồn ở.

Nếu lúc còn sống mà người ấy đã tu nhiều phước thiện, tinh cần hành đạo thì được quả báo sanh ở cõi Trời ba mươi ba hoặc được sanh nơi thế gian trong gia đình giàu có, hay những chỗ đến tự nhiên tùy ý được sanh. Do đó hồn không ở tại đó. Hoặc đời trước làm việc tế tự Tà kiến, không đúng đắn, tự nuôi sống bằng tà mạng, lừa dối, khinh người thì sẽ rơi vào ngạ quỷ, súc sanh, chịu đủ khổ não trãi qua các Địa ngục nên nói không ở trong tháp hay gò mả. Hay không ở trong đó. Nghĩa là hoặc khi xương cốt chưa rã mục, như ngũ cốc chưa chín, nên có linh yếu ớt, nếu xương mục đã hết thì linh hồn cũng mất đi. Nó cũng không có khí lực, không thể gây họa phước cho người. Khi linh hồn chưa diệt, thì hoặc là người thân bị mất mà lúc sống không có phước, lại theo Tà kiến, siểm nịnh nên đọa vào loài quỷ thần. Hoặc sinh linh các cây không có phước Trời để thọ hưởng, Địa ngục không tiếp nhận, dù đã bỏ thế gian mà vẫn lênh đênh khắp các làng mạc, đã không có ăn, lại làm việc yêu quái động đến tâm người. Hoặc có tà sư yêu mỵ vì dựa vào làm phước, nhờ phước trợ giúp muốn được sống lâu, ngu si Tà kiến, giết hại sanh vật để cúng tế nên khi chết liền đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh không có lúc nào thoát ra được. Như vậy, tại sao lại không cẩn thận?

Hoặc có người vào ngày mạng chung thì đốt hương đèn ở trong chùa tháp, treo tràng phan, đọc tụng tôn kinh suốt hai mươi mốt ngày. Vì sao? Vì người lúc mạng chung thì trong thân trung ấm giống như trẻ nít chưa phân biệt được tội phước nên vì họ tu phước nguyện cho người mất sanh ở các quốc độ trong mười phương, nhờ công đức này mà được vãng sanh. Vong hồn lúc ở đời có tội lỗi phải đọa vào trong tám nạn song nhờ công đức treo phan, đốt đèn nên được giải thoát. Nếu có thiện nguyện phải sanh làm cha mẹ phương khác, mà chậm sanh thì nhờ công đức đốt đèn, treo phan nên mau được sanh vào đó, không bị trì trệ. Nếu được sanh rồi sẽ được làm người và con của gia đình có phước đức không bị quỷ tà quấy nhiễu, dòng họ giàu có. Do đó mà nên tu công đức phước thiện treo phan, đốt đèn. Đối với bốn hạng nam, nữ lúc lâm chung hoặc đã qua đời mà ngày ấy treo phan trên chùa thì sẽ có được phước đức lìa khỏi tám nạn khổ, được sanh cõi tịnh độ của mười phương chư Phật. Việc cúng dường tràng phan, bảo cái thì tùy theo tâm nguyện

mà đạt đến Bồ-đề. Phan bay theo gió, nát vụn tất cả đến như hạt bụi, gió thổi bụi bay nên thành vô lượng phước. Phan chuyển một lần là vương vị Chuyển Luân, cho đến vị Tiểu Vương vô lượng quả báo. Bốn mươi chín đèn chiếu sáng các chỗ tối tăm. Nếu chúng sanh đang bị đau khổ thì nhờ vào ánh sáng này mà được thấy nhau, nhờ phước đức này mà cứu chúng sanh được ngưng nghỉ.

Theo kinh Tịnh độ Tam muội dạy: Bát vương bảo ba mươi hai vị Đế Thích trấn thần, bốn vị Đại vương quản lý sổ sách, tuổi thọ, Đại vương Diêm La: Có tám Vua làm sứ giả đi khắp bốn hướng có người theo hầu, vào ngày rằm và ngày ba mươi thì Tứ thiên vương tấu lại việc làm thiện ác của nhân dân mà mình đã đi khảo sát. Vua Địa ngục cũng sai tiểu vương, thần phụ tá cùng đi khảo sát xem những ai có tội để ghi sổ. Nếu tám ngày trai trước phạm tội nhưng nhờ phước mạnh nên mới được cứu độ an ổn. Không có người khác cứu, mà chính nhờ phước căn bản của họ mà thí. đến tám ngày sau phạm tội lại, và nhiều hơn thì thấy giảm tuổi thọ, nhớ lúcđề tên ghi rõ chết vào ngày, tháng, năm nào thì phải xuống Địa ngục. Địa ngục nhận văn thư rồi liền sai quỷ ngục đem tên ra để lục sổ. Quỷ ngục không có tử tâm dù ngày chết chưa đến vẫn cưỡng bắt người làm ác, làm dứt mạng sống của họ. Những người nhiều phước thì được thêm tuổi thọ, được Trời sai thiện thần hết lòng ủng hộ người kia, dời họ khỏi Địa ngục và trừ bỏ tên tội trạng, thoát chết được sống, sau đó được sanh lên cõi Trời.

Kinh Quán Phật Tam muội nói: Bấy giờ, quỷ thần Khoáng dã bạch Phật: Con thường ăn thịt người. Nay Phật dạy con không giết hại thì con sẽ ăn gì?

Đức Phật dạy: Ngươi không giết hại, Ta sẽ dạy đệ tử Ta thường xuyên bố thí cho ngươi ăn. Ngay cả lúc pháp diệt mất nhưng nhờ thần lực của Ta cũng sẽ làm cho ngươi được no đủ.

Quỷ vương nghe rồi thì hoan hỷ lãnh thọ năm giới của Phật. cho nên, kinh Niết bàn, đức Phật răn dạy các đệ tử Thanh-văn: Đem thức ăn cho chúng sanh, giúp quỷ thần Khoáng dã.

Lại luận Trí độ dạy: Quỷ thần được người cho một ít thức ăn thì có thể biến thành nhiều, làm cho được no đủ.

Kinh Thí dụ có dạy: Đức Phật cũng A Nan đi đến bên bờ sông thì thấy năm trăm Ngạ quỷ vừa đi vừa ca ngâm và thấy khoảng trăm người than khóc đi qua. A Nan liên thưa Phật: Tại sao quỷ ca hát, người than khóc?

Đức Phật dạy: Quyến thuộc nhà Ngạ quỷ làm phước nên được giải

thoát, do đó mà chúng ca múa. Còn quyến thuộc nhà giàu kia chỉ làm việc giết hại, không một ai làm phước nên sau đó bị lửa đốt nóng mà khóc than.

Kinh Quả báo túc nghiệp có dạy: Xưa kia có hai vợ chồng Bà-la-môn không có con cái mà tài sản thì nhiều vô số. Đến lúc sắp qua đời, họ liền rủ nhau: “Chúng ta hãy nuốt vàng để làm của”.

Theo phong tục trong nước ấy không chôn người chết mà chỉ để ở gốc cây. Mỗi người nuốt hết năm mươi đồng tiền vàng nên khi thân họ bị vữa thì tiền vàng trào ra. Lúc ấy có một người cũng ở trong nước ấy đi ngang qua, thấy vậy thì thương tâm mà rơi lệ. Thương cảm cho kẻ xan tham nên người ấy liền vàng đó để làm phước, thỉnh Phật và chúng tăng, làm thức ăn cúng dường rồi xưng tên, chú nguyện. Lúc ấy, hai vợ chồng xan tham kia đang thọ thân Ngạ quỷ liền được sanh lên cõi Trời nhờ vào phước thỉnh tứ chúng. Được sanh lên Trời rồi họ liền có thiên nhãn nên biết được người đã làm phước cho mình. Từ cõi Trời họ liền hóa làm thiếu niên xuống trợ giúp đàn việt.

Đức Phật nói đứa trẻ trong nhà bếp là đàn việt chân thật. Đức Phật liền thuyết pháp, thiếu niên nghe xong thì đắc quả Tu-đà-hoàn. Chúng tăng hoan hỷ nên đều được sanh lên cõi Trời.

Trong kinh Bách dụ có dạy: Xưa kia, có một nhóm khách buôn vào biển mà cần có đạo sư. Sau đó tìm kiếm được một vị đạo sư dẫn đi ngang qua giữa đồng trống thì có một miếu Trời cần một người để cúng tế mới đi qua được.

Bấy giờ, bọn lái buôn suy nghĩ: “Chúng ta đều là bà con thân tín thì làm sao mà giết hại nhau, chỉ có đạo sư này là có thể dùng để tế Trời”. Nghĩ rồi, họ liền giết đạo sư để cúng tế. Tế Trời xong, họ mê muội nên bị lạc đường, không biết hướng đi, sau đó khốn cùng mà chết.

Tất cả thế gian cũng vậy, muốn vào biển pháp lấy các châu báo cần tu thiện hạnh để làm đạo sư mà lại hủy phá thiện hạnh, ưa đường sanh tử mênh mông không có thời hạn ra khỏi nên trải qua ba đường ác, chịu khổ lâu dài. Như người khách buôn muốn vào biển lại giết đạo sư nên quên mất đường, cuối cùng phải khốn khổ mà chết.

Kệ tụng:

*Cao đường tín nghịch tộc*
*Bị nghiệp lực dẫn dắt*
*Hộp ngọc mới quán sát*
*Đài vàng lại không xa*
*Tiếng theo đường dài ngắn*

*Hình xa xăm bóng Tùng*
*Giữ được mười niệm chăng?*
*Chỉ nên theo bốn duyên*
*Ảo thuật làm sai khác*
*Biến hiện ra nhiều thân*
*Kẻ ngu tranh nhân ngã*
*Ai lại chẳng là chân*
*Người quấy nghi kiên cố*
*Người đạt biết thân huyễn*
*Thăng trầm theo khổ vui*
*Khóc than đến tận Trời.*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 19)

■

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 20

## PHẦN THỨ 30: TẠP YẾU

- Duyên thuật ý
- Duyên oán khổ
- Duyên bát khổ
- Duyên trùng ngụ
- Duyên ngũ tân
- Duyên tiệp khí
- Duyên tiện lợi
- Duyên hộ tịnh
- Duyên minh chung
- Duyên nhập chúng
- Duyên suy tướng
- Duyên thùy mộng
- Duyên tạp hành.

***Thứ 1: Duyên thuật ý***

Thần lý không tiếng mà do lời nói để viết ý. Lời nói cũng không vết tích mà do văn tự để làm đủ âm. Cho nên chữ là cái lưới của lời. Lời là cái nơm của lý. Nó làm cho âm nghĩa phù hợp không thể thay đổi. Thế nên dùng văn tự để ứng dụng cùng khắp vũ trụ tuy theo nhiều dấu vết mà lý khế hợp gọi đó là thần? Chỉ vì vô lượng kinh luận làm sao chép đủ, còn ký truyện thì lẫn lộn, có giảng rộng có nói lược, cho đến đạo đến nhiều phương, việc khai mở cho kẻ hậu học và chỉ rõ nhân duyên thì hoàn toàn cần sự sáng tỏ, việc dạy bảo thế tục cần xét kỹ điều chương, nắm lấy phần cốt yếu để lưu truyền chánh pháp đầy đủ như phần trước. Ngoài ra còn phần tạp sự thu hút cứu giúp thế tục, hiện tại những việc đáng làm được trình bày sơ lược ở sau. Mong rằng sự mê muội ngày giảm đi, đèn pháp càng chiếu xa vậy

***Thứ 2: Duyên oán khổ***

Như kinh Trung A Hàm có dạy: Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Từ vô thỉ đến nay, tất cả chúng sanh mãi lưu chuyển trong vòng luân hồi sanh tử, không biết được nguồn gốc của khổ đau.

Này các Tỳ-kheo! Ý các ông nghĩ sao? Nếu dùng tất cả cỏ cây ở mặt đất này làm thẻ đếm về chúng sanh luân hồi lâu dài trong sanh tử nương nhờ cha mẹ thì số thẻ đã hết mà số chúng sanh, cha mẹ ấy vẫn không hết được.

Này các Tỳ-kheo! Như vậy Từ vô thỉ chúng sanh luân hồi lâu dài trong sanh tử mà không biết được nguồn gốc khổ đau.

Các ông cũng đã lưu chuyển trong sanh tử, uống sữa của mẹ còn nhiều hơn nước sông Hằng và biển cả. Vì sao? Các ông đã sanh trong loài voi và uống sữa của mẹ mình nhiều đến vô số, hoặc đã sanh trong các loài cầm thú như: trâu, ngựa, lừa, lạc đà và đã uống sữa của mẹ mình nhiều đến vô lượng vô số. Các ông cũng đã từng bị vứt bỏ ở nơi gò mả, máu mủ bị chảy ra cũng như vậy. Hoặc bị đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh thì máu tủy chảy ra cũng như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Các ông bị luân hồi lâu dài trong sanh tử, máu trên thân đã chảy ra nhiều đến vô số còn hơn nước sông Hằng và nước biển cả. Các ông đã từng sanh trong loài voi, hoặc bị cắt đứt tai, mũi, đầu, chân nên máu huyết ấy đã chảy ra nhiều vô lượng, hoặc sanh trong các loài cầm thú: trâu, ngựa, lừa, lạc đà và đã bị cắt đứt tai, mũi, đầu, chân nên máu huyết ấy đã chảy ra nhiều vô lượng. Hoặc khi qua đời bị vứt nơi gò mả thì máu huyết ấy cũng đã chảy ra nhiều vô lượng. Hoặc bị đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh nên khi chết đi thì máu huyết ấy đã chảy ra nhiều vô lượng. Hoặc luân chuyển lâu dài trong sanh tử, bị mất cha mẹ, anh chị em, bà con thân thuộc, hoặc bị mất tiền của mà phải khóc than thì nước mắt ấy cũng chảy ra vô lượng còn nhiều hơn nước bốn biển.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Khi các ông thấy các chúng sanh được an lạc thì nên nghĩ: "Chúng ta luân chuyển lâu dài trong sanh tử cũng đã từng hưởng được nhiều sự an lạc". Hoặc lúc thấy các chúng sanh bị khổ não thì nên nghĩ: "Từ xưa đến nay chúng ta luân chuyển lâu dài trong sanh tử cũng đã từng chịu các khổ não như thế". Hoặc thấy các chúng sanh sanh sợ hãi đến nỗi sởn cả gai ốc thì nên nghĩ: "Quá khứ chúng ta đã từng giết hại, làm nhiều sự tổn hại, là người xấu ác, nên phải luân chuyển lâu dài trong sanh tử mà không biết gốc khổ". Hoặc

thấy các chúng sanh thương yêu, hoan hỷ thì nên nghĩ: "Như thế, đời quá khứ chắc chắn đã làm cha mẹ, anh chị em, vợ con, thân thuộc, thầy bạn tốt của ta nhưng phải luân chuyển lâu dài trong sanh tử, bị vô minh che lấp, bị luyến ái trói buộc nên phải luân chuyển lâu dài mà không biết gốc khổ".

Vì thế các Tỳ-kheo nên dùng phương tiện để siêng năng học, đoạn trừ các đại không cho nó sanh trưởng. Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Mỗi người trong một kiếp*
*Tích tụ thân thể ấy*
*Thường chất chứa không bỏ*
*Như núi Tỳ-phú-la*
*Nếu các Thánh đệ tử*
*Chánh trí thấy chân đế*
*Khổ và nhân của khổ*
*Lìa khổ được tịch diệt*
*Tu tập tám Thánh đạo*
*Chánh hướng Bát Niết bàn*
*Cho đến bảy lần sanh*
*Qua lại ở Trời, người*
*Dứt sạch các trói buộc*
*Thoát ra khỏi bờ khổ*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ vô thỉ chúng sanh bị luân chuyển trong sanh tử, không biết gốc khổ, không có người nào mà không sanh không chết. Do đó mà luân chuyển lâu dài trong sanh tử, không biết gốc khổ, cũng không có nơi nào mà không có cha mẹ, anh chị em, vợ con, quyến thuộc, sư trưởng. Thí như bong bóng mưa vưa có liền mất. Như vậy, chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc ở cổ, luân chuyển lâu dài nên không biết gốc khổ. Như có trận mưa rưới khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, như vậy chúng sanh ở khắp bốn phương, lúc kiếp thành hoại bị luân chuyển lâu dài trong sanh tử, không biết gốc khổ cũng như mưa lớn thấm nhuần khắp nơi. Thí như lấy gậy ném vào không trung thì đầu rơi xuống đất hoặc đuôi rơi xuống đất, hoặc giữa rơi xuống đất. Như vậy từ vô thỉ chúng sanh bị luân chuyển trong sanh tử bị đọa vào Địa ngục, hoặc Ngạ quỷ, hoặc là Súc sanh.

Kinh Chánh Pháp Niệm có dạy: Bấy giờ Thiên vương Dạ Ma và chư Thiên nói: Trong thiên hạ có mười sáu điều khổ:

1. Khổ ở nơi thân trung ấm
2. Khổ ở nơi bào thai

3. Khổ khi sanh ra
4. Khổ vì mong cầu vật thực
5. Khổ vì oán ghét mà gặp nhau
6. Khổ vì thương nhau mà phải xa lìa
7. Khổ vì bị nóng lạnh
8. Khổ vì bệnh
9. Khổ vì người sai sử
10. Khổ vì mong cầu kinh doanh
11. Khổ vì gần bạn ác
12. Khổ vì vợ con, thân thuộc gây phiền hà
13. Khổ vì đói khát
14. Khổ vì bị người khác khinh chê
15. Khổ vì già
16. Khổ vì bệnh

Đó là mười sáu khổ lớn của con người khi còn ở thế gian cho đến lúc mạng chung. Ngoài ra còn có các khổ khác ở trong sanh tử không thể chịu đựng được. Ở trong pháp hữu vi không có một chút vui sướng, tất cả đều vô thường, tất cả đều bại hoại. Bấy giờ, Thiên vương Dạ Ma nói kệ:

*Trong thế giới loài người*
*Có uẩn đều có khổ*
*Có sanh ắt có chết*
*Có chết thì có sanh*
*Hoặc thân ở trung ấm*
*Theo nghiệp chịu khổ não*
*Suốt đời chạy theo khổ*
*Sao nói hết khổ này*
*Đọa trong ngục phẩn tiểu*
*Bị khí nóng thiêu đốt*
*Khổ ở trong bào thai*
*Không thể nói hết được*
*Thường tham việc ăn uống*
*Tâm luôn mong chờ đợi*
*Thức ăn gây khổ lớn*
*Sao nói hết khổ này*
*Tâm luôn luôn hy vọng*
*Tham dục không biết đủ*
*Chịu các sự khổ não*

*Sao nói hết khổ này*
*Oán ghét cùng chung sống*
*Giống như lửa cháy lớn*
*Sanh ra các khổ não*
*Sao nói hết khổ này*
*Thương yêu mà xa lìa*
*Chúng sanh bị khổ lớn*
*Ác lớn khó chịu đựng*
*Sao nói hết khổ này*
*Khổ nóng rét đáng sợ*
*Sanh ra vô lượng khổ*
*Sanh nhiều điều tai ác*
*Sao nói hết khổ này*
*Bệnh khổ hại mạng người*
*Bị thần chết dắt đi*
*Chúng sanh chịu khổ này*
*Thì không thể nói hết*
*Bị người khác sai khiến*
*Thường không được tự do*
*Chúng sanh chịu khổ này*
*Thì không thể nói hết*
*Độc ái thiêu chúng sanh*
*Chịu khổ lớn dai dẳng*
*Mãi đến lúc mạng chung*
*Khổ này không nói hết*
*Hoặc gần bạn xấu ác*
*Các khổ thường chạy theo*
*Nên chịu khổ đường ác*
*Khổ này không nói hết*
*Bị vợ con quấy nhiễu*
*Gặp thì sanh khổ lớn*
*Còn hơn ở Địa ngục*
*Khổ này không nói hết*
*Đói khát thiêu đốt thân*
*Giống như ngọn lửa lớn*
*Hủy hoại nơi thân tâm*
*Khổ này không nói hết*
*Thường bị người khinh chê*

*Hoặc thân thuộc, bạn tốt*
*Nên sanh ưu sầu lớn*
*Khổ này không nói hết*
*Người bị già bức bách*
*Thân yếu tâm ý suy*
*Lưng gù chống gậy đi*
*Khổ này không nói hết*
*Người bị chết nắm bắt*
*Dắt qua thế giới khác*
*Chết này là khổ lớn*
*Không thể nói hết được.*

***Thứ 3: Duyên tám khổ***

Như trong kinh Ngũ Vương, đức Phật đã thuyết pháp cho năm vị Quốc vương: Con người sống ở đời thường có vô lượng khổ não xé thân. Nay Ta lược nói về tám khổ cho các ông nghe. Tám khổ đó là: Sanh, Già, Bệnh, Chết, Thương yêu mà xa lìa, Mong cầu không đạt được, Oán ghét mà gặp nhau, Sầu bi. Đó là tám khổ.

Sanh khổ là gì? Khi người chết không biết tinh thần đi về đường nào, chưa biết được chỗ sẽ sanh đến nên đều thọ thân trung ấm cho đến hai mươi mốt ngày, lúc cha mẹ hòa hợp thì liền đến thọ thai. Tuần đầu tiên thì thai giống như váng sữa, tuần thứ hai thì như sữa đặc, tuần thứ ba thì như huyết đọng, tuần thứ tư thì như cục thịt, tuần thứ năm thì như thành tựu năm chi phần, hơi thở vào bụng thổi vào thân thể, sáu căn khai mở. Thai ở trên thục tạng, ở dưới sanh tạng trong bụng mẹ nên khi mẹ ăn chén thức ăn nóng vào trong thân thể thì thai nhi giống như ở trong nồi nước đồng. Mẹ uống chén nước lạnh thì thai nhi như đang bị băng giá cắt thân. Khi mẹ no thì thai nhi bị bức bách đau đớn không thể nói được. Khi mẹ dói thì trong bụng trống rỗng nên thai nhi như đang bị dốc ngược chịu vô lượng khổ. Đến lúc đủ tháng sắp sanh ra thì đầu hướng về cửa sinh bị chèn ép như hai núi đá. Lúc sắp sanh ra thì người mẹ rất nguy hiểm, còn người cha lo sợ. Lúc sanh ra rơi trên cỏ, vì thân thể mềm nhũn nên tiếp xúc với cỏ như bị dao kiếm cắt, do đó mà hốt hoảng hét lên. Như vậy, có khổ không?

Mọi người đều nói: “Đó thật là khổ lớn”.

Khổ già là gì? Cha mẹ nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành, đầy đủ sức lực, gánh vác tất cả các việc nặng nhẹ không hề so lường, nóng lạnh thất thường, đến lúc già, đầu bạc răng rụng, mắt mờ, tai điếc, suy yếu,

da nhũn, mặt nhăn, đau đớn toàn thân, đi lại khổ cực, đứng ngồi rên rỉ, tâm trí ưu sầu, thần thức suy giảm, quên lẫng tất cả, mạng sống ngắn, nói thì mũi chảy, ngồi phải có người nâng đỡ. Như vậy có khổ không?

Đáp: Rất khổ.

Khổ bệnh là gì? Con người do bốn đại hòa hợp mà thành. Nếu một đại không điều hòa thì sanh ra một trăm lẻ một bệnh. Bốn đại không điều hòa thì sanh ra bốn trăm lẻ bốn bệnh. Địa đại không điều hòa thì toàn thân nặng nề. Thủy đại không điều hòa thì toàn thân sưng phù. Hỏa đại không điều hòa thì toàn thân nóng hừng. Phong đại không điều hòa thì toàn thân cứng đờ, các đốt xương đau nhức như bị gậy đánh. Bốn đại tăng giảm thì tay chân không đứng vững được, khí lực sút giảm, ngồi dậy cần người, miệng khô, môi cháy, gân đứt, mũi nứt, mắt không thấy sắc, tai không nghe âm thanh, bất tịnh chảy ra rồi nằm trên đó. Tâm luôn khổ não, lời nói bi ai, thân thuộc đêm ngày chăm sóc bên cạnh, ăn các thức ăn ngon cũng đều khổ não. Như vậy có khổ không?

Đáp: Thật là quá khổ.

Khổ chết là gì? Khi người chết thì bốn trăm lẻ bốn bệnh cùng phát ra một lúc, bốn đại sắp hoại, thần hồn không an. Lúc sắp chết thì gió đao xẻ thân nên không chỗ nào mà không đau đớn, mồ hôi chảy ra, hai tay quờ quạng rỗng không (bắt chuồn chuồn), bà con nội ngoại đứng ở hai bên sầu bi rơi lệ đau thấu xương tủy nhưng không giữ được vì người chết đã ra đi, phong mất khí dứt, hỏa diệt thân lạnh, xả bỏ thần hồn, thân thể cứng đờ chẳng còn cảm giác, qua khỏi bảy ngày thì thịt hoại huyết chảy, phình trướng hôi thối khó mà đến gần, đem vứt thây chết ở nơi đồng trống thì chim tranh đến ăn hết thịt còn xương khô, đầu thân khác chỗ, thế thì khổ không?

Đáp: Đúng là rất khổ.

Khổ thương yêu mà xa lìa là gì? Vợ con, anh em, thân thuộc trong nhà cùng thương yêu nhau, một mai có người mất đi thì đi sang kiếp khác, chia cắt nhiều đường, cha ở phương Đông, con ở phương Tây, mẹ ở phương Nam, con ở phương Bắc chẳng cùng chung sống, làm kẻ tôi tớ rất là bi ai, ruột thịt đoạn tuyệt, cách xa mờ mịt không có lúc gặp lại, thế thì khổ không?

Đáp: Thật là quá khổ. Khổ mong cầu không đạt được là gì?

Tiên của trong nhà đem dùng tìm cầu chức quan, mong được sự phú quý, hết lòng tìm cầu mà không đạt được. Khi được làm quan chưa được mấy năm thì tham lấy của dân, bị người tố cáo, một sớm có việc xe tù đứng đợi, khi sắp tử hình đau khổ vô lượng không biết sống chết

ngày nào. Như thế thì khổ không?

Đáp: Thật là quá khổ.

Khổ oán ghét mà gặp nhau là gì? Con người ở đời thường đều sống trong ái dục, tranh giành những việc không cần thiết mà lại giết hại nhau tạo nên oán lớn nên đều lẫn tránh nhau cũng không ra khỏi mặt đất. Cho nên họ mài dao, vót tên, lắp cung, cầm gậy và sợ hãi khi gặp nhau. Khi bất chợt gặp nhau ở đường hẻm thì họ trương cung bắn tên như mưa hai bên cùng bắn nên không phân biệt được thắng bại là ai. Ngay lúc ấy thì họ vô cùng sợ hãi. Thế thì khổ không?

Đáp: Thật là quá khổ.

Ưu sầu khổ não là gì? Con người sống ở đời, sống lâu thì đến trăm tuổi, chết yểu thì ngay lúc ở bào thai. Người sống lâu cho đến trăm tuổi thì tính về ban đêm là mất hết nữa thời gian, còn lại năm mươi năm. Lúc say rượu, bệnh tật , không biết làm người là mất hết năm năm. Lúc còn nhỏ ngu si, lên mười lăm tuổi thì chưa biết lễ nghĩa, quá tám mươi tuổi thì lãng trí, tai điếc mắt mờ, không có phép tắc, lại giảm hai mươi tuổi. Khi đã chín mươi tuổi, hoặc hơn chín mươi thì trong mười năm chịu nhiều ưu sầu: lúc thiên hạ muốn loạn cũng sầu, lúc Trời hạn hán cũng sầu, lúc nước lũ lụt cũng sầu, lúc sương sa mù mịt cũng sầu, thiên hạ không thuần thục cũng sầu, gia đình, bà con bị nhiều bệnh tật cũng sầu, giữ của cải để sinh sống sợ mất cũng sầu, quan quyền thâu trăm thứ thuế cũng sầu, người nhà bị quan trói, nhốt vào ngục chưa biết lúc nào được thả cũng sầu, anh em đi xa chưa về cũng sầu, gia đình nghèo khổ không có cơm áo cũng sầu, trong thôn xóm có việc cũng sầu, không làm việc cho xã tắc cũng sầu, người nhà bị chết không có tài vật để tẩm táng cũng sầu, đến mùa Xuân làm nhiều việc mà không có trâu cày cũng sầu. Do nhiều sầu bi như thế nên không có lúc nào an lạc. Ngay cả ngày Tết cùng nhau gặp gỡ thì nên vui vẻ thế mà lại cùng nhau khóc buồn. Như thế có khổ không?

Đáp: Thật là quá khổ.

Lại nữa, kinh Kim Sắc Vương có dạy: Có một Thiên nữ nói kệ với Vua Kim Sắc:

*Pháp gì gọi là khổ?*
*Đó là bị nghèo hèn*
*Khổ nào là nặng nhất?*
*Đó là khổ bần cùng*
*Khổ này và bần cùng*
*Hai khổ chẳng khác nhau*

*Thà chịu khổ để chết*
*Không nên sống bần cùng.*

***Thứ 4: Duyên trùng ngụ***

Như kinh Thiền Bí Yếu có dạy: Lại nữa, Xá Lợi Phất! Nếu lúc hành giả nhập thiền định dục giác khởi tham dục làm dao động bốn trăm lẻ bốn mạch, từ nhãn căn cho đến thân căn dao động cùng lúc làm các căn bế tắc động đến tâm khiến tâm điên đảo, nhân đó phát sanh cuồng loạn, bị quỷ mỵ bám víu, đêm ngày suy tư về dục như cứu lửa cháy đầu, phải mau chóng trị nó. Cách thức để trị nó là dạy hành giả kia quán tử tạng. Tử tạng ở dưới sanh tạng, ở trên tục tạng, có chín mươi chín lớp màng như màng bao heo chết. Bốn trăm bốn lẻ bốn mạch từ tử tạng giống như rể cây phân tán khắp các căn như túi đầy phẩn. Một ngàn chín trăm đốt giống như các bẹ chuối. Tám mươi hộ trùng vây quanh một trăm lẻ bốn mạch và tử tạng giống như ruột ngựa, nằm ngay cửa sanh như vòng xuyến đeo tay. Các vòng lớn nhỏ trên tròn dưới nhọn hình như khứa sò. Khoảng giữa mỗi lớp trong chín mươi chín lớp đều có bốn trăm lẻ bốn trùng. Mỗi trùng có mười hai cái đầu, mười hai cái miệng. Khi người uống nước, tinh dịch nước đi vào các mạch phân tán khắp các trùng, vào đỉnh trùng Tỳ la, đến ở cửa sinh rồi mỗi nửa tháng xuất ra nước bất tịnh. Các trùng đều mửa ra máu mủ vào miệng chín mươi trùng. Mười hai trùng trong sáu khiếu xuất ra nước màu đỏ. Lại có các trùng nhỏ như lông tóc dạo quanh trong đó. Vì những người đàn ông tạo tội ác đời trước nên trong bốn trăm lẻ bốn mạch từ mắt phân tán khắp tay chân chảy vào ruột, đến dưới sanh tạng, lên trên tục tạng. Hai bên phổi, lá lách, thận đều có sáu mươi bốn trùng. Mỗi trùng đều có mười hai đầu, mười hai miệng chúng bám víu vào nhau như vòng ngọc đeo tay, máu mủ màu xanh như tinh heo rừng, hôi hám khó chịu, đến nơi tạng ấm thì phân làm ba. Hai chín trùng ở trên như bẹ chuối ba tiêu có đến một ngàn hai trăm mạch. Trong mỗi mạch đều có trùng nhỏ như lông tóc, giống như mỏ chim tỳ lan đa. Các trùng ở trong đó sanh ra bảy vạn tám ngàn trùng gân sắc bao quanh bên trong như vòng ngọc, như mắt chim cù sư, khắp chín mươi tám mạch từ tim cho đến đỉnh tóc. Khi mắt những người đàn ông tiếp xúc với sắc làm lay động tâm tưởng thì bốn trăm lẻ bốn mạch bị chúng sai sử nên dao động không dừng. Do đó tám mươi hộ trùng liền hả miệng, mắt tuôn ra máu chảy xuống các mạch. Ngay cả trùng trên đỉnh và các trùng đều cuồng loạn, không biết liền tiếp xúc nữ căn. Tinh màu xanh, trắng của đàn ông là nước mắt của

các trùng. Tinh màu vàng, đỏ của đàn bà là máu mủ của các trùng. Chín mươi tám mạch của tám mươi hộ trùng làm tác động đến bốn đại: địa, thủy, hỏa, phong.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: Nếu có bốn chúng mặc áo tàm quý, uống thuốc tàm quý, mong cầu giải thoát, cứu khổ thế gian thì nên học pháp này như uống cam lồ. Người học pháp này thì trước tiên quán tưởng tử tạng rồi đến nữ căn. Khi nam tử phân tâm thì các trùng lớn nhỏ đều hả miệng, nhe răng, trừng mắt, nhổ mủ, dùng tay phản kháng nên định tâm đoan chánh, quán niệm hơi thở làm cho định tỉnh. Quá hơn một ngàn chín trăm chín mươi chín lần quán tưởng như thế rồi đặt tâm ở đầu gối bên phải và quán tưởng như trước, lại dùng tay ngăn lại bằng cách che trên đầu nên các vật bất tịnh của các trùng này đến mắt, tai, mũi, miệng và khắp thân thể. Thấy việc này rồi nên đối với những kẻ háo sắc nam, sắc nữ cho đến Thiên tử, Thiên nữ thì khi mắt nhìn họ như thấy người hủi, đâm phải mụt nhọt, như Địa ngục tên bắn, như quỷ thần Đa la, như lửa hừng hực thiêu cháy ở Địa ngục. Do đó cần phải quán sát về thân mình, thân người. Tất cả thân chúng sanh ở dục giới đều là bất tịnh nên đều cũng như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Nay ông có rõ không? Căn bản chủng tử trong thân căn của chúng sanh đều không thanh tịnh, không thể nói hết được nên phải nhất tâm quán sát hơi thở. Người nào dùng thuốc này chính là đấng Điều ngự Đại trượng phu, thầy của Trời người, thoát khỏi nước đục ứ đọng, không bị chìm nổi trong nước dục của sông lớn ân ái. Dâm dục không an, là huyễn sắc yêu mỵ hay làm tổn hại. Nên biết người dâm dục thì chưa ra khỏi sanh tử. Người nào thân thanh khiết như hoa sen chính là Hương tượng trong loài người, là lực sĩ trong Long vương, Thiên vương cõi sắc cũng không sánh bằng, được Trời, người cung kính.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: Ông khéo thọ trì để giảng nói cho bốn chúng, cẩn thận ghi nhớ, chớ để quên mất.

Bấy giờ, Xá Lợi Phất, A Nan.v.v. nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

Lại nữa, trong kinh Chánh Pháp Niệm dạy: Tỳ-kheo tu hành thấy thân đúng như thật, quán sát toàn thân từ đầu đến chân. Vị ấy dùng văn tuệ hoặc dùng thiên nhãn quán sát trong đầu lâu có trùng sinh sống, gọi là não hành là đi lại trong xương, sống ở trong não, lúc đi hoặc đứng đều ăn não ấy. Lại có các trùng ở trong đầu lâu, đi lại và ăn đầu lâu. Lại có trùng tóc ở bên ngoài xương, ăn chân tóc, do trùng nổi sân nên làm tóc

rụng. Lại có trùng tai ở trong tai, ăn thịt trong tai, do trùng nỗi sân nên làm tai người bị đau, hoặc làm tai điếc. Lại có trùng mũi ở trong mũi, ăn thịt trong mũi, do trùng nỗi sân nên làm cho người ăn uống không ngon, não nhỏ dãi xuống, do trùng ăn dãi não nên khiền cho người ăn uống không ngon. Lại có trùng mỡ ở trong mỡ, thường ăn mỡ người, do trùng nỗi sân nên làm cho người bị đau đầu. Lại có trùng kế tục, sống giữa các khớp xương, có trùng ở trong răng người, do trùng nỗi sân nên làm cho các mạch của người bị đau nhức giống như kim châm. Lại có các trùng ăn nước dãi, ở trong lưỡi người, do trùng nỗi sân nên làm cho miệng người bị khô xám.  Lại có trùng răng, ở trong răng, do trùng nỗi sân nên làm răng người bị đau nhức. Lại có trùng ói mửa, do thức ăn không phù hợp nên phần nhiều bị ói mửa ra. Cho nên, người tu hành cần phải quán thân có mười loại trùng này ở trong đầu, hoặc dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn, ban đầu quán về cổ họng có trùng ăn nước dãi. Khi chúng nhai ăn giống như đồ ói mửa hòa lẫn với nước dãi thì cùng lúc cổ họng và não hoạt động, trùng ăn nước dãi cùng ăn thức ăn này để nuôi mạng sống. Nếu trùng lớn lên thì làm người bị ho. Nếu ăn nhiều thức ăn béo hoặc thức ăn dơ, hoặc thức ăn hun (xông khói), hoặc thức ăn chua, hoặc thức ăn lạnh thì trùng sẽ lớn lên làm cổ họng người bị đau.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy trùng tiêu đàm ở trong cổ họng, nếu người không ăn các thức ăn béo... như trên tì trùng được an ổn và đàm được tiêu, đối với mười mạch thì được xuất ra mùi thơm, an ổn hưởng lạc. Nếu người nhiều đàm thì trùng bị bệnh, do trùng bị bệnh nên nhổ ra nước bọt lạnh, trong ngực bị bệnh.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn quán trùng khạc nhổ ở trong thân người, trú ở mười mạch lưu chuyển khắp nơi. Khi người ăn thì từ mạch dưới vọt lên trên thân, đến nơi cổ họng làm người khạc nhổ, sanh ra năm loại nôn mửa: Mửa gió, mửa lạnh nước bọt, mửa đồ tạp nhạp, mửa dòi. Nếu trùng an ổn thì miệng thuận với dạ dày mà thức ăn đi vào bụng.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy trùng ăn các vật bất tịnh, trùng vào trong cổ họng làm cho trùng khạc nhổ chuyển động mà sanh ra khạc nhổ.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy trùng say mùi vị hoạt động ở trong lưỡi, đi khắp các mạch trong đó, hoặc đi, hoặc đứng, nhỏ nhiệm không chân. Nếu ăn thức ăn ngon thì trùng tăng thêm sự mê say. Nếu ăn thức ăn không ngon thì trùng suy yếu. Nếu ta không ăn thì

bệnh, không được an ổn.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy trùng buông lung ở trên đỉnh đầu, nếu lên ở não thì người sanh bệnh, nếu lên đỉnh đầu thì người bị mụt nhọt, nếu đến cổ họng thì như kiến đầy khắp trong cổ họng, nếu ở tại chỗ cũ thì không bị bệnh.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy trùng sáu vị tham ngửi các mùi vị. Ta cũng tham mùi vị tùy theo trùng tham vị này, nếu trùng không ngửi thì ta cũng không được ngửi, nếu ta bị sốt nóng thì trùng đã bị sốt nóng như vậy, do đó làm cho người bệnh ăn không ngon và không biết mùi vị.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy trùng tuôn khí, do trùng nỗi sân nên làm não thành lỗ, hoặc cổ họng đau, hoặc bị tắc nghẽn, sẽ sanh khổ chết. Trùng tuôn khí này cùng với các trùng trong cổ họng khêu chiến làm loạn nên sanh ra nhiều đau đớn. Loại trùng này nhỏ, ngắn, có mặt, có chân.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấytrùng ghét mùi vị trú ở dưới đầu trong cổ họng. Vì sao trùng này làm ta khổ não, hoặc an ổn? Do thấy trùng kia ghét các vị chỉ ngửi một vị: hoặc ngửi vị ngọt ghét các vị khác, hoặc ngửi vị chua ghét các vị khác. Tùy theo trùng ghét vị nào thì ta cũng ghét vị đó. Tùy theo trùng thích ngửi vị nào thì ta cũng ngửi vị đó. Các mạch trong lưỡi tùy thuận các vị làm cho lưỡi khô khan. Do trùng nỗi sân nên lưỡi bị đau, hoặc làm cổ họng đau. Nếu trùng không sân thì cổ họng không bị các bệnh như trên.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy trùng thích ngủ hình thể nhỏ nhiệm như hạt bụi, ở khắp các mạch, đi đến các vị, ở trong xương tủy, hoặc trong thịt, hoặc trong đầu lâu, hoặc trong má, hoặc trong xương răng, hoặc trong xương cổ, hoặc trong tai, hoặc trong mắt, hoặc trong mũi, hoặc ở nơi tóc. Trùng thích ngủ này gió thổi di chuyển. Nếu trùng này bệnh, hoặc trùng mệt mỏi thì ở trong tim như hoa sen nở vào ban ngày. Vì ban đêm không có ánh sáng Mặt trời nên hoa úp lại tim cũng như vậy, trùng này ở trong đó bám víu các cảnh nên làm cho các căn mệt mỏi. Trùng ngủ nghỉ thì người cũng ngủ nghỉ. Tất cả chúng sanh đều có ngủ nghỉ như trùng ngủ nghỉ này, ban ngày mệt mỏi thì người cũng ngủ nghỉ.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy trùng sung phù hoạt động trong thân, hình thể nhỏ nhiệm. Khi trùng uống máu thì thịt sung phù đau đớn. Trùng này ở trên mặt, hoặc ở trên đỉnh đầu, hoặc ở nơi cổ họng, hoặc ở trong não, hoặc ở các chỗ khác. Tại chỗ trùng ở thì làm

cho thịt sung phù. Nếu ở trong gân thì không bị bệnh.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy có mười loại trùng đến ở gan, phổi thì làm cho người bị bệnh.

Mười loại trùng ấy là: 1. Trùng thực mao; 2. Trùng khổng huyệt hành; 3. Trùng thiền đô ma la; 4. Trùng xích; 5. Trùng thực trấp; 6. Trùng mao đăng; 7. Trùng sân huyết; 8. Trùng thực nhục; 9. Trùng tập tập; 10. Trùng thố.

Các loại trùng này hình thể nhỏ nhiệm, không chân, không mắt, đi lại trong máu làm người đau nhức.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy trùng thực mao mà nổi sân thì nó có thể ăn lông mày và làm cho lông mày bị rơi rụng, làm cho người bị bệnh lại. Hoặc trùng khổng huyệt mà nổi sân thì nó hoạt động trong máu làm thân thô rít, đầu tê không còn cảm giác. Hoặc trùng thiền đô ma la lưu chuyển trong máu, hay trong mũi, trong miệng làm cho mũi, miệng người đều bị hôi thối. Hoặc trùng kỳ xích mà nổi sân thì nó hoạt động trong máu làm sanh mụt nhọt trong cổ họng người. Hoặc trùng thực trấp mà nổi sân thì nó hoạt động trong máu làm cho người bị xanh xao, ốm yếu, hoặc đen, hoặc vàng, gầy guộc. Hoặc trùng mao đăng nổi sân, hoạt động trong máu thì sẽ sanh bệnh nhọt mủ, hắc lào, sốt, ghẻ, hủi. Hoặc trùng sân huyết nổi sân thì nó hoạt động trong máu làm cho da người bị đỏ tấy, người nữ thì bị đỏ ở dưới, da nổi mụt, ghẻ vở mủ. Hoặc trùng thực nhục mà phiền não, đầu bị quay cuồng thì sẽ sanh mụt nhọt trong cổ họng, trong miệng, và hâu môn. Hoặc trùng tập tập hoạt động trong máu thì người sẽ sanh bệnh, mệt mỏi vô cùng chẳng cần ăn uống. Hoặc trùng thố nổi sân thì cũng làm cho người bị bệnh như trên.

Lại quán mười loại trùng hoạt động trong các ấm. Mười loại trùng đó là: 1. Trùng Sanh sang; 2. Trùng Thích; 3. Trùng Bế cân; 4. Trùng động mạch; 5. Trùng thực bì; 6. Trùng Động chỉ; 7. Trùng Hòa tập; 8. Trùng Xú; 9. Trùng Hấp sanh; 10. Trùng Nhiệt.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy trùng Sang vây quanh các chỗ có mụt nhọt để ăn, hay làm sanh mụt nhọt ở cổ họng. Hoặc trùng Thích nổi sân thì làm cho người bị bệnh kiết lỵ, trong miệng khô cháy như lửa đốt, ăn uống không tiêu. Nếu người sầu não thì trùng hoan hỷ, ăn huyết mạch làm người suy yếu, hoặc làm ra máu huyết, hoặc ăn không tiêu bị bón. Hoặc trùng Bế cân hoạt động trong gân lớn, gân nhỏ thì làm cho người bị đau nhức, nếu không hoạt động trong gân thì người không bị đau nhức, tất cả xương thịt đều cũng gầy guộc, trong gân đau

nhức. Nếu trùng nổi sân thì người không thể ăn. Nếu trùng ở trong gân mà ăn máu người thì làm cho người không còn sức lực. Nếu ăn thịt người thì làm cho người ốm yếu. Hoặc trùng Động mạch, loại trùng này đi khắp tất cả các mạch. Hình thể nó nhỏ nhiệm, hoạt động không bị cản trở. Nếu trùng vào ăn mạch thì người sẽ có bệnh, làm cho thân người khô khan, không muốn ăn uống. Nếu trùng ở trong mạch nước thì người sẽ sanh bệnh, miệng khô khan. Nếu trùng ở trong mạch mồ hôi thì làm cho các lỗ chân lông không toát ra mồ hôi được. Nếu trùng ở trong mạch tiểu thì làm cho người bị bệnh lậu, hoặc tinh bị hoại, hoặc làm cho đau nhức. Nếu trùng nổi sân đi xuống hậu môn thì làm cho người đi đại tiện không thông, khổ não đến chết. Hoặc trùng Thực bì là do người ăn quá nhiều nên làm cho trùng nổi sân khiến cho sắc mặt xấu xí, hoặc nổi ghẻ nước, hoặc da bị ngứa, đỏ, vàng, hoặc bị hư hoại, hoặc lông tóc bị rơi rụng, làm cho người bị bệnh nặng, hoặc da bị chết, hoặc thịt vở ra. Hoặc trùng Động chỉ trú ở nơi các mạch mỡ trong thân người. Nếu người ăn quá no, hoặc ngủ nghỉ nhiều thì trùng nổi sân nên ăn uống không tiêu, hoặc sanh ghẻ, hoặc bị phù thủng, hoặc bị bướu, hoặc bong gân, hoặc bị táo bón, hoặc thân hôi hám, hoặc khi ăn thì toát mồ hôi. Hoặc trùng Hòa tập, gồm hai loại thân: thân cảm giác và thân không cảm giác. Da, thịt, máu huyết.v.v.gọi là thân cảm giác. Tóc, móng, răng.v.v. gọi là thân không cảm giác. Do ăn quá nhiều nên trùng cũng mất sức mà người cũng mất sức, do đó mà đi lại không được mau lẹ, ngủ nghỉ mê muội, hoặc bị nóng khát, da, thị, máu huyết, xương, tủy, tinh hoàn bị tổn hại. Hoặc thấy trùng Xú ở trong phân, tiểu trong thịt. Do ăn quá nhiều nên trùng nổi sân làm cho phân tiểu trong thân cháy ra hôi thối, mủ chảy trong mũi, hoặc chảy nước mắt hôi hám. Tùy theo các chỗ trùng đi qua thì liền bị hôi hám, như y phục, nệm, hoặc thức ăn. Trùng ở trong răng nên khi ăn thì thức ăn tùy theo đó mà bị hôi hám, y phục cũng theo đó mà hôi, trên lưỡi cũng có nhiều máu hôi, thân cũng hôi dơ. Hoặc trùng Hấp hành hoạt động ở trong thịt sau lưng, khi ăn tiêu rồi vào trong ba lỗ, phân người dơ dáy chảy ra lỏng là nước tiểu, đặc là phân rồi làm cho ra ở hạ môn.

Lại nữa hành giả quán sát trong thân có mười loại trùng hoạt động trong đó. Tất cả con người đều có mười loại trùng này. Mười loại trùng ấy là: 1. Trùng Tập tập; 2. Trùng Song song; 3. Trùng Miêu hoa; 4. Trùng Hỏa diệm; 5. Trùng Hắc; 6. Trùng Đại thực; 7. Trùng Noãn hành; 8. Trùng Tác nhiệt; 9. Trùng Hỏa; 10. Trùng Đại hỏa

Các trùng này ở trong âm hoàng.

Lại dùng văn tuệ, hoặc dùng thiên nhãn thấy trùng Tập tập, do người ăn nhiều nên trùng nổi sân làm cho người mù mắt, hoặc đau mắt chảy ra nhiều ghèn. Trùng này nhỏ nhiệm, nếu nó hoạt đọng trong mắt thì mắt nhiều bệnh, hoặc làm hư mắt. Nếu ở trong con ngươi thì mắt màu trắng, còn trùng màu đỏ. Nếu trùng không sân thì mắt không bị bệnh này. Hoặc thấy trùng Song song ở trong thân người, hoạt động trong nơi tối tăm, âm hoàng che thân. Nếu trùng vào trong xương thì làm cho người nóng bức. Nếu hoạt động trong da thì làm cho người ngày đêm thường nóng bức cả tay lẫn chân, hoặc nước trong da chảy ra. Hoặc thấy trùng Miêu hoa hoạt động trong tối tăm thì mỏ bén chân thấp, thân như kho lửa, không muốn ăn uống, trùng đến chỗ nào thì chỗ ấy bốc lửa, thịt trong thân nở ra và thân ấy nóng bức. Nếu trùng hoạt động thuận tiện thì không bị bệnh này. Hoặc thấy trùng Hỏa diệm sống ở trong thân, hoạt động ở trong âm hoàng, lúc an lúc không an. Do ăn quá nhiều nên trùng nổi sân, từ đầu đến chân chuyển động đều không ngăn ngại, có thể làm cho tất cả máu huyết trong thân sanh ra nhọt nóng, hoặc máu hoặc âm từ trong miệng, trong mắt chảy ra, nếu trùng không sân thì không bị bệnh này. Hoặc thấy trùng Hắc sống ở trong thân, hoạt động trong hoàng, hoặc an hoặc không an, do người ăn quá nhiều nên trùng nổi sân làm nhăn da mặt, hoặc xấu xí, hoặc da đen, vàng, đỏ, hoặc làm cho thân xấu xí, hoặc làm máy mắt, hoặc sanh mụt nhọt trong miệng, trong chỗ đi tiêu, đi tiểu. Nếu trùng không sân thì không có bệnh này. Hoặc thấy trùng Đại thực, do người ăn quá nhiều nên trùng nổi sân, trụ ở trong âm hoàng tùy theo thức ăn ăn vào thì nó tiêu hóa hết. Nếu trùng không sân thì không có bệnh này. Hoặc thấy trùng Noãn hành thường thích thức ăn ấm, ghét thức ăn lạnh. Nếu ta ăn thức ăn lạnh thì trùng nổi sân, miệng xuất ra nhiều nước, làm cho người lười biếng, hoặc ngủ, hoặc tâm mờ mịt, hoặc thân đau đớn, hoặc đau cổ họng. Nếu trùng không sân thì không có bệnh này. Hoặc thấy trùng Nhiệt sống ở trong thân người. Do người ăn quá nhiều nên bệnh dơ tăng lên làm hại hơi thở, làm thân thô xám, hoặc cổ họng bị nghẽn, khiến đi tiêu đi tiểu đều ra màu trắng, không ưa lạnh rét, không ăn thức ăn nhạt. Hoặc thấy trùng Thực hỏa sống ở trong thân người, hoạt động trong ấm. Khi trùng này rét thì nó ưa thích, khi nóng thì nó mềm yếu. Khi rét trùng hoan hỷ nên người muốn ăn uống. Khi nóng thì lửa tăng nên người không muốn ăn uống. Vào mùa Đông lạnh thì âm mát mẻ, nóng thì âm phát nhiệt. Hoặc thấy trùng Đại hỏa, nếu người ăn uống nhiều thì trùng nổi sân ăn thịt trong thân người làm cho người đau ruột, hoặc đau chân

tay. Tùy theo chỗ nào trùng ăn thì chỗ đó bị đau đớn. Nếu trùng không sân thì không có bệnh này.

Lại nữa hành giả quán bên trong thân bằng cách dùng văn tuệ hoặc dùng thiên nhãn quán thấy trong xương có mười loại trùng.

Mười loại trùng ấy là: Trùng Thỉ cốt, trùng Xỉ cốt, trùng Cát tiết, trùng Xích khẩu xú, tùng Lạn, trùng Xích khẩu, trùng Đầu đầu ma, trùng Thực bì, trùng Phong đao và trùng Đao khẩu.

Mười loại trùng này hoạt động trong xương làm tổn hại thân tâm, không thể trình bày hết.

Lại nữa hành giả quán bên trong thân bằng cách dùng văn tuệ hoặc dùng thiên nhãn quán thấy có mười loại trùng hoạt động ở trong chỗ tiểu tiện.

Mười loại trùng ấy là: Trùng Sanh, trùng Châm khẩu, trùng Tiết, trùng Vô túc, trùng Tán trấp, trùng Tam tiêu, trùng Phá tràng, trùng Bế tắc, trùng Thiện sắc và trùng Uế môn phẩn, lông nó dơ dáy, thường ở trong phẩn dơ.

Mười loại trùng này trái với tánh sân, thường làm tổn hại thân người, không thể trình bày hết, nếu muốn xem đủ thì ở tại kinh văn.

Lại nữa hành giả quán bên trong thân bằng cách dùng văn tuệ hoặc dùng thiên nhãn quán thấy mười loại trùng hoạt động trong tủy, có trùng hoạt động trong tinh.

Mười loại trùng ấy là: Trùng Mao, trùng Hắc khẩu, trùng Vô lực, trùng Đại thống, trùng Phiền bế, trùng Hỏa, trùng Hoạt, trùng Hạ lưu, trùng khởi thân căn và trùng Ức niệm hoan hỷ.

Mười loại trùng này trái với tánh sân nên cũng làm tổn hại người. Ở đây không nói đủ, muốn xem tường tận thì ở kinh văn.

***Thứ 5: Duyên ngũ tân***

Như trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy: Này Đại Tuệ! Như vậy tất cả cả loại hành, hẹ, tỏi là vật xú uế, bất tịnh, làm chướng ngại Thánh đạo, cũng chướng ngại nơi thanh tịnh ở thế gian, Trời, người, huống chi quả báo Tịnh độ của chư Phật. Rượu cũng như vậy.

Lại nữa, trong kinh Niết bàn có dạy: Ngay cả ăn hành, hẹ tỏi, kiệu cũng đều như vậy, sẽ sanh vào đường khổ, là vật xú uế, bất tịnh, làm chướng ngại Thánh đạo, cũng chướng ngại nơi thanh tịnh ở thế gian, Trời, người, huống chi quả báo Tịnh độ của chư Phật. Rượu cũng như vậy, có thể làm chướng Thánh đạo, làm tổn hại nghiệp thiện, hay sanh các lỗi lầm.

Lại nữa, trong kinh Tạp A Hàm có dạy: Không nên ăn năm loại cay nồng. Năm loại ấy là: hành, hẹ, nén, tỏi, kiệu.

Lại nữa trong kinh Phạm Võng có dạy: Là người con Phật thì không được ăn năm thứ cay nồng. Hành, hẹ, nén, tỏi, kiệu là năm loại cay nồng nên không được ăn.

Lại nữa, kinh Ngũ Tân Báo Ứng có dạy: Bảy chúng không được ăn thịt ướp các thứ cay nồng, vì ăn vào mà đọc tụng kinh luận thì sẽ mắc tội. Nếu người có bệnh thì Phật khai cho ra khỏi chùa vào ở nhà bạch y để chữa trị, uống đủ bốn mươi chín ngày rồi xông hương, tắm rửa sạch sẽ, sau đó mới cho phép đọc tụng kinh luận thì không phạm.

Lại nữa, luật Tăng Kỳ, Thập Tụng, Ngũ Phần đều có dạy: Cuối cùng không còn thuốc nào trị được thì cho Tỳ-kheo bệnh được uống tỏi, cho phép bảy ngày ở trong phòng nhỏ mé chùa, không được nằm giường, nệm của chúng tăng, nhà vệ sinh của chúng và giảng đường đều không được đến, lại không được nhận lời mời thỉnh và ăn trong chúng, không được đến lễ bái Phật, được phép đứng ở đằng xa phía dưới gió mà làm lễ. Qua khỏi bảy ngày thì phải tắm rửa, xông y phục rồi mới được vào trong chúng. Nếu có mụt nhọt, thầy thuốc bảo cần hương để điều trị thì Phật dạy cúng dường Phật rồi, sau đó cho phép được thoa thân, ở chỗ khuất, còn tất cả các việc đều đồng như trước.

***Thứ 6: Duyên tiệp khí***

Như luật Tăng Kỳ có dạy: Nếu ở trong nhà thiền, người hắt hơi không được tự do hắt hơi lớn. Nếu khi hắt hơi thì chịu khó dùng tay che mũi, hoặc dùng tay ngăn mũi mà hắt hơi, chớ làm cho nước miếng, nước mũi văng dơ người bên cạnh. Nếu Thượng tọa hắt hơi thì nên nói “hòa nam”, còn Hạ tọa hắt hơi thì im lặng.

Lại nữa, luật Tứ Phần có dạy: Khi Thế Tôn hắt hơi thì các Tỳ-kheo chú nguyện nói “sống lâu”. Khi ấy có cư sĩ đang làm lễ Tỳ-kheo thì hắt hơi, đức Phật bảo Tỳ-kheo chú nguyện nói “sống lâu”.

Lại nữa, trong luật Tăng Kỳ, đức Phật dạy: Nếu xì hơi bức bách thì phải kiềm chế, nếu không chế ngự được thì nên quay về phía hạ tọa, không được tự do phóng khí ở trước mặt. Nếu xì hơi mà không cố nén được thì nên ở phía dưới mà tuôn khí.

Lại nữa, kinh Tỳ Ni Mẫu có dạy: Khí có hai loại: Khí trên và khí dưới. Khi khí ở trên muốn phóng ra thì chớ nên há miệng cho nó tuôn ra mà phải quay mặt về chỗ không có người rồi cho nó tuôn ra. Khi khí dưới muốn tuôn ra thì không cho phép tuôn ra ở trong chúng mà phải

tìm cách đi ra ngoài, đến chỗ không có người rồi cho nó tuôn ra, sau đó mới vào trong chúng, chớ để chúng cơ hiềm dơ dáy. Khi vào tháp không được phóng khí dưới ra. Ở trong chúng ngồi dưới gốc cây bên tháp không được xuất khí ra. Ở trước mặt thầy tổ, các Đại đức Thượng tọa cũng không được phóng khí dưới ra tiếng. Nếu trong ruột có bệnh bức bách thì nên ra ngoài, chớ làm cho người sanh tâm chê dơ.

***Thứ 7: Duyên tiện lợi***

Như kinh Ưu Bát Đà Vương có dạy: Đất chùa mà hành giả phóng uế trong đó thì năm trăm đời bị đọa vào Địa ngục Bạt ba, trải qua hai mươi tiểu kiếp thì tay thường bốc đồ phẩn tiểu này, thường ở chỗ dơ uế cho đến lúc qua đời.

Lại nữa, kinh Tỳ Ni Mẫu có dạy: Các Tỳ-kheo đi vệ sinh trong phòng làm dơ đất và mùi hôi không thoát ra ngoài. Đức Phật nghe sự việc này rồi bảo các Tỳ-kheo: từ nay về sau, không cho phép các Tỳ-kheo đi vệ sinh trong Tăng già lam, nên đi ở nơi dơ vắng, hoặc bình đất, hoặc ống trúc, vệ sinh rồi thì đem chôn dưới đất, dùng vật che đậy ở trên chớ để có mùi hôi. Nếu lúc đến nhà xí thì đầu tiên lấy thẻ rồi đến nhà xí, khảy móng tay ba lần làm cho người hoặc phi nhơn nhận biết. Nếu không có thẻ thì không được lau trên tường, không được lau trên tường, xà nhà ... không được dùng đá, không được dùng cỏ sống, cục đất, vỏ cây, lá cây mềm đều không được dùng. Những thứ nên dùng là cây trúc, cỏ lau làm thẻ, dài khoảng một gang tay, ngắn khoảng bốn ngón tay, dùng rồi không được để lại trong thẻ sạch làm dơ người khác. Đó là pháp dùng thẻ đi nhà xí. Lên nhà xí có hai chỗ: Chỗ đứng nghỉ và chỗ dùng nước. Chỗ dùng nước rồi đến chỗ móc áo. Tất cả như chỗ đứng nghỉ không khác. Trước cửa nhà xí đặt bình nước sạch, lại nên đặt thêm một bình nhỏ. Nếu người nào có bình nước riêng thì tự dùng lấy. Nếu người không có bình riêng thì dùng bình nhỏ bên nhà xí. Không được dùng bình lớn làm dơ nước của chúng Tăng. Đó là pháp dùng nước khi lên nhà xí.

Trước tháp, trước tăng chúng, trước Hòa thượng, A-xà-lê thì không được há miệng lớn nhổ nước bọt xuống đất. Nếu muốn nhổ nước bọt thì nên đến chỗ vắng, chớ để người khác nhờm gớm. Đây là pháp nhổ nước bọt.

Lại nữa, trong Ba Ngàn Oai Nghi có dạy: Nếu Tỳ-kheo đi vệ sinh rồi mà không rửa thì phạm tội Đột-kiết-la, và không được ngồi trên tọa cụ sạch của chúng tăng, hoặc có làm lễ Tam bảo thì sự làm lễ ấy không

có phước đức.

Lại nữa, khi đến sau nhà xí có hai mươi lăm việc:

1. Khi muốn đi vệ sinh thì nên đi, trên đường đi không được làm lễ Thượng tọa.
2. Không được nhận người làm lễ
3. Khi đi nên cúi đầu nhìn thẳng xuống đất
4. Đến nơi phải khảy móng tay ba lần
5. Đã có người ra hiệu lại thì không nên hối thúc
6. Đã khảy móng tay rồi mới ngồi lên
7. Ngồi ngay chính giữa
8. Không được để chân trước, chân sau
9. Không được dựa thân
10. Buộc y phục, không được nhổ nước miếng trong nhà xí.
11. Không được cố nuốt làm đỏ mặt
12. Nên nhìn phía trước, không được quay lại sau
13. Không được làm dơ tường
14. Không được cúi đầu nhìn trong nhà xí
15. Không được nhìn phần âm
16. Không được dùng tay cầm phần âm
17. Không được dùng cỏ vẽ lên đất
18. Không được cầm cỏ viết chữ lên tường
19. Không được dùng phí nước quá
20. Không được làm dơ bên vách
21. Không được dùng tay rửa rồi để lên tay chưa rửa
22. Dùng đất phải đến ba lần
23. Nên dùng tháo đậu
24. Được dùng nước ba lần
25. Nếu thấy nước, cỏ, đất hết thì gọi người coi việc đó, hoặc tự mình đi lấy thì tốt.

Lại nữa, luật Tăng Kỳ có dạy: Đi vệ sinh rồi không dùng nước để rửa mà dùng tọa cụ, giường, nệm của chúng tăng thì mắc tội.

Lại nữa, luật Thập Tụng có dạy: Đi vệ sinh mà không rửa thì không được ngồi nằm trên giường chúng tăng, nếu ngồi nằm thì mắc tội.

Lại nữa, luật Ma-đắc-lặc-già có dạy: Đi vệ sinh rồi mà không rửa thì không được lễ bái, trừ chỗ không có nước, hoặc bị phi nhơn nổi sân, hoặc bị thần nổi giận, hoặc đang dùng thuốc thì khai cho không phạm.

Kinh Tạp Thí Dụ có dạy: Có một Tỳ-kheo không khảy móng tay

mà đi vệ sinh là dơ mặt ma quỷ ở trong đó. Cho nên ma quỷ muốn hại. Sa-môn trì giới thì ma quỷ có theo rình tìm chỗ sơ hở cũng không làm hại được.

Kinh Hiền Ngu có dạy: Xưa kia, lúc Phật còn ở đời, trong thành Xá Vệ có một người nghèo cùng tên là Ni Đề. Ni Đề quá nghèo nên thường làm người hốt phân. Đức Phật biết người ấy đáng được độ liền dẫn A Nan đến đó. Lúc ấy Ni Đề đang gánh phân ra bỏ ngoài thành. Thùng phân bị lủng nên làm dơ hết thân Ni Đề. Từ xa trông thấy Thế Tôn, anh ta sanh lòng hổ thẹn, không dám nhìn Phật. Đức Phật đến đó giảng rộng về chánh pháp, Ni Đề liền sanh tín tâm muốn được xuất gia. Đức Phật bảo A Nan dẫn Ni đề xuống sông dùng nước rửa sạch rồi dẫn về Kỳ Hoàn. Đức Phật thuyết pháp, Ni Đề liền đắc quả Tu-đà-hoàn, chuyên tâm xuất gia nên đắc quả A-la-hán. Vua và dân chúng trong nước nghe tin anh ta xuất gia đều rất bực bội: "Tại sao Thế Tôn lại cho phép người này xuất gia?". Vua Ba-tư-nặc muốn đến chỗ Phật để ngăn việc này. Ngay lúc ấy trên tảng đá lớn ở cửa tinh xá Kỳ Hoàn Ni Đề đang ngồi vá áo, có bảy trăm chư Thiên cúng dường hương hoa. Nhà Vua thấy vậy rất hoan hỷ, người vào bạch Phật. Tỳ-kheo Ni Đề ẩn mất trong đá, ra vào dễ dàng. Bạch cho Phật biết rồi, nhà Vua liền đến chỗ Phật, trước tiên là hỏi về việc này: Tỳ-kheo vừa rồi họ, tên gì?

Đức Phật bảo: Là người nghèo hèn nhất trong nước, thường gánh phân bỏ đi tên Ni Đề.

Nghe Phật dạy xong thì hết hủy báng, nhà Vua đến chỗ Ni Đề rồi chấp tay làm lễ, xin sám hối xong lui ra.

Vua bạch Phật: Xưa kia Tỳ-kheo Ni Đề đã làm việc gì mà này phải chịu thân nghèo hèn này?

Phật dạy: Xưa kia sau khi đức Phật Ca Diếp nhập Niết bàn, có một Tỳ-kheo coi sóc hết mọi việc của Tăng, chợt lâm bệnh nhẹ mà lười biếng ra vào nên đi vệ sinh trong bô rồi sai một đệ tử đem đi đổ. Nhưng người đệ tử ấy đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Do đó nên Tỳ-kheo ấy bị luân hồi trong sanh tử làm người hèn hạ, trong năm trăm đời thường làm người hốt phân. Nhờ công đức xuất gia, trì giới xưa kia mà nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.

Lại nữa, trong kinh Phật Thuyết Trừ Tai Hoạn, đức Phật bảo A Nan:

Quá khứ kiếp trước vào thời Phật Ca Diếp, con người thọ đến hai vạn tuổi, khi phật sự xong rồi liền bỏ thân mạng. Bấy giờ có Vua tên là Thiện Cảnh cúng dường xá lợi, xây tháp bảy báu cao một do tuần. Tất

cả chúng sanh đều đến đốt đèn, xông hương, rải hoa, cúng dường, lễ lạy. Bấy giờ có nhiều cô gái đến cúng dường tháp, cùng nhau chung sức quét tháp. Bỗng thấy có phân chó làm dơ đất tháp thì một cô gái dùng tay bốc bỏ đi. Một cô gái khác thấy người này dùng tay bốc phân chó liền nhổ nước miếng, nói: “Tay người đã dơ, không ai có thể gần”. Cô ta còn dùng nhiều lời trái tai để rủa: “Người còn tệ hơn dâm nữ, nước rửa tay ta lại còn sạch hơn”. Đức Phật, Trời, người đều cảm niệm việc làm ấy. Dùng tay trừ bỏ sự bất tịnh rồi liền rửa tay, cô gái liền đi nhiễu quanh tháp, cầu nguyện: “Nay quét sạch tháp, nguyện cho con đời đời được thanh tịnh, dứt sạch các dơ uế. Bấy giờ các cô gái quét tháp, nay chính là các cô gái ở trong chúng hội này. Còn cô gái nguyện dứt sạch mọi phiền não, được uống nước cam lồ đã dùng tay bốc phân chó nay là cô gái vườn Nại. Lúc ấy cô ta nguyện luôn được thanh tịnh, không còn ô uế, do phước báo đó nên không sanh ra ở chỗ bào thai mà lại hóa sanh từ hoa sen. Cô gái dùng lời ác rủa là dâm nữ nay chính là dâm nữ, gặp Phật nghe pháp và đắc quả Tu-đà-hoàn.

Kinh Tạp Bảo Tạng có dạy: Ở Nam Thiên Trúc, có một thiếu nữ mỗi sáng thường quét sạch hai bên cửa đình. Có một trưởng giả nữ sáng sớm cũng quét đường từng gặp Như Lai đi ngang qua cửa thì sanh tâm hoan hỷ chăm chú nhìn Phật. Khi tuổi thọ đã hết cô ta liền sanh lên cõi Trời. Người nào được sanh lên cõi Trời thường có ba suy nghĩ: “Trước đây ta đã làm thân gì và tự biết được thân mình. Nay đang sanh vào nơi nào và nhập định biết là sanh ở cõi Trời. Xưa kia đã tạo nghiệp gì mà nay được sanh ở đây và biết là do thiện nghiệp gặp Phật thì hoan hỷ nên được quả báo này”. Do đó mà cảm niệm ân đức của Phật, Tiên nữ liền xuống cúng dường Phật, nghe Phật thuyết pháp và đắc quả Tu-đà-hoàn.

Lại nữa, luận Tân Bà-sa dạy: Xưa kia ở nước Đát-xoa-thi-la có một cô gái đến chỗ Vua Nguyệt Quang bỏ ngàn đầu, làm lễ chỗ Vua Vô Ưu để xây miếu. Cô ta trông thấy phân chó trước tòa ngồi của Phật liền suy nghĩ: “Nơi đây thanh tịnh vì sao lại có phân chó làm ô uế trong ấy”. Cô liền dùng tay bốc bỏ đi, rồi dùng hương thoa sạch. Do năng lực nghiệp thiện này nên toàn thân cô ta đều phát ra hương thơm như hương chiên đàn. Trong miệng thường tỏa ra hương hoa sen xanh. Vì các chúng sanh không bảo hộ sự thanh tịnh nên trong thì phiền não, ngoài thì dơ uế. Do đó luận tụng nói:

*Các uế ở đời là cỏ*
*Thường làm dơ uế ruộng, vườn*

*Như vậy các tham là uế*
*Hay làm dơ uế chúng sanh*
*Các uế ở đời là cỏ*
*Thường làm dơ uế ruộng, vườn*
*Như vậy các sân là uế*
*Hay làm dơ uế chúng sanh.*

Lại nữa, kinh Hiền Ngu có dạy: Khi Phật tại thế ở trong thành La Duyệt có một hố nước dơ uế không sạch, rất nhiều phân dơ. Nhân dân trong nước đều đem phân tiểu đổ xuống đó. Trong ấy có một con trùng lớn, thân hình như rắn mà có thêm bốn chân, chạy xuôi chạy ngược, hoặc chìm hoặc nổi trải qua nhiều năm thường ở trong đó chịu vô lượng khổ.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến hố nước, hỏi: Các ông có biết con trùng này đời trước đã tạo duyên gì không? Các Tỳ-kheo đều nói không biết.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Vào thời đức Phật Tỳ Bà Thi, có một đoàn khách buôn vào biển lấy châu báu. Sau khi lấy được nhiều châu báu, họ bình an trở về rồi soạn các châu báu tốt để dâng cúng chúng Tăng và đợi chúng tăng thọ thực mới thọ nhận châu báu, bèn đem giao cho Ma-ma-đề (chủ chùa). Sau khi Tăng thọ thực xong liền đến nhận châu báu nhưng ông ta không đưa nên chúng tăng buồn bã. Chủ chùa sân giận nói: “Các người chỉ có ăn phẩn, còn của báu này thuộc về ta, do đâu mà đến đây nhận của báu”. Bởi mắng rủa chúng tăng như thế nên sau khi qua đời liền đọa vào Địa ngục A-tỳ. Thân thể thường quay cuồng trong phẩn sôi, trải qua chín mươi mốt kiếp mới ra khỏi Địa ngục, nay lại đọa vào trong đây. Từ đây cho đến khi bảy đức Phật qua đời cũng thường làm trùng này. Cho đến ngàn đức Phật ở hiền kiếp cũng thường như vậy.

Lại nữa, kinh Bách Duyên có dạy: Đức Phật ở tại Trúc lâm Ca Lan Đà tại thành Xá vệ, lúc ấy Tôn giả Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên theo phép thọ thực: trước quán về Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, sau đó mới ăn. Mục Liên thấy một Ngạ quỷ thân như cột trụ lửa, bụng như quả núi lớn, cổ như cây kim, tóc như dùi nhọn vây quanh chích thân, giữa các lóng đốt đều phát ra lửa, rên rỉ, gào thét rảo chạy bốn phía, cầu tìm phân tiểu để ăn uống, vất vả suốt ngày mà chẳng được gì.

Mục Liên hỏi Ngạ quỷ: Người đã làm nghiệp gì mà chịu khổ này?

Ngạ quỷ đáp: Chỗ có Mặt trời thì không cần đèn đuốc. Nay đức

Thế Tôn đang còn ở đời, ông có thể đến hỏi. Giờ tôi đang đói, khát không thể trả lời cho ông được.

Lúc ấy, Mục Liên tìm đến chỗ Phật trình bày hết sự việc trên rồi hỏi Như Lai, Ngạ quỷ đã tạo nghiệp gì mà nay phải chịu khổ này.

Thế Tôn liền bảo Mục Liên: Ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói cho. Trong hiền kiếp này, ở thành Xá Vệ có một trưởng giả giàu có vô lượng không thể tính kể, thường sai người hầu ép nước mía đem cho mọi người. Có một vị Phật Bích Chi bị bệnh khát, thầy thuốc bảo uống nước mía thì bệnh mới có thể lành.

Lúc ấy Phật Bích Chi đến nhà trưởng giả xin nước mía. Trưởng giả trông thấy thì rất hoan hỷ, bảo vợ ông ta tên là Phú Na Kỳ: Ta có việc gấp muốn đi ra ngoài. Bà ở nhà lấy nước mía dâng cho Phật Bích Chi.

Người vợ đáp: Ông cứ việc đi đi, rồi tôi sẽ dâng cho.

Ông chồng đi rồi, bà ta lấy bát của Phật Bích Chi, đi vào chỗ vắng tiểu trong bát và dùng nước mía đổ lấp ở trên xong đem dâng Phật Bích Chi. Phật Bich Chi nhận rồi, biết không phải nước mía nên đổ xuống đất và cầm bát không ra về. Sau khi qua đời, bà ta liền đọa vào loài Ngạ quỷ, thường bị sự đói khát bức bách. Do nghiệp ấy nên chịu khổ này.

Đức Phật bảo Mục liên: Nên biết vợ ông trưởng giả bấy giờ, nay là Ngạ quỷ Phú-na-kỳ.

Lúc Phật thuyết giảng như thế, các Tỳ-kheo đều xả bỏ xan tham, nhàm chán sanh tử, có vị đắc bốn quả Sa-môn, có vị phát tâm Phật Bích Chi, có vị phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

***Thứ 8: Duyên hộ tịnh***

Trong luật Thập Tụng chép: Súc miệng là gì?

Phật dạy: Cho nước vào trong miệng, súc ba lần. Đó là pháp làm sạch miệng.

Luật Tăng Kỳ chép: Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp ở trong chúng hội, có một Tỳ-kheo miệng hôi nên ngồi dưới gió.

Đức Phật biết mà vẫn hỏi: Tại sao vị Tỳ-kheo này lại ngồi một mình?

Đáp: Thế Tôn chế giới không cho phép xỉa răng cho nên miệng bị hôi. Do sợ mùi hôi bay dơ người khác nên con ngồi dưới gió.

Phật dạy: Cho phép dùng tăm xỉa răng, dài khoảng sáu ngón tay, ngắn khoảng bốn ngón tay. Khi xỉa răng nên ở chỗ vắng, rửa tay sạch

sẽ. Tăm dùng rồi thì lấy nước rửa sạch rồi vứt bỏ. Khi xỉa răng không được nuốt. Nếu thầy thuốc bảo bệnh nên nuốt thì cho phép. Nếu không có răng thì nên dùng nước muối súc miệng rồi ăn. Nếu đang ăn mà muốn tẩy tịnh thì nên dùng nước sạch rửa tay, sau đó mới tẩy tịnh. Nếu tay dơ thì dùng lá cây để nhận thức ăn. Khi uống nước thì không được ngậm môi làm cho khí dâng lên trán, phải hả môi mà uống. Khi uống nước không được uống hết mà phải chừa lại một ít để súc miệng rồi nhổ bỏ. Khi bất tịnh nên khéo giữ sạch sẽ, nếu thấy thần khí mệt mỏi thì nên đổ một chỗ, dùng cỏ làm dấu cho người biết là bất tịnh. Nếu dùng nước uống phi thời thì cũng như pháp ở trước.

Luật Tăng Kỳ dạy: Tỳ-kheo sáng sớm dậy nên dùng nước sạch rửa tay, không được rửa một cách thô tháo, rửa năm ngón tay, không được rửa đến nách, nên rửa sạch đến cổ tay, không được thô lỗ, rửa thì không được chùi mạnh làm chảy máu, nên dùng rau cỏ hoặc tro đất. Rửa tay rồi lại lau chùi thì gọi là bất tịnh, phải rửa tay lại. Trước khi ăn Tỳ-kheo nên rửa tay sạch sẽ. Nếu xoa đầu, cầm y phục thì lại phải rửa tay. Khi tụng kinh, ăn uống thì theo đây mà thực hành. Tay sạch còn như thế huống nữa là tay giết hại sanh mạng, uống máu, ăn thịt để ô uế thân miệng, buông thả truyền pháp thì tâm cũng bất tịnh.

Luật Tứ Phần dạy: Lúc ấy có các Tỳ-kheo bệnh làm hôi phòng. Phật dạy: Nên dùng nước để quét dọn. Nếu còn hôi thì dùng hương rải. Nếu còn hôi thì nên dùng hương treo bốn góc.

Luật Thập Tụng dạy: Lúc ấy có Tỳ-kheo không xỉa răng, trong miệng hôi thối. Đức Phật dạy: Cho phép xỉa răng. Xỉa răng có năm lợi ích: Miệng không dơ; miệng không hôi; trừ gió; trừ bệnh nhiệt và trừ đàm

Lại nữa, xỉa răng có năm lợi ích: Trừ gió; trừ nhiệt; phân biệt được các vị; thích ăn; sáng mắt.

Luật Tứ Phần dạy: Không xỉa răng có năm lỗi: Miệng hôi; không phân biệt được các vị; bị bệnh nhiệt không tiêu; không muốn ăn và mắt không sáng.

Luật Ngũ Phần dạy: Tăm xỉa răng rồi nên rửa sạch rồi vứt bỏ, vì sợ trùng ăn vào sẽ chết.

Trong Ba Ngàn Oai Nghi có dạy: Dùng tăm xỉa răng có năm việc: Bẻ đúng quy đinh; bỏ đúng như pháp; tăm xỉa răng không quá ba phân; răng thưa thì nên xỉa từng răng và nên lấy nước tự dùng.

Cạo lưỡi có năm việc: Không được quá ba lần; trên lưỡi có máu thì nên dừng lại; không được vung tay mạnh làm dơ y Tăng-già-lê

hoặc chân; không được vứt tăm xỉa răng nơi đường đi và nên vứt ở chỗ khuất.

***Thứ 9: Duyên minh chung***

Như trong kinh Phó Pháp Tạng dạy: Bấy giờ có nhà Vua Kế Nê Tra tham lam, tàn ác, vô đạo, nhiều lần đem quân đi chinh phạt làm dân chúng vất vả mà chẳng biết nhàm chán, muốn Vua các nước xung quanh cử binh lính canh giữ biên giới, làm cho thân thích phải chia lìa. Nỗi khổ này đến bao giờ mới dứt? Nên chúng ta phải đồng tâm để diệt trừ ông ta thì sau đó mới được an lạc. Gặp lúc Vua tàn bạo bệnh để người ngồi canh giữ, trong chốc lát thì ông ta băng hà. Nhờ được nghe Tỳ-kheo Mã Minh thuyết pháp nên sanh vào trong biển làm con cá ngàn đầu. Lưỡi kiếm xoay tròn chặt đầu ấy thì đầu khác lại sanh, tiếp đến lại chặt, như vậy cứ xoay chuyển cho đến vô lượng. Chỉ trong khoảnh khắc mà đầu đầy biển cả. Lúc ấy có La Hán làm Duy Na trong Tăng, nhà Vua liền đến thưa hỏi: Nay lưỡi kiếm xoay tròn này nghe tiếng chuông thì liền dừng lại. Khi ấy đau khổ được dứt trong thời gian ngắn ngủi đó. Xin nguyện Đại đức rủ lòng thương xót, nếu tiếng chuông kéo dài ra thì đau khổ được dừng lại trong thời gian dài hơn. La Hán thương xót liền đánh chuông kéo dài ra. Qua bảy ngày rồi liền hết thọ khổ mà trên chùa này do vì Vua kia nên bảo nhau đánh chuông kéo dài, cho đến ngày nay vẫn như xưa.

Đã biết ý kinh, nghe tiếng chuông được cứu khổ, lại để tập họp chúng thì cần Duy Na đóng chuông, cùng nhau chấp tay, phát nguyện lợi sanh, nhờ niệm thiện đóng chuông, nên các chúng sanh đều hết thọ khổ.

Kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: Khi đánh chuông nguyện cho tất cả khổ đau trong đường ác đều ngưng lại. Khi nghe tiếng chuông mà đọc luôn bài kệ tán thán thì được trừ trọng tội sanh tử trong năm trăm ức kiếp

*Hàng phục oán của ma*
*Trừ sạch hết phiền não*
*Ở nơi đánh kiền chùy*
*Tỳ-kheo đến tập họp*
*Người được nghe pháp này*
*Thoát khỏi biển sanh tử*
*Nghe tiếng nhiệm mầu này*
*Đều đến đây tập họp.*

Lại kinh Tạp Dụ nói kệ:

*Nghe chuông mà nằm ì*
*Hộ Pháp Thiện Thần quở*
*Hiện tại ít phước báo*
*Đời sau làm thân rắn*
*Ở chỗ nghe tiếng chuông*
*Đang nằm phải đứng dậy*
*Chắp tay phát tâm thiện*
*Hiền Thánh đều hoan hỷ.*
*Tiếng chuông giác ngộ hết chúng sanh*
*Vang khắp mười phương các cõi nước*
*Tất cả hữu tình đều nghe biết*
*Dứt khổ lâu dài cho chúng sanh*
*Sáu thức thường mê khổ mãi hoài*
*Vô minh che mờ tâm mê muội*
*Đêm ngày nghe chuông liền giác ngộ*
*Ôn hòa thanh tịnh đắc thần thông.*

***Thứ 10: Nhập chúng***

Luật Tứ Phần dạy: Muốn nhập chúng phải đủ năm pháp:

1. Phải bằng tâm từ
2. Nên tự hạ mình giống như khăn lau
3. Phải biết pháp đứng, ngồi. Nếu thấy Thượng tọa thì không nên ngồi yên. Nếu thấy Hạ tọa thì không cần đứng dậy
4. Người khác đến trong tăng thì không nên nói chuyện tạp nhạp của thế gian, hoặc mình nói, hoặc bảo người kia nói.
5. Nếu thấy trong Tăng có việc không vừa ý, tâm không an thì nên im lặng. Cho nên luận Trí Độ dạy: Đệ tử Thanh Văn của Phật chung sống hòa hợp có hai pháp: nói như Hiền Thánh và im lặng như Hiền Thánh.

Lại nữa, kinh Ba Ngàn Oai Nghi có dạy: Muốn lên giường phải có bảy pháp:

1. Ngồi ngay ngắn trên giường
2. Không được bò trên giường
3. Không làm cho giường có tiếng
4. Không được quét giường có tiếng
5. Không được ngáp lớn, than thở suy nghĩ việc thế gian
6. Không được nằm như bầy chó

7. Tùy theo thời tiết mà dậy sớm

Lại nữa, Luận Địa Trì dạy: Nếu thấy chúng sanh nên từ mẫn thăm hỏi, nhan sắc vui vẽ, mắt nhìn từ hòa, chánh niệm hiện tại. Nếu Bồ-tát biết chúng sanh kia có thật công đức mà dùng tâm hờn giận không nói với họ, cũng không tán thán, hoặc có người tán thán mà không nói lành thay. Đây gọi là phạm, là phạm nhiễm ô khởi.

Luận Lương Nhiếp dạy: Bồ-tát thấy chúng sanh trước phải tươi cười, sau đó mới cùng nói chuyện. Do đó luật Ngũ Phần dạy: Người không nhẫn nhục, có năm lỗi:

1. Hung ác, không nhẫn nhịn
2. Sau rồi hối hận
3. Nhiều người không ưa
4. Tiếng xấu lan truyền
5. Chết đọa đường ác

***Thứ 11: Duyên suy tướng***

Như kinh Phân Biệt Duyên Khởi Sơ Pháp Môn, Thế Tôn dạy: Già có năm thứ suy tổn:

1. Râu tóc suy tổn: râu tóc bị biến hoại
2. Thân tướng suy tổn: Nhan sắc, sức lực đều suy tổn
3. Sự nghiệp suy tổn: Hơi thở, lời nói đứt đoạn, thân thể thay đổi, đứng thì lưng gù do các đốt xương không còn năng lực, ngồi thì khòm xuống do bị gầy yếu, đi phải chống gậy vì thân yếu ớt, những điều suy nghĩ, hiểu biết đều ngu độn vì niệm mê loạn
4. Thọ dụng suy tổn: Đối với vật chất hiện tại thọ dụng rất ít, đối với nhạc cụ giải trí đều không có khả năng cảm thọ, đối với các cảnh vật mà sắc căn hiện hành đều không thể mau chóng, sáng suốt, linh hoạt, hoặc không thể thực hành
5. Mạng căn suy tổn: Tuổi thọ sắp hết, gần kề cái chết, gặp chút nguy hiểm không thể nhẫn chịu.

Kinh A Hàm dạy: Đầu bạc có bốn duyên: Hỏa vượng trong thân; sầu nhiều; bệnh nhiều và bạc lúc còn trẻ.

Bệnh ốm có bốn duyên: Ăn ít; có buồn lo; nhiều sầu muộn và có bệnh chưa điều trị

Có bốn việc không nói trước với người: Đầu bạc; già; bệnh và chết. Bốn việc này không thể tránh, cũng không thể chối bỏ.

Tất cả vị không ngoài tám loại: Đắng; chát; cay; mặn; nhạt; ngọt; chua và không rõ mùi vị.

***Thứ 12. Duyên thùy mộng***

Luật Thiện Kiến dạy: Mộng có bốn loại: Mộng do bốn đại không điều hòa; mộng do thấy trước; mộng Trời, người và mộng tưởng

Thế nào là mộng do bốn đại không điều hòa? Khi ngủ mộng thấy núi lở, hoặc chim bay trên không, hoặc thấy hổ, sói, sư tử, giặc rượt chạy. Đây là bốn địa không điều hòa, là mộng giả không thật.

Thế nào là mộng do thấy trước? Hoặc ban ngày thấy trắng hoặc đen, nam hoặc nữ nên đêm đến mộng thấy. Đây là mộng do thấy trước, cũng là mộng không thật.

Thế nào là mộng Trời, người? Hoặc thiện tri thức, Trời, người hiện mộng lành vì muốn người làm việc lành. Hoặc ác tri thức vì người mà hiện mộng ác. Đây là mộng thật.

Thế nào là mộng tưởng? Người này đời trước có phước đức hoặc có tội chướng. Nếu người có phước thì thấy mộng lành. Như khi Bồ-tát muốn gá vào thai mẹ thì mẹ Bồ-tát mộng thấy voi trắng từ cõi Trời Đâu Suất bay xuống, vào hông bên phải của bà. Đây là mộng tưởng. Hoặc mộng thấy lễ Phật, tụng kinh, bố thí, trì giới.v.v.làm các việc công đức. Đây cũng là mộng tưởng.

Hỏi: Mộng là thiện, bất thiện hay là vô ký?

Đáp: Cũng thiện, bất thiện, vô ký.

Nếu mộng thấy lễ Phật, tụng kinh, nghe pháp, thuyết pháp thì đó là công đức thiện. Nếu mộng thấy giết hại, trộm cắp, dâm dục thì đó là mộng bất thiện. Nếu mộng thấy các màu xanh, vàng, đỏ, trắng.v.v thì đó là mộng vô ký.

Hỏi: Nếu như thế thì phải thọ quả báo?

Đáp: Không thọ quả báo. Vì sao?Vì tâm nghiệp yếu kém nên không có sự cảm ứng. Do đó trong luật dạy: trừ trong mộng thì không phạm.

Lại nữa, luật Ca Chiên Diên nói:

Hỏi: Thế nào là tất cả thùy miên tương ưng?

Đáp: Hoặc thùy mà không miên tương ưng. Như khi chưa ngủ mà thân không nhẹ nhàng thì tâm không nhẹ nhàng, thân nặng nề thì tâm nặng nề, thân đờ đẫn thì tâm đờ đẫn, thân rối bời thì tâm rối bời, thân ngủ thì tâm ngủ bị ma ngủ quấy nhiễu. Đây là thùy mà không miên tương ưng.

Thế nào là miên mà không thùy tương ưng?

Đáp: Ngủ mộng tâm bất nhiễm ô. Đây là miên mà không thùy tương ưng.

Thế nào là thùy miên tương ưng?

Đáp: Ngủ mộng tâm nhiễm ô. Đây là thùy miên tương ưng.

Thế nào là không miên không thùy?

Đáp: Trừ các trường hợp trên.

Hỏi: Ngủ là thiện, bất thiện hay vô ký?

Đáp: Khi ngủ hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký.

Thế nào là thiện?

Đáp: Ngủ mộng tâm thiện.

Thế nào là bất thiện?

Đáp: Ngủ mộng tâm bất thiện.

Thế nào là vô ký?

Đáp: Trừ các trường hợp trên.

Như trong mộng bố thí, làm phước, giữ giới, trì trai là lúc ngủ bằng tâm thiện làm phước và tâm hồi hướng phước. Đây là thiện.

Thế nào là khi ngủ làm việc không có phước?

Đáp: Như trong mộng mà giết hại, trộm cắp .v.v. là khi ngủ bằng tâm bất thiện và tâm không hồi hướng phước. Đây là bất thiện.

Thế nào là khi ngủ mà tạo phước không phước?

Đáp: Như khi ngủ bằng tâm không phước và tâm chẳng không hồi hướng phước. Đây là khi ngủ tâm vô ký.

Hỏi: Mộng là tên của pháp nào?

Đáp: Là triền cái vô minh thuộc năm triền cái.

Lại nữa, luật Thập Tụng dạy: Có Tỳ-kheo ngủ ở trong chúng. Phật dạy: Cho phép dùng nước gội đầu.

Nếu vẫn còn ngủ. Phật sai Tỳ-kheo dựa vào năm pháp dùng nước tẩy rửa:

1. Lân mẫn
2. Không làm phiền người khác
3. Ngủ nghỉ
4. Đầu dựa tường
5. Ngồi duỗi chân..

Nếu vẫn còn ngủ thì  cho phép dùng tay đánh. Nếu vẫn còn ngủ thì Phật cho phép lấy bóng ném. Nếu vẫn còn ngủ thì Phật cho phép dùng thiền trượng. Khi cầm thiền trượng nên sanh tâm cung kính, dùng hai tay nắm thiền trượng đánh trên đầu. Nếu vẫn còn ngủ thì nên đứng dậy xem những khác ngủ và dùng thiền trượng gõ, gõ rồi trở về chỗ ngồi. Nếu không có người nào ngủ thì lấy thiền trượng để trước chỗ mình để ngồi. Nếu vẫn còn ngủ thì Phật cho phép dùng thiền trấn để

ở chỗ trống rồi dùng dây quấn quanh lỗ trống, đầu dây làm thành cái quai, treo lỗ tai lên đến trước trán khoảng bốn ngón tay. Khi đặt thiền trấn, thiền trấn rơi xuống đất, Phật dạy: Khi triền trấn rơi nên đứng dậy đi như pháp ngỗng đi.

Luật Tứ Phần dạy: Tỳ-kheo Bạt Nan Đà che dù lớn đi trên đường. Các cư sĩ trông thấy tưởng là Vua, hoặc quan lớn nên sợ hãi tránh đường. Nhìn kỹ mới biết là Tỳ-kheo. Do đó các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo không nên che dù đi trên đường, cũng không được che dù khi Trời mưa. Ở trong chùa lấy vỏ cây, hoặc lá, trúc làm dù che, cũng không cho phép cầm quạt lớn của Vua. Nếu đi đường gặp lúc nóng bức thì cho phép dùng cây, lá.v.v... làm quạt.

Lúc ấy các Tỳ-kheo sợ trùng, đất rơi trên thân. Phật dạy: Cho phép làm quạt, bằng cỏ, lá, vỏ cây, hoặc dùng chỉ, vải vụn. Lúc ấy có Tỳ-kheo được cái quạt lông chim. Phật dạy: Cho phép cất giữ. Có Tỳ-kheo nhỏ tuổi không hiểu được sự việc này nhưng cho phép dùng nên ghi nhận.

Luật Tứ Phần dạy: Lúc ấy có các Tỳ-kheo tự tấu nhạc, thổi sáo cúng dường. Phật dạy: Không nên vậy.

Người kia kính phục không dám sai bạch y dùng âm nhạc cúng dường. Phật dạy: Cho phép

Đức Phật dạy: Họ không biết cúng dường tháp, cúng dường ẩm thực, ai sẽ cúng dường thức ăn? Phật dạy: Tỳ-kheo hoặc Sa-môn hoặc Ưu-bà-tắc hoặc người kinh doanh nên cúng dường ẩm thực.

Lại nữa, luận Tát Bà Đa dạy: Người xuất gia đối với pháp buôn bán ở chợ, không được trả thấp giá vật của người khác bán, nếu hạ giá thì mắc tội Đột-cát-la. Vải của chúng tăng xướng chưa được ba lần thì tăng giá, qua ba lần rồi thì không nên tăng giá, chúng tăng cũng không nên cho. Vì vải đã thuộc về người khác nên Tỳ-kheo xướng ba lần rồi được vải thì không nên hối tiếc. Nếu hối tiếc cũng không trả lại chúng tăng, cũng không trả lại giá.

Luận Tân Bà Sa dạy: Thánh giả và chúng sanh thì ai có lo sợ? Có người nói: Chúng sanh có lo sợ. Thánh giả không lo sợ. Vì sao? Vì Thánh giả đã lìa năm sự sợ hãi:

1. Không sợ sự sống
2. Không sợ tiếng xấu
3. Không sợ chúng
4. Không sợ chết
5. Không sợ đường ác.

Trong kinh Tạp Bảo Tạng, đức Phật dạy: Châu như ý này từ trong não của cá Ma Kiệt sanh ra. Thân cá dài hai mươi tám do tuần. Hạt châu này tên là Kim cang kiên, có năng lực thứ nhất là có thể làm cho những người đang bị trúng độc mà nhìn thấy thì độc liền tiêu mất, hoặc được ánh sáng chiếu vào thân thì độc cũng tan biến. Năng lực thứ hai: Người bị bệnh nóng mà thấy nó thì được lành bệnh, hoặc được ánh sáng chiếu vào thân thì cũng được lành bệnh. Năng lực thứ ba: Người bị vô lượng trăm ngàn oan gia mà cầm châu này thì được họ thân thiện. Châu này là vật quý trong Diêm Phù Đề, là một phần giá trị trong chư Thiên.

Lại nữa, luật Tứ phần dạy: Lúc ấy, có rắn vào phòng các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo chưa ly dục đều khiếp sợ. Phật dạy: Chớ sợ, nên dùng ống tre đựng rồi đem vứt bỏ, hoặc dùng dây cột rồi đem ra ngoài đất thả đi. Nếu có chuột vào phòng thì dùng lồng tre bắt đem ra ngoài bỏ, hoặc bò cạp, rết, sâu bọ vào phòng thì dùng cục bùn hoặc chổi quét hốt nó rồi đem bỏ ra ngoài, hoặc ban đêm dơi vào phòng, ban ngày én bay vào, Phật dạy: Cho phép đan lồng thưa để ngăn, hoặc dùng chấn song để ngăn.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo già bị bệnh bắt chấy rận bỏ xuống đất. Phật dạy: Không được như thế. Cho phép dùng đồ đựng, hoặc bắt bỏ trong vải. Nếu chấy rận bò ra thì nên đựng trong ống tre. Nếu chấy rận bò ra ngoài ống tre thì nên dùng nắp đậy.

Lại nữa, luật Tứ Phần dạy: Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo tụng bùa chú, các sách ngoại đạo, coi ngó nhà cửa, đoán sự tốt xấu như chú chi tiết, chú sát lợi, chú biết người sống hay chết, biết điềm lành hay điềm dữ, chú hiểu các âm thanh. Phật dạy: Không được làm thế. Người kia dạy họ là để mưu sinh cũng không nên làm như vậy

Bấy giờ Thế Tôn ở tại nước Tỳ Xá Ly, có các Ly Xa ngồi trên voi, ngựa, xe chở đồ, cầm dao, kiếm đến yết kiến Thế Tôn. Họ để dao, kiếm ở bên ngoài chùa rồi vào trong thăm hỏi Thế Tôn. Lúc ấy các cư sĩ cầm dao, kiếm đến gửi các Tỳ-kheo cất, các Tỳ-kheo sợ không dám nhận. Phật dạy: Vì đàn việt mà cất giữ chắn chắn thì cho phép.

Lại nữa, Ngũ Bách Vấn Sự có dạy: Không được dùng miệng thổi bụi trên kinh, trên tượng. Tuy chẳng phải là kinh đang dùng cũng nên cất giữ thận trọng, không được thiêu đốt kinh cũ, nếu đốt thì mắc trọng tội như đốt cha mẹ, không biết thì có tội nhẹ.

Lại nữa, luật Tăng kỳ có dạy: Đốt lửa có năm việc không lợi ích: Hoại mắt; hoại sắc; thân ốm; y phục cấu bẩn; đồ nằm hư hoại; duyên sanh phạm giới và thêm lời bàn tán của thế tục

Kinh Nguyệt Thượng Nữ có dạy: Vợ Duy Ma Cật tên là Vô Cấu, có thai đến chín tháng rồi sanh ra người con gái tên là Nguyệt Thượng.

Kinh Ly Cấu Thí Nữ có dạy: Vua Ba-tư-nặc có một người con gái tên là Duy Ma La Đạt, đời Tấn dịch là Ly Cấu Thi, chưa đầy mười hai tuổi mà thân tướng xinh đẹp tuyệt trần, thông minh tuyệt đỉnh.

Kinh Chuyển Nữ Thân có dạy: Vợ trưởng giả Tu Đạt tên là Tịnh nhật, có người con gái tên là Vô Cấu Quang.

Bài tụng viết:

*Nói qua các việc cốt yếu*
*Xả bỏ phiền não ô nhiễm*
*Vạn hạnh đoan chánh kiên cố*
*Sáu trần có thể xa lìa*
*Tâm tánh ngay thẳng, sáng suốt*
*Trong sáng rực rỡ như ngọc*
*Giống như một rừng ngọc quỳnh*
*Rõ ràng không chút tỳ vết*

CHƯ KINH TẬP YẾU
(HẾT - QUYỂN 20)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 199

# TẬP HỢP DANH NGHĨA CỦA PHÁP MÔN

SỐ 2124

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2124

# TẬP HỢP DANH NGHĨA CỦA PHÁP MÔN

*Đông Cung Học sĩ Lý sư phụng sửa,*
*tuyển chọn lời dạy của Dương Thành Công.*

Phàm, pháp thể xưa nay chan hòa vắng lặng, bình đẳng Tánh chơn, Danh, Tướng vốn không, ngôn từ đều dứt. Vậy mà, trí lực chứng chơn, rõ chẳng đồng duyên thể, người duyên vắng lặng, trở nên vô ngại biện tài. Nếu, miệng che không nói, ngu phàm giải thoát nhờ đâu? Vì thế “Vô thuyết” không ngại nơi ưa nói; “Trí tri” không tên, không hoại được giả tên. Vắng lặng nhờ tên mà thông suốt. Hẳn thì nêu pháp có tên, giải nghĩa của tên, thấm nhuần lý đạo, há việc không đáng ư?

Chỉ vì khắp ở sách kinh, có thể truy cứu, mong tập hợp gọn mà giải thích, hầu dễ xem đó.

Nay, do sở kiến, chỗ thiếu sót chưa tường, nên phân loại chia thành bảy phẩm: Phẩm Thân tâm, Quá hoạn, Công đức, Lý giáo, Hiền Thánh, Nhân quả, Thế giới.

Song, pháp môn vô lượng thức (biết) hèn có hạn, cũng như lấy ống dòm trời, nhái con đo biển, được cạn mất sâu, ngàn không một biết. Ngưỡng mong Học giả đạt thông mà bổ khuyết.

--------------------------------

## SỐ 2124

# TẬP HỢP DANH NGHĨA CỦA PHÁP MÔN

*Hán dịch: Đông Cung Học sĩ Lý sư phụng sửa, tuyển chọn những lời dạy của Dương Thành Công.*

Tóm lược tên gọi phận vị pháp số của các pháp môn.

***Thứ nhất: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm Thân Tâm***

Bốn đại là Địa, Thủy, Hỏa, Phong hòa hợp thành thân. Địa là xương thịt, hình tướng. Thủy là huyết, tủy, thấm ướt. Hỏa là hơi ấm. Phong là hơi thở ra vào.

Sáu đại là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, và Thức. Bốn đại trước đã nói còn Không đại là trống rỗng. Thức đại là tâm phân biệt (liễu biệt tâm).

Năm ấm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Năm ấm này hợp lại thành chúng sanh. Thế nào là Sắc ấm? Hình ngại là Sắc. Lãnh nhận là Thọ. Giả danh là tưởng. Phát khởi và tạo tác là Hành. Phân biệt rõ là thức. Thế nào là ấm? Ấm là ngăn che, tích tụ để thành chúng sanh.

Sáu căn là Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý do đây phát sanh sáu thức. Duyên trung gian nhiễm thức ấy là sáu trần. Mắt thọ nhận trần nào? Sắc rối loạn tưởng. Tai nhận lấy trần nào? Âm thanh buông lung chí. Mũi nhiễm trần nào? Hương xung dục ham muốn. Lưỡi nhận lấy trần nào? Vị tăng trưởng ham thích. Thân nhận lấy trần nào? Đắm nhiễm sự trơn láng. Ý nhiễm trần nào? Rong ruổi theo phân biệt. Thế nào gọi là Trần? Là được duyên với sáu căn hòa hợp làm tâm trí ô nhiễm, là nơi nhóm họp bụi trần. Sáu thức tùy theo trần làm chướng ngại trí không có Trần. Hành giả quán Không được giải (hiểu) Không có Trần, nên có thể không nhiễm Thanh, Sắc, lưỡi không ham mùi vị, không đắm trước trơn láng, không khởi phân biệt, hiểu rõ lý Vô tưởng, được danh hiệu Thánh.

Chín thức là sáu thức trước từ Nhãn đến Ý đã giải thích trước. Thức thứ bảy là A-đà-na. Thức thứ tám là A-lê-da. Thức thứ chín là A-ma-la. Tất cả có chín thức. Thế nào gọi là A-đà-na? Là tiếng Ấn độ,

dùng nghĩa này để gọi thức của ngã kiến. Ngã kiến của phàm phu do đây mà phát khởi, làm chướng ngại trí tuệ Vô ngã, khiến không được sanh. Bậc Thánh nhơn tu diệt tâm định mới có thể trừ được Hoặc này. Trừ bỏ Hoặc của Hữu ngã được trí Vô ngã. Thức A-lê-da là âm ngữ Ấn độ, dùng nghĩa này để gọi. Thức này có hai. Một là giữ gìn sắc của các căn khiến chúng không bị hoại. Hai là giữ gìn hạt giống (chủng tử) thanh tịnh, khiến cho không mất. Thức A-ma-la là âm ngữ Ấn độ, tiếng phương này (Trung quốc) dịch là Thức Bạch-tịnh, lại gọi là Phật tánh, cũng gọi là Pháp thân, thể tu các đức. Xưa nay vốn thanh tịnh, ở trong thể của bậc Thánh không tăng, người phàm cũng không giảm, chỉ có khác nhau ẩn hiện, không cao thấp sai khác. Khi phiền não che thì ẩn, trí tuệ rõ mới hiện, chẳng phải đã sanh nhân mà do hiểu nhân mà thành tựu.

Mười hai nhập là mắt nhập, tai nhập, mũi nhập, lưỡi nhập, thân nhập, ý nhập, sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập, xúc nhập, pháp nhập. Sáu căn như nhãn... là sáu nhập trong. Sáu trần như sắc... tướng đối đãi sanh ra thức là sáu nhập ngoài. Sáu nhập trong và sáu nhập ngoài gọi là mười hai nhập. Thế nào gọi là nhập? Căn trần đối đãi sanh thức, hòa nhập mà thọ nhận có thương ghét, gọi là nhập.

Mười tám giới là sáu căn, sáu trần, sáu thức. Tổng cộng ba thứ này là mười tám giới. Thế nào gọi là giới giới? Tánh phân biệt là nghĩa.

***Thứ hai: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm tội lỗi***

Nhị biên là Hữu kiến và Vô kiến. Lại có nhị biên là Đoạn kiến và Thường kiến. Hữu kiến là vì tánh pháp vốn không, không thể chấp có. Đoạn kiến là diệt nhân quả, vì nghiệp báo không mất, không thể đoạn trừ. Thường kiến là các pháp thường còn, vì pháp không có tướng Không, thì không thể là Thường. Sao gọi là Biên? Không, Hữu, Đoạn, Thường đều là sai lầm hạn hẹp, không hợp với trung đạo, nên gọi là Biên. Kinh Duy-ma dạy: Tuy thực hành Không mà gieo trồng các gốc công đức. Tuy thực hành vô tướng mà cứu độ chúng sanh. Tuy thực hành vô khởi (tác) mà sanh khởi tất cả việc lành. Đây gọi là Bồ tát thực hành mà xa lìa các biên kiến không còn chấp.

Ba độc là tham dục, giận dữ, ngu si. Ba độc này có thể sanh hàng vạn tội lỗi.

Năm dục là tham muốn Sắc, tham muốn Thanh, tham muốn Hương, tham muốn mùi Vị, tham muốn tiếp Xúc. Đây gọi là năm dục. Phước báo của trời người thọ năm dục lạc. Người tu tập đạo bỏ mà

không vướng mắc. Kinh Duy-ma dạy: Tuy phước đang có chớ nên tự ý buông lung, phải quán năm dục vô thường để tìm cầu gốc thiện, đối với thân mạng, tài sản mà tu tập pháp kiên cố.

Sáu giặc là sáu thức bị nhiễm trần có thể sanh ba độc làm hủy hoại công đức, nên so sánh với giặc. Kinh dạy: Giặc của thức này như khỉ vượn đuổi theo sáu căn.

Tám đảo là chỉ Đại Niết bàn mới có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh mà ở chúng sanh không có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Ở nơi Vô kiến, Hữu kiến cho là lý vô biên chơn thật nên gọi là đảo. Trước bốn sau bốn gọi là tám đảo.

Bốn đảo là Thường đảo, Lạc đảo, Ngã đảo, Tịnh đảo. Ngã và hết thảy pháp không có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh mà chúng sanh thấy có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh nên có bốn đảo.

Năm cái (sự ngăn che) là: Tham dục, giận dữ, thùy miên, trạo cử, nghi ngờ. Sao gọi là Cái? Là có thể che lấp người tu hành. Do ngăn che tâm mình khiến không sáng suốt. Đây gọi là Cái.

Bốn hoặc là Ngã kiến, Ngã mạn, Ngã ái, Vô minh, là do thức thứ bảy A-đàn-na sanh.

Tám tà (sai lầm) là: Tà Kiến, Tà Tư duy, Tà Ngữ, Tà Nghiệp, Tà Mạn, Tà Tinh tấn, Tà Niệm và Tà Định.

Chín não là ghét bạn tốt của ta, thương oán gia của ta và ghét thân ta. Ba loại này trái với tâm mình đều trải qua ba đời. Đây gọi là chín não.

Ba chướng là Phiền não chướng, Nghiệp chướng, Báo chướng.

Bốn ma là ma Phiền não, ma Ấm, ma Tử, ma Thiên. Bốn loại ma này có thể thoát khỏi.

Mười triền là một là không hổ, hai là không thẹn, ba là ngủ, bốn là hối hận, năm là keo kiệt, sáu là ganh tỵ, bảy là đố kỵ, tám là ngủ mê, chín là giận và mười là che.

Ba lậu là Dục lậu, Hữu lậu và Vô minh lậu.

Sáu mươi hai kiến. Năm ấm trên ở đời quá khứ đều nói đủ trong bốn câu kệ, một là như khứ, hai là bất như khứ, ba là cũng như khứ, cũng bất như khứ, bốn là phi như khứ, phi bất như khứ. Năm ấm trên ở đời vị lai đều nói đủ trong bốn câu kệ, một là hữu biên, hai là vô biên, ba là cũng hữu biên cũng vô biên, bốn là phi hữu biên phi vô biên. Năm ấm trên ở đời hiện tại đều nói đủ trong bốn câu kệ, một là thường, hai là vô thường, ba là cũng thường cũng vô thường, bốn là phi thường phi vô thường. Mỗi ấm trên đều khởi bốn kiến nên năm ấm tổng cộng là

hai mươi kiến. Trong ba đời thì có tất cả sáu mươi kiến. Tổng mục đoạn kiến, vô kiến làm căn bản. Tổng cộng là Sáu mươi hai tà kiến.

Mười Sử phiền não. Một là Thân kiến, hai là Biên kiến, ba là Kiến thủ, bốn là Giới thủ, năm là Tà kiến, sáu là Tham, bảy là Sân, tám là Si, chín là Mạn, mười là Nghi. Năm loại Tà kiến đầu gọi là lợi sử. Năm loại Tà kiến sau gọi là độn sử. Năm loại lợi sử là phiền não Kiến đế, có khả năng mê mờ khiến không thấy rõ chơn thật (mê lý). Năm loại độn sử là phiền não của Tu đạo có khả năng chướng ngại tu hành đối với sự (mê sự). Bậc Tu-đà-hoàn đoạn phiền não Kiến đế hết. Bậc Tư-đà-hàm, A-na-hàm đoạn phiền não Tu đạo mà chưa hết. Bậc A-la-hán đoạn hai vòng (Nhị luân) phiền não Kiến đế và Tu đạo trong ba cõi đều hết, nên không sanh trong ba cõi. Trong pháp tiểu thừa dùng Kiết sử này để nói rõ phiền não. Trong giáo lý đại thừa thì lấy năm Trụ để nói rõ phiền não.

Năm Trụ địa phiền não là Trụ địa Kiến nhất thiết xứ, Trụ địa Dục ái, Trụ địa Sắc ái. Tiểu thừa có ba quả bốn hướng. Bốn trụ trước đoạn dần dần phiền não mà chưa hết nên ở trong ba cõi, chịu Phân đoạn sanh tử. A-la-hán, Phật Bích chi, Tam hiền địa đầu của Bồ tát cho đến mười trụ, trở lại đoạn hết phiền não trong bốn trụ địa, nên thoát khỏi Phân đoạn sanh tử trong ba cõi, nhưng có trụ địa vô minh đang đoạn từ từ chưa hết, nên còn chịu Biến dịch sanh tử ngoài ba cõi. Kinh dạy: A-la-hán, Phật Bích Chi và đại lực Bồ tát là do ba loại ý sanh thân đều thọ Biến dịch sanh tử.

Ba loại ý sanh thân là địa thứ nhất, địa thứ hai và địa thứ ba gọi là Ma bạc đề ý lạc mà sanh thân. Địa thứ bốn, năm, sáu gọi là Giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân. Địa thứ bảy, tám, chín và mười gọi là Chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân.

***Thứ ba: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm Công đức.***

Tam quy là quy Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Tứ y là y pháp không y người, y nghĩa không y lời, y trí không y thức, y kinh liễu nghĩa không y kinh không liễu nghĩa.

Năm giới, một là không giết hại, hai là không trộm cắp, ba là không tà dâm, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu. kinh Tịnh độ dạy: Người giữ gìn giới chắc chắn được trời sai năm vị thần bảo vệ. Người giữ gìn năm giới hoàn chỉnh được hai mươi lăm vị thần giữ cửa, không khiến gặp ác.

Tám giới, một là không giết hại, hai là không trộm cắp, ba là

không dâm dục, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu, sáu là không đeo vòng hoa chuỗi hột xoa ướp dầu thơm, bảy là không ca múa xướng hát cố ý xem nghe, tám là không được ngồi giường cao dài rộng. Đây là giới của xuất gia mà người tại gia chỉ giữ trong một ngày đêm.

Mười giới Vô tận, một là không giết hại, hai là không trộm cắp, ba là không dâm dục, bốn là không nói dối, năm là không bán rượu, sáu là không nói lỗi Bồ tát tại gia và xuất gia, bảy là không vì tham lợi mà khen mình chê người, tám là không bỏn xẻn keo kiệt, chín là không sân giận, mười là không cố ý hủy báng Tam bảo tạng (Kinh, Luật, Luận), từ thân này đến thân Phật không được hủy phạm. Nếu phạm tội thì mất bốn mươi hai pháp của Hiền thánh. Đây là giới của Bồ tát.

Ba tụ giới thanh tịnh là đoạn trừ tất cả ác tức là Nhiếp luật nghi giới. Tu tập mọi việc lành tức là Nhiếp thiện pháp giới. Độ thoát tất cả chúng sanh tức là Nhiếp chúng sanh giới. Ba tụ giới này là đạo Bồ tát. Một là không giết hại, hai là không trộm cắp, ba là không tà dâm, bốn là không nói dối, năm là không nói thêu dệt, sáu không nói hai lưỡi, bảy là không nói thô ác, tám là không tham dục, chín là không sân giận, mười là không tà kiến. Trong luận Thập địa có có năm loại thập thiện. Một là mười thiện của trời người, hai là mười thiện của Thanh văn, ba là mười thiện của Duyên giác, bốn là mười thiện Bồ tát, năm là mười thiện của Phật. Sự khác nhau của năm loại nghĩa rất rộng, nói nhiều trong luận, ở đây không trình bày.

Sáu Niệm: Thứ nhất niệm Phật, Phật là đấng cha lành Vô thượng của chúng sanh. Thứ hai là niệm Pháp, Pháp là thuốc tốt trị phiền não của chúng sanh. Thứ ba là niệm Tăng, Tăng là ruộng phước ba thừa của chúng sanh. Thứ tư là niệm Giới, Giới là phòng ngừa việc quấy, đình chỉ việc ác của chúng sanh. Thứ năm là Niệm Xả, Xả là từ bỏ các tính keo kiệt chấp trước tạp nhạp của chúng sanh. Sáu là niệm Thiên, Thiên là quả báo thanh tịnh của chúng sanh. Thiên này chẳng phải trời của ba cõi mà chính là Đệ nhất nghĩa, thanh tịnh nên gọi là Thiên.

Sáu pháp Hòa kính là thân cùng ở, miệng cùng hòa, ý cùng nghĩ, giới cùng tu, thí cùng hưởng, kiến cùng giải, gọi là sáu pháp cùng. Cùng tu tập pháp của Phật xa lìa các kiêu mạn, tranh chấp nên gọi là Hòa kính, cũng gọi là Chất trực tâm.

Sáu Độ là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Đáo bỉ ngạn gọi là Độ. Nước Ấn độ chánh âm là Ba-la-mật. Ba-la là nói bờ bên kia. Mật là nói đến, tức là đến bờ bên kia. Nếu không đạt được ba việc Không thì tuy thực hành sáu việc thiện mà chỉ gọi là bố

thí, giới chứ không gọi là Ba-la-mật.

Mười Ba-la-mật, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ là sáu, thứ bảy là phương tiện Ba-la-mật, thứ tám là Nguyện, thứ chín là Lực, thứ mười là Tuệ.

Tứ Nhiếp pháp là Bố thí, Ái ngữ, Lợi ích, Đồng sự. Bồ tát dùng bốn Nhiếp pháp này để giáo hóa chúng sanh, nên gọi là bốn Nhiếp pháp.

Bốn Tâm vô lượng là vô lượng Từ, vô lượng Bi, vô lượng Hỷ, vô lượng Xả. Từ có thể ban vui lợi ích, gọi là Từ, do duyên Từ không có giới hạn gọi là vô lượng. Bi thương xót cứu giúp các khổ nạn gọi là bi. Hỷ là mừng cho người khác được. Xả là xả bỏ thương ghét, tâm luôn bình đẳng, xa lìa ba tâm trước, không chấp vào tướng gọi là Xả, nghĩa vô lượng đều giải thích như trước.

Tám sự giác ngộ của bậc Đại nhơn là: Ít muốn, biết đủ, vắng lặng, tinh tấn, không quên nhớ nghĩ, trí tuệ chân chánh, định chân chánh, không luận bàn vô ích.

Bốn việc cần thân cận là thân cận bạn tốt, lắng nghe chánh pháp, buộc tâm tư duy và như pháp tu hành.

Ba minh là rõ được Túc mạng ở quá khứ, rõ Thiên nhãn ở vị lai, rõ Lậu tận ở hiện tại.

Sáu Thông một là Thân thông, hai là Thiên nhãn, ba là Thiên nhĩ, bốn là Tha tâm, năm là Túc mạng, sáu là Lậu tận, vượt qua các ngăn cách không ngại, gọi là Thông.

Tám giải thoát, thứ nhất trong có sắc, quán sắc ngoài, là quán bất tịnh đầu tiên. Vì đạo quán chưa mạnh không thể diệt trừ sắc thân trong, chỉ quán sắc bên ngoài như các thây chết phình trướng có thể trừ được dục trói buộc nên gọi là giải thoát. Thứ hai bên trong không có sắc, quán sắc ngoài do tu tập lâu ngày, quán đạo càng mạnh, có thể tự mình diệt được các tưởng sắc thân, chỉ quán sắc bên ngoài như thây chết phình trướng. Thứ ba là giải thoát tịnh, các màu xanh, vàng, đỏ, trắng đáng yêu gọi là tịnh, quán xét xa lìa trói buộc của tịnh, gọi là giải thoát tịnh. Thứ tư giải thoát không xứ, mong cầu cõi Vô sắc, gọi là Không xứ. Lìa sự trói buộc Bốn ấm ở Không xứ, gọi là giải thoát Không xứ. Thứ năm là giải thoát Thức xứ, cảnh Không quá rộng, duyên nhiều thì buộc, chán cảnh giữ tâm, gọi là Thức. Lìa bốn ấm trói buộc ở Thức xứ, gọi là giải thoát Thức xứ. Thứ sáu là giải thoát Vô xứ hữu xứ. Vì Thức nhiều khiến tâm dẫn đến loạn, hẹp. Nếu tâm cảnh đều quên gọi là Vô xứ hữu xứ, diệt trừ được những trói buộc này gọi là giải thoát. Thứ bảy giải

thoát Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, tâm cảnh thô nên không thể hiện hành nữa. Người ngoại đạo gọi là vô tâm hành. Tánh trong pháp Phật hướng về cũng còn suy nghĩ vi tế. Đây là kết hợp. Nội, Ngoại đạo nên nói Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Thứ tám giải thoát định Diệt tận, tâm pháp đều dứt, gọi là giải thoát định Diệt tận, diệt các tâm, pháp, lìa những lỗi ở tâm, gọi là giải thoát. Những pháp này gọi là tám Giải thoát, cũng gọi là tám Bội xả, chứng đắc trên xả bỏ dưới gọi là Bội xả, là tám giải thoát.

Ba tuệ là Văn tuệ, Tư tuệ, Tu tuệ.

Hai trí là: Thật tướng, Phương tiện. Lại có hai trí: Như lý, Như lượng.

Bốn trí: Trí biết sanh mạng đã hết, trí biết phạm hạnh đã thành, trí biết việc làm đã làm xong, trí biết không còn thọ đời sau.

Hai đạo, một là kiến đạo, hai là Tu đạo. Kiến đạo kiến đạo là tỏ rõ lý gọi là Kiến (thấy), càng rõ hơn gọi là Tu, Kiến là giải vậy. Tu đạo, Tu là thực hành tu tập, có thể trừ các chướng ngại, gọi là đạo.

Bốn Tu là tu không gián đoạn, tu thời gian dài, tu cung kính, tu không sót. Tu không gián đoạn là ác và vô ký không có ngăn cách nên gọi là vô gián. Tu thời gian dài là ba đại A tăng kỳ kiếp thời gian này dài lâu. Tu cung kính là kính người trọng pháp hết lòng chí thành. Tu tất cả là tu lòng từ bi lớn làm lợi ích cho mọi người, chúng sanh và khắp pháp giới, tu trí tuệ nhiệm mầu, thực hành để lợi mình, chứng pháp nhẫn vô sanh, đầy đủ tất cả biến khắp nơi, gọi là tu không sót (vô dư).

Mười trí, một Pháp trí, hai: Tỉ Trí, ba là Thế trí, bốn là Tha tâm trí, năm là Khổ trí, sáu Tập trí, bảy là Diệt trí, tám là Đạo trí, chín là Tận trí, mười là Vô sanh trí.

Năm nhẫn, một là Phục nhẫn, hai là Tín nhẫn, ba là Thuận nhẫn, bốn là Vô sanh nhẫn, năm là Tịch diệt nhẫn. Ba bậc tam Hiền trước của Bồ tát đắc được Phục nhẫn. Từ địa thứ nhất, hai, ba của Bồ tát đắc được Tín nhẫn. Từ địa thứ tư, năm, sáu đắc được Thuận nhẫn. Từ địa thứ bảy, tám, chín đắc được Vô sanh nhẫn. Địa thứ mười là Phật đắc được Tịch diệt nhẫn.

Mười tưởng là: Tưởng về Vô thường, Khổ, Không vô ngã, nhàm chán thức ăn, tất cả thế gian đều không an vui, chết, bất tịnh, đoạn trừ, lìa dục là và Tận.

Bốn thiền là hành thiền của phàm phu ngu si, là thiền quán xét về nghĩa tưởng, là thiền duyên chơn như, là thiền định của chư Phật Như lai.

Mười hai Đầu đà, một là suốt đời xin ăn. Hai là ở nơi vắng lặng.

Ba là mặc y phấn tảo. Bốn là ngày ăn một bửa. Năm là thường ngồi thiền định. Sáu là sau giờ ngọ không ăn phi thời. Bảy là sau giờ ngọ không uống nước trái cây. Tám là chỉ có ba y. Chín là mặc áo lông thú nhỏ. Mười là ngồi dưới gốc cây. Mười một là ở chỗ đất trống. Mười hai là ở chốn nghĩa địa.

Mười Nhất thiết xứ là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Không, Thức... là Nhất thiết xứ.

Tám nơi Thù thắng. Một là tưởng trong có Sắc, quán sắc ngoài ít. Hai là tưởng trong có sắc, quán sắc ngoài nhiều. Ba là tưởng trong không sắc, quán ngoài sắc ít. Bốn là tưởng trong không sắc, quán ngoài sắc nhiều. Năm là tưởng trong không sắc, quán sắc ngoài màu xanh ít. Sáu là tưởng trong không sắc, quán sắc ngoài màu vàng nhiều. Bảy là tưởng trong không sắc, quán sắc ngoài màu đỏ ít. Tám là tưởng trong không sắc, quán sắc ngoài nhiều màu trắng.

Năm phần pháp thân là: Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát, Giải thoát tri kiến. Giới là ngăn ngừa điều quấy, dứt việc ác. Định là tâm an trú một cảnh. Tuệ là quyết đoán các duyên. Giải thoát thân là dứt hẳn trói buộc. Giải thoát tri kiến thân là giải thoát trong duyên, suy xét tường tận. Năm phần pháp thân này là Thể, công đức của Phật nên gọi là thân.

Bảy Tịnh là: Giới, Định, Kiến, độ thoát, Đạo chẳng phải đạo, thực hành để đoạn trừ, pháp Bồ đề tối thượng.

Bảy Tài là: Tín, Giới, Thí, Văn, Tuệ, Tàm và Quý vì có khả năng hổ trợ tư lương cho chánh đạo nên gọi là tài.

Bốn tướng là mình ngay thẳng, ngay thẳng cho người, có thể tùy theo hỏi mà trả lời, khéo giải nghĩa nhân duyên.

Bốn Tâm là: Tâm rộng lớn, Tâm đệ nhất, Tâm thường, Tâm không điên đảo.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo: Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chánh đạo tổng cộng là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Bốn niệm xứ là đại thừa và tiểu thừa tên gọi có khác. Bốn niệm xứ của tiểu thừa là: Quán Thân bất tịnh, quán Thọ là khổ, quán Tâm sanh diệt, quán Pháp vô ngã. Bốn niệm xứ của đại thừa là: Quán Thân như hư không, quán Thọ trong ngoài đều không, quán Tâm chỉ là tên gọi, quán Pháp thiện ác đều bất khả đắc. Bốn chánh cần là: Pháp ác chưa sanh tìm cách làm không sanh. Pháp ác đã sanh tìm cách khiến cho diệt. Pháp thiện chưa sanh tìm cách cho nó sanh. Pháp thiện đã sanh làm cho tăng trưởng. Bốn như ý túc là: Dục, Niệm, Tinh

tấn và Tuệ. Năm căn là: Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ, trước có thể sanh ra sau gọi là căn. Năm lực là: Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ, trước có năng lực truyền lại sau, vì chính yếu này nên gọi là lực. Bảy giác chi là: Niệm, Tinh tấn, Hỷ, Ỷ, Định, Xả và Trạch. Tám Thánh đạo là: Chánh Kiến, chánh Tư duy, chánh Ngữ, chánh Nghiệp, chánh Mạng, chánh Tinh tấn, chánh Niệm, chánh Định.

Mười Lực là: Thị xứ phi xứ lực, Nghiệp lực, Định lực, Căn lực, Dục lực, Tánh lực, Chí xứ đạo lực, Túc mạng lực, Thiên nhãn lực và Lậu tận lực. Mười lực của Phật là: Năng lực biết đúng hay sai, thiện chiêu cảm quả báo an vui, ác thì gặp quả khổ, nhân quả tương ứng gọi là thị xứ. Trái lại nghĩa trên gọi là phi xứ. Đức Phật ở trong hai nơi đúng, sai đều biết rõ như thật, nên gọi là Thị xứ phi xứ lực. Hai là nghiệp lực. Nghĩa là tất cả nghiệp của chúng sanh ba đời, nơi tạo nghiệp, chốn chịu quả báo, đều biết như thật. Ba là Định lực. Nghĩa là ở trong các thiền định đều phân biệt rõ cấu tịnh đều biết như thật. Bốn là Căn lực. Nghĩa là tướng trên dưới các căn của chúng sanh, đều biết rõ như thật. Năm là Dục lực. Nghĩa là biết đủ loại các tham muốn của chúng sanh khác. Sáu là Tánh lực. Nghĩa là biết các tánh của thế gian. Bảy là Chí đạo xứ lực. Nghĩa là biết tất cả tướng của nơi đạo đến. Tám là Túc mạng lực. Nghĩa là biết tất cả đời trước của chúng sanh. Chín là Thiên nhãn lực. Nghĩa là biết thiên nhãn tịnh của Đức Phật vượt hẳn trời người, thấy các chúng sanh ở khắp mọi nơi. Mười là Lậu tận lực. Nghĩa là Đức Phật đã diệt hết các lậu, giải thoát tất cả, biết rõ như thật phiền não, kiết sử rỉ chảy gọi là lậu, lậu không còn nên gọi là Lậu tận. Do trí tuệ của Như lai ở trong mười cảnh này chiếu đến vô cùng không bị ngăn ngại nên gọi là Lực.

Bốn Vô úy là: Nhất thiết trí vô úy, Lậu tận vô úy, Thuyết chướng đạo vô úy, Thuyết tận khổ đạo vô úy. Nhất thiết trí vô úy là Đức Phật tuyên bố "Ta là bậc Nhất thiết chánh trí, không có trời, người nào có thể như thật hỏi khó khiến Ta nói: Không biết Pháp này; cho đến không còn một chút sợ sệt". Lậu Tận vô úy là Đức Phật tuyên bố "Ta là bậc diệt trừ hết các lậu, không có người nào có thể như thật hỏi khó là Ta không thể diệt trừ các lậu này, cho đến không còn một chút sợ sệt". Thuyết chướng đạo vô úy là Phật tuyên bố "Ta giảng thuyết pháp chướng ngại, không có người nào có thể như thật hỏi khó là Ta thọ pháp chướng ngại thì không thể chướng đạo, cho đến không còn một chút sợ sệt. Pháp mê hoặc làm ngăn ngại bậc Thánh, gọi là chướng ngại đạo". Thuyết tận khổ đạo vô úy là Đức Phật tuyên bố "Ta thuyết giảng đạo Thánh vượt khỏi thế gian, theo đó mà thực hành thì diệt các khổ, không có trời

người nào như thật mà hỏi khó thực hành đạo của bậc Thánh thì không ra khỏi thế gian, không thể diệt hết các khổ cho đến không còn một chút sợ hãi. Có khả năng diệt trừ phiền não, gọi là Tận khổ. Nạn không lo sợ gọi là vô úy.

Bốn Trí vô ngại là Trí nghĩa vô ngại, Trí pháp vô ngại, Trí từ vô ngại, Trí lạc thuyết vô ngại. Do hiểu được nghĩa của danh tự gọi là nghĩa. Từ danh tự mà hiểu được pháp đó, gọi là pháp. Lời giảng thuyết về pháp, gọi là từ. Tùy theo sự ưa thích mà truyền trao, gọi là lạc thuyết, thông suốt, không ngưng trệ, gọi trí vô ngại.

Mười tám pháp Bất cộng. Một là thân của chư Phật không lỗi, thân luôn làm theo thiện, gọi là không lỗi. Hai là miệng không lỗi, miệng nói theo thiện gọi là không lỗi. Ba là nhớ nghĩ không sai lầm, nhớ không sai lệch, gọi là không lỗi lầm. Bốn là tướng không khác, kẻ oán, người thân đều bình đẳng bảo vệ, gọi là tưởng không khác. Năm là tâm không bất định, thường trú tam muội, không chút tán loạn, gọi là tâm định. Sáu là biết rồi xả, những việc lớn nhỏ đã trải qua trong lòng biết rồi về sau không đề cập đến, gọi là biết mà xả. Bảy là tham muốn mà không diệt, mong cầu thiện đầy đủ, gọi là không diệt. Tám là tinh tấn không diệt, chuyên tu không ngừng, gọi là tinh tấn. Chín nhớ nghĩ không diệt, giữ cảnh trói buộc trong tâm, gọi là nhớ nghĩ. Mười là tuệ không diệt, quyết đoán trong các duyên gọi là trí tuệ. Mười một là giải thoát không diệt, dứt hẳn các trói buộc, gọi là giải thoát. Mười hai là giải thoát tri kiến không diệt, đối với sự giải thoát có thể hiểu biết tường tận, gọi là giải thoát tri kiến. Biết hết thảy gọi là không diệt. Mười ba là thân làm theo trí tuệ. Hình sắc hoạt động gọi là nghiệp thân. Thân thuận theo trí gọi là tùy theo trí tuệ mà làm. Mười bốn khẩu nghiệp tùy trí hành. Mười lăm là nghiệp của ý tùy theo trí tuệ; suy nghĩ việc làm, gọi là nghiệp ý. Mười sáu là trí tuệ biết thông suốt các đời quá khứ, những việc đã qua ở quá khứ, gọi là quá khứ, có thể biết tất cả các cảnh qua rồi ở quá khứ. Mười bảy là trí tuệ biết thông suốt ở đời vị lai. Những việc chưa xuất hiện gọi là vị lai, biết thông suốt hết cảnh ở vị lai. Mười tám là trí tuệ biết rõ ở đời hiện tại. Những việc đang hiện ra gọi là hiện tại, biết rõ tất cả cảnh ở hiện tại. Mười tám pháp bất cộng này chỉ có Đức Phật mới có, các quả vị dưới không có, nên gọi là Bất cộng pháp.

Mười hiệu là Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự Trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật Bà già. Như lai là bậc nương vào đạo như thật mà thành Chánh giác, gọi là Như lai. Ứng cúng là trong đầy đủ Trí đoạn đáng

được thọ trời người cúng dường, gọi là Ứng cúng. Chánh biến tri là hiểu biết dứt trừ sai lầm, gọi là Chánh. Soi rõ các cảnh gọi là Chánh Biến tri. Minh hạnh túc là Minh và Hạnh đầy đủ, gọi là Minh hạnh túc. Thiện thệ, Thiện là khéo léo, Thệ là đi, đi đến Niết bàn không còn trở lại, nên gọi là khéo léo vượt qua. Thế gian giải là trí tuệ biết rõ hai loại chúng sanh và khí thế gian, nên gọi là Thế gian giải. Vô thượng sĩ là công đức và trí tuệ viên mãn vượt hẳn người khác, không ai sánh bằng, gọi là Vô thượng sĩ. Điều ngự trượng phu là dùng pháp tối thắng của ba thừa tùy theo căn cơ mà điều phục, gọi là Điều ngự trượng phu. Thiên nhơn sư là công đức đầy đủ, là bậc dẫn đường trời người, gọi là Thiên nhơn sư. Quả vị Phật phiên âm là Giác. Giác là không ngại nên gọi là Phật-đà. Bà-già-phạm là diệt trừ các phiền não nên gọi là Bà-già-phạm.

Năm nhãn là: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn, gọi là năm nhãn. Nhục nhãn là chướng ngại bên trong, tiếp cận với sắc. Thiên nhãn chướng ngại bên ngoài xa lìa sắc. Tuệ nhãn là chiếu tỏ quán không. Pháp nhãn là chiếu sáng các cõi. Phật nhãn là chiếu sáng cả không và hữu, vượt qua bốn nhãn trên, có thể biết tất cả đều là sáng tịnh. Khi nói về mắt đều là công dụng tốt để phân biệt cảnh nhưng không đồng nhau, nên phân ra có năm loại.

Ba mươi hai tướng của bậc đại nhân. Một là dưới bàn chân bằng phẳng. Hai là dưới bàn chân có ngàn xoáy tròn. Ba là ngón tay thon dài. Bốn là gót chân đầy đặn. Năm là chân tay đều có màn như lưới giăng. Sáu tay chân mềm mại. Bảy là mu chân đầy như vua Y-ni-cận-lộc. Tám là xương mắc cá không thấy. Chín là tay dài quá đầu gối. Mười là nam căn ẩn kín như mã vương. Mười một là thân hình cao lớn như cây Ni câu loại. Mười hai là lỗ chân trên thân đẹp. Mười ba là mỗi lông trên thân đều xoáy về bên phải. Mười bốn là thân thể sáng chói như vàng rồng. Mười lăm là quanh mình có hào quang chiếu ra một trượng. Mười sáu là da mỏng, mịn, và mềm bụi dơ không bám vào. Mười bảy là bảy nơi hai tay, hai chân, hai vai và đỉnh đầu đều đầy đặn. Mười tám là thân trên như sư tử chúa. Mười chín là cánh tay và khủy tay tròn đầy. Hai mươi là xương vai ngang bằng. Hai mươi mốt là thân tròn ngay thẳng. Hai mươi hai là bốn mươi cái răng. Hai mươi ba là răng trắng sạch. Hai mươi bốn là răng đều đặn khít nhau. Hai mươi lăm là xương má cao đầy đặn như sư tử chúa. Hai mươi sáu là đối các mùi vị đều được vị hảo hạng. Hai mươi bảy là cục thịt (trên đỉnh đầu)như búi tóc. Hai mươi tám là lưỡi dài và rộng. Hai mươi chín là âm thanh như Phạm thiên. Ba mươi là mắt xanh biếc. Ba mươi mốt là mắt sáng như ngưu vương. Ba mươi hai là có

chòm lông trắng giữa hai lông mày.

Tám mươi vẻ đẹp phụ theo. Từ cổ họng trở xuống có sáu mươi vẻ đẹp. Từ cổ họng trở lên có hai mươi vẻ đẹp. Tổng cộng là tám mươi vẻ đẹp. Từ cổ họng trở xuống có sáu mươi vẻ đẹp là. Đủ hai mươi móng tay, chân tám chỗ trong ngoài đều đầy đặn. Hai mắt cá, hai đầu gối, hai vai, hai cổ tay, hai đùi vế, hai cánh tay, hai tướng âm tàng tròn, hai bắp tay, hai sườn, hai nách, hai vú, eo lưng, tim, rốn, cổ họng đều che kín. Trên cổ họng có hai mươi vẻ đẹp. Ở giữa tai và răng có hai môi, hai lợi, hai má, hai tóc mai, hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, hai lông mi, hai vầng trán, hai xương trán. Đây gọi là trên cổ họng có hai mươi vẻ đẹp. Nếu người phạm giới thì không tính, chỉ là hạng thấp kém, huống nữa là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, tướng tốt sai khác trong ba đời vô lượng. Tu tập trong ba A tăng kỳ kiếp gọi là vô lượng, làm an vui cho chúng sanh gọi là vô lượng Tâm, mỗi mỗi việc làm lành gọi là vô lượng Hạnh, tu tập đầy đủ các công đức thì xuất hiện các tướng tốt của Như lai.

***Thứ tư: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm lý giáo***

Ba Phật là Pháp Phật, Ứng Phật và Báo Phật. Pháp Phật là pháp thân của Phật, gọi là Pháp Phật, phàm Thánh đều có, nhưng ẩn hiện có sai khác, do mê hoặc chướng ngại chưa dứt trừ. Phật, tánh thường ẩn kín, phiền não đã hết, pháp thân mới hiện, chỉ do liễu nhân mà thị hiện, không từ nhân đâu mà sanh. Báo Phật là báo thân của Phật, gọi là Báo Phật. Tu nhơn được quả gọi là Báo. Ứng Phật là ứng thân của Phật, gọi là Ứng Phật, tùy theo sự cảm ứng mà xuất hiện, gọi là Ứng. Bắt đầu tu tập Văn, Tư, Tu, tu tập nhiều có thể hiểu rõ Pháp Thân mà sanh Báo, Ứng. Luận Bát nhã dạy: Đối với lý chân thật làm hiểu rõ nhân, cũng là còn sanh nhân.

Tam bảo là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Tam bảo có ba loại. Một là Tam bảo cùng một thể. Thể của pháp thân có giác ngộ nhiệm mầu, gọi là Phật bảo. Thể của pháp thân có khuôn phép nhiệm mầu, gọi là Pháp bảo. Pháp thân xa lìa sự tranh chấp, gọi là Tăng bảo. Hai là tướng sai khác của Tam bảo. Là hóa thân lớn bằng một trượng sáu là Phật bảo. Không giảng thuyết pháp là Pháp bảo. Đại thừa từ Thập Tín trở lên; Tiểu thừa từ sơ quả trở lên, gọi là Tăng Bảo. Ba là Tam bảo trụ trì, như lấy đất làm trang thờ, làm tượng Phật đẹp để thờ, gọi là Phật bảo. Giấy trắng, lụa, bút tre dùng làm Pháp bảo. Tỳ-kheo phàm phu gọi là Tăng bảo.

Ba tạng là tạng Tu-đa-la (Kinh) giải thích về hai môn học giới, định tùy theo căn cơ để trừ bịnh. Tạng Tỳ-ni (Luật) chỉ giải thích về giới học. Tạng Ma-đức-lặc-già (Luận) chỉ giải thích về tuệ học cũng gọi là A-tỳ-đạt-ma. Ba tạng này đại thừa và tiểu thừa phân làm hai tạng, đó là Tạng Thanh văn và Bồ tát.

Ba thừa là Thanh văn, Duyên giác và Phật Bồ tát.

Năm thừa là Người, Trời, Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát thừa có thể chuyển chúng sanh từ nhơn đến quả nên gọi là Thừa.

Hai đế, một là Thế đế, gọi là Tục đế. Hai là Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là Chơn đế. Duyên pháp không tỏ rõ danh, dụng muôn ngàn sai biệt nói để hiển tướng, đều gọi là Thế đế. Đế là chân thật. Đối với phàm cho là thật nhưng với bậc Thánh chẳng phải thật, nên gọi là Thế đế. Đệ nhất nghĩa đế là chơn vọng bình đẳng, dơ sạch không hai, không thật, không tướng, không giải thích đều thuộc về Đệ nhất nghĩa đế. Bậc Thánh ra khỏi thế gian mới chứng lý này, chân thật tối thắng không gì bằng nên gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Chư Phật thuyết pháp dựa vào hai đế này cùng xiển dương một pháp mà không có chống trái nhau. Kinh Duy-ma dạy: Không ngã, không tạo, không thọ, nghiệp thiện ác cũng chẳng khác vậy. Câu trên nói rõ không tạo, không thọ, câu dưới nói có thiện ác, câu trên, dưới đâu có tương phản, có lý thì có thông suốt hợp nhau, không thể chấp sai lệch. Người đời chấp trước Không mà trái ngược với giáo pháp, đâu thể không mê mờ!

Bốn đế là Khổ đế, Tập đế, Đạo đế và Diệt đế. Bốn đế có hai, Tiểu thừa là Hữu tác Tứ đế, Đại thừa là Vô tác Tứ đế. Quả sanh tử là Khổ đế. Phiền não là Tập đế. Sự vắng lặng của bậc Thánh gọi là Diệt Thánh đế. Do không hai pháp (Trung đạo) mà đắc đạo gọi là Đạo thánh đế. Đại thừa Vô tác Tứ đế: quán khổ Thánh đế. Biết tập không hòa hợp là Tập thánh đế. Biết diệt không diệt là Diệt thánh đế. Do không hai pháp mà đắc đạo gọi là Đạo thánh đế.

Ba pháp Ấn là: Tất cả tác pháp vô thường, tất cả pháp vô ngã, Niết bàn vắng lặng. Pháp hữu vi lưu chuyển vô thường, thể nhờ duyên mà khởi, biến đổi không tồn tại, nên gọi là vô thường. Các pháp vô ngã, thể không có công dụng thực tánh tự tại, nên gọi là vô ngã. Đại thừa phân vô ngã làm hai, Niết bàn vắng lặng là diệt trừ hết không còn ba độc sáu cấu, thể vắng lặng gọi là Tịch Diệt. Nếu theo đại thừa thì cũng thông cả lý diệt. Ba pháp thành gọi là Ấn, không chuyển dời, sửa đổi gọi là Ấn.

Sáu Cấu là: Tác hại, oán hận, phiền não, lừa dối, kiêu căng, dua

nịnh.

Bốn Ưu-đàn-na là tất cả hành vô thường, tất cả hành khổ, tất cả pháp vô ngã và Niết bàn vắng lặng.

Bốn loại Tất đàn là Thế giới tất đàn, Các vị nhơn tất đàn, Đối trị tất đàn và Đệ nhất nghĩa tất đàn. Bốn pháp này bao gồm hết thảy mười hai bộ kinh và tám vạn bốn ngàn pháp tạng, đều là thật tướng, không trái nghịch nhau. Trong pháp Phật có khi dùng Thế giới tất đàn, có khi dùng đối trị tất đàn cho là thật. Có khi dùng đệ nhất nghĩa đế tất đàn cho là thật. Lại kinh Hữu Phật nhị dạ dạy: Từ đêm Đức Phật thành đạo đến đêm nhập Niết bàn, thời gian đó Đức Phật đã giảng thuyết kinh đều chơn thật, không điên đảo. Tên của tất đàn này như nói ở dưới được trích trong quyển thứ nhất của luận Trí độ.

Mười hai bộ kinh là Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Già-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-mục-đa-già, Xà-đà-già, Tỳ-Phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề là mười hai bộ kinh gọi là Tạng. Tu-đa-la là tất cả Kinh căn bản và hết thảy pháp luận. Từ " Nghe như vầy...vui vẻ phụng hành" không hỏi quyển thứ bao nhiêu, đều gọi là Tu-đa-la. Kỳ-dạ là thuyết trực tiếp kệ, không thuyết lại. Kinh Thọ ký, như Đức Phật Thích Ca thọ ký cho Bồ tát Di Lặc đời vị lai thành Phật là Thọ ký. Già-đà là kệ tụng lại không thuyết trực tiếp. Ưu-đà-na là kinh không hỏi mà tự nói. Ni-đà-na là kinh nói về nhân duyên. A-ba-đà-na là kinh Thí dụ. Y-đế-mục-đa-già là kinh kinh giới, cũng gọi là kinh Bổn sự. Xà-đà-già là kinh Bổn sanh. Như Đức Phật Thế tôn xưa kia làm Bồ tát đã từng làm thân này. Tỳ-Phật-lược là kinh quảng, gọi là kinh Đại thừa phương đẳng, nghĩa rất rộng lớn như hư không. A-phù-đà-đạt-ma gọi là kinh Vị tằng. Như Đức Phật khi mới sanh mười phương đều đi bảy bước, khi cúng dường mật, đảnh lễ xin nghe thuyết pháp, những việc xưa như vậy gọi là kinh Vị tằng hữu. Ưu-ba-đề-xá là kinh luận nghị. Như Đức Phật Thế tôn đã giảng kinh, phân biệt, biện luận rộng rãi về các tướng.

Ba loại Bát nhã, một là Thật tướng bát nhã. Hai là Quán chiếu bát nhã. Ba là Văn tự bát nhã. Thật tướng bát nhã là lấy lý làm thể. Thể hoàn toàn không hư dối, căn bản là chân thật. Thể đã ấn thì hiện rõ hình, gọi là tướng, cũng có thể cho vô tướng là tướng. Quán chiếu bát nhã là lấy trí tuệ làm thể, thể là bát nhã, quán chiếu là dụng. Thể dụng hòa hợp mà nói nên gọi là quán chiếu bát nhã. Văn tự bát nhã là lấy âm thanh lời nói để giải thích làm thể, văn tự chẳng phải là bát nhã, vì sao gọi là Bát nhã? Vì một là thường sanh bát nhã. Hai là luôn giải thích bát nhã. Trong nhân mà nói quả đã qua, nên gọi là Bát nhã.

Hai loại Niết bàn, một là tánh tịnh Niết bàn, hai là phương tiện Niết bàn. Tánh lý chơn thật thanh tịnh tự nhiên, thể thông cả ba cõi, đức tròn đầy, vốn không tăng giảm, tuy ẩn hiện theo duyên mà thể thì không nhiễm, cho nên lấy tên để hiểu rõ thật, gọi là Tánh tịnh Niết bàn. Phương tiện tịnh là bản tánh nhận thức của chúng sanh tuy có chơn tánh nhưng bị phiền não che lấp, nên chẳng xét lại được chính mình, chủ yếu nhờ sách vở, thiện tri thức chỉ bảo mới thuận theo giáo lý tu tập thì sự lý mới sáng tỏ, hiểu biết càng tăng, phiền não mê hoặc diệt hết, bấy giờ Thể, Dụng, Hạnh mới được phương tiện thực hành. Vì thế, quả không tự mình ra sức có sai khác diệt phiền não mà có thành. cho nên từ nghĩa Năng tác (chủ thể) cho mình gọi là phương tiện tịnh. Gồm có: Tánh Phân biệt, tánh Y tha, tánh Chơn thật.

Hai vô ngã. Một là Nhơn vô ngã, hai là Pháp vô ngã. Nhơn vô ngã cũng gọi là chúng sanh không, còn gọi là Nhơn không. Bắt đầu là từ chúng sanh không cho đến Phật không gọi là Nhơn không, như lấy lông rùa để phá chấp. Pháp vô ngã cùng gọi là pháp không. Ngũ ấm của chúng sanh là không, cho đến ngũ ấm của Phật cũng không, gọi là Pháp không. Năm ấm là pháp thành tựu chúng sanh, thể năm ấm là không, gọi là pháp không, như ở trên dụ lấy sừng thỏ mà phá chấp.

Ba vô tánh. Một là tánh Vô tướng, hai là tánh Danh sanh, ba là tánh Vô tánh. Tánh Vô tướng là các pháp căn trần chấp vào lý vắng lặng, gọi là tánh Vô tướng. Vô Sanh tánh là các nhận biết của tâm bám vào lý mà không khởi, gọi là tánh Vô sanh. Tánh Vô tánh là trừ bỏ hết hai loại trên, gọi là tánh Vô tánh. Vô tánh thể là một, từ đây giải thích mà có ba tên đó, gọi là tánh Vô tánh.

Ba không, một là Tam muội không, hai là Tam muội vô tướng, ba là Tam muội vô nguyện. Gọi ba không là do chúng sanh mê chấp, tính toán nhiều nhưng nói tổng quát chỉ có ba loại để đối trị các mê hoặc nên nói Không, không cũng là ba. Ba mê hoặc là chấp vào hữu, nên còn có không. Hai là có tướng trạng nên muốn diệt trừ thì dùng vô tướng. Ba là do hữu tình còn mong cầu nên rộng phải dùng Vô nguyện. Tam muội không sanh ấm không thật gọi là không, dơ cấu đình chỉ ở không này gọi là Tam muội Không. Tam muội Vô tướng là hoàn toàn không có hình tướng, gọi là Vô tướng, đình chỉ suy nghĩ về vô tướng, gọi là tam muội vô tướng. Tam muội vô nguyện là không có sự mong cầu, gọi là Vô nguyện, an nhiên không mong cầu, gọi là tam muội Vô nguyện.

Ba Vô vi là Số diệt vô vi, Phi Số diệt vô vi và Hư không vô vi. Số diệt vô vi đại thừa và tiểu thừa đều dùng phẩm số trí tuệ để đoạn

trừ phiền não, tùy chỗ mà diệt bỏ từng phần, gọi là Số diệt vô vi. Phi Số diệt vô vi là vạn vật thế gian có thành tức có hoại, lâu ngày tự diệt, không do trí đoạn, như cỏ khô, cây mục, hoa héo, quả rụng như các loại này gọi là Phi Số diệt vô vi. Hư không vô vi là thể trống rỗng là pháp không phải tạo tác, gọi là Hư không vô vi.

Mười tám Không là Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Không không, Đại không, Đệ nhất nghĩa không, Hữu vi không, Vô vi không, Tất cánh không, Vô thỉ không, Tán không, Tánh không, Tự tướng không, Chư pháp không, Bất khả đắc không, Vô pháp không, Hữu pháp không và Vô pháp hữu pháp không. Mười tám pháp không này cứ thứ tự làm mê hoặc chúng sanh, không thể từ bỏ ngay. Nghe lời nói khởi sanh chấp còn ngưng trệ, nên cần có mười tám pháp Không này để phân tán mê hoặc. Trong luận Lục túc đại trí độ giải thích rõ nghĩa này, nghĩa rộng lớn nên không thể trình bày đủ ở đây.

Ba chuyển là: Một Thị tướng chuyển, hai là Khuyến tướng chuyển, ba là Chứng tướng chuyển. Thị tướng chuyển là chỉ rỏ tướng của Hữu tác, Vô tác Tứ đế. Đây là Khổ, Đây là Tập, Đây là Diệt, Đây là Đạo, gọi là Thị tướng chuyển. Khuyến tướng chuyển là khuyên biết, khuyên tu tướng của Tứ đế. Khổ nên biết, Tập nên đoạn, Diệt nên chứng, Đạo nên tu, gọi là Khuyến tướng chuyển. Chứng tướng chuyển, Đức Phật dạy: Khổ Ta đã biết, Tập Ta đã đoạn, Diệt Ta đã chứng, Đạo Ta đã tu, gọi là Chứng tướng chuyển. Kinh dạy: Ba chuyển pháp luân ở trong Đại thiên là nghĩa này, cũng có thể chuyển giáo lý Ba thừa nên gọi là Ba chuyển.

Bảy loại Thiện một là trước, giữa và sau đều thiện. Hai là nghĩa đó chơn thật. Ba là lời nói khéo léo. Bốn là tiếng nói trong thanh. Năm là đúng không tạp loạn. Sáu là đầy đủ sự trong sáng. Bảy là tướng của phạm hạnh.

Luận năm minh là Nội minh, Nhân minh, Thanh minh, Y phương minh, Công nghiệp minh. Nội minh là luận trong giáo lí của Phật. Nhân minh có thể đánh đổ các luận phái khác, biện minh cho nghĩa lý của mình, gọi là Nhân luận. Thanh minh là hiển bày tất cả âm thanh với những lời nói khéo léo khác nhau, gọi là Thanh luận. Y phương minh có bốn loại. Một là biết rõ nguyên nhân của bịnh có khác nhau. Hai là biết rõ nguyên nhân của bịnh. Ba là có khả năng chữa trị bịnh đã phát sanh. Bốn là có khả năng chữa trị bịnh đã phát sanh và không còn tái phát. Công nghiệp minh là biết rành sự thành công các việc ở thế gian. Năm loại minh này Bồ tát đều mong cầu.

***Thứ năm: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm Hiền thánh***

Bảy bậc Học nhơn là Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, A-la-hán quả đây là bảy bậc Học nhơn của tiểu thừa. Tu tập mà chưa đạt đến gọi là hướng còn đạt được gọi là quả. Bảy bậc Học nhơn này trong pháp tiểu thừa, quả thực hành chưa đầy đủ, tiến đến chưa nghỉ, gọi là Học nhơn. Chỉ có bậc A-la-hán trong tiểu thừa quả mới đầy đủ, không tiến tới học nữa, nên gọi là bậc Vô học. Nếu ở trong pháp đại thừa chỉ có Phật là bậcVô học.

Bốn quả Sa môn là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Quả Tu-đà-hoàn là tiếng Trung quốc, là tu tập vô lậu cũng gọi là Nghịch lưu, hay Giải trái (trút bỏ gánh nặng) đây là quả đầu tiên của bậc Thánh, hiểu được vô ngã, thấy chơn đế, mãi mãi đoạn trừ các hữu lậu mê hoặc, nên gọi là tu tập vô lậu, đã hiểu được vô lậu chơn chánh có thể quay lưng sanh tử nên gọi là Nghịch lưu, nghịch dòng sanh tử. Với năng lực mạnh vô lậu này có thể trừ bỏ khổ não trong ba đường, trút bỏ nợ ở ba chốn. Tư-đà-hàm là đoạn hết nhanh các hoặc vi tế của tu đạo mà ba bậc đều trừ bỏ, cho đến phiền não của Tu đạo ở cõi Dục. Đây phân làm chín phẩm. Sáu phẩm trước là thô, ba phẩm sau là tế. Bậc Tư-đà-hàm đoạn trừ sáu phẩm trước. Sau đó trú trong ba phẩm tế làm mỏng dần. Quả đó còn giữ tên từ tiếng Ấn độ nên gọi là Tư-đà-hàm. A-na-hàm là tiếng Ấn độ, Trung quốc dịch là Bất hoàn cũng gọi là Xuất ứ nê đã đoạn trừ hết phiền não cõi Dục, sanh lên cõi thứ hai chỉ còn một lần sanh lại cõi Dục nên gọi là Bất hoàn. Phiền não cõi Dục như bùn dơ, diệt trừ hết cả nên gọi là ra khỏi bùn lầy Dục giới. Quả đó còn giữ tên từ tiếng Ấn độ gọi là A-na-hàm. A-la-hán, Trung quốc dịch là Ứng cúng, cũng gọi là Sát tặc, hay Bất sanh có đầy đủ Trí, Đoạn xứng đáng thọ vật cúng dường, gọi là Ứng cúng. Người có công đức cướp lấy phiền não của ba cõi, trừ sạch hết xong, nên gọi là Sát tặc. Phiền não đã hết, hạt giống nghiệp tiêu tan, không còn thọ sanh trong ba cõi. Quả này tiếng Ấn gọi là A-la-hán. Bốn quả này thông cả đại thừa lẫn tiểu thừa. Trong pháp đại thừa, quả vị Phật là A-la-hán.

Hai quả Phật Bích chi. Một là xuất hiện ở đời mà không có Phật, tự mình quán xét lý vô thường mà đắc đạo, gọi là Duyên giác Bích chi. Hai là ra đời gặp Phật nghe pháp Mười hai nhân duyên, quán lý nhân duyên mà ngộ đạo, gọi là Thanh văn Bích chi, ở trong ba thừa đây là bậc Trung, cũng được hai loại Niết bàn Hữu dư, Vô dư. Phật Bích chi Trung quốc gọi là Duyên giác. Bích chi là Duyên, Phật là Giác.

Bồ tát Ma ha tát thừa. Bồ tát Trung quốc gọi là chúng sanh có tâm đạo. Ma ha tát là chúng sanh có tâm đạo lớn. Người này phát tâm mong cầu Phật, lợi mình và người, thực hành đầy đủ sáu độ, tu tập tướng tốt của Phật, học oai nghi của Phật, an trú trong biệt giáo của ba thừa, gọi là Đại thừa.

Mười Tín của Bồ tát là quả vị Tập chủng tánh đầu tiên bên ngoài của Phàm phu. Mọi người trong ba thừa xả bỏ các tập khí phân biệt xưa để hồi tâm hướng về phát khởi mười tâm lớn. Một là tâm Tín, tin tưởng Phật mà vui trú trong Đại thừa, quay về tôn sùng pháp bất nhị quyết định không nghi. Hai là tâm Niệm, đối với sáu chỗ nhớ nghĩ luôn nhớ không quên. Ba là tâm Tinh tấn, theo sự nhớ nghĩ mà chuyên cần tu tập, quán xét chơn chánh. Bốn là tâm Tuệ là quán xét lại hai thứ Pháp và Nhơn đều không có ngã. Năm là tâm Vô định, giải Không, vắng lặng, chỉ tâm tĩnh lặng ở lý. Sáu là tâm Bất thoái, chánh quán thông suốt cả hai, tâm không thoái lui về sau. Bảy là tâm hồi hướng, tất cả đều bình đẳng hồi hướng để xả bỏ. Tám là tâm Hộ pháp, hiểu lý chắc chắn thọ trì không hủy hoại. Chín là tâm Giới, khéo giữ gìn nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh. Mười là tâm Nguyện, do ba nghiệp làm thiện, chính là mong cầu quả vị Bồ đề gọi là tâm Nguyện.

Tập chủng tánh có mười trụ của Bồ tát. Đây là quả vị đầu tiên của tam Hiền trong phẩm hạ Nội phàm. Một là trụ Phát tâm, bắt đầu từ cảnh giới phàm phu phát tâm đạo Vô thượng, trải qua thời gian thực hành về trí tuệ, đa văn rộng lớn của các Thánh, mới vào không giới trụ tánh, do người kia phát tâm mà được trụ này. Hai là trụ Trị địa, càng hiểu rõ hơn để đối trị tám vạn bốn ngàn pháp môn, xa lìa các trần uế, tâm địa hiển bày. Ba là trụ Tu hành, khéo quán các pháp môn đối trị, trí tuệ chiếu sáng, hiểu rõ tâm vượt qua cảnh, tu tập mọi sự nhận biết nên gọi là trụ tu hành. Bốn là trụ Sanh quý, lý hiểu rõ, thống tỏ tất cả, lại sanh trong pháp tánh chơn như, lý nghĩa đều thanh tịnh vắng lặng, gọi là trụ Sanh quý. Năm là trụ Phương tiện cụ túc, vượt qua sự hổ trợ không và có, phước, trí, khéo tu tập không dừng, muôn điều cởi bỏ đều quay lại, nên gọi là trụ Phương tiện cụ túc. Sáu là trụ Chánh tâm, đắc được trí tuệ chơn thật tường tận, tâm an ổn với lý đúng đắn, gọi là trụ Chánh tâm. Bảy là trụ Bất thoái, không, có và không hai, hiểu được chơn lý một cách vững vàng, gọi là trụ Bất thoái. Tám là trụ Đồng chơn, từ khi phát tâm đến vị lai xa rời nhị biên, không khởi phiền não, tăng trưởng giải ngộ chơn lí, khế hợp cùng vô sanh, đắc được pháp phần của Phật, gọi là trụ Đồng chơn. Chín là trụ Pháp vương tử, đã theo pháp hóa độ chúng

sanh, đắc được phần pháp của Phật, có thể trị chân tông, khiến đứng vững trong đạo Bồ đề, gọi là trụ Pháp vương tử. Mười là trụ Quán đảnh, quán đạt chân tông, lý soi khắp tịnh, giải thoát viên mãn tối thượng, gọi là trụ Quán đảnh.

Tánh chủng tánh có mười hạnh của Bồ tát, đây là quả vị tam Hiền trong phẩm trung. Một là hạnh Hoan hỷ, trước đã quán giải (hiểu) đầy đủ, nay theo sự hiểu đó tự thực hành và giáo hóa người, xa lìa tà kiến điên đảo, vì vui trừ bỏ được lợi, gọi là hạnh Hoan hỷ. Hai là hạnh Nhiêu ích, làm lợi mình đã sâu làm lợi người càng rộng, gọi là hạnh Nhiêu ích. Ba là hạnh Vô sân hận, khéo làm lợi người, Từ, Bi, Hỉ, Xả kẻ oán người thân đều bình đẳng, yêu ghét không hai, gọi là hạnh Vô sân hận. Bốn là hạnh Vô tận, do tâm không nhàm chán, cứu độ chúng sanh không mệt mỏi, hành lợi tha tăng tiến không ngừng nghỉ, gọi là hạnh Vô tận. Năm là hạnh ly si loạn, tuy hành hữu vi để độ chúng sanh mà không chấp tướng nhơn, ngã; vì vẫn còn bị Hoặc nên chuyên tâm không rời niệm Tam muội Phật, gọi là hạnh Đoạn si loạn. Sáu là hạnh Thiện hiện, tâm thường an trú Không mà thể hiện tâm từ bi giáo hóa muôn loài đều như mình, gọi là hạnh Thiện hiện. Bảy là hạnh Vô trước, tâm "Không" không trụ ở không có, hành hữu vi không nhiễm (chấp) tướng tịnh, loạn đều dạo qua, không ngưng trệ, chẳng chướng ngại, gọi là hạnh Vô trước. Tám là hạnh Tôn trọng, thường thực hành có và không mà chẳng bị lây động có không, không chánh thì nên dùng các pháp bình đẳng, tất cả đều như nhau, không thể loại bỏ, có tâm tôn trọng pháp, gọi là hạnh Tôn trọng. Chín là hạnh Thiện pháp, tự thực hành tốt các pháp, dùng các pháp này truyền trao cho người để trở thành pháp mẫu mực, gọi là hạnh Thiện pháp. Mười là hạnh chơn thật, đối với chơn đế hành tự lợi thành hạnh, với Tục đế hành lợi tha, Chơn đế không bỏ, Tục đế cũng không trái nghịch, đối với ngụy gọi là Chơn, không phải hư gọi là Thật, nên gọi là hạnh chơn thật.

Đạo chủng tánh có mười Hồi hướng, cũng gọi là Giải hạnh địa, quả vị tam Hiền trong phẩm thượng nội phàm. Một là hồi hướng cứu hộ tất cả tướng chúng sanh. Bồ tát nhiếp phục không vì chúng sanh đó không hợp an trú trong Không, nhiếp phục có vì chúng sanh không để chấp trước ở đời, đều đem tà kiến điên đảo hướng về đạo chơn chánh cứu hộ hết hết thảy chúng sanh, lìa tướng chúng sanh mà hối hướng. Hai là hồi hướng Bất hoại, có tức là hữu vi không bị ngăn ngại, đem về Vô vi mà hướng đến Hữu vi tức Vô vi không đồng, Hữu vi và Vô vi đều thông suốt, nghĩa là thực hành thì thành tựu chẳng gì hủy hoại được, gọi

là hồi hướng Bất hoại. Ba là hồi hướng Đẳng nhất thiết Phật. Nếu như thực hành pháp Hữu vi hoàn toàn bình đẳng thì cùng với Bồ đề của chư Phật ba đời, gọi là hồi hướng Đẳng nhất thiết Phật. Bốn là hồi hướng Chí nhất thiết xứ. Nếu thường thực hành pháp chân thật khắp mọi nơi thì gọi là hồi hướng Chí nhất thiết xứ. Năm là hồi hướng vô tận Công đức tạng, đạt được tất cả các pháp chơn thật, nên thường theo lý chơn thật mà đạt được hạnh. Chứa góp tập hợp các việc thiện, lợi ích thấm nhuần vô cùng tận, gọi là hồi hướng Công đức tạng. Sáu là hồi hướng Thuận bình đẳng thiện căn, tức là do làm bình đẳng mọi việc lành nên tăng trưởng lợi ích, gọi là hồi hướng Thuận bình đẳng thiện căn. Bảy là hồi hướng Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh, pháp giới chúng sanh bình đẳng thuần nhất, gọi là hồi hướng Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh. Tám là hồi hướng Như tướng, tất cả chúng sanh đều như vậy, hết thảy pháp cũng như thế, chơn như không hai, không khác, tướng đạo như vậy, đều dung thông, gọi là hồi hướng Như tướng. Chín là hồi hướng Vô tướng, vô phược giải thoát, chơn như của chúng sanh xưa nay không bị ràng buộc Như như tức chúng sanh, chơn như không thể nắm bắt, đạo thông suốt vi diệu không bị ngăn ngại, gọi là hồi hướng Vô tướng, vô phược giải thoát. Thứ mười là hồi hướng Pháp giới vô ngại, chứng đạt các pháp đều là thật tướng của chơn như, với những sự trói buộc mà thông suốt, không có giới hạn, gọi là hồi hướng Pháp giới vô ngại. Từ đây trở lên ba mươi tâm trước là quả vị của tam Hiền trước địa. Dùng ba phẩm Phục nhẫn để diệt trừ tướng của Ngã, tướng tâm không khởi, thực hành thuận theo thiện, gọi là Hiền, nhưng chưa đoạn hết các tướng ngã, nên gọi là Nội phàm phu. Nếu thực hành quán Vô tướng thì vẫn còn đối đãi, thế nên vẫn gọi là đia vị của thế gian.

Thánh chủng tánh có mười địa của Bồ tát, từ đây trở về sau là quả vị của bậc xuất thế. Thứ nhất là địa Hoan hỷ, mới ra khỏi cảnh giới phàm phu, bắt đầu chứng được cảnh của bậc Thánh, trong tâm vui mừng dung hòa hiện ra bên ngoài nên luận Địa trì dạy: Chứng quả vị đầu tiên của bậc Thánh sanh khởi nhiều niềm vui, gọi là địa Hoan hỷ. Dùng Văn, Tư, Tu làm trí gia hạnh đoạn trừ vô minh tánh ngã của phàm phu, đạt được công đức đầy đủ làm tăng thượng Bố thí Ba-la-mật. Hai là địa Ly cấu, tu tập pháp Trung đạo vi diệu, diệt trừ pháp cấu uế, gọi là địa Ly cấu, dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết tất cả vô minh tà hạnh sanh khởi của chúng sanh, đạt được công đức tối thắng làm tăng thượng Giới Ba-la-mật. Thứ ba là địa Minh tùy theo Văn, Tư, Tu để soi tỏ các pháp, gọi là địa Minh. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh đã quên Văn,

Tư, Tu khổ não lâu dài trong tâm, đạt được công đức thắng lưu làm tăng thượng Nhẫn Ba-la-mật, đây trở về ba địa trước là tu tập chung Tam-ma-đề của đại thừa. Bốn là địa Diệm là thiền định ánh sáng bên trong phát ra trí tuệ bên ngoài soi tỏ các pháp giả dối đối với sự vắng lặng, nên gọi là địa Diệm. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, những phiền não vi tế sanh thân kiến, đạt được công đức vô nhiếp làm tăng thượng Tinh tấn Ba-la-mật. Năm địa Nan thắng, trí phương tiện khéo léo vượt khỏi thế gian hay cứu độ những việc khó độ, gọi là địa Nan thắng. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, bát Niết bàn của thừa dưới, đạt được công đức không khác làm tăng thượng thiền Ba-la-mật. Thứ sáu địa Hiền tiền, trí tuệ rộng lớn hiển hiện. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, hành tướng thô, đạt được công đức thanh tịnh không nhiễm làm tăng thượng Bát nhã Ba-la-mật, từ đây trở về ba địa trước thì tu tập tất cả phước đức sanh Tam-ma-đề. Thứ bảy địa Viễn hành, chiếu soi các pháp thấy là Không, với có mà không chấp trước, thấy pháp rõ Không, đối với Không chẳng có chứng mà vẫn vượt khỏi chín cõi hai thừa ở thế gian, gọi là địa Viễn hành. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, các hành tướng vi tế, đạt được công đức không phân biệt làm tăng thượng Phương tiện Ba-la-mật. Thứ tám địa Bất động, Hành của báo thuần thục Vô minh, không gián đoạn, gọi là địa Bất động. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, với vô minh làm công dụng của tâm, đạt được tất cả công đức làm tăng thượng Nguyện Ba-la-mật. Thứ chín địa Thiện huệ, các nạn sắc ngăn che đã trừ, tâm ngưng trệ diệt sạch, thuyết pháp năng lực vô ngại, thành tựu lợi ích, nên gọi là địa Thiện huệ. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, được lợi ích chúng sanh chẳng do công dụng, đạt được công đức trí tự tại làm tăng thượng Lực Ba-la-mật. Từ đây trở về ba địa trước tu tập chung Tam-ma-đề Hiền Hộ (thiền định). Thứ mười là địa Pháp vân, tự đắc được vô biên pháp thiện, làm lợi ích quần sanh, tâm bi che phủ như mây, pháp thấm nhuần như mưa khiến cho các căn lành khai mở, nghĩa đạo thấm nhuần. Trong luận Địa dạy: Đắc được pháp thân lớn hoàn toàn tự tại, gọi là địa Pháp vân. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, và các pháp không tự tại, đạt được công đức nghiệp nhân ở nơi tâm, làm tăng thượng Trí Ba-la-mật. Tất cả các địa này tu tập Tam-ma-đề trong kinh Thủ lăng. Mười một là địa Đẳng giác thể uyên thâm thật vắng lặng, tâm an ổn bình đẳng, các trí chỉ có một tướng không hai, gọi là địa Đẳng giác, cũng gọi là địa Vô cấu, đoạn trừ hết các tập khí phiền não, nên gọi là tâm Kim cang đoạn trừ Vô minh trụ địa. Mười hai là địa Diệu giác, trong chiếu sáng

viên mãn, thông suốt các pháp tánh, thể không tu mà thật vô cùng tận, gọi là Diệu giác cũng gọi là địa vị Phật, các trí Bồ đề vô thượng xuất hiện, vững chắc về sau đạt được Cực thường quả, an trú trong Đẳng giác trước, diệt trừ hết các tập khí sanh tử phiền não, gọi là đạo Vô ngại. Ở địa này chứng được quả Bồ đề và quả ngoài Niết bàn, gọi là đạo giải thoát. Mười hai bậc Thánh trước, gọi là địa. Có hai là nghĩa của Thể. Vì có khả năng giữ gìn vạn đức, nên gọi suốt chung là Địa.

Bốn mươi hai Hiền Thánh là mười Giải, mười Hạnh, mười Hồi hướng, mười Địa, Đẳng giác và Diệu giác, tổng cộng gồm bốn mươi hai Hiền Thánh.

Mười hai trụ địa là trụ Chủng tánh, trụ Giải hạnh, trụ Hoan hỷ hạnh, trụ Tăng thượng giới Tăng thượng ý, trụ Đạo phẩm tương ưng tăng thượng huệ, trụ Hữu hành hữu khai phát vô tướng, trụ Vô hành vô khai phát vô tướng, trụ Vô đắc, trụ Tối thượng Bồ tát, trụ Bồ tát thị Bồ tát địa vị và trụ Hành đức kiên cố. Các trụ khác nhau không đồng. Mười hai trụ này trong kinh Duy ma dạy: Trong tâm ta có mười nhà hai năm là mười hai chỗ chính là mười hai năm, chẳng phải là một năm có mười tháng ở thế gian.

Bốn hướng bốn quả của đại thừa. Tu-đà-hoàn hướng là tam Hiền Bồ tát trước địa. Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả của đại thừa là địa đầu tiên, Hoan hỷ địa của Bồ tát. Tu-đà-hoàn quả, hướng, Tư-đà-hàm của đại thừa là địa thứ hai, thứ tư, thứ năm của Bồ tát. Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả của đại thừa là địa thứ sáu của Bồ tát. Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hướng là địa thứ bảy của Bồ tát. A-na-hàm quả là địa thứ tám của Bồ tát. A-la-hán hướng là địa thứ chín của Bồ tát. A-la-hán quả là địa thứ mười của Bồ tát. A-la-hán quả là Phật thừa. Vì địa thứ mười đồng với trụ cứu cánh của Phật, gọi là quả A-la-hán.

Bốn vị, một là vị Nguyện lạc, hai là vị Kiến, ba là vị tu, bốn là vị Cứu cánh. Vị Nguyện lạc là ba mươi tâm trước địa của Bồ tát tổng cộng gọi là vị Nguyện lạc, chỉ dùng trí tuệ này mà biết pháp thân, chứ chưa do trí chướng mà rõ chơn như. Do tâm mong cầu thấy biết nên gọi là Nguyện lạc. Mười Tín của Bồ tát do còn thọ phân đoạn sanh tử trong ba cõi, có phần hiểu biết quán xét Sanh không, đối trị Xiển-đề không tin làm chướng ngại, đoạn trừ trú địa phiền não, dứt hết quả báo phân đoạn sanh tử mới nhập vào quả vị của mười Giải. Mười quả vị Giải của Bồ tát do quán Sanh không mà thành tựu để đối trị với ngoại đạo chấp trước ngã làm chướng ngại. Mười hạnh của Bồ tát quán xét về tác pháp Không, tu Hạnh lợi mình và người, đối trị chướng ngại tự lợi của Thanh

văn. Mười Hồi hướng của Bồ tát quán thành tựu được pháp Không, sanh khởi nguyện lực từ bi lớn, phân ra nhiều thân trong sáu đường để giáo hóa chúng sanh để đối trị chướng ngại tính tự ái của Độc giác. Ba mươi tâm trước địa của Bồ tát này đối trị chướng ngại Bốn chủng, chỉ trừ được Chánh sử chứ chưa đối trị được tập khí, chỉ có mười địa của Bồ tát mới đoạn trừ được tập khí đó. Tiếp đến đối với mười địa, tên gọi như phần dưới đây ghi. Kiến vị là được nhập vào địa thứ nhất thấy được chơn như Phật tánh trong bản thân, nên gọi là kiến vị. Tu vị là từ địa thứ hai đến địa thứ bảy, tu tập còn có dụng tâm để thực hành. Cứu cánh vị là từ địa thứ tám đến địa thứ mười, không còn dụng tâm tu tập, liện tục cho đến khi chứng được quả vị Phật, nên gọi là Cứu cánh vị.

***Thứ sáu: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm Nhân quả.***

Ba Hành là làm thiện, làm ác và làm bất động. Phước đức của hàng trời người, gọi là làm thiện. Tội báo trong ba đường gọi là làm ác. Địa Không ở Vô sắc giới và Sắc giới, gọi là làm bất động.

Ba nghiệp là Nghiệp Trắng, nghiệp Đen và nghiệp không trắng không đen. Nghiệp hàng trời, người là trắng. Nghiệp trong bốn đường gọi là đen. Nghiệp vô lậu gọi là không trắng không đen.

Bốn Báo là một là Hiện báo, hai là Sanh báo, ba là Hậu báo, bốn là Bất định báo. Hiện tại được quả báo gọi là Hiện báo. Vị lai mới sanh quả báo gọi là Sanh báo. Từ ba đời đã qua mới được quả báo, gọi là Hậu báo. Khi gặp duyên mới thọ nhận, không nhất định trong ba thời,gọi là Bất định báo. Nghiệp thiện hay ác đều có bốn báo.

Hai Báo, một là Y báo, hai là Chánh báo. Quả ở ngoài thân gọi là Y báo. Như những việc thiện ác trong đất nước. Quả báo trên thân gọi là Chánh báo. Như những hình tướng tốt đẹp, xấu xí.

Mười Nhân. Tùy thuyết nhân, Dĩ hữu nhân, Chủng thực nhân, Nhiếp nhân, Sanh nhân, Trưởng nhân, Tự chủng nhân, Cộng kỳ nhân, Tương vi nhân và Bất tương vi nhân.

Bốn Duyên là Nhân duyên, Thứ đệ duyên, Duyên duyên và Tăng thượng duyên. Do duyên tiếp xúc sanh ra gọi là Nhân. Thành tựu Nhân hiện ra Duyên, nên gọi là Nhân duyên. Thứ đệ duyên là tâm sau nối tiếp tâm trước, các pháp tuần tự làm duyên cho nhau, gọi là Thứ đệ duyên. Duyên duyên là sáu thức thường duyên với sáu trần gọi là Duyên, sáu trần cùng với duyên pháp đó làm duyên, gọi là Duyên duyên. tăng thượng duyên là sáu căn cùng các pháp sanh ra thức, có năng lực mạnh, gọi là Tăng thượng dụng. Tăng thượng pháp làm duyên gọi là Tăng

thượng duyên.

Mười hai Nhân duyên là Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử. Vô minh duyên Hành là đối với duyên mà không hiểu rõ gọi là Vô minh. Do Vô minh nên phát ra hành động. Hai chi Vô minh và Hành là thuộc về Nhân quá khứ. Hành là nghiệp sanh tử. Hành duyên Thức là do hành nghiệp quá khứ phát sanh thức ở hiện tại, thần thức ban đầu thọ sanh gọi là Thức. Thức duyên Danh sắc là do có thức thọ sanh mà khởi Danh sắc. Danh sắc là năm ấm. Bốn ấm Thọ, Tưởng, Hành, Thức gọi là Danh. Sắc ấm gọi là sắc. Bốn ấm trên đều gọi là Danh, vì tâm đạo mờ mịt, ẩn kín không hiện ra để thấy chỉ làm chướng ngại, những tên gọi đó gọi là Danh. Nghĩa là khi ở trong thai sáu căn chưa có công dụng, năm ấm mới đầy đủ nên gọi là Danh sắc. Danh sắc duyên Lục nhập là do Danh sắc nên khỏi Lục nhập, Lục nhập là sáu căn tiếp xúc mà sanh Thức gọi là Nhập. Nghĩa là khi sanh ra sáu căn hiển bày. Lục nhập duyên Xúc là do Lục nhập mà sanh Xúc. Do các Căn, Trần, Thức hòa hợp tiếp xúc với cảnh gọi là Xúc. Xúc duyên Thọ là do tiếp xúc với cảnh nên sanh Thọ, đối với cảnh có cảm nhận, gọi là Thọ. Năm chi từ Thức đến Thọ là quả hiện tại. Thọ duyên Ái là do cảm nhận mà sanh ưa thích, đối với duyên mà đắm nhiễm, gọi là Ái. Đây là nhân thứ nhất ở hiện tại. Do đắm nhiễm nên sanh Thủ, do nhiễm nên mê chấp có sở hữu, gọi là Thủ. Đây là nhân thứ hai của hiện tại. Thủ duyên Hữu, do chấp giữ nên sanh Hữu, thân miệng tạo tác thường chiêu cảm quả báo ở vị lai, vì quả từ nhân nên gọi là Hữu. Đây là nhân thứ ba ở hiện tại. Hữu duyên Sanh là do hiện tại sanh Hữu khiến cho vị lai thọ sanh, đối với pháp bắt đầu khởi, gọi là Sanh. Sanh duyên Lão tử, do có sanh nên có Già chết. Duyên Lão tử này gọi là Sanh duyên Lão tử, còn lại cũng đều như vậy. Sanh và Tử là hai quả báo ở vị lai. Mười hai nhân duyên là nhân duyên trói buộc trong sanh tử nên cần phải diệt những duyên này mới thoát khỏi sanh tử. Vì thế, kinh dạy: Vô minh diệt tức Hành diệt, cho đến Sanh diệt tức Lão tử diệt. Nếu phân ra ba đời thì quá khứ có hai chi, hiện tại có tám chi và vị lai có hai chi. Quá khứ chỉ có nhân, nhân quả hiện tại hợp lại mà nói. Sở dĩ như vậy là do quá khứ có nhân nên dùng năm quả để đối đáp. Vị lai có hai quả nên cần ba nhân để vừa đúng .

***Thứ bảy: Danh nghĩa của pháp môn trong phẩm Thế giới.***

Ba đời là quá khứ, hiện tại và vị lai.

Ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, gọi là ba giới cũng gọi là ba Hữu. Cõi Dục từ địa ngục đến sáu cõi trời, đều là chúng sanh trong sáu dục, toàn bộ ở cõi Dục. Sắc giới gồm có bốn cõi thiền, gồm mười tám cõi trời, thiền thứ nhất của Phạm thiên trở lên không có hình bóng của người nữ, sắc thân thanh tịnh nên gọi là cõi Sắc, chẳng bị mê hoặc, tán loạn bởi những thứ tốt đẹp, chỉ tu thiền định mà sanh trong đó. Cõi Vô sắc có bốn tầng trời, những chúng sanh này ở đời quá khứ đã nhàm chán hoạn nạn chướng ngại của sắc, tu tập thiền định Vô biên hư không mà sanh trong đó, không có hình tướng chỉ có bốn tâm, gọi là cõi Vô sắc, không được nghe pháp, gọi là nạn xứ.

Hai thế gian, một là Chúng sanh thế gian, hai là Khí thế gian. Chúng sanh thế gian là tất cả những chúng sanh. Khí thế gian là đất nước, núi, sông,...

Bốn thiên hạ, phương Đông gọi là Phất-ba-đề. Phương Tây gọi là Câu-tà-ny. Phương Nam gọi là Diêm-phù-đề. Phương Bắc gọi là Uất-đơn-việt. Bốn thiên hạ này ở bốn mặt của núi Tu di. Người Diêm-phù-đề ở phương Nam sống lâu một trăm hai mươi lăm tuổi. Người Phất-ba-đề ở phương Đông sống lâu năm trăm tuổi. Người Câu-tà-ni ở phương Tây sống lâu hai trăm năm mươi tuổi. Người Uất-đơn-việt ở phương Bắc sống lâu một ngàn tuổi. Vô trung thiên là bậc Thánh không sanh trong đó, gọi là nạn xứ.

Hai mươi tám cõi trời, Dục giới có sáu cõi trời, Sắc giới có tám cõi trời, Vô sắc giới có bốn cõi trời. Sáu cõi trời Dục giới là, thứ nhất là cõi trời Tứ thiên vương, thứ hai là cõi trời Đao lợi, thứ ba là cõi trời Dạ ma, thứ tư là cõi trời Đâu suất đà, thứ năm là cõi trời Tha hóa, thứ sáu là cõi trời Tha hóa tự tại. Mười tám cõi trời của bốn thiền ở Sắc giới thiền thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư. Bốn cõi trời ở Vô sắc giới là cõi trời Không xứ, trời Thức xứ, trời Vô xứ hữu xứ, trời Phi tưởng phi phi tưởng.

Hai mươi lăm Hữu là bốn đường ác, bốn cõi trời thiên hạ, sáu cõi trời ở dục giới, trời Phạm, trời Vô tưởng, trời Ngũ tịnh cư, Thiền thứ mhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư và bốn cõi trời Vô sắc giới. Tất cả gọi là hai mươi lăm Hữu.

Năm Trược, một là Mạng trược, hai là Chúng sanh trược, ba là Phiền não trược, bốn là Kiến trược, năm là Kiếp trược. Thọ mạng ngắn ngủi gọi là Mạng trược. Chúng sanh tạo ác gọi là Chúng sanh trược. Tham sân si nhiều gọi là Phiền não trược. Tà kiến sanh tử lưu chuyển

gọi là Kiến trược. Đói khát bịnh dịch đao binh dấy khởi gọi là Kiếp trược.

Tám Nạn là: Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, Bắc-câu-lô-câu, sanh trước Phật sau Phật, sống mãi ở cõi trời, đui điếc câm ngọng và thế trí biện thông. Nên sanh vào nơi lành để đối trị năm nạn: Ba đường, Bắc-câu-lô-châu và sống mãi ở cõi trời. Gặp được người giỏi thì đối trị được sanh trước Phật hay sau Phật. Do phát tâm nguyện đời trước nên đối trị được thế trí biện thông. Được căn tốt lành thì đối trị được đui điếc câm ngọng.

Bốn đường là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh và A-tu-la, gọi là bốn thú.

Sáu đường là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A-tu-la, Trời và Người gọi là sáu đường chúng sanh.

Ba ngàn đại thiên thế giới, một là núi Tu di, một Tứ thiên hạ, dưới địa ngục A tỳ lên đến cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng. Đây là một một giai đoạn. Chúng sanh trong ba cõi cứ tuần tự như vậy, có một ngàn núi Tu di, Tứ thiên hạ cho đến một ngàn cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng, có núi Thiết vi lớn bao quanh gọi là Tiểu thiên thế giới. Lấy một Tiểu thiên núi Thiết vi cho đến số ngàn, lại có núi Thiết vi lớn bao quanh gọi là trung thiên thế giới, cũng gọi là hai ngàn thế giới. Lấy một Trung thiên cho đến một ngàn, lại có núi Thiết vi lớn bao quanh gọi là ba ngàn Đại thiên thế giới. Những núi Thiết vi đó thứ tự cao gấp bội. Đầu tiên một Tứ thiên hạ ở núi Thiết vi cao gấp bội núi Tu di. Đến Tiểu thiên núi Thiết vi lại cao gấp bội ban đầu. Lại Trung thiên núi Thiết vi cao gấp bội Tiểu thiên. Lại ba ngàn Thiết vi cao lớn nhất. Những chúng sanh cõi Sắc ở trong bốn lớp núi Thiết vi đó, lưu chuyển sanh tử không thể thoát khỏi lao ngục. Ở đây, một số chúng sanh tạo nhiều thiện ác sai khác nên chịu đủ thứ khổ vui, ví thế gọi là thế giới Ta bà. Đức Phật Thích Ca ở trong thế giới trói buộc giáo hóa khiến được ra khỏi, do làm chủ sự giáo hóa cũng gọi là Phật thế giới, như cõi vô lượng thọ ở phương Tây có pháp giới vô lượng, vô biên hư không khắp mười phương cũng gọi như thế. Mỗi thế giới có nhiều hay ít thì không đồng, hoặc lấy hằng sa tam thiên đại thiên thế giới làm một cõi Phật, lại thanh tịnh không có ba đường ác.

TẬP HỢP DANH NGHĨA CỦA PHÁP MÔN.

(HẾT).

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 199

# NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN

## SỐ 2125
(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2125

# NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN

*Đời Đường, Tam Tạng Sa môn Nghĩa Tịnh soạn.*

## QUYỂN 1

Xưa nay bắt đầu dựng nên ba ngàn thế giới, nương bóng dáng khởi đầu mỗi dựng lập, trăm ức đã còn không có tựa vật hay người, thế giới đã trống rổng thì mặt trời mặt trăng chưa xuất hiện, thẩm thương vắng lặng thì âm dương chớ bàn.

Đã ở Tịnh Thiên giáng xuống, ánh sáng ở thân tự theo, vì ăn vị đất ngon bèn sanh tham trước. rừng keo lúa thơm lần lượt ăn, ánh sáng nơi thân mất dần, mặt trời mặt trăng xuất hiện, mới khởi việc vợ chồng làm ruộng, mới lập đạo Vua tôi, cha con. nhưng mà nhìn lên trời xanh thì sắc diệu cao mà sáng sạch, nhìn xuống đất vàng bèn gió thổi nước dậy sóng mà thành kiết, mà nói rằng chia phân hai nghi, người sống ở giữa, cảm khí sạch dơ tự nhiên mà có. Đúc luyện âm dương dụ như dùng lò đốt đỏ luyện thành đồ vật, mới ở đó dính đất, cái gọi là riêng cho chiều uốn mà bàn là đây vậy.

Vì thế sao cao vòi vọi, hàm linh lan tràn, bèn khiến có chín mươi sáu món đạo sai khác, đồ phần có hai mươi lăm môn, tăng thì từ một mà sanh muôn vật, giảm thì nhờ sáu thú mà năm đường mới khởi. Hoặc bày thể nhổ tóc đem làm xuất yếu hoặc đốt thân nhổ tóc chấp là thăng thiên (lên trời), hoặc cho sanh là tự nhiên, hoặc nói chết sẽ là thức diệt, hoặc nói rằng u u minh minh mới biết tinh kia, mờ mờ mịt mịt quên hiểu chỗ ra, hoặc nói rằng thường sẽ làm người, hoặc nói chết liền làm linh

hồn, hoặc bèn không biết bướm là mình, mình là bướm. Đã là bầy mê ở nơi ổ tò vò, lại nhóm hoặc ở ấu trùng, bươm bướm, so hổn độn nơi gà con mới mờ mịt như trẻ nít, đây đều là chưa rõ, do ái cho nên sanh nhờ nghiệp mà có, luân hồi biển khổ, qua lại bến mê.

Nhưng chính thân chỉ đường bằng, tuyên bày lý mầu, nói mười hai duyên khởi, được ba mươi sáu pháp trược, hiệu là Thiên Nhơn Sư (thầy người trời), xưng là Nhất Thiết Trí, dẫn bốn loài ra khỏi nhà lửa, dắt ba cõi vượt thành tối tăm, ra dòng phiền não, lên bờ Niết Bàn, đại sư Thích Ca Thế Tôn của ta khi mới thành chánh giác như rồng chín sông vượt qua khỏi trần, sau đem ánh sáng về vườn Lộc Uyển, sáu đường đầy đủ tâm quy y. (205) Ban đầu chuyển pháp luân thì năm người được sự giáo hóa, kế bàn đến giới thì ngàn đời cúi đầu. Vì vậy diễn Phạm Âm ở Vương Xá, người chứng quả cao nhất, báo đáp ân huệ của cha ở thành Ca Tỳ La, kẻ phát tâm không thể tính kể. Trước tiên tự dạy con, hội đầu nguyện để nêu răn dạy, sau ở Diệu, Hiền, Khế hội kết kỳ sau chót. Trụ đời tám mươi tuổi, rộng giúp chín cõi, giáo pháp khắp bày, các cơ đều dung nạp. Nếu thiếu làm bạn tục chỉ lược nói năm giới cấm. cuộc hạn nêu pháp chúng, rộng bày nơi bảy thiên. Cho là nhà có người rất trái, giới khởi thì lỗi diệt, kẻ sống thì ít lỗi, luật hiển thì lỗi mất. Lại như nhuế tổn cành nhẹ, hiện sống cửa rồng. Lòng từ giúp mạng mỏng, Vua cha sanh lên cõi trời, quả báo thiện ác vốn đã rõ ràng.

Vì vậy kinh luận gồm bày, định huệ chung lập, nhiếp sanh nơi khuy chỉ ở ba tạng đây. Đã chính thân đối Đại Sư mà giáo chỉ một thuyết, tùy cơ giúp vật, lý mất người bàn, cho đến ban đầu từ tạ nhà cỏ, ma vương cảm chí vui mừng, sáng rỡ liền sau xướng lý không diệt hiển mất nghi, có thể gọi là hóa duyên đến đây đã hết, công việc đã xong. Bèn là dấu vết diệt hai sông, người trời vọng trông, bóng bày nơi Song Thọ, rồng quỷ xô dẹp tâm, đến đổi rừng Ta La nhỏ lệ thành bùn, người khóc toàn thân ửng máu đỏ như hoa. Đại Sư xướng thị tịch, thế giới trống rổng.

Kế có hoằng pháp ứng người kết tập, có năm bảy sai khác. Trì luật bộ phận đại tướng là mười tám sai khác. Tùy chỗ thấy nghe, ba tạng đều riêng biệt, mặc quần dưới thì quần có ngay có lệch, mặc áo trên thì có lá hẹp rộng. Đồng ngủ bèn khác nhà, dây vòng quanh, cả hai đều không lỗi. Nhận ăn dùng tay cầm hay vẽ đất, cả hai đều không tội, đều có thầy dạy, sự không hòa nhã (Hữu bộ thì ngay, ba bộ khác đều lệch. Hữu Bộ thì cần phải riêng nhà. Chánh Lượng Bộ thì dùng giường dây. Hữu Bộ tay thỉnh. Tăng Kỳ thì vẽ đất). Lưu phái các Bộ sanh khởi

không đồng, Tây Quốc nối nhau, đại cương chỉ có bốn (Một; A Ly Gia Mạt Ha Tăng Kỳ Ni Ca Gia, đời Đường nói là Chánh Đại Chúng Bộ chia ra làm bảy bộ, ba tạng đều có mười muôn bài tụng, đời Đường dịch có thể thành ngàn quyển. Hai; A Ly Gia Tất Tha Bộ Lãm Ni Ca Gia, đời Đường nói là Thánh Thượng Tọa Bộ chia làm ba bộ, ba tạng nhiều ít đồng trước. Ba; A Ly Gia Mộ Lãm Bộ Bà Tất Để Bà Tha Ni Ca Gia, đời Đường nói là Thánh Căn Bổn Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ, chia làm bốn bộ, ba tạng, nhiều ít đồng như trước. Bốn; A Ly Na Tam Mật Lật Để Ni Ca Gia, đời Đường dịch là Thánh Chánh Lượng Bộ, chia làm bốn bộ, ba tạng có ba mươi bài tụng. Nhưng mà bộ chấp chỗ truyền đều có đồng và khác, lại nương hiện sự nói mười tám kia, chia làm năm bộ, không nghe ở Tây Vức). Trong kia chia phần xuất hiển hay ẩn mất, bộ riêng danh tự, sự chẳng phải một mối, như các chỗ bàn. Đây không phiền thuật lại, cho nên địa của năm trời và các châu Nam Hải, đều nói rằng: Bốn món Ni Ca Gia nhưng kia chỗ có thiếu có đủ nhiều ít bao nhiêu Ma Yết Đà thì bốn bộ thông tập. Hữu bộ rất đầy. Tín Độ La Trà (Tây Ấn Độ là tên nước) thì thiếu gồm ba bộ. Nhẫn đến Chánh Lượng rất nhiều, phương Bắc đều toàn là Hữu Bộ, khi gặp Đại Chúng, mặt Nam thì đều tôn Thượng Tọa Bộ. Các bộ ít còn, các nước Đông Thương xen lưu hành bốn bộ. (Từ đây Chúc đà đông hành trăm năm đều gọi là Đông Thương, nhẫn đến trọn đời. Có núi đen lớn tính sẽ ở ngọn Phiên Nam, truyện nói rằng: "Đây là Tây Nam của Châu Thục, đi có thể hơn một tháng, lại gặp ngọn núi này. Kế mé Nam ngọn này rất gần bờ biển nam, có nước Thất Lợi Sát Chiếu La, kế mé Đông Nam có nước Lang Ca Mậu, kế mé Đông có nước Thổ Hòa Bát Để, kế mé Đông tột đến nước Lâm Ấp, thảy đều rất tôn trọng Tam Bảo, có rất nhiều người trì giới, khất thực đổ đa là quốc pháp của nước đó. Phương Nam thấy có vòng thật khác thường.

Châu Sư Tử đều là Thượng Tọa Bộ mà Đại Chúng thì ít, nhưng các châu Nam Hải có hơn mười nước thuần chỉ là Căn Bổn Hữu Bộ. Khi Chánh Lượng Bộ cong đi, gần đây đã có đến, có ít gồm hơn hai (Từ Tây biện đó, có châu Bà Lỗ Sư, châu Mạt La Du, tức nước Hộ Lợi Phật Thệ ngày nay, châu Mạt Ha Tín, châu Ha Lăng, châu Đán Đán, châu Bồn Bồn, châu Bà Lý, châu Khuất Luân, châu Phật Thệ Bổ La, châu A Thiện, châu Mạt Ca Man, lại có châu nhỏ không thể chép hết). Đây chính là tôn trọng Phật pháp, phần nhiều là tiểu thừa, chỉ Mạt La Du là có ít Đại Thừa.

Các nước vây quanh, hoặc trăm dặm hoặc có thể mấy trăm dặm, hoặc có thể trăm dịch. Biển lớn tuy khó tính dặm, Thương Bá Trung

chuẩn biết, bởi vì Khuất Luân mới đến giao rộng bèn khiến gồm lại là nước Côn Lôn. Chỉ có Côn Lôn đây đầu cuộn thể đen, từ các nước khác cùng châu Thần không sai, gót đỏ dám bò gồm là thức kia, rộng như trong Nam Hải Lục thuật đủ. Châu Ly chánh nam bước đi có thể hơn nửa tháng, nếu đi thuyền cũng năm sáu ngày, liền đến Tỵ Cảnh, nam đến Điểm Ba, tức là Lâm Ấp, nước đây phần nhiều là Chánh Lượng, ít gồm Hữu Bộ, tây nam có một tháng đến nước Bạt Nam, xưa nói rằng Phù Nam, trước là nước Khỏa, người phần nhiều thờ trời, sau Phật Pháp thịnh hành, ác vương sai diệt trừ, không còn tăng chúng, xen tạp chung ở với ngoại đạo, đây là gốc của Nam Thiện Bộ, chẳng phải Châu biển.

Nhưng đông hạ đại cương phần nhiều làm pháp ủng hộ, trong cửa các chỗ tăng kỳ xưa gồm. Núi Giang Nam, Hữu Bộ rất thịnh, mà nói là Thập Tụng Tứ Phần, phần nhiều là lấy kinh kia, hẹp dùng làm đề mục, rõ xem Luật nghi sai khác của bốn bộ, treo cao khinh trọng, khai chế soi chiếu người xuất gia đều nương bộ chấp, không nên lấy việc nhẹ của người thay thế điều nặng của mình. Tự mở văn thấy nghi các chế, nếu vậy thì nghĩa bộ khác không dính, chấp nhận lý ngăn đó chớ phân, đâu được cho một thân khắp đi cả bốn, dụ áo đỏ gậy vàng bèn nêu chứng diệt, không khác tín đồ hành pháp cần nương tự bộ (Vua Tần Tỳ Bà La mộng thấy chồng lụa là mười tám xấp, một cây gậy vàng cắt làm mười tám đoạn. Thức giấc sợ hải, đến hỏi Phật, Phật nói “Sau khi Ta nhập diệt hơn một trăm năm, có vua A Thâu Ca Oai thạnh cả Thiện Bộ, các Bí Sô bấy giờ chia giáo pháp làm mười tám, nhưng đến môn giải thoát là một mối. Đây là điềm ứng trước, vua chớ lo”.

Trong bốn bộ kia, đại thừa tiểu thừa chia phân không nhất định, quận bắc trời nam biển thuần là tiểu thừa. Làng của huyện xích châu Thần, ý ở đại giáo, từ các chỗ khác đại tiểu xen thực hành xét đầu mối kia, thì Luật kiểm không khác, đều chế năm thiên, thông tu bốn đế, hoặc lễ Bồ Tát, đọc kinh đại thừa gọi đó là đại, không làm việc đây gọi là tiểu. Cái gọi là hai món không lỗi của đại thừa: Một là Trung Quán, hai là Du Già. Trung Quán thì tục có chơn không thể trống như huyễn. Du Già thì ngoài không trong có, sự đều chỉ là thức. Đây đều tôn trọng Thánh giáo, ai đúng ai sai, đồng khế Niết Bàn, nào chơn nào ngụy, ý ở đoạn trừ phiền não hoặc cứu giúp chúng sanh đâu muốn rộng bày ồn ào phân vân càng thêm kết nặng. Nương hành thì chung lên bờ kia, trái bỏ thì cùng chìm bến nọ. Nước tây cùng làm lý không chống trái. Đã không có mắt huệ ai xét đúng sai, mặc cho tập khí lâu đời mà tu đó, may mắn không nhọc nơi tự sức.

Vả lại châu Thần trì Luật, các bộ xen lôi kéo, mà nhà giảng nói biên soạn bên là sao chép phiền tạp, năm thiên bảy tụ đổi chỗ liền khó, mới lại phạm trì, hiển mà lại ẩn, bèn khiến che một sọt mà tình dứt, cho một tòa mà tâm lui. Bọn thượng lưu tóc xanh bèn thành, hạng trung hạ đầu bạc há xong, Luật vốn tự nhiên thưa thớt, đọc sơ bèn đến trọn đời, thầy trò nối nhau dùng làm thành phép tắc. Bàn chương đoạn thì khoa mà lại khoa, thuật kết tội thì câu mà lại câu, xét công kia vậy. Thật đến là nhọc núi, nghiệm lợi ích kia, bấy giờ có thấm nhuần hạt châu ở biển.

Lại kể là nhà chế tác, ý khiến người khác dể hiểu, đâu được cố làm mật ngữ mà làm giải sóng dụ cho nước, tràn đầy sông quyết vào giếng sâu. Có ăn uống hít thở là giúp mạng sống không lý do (206) Chuẩn nghiệm văn luật thì không như đây. Luận đoán khinh trọng chỉ dùng mấy hàng, nói tội phương tiện không phiền nửa ngày. Đây thì đại quy của pháp đồ Tây Phương Nam Hải. Đến như châu Thần lễ giáo thịnh hành, thờ kính vua cha, tôn nhường bậc trưởng lão, khiêm nhượng tùy thuận, nghĩa mà sau lấy, con hiếu tôi trung, giữ thân tiết độ.

Hoàng Thượng ân nuôi triệu dân, nhận trân bảo mà lo minh phát, quần thần thảy đều cung tay che kém bày chí ở thông tiếu, hoặc khi rộng mở ba thừa, khắp bày trăm tòa, xây tháp miếu nơi tám đầm. Có người hiểu biết, hoặc đều quy tâm, dựng già lam nơi chín cõi. Kẻ ở đường mê đều hồi hướng, hoàng hoàng, trong nâng ca giữa đồng, tề tề là trên thượng vịnh ghe xe, bèn khiến nước kê quý tượng tôn, trán đội ??? làng vàng gần núi ngọc đầu thành ngọc bích, là không là sự vô sự, đây vốn không thêm. (Kê Quý phương tây gọi là nước Cao Lệ là Câu Câu Thát Linh Thuyết La. Câu Câu Thát là Kê, Linh Thuyết La là Quý, truyện phương tây nói rằng: “Nước kia kỉnh quý gà, thần mà thủ tôn, cho nên chở cánh mà trang sức. Nói tôn tượng, nước Tây ở vua dùng tượng làm cao tột. Ngũ Thiên đều đồng vậy.) Pháp lữ xuất gia kia giảng nói nghi phép đồ chúng nghiễm nhiên, tuân theo ý chí. Tự có người vào nới hang sâu, cổi giày vịn lồng, súc dòng núi để giả tưởng, ngồi rừng sâu mà tịnh tâm, sáu thời hành đạo có thể báo ân tịnh tín, hai kỳ nhập định gồm nhận tôn trọng của trời người. Đây là khéo phò kinh luật nào lại có lỗi.

Nhưng do lầm lẫn nhận truyền, phép tắc lần sai, chứa nhóm sanh thường có trái giềng mối, cẩn thận nương thánh giáo và hiện hành giáo pháp cốt yếu, gồm có bốn mươi chương chia làm bốn quyển gọi là Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện. Lại ở đời đại Đường, cao tăng Tây Vức

lại truyền đến một quyển và tạp kinh Luận mười quyển, đều chép phụ quy, cúi xin các Đại Đức khởi tâm hoằng pháp không đoái hoài bỉ ngã (người và ta), khéo tính toán thuận Phật dạy mà làm, chớ có khinh người mà chẳng trọng pháp. Nhưng xưa nay chỗ truyền kinh Luận lý giáo khéo thông thiền môn định nghiệm đầu mối đây khó xa dặn.

Vả lại thô bày hành pháp, phù Luật tướng do trước bày, giúp nêu điều chương, xét tông sư nơi thật chép, dầu khiến mạng chìm cảnh tối, mong thành công của một bài. Sáng rỡ triều quang ngõ hầu có nối tiếp trăm đèn, vui đây thì không nhọc thước bộ, có thể đạp Ngũ Thiên mà lên thềm bậc, chưa luống uổng tấc thời gian, thật giương mê ngàn năm may mắn kiếm tìm ba tạng, trống biển pháp mà nổi nơi bốn sóng, sáng soi năm thiên thiếu ghe huệ mà nêu sáu tượng. Tuy lại chính thân vâng tuân ý chỉ, giúp nghiệm tôn mầu, nhưng chẳng phát công tâm trọn e nhận cười nhạo nơi huệ. Mục chép rằng:

1- Phá hạ chẳng nhỏ.
2- Nghi đối tôn
3- Ngồi ăn sàng nhỏ
4- Chia bửa nhỏ sạch
5- Ăn bỏ đồ dơ
6- Nước có hai bình
7- Sáng sớm xem trùng
8- Sáng tước cây xỉa răng
9- Nhận phép tắc thọ trai
10- Y thực chỗ cần
11- Cách thức đắp y
12- Chế áo Ni
13- Phép kết tịnh địa
14- Năm chúng an cư
15- Tùy ý thành quy tắc
16- Muỗng đủa hợp chăng
17- Biết thời mà lễ
18- Việc tiện lợi
19- Phép tắc thọ giới
20- Tắm rửa tùy thời
21- Đồ ngồi lót thân
22- Cách nằm nghỉ
23- Kinh hành ít bịnh
24- Bốn lễ không giúp nhau

25- Đạo hầu Thầy
26- Khách xưa gặp nhau
27- Trước thể nguồn bệnh
28- Cách dâng thuốc
29- Bỏ thuốc hư
30- Xoay đá xem thời
31- Nghi tắm tượng
32- Ca ngâm và lễ
33- Tôn kỉnh trái cách
34- Học pháp phương tây
35- Tóc dài có không
36- Mất tắc tăng hiện
37- Thọ dùng vật tăng
38- Đốt thân nên chăng
39- Bán người mắc tội
40- Cổ đức không làm

Luận đây đều nương căn bổn Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ, không thể đem việc bộ khác thấy lẫn lộn ở đây. Đây cũng Thập Tụng Đại Quy gần giống. Hữu bộ chia làm ba bộ sai khác: Một là Pháp Hộ, hai là Hóa Địa, ba là Ca Nhiếp Tỳ. Đây đều không làm Ngũ Thiên, chỉ có nước Ô Trường Na và Quy Tư V#ô#t Điền có xen làm. Nhưng Luật Thập Tụng cũng không phải cội gốc của Hữu bộ.

***1- Phá hạ chẳng nhỏ:*** Phàm phá hạ, Bí Sô chỉ không được mười lợi, nhưng là lý bổn vị nên không thành nhỏ, há cho lúc xưa thọ kính nay dịch là lễ tỵ, do thói quen mà thành vốn không chỗ y cứ. Nương hạ nhận mới lỗi trộm dễ sanh, cho nên ứng rõ phiên lý không sẽ lược, nên lấy ngày thọ giới để bàn lớn nhỏ. Dầu khiến mất hạ không lui hàng sau, tìm xét Thánh giáo không văn tự, ai xưa sai làm việc đây.

***2- Nghi đối tôn:*** Chuẩn nương Phật giáo, hoặc đối hình tượng và thân gần tôn sư, trừ bệnh còn phải qua nghi đây. Không cho liền mang giày dép, riêng bày vai phải, áo che đùi trái, đầu không đội khăn, từ đây hằng dạo đi các nơi. Ở khi mở lỗi, hoặc là nước ở mùa lạnh cho mang giày ngắn các giày khác tùy chỗ nên dùng, đã khác phương khác nước, lạnh nóng không đồng, chuẩn như Thánh giáo, phần nhiều có trái chỗ, lý có thể tháng thạnh đông, quyền mặc nuôi thân, mùa đông mà hạ cần nương Luật chế. Mang giày không nhiễu tháp Phật, giáo đã trước rõ, phú la chớ dâng hương, lãnh từ lâu, nhưng có loại cố trái tức là gượng mạn lời vàng.

***3- Ngồi ăn giường nhỏ:*** Tăng chúng ở phương tây khi sắp ăn, mỗi người đều rửa sạch tay chân, đều ngồi giường nhỏ cao bảy tấc vuông một thước, dệt bằng dây chân trong tròn lại nhẹ, hạng nhỏ thấp đóng nhỏ tùy việc. Hai chân chạm đất, trước để mâm, lấy phân trâu chà sạch đất, là tươi rải trên, tòa chừng một khủy xen không chạm nhau, chưa từng thấy có người ngồi ăn trên giường lớn. Vả lại như Thánh chế, lượng giường cao chừng tám ngón tay của Phật, dài thì gấp ba lần là hai mươi bốn ngón tay của người trung bình. Phải thước hết nửa thước cao, chùa Đông hạ giường cao hai thước sắp lên, đây thì vốn không nên ngồi, ngồi thì có lỗi.

Khi đồng chúng, đây muốn như thế nào, hàng mắc tội cần xem dạng thước. Nhưng Linh Nghiêm bốn giường thiền cao một thước. Cổ Đức chỗ chế thật có nguyên do, tức như liền tòa ngồi xếp bằng bày gối mà ăn, đây chẳng phải pháp gốc, may mắn có thể biết đó. Nghe khi Phật thuyết mới đến, Tăng ăn đều ngồi xổm, đến đời Tấn việc đây mới hóa, từ đây về sau người xếp bằng mà ăn. Nhưng Thánh giáo qua đông độ khoảng bảy trăm năm, trải qua mười đời, đời có người kia phạm Tăng nối gót theo nghi đến, đức Hán bèn bày vai nhận nghiệp, cũng có chính thân hành tây quốc mắt buộc đúng sai, tuy còn bảo rằng ai có thể dùng. Lại kinh nói rằng: "Ăn rồi rửa chân", rõ chẳng phải ngồi trên giường, ăn rau bỏ bên chân, biết thòng chân mà ngồi. Là đệ tử Phật nên học Phật, dầu không thể nương chớ sanh chê cười, bởi do trải khăn mới ngồi, khó làm giữ sạch, hết đêm chạm dơ không do đâu được khỏi. Lại nghiệm chúng ăn dư, sâu nghi phải quấy, lấy bỏ lại chạm mâm tăng, ngồi nhà lại cầm đồ sạch. Đây thì luống truyền, giữ sạch chưa thấy công kia, monh xét kỷ cần quán sát được mất.

***4- Bửa chia dơ sạch:*** Cách ăn nuốt của kẻ tục người đạo ở phương tây, việc dơ sạch sai khác, đã ăn một miệng đều thành dơ, đồ đựng nên chồng lại để một bên, đợi xong rồi bỏ, có đồ ăn dư, nên ăn thì ăn, nếu lại nhận lại đây định không thể, không kể sang hèn, cách thức đều như vậy. Đây là nghi trời chẳng phải riêng loài người, cho nên các Luận nói rằng: Không tước nhành dương, tiểu tiện không rửa tay, ăn không dơ sạch, sẽ cho là xấu. Há có đồ bị dơ lại đem đựng lại, có đồ ăn dư gom vào nhà bếp, bánh dư nên đậy cất trong chảo, hâm lâu lại quay về trong chõ, canh rau sáng ra ăn lại, bánh trái ngày sau vẫn ăn, người trì luật rất biết chia biên giới, kẻ lưu manh lôi đồng một mối. Lại phàm nhận cúng trai tăng và các ăn uống khác, đã vào miệng kia liền thành dơ, sau muốn đem nước sạch súc miệng, mới được chạm vào người khác và đồ sạch

khác, nếu chưa xúc miệng chạm vào người hay vật khác đều thành bất tịnh. Kia bị người dơ đều cần súc sạch, nếu dơ dính vào chó cũng cần rửa sạch. Kia nếm đồ ăn cần ở một bên, nếm xong rửa tay xúc miệng và đồ nếm mới chạm vào nồi chõ, nếu không vậy thì cầu đảo và chú thuật đều không hiệu nghiệm, dầu bày cúng thần linh không nhận, do lời nói đây chỗ tạo cùng lập, muốn dâng Tam Bảo và thần linh và các ănuống tầm thường đều cần trong sạch.

Nếu thân chưa tắm rửa sạch và đại tiểu tiện lợi mà không rửa sạch, đều không cho làm đồ ăn. Kẻ tục cũng có nói rằng: "Trong sạch mới đặt để". Cắt móng nên xâm cơ bỏ bụi dơ, lỗ lông sắc mặt cũng loại đây, cũng là việc cần sạch sẽ, không do đồ ăn dư mà hưởng ăn. Phàm thiết trai cúng dường và tăng thường ăn, cần người kiểm xét, nếu đợi cúng trai xong sợ quá thời, không kể kẻ đạo người tục, tuy chưa dâng cúng, lấy phần ăn trước, đây là Phật dạy không có lỗi, so thấy Tăng Ni giúp người kiểm xét ăn nhiều, quá ngọ, nhơn phước mắc tội, sự chưa có thể vậy. Nhưng đất Ngũ Thiên nói rằng: "Cùng các nước có sai khác", do đây sạch dơ là nền tảng ban đầu.

Xưa có người sứ nước Hồ phương Bắc đi đến nước Tây, nhiều người thấy cười, bởi do tiểu tiện không rửa, ăn dư trong bồn, khi ăn nhóm ngồi xen nhau rung lắc, không tránh heo chó, không nhằn cây tăm, bèn chiêu lấy sự chê cười. Cho nên người hành pháp rất cần giữ ý, chớ cho là nhẹ. Nhưng Đông Hạ ăn không chạm sạch kia đến đã lâu, tuy nghe thuyết đây, phần nhiều chưa hiểu nghi kia, tự chẳng phải mặt lời nói có thể hiểu ngộ.

***5- Ăn xong bỏ dơ:*** Khi ăn xong, hoặc lấy đồ đựng, hoặc ở chỗ vắng, hoặc đến ao lớn, hoặc có thể đến thềm, hoặc tự cầm bình, hoặc sai người đưa nước, tay phải sạch súc miệng, nhằn tăm, xỉa răng, cạo lưỡi khiến cho sạch sẽ. Luật khác nếu còn tức không thành trai (sạch), rồi sau dùng vỏ cám đậu, hoặc khi đem đất nước trộn thành bùn chà môi miệng không còn mùi hôi, kế lấy nước sạch nơi tịnh bình đựng đầy chén, hoặc dùng lá tươi, hoặc vốc bằng tay, đồ kia và tay cần phải ba lượt rửa sạch (vỏ đậu, đất khô, phân trâu) rửa bỏ hôi dơ. Hoặc ở chỗ vắng tịnh bình súc miệng, hoặc ở chỗ hiển, Luật có văn ngăn, lược súc hai ba lần mới là sạch. Từ đây về trước súc miệng không nên liền nuốt, đã phá oai nghi mỗi nuốt đều mắc tội, nhẫn đến chưa đem nước sạch, súc lại về sau, khạc nhổ cần bỏ ngoài. Hoặc quá ngọ lại phạm phi thời, đây thì người ít biết, dầu biết giữ cũng khó, do đây mà nói đậu, bún, tro, nước thật khó khỏi tội, bởi là ăn trong răng, trên lưỡi, còn hôi dơ, người

trí quán lý đây nên giữ ý, há cho ngay khi ăn rồi bàn nói qua ngày, không súc tịnh bình, không nhằn (tước) cây tăm, trọn ngày ngậm dơ, suốt đêm chiêu lỗi, do đây dâng trọn vốn thành khó. Nước tịnh bình kia hoặc sai môn nhơn trao đến cũng là nghi đây.

***6- Nước có ai bình:*** Phàm nước chia sạch dơ, bình có hai hiệu. Sạch đều dùng bình sành, dơ mặc tình gồm đồng thiếc. Sạch nghỉ phi thời uống dùng, dơ bèn tiện lợi chỗ cần. Sạch thì tay sạch mới cầm, hẳn nên để chỗ sạch, do thì tay dơ tùy cầm, có thể để chỗ dơ. Chuẩn bình sạch đây và lấy đồ sạch mới đựng nước, phi thời nên uống các đồ khác đựng gọi là thời thủy, giữa ngọ, trước ngọ nhận uống là không lỗi, nếu uống sau ngọ liền có lỗi. Kia làm bình phép đậy cần liền miệng, đảnh ra đài nhọn, có thể cao hai ngón tay, trên thông lỗ nhỏ, thô như ống đồng, nước uống có thể đựng trong đây, ở bên mở cái lỗ tròn, đậy miệng khiến trên cao dọc hai ngón, như lỗ đồng tiền, thêm nước nên ở chỗ đây, có thể đựng hai ba thăng nhỏ thì không dùng. Hai lỗ dây sợ trùng bụi nó vào, hoặc có thể đậy nắp, hoặc lấy cây trúc, hoặc vải, lá, mà nút lại. Kia có Phạm Tăng lấy vải mà làm, nếu khi lấy nước cần rửa bên trong cho sạch cấu dơ mới dựng nước mới. Đâu cho nước thì không chia sạch dơ, chỉ chứa một bình đồng nhỏ, đậy nắp nghiêng miệng nước chảy ra, không kham nhận dùng, không chia dơ sạch, ở giữa có cấu, có hơi, không thể đựng nước một thăng hai hợp tùy sự đều thiếu.

Cách thức bình vải kia, có thể lấy vải dài hai thước rộng một thước, nhiếp hai đầu góc, đối chỗ may hợp cả hai đầu góc liền làm một cái quai dài chừng một trách, trong đó treo lên mà đi. Túi đựng bát khất thực cũng giống như đây, trên che miệng bát để bụi đất vào, do đáy nhọn khiến bát không động chuyển, túi đựng bát kia cùng đây không đồng như các chỗ khác thuật. bình bát là y vật tùy thân đều để một vai, thông che ca sa cầm dù mà đi.

Những món này đều là Phật dạy nghi của xuất gia, có tay rảnh thì cầm bình dơ và túi dày dép. Tích trượng lệch hẹp tới lui an tường. Chim dụ cho tháng, kinh nhã sẽ dụ kia, đến như Vương thành, cây bồ đề, núi Linh Thứu, vườn Lộc Uyển, Ta La đổi trắng, chỗ túc điều phong thước, lễ tháp, bốn thời mới chung thấu. Ngày xem ngàn số đều đồng cách ngày, hoặc như Đại Đức ở chùa Na Lan đà đa văn và đều đi kiệu, không cỡi xe và chùa Đại Vương nghiệm cũng đồng vậy. Chỗ có đồ dùng đều khiếnn coi biết, hoặc sai đồng tử giữ gìn đây là cách thức Tăng chúng phương Tây (Ấn Độ).

***7- Sáng sớm xem trùng:*** Thường mỗi tháng sớm nên cần xem

nước, nước có nước bình, nước giếng, nước ao, nước sông sai khác, việc quán sát chẳng phảimột chuẩn, cũng đã sáng mai trước xem nước bình, có thể ở bình đồng trắng sạch, đồng điệp, hoặc trong chén sành, trong đồ thêm nước, nghiêng thì rút lấy cho bằng, đặt bình lên, hoặc có thể nghiêng làm cây xem nước, dùng tay che miệng bởi ngó lâu, hoặc ở trong bồn vại nhìn cũng được, nếu trùng bằng đầu lông cần tồn niệm, nếu thấy trùng thì dốc ngược lại trong bình, lại lấy nước khác rửa đồ đựng hai ba lần, không trùng mới bỏ, có chỗ ao sông đem bình đến đó, bỏ nước có trùng lược lấy nước mới sạch, như chỉ có nước giếng chuẩn pháp lược đó. Nếu nhìn nước giếng, khi muác nước ra dùng chén đồng múc nước trong vại châm vốc nước, như trên quán sát, nếu không có trùng qua đêm tùy dùng. Nếu có trùng như nước mà lược. Xem nước ao, sông, rộng như Luật nói.

Phàm lược nước bên phương Tây dùng bạch diệp (lụa trắng) dày, Đông Hạ nên lấy vải dày, hoặc dùng gạo mịn, hoặc có thể chưng, hoặc là lụa sống, trùng nhỏ lọt qua, có thể lấy lụa chín Vĩ dày thước bốn thước, nắm biên kéo dài, túm lấy hai đầu khiến cho dính nhau, tức là giống lưới. Hai góc đặt hai bờ khăn thẳng, giữa để cây ngang trương ra thước sáu, hai bên cột trụ, dưới để bồn hứng. Khi nghiêng đổ nước, đáy vại cần vào trong lưới, nếu không vậy thì trùng theo nước rớt xuống đất, rớt trong bồn còn không khỏi chết. Phàm khi nước mới vào lưới, hứng lấy mà quan sát, có trùng liền cần đổi bỏ, nếu sạch như thường dùng đó. Nước đã đủ rồi liền có thể lật lưới, hai người đều cầm một đầu lật lưới khiến vào đồ phóng sanh, trên lấy nước rửa ba lần, bên ngoài lại dùng nước rửa, bên trong lại đặt nước hứng lấy xem xét, nếu không trùng thì tùy ý bỏ lượt.

Nước đây qua đêm cần phải xem lại, hễ nước qua đêm nếu không xem thì có trùng hay không Luật nói là dùng đều mắc tội. Nhưng hộ sanh lấy nước nhiều món khác nhau. Chỗ giếng thực hành lược đây là rất quan trọng, chỗ ao sông hoặc có thể đặt nắm tay dùng âm dương quyền khi việc trai. Lại tháng sáu tháng bảy trùng kia càng nhỏ không đồng lúc khác, lụa sống mười lớp trùng cũng lọt qua, người ưa hộ sanh lý nên giữ niệm phương tiện khiến khỏi. Hoặc làm bồn ngói, lược cũng là xét cốt yếu. Nhà chùa phương Tây phần nhiều dùng đồng làm, đều là Phật chế việc không thể coi nhẹ.

Đồ phóng sanh kia, làm vại (lọ)nước nhỏ, khiến miệng mở thẳng, đáy bằng lại đặt hai cái vòi, hai dây buông xuống đến nước lại kéo, hai ba lần như vậy rồi sau kéo ra. Nếu là nhà chùa lược nước, Đại Tăng

không cho chạm vào, khi nước ở trong phòng cũng vậy, người chưa thọ giới cụ túc lấy mới được uống. Uống phi thời cần dùng lược sạch, bình sạch, đồ sạch mới có thể nhận dùng, ở người là tánh giới, có thể hộ bậc trung, tội thập ác nặng ở đầu, lý khó khinh dễ. Lược nước là một trong số sáu vật, cần phải giữ gìn, nếu đi xa ba đến năm dặm thì không mang lược nước là không đi. Nếu biết chùa không lược nước là không ăn uống, thà chết khát nơi đường dài, đủ làm gương soi, há cho thường dùng nước từng không quan sát. Chỉ có lược trùng lại chết bên trong, giả như muốn cứu ít biết nghi kia, lược trên miệng giếng là chưa hiểu đồ phóng sanh, giả sử có đến được nước, trùng sẽ chết nào có nghi.

Khi làm lược tròn nhỏ, vừa nhận một thăng hai hợp, sống buộc vải mỏng, vốn không  xem trùng, treo trên bình bát, khiến người thấy biết, không tâm hộ mạng, ngày ngày chiêu lấy lỗi thầy trò nối nhau dùng làm truyền pháp, thật là đáng than thở đủ buồn than. Đồ xem nước kia người người tự cất, vại phóng sanh chỗ ở cần có.

***8- Sáng tước cây xỉa răng:*** Sáng sớm mỗi ngày cần nhằn cây xỉa răng, chả răng cạo lưỡi khiến như pháp. Súc miệng sạch sẽ mới làm kỉnh lễ, nếu kia không vậy, nhận người lễ hay lễ người đều mắc tội. Cây xỉa răng kia, tiếng Phạn là Đạm Đa Gia Sắc Tra, Đàn Đa dịch là xỉ (răng) Gia Sắc Tra tức là cây kia, dài mười hai ngón tay, ngắn thì không dưới tám ngón, lớn bằng ngón út, một đầu hoãn, cần nhằn cho mềm, bởi lâu là sạch cửa răng, nếu ở gần người cần tôn trọng nên lấy tay che miệng, bỏ tay bẻ cho cong mà cạo lưỡi, hoặc có thể riêng dùng đồng thiếc làm đồ cạo lưỡi, hoặc lấy cây trúc miếng mỏng như mặt ngón tay út. Một đầu cắt nhỏ dùng xỉa răng, cong thì cạo lưỡi chớ khiến thương tổn, cũng đã dùng bỏ, liền có thể chung ở chỗ vắng rửa bỏ. Phàm bỏ cây xỉa răng, nếu nhổ nước trong miệng và do khạc nhổ đều cần khảy móng tay ba lần, hoặc khi tằng hắng qua hai lần, nếu không vậy mà bỏ liền có tội. Hoặc có thể cây lớn thì chẻ dùng, hoặc có thể cây nhỏ cắt làm. Gần sơn trang thì cây trách, cây cát làm đầu, ở đồng bằng thì tùy ý dùng cây đào, cây mai, cây dương liễu... đầy đủ đừng để thiếu. Ướt thì cần người khác trao, khô thì cho tự cầm giữ. Trẻ tuổi tự tiện nhằn đó, già thì đập cho nát một đầu, cây kia dùng đắng, rít, cay làm tốt đẹp, đầu tước thành nát là tốt nhất, thô hồ là gốc là tinh xảo (Tức lấy lá xanh tai gốc đều cắt chôn vào đất hai tấc) cho răng miệng thơm, tiêu đồ ăn bỏ hôi dơ, dùng chừng nửa tháng hơi miệng liền hết, răng bị bịnh sâu thì ba tuần là lành, cốt yếu cần tước nhuyễn, chà sạch khiến đồ dơ chảy ra, lấy nhiều nước sạch súc đó. Đây là cách thức vậy.

Kế sau nếu có thể trong mũi uống nước một sao. Đây là thuật nhiều năm của Ngài Long Thọ, nhưng trong mũi kia cần phải không bịnh, uống bằng miệng cũng tốt, dùng lâu thì ít bịnh tật, nhưng mà dơ ở chân răng nhóm lâu thành cứng, cạo cho sạch hết, lấy nước đắng súc liền không bị hư, đến cuối đời bịnh răng như nước tây sẽ không có. Bởi vì tước cây chà răng kia, há lại không biết cây đó làm bằng cây dương liễu, nước Tây (Ấn) rất ít có dương liễu, người dịch liền truyền hiệu đây. Cây chà răng của Phật thật ra chẳng phải cây dương liễu. Ở chùa Na Lan Đà chính mắt nhìn, đã không dám tin nơi người, người nghe cũng không nhọc gì gây ra lầm. Xét kinh Niết Bàn bổn tiếng Phạm nói: "Khi tước cây chà răng, cũng có dùng cây dương nhỏ, hoặc năm, hoặc sáu toàn tước trong miệng không phải súc bỏ, hoặc có nuốt nước để trị bịnh, cầu sạch mà lại dơ, muốn bỏ bịnh mà lại chiêu lấy bịnh. Hoặc có đây cũng không biết, chẳng phải ở luận hạn cuộc. Nhưng cách của Ngũ Thiên, kẻ tục nhằn cây chà răng tự là sự thường, đứa bé ba tuổi đều đã được dạy làm. Thánh giáo, hàng tục lưu đều thông lợi ích, đã bày hết chăng, thực hành hay bỏ tùy tâm.

***9- Phép tắc thọ trai:*** Phàm bàn cách thưa thỉnh ở Phương Tây và các nước ở biển Nam, lược hiển nghi kia. Phương Tây, thí chủ chuẩn bị trước thỉnh Tăng lễ bái, ngày cúng trai đến giờ thì lại thỉnh, chuẩn bị đồ ngồi cho chúng Tăng, hoặc có thể là tịnh nhơn tự giữ, hoặc nhận tịnh vật từ người khác. Đồ đựng chỉ một sắc bằng đồng, cần lấy tro và nước sạch chà rửa. Ngồi bèn đều riêng giường nhỏ, không nên liền tòa chạm nhau. Cách thức giường kia như chương thứ ba đã nói. Nếu đồ sành chưa từng dùng, hoặc dùng một lần đây thành không lỗi. Đã dùng xong, bỏ xuống hào hầm vì kia dùng dơ không thể dùng lại. cho nên nước tây (Ấn) bên đường lập bày chỗ ăn, đồ dư như núi không dùng lại. Tức như giúp dương đồ sành ăn xong dùng lại. Trước nếu bỏ liền đồng pháp sạch. Lại ở Ngũ Thiên vốn không có đồ bằng men sứ, men sứ nếu dầu hợp là sạch không nghi, đồ sứ là hoặc khi khách buôn đem đến phương tây, và ở Nam Hải đều không dùng dùng đồ ăn, bởi vì là nhận dơ bẩn, quyết cần là mới, lấy tro sạch rửa đó khiến hết hơi hôi, dùng cũng được.

Đồ cây kia vốn không phải là đồ ăn mới và dùng một lần vốn không lỗi, dơ nặng là có lỗi sự như Luật nói: Nhà thí chủ kia, chỗ bày đồ ăn, cần lấy phân trâu chà đấtcho sạch, riêng đặt giường tòa nhỏ, cần bồn vại sạch sẽ chứa nhiều nước. Khi tăng đã đến, cổi khuy áo đặt bình sạch, liền nên xem nước, nếu không có trùng thì dùng rửa chân, rồi sau

đến giường nhỏ nghỉ ngơi một chút, xét thời gian sớm hay trễ, ngày sắp đến ngọ, thí chủ thưa đã đến giờ pháp chúng bèn xếp y trên buộc hai góc trước, thòng góc bên phải che đùi eo bên trái, hoặc vụn, hoặc đất, rửa tay cho sạch, hoặc thí trao nước, hoặc tự dùng quân trì tùy thời trai sự, lại đến tòa ngồi nhận diệp khí kia, dùng nước lược rửa, chớ khiên chảy.

Trước khi ăn hoàn toàn không có pháp chú nguyện thí chủ rửa sạch tay chân ở trước đại chúng, ban đầu đặt cúng Thánh tăng, kế hành thực để dâng Tăng chúng. Lại khi chưa hành thực đặt một bàn ăn để cúng cho Ha Lợi Để Mẫu, Ha Lợi Để Mẫu đời trước nhân sự phát nguyện ăn hết trẻ con nơi thành Vương Xá, vì tà nguyện đó bỏ thân sanh vào loại Dược Xoa, sanh năm trăm đứa con mỗi ngày thường bắt trẻ con ở thành Vương Xá, nhân dân bạch Phật, Phật bèn giấu đứa con út của nó tên là Ái Nhi. Nó đi tìm cho khắp nơi, đến bên Phật mới được, Thế Tôn bảo: "Ngươi thương Ái Nhi lắm ư? Con ngươi năm trăm đứa, mất một còn thấy thương xót huống chi là người khác chỉ có một hai đứ mà thôi". Phật nhân đó giáo hóa khiến thọ giới làm Ô Ba Tư Ca, Ha Lợi Để Mẫu thưa Phật rằng: "Năm trăm mẹ con của con ngày nay lấy gì ăn?" Phật dạy: "Các chùa có Tỳ kheo, mỗi ngày sẽ cúng cho ăn, khiến các người được no đủ". Cho nên các chùa ở phương tây thường ở chỗ cửa hoặc bên nhà ăn vẽ hình mẹ ôm đứa con dưới gối có ba hoặc năm đứa nữa để nêu bày tượng kia, mỗi ngày trước bàn bày đồ ăn mà cúng. Người mẹ kia chính là chúng của Tứ Thiên Vương, có thế lực rất mạnh, người nào có bệnh tật hay không con, dâng đồ ăn cúng đó thì đều toại nguyện. Duyên rộng như trong Luật, đây chì nêu đại ý.

Thần Châu trước có tên Quỷ Tử Mẫu. Lại các chùa lớn ở phương tây đều ở bên cột nhà bếp hoặc ở trước cửa lớn, khắc cây bày hình kia, hai hay ba thước làm hình trạng thần vương ngồi ôm túi vàng chân đạp giường nhỏ, một chân chấm đất. Thường lấy dầu lau, sắc đen làm hình gọi là Mạt Ha Ca La tức Đại Hắc Thần. Đời xưa truyền rằng là bộ thuộc của đại thiên, tâm mến Tam bảo, hộ trì năm chúng khiến không tổn hại. Người cầu được xứng tình, chỉ đến khi ăn, nhà bếp thường dâng hương đèn, có đồ ăn tùy bày ở trước, từng chính thân thấy nói ở chỗ đại Niết Bàn chùa Bát Đan Na, mỗi khi Tăng ăn, hơn một trăm, hai thời lễ bái xuân thu không hẹn mà đến. Tăng chúng năm trăm người gần trưa bổng đến, đã gần đến giờ ngọ không thể nấu ăn kịp, vị tri sự chùa kia bảo với nhà bếp rằng: "Có chúng như vậy nhà kho việc muốn thế nào?" Bấy giờ có bà cụ tịnh nhơn bảo rằng: "Đây là việc thường không nên

lo nghĩ", bèn đốt nhiều đèn hương bày đầy đồ ăn mà cúng, bảo Hắc Thần rằng: "Đại Thánh Niết Bàn và đồ chúng còn ở, Tăng bốn phương đến làm lễ Thánh tích, ăn uống cúng dường chớ để cho thiếu, là sức của Ngài, may mắn có thể biết thời". Xong tìm bảo đại chúng ngồi, lấy phép thường ăn của chùa theo thứ lớp mà làm, đại chúng đều no đủ, đồ ăn kia còn dư như ngày thường mọi người đều khen " Lành thay!", khen sức thiên thần rồi chính thân làm lễ và thấy Hắc Thần ngồi trước mâm đại chúng mà ăn.

Hỏi kia ý ra sao, bảo lý do đây Hoài Bắc tuy lại trước không mà Giang Nam phần nhiều có đặt chỗ, người cầu hiệu nghiệm, thần đạo chẳng luống. Chùa Đại Giác, Mục Chơn Lân Đà Long cũng đồng điềm lạ đây. Pháp hành thực kia, trước để gùng muối, gừng một hai miếng lớn như ngón tay, muối thì nửa muỗng hoặc một muỗng, dùng là đựng. Kia hành muối, chấp tay quỳ gối trước Thượng tọa miệng xướng ba lần Bát La Khư Đa dịch là "Thiện chí" (khéo đến), xưa nói là Tăng Bạt là lầm. Thượng tọa bảo: "Bình đẳng hành thực, ý đạo đủ cúng khéo thành". Giờ ăn lại đến, chuẩn chữ nghĩa kia nên phải như vậy.

Nhưng Phật và đại chúng nhận đồ ăn độc của người khác, Phật dạy ba lần xướng "Bát La Khư Đa" rồi sau mới ăn, hể có thuốc độc đều biến thành vị ngon, do lời nói đây chính là lời bí mật, chưa hẳn gọi kia là thiện chí. Đông tây hai âm đến thời nhậm đạo, và phần đó địa xướng thời đến rất có cớ thật. Người trao đồ ăn hẳn cần phải đều hai chân cung kính cong người, hai tay cầm đồ và dùng bánh trái cách một khủy tay liền buông, từ các đồ ăn khác hoặc một tấc hai tấc, nếu khác đường đây lý không thành thọ, tùy nhận tùy ăn không nhọc đợi khắp. Đồng cúng ăn khắp hay không là lật chánh, ăn xong tùy ý cũng chẳng phải Thánh nói. Kế trao bánh khô bánh gạo và đậu nấu đặc, rửa dùng thục tô, tay khuấy cho đều chìm các trợ mùi, ăn dùng tay đá, vừa mới nửa bụng mới hành bánh trái, sau hành sửa lạc và bún, khát uống nước lạnh, không kể động hạ, đây là bửa ăn thường của chúng Tăng và khi lập cúng trai tăng, đại lược đều vậy. Nhưng phép cúng trai tăng ý tồn nơi ân dày, bánh cơm dư đầy mâm bát, sửa lạc ngang dọc tùy ý đều nhận. Cho nên vào ngày vua Thắng Quang (210) cúng Phật và chúng Tăng đồ ăn uống, sửa tô đều dư tràn lan. Luật có thành văn tức là sự kia.

Tịnh Sơ đến nước Đam Mỹ Lập Để ở Đông Ấn độ, muốn nương Khiêm Sách lập cúng trai tăng, người bấy giờ chỉ nói: "Nếu chỉ vừa đủ mà thôi thì làm gì không được", nhưng mà xưa nay truyền nhau, làm cần phải dư nhiều, nếu chỉ đủ no thì sợ người cười. Nghe Phật từ nước

lớn đến là người ở xứ giàu có, nếu không dư đầy thà không làm còn hơn, do đây lại nương pháp kia. Đây là tâm thí rộng lớn, lại được quả báo đầy nhiều là không trái lý, hẳn kia nghèo thiếu và ăn xong hành sấn là tùy khả năng. Đã ăn xong dùng miếng nước súc miệng, nuốt mà không bỏ, lấy chút nước đổ vào đồ đựng, lượt sạch tay phải, rồi sau mới đứng dậy. Khi muốn đứng dậy, cần dùng tay phải vốc đầy đồ ăn đem ra ngoài, không lựa là vật của Tăng hay Phật, Thánh sai khắp thí chúng sanh. Trước khi chưa ăn thì Luật không thành dạy. Lại đem một chén đồ ăn dâng lên người chết và các quỷ thần loại nên ăn. Duyên ở Linh Thứu như kinh rộng nói, có thể đem đồ ăn kia hướng quỳ trước Thượng tọa, Thượng tọa bèn lấy miếng nước rưới lên mà chú nguyện:

*Do ngày nay tu phước,*
*Khắp thắm các loài quỷ*
*Ăn rồi khỏi cực khổ*
*Bỏ thân sanh chỗ vui*
*Phước báu của Bồ Tát*
*Không cùng như hư không*
*Thí được quả như vậy*
*Tăng trưởng không hề dứt.*

Rồi đem ra ngoài, ở chỗ tối vắng, dưới lùm rừng, hoặc ở trong ao sông để thí cho người chết. Giữa Giang Hoài kế lập trai, ngoài đặt một mâm tức pháp đây. Nhưng người thì kia trao cây xỉa răng, cúng nước sạch, cách súc như chương thứ năm đã thuật. Tăng chúng khi từ biệt miệng nói: "Chỗ tu phước nghiệp thảy đều tùy hỷ". rồi sau mới đi. Chúng Tăng mỗi mỗi tụng kệ, lại không pháp sự. Ăn xong, đồ ăn dư và vật cúng cho chúng tăng, sai trẻ nhỏ đem đi, hoặc thí cho kẻ nghèo, tủy người nên ăn thì ăn. Hoặc khi gặp năm đói khát, hoặc sợ thí chủ xẻn tiếc, hỏi rồi mơi lấy, trai chủ toàn không trọng cách lấy ăn, đây là cách nhận cúng của phương Tây.

Hoặc có thể thí chủ mời thỉnh đồng trước, ở trong nhà ấy hình tượng tự lập, giờ ngọ đã đến, khắp đến tôn nghi, ngồi xổm chấp tay, đều tự tâm nghĩ, lễ kính xong rồi ăn đồng như trước. Hoặc có thể riêng sai một người ở trước tôn tượng quỳ dài chấp tay lớn tiếng khen Phật (nói quỳ dài nghĩa là hai gối chấm đất, thẳng hai chân, ngay thân, xưa nói là hổ quỳ là sai, Ngũ Thiên đều vậy, nào riêng đạo hồ) chỉ khen đức Phật không nói lời khác. Thí chủ bèn đốt hương rải hoa một lòng chí thành dùng bột bùn thơm thoa chân Tăng, đốt hương thơm phức không làm gì khác, trống nhạc ca ngâm tùy tình cúng dường, mới bắt đầu chuẩn như

trước thứ lớp ăn. Ăn xong đem bình nước kia, khắp rưới trước chúng, Thượng tọa mới vì thí chủ lược tụng Đà Na Già Đà, đây chính hai đường cách ăn ở phương Tây, nhưng mà nước Tây nhai nuốt phần nhiều cùng thần châu không đồng, nhưng có thể lược cứ khoa luật thô bày, đại khái nói rằng:

Luật nói: Nửa là Bổ Thiện Ni, nửa là Kha Đản Ni. Bổ Thiện Ni dùng ngậm nuốt làm nghĩa Kha Đản Ni tức cắn ăn nhận làm tên. Nửa nghĩa là năm. Nửa, Bổ Thiện Ni nên dịch là năm miếng ăn, xưa nói rằng: "Năm chánh", chuẩn theo nghĩa mà dịch. Một cơm, hai lúa đậu, ba bún, bốn thịt, năm là bánh. Nửa Kha Đản Ni nên dịch là năm tước thực: Một là gốc, hai là cành, ba là lá, bốn là hoa, năm là quả. Nếu không duyên thì ăn năm món đầu, năm món quyết không nên ăn. Nếu ăn năm món sau trước, năm món trước nhai liền tùy ý, chuẩn biết sữa, lạc, chẳng thuộc trong hai món năm ấy. Văn Luật lại không gọi riêng, rõ chẳng phải bữa ăn chánh nhiếp, nếu các đồ ăn bột, cắm đứng cái muỗng mà không ngã đều thuộc cơm bánh thau. Bột khô hòa nước, lấy ngón tay vẽ thấy dấu, đây thuộc năm nhiếp.

Vả lại như ở Ngũ Thiên, giới chia xa nhỏ, đại lược mà nói, Đông Tây Nam Bắc đều hơn 400 dịch, trừ bờ mé kia, tuy chẳng tột mà có thể nhìn thấy, cho nên có thể rõ mà hỏi biết chỗ có nhai tước khéo léo chẳng phải một, phương Bắc đủ bột, mé Tây dồi dào sao, nước Ma Yết Đà bột ít gạo nhiều, Nam thương Đông thùy một lọi voia Ma Yết Đà. Dầu tô, sữa, lạc ở đó đều có, bánh trái thuộc khjó có thể kể số. Người tục sự hôi tanh còn ít, các nước phần nhiều đều gieo lúa, cây dẻ ít cây lúa nếp thì không. Có dưa ngọt, rất nhiều mía, thiếu rau cải, đủ dây tỏi tây. Nhưng hột có đen trắng, đến nay dịch là hột cải, ép dầu đủ ăn, các nước đều vậy. Những ăn rau kia vị cùng với tỏi tây của thần châu không khác, chỉ khác là gốc nó cứng hơn. Kết trái hột thô chẳng phải hột cải kia giống cây quýt mà vì nơi đất nên đổi hình.

Ở Na Lan Đà cho không làm thiền sư cùng bàn luận ôm lòng nghi chưa thể biện. Lại người Ngũ Thiên không ăn các gừng tỏi giã nhỏ và rau sống, do người nước này không bị đau bụng, ruột và bao tử hòa nhuyến, quên lo cứng chắc.

Nhưng mười châu Nam Hải, cúng trai liền thành ân dày, ngày đầu đem một tíu trái cau và phiên tử, dầu thơm và ít bột gạo, đều đựng đầy đồ đựng, đặt trong mâm lớn, lụa trắng đậy lên, bình vàng đầy nước, trước rưới đất, để thỉnh chúng Tăng. Trong ngày hôm sau, trước tắm rửa sạch sẽ, ngày thứ hai quá ngọ vếau thì đánh trống nhạc, bày hoa thơm,

thỉnh tôn nghi bằng xe kiệu, cờ phan sáng mặt trời pháp tục mây bay, dẫn đến sân nhà, trương phan lọng, lấy vàng đồng trang sức tôn tượng sáng rỡ, dùng bùn thơm hoa, đặt trong mấmạch, hoặc đem nước thơm chí thành tấm rửa, lau xong dùng lụa thơm bưng vào trong nhà, bày đầy hương đèn mới làm ca ngợi. Rồi sau lên tòa vì thí chủ nói đà Na Già Tha (kệ), bày thuật công đức. Xong mới thình Tăng ra ngoài súc miệng rửa tay, uống nước đường cát, ăn nhiều cau rồi sau lấy rải.

Đến ngày thứ ba, giữa ngọ vào chùa thưa giờ đã đến, tăng Tấm rửa rồi dẫn đến nhà trai tăng, lại bày tôn nghi lược làm tắm gội, hương hoa trống nhạc hơn sáng hôm trước, có cúng dường thì bày trước tôn tượng, hai bên tôn tượng đều đặt đồng nữ hoặc năm hoặc mười, hoặc có thể lượng đồng tử thời có không. Hoặc bưng lư hương, cầm bồn tấm bằng vàng, hoặc bưng lư hương, hoa tươi phất trần trắng , chỗ có đài, gương... thảy đều đem đến trước Phật dâng cúng.

Hỏi: Kia ý ra sao?

Đáp: Là ruộng phước.

Nay không dâng cúng về sau đâu mong có quả báo. Dùng lý mà nói, đây cũng là việc lành.

Kế thỉnh một vị Tăng trước tòa quỳ gối khen ngợi công đức của Phật. Lại riêng thỉnh hai vị Tăng đều lên ngồi bên tòa Phật lược tụng tiểu kinh nửa tờ hay một tờ, hoặc mừng hình tượng cùng điểm mắt Phật cho đến thắng phước (211), rồi sau tùy tiện đều đến một bên lật xếp ca sa (Ca sa là tiếng Phạm tức là màu càn đà, xưa nay không can hệ đến đông ngữ, nhọc gì dưới đấy để ý. nếu nương văn luật lời sách, ba y đều tên Chi Đại La). buộc hai góc trước, rửa tay đến ăn, oai nghi cách thức phân trâu chà đất, xem nước rửa chân và ăn nuốt pháp dụng hành thực đều cùng phương tây phần lớn đồng. Nhưng kia khác là gồm ba sạch và phần nhiều chằm lá làm chén, ruộng như nửa tịch chứa lúa gạo bánh một thăng hai thăng, cũng dùng làm đồ đựng một thăng hai thăng.

Bưng đến chỗ Tăng phải trước trao cho, kế hành các việc ăn, có ba hai mươi loại, đây chính là nhà nghèo cúng. Nếu là nhà vua hay nhà hào phú, đều trao mâm đồng chén đồng và đồ bằng lá lớn bằng một tịch, đồ ăn ngon ngọt số dư trăm vị. Quốc vương bỏ ngôi tôn quý tự xưng là nô bộc, trao đồ ăn cho Tăng cung kính triệt để tùy dính đều nhận, lại không pháp ngăn. Nếu chỉ lấy đủ mà thôi tâm thí chủ liền không vui, thấy kia dư dật mới thành vừa ý, cơm gạo thì bốn thăng năm thăng, bánh trái... thì ba mâm hai mâm, thân thuộc bà con đều chung cúng, hoặc cơm hoặc bánh, canh rau chẳng phải một. Nhưng một người ăn dư,

có thể cúng cho ba bốn người, hoặc sấm đầy nhiều, mười người ăn cũng không hết, chỗ dư kia đều mặc tình chúng Tăng sai tịnh nhơn đem đi. Nhưng phép cúng trai của Thần Châu cùng nước Tây (Ấn) không đồng, có đồ ăn dư thí chủ tự lấy, Tăng liền đem đi lý thành chưa thể được, cho nên người xuất gia tướng khi mà động, biết đủ không nhục, không thiếu tâm thí, hẳn như thí chủ quyết tâm không nghỉ lấy lại, thỉnh Tăng đem đi, mặc lượng sự châm chước. Chúng Tăng cũng đã ăn rồi, súc miệng xong bèn quét bỏ đồ ăn dư cho sạch đất, khắp dùng hoa đèn đốt hương thơm phức, đồ cúng bày trước chúng. Kế hành hương nê (bùn thơm) như ngô tử, Tăng đều lau tay cho sạch thơm, kế hành trái cau, vỏ đậu mềm, dùng đinh hương, long não nhấm nháp cho thơm miệng cũng có thể tiêu đồ ăn bỏ hôi. Thuốc thơm kia đều cần nước bình sạch rửa, dùng lá tươi đựng, trao cho chúng Tăng, thí chủ đến trước Thượng Tòa hoặc người có khả năng để nắm miệng bình nước như đưa đồng liền chú không dứt, để bình xuống mâm, thầy bèn trong tay cầm hoa nương giọt nước kia miệng tụng chú (Đà Na Già Tha). Ban đầu cần Phật nói bài tụng, sau thông người làm, mặc tình nhiều ít lượng thời làm độ, cần xưng tên thí chủ mà nguyện khiến họ được giàu vui. Lại giữ phước hiện tại hồi hướng cho người chết, sau vì vua, kế đến rồng quỷ, cầu cho đất nước thành thục mọi người an ổn. Thánh giáo Thích Ca trụ mà chẳng diệt, Già Tha kia dịch đó như riêng, đây chính Thế Tôn lúc còn tại thế chính thân chú nguyện, chỉ đến ăn xong hẳn vì nói Đặc Y Noa Tha là đem vật thí đến cúng, Đặc Y Ni Sư tức là nên hợp nhận người cúng dường đây cho nên Thánh chế, thường chỉ ăn xong, hẳn cần tụng một hai bài kệ mà báo ân thí chủ (tiếng Phạm là Đà Na Bát Để dịch là thí chủ, Đà Na là thí, Bát Để là chủ, mà nói là đàn việt vốn chẳng là chánh dịch, lược bỏ chữ Na. Lấy trên âm đà chuyển gọi là đàn, lại thêm chữ việt, ý đạo do hành đàn xả, tự có thể vượt qua nghèo cùng diệu thích tuy nhiên, trọn trái bổn chánh, xưa dịch là đạt sấn là lầm).

Nếu không vậy, đã trái thánh giáo thì không tiêu đồ ăn của tín thí. Xin đồ ăn dư thời pháp có hành xứ, rồi sau hành vật sấn, hoặc làm cây như ý để cúng Tăng, hoặc làm hoa sen vàng để dâng Phật. Hoa tươi đầy gối, lụa trắng đầy giường quá ngọ hoặc giảnh tiểu kinh, hoặc thời liền đêm mới tan, khi từ biệt miệng nói “Bà Độ”, gồm xướng “A Nô Mô Tha”, bà độ tức sự gọi là khéo dâng. A Nô Mô Tha dịch là tùy hỷ, hoặc thí cho mình, hay thí cho người, đều đồng thuyết đây. Ý trước người đã trình bày, tùy sau mừng khen, đều chiêu cảm phước lợi. Đây là mười châu Nam Hải, một đường nhận cách thức cúng, hoặc ngày đầu trầu

cau thỉnh Tăng, ngày thứ hai tắm rửa tôn tượng ăn trưa xong chiều thỉnh kinh, đây là việc làm ở giữa. Hoặc có thể ngày đầu dâng cây xỉa răng thỉnh Tăng, sáng hôm sau chỉ bày lễ trai tăng mà thôi. Hoặc có thể đến Tăng lễ bái nói lời mời, đây là hàng nghèo thiếu cúng trai tăng.

Nhưng chư Hồ phương Bắc, các nước Đổ Hóa La và Tốc Lợi Pháp kia lại khác. Thí chủ trước dâng hoa cúng dường Tháp, đại chúng đi nhiễu khiến xướng chú nguyện mà Đại sư đã rộng bày, rồi sau mới ăn, cách thức dâng hoa kia nhưng trong ký ở phương Tây đã bày. Những sự đây có sơ, phiền, ăn gồm rộng lược, mà cách thức Tăng chúng giữ tay sạch để ăn, phần lớn phép tắc đều gần giống. Chúng Tăng hoặc có đổ phần nhiều khất thực chỉ đắp ba y. Giả sử người khác đến thỉnh, dâng vàng báu bỏ như đàm dãi, vắng dấu vết tận rừng sâu. Tức như pháp trai của đông hạ,sai sớ thỉnh Tăng tuy đến sáng mai không lại thỉnh bạch, chuẩn như thánh giáo tợ có sự không ân cần, hẳn là môn đồ cần dạy cách thức. Nếu làm lễ cúng nên đem lược để Tăng lược nước đều có thể quan sát, kia đã ăn xong cần tước cây xỉa răng, nếu miệng có hơi hôi dư liền không thành trai, tuy là bụng đói trọn tiêu, há khỏi lỗi phi thời. May có thể xem thức ăn phương Tây nghĩ bàn đồng xuyên được không định nên tự nhiên rõ ràng, không nhờ người trí thuật rõ, sẽ suy nghĩ thường thử bàn đó rằng: "Nhưng Vô Thượng Thế Tôn đại từ bi, là cha lành thương xót chúng sanh chìm đắm qua ba đại mà lay động, giúp khiến nương hạnh hiện bảy mươi tuổi mà tuyên dương giáo hóa, do vì làm gốc trụ trì y thực là trước hết. Sự nhiều trần lao kiểm nghiêm thí giới, chế ở ý Thánh lý có thể tuân theo mà làm. Trở lại dùng tâm khinh nói kia không tội, ăn nuốt không biết nhận dơ, chỉ giữ một điều giới dâm, liền nói rằng "Ta là người không tội, nhọc gì lại phiền học Luật", ăn uống, mặc hay cởi vốn không liên quan, thẳng chỉ không môn toan láy Phật, đâu biết các giới đều là ý của Phật. Mọt quý một khinh đưa ra ức đoán, môn đồ bèn bắt chước nhau, phán là không xem giới kinh, chép được hai quyển không môn liền cho là lý bao trùm ba tạng, không nghĩ miếng miếng ăn nuốt sẽ có đắng như tượng, ai biết bước bước chiêu cảm ương tai giặc đến. Phao nổi không lưng chính là bổn tâm Bồ tát, chớ khinh lỗi nhỏ trở lại thành xướng rốt sau, lý nên đại tiểu song tu mới thuận lời dạy của Từ Tôn (Phật). Ngăn lỗi nhỏ, nhìn hư không lớn, nhiếp vật lắng lòng, có lỗi gì. Hoặc sợ tự mê lầm chúng, chuẩn giáo liền bày một góc, pháp không tin là chẳng luống. Sách Luật nhơn gì khinh mạn, nên nửa tháng nói giới sám hối, hằng vì răn dạy môn đồ, ngày ba lần lễ rằng: "Phật pháp trụ đời ngày càng suy yếu,xét mình tuổi nhỏ có

nhìn thì cùng khi lớn có khác gọi là nghiệm đây có thể giữ tâm". Phàm cái lụy ăn uống thường cần nguyện kính vâng, không khinh thánh giáo, lại nói rằng:

Thánh giáo có tám muôn, cốt yếu chỉ một hai, ngoài thuận đường tục, trong ngưng đọng chơn trí. Sao gọi là tục đồ? Là vâng giới cấm mất tội. Sao gọi là chơn trí? Là thấy cảnh đều bỏ. Tuân thắng đế mà không đắm trước, diệt lụy duyên sanh, siêng nhóm tu nhiều, chứng nghĩa mầu viên thành, há cho không học ba tạng, giáo lý đều mê. Tội, lượng lớn như cát sông, vọng nói đã chứng bồ đề, bồ đề là giác, hoặc lụy đều mất, không sanh không diệt gọi là chơn thường, đâu được đồng ở biển khổ mạn nói ta trụ Tây Phương. Lý thường muốn trong sạch làm nền, giữ lỗ nhỏ túi nổi, lấp tội lớn lỗ kim, lỗi lớn đầu tiên, nhiều lỗi là y thực, vâng lời Phật dạy thì giải thoát lỗi lầm. Mạn chê lời Phật bèn chìm đắm từ lâu, liền nêu hành pháp, lược thuật phép tắc, đều nương Thánh kiểm, há gọi là tình đồ. Mong không chê lời nói thẳng, ngõ hầu có lợi ích nơi đường xa. Nếu không lời thật thì ai là người tiến tới, lại liền xét nơi tinh thô.

NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN.
(HẾT QUYỂN 1).

■

# NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN

## QUYỂN 2

***10- Y thực là chỗ cần:***

Có đãi hình lụy, nhờ y thực mà mới giúp, không sanh diệu trí, nương lý diệt mà mới khởi. Nếu kia thọ dụng trái nghi liền chiêu cảm bước bước tội, lắng tâm mất phép tắc bèn gây ra niệm niệm mê, vì đây ở trong thọ dụng, người cầu giải thoát thuận lời thánh mà thọ dụng, ở chỗ lắng lòng tập lý phù hợp tiên giáo để lắng lòng, liền cần cúi nhìn sanh nhai (cuộc sống), là lao ngục mê sống, ngước nhìn bờ tịch làm cửa trống ngộ tịch, mới có thể đậu thuyền pháp nơi bến khổ, bày đuốc huệ soi đêm dài. Nhưng ở chỗ chế đắp y phục và nghi ăn uống, nếu trì phạm rõ ràng Luật có thành phép tắc, hàng mới học cũng biết trọng khinh, đây thì được mất cuộc hạn ở người khác, vốn chính là không phiền bàn bạc, tự có hiện trái Luật kiểm nghiệm mà đem làm kim chỉ nam. Hoặc có thể tập tục sanh thường cho là kia không lỗi. Hoặc đạo, Phật sanh tây quốc, kia xuất gia thì nương hình nghi nước tây, ta ở đông xuyên, lìa tục thì tập phép tắc đông xuyên, đâu có thể đổi kiểu áo của Thần Châu mà nhận phong cách của Ấn Độ, liền là bọn đây cân nhắc thô tháo.

Phàm cái nghi y phục là cương yếu của người xuất gia, lý cần nêu đủ chế kia, đâu được khinh mà lược bỏ. Vả lại ba y của pháp chúng, Ngũ Thiện đều cắt lá, riêng chỉ Đông Hạ khai mà không may. Chính thân hỏi các nước phương Bắc, chỗ lưu hành Luật Tứ Phần đều đồng cắt lá, toàn không khai. Phương Tây nếu đồng phục của Thần Châu, may hợp bèn đắp mặc, văn các bộ luật đều nói là cắt hợp. Nhưng mà sáu vật nuôi thân tự có nghiêm điều, mười ba món đồ rộng như Luật nói. Sáu vật:

Một, Tăng Già Chi (dịch là phúc y). Hai, Ôn Chỉ La Tăng Già (dịch là thượng y). Ba, An Chỉ Bà Sa (dịch là nội y, ba y đây đều gọi là Chi Phạt La. Các nước phương Bắc phần nhiều gọi pháp y là ca sa, chính là nghĩa sắc đỏ, chẳng phải lời văn Luật). Bốn, Ba Chỉ La (là bát). Năm, Ni Sư Đàn Na (đồ ngồi nằm). Sáu, Bát Lý Tát La Phạt Noa (đãy

lược nước, khi thọ giới cần phải đủ sáu vật đây).

Mười ba món đồ: Một, Tăng Già Chỉ. Hai, Ôn Chỉ La Tăng Già. Ba, An Chỉ Bà Sa. Bốn, Ni Sư Chỉ Na. Năm, Quần. Sáu, Quần kép. Bảy, Tăng Khước Kỳ (áo che nách). Tám, Phức Tăng Phước Kỳ. Chín, khăn lau mình. Mười, khăn lau mặt. Mười một, áo cạo tóc. Mười hai, áo che ghẻ. Mười ba, thuốc.

Y tư cụ. Tụng rằng:

*Ba y và tọa cụ*
*quần, hai khăn có hai*
*Khăn thân, mặt, cạo tóc.*
*Áo che ghẻ và thuốc.*

Mười ba món y, cho người xuất gia chứa để, đã định cách, liền cần thuận giáo mà dùng. Không so với vật dư khác mình có, mười ba món đây đều cần nêu riêng. Việc kia điểm tịnh, trao giữ, tùy được tùy giữ, không nhọc gồm đủ ngoài y dư khác, lượng sự phân chia, Nếu loại mền, nệm chiếu, chỉ cần khởi tâm ủy phó cho người mà nhận dùng. Có người nói: "Ba y và mười vật, bởi là ý của người dịch, lìa làm hai chỗ, không nương bổn Phạm, riêng nói ba y chia chẻ mười vật". Nhưng số mười kia không thể ủy thác đến đỗi khiển phỏng đoán, thảy đều là các thứ tạp loạn chưa phù hợp ý trước. Thuốc y kia Phật chế chứa cho phải dùng vải có thể hai trượng, hoặc có thể một thất đã mà bịnh khởi không hằng, rốt sau cầu khó giúp, vì đây chế chứa, có thể chuẩn bị đủ. Khi bịnh có chỗ cần không nên liền dùng. Nhưng tu hành môn lợi sanh, nghĩa ở còn nơi thông giúp, đã là căn có ba... không thể cuộc hạn là một đường. Bốn nương bốn làm mười ba đổ đa, chế chuẩn trên mà làm. Chứa phòng nhận thí mười ba tư cụ, bởi gồm trung hạ, bèn khiến người thiểu dục không lỗi chứa dư đầy. Người cầu nhiều quên lỗi thiếu sự.

Lớn thay Từ Phụ! Khéo ứng căn cơ, giỏi dạy người trời xưng là Điều Ngự, mà nói rằng cúng thân trăm lẻ một. Bốn bộ chưa thấy văn Luật, tuy là kinh có lời kia, cho nên là ý riêng thời. Vả lại nhiều việc người đời đồ nhà đều còn không đủ năm mươi, há cho người Thích Tử ít duyên lại quá số trăm kia chuẩn nghiệm đạo lý, thông tắc có thể biết. Phàm bàn vải thô chính là Phật khai, việc gì gượng ngăn luống làm tiết mục, đoán đó làm ý, muốn ít chiêu lấy nhiều, Ngũ Thiên bốn bộ đều đắp dùng, chợt có thể bỏ dễ cầu vải thô tìm khó được vải mịn rất ngăn đạo là ở đây? Chẳng phải chế mà gượng chế tức là loại kia. Bèn khiến ưa việc trì Luật tăng ngã mạn của mình mà khinh người khác, không cầu khách thiểu dục, trong khởi xấu hổ mà ngoài lại thẹn, đây là ngăn

thân nuôi đạo cũng lại nào việc gì... mà ý kia sắp là tột hại mạng thương tổn lòng từ, thương xót hàm thức lý có thể tuyệt dứt. Nếu vậy, đắp y ăn cơm nhiều duyên tổn mạng, loài giun dế từng không để tâm, loài tằm nhộng nào thấy nghĩ đến, nếu gồm hộ mạng chúng nó, bèn khiến nương đâu giữ thân nhờ đâu đặt mạng, dùng lý suy gạn, đây không như vậy, mà có người không ăn tô lạc không mang giày da, không mặc tơ lụa là đồng loại đây.

Hễ bàn chuyện giết, trước lấy sự cố ý đoạn mạng căn kia mới thành nghiệp đạo, quyết chẳng cho suy nghĩ. Phật nói không phạm, ba chỗ thanh tịnh, chế ở quên lỗi, giả sử trái như vậy chỉ đây chỉ bị lõi nhẹ, không tâm giết cho nên nhơn bèn cực thành. Còn nếu nhận người dụ liền bày đắp, nhơn vì dụ đã rõ là không lỗi, nương tông tự rõ. Ba chi đạo lý lại đã rõ tàng, huống gì lại từ kim khẩu của Phật nói, nhọc gì lại cho là xuyên tạc, bèn khiến năm trăm nghi, ra khỏi bút tác giả, ba lần lầm. Truyền lời tin nhận, hoặc kia gọi là xin sống tiêu, gọi là nghiệm tổn trùng; đây thì kẻ tục còn không nên làm huống gì tình mong xa lìa, dẫn đây làm chứng rất thành chưa thể.

Nếu có thí chủ tịnh ý mang đến liền nên xướng tùy hỷ, do nhận dùng để nuôi thân mà đủ đức thật không có lỗi. Pháp phục ở Ngũ Thiên mặc cắt mặc tình may,vải sợi không hỏi ngang dọc, vì ngày không quá ba hay năm, tình một xấp vải làm được bảy điều, năm điều, lá trong ba ngón tay, ngoài duyên một tấc, ngoài duyên (bìa) có cắt ba đường, trong lá đều may chần, đủ sự nêu nghi cũng nào nhờ tinh diệu. Nếu đắp y nạp y ý giữ ít sự, hoặc bỏ nơi đống phân, hoặc đem bỏ rừng thây chết, tùy được liền may dùng che lạnh nóng. Mà có thuyết nói rằng: "Trong Luật nói ngọa cụ tức là ba y", thấy chế tằm hoang liền sanh ý khác. Thừa nghĩa là pháp y chẳng phải vải, bèn liền ân cần tìm cầu, đâu nương bổn văn xưa nay là mền, Cao Thế Gia chính là tên con tằm, làm chỉ vải lại được tên đây, thể là vật quý, chế không cho dùng.

Cách làm mền có hai cách: Hoặc may thành túi đựng lông bên trong, hoặc có thể dùng chỉ dệt thành, tức là loại mền lông. Mền kia rộng hai khuỷu dài bốn khuỷu, dày mỏng tùy thời, tự xin bèn ngăn, người cúng cho thì tội, toàn không cho dùng là việc lớn khoa nghiêm, các đồ trải đây, chẳng phải ba y.

Lại Luật nói rằng: "Chánh mạng nghĩa là miệng bụng làm đầu, cày xới cần được nghi kia, gieo trồng không trái lưới giáo, ứng pháp ăn dùng không sanh tội. Ban đầu nói lập thân có thể lớn phước kia, nương như Luật dạy nhà Tăng làm ruộng, cần cùng tịnh nhơn làm phần số kia,

hoặc có thể cùng các người nhà, hoặc đều sáu phần trích ra một, Tăng chỉ cấp trâu cho ruộng, các việc đều không biết, hoặc có thể chia số lượng thời châm chước. Các chùa phương Tây đều như vậy. Hoặc có người tham lam không phân chia, tự sai nô tỳ đến kiểm tra nông sản. Tỳ kheo hộ giới không ăn đồ ăn ấy, ý do Tăng tự làm ra, tà mạng nuôi thân xua đuổi người làm thuê, chẳng trừng mắt không thể hoại giống khai khẩn đất, trùng kiến nhiều thương tổn, ngày ăn không quá một thăng ai lại có thể mang trăm lỗi, do đây người ngay thẳng, giận kia nhiều việc, mang bình ôm bát, bỏ chỗ ồn náo riêng ngồi nơi trống vắng, ưa cùng chim, nai làm bạn, dứt danh lợi ồn ào, tu Niêt Bàn vắng lặng. Nếu vì mọi nhà tìm cầu lấy lợi thì luật cũng cho. Khai khẩn đất hại mạng, giáo môn không chấp nhận, tổn thương côn trùng ngăn ngại đạo nghiệp có gì hơn đây.

Có mười hạng tội tà sanh, trước tác thì không thấy làm sớ điều, không quá ba y chánh hạnh, mà lại bao nhiêu nhọc nhằn với bút mực, than ôi! Có thể nói cho người tin, khó nói với người nghi, do sợ nhà truyền pháp còn ôm lòng cố chấp. Ban đầu đến nước Đam Ma Lập Đế, ngoài ngôi chùa có khoảnh đất vuông, chợt thấy mọi người đến hái rau, chia làm ba phần, Tăng một phần, Tự lấy hai phần đem về, chưa hiểu cớ gì, hỏi thầy Đại Thừa Đăng: “Đây là ý gì?”, Đáp: “Tăng chúng chùa đây đều nhiều giới hạnh, tự gieo trồng thì Đại Thánh đã cấm, do đó cho người mướn đất, chia hoa màu mà ăn, mới là chánh mạng ít duyên tự sống, không có lỗi sát sanh vì cày cấy trồng tưới”. Lại thấy Tỳ kheo tri sự, sáng sớm đến bên giếng nhìn nước, không trùng được dùng. một ngày có lệnh cần lấy đãy lược, lại thấy chỉ là người ngoài lấy, thậm chí một cọng rau cũng đều cần hỏi chúng mới dùng. Lại thấy trong chùa không lập quy chế, chỉ khi có việc nhóm chúng tính lường nếu duyên ý riêng, xử đoán tùy tình, tổn ích tăng chúng, không theo chúng mong, đây gọi là Câu La Bát Để, chúng cùng đuổi đó.

Lại thấy ni vào chùa Tăng, thưa là cách trước tăng đến chùa ni hỏi rồi mới vào. Nếu ra khỏi chùa phải đi hai người, nếu có duyên sự cần đến nhà thế tục, bạch chúng cho rồi bốn người chung đi. Lại thấy ngày chay tháng tư họp đại chúng trong chùa vào buổi chiều (sau trưa) để nghe quy chế của chùa, tuân theo đó mà làm, rất sanh kính ngưỡng.

Lại thấy có một sư nhỏ sai Đồng tử đem hai thăng gạo cho phụ nữ nhà người, tình hợp riêng tư, có người báo với chúng, gọi đến đoái khán, ba lần đều thừa nhận, tuy không phải việc xấu mà tự phụ tâm xấu hổ, liền bỏ ra ngoài cửa chùa gọi là ruồng khứ (đuổi), sư sai người khác trao

kia y vật, chỉ là pháp chúng cùng tuân theo, chưa quản chế. Lại thấy phụ nữ vào chùa, không đến trong phòng khách, ở dưới hiên cùng nói một lát rồi đi. Lại thấy có một Tỳ kheo ở trong chùa tên là Ác La Hộ La Mật Đát La lúc đó khoảng ba mươi tuổi, đức hạnh hơn chúng gọi là cao xa, một ngày tụng kinh Bảo tích có bảy trăm bài tụng, rảnh thì xem ba tạng, rỗng suốt Tứ minh của thế tục, ở các Thánh Đông Độ là bậc Thượng thủ, từ khi thọ giới cụ túc, từng không nhìn nói với phụ nữ, mẹ dì có đến cũng ra nhìn mà thôi. Lúc ấy nói rằng: "Đây trái Phật dạy, vì sao làm vậy?" Đáp: Tánh tôi nhiều nhiễm chẳng phải đây không ngăn nguồn kia, tuy là không phải Phật ngăn, ngại tà cũng lại lo gì?

Lại thấy Đại đức đa văn, hoặc có thể tinh nghiêm một tạng, chúng cấp cho phòng tốt, cũng lo tịnh nhơn để sai khiến, bình thường buông bỏ việc tăng, ra ngoài phần nhiều đi xe kiệu, yên ngựa xấu không cưỡi. Lại thấy khách tăng mới đến chùa, trong năm ngày cùng chúng cho tăng kia ăn ngon trái lệnh biếng nhác, sau bên tăng thường, nếu là người tốt, hoa Tăng mới ở, chuẩn theo tuổi hạ, ngọa cụ là giúp, biết người vô học thì một thể với thường tăng, đầy đủ đa văn bèn chuẩn như trước, sắp đặt ghi tên sổ tăng như người ở lâu.

Lại thấy người tâm tốt đến, hỏi đủ nhơn do nếu đến cầu xuất gia thì hòa tăng cạo tóc, tên không can hệ sổ sách nhà Vua, Tăng tự có bộ sách, sau lại làm hạnh phá giới, chỉ cần đánh kiền chùy mà cứ đuổi đi, vì đây là chúng tăng tự kiểm soát nhau, quá khó là mầm mống xấu hổ, bấy giờ than rằng: " Xưa ở Thần Châu tự nói rõ luật, đâu biết đến đây lại làm người mê, trước nếu không đến phương tây, làm sao có thể xét phép tắc chánh đây". Đây chính là hoặc chúng chế của chùa, hoặc riêng làm tâm yếu (214). Bao nhiêu đều chép ở văn luật, đời mạt trụ trì rất quan trọng, đây đều là cách thức của chùa Đam Ma Lập Để Bạt La Ha. Phép chùa Na Lan Đà lại càng nghiêm, bèn khiến tăng chúng số hơn ba ngàn, phòng ấp thì hơn hai trăm thôn đều là chỗ cúng của Vua Tích Đại, nội thạnh không dứt, chẳng phải luật thì ai?

Cũng chưa thấy có người tục làm quan ngồi chính giữa còn tăng chúng thì đứng một bên, khinh dối kêu la không khác hạng phàm phu, đưa cũ rước mới rong ruổi cùng đường, nếu kiểm điểm không đến thì chạy đến cửa công cầu mệnh gặp quan, không hỏi lạnh nóng. Phàm người xuất gia vốn là tình mong lìa tục bỏ đường hiểm năm điều sợ, đi theo đường bằng bát chánh, há lại rong ruổi theo tấm lưới nặng, muốn cầu đơn giản đâu có thể theo ý, có thể gọi là toàn trái giải thoát không thuận túc nhiên, lý cần hai mươi sáu đổ đa, ba mươi tư cụ, tùy duyên

nuôi mạng, trừ bỏ thói xưa, báo ân lớn của sư tăng, cha mẹ và trời rồng. Lòng từ sâu xa của vua, đây thì thuận nghĩa Điều Ngự, khéo hợp đường khuyến tu. Nhơn bàn việc hộ mạng, lại nói hiện hành kia, mong các Đại đức, chớ chê phiền nhiều.

Nhưng bốn bộ sai khác là do nêu mặc quần Nhất Thiết Hữu Bộ thì hai bên hướng ra ngoài đều xếp. Đại chúng bộ thì bên phải quần nhìn bên trái, hướng bên trong rút, không cho rớt, phụ nữ phương tây mặc quần không khác với Đại chúng bộ, Thượng tọa bộ, Chánh lượng bộ chế áo cũng đồng đây nhưng lấy hướng bên ngoài thẳng lật rút bên làm khác, dây lưng cũng không khác. Ni thì chuẩn bộ như tăng, toàn không có thể riêng. Vả lại, như Thần Châu Chi Để, Thiên Đản, che ghẻ, quần vuông, khố thiền, áo dài đều trái bổn chế, nào chỉ đồng tay áo cho đến liền vai, đến khi đắp mặc không xứng luật nghi, mặc dùng đều mắc tội, nếu có đí đến phương tây mọi người đều cười, ôm lòng xấu hổ, chế đủ tạp dụng, đây đều là y phục phi pháp. Nếu im lặng không nói thì do đâu mà biết, như muốn nói thẳng thì sợ người nghe lại oán, do đây trục mềm nơi lòng ngắn chìm đắm nơi tiến thoái (tới lui), mong người trí rõ xét biết bổn nghi của y phục.

Lại ở phương tây, hàng thế tục, quan lại, kẻ sang trọng, mặc y phục chỉ có lụa trắng một đôi, kẻ nghèo thì một chiếc. Pháp chúng xuất gia, chỉ chứa ba y sáu vật, người ưa dư đầy mới dùng ba mươi món tư cụ. Đông Hạ không cho áo tay và liền vai, bởi là thói quen của Đông xuyên, vọng bàn nước ư? tức như y phục các người các bờ biển và giữa Thiệm bộ châu có thể lược nói đó. Lại từ Mạt Ha Bồ Đề đông đến Lâm ấp có hơn hai mươi nước chính ngay mé nam của Châu Hoan. Tây nam đến biển bắc, Tề Yết Thấp Di La và hơn mười nước trong nam hải và Châu sư tử đều mặc hai cảm man. Đã không dây lưng lại cũng không cắt may thẳng là miếng vải quấn hai vòng từ eo xuống. bờ mé biển lớn ngoài Tây thiên có nước Ba Lợi Tư và Đa Để đều đóng khố. Nước Khỏa thì từ trước không có y phục, nam nữ đều thể đỏ. Từ Yết Thấp Di La trở đi đến Tốc Lợi các nước Hồ, Phiên Đột Khuyết phần lớn gần giống, không mặc cảm man, áo lông là vụ, ít có kiếp cụ thời còn mặc do cõi kia lạnh, đóng khố là thường tức trong các nước đây chỉ có nước Khỏa và Ba Thích Tư, Thổ Phiên Đột Khuyết vốn không có Phật pháp còn bao nhiêu đều tôn thờ Phật, mà mặc áo quần lại không giặt sạch, do đây ở Ngũ thiên tự ỷ thanh cao. Nhưng phong lưu nho nhã, lễ tiết cung kính, ăn uống thuần đặc, nhơn nghĩa sung túc, chỉ có Đông Hạ còn bao nhiêu đâu thể bằng. Nhưng do ăn không giữ sạch, tiện lợi không rửa,

cành dương không tước, việc khác bốn nước, mà hiện có đắp y phục phi pháp cho là không lỗi, dẫn lược văn giác kia, phương đây bất tịnh, phương khác thanh tịnh, được làm người vô tội, đây chỉ là sai lầm của người dịch, ý không như vậy, đủ như chỗ khác.

Nếu vậy Bí sô ở Thần châu, ngoài ba y ra đều chẳng phải nghi thánh. Đã kia có phạm, lý khó mặc dùng, vả lại như đất nóng phương tây, chiếc vải tự có thể trọn đời. Núi tuyết lạnh muốn sai như làm cứu giúp, thân an nghiệp tiến, Phật có lỗi răn dạy khổ thể nhọc nhằn chính là giáo pháp ngoại đạo. Lý chí lấy kia muốn thế nào nhưng Phật khai áo lập bá thông mặc vào mùa lạnh đây chính đủ được nuôi thân, cũng lại thành gì ngăn đạo. Tiếng Phạn nói là Bá dịch là Lý Phúc Y, kia chỗ chế nghi, lược bày hình dạng, tức là bỏ ngay lưng kia mà lấy bày vai, một bên không mặc tay áo, chỉ cần một bức vừa xuyên qua được tay, vai tay áo không rộng mặc bên trái không nên quá rộng, bên phải giao dây chớ cho gió thổi tróc, phần nhiều chứa bông vải việc cần dày ấm, cũng có bên phải thích hợp xuyên qua đầu núc ở nách, đây là bổn chế.

Mắt nghiệm phương tây có Tăng Hồ đến phần nhiều thấy có mặc, ở Na Lan Đà không thấy áo đây, bởi vì là chổ nóng, người đều không dùng, chuẩn ý khai đây là vì xứ lạnh, người già bày vai che hết lưng, vốn bắt chước đây, mà làm thêm bờ bên phải mất oai nghi gốc, chẳng phải chế tự làm, định chiêu tội vượt pháp, đến như lập bá ôm bụng tự khỏi lạnh rét, áo dày thông đắp đủ ngăn đông lạnh, chỗ hình tượng đối tôn lễ Phật bày vai là thường, che liền mắc tội.

Nhưng người xuất gia ít việc, tháng mùa đông ở trong phòng đốt lửa thang tùy thời mặc nhiều áo, hẳn có duyên bệnh cần phải mặc, đến khi xử đoán chớ khiên trái nghi. Nhưng mà Đông Hạ lạnh như cắt thân thể, nếu không mặc áo dày sẽ có thể bị chết, đã là nạn duyên lý cần rộng giúp. Quần vuông áo bày vai, hình khác thế tục, chỉ có áo lạp bá mùa đông tạm mặc, biết chẳng phải bổn chế, chì là quyền khai, như xe trục thẳng trong sanh tử lần dày, quyết kia không mặc là việc rất tốt. Từ bao nhiêu loại quần áo khác thảy đều cần ngăn đoán, lạnh rét tạm nhờ, đã là không hợp mặc vào thân mà lại liền mặc áo bày vai, thật chẳng phải khai hạn. Đây thì bỏ nhiều lấy cốt yếu, ngược thuận tình thánh, tự theo chợt có thể, một thân truyền trao sợ là lầm chúng, như có thể thấu triệt sửa đây, việc liền mới theo, liền có thể gọi là tiếp tục thất nhơ, nương núi Thứu mà đều cao vút san sát Vương Xá thông gần Vua mà cùng vây quanh. Nương sông lớn thì sáng nơi lần ao, liễu mịn chính

đồng nhìn nơi cây giác, luyến tiếc rộng dâu mà xanh tốt, bởi kiếp thạch mà nêu sáng rỡ thật đáng thanh thay! Thật đáng tiếc thay!

Nhưng mặt trời Phật đã chìm, giáo pháp để lại đời sau, thật hành đó thì Đại Sư ở trước mặt, trái giáo thì các lỗi hiện tiền, cho nên kinh dạy: “Nếu có thể trì giới, thì như Ta còn ở đời không khác”, hoặc nói “Thượng đức xưa nay đều không nói, ngày nay người sau việc gì đổi phép tắc”. Vốn không vậy ư? Y pháp chẳng y người dạy có rộng nói, khảo xét Luật tạng, y thực không lỗi mới có thể lấy (215). Chẳng biết đó là khó, nghe nếu không làm người dẫn nào có lỗi, lại nói rằng:

Loại hàm sanh y thực là trước hết, đây là trối buộc khống chế cuộc sống, vâng lời Phật thì xa lìa rõ ràng tự ý, chính tội lụy kéo nhau, người trí cần xem xét, việc ở trước mắt như ngọc ở chỗ bùn, như hoa sen ở nước, tám gió liền lìa, năm sợ hải nào có buộc, áo vừa che thân ăn chỉ nuôi miệng, chuyên cầu giải thoát, không mong làm người trời, ngăn nhiều hết đời, cứu vật trọn kiếp, bỏ hư dối chính cửa, mong bền chắc cửa thập địa, nên nhận thí năm trăm làm phước lợi ba ngàn.

***11- Cách thức mặc ý:*** Kia đắp ba y và làm khuy nút, cách thức y luật bày. Có thể lấy vải y năm khủy làm ba nhiếp, chỗ vải đầu vai kia để thành y, khoảng bốn năm ngón tay để miếng vải vuông chừng năm ngón tay, chung quanh bốn bên may chần, ở giữa xỏ một lỗ nhỏ để đặt khuy vải, khuy kia hoặc điều hoặc vải, thô hay mịn như khuy áo, có thể dài hai ngón tay, kết làm lổ tròn, còn bao nhiêu cắt bỏ đem nút tra vào lỗ kéo ra bên ngoài, chữ thập giao kết liền thành hai khuy. Khuy trong là đặt ở trước ngực, bờ thành đặt nút cũng như khuy nút áo, tức là páhp kia.

Trước trình bổn chế, lược chuẩn đại cương, nếu muốn khéo thể hội phép kia cần phải đối mặt mà trao, khuy dưới bờ y cũng làm, tùy ý đắp lộn lên xuống, đó là Phật khai cho. Hai đầu cách góc chừng tám ngón tay đều làm một khuy một nút. Đây là khi ăn cần đắp, xếp khuy trước ngực liền hợp nhau. Đây thành cốt yếu. Phàm ở trong chùa, hoặc khi đối chúng, hẳn không cột nút và cách lồng vai mà đắp. Nếu ra ngoài dạo đi, và vào nhà thế tục mới cần một nút, các lúc khác chỉ có thể vắt lên vai mà thôi, ở phòng riêng làm việc tùy ý lật trở. Nếu đối tôn tượng việc cần tề chỉnh, dùng góc phải y rộng vắt lên vai trái, rủ về sau lưng, chớ đặt trên khủy tay, nếu muốn cột nút liền cần thông vai đắp rồi đem nút vào khuy, rồi hướng ra sau vai chớ khiến nó rơi rớt, dùng góc đắp vai y liền vòng qua cổ. Hai tay rủ ra một góc ở trước, tượng Vua A Dục

chính là cách thức kia. Đi ra ngoài cầm dù hình nghi đáng mến, tức là nương giáo tề chỉnh đắp thượng y.

Cái dù kia có thể dùng trúc dệt nó, mõng như chiếc tre một lớp liền được, trong đảnh lại làm nghĩ thí như mộng kia, mộng kia dài ngắn lượng như dù rộng, hoặc có thể phủi mõng bằng sơn, hoặc có thể dệt có làm nó, hoặc như loại vải tấc, chỉ hẹp cũng thành chắc chắn.

Thần Châu tuy không làm trước, vì đó cũng là cốt yếu kia. Đi mưa thì không thấm y phục, nắng nóng thì thật có thể được mát mẽ, đã nương Luật mà lợi ích thân, kỉnh đó vốn cũng không tổn, đây đồng chỗ bàn cốt yếu nhiều việc. Và Thần Châu không làm góc ca sa rủ ngay như mũi voi, Phạm Tăng dầu đến đều cũng giống nhau. Bởi vì vải trơn theo vai bèn khiến ngay thì lầm thế. Sau Đường Tam Tạng truyền đến cách vắt vai, nhưng mà Cổ đức chê đó còn nhiều. Đẳng cư mê ở chỗ đều có, ba y kia nếu đặt nút ngắn mà cắt điều dài thì lỗi trái giáo đã khỏi. Mặc quần ngang mà bỏ dây eo lưng, bèn nhọc châm sợi giao dứt, chỗ có bình bát đều treo hai vai, vừa đến dưới nách không nên kết nhau, quần kia không dài chỉ cho mặc đến đùi mà thôi. Nếu giao kết trước ngực khiến người hơi gấp, vốn chẳng phải bổn chế, liền không thể làm.

Nghi túi bát như sau sẽ bàn, phương bắc mau lợi các người, phần nhiều giao kết, tùy phương biến đổi thật chẳng phải Phật chế, giả sử có y dư khác đắp lên vai, nhưng sau thông đắp che y bát kia. Nếu kia đến chùa và đến nhà thế tục, cốt yếu đến phòng đặt dù mới cởi khuy, treo y bát y, trước phòng, trên vách phần nhiều đặt ngà voi, chớ khiến đến lúc đặt vật không có chỗ, còn câu khác giống chương thứ hai mươi sáu “khách xưa gặp nhau” có nói. Nhưng vải mõng làm ca sa, phần nhiều trơn không chịu dính trên vai, khi lễ lạy dể rớt đất, mặc tình lấy vật không rớt làm đó, xe sợi điệp trắng là cốt yếu kia. Y Tăng Khước Kỳ kia tức là áo che cánh tay, lại thêm một khủy mới hợp nghi gốc, cách đắp mặc kia nên ra vai phải giao kết cánh tay trái, trong phòng thường đắp, chỉ đây cùng quần ra ngoài hay lễ tôn túc mặc tình mặc thêm áo khác. Cách thức mặc quần kia rộng bày ở Đại Huống, tức như làm quần của Hữu bộ, rộng năm khuỷu dọc hai khuỷu, vải thô và vải bố tuỳ ý làm đó. Nước bên Tây thảy đều làm đơn (chiếc), Thần Châu mặc tình làm kép (đôi), rộng dọc tuỳ ý, quấn thân xong liền qua rốn, tay phải kéo góc lên bên trái, ở trong kéo bên phải lên eo, quần trên bên trái lấy bên ngoài mà che bờ trái (gần bên tay phải là quần phải, gần bên tay trái là quần trái), hai tay hai bên cùng kéo cho ngay thẳng chặn giữa chồng thẳng liền thành ba gấp, sau lấy hai tay đều rút đến eo, đều đem ba lớp

che về phái sau, hai góc đều nâng lên ba ngón tay, đều hướng theo lưng buông xuống, vào eo chừng ba ngón tay, đây dầu chưa buộc đều cũng đắp vào thân không bị rớt.

Sau lấy dây lưng dài chừng năm khuỷu câu đến ở giữa về trước rốn buông xuống, vòng quanh thành trên quần ra đằng sau cả hai đầu, giao độ trước rút kéo hai bên, đều dùng một tay nắm chặt hai bên, buộc hai đầu dây kia chừng ba lần, có dài thì cắt bớt, nếu ngắn thì nối thêm. Đầu dây không nên may nhiều màu vì là mặc quần tròn ngay, thành bộ riêng của Tát Bà Đa. Bát Lý Man Trà La Trước Nê Bà Sa, tức chơn kia dịch là mặc quần tròn ngay. Sợi dây kia bề mặt rộng bằng bề mặt ngón tay, thì là hạng mang vớ cột giày, hoặc vuông hoặc tròn cả hai cũng không tổn. Dây gai thì văn Luật không cho.

Phàm ngồi xổm trên giường nhỏ và khi lấy kéo góc quần trên quần dưới, gấp kéo thành quần che dưới háng chỉ đậy hai gối lộ cổ chân không thương tổn. Cao cần che trên rốn dưới đến mắt cá chân bốn ngón tay, đây là nghi của nhà thế tục. Nếu ở trong chùa nửa đùi cũng được. Đây là chừng hạn chính Phật tự chế, chẳng phải ý của người có cao thấp, há nên cố trái ý chỉ dạy mà tự thuận phàm tình mặc quần dài phết đất, một là tổn đồ tịnh thí của người có tín tâm, hai là chê câu nói của Đại Sư. Giả sử nếu ân cần ai có thể thấy dùng, trong muôn người có được một hai người giữ ý.

Quần áo ở nước bên Tây đều rộng. Vải điệp trắng cõi ấy một bức rộng hai khuỷu, nếu một nửa kia thì kẻ nghoè khó cầu được, liền cần may hai đầu cho hợp nhau, cắt ở trong mở ra để đủ việc. Nghi mặc áo đây văn Luật đủ có chớ kia, nhưng lại lược bày cương yếu, bàn kỹ chẳng phải là không thể được. Lại phàm là y phục xuất gia đều có thể nhuộm làm Càn- đà, hoặc là đất vàng, hoặc vàng của chồi mận gai. Đây đều nên dùng đất đỏ, đá đỏ nghiền bột hoà đó. Lượng màu đậm nhạt cốt yếu xét việc, hoặc lại riêng dùng tim táo, hoặc đất đỏ đá đỏ, hoặc thường lê, đất tía, một phrn nhuộm đến hư cũng việc gì cầu cái khác, mà viền xanh da dâu chính là ngăn điều, màu chánh tía phương Tây không mặc. Giày dép tự có thành dạy dài, dây giày toàn là phi pháp. Vậy Phật theo lằn, nếu chế đoạn như da lột, trong sự nói đủ.

***12- Chế áo Ni:*** Các Ni đông hạ áo điều giống thế tục, có mặc dùng đều trái nghi. Chuẩn như Luật nói y có năm áo: Một, Tăng Già Đề. Hai, Ôn tha la tăng già. Ba, An đát bà la. Bốn, Tăng phước kỳ. Năm, Quần. Bốn y phép tắc không khác với đại tăng, chỉ có quần là có khác. Tiếng

Phạm là Câu tô lạc ca dịch là? Y do kia hai đầu may lại hình như ( ) nhỏ dài bốn khuỷu rộng hai khuỷu, trên có thể đậy, dưới rốn đến trên mắt cá bốn ngón tay khi mặc kéo vào trong, liền qua khỏi rốn, đều rút hai bên kéo đè lên xương sống. Cách buộc dây, lượng đồnh với Tăng. giữa ngực và nách không có buộc vòng quanh, giả sử tuổi trẻ hoặc già mà vú nổi cao bên trong thì không lỗi, há làn xấu hổ không trộm dạy kiểm điểm mạn làm nghi sức, mặc cởi mắc tội ư? đến khi gần chết tội như mưa thấm, trong muôn có một thời lại có thể sửa. Nhưng nếu ra ngoài và ở trước Tăng và đến nhà thế tục nhận lời ăn, ca sa quần cổ che thân là không nên, cởi nút vai không lộ ngực, dưới ra tay ăn, hạng áo quần kỳ chi thiên đản (mặc áo bằng vai) Đại Thánh thân chế, không nên mặc dùng.

Ni chúng các nước Nam Hải riêng mặc một y, tuy lại chế chẳng giống phương Tây, cung gọi là Tăng khước kỳ, dài và rộng đều hai khuỷu, hai đầu may hợp lại để chừng một thước đầu góc cắt một tấc, dơ lên xuyên cánh tay suốt qua đầu, đắp ra vai phải, lại không dây lưng, che nách, đậy vú, dưới rốn, quá gối, nếu muốn mặc đồ đây cũng không thương tổn. Sợi thì chỉ bỏ hai đầu càng kham che hình xấu, nếu không ưa liền có thể trở lại cần giống như đại Tỳ kheo mặc Tăng khước kỳ. Ở phòng trong chùa chì Câu tô lạc ca và Tăng khước kỳ hai sự liền đủ (chuẩn kiểm tổn phạm không có tên Phú kiên y tức là Tăng khước kỳ. Đây chính là bổn hiệu của Kỳ chi, đã không nói quần, phần nhiều là truyền dịch sai lầm). Nên bỏ áo trái pháp, mặc áo thuận giáo. Tăng khước kỳ lúc ấy lấy một bức rưỡi hoặc vải to hoặc vải bố, có thể dài bốn đến năm khuỷu. Nếu đắp năm điều, lại vắt lên vai, tức là nghi kia, nếu đến chỗ khác cần khéo che thân, như ở phòng vắng vai cánh tay chẳng phải sự. Mùa xuân hạ, đây có thể đầy thân, lúc thu đông mặc tình mặc cho ấm. Ôm bát khất thực đủ để nuôi thân, tuy nói rằng nữ nhơn có chí trượng phu há cho làm các tạp nghiệp như máy dệt, rộng làm y phục năm lớp, mười lớp, thiền tụng từng không đến tâm, rong ruổi trấn não tình chí, giống thế tục lo trang sức, không đoái hoài gì giới kinh. Nên có thể môn đồ cùng nhau kiểm soát. Ni chúng nước phương Tây hoàn toàn không có việc này, chỉ khất thực nuôi thân ở chùa nghèo mà thôi. Nếu ni chúng xuất gia như vậy, toàn mong lợi dưỡng, ở trong chùa phần nhiều không có chúng ăn, nếu không tuỳ phần lo toan thì mạng sống không có dưỡng, liền traíi luật day, liền sai với tâm Phật. Tới lui hai đường thế nào gãy ở giữa, thân an đạo thạnh có thể không nghe rõ.

Đáp vốn khế xuất gia tình mong cầu giải thoát dứt giống hai ba

châu, yên dòng bốn bạo, nên dốc chí ngăn nhiều, trừ đường tà khổ vui, đôn đốc lòng thiểu dục, việc đường chơn rảnh rổi vắng lặng, vâng giữ giới luật sớm tối, đây tức đạo thạnh há nghĩ thân an cho là xứng lý. Nếu có thể giữ luật quyết luyện trinh sớ, thì rồng quỷ trời người tự nhiên tôn kính, lo gì không sống, luống sự cực khổ, đến như năm y bình bát đủ được toàn thân, một miệng nhà nhỏ càng kham nuôi mạng, lựa môn đồ người ít việc, như ngọc ở bùn, hoa sen ở nước, tuy nói là hạ chúng, thật trí đồng thượng nhân.

Lại nữa mé tang chết, tăng ni mạn lập lễ nghi, hoặc lại cùng thế tục đồng thương cho là hiếu tử, hoặc phòng lập linh cơ, dùng làm cúng dường, hoặc mặc vải mà trái hình thức, hoặc để tóc dài mà khác, hoặc chống gậy khóc, hoặc ngủ nhà tranh, những điều này đều chẳng phải giáo nghi không làm không lỗi, lý nên là quên trang sức sạch một phòng, hoặc có thể tuỳ thời quyền thí lọng tràng phan, đọc kinh niệm Phật đều lập hương hoa, trái sử vong hồn, nương sống chỗ lành mới thành hiếu tử mới là báo ân, há có thể khóc lệ máu ba năm cho là báo đức không ăn bảy ngày mới phù hợp báo ân ư? Đây chính kết chồng trần lao, càng thêm xiền xích, từ tối vào tối không ngộ ba tiết duyên khởi, muốn chết đến chết cụ chứng viên thành thập địa.

Nhưng nương Phật giáo, Bí sô chết, quán biết quyết chết, ngay ngày đem đến chỗ thiêu liền lấy lửa đốt. Ngay khi đốt, bạn bè đều hoa ngồi một bên, hoặc kết cỏ làm toà, hoặc nhóm đất làm đài, hoặc sắp ngoái đá để làm chỗ ngồi, sai một người có thể tụng kinh Vô thường nửa tờ hay một tờ, chớ khiến lâu mà mỏi mệt (kinh kia riêng chép). Rồi sau đều niệm Vô thường, trở về chỗ ở ngoài chùa trong ao đem y đi giặt, đều dùng trước y cũ không tổn áo mới, riêng mặc khô rồi sau về phòng, lấy phân trâu chà đất cho sạch còn các việc khác đều như cũ. Nghi y phục từng không miếng khác, hoặc có lấy Thiết Lợi La làm tháp cho người chết, gọi là Câu La, hình như cái tháp nhỏ trên không có luân cái. Nhưng tháp có phàm thánh sai khác, như trong luật rộng bàn, há cho bỏ Thánh giáo của cha lành họ Thích mà theo lễ tục của Chu Công kêu gào vài tháng để tang ba năm ư? Từng nghe có pháp sư Linh Dụ không làm cử phát không mặc áo hiếu, liền nghĩ trước vì người chết mà tu phước nghiệp các sư kinh lạc cũng theo dấu vết đây, hoặc người cho là chẳng hiếu, đâu biết lại phù hợp với ý chỉ của luật.

***13- Cách kết tịnh địa:*** Có năm loại tịnh địa; Một là khởi tâm làm, hai là cùng ấn định, ba là như trâu nằm, bốn là chỗ cũ bỏ, năm là tác

pháp làm.

Khởi tâm làm: Khi mới làm chùa, định nền đá rồi, nếu một Bí sô làm người coi xét, nên khởi tâm như vầy “Ở một chùa đây, hoặc có thể một phòng, vì tăng làm tịnh trù”.

Cùng ấn định: Khi định nền chùa nếu chỉ ba người nên một Bí sô bảo hai vị kia: “Các Đại đức đều có thể dụng tâm ấn định chỗ đây, ở một chùa đây hoặc có thể một phòng vì tăng làm tịnh trù”, người thứ hai thứ ba cũng nên nói như vậy.

Như trâu nằm: Chùa kia phòng nhà dụ như trâu nằm, cửa phòng không có định chỗ, dù khiến không tác pháp, chỗ đây liền thành tịnh địa.

Chỗ cũ bỏ: Nghĩa là chỗ tăng bỏ từ lâu, nếu có người đến chạm vào chỗ cũ liền là tịnh địa. Nhưng đây cần tác pháp liền không được qua đêm.

Nói tác pháp làm: Nghĩa là bạch nhị Yết ma kiết giới, văn như trong Bách nhất yết ma có nói. Như năm món trước tác tịnh pháp rồi, Phật nói “Khiến các Bí sô được hai món an lạc: Một là nấu ở trong chứa ở ngoài, hai là nấu ở ngoài chứa ở trong đều không có lỗi”. Kiểm nghiệm bốn bộ chúng tăng mắt thấy ngay nay làm việc và lại rõ nhìn ý chỉ luật phần lớn như đây lập tịnh. Nhưng trước khi chưa tác pháp, nếu cùng ăn uống, đồng giới ngủ đều có lỗi nấu ngủ. Đã gia pháp rồi, tuy cùng giới ngủ không lỗi ngủ, nấu đây giáo kia.

Nói một chùa là gồm xướng trụ xứ lấy làm tịnh trù, trong mỗi phòng sống chín đều cất chứa. nếu không cho ngủ trong đó, chẳng lẽ đuổi tăng ra ngoài mà ở, một là tăng không hộ đêm, hai là cất chứa không lỗi. Nước phương tây truyền nhau, đều gồm kết một chùa làm tịnh trù. Nếu muốn cột thâu một bên, đều ở khai hạng không đồng ý luật sư Thần châu. Vả lại Như Lai kiết giới y lìa ngũ chiêu lấy lỗi, tăng nếu kiết rồi lìa liền không mất y. Tịnh trù cũng vậy, đã là Phật chấp nhận chớ có trệ phàm tình. Lại giới pháp hộ y, cỏ cây. . . không đồng, chỉ hộ phần giới ý chẳng ngăn nữ, tịnh nhân vào nhà bếp, há được tức là thôn thâu, giả như thân vào thôn xóm không đâu chẳng hộ nữ, Duy Na giữ y, kiểm xét đây cũng mạn làm thương tổn.

***14- Năm chúng an cư:*** Tiền an cư là ngày mùng một hắc ngoạt tháng năm, hậu an cư là mùng một hắc ngoạt tháng sáu, chỉ hai ngày này nên làm an cư, chặn giữa hai ngày đây văn không cho. đến nửa tháng tám là tiền hạ xong, đến nửa tháng chín là hậu hạ xong. Lúc này

pháp tục cúng dường đầy đủ, từ nửa tháng tám về sau gọi là tháng Ca Chúng Để Ca. Giang Nam lập hội Ca Đề chánh là thời tiền hạ xong, ngày mười sáu tháng tám tức là ngày mở y Yết hy na, đây là phép xưa. Lại văn luật nói: "Phàm ở trong hạ nếu có pháp duyên cần thọ nhựt, tuỳ duyên nhiều ít liền chuẩn ngày mà thọ. Việc một đêm thì đến thọ một ngày, như vậy dẫn đến bảy ngày đều đối riêng một người. Lại có duyên đến, luật sai lại thỉnh mà đi, nếu quá bảy ngày và tám ngày rồi đi, nhẫn đến chặn giữa bốn mươi đêm yết ma thọ tám ngày. . . rồi đi, nhưng không được quá nửa hạ ngủ đêm ngoài giới, vì đây chỉ cho bốn mươi đêm. Nếu có bệnh duyên và các nạn sự cần đến chỗ khác, tuy không thọ nhựt mà không phá an cư.

Năm chúng xuất gia đã làm an cư, chúng dưới có duyên dặn dò mà đi. Chưa đến hạ, trước dự chia phòng xá, Thượng tọa lấy phòng tốt, rồi theo thứ lớp phân chia đến cuối. Chùa Na La Đà hiện thật hành pháp đây. Đại chúng mỗi năm thường chia phòng xá, Thế Tôn chính thân dạy rất là lợi ích, một là trừ tâm chấp ngã, hai là khắp hộ phòng tăng. Chúng xuất gia lý nên cần làm. Nhưng các chùa Giang Tả, khi có chia chùa, đây là cổ đức truyền nhau, còn làm pháp kia, há cho ở một chùa cho là mình có, không quán hợp hay không bèn đến trọn đời. Bởi do đời trước không làm đến đổi người sau mất pháp, nếu có thể chuẩn giáo mà chia, thật là rất có ích.

***15- Tuỳ ý thành quy:*** Phàm khi hạ xong trọn tuổi, ngàn này nên gọi là tuỳ ý, tức là tuỳ người khác ở trong việc mặc ý cử phát nghĩa nói tội trừ lỗi, xưa nói là tự tứ, là dịch nghĩa. Hẳn cần ở đêm mười bốn thỉnh một kinh sư lên tòa cao tụng Phật, lúc này kẻ tục hay pháp đồ mây nhóm, đốt đèn nối sáng hương hoa cúng dường, sáng mai gồm ra nhiễu thôn thành, thảy đều chí tâm lễ các tháp miếu, kiệu cáng, xe cộ, trống nhạc đầy trời, tràng phan, bảo cái, lưới lọng rợp mặt trời, gọi là Tam Ma Cận La dịch là Hoà Tập. Phàm ngày đại trai thảy đều như vậy, tức là hành pháp cõi Thần châu, giữa ngọ mới về lại chùa ngọ nhựt mới là đại trai, quá ngọ đều nhóm, đều lấy tranh tươi có thể một ôm, tay cầm chân đạp làm việc tuỳ ý, trước là Bí sô, sau mới Ni chúng, kế ba chúng sau. Nếu chúng kia nhiều sợ tốn nhiều thời gian, nên sai nhiều người chia nhận tuỳ ý, được người khác cử tội thì chuẩn pháp nói trừ ngay lúc đó.

Hoặc thế tục làm thí hoặc chúng tăng tự làm, chỗ có vật thí đem đến trước chúng. người đủ năm đức kia nên hỏi Thượng toà: "Vật đây được cho chúng tăng làm vật tuỳ ý chăng ?"

Đáp: Có được y phục, dao kim. . . nhận rồi chia đều. Đây là kia dạy. Ngày này sở dĩ cúng kim dao là ý cầu thông minh lợi trí. Tuỳ ý đã xong mặc tình mỗi vật, tức là ngồi hạ xong không nhọc gì trải qua một đêm, rộng như chỗ khác đây không nói rõ. Nói thuyết tội là ý muốn bày tội nói lỗi trước của mình, sửa lỗi tu mới chí thành khẩn trách, nửa tháng nửa tháng làm Bào Sái Đà sáng chiều sáng chiều nhớ tội đã phạm (Bào Sái là Trưởng dưỡng, Đà là Tịnh, Ý rõ lớn Thiện tịnh trừ lỗi phá giới. Xưa nói là Bố tát lầm lược). Thiên đầu nếu phạm, sự không thể trị. Thiên thứ có trái cần hai mươi người. Nếu làm tội nhẹ đối người không đồng mà trừ hối đó. Tiếng Phạn gọi là A Bát Để Bát Lặc Để Đề Xá Na. A Bát Để là tội lỗi. Bát Lặc Để Đề Xá Na là đối người mà nói. Nói lỗi mình mong được thanh tịnh, tự cần đều nương phần hạng thì có thể mong diệt tội. Nếu tổng tướng bàn lỗi chẳng phải luật chấp nhận, xưa nói là sám hối, chẳng phải liền nói tội cớ gì sám ma là âm bên tây, tự sẽ nhận nghĩa còn hối là chữ của Đông hạ, theo hối là tự, hối đó cùng nhận lỗi không can hệ nhau. Nếu nương bản Phạn, khi trừ các tội nên nói rằng chí tâm nói tội, do đây rõ xét. Dịch sám ma là truy hối tợ như can do đến. Người nước phương tây chỉ có lầm chạm và thân lầm chạm nhau, không hỏi lớn nhỏ, lớn thì duỗi tay đến nhau, nhỏ thì chấp tay cung kỉnh, hoặc có thể vỗ thân, hoặc lúc cầm tay miệng nói "sám ma", ý là xin tha thứ xin chớ giận trách.

Trong luật nói: Đề Xá Na, sợ ôm lòng sau mang đến người tạ tội, đã nói lời Sám ma, hẳn như tự mình bày lỗi, chính nói là "Đề Xá Na" Sợ ôm lòng sau trệ dùng sửa mê trước, tuy có thể thói quen đã thành từ lâu mà sự cần nương gốc. Tiếng Phạn gọi là Bát Thích Bà Thích Noa dịch là Tuỳ ý cũng là nghĩa no đủ, cũng là tuỳ người khác ý nêu chỗ phạm kia.

***16- Muỗng đũa hợp chăng:*** Cách ăn ở phương chỉ dùng tay phải, hẳn có bệnh cho nên khai cho chứa muỗng đũa kia thì Ngũ thiên không nghe tên, bốn bộ cũng chưa thấy, mà Đông hạ có việc đây. Kẻ tự là pháp xưa, tăng lữ tuỳ tình dùng chăng? Đũa tức không cho mà chẳng ngăn, tức là ở lược giáo, khi dùng chúng không chê bai, Đông hạ liền có thể làm. Nếu chấp tục có chê cười, cõi tây nguyên không nên cầm, ý chỉ lược giáo việc kia.

***17- Biết thời mà lễ:*** Phép lễ kỉnh cẩn hợp nghi kia, nếu không thuận giáo thì đất bằng đảo ngược, cho nên Phật nói: "Có hai món dơ

không nên nhận lễ củng không lễ người khác, nếu trái lời dạy mỗi lễ đều mắc tội ác tác. Gì là hai dơ: Một là ăn uống dơ, nghĩa là nếu ăn nuốt tất cả các vật, thậm chí nuốt một miếng thuốc nếu không súc miệng rửa tay rồi đến thì đều không nên nhận lễ hay lễ người khác. Nếu uống tương hoặc nước nhẫn đến nước trà, mật và tô đường, nếu chưa súc miệng rửa tay, lễ đồng trước phạm tội. Hai là bất tịnh dơ, nghĩa là đi đại tiểu tiện dính thân chưa rửa sạch và chưa rửa tay súc miệng hoặc thân hoặc áo bị tiện lợi bất tịnh, khạt nhỗ . . . làm dơ, mình chưa sạch, hoặc sáng dậy chưa tước cây xỉa răng mà lễ đồng phạm như trước.

Lại ở đại chúng nhóm họp trai hội, kế chắp tay tức là chí kỉnh, cũng không nhọc toàn lễ, lễ liền trái giáo, hoặc chỗ ồn náo, hoặc đất không sạch, hoặc giữa đường đi lễ cũng đồng phạm. Các việc đây đều có văn luật nhưng vì lâu ngày truyền nhau ở nơi cõi lạnh, muốn cầu thuận giáo việc cũng khó làm, chớ không dẫn đồng nhiều để tự an ủi rất chịu lưu tâm nơi tội nhỏ.

***18- Việc tiện lợi:*** Việc tiện lợi lược nêu ra nghi kia, dưới là mặc quần tắm rửa, trên là mặc tăng khước kỳ, kế lấy độc bình châm nước cho đầy, đem lên nhà xí đóng cửa ngăn thân, đất cần mười bốn hòn để ở ngoài nhà xí trên lu đá hoặc trên ván nhỏ, lượng ván và lu đó dài một khuỷ rộng nửa khuỷ, đất kia nát làm bột, riêng làm hai hàng, mỗi mỗi riêng nhóm lại đặt một hòn, lại đem ba hòn vào trong nhà xí đặt ở một bên, một chùi thể một dùng rửa thân. Cách rửa thân, cần dùng tay trái, trước lấy nước rửa, sau chùi bằng đất sạch, dư có một hòn, để lại một bên rửa tay cái kia. Nếu có thể đem vào cũng treo, khi dùng xong cần ném ra ngoài nhà xí, hẳn dùng giấy cũ có thể bỏ trong nhà xí.

Đã rửa sạch rồi mới dùng tay phải kéo y kia, bình để một bên, tay phải mở cửa bên, lại tay phải cầm bình mà ra, hoặc lấy tay trái ôm bình, có thể dùng tay phải nâng tay trái đóng cửa mà đi. Đến chỗ kia ngồi xổm một bên, nếu cần vật ngồi tuỳ thời lượng xứ, đặt bình trên đùi trái có thể dùng tay trái đè nó trước lấy bảy hòn đất gần thân mỗi mỗi rửa tay trái, sau dùng bảy hòn còn lại mỗi mỗi rửa sạch hai tay, trên ngói gỗ quyết cần rửa sạch, dư có một hòn đem rửa bình, kế rửa cánh tay và chân đều cho sạch sẽ, rồi sau tuỳ tình mà đi. Nước trong bình này không nên đưa vào miệng môi, lại đến trong phòng, lấy nước ở bình sạch súc miệng, nếu việc kia đến chạm bình này còn cần rửa tay súc miệng mới có thể cầm đồ khác đây chính là nghi đại tiện, thô nói như đây, hẳn kia bớt việc đều mặc ý tự làm, may có người cúng liền rửa chẳng lỗi. Tiểu

tiện thì một hai hòn đất có thể dùng rửa tay rửa thân, đây tức trước thanh tịnh là cơ bản cung kính, hoặc người cho là việc nhỏ, luật dạy bèn có quở lớn. Nếu không rửa sạch, không nên ngồi giường của tăng, cũng không nên lễ Tam bảo. đây là cách ngài Thân Tử hàng phục ngoại đạo. Phật nhơn đó gồm chế cho Bí sô, tu đó thì vâng theo luật phước sẽ sanh, không làm là trái giáo thì chiêu lấy tội. Đây là Đông hạ không truyền. Xưa còn vậy giả xử nay mở bày bèn khởi tâm chê cười, liền nói “Đại thừa luống thông gì là sạch gì là dơ trong bụng hằng đầy rửa ngoài ích gì”? Đâu biết khinh khi giáo, vu báng tâm thánh, nhận lễ hay lễ người đều chiêu lấy tội. Mặc áo ăn cơm trời thần cũng chê, nếu rửa sạch Ngũ thiên đồng cười, đến đâu mọi người đều chê, tân đặt nối rộng nên truyền giáo, đã nhàm lìa trần tục, bỏ nhà đến chốn không nhà, liền nên ân cần dùng lời của cha lành họ Thích, đâu được trọn mắt nơi thuyết tỳ ni. Như kia không tin may có thể nương đây, rửa đó khoảng năm sáu ngày, liền biết lỗi không rửa.

Nhưng tháng đông lạnh phải rửa nước ấm, hoặc có ngậm nước đem đi cũng trái phép sạch. Phàm là tăng trước cần làm sạch nhà xí, nếu mình không đủ sức thì sai người khác làm, cùng mười phương tăng lý thông phàm thánh, không phí tổn nhiều, đây là cốt yếu, phải sạch nghiệp mới không luống uổng. Lý cần đại khái có thể nhận một hai viên đá, chứa đất cho đầy đặt ở bên, đại chúng hẳn không riêng phòng có thể chứa. Nếu rốt cuộc không có bình nước, cho dùng chậu ngói. . . bát. . . đựng đầy nước đem vào để một bên, tay phải rửa cũng không thương tổn. ở Giang Hoài đất dưới bồn xí nhiều, không thể ở đây liền là rửa sạch, mà nên làm chỗ rửa riêng, dòng nước thông ra là tốt. Vả lại như Thần châu, Bao Phúc, Đại Khâu, Linh Nghiêm, Kinh Phủ, Ngọc Tuyền, Dương Châu, Bạch Tháp làm sạch nơi nhà xí rất truyền pháp đây, nhưng mà để nước, đất ít có giống vậy. Từ trước khiến sớm có người dạy làm phép cũng không sai Vương Xá, đây chính là cái còn sót lại của Tiên hiền há là lòng mong của kẻ hậu tấn. Nhưng trong nhà xí chứa đất đặt bình đều cần an ổn chớ khiến khuyết sự, thêm bình rửa tưới là tốt, như chứa quân trì là chuẩn làm trước. Bình đồng đầy nắp mà miệng rộng. Xưa nay không trong rửa sạch, nếu bên bụng né riêng là một cái lỗ trên đảnh dùng thiếc cứng, cao nhọn ra giữa đặt lỗ nhỏ, đây cũng là quyền (tạm) dùng lúc cần.

Lại nói: Chép nhọc giấy bút, bao nhiêu ân cần, thuận dòng theo can gián mong có người kia.

Đại thánh đã thị tịch ở Song lâm, La hán cũng đốt thân nơi Ngũ

ấn, để lại bao nhiêu giáo pháp ảnh hưởng Chấn Đán đây đi gởi bạn tổn sanh. Hưng do khách bỏ tục, bỏ phiền trược ngây ngô, mộ trong sạch sáng rỡ, cầu ngoài và hoặc trong đều diệt, kiết trên cùng phược dưới đồng rửa sạch, túc đều dấu vết kia, sáng rỡ thần kia, bốn nghi không luỵ, ba tôn là thân thuộc, đã không bị người đời cười há lại sợ thấy vua chết giận, lợi chín cõi mà xét nghĩ thành nhơn thơm ba đời, mong mỏi muôn một mà có thể sửa cũng đâu có từ chối nạn khó hai kỷ. (219).

NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN.
(HẾT QUYỂN 2).

■

# NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN

## QUYỂN 3

***19- Phép tắc thọ giới:*** Nghi tắc xuất gia của nước phương tây đều đầy đủ thánh chế, rộng như Bách nhất yết ma, đây chỉ lược đưa ra vuông góc. Các vị phát tâm muốn xuất gia tuỳ tình ưa mến, đến bên một thầy bày ý muốn của mình. Sư bèn phương tiện hỏi nạn sự, nghĩa là chẳng hại cha mẹ . .. .Nạn sự đã không mới hứa nhiếp thọ, đã nhiếp thọ rồi trải qua tuần tháng kiến kia giải dứt, sư bèn trao cho năm món học xứ (năm giới) gọi là Ô Ba Sách Ca. Từ đây sắp về trước chẳng phải số bảy chúng đây là mới vào nền Phật pháp. Sư kế đó sắm cho mạn y, tăng khước kỳ, hạ quần và bát, đảy lượt, rồi mới bạch tăng thưa việc xuất gia. Tăng chúng chấp nhận rồi, thỉnh A Giá Lê Gia, có thể ở chỗ sai người cạo đầu trừ bỏ râu tóc mới vừa mát lạnh, dạy kia tắm gội. Sư bèn mặc hạ quần cho, phương tiện kiểm soát chẳng phải là huỳnh môn . . . kế cho áo trên khiến đội đầu mà nhận. Mặc pháp y rồi trao cho bình bát đây gọi là xuất gia. Kế ở trước bổn sư, A Giá Lê Gia trao mười học xứ (mười giới), hoặc khi thầm tụng, hoặc có thể đọc văn. Đã nhận giới rồi gọi là Thấp La Mạt Ni La (dịch là Cầu tịch, nói muốn cầu đến chỗ Niết bàn viên tịch, xưa nói là Sa di, nói lược mà âm lầm dịch là tức từ ý chuẩn mà không y cứ) Oai nghi tiết độ thỉnh dạy thưa việc cùng tiến đến cụ túc thể không hai chuẩn.

Nhưng ở luật tạng, mười hai điều không phạm chánh học nữ kia hơi có sai hàng. Gì là mười hai? Một là không phân biệt y. Hai là lìa y ngũ, Ba là riêng đốt lửa. Bốn là ăn đủ. Năm là hai vật sống. Sáu là lìa bỏ đồ bất tịnh trên cỏ xanh. Bảy là leo lên cây cao. Tám là chạm vật báu. Chín là ăn đồ ăn cách đêm. Mười là hoại đất. Mười là không thọ thực. Mười là tổn mầm sống. Mười hai món đây, hai nhỏ chẳng lỗi, đây chính học nữ năm món sau liền phạm. Ba chúng sau đây đều chế an cư. Sáu pháp và sáu tuỳ pháp kia như chỗ khác nói, có thể như đây mới thành ứng pháp. Là năm chúng thâu kham tiêu vật lợi, há có người xuất gia rồi sau sư chủ không trao mười giới, sợ kia huỷ phá đại giới không

thành, đây là vọng phụ tên cầu tịch, dối ôm danh xưng xuất gia, do ôm miếng lợi đâu biết tổn lớn.

Kinh nói: Tuy chưa thọ mười giới, rơi vào số tăng, vẫn là quyền khai một chỗ, há được chấp tác thời gian dài.

Lại Thần châu xuất gia đều do công độ, đã mong rụng tóc bèn quyền nương một thầy, sư chủ vốn không hỏi kia một giá nạn, đệ tử cũng nào từng thỉnh mười giới, chưa tiến đến cụ túc, lại sợ tình tạo tội, đến ngày thọ cụ túc khiến vào đạo tràng. Luật ni từng không dự dạy, đến thời chẳng chịu điều thuận, đạo trụ trì vốn không vậy. Đã không tiêu của thường trụ, thọ thí mắc nợ nào nghi. Lý nên nương giáo mà làm giải thoát. Phàm mong công độ đều cần dự thỉnh một thầy, sư trước hỏi nạn sự, nếu thanh tịnh thì trao cho năm giới, sau cạo tóc, trao mạn y cho thọ mười giới, cách thức đã rảnh, tuổi đủ muốn thọ giới cụ túc. thầy bèn xem ý chí kia có thể phụng trì, liền có thể sắm cho sáu vật và thỉnh chín vị khác hoặc vào tiểu đàn hoặc ở đại giới, hoặc tự nhiên giới đều được bỉnh pháp. Nhưng trong đàn tràng, hoặc dùng mềm mọi nhà, hoặc có thể người người tự đem vật ngồi, lược sắm hoa hương không ở phí nhọc. Người thọ giới kia dạy khiến ba lần mỗi mỗi lễ tăng, hoặc khi gần trước hai tay cầm chân, hai cái đây đều là nghi thánh dạy lễ kỉnh, cũng đã lễ rồi dạy kia xin giới. Đã ba lần xin rồi, bổn sư đối chúng mà cho y bát, bát kia cần đem tuần hành khắp trình đại chúng. Như hợp dạng, đại chúng người người đều nói là bát tốt, nếu không nói thì mắc tội vượt pháp, rồi sau nương pháp cho thọ, sư yết ma chấp văn mà đọc, hoặc khi tụng thầm đều là thánh giáo, đã thọ giới rồi, gọi là Ô Ba Tam Bát Na (Ô Ba là cận, Tam Bát Na là viên nghĩa là Niết Bàn, nay nhận đại giới tức là thân gần Niết Bàn. Xưa nói rằng cụ túc, nói kia tràn ý).

Nhưng yết ma cũng xong, gấp cần lường ảnh ghi rieng năm thời. Pháp lường ảnh kia, dự lấy một cành cây như đũa nhuyễn dài chừng một khuỷu chẻ một đầu bốn ngón tay dọc như hình khúc xích chớ khiền lìa nhau, dựng dọc đũa giữa ngày, còn bao nhiêu gây rải đất khiến bóng dọc kia cùng gậy nằm tương đương. Mới dùng bốn ngón tay lường bóng nằm kia, đủ một cái bốn ngón gọi là Bố Lạc Sa, nhẫn đến nhiều Bố Lạc Sa, hoặc một Bố Lạc Sa dư một ngón nửa ngón, hoặc chỉ có một ngón... như vậy gia giảm có thể dùng ý lường (nói Bố Lạc Sa dịch là người, sở dĩ bóng bốn ngón tay gọi là một người, tức là bốn ngón khi gậy dọc bóng dài bốn ngón, người đây đứng ở giữa lượng bóng và thân tương tợ, kia tám ngón cùng hai lần bóng lượng thân tương tợ, đây căn cứ người trung bình, chưa hẳn đều như vậy, tự có dài ngắn khác, nghĩa có thế

chuẩn đó). Nhưng cần nói kia bữa ăn trước bữa ăn sau hoặc trời mát và ban đêm liền cần chuẩn ước mà nói. Nếu nương cách của Thần châu, hoặc có thể trước dọc giữa ngày lường bóng dài ngắn, hoặc lại ghi kia mười hai thìn số. Nói năm thời đã là cõi nước khác nghi, số tháng lìa hợp, chẳng phải tự ngón tay sự khó để uỷ biết. Một là mùa đông có bốn tháng từ ngày 16 tháng 9 đến 15 tháng giêng. Hai là mùa xuân cũng có bốn tháng, từ ngày 16 tháng giêng đến 15 tháng 5. Ba là mùa mưa chỉ có một tháng, từ ngày 16 tháng 5 đến 15 tháng 6. Bốn là mùa cuối chí có một ngày một đêm là ngày đêm của ngày 16 tháng 6. Năm là thời dài, từ ngày 17 tháng 6 đến 15 tháng 9. Đây chính riêng trong luật giáo Phật chế, thứ lớp như vậy rõ có mật ý, nếu nương phương tục hoặc làm ba thời bốn thời sáu thời như chỗ khác nói.

Phàm người phương Tây, Nam Hải xuất gia, mới gặp nhau hỏi rằng: "Đại Đức mấy hạ?" Đáp: "Tôi chừng mấy hạ". Nếu hạ đồng thì hỏi thời kúc nào, nếu thời đồng thì hỏi được mấy ngày, nếu ngày đồng thì hỏi ăn trước sau, đồng ở bữa ăn trước mới hỏi bóng, bóng nếu khác thì lớn nhỏ thành khác, bóng nếu đồng thì không lớn nhỏ. Ngoài thì cứ ai đến trước, người tri sự mặc tình kia sai trước. Từ trước phương Tây cần phải hỏi, không giống như Chi Na (Trung Quốc) ghi ngày tháng mà thôi. Nhưng chùa Na Lan Đà phần nhiều là htời dai, minh tướng mới ra thọ nhận cận viên kia, ý lấy trong đồng hạ nhiều là lớn nhất. Tức ngay Thần châu, ngày 17 tháng 6 minh tướng vừa ra, do không được sau hạ (đây cứ pháp bốn phương ngồi hạ, nếu như làm xưa của Thần châu tức phải là ngày 17 tháng 5). Nếu đêm 16 tháng 6 sắp hết mà thọ giới thì đồng nhỏ nhất trong hạ, do kia được hạ sau.

Đã thọ giới rồi không hành sấn khí, nếu thầy có cho nhiều ít, hoặc dây lưng, hoặc đãy lược nước mang đến đàn để bày tâm không dối. Kế bổn sư chỉ bày giới bổn chỉ biết tướng tội, mới dạy tụng giới. Đã tụng tạng đại luật thuần thục rồi, ngày ngày tụng qua, sáng sáng thử đó, không hằng thọ trì e tổn tâm lực. Tụng luật tạng rồi mới học kinh luận, đây là chách thức của thầy phương Tây. Tuy là cách Phật rất xa mà pháp đây chưa thiếu, vì hai thầy đây dụ như cha mẹ đâu có lúc muốn thọ cực nhọc vô cùng, cũng đã được rồi giới không đoái hoài, có thuỷ không chung rất là đáng tiếc. Cũng có một hội cầu thọ, thọ rồi không lại thăm thầy, không tụng giới kinh, không mở sách luật, dối thấm thiết pháp vị, tự tổn và tổn người khác, hạng đây thành diệt pháp. Nhưng hành pháp của phương Tây, thọ cận viên rồi đi, gọi là Đạt Hạt La (dịch là tiểu sư) đủ mười hạ gọi là Tất Tha Tích La (dịch là trụ vị) được lìa y chỉ mà ở,

lại được làm Ô Ba Đà La. Phàm có sách vở qua lại đề là cầu tịch (A, B) tiểu Bí sô (A, B), trụ vị Bí sô (A, B). Nếu học xong nội ngoại điển, đức hạnh cao cả liền nói là Bí sô đa văn (A, B), không thể nói là tăng (A, B). Tăng là tăng già tự là đại chúng, đâu cho một mình nói bốn người, phương Tây không có phép đây, phàm làm thân giáo sư, cốt yếu cần trụ vị đủ mười hạ sư bỉnh yết ma và dạy chỗ vắng cùng các người chứng minh đều không định năm bao nhiêu sự cần hiểu luật trong thanh tịnh bèn đủ đủ số. Luật nói: Chẳng phải Ô Ba Đà Na, mà gọi là Ô Ba Đà Na, chẳng phải A Giá Lợi Na mà gọi là A Giá Lợi Na, hoặc dịch hai tên đây và thân gần tên Ô Ba Đà Na, đều mắc tội ác tác. Nếu có người hỏi: Vậy thân giáo sư gọi là gì?

Hoặc hỏi: Ông đệ tử ai?

Hoặc có thể tự có việc đến cần nói tên thầy, đều nêu nói ta nhơn viêc ấy mà nói tên Ô Ba ĐÀ Na. Ô Ba Đà Na tên mỗ giáp, nước phương Tây, Nam Hải xưng ta không phải mạng từ, giả sử khiến nói ông cũng chẳng xưng nhẹ, nhưng muốn riêng bỉ thử kia. Toàn không tâm ngạo nghễ, không đều Thần châu toan làm xấu ác. Nếu kia chê hiềm mà sửa, ta vì nayđây chính đều là thánh giáo nên có thể làm đó, không được sấm đồng không chia đen trắng. Nói rằng: phàm các bạch y đến chỗ Bí sô, hoặc chuyên tụng kinh Phật, tình mong rơi rụng tóc, nguyện mặc áo đen gọi là đồng tử, hoặc cầu ngoại điển tâm không xa lìa gọi là học sanh, hai dòng đây đều cần tự ăn (chùa Tăng nước Tây có nhiều học sanh, đến Bí sô học tập ngoại điển, một là được rong ruổi hầu hạ, hai là dạy phát tâm tốt, đã có lợi mình và lợi người, chứa đó chẳng tổn, hẳn là một Bát Đổ Đa. Hiện thỉ không nhọc, nếu cũng ít có cùng thừa, cũng thành là cốt yếu sai cấp cây xỉa răng khiến kia trao ăn, đủ ứng thời cần, không thương tổn đạo bi).

Nếu ăn của thường trụ thánh giáo toàn ngăn hẳn kia ở chúng có cực nhọc, chuẩn công cũng hợp bữa ăn, hoặc là ăn thông thường, hoặc có thể thí chủ tâm trước tuy lại ăn uống cho nên thành không tội. Rồng chìm bóng dưới sông, núi Linh thứu mất ánh sáng, La Hán truyền pháp có thể còn bao nhiêu, cho nên luận nói rằng: "Đại sư nhắm mắt chứng tuỳ mất, khi phiền não tăng nên siêng năng chớ buông lung, lý phải các đức cùng làm hộ trì nếu uỷ tuỳ mà buông tâm mạn, muốn sai người trời hướng đâu mà quay về". Luật nói: "Có bỉnh yết ma pháp ta chưa diệt, nếu không bỉnh yết ma pháp ta liền hết". Lại nói rằng: "Giới trụ ta trụ, lý chẳng dối nói, đã có ý chỉ sâu thật có thể kỉnh ư?".

Lại nói: Đại sư bóng tạ pháp sắp theo mất núi tà vòi vọi, đỉnh huệ

đồi cương, lại sáng mặt trời Phật, là uỷ hiền lương, nếu tuân theo con đường tất nhỏ, ai hoằng phương lớn, may mắn rủ thông thệ gắng sức tuyên dương, mong nối thạnh không thay thế, truyền hằng kiếp mà càng thêm, càng thêm người nào, biển giới nổi sóng, đây thì giáo sắp diệt mà không diệt, hạnh muốn cảm hoá mà không cảm hoá, phù hợp chánh thuyết ở Vương Xá sự không khuyết ở Thệ Đa.

***20- Tuỳ thời tắm rửa:*** Phàm luận pháp tắm rửa, nước phương Tây cùng đông hạ không đồng nhưng do thời tiết điều hoà tiêu các chỗ khác, ở tháng 12 hoa quả hằng có, không biết nước tuyết mỏng có sương nhẹ, tuy lại nấu nhiều cũng chẳng khổ nóng, nóng thì thân không rôm sảy, lạnh bèn đủ không áo da, đây là người nhiều tắm rửa thân thể thanh tịnh, thường mỗi mỗi ngày không rửa là không ăn. Lại chỗ ở rất nhiều nước ao, người lúc bấy giờ dùng xuyên ao làm phước, nếu làm một dịch thì trong thấy ba hai mươi chỗ, hoặc rông một mẫu năm mẫu, ở bốn bên gieo cây Đa La cao bốn năm mươi thước, ao đều đầy nước mưa lắng trong như sông trong, tám tháp đều có ao Thế Tôn tắm, nước ở đó trong mát hơn các chỗ khác. Chùa Na Lan Đà có hơn mười ao lớn, thường mỗi buổi sáng, chùa đánh kiền chuỳ chúng tăng đi tắm mỗi người đều tự đem đồ tắm, hoặc ngàn hoặc trăm, đều ra ngoài chua đến các ao mà tắm,cách quần tắm là lấy vải bố dài năm khuỷu rộng khuỷu rưỡi quấn thân cho giáp vào, rút quần cũ ra, xoay hai đầu ra phía trước, lấy góc bên trái lên dùng tay phải kéo xuông eo dưới khiến gần thân và kéo bên phải đè vào trong eo, đây gọi là cách mặc quần tắm, khi nằm cách mặc quần cũng vậy. Khi muốn ra ao, dủi áo từ từ ra chớ cho dính trùng. Cách thức lên bờ rộng như luật biên.

Nếu không đến ao mà tắm trong chùa, mặc quần đồng vậy. Nước bên người mà tắm, tuỳ chỗ tuỳ thời có thể làm đồ che. Thế Tôn dạy làm nhà tắm, hoặc làm ao ngói chỗ đất trống, hoặc làm thuốc thang kẻ bệnh, hoặc lấy dầu thoa khắp thân đêm đêm dầu hằng thoa chân, sớm sớm thoa dầu lên đầu, hôm sau cách gió rất lợi ích, đều có thánh giáo không nhọc thuật đủ rộng như trong luật. Lại tắm rửa nên là lúc đói, tắm rồi mới ăn có hai lợi ích: Một là thân thể sạch sẽ không có cấu dơ, hai là đàm ấm được tan ăn uống ngon miệng. No mới tắm là thầy thuốc kỵ. Cho nên biết nói đói tắm no rửa chưa phải bàn thông phương. Nếu mặc áo tắm ba thước, áo nhỏ lộ thân hoặc nguyên không mặc, thể đỏ mà tắm rất trái giáo lý. Nên dung quần tắm bốn bức che thân đáng ưa, chẳng thẳng vâng theo thánh giáo cũng không xấu hổ người thần, bao

nhiêu đó có thể không trí đủ phải biết. Tấm đêm còn không cách đổi, đối người đâu không che đậy.

***21- Đồ ngồi lót thân:*** Lễ lạy trải đồ ngồi kia, Ngũ Thiên không thấy làm, chí kỉnh lễ ba lễ, bốn bộ quên dòm sự kia. Phàm cách thức lễ bái như biệt chương đã bày, pháp đồ ngồi kia, cách làm quyết cần làm phúc (đôi) chế khiến an điệp, độ lương không rảnh rõ biết. Kia chỗ cần chỉ nghĩ khi ngồi được mền chiếu khác, nếu dùng vật của người, mới cũ đều xếp cất, như vật của mình, cũ thì không cần. Chớ để dơ hay tổn hư của tín thí. Chẳng làm lễ bái, các Tăng Nam Hải người giữ một miếng vải dài ba hay năm thước, chồng như khăn ăn. Lễ bái dùng lót đầu gối, khi đi thì vắt lên vai, Bí sô nước phương Tây thấy có, đều dùng mỉm cười.

***22- Cách thức nằm nghỉ:*** Phòng ở của nước phương Tây lại nhiều người ở, sau khi nằm rồi dậy, giường đều dẹp lại, hoặc để lại một bên, hoặc dời ra ngoài phòng, giường rộng hai khuỷu dài bốn khuỷu, mền nệm rõ ràng nhẹ mà không nặng. Rồi sau lấy phân bò khô chà đất cho sạch, đặt toà giường và cây khô, giường nhỏ... tuỳ cao thấp mà ngồi, như nghiệp thường làm chỗ có đồ tư sanh, đều đặt trên sàn, trước giường kia đều không có cách dùng giá y che, kia không nên thì tự không nên nằm, nếu nên thì việc gì ngăn thân. Đồ nằm của chúng tăng hẳn cần để đồ lót mới hợp thọ dụng đồ ngồi ý ở nơi đây, như kia không phải vậy, lại chiêu lấy lỗi luỵ trái. Thánh có lời thành thật không thể không cẩn thận. Lại mười đảo Nam Hải, Ngũ Thiên của nước phương Tây đều không dùng gối gỗ để gối đầu, Thần châu riêng có việc đây. Gối túi phương Tây hình dạng và cách thức gần giống loại kia, lấy lụa hoặc vải nhuộm màu tuỳ tình may làm túi thẳng dài một khuỷu rưỡi rộng một khuỷu, giữa độn đồ tuỳ mình có được, hoặc có thể để lông, hoặc đựng sợi dây vụn, hoặc cót vàng liễu vụn, hoặc cây miên hoa lâu, hoặc lá nhuyễn rêu khô, hoặc đậu mè vỡ ra, tuỳ thời lạnh nóng, lượng ý cao thấp, đây chính lấy sự vừa an thân, thật không lỗi cứng nhắc, nhưng làm gối cây ( ) dưới cổ thông gió đến đổi chiếc giường bấy giờ phần nhiều bị đau đầu, nhưng cõi nước sai khác, thói quen không đồng, liền thuật khác nghe làm chăng tuỳ tốt. Đã mà vật nóng trừ phong, đậu mè sáng mắt. Vả lại có ích dùng thành không lỗi. Lại là xứ lạnh phần nhiều bị thương hàn, tháng mùa đông mũi chảy là lỗi kia, hợp thời ấm đầu liền không lỗi đây. Ngạn ngữ nói: “Đông đảnh ôn túc” chưa hẳn thường có thể nương.

Lại trong phòng tăng có để tôn tượng, hoặc ở trên cửa sổ hoặc làm cái khám, khi ngồi ăn, dùng tấm màn che trước tượng, sáng sáng tắm rửa, thường dâng (bông) hoa hương, trưa trưa cung kính ăn gì cúng nấy, hòm kinh cách một bên, khi nằm mới ở nhà khác, phép của các châu Nam Hải cũng đồng đây, đây là phép lễ kỉnh tầm thường ở phòng riêng. Tôn tượng của nhà chùa kia đều riêng có chánh điện, há có tượng thành rồi sau trọc đời lại không lau chùi, tự chẳng phải trai thứ, đâu cho liền bày đồ ăn, do đây nói đó đồng ở cũng lại tổn gì. Đại sư còn sống hứa cho đồng ở, hình tượng ngạo chơn lý nên không ngại nước Tây truyền nhau, kia đến lâu rồi.

***23- Kinh hành ít bệnh:*** Ở Ngũ Thiên kẻ đạo người tục phần nhiều đều đi kinh hành, thẳng qua thẳng lại chỉ có một đường, tuỳ thời vừa tánh chớ ở chỗ vắng, một là lành bệnh, hai là tiêu đồ ăn, lúc giữa ngày liền đi. Hoặc có thể ra ngoài chùa, hoặc ở dưới mái hiên đi từ từ, nếu không vì thân nhiều bệnh khổ bèn khiến xưng gót phù bụng đau tay nhức đùi, chỉ có đàm ấm là không tiêu, đều là đầu mối ở đó gây ra, nếu có thể làm việc đây (đi kinh hành) thật có thể giúp thân nuôi đạo. Cho nên dưới cây giác ở núi Linh Thứu, trong vườn Lộc Uyển ở Vương thành và các thánh tích khác đều có nền Thế Tôn kinh hành, rộng chừng hai khuỷu dài mười bốn mười lăm khuỷu cao hơn hai khuỷu chồng gạch ngói lên mà làm, trên lấy than đá kết làm hình hoa sen nở cao chừng hai tấc rộng vừa một thước có mười bốn mười lăm dấu chân Phật, trên hai đầu nền đặt tháp nhỏ lượng bằng con người, hoặc có thể vào bày tôn tượng là tượng Thích Ca đứng, hoặc đã kia xoay quanh điện Phật, xoay quanh tháp, riêng vì sanh phước, vốn muốn cung kính kinh hành chính là nghĩa tiêu tán, ý ở nuôi thân trị bệnh. Xưa nói là hành đạo, hoặc nói là kinh hành thì hai việc bao gồm không chia kinh hoạt bèn khiến việc điều thích lâu thiếu Đông Xuyên. Kinh nói rằng xem cây kinh hành, thân ở bên toà kim cang chỉ thấy dấu thẳng chưa thấy nền tròn.

***24- Lễ không giúp nhau:*** Phép lễ bái cần nương giáo làm tiến cụ, nếu chia bóng như ở trước, liền nên nhận người nhỏ lạy. Phật nói: Có hai hạng người nên nhận lễ bái: Một là Như Lai, hai là Bí sô lớn tuổi” đây là miệng vàng răn dạy nào nhọc chấp sự hiềm hạ. Người nhỏ gặp người lớn vội nên bày cung kính xướng “Bạn đệ” mà lễ. Người lớn nhận người nhỏ lễ, tự có thể thẳng người chấp tay mà nói: “A lộ để” (là dài vậy, lại là chú nguyện cho kia không bệnh) nếu không nói cả hai đều

mắc tội. Tuỳ đứng tuỳ ngồi không đổi cách thức, đã là nên nhận không cho kính ngược, đây chính phép tắc của chúng tăng ở Ngũ Thiên, há có nhỏ muốn lễ lớn trước chờ người lớn đứng dậy, lớn nhận nhỏ cung lễ sợ nhỏ hiềm hận mà vội vội vàng vàng làm phép đây. Cao chấp thấp mà không cho cúi đầu, khổ cực nhọc nhằn thấp cầu kỉnh mà không thể đến đất, nếu không như đây nói là trái số lễ, than ôi! Thiếu thành giáo lấy nhơn tình, kính nhận trái nghi thật đáng xét kỹ, kéo dài đã lâu ai sẽ yên các vị.

***25- Đạo thầy trò:*** Dạy dỗ học trò là tất yếu nối thạnh, nếu không giữ niệm thì pháp diệt đã có thời kỳ, việc nên ân cần, không được sót lại. Luật nói: Mỗi sáng sớm, trước tước cây chà răng, kế có thể đến chỗ thầy lấy cây kia, nước súc miệng, khăn trải đặt chỗ ngồi cho an ổn rồi, sau đó lễ kinh tôn nghi, đi nhiễu điện Phật, liền đến chỗ thầy nhiếp y một lễ lại không liền đứng dậy chấp tay ba lần gõ, hai gối quỳ đất cúi đầu chấp tay hỏi rằng: "Ô Ba Đà Na nhớ nghĩ" (chữ đà là nói ngược âm đình giá, tức không chánh thể,lầm âm nói đó. Ô Ba là thân gần, chữ ba kêu trong có chữ A, A Đà Na nghĩa sẽ dạy khen, nói Hoà Thượng là sai. Phương tây gọi thiếu bác sĩ đều gọi là xã, đây chẳng là lời sách, nếu nương văn kinh luật bổn tiếng Phạm, hoặc nói rằng Ô Ba Đà Na, dịch là thân giáo sư, các nước phương Bắc đều kêu là hoà xã đến đổi khiến truyền dịch với âm lầm kia). Hoặc hỏi rằng: "A Giá Lê Na nhớ nghĩ" (dịhc là Quỹ Phạm sư, là nghĩa có thể dạy đệ tử cách thức, trước nói A Xà Lê là lầm). Con nay thỉnh hỏi, không biết Ô Ba Đà Na đêm ngủ có an chăng? Bốn đại điều hoà chăng? Đi dứng nhẹ nhàng, ăn uống có tiêu chăng?Bữa ăn sáng có thể đến chăng? Đây thì rộng lược tuỳ thời.

Thầy bèn lượng thân an hay không đáp đủ việc kia. Kế trước đén phòng gần bên lễ lạy các vị lớn. Kế đọc chút hứa kinh, nhớ điều được dạy ở trước, ngày mới tháng cũ không thiếu tấc bóng. Đợi đến lúc tiểu thực lượng thân nặng nhẹ thưa thỉnh mới ăn. Nào nhọc chưa hiểu vội vàng tìm cháo không kịp thưa bổn sư, không do tước cây xỉa răng, không rảnh xem trùng trong nước, há có thể rửa sạch, đâu biết là một bồn cháo liền trái bốn hạng Phật dạy, lầm thế đó vốn đều từ đây, xin nhà trụ trì khéo nên lượng xứ (trước thưa sự... đây chính là nghĩa A Ly Na Đề Xá dạy dỗ, A Ly Na dịch là thánh, Đề Xá dịch là phương, tức gọi nước phương tây là phương thánh do,hiền thánh kia kế thừa phép tắc người đều cùng xưng. Hoặc nói rằng Mạc Cung là trung Đề Xá là quốc là trung tâm bá ức là việc đây, hiệu đây người đều biết đó. Nước

Hồ phương Bắc kia kêu thánh phương cho là yết, âm trái của hứa y đều là phương ngôn vốn không có nghĩa riêng, nước Tây nếu nghe tên đây phần nhiều đều không biết, nên kêu theo nước Tây là thánh phương, đây thành đầy đủ hoặc có truyện nói Ấn Độ dịch là Nguyệt, tuy có lý đây mà chưa là xưng chung. Vả lại như nước Tây gọi Đại đường là Chi Na thật là tên kia lại không nghĩa khác. Lại cần biết ở Ngũ Thiên đều nói là nước Ba la môn, phương bắc Tốc Lợi gồm gọi là Hồ Di, không được lôi đồng đều là một tiếng).

Cạo tóc đắp mạn y, xuất gia, thọ cần viên rồi, luật nói rằng: Chỉ trừ năm việc không thưa, còn ra mỗi mỗi đều cần thưa thầy, không thưa thì mắc tội. Năm việc là: Một là tước cây xỉa răng. Hai là uống nước. Ba là đại tiện. Bốn là tiểu tiện. Năm là trong giới chừng bốn mươi chín tầm chế để bạn độ. Vả lại như muốn ăn, người thưa cần đến bên thầy nương cách lễ bái mà thưa thầy rằng: "Ô Ba Đà Na nhớ nghĩ, con nay xin thưa rửa tay rửa đồ muốn đi ăn". Thầy đáp: "Cẩn thận", thưa các việc khác loại đây nên biết, thầy bèn lượng sự độ thời cùng kia tới lui, biết có nhiều việc liền có thể một thời đồng thưa.

Nếu người hiểu luật và được năm hạ thì được lìa bổn sư đi dạo chốn nhơn gian tiến cầu nghiệp khác, đến chỗ rồi trở cần y chỉ lại. mười hạ đã đủ mới thôi y chỉ. đại thánh ân cần rốt cuộc ở đây. Như không hiểu luật nương người khác trọn đời. Giả sử không coa người lớn thì nương người nhỏ mà ở, chỉ trừ lễ bái còn bao nhiêu đều phải làm, há được sáng sớm hỏi han từng không y luật, tuỳ có sự đến đâu biết thưa nói. Hoặc có sớm chiều hai thời thỉnh thầy dạy dỗ, tuy lại tạm bày dạy dỗ văn luật ý không như vậy, thì sao người thưa không là việc kia, người đáp chỗ nào thương lượng, lời thưa việc không vậy, nhưng vì nhơn theo lâu ngày bèn bớt ai chịu nhọc phiền, hẳn có thể chuẩn giáo vâng làm tức là giữ gìn không dứt. Nếu cho đây là nhẹ bao nhiêu lại nào thành nặng ư? Cho nên văn luật nói: "Thà làm đồ tể chứ không trao giới cụ túc cho người rồi bỏ họ không dạy".

Lại nước tây nối nhau việc lễ thầy, đầu đêm sau đêm đến chỗ thầy, thầy bèn trước sai đệ tử đặt toà, trong ba tạng tuỳ thời dạy trao hoặc sự hoặc lý không khiến luống qua, xét giới hạnh kia chớ cho thiếu trái, biết có chỗ phạm liền sai trị sám. Đệ tử mới bèn vì thầy thoa chà thân thể xếp chồng y áo, hoặc khi quét lau sân phòng, xem trùng, dâng nước, có việc cần làm thì đều làm thay, đây là lễ kỉnh thượng. Nếu môn đồ có bệnh liền đều tự thân ôm giữ lo lắng thuốc thang, thương như con đỏ. Nhưng giềng mối Phật pháp lấy dạy dỗ làm đầu, như Luân vương

nuôi dưỡng con không khinh luật có nói rõ đâu cho có ra khinh mạn.

Trên nói: "Chế để bán đệ", hoặc nói rằng: "Chế để bán đàn na", Đại sư Thế Tôn sau khi Niết bàn, người trời đều để thiêu, chúng nhóm củi thơm thành đống lớn, liền gọi chỗ đây là chế để, nghĩa là chứa nhóm, căn cứ từ sanh lý bèn có tên chế để. Lại giải thích: Một là tưởng Thế Tôn các đức đều nhóm ở đây. Hai là chính do nhóm đất đá gạch mà thành. Rõ truyền chữ nghĩa như vậy, hoặc gọi là Tốt Đỗ Ba, nghĩa cũng đồng đây. Xưa đều nói là tháp, riêng nói Chi đề, đây đều lầm, hoặc có thể đều đúng. Chúng cùng rõ tên, không bàn nghĩa kia, phương tây giải thích tên lược có hai món: Một là có danh nghĩa, hai là không nghĩa danh. Có nghĩa danh mà lập tên có lý do, tức nương danh nghĩa mà giải thích, tên thể một bề xứng nhau, như giải thích tên khéo vào là ban đầu nương vết đức, tức là nương nghĩa lập.

Kế nói rằng: Hoặc cùng rẽ biết, tức là không luận nghĩa kia, chỉ căn cứ người đời cùng gọi là khéo vào, tức là tên không nghĩa.

Bán đệ là kính lễ, phàm muốn ra ngoài lễ bái tôn tượng, có người hỏi rằng: "Đến chỗ nào?" Đáp "Tôi đến chỗ ấy". Chế để bán đệ, phàm lễ bái ý nghĩa kỉnh trên tự thấp, khi muốn chí kỉnh và có thưa hỏi, trước sửa y áo vắt lên vai trái, y nách phải khiến dính thân, tức đem tay trái hướng xuống đậy hiếp y bên trái tay phải tuy y chỗ đậy. Quần đã đến bên dưới, cuốn y đến gối, hai gối đều che chớ cho lộ thân, thành y sau lưng gấp cho gần thêm đậy xếp y áo chớ cho rớt đất, hai gót chân đứng thẳng, cổ ngay ngắn, mười ngón rải đất mới khấu đầu. Nhưng dưới gối chỗ không y vật, lại chắp tay, lại gõ đầu, ân cần chí kỉnh như vậy ba lần, hẳn cũng tầm thường một lễ liền thôi, chặng giữa lại không khởi nghĩa. Nước tây thấy làm ba lạy người đều cho là quái lạ. Nếu sợ trên trán có bụi đất, trước cần tay chà cho sạch rồi sau lau đó. Kế phải phủi bỏ đất dính hai đầu gối, chỉnh đốn y áo ngồi qua một bên, hoặc có thể tạm thời đứng một bên, Tôn giả liền nên cho ngồi, hẳn c1o quở trách đứng cũng không tổn. Đây chính là khi Phật còn ở đời, xong đến đời sau thầy trò truyền nhau đến nay không dứt. Như kinh Luật nói: "Đi đến chỗ Phật, lễ hai chân Phật, ngồi qua một bên". Không nói trải toạ cụ, lễ ba lạy, đứng một bên. Đây là giáo kia. Nhưng chỗ tôn lão nhiều tòa cần sắp đặt, hẳn có người đến, chuẩn nghe mà ngồi. Hể ngồi thì hai chân phải chấm đất từng không có cách thiếp gối.

Luật nói: Nên trước Ôn khuất trúc ca, dịch là ngồi xổm, hai chân đạp đất. Hai gối đều dọc nhiếp kiểm y phục chớ cho rớt đất, tức là phép thức thường làm trì y, thuyết tịnh . . . hoặc đối người khác nói tội, hoặc

hướng đại chúng mà bày chí kỉnh, hoặc được quở trách mà thỉnh nhẫn, hoặc thọ cụ túc mà lễ Tăng, đều đồng như đây. Hoặc có thể hai gối chấm đất quì nửa thân chấp tay, chính là đài hương chiêm ngưỡng, khen ngợi. . . Nhưng ở trên giường lễ bái, các nước không có, hoặc trải nệm chiếu cũng không thấy có, muốn cung kính trở lại kiêu mạn há thành đạo lý. Đến như trên giường trên tòa, bằng hàng còn không chí kỉnh huống gì lễ Tôn Sư, Đại sư. Việc đây nếu vì an thì có thể. Trong nhà ăn, giảng đường ở nước tây xưa nay không đặt giường lớn, phần nhiều để cây khô và giường nhỏ, cho khi giảng, ăn đem đến chỗ ngồi, đây là bổn pháp. Thần châu thì giường lớn mới ngồi, việc kia lâu rồi, tuy có thể tuỳ thời lập nghi mà nguồn gốc xưa nay cần phải biết.

***26- Khách xưa gặp nhau:*** Lúc Đại sư còn ở đời, chính thân làm giáo chủ, khách Bí sô đến, tự xướng "thiện lai". Lại các chùa phương Tây phần nhiều là chế pháp, phàm thấy người mới đến không kể là khách xưa hay là đệ môn nhơn, người xưa liền rước trước xướng "Sa yết đa" dịch là "thiện lai" khách bèn theo tiếng liền nói: "Tốt sa yết đa" dịch là "cực thiện lai", nếu không nói, một là trái pháp chế của chùa, hai là chuẩn Luật có phạm. Không hỏi lớn nhỏ thẩy đều như đây, tức là thâu lấy bình bát, treo ở trên vách, tuỳ chỗ đặt toà cho khách nghỉ ngơi. Nhỏ ở chỗ vắng, lớn ở phòng trước. Thấp thì kính trên mà xoa bóp sau ( ) và khắp thân. Cao quý thì vỗ dưới mà hơi tiếp lưng mà không đến eo chân, bằng tuổi sự như vậy.

Đã hết mệt nhọc mới rửa tay chân, kế đến chỗ Tôn túc bày lễ kính, chỉ lễ một lễ quỳ mà chạm chân. Bậc Tôn túc dùng tay phải vỗ vai lưng người kia, nếu chẳng lâu thì không vỗ vai. Thầy bèn hỏi "khoẻ không" đệ tử tuỳ việc mà đáp, rồi lui ra chí kính mà ngồi một bên, thật không có cách thức đứng.

Nhưng phép tắc phương Tây là ngồi nhiều ít đứng, lại đều lộ chân, Đông hạ không có việc đây, lễ chạm chân không làm. Kinh nói: "Người trời đến chỗ Phật, đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên tức là nghi kia. Rồi sau thích hợp thời gian mà cung cấp nước uống, tô, mật đường cát, uống ăn tuỳ ý, hoặc tám thứ nước khác đều cần lược cho trong mới uống gần như cặn đục đây định không cho, nước trái hạnh, thuốc, thể là cặn đục chuẩn y đạo lý toàn chẳng phải hạng uống.

Luật nói: "Phàm nước tịnh lự (lược sạch) màu nhơ huỳnh địch". Đây gọi là lễ ở nước Tây khi thầy trò môn đồ khách xưa đưa rước lúc gặp nhau, há có cảm lạnh, bị sốt nóng, hoặc khắp thân ra mồ hôi, tay

chân lạnh cóng mà buông bỏ áo mũ gấp làm việc lễ kính, tình trạng vội vàng rất trái phép tắc. Thầy bèn đứng thong thả hỏi các việc, thật thay quá gấp đem làm nối thạnh. Nói hoà nam, tiếng Phạm nói là "Bán đệ", hoặc nói "Bán đàn nam" dịch là kính lễ, nhưng vì nhặt lời không chơn gọi là Hoà Nam, không thể đổi xưa. Vả lại nói Hoà Nam, lấy chánh âm nên nói là bán đệ. Lại đi đường, chúng nhóm lễ bái là trái nghi. Chấp tay, cúi đầu, miệng nói "bán đệ", cho nên kinh nói rằng: "Hoặc lại chỉ chấp tay, nhẫn đến hơi cúi đầu" tức là chí kính vậy. Người phương Nam không xét kỹ nương mong hợp độ, từ trước khiến sửa là bấn đệ, đây chính toàn đồng luật dạy.

***27- Nguồn bịnh tiên thể:*** Trước nói rằng lượng thân nặng nhẹ mới ăn tiểu thực, tức là quán bốn đại mạnh yếu. Nếu nhẹ nhàng liền có thể ăn như thường. Hẳn có hơi khác thì cần xem nguyên do nó khởi. đã biết được nguôn bệnh rồi sau toan dứt. Nếu biết nhẹ khoẻ trong bụng đói, đến khi tiểu thực mới ăn nuốt, phàm là hằng ngày lúc gọi đàm ấm, là đồ ăn đêm qua còn chứa trong bụng chưa tiêu, ăn liền thành lỗi. cánh tay đưa cây củi vào ngọn lửa, củi tím lửa bốc cháy, nếu lửa chưa cháy mà để cỏ vào, cỏ bèn không cháy, phàm tiểu thực là thánh khai chế, hoặc cháo hoặc cơm lượng thân mà ăn, hẳn cũng nhờ cháo có thể nuôi đạo, tức chỉ do đây chứ chẳng phải gì khác. Nếu cần cơm mới nuôi thân thì sáng ăn cơm cũng không tổn. Hễ ăn mà khiến thân không an là làm duyên bệnh cho thân, không cần đau đầu nằm trên giường mới gọi là bệnh. Nếu các thuốc không trị lành, thầy thuốc xử cần ăn phi thời, Phật nói: "Ở chỗ kín mà ăn". Nếu khác hạng đây vốn chẳng khai chế, nhưng trong Ngũ Minh Luận của phương Tây, mục y minh nói "Trước phải xét thinh sắc rồi sau làm tám thuốc", nếu không hiểu khéo mầu đây, cầu thuận trở lại thành nghịch.

Nói tám thuốc: Một luận chỗ có các ghẻ. Hai kim châm đầu bệnh. Ba luận thân hoạn. Bốn luận quỷ chướng. Năm luận ác yết đà dược. Sáu luận người bệnh đồng tử. Bảy luận mởi lớn. Tám luận đủ sức thân. Nói việc bênh gồm trong ngoài. đầu bệnh chỉ là ở đầu, từ yết hầu sắp xuống là thân hoạn. Quỷ chướng gọi là tà mị. Ác yết đà là khắp trị các độc. đồng tử là từ trong thai đền mười sáu tuổi. Tuổi lớn thêm dài giữ lâu. Đủ sức là thân thể mạnh khoẻ. Tám thuật đây trước là tám bộ, gần đây có người lược làm một hiệp, ở Ngũ Thiên thảy đều tuân theo, nhưng khiến người hiểu không đâu chẳng ăn lộc. Do đây thầy thuốc là quý nhất ở nước Tây, gồm trọng thương buôn là không sát hại, tự lợi

ích và giúp người khác. Ở đây y minh đã dụng công học, do chẳng phải chánh nghiệp bèn bỏ đó. Lại cần biết vị thuốc phương Tây cùng đông hạ khác nhau, xen có xen không sự chẳng phải một. Vả lại như nhơn sâm, phục linh, đan quy, viễn chí, ô đầu, phụ tử, ma huỳnh, tế tân, các loại này là thượng dược của Thần châu, xét hỏi nước Tây đều không thấy có, Tây phương thì phần nhiều là Ha Lê Lặc, phương Bắc thì có Uất Kim Hương, bên Tây vẫn dồi dào A Nguỵ Nam Hải thì ít long não, ba món đậu ( ) đều ở Đỗ Hoà La, hai sắc đinh hương đều sanh ở nước Khuất Luân chỉ có sắc loại đây là nhà Đường cần, còn các vật thuốc khác không đủ thâu lượm.

Phàm thân bốn đại có sanh bệnh, đều từ ăn nhiều mà khởi, hoặc do lao lực mà phát, hoặc ăn đêm chưa tiêu sáng ra ăn nữa, hoặc ăn sáng chưa tiêu trưa liền ăn lại, nhơn đây phát động bèn thành dịch tả, nấc cục thì liền đêm không dứt, bụng trống liền trọn tuần chẳng dứt. Rồi sau bèn cầu khí hiền nhiều tiền, tìm tần giao giá quý, người giàu việc đây có thể vì người nghèo chia tuỳ sương sớm, bệnh liền thành đó. Đây cầu gì dầu khiến lư oai sáng đến tiến hoàn tan mà không nhân. Chim thước tối đến sai thang cao mà an giúp, lửa đốt kim châm cùng caay đá không khác, nắm chân lắc đầu hỗn cương bốc mà nào khác, đây chính bởi do không thể bệnh vốn không hiểu điều tướng, có thể gọi là dừng dòng mà không tắt nguồn, đốn cây không trừ gốc, cành nhánh tràn lan cầu dứt không nhơn, đến đỗi khiến người học kinh luận nhìn ba tạng mà hằng than, người tập tu tịnh lự tưởng tâm định mà thở dài, kẻ tục bèn vụ rõ bối kinh thì tuyệt dây cương nơi cửa ngựa vàng, hạng cầu tiến sĩ bèn dứt bước ở công sở thàch cừ, ngại tu đạo nghiệp có thể không lớn ư? Bỏ mất vinh quang thật chẳng phải viêc nhỏ, liền là thâu đó chớ hiềm phiền nặng, mong khiến chưa tổn nhiều thuốc bệnh cũ có thể trừ, không tạo nhà thuốc mà bệnh mới bèn lành, bốn đại điều hoà trăm bệnh không sanh, tự lợi và lợi người há chẳng lợi ích sao? Nhưng mà ăn độc chết sống bởi là do nghiệp xưa, riêng nay tránh nó chẳng phải không cần là đây.

***28- Cách thức dâng thuốc:*** Bốn đại nghịch hoà sinh linh chung có, tám tiết giao tranh, phát động không hành. Phàm bệnh sanh liền cần phải dứt cho nên Thế Tôn chính thân nói kinh y phương rằng: “Bốn đại không đều: Một là lũ lỗ, hai là tiếp bả, ba là tất đa, bốn là bà đa. Ban đầu thì địa đại đều tăng khiến thân nặng nề, hai thì thuỷ đại nhóm mũi dãi trái thường, ba thì hoả đại thạnh đầu ngực nóng ran, bốn thì phong

đại động khí xung kích. tức ngay Thần châu trầm nặng đàm ấm, nhiệt huỳnh, khí phát... tên khác. Nếu nương tục luận bệnh, bèn có ba món kia, nghĩa là phong nhiệt đàm, nặng thì cùng đàm đồng thể không khác chướng địa đại kia. Phàm hầu nguồn bệnh sáng sớm tự xét, nếu biết bốn hầu trái khác liền lấy tuyệt lạp làm đầu, dầu cho rất khát chơ đem nước đến, đây là cực cấm. Hoặc một ngày hai ngày, hoặc bốn ngày năm ngày dùng bệnh làm kỳ hẹn nghĩa không giao trụ. Nếu nghi bụng có đồ ăn chưa tiêu, lại trích nơi rốn ngực nên cần uống nước sôi chín, lấy ngón tay móc trong họng cho ói hết ra, lại uống lại quyết, cho hết làm độ, hoặc uống nước lạnh lý cũng không tổn thương, hoặc thang thuốc gừng khô, đây là tốt nhất, ngày ấy hẳn phải nghỉ ăn, đến hôm sau mới ăn. Nếu không thể đến thời châm chước, hẳn đồ thật chín rất kỵ rưới nước.

Nếu trầm nặng chiến lạnh, gần lửa là tốt nhất, kia Gian Lãnh rồi Nam Nhiệt chướng không thể nương đây. Phát nóng, lặm nước đất nghi. Như gió gấp thì dùng dầu cao, có thể dùng vải bọc hoả cứu mà chà (ủi) chỗ thương tích đây cũng là tốt, thoa dầu nóng, ngày nghiệm giao ích, nếu biết đàm ấm đè trong miệng ngực khạc nhổ, mũi chảy nước xanh, khí nhóm yết hầu, mở cửa đầy thương hầu, nói tiếng không chuyển, ăn cơm không biết vị, động qua một tuần, các bệnh như đây dứt ăn liền lành, không nhập châm đầu chẳng nhờ quay cổ, đây chính là không cần thang thuốc mà không bệnh, là phép tắc lớn của y minh.

Ý do đồ ăn cũ nếu trừ trang nhiệt liền dứt, dòng bến đã cạn đàm ấm liền hết, trong lặng khí tiêu tức cuồng phong tự dứt, đem đây điều đình vạn lần không sai một. Đã không nhọc chẩn mạch, đâu nhờ hỏi âm dương, mỗi người tự là y vương, người người đều thành kỳ quốc, đến như loan pháp sư điều khí lành bệnh, ẩn mặt bèn làm, Tư thiền sư ngồi trục cong chẳng phải chỗ hạng tục biết được. Hỏi danh y nơi Đông Lạc thì nghèo thiếu tuyệt bến kia, cầu thượng dược ở tây dao thì ( ) độc mất đường kia, chỗ luận tuyệt ăn, bớt mà lại nhiệm màu, đủ thông nghèo giàu há chẳng cốt yếu sao?

Lại như ung nhọt bộc khởi, máu nóng bỗng hoành hành, tay chân đau nhức do thiên hành thời khí, hoặc dao cắt thân thể, hoặc té rớt tổn thân, thương hàn, hoắc loạn, nửa ngày bị tả, đau đầu đau tim, mờ mắt nhức răng, có chút bệnh khởi đều cần nhịn ăn? Lại ba đẳng hoàn có thể trị các bệnh, lại chẳng khó được lấy da A Lê Lặc, gừng khô, đường cát ba thứ bằng nhau giã hai phần cho nát, lấy nước hoà đường cát giã làm hoàn, sáng uống mười hoàn làm chừng độ các người không có kỵ nếu bệnh lỵ, uống không quá hai ba lần là lành, có thể phá khí huyền trừ

phong tiêu thực, vì chỗ lợi ích rộng cho đây nói. Nếu không đường cát dùng mật cũng được, lại A Lê Lặc nếu có thể mỗi ngày ăn một khoả yết trấp, cũng trọn đời không bệnh, đây đồng y minh truyền nơi Đế Thích, Ngũ Minh một số người Ngũ Thiên tuân theo, trong đó cốt yếu tuyệt thực là hơn hết.

Người xưa truyền rằng: Nếu bỏ ăn bảy ngày không lành, sau mới có thể cầu Quán Thế Âm, Thần Châu phần nhiều đều không rảnh, đem làm riêng là trai giới, kia có uống loại đơn thạch và trường bệnh cùng phúc hồn, hoặc lại nương đây (sợ có người uống đơn thạch, đói chẳng nên uống, lại phi đơn thì các nước đều không, uống thạch thì Thần Châu có, nhưng mà nước đường, đã trắng có ra lửa, nếu uống thì thân thể nóng nảy, thời người không riêng, chết uổng không cùng, do đây mà nói rất cần biết thể). Các độc rắn rết toàn chẳng phải đây trị, mà khi tuyệt thực rất kỵ dạo đi và làm việc, người đi lâu dầu bỏ ăn tuỳ đường không tổn, như kia lành rồi sau cần sắp nghĩ nên ăn cơm mới nấu, uống nước đậu nóng sôi, dùng hương hoà mặc tình uống nhiều ít, nếu biết có lạnh thì uống tiêu, gừng, tất bạt, nếu biết là gió thì uống hồ thông, kinh giới. Y phương luận nói: Các chất cay đều động gió chỉ có gừng khô là chẳng động, thêm đó cũng tốt. Chuẩn sắc ăn hằng ngày mà làm điều tức, kỵ uống nước lạnh, còn bao nhiêu như thuốc cấm. nếu kia ăn cháo sợ đàm ấm lại tăng, hẳn là phong lao ăn cũng không tổn. Nếu bệnh nhiệt, tức thục tiễn thuốc sâm đắng uống rất tốt, mầm chè cũng tốt. tự lìa nước cũ đến hơn hai mươi năm, nhưng do trị như đây thân không có bệnh khác.

Vả lại như thuốc của Thần Châu, loại đá, gốc, nhánh số đến hơn bốn trăm, phần nhiều sắc vị tinh kỳ, khí hương thơm ngát có thể làm lành bệnh, có thể làm vương thần, thuật châm cứu chẩn mạch, trong châu Thiệm bộ không có thêm. Thuốc lâu năm chỉ có ở đông hạ, bởi do Liên cương, tuyết hiến và núi đảnh hương các loại thuốc lạ quý hiếm đều mọc ở đây, cho nên thể người tượng vật gọi là Thần Châu. Trong Ngũ Thiên không ai thêm tôn thượng, trong bốn biển ai chẳng vâng theo. Nói rằng Văn Thù Sư Lợi hiện ở nước này, chỗ đến nếu nghe là Đề Bà Phất Đán La Tăng thảy đều rất sanh lễ kinh, Đề Bà là thiên, Phất Đán La là tử, nói rằng Chi Na là chỗ ở của Thiên tử. Xét thuốc đá kia thật là kỳ diệu, sắp hết bệnh do rất có sơ khuyết, cho nên thô bày lớn huống gì do đủ lúc cần.

Nếu nhịn ăn không tổn, sau mới bèn tuỳ nơi chỗ mà trị. Thuốc sâm đắng chỉ trừ bệnh nhiệt dầu tô, mật đặc biệt trị bệnh phong. Nước La Trà nửa tháng hoặc một tháng, cốt yếu đợi bệnh bớt rồi sau mới ăn.

Trung Thiên nhiều nhất là bảy ngày, Nam Hải thì hai ba ngày. Đây do phong thổ sai khác bốn đại chẳng đồng đến đỗi có ra nhiều ít không là một mối. chưa hẳn Thần Châu nên nhịn ăn chăng, nhưng mà bảy ngày không ăn mạng nhiều chết yểu, do kia không bệnh giữ cũ, nếu bệnh ở thân, nhiều ngày cũng không chết, từng thấy có người bệnh nhịn ăn ba tuần sau lại hết bệnh, thì nào cần thấy lạ vì nhịn ăn nhiều ngày. Há cho chỉ thấy bệnh phát mà không xét nguyên do khởi phát của bệnh, củi lửa còn làm chín cháo, ăn uống mang bệnh ăn mạnh rất là đáng sợ, muôn người có một người lành trọn cũng không kham dạy đời. Trong y phương minh rất là kỵ lại do đông hạ, người bấy giờ cá rau phần nhiều ăn sống, còn nước Tây đều không ăn như vậy. Phàm là rau đều cần nấu chín, thêm A nguỵ, dầu tô và các hương hoà rồi sau mới ăn, loại dưa muối người đều không ăn. Khi lại thèm cố ăn đó bèn khiến trong rốn kết đau, tổn đường ruột, mờ mắt, bệnh tật lâu dài càng luống uổng, là do đây vậy. Người trí suy nghĩ xét dùng hạnh xả chứa, nghe mà không làm đâu phải lỗi thầy thuốc, làm thì thân an đạo đủ, mình và người đều có lợi ích, bỏ thì thể tổn trì yếu, công mình và người đều mất.

***29- Trừ thuốc hư xấu:*** Tự có nơi chỗ từ lâu làm theo thói xấu, bệnh phát liền uống đại tiện tiểu tiện. Bệnh khởi liền dùng phân heo phân mèo, hoặc chứa đầy bồn ngói đá gọi là thuốc rồng tuy đặt tên tốt đẹp mà dơ xấu cùng cực. Vả lại uống hành tỏi còn phải ở phòng riêng bảy ngày tắm rửa thân thể cho sạch mới vào ở chung, thân nếu chưa sạch không vào trong chúng, không cho nhiễu tháp, không nên lễ bái, bởi vì hôi dơ mà không cho chứ không phải bệnh mà không cho. Nói tứ y bày bỏ, tức là bày thuốc cũ bỏ, ý ở xét việc chỉ có thể giúp thân, giá mắc từ ở trong cửa, ăn uống thật thành chẳng tổn. Tiếng Phạm là Bổ Đề Mộc Để Tỵ Sát Xã, Bổ Đề là bày, Mộc Để là bỏ, Tỵ Sát Xã dịch là thuốc (tức là thuốc bày bỏ (trần khứ)). Luật khai đại tiện tiểu tiện chính là phân tiểu trâu bò, cực hình của nước Tây là trét phân lên người rồi đuổi ra đồng trống không cho ở chung với người. Loại trừ bỏ phân dơ làm liền bị đánh gậy là tự khác, nếu lầm xung trước tức liền y khắp tắm.

Đại sư đã chuyên thời ngự vật, ngăn trước sự chê xấu, há sai uống đây mà riêng trái thời mong, do không vậy đủ như trong luật. Dùng đây cho người thật là đáng xấu chớ cho thế tục làm quen cho là thường, người nước ngoài nếu nghe thật tổn phong hoá (Phong tục tập quán).

Lại nữa, có thuốc thơm sao không uống, mình đã không ưa đâu lại

cho người, nhưng mà trừ độc rắn rết, tự có đá lưu huỳnh, hùng huỳnh, thư huỳnh, miếng nhỏ tuỳ thân thật chẳng phải khó được. Nếu gặp nhiệt trướng liền có thuốc cam thảo hằng sơn và sâm đắng, chứa để nhiều ít lý liền dễ được, gừng, tiêu, tất bạt, đản yết mà gió lạnh toàn pháp, đường cục đường cát, ăn đêm thì khát đói đều hết, không chứa thuốc thang, gạo việc định có, trái giáo không làm sao khỏi tội lỗi. Tiền tại lạm dùng chỗ gấp lại nhàn rỗi. Nếu không bày công ai có thể ngộ thẳng. Than ôi! Không chịu cho thuốc tốt, bèn xét dùng thuốc rồng, tuy lại lợi nhỏ nơi tâm, đâu biết khuyết lớn thánh giáo. Trong Chánh lượng bộ nói "Trần khứ kia đã là bộ riêng, không thể nương đây", rõ luận tuy lại thấy văn, nguyên chẳng phải chỗ học của Hữu Bộ.

***30- Xoay đá quán thời:*** Nói xoay đá, tiếng Phạm nói là Bát Lặc Đặc Kỳ Noa, chữ Bát Lặc duyên có nhiều nghĩa, trong đây ý thú sự nêu thi hành. Đặt Kỳ Noa là đá, gồm rõ mục tôn tiện, cho nên người bấy giờ gọi thạch thủ là tay Đặt Kỳ Noa, ý là từ bên đá kia làm tôn làm tiện, mới hợp nghĩa xoay quanh. Hoặc Đặc Kỳ Noa mục là nghĩa thí, cùng đây khác nhau, như trước đã thuật. Ngũ Thiện là nước phương Tây đều gọi phương đông là tiền phương, phương nam là thạch phương, cũng không thể nương đây mà bàn hai bên (trái, phải). Các kinh nên nói là xoay đá ba vòng, nếu nói rằng kinh hành bên Phật là sai. Kinh nói xoay đá ba vòng là chánh thuận nghĩa kia, hoặc nói nhiễu trăm ngàn vòng mà không nói đá là lược vậy. Nhưng nhiễu phải hay trái khó định rõ, vì xoay bên phải là nhiễu phải, xoay bên trái là nhiễu trái ư? Từng thấy đông hạ có học sĩ nói rằng: "Tay phải hướng vào trong là nhiễu bên phải, tay trái hướng vào trong là nhiễu bên trái", lý có thể hướng bên trái kia mà chuyển, việc nhiễu phải mới thành, đây là rút ra từ hông ngực chẳng liên quan chánh lý, bèn khiến mê tục chớ biện phương ty, đại đức anh hùng cũng lầm đồng đây, dùng lý thương lượng thế nào điều hoà. Nhưng có thể nương bổn tiếng Phạm kia đều cần xã tắc nhơn tình nhận hướng bên phải là nhiễu phải, hướng bên trái là nhiễu trái, đây là Thánh chế chớ có nghi hoặc.

Lại nữa thời và phi thời, vả lại như thời kinh đã nói tự nên riêng là hội cơ, nhưng văn luật bốn bộ đều dùng giờ ngọ làm chánh, nếu bóng quá tuyền chấp nhận liền gọi là phi thời. Nếu muốn hộ tội lấy phương chánh, nên cần ban đêm nhìn phương bắc, ban ngày trông cực nam mà định tà chánh kia, biện góc giữa. Lại nên ở chỗ cốt yếu đặt đài đất nhỏ, tròn rọng một thước cao năm tấc, giữa để cây gậy nhỏ, hoặc khi đính

dọc trên đá, như đũa tre có thể cao bốn ngón tay, lấy bóng chánh ngọ kia vẽ để ghi nhớ, bóng quá chỗ vẽ liền không nên ăn, ở chỗ phương tây phần nhiều đều có, gọi là Tỵ La Thiết Yết La (đàn thiệt đạo) dịch là thời luân, pháp xét bóng là nhìn bóng cậy kia, lúc ngắn nhất là lúc chánh giữa ngày.

Nhưng ngay Châu Thiệm Bộ bóng phần nhiều không định, tuỳ phương xứ kia lượng có tham sai liền như châu lạc không bóng cùng các chỗ khác không đồng. Lại như nước Thất Lợi Phất Thệ đến giữa tháng tám dùng sao khuê lường bóng không thu hẹp, không đầy tràn. Giữa ngày người đứng đều không có bóng, giữa xuân cũng vậy, một năm là lại một mặt trời quá trên đầu, nếu mặt trời đi phương nam thì bóng bờ bắc dai hai thước ba thước, mặt trời hướng phía bắc, bóng phía nam đồng vậy. Thần Châu thì nam minh bắc sóc không đồng, cửa bắc hướng mặt trời là hằng, lại biển đông mặt trời ngọ cửa tây chưa giữa ngày, chuẩn lý đã vậy sự khó chấp nhất, cho nên luật nói: “Sai lấy giữa ngày ngay chỗ ở làm định”.

Phàm người xuất gia cốt yếu nương thánh giáo, việc miệng bụng không ngày nào không cần, xét bóng mà ăn lý nên giữ niệm, đây kia lạc mẫu mực chỗ khác nào giữ được. do đây anh hùng nói nắm không lạ phiền nặng, đi biển còn đợi sao khuê, ở đất há được theo đó cho nên nước tây truyền nhau rằng: “Xem nước xem giờ là luật sư”. Lại chùa lớn ở nước tây đều có lậu thuỷ, đều là nhiều đời vua chúa vâng làm và cất lậu tự là các cảnh thời, giới để bồn đồng đầy nước, trên là chén đổng nổi ở trong, chén kia mỏng tốt có thể nhận hai thăng lỗ xuyên ở dưới, nước liền vọt lên, nhỏ như lỗ kim, lượng thời chuẩn nghi, chén nước đã chìm hết liền đánh trống, ban đầu từ sáng sớm, một chén chìm đánh một tiếng trống, hai chén chìm hai tiếng trống, ba chén ba tiếng, bốn chén bốn tiếng rồi sau thổi loa hai tiếng, lại riêng đánh một tiếng gọi là một thời. Tức mặt trời ở góc đông. lại quá bốn chén giống trước đánh bốn tiếng lại thổi loa, riêng đánh hai tiếng gọi là hai thời, tức chánh ngọ. Nếu nghe hai lần đánh thì tăng chúng không ăn, nếu thấy người ăn theo phép chùa liền đuổi ra. Hai thời quá ngọ phép cũng đồng vậy. Đêm có bốn thời gần giống ban ngày. Gồm luận một ngày một đêm thành tám thời. Nếu thời đầu đêm hết, người tri sự ở lầu trên chùa đánh trống để nhắc chúng, đây là lậu pháp của chùa Na Lan Đà.

Lại khi mặt trời sắp lặn và gần sáng đều ở trước cửa đánh một hồi trống, đây đồng tạp nhậm đều là tịnh nhơn hộ nhơn làm. Sau mặt trời lặn dẫn đến sáng, đại chúng toàn không có đánh kiền chuỳ. Phàm đánh

kiền chuỳ không sai tịnh nhơn, đều là duy na tự đánh, có bốn năm cách sai khác rộng như các chỗ. Chỗ Mạc Ha Bồ Đề và Câu Hộ Na cách lậu hơi khác, từ sáng đến trưa chén chìm mười sáu lần, như nước Cốt Lôn ở Nam Hải thì chảo đồng đựng nước, xuyên lỗ ở dưới, khi nước hết liền đánh trống, một hết một lần đánh, bốn chuỳ đến trưa, đến chiều lại như vậy, tối đồng tám lần đây cộng thành mười sáu, cũng là chỗ làm của Quốc vương. Do lậu đây, dầu khiến mây dày ngày mù lâu không lầm ngọ hay sáng, mưa dày liên tiếp trọn ít nghi canh đêm. Nếu có thể vâng thỉnh đặt đó rất là yếu sự của nhà Tăng.

Phép lậu khí kia rất cần trước lấy giờ nghỉ ngày đêm, sáng đến trưa thì tám chén chìm, như kia giảm tám xuyên lỗ cho lớn, điều đình tiết số lại cần thợ khéo. Nếu ngày đêm dần ngắn liền có thể tăng nửa sao kia, nếu ngày đêm lần dài lại giảm nửa chước. Nhưng lấy nghĩ ngợi làm chừng độ, duy na nếu phòng bày chén nhỏ chuẩn lý cũng không lỗi. Nhưng mà Đông Hạ năm canh tây phương bốn tiết, Điều Ngự dạy chỉ nêu ba thời, nghĩa là chia một đêm là ba phần. Phần đầu phần sau niệm tụng thiền định, một thời ở giữa buộc tâm mà ngủ, không bệnh mà trái đây liền chiêu lỗi trái giáo, kỉnh mà vâng làm mong có lợi mình lợi người.

NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN.
(HẾT QUYỂN 3)

■

# NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN

## QUYỂN 4

***31- Tắm rửa Tôn nghi:*** Gốc của tu kỉnh không vượt ba tôn, nhơn thế tưởng đâu hơn bốn đế. Nhưng mà đế lý sâu xa sự cách tâm thô, tắm rửa Thánh nghi thật là thông giúp. Đại Sư tuy diệt, hình tượng vẫn còn, chí tâm như còn, lý nên tôn kính. Hoặc có thể hương hoa thường bày, có thể sanh tâm thanh tịnh, hoặc có thể tắm rửa hằng vì làm mỏng nghiệp hôn trầm, do đây nêu niệm, không nêu đó càng tự thâu. Khuyên các người có làm công gồm lợi, người cầu phước nên giữ ý.

Nhưng các chùa nước Tây, tắm rửa tôn nghi thường ở lúc giữa trưa, thọ sự liền đánh kiền chuỳ (thọ sự, tiếng Phạm là Yết Ma Đà Na, Đà Na là thọ, Yết Ma là sự, ý nói do chúng nhiều việc chỉ nhận ở người, xưa nói duy na là sai. Duy là tiếng nhà Đường, ý nói là giềng mối. Na là Phạm âm, lược bỏ chữ Yết Ma âaf). Sân chùa trương bày lọng báu, điện thì bày la liệt bình hương, lấy tượng vàng, bạc, đồng, đá để ở mâm đồng, vàng, cây, đá. Trong sai các kỹ nữ tấu âm nhạc, dùng hương bột thoa, lấy nước thơm mà tắm. (lấy cây chiên đàn, trầm thuỷ nghiền trên đá, lấy nước mài thành bùn để thoa thân tượng, mới lấy nước tắm).

Dùng lụa trắng sạch mà lau chùi, rồi sau để lại trong điện, rải các hoa màu, đây là nghi của các chùa, sai Yết Ma Đà La làm. Nhưng ở trong mỗi phòng tự tắm tôn nghi, ngày ngày đều vì yếu tâm không thiếu, nhưng là hoa cây cỏ đều đem dâng cúng không luận đông hạ hằng thơm phức. Người mua bán giữa quán chợ cũng vậy.

Vả lại như Đông Hạ, hoa sen thạch trúc thì mùa hạ mùa thu mới tươi tốt, kim kinh, đào hạnh mùa xuân mới xinh. Mộc cẩn, thạch lựu tuỳ thời thay đổi. Chu anh, tử cấm, theo tiết mà phô bày. Hàng thục quỳ xem ở vườn, loài cỏ thơm ở sơn trang hẳn cần đem đến bày la liệt, không nên xa chỉ cây vườn, đông cảnh chút thời hoặc cho khiếm thiếu, cắt các vải lụa, bụi dùng danh hương, bày trước tôn tượng đây thật là tốt. Đến ở tượng đồng không hỏi lớn nhỏ, cần tro nhuyễn, ngói bột lau chà cho sáng sạch, nước trong rửa đó, lóng hoa như gương. Chùa lớn,

nửa tháng hay một tháng họp chúng cùng làm chùa nhỏ tuỳ khả năng cần thường tắm rửa, đây thì chỗ phí tuy ít mà phước rất nhiều. Nước tắm tượng, nâng dùng hai ngón, rưới từ trên đảnh, nước đây gọi là kiết tường, mong cầu thắng lợi, dâng cúng hoa không nên đem hoa hôi bỏ, không nên chà đạp, có thể ở chỗ sạch mà rưới đặt đó, há cho để trọn năm bụi trắng đầu tôn tượng từng không chùi rửa. Hoa hồng khắp đồng, vốn tự không tâm dâng hiến, mà bèn lại lược làm biếng, xa chỉ ao vườn liền thôi vì sợ nhọc khổ, mở cửa nhà khắp kỉnh liền bỏ. Đây thì thầy trò tuyệt mối, bèn khiến chí kỉnh không do đâu tạo tháp bùn làm tượng bùn, hoặc in trên lụa, tuỳ chỗ cúng dường, hoặc nhóm làm đống, do nhóm ngói đất liền thành tháp Phật, hoặc ở để đồng trống mặc tình tiêu tan, phép tục phương tây đâu không cho đây là nghiệp. Lại hể tạo hình tượng và tháp bằng vàng, bạc, đồng, thiếc, bùn, sơn, ngói, đá, hoặc nhóm cát, tuyết ngay khi làm. Trong đặt hai món xá lợi, một là thân cốt Đại sư, hai là duyên khởi pháp tụng. kia tụng rằng:

*Các pháp từ duyên khởi*
*Như Lai nói là nhơn*
*Pháp kia nhơn duyên hết*
*Là đại Sa môn nói*

Cốt yếu đặt hai ngón tay phước bèn rộng nhiều, do đây trong kinh rộng nói thí dụ, khen lợi ích kia không thể nghỉ bàn. Nếu người tạo tượng như núi mì, tháp như táo nhỏ, trên để luân tướng, lan can như kim nhỏ, nhơn tốt, loại bảy biển mà không cùng, báo thắng khắp bốn đời mà chẳng hết, kia chép đủ ở các kinh khác. Mong các Pháp sư đồng thời có thể làm ư? Rửa kính tôn dung nghiệp đời đời gặp Phật, hoa hương rải bày là nhơn kiếp kiếp giàu vui, tự làm dạy người làm được phước vô lượng. Từng thấy có chỗ bốn tháng tám tháng, hoặc đạo hoặc tục đem tượng để bên đường xối rửa tuỳ nghi, không biết lau chùi, gió thổi nắng táp chưa xứng nghi kia.

***32- Lễ ca vịnh:*** Ở Thần châu từ xưa truyền nhau chỉ biết lễ Phật nêu tên, phần nhiều không xưng dương khen đức, cớ sao nghe tên chỉ nghe tên suông, đâu biết trí cao thấp, khen ngợi đủ bày đức kia. Tên chính là rộng sâu của thể đức, tức như phương tây cung kính tháp miếu và thường đi lễ kỉnh, thường ở sau trưa và chiều tối, đại chúng ra cửa nhiễu tháp ba vòng, hương hoa đầy đủ và ngồi xổm sai người có thể tụng tiếng rõ ràng thanh hay khen đức Đại sư, hoặc mười bài tụng hay hai mươi bài tụng, thứ lớp vào lại trong chùa đến chỗ thường nhóm. Đã

ngồi yên rồi sai một kinh sư lên tòa sư tử tụng tiểu kinh, ngồi trên tòa sư tử kia lượng chỗ nên không qúa cao, tụng kinh phần nhiều là ba lần, chính là Tôn giả Mã Minh sắp đặt. Ban đầu có thể tụng mười bài, lấy ý kinh mà khen tam tôn, kế thuật chánh kinh là Phật thân nói, đọc rồi lại bày hơn mười bài tụng, luận hồi hướng phát nguyện, tiết đoạn ba lần cho nên nói là tam khải. Khi xong kinh, đại chúng đều nói rằng: "Tô bà sư đa", tô tức là diệu, Bà sư đa là Lời, ý muốn khen kinh là lời vi diệu. hoặc nói là "Sa bà độ" nghĩa là lành thay. Kinh sư mới xuống Thượng toà trước khởi lễ tòa sư tử, tu kỉnh đã rồi, kế lễ tòa Thánh tăng rồi trở về chỗ cũ. Thượng tòa thứ hai chuẩn trước lễ hai chỗ rồi, kế lễ Thượng tòa rồi mới ngồi lại chỗ của mình. Thượng tòa thứ ba chuẩn trước đồng vậy, xong ở cuối chúng. Nếu đại chúng kia qua ba người năm người, bao nhiêu đều một lúc trông chúng mà lễ, tuỳ tình mà đi. Pháp đây chính là pháp thức chúng tăng của nước Thẩm Ma Lập Để ở phương Đông Thánh đến như chùa Na Lan Đà mọi người ân cần, Tăng chúng số hơn ba ngàn, tạo thứ khó làm lần nhóm, chùa có tám viện, phòng có ba trăm, chỉ có thể tuỳ thời, ngay chỗ ở mà làm lễ tụng.

Nhưng cách đây sai một người có thể xướng đạo sư thường đến buổi chiều tuần hành lễ tán, đồng tử Tịnh Nhơn đem hương hoa dẫn đi trước, viện viện đều qua, điện điện đều lễ. Mỗi khi lễ bái cáo tiếng khen ngợi ba tụng năm tụng, tiếng vang đều thấu suốt, xong ở buổi chiều mới nói khắp. Vị xướng đạo sư đây hằng nhận sự cúng dường của nhà chùa, hoặc lại riêng đối đài hương, thì ngồi một mình mà tâm khen ngợi, hoặc biện đến chữ Phạm thì chúng quỳ mà cao diễn, rồi sau mười ngón tay rải đất cúi đầu lạy ba lạy. Đây chính là tây phương mượn nghi lễ kỉnh mà hạng già bệnh mặc tình ở toà nhỏ. Người khen Phật kia xưa đã có nhưng làm hơi khác, không giống cách Phạm.

Vả lại như khi lễ Phật nói rằng khen tướng tốt của Phật tức hợp thẳng tiếng khen dài, hoặc mười tụng hay hai mười tụng là cách kia. Lại Như Lai . . .các kệ, nguyên là khen Phật, bởi do âm vận hơi dài, ý nghĩa khó hiểu. hoặc có thể nhơn đêm chay tịnh đại chúng xót thương sai một người có thể tụng một trăm năm mươi bài tán bốn trăm nài tán cùng các bài tán khác thì rất tốt. Nhưng mà lễ kỉnh của nước tây thạnh truyền khen ngợi, chỉ người có tài đâu không ở chỗ tôn kỉnh mà làm lời xưng tán. Vả lại như Tôn Giả Ma Thất Lỵ Chế Thát chính là người tài giỏi đức lớn vượt quần anh ở phương tây, truyền rằng: "Khi Phật còn tại thế, nhơn lúc Phật chính thân lãnh đồ chúng dạo đi chốn nhơn gian. Bấy giờ có con chim? Thấy Phật tướng tốt vòi vọi như núi vàng, bèn ở

trong rừng phát tiếng hòa nhã tợ như khen ngợi. Phật bèn bảo các đệ tử rằng: "Con chim đây thấy ta nên vui mừng bất giác ca lên, do nhân duyên đây sau khi Ta diệt độ nó sẽ được thân người tên là Ma Thất Lỵ Chế Thát, rộng làm khen ngợi thật đức của ta". (Ma Thất Lỵ là mẫu, Chế Thát là Nhi). Người kia ban đầu nương ngoại đạo xuất gia thờ Đại Tự Tại Thiên, đã là chỗ tôn trọng, đủ bày ca khen, sau bèn thấy chỗ ghi tên trở lại phát tâm thờ Phật nhuộm y xuất tục, rộng khởi khen ngợi. Hối hận lỗi quấy lúc trước, tuân theo dấu vết thù thắng ở tương lai, tự buồn không gặp Đại sư, chỉ gặp tượng Phật, như hút nước mương đầy, phù hợp điều thọ ký, khen công đức Phật. Ban đầu làm bốn trăm bài tán, kế làm một trăm năm mươi bài tán, gồm bày lục độ rõ Phật Thế Tôn có đức thù thắng, đây có thể gọi là văn tình uyển chuyển đẹp đẻ tranh thơm cùng hoa trời, lý chí tình cao, tranh cáo cùng gò đất, người tạo tám tụng của phương tây đâu không đều đồng học tập. Vô Trước và Thế Thân Bồ Tát đều ngưỡng chỉ. Cho nên ở Ngũ thiên khi mới xuất gia cũng đã tụng được năm giới mười giới, tức cần trước dạy tụng hai tán đây, không hỏi đại thừa hay tiểu thừa đều đồng tuân theo đây.

Có sáu ý: Một, có thể biết đức của Phật sâu xa, Hai, thứ lớp thể chế văn, Ba, khiến thiệt căn thanh tịnh. Bốn, được hông tạng khai thông. Năm, ở chỗ chúng đông không sợ. Sáu, sống lâu không bệnh. Tụng được đây rồi mới học kinh khác. Nhưng mà điều tốt đẹp đây chưa truyền đến Đông Hạ, nhà chú thích cũng nhiều làm hòa đó thật chẳng phải một. Trần Na Bồ Tát chính thân tự hòa, thường ở bài đầu đều thêm hai tên kia làm tạp tán, tụng có ba trăm. Lại Thích Ca Đề Bà là danh Tăng ở Lộc Uyển, ở trước bài tụng của Trần Na đều thêm một bài tụng gọi là Nhữu Tạp Tán gồm có bốn trăm năm mươi bài tụng. Nhưng có hạng chế tác đều dùng làm gương soi.

Lại Long Thọ Bồ Tát dùng thi thay thơ gọi là Tô Hiệt Lý Ly Khư dịch là Mật Hữu Thơ gởi cho đàn việt xưa hiệu Bà Đa Bà Hán Na tên là Bố Diễn Đắc Ca làm Đại Quốc Vương ở phương nam, có thể gọi là văn võ hoa mỹ phát thăm hỏi ân cần, ngón tay giữa đường thân vượt qua xương thịt, đã trúng ý thú thì có nhiều ý. Trước khiến kỉnh tin tam tôn, hiếu dưỡng cha mẹ, trì giới bỏ ác, chọn người kết giao, ở các tài sắc tu quán bất tịnh, kiểm xét nhà ở chánh niệm vô thường, rộng thuật ngạ quỷ bàng sanh, thạnh đạo người trời, địa ngục, lửa đốt trên đầu không rảnh phủi bỏ, duyên khởi vọng tâm chuyên cầu giải thoát, riêng làm ba huệ, rõ tánh thánh đạo, khiến học bốn chơn, chứng hai đắc viên ngưng. Như Quán Tự Tại không lựa oán thân, đồng A Di Đà hằng ở tịnh độ, đây

là thuật hoá sanh, cốt yếu không do thêm. Hàng mới học ở Ngũ Thiên đều trước tụng thơ tán đây. Loại quy khâm ngưỡng không ai chẳng nghiên vị trọn đời. Như pháp lữ ở Thần Châu tụng Quán Âm Di giáo, kẻ tục tụng ngàn văn Hiếu kinh, đâu không khâm ngoan dùng làm sư phạm (mẫu mực). Xả Đắc Ca Ma La cũng đồng loại đây (Xả Đắc Ca là bổn sanh, Ma La là quán, nhóm lấy việc các hạnh đời xưa của Bồ Tát, xỏ suốt một chỗ). Nếu dịch có thể thành hơn mười cuộn, lấy việc bổn sanh mà làm thi tán, muốn khiến thuận tục xinh đẹp, người đọc ưa vui, giáo nhiếp quần sanh.

Bấy giờ, vua Giới Nhựt rất ưa văn bút bèn hạ lịnh rằng: "Các vua ai thi tán hay sáng sớm ngày mai đem đến cho Trẩm" và khi nhóm lại được năm trăm bài. Mở ra xem phần nhiều là Xả Đắc Ma La, mới biết trong tán vịnh đây là hay nhất. Các đảo Nam Hải có hơn mười nước, không hỏi pháp hay tục đều phúng tụng, như thi tán trước mà Đông Hạ chưa từng dịch ra. Lại vua Giới Nhựt lấy việc Thừa Vân Bồ Tát lấy thân thay rồng chép tập làm ca vịnh, tấu giai cung huyền cho người làm nhạc, hạng múa nhảy rải ở đời. Lại Đại sĩ Nguyệt Quản ở đông Ấn Độ làm ca từ vồ Thái Tử Tỳ Thâu An Đát La, người đều ca vũ khắp Ngũ Thiên.

Xưa nói rằng là Thái Tử Tô Đạt Noa, lại Tôn giả Mã Minh cũng làm ca từ và trang nghiêm Luận cùng Phật bổn Hạnh Thi, đại bổn nếu dịch có hơn mười quyển, ý thuật một đời Phật pháp của Như Lai từ ban đầu ở cung vua cho đến nơi rừng song Thọ, đều chép là thi, Ngũ Thiên, Nam Hải thảy đều phúng tụng, ý rõ chữ ít mà nhiếp nghĩa rất nhiều, lại khiến người đọc vui lòng quên một. Lại giữ gìn Thánh giáo có thể sanh phước lợi, một trăm năm mươi bài tán và thơ Bồ Tát Long Thọ đều riêng chép ở Ký Quy, nhạc tán vịnh bấy giờ phải tụng tập.

***33- Tôn kỉnh trái cách thức:*** Nghi lễ kỉnh, giáo có rõ phép tắc, tự có thể sáu thời buộc niệm bốn thể chí thành, ở yên một chỗ, khất thực làm nghiệp, thuận hạnh đầu đà, tu đạo tri túc, chỉ đắp ba y không chứa đồ dư, chí tưởng vô sanh, có luỵ toàn bỏ, đâu được liền khác nghi Tăng riêng làm phép tắc, mặc áo xuất gia không giống loại thường, mà ở trong quán xá lễ các kẻ thế tục, kiểm tìm nơi giáo luật toàn ngăn việc đây.

Phật nói: "Có hai hạng người nên lễ là Tam Bảo và Bí Sô lớn tuổi".

Lại có người giữ gìn Tôn tượng ở trong đường lớn, bụi dính mặt

Thánh để cầu tài lợi, hoặc có người câu thân, chích mình, đoạn tiết, xuyên da (cơ) dối làm hảo tâm vốn mong mạng sống, màu mè như đây nước tây toàn không có, khuyên bảo các người chớ làm hạnh này.

***34- Học pháp phương tây:*** Một âm của Đại Thánh thì suốt ba ngàn mà gồm nhiếp, hoặc tuỳ cơ năm đường bèn bày bảy chín mà rộng giúp (bảy chín là tiếng rõ trong bảy chuyển chín lệ, như dưới lược rõ). Khi có ý nói pháp tạng Thiên Đế lãnh kinh Vô Thuyết, hoặc lại thuận lời bàn nói, Chi Na ngộ chữ bổn thinh đến đổi khiến đầu duyên pháp huệ đều xưng tâm trống lặng, chuẩn nghĩa trừ phiền đều ngưng vắng lặng. Đến nơi thắng nghĩa đế lý xa tuyệt danh ngôn, lại trong tục đạo chẳng có văn cú (Phú tục đế, xưa nói rằng thế tục đế, nghĩa không hết, ý nói việc đời che chơn lý người khác, sắc vốn chẳng phải bình, vọng làm mở bình, tiếng không ca cong dối làm ca tâm. Lại khi thức tướng sanh, thể không phân biệt, vô minh che lấp vọng khởi các hình, không rõ tự tâm cho là cảnh bên ngoài, rắn hay dây đều lầm, chánh trí đây trầm luân do đây che chơn gọi là phú tục. Đây cứ phú tức là tục gọi là phú tục, hoặc có thể chỉ nói rằng chơn đế phú đế).

Nhưng người dịch xưa nay, phép tắc Phạm ít bàn đến, gần đây truyền kinh chỉ nói rằng ban đầu bảy chẳng phải không biết. Vô ích không bàn, nay vọng gồm tập văn Phạm không nhọc phiên dịch là trọng, vì đây xét đề, tiết, đoạn thô thuật nền ban đầu ư? (Nhưng mà Cốt Lôn Tốc Lợi còn có thể gồm luận kinh Phạm huống gì Thiên Phủ Thần Châu mà không bàn bổn thuyết kia. Cho nên phương tây tán rằng: "Mạn Thù Thất Lợi hiện ở Châu Tinh người đều có phước lý nên khâm phục tán thán, văn kia đã rộng đây không phiền chép). Phàm thinh minh, tiếng Phạm nói là Nhiếp Tha Tất Đà (đình dạ phản), Nhiếp Tha là thinh, Tất Đà là minh tức là một minh của Ngũ minh luận, sách tục ở Ngũ Thiên chung gọi là Tỳ Hà Yết Lặc Noa, số lớn có năm đồng với Ngũ kinh của Thần Châu (xưa nói rằng Tỳ Ca La luận âm lầm).

Một là người mới học đều bàn chương, cũng gọi là Tất Địa La Tốt Đổ là xưng nêu chương tiểu học, đều lấy thành tựu điềm lành làm mục tiêu, vốn có bốn mươi chín chữ, cùng nương nhau chuyển thành mười tám chương gồm có hơn một vạn chữ, hợp lại hơn ba trăm bài tụng. Phàm nói một bài tụng bèn có bốn câu, một câu tám chữ, gồm thành ba mươi hai chữ, lại có tiểu tụng đại tụng không thể đủ thuật, đồng tử sáu tuổi học đó, sáu tháng mới xong, đây tương truyền là Đại Tự Tại Thiên nói.

Hai, gọi là Tô Đát La, tức là kinh căn bổn của tất cả Thinh minh, dịch là lược thuyên ý minh, lược nói yếu nghĩa có ngàn bài tụng, đây là nhà bác học xưa tên Hồng Nhu Ba Ni Nhĩ làm ra. Là chỗ gia bị của Đại Tự Tại Thiên, mặt hiện ba mắt, người bấy giờ mới tin, đồng tử tám tuổi tụng xong phải tám tháng.

Ba, gọi là Đà Đổ Chương, có ngàn bài tụng chuyên rõ chữ nguyên, công như kinh trên.

Bốn, gọi là Tam Khí La Chương, là nghĩa hoang ngạnh, ý so với ruộng mới khai hoang, nên nói rằng Tam Hoang Chương: Một gọi là Át Sất Thát Đà Đổ (ngàn bài tụng). Hai gọi là Văn Trà (ngàn bài tụng). Ba tên là Ổ Noa Địa (ngàn bài tụng). Đà Đổ thì ý rõ bảy lệ, hiểu thập la thinh thuật vận hai chín, nói bảy lệ là trên tất cả tiếng thảy đều có. Trong mỗi mỗi tiến đều chia ba, nghĩa là một lời hai lời nhiều lời, chung thành hai mươi mốt lời. Như gọi nam tử, một người gọi là Bổ Lỗ Sái hai người gọi là Bổ Lỗ Sảo, ba người gọi là Bổ Lỗ Sa, trong đây tiếng có hô hấp nặng nhẹ sai khác, ngoài bảy lệ lại có kêu danh tiếng lại thành tám bộ, câu đầu đã ba, các câu khác đều chuẩn đây, sợ phiền không chép. Tôn Tô Bàn Đa Thinh (có ba ngàn tám trăm hai mươi bốn tiếng) Thập La Thinh có mười món chữ La, khi hiển một tiếng liền rõ sai khác ba đời. Hai mươi chín vận là rõ cao thấp của thượng trung hạ, sai khác của kia đây. Nói có mười tám nóm không đồng, tên Đinh Ngạn Đa thinh. Văn trà thì hợp thành thể chữ.

Vả lại như một mặt của cây, tiếng Phạm nói rằng Tất Lực Xoa, lại dẫn hơn hai mươi câu văn kinh cùng xen tạp nhau mới thành hiệu một việc. Ô Noa Địa thì phần lớn đồng lệ đây, mà do rộng lược là khác. Ba hoang chương đây, đồng tử mười tuổi siêng học trong ba năm mới hiểu nghĩa kia.

Năm, nghĩa là Tất Lật Để Tô Đát La, tức là giải thích Tô Đát La ở trước, thượng cổ làm chú thích, loại kia thật nhiều. Ở Trung Diệu có mười tám ngàn bài tụng, diễn kinh vốn rõ bàn các nghĩa, tột quy cũ hoàn trung, cùng phép tắc của trời người, đồng tử mười lăm tuổi học năm năm mới hiểu. Người Thần Châu nếu hướng phương tây cầu học vấn, cốt yếu cần biết đây mới có thể học tập điều khác, không như vậy chỉ tự luống nhọc công.

Các sách đây đều cần tụng thầm, đây là căn cứ hạng thượng nhơn chứ bậc trung hạ lấy ý có thể so lường, siêng năng ngày đêm không rảnh đâu mà ngủ. Đồng ba tuyệt của Khổng Phụ, bằng trăm bài của Tuế Thích, lông trâu có số ngàn sừng lân chỉ có một, so công Thần Châu rõ

gần giống kinh trên, đây là học sĩ Xà Na Điệt Để làm ra, người kia là khí lượng rộng lớn văn chương tuyệt vời, một khi nghe liền lãnh nhiều phước nghiệp ngài mất đến nay đã ba mươi năm. Rảnh giải thích đây rồi mới học tập chuyết thơ biểu chế tạo bài thi, đến tưởng nhơn minh, kiền thành câu xá, tìm lý môn luận so lường khéo thành, tập Bổn Sanh suốt tài ba tú pháp, rồi sau hàm trượng truyền trao ba hai năm, phần nhiều ở chùa Na Lan đà (trung thiên) hoặc ở nước Bạt Não Tỳ (tây thiên), hai chỗ đây, sự đông Kim Mã, Thạch Cừ, Long môn thiếu lý, anh sản mây nhóm bèn tính phải quấy, nếu hiền minh khen lành, xa gần xưng tốt, mới bắt đầu tự ngẫm nghĩ kiếm nhọn, ném đao ở sân vua, hiến sách trình tài hi vọng lợi dùng, chỗ ngồi bàn luận, mình thì nặng toà nêu kỳ, lên tràng phá xích. Người bèn kết lưỡi xưng xấu hổ tiếng chấn động năm núi, âm thanh lưu bốn cõi, rồi sau nhận phong ấp sách doanh ban thưởng tố cao môn lại tu các nghiệp.

Lại có nghị thích Tất Lật Tô Đát La tên Châu Nhĩ có hai mươi bốn ngàn bài tụng, là học sĩ Bát Điên Xả La làm ra. Đây chính lại hiển kinh trước, dụ cơ chia lý, rõ ràng chú thích sau mổ sẻ nhỏ nhiệm, rõ học kinh đây ba năm mới xong, công cùng xuân thu, Chu dịch gần giống.

Kế có Phạt Chí Kha Lợi Luận là Tiền chu nhĩ nghị thích, tức Đại học sĩ Phạt Chí Kha Lợi làm ra, có hai mươi lăm ngàn bài tụng, đây thì thạnh bàn cốt yếu nhơn sự thinh minh, rộng chép nguyên do hưng phế của các nhà, rất rõ Duy Thức, khéo luận nhơn dụ, học sĩ đây âm vang chấn động Ngũ Thiên, đức khắp tám cực, tin chắc tam bảo tưởng bốn nhị không, cầu thắng pháp mà xuất gia, luyến triền nhiễm mà trở lại tục, qua lại cả thảy bảy lần, tự chẳng sâu tin nhơn quả ai có thể siêng làm như đây. Tự than thi rằng:

*Do nhiễm lại về tục,*
*Lìa tham, áo đen lại*
*Làm sao hai loại việc*
*Đùa ta như trẻ con.*

Là người đồng một thời với Hộ Pháp Sư, thường ở trong chùa mà có tâm trở về tục, bị phiền não bức bách không ngừng, liền sai học sinh cùng ra ngoài chùa, người bấy giờ hỏi duyên cớ, đáp rằng: "Phàm là đất phước là chỗ ở của người giới hạnh, ta đã bên trong có tâm tà tức là thiếu chánh giáo, đất của mười phương tăng không chỗ để chân, ông làm người thanh tín, thân mặc áo trắng mới vào trong chùa tuyên dương chánh pháp. Ông mất đến nay đã bốn mươi năm".

Lại có Bạt Ca (ngược chỉ vậy) Luận có bảy trăm bài tụng, chú

thích có bảy ngàn, cũng là Phạt Trí Kha Lợi làm ra, bày nghĩa thánh giáo lượng và tỷ lượng.

Kế có Tất Noa, có ba ngàn bài tụng, chú thích có mười bốn ngàn. Bài tụng là Phạt Trí Kha Lợi làm ra, chú thích thì Hộ Pháp luận sư chế tác, có thể cho là tột thâm sâu của trời đất, tột tinh hoa của nhơn lý. Nếu người học đến đây mới gọi là khéo hiểu Thinh Minh, cùng chín kinh của trăm nhà gần giống. Đây đồng các sách, pháp tục đều chung học, nếu kia không học, không được xưng là đa văn. Nếu người xuất gia thì khắp học Tỳ Nại Gia, đầy đủ kinh và luật, khuất phục ngoại đạo như đuổi nai ở trung nguyên, giải gạn hỏi đồng vọt trời cao của đảnh núi, bèn khiến âm vang chảy giữa Thiệm Bộ, nhận cung kỉnh trên trời người, giúp Phật tuyên dương giáo hoá, rông dẫn dắt quần sanh, đây thì nối đời kéo kiếp hoặc một hoặc hai, thí dụ đồng với mặt trời mặt trăng và voi lớn, đây chính xa thì loại Long Mãnh Đề Bà, Mã Minh, giữa thì Thế Thân, Vô Trước, Tăng Hiền, Thanh Triết, gần thì Trần Na, Hộ Pháp, Pháp Xứng, Giới Hiền và Sư Tử Nguyệt, An Huệ, Đức Huệ, Huệ Hộ, Đức Quang, Thắng Quang, đây đồng đại sư thảy đêu đủ các đức trong ngoài và đều ít muốn biết đủ, thật không ai sánh cùng. Trong hàng thế tục hay ngoại đạo thật khó kiếm được người như đây (rộng như trong truyện Tây phương thập đức có chép đủ) Pháp Xứng thì lại hiển nhơn minh, Đức sáng bèn lại hoằng tạng luật, Huệ chính là môn định lắng tưởng, Huệ Hộ thì rộng biện chánh tà, mới nghiệm cá tính ở biển lớn sâu gọi là trân hiện sắc màu, Hương Phong cao vòi vọi, thượng dược (thuốc quý) trình kỳ lạ. Phải biết Phật pháp sâu rộng chỗ nào không nạp, đâu không ứng vang thành bài, đâu phiền đủ mười bốn, không nhọc khắp trăm. Hai quyển một phen nghe liền lãnh hội (có ngoại đạo làm sáu trăm bài tụng, đến vấn nạn Hộ Pháp Sư, Pháp Sư đối chúng một phen nghe văn nghĩa đều lãnh hội).

Lại ở Ngũ Thiên đều cho Bà la môn là quý thắng, hễ có hội hè đều không đi chung với ba dòng họ khác, tự ngoại tạp loại cho nên xa, kinh sách tôn trọng là bốn bộ vệ đà, có thể mười muôn bài tụng, vệ đà là rõ giải nghĩa, trước nói Vi đà là sai, hoặc là dùng miệng truyền trao nhau mà không viết trên giấy hay lá, thường có Bà la môn thông minh tụng mười muôn đây liền như tây phương truyền nhau có cách học thông minh một là sanh trí thẩm phú, hai là thì chữ mẫu an thần, khoảng tuần tháng suy nghĩ như suối vọt. Một phen nghe liền lãnh hội, không rảnh bàn lại, chính thân thấy người kia vốn chẳng dối, ở Đông Ấn Độ có một đại sĩ tên Nhật Nguyệt Quang là người đại tài hùng như Bồ tát,

ngày tịnh đáo người kia vẫn còn, hoặc hỏi đó rằng: "Gương độc cùng thuốc độc, làm hại ai là nặng" tuỳ tiếng đó đáp rằng: "Thuốc độc cùng gương độc cách nhau thật xa, thuốc độc uống mới hại, gương độc nghĩ liền đốt".

Lại nữa Thằng Lan chính là Chấn Phương ở Đông Lạc, Chơn Đế thì giá vang ở Nam Minh đại đức La Thập đức nổi bật ở nước người, pháp sư Huyền Trang diễn công của sư ở nước mình. Nhưng các thầy xưa nay đều sáng truyền mặt trời Phật, có không đều đến, học tập ba tạng dùng làm thầy, định huệ song tu, chỉ bảy giác mà làm kiệt xuất, kia hiện tại phương tây thì chùa Đê La Trà có pháp sư Trí Nguyệt, trong Na Lan Đà thì đại đức bảo sư tử, phương đông liền có Địa Bà Yết La Mật Đát La, Nam? Có Đát Tha Yết Đa Yết Bà, nam Hải nước Phật Thệ thì có Thích Ca Kê Lật Để (nay hiện tại nước Phật Thệ qua Ngũ Thiên mà rộng học) đây đều so sự xuất sắc của Tiền Hiền, theo dấu vết thông minh, hiểu nhơn minh luận thì suy nghĩ Trần na vị Tông Du Già, thật mừng nhớ Vô Trước bàn không thì khéo phù hợp với Long Mãnh, luận có thì Diệu Thể Tăng Hiền, có pháp sư đây tịnh và thân giáp chiếu ghế ăn nhận lời vi diệu, mừng mới biết ở chỗ chưa nghe, ôn xưa hiểu nơi từng được, tưởng một vọng truyền đăng, thật mừng sáng nghe mong buông trần ở trăm nghi, phần tuỳ tối diệt còn bèn bỏ sót châu ở ngọn Linh Thứu thời được chơn kia, chọn bau tan ở sông Long rất bèn nhiệm mầu kia. Ngưỡng mong tam bảo xa giúp, nhờ ân vua thấm gần, bèn được xoay gót về đông, trống buồm ở biển nam, từ nước Chẩm Ma Lập Để đã hiểu Thất Lợi Phật Thệ, dùng ở đã bốn năm, quyến luyến chưa kịp về nước.

***35- Tóc dài có không:*** Tóc dài thọ giới cụ túc ở Ngũ Thiên không có, luật tạng cũng không thấy văn nói, theo xưa vốn không có việc này. Nhưng hình đồng tướng tục khó mà giữ tội, đã không thể giữ thọ nào ích gì. Hẳn có tịnh tâm mới cầu cạo tóc nhuộm y, niệm sạch cầu giải thoát làm bổn hoài. Năm giới mười giới vâng làm mà không thiếu, tròn đủ tâm viên tuân tu luật tạng Du Già học xong, thể nghèo tám chi không dính (một Nhị Thập Duy Thức Luận, hai Tam Thập Duy Thức Luận, ba Nhiếp đại Thừa Luận, bốn Đối Pháp Luận, năm Biện Trung Biên Luận, sáu Duyên Khởi Luận, bảy Đại Trang Nghiêm Luận, tám Thành Nghiệp Luận. Trong Đây tuy có Thế Thân làm mà công quy về Vô Trước). Nhơn rõ công trước, gương suốt Trần Na tám luận (một Quán Tam Thế Luận, hai Quán Tổng Tướng Luận, ba Quán Cảnh Luận, bốn

Nhơn Môn Luận, năm Tợ Nhơn Môn Luận, sáu Lý Môn Luận, bảy Thủ Sự Thi Thiết Luận, tám Tập Lượng Luận) tập A Tỳ Đạt Ma thì khắp xem sáu túc, học A Cấp Ma kinh bèn toàn tham bốn bộ, rồi sau hàng tà phục ngoại đạo, suy dương chánh lý, rông giáo hoá quần sanh, hằng dẫn dụ quên bệnh, liên tưởng hai không, lắng trong tám đương, kỉnh tu bốn định, khéo hộ bảy thiên, dùng tống trọn đây lành trên hết, nếu không vậy, tuy ở nhà không nhiễm thất riêng, nhưng thẳng một thể để mong xa lìa tuỳ xin để cúng công thượng, mặc áo thô mà ngăn xấu hổ, giữ gìn tám giới (một là không sát sanh, hai là không trộm cắp, ba là không tà dâm, bốn là không vọng ngữ, năm là không uống rược, sáu là không làm nhạc đeo hoa thoa hương, bảy là không ngồi giường cao rộng lớn, tám là không ăn phi thời). Trọn đời dùng yếu tâm vi kính tam tôn, khế hợp Niết Bàn mà gần tưởng, đây kế kia, hẳn kia hiện chỗ ràng buộc, nuôi dưỡng vợ con, tâm cung kính người trên, lòng từ bi với kẻ dưới, thọ trì năm giới hằng làm bốn trai. Ngày mùng tám (hắc ngoạt, hoặc ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, bạch ngoạt mùng tám, mười lăm, cốt yếu cần thọ tám giới mới xứng thánh tu, nếu không thọ bảy giới trước, chỉ trì giới thứ tám thì phước rất ít. Ý ở ngăn trừ bảy lỗi, không chỉ đói bụng mà thôi).

Với người thì trung thực, tha thứ, với mình thì nghiêm khắc và siêng năng, làm việc thì vô tội để dâng quan thâu, đây cũng tốt (vô tội là khởi đổi, do kia không tổn chúng sanh. Nước tây bấy giờ kẻ tục đều cho đi buôn là quý, không nặng nghiệp như nông phu do cày cấy gieo trồng mà tổn mạng sinh vật. Lại nuôi tằm giết heo bò là nhơn khổ, trong mỗi một năm tổn hại cả ức, làm đã từ lâu không cho là trái, trong đời vị lai chịu khổ không cùng, không làm nghiệp đây gọi là vô tội). Đến như kẻ tục mờ mờ không biết tam quy, mịt mịt trọn đời không biết trì một giới, không hiểu Niết Bàn là vắng lặng, đâu ngộ sanh tử là luân hồi, chấn làm tội nghiệp ở dưới đây.

***36- Của người chết, tăng hiện tiền:*** Muốn chia vật của Bí sô chết, luật đủ văn rộng, đây đủ thời cần chỉ lược sớ ra, trước hỏi thiếu nợ, dặn cho ai và cho người nuôi bệnh, nương pháp thương lượng vật chớ cho trái ý, vật còn dư chuẩn sự nên biết.

Ổn Đà Nam nói:

*Ruộng nhà giường toạ cụ*
*Đồng sắt và các da,*
*Dao cạo cùng bình y,*

*Các sào và tạp vật*
*Ăn uống và các thuốc*
*Giường toà và khoán khế*
*Vàng bạc của tam bảo*
*Thành chưa thành không đồng*
*Các loại vật như vậy*
*Nên chia hay không chia*
*Tuỳ ứng lựa riêng biết*
*Là lời Thế Tôn nói.*

Nói tuỳ ứng, cái gọi là ruộng vườn, nhà cửa, giường nệm, mèn chiếu, các đồ đồng sắt, đều không nên chia. Ở trong đó bát sắt, bát nhỏ và chén đồng nhỏ, khoá cửa, kim chuỳ, dao cạo, dao con, thìa sắt, lò lửa và nồi chõ... cùng các túi dựng các thứ đây. Hoặc đồ ngói như bát, bát nhỏ, tịnh xuất, quân trì và vật dựng dầu cùng đồ đựng nước, đây đều nên chia, con bao nhiêu không nên chia. Kia đồ cây, đồ tre và vật nằm bằng da, đồ cắt tóc, nô tỳ, ăn uống, lúa đậu và ruộng nhà... đều vào của tứ phương tăng, nếu vật có thể chuyển đổi nên chứa ở các kho cho tăng bốn phương đều dùng. Nếu ruộng nhà, thôn vườn ở không thể đổi, nên vào của tăng bốn phương, nếu có dư tất cả áo mặc, không hỏi pháp y, áo tắm, hoặc nhuộm hay không nhuộm và da, dầu bình giày dép đều hiện tiền nên chia. Trước nói là đồng tay áo không chia, áo trắng vào vật nặng, bởi là do ý châm trước. Sào lớn có thể làm sào treo tràng phan chỗ Thiệm Bộ quang tượng (nói Thiệm Bộ quang tượng tức như trong luật rút ra, duyên khởi nguyên là khi Thế Tôn không xử chúng, chúng không oai nghi đến đỗi khiến cho Trưởng giả Cấp Viên thỉnh Thế Tôn rằng: "Xin làm Thiệm Bộ Quang Tượng cho chúng để trên đầu" Đại sư hứa làm, nhỏ có thể làm tích trượng cho Bí sô đi. (nói tích trượng tiếng Phạm nói là Khiết Khí La, tức là nghĩa kêu ra tiếng, người xưa dịch là tích, ý lấy tích làm tiếng kêu, gậy tích mặc tình xưng gọi là nghiệm. Phương tây trì tích trượng, trên đầu chỉ có một mâm thiếc cuốn có thể chừng hai ba tấc đặt kia như ống dài bốn năm ngón tay. Sào kia dùng cây gỗ, thô nhỏ tuỳ thời, cao bằng vai, dưới để ? thiết, có thể chừng hai ba tấc, vòng kia hoặc tròn hoặc lệch, cong nên chặng giữa có thể xỏ ngón tay cái, hoặc sáu hoặc tám, xỏ đặt trên cánh đồng sắt mặc tình. Nguyên ý chế là khi khất thực ngăn bò chó, nào dùng cực nhọc ràng buộc nhọc lòng mà lại thân gồm sắt đầu đặt bốn cánh, nặng mang đem giữ chẳng thường lạnh rít chẳng phải bổn chế).

Trong bốn chân, nếu là voi ngựa lừa lạc đà, phải cho quốc vương,

bò dê của tăng bốn phương không nên chia, nếu loại có sừng cũng của nhà vua, binh đao... có thể đem đập làm kim chuỳ giao và đầu tích trượng cho hiện tiền tăng già (dầu không phổ biến theo lớn mà làm). Thuộc lưới cá nên dùng làm lưới cửa sổ, nếu màu sắc lại là vàng đỏ bích xanh, lục... nên vào điện Phật đem cúng dường tượng. Đất trắng đât đỏ và dưới sắc xanh, hiện tiền tăng nên chia. Nếu rượu muốn chua nên chôn dưới đất đợi thành dấm đầy đủ rôi tăng nên ăn đó. Nếu hiện là rượu nên đổ bỏ không nên bán cho hàng quán. Phật nói: “Bí sô các ông nếu nương ta không được đem rượu cho người và tự mình uống, dẫn đến không nên lấy cỏ tranh thấm rượu để vào miệng một giọt, nếu đem rượu và bã rượu làm miếng và canh hèm để ăn đều mắc tội vượt pháp. Luật có thành chế không cần phải nghi (linh nghiêm đạo trang thường dùng nước cám làm bột để tránh lỗi, người xưa thật là có ý).

Có các loại thuốc tạp nên để trong kho, dành cho người bệnh tuỳ ý nên dùng. Có các trân báu, châu ngọc thì chia làm hai phần, một phần của pháp, một phần của tăng, vật của pháp có thể vẽ Phật, chép kinh, làm toà sư tử, của tăng thì hiện tiền tăng nên chia, nếu đồ báu đã thành giường quạt nên đem bán lấy tiền cho tăng hiện tiền chia, cây đã thành thì vào của tăng già bốn phương.

Có kinh sách chương sớ đều không nên chia, phải nạp vào kinh tạng cho Tăng bốn phương cùng đọc. Sách ngoài thì bán cho Tăng hiện tiền chia. Nếu có vật của bằng khoán, nếu có thể sớm bán được liền có thể chia, nếu chưa bán được phải chứa lại kho, lúc sau bán được cho Tăng bốn phương dùng. Nếu vàng bạc và đồ thành hay chưa thành đồ răng các tiền, đều chia làm ba phần, một phần Phật, một phần Pháp, một phần Tăng. Vật của Phật nên lo sửa điện Phật và tóc, móng, tháp bị hư. Vật của Pháp thì chép kinh, làm toà sư tử. Vật của chúng Tăng hiện tiền nên chia. Sáu vật sẽ cho người nuôi bệnh, tự bao nhiêu vật lộn xộn khác chuẩn đây nên biết đủ như đại Luật.

***37- Nhận dùng vật của Tăng:*** Hiện nay phương tây, các chùa có y phục của Tỳ kheo, phần nhiều xuất thường trụ Tăng hoặc là vườn ruộng, hoặc là lợi tức của cây trái, mỗi năm chia cho để đủ y áo, hỏi rằng: “Người chết có thóc gạo còn sai nhập vào Tăng huống gì lúa đậu các nhà riêng người sao nên chia dùng?” Đáp: Thí chủ vốn bỏ thôn trang nguyên vì cúng cho chúng Tăng, há chỉ riêng cho ăn mà để lộ thân thể ư? Lại xét rõ việc đây đều có công lao của mọi người, còn tự cho y gặp chủ sao nên hay không nên, do đạo lý kia cúng ăn bao nhiêu đủ y

chẳng tổn". Đây chính Tăng chúng nước tây bàn luận nhiều, nhưng kia sách Luật thời làm còn mất.

Lại các chùa nước tây riêng đặt cúng trang phục đạo tràng Thần Châu tự có cấp y, cùng được ăn thông cả đạo tục, đây căn cứ nơi tâm của thí chủ, giả sử khiến ăn no lý cũng chẳng lỗi. Phàm cúng cho Tăng ruộng nhà nhẫn đến tạp vật, đều thông y thực của chúng Tăng, đây thật không có lỗi nghi ngờ. Nếu vốn tâm khởi ý vô tận vô chương tuy thí cho Tăng tình bèn khắp thông tất cả, nhưng ăn dùng đều không tội, đều do thí chủ vốn tâm không kỳ hạn. Nhưng ở Thần Châu, người khác không được nhận áo Tăng, vì đây chăm chỉ thật thành ngăn nghiệp, giả sử nên cúng tồn mạng chẳng phải áo tăng liền có thể ngay đó cho không cần ra cửa chùa cũng là rất thành ít việc. Huống gì quét phân ba y thay phiên xin ăn. Lan nhã nương cây chánh mạng tự sống, định huệ dung nạp, cực tưởng đường giới luật, từ bi phát ra ngoìa, nêu tâm bến khắp giúp, dùng đây dâng trọn làm trên hết.

Nhưng vật của thường trụ dùng làm y đắp mền nệm và các tạp vật chia đều nhận dùng không thuộc riêng ai, ưa mến giữ gìn còn hơn vật của mình. Có người lớn đến liền thôi người nhỏ mà cho, đây là thánh giáo Phật tự nói rõ, như pháp mà dùng thật không tội lỗi, đủ việc nuôi thân, khỏi phí công tìm cầu. Đâu cho nhà chùa chứa lúa gạo đầy kho nô tỳ đầy đủ, tiền tài chật kho, không biết nhận dung cùng nhau ôm nghèo, có phải là người trí biết thời chăng? Hoặc có nhà chùa không lập chúng ăn, vật Tăng chia dùng riêng ăn, ngăn người khác thường ở, tà mạng mười phương chỉ còn một mình, đây là tự làm phi pháp, ai thay thế quả báo khổ ở đời sau cho đây.

***38- Đốt thân không nên:*** Các chúng xuất gia trong đoái hoài có một đường, hạng mới học tình còn lanh lợi, chưa rảnh nơi sách thánh, lấy tin trước người, toan đốt ngón tay làm siêng năng, dùng đốt cỏ làm phước lớn, tuỳ tình liền làm đoạn ở tự tâm. Nhưng trong kinh có nói rõ, sự còn thông tục, thân mình còn cố gắng cúng dường huống gì các vật ngoài thân, cho nên trong kinh chỉ nói nếu người phát tâm, không nói chúng xuất gia, ý nói người xuất gia thuộc nơi luật tạng, trong giới không phạm mới được thông kinh, ở giới có trái phạm chưa thấy kia có thể được. Dầu khiến đài hương cỏ tốt há tổn một cọng, đồng trống riêng đói thà ăn nửa hột nhưng chúng sanh mừng thấy, đây chính tục lưu đốt cánh tay cúng dường, thật là nên vậy. Có thể do Bồ tát xả con trai con gái bèn khiến Bí sô cầu con trai con gái để xả. Đại sĩ tổn mắt tổn thân,

liền khiến khất sĩ đem thân mất mà bố thí, tiên đoán đoạn mạng đâu phải chỗ làm của luật. Sức từ bỏ thân chẳng phải tăng chúng nên làm, so nghe hàng tuổi trẻ phát tâm dõng mãnh ý cho là đốt thân liền lên chánh giác bên theo nhau tập khinh bỏ thân kia, hà tấc mười kiếp trăm kiếp khó được thân người, ngàn đời muôn đời tuy người ít trí, ít nghe bảy giác, không gặp tam tôn, nay đã nương thể thắng tràng, để tâm nơi diệu pháp, vừa trì một tụng, bỏ cơ xa mà còn khinh, tạm tưởng Vô thường, bỏ trần cúng mà đâu trọng, lý nên bền tu giới phẩm, đền đáp bốn ân, bền tưởng môn định mong giúp ba cõi, lỗi nhỏ nhiều sợ, như vượt biển sâu giữ gìn phao nổi. Hạnh huệ bền ngăn đồng che nước mỏnh mà sách tấn bôn chạy, rồi sau nương sức bạn lành, lúc lâm chung giúp không tâm sợ, Chánh niệm lòng thành đời nguyện thấy từ thị. Nếu mong tiểu quả liền tám Thánh có thể cầu như học đại nhơn thì ba tờ khắc bắt đầu, vội vàng hị đoạn thân mạng thật cũng chưa nghe lý kia, tội tự sát việc xấu ở Đẩu thiên, kiếm tìm ở lục tạng không thấy sai làm việc thọ thân nói phương cốt yếu, đoạn hoặc há do đốt mình. Trong phòng đánh thế Phật ngăn không cho, trong ao còn sông tôn tự xưng thiên, phá giới trọng mà tuỳ tự ý, miệng vàng ngăn không theo, do đây quy tâm thật chẳng phải Thánh giáo, hẳn có làm hạnh Bồ Tát không nhận luật nghi, quên mình giúp người vốn ở ngoài lời.

***39- Bàng nhơn mắc tội:*** Phàm loại đốt thân đều nêu trong thành Phật, hoặc ba người hai người đồng tâm kết khế, dẫn dụ các người sẽ học rõ là khuyên chết, ở người chết trước tự mắc tội Thâu Lan Giá, người chết sau cũng mắc tội Ba La Di, không chịu trì cấm mà còn muốn chứng đắc, phá giới cầu chết vốn giữ chuyên tâm từng không nhìn giáo, thẳng có bàng nhơn khuyên làm liền phạm lời lỗ kim. Nếu nói sao không nhảy vào lửa liền chiêu lỗi chẻ đá, than ôi! Việc đây thật có thể cẩn thận.

Tục nói rằng: "Giết thân không bằng báo đức, diệt danh không bằng lập tiết". Nhưng mà buông thân miệng hổ đói là Bồ Tát cứu khổ, cắt thân hay thịt chim, chẳng phải chỗ làm của Sa môn, do đây đồng liệu thật chẳng phải dụ kia, liền chứng tam tạng, lược bày có thể chăng. Lượng tới lui nên người trí rõ xét, nhưng trong sông Hằng ngày giết mấy người, bên núi Già Gia tự vẩn chẳng phải một, hoặc đói mà không ăn, hoặc lên cây buông mình, hoặc mê mờ đây Thế Tôn phán là ngoại đạo.

Lại có người tự cắt thế, rất trái sách luật, giả sử có đem làm lỗi,

sợ tội không dám can gián nhau, nếu duyên kia đây trí mạng liền lầm một đời đại sự. Phật nhơn lý đây chế mà không chấp nhận, thượng nhơn thông biết tự không chịu làm, cổ đức truyền thuật nhau như sau.

***40- Cổ đức không làm:*** Vả lại như tịnh quán giáo sư thì khéo gặp pháp sư.

Quỷ Phạm Sư thì huệ trí Thiền sư. tuổi quá bảy năm mong được thân gần hầu hạ hai thầy, đều hang kiệu vàng Thái sơn thánh nhơn rõ Thiền sư tạo đại đức cho chùa Thần thông. Tục duyên còn ở đức đủ hai châu, hai đức dùng làm, độc thiện ở núi riêng đường lợi sanh, bèn cùng đến khe xanh ở phủ Bình lâm, ở chùa Thổ Quật thử tu tịnh cư liền cách thành Tề Châu bốn mươi dặm, do không hết tạng thực cúng dường không ngại, chỗ nhận đàn việt hoặc tuỳ hỷ xả có thế gọi là bốn Thệ nguyện rộng lơn cùng trời đất mà rộng lớn, bốn nhiếp ruộng giúp đồng trần xa mà không cùng, kính sửa chùa chiền, thạnh khởi phước nghiệp, lược bày bảy đức của Pháp sư.

Một, Pháp sư rộng nghe, bên chánh dòm ba tạng, riêng liếc nhìn trăm nhà, hai học đều gồm, sáu nghề không đủ, thuật thiên văn địa lý, ký lạ của âm dương lịch toán chỉ có kinh tâm thì nhiệm mầu suốt thần phủ. Biển huệ mênh mông, chép hết mực mà quên khát, vườn văn sáng lạn, trấn mở bày mà phí tàn, chỗ chế văn nghệ và tất cả kinh âm và các chữ viết hơi truyền ở đời, thường tự nói rằng "Ta nếu không biết thì chẳng phải là chữ".

Hai là Pháp sư nhiều khả năng khéo chữ triện chữ trứu chung trương, nghe tiếng tỏ đồng như Tử Kỳ nghiệm sơn thuỷ, vận búa rìu bằng thợ đá làm bay bùn, người thông minh không khí là ở đây.

Ba là thông huệ của Pháp sư. Đọc kinh Niết bàn một ngày liền hết, ban đầu tụng sách đây bốn tháng hết bộ. Nghiên cứu tôn sâu xa, khéo tham ý chỉ nhiệm mầu. Dạy tiểu đồng thì dùng bán tự để dẫn dụ, thật không xét nghi kiếm, trao đại cơ thì chép đó nguyên khí, thật có ích phụng trân quý. Xưa nhờ Noạ Lý đạo Toả Pháp sư bèn vươn đến dương phủ, chư tăng thấy đều nói là "Lỗ Hán" thể nhiều chất phát, bèn khiến pháp sư đọc kinh. Niết bàn, sai hai tiểu sư đem nhìn theo cầu, Pháp sư lúc này giọng nói hùng hồn kích dương âm chỉ, sáng đến chiều ba lần đã hết. Người bấy giờ đều mừng khen mời nghỉ ngơi và khen ít có, đây là mọi người cùng chẳng phải riêng khen.

Bốn là độ lượng của Pháp sư. Chỉ có chợ đổi tuỳ yêu sách mà thù đáp không luận cao thấp từng không giảm giá, giả sử có tính thẳng đến

rồi trở lại cũng không nhận lại. Người bấy giờ cho là nhã nhặn siêu quần.

Năm là lòng nhân ái của Pháp sư, trọng nghĩa khinh tài, tuân theo hạnh Bồ Tát, có người đến xin đều không trái lời, ngày thì ba và là sở nguyện bình thường. Lại thường ở tháng thạnh đông, khách Tăng Đạo An đội tuyết đi xa chân đùi đều nứt, ở trong thôn mấy ngày lỡ loét chảy mủ, người trong thôn lấy xe chở đến chùa, Pháp sư mới mua được một cái áo choàng mới, vừa mới đắp lên thân, ra cửa chợt thấy bất giác dùng áo choàng đậy máu mủ kia, người ở bên ngăn rằng: “Nên tìm vật cũ chớ dơ đồ mới” Pháp sư nói: “Giúp nhau đang cực khổ nào rảnh để tìm vật khác”. Người bấy giờ thấy nghe đều rất khen ngợi, tuy là việc chẳng quá lớn mà có thể cố cũng xa.

Sáu là sự gắn bó của Pháp sư. Đọc tám bộ Bát Nhã đều trăm biến, chuyển tất cả kinh cho xong đầu như cuối. Tu nghiệp cõi tịnh ngày đêm siêng năng, lo dọn đất Phật và tăng ít sanh biếng nhác, phần lớn bôi chân sợ tổn chúng sanh, vẫn tưởng nêu tâm từng không trể lời, lau quét đài hương, hoa sen cõi An Dưỡng nở ra chín phẩm, trang nghiêm thất để kinh như trời mưa bốn hoa ở Linh Thứu, người ngó thấy thảy đều khen ngợi công đức, thân quên mỏi mệt lấy cuối đời làm kỳ hạng. Lại chuyển đọc các kinh, niệm Phật A Di Đà, bốn oai nghi không thiếu, tấc bóng chẳng luống, tính hạt đậu nhỏ có thể đầy hai năm, đầu mối rộng giúp vốn chẳng phải một phẩm.

Bảy trì mạng của Pháp sư: Trước khi pháp sư mất khoảng một năm, có văn chương sách sử. . . nhóm hết chớ làm bùn giấy cho đại chúng, chùa làm hai thân kim cương cho để đủ dùng kia, mọi người đến can rằng: “Tôn giả hẳn cầu giấy, xin đem giấy trắng đến đổi”, sử nói: “Mê đắm văn đây lâu ngày lầm ta, há ở ngày nay mà lầm người khác ư? Thí như nay uống độc chẩm, chỉ qua đường núi là chưa có thể chấm bỏ chánh nghiệp tập làm công một bên, thánh khai thượng phẩm, đắm mê thành lỗi lớn, mình đã không muốn chớ đem cho người”. Môn đồ khen hay mà nuôi. Kia nói văn và chữ viết may nhờ ban cho bèn dũ lòng dặn rằng: “Ông được mở sử kinh, văn tự biết cạn, nên có thể khâm phục tình hơn sách chớ đắm trước luỵ này”. Khi sắp lâm chung bảo mọi người rằng: “Ta vái ba ngày sẽ đi, nhưng ở ngày cuối ôm chổi quét mà đi. Bao nhiêu hài cốt của ta hãy bỏ nơi đầm rộng.”

Sáng sơm hôm sau cúi nhìn khe trong, tiêu điều dưới bạch dương, ngập ngừng bên trúc xanh, rồi riêng ngồi cầm chổi mà mất, thiền sư Huệ Lực gần sáng đến báo, mà lạ thay không phát ra tiếng được bèn

nắm tay dẫn đến chỉ thấy hơi nóng xông lên đầu, tay chân đều lạnh bèn khóc oà, bốn bên xa gần đều nhóm. Bây giờ pháp lữ đều buồn khóc, máu lệ chảy như nước sông rưới khắp đất, kẻ tục kêu gào giống như xô núi ngọc, nát châu sáng, thương cây đạo sớm tiêu, than nghe pháp sách chìm, chôn ngãi ở vườn tây, thọ sáu mươi ba tuổi. Sau khi Pháp sư mất, kiểm đồ tư cụ chỉ có ba y và hai đôi giày cũ cùng ngoạ cụ tuỳ nghi mà thôi. Ngày Pháp sư mất tịnh năm mười hai, đại tượng đã mất không nơi nương tựa bèn bỏ sách ngoài tình khâm sâu nội điển, nặm mười bốn được thấm nhuần bạn xuất tục, năm mười tám muốn đến trời tây, năm ba mươi bảy mới toại nguyện. Tịnh đến mộ lễ bái từ tạ, bấy giờ sương rừng vây bạc một nửa, cỏ đêm điền doanh thần đạo tuy mất mà kính như còn sống xoay vòng trông ngóng, thuật tâm muốn đi xa, nhờ phước lợi nơi u linh, báo đức dày của Tử Nhan. Thiền sư thì chuyên ý nơi luật nghi lắng lòng nơi bến định ngày đêm sáu thời mà không mỏi, sáng tối dẫn bốn bọn mà quên một, có thể gọi là xử loạn chẳng ồn náo mà càng tịnh, đạo tục đều chẳng cong thân.

Tụng kinh Pháp Hoa hơn sáu mươi năm mỗi ngày một vòng tính ra hơn hai muôn biến dầu trải qua tuỳ quý ván trôi theo mạng sóng đổi nhưng khế tâm đây từng không bỏ, hiện được sáu căn thanh thiện, bốn đại kinh hoà. Trong năm sáu mươi tuổi rõ không bênh gì khác, thường cúi khe tụng kinh, lại có chim linh dừng đậu góc nhà chuyển đọc, thì cảm gà kêu thì nghe, duyên lành tình thể hội âm luật, rất tinh thảo lệ, xướng đạo không cùng, tay không để tâm nơi sách ngoài mà thiên túng như vậy. Làm tụng luật độ và văn phát nguyện đều chép ở đài Đăng nơi chùa Thổ Quật. Bèn tâm thành trong sạch chép kinh Pháp Hoa. Cực tuyên danh thủ tột thượng thì kia, ngậm hương nhả khí, tắm rửa trong sạch bỗng ở trên kinh cảm thấy xá lợi, kinh xong bên thếp chữ vàng cùng bạc viền mà hợp màu, đựng bằng hòm báu cùng cuộn ngọc mà ánh sáng giao nhau.

Giá Tân, Thái Sơn vua nghe biết mời vào nội cung cúng dường, hai sư đây liền nối gót tiên Thánh rõ sau Thiền sư. Rõ Thiền sư chính khi hiện sanh hai Tần, nêu tiếng bày năm chúng, chia thân nhận cúng dường. Thân đến cửa người cúng tuỳ sự dẫn cơ, nguyện sự hợp cơ tình, chỉ vì hoá vượt vật ngoài cho nên dùng thần thông mà mạng chùa. Thần đức khó suy nghĩ, rộng như liệt truyện đã chép. Ban đầu muốn làm chùa, mới vào thì thấy hổ gầm ở sông bắc gần xa lại nghe ngựa rồng ở hang nam, múc nước giếng trời mà không giảm trời xanh, bỏ gạo xuống đất bằng tuy dấu thần lâu nổi mà các gió khác chưa dứt mà thân giáo

hai sư và các đại đức trụ trì Minh Đức thiền sư .v .v. . . đều có thể gọi là khéo nhãn y luật, giỏi thể hội tâm kinh, đốt cơ, đốt ngón tay từng không phải giáo đây, môn đồ thầy dạy chế không cho làm, đều là thân thừa vốn chẳng phải truyền nói.

Lại nữa, rõ quán thông minh xưa, so lường nghe quy tắc trước. Từ ban đầu ngựa trắng dùng kiệu, voi xanh sau treo yên. Đằng Lan mở ánh sáng làm mặt trời mặt trăng ở Thần Châu, từng hiển phép tắc làm cầu bến cho trời cúi xuống, an xa thì hổ quỳ ở Nam Giang Hán, thôi gắng gổ bằng chim ưng dương ở bắc Giang Tề. Pháp đồ nối tiếp bền huệ vẫn trong, kẻ tục xưng khen, cỏ phương bụi chẳng nghĩ, từng chưa nghe sai đốt ngón tay cũng không thấy cho đốt thân, gương sáng trước mắt người trí phải rõ.

Lại Thiền sư thường ở đêm vắng thấy đứa trẻ tết bím tóc cong thẳng đến dẫn dụ, hoặc lời dụ ở lá vàng khiến càng lo nhớ mẹ, hoặc dụ nói chim thú mong báo đức nuôi dưỡng, ông có thể làm việc nối thạnh tam bảo khiến không dứt, chớ buông tâm trăm họ mà dối bỏ một đời, đã là đồng niên mười tuổi, chỉ lãnh lời kia mà chưa thấm sâu ý chỉ. Thường đến canh năm đến thất tham thỉnh, thiền sư hẳn đem lòng từ ban cho vỗ về vai yếu, thật như mẹ hiền nuôi con đỏ. Hoặc ăn ngon ngọt phần nhiều chuyết vị thấy tặng, chỉ có lấy cầu không trái chỗ thỉnh, Pháp sư bèn ân cần khuyên gắng cha nghiêm. thiếnư thì lòng từ bày như mẹ thương, trọng thiên tánh thật không gì thêm, cho đến đủ tuổi thọ giới cụ túc lại nương lấy thiền sư lamg Hoà thượng, đã thọ giới rồi, bỗng ở đêm vắng, mé hành đạo đốt hương, khóc lóc mà hối rằng: “Đại Thánh Niết Bàn đã lâu, pháp giáo thay thế giáo hoá, người phần nhiều ưa thọ ít có trì, ông chỉ bền tâm trọng cấm, chớ phạm thiên ban đầu, có bao nhiêu tội lỗi giả sử có phạm ta sẽ thay ông vào địa ngục chịu cho, còn đốt ngón tay đốt thân là không nên làm”.

Tiến dâng ý chỉ, mong lòng từ bi ban cho thánh giới tuỳ sức bày chí, dám có thiếu trái, tuy ở tội nhỏ có lòng sợ lớn, ở trong năm niệm kinh cầu sách luật, văn sớ khuyên gắng của luật sư hơi bàn chỗ thâm sâu, sao thuật tuyên bày của Luật sư trộm bàn trung chỉ. Đã biết trì phạm sư bèn giảng một lần, mới nghe đại kinh, khất thực một bữa, ngồi nhiều không nằm, tuy chùa núi xa thôn cùng chưa từng có bỏ, thường nhớ lời dạy từ bi của Đại sư, bất giác rơi lệ không ngừng, mới niệm ân cứu khổ của Bồ tát nhảy vào lửa lớn. Trưởng giả buồn nghĩ đến cùng tử, dòm cửa nhỏ hiểm hóc vốn chẳng phải lầm. Thường thân gần bên chân không cho đi xa, lại ân cần bảo rằng: “Ta từ nay lại có các ngươi

hầu hạ khác cha cấp cho ngươi, chớ bỏ nghe đọc mà thường không trụ ở đây” chính gậy tích đồng nguy̯ hơi chìm tâm nơi đối pháp, gánh hòm sách đến tay kinh mới mở đọc tưởng ở Câu Xá Duy Thức, ngày nay từ kinh lại về thôn cũ, thân thỉnh Đại sư rằng: “Con tuổi đã già, tình mong dạo đi xa tìm xem chỗ chưa nghe mong có lợi ích rộng, chưa dám tự quyết”. Sư bèn để lại lời day rằng: “Ông khi làm duyên lớn không thể làm lại, kích nơi nghĩa lý há riêng lòng lưu luyến, ta thác hay còn, nếu thấy ông truyền đăng nên liền có thể làm, chớ việc đoái hoài, quan sát và lễ dấu vết thánh ta thật tuỳ hỷ, nối thạnh việc trọng ông còn không ngừng vậy. đã vâng nghe lời từ khó trái thượng mạng”. Bèn đến tháng mười một Hàm Hưởng năm thứ hai nương thuyền Quảng Châu dong buồm ra Nam Hải, đi qua các nước chống gậy đến Tây thiên. Đến ngày mùng tám tháng hai năm Hàm Hưởng thứ tư mới đến nước Chẩm Ma Lập Đêr, tức cửa biển phía đông Ấn Độ, đến tháng năm theo bạn chinh tây đến Na Lan đà và toà Kim Cang, bèn khắp lễ thánh tích xoay theo thệ của Phật. có thể gọi là đại thiện tri thức có thể toàn đủ phạm hạnh, thật giáo của Điều Ngự đây há sai ư? đại sư bèn ứng vật đản sanh làm thay mô phạm tự thân khen ngợi để người chí thành, như bè biển gặp sắp hết một ngày liền sanh Tân, Hội hai sư của luật. Dùng tiểu thiện tiểu huệ còn lan rộng tốt đẹp nơi huyền ca, huống gì đại trí đại ân mà không truyền, ở văn tán viết rằng:

*Lành thay cha mẹ*
*Nhiều kiếp giữ nhau*
*Con thời măng sữa*
*Dắt đến minh sư*
*Đồng niên còn nhỏ*
*Dừng ái rút bi*
*Học mà thời tập*
*Gậy đức, điều răn*
*Đức rõ hai diệu*
*So đức hai nghi*
*Mài ta lưỡi huệ*
*Dài ta cỏ pháp*
*Dẫn dắt nuôi nấng*
*Thân dạy quên mệt*
*Giữa đêm bỏ ngủ*
*Ban ngày dừng đói*
*Thượng đức không đức*

*Xa mà đâu biết*
*Lấp sáng đầu non*
*Che đức đồng bờ*
*Mênh mông biển huệ*
*Cành thiền tươi tốt*
*Nhành rong sán lạn*
*Màu định rực rỡ*
*Mài mà không nát*
*Niết mà không đen*
*Ngồi dời nêu khác*
*Gà nghe bóng kỳ*
*Tuổi ở năm kém*
*Một giữ một bỏ*
*Chỗ có phước nghiệp*
*Đều dùng huân giúp*
*Báo ân chết xa*
*Đáp đức sống lìa*

Nguyện ở tại tào hội mà chúc mừng, đời đời vâng lời dạy để thành cởi áo. Nhóm nghĩa lợi ở đồng khâu, uỷ tịnh định cũng như ao.

Mong hội đầu Long Hoa nghe huyền y của Từ Thị, khắp bốn đời mà vận tưởng, đủ ba đại trường kỳ.

Sợ người nghe cho là hư dối, tạm sơ chỗ chế của Pháp sư. Đại sư từng nhơn ngày mười lăm tháng hai, kẻ tục người pháp đều đến chỗ thánh tích Lãng Công ở núi Nam để xem kho trời kỳ lạ, lễ khám linh miếu linh dị kỳ, không xa ngàn dặm thạnh khởi cúng dường. Bấy giờ Tề Vương hạ văn học đều tụ tập ở đây, đều ôm bút biển và đán văn núi, đều tranh ? dùi, đều giành hòm ngọc, muốn vịnh miếu tượng Lãng Công cùng suy Pháp sư làm trước, sư bèn không nhường đương nhơn, sông ao trước đầy giúp bút chép vách từng không nghỉ một chút, mùa bút thành bài rồi không thêm điểm thơ rằng:

Thượng Thánh trước tươi tốt, anh hiến bày biển cả, hang trống tự đậu dừng, nhọc mạng luống đợi nhau, muôn xưa núi sông đồng trống, ngàn năm người thay đổi, chơn thức rõ vô sanh, luống thấy Đan Thanh còn. Các văn sĩ đã thấy chế tác của Pháp sư đều hổ thẹn trong lòng, gác bút nhánh cây tùng, hoặc ném nghiên ở đầu núi. Đều nói rằng: Tây Thi bày mặt, Mô Mẫu mày nào, tài tử như rừng, không một di hoà. Bao nhiêu văn chương khác đủ như riêng nhóm.

Nghĩa Tịnh kính bạch các Đại Đức Đại Chu, hoặc từng nghe thọ

chiếu trống, hoặc hỏi bàn nghĩa pháp, hoặc biết nhau nhược quan, hoặc thông biết lúc trung niên hoặc khi đã lớn Hoà Thượng nhỏ ngàn muôn, chỗ bày bốn mươi điều, luận việc yếu lược. Phàm chỗ đây chép đều là hiện làm của thầy trò phương tây, chép ở lời Thánh chẳng phải là ý riêng. Phàm mạng... thệ sông sớm không mưu chiều e khó bày mặt đến nỗi đây trước trình ra lúc có rảnh thì tìm mong chiếu ý xa, đây nương Tát Bà đa, chẳng phải bộ khác.

Lại nói rằng: Kỉnh bày lịnh thì rộng nơi đạo lớn, hoặc nương thánh giáo, há nói rằng tình cầu sợ khó yết kiến, nương đây trước thù đáp, mong nguyện gõ càng xe không bỏ, người quê mùa thấy thâu, theo dấu trăm đời gieo đẹp ngàn thu, thật mong tiếng Linh Thứu ở thất nhỏ và Vương Xá nơi Thần Châu.

NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN
(HẾT QUYỂN 4)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 199

# ĐẠI TỐNG TĂNG SỬ LƯỢC

**SỐ 2126**
(QUYỂN THƯỢNG-TRUNG &HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2126

# ĐẠI TỐNG TĂNG SỬ LƯỢC

## QUYỂN THƯỢNG

Tu Lạc, Trùng Cánh năm thứ 2 niên hiệu Hàm Bình

1- Niên đại Phật giáng sanh
2- Tăng nhập Chấn Đán (Trung Hoa)
3- Kinh tượng truyền đến Trung Quốc
4- Tạo lập Gài Lam (Dục Phật hành tượng phụ)
5- Dịch kinh
6- Dịch luật
7- Dịch luận
8- Đông Hạ xuất gia
9- Cách thức trang phục
10- Lập đàn đắc giới
11- Nguyên do Ni đắc giới
12- Pháp thọ trai sám
13- Sự phát triển biến đổi nghi lễ
14- Chú kinh
15- Tăng giảng
16 Ni giảng
17- Tạo sơ khoa kinh
18- Giải luật
19- Giải luận
20- Đô giảng
21- Truyền thiền quán pháp
22- Tăng ở Trung Quốc tham học ở Ấn Độ

23- Truyền Mật Tạng

Lập ra chỉ 60 môn, lấy bỏ nhóm thành truyện và ghi chép những điều nghe được để nói sự bắt đầu của trăm việc trong Phật pháp từ Đông Độ truyền qua đến nay.

-------------------------

## 1. NIÊN ĐẠI PHẬT GIÁNG SINH

Xét ngày Phật giáng sinh có nhiều thuyết khác nhau: Một là ứng hiện khác thường, gặp duyên liền hiện, cho nên thấy nghe không đồng. Hai là các vị Tăng từ Ấn Độ đến, nơi sinh ra có thủ đô, thành phố, thôn, làng; truyền sự thì có bộ, loại, tông cho nên mỗi thuyết khác nhau. Ba là bên Tây Vức chép giản dị sơ lược, ít có thể ghi chép nhiều việc, rộng, chậm, còn không, nhiều ít, cho nên lưu truyền không đồng. Nay căn cứ các truyện ký ở Trung Quốc vavf các kinh luật đã nói mà có dẫn ra nhiều thuyết khác nhau.

Xét trong bộ truyện "Thượng thống truyện Hán pháp bổn nội", kinh Tạp A Hàm đều chép ngày rằm tháng 7 năm thứ 23 đời Châu Chiêu Vương hiện điềm lành có voi trắng xuất hiện giáng xuống chui vào hông của bà Ma Da phu nhân, rồi bà có thai. Đến ngày mồng 8 tháng 4 năm sau ở dưới cây Ba La vườn Lâm Tỳ Ni, Ngài từ hông bên phải mà đản sanh.

Quyển "Thơ Dị Ký" của nhà Châu có chép rằng: Ngày mồng 8 tháng 4 năm Giáp Dần năm thứ 24 Chiêu Vương, nước các ao, hồ, suối, sông đều đầy tràn và vọt lên, cung điện chấn động. đêm đó có ánh sáng năm màu soi suốt ở Thái Vy, chiếu khắp ở phương Tây làm thành màu xanh, hồng. Lúc bấy giờ ma hỏi Thái Sử Tô Do, Thái Sử Tô Do đáp rằng: Có vị đại thánh nhơn xuất hiện ở phương Tây, cho nên có hiện ra điềm đây.

Vua hỏi: Có tổn hại đến nước ta không?

Thái Sử đáp: Một ngàn năm sau danh tiếng và giáo pháp của Ngài sẽ có lợi cho nước ta.

Lại xét trong Ngũ Vận Đồ có chép rằng: Phật giáng sanh năm Mậu Ngọ, năm thứ 48 Bình Vương thời Đông Châu, thuyết đây không có chứng cứ vậy. Lại nữa y theo sự ghi chép của Ngài Đạo An La Thập và bài Minh trong cột đá chép rằng: Phật giáng sanh năm Ất Sửu năm thứ 5 vua Chủ Hoàn đời nhà Châu thứ 18, thuyết đây cũng không phải.

Lại nữa trong "Phí Trường Phòng Khai Hoàng Tam Bảo Lục" có

chép rằng: Phật giáng sanh ngày mồng 8 tháng 4 năm Giáp Ngọ năm thứ 10 Châu Trang Vương, lấy sao thường không xuất hiện làm chứng minh. Lại nữa trong "Pháp Hiển Hội Du Tây Vức" có chép: Phật sanh trong thời đại Thương Vương, hiển nhơn thấy Sư Tử Quốc tháng 3 đưa ra răng Phật, trước khi cúng dường cho vua, ông nói rằng: Phật diệt độ được 1497 năm, hiển rõ lấy giữa niên hiệu Nghĩa Hy đời nhà Tấn xét ngược lại, thì biết Phật sanh vào thời nhà Thương; Lại trong quyển "Lô Sơn độ Luật Sư Chúng Thánh Điển ký" có chép: Phật sanh năm Giáp Tuất năm thứ 2 Trinh Định Vương thời nhà Châu. Pháp Bảo Đại Sư hoàn toàn không lấy ở đây. Lại trong Cảm Thông truyện có nói là thời nhà Hạ Kiệt thấy được dấu tích của Phật để lại vậy.

Lại nữa, các thuyết ở trên vương đại khác nhau; một là cuối đời Hạ; hai là cuối đời Thương; ba là thời Châu Chiêu Vương; bốn là thời Bình Vương; năm là thời Hoàn Vương; sáu là thời Trang Vương; bảy là thời Trinh Định Vương, đều căn cứ trong các truyện ký ở phương Tây (Trung Quốc) đã ghi chép. Nếu xét trong Kinh Luật, trong Kinh Dục Phật có chép rằng: Tất cả đều sanh ngày mồng 8 tháng 4, trong Kinh Thuỵ Ứng cũng nói ngày mồng 8 tháng 4, mà trong luận Tát Bà Đa lại nói là ngày mồng 8 tháng 2, thế thì trong nội giáo còn có 2 thuuyết không đồng. Nay nói Phật sinh thời nhà Hạ tức là ngày nay lấy ngày mồng 8 tháng 4. Nếu sanh trong thời nhà Thương tức là ngày nay lấy ngày mồng 8 tháng Thìn (tháng 3). Nếu sanh thời nhà Châu thì tức là lấy ngày mồng 8 tháng Mão (tháng 2). Lại căn cứ bộ "Nam Sơn Tuyên Luật Sư Vấn Nhơn Thiên" có chép: Ở Trung Quốc truyền ngày Phật giáng sanh hoặc nói là thời nhà Thương, hoặc nói là thời Châu Chiêu Vương, hoặc là đời Lỗ Trang Công, thì làm thế nào mà chỉ cho người biết được.

Đáp: đều có lý do, đệ tử sanh thời Hạ Kiệt, Trời thấy được giáo của Phật để lại. Song Phật có ba thân, Pháp thân và Báo thân trời người không thể thấy được. Chỉ có Hoá thân Phật hiện khắp 3 ngàn đại thiên thế giới, có trăm ức Phật Thích Ca, tuỳ theo cơ cảm mà hiện trước sau không nhất định, không đáng để nghi vậy.

Nay Đông Lương lấy ngày mồng 8 tháng chạp tấm Phật nói là ngày Phật giáng sanh. Xét trong kinh "Kỳ Hoàn Đề" nói trong chùa có con sư tử bằng pha lê, hình lớn như Quyền Hứa, miệng nói ra lời diệu âm, Bồ tát nghe được tiếng đó đều được vượt lên gnôi vị, mỗi khi đến ngày mồng 8 tháng chạp, nam nữ trong thành Xá Vệ tranh nhau cúng dường hương hoa, đến nghe pháp âm, không nói là ngày Phật giáng

sanh nghi là bên Thiên Trúc lấy ngày mồng 8 tháng chạp làm ngày lễ mà thôi. Lại nghi là luận "Dụng Đa" nói ngày mồng 8 tháng 2, tháng chạp chính là tháng 2 nhà Châu, do vì bên Đông bên Tây xa xôi cho nên có nhiều sai khác.

Lại Giang Biểu lấy ngày mồng 8 tháng 4 ngày nay làm ngày Phật đản. Theo kinh "Thụy Ứng: nay dùng tháng giêng nhà Châu thì hợp với mồng 8 tháng 2 ngày nay. Nay dùng tháng Tỵ chính là tháng 6 nhà Châu rõ ở đây vậy. Lạm dụng tháng Tỵ có 2 ý: Một là khi nghe tiếng liền dùng không tìm tòi sự thật, hai là phần nhiều dùng tháng giêng nhà Hạ, cho nên ở đây lầm mà thôi. Nếu như trong bộ "Nam Sơn" nói rằng đều do chúng sanh nghe thấy khác nhau, cho nên thời tiết cũng không giống, không nên cố chấp. Song hai nước tiếp thọ lẫn nhau, Tam Tạng sở truyền lấy Phật giáng sanh thời Châu Chiêu Vương, lý đây là hay hơn.

Nói lại rằng trước nói ngày mồng 8 tháng 4 là Đông Hạ hay Tây Vức, nếu tìm cành mà thấy gốc, theo nước mà tìm nguồn thì không có sự nào không chu toàn, về lý có chỗ để xuyên suốt. Vả lại các thuyết nói về đầu năm của Tây Vức (Ấn Độ) khác nhau, trong Cao Tăng Truyện ngài Huệ Nghiêm nói với ngài Hà- Thừa- Thiên- Tranh- Trung- Biên rằng: Tây Vức lập tháng Thìn làm đầu năm. Trong truyện lại nói rằng ngày 30 tháng 12 gọi là tháng đại thần biến, tức là ngày 15 (rằm) tháng giêng ở Trung Hoa, đây là chỉ tháng giêng nhà Hạ, mà dùng ngày 16 ngày sanh hồn là ngày mồng 1 của tháng, nay chưa rõ. Lập tháng Thìn là lấy tháng 3 ngày nay mặt trăng sanh mặt trời làm đầu năm, là phần chuẩn của giữa tháng. Bên Tây Vức không có tên tháng giêng, hai, ba chỉ lấy sao thẳng (gặp) với mặt trăng làm một tháng. Như tháng Côn Xá Khư, tháng Ca Đề đó vậy. Lại nữa các nước Lãnh ở phía Bắc lập tháng Mùi là tháng giêng, hoặc xuân tế là hạ an cư. Cho nên biết tuỳ cõi nước, tông tính có sai khác, huống gì là kinh nói ở Tây Vức, các vị La Hán ở Trúc Càn tạo luận đều không chỉ ra tháng ở Chấn Đán Động Độ. Nói ngày mồng 8 tháng 4 là ngày mồng 8 tháng 4 bên Tây Vức để sự phù hợp với ngày hiện điềm lành là ngày mồng 8 tháng 4 đời Châu Chiêu Vương trong quyển "Thơ Dị Ký" nhà Châu vậy. Nghi là khi phiên dịch ghi lại theo vọng nhận là tháng giêng nhà Hạ, chỉ có ngày rằm tháng 7, trong kinh "Lạp Pháp" là dùng văn ở phương đây, khiến cho người mê lầm cho nên giữ lại cả hai vậy.

## 2. TĂNG NHẬP CHẤN ĐÁN (TRUNG HOA)

"Ngũ Vận Đồ" chép rằng: Linh tính thánh giáo đời Châu và vua A Dục tạo tháp để ở phương đây (Trung Hoa) hạp có truyện ky. Bởi do Tần Thuỷ Hoàng đốt sách, các sách đây cũng bị cháy theo, cho nên nay không có chỗ để tìm tòi. Xét thời Tần Thuỷ Hoàng có 18 bậc đại hiền như Sa môn Thích Lợi Phòng... mang kinh đến giáo hoá. Tần Thuỷ Hoàng không tin, bèn cấm nhốt các ngài, ban đêm có vị thần nhơn phá ngục dẫn ra. Lại nữa thời Hán Thành Đế, ông Lưu Hướng xem sách ở gác Thiên Lục, thường thấy có kinh Phật và trước tác"Lệ Tuyên Truyện". Có 136 người, có 74 người thấy kinh Phật. Lấy đây xét kỹ thì biết thời nhà Châu, Tần đã có Sa môn Phật giáo, chỉ có chưa được hưng thạnh mà thôi. Đến năm thứ bảy niên hiệu Vĩnh Bình Chủ Minh Đế thứ hai đời Hậu Hán, vua nằm mộng thấy có người bằng vàng, bèn sai Tần Cảnh, Thái Âm, Vương Tuân đến Tây Trúc rước Phật giáo về. Đến cuối tháng thì các ông gặp được 2 vị Sa môn Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan vào Đông Hạ, nên nay lấy việc này làm khởi thí việc có tăng vào Trung Hoa. Lúc ấy Phật pháp tuy đã đến Trùng Hoa nhưng chưa được lưu truyền và người tin thọ chưa rộng, truyền trao thực hành chưa khắp. Có vị Khương Tăng Hội vốn là người nước Khương Cư, trong cuốn niên hiệu Xích Điểu bắt đầu giáo hoá nước Nam.

## 3. KINH TƯỢNG LƯU TRUYỀN Ở TRUNG HOA

Bởi vì Phật đạo khó nghĩ bàn, không thể lấy thường tình mà so sánh được, không thể dùng các thí dụ mà bàn cầu được như có vị Tăng đến Đông Hán, ông Lưu Hướng gặp được kinh ở Phạn sách, vua A Dục khởi tháp hiện ở triều Tần, sớm có linh ứng rồi. Xét trong bộ Thích Lão Chí có chép rằng: Học giáo lý đạo Phật nghe đã có thời Tiền Han, trong niên hiệu Nguyên Thú Võ Đế, ông họ Hoặc chữa bịnh được người vàng Tỳ Da Vương vua cho là đại thần, đặt ở cung Cam Tuyền, đốt hương lễ bái, lúc này là Phật pháp mới bắt đầu lưu truyền qua Trung Quốc và ở thành Khai Tây sai Trương Khiên làm sứ Đại Hạ, trở về nói rằng: "Thân độc có giáo pháp của Phù Đồ, trong niên hiệu Nguyên Thọ Ai Đế, Cảnh Hiến đến Nguyệt hi khẩu tọdc kinh Phù Đồ, song chưa tin một cách chân thành, đạo chưa thông hành cũng như đầu nguồn của sông lớn, cũng như ngọn của cây lớn. Nay lấy kinh "Tứ Thập Nhị Chương" do hai vị Sa môn dịch và bức tượng hoạ trên tấm bạch diệp đời Hán Minh Đế làm bắt đầu. Lại như trong truyện "Cảm Thông" Châu Mục Vương xây chùa Linh An, tháp vua A Dục ở Thạch Hoa Bỗng- Vĩnh

Châu... há chẳng phải là trước thời Đông Hán ư? Đây chính là suy nghĩ mãi cũng không ra, bàn bạc cũng không đạt đến được, ngoài sự đặt để đo lường. Nay chỉ căn cứ sự tích có thể suy nghĩ, có thể bàn bạc được là lấy niên hiệu Vĩnh Bình làm mốc bắt đầu.

**4. DỰNG LẬP GIÀ LAM**.

Kinh tưởng đến tư duy, tăng chúng dứt tội lỗi, thì cái đó chỗ ở ắt phải là nơi sạch sẽ, do pháp luân chuyển cần phải nương vào chỗ, cho nên cần phải lập chùa chiền. Hai người Ma Đằng và Trúc Pháp Lan sức lực thù thắng, Minh Đế vui mừng. ban đầu mời về ở chùa Hồng Lê làm lễ với các Ngài. Chùa Hồng Lê vốn là cái nhà tiếp các nước ở xa. Sau vua tìm người sai riêng chọn xây một Tinh xá ở ngoài cửa Tây Hùng thành Lạc Dương. Do vì dùng ngựa trắng chở kinh đến cho nên đặt tên chùa là Bạch Mã. Chùa là đạo Phật gọi là chùa nối truyền, trị sự là nối tiếp nhau ở trong đó, vốn là Chữ đi, do các vị Tăng bên Tây Vức mới đến tạm ở chỗ công, sau dời về chỗ riêng không quên gốc kia lại nêu tên chùa, tên chùa Tăng mới bắt đầu lúc này. Tăng Già Lam dịch là Chúng Viên nghĩa là mọi người chung ở, vườn tược để ở, là chỗ để sinh sôi, đệ tử Phật thì sinh sản mầm đạo quả thánh. Cho nên trong kinh nói có vườn Ca - Lan - Dà - Trúc; vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc đều là chùa bên Tây Vức. Như các di tích không thể nghĩ bàn kia như Châu Mục Vương xây chùa Hiển Tế, đây khó mà căn cứ cho đúng, nên mới gọi là việc khó nghĩ bàn. Năm đầu niên hiệu Thỉ Quang Thái Võ Đế đời Hậu Ngụy sáng lập ra Già Lam là tên của Chuyên Đề, giữa niên hiệu Đại Nghiệp Tuỳ Dương Đế đổi chùa của thiên hạ thành đạo tràng, đến đời nhà Đường lấy lại tên chùa.

Xét trong bài "Tự Cáo" của Pháp Sư Linh Dụ, làm chùa có 16 tên: Một là chùa (nghĩa chuẩn theo giải thích tên). Hay gọi là Tịnh Trụ (người uế trược không ở chung). Ba gọi là Pháp đồng xá (pháp và thực đồng giới). Bốn là nhà xuất thế (nghĩa là chỗ tu hành ra khỏi thế tục). Năm là Tinh Xá (nghĩa là chẳng phải chỗ thô bạo). Sáu là vườn thanh tịnh) nghĩa là chỗ không nhiễm ba nghiệp). Bảy là Kim Cang Sát (nghĩa là cõi nước bền chắc cho người tu đạo ở). Tám là đạo tràng tịch diệt (Kỳ Viên có thế giới Liên Hoa Tạng dùng bảy báu trang nghiêm, gọi là đạo tràng tịch diệt, Phật Lô Xá Na nói kinh Hoa Nghiêm ở đó). Chín gọi là Viễn Ly Xứ (nghĩa là người vào trong đó xa lìa được phiền hoặc, gần với tên vui tịch diệt). Mười là Thân Cận Xứ (như hành hạnh an lạc, do vì ở trong đó gần pháp). Mười tên ở nước đây là nương theo kinh (Kỳ

Hoàn Viên), giải thích tướng mỗi mỗi đều có nghĩa, như trong bộ "Tự Cáo" kia vậy. Nay nghĩa có sáu thứ: Một gọi là hang, như đời Hậu Ngụy đục núi làm cái hang để tượng Phật và cho Tăng ở đó vậy. Nay chùa Thiên Trúc ở Long Môn - Lạc Dương có hang đá, có cái hang như Na La Diên Kim Cang Phật.v.v ...Hai gọi là Viện (nay những vị Trụ trì bên Thiền Tông thường dùng tên này. Ba gọi là rừng (lâm) (trong luật nói có rừng Trụ Nhứt, trong kinh nói có rừng Thệ Đa). Bốn là miếu (như miếu Cù Đàm trong luận Thiện Kiến). Năm là Lan Nhã (không phải tướng viện). Sau là phụ thông (nay núi Ngũ Đài có nhiều chỗ) lại xét khi Hán Minh Đế băng có xây một cái Kỳ Hoàn ở trên cái đồi, từ đó phần mộ của bá tánh có một số người làm thành tháp (rút ra trong "Già Lam Ký" của Dương Huyền). Ở Lạc Dương từ niên hiệu Vĩnh Bình đời nhà Hán, đến niên hiệu Vĩnh Gia đời nhà Tấn chỉ có bốn mươi hai trường, và các thành thị làng xã đời Hậu Ngụy nhân dân tin Phật giáo rất thịnh, tôn sùng xây dựng nối tiếp nhau, quan dân tranh nhau xây chùa có hơn một ngàn cái. Về sau Triệu Đô Nghiệp xây chùa hơn tám trăm nơi, nay những nơi để lại có lẽ vẫn còn.

Tắm Phật, Ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng đời nhà Đường tự mình tham học bên Ấn -Độ, thấy mỗi ngày mỗi Ngu - Trung duy na đánh chuông, ở trước sân nhà đem các tượng đồng, đá v.v...để ở trong cái thau, trỗi âm nhạc, dùng ma hương nước nê quán, lấy vải lau tượng. Sau đó đưa hai ngón tay rỏ nước từ trên đảnh xuống, gọi đó là nước kiết tường, mong cầu điều thắng lợi. Hỏi rằng tắm Phật tiêu biểu cho điều gì.

Đáp rằng: Phật khi sanh có rồng phun nước thơm tắm rửa thân Phật, song mỗi ngày tắm rửa thì chẳng phải là ý của ngày sinh. Nghi rằng Ngũ Trúc rất nóng, Tăng cũng đã tắm nhiều lần thì Phật cũng nên tắm vậy. Đông Hạ còn là mồng tám tháng chạp hoặc tháng hai. Mồng tám tháng tư chính là ngày sinh của Phật

Hành Tượng: Tự khi Phật nhập Niết-bàn, các vua thần rất hận chính thân mình không được gặp Phật, do đó lập tướng Phật giáng sanh, hoặc là tác tượng Thái tử đi du hành. Đời nhà Tấn ngài Pháp Hiểu thành Ba-liên-phất, thất ở đó lấy ngày mồng tám tháng Mão làm tượng Phật, lấy xe kết thất làm thành năm tầng, cao khoảng hai tượng, giống như cái tháp, họa vẽ hình chư thiên, các báu làm khám, Phật ngồi Bồ tát đứng hầu, khoảng hai mươi xe, mỗi xe trang sức giống nhau, Bà-la-môn tử thỉnh Phật. Kế đến vào trong thành ở lại đêm đó, suốt đêm cúng dường, mỗi nước đều như vậy. Vua và các trưởng giả xây nhà thuốc, chữa bệnh

phước đức. Phàm những người nghèo mắc bịnh đến đó, thầy thuốc săn sóc bịnh lành rồi mới đi. Lại nữa chùa ở thành Đông Hoang nước Quy Tử - Lãnh Bắc (chữ nôm không rõ nét) trong mười ngày. Tăng đồ của một nước phải dự đại hội năm năm (Tây Vức gọi đó là Bàn-giá-vu-sắc). Quốc Vương và nhân dân đều bỏ việc đời, đến thọ kinh nghe pháp, trang nghiêm tượng Phật, dùng xe chở gọi đó là hành tượng. Nước Vu Điền thì hành tượng ngày mồng một tháng tư đến ngày mồng bốn tháng tư mới xong, vua và phu nhơn mới trở về hoàng cung. Nay ở Linh Võ - Hạ Đài ngày mồng tám tháng hai mỗi năm, Tăng đội mang tượng Phật, hầu theo nhiễu xung quanh, tràn phan, lọng ca nhạc dẫn dắt, gọi đó là “tuần thành”, lấy từ trong thành phố đi trong thành phố làm giới hạn, nhân dân nhờ việc đó mà được tiêu tai. Lại nữa ở đây (Trung Quốc) sau khi an cư xong, Tăng chúng đem hoa cầm quạt, thổi lối đánh não dẫn đi song song gọi là xuất đội ca đề (lấy tháng ca-đề đặt tên). Trong bộ “Thích Lão Chí” nói rằng các tổ đời nhà Ngụy vào ngày mồng tám tháng tư, đi lên các đường lớn, vua đến hầu ngọ môn xem sái hoa đãnh lễ. Lại nữa khi đúc xong cho ra tượng vàng ở chùa Ni Cánh Hưng, triệu tập một trăm võ lâm kéo xe trỗi kỹ nhạc đều do nội cấp. Lại nữa an cư xong ngày mai, tập trung hết lại nhiễu quanh thôn xóm thành thị, lễ các chỗ để, che trần trên xe để tượng Phật, cờ hoa khắp trời gọi là Tam-ma-ly, đây chính là cách hành thành của Thần Châu.

**5. DỊCH KINH:**

Ngày xưa ông Lưu Hướng xem sách ở Thiên lục thấy có kinh Phật, biết lúc đó chưa có người dịch truyền, ắt còn trong cặp chữ Phạn. Nếu như ông Lưu Hướng hiến một chữ phạn mà nói hàng “tiên” có hơn bảy mươi người thấy kinh Phật. Lại cho ngài Bồ tát Văn Thù cũng gọi là hàng tiên ư? Bởi vì ông Lưu Hướng học rộng toàn tài, sự học cao sâu thì tự có thể biết được. Xem cặp chữ Phạn kia lại dịch tiếng Hoa, tìm nhận ra có hơn bảy mươi người thấy kinh Phật. Nếu luận về phiên dịch thì Ngài Ma Đằng là người đầu tiên dịch ra kinh “Tứ Thập Nhị Chương”, và Ngài Pháp Lan đồng dịch các kinh “Thập Địa Phật”; “Bổn Sanh Pháp”; “Hải Tạng Phật Bổn Hạnh”.v.v...là đầu tiên hết. Kế đến thì các Ngài An Thanh, Chi Sấm; Chi Kiêm tiếp nhau dịch thuật. Cuối đời nhà Hán đầu đời nhà Ngụy, truyền dịch dần dần được hưng thạnh, hoặc dịch Phật thành Chúng Hựu, hoặc dịch Bích Chi Phật thành Cổ Phật. Ngài Chi Sấm dịch quyển kinh “Thủ Lăng Nghiêm có chép rằng. Phật ở trên đỉnh núi Linh Thứu thành Vương Xá, còn, không khác nhau, dung nhà

đều khác, đây chính là cách uyển chuyển của người dịch kinh vậy.

**6. DỊCH LUẬT**

Phật chế Tỳ-ni để ngăn chặn tội lỗi trong chúng, như hình pháp của một nước, vẽ thành phép tắc, chưa hết ai đem Tỳ-ni dịch thành hiệu luật. Xét năm Canh Tuất thứ ba niên hiệu Kiến Ninh đời Hán Linh Đế, Ngài An Thế Cao cho ra một quyển luật "Nghĩa quyết", kế đó cho ra một quyển Tỳ kheo Chư Cấm luật (Các điều luật cấm của Tỳ kheo. Đến đời Tào Ngụy Ngài Tam Tạng Đàm-ma-ca-la (Trung Hoa dịch là Pháp Thời) xót thương Tăng đời Ngụy không có luật làm phép tắc, vì vậy trong niên hiệu Gia Bình cùng với Ngài Đàm Đế dịch Tứ Phần Yết ma và Tăng Kỳ Giới, Tâm Đồ Kỷ.v.v... phương đây mới bắt đầu có luật.

**7. DỊCH LUẬN;**

Đời Hiến Võ nhà Tấn có vị Sa môn Tăng-già-bạt-trừng ở nước Kế Tân dịch Tạp Kỳ Đàm Bà Sa mười bốn quyển. Kế đó có Ngài La Thập đời Diêu Tần dịch các luận Đại Trí Độ và Thành Thật. Đây là người đầu tiên dịch luận. Ngài Đạo An Lục và Tăng Hựu cho ra bộ Tam Tạng Ký, Đồng Tự Giai Thuật. Lại Ngài Đơn - danh - lính - bà - sa là con trai của Gia - ca - chiên - đàn, rút ra những nghĩa cốt yếu dẫn kinh giải thích, làm ra bộ Tỳ Đàm bốn mươi bốn phẩm, đây cũng là luận.

**8. ĐỜI ĐÔNG HẠ CÓ CHÚNG XUẤT GIA**

Phàm người ngu nhờ già lam mà sanh tâm lành, sự học của Mãnh Kha Lân tiềm tòi học hỏi nho phong đời nhà Lương. Phật phá đã được lưu hành, nhân dân đều được giáo hóa, há lúc bấy giờ không có được người tu hành giải thoát ư? Hán Minh Đế cho các ông Dương Thành Hầu, Lưu Tuấn v.v...xuất gia, bắt đầu có Tăng. Phụ nữ A Phan .v.v...ở Lạc Dương xuất gia, từ đấy bắt đầu có Ni.

**9. CÁCH THỨC TRANG PHỤC:**

Xét đời Hán, Ngụy người xuất gia phần nhiều là mặc Tăng-già-lê bằng vải bố màu đỏ, bởi do ở Ấn Độ không có tơ lụa, lại còn có màu mộc lan và màu càn-đà, thì áo vải bố mà nhận thành mà đỏ như vậy. Màu áo bên Tây phương cũng tùy theo bộ loại khác nhau, bộ Tát-bà-đa y màu đen, bộ Đàm-vô-đức y màu đỏ thẫm, bộ Di-sa-tắc màu xanh. Mặc y màu xích (đỏ thẫm) chính là bộ Đàm-vô-đức từ trước cho đến đời Hán mà thôi, sau có đời Lương có Ngài Huệ Lãng pháp sư thường mặc áo nạp màu xanh, Ngài Chí Công dự ký rằng: Chùa Hưng Hoàng

có vị Đại sĩ mặc áo xanh rộng hành đại thừa, đến khi có Ngài Huệ Lãng thì quả là phù hợp với lời nói kia vậy. Nói rộng về mặc phục như trong kinh Oai Nghi Sở Phục. Nay ở Giang biển có nhiều người đắp y màu đen, màu đỏ thẫm, lúc bấy giờ có màu giữa xanh và màu vàng (trọn màu xanh và vàng lại) gọi là màu hoàng hạt, thạch liên hạt vậy. Ở Quan Phu Dông Kinh còn có người đắp y màu nâu, và bộ U Châu thì đắp y màu đen. Nếu y màu đen thì thật là phi pháp. Vì sao? Vì màu đen là một trong năm màu sắc chính của năm phương vậy. Hỏi truy y là màu nó như thế nào? Đáp rằng màu tía mà đen lợt chẳng phải là màu sắc chính. Xét trong Công ký nói rằng: Nhộm ba lần thành màu đen (...), nhộm năm lần thành màu đỏ sẫm, nhộm bảy lầ thành màu lam đen (truy...). Do nhộm lại màu đen thành màu đỏ sẫm, màu đỏ sẫm lại còn gọi là tước đầu, nhộm lại lần nữa mới thành  màu lam đen vậy. Cho nên Tịnh Tú Ni thấy màu y thánh chúng đắp giống nhau như cây Tang Thục Thậm, chính là màu đỏ lợt và màu đen đậm. Nay màu y của Tỳ kheo ở Mạt lăng là bắt chước theo màu truy y ở Tây Trúc. Về sau nhà Châu kỵ nghe lời cấm áo đen, bèn bỏ màu đen đắp y màu vàng, y màu vàng là bắt đầu vào nhà Châu. Lại nữa ngoài ba y ra còn có Duệ nạp bá, hình như phú kiên y, rút ra trong Ký Quy Truyện. Giảng viên tự lập duệ nếu giảng một quyển thì là duệ một chi, giảng hai, ba quyển thì tùy theo bài quyển giảng mà tính số duệ, như nạp bá đó vậy. Lại cung nhơn đời Hậu Ngụy thấy Tăng Tự Tứ trịch bày vai bên phải bèn cúng chi kiêm y gọi là kiêm sam, toàn bộ cái áo có hai cánh tay, là thể của "thất kỳ chi". Từ đời Ngụy mới bát đầu có. Lại nữa Ký Quy Truyện nói rằng, bên Tây Vức có người cầm cái lọng bằng trúc hoặc cái dư. Đời nhà Lương có vị cao Tăng tên Huệ Thiều khi gặp có người thỉnh, thì tự mình mang gậy và nón lá, nay Tăng đội nón trúc rất nhiều, thiền sư thì có nón, và cầm họp đựng nước rửa, đãy lược nước, tích trượng, giới dao, búa (rìu), ống đựng kim, những thứ đây đều là đạo cụ. Gần đây có người (Tăng) mặc y màu trắng, lỗi đây rất lớn vậy. Phật thọ ký rằng áo Cà sa biến thành màu trắng không chịu nhộm, đây chẳng phải như vậy sao? Hoặc có người biết như pháp, có ý đoạt lấy mà hoại màu đó, chơn thật là lực thắng sĩ có sức lực hộ pháp. Xưa cuối đời Đường ở Dự Chương có thiền sư Quán Âm, thấy các thiền khách phía Nam phần nhiều mặc áo nạp màu trắng, Ngài thường lấy bình thuốc nhộm để khuyên họ nhộm, nay thiên hạ đều cho rằng áo nạp màu vàng là áo nạp của Ngài Quán Âm, vị sư từng lấy việc nghe học hộ pháp làm tình đến nay vẫn còn khen ngợi Ngài.

## 10. LẬP ĐÀN ĐẮC GIỚI:

Tăng vốn có từ đời Hán; Ngụy, tuy cắt tóc nhộm y mà thành hình, nhưng giới pháp chưa được đủ, lúc bấy giờ có hai chúng chỉ thọ tam quy. Tự niên hiệu Vĩnh Bình nhà Hán đến đầu nhà Ngụy đến nay, đại Tăng và Sa di không phân biệt. Có Ngài Đàm-ma-ca-la Tam Tạng và Trúc-luật-viên-duy-kỳ-nan.v.v... đều truyền nghĩa của luật. Trong năm đầu niên hiệu Gia Bình Ngài Ca-la cùng với Ngài Đàm-đế ở Lạc Dương cho ra quyển Tăng Kỳ Giới Tâm, lập pháp đại Tụng yết ma, ở đông Độ lập đàn bắt đầu từ đây. Xét Mạn-la đại để cách làm không giống nhau, hoặc là trên gò đất lớn, hoặc là lấy cây kết lại thành tầng hoặc đắp bùn chia ra thành từng cấp đều gọi là "dân". Quét trừ đất bụi thì gọi là "thiện", "Đàn"; "tràng"; "thiện" ba chữ khác nhau đều là Mạn-tra-la ở Tây Vức. Nếu căn cứ theo Luật tông thì cần phải kiết góc, phân giới hạn, theo tự nhiên kia sống ở đó tác pháp. Nghĩ lại triều Ngụy vốn nên làm ở những nơi hoang mạc, làng xóm. Như phương Tây thọ giới thì Châu Sỹ là thực hành đầu tiên. Trong niên hiệu Vĩnh Minh Nam Triều, năm đầu của Tam Ngô tạo giới đàn, đây lại bắt đầu từ trong triều Ngô. Đầu nhà Đường ở chùa Linh Cảm Ngài Nam sơn Tuyên Luật sư theo pháp lập đàn, cấm có hàng mi dài (tức than Ngài Tân Đàu Lô) tùy hỷ khen ngợi, lập đàn đúng pháp chớ có vượt qua đây. Ngài Tuyên luật sư soạn một quyển giới Đàn Kinh, nay còn lưu hành ở đời. Tôi từng thương xót Nam Sơn không đàn đệ tứ tẳng phụ phủ hình nghi lễ, cho nên vết ra quyển Phú Phủ Hình Nghi, người ưa đọc nên tìm đọc để giúp cho việc mở rộng tri thức. Nay bộ Hựu Nhai Pho Tăng Lục, Ngài Quảng Hóa Đại sư chơn thật giới thiệu trước quên mộ ở ấp xã. Ở chùa Hưng Quốc ở Đại-Bình-Đông Kinh, lập giới đàn đá, một là tuân theo Giới Đàn Kinh của Ngài Nam Sơn, hằng trang nghiêm làm cho tuyệt đẹp ở thiên hạ vậy.

## 11. LÝ DO NI ĐẮC GIỚI

Sơ duyên của Ngài Ái Đạo há đâu phải dễ dàng, A Phan xuất tục lại là việc kỳ lạ ít có, ban đầu theo thọ tam quy vốn chưa hoàn toàn ở trong hai chúng. Xét trong Ngũ Vận Đề nói rằng từ năm Đinh Mão niên hiệu Vĩnh Bình nhà Hán, đến giữa năm Giáp Tuất niên hiệu Nguyên Gia nhà Tống cách nhau ba trăm sáu mươi bảy năm, bên Ni mới thọ Cụ giới. lại trong Tát-Bà Đa Sư Tư Truyện nói rằng mùa xuân năm thứ mười một niên hiệu Nguyên gia nhà tống, mười người Sư Tử Quốc Ni, Thiết Tố La.v.v... thọ giới trên giới đàn chùa Nam Lâm, Kiến

Khang Cảnh phước Ni tự cô Huệ Quả, Tịnh Âm.v.v... ở trong hai chúng làm pháp sự thọ giới, trong mười hai ngày độ được hơn ba trăm người, phương đây Ni giới ở trong hai chúng thọ giới Cô Huệ Quả là người đầu tiên vậy. Nên biết các cô A Phan v.v... chỉ thọ tam quy mà thôi. Lại nữa trong niên hiệu Hàm Khang nhà Tấn, các Ni thanh tịnh tập trung lại ở một chúng được giới pháp, việc này cũng chưa được hoàn toàn. Và trong niên hiệu Kiến Võ các Ni ở Giang Bắc vẫn phải đến chùa Tăng thọ giới, nhiều triều đại vẫn không bỏ lệ này. Gần đây do Thái tổ ra lệnh không cho các Ni đến trong Tăng thọ giới, từ đó Ni hoàn toàn ở trong một chúng (Ni chúng) mà được giới pháp của mình, mà giới phẩm trọn không được viên mãn. Nay bực thánh anh minh hiểu rõ đoán được, những bực hộ pháp tâu xin vẫn thực hành như cũ để khỏi làm cho chánh pháp mau hủy diệt.

## 12. PHÁP THỌ TRAI SÁM:

Từ khi Phật pháp truyền qua Đông độ (Trung Quốc), sự phần nhiều bị mê mờ, cho nên trong Cao Tăng Truyện nói rằng thiết lập trai sám giống như cúng tế. Đời nhà Ngụy, nhà Tần, Tăng đều mặc vải bố mang dép cỏ, mà ăn, uống, đứng, ngồi, oai nghi, xướng tụng, dẫn dắt, khai hóa sơ sài không có quy cũ. Đến đời Đông Tấn có pháp sư Đạo An nước Ngụy Tần, có trí tuệ hiểu biết rộng, mới tìm tòi nghiên cứu kinh luật làm ra các nghi thức, phó thỉnh Tăng bạt, tán lễ, niệm Phật.v.v... phàm có ba điều lệ, thứ nhứt đó là hành hương, ngồi định. Bài "Phó thỉnh Thiết Tắc", Đại Minh Nguyệt Tắc của Ngài Tuyên luật sư, là đệ tử của Phật nếu không xem đọc bị chê là tiêu phí lúa thóc, mà mình vẫn để đó ư? Gần đây nghe nói có một vị khách buôn bán ở Tây Giang muốn tạ ơn buôn bán phát đạt mà trai Tăng. Trước khi trai Tăng ông đưa ra bài văn sớ, có vài vị Tăng đọc không được, bị ông khách buôn đuổi đi. Không phải là đáng cười lắm sao? Người đời sau nghe việcđây nên phải thức đêm ra công học tập, một thì không luống thọ của tín thí; hai thì che chở được chúng Tăng; ba thì làm cho tiếng tăm của chúng Tăng được vang dội khắp nơi vậy.

## 13. SỰ PHÁT TRIỂN BIẾN ĐỔI LỄ NGHI:

Pháp lễ bên Tây Vức có nhiều cách, như trong truyện có nói rõ. Lễ bái là cong mình. Nhiễu vòng quanh là luyến mộ. Thiên đản cũng gọi là nhục đản (bày vai hữu). Bỏ giày dép là không dám an. Hòa nam là trước hết là ý hỏi thăm. Tránh đường là cung kính. Các ví dụ trên

thường nghe không ra nhiều. Nếu Ni lễ Tăng, từ trong truyện có tám pháp. Tỳ kheo được tôn kính lạy chạm chưng đến ba lần là tỏ lòng rất cung kính, như việc trên khiến cho được trường tồn. Gần đây lấy trải tọa cụ liền làm lễ. Xưa có vị phạm Tăng đến cõi đây đều trải Ni-sư-đàn liền lên đó làm lễ, về sau tránh phiền phức, Tôn giả vừa thấy mở Ni-sư-đàn ra liền ngăn lại, bèn nói chuyện thoả mái, sau lại mớ ra rồi lại cũng dạy, Tôn giả lại ngăn, do đây lấy việc trải Ni-sư-đàn để định cho việc lễ bái, số lễ bái đều gọi là bái đó vậy. Như phương đây lập ra việc cung kính há không phải là rất dón gọn ư! Song tùy theo nơi và làm cho thanh tịnh, không được không làm. Lại như Tỳ kheo gặp nhau cúi mình chấp tay miệng nói không biết như thế nào? Đây là ba nghiệp quy ngưỡng vậy. (Thân cúi mình chấp tay miệng thốt ra lời thăm hỏi, nếu tâm không sanh lòng tôn trọng, há có thể động thân khẩu ư?) gọi là thăm hỏi đó vậy. Người nhỏ hỏi bực tôn túc thì nên hỏi Ngài có được ít bịnh ít não, đi đứng ở yên được nhẹ nhàng chăng có được an ổn chăng, không biết không bịnh, phiền não, ăn uống dễ dàng chăng, chỗ ở không có bạn ác, trên bờ dưới nước không có vi trùng chăng, người đời sau tỉnh ngộ lời tạ từ kia, chỉ nói là không biết, lớn như ngừng lầu sau vậy. Lại như khi sắp ra đi thì từ tạ nói rằng “trân trọng” là như thế nào? Đây là đã gặp nhau rồi, tình ý đã thong, chúc nhau rằng “trân trọng”, cũng như nói khéo bảo trọng, xin thêm tự yêu thích. Tin tức tốt thì nên giữ gìn tôn quý. Như bên Tây Vức gặp nhau thì chấp tay nói hòa nam, hoặc nó là Bàn-trà-vị. Lâu không gặp nay gặp lại làm bàn lễ. Như tôn nghiêm sự tượng, thì vừa gặp nhau liền làm lễ. Nay người xuất dùng tình người Hoa mà học việc của người Phạn mà thôi, điều gọi là nửa hoa nửa phạn, cũng phải mà cũng chẳng phải, tìm sở khởi kia thì đều là pháp của Ngài Đạo An để lại, thì ở đã khác với người thế tục, thực hành các điều khoản của luật nhiên cũng khác. Hoặc nói rằng Tăng dâng lên biểu sớ nên bỏ đi hai chữ khấu đầu, do nó có liên quan đến cửu bái chúc tông. Tôi thấy Ngài Lô Sơn Viễn Công và Ngài Thái Sơn lãng công làm văn phúc đáp cho vương thần đều gọi tên xưng khấu đầu. Ngài Viễn Công giảng lễ, giảng thánh hiền chọn lựa nghĩa há là lạm dụng ư? Vả lại khấu đầu là cúi xuống mà bái vậy. Nay nói khấu đầu mà thân không kham xuống thì sao gọi là bái. Lại nữa người tu khi gặp nhau, chấp tay cúi đầu mà nói khế thư (cúi đầu) cũng giống như vậy. Song người cầm bút trách đó là rất thông minh vậy.

**14. CHÚ THÍCH KINH:**

Đầu tiên phiên dịch pháp ngữ chưa thông suốt phàm tình, đã dịch lại mới thấy thông, văn cứu cánh mà lý thông suốt cho nên chú giải pháp Nghĩa ẩn sâu có chỉ bày mới hết. Trong Ngữ Vân Đề có nói rằng Ngàn Khương Tăng Hội trong niên hiệu Xích điểu nhà Chu Chú Kinh Pháp Cảnh, đây là người đầu tiên chú giảng kinh. Lại nữa Ngài Đạo An chú giảng lại bộ kinh Bổn Sanh Tử.v.v... đây là đầu tiên chú giảng kinh. Đầu nhà Ngụy có Ngài Chi Cung minh ở Hà Nam cũng có làm chú giải. Như vậy thì ở phía Nam (nước Việt Nam bấy giờ) có Ngài Khương Tăng Hội ở đầu tiên, còn ở phía Bắc (Trung Quốc) thì Ngài Chi Cung Minh chú giảng kinh là lần đầu tiên hết.

**15. TĂNG GIẢNG KINH:**

Chu Sĩ Hành người Vĩnh Xuyên, chí nghiệp ở nơi chánh pháp học ít biết rộng, thoát ly trần tục. Sau khi xuất gia chuyên đọc kinh điển, thường giảng đạo hạnh bát nhã, than dịch lý chưa cùng tột. Năm thứ năm niên hiệu Cam Lộ nhà Ngụy; Ngài phát tâm từ Trường An vượt qua Lưu sa đến Vu Điền được chin mươi bài bản chánh chữ phạn. Người nước đó phần nhiều là học tiểu thừa, người nước đó dèm pha với vua rằng: Sa môn người Hán muốn đem sách Bà la môn hoặc bạn chánh pháp, vì sao không ngăn Ngài lại, đất Hán đui điếc là lỗi của vua, vua bèn không cho mang kinh về Đông Độ (Trung Quốc). Ngài Sĩ Hành nhơn đó xin đốt để làm linh nghiệm. Lúc bấy giờ Ngài chất củi ở trước điện, Ngài thệ nguyên xong rồi đốt, các kinh đó quả nhiên không bị tổn hại, vua bắt đầu mới tin phục, Ngài Sĩ Hành gởi kinh về nước. ngài Trúc-pháp-lan, Vô-la-xoa dịch kinh được phóng quang Bát - nhã. Ngài Đuệ pháp sư nói rằng ông Sĩ Hành ở Lạc trung giảng tiểu phẩm thường không thông, vượt qua Lưu sa cầu đại phẩm trở về dịch ra thành âm nhà Tấm. Ngài Sĩ Hành thời Tào Ngụy là người giảng đạo hành kinh, là vị Tăng giảng kinh đầu tiên đó vậy.

**16. NI GIẢNG KINH:**

Năm Mậu Thìn năm thứ ba niên hiệu Đại hòa Đông Tấn Phế Đế, ở chùa Đông Lạc chương có vị Ni tên Đạo Thinh tục là họ Dương, khi còn là Sa di tụng thông thuộc hai bộ kinh Pháp Hoa và Duy Ma. Sau hi thọ đại giới nghiên cứu cùng tột nghĩa lý, một phương đạo học cùng chung sư tông. Vị Ni giảng kinh đầu tiên tên là Cô Dạo Thinh vậy.

## 17. TẠO SỚ KHOA KINH:

Kinh giáo truyền qua phương Đông ban đầu thì Ngài Chu Sĩ Hành giảng nói chưa thành văn tự, phân khoa chú giải là Ngài Đạo An pháp sư. Ngài Đạo An chú kinh thường sợ không hợp với ý Phật, nằm mộng thấy có vị đạo nhơn nói họp lý tức là Tân Đầu Lô. Có người nói rằng chú thích và tạo sớ hoàn toàn khác nhau, vì sao lại xem Ngài Đạo An là đầu tiên? Đáp rằng chú là giải thích kinh, cùng với việc riêng làm sớ nghĩa khác tên gọi mà thật hành đồng, huống chi chia ra khoa tiết làm cho không dài dòng để giải thích, đây là ý của Ngài Đạo An. Kế đó có Ngài Tăng Duệ (Nhuệ) làm sớ kinh Duy Ma, cả đời sớ các kinh Duy Ma, Pháp Hoa, Nê Hoàn Tiểu phẩm, người đời rất là coi quý.

## 18. GIẢI LUẬT:

Pháp sư luật sư thông hiểu pháp vốn là Ngài Đàm Vô Đức yết ma đắc giới mà thường học Tăng kỳ. Một hôm Ngài tự ngộ mà than rằng: Thể đã có bốn phần mà thọ, sao lại có bộ khác để rõ, lúc ấy Ngài bèn bỏ giảng Kỳ luật, tay mở mắt xem xiển dương tứ phần. Có môn nhơn (đệ tử) tên là Đạo Phúc lần lựa chép hết dần dần thành nghĩa sớ. Ngài Đạo Phúc là người đầu tiên giải tứ phần. Đến giữa niên hiệu Nguyên gia nhà Tống Ngài Huệ Tuân giỏi thông bộ Tăng Kỳ Thập Tụng liền chế ra điều chương, tức là người giải bộ Nhị Luật đầu tiên. Nay chùa phía Bắc núi Ngũ Đàn tương truyền rằng có vị sư thông minh giảng luật nay còn dấu tích của Ngài.

## 19. GIẢI LUẬN

Tỳ Đàm là huệ học, đối pháp là mạng gia, tuy thấy phiên dịch lưu truyền trể mà lại mau thành trí mẫu, các loại ban đầu tra cứu nhiều hơn sớ văn, duy có một tông Thành thật nhiều pháp tướng nhất. Phía Bắc thì có bộ giảng lược của Ngài La Thập trao phó cho Ngài Tung pháp sư. Cho nên năm thứ mười niên hiệu Chủ đại hòa đời Hâụ Ngụy. Ở chùa Bạch Tháp - Hành Từ Châu, có bài chiếu nói rằng, gần đây chùa này có một danh Tung pháp sư, thọ bọ Thành Thật với Ngài La Thập sau đó trao cho Ngài Uyên pháp sư. rồi sau đó lại trao cho hai pháp sư Đăng Và Ký. Trẫm mỗi khi xem bộ Thành Thật nói, ông Đạo Đăng từng truyền luận ở trong sự nhẫn nhục. Đây là bắt đàu có từ thời Bắc triều. Lại nữa Tăng đạo, thiền, kinh, luật, luận mỗi mỗi đều rất tinh thông thời Diêu Hưng đồng chớ về hoàng cùng làm ra bộ Thành Thật Tam Luận nghĩa sớ. Đây lại là có trước tiên. Ở phía Nam thì có Tăng Nhu giảng dạy

tuyên dương, cho nên rút ra trong Tam Tạng Ký có nói rằng: Tháng mười năm thứ bảy niên hiệu Vĩnh Minh nhà Tề Văn Tuyên Vương triệu tập năm trăm danh Tăng học rộng ở kinh sư, thỉnh Tăng Nhu ở chùa Định lâm giảng tại chùa, Huệ Hân giảng ở chùa Phổ Hoằng. Đây là người giảng luận đầu tiên ở Nam triều. Lại nữa các sư Triệu Nhuệ .v.v... giảng các luận Trung Bá Thập Nhị Môn .v.v... các sớ nghĩa nối tiếp nhau sanh không thôi.

## 20. ĐÔ GIẢNG

Người tuyên dương là do có người kinh phát, chẳng phải có người khác khởi đầu mối, thì khó mà ở trên toà riêng khởi. Cho nên Lương Võ giảng kinh, lấy ông Pháp, chùa Bửu Tích Viên làm đô giảng. Ông Pháp Bửu trước hỏi một câu gạn tới gạn lui theo lời hỏi mà đáp đây là đại thể của đô giảng. Lại nữa ông Chi đến Cối kê, Vương nội Sử thỉnh giảng Duy Ma, ông Hứa Tuân là đô giảng. Ông Hứa hỏi một câu hỏi, chúng cho rằng ông Chi không thể trả lời được. Ông Chi đáp một nghĩa, chúng cho rằng ông không cho là khó. Như vậy hỏi đáp liên tục không dứt. Do đó nên biết đô giảng thật khó với người kia. Lại Tăng Già Bật Đà La là tựu giảng, đệ tử Pháp Dõng truyền dịch Tăng niệm là đô giảng. Lại ông Tăng Đạo là người kinh triệu. Khi còn làm Sa di, ông Tăng Nhuệ cũng thấy làm lạ hỏi rằng ông muốn làm gì trong Phật pháp, ông trả lời muốn làm pháp sư là đô giảng. Ông Nhuệ nói rằng: ông làm pháp chủ của muôn người, há lại xưng là tiểu sư ư? Đây là thế kỷ Diêu Tần đã có đô giảng. Đô giảng ngày nay không nghe có người kích hỏi, cứ xướng văn kinh, đâu giống như đo giảng ngày xưa.

## 21. TRUYỀN THIỀN QUÁN PHÁP

Thiền quán bắt nguồn từ đây, đời nhà Tần Ngài Tăng Nhuệ pháp sư tự là Quang trung cho ra bộ Thiền kinh. Văn kia hướng đến chỗ minh tâm đạt lý. Song thí như ban đầu có phương thuốc, chưa có thể dung hợp, không thể chữa trị bịnh, chỉ nói trong sách y. Huống gì đại pháp đã phô bày, những lực anh tài phân giảng. Người chú thích đã khai diễn từ nghĩa kia, người phân khoa cũng đã khéo léo phân chia. Nhưng còn chấp trần theo ngón tay, chỉ còn nương vào những bậc căn cơ ứng biến, sắc bén nhanh nhẹn. Chỉ xem những người dao trí bén nhọn, quên cả sớ thuyên, không cầu xuất ly Ngài Giang Biểu Viễn Công thương xót cho thiền pháp chưa được phô diễn, ở đó khổ cầu mà được. Ngài Bồ-đề-đạt-ma quán sát thấy có duyên nước này, đối với một thời kỳ rối ren mà

tuyên nói không lập văn tự, bỏ chấp văn tự chìm đắm tiểu trần. (Tiên nói: Không tuân theo sự giáo hoá của vua gọi là phản thần, không tiếp theo sự dạy dỗ của cha gọi là nghịch tử. Không theo lời Phật dạy gọi là đệ tử của ma. Cho nên pháp của ba đời chư Phật không có dị thuyết, chư thánh mười phương thọ học cùng văn. Kinh gốc của đức Thích Ca, lời nói ngọn của Ngài Viễn Công, Đạt ma, bỏ gốc theo ngọn thật đáng thương xót. Tập khí ngu muội dường như đồng loạt, bực căn lá bối hỏi khắp tam tạng từ Tây lai, vẫn xem cầu pháp xưa nay ghi trong văn, thiền định bên Thiên Trúc vẫn tuân theo giáo thừa. Do đó người nhập chánh vị là nối gót nhau, ngũ thiên bởi nương pháp theo thật mà hành. Phật nói thánh pháp không làm lầm người hậu học. Dám bảo người đồng chí hướng học Phật tu thiền ngõ hầu mong ra khỏi biển khổ, lên được bờ bên kia (bờ giác ngộ), không lấy việc lợi khẩu để khi dối người, tự che dấu tánh linh. Kinh nói rằng nếu muốn đắc đạo phải nương theo lời Phật dạy, nếu trái lời Phật mà chứng đắc thì không có lẽ đó, có thể là bịa chuyện sao?

## RIÊNG LẬP THIỀN CƯ

Đạo của Đạt Ma đã được thực hành, những bậc căn cơ sắc bén gặp nhau có người xướng cũng có người hòa, song chứng giáo hóa được chỉ tùy theo chùa viên mà ở không có quy chế riêng. Ngài Đạo Tín thiền sư ở chùa Đông lâm, Năng thiền sư ở chùa Quảng quả, Ngài Đàm thiền sư ở chùa Bạch Mã, mỗi vị có luật nghi riêng. Chỉ có người tham học là thực hành y Đỗ đa, y phấn tảo, y ngũ nạp là khác mà thôi. Sau đó Ngài Hoài Hải Bá trượng sơn thiền sư bắt đầu có ý kinh luận riêng lập ra thông đường, trải các liên sang khuyên người ngồi thiền, gồi xong mang để trên cái gường cao nghiên làm cái giá. Phàm một trăm đạo cụ đều treo ở trên đó, đều gọi là long nha dặc thượng đó vậy. Có lẽ sáng tham chiều thỉnh tùy theo tiếng khách bằng đá hay bằng gỗ làm tiết độ. Người đáng tôn kính thì gọi là trưởng lão, người đi theo thì gọi là thị giả, người chủ sự thì gọi là viên ty, người cộng tác thì gọi là phổ thỉnh. Hoặc có người bị lỗi người chủ sự dạy dùng cây, gậy, đốt y bát gọi đó là giới phạt (phạt răn đe). Phàm các quy tắc mới gọi là tòng lâm không giống với luật, vậy từ Ngài Bá Trượng là đầu tiên.

(Sách Tiên nói: Lễ nhạc khoa trương do Thiên tứ chế ra, thì đạo của vua mới hưng thạnh, quy tắc của Tăng ở chùa Phật nương theo lời dạy của Như Lai thì chánh pháp mới trụ lâu đời).

## 22. TĂNG NƯỚC NÀY THAM HỌC ẤN ĐỘ

Than ôi! Giương cao hiến pháp tuy chánh đã được nêu bày, chỉ vì khai hoang mà vâng theo lệnh. Các Ngài Ma Đằng và Trúc-pháp-lan đã đến Trung Hoa nhưng chưa có người khắc chí cầu kinh. Cũng như để một khi vỡ thì nước trong đã chảy ra, nước ở bên ngoài cũng chảy vào, rồi sau đó mới bình mặt nước. Ngài Chu Sĩ Hành ở Lạc Dương nhà Ngụy thệ đến Tây Thiên tìm cầu kinh Bát Nhã, Ngài Tăng Hựu cho rằng đây là vị Tăng ở trung Hoa đầu tiên đi qua Tây Vức. Song Ngài chỉ đến Thông Lãnh phía Bắc nước Vu Điền mà thôi. Đời nhà Tấn Ngài Pháp Hiển kêu gọi và mươi người cùng chí hướng đi du học Ấn Độ, lên núi Linh thứu, đây chính là người đầu tiên đến miền Ấn Độ. Sau đó có Ngài Giao Kiên tiếp nối theo dấu vết kia. Đến như có vị Tăng riêng ở Đông Hạ chùa Hán, nói rõ quết đề có thể nghiệm biết. Nếu luận về người truyền dịch thì đa sớ là chỉ giỏi tiếng của một nước, ít người nghe mà thông hiểu. Chỉ có Ngài Trang (Táng) tam tạng là nghiên cứu âm nghĩa của hai nước, học hết các vị học thức ở khắp các nơi mới dịch hết được ý kinh. Kế đến có Ngài Nghĩa Tịnh tự mình du học cõi nước kia, khéo thông đạt Tỳ ni, về sau sửa những điều mê vọng trong luật phạm, chú thích mật ngôn dẫn chứng hòa hợp, bèn được có người thọ trì có kinh nghiệm lưu bố không ngại. Vốn là đời Hậu Hán đến nay, những người phiên dịch cứ tương tục. Từ năm giữa niên hiệu Nguyên Hòa đời nhà Đường. Sau khi dịch xong kinh Bổn Sanh Tam Địa một trăm sáu mươi năm sau không nghe đến việc dịch kinh nữa. Tống Thái Tổ từng cho hơn một trăm vị Tăng qua Tây Vức để cầu pháp. Năm thứ bảy niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc đời Thái Tống, có mời lập viện dịch kinh ở phía Tây chùa Thái bình hưng quốc Đông kinh, triệu tập vài vị phạn Tang như Tam-tạng; Thiên-tức-tai.v.v... và soạn lưỡng giai Minh Nghĩa học Tăng, đổng dịch kinh mới, như vậy việc dịch kinh được hưng thạnh giữa thời đại Tống.

## 23. TRUYỀN MẬT TÔNG

Mật tông là pháp Đà-la-ni, là pháp bí mật chẳng phải là cảnh giới của hàng nhị thừa, là nơi thường dạo đi của chư Phật Bồ tát. Xưa dịch là trì, nay dịch là tánh, nguồn gốc của nó vốn là pháp tánh vi diệu, hình của nó là mẹ của Đà-la-ni, xét về âm của nó thì là thanh minh, nghiên cứu về văn thì là tự giới duyên, rút ra trong tam tạng ký có chép thần chú là tổng trì, vi mật trì vậy. Trong Cao Tăng truyện chép Ngài Bạch-thi-lại-đa-la vốn là người Tây Vức. Đầu đời Đông Tấn Ngài đến hành

đạo, Vương Đạo; Chu Bá Nhơn; Dữu lượng đều khâm phục và kính trọng Ngài. Ngài hay trì chú thuật, những điều hồi hướng đều có nhiều linh nghiệm. Lúc bấy giờ ở Giang Đông chưa có chú pháp, mật chú xuất hiện từ Khổng Tước Vương chú, đây là chú pháp đầu tiên vậy. Thời Bắc Ngụy thì có Tung Sơn, Bồ-đề-lưu-chi, Thúc Tĩnh Thọ.v.v... trì chú co nhiều linh nghiệm hiệu dụng. Đời nhà Đường có Ngài Chí Thông pháp sư rất tinh thông cấm chú. Kế đó có Ngài Bất Không tam tạng ở chùa Hưng thiện đất Kinh đại dịch rất nhiều giáo pháp tổng trì, lập nhiều mạn-trà-la, thần thuật có có thể hết được. Quán đảnh thần pháp dất đầu nơi Ngài Bất Không, trong niên hiệu Vĩnh Thái Đại Tông sắc lệnh chỗ đạo tràng quán đảnh, chọn hai mươi bảy người làm quốc trưởng tụng chú Phật Đảnh và Miễn Sai Khoa Địa Thế.v.v... Cuối đời Lương và hậu Đường, Ngài Đạo-hiền-xà-lê-giả một hôm chim bao thấy đi dạo Ngũ Thiên Trúc, gặp Phật chỉ dạy tụ lạc của nước nào đó, đến sáng sớm đốn ngộ Ngũ ấm ngôn ấm không sai một ly, nay sư truyền phán đàn pháp và tông đây là Phượng Tường A-xà-lê đó vậy. Vua Thanh Thái đời Hậu Đường rất thích theo đạo đó, về sau theo giá vào Lạc mà qua đời, nay tháp ông ở Long Môn. Gần phía Nam Đông Kinh có một đại sư người Nhật thường diễn mật tạng cho Vương Công Đại Nhơn. Đến nay đệ tử của Ngài rất nhiều, người truyền sự nghiệp của Ngài gọi là tam tạng, hoặc có người gồm giảng cả kinh luật luận thì gọi là truyền hiển Mật tạng.

## NGOẠI HỌC

Phàm học không nhàm chán rộng nhiều, có những điều không biết sẽ che lấp nước thiếu sót của mình, tôn của ta rất xa xăm dung pháp tam thừa mà chuyên chở. Nhưng nếu bị ma chướng xâm lấn thì cần phải chống trả lại. Cái thuật chống trả lại không gì bằng nếu biết được tình hình địch. Người biết được tình hình địch bên Tây Trúc thì có Ngài Vi Đà, bên Đông Hạ thì có Ngài Kinh Tịch. Cho nên trong chùa Kỳ Hoàn có bốn viện Vi Đà, ngoại đạo lấy làm rất tôn thờ. Lại có thư viện, tất cả nước sách khác nhau trong đại thiên thế giới đèu có chứa trong đó, Phật đều cho đọc hết, vì hang phục ngoại đạo mà không cho nương theo kiến giải của họ. Những bực cao cổ đức ở cõi đây có thể nhiếp phục được các tôn phái khác đều là do học rộng đó vậy. Thí như nước người di dịch ngôn ngữ không thông, cách ăn uống khác nhau, thì ai có thể hiểu được chí nguyện của họ. Hoặc có người hiểu được một ít tiếng Hồ liền có thể thuần phục và giải hòa người kia được. Do đó Tập Tạc xỉ Đạo An dùng

nói năng khéo léo để mà điều phục. Bộn ông Tông Lôi, Ngài Huệ Viễn dùng thơ để khuyến dụ. Quyền không hai, lấy lễ để biện hoặc mà nhu nhuyến. Lục Hồng, Tiêm Giảo Nhiên dung thi mà được thân cận. Đây là điều không thực hành thuật gì khác mà chỉ là thông ngoại học mà thôi. Đạo Nho và Lão lý sâu xa, hàng Thích tử đã tinh tông giáo lý của đạo mình rồi, thì ngại gì mà không ra sức học hỏi mở rộng thêm thấy nghe, chớ có trệ ở một bên.

ĐẠI TỐNG TĂNG SỬ LƯỢC
(HẾT QUYỂN THƯỢNG).

■

# ĐẠI TỐNG TĂNG SỬ LƯỢC

*(Năm thứ hai niên hiệu Hàm Bình, Trùng canh Phỉnh lý).*
*Hữu Nhai Tăng Lục Thông Huệ Đại sư Tán Ninh*
*phụng sắc chỉ soạn.*

## QUYỂN TRUNG

24. Tăng tục lập điều chế.
25. Hành hương xướng đạo
26. Nguyên được tán tụng
27. Cương lãnh chùa Tăng
28. Lập Ni chánh Tăng chánh (phụ)
29. Tăng thống
30. Sa - môn đô thống
31. Tả Hữu Nhai Tăng Lục
32. Tăng chủ viên phó
33. Chủ toà giảng kinh luận
34. Quốc sư
35. Các chức vụ khác
36. Tăng chánh nhận bổng lộc
37. Quảng thúc Tăng Ni
38. Lớp, ngôi vị Tăng Ni và Đạo sĩ
39. Nội đạo tràng
40. Tăng tịch có lợi có căng

---------------------------

## 24. TĂNG TỤC LẬP ĐIỀU CHẾ.

Phật pháp lưu hành tuỳ thời mà chế giềng mối đoạn hợp Tỳ-ni, chịu sự lượng của pháp khác, cần phải theo pháp khác. Cho nên Phật quở Tỳ kheo rằng: Hay tránh điều chế của ta tạo các tội, lúc đó Ngài bèn lập ra Tỳ-ni mới, sau khi Niết-bàn lập giáo giới cho đời vị lai: cho rằng mô phạm của luật không tròn, thiên khoa không chép hết được, thì so sánh phụ mà cầu đó, do đó ngoài "thiên" "tụ" ra còn có Tăng chế. Ngày nay Tỳ kheo hoặc ở trong rừng, hoặc ở trong chùa đều cùng chung chúng lập điều lệ, để ràng buộc hành vi của mình để giúp không mắc phải những lỗi lầm. Ngài Đạo An pháp sư đời nhà Tấn thương cho giới luật chưa được đầy đủ, xót cho oai nghi còn thiếu nhiều, cho nên che dấu khuyết điểm, ngăn ngừa dòng chảy kia, lập ra điều lệ đặt thành chương, khiến cho một lúc mà sanh niềm tin. Các pháp: Một, hành-hương-đinh toà-thượng giảng; Hai, sáu thời lễ sám; Ba, Bố tát. Nếu có người vượt qua pháp đây thì phải riêng lập ra điều lệ để ngăn ngừa. Đệ tử của Ngài Đạo An tên là Pháp Ngộ, giảng pháp dạy chúng ở Kinh Châu, lúc bấy giờ có người học trò uống rượu, Ngài Pháp Ngộ phạt mà không chịu bỏ. Ngài Đạo An ở Nhượng Chương nghe được việc đó, gói một cây roi nhỏ gởi cho Ngài Pháp Ngộ. Ngài Pháp Ngộ hiểu được ý thầy, bèn nhóm chúng dạy bảo, sai người trị nhật đánh Ngài Pháp Ngộ hai mươi roi, rồi gói cây roi gởi ại cho Ngài Đạo An. Cho nên Ngài Tập Tạc xỉ cùng với Tạ An Thơ nói rằng: "Ngài đạo An có thể làm yên được trong chúng. Ba điều lệ trên khắp thiên hạ đều cùng nhau vâng làm. Lại nữa Ngài Chi Độn lập "chúng Tăng Tập Nghi Độ; Ngài Huệ Viễn lập "Pháp Xã Tiết Độ"; đến như Ngài Tuyên Luật Sư lập "Minh Chung Quỷ Độ", chi ra "Ngũ Chúng Vật Nghi"; "Chương Phục Nghi" và quy kính nghi". Những ghi đây điều tuỳ thời nương theo giáo pháp mà nối tiếp nhau ra đời. Phát rừng khai hoang thì Ngài Đạo An là người đầu tiên chế ra điều lệ cho Tăng. Vua Thế Tông Tuyên Võ Đế khi lên ngôi liền ra chiếu rằng: Kẻ tục người tu đã có phần, pháp luật cũng có khác. Đạo lý giáo pháp xen nhau hiển rõ, những điều cấm ngăn hay khuyên răn đều có chổ thích nghi, vị Tăng phạm tội sát nhơn thì phải y theo pháp luật thế tục mà xử đoán, còn phạm các tội khác đều giao cho Chiêu huyền, do vì trong luật của Tăng đã có chế định rõ ràng rồi. (Đế Tân soạn trong niên hiệu Cảnh minh). Thời Ngụy và thời nhà Lương thông suốt hài hòa, rất quý sai người theo sứ giao dịch, chỉ có ông Thôi Xiêm từng nhờ vị Sa môn Minh Tạng trước tác Phật luận mà ông ký tên, ông mến Phật pháp như đây vậy. Trước đây pháp Tăng Ni rất lộn xộn, ông Xiêm dâng

biểu tâu lên thiết lập lại Khoa, điều, thiên trong pháp Sa môn dâng lên Chiêu huyền đô, để kiểm ướt đó. Lại nữa ở năm tế Văn Tuyên Vương làm một quyển Tăng chế. Ông Lương Đổ xây chùa Quang Trạch mời Ngài Pháp Vân làm chủ chùa sang lập Tăng chế dung làm mô phạm cho đời sau. Xem đời Bắc Ngụy, Nam Triều người đời thay đổi làm Tăng chế văn rất uyển chuyển mà không quá nhiều: Do lưới khinh pháp, có người ác xuyên qua hang sót lại mà bị rớt xuống, không đến đổi phải bị hình phạt giết chết, có thể được ư? Làm Tăng nếu chưa có thể tu hành, chỉ có thể tránh được lỗi hình phạt, thì cũng là lực thượng sĩ tiêu diêu lắm rồi vậy.

## 25. HÀNG HƯƠNG XƯỚNG ĐẠO.

Hương là trừ mùi hôi, giữ lại mùi thơm, khiến cho người thích ngữi, vốn người Châu tôn sùng mùi kia, thầm họp với trùng hương bên Tây Vức. Phật ra đời vào thời Cổ, ở xa mà là khế họp. Trọng kinh nói trưởng giả muốn thỉnh Phật đêm trước phải lên lâu gác tay cầm lư hương để tỏ tín tâm của mình, ngày mai khi đến giờ ăn Phật liền đến, cho nên hương là sứ giả của sự tín tâm.

Trong kinh Đại Di Giáo viết, Tỳ kheo khi sắp ăn cơm trước phải đốt hương tụng kinh. Lại trong kinh nói: Xà Hô Tỳ kheo tự nói túc duyên của mình khiến cho người sám hối: Tương Tiên Đế đến Thủ Ngã hành hương, ở phương đây giáo pháp đã được thực hành, kinh tạng đã được lưu truyền. Trong ba điều lệ của Ngài An pháp sư, thứ nhất là hành hương, định tòa, thượng giảng. Đây chính là có việc hành hương đầu tiên thời Trung Hạ. Hậu Ngụy và Giang Biểu đềi trọng rải hương mà không theo lịch trình nào. Đến triều Đường Cao Tông, ông Tiết Nguyên Khởi; Lý Nghĩa Phủ vâng sắc lệnh nhà vua, cúng trai Tăng hành hương làm phước cho Thái Tử, nhơn đó mà lễ bái Ngài Trang Tam tạng . Lại nữa vua Trung Tôn lập trai đường vô giá, tiệu các quan hàng ngũ phẩm trở lên đi hành hương, hoặc đốt hương xông tay, hoặc đem bột hương rải khắp nơi, gọi việc làm đó là hành hương. Về sau Ngài Bất Không Tam Tạng tâu lên Thái Tông Cao Tổ ngày kỵ của bảy vị thành lập trai đàn hành hương, vua sắc chỉ nên y theo ý kiến của Ngài, vì tin nhơn có nhiều cho nên không trai Tăng chỉ hành hương mà thôi. Triều Văn Tông Trung Thơ Thôi Lãi dâng sớ nói rằng: Ngày kỵ giỗ của nước nhà lập trai đàn, trăm quan hành hương sự không có kinh để căn cứ, cúi xin vua đình chỉ và bỏ đi.

Vua sắc chỉ rằng: Lời tâu của ông Thôi Lãi tìm gốc ngọn, lễ văn

linh thức từng không rõ ràng. Châu phủ khắp thiên hạ hai kinh thành kia trong ngày kỵ giỗ của nước ở chùa xem hành hương đều nên bải bỏ. Thử bàn luận xem, ông Thôi Lãi nói không có kinh căn cứ. Xà Chi hành hương há không có trong kinh sao? Ngài An Công dẫn giáo lập nghi, há lại không có căn cứ ư? Sắc chỉ rằng xin tìm gốc ngọn lễ văn linh thức từng không rõ ràng: Lễ Cửu Tam Đại không phải đã từng nói ăm cơm Thích Tử mà hành hương ư? Vả lại linh thức chỉ là pháp luật thay đổi phát triển của nhiều đời. Như điều cảnh sau đại tông, há không nêu trong linh thức, cuối đời Tùy đầu thời Đường ư?. Huống chi lễ là xuất phát từ nhà Nho, lẽ nào lại lấy sách đạo Phật làm căn cứ. Sự nhơn nới đạo Phật, không nên láy sách nho làm căn cứ, chính là thể chứng, mới gọi là họp lý. Nhà nho lại không đồng ý lại dẫn sách nho,khác gì người trong tù khởi kiện mà mời người thân của mình làm chứng, nếu muốn trừ bỏ người kia cũng không từ chối. Phàm người con hiếu thờ tổ tiên chỉ giỏi việc chôn cất không có ích cho đời sau vốn nên bỏ đi vậy. Hành hương là giới thiệu với những nơi tối tăm hoang vắng, biết rằng không nơi nào không xem xét. Văn Tông khinh thường tổ tông, nên ông chỉ ngồi nhờ mà thôi.

Hoặc có người nói rằng cần gì phải hành hương làm cho thông. Nói rằng như ông Châu Chi còn ngửi mùi cúi, máu, mỡ, cỏ, ông tiêu đốt, nói rằng trời còn thích mùi đó vậy. Trời đâu có ăn khí máu; mỡ, cỏ cây, do vì người ngửi mùi đó, do ngửi mà thành việc trời. Nếu như vậy Phật giáo trọng hương lẽ nào có thể đoạt mất đi? Huống gì bá quan hành hương là thay vua, bá quan thờ tổ tông cũng là thần tử, nếu muốn bỏ đi thì làm sao là bực trung hiếu được.

Tuyên Tông lên ngôi hưng khởi lại đạo đây. Đại Tung năm thứ năm sắc chỉ kinh thành và các châu phủ bên ngoài, ngày giỗ của nước phải hành hương và phải thanh khiết, không được đem rượu thịt vào chùa nấu nướng, đã mất tâm cung kính lại trái với đạo dâng cúng. Từ đây đến An Đế hành hương như cũ. Châu Lương Phế nhà Đường, bảy tiều mới dừng, năm thứ ba niên hiệu Khai Bình, trong tiết Đại Minh các quan vào chùa hành hương chúc thọ, sau trở về cúng tổ tiên, hành hương đến nay không dứt.

Năm thứ năm niên hiệu Thiên Phước, Đậu Thinh Cố dâng tấu nói ngày giỗ của nước, tế thần quỳ đốt hương, bá quan bày tòa. Nay quỳ thắp hương, bá quan đứng hai bên, sau khi hành hương xong cúng dường trai phạn cho trăm vị Tăng, thường lấy việc này làm nghi thức thường. Năm thứ ba niên hiệu Thuần Hòa vua Đại Tông nhà Tống, ngu bệ viên

ngoại lang Lý Tông Nột tâu lên vua ngày giỗ của nước thỉnh các quan Tể thần trở xuống hành hương, sau đó cấm ăn thịt, uống rượu để tiêu biểu cho sự tinh khiết của ngày đó.

Sắc Hạ Ngự Sử Đài y theo đó mà thực hành.

Xướng đạo: Dầu tiên là bên Tây Vức vị thượng tọa nhận người thế tục đến thỉnh, chú nguyện rằng bực nhị túc thường an lạc, bực thứ túc cũng an lạc, trong tất cả thời đều được kiết tường.v.v... để làm vui lòng người đàn-việt. Ngài Xá-lợi-phất nhiều biện tài, khen ngợi dẫn dắt rất giỏi, người bạch y rất vui mừng, đây là tiêu biểu cho.

Trong Cao Tăng Truyện luận của đời Lương có nói rằng: điều quý báu của xướng đạo là việc đó có bốn điều: Một là tiếng; hai là biện; ba là tài; bốn là rộng. Chẳng phải tiếng thì không lấy gì răn nhắc chúng, không phải biện thì không họp thời, chẳng phải tài thì nói không hay, chẳng phải rộng thì ngôn ngữ không có chỗ để nương tựa, đây là đại thể của xướng đạo. Căn cứ trong "Ký Quy Truyện" có nói rằng: Đốt hương hồ quỳ khen ngợi tướng hảo của Phật, nên quỳ bên đạo sư hoặc là ngài chỉ dạy trực tiếp, hoặc là dẫn dắt chỉ dạy. Lại nữa, bên Tây Vức, phàm khi yết kiến quốc vương. Cách này lưu truyền đến Đông Hạ, người nhận việc đó rất quan trọng. Như thấy đại quan yết kiến vu cần phải luyện cho thành thục, thông rồi mới hỏi thăm, rồi kế đó mặt tình mà khen ngợi phong hóa. Đây cũng là việc xướng đạo. Tề Thánh Lục Vương có làm văn xướng đạo. Đời nhà Lương ngài Tăng Hựu có làm "Trai chủ tán thán tuyệt ký" và "Chư sắc chú nguyện" văn. Trần Tùy, Thế Cao Tăng xem thấy được sự khéo léo sâu xa của đạo đây có làm tập "Đạo văn". Từ đời Đường đến nay, pháp nay đường thịnh hành ở các đại.

## 26. NGUYÊN DO TÁN TỤNG

Nguyên thỉ của tán tụng. Xét trong "Thập tụng luật" Câu Chí Nhỉ (tức Ức Nhỉ) làm "Tan khiết thinh" để khen ngợi Phật, kia người có thể tụng để hiểu. Trong kinh A Hàm Thiện Hoà La làm Thiện Phúng Tụng khiến cho voi ngựa của Ảnh Thắng đại Vương không đi được, Ở cõi đây thì có Ngài Khương Tăng Hội truyền Nê Hoàn Tán Bối, Chi Khiếm chế Liên Câu Phạn Bối. Lại Khai Sĩ Pháp, Thắng Thiện, A-tỳ-đàm-tâm riêng soạn hai trăm lẻ năm bài kệ để làm yếu giải gọi là Tâm, kia là tụng tiếng vậy. Nhược Linh Thược tự phát nghi Hìng Quần phẩm, "Xúc vật hữu ký", một cái ngậm một cái vịnh trạng như chim bước thú đi vậy. Một cầm một dẫn giống như vật tình, tình và loại thay đổi, thì tiếng tuỳ theo chin lần biến mà thành ca, khí họp với số thì năm âm hiệp lực mà

chung làm, phụ kim thạch thì trăm thú múa theo, tấu thêm sáo, đờn thì nhơn thần đồng cảm, đây chính là sự khéo léo cùng tột của âm thinh. Ngụy Tử Kiến từng dạo Ngư Sơn mà cảm âm, dịch kia uyển chuyển đồng hợp với tiếng tụng của Sa - môn. Nam Tề Cảnh Lục, Vương Tử Lương đem kệ trong kinh khế hợp với tiêu dứt, điều âm khúc rất hay làm một quyển “tán Phạn Bối Kệ Văn”. Lại nữa Bạch Pháp Kiều rất giỏi tụng tiếng Phạn, trong Cao Tăng truyện người giỏi tụng kia rất nhiều ở đây không chép hết ra. Về sau trong niên hiệu Thạch Lặc Kiến Bình nhà Triệu có vị thần giáng xuống An Ấn để phán xét chính sự, đọc ngâm âm kinh bảy ngày mới dứt. Tăng có viết theo tiếng phạn, hoặc gọi là tiếng phạn Bối đây đâu có ích gì. Thông rằng: Một là Phật đạo pháp lạc, âm vận đây tuy nghe thương xót mà không tổn hại, tuy vui mà không dâm, chiết trung trung hòa nên gọi là pháp lạc. Hai là chư thiên quỷ thần nghe đều hoan hỷ. Ba là thường pháp chư Phật, mười phương cõi nước đều do đây mà vui vẻ.

## 27. CƯƠNG LÃNH CHÙA TĂNG

Phàm nói đến chùa là nơi thừa kế. Trị sự là nối tiếp nhau ở trong kia. Đã dùng tên làm chỗ công sở (quan ti) thì không thiếu nghiệp Phật sự. Cho nên con tiếp tục việc của cha mình, giúp theo gót thầy, đây là thừa kế nối gót, nên phải khắc phục siêng năng mà việc thành vậy. Xét bên Tây Vức vị Tăng trị sự gọi chung là Yết-ma-đà-na dịch là trị sự cũng gọi là duyệt chúng, nghĩa là người biết việc và xem xét chúng, Ngài Ẩm Quang nhiếp chúng ở Linh Thứu, Ngài Thân Tử lo việc ở Trúc Lâm, và Đạp-bà-ma-la mới mười sau tuổi đã chứng ứng nhơn, về sau nghĩ thân không bền chắc thỉnh làm trị sự Tăng, ban đêm xuất quang chia tọa cụ cho Tăng, cho nên Phật khen rằng đệ tử của ta làm Tăng biết phòng xá khác nhau. Kế đó thỉnh thọ thực thì Ngài Đạp-bà-ma-la-tử là thứ nhất, như phó thỉnh quần tập ai họp thọ thứ nhất về nước, sau quá ẩm thực. Phật nói lấy vị tuổi lạp cao nhất làm việc đó, gọi vị đó là thượng tòa. Phật giáo giữa Đông Tiệm, Hán Ngụy như có viềng mối mà chưa lập viềng mối, như thuyền mà chưa hạ. Gần như đời Diêu Tần người xuất gia mười nhà mà có hết nửa nhà. Ngài La Thập vào cửa, ông Doanh Lương theo chân, người đến có tới ba ngàn. Tần chủ sắc soạn Đoạn Khiết pháp sư làm Tăng Thánh, Huệ Viễn là duyệt chúng, pháp Khâm Huệ làm chép việc Tăng, cấp cho xe cộ, chăm sóc trong việc Tăng Chánh trật tự phục vụ nhau, còn các việc khác thì... Cõi đây lập Tăng quan Ngài Đạo Kiết đời Tần là đầu tiên.

## 28. LẬP TĂNG CHÁNH

Chúng Tăng sang lập tinh chúng nói rằng: Tề Sở Thọ quan phương trọn đời theo Phật giáo, từng nói Tăng Chánh là cái gì? Là ngay thẳng vậy. Tự mình ngay và làm ngay ngắn cho người khác, giành lại chánh lệnh cho nên nói như vậy. Bởi do Tỳ kheo không có pháp như ngựa mà không có dàm và dây cương, như trâu không có xỏ dây mũi, dần dần nhiễm thế tục, bèn trái với mẫu mực phép tắc, cho nên lập ra người có đức trong mong dùng pháp để mà ngăn chặn khiến cho họ quay về con đường chánh, cho nên gọi là Tăng chánh. Đây là Ngài Tăng Khiết (nay gọi là Đạo Kiết) đời Ngụy Tần là đầu tiên. Thiên đô đời Đông Tấn ít nghe chức đây, cho đến đời Tống mới lập ra cơ quan của Sa môn, lại lấy Ni-bảo-hiền là Tăng chánh, Văn Đế Hiếu Võ rất tôn trọng. Kế đó có danh hiệu là pháp chủ như Ngài Thích Đạo Du là đệ tử của ngài Sanh Công. Văn Đế hỏi ngài Huệ Quán rằng: Nghĩa đốn ngộ ai học tập được? Đáp rằng: ông Đạo Du, ông Hiếu Võ bèn triệu Ngài vào. Đến khi ông Hiếu Võ lên ngôi mới sắc cho Ngài ở chùa Tân An, làm pháp chủ ở trấn Tự, lại sắc pháp Viện làm Pháp chủ chùa Tương Cung. Xét các chùa đồng tên nghi là không có người đảm nhận việc thống chánh. Lại trong niên hiệu Thăng minh lập pháp trì làm Tăng chánh, trong hiệu Đại Minh lập Ngài Đạo Ôn làm Đô ấp tăng chánh, trong niên hiệu Vĩnh Minh sắc Ngài Huyền Xướng và Pháp Hiếu làm Tăng chủ chùa Trường Can, chia đảm nhiệm việc hai bờ Nam Bắc. Sau Ngài Huyền Xướng được sắc đến Tam Ngộ thống nhiếp hai chúng. Cuối đời Tề lập Ngài Pháp Duyệt làm Tăng chủ, trụ trì chùa Chánh giác. Ông Lương Tổ tâm quy y Phật giáo, thâm nhập nghĩa trọ yếu vi diệu, thận trọng lựa chọn người có đức để làm Tăng thủ, Pháp Siêu làm đô ấp Tăng Chánh. Đời nhà Tấn luôn sáu năm sắc Ngài Pháp Vân làm Đại Tăng chánh, sức cai quản đầy đủ. Lại Ngài Huệ Linh cũng có đảm nhiệm chức đây (đại tự khác mà thôi). Đều gọi là Tăng chủ cũng như là quan Tăng. Bởi các nơi còn có tên Tiểu Chánh, Tiểu Thống, như Xà-na-quật-đa, Trung Hoa dịch là Chí Đức, người Bắc Ấn Độ. Triều Châu Tiêu Vương Vũ, Văn Kiệm Trấn Thục mời đồng hành đến kia nhậm chức Tăng chủ ở Ích Châu trụ trì chùa Long Uyên. Thời Nam Triều ngài Huệ Cơ họ Ngẫm người tiền Đường, theo ngài Cầu Na tam tạng thọ giới ở Thái Châu, sau đó đi giáo hóa qua nước Việt tìm sắc làm Tăng chủ. Thưởng Nhậm Thập Thành là người đầu tiên làm Tăng chủ ở Đông độ (Đông độ tức là giữa Ngô Hội). Trải qua các thời, phần nhiều là các chư hầu lập Tăng Chánh. Đời Lương tuy là đại quốc gia cùng dung tên đây, chỉ thêm đại từ là khác. Ngày nay

khắp nơi mỗi Châu đều đặt một vị, lựa chọn người đức hạnh mới có thể đảm nhiệm được, nếu không như vậy thì rất thiếu sót vậy.

## PHỤ NI CHÁNH

Ở Bắc Triều lập chế phần nhiều là Tăng phụ, ở đất Nam có quy tắc mới riêng hành Ni Chánh. Năm thứ hai niên hiệu Thái Chí đời nhà Tống, sắc Ni Bảo Hiền làm Ni Tăng Chánh, lại lập sư Pháp Tịnh làm Lương Ấp Ni Đồ duy na. Đây chỉ tạm thời lập ra, nhà Lương, Trần, Tùy; Đường ít nghe việc đây. Nước Thiên Bá thường nghe có tên Ni thống, Ni Chánh.

## 29. TĂNG THỐNG

Những tòa nhà rộng lớn của Đế Vương ắt phải tìm người trông coi, hoặc thay dễ nhạc hoặc đổi quan ti, dung Thái úy thay Tư mã. Sao thường có đó? Lấy đây là đầu Vua Tần chế trong quan lập Tăng Chánh làm Tông thủ, Ngụy Tôn đất Bắc đổi Tăng thống lãnh đạo chúng xuất gia, tuy phát ra đề mục mới nhưng cũng là đưa ra chức cũ. Trong niên hiệu Hoàng Thỉ Hậu Ngụy, Sa môn Pháp Quả ở Triệu Quận giới hạnh rất tinh chuyên, khai diễn pháp tịch, Thái Tổ tôn làm Sa môn thống, nói chuyện đạo rất nhiều vua rất vừa lọng và cúng thí rất hậu. Thái Tôn càng tôn sung tin hơn vua trước. Trong niên hiệu Vĩnh Hưng trước sau trao cho chức Quốc nghi thành tử trung tín hầu, lại gọi là An thành công, Ngài đều cố nhường đó. Quan người thế tục lại có thêm Tăng, mới nghe nơi đó vua muốn đến đó ở, chê cửa kia chật không xhứa được xe giá, lại mở rộng lớn thêm. Ngài hơn tám mươi tuổi qua đời, vua đến tang Ngài bèn ban cho danh "Lão thọ tướng quân triệu quân Hồ linh công" (nay ban cho "Lão thọ tướng quân đều là xuất phát từ sắc lệnh thời này. Biết giúp nước trước là tướng quân, hai chữ Hồ linh là thụy hiệu). Ngài Pháp Quả xuất gia năm mươi bốn tuổi, còn có tên là Mãnh, chiếu theo lệnh Ngài Pháp Quả tiếp tục duy ttrì chức mà vua ban cho. Chức Sa môn thống Ngài Pháp Quả là đầu tiên. Lại có Sa môn Sư Hiền ở Kế Tân, vốn là dòng họ nhà vua...., lại đến Lương Hạ gặp lúc bãi Phật pháp, Ngài bèn tạm thuật mà giữ đạo không bỏ, đến ngày trùng hưng lại Phật pháp làm Sa môn lại, những người đồng tu với Ngài có năm người, vua Ngụy đích thân dự lễ xuống tóc, chiếu cho Ngài Sư Hiền làm Tăng thống. Quan Tăng thống từ Ngài Sư Hiền là đầu tiên. Đời nhà tùy rất hưng Phật đạo, thay đổi Châu phong, triệu Ngài Tăng Mãnh trụ trìchùa Đại hưng thiện, làm đại thống nước Tùy. Ngài Mãnh họ Hà, người Kinh

dương, giảng kinh Bát Nhã, Thập Địa.v.v.... (nhà Tùy dung chữ đại là khắc nhà Châu). lại có hiệu Chánh Sai di, ban đầu là đất Lạc nhậm chức Quốc Tăng đô (đô tức là Sa môn đô). Sau triệu vào đất Nghiệp dẹp yên có công chuyển làm Quốc thống (Tăng thống của một nước. Đời Tống theo Đường chế bỏ Tăng thống) lập Tăng tục (Chỉ có cung nhơn xuất gia thì sắc cho Ni lục, Ni thống có đến mười chữ sư danh, so với ấp hiệu của hai nước có rất nhiều.

## 30. SA MÔN THỐNG ĐÔ

Chúa Ngụy dời đô, vẫn theo họ ban đầu, trang phục nhà họ Lỗ ắt phải thay đổi theo kiểu lệ người Hoa. Lại ở cửa Trúc Phạn làm nhiều thay đổi. Hiếu Văn Đế một ngày hạ chiếu chỉ rằng: Môn hạ gần đây nhận được biểu tấu của Lục Công.v.v... biết sớm định Sa môn thống tìm người có đức lựa người hiền, ngủ nghỉ có giờ tâm siêng năng, kế thừa nhiệm vụ của Phật, đâu biết nương nhờ vào ai. Hoặc có người đạo cao tuổi lớn, lý không ràng buộc, hoặc có người là bực khí thức (hiểu biết rộng) xông xáo vào nơi trần lao, nay lấy chủ pháp sư Tăng Hiển chùa Tư viễn, có thể sắc làm Sa môn Đô thống. Xét rõ Văn Đế nhà người sắc Ngài Đàm Dực (Dược) làm Sa môn Đô thống, Ngài Dực Công làm đầu tiên. Ngài tức là người vua để làm thầy hiệu là Chiêu Huyền Sa môn Đô thống, may mắn gặp thời trung hưng Phật pháp, khắc đá tạo tượng, dịch kinh Tịnh Độ Tam Muội và Phó Pháp Tạng truyện là sư đây. Đời Tề thì pháp Thượng làm Chiêu Huyền thống, pháp Thuận làm Sa môn đô. Song nói Đô là ta chung gồm hết) mà ban xuống chung là một. Lại Ô Trường Quốc Tăng, Na-đê-da-xá tôn xưng, trước kia ở nước Tề cũng là Chiêu Huyền thống. Đời Cao Tề vì sao mà đặt chức Thống và Đô nhiều như vậy? Đáp rằng: khi đó đặt mười vị, một vị thống, một vị Đô, một vị Chánh, một vị phó cho nên nhiều. Đời Đại Tùy thọ mạng cũng dung tên thống. Ban đầu lập Ngài Đàm Diêu làm Sa môn Đại Chiêu Huyền Thống (riêng thêm chữ đại), kế thì Ngài Linh Tạng pháp sư làm trụ trì chùa Đại Hưng Thiện. Tầm Thị Chiêu Huyền Đô, tháng giêng nhuần đầu niên hiệu Nguyên hòa vua Mục Tông nhà Đường, ông Tăng chùa Long Hưng tên Duy Anh mạo xưng Hàn lâm đãi chiếu kiêm Lưỡng giai Tăng thống, Duy Anh thông kết trong ngoài mượn bói toán để mê hoặc người cho nên có lệnh đó. Ngài Tầm Thự cho là quấy nên bãi bỏ. từ đời Chu, Lương sau đó đời Đường, Tấn, Hán, Châu đến nay do Đại Tống đều dùng Lục mà không dùng Thống, riêng xưng bá các đạo hoặc có công sở riêng. Như Ngô Việt lập Linh Nhơn làm Tăng Thống, riêng

hùng các đạo hoặc có công sở riêng. Như Ngô Việt lập Linh Nhân làm Tăng Thống, sau đó tránh lỗi vượt qua bổn phận. Tránh sự mạo xưng là dối trá các nước đều trị có hiệu Tăng Thống.

### 31. TẢ HỮU NHAI TĂNG LỤC:

(Tả hữu nhai bắt đầu là trí công đức sở thuộc)

Tăng trị lục để ghi chép công đức lại mỗi mỗi đều trực thuộc: và trí Tăng lục, hay dùng tả Hữu Nhai.

Từ khi có nhà Đường có thiên hạ, lúc đầu Phật pháp rất suy sụp trì trệ. bởi vì giáo lý hưng thịnh, vật không có hai cái lớn. Truyền Dịch dâng sớ nêu những sai lầm của đạo Phật, Thần Nghiêu đều bị đạo đó mê hoặc, kế đến Tuân hạnh. Đông lục. Thái Công Chiến Tăng Ni ở sau đạo lão Cao tông lên ngôi muốn khiến cho mọi người bái quân thần thì mọi người quy tâm về cửa Phật, lại khiến cho Tăng ở trên đạo, Thế Vy của Trung Duệ càng phát huy. triều Huyền Tông thường tôn sùng đạo, chùa Tăng chỉ lập Tam cương mà thôi, Chiêu Huyền Thống Chánh thay đổi mà không theo, quan Tăng vụ gạt bỏ không phát khởi. Đến trong niên hiệu Khai thành vua Văn Công mới lập “Tả Hữu Nhai Tăng lục”, người kia tức Ngài Đoan Phủ pháp sư, Ngài họ thế tục là họ Triệu, vua Đức Tông triệu Ngài vào cung cấm, luận bàn với đạo Nho, Lão, vua ban cho áo bào màu tía, khiến hầu Thái tử ở triều Đông. Vua Thuận Tông rất trọng Ngài, cư xử như huynh đệ, ân lễ rất sâu. Vua Hiến Tông thường đến viện kia, đối đãi Ngài như bạn mới. Thưởng Nội Điện Pháp Nghi, Lục Tả Nhai Tăng sự, tiêu biểu tịnh chúng mười năm tức niên hiệu Nguyên Hòa. Vậy xét nguyên do này thì biết Tăng lục bắt đầu từ Ngài Đoan Phủ. Ngài Đoan Phủ qua đời trong niên hiệu Khai thành vua Văn Tông. Sau niên hiệu Khai thành thì Ngài Vân Đoan làm Tăng lục. Ngài Đoan Công phụng sắc chỉ, muốn bỏ đạo Phật, trước hạ chiếu rằng: Từ xưa đến nay hưng suy thì có gì nêu bày, nên kính trọng Lưỡng nhai Tăng Lục và các Tăng Tam học, ghi chép sự việc....

Pháp Bảo đại sư huyền Sướng thuật lời tựa sắp xếp thứ tự. Ngài Huyền Sướng bèn soạn Tam Bảo Ngũ Vận Đồ, nói rõ niên đại Phật pháp lưu truyền thực hành, giống với tam Bảo Lục trong niên hiệu Khai Hoàng của Phí Trưởng Phòng. Kế đó đến triều Tuyên Tông Ngài Linh Yến và Biện Chương làm Tăng Lục, đồng tấu thỉnh kinh thiên Bát Đại Giáo Vương vào trong tạng kinh (Hai Ngài Linh Yến và Biện Chương khi thọ Tăng Lục gặp Ngũ Vận Đồ). Năm thứ tám niên hiệu Đại Trung, ra chiếu chỉ sửa chùa tổng trì đã bị hư bỏ, sắc Tam giáo thư tòa Biên

Chương chuyên lo việc sửa chùa, hộ Quân Trung Úy Phiên Kỳ, Vương Nguyên Hựu. Ngài Biên Chương từ Thủ tòa đảm nhiệm Tả Nhai Tăng Lục, kế đó Tịnh Quang Đại Sư Tăng Triệt đảm nhiệm Hữu Nhai Tăng Lục. Ngày mười bốn tháng mười một năm thứ mười hai niên hiệu Hàm Thông vua Ý Tông, tiết Diêm Khánh Lưỡng Nhai Tăng Đạo Phó giảng luận ở điện Lân đức, hữu Nhai Tăng Lục San Sớ được ban cho tên là Minh Triệt Đại sư, Tả Nhai Tăng Lục Thanh lan được ban là Tuệ Chiếu Đại sư. Triều Kỷ Tông có Ngài Giác Huy làm Tăng Lục. Khi giặc vào nổi loạn

Tăng Lục Vân Hạo cùng các vị đồng thầy như Uy Nghị, Đỗ Quang Đình cầm hương án.v.v... theo xa giá mặc áo vàng sẫm mang vớ đi, đến Võ Công thì chân bị đau hết và khi thâu phục kinh sử theo trở về mới sắp xếp ghi chép lại việc trước. Không biết lúc đó vị Tăng đạo dẫn xa giá nghi thức cầm hương án như thế nào? Nói lục (ghi chép) là có Tấn Tống lục, ghi chép các việc kinh pháp lưu truyền và người phiên dịch, cho nên vua Ngụy có chiếu chỉ rằng: Gần đây có các vị lục công tiêu biểu. Lục Công chính là Tăng chúng Tổng lục, cũng còn gọi là Lục sư. Nhà Ngụy Tần ban đầu lập Tăng Chánh thì lập hai Ngài Pháp Khâm và Tuệ Võ giữ chức Tăng Lục: Nhà Đường có sự thay đổi chữ "Chánh" là sai, các Lục thì dung, bởi lễ nhạc từ Thiên Tử chế ra vậy. Lúc ấy đã là nhân vật cao không có người cạnh tranh, mặt tình khiến cho "Thống" nhà Ngụy như cỏ, "Chánh" nhà Tần như rừng, đều quy về trong phạm vi Lục của nhà Đường. thí như Thượng Hiền, Thượng Xỉ thuộc về thời đại Thượng Hiền, thì Xỉ dùng làm gì? Thượng Bạch, Thượng Thanh thì vua là Thượng Bạch, Thanh không phải là trước tiên.

## 32. TĂNG CHỦ VIÊN PHÓ

Diêu Tần lập Chánh, tuy không có tên phó Chánh mà có ý chia hai, cho nên lập Ngài Huệ Viễn làm Duyệt chúng, hai Ngài pháp Khâm và Tuệ Võ giữ chức Tăng lục, đây chính là chia giai cấp đồng thành Tăng vị mà không nói rõ hai chữ Chánh phó. Và đời nhà Ngụy gọi Tăng thống dung làm Chánh viên, sắp Sa - môn đô để phân phó, thì là Đô Duy na đó vậy. Cho nên Hiếu Văn Đế chiếu rằng: Phó nghi hai việc đen trăng đều đồng.. Trước đây nhơn Ngà Đàm Lực làm Tăng thống riêng giúp việc bèn bỏ chức vụ đây. (biết ngài Đàm Lực trước từng lập chức phó) Nay muốn cầu người giúp việc đức khen ngợi điều lành, Pháp sư Tăng Nghĩa chùa Hoàng cữu hành cung kính rất thông suốt, ôn hòa thông minh, cẩn thận chân chánh, cần mẫn đạo đức, đảm đương giúp đỡ

người khác, đáng đảm nhận Đô Duy Na làm đồ chúng của Ngài Quang Hiền. Vậy nên biết nhà Ngụy lấy Duyệt chúng làm phó, vậy biết Ngài Tuệ Viễn đời Diêu Tần là phó vậy. Nếu như vậy thì đời hậu Ngụy cũng dùng chức phó của nhà Diêu Tần chế ra, mà Tăng Truyện không nêu ra, chỉ vì từ nghĩa không rõ ràng mà thôi. Lại nữa lúc đó mỗi chùa đều riêng lập ba quan, vậy Đô Duy na của chùa không phải là có hơi quá ư? Đáp rằng điều này có hai việc không quá: Một là sắc chỉ sắp xếp khiến cho Chiêu Huyền Tăng Thống không làm phó; hai là từ Chiêu Huyền xuống Đô Duy Na há có đồng với Duyệt chúng của chùa ư?

Thời Nam Triều, Tống Hiếu Võ Đế rất trọng Ngài Tuệ Cừ, Ngài Tuệ Cừ từng xướng đạo ở trước vua trong hội trai Tăng và bố thí vạn người, mà sắc chỉ Ngài làm Kinh Ấp Đô Duy Na. Ở đây dùng hai chữ Kinh Ấp rất đơn giản vậy, có người không lập. Giang tả lập Chánh, có người lập phó, có người không lập. Và Tùy Nhất Thống, y theo Bắc triều dùng Thống làm Chánh, dùng Đô làm phó. Đến giữa niên hiệu Nguyên Hòa và Trường Khánh nhà Đường mới lập Tăng Lục, Lục Tả Hữu Nhai Tăng cũng không có hai chức. Kế đó có Tam giáo Thủ Tòa, trong niên hiệu Càng Ninh nhà Đường mới lập Tăng Lục, Lục Tả hữu Nhai Tăng cũng không có hai chức. Kế đó có Tam giáo Thủ Tòa trong niên hiệu Càng Ninh vua Chiêu Tông đổi Thủ Tòa làm phó Tăng Lục. Nhà Chu, Lương, Hậu, Đường, Tấn, Hán, Châu hoặc đặc để, hoặc tỉnh lược, ra vào không nhất định. Nay năm thứ sáu niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc nhà Đại Tống sắc lập Hữu Nhai phó Tăng Lục, nên biết Hữu nhai giáo môn sư vậy.

## 33. CHỦ TÒA GIẢNG KINH

Tên chủ tòa tức là Thượng tòa, là bực đứng đầu trong chúng, người cao nhất trong Tăng, cho nên nói như vậy. Xét đời nhà đường sắc Ngài Biện Chương làm Kiểm hiệu tu tự, vua tuyên Tông ban cho Ngài là Công Thư tam giáo Thủ tòa. Trong niên hiệu Nguyên Hòa Ngài Bộ Chỉ xưng Tam giáo đàm luận, bởi do gặp lễ chúc mừng nhân ngày mừng sinh nhật của vua Ngài lên Chánh điện tán dương lễ Phật, bàn bạc với các tôn phái khác, cho nên nêu chữ tam giáo chưa chắc là gồm thông hết hai thiên Lục tich; Bắc Tông, thông các khoa của bổn giáo, điều khiển quần hiền, là bực kiệt xuất trong chúng, hoặc giỏi khắp các tông khác và tinh thông giáo pháp của mình, đối với vua quan không sợ, ngăn cản sự cố chấp trì trệ mà có công, nhận danh hiệu này thì không hổ thẹn. Về sau người học kinh luận đặc cho tên là Thủ tòa, tam giáo

Thủ tòa thì Ngài Biên Chứng là đầu tiên, từ nhà Chu, Lương đến nhà Châu hoặc bỏ hoặc lập đều tùy thời. Đại Tống ngày nay có vị Thủ tòa giảng kinh giảng luận chính là một chức lập riêng biệt ngoài chức Tăng lục.

## 34. QUỐC SƯ

Pháp bên Tây Vức, tôn trọng một người nội giáo hay ngoại giáo đều đồng, chánh đạo hay tà đạo đều có. Ngày xưa Ni-kiền-tử tin pháp Bà-la-môn, Quốc vương phong cho làm Quốc sư. Nội giáo thì học thông tam tạng, gồm thấu suốt được Ngũ Minh, nếu cả nước quy y, bèn bày cái hiện đây. Tiếng pháp bên Đông Hạ lần lần kém, chỉ có Bắc Tề có vị cao Tăng Pháp Thường đầu tiên giảng Tỳ-ni (luật) có tiếng ở Nghiệp Hạ, sau giảng kinh Niết-bàn và thọ thiền số, vua tề tôn sùng làm Quốc sư, hiện Quốc sư bắt đầu từ Ngài Pháp Thường. đến đời Trần, Tùy có Ngài Trí Khải (nghỉ) Thiền sư tông Thiên Thai, làm giới sư Bồ tát giới cho Trần Tuyên, Tùy Dạng (Dương), cho nên lúc đó gọi Ngài là Quốc sư (tức không có phong cho). Đến triều Tắc Thiên ngài Thần Tú dẫn chúng đi Kinh Châu triệu vào kinh sư, Trung Duệ (Nhuêh) Huyền tứ triều đến gọi Ngài là Quốc sư. Về sau đó Ngài Tuệ Trung trong thiền môn, thời Túc Đại vào trong cung cấm thuyết pháp thiền quán, cũng gọi Ngài là Quốc sư. Niên hiệu Nguyên sắc cho Ngài Tri Huyền là Ngộ Đạt Quốc sư. Như nước Thiên Bá thời sau Thục, vua ban cho Hữu Nhai Tăng Lục Quang Nghiệp là Hựu Thánh Quốc sư, Ngô Việt gọi Ngài Đức chiêu là Quốc sư. Giang nam đường quốc ban cho Ngài Văn Toại làm Quốc Đại đạo sư (Tên đạo sư gồm có hai nghĩa: Như trong kinh pháp Hoa, người đi buôn bạch với đạo sư, vậy đạo sư ở đây là chỉ cho người dẫn đường. Nếu là sự xướng đạo thì đây là chỉ cho người bày tỏ. Hoàng Dương Vương nhà tống Trấn Giang Lục, nhơn có hội trai đàn mà không có người chỉ dạy, thỉnh Ngài Đàm Quang làm người chỉ dẫn. Và Minh Đế thiết trai thấy Ngài Đàm Quang xướng đạo rất tài bèn sắc ban cho ba y và bình bát.

## 35. CÁC CHỨC VỤ KHÁC

Sự sắp xếp trong chùa cũng lập tam cương, như cái lớn thì giềng mối phải cứng chắc, cho nên nói như vậy. Tiếng phạn là Ma ma đế tất thế na yết ma dà đà. Trung Hoa dịch là “ngôn tự chủ thượng tòa duyệt chúng. Nói rõ chủ chùa bắt đầu từ chùa Bạch Mã thời Đông Hán, chùa là chỗ người ở ắt phải có chủ. Lúc đó tuy không có tên chủ chùa, mà có

người trị sự. Đến đời Đông Tấn đến nay, chức đây mới thịnh hành. Cho nên Hầu cảnh nói coi ông Túc Diễn làm chủ chùa Thái Bình. Về sau nhà Châu thì có chủ chùa Trắc Hộ, tự sắc phong cho mình. Nhà Tùy có chủ chùa Đại Hưng Thiện. Nhà Đường có Thái Bình công chúa tâu lên xin cho Ngài Hồ Tăng Tuệ Phạm làm chủ chùa Thánh Thiện, và phong them cho tước tam phẩm. Võ Tắc Thiên lập Bính Hoài Nghĩa làm chủ chùa Bạch mã. Còn các đạo khác chỉ ba năm một đời mà thôi. Phàm Thượng tòa có ba bực: Tập Dị Túc Tỳ Đàm có chép rằng: Một là xuất gia tuổi lớn, hai có tài danh và quý tộc ở đời, (như Tiết độ sứ Lưu Thoát xuất gia ban cho hạ lạp); ba là thọ giới trước chứng quả trước (đây là tên thù thắng nhất). Từ xưa đến nay lập vi đây đều lấy người có nhiều năm và có đức độ. Người có tài năng phẩm chất đầy đủ, trong cao Tăng truyện chép nói rất nhiều, được sắc phong làm Thượng tòa chùa đó. Ngài Đạo Tuyên được sắc phong làm Thượng tòa chùa Tay minh. Còn các nước khác ngoài chủ chùa, Duy na; trong Ngũ Vận Đồ người được sắc bổ có ghi ra. Đò Duy Na; trong Ký Quy truyện chép rằng Đồ Duy Na là nêu cả tiếng Hoa và tiếng Phạn, "Duy" là cương là tiếng Hoa "ma" là lược tiếng phạn (Na yết ma đà) bỏ bớt ba chữ Yết-ma-đà chỉ lấy chữ na. Hiếu Văn nhà Ngụy lập Tăng Nghĩa pháp sư chùa Hoàng Cữu làm kinh ấp Đô duy na, thì sắc bổ vậy, đó chính là Chiêu Huyền Đô duy na mà thôi. Nay trong chùa lập ra như Ngài Huyền Xướng sắc làm Duy na thị địa của chùa Tổng trì. Kế đó là Điểu tòa, nghĩa là người trông coi giường tòa cho chúng. Phàm việc nêu là tòa, là một màu để thâu nhiếp hết, và chung coi biết luôn cả những việc khác, hoặc lập trực một năm thì trực một năm, hoặc trực một tháng, trực nửa tháng, trực một ngày đều là duyệt chúng. Tùy theo địa phương mà lập khác nhau, đều gọi là "tam cương", nhận các việc khác gọi là Tăng cương. Đời Đường ban đầu không lập Tăng chủ, mỗi chùa đều lập tam quan mà thôi, đến giữa niên hiệu Nguyên Hòa Trường Khánh lập Tả Hữu Nhai Tăng lục, Tổng Lục Tăng Ni, nếu có việc thì trước bạch với Lục ti, sau mới báo quan địa phương. Đời Chu,Lương, hậu Đường, Tấn, Hán, Châu đến Đại Tống ngày nay đều theo chế xưa. Lại nữa đời Tống Tề từng lập một vị pháp chủ, cho nên ông Đạo Du sắc làm pháp chủ trấn tự chùa Tân An, Pháp viện làm pháp chủ chùa Tương Cung. Đến cuối đời Đường lập ra nhiều chức vị, một vị thọ y chỉ xà lê cũng gọi là pháp chủ. Triều nay vẫn y theo luật, vị tối cao gọi là "tôn chủ" cũng đồng vậy. Y chỉ xà lê hoặc sắc lệnh thêm. Bởi do giữa đạo và người đời có sự tranh chấp không phân sai trái, bảo người kia phân đoán sự việc khiến cho người dứt sự

tranh chấp, cho nên mới có hiệu đó. Giữa đời Châu và Tùy cí vị Pháp Đạo chuyên tinh luật, vua Bắc Tề đã kính pháp môn, năm chúng nhơn đây mà được thạnh, nếu có người phạm luật, vua bảo Ngài Pháp Đạo xử lý, bèn sắc làm Sa - môn đoán sự. Lúc bấy giờ có vị Tăng Thanh Tề kiện tụng, vua sắc khiến ngày đoạn việc trên, các việc tranh chấp từ đó được dứt diệt. Đến đời Tùy vua mới chiếu chỉ cho Ngài ở chùa đại hưng thiện. Tên đoán sự Ngài Pháp Đạo là đầu tiên (sau lên làm Thống). Thích Sản Tông chùa Nhật Nghiêm nhà Tùy làm bộ "Tăng Quan Luận", ắt sẽ nói rộng chức Tăng nhưng tìm bổn kia chưa được.

## 36. TĂNG CHÁNH NHẬN BỔNG LỘC

Tăng thiểu dục vân họp với từ bỏ vinh hoa, phép tắc của Phật chỉ khiến thay nhan giữ gìn. Nếu như không tôn trọng vua quan thì thật là khó, hoặc do có nhơn lành đời trước thầm nhận của người đàn việt tín tâm, đây lại là ý nghĩa của mỗi thời khác nhau. Cho nên ở chùa Na - lan - đà có người học thông các bộ, ra vào cỡi ngựa thọ thực do quan cúng, phương đây ngày mà trong đạo được tôn trọng yêu thương thọ huỳnh kim. Từ Diêu Tần sai Tăng Khánh làm Tăng Chánh, địa vị đồng với Thị trung, đây là đầu tiên được nhận thức ăn và bổng lộc. Đến đời Ngụy Hiếu Văn về sau, mỗi năm thí cho nhơn đạo ưng thông lụa là Chiếu rằng: Ưng thông là bực đáng kính ngưỡng vì nối tiếp theo các bậc tiều triết, tiếp tục theo phép tắc của đạo môn. Trưng Trữ Huyên Phạm, Xung Du Thị Thác, nay đã dẻ danh ở đời đúng lý phải nên cung riêng, có thể lấy nghĩa Bát giải, mỗi năm cúng cho tám trăm xấp vải, chuẩn theo bốn bực mà cúng cho, tùy theo bốn mùa mà cung cấp, có thể y theo thứ lớp quan triều mà nên cúng mỗi tháng, đến như qua đời cũng phải trai Tăng, giới thiệu Tăng quan để được thời, đó là trong thời Hiếu Văn Đế vậy. Đại Tông đời Đường sai tính toán đồ trong kho mà cấp cho nội đạo tràng Tăng: Lại nữa Đường Từ Bộ chuẩn theo bực đạo sĩ thông hai thiên thì cấp cho ba mươi mẫu rộng, Tăng thông kinh tạng y theo trêm mà cấp cho ruộng.

Luận rằng: Tây Vức Ngài Ẩm Quang (Ca-Diếp) đắp y phấn tảo mà làm gương cho đồ chúng, Bắc Tề Ngài Thượng Thống mặc vải bố mà đến cửa quan. Nếu còn đạo tình thì kẻ phàm ngu không sợ, hoặc nhiều giàu sang thì người đố kỵ tìm cách mưu hại.Làm quan há lại không thể không được bổng lộc, nhưng chứa nhiều thì người ác ăn trộm ghen ghét, trái với thừa pháp giữ ngọc báu, lập ra nhiều cách để hại mình, lại làm tổn hại đến pháp môn. Khổng Tử nói: ban cho xa xỉ đâu

bằng sống tiết kiệm, nên lấy đạo đức để mến phục người mới có thể được vậy.

**PHỤ NI**

Đời Dông Tấn, Hà Sung Thủy đổi nhà thành chùa, nuôi Ni chúng ở trong đó, đèu là bực thầnkỳ anh hung kiệt xuất làm cho đạo minh hiển nghĩa vậy. Cô Bảo Hiền đời Tống là Kinh Áp Ni Tăng Chánh, Văn Đế tứ sự cúng dường, Hiến Võ mỗi tháng cấp cho một vạn tiền. Ni Chánh nhận bổng lộc cô Bảo Hiền là người đầu tiên.

**37. QUẢN THÚC TĂNG NI**

Giáo pháp truyền sang thời Đông Hán, đến triều Ngụy người tín hướng đến chưa đạt được chỗ tốt đẹp, già lam còn ít, Tăng đã có số thị sự việc cũng  nhiều, và khi lời nói trái lại với trước thì cần phải trình lên trên. Trình lên trên là ở chỗ nào, ở chùa Hồng Lô, cho nên biết Sa - môn ban đầu lệ thuộc vào Hồng Lô. Đời Tây Tấn không nói đến. Đời Hạu Ngụy có nói rằng: Ban đầu lập già phước Tào để thống nhiếp đội ngũ Tăng đồ, tìm lại thì là chùa Chiêu Huyền cầm nắm giáo pháp nhà Phật, Thự đại Thống một người, thống một người, Đô Duy na ba người, sắp xếp một nhân viên Công Tào Chủ Bộ, để quản các Sa - môn ở các Châu, bộ, huyện về sau đổi lại thành Sùng Huyền Thự. Tăng Hựu đời Lương có nói giống như chùa Đồng Văn ngày nay. Nhơn ghi đời Tề, Lương từng lập chùa Đồng Văn làm chủ Tăng vụ, nhưng chưa thấy văn đó. Khi có việc gì đều kêu quan cho nên gọi là Chiêu Huyền Đại Thống. Đến đầu đời Đường thì không có tên gọi này, Tăng Ni đều lệ thuộc vào Ti Tân. Xét Hội Sái (Yếu) có chép rằng: Ngày rằm tháng giêng năm đầu niên hiệu Diên Tái vua TắcThiên sắc Tăng Ni khắp nơi lệ thuộc vào từ bộ, không cần phải thuộc vào Ti Tân, biết rằng trước Thiên Hậu thuộc Ti Tân, đây chính là đầu tiên lệ thuộc vào Từ Bộ này, nghĩa là lấy việc thiện bỏ điều ác làm phước trừ tai nạn. Năm thứ mười bốn niên hiệu Khai Nguyên vua Huyền Tông, Trung Thơ môn hạ tau Tăng Ni bỏ thuộc chùa Hồng Lô, từ tháng giêng năm thứ mười lăm, sắc Tăng Ni khiến Từ bộ kiểm soát, Đạo sĩ nữ quan hệ thuộc vào chưa Tônh Chánh, bởi do Lý Tông đã nhập Hoàng tịch vậy. Tháng hai năm thứ hai niên hiệu Nguyên Hòa chiếu Tăng Noi Đạo sĩ hoàn toàn lệ thuộc vào Tả Hữu Nhai Công đức sử, từ đó Ty phong Từ bộ không trở lại cửa quant au nữa. Hộ Sái (Yếu) có chép rằng: Năm mười bốn niên hiệu Đại Lịch sắc nội ngoại công đức sứ nên bãi bỏ. Nếu như vậy thì triều Đại

Tông sớm đã lập công đức sứ, nhưng nội ngoại chỉ khác tên với Tả Hữu Nhai mà thôi. Trong niên hiệu Nguyên Hòa gọp Ty phong Từ bộ mà đặt tên là Tả Hữu Nhai công đức sứ. Thổ Đột Thừa Thôi Lũy lập quân có công cho nên trao cho tên đây, Tăng Đạo thuộc ở đâu. Trong niên hiệu Bảo Lịch hộ quân Trung Úy Lưu Quy cũng đảm nhận chức sư đây. Đến năm thứ năm niên hiệu Hội Xương bãi bỏ chùa tượng Phật, sắc Tăng Ni không nên lệ thuộc Từ bộ, họp thuộc chủ khách làm chỗ nương khiến Hồng Lô Tự thâu về quản lý, nên chia chẻ người tâu đến, Tăng Ni khắp nơi từ khi có Quốc triều đén nay đều lệ thuộc chùa Hồng Lô, đến năm thứ ba niên hiệu Thiên Bảo thì lệ thuộc vào Từ bộ (Khác với thời Diêu Tái). Các thần căn cứ Lục Điển của Đại Đường, Tư bộ giữ cúng tế tông miếu thiên địa cùng với việc Tăng không khác mấy. Lại nữa khả vụ căn bổn họp quy về Thượng thơ tỉnh lộ thuộc Hồng lô tự chưa thoả đáng. Lại Lục Điểu giữ đồ triều cống hơn bảy mươi nước, nước Ngũ Thiên Lệ ở trong số đó. Đạo Phật xuất phát từ Thiên Lệ , nay Bệ hạ cho Đạo Phật chẳng phải là số của Trung Quốc. Đã có sư chỉnh lý thay đổi danh tịch Tăng Ni, liền khiến cho lệ thuộc vào chủ khách không lệ thuộc vào Từ Bộ và Hồng lô tự. Từ tháng năm năm thứ sáu chế Tăng Ni y theo trước, khiến Lưỡng Nhai Công đức sứ thâu về cai quản, không nên lệ thuộc vào Chủ khách, những Tăng độ được vẫn khiến từ bộ cấp chứng điệp. Vua Tuyên Tông xiển dương Đạo Phật Tăng Ni được độ lại thuộc Tả Hữu Nhai Công đức sứ, cho nên ông Dương khâm Nghĩa đảm nhận Tả Nhai công đức sứ, tuyên tông sai bắt đạo sĩ Triệu qui chơn. Triều Chiêu Tông, Tể quan Thôi Mổ tâu giết hoạn quan các ty, sứ tất cả bãi bỏ đều quy về chùa tỉnh. Công đức sứ tể Chấp Đới chi, nhà Lương thay đổi nhà Đường lên, đạo sĩ không vào tông chánh, Tăng Ni trở lại thuộc Từ bộ. Cuối đời Lương năm đầu niên hiệu Long Đức cấm các nơi riêng độ Tăng Ni, người nào có nguyện xuất gia bắt buộc phải vào kinh thi, sau Từ bộ mới dâng sớ lên xin. Đời Hậu Đường không nghe có việc đây. Đời Tấn lập Dương Quang Viễn làm Thiên hạ công đức sứ, sau khi Duy Thanh không theo phép tắc, không lập công đức sứ đây. Đến Đại Tông nay Tăng Ni đạo sĩ đều thuộc Công đức sứ, người xin xuất gia thì cho độ, đôn đốc thi kinh kệ thì Công đức quan Từ bộ mới cho chứng điệp, hệ thuộc vào Nhi Tào.

Luận viết rằng: Hồng lộ tự là nơi thiết đãi những người khách ở nơi xa tới. Khi giáo pháp mới đến cần phải nhờ vào chùa này, tuy phát khởi chùa Bạch Mã nhưng cuối cùng thuộc vào ty đây. Xưa nói rằng Tăng Ni lệ thuộc vào Hồng lô tự là đó vậy. Và ai đã từng ném nước

tương mà khen ngon, mang giày da mà hơi đẹp thì tứ hải đều là một nhà, dù nhà vua cũng không ngoại lệ. Cho nên đời hậu Ngụy bố trí Lam Phước Tào, Chiêu Huyền Tự, Sùng Huyên Thự. Thiết lập quan bố cúc để thống nhiếp Tăng Ni, ăn tương rau mà sống ở nước ta, mang giày da mà nhận trang phục người Hoa cho nên triều Đường bắt buộc quy về Từ bộ. Đã nhơn nơi sự chỉnh lý thay đổi tùy theo sự thạnh suy của triều đại, lập công đức sứ để bao gồm hết. Thời Trung Tông lập Sa môn Quách Thanh làm Tu Công đức sứ, quan đến điện trung lam nói ra sự đột khá của quân, sự dung chứa của quân công không có gì thưởng, triều đình bàn bạc dung chức Công đức sứ để ban cho cho là sự vinh hạnh, chẳng phải chuyên chỉ cho Tăng và đạo sĩ vậy. Lúc bấy giờ Thượng thơ tỉnh ty, phong tuyên thuộc trong đó, do đó không ra quân. Đến cuối đời Đường Hành Viên Chiêu bị giết, chức trở về Tể chấp, hoàng triều phục hưng lại chức đây, cũng là sự may mắn cho Tăng Ni và đạo sĩ.

### 38. TỪ BỘ ĐIỆP PHU

(Ngôi Vị lớp Tăng Ni và Đạo Sĩ)

Từng nghe Tăng được coi như là quan ngũ phẩm nhưng chưa thấy sự mệnh lệnh và cách thức vả lại chỉ nghe là tương truyền (Lại từng thấy Tăng ngũ phẩm, chớ chẳng phải quan ngũ phẩm) Căn cứ vị Tăng tụng kinh đạt tiêu chuẩn, thì vị thông thì vị Tăng Ni được tuyển chọn, cạo tóc mặc Ca sa, vị đây thuộc người tu trong Đạo Phật. sắc, thọ, hình đều là “về tác giới pháp” đây là ngôi vị quan. Người giảng giáo pháp Tam tạng  và đảm nhận sự sứ giả của Như Lai, giáo hóa dẫn dắt chúng tại gia và xuất gia, khiến ch họ bỏ ác hướng thiện quan tâm đến dân. Vì quốc hành đạo bảo hộ dân không có tai nạn, đây là bài học tốt nhất. Nếu không so sánh với giai phẩm của vị quan thì xem vị Tăng kia chức bằng với chức quan, vị kia đáng được biểu dương là quân tử pháp môn đời sau, vua xin giáng chỉ sắc rõ cho phép so sánh quan nào đó, phẩm vị nào đó là đầu mối của việc tốt trong thời tượng pháp, mạc pháp, tự sức của ta không phải là tốt sao. Nếu ông muốn tra cứu về quê quán, thì Nam truyền có (thấy trong cao Tăng truyền) chỉ vì tra khám tán dương liền có danh tịch, quan hệ có hạn cuộc, ắt có nguyên do căn cứ, nguyên do căn cứ tức là bộ điệp. Xét tục hội yếu tháng năm năm thứ sau niên hiệu Thiên Bảo chế Tăng Ni theo sự thao quản của Lưỡng Nhai Công đức sứ trước mà không cần lệ thuộc vào Chủ, khách, Tăng Ni độ được vẫn để từ bộ cấp chứng điệp (Điệp Từ bộ nhà Đường đều là lụa trắng, gấm trắng, tiền có trục, lọng, chẳng phải quan cho là cái gì) cấp điệp

bắt đầu từ triều Huyền Tông. Và trong niên hiệu kiến Trung Công triều Đức Tông sắc cho Tăng Ni khắp nơi người nào chết hay hoàn tục, ngày đó phải ngưỡng tam cương, trình chứng điệp ở huyện mình, mỗi tháng phải trình châu, phủ, triều, gồm lại khiến trình thỉnh và có truình cho người đưa tiễn. Chú ý thích nếu huỷ ở kinh thành phải trình cho Từ bộ nạp cáo điệp (Cáo thân tức là giới điệp)

Lớp, vị thứ Tăng Ni và đạo sĩ:

Phật pháp thông hành trải qua các thời đại chưa hoàn toàn thành cái đảnh vững chắc, sắp xếp mà chớ bàn luận, và khi động vua thì vào cung sẽ gặp ghen ghét, lại thêm vào đó khi Tăng thừa chói rọi pháp nhơn nơi sự mà xa lìa, bằng chống đối khán cự với Huyền môn, nhơn đó mà có sự tranh cải cho nên bằng kết đản phải, do kết đản phái mà sanh ra ưa ghét. Trong kinh không cho gần gũi Quốc Vương, đại thần vương tử.v.v... Lại nói rằng: pháp của ta là phó chúc cho Vương thần là sao vậy, nếu chỉ chưa vào sức mình không gần gũi mà có thể được ư? Nếu gây ra tai ương mà muốn thân được vinh hiển, người kia khỏi được ư? Xem cuối các thời đại đó cấu nặng tình dời đổi, chỉ lo thân mình mà thôi, ít nghe vì pháp mà gần gũi Quốc Vương, đại thần. người thoát tục ở chốn Lan Nhã, không màng đến triều chính, ai lại gượng mà hỏi ư? Ai lại chia ra đặt để thì làm sao có phân lớp ngôi vị? Song chỉ nghĩ đến việc thì ngăn được nhiều mối, thì Vương hầu làm sao biết đến được, người có sức mạnh làm thế nào có thể giúp đỡ cho nên cần phải chia ra làm ngôi vị mà thực hành lẫn nhau, bỏ lấy hai tình đều ý. Ngày xưa giáo pháp truyền sang đời Đông Hán, Ngụy thì còn mờ mịt, từ thời Tần, Tông đều nay nghe giáo pháp rất được hưng thịnh. Nếu đạo Lão nhiệm màu, thì Tông phong của đạo Lão thời Hán, Ngụy chỉ là sự còn mất mà thôi. Sao mà biết? Như Mã Thiên làm sử, đem Lão tử với Hàn Phi truyền chung có thể là đời Hán chưa tôn sung. Phàm lập truyện Đông Khoa mượn sự hứng thú ngoài tướng bằng nhau thì sử quan từng mà ngẫu xuất. Như vậy biết được đạo Bá Dương trước đời Hán chưa được vinh hiển mấy, đến đời Đông Hán hoàng đế dời vào trong cung cúng tế cầu phước. Năm thứ ba Hoàng Sơ nhà Ngụy hạ sắc chỉ rằng, báo cho thứ sử Dự châu lão Đam Hiền nhơn chưa chắc là trước Khổng Tử, không biết lão Quận lập miếu cho Khổng Tử xong chưa. Hoàng đế đời Hán không có thấy thánh tháp, do đó vì sủng ái thần dân mà thờ lão Tử muốn để cầu phước. Thật đáng buồn cười. Vậy sự cúng tế này hưng khởi bắt đầu từ Hoàng đế. Võ Hoàng đế cho Lão Tử Hiền nhơn không hủy đạo đây, Trẫm cũng dùng đây đặt ngay ngắn bên đường, người đi

qua lại nhất định sẽ đến chiêm ngưỡng mà trong lầu ốc thẳng như trong khoảnh khắc chật cả người cho nên khiến tu chỉnh lại, buổi tốt đi qua nhìn rất chỉnh đốn. Sợ hàng tiểu nhân cho đây là thần vọng đến cúng tế cầu khẩn mà phạm thường cấm, cho nên tuyên cáo quân dân đều hay biết, do đó mà phải quan sát. Giữa đời Hán, Ngụy chưa xuất hiện người nỗi bậc, đến đời Đường có xuất hiện Dương giác, đạo đó có chỗ hưng thạnh nhận làm tổ tông, sách là hiệu vua, vua đây gọi là hùng thì ai không hung. Nếu sử Mã Thiên vào đời Đường, ắt sẽ đổi lại niên kỷ của vua. Do Trọng Ni Đồng Truyền cũng gọi là Hồng Mao Bất Địch Quân Thạch, há Hàn Phi vọng tham gia trà trộm bậy bạ? Người Hán, Ngụy xem sử Mã Thiên há không có kinh sợ ư? Người kinh sợ là không có luân lý, tình cận thế. Song vật tùy theo đảng mà có khác, sự dời đổi theo thời. Người có ba việc cung kính cũng không khỏi lúc xưa có sai lầm, người có muôn nước há lại không có ý mới? Nhà Chu; Lương cải cách sửa cung Thái Thanh ở Bậc Châu làm miếu Lão tử. Bởi do đời vua không nhất định, ưa ghét khácnhau, đạo Phật tuy từ Tây độ đến Tấn, tong, Tề, Lương, Trần, hậu Ngụy, Bắc Tề, hậu Châu; đại tùy Tăng đều ở trên Hoàng Quan. Lương Võ bỏ đạoLão không nói đến huyền môn, đệ tử Hoàng (huỳnh) Quan vốn khó mà tranh với trưởng lão. Năm mười hai niên hiệu Trinh Quán xa giá đến Lạc Dương, đạo sĩ trước đó có người bàn luận với Tăng, nghe được việc đó vua Thái Tông chiếu rằng: Nay đảnh vàng khắc phục hưng thịnh, đã nượng sự chúc mừng của bực thượng đức, thiên hạ đại định cũng nhờ vào công vô vi, nên xiễn dương rộng huyền hóa này, từ nay về sau trái cúng đều lập thực hành, đến như xưng gọi, đạo sĩ nữ quan đều có thể ở trước Tăng Ni. Những người chân thành phản bổn, thông suốt cữu hữu, để lại vạn kinh. Lúc bất giờ bậc trí thành thật ở các kinh ấp dâng sớ trình bày can gián nhưng vua không nghe, từ nay chư Tăng đứng ở dưới. Đến năm hứ mười lăm, vua đến chùa Hoằng phước, ban cho năm vị đại đức rằng: Trẫm để Tông Lý ở trước, các vị đại đức lẽ ra rất hạn, do vì để Tông ở trước Trẫm thấy công đức tu hành chưa từng riêng tạo đạo quán, đều tôn sung chốn chùa chiền. Vua nói ra lời an ủi như vậy làm cho lòng chư Tăng vui mừng. Và đến triều Cao Tông có vị Trực Đông Đài Xá nhơn nương thần đức dâng sớ xin vẫn để cho Tăng Ni ở trước đạo sỹ như trước, và giống như trước không bái cha mẹ, bỏ bớt những phiền phức không chép, Tăng đứng trước đạo sỹ nữ quan. Tháng hai năm đầu niên hiệu Cảnh Vân vua Duệ Tông chiếu rằng do kinh điển đạo Phật, lý Huyền Tông để lại dấu tích có sai khác nhưng công thì bằng nhau, từ nay về sau mỗi khi có duyên

về pháp sự nhóm họp, Tăng Ni đạo sĩ nữ quan nên đều tập hop hai bên (đây không phân trước sau đều đi hai bên).

Luật viết rằng: Phật pháp khinh khi giáo pháp của ta, nếu việc cỏn con như vậy mà đã từng lên chánh điện lượng thuật ba giáo. Đạo nho ở trước, đạo Phật ở sau, đạo Lão trên cùng do đó mà xuất hiện trước của vô danh. Gần đây có Thẩm Công làm bài Ngao thơ có câu rằng: Chỉ nghe nói đến hai đạo, không nghe nhắc đến đạo Phật đây là gieo giống A Tỳ địa ngục mà lời thánh nhơn răn dạy. Cho nên khi Thác Bạt Hố vào chốn u minh, thấy Châu Võ chịu tội và gởi lời về nói Tùy Thiên Tử cứu khổ cho ông ta. Văn đế bần quyên góp thiên hạ xuất tiền làm phước cứu giúp cho ông ta. Vả như Phật vô ngã, gặp những tượng bị hư hại mà không có tâm tu sửa, bởi do muốn tàn hại kia, thì ắt trước sẽ thiêu đốt nơi tâm, tâm là nhơn của khổ thì tâm sẽ gặp quả báo, tự làm tự chịu có thể không sợ ư? Xưa Khanh Hiếu Tự làm bài :Thất Lục Trung” cho Phật giáo và ngoại thiên, một là giới luật; hai là thiền định; ba là trí tuệ; bốn là nghi tợ; năm là luận lý, nhơn đó gọi là lý Phật là sách từ ngoài đến (phương ngoại), nên gọi là phương ngoại giáo từ Hiếu Tự là đầu tiện. Điều gọi là phương ngoại là đồng với Trang Lão vậy. Giáo pháp trong thành mà bị trói buột cũng không bì kịp, xim dung mắt trí quán chiếu sự sâu cạn kia thì trong, ngoài; trên, dưới tự có sai khác vậy. Nếu không có huệ nhãn đem ngọc và đá đi đốt, có thơm có thối cùng đựng chung vào một giỏ, biết lại làm gì? Nhớ lại nhà Châu phá diệt, nhà Tùy phục hưng, mới gọi là lẫy lừng, tìm lại vi diệu kia. Đời Đường đôn đạo Lão đạo Phật thì bị trì trệ, hoặc ép bái quân thân, hoặc phân ban trên dưới, bởi do pháp hữu vi làm sao tránh khỏi bốn tướng dời đổi Thí như lửa đốt, trong lửa lan bèn lui, hưng lâu thì ắt có ngày suy tàn, suy tàn đến cùng tột thì lại hưng khởi, thạnh suy tìm nhau chưa hẳn là có cùng tột. Trong Cảnh Vân có chép, khiến cho Tăng ở phía Tây, đạo sỹ ở phía Đông, đứng bằng hàng mà đi tới. Đời Chu, Lương lại đổi vị trí. Nay Đại Tống mỗi khi nhóm triều thì Tăng trước đạo sỹ sau đều đứng sân điện. Tăng Đông, đạo sỹ Tây ở giữa xen chức phó, nếu gặp lúc ở ngoại ô thì Đạo sỹ hữu Tăng tả, chưa biết được thỉ khởi vậy.

## 39. NỘI ĐẠO TRÀNG

Nội đạo tràng khởi xướng từ đời Hậu Ngụy, mà được tên vào thời Tùy. Dương đế do Ngã là xưa sửa đổi nhiều việc, đổi chùa thành đạo tràng, đổi đạo quán thành phương đàn. Nếu bên trong hành việc Tăng thì gọi đó là đạo tràng. Triều ngày nay có điện Tư Phước.v.v... để tượng

Phật kinh tạng, lập chuông sát thinh gọi là nội tự. Năm thứ hai niên hiệu Thỉ Quang Đại võ Hoàng Đế lập Chí Thần đạo tràng. Năm thứ tư niên hiệu Thần Gia sắc các Châu, thị trấn đều lập đạo tràng bởi vì vua sanh ngày này (tìm văn ngày sinh nhật đó tạm dựng pháp hội). Sau tháng giêng năm đầu niên hiệu Thiên Nguyên Đại Thành chiếu rằng: Tạo lập Huyền phong, tôn trọng Tam Bảo, nên phải tu hành xiển dương giáo hóa pháp, giáo lý cao xa đáng quay về tôn sung, những vị Cao Tăng đức hạnh trong các Sa - môn kỳ vựu có bảy người, ở phía Tây điện Chánh võ sắp xếp tu hành. Đây là lúc đầu tiên có nội đạo tràng. thời Nam triều hoặc để Ni ở bên trong trì tụng. Lại nữa trong điện thọ Quang Chư Tăng nhóm họp bàn pháp sự, hoặc tập họp các học sỹ, hoặc giảng dạy, hoặc chú giải kinh điển, hoặc giảng giải thiền yếu, đều ở trong cung cấm và nội đạo tràng. Đời Đường Võ Tắc Thiên ra lệnh cho các vị đại đức Tăng pháp, Huệ Nghiểm. Hạnh Cảm, Tuyên Chánh. v.v... ở trong đạo tràng tụng niệm (Còn một câu)

Vua Tắc Thiên ở đại nội ở Lạc Kinh sắp xếp làm nội đạo tràng, vua Trung Tông và Duệ Tông vẫn theo chế đây không thay đổi. Vua Đại Tông ban đầu thích cúng tế chưa trọng đạo Phật, mà các quan thần tể tướng Nguyên Tái, Đỗ Hồng Tiệm, Vương Tấn v.v... đều quy hướng Phật Tăng (Vương Tấn xây chùa Bảo Ứng). Vua Đại Tông từng hỏi việc phước nghiệp báo ứng, ông Nguyên Tái nhơn đó mà trình tâu do đó mà vua rất tin, thường sai hơn trăm vị Tăng ở trong cung thiết lập tượng Phật kinh điển mà tụng niệm, gọi đó là đạo tràng, cúng dường cho Tăng đồ rất quý, ra vào cho cởi ngựa, tính đồ trong kho mà cấp cho. Mỗi khi Tây phiên vào xâm lược đều sai chúng Tăng giảng tụng kinh nhơn Vương đế mong bài trừ sự xâm lược của ngoại tộc, may mắn giặc kia thối lui thì vua sẽ ban thưởng cho. Ngài Bất Không Tam Tạng làm quan đến chức Khanh lam được phong làm Quốc công, ở trong cung cấm thông hết các kinh sách. Lại chiếu cho các quan trong thiên hạ không được đánh đập Tăng Ni. Lại ngày rằm tháng bảy ở trong đạo tràng làm lễ Vu Lan bồn, dung vàng ngọc trang sức, xây bảy tòa thần miếu Cao tổ, mỗi tòa viết thần hiệu để biết mà nghinh tiếp, ra vào trình bày nơi tự quán, dẫn đạo phồn thịnh, mỗi năm lấy việc này làm thường. Đến trong niên hiệu Kiến Trung vua Đức Tông sắc từ Quảng Đức Vĩnh Thái đến nay, nhóm Tăng ở cung cấm lập đạo tràng đều khiến cho thông suốt. Trong Di Xuất Tăng chúng có nói rằng triều Thuận Tông làm nghi pháp trong nội điện Đoan Bổ Chưởng, cũng là làm việc đây. Vua Huệ Tông, Mục Tông, Văn Tông đều làm pháp sự trong nội điện Đoạn Bổ Chưởng.

Ngày hai mươi sáu tháng tư thứ chin niên hiệu Đại Hòa vua Văn Tống sắc dung nội Trường sanh điện đạo tràng. Vua Võ Tông năm đầu lấy tiết sanh nhật Đức Lương lại lập Nội Trường sanh điện đạo tràng và thiết lập nội trai, Tăng và Đạo sỹ đều được mừng thọ. Về sau cùng với đạo sỹ Triêu Qui Chơn hoặc loạn, giận dữ tìm lỗi của Tăng, đến năm thứ tư Hội Xương, chiếu chỉ dừng nội trai và nội đạo tràng, ác ý nhăn nhúm từ đây.

**PHỤ SANH NHỰT ĐẠO TRÀNG**

Sanh nhựt là tên gọi của tiết lễ, bắt đầu từ vua đời Đường Huyền Tông. Ngụy Thái Võ Đế lập đạo tràng năm thứ hai niên hiệu Thỉ Quang. Đến năm thứ tư niên hiệu Thần gia sắc các Châu, trấn đều phải lập đạo tràng mừng ngày sanh của vua. Niên hiệu Thỉ Quang là đầu tiên vua tôn sùng phước. Trong niên hiệu Thần gia là đầu tiên các quan thần chúc thọ vua, từ đó về sau các quan chọn ngày tốt chúc mừng sắm sửa trai Tăng đọc kinh, gọi là sinh thần tiết đạo tràng, đến nay rất thịnh hành.

## 40. TĂNG TỊCH CÓ LƠI CÓ CĂNG

Người đắc quả dầu phải là liều thuốc bổ vô hạn, kẻ xuất gia há có do giữ cho tồn tại. Đã là triều văn vật, cần phải lập giềng mối, người thấy sự ưu nhàn mà tranh nhau vào, sợ lao dịch mà chạy trốn, thì ông mạo danh, thật chẳng phải là bực cao sỹ, luật của Tăng há có thể điều phục được những người buông lung, ương ngạnh, cho nên lập Tăng cuộc để cai quản, lập danh bạ để lập kỷ luật. Đời nhà Chu, Tùy không biết được, đến nhà Đường chủ trương mới nghe lệ thuộc. Tháng giêng năm thứ tư niên hiệu Đại Hòa vua Văn Tông, quan Từ Bộ mới hết.

Tăng Ni các nơi chỉ mạo danh mà không phải được độ chân chính, trình với tỉnh, mỗi người được cấp chứng điệp của tỉnh, nương theo đó mà vào sổ bộ tính ra có bảy mươi vạn (7000.000). Như vậy ghi chép vào sổ bộ bắt đầu từ năm thứ hai niên hiệu Đại Hòa. Nếu như vậy thì trước đó không có ghi vào sổ ư? Xét Phước Tào Chiêu Huyền Tự tôn sùng Huyền thụ, làm sao thống lãnh sứ đoán việc của Tăng đoàn.

Đáp rằng: Xét về việc lập sổ bộ Tăng thể độ không giống, hoặc xét theo từng chùa mà biết chung, hoặc tùy theo Châu mà ghi chép riêng, hoặc ghi riêng chuyển sổ, hoặc ghi văn bản sửa đổi thêm vô cho nên không giống nhau. Song khi làm việc gặp thời vua tốt vua xấu, bèn ghi chép vào sổ mà bỏ từng tờ. Ngày nay Đại Tống dùng sự xoay tròn mà hiển đức cho có hệ thống, ba năm làm một lần, để vào trong luật khiến cho biết.

# ĐẠI TỐNG TĂNG SỬ LƯỢC

## QUYỂN HẠ



-----------------------------------

## 41. ĐẢN THÌN BÀN LUẬN

Xưa Hán Tổ sanh chung ngày với Lư Oản, có dâng rượu ngon cho nhau, đây là tạm khởi mừng sanh. Sau thì bó lụa rượu ác, đứa trẻ ăn chơi để thêm chúc mừng. Lớn thì ngọc lụa ý sanh trưởng lâu thấy, thuộc bao nhiêu đồ vật, dùng làm giàu lễ mừng sanh và nghe trọng Phật pháp có thuyết dừng tai ương kéo dài mạng sống thì lấy Phật sự làm mừng. Đời Nguyên Nguỵ, Hậu Chu, nhà Tuỳ phần nhiều gọi các Tăng nổi tiếng rộng học cùng nho đạo luận đối vui xem vương đạo cũng là việc đẹp mừng sanh nhật.

Đường Cao Tôn gọi là Giá Công Sản ở trước ngai cùng đạo sĩ, Sa môn giảng nói nghĩa kinh. Đức Tôn ngày đản sanh ngự điện Lân Đức, lịnh Hứa Mãnh Dung... thăng toà cùng tín đồ Thích lão giảng luận. Ngày sinh nhật tháng tư hiệu Trinh Quán năm thứ mười hai, ngự ở điện Lân Đức gọi cấp sự trung đồ đại binh bộ lang trung Triệu Nhu và Hứa Mãnh Dung vĩ Cự Mâu cùng đạo sĩ Cát Tham Thành, Sa môn Đàm đàm Diên... hai mươi người giảng kinh Tam Giáo, Cừ Mâu rất biện cấp.

Sinh nhật Văn Tôn vào tháng chín, vua gọi Bạch Cư Dị cùng Tăng Duy Trừng, đạo sĩ Triệu Thường Doanh ở điện Lân Đức bàn luận, Cư Dị luận khó bén, lời biện như suối, vua nghi túc cấu rất than thở đó. Đời Trang Tông có Tăng Lục Huệ Giang cùng đạo môn Trình Tử Tiêu bàn luận, xen nhau thiết tha bàn bạc đùa ghẹo để vui lòng vua. Trang Tông tự ưa ngâm xướng, tuy làm trong doanh quân, cũng dắt Pháp sư bàn luận, hoặc khi ngự triều thường lập bày trai Tăng thì trong điện bàn nghĩa minh tôn. Thời Thạch Tấn, Tăng Lục Vân biện nhiều bàn luận ngày sinh nhật, Hoàng Đế chính thân ngồi xem bàn luận. Đến triều Thái Tổ đại Tống thiên hạ nhiều việc bèn bỏ việc đây, chỉ trọng Tăng giảng, ba học là hơn, đây không chính Thái hậu trọng mà trinh thật ư?

## NỘI TRAI PHỤ

Ngày đản sanh Hoàng đế, chiếu soạn Cao Tăng Truyện, vào nội điện ban ăn uống và gấm vóc, tìm văn khởi ở khoảng Hậu Nguỵ, phần nhiều kéo dài thượng đạt để kích cầu phước thọ. Nhà Đường từ Đại Tôn, đặt trong đạo tràng, mỗi năm giáng thánh tiết xuống chiếu gọi Danh Tăng vào cúng trai tăng gọi là nội trai. Đến Văn Tôn hiệu Đại Hoà năm thứ bảy vào tháng mười sửa khánh thành tiết ra lệnh ngừng việc tăng đạo nội trai, đến năm đầu Võ Tông lại đặt nội đạo tràng và lập nội trai, tăng đạo chúc thọ. Hội Xương năm thứ tư vào tháng sáu dừng nội trai và nội trường sanh đạo tràng. Tuyên Tôn lên ngôi, ngày hai mươi hai

tháng sáu năm đầu ra lệnh lại đặt nội trai, cho Tăng đạo chúc thọ. Nhà Lương cổ hiệu Khai Bình năm thứ ba, ngày tiết Đại Minh vua ngự điện văn minh lập trai tăng, Tể Quan, Hân Lâm học sĩ dự đó. Hoàng Đế Đại Tống của ta ở lễ sinh nhật, hai bên có Tăng Lục, Đạo Lục thủ toà và Công Hiến hai bên chia Tăng ban tử y và hiệu, rõ lại đồng ban trai. Lại nghe sinh nhật của vua Tấn, Hán, Chu lập cả trăm Tăng, sau lượng diệt chỉ còn vài người mà thôi.

**42. BAN TỬ Y CHO TĂNG**

Xưa quý tên và món đồ, cho người y phục, tột cùng là màu đỏ, xanh và vàng là hàng thứ kế, cho nên nói là gia tử thọ, hẳn được kim chương. Nay Tăng chỉ nhận tử kia mà không lấy vàng. (Phương bào (áo vuông) chẳng phải dâydaij). Tìm ở các sử, áo Tăng màu đỏ vàng đen xanh... không nghe chu tử (châu đỏ). Xét sách nhà Đường thì thiên triều có Tăng Pháp Lãng... trùng dịch kinh đại Vân, bày phù hợp lời mạng thì trời là Di Lạc hạ sanh làm vua Diêm Phù Đề. Đời Đường hợp vi, cho nên do đó Cách Phách xưng Chu (Kinh Tân Đại Vân nói: “Rốt sau sanh cung Di Lặc” không nói thì trời là Di Lặc, Pháp Lãng Phách Hoài Nghĩa chín người đều phong quan huyện, ban cho vật có sai khác, đều cho ca sa tía, đai rũa bạc. Kinh Đại Vân kia tụng ở chùa Thiên Hạ, đều cất một bản, khiến lên toà giảng nói, ban cho tử y bắt đầu từ đây.

Quán Tân Đường thơ nói: Đại Vân là kinh nguỵ là sai. Kinh đây triều Tấn đã dịch bổn xưa lại nói rằng Nữ Vương. Lúc này đâu có Thiên Hậu ư? Bởi vì dịch lại, có Hậu Vượt Gia dùng Hiệp Phách Hoài Nghĩa ở giữa kia gây ra cơ hiềm, thì sau vua trong tôngtriều lấy công Hồ Tăng chùa Huệ Phạm Tu phong quan huyện, không hành tử y. Thời Duệ Tôn cũng không có. Huyền Tông Hữu Ái vừa đến, do Ninh Vương bệnh sai Trung Sử dâng thuốc, tìm chạy mấy hôm chỉ có Tăng dâng hiệu thuốc, vua vui lòng ban cho phi bào đại ngư (áo đỏ túi cá) (ban áo đỏ túi cá chỉ cho một người). Lại trong tháng chín năm hai mươi hiệu Khai Nguyên, Vua ba tư sai đại đức Tăng và liệt chí đường (và Liệt Tăng Danh) sắc lệnh ban cho ca sa tía một bức lụa năm mươi thất cho trở về bổn quốc.

Thời Thiên Bảo Mạt, Sa môn Đạo Bình ở chùa huyện Kim Thành gặp giặc núi nghịch loạn, Huyền Tông ở Tân Thục, Túc Tông qua chùa Đạo Bình khẩn thiết khuyên bàn binh linh võ thâu lại được Trường An, Túc Tông đem binh giao cho, phong là Tả Kim Ngô đại Tướng Quân, đến khi gặp giặc đại chiến luỵ về công vị, sau trở lại xin làm Tăng, vua ra lệnh phối hợp hai chùa Sùng Phước và Hưng Khánh, ban tử y vào

cung nội tấu đối làm thường. trong năm Đại Tong Vĩnh Tần, Tăng chùa Chương Kỉnh là Sùng Huệ cùng đạo sĩ đọ tài thuật, trong khi báo hơn quan Củng Đình Ngọc tuyên ban tử y một bức (các túi cá). Kế, Phạm Tăng Kỷ Đà ở chùa Trấn Quốc sáu trăm tuổi, lúc gần chết sai đệ tử dâng y bát lên Hoàng Đế, vua ban tử y.

Đức Tông quy tâm nơi đạo Phật, gọi Pháp sư Đoan Phổ vào nội điện cùng Nho đạo bàn nghĩa ban áo vuông đỏ, Võ Tông đều làm ban tử y đây (tìm tên Tăng chưa thấy). đông Quán Tấn Ký nói: "Đại Trung Trung chùa Đại An Quốc Thích Tu Hội hay thơ thường nên chế, mơi suy nghĩ thanh bạt, một ngày tâu vua xin tử y, vua bảo: "Không ở nơi ông ư? Xem như tướng có thiếu vậy, cho nên chư cho". Và ban cho về chùa, sau bạo bệnh mà chết. Đại Trung năm thứ tư ngày hai mươi hai tháng sau là lễ sinh nhật, nội điện thiền Đại Đức và ban tử y, sai chủ Phước Viện là Tông Chỉ cũng ban tử y. Kế có Sa Châu Tuần Lễ Tăng Ngộ Chơn đến kinh và Đại đức Huyền Sướng Cú ngay tạng kinh đầu ban tử y.

Lại chùa Pháp Càn nghiệm Tăng đồ theo lịnh ban tử y. Vua đến chùa Trang Nghiêm lễ răng Phật, Linh Huệ Luật sư được ban tử y. Chùa Sùng Phước Dueej Xuyên được ban tử y. ý Tông giảm bốn năm, có Tăng Pháp Tín ở Tây Lương dâng Bách Pháp Luận Sớ Sao, khám thật ban tử y. Lễ sinh nhật ngày mười bốn tháng mười một năm thứ mười một, hai bên Tăng, Đạo đến trong, ở điện Lân Đức giảnh luận đáng tín nhiệm ban tử y. Lại Tăng nước Nhật Bản Viện Tải ở chùa Tây Minh từ tạ về bổn quốc, ban cho tử y rồi sai trở về. Lễ diên khánh năm thứ mười hai vào điện giảng bàn, tả vệ Thanh Vận, Tư Lễ, Vân Khanh... năm người, hữu vệ Huyễn Chương, Huệ Huy Thanh Viễn... bốn người đều ban tử y (tìm vệ phân đều ban tử y, tự giảm thông ban đầu). Hy Tông, Chiêu Tông ban các đạo chỗ dâng tử y Tăng rất nhiều không chép được. Lương Tổ vào tháng mười một năm đầu hiệu Càn Hoá, có người Hồi Hột vào triều là Tăng Nghĩ Lư, Nghi Lý tư Nghi Diên Tiễn... đều ban tử y trở về nước. Lại đàm Châu có Tăng Pháp Tư, Khuê Châu có Tăng Quy Chơn diện kiến xin ban tử y, Trang Tông vui mừng ban cho Tăng tử y, đời Tấn Hán, Chu đều vậy.

Nay đại Tống chỉ ban vào lễ sinh nhật. Kia hoặc trong đạo tràng Tăng đã đắp tử y,lại ban tử y duy nương ba việc gọi đó là trùng tứ. Như các nước xa xôi ban cho cũng đồng. Thời Nguỵ Thục, nước Vân Nam sai nội cúng dâng chủ chùa Sùng Thánh ban cho tử y và bát vàng, Tăng sung thông sử tốt. Sau Loan Sĩ có vua ban cho bát vàng, giống như Trung Quốc ban cá bạc. Nước Oa thì ban cho Tăng hiuệ Truyền Đăng

Pháp Sư, ở Cao Ly ban Tăng tử y thì lấy vàng bạc đính trên vải để phân biệt cao thấp.

### 43. BAN HIỆU SƯ

Hiệu Sư nghĩa là ban hiệu Đại sư gì đó. Xa khởi đời Lương Võ đế hiệu Thê Ước Pháp Sư, kế Tuỳ Dương Đế hiệu Trí Khải Thiền sư và là Trí Giả mà không có hai chữ Đại sư. Đường Trung Tôn hiệu Vạn Hồi là Pháp Vân Công (thêm chữ công). Huyền Tông trong hiệu Khai Nguyên có Huệ Nhựt Pháp sư. Triều Trung Tông được độ Sư Nghĩa Tịnh, dạo đi Tây Vức trở về dâng chơn dung Phạm hiệp vua đẹp lòng ban hiệu Từ Mẫn, cũng chưa hành chữ đại Sư. Triều Mục Tông, Thiên Bình Quân Tiết Độ Sứ Lưu Tổng tâu xin xuất gia ban cho tử y và hiệu đại Giác Sư (chỉ một chữ Sư) đến Ý Tông, vào tiết Diên Khánh ngày mười bốn tháng mười một năm thứ mười một hiệu Hàm Thông,hoặc nhơn bàn luận, tả vệ Vân Hạo ban hiệu Tam Huệ đại sư, hữu vệ Tăng Triệt ban cho hiệu Tịnh Quang Đại Sư, đáng tín nhiệm Pháp trí đại Sư lại khiêm ngường Thanh Liên Đại Sư. Ban hiệu cho Sư bắt đầu triều Ý Tông. (Rõ ràng nói Đại Sư gidf đó, thấy ở Ngũ Vận Đồ).

Hỷ Tông triều có Tăng Lục Vân Hạo Đại Sư, triều Chiêu Tông có Viên Minh Đại Sư. Lương Cách Đường mạng ban Linh Võ Đạo Diễn Vu... vì chứng Huệ Đại Sư, ban cho nước Ngô Việt đường Tác qua núi Hồng Nhân, là Pháp Tề đại Sư. Đến hiệu Long đức năm đầu không cho Tăng vọng cầu hiệu Sư và tử y. Sau Đường, Hán, Tấn, Chu đều đồng. Nay Đại Tống dừng hành hiệu Sư và tử y, mà hiệu Đại Đức cho ty Tăng Lục chọn đặc.

Trước là hiệu Khai Bảo đến Thái Bình Hưng Quốc năm thứ tư sắp về trước cho Tăng khắp nơi vào sân điện xin thi ba học, sau pgủ Khai Phong công đức sử sai tăng chứng nghĩa Kinh Luật Luận mười điều toàn thông ban cho tử y, hiệu là Thủ Biểu Tăng do kia diện kiến dâng biểu. Tầm Nhơn Công Đức sử tâu "Thiên hạ một nhà không cần thủ biểu, cầu soạn sắc nương", từ đây thường thông lễ sinh nhật của Hoàng Đế, chính thân Vương Tể phụ, Tiết Độ Sứ đến Thứ Sử được dâng biểu tâu điều đã biết. Tử y, hiệu Sư cho Tăng đạo chỉ hai vệ Tăng Lục, Đạo Lục, dâng tiến được vào nội cung. Đây ngày trao điệp môn hạ gọi đó là Liêm tiền Sư hiệu, cấp tử y bốn việc, hiệu Liêm- tiền- tử- y, đây rất là vinh quán. Kia ngoài Vương Hầu tiến, giữa ngày mới ra tiết chế liêm vấn thâu thủ chuyển hàng mà ban cho.

## PHỤ ĐỨC HIỆU

Khởi đức hiệu có ra từ lâu xa. Đời Nguỵ Tấn, phiên dịch bổn luật Yết Ma trong văn đều nói là “Đại Đức Tăng”. Kinh nói rằng: “Vì đại Đức Thiên Sanh”. Luận nói: “Các Đại Đức có thần thông” và các truyền kỷ tư gọi Tăng Trung Hiền Ngạn, phần nhiều nói là “Đại Đức”, chẳng phải quốc triều thêm vào. Đến Đường Đại Tông, nội xuất hương một hợp đưa đến chùa Tây Minh cho nên thượng toà đại Đức đạo Tuyên Chưởng Nội bắt đầu thấy ở Sử Truyện. Lại đại Tông hiệu đại Lịch năm thứ hai, chùa An Quốc, Luật đại Đức Thừa Như tâu vật sắc Tăng chết, xin y Luật đoán khinh trọng, nên nương xem văn đây, tợ sắc chỉ thêm vào. Nhưng hoặc chiếu sắc trung rằng: “Trưởng lão (mỗ)...” há là thêm đặt sai, bởi suy sức một thời kỳ. Đại Đức đạo Tuyên Luật Đại Đức Thừa Như cũng đồng đây. Đại Lịch năm thứ sáu năm Tân Hợi ngày mồng năm tháng tư, ra lịnh Tăng Ni ở kinh thành, đến đàn mà có hai chữ Đại Đức, chính là bắt đầu quan thêm hiệu đức.

Triều Hiến Tông, Đoan Phổ là dẫn giá đại Đức, đây mang dẫn giá làm mục. Tuyên Tông hiệu Đại Trung năm thứ tư vào ngày sinh nhật ở tháng sáu. Nội điện Thiền Đại Đức Biện, Triệu hai người đây mang thiền học mà được tên. Lại đại Trung Trung ra lịnh tu bổ chùa Thánh Thọ đến đàn Đại Đức ban cho tử y. Huệ Linh làm thượng toà chùa Tổng Trí, chùa Sùng Phước Đại Đức giảng luận ban cho tử y, Duệ Xuyên chủ chùa Sung, đến đàn đại Đức chùa Phước Thọ ban tử y, Huyền, Sướng Sung đều là duy na. Đại Trung năm thứ mười Huyền Sướng Soạn Thượng toà Đại Đức chủ chùa, bền tin làm vui lòng chúng, đều từ sắc chỉ thêm vào, sắc chỉ thêm hiệu càng rõ ràng.

Vua Ý Tông, hiệu Hàm Thông năm thứ sáu, phủ Tây Lương có Tăng Pháp tín nhận bổn đạo Tiết Độ Sứ Trương Nghĩa Triều dâng biểu ho Thừa Ân Pháp Sư soạn Bách Pháp Luận Sớ Sao, lưỡng vệ rõ định có thể làm, do sắc chỉ nên nương. Pháp Tín được ban tử y, sung bổn đạo Đại Đức. Lại vua Chiêu Tông, hiệu Văn Đức ban đầu sanh thìn hiệu Gia Hội tiết, chiếu chỉ hai vệ Tăng Đạo giảng bàn đến chiều và đều ban cho vật dùng bằng bạc, Tăng đạo ban hiệu Sư, hữu vệ hai người, tử y đều bốn người, đức hiệu cho mười người. Châu, Lương Hậu Đường, Tấn, Hán, Chu, hoặc làm hoặc không làm. Nay triều đại Tống rất ít làm đức hiệu. Trong hiệu Khai Bảo, tả hữu vệ Tăng Lục chuẩn sắc chỉ xưa được chọn đặt danh đề ba học tạp khoa Tăng, hoặc nói rằng Thiền Đại Đức, hoặc giảng Kinh Luật Luận, dâng biểu bạch thinh tán, y thuật các khoa, nên cho hai chữ Đại Đức, gần Tăng lục đạo rất không theo khoa mục,

phần nhiều vọng bày văn chữ ý đẹp làm đề, đến bốn chữ mười chữ chỉ nạp quà biếu mà sau làm. Hai bên bờ Giang Nam, có đến mười tự viện, trong không trường hành có thể sung Tăng dịch.

## 44. NỘI CÚNG PHỤNG VÀ DẪN GIÁ

Nội cúng dâng cho Tăng, từ đời Đường Túc Tông nhóm binh ở Linh Võ đến năm Đức Nguyên Xa đến Phù Phong, Tăng Nguyên Hiệu nhận khẩu sắc, sắp đặt đạo tràng Dược Sư, khiến theo xa giá vào phó hội thỉnh Công, đến phủ Phụng Tường, chùa Khai Nguyên ngự đạo tràng Dược Sư, hai mươi mốt người sáu thời hành đạo. Bấy giờ trong đạo tràng bỗng sanh một lùm cây lý, phụng sắc chỉ sai kiểm thật, cây lý có bốn mươi chín cành, Nguyên Hiệu dâng biểu đáp điềm cây lý là nước Phồn Tư hưng thạnh, sanh trong gài lam thì biết mặt trời Phật pháp càng hưng thạnh, nên cảm điềm lành đây. Vua cùng Sư đồng mừng. Lại nước Lý Nhượng tuyên sắc chỉ rằng: Sắc chỉ nội cúng dâng Tăng Nguyên Hiệu. Đặt quan đây, bắt đầu từ thời Nguyên Hiệu.

Kế có Tử Lân người Châu Tuyền, kế nhận chức đây. Triều Hiến Tông, điềm trăng bổ hạo đậu tướng trăng kế ứng mệnh, Châu, Lương, Hậu Đường, Tấn, Hán, Chu, Đại Tống ta đều không nghe chức đây. Làm Đại Đức dẫn giá, chỉ có điềm bổ xưng, đây hẳn sắc chỉ bổ. Thẳng như tự hiệu riêng đặt đâu có thể xưng. Mệnh đây gần đây cũng không nghe. Nhưng Xe giá đi tuần trở về kinh Răng đạo hẳn phải đủ phan lọng ốc tù và xa rước Tăng Lục, Đạo Lục cưỡi ngựa dẫn giá mà không dám tự xưng là người dẫn giá. Thái Tổ Anh Võ, Thánh Văn Thần Đức Hoàng Đế cho lưỡng vệ Tăng đạo đều đủ oai nghi rước giá, nay cho là thông thường.

## 45. PHONG TRAO QUAN TRẬT

Phàm người xuất gia, trông năm vị để thăng cấp. Người đắc đạo chuyển hai vị mà đến quả, dám nói thứ kia. Duyên Giác ứng chơn dùng bốn quả một đời mà chứng thành, qua ba đời trăm kiếp mà bày hiệu, đây là phẩm trật Thánh Hiền. Nên sửa soạn nghiệp có thể thủ khoa liệu, kia có Hoa Phong ở Chấn Đán, Mỹ Hiền ưa tước, nhơn kia quý mà cho là quý. Xưa Hậu Nguỵ dùng Triệu Đô Sa môn Pháp Quả làm thống lãnh Sa môn cúng thí không đủ. Lại quan phẩm bèn trao Phủ Quốc Nghi Thành Tử Trung Tín Hầu tín dâng công tước nói rằngn Thành, Thích Tử được phong quan bắt đầu từ Pháp Quả.

Triều Lương lấy Huệ Siêu làm học sĩ điện Thọ Quang, lại lục

pháp và kham nhận vị quan cao. Hậu Chu chọn người học vấn ưu tú trong Tăng Đạo sung vào đạo quán học sĩ, vẫn đổi sắc phục. Triều nhà Tuỳ lấy Ngạn Tông làm Học sĩ Phiên kinh quán. Đường Trung Tông hiệu Thần Long năm thứ hai, làm chùa Thánh Thiện, Thanh Huệ, Phạm Huệ, Trân pháp Tạng Đại Hành Hội Tịch Nguyên Bích Nhơn Phương Sùng... trước tiến cử vào nước chín người, thêm năm phẩm và triều tán Đại phu huyện công, phòng nhà đồ dùng các vật, nhứt như chánh viên quan cấp, do công sửa Đại tượng, tìm thêm Huệ Phạm chánh nghi Đại phu, vua bổ Quận Công chủ chùa, Thánh Thiện, đến Ngân Thanh Quang Lộc Đại phu bổng lộc liệu phòng gác một việc sắp lên đồng chức quan cấp.

Lại Tăng Vạn Tuế chủ chùa An Lạc them triều tán Đại phu phong quan huyện, Duy na chùa Thánh Thiện bổng lộc cũng đồng chức quan mà cấp do lo làm xong tượng. Lại Sa môn Quách Thanh sung tu công đức khiến giám trong điện Kiểm Hiệu, kia kế Huyền Tông nội nạn Bấc Bình, Tăng Thanh Nhuận được phong ba phẩm quan, Y Ninh Vương Tật dụ như Tăng ban cho phi bào, Đại Tông thêm bất không ba tạng, đến khai phủ nghi đồng ba ty Túc Quốc Công, giai tước đó cực chỉ bất không.

Luận rằng: Sân triều còn làm tước trật, Thích Tử vẫn tranh ở bậc quan, bậc quan chớ hết kỳ, tham ái không đầy phần. Hồ không nuôi vợ con quỳ lạy vua, nào khác chức nữ bảy lần làm xong giữ trâu mang ách, có người hiểu biết ở đây không lấy. Không đồng Lục Pháp Hoà Thích Đạo Bình có thể thí công vệ xả dám có mục giả quan.

## 46. GIỚI ĐÀN PHƯƠNG ĐẲNG

Cõi đây có giới đàn khởi ở Nam triều, Cầu Na Bạt Ma Tam Tạng là Tỳ kheo nước Tống, ở núi Ngạn Châu Thái đầu tiên thọ giới, từ đó nam bắc nối nhau lập đàn mà không có tên riêng. Sau có giới đàn Nam Lâm, thời vua Cao Tông hiệu Càn Phong năm thứ hai, non Chung Nam Đạo Tuyên Luât Sư lập giới đàn Linh Cảm, ở tinh xá nơi thôn Thanh Quản, các danh đức trong thiên hạ đều đến càng thêm giới phẩm, dựng đàn mới thành, có Tăng Ni dài ở trước đàn khen ngợi tức là Tân Đầu Lô.

Đời Tống ngày 28 tháng 3 năm Vĩnh Thái sắc lệnh chùa Đại Hưng Thiện, giới đàn Phương Đẳng ban cho tất cả quan cúng chỗ cần, đến tháng tư ra lệnh Tăng Ni kinh thành đến đàn Đại Đức đều đặt mười người hằng lâm cách thức thường. Nói giới đàn Phương Đẳng bởi do

đàn pháp vốn rút ra ở các Luật, Luật tức tiểu thừa giáo, trong tiểu thừa giáo cần mỗi mỗi như pháp, có chút sai trái thì người thọ không được đắc giới, người đến đàn phạm tội, cho nên gọi là luật giáo. Nếu giáo Đại thừa phương đẳng tức không câu hạn thiếu duyên sai khác, đều được thọ nhưng khiến phát đại tâm mà lãnh nạp. Phương Đẳng tức nghĩa cùng khắp. Luận Chỉ Quán nói: "Phương Đẳng hoặc nói quảng bình, nay gọi phương là pháp. Như Bát Nhã có bốn món phương pháp, tức bốn cửa vào ao thanh lương nên đây là phương. Chỗ gọi là khế lý tức bình đẳng đại huệ cho nên nói là đẳng.

Bẩm thuận văn phương đẳng mà lập giới đàn cho nên gọi là đàn phương đẳng. đã không cấm kỵ câu nại nhỏ nhít, rộng lớn mà bình đẳng lại có thể gọi là rộng bằng. Tuyền Tông sau dùng hội xướng sa thải, Tăng ni lại được xuất gia. Sợ ở trong tục, đâu không có lỗi, bèn khiến trước sám hối tội sâu, sau đàn giới phẩm. Nếu chẳng là phương đẳng há cho lại vào, lấy sự bao dung trùm khắp nên nói là phương đẳng giới đàn, thoát hoặc mộc tôn quy phạm của luật không nghe lỗi nhỏ, vào tăng giới pháp bốn món đều như, thì không thể xưng là phương đẳng. Nhưng tràn ái thì người ưa lăng phạm, nghiệm khắc thì vật tự nghiêm túc. Đời Mạt trụ trì nên nghiêm luật kia mà ít ái thì có thể vậy.

## 47. KIẾT XẢ PHÁP TẬP

Đời Tấn Tống có pháp sư Huệ Viễn ở Lô Sơn hoá hành ở Tầm Dương, Cao Sĩ Dật người Bức Tấu ở Đông Lâm đều nguyện kết lửa thơm. Bấy giờ Lôi Kế Tôn, Tông Bình, Trương Thuyên, Lưu Di Dân, Chu Kế... cùng kết Bạch Liện Hoa Xã lập tượng Di đà, cầu nguyện vãng sanh nước An Dưỡng gọi đó là Liên Xã, tên Xã bắt đầu từ đây. Tề Cảnh Lăng, Văn Tuyên Vương mộ tăng tục làm pháp tịnh trụ, cũng là tịnh trụ xã. Nhà Lương, Tăng Hựu hội soạn pháp xã, dựng ấp công đức, hội văn nhiều đời cho nên thành tựu chùa Tăng là pháp hội xã. Pháp của xã lấy nhiều kinh thành một trọng, giúp việc thành công, mộ gần nơi xã. Nay kết xã cùng làm nhưng phước, đều ước nghiêm minh, càng ở công pháp, người thực hành xen nhau khuyến khích siêng tu chứng, thì xã có công lớn sanh thiện.

Gần đây nghe ấp ở Chu Quách xã phần nhiều kiết giữ hội canh giáp. Ban đầu nhóm kêu nạo bạt xướng Phật khen ngợi, mọi người niệm Phật hành đạo, hoặc động tơ trúc, một đêm không ngủ để tránh ba kẻ tâu lên vua, khỏi chú tội cướp đoạt, Nhưng đây thật pháp của nhà đạo, thường thường có Thích Tử vô tri, vào hội mưu đồ lợi nhỏ, hội không xét

cội gốc kia, lầm hành tà pháp rất đáng đau xót.

## 48. BAN HẠ LẠP

Triều Thiên Hậu, đạo sĩ Đỗ Hựu hồi tâm cầu xin làm tăng, vua ra lệnh cho cạo tóc nhuộm y, phối chùa Phật thọ ký, pháp danh Huyền Nghi, sắc chỉ ban cho 30 hạ, do kia mới vào dòng pháp cần ở vị dưới, nếu ban cho lạp hư dối thì liền làm bậc lão thành, ban hạ lạp bắt đầu từ đây. Kế ở hiệu Trường Khánh năm đầu tháng 3 Thiên Bình Quân Tiết Độ Sứ Lưu Thống, lấy châu U Tư đệ làm chùa Phật, xuống chiếu đặt tên là báo ân, bèn sai Trung Quan Tiêu Tiền Thành, lấy bức hoành của chùa ban cho đó, gồm để giúp cha nơi chốn tối tăm tinh thần mờ mịt, cho nên làm chùa. Sau tâu vua xin độ làm tăng, vua sắc ban hiệu Đại Giác Sư, bèn thêm 50 hạ lạp, đây là ưu tiên khác người, muốn cho vào pháp ở vị cao.

Vả lại Luật dạy cho ba người đồng dẫn thọ giới, đắc pháp nhất thời còn suy đầu tên làm lớn. Đâu chia con em của đại tộc cúa vua, triều đình cho họ Lưu từ lâu cứ nơi châu U, gồm đẹp mới biết thuận lý, gia cát ban đó để an ủi ý kia. Nhà Lương trong hiệu Khai Bình, Ngô Việt Vương Tiễn tâu khiến Lý Nam xuất gia, pháp danh Linh Nhơn, sắc chỉ ban tử y hiệu Pháp Tướng Đại Sư, thêm ba mươi lạp. Từ đây dứt, nay không nghe làm phép đây. Nói lạp, trong kinh luật lấy ngày 16 tháng 7 là ngày đầu năm phần pháp thân của Tỳ kheo, thì ngày 15 tháng 7 là ngày lạp trừ. Tỳ kheo xuất tục, không lấy năm tục tính tuổi mà lấy số hạ lạp, kinh luật lại cho ngày 15 là ngày Phật lạp.

## 49. XƯNG GỌI KHI ĐỐI VỚI VUA

Tây Vức từ khi mới lập tên đến cuối không đổi, như A Nan là sanh ra đêm Phật thành đạo hiệu là Khánh Hỷ và thọ ký kết tập cũng hiệu A Nan, các chỗ đều hiệu đây. Gần đây thấy Phạm Tăng đến phần nhiều tên là Ca Diếp, Văn Thù... cõi Tây không hiềm chê, cũng như Đông Hạ loại tử cống giống nhau. Xét Ký Quy Truyện nói: "Phương Tây thọ giới, 10 hạ về trước xưng là tiểu sư, 10 hạ xưng trụ vị. Thông kinh luận, phần nhiều gọi là đa văn cầu tịch, đây đều là thông xưng. Nếu riêng nói rằng Tăng, thì bốn người sắp lên mới được gọi. Nay chia xưng là Tăng, lý cũng không sai. Như một muôn hai ngàn năm trăm người là quân, hoặc riêng một mình, cũng xưng là quân. Tăng cũng đồng đó. Nam Sơn Luật Sư nói: "Sa môn thì phàm thánh đồng xưng". Đạo khác ở Tây Thiên cũng hiệu Sa môn cho nên giải thích chữ để phân biệt. Hai loại chung

xưng dụ như phương đây người xưng tước xóm và tánh họ, nhưng tánh thì đồng. Nếu dùng tên riêng, tên chỗ riêng độc, riêng thì gọn rõ.

Từ Nguỵ, Tấn đến nay, Sa môn phần nhiều theo họ thầy, như Chi Đạo Lâm họ Quang mà theo họ Chi của thầy, Đạo An họ Vệ theo Phật Đồ Trừng lấy họ Bạch. An Độc Ngộ nói: "Theo thầy đâu phải lỗi của Phật, Phật vốn họ Thích". Bèn thông nay Tỳ kheo họ Thích, Đông Hạ xưng họ Thích là bắt đầu An Độc Ngộ. Sau kinh A Hàm bổn tiếng Phạm đến dịch ra, quả nhiên có văn bốn sông chảy về biển không lấy lại tên cũ, bốn họ xuất gia đều xưng họ Thích, rất phù hợp nhau.

Tân dịch Bí Sô là do cỏ Bí sô có năm đức, nhơn đó mà gọi, Tỳ kheo là lầm tiếng Phạm. Lại xưa nói là trừ cẩn. Kinh Chú Pháp Cảnh, Ngài Khương Tăng Hội nói: "Phàm phu ở cảnh lục tình như người đói mộng thấy ăn", người xuất gia trừ bỏ sáu tình gọi là trừ cẩn (đói). Lại Tập Thạc Xĩ gọi Đạo An Là Đạo Sĩ, người Tây Vức phần nhiều xưng "ngã", kẻ thấp xưng với người cao cũng không hiềm chê, cho nên A Nan nói rằng: "Như thị ngã văn". Nếu phương đây đối với vua, như Hán, Nguỵ, Lưỡng Tấn đều xưng tên, hoặc nói là ngã, hoặc nói là "bần đạo", cho nên Pháp Khoáng Thượng thơ đối với Tần Giảng Văn xưng "bần đạo", Chi Tuần Thượng- thơ xin Quy Diệm cũng xưng bần đạo, Đạo An can gián Phù Kiên tự xưng là bần đạo, gọi Kiên là đàn việt, bấy giờ chưa định cách thức. Lại Bạt Đà đối với Tông Hiếu Võ nói: "Theo bộ hạ xin thuận" đây thấy gọi Bệ Hạ.

Đến thời Nam Tề, Pháp Hiếu, Huyền Sướng hai người chia làm tăng chánh, đối vua nói: "Luận xưng tên mà không ngồi". Sau nhơn chùa Trung Hưng, Tăng Chung trả lời xưng bần đạo, vua hiềm chê, hỏi Vương Kiệm: "Trước bọn Sa môn nói với vua xưng thế nào? Chánh điện trở lại ngồi chăng?" Kiểm đáp: "Thời Hán, Nguỵ Phật pháp chưa hưng thịnh, không thấy ghi truyền. Từ nước Nguỵ xưng thạnh đều xưng là bần đạo, cũng nghe cho ngồi và nhà Tấn ban đầu cũng vậy".

Thời Trung Đại có Dữu Thuỷ, Hoàn Huyền... đều muốn khiến Sa môn đều lễ bái, triều đình bàn tán xôn xao, sự đều thôi. Trong triều Tống cũng khiến chí lễ, tìm lại không làm. Từ đó đến nay phần nhiều dự ngồi mà xưng bần đạo.

Vua nói: "Sướng, Hiến hai tăng đạo nghiệp như vậy, còn tự xưng tên huống gì người khác chỉ chấp tay xá thì thái thậm xưng tên cũng không hiềm.

Do đây Sa môn đều xưng tên với vua bắt đầu từ Sướng, Hiến.

Những triều gần đây người đạo mỏng trái xưng gọi là biểu chương,

xưng quan đốn thủ, phàm đốn thủ là bái vậy, xưng quan tỵ là tột tìm chỗ khởi kia không ngoài thời Đường. Thời Tuỳ chùa Đại Hưng Thiện, Sa môn phiên dịch kinh là pháp kinh... dâng mục lục các kinh còn chưa xưng thần, chỉ nói rằng: “Các Sa môn Pháp Kinh... cẩn bạch Hoàng Đế đại đàn việt. Sau đời Chu Thích Đàm Tích dâng biểu can gián sa thải cũng chỉ xưng tên, bạch Hoàng Đế đại đàn việt, sau xưng đàn việt. Nếu Hậu Chu”. Thích Nhậm Đạo Lâm đối Võ Đế chiếu rằng: “Lại xưng quan” là rõ thời kia. Lâm hình phục đã đổi, riêng pháp môn của Phật Đồ Trừng là Vương Minh quảng đồng. Như làm Tăng Đạo Lâm hẳn không xưng thần.

Đời Đường, Sa môn Huyền Tắc chùa Tây Minh trong tựa sau của Thượng Huyền Lâm Diệu Ký chỉ xưng hai chữ “Tăng đẳng” cho nên tựa nói rằng: “Bèn dùng các vật dư thân, vòng ý chỉ, cuối của chánh danh đặc biệt đề Thiện Gia, Tăng Đẳng gánh vác ân dung thí”. Giam Đàm Thiệu Long nói rằng: “Đường Tam Tạng thỉnh ngự tự khế kinh, xưng Sa môn Huyền Trang”, đáp chiều rằng: “Sắc Trang còn mà không tên”.

Trong hiệu Trinh Quán chiếu tăng Ni ở dưới đường, ấp kinh Sa môn Trí Thật dâng biểu luận ban vị cũng chỉ xưng tên. Cao Tông sắc chỉ Tăng đạo hai giáo, khi lạy vua, tuy mâu bàn trạng rằng: “Không bất hiếu nào hơn tuyệt tự, sao không chế lấy hôn nhân. Bất trung không gì lớn hơn không thần (tôi), sao không khiến xưng thần”, do đây biết đó, ba điệp của nhà Đường còn chưa xưng thần.

Túc Tông hiệu Thượng Nguyên, ngày 8 tháng 3 năm đầu, giáng ngự trác sai Trung Sử Lưu Sở Giang thỉnh Lục Tổ ở Tào Khê truyền y bát vào cung và chiếu gọi đệ tử Linh Thao, Thao dâng biểu từ chối vì tuổi già, sai đệ tử là Minh Tượng dâng biểu xưng thần, thấy ở Sử Truyện, từ đây bắt đầu, Hoặc nói rằng: “Pháp Lâm dâng biểu, luận đạo cư tăng tâu rằng: “Thần tuổi bức bách, nương cây du mới gặp đời thái bình, hình mạo như bồ liễu, do đâu triều Cao Tông tuy mậu bàn rằng: “Bất trung không gì lớn bằng không thần”, sao không xưng thần? Nếu hoặc Lâm Công đã xưng, tuy mậu hẳn không có câu đây”.

Đáp: “Tuyên Luật Oai Tú... đều không xưng thần, sợ Pháp Lâm nguy bách tình thiết, chợt xưng đó vậy. Triều đình chưa trước nơi linh thức, chúng không đông xưng cho nên ty mâu nói là sao không khiến xưng thần vọng”. Kế kia lại nghi người chép truyện lầm lộn. Căn cứ thuyết đây thì Pháp Lâm xưng thần lại ở đầu.

Túc Tông hiệu Chí Đức năm thứ hai, theo xa giá kiểm hiệu đạo

tràng Dược Sư, nội cúng phụng Tăng Nguyên Hiệu, tâu trong đạo tràng sanh cây lý 49 cành, trong biểu nói rằng: "Thần đẳng thêm là thần tử". Đến hiệu Thượng Nguyên năm đầu vào ngày mùng 8 tháng 9 sắc chỉ khiến Tăng ni triều hội đều không cần xưng thần và lễ bái. Đây là nhơn trong hiệu Khai Nguyên sai Tăng Đạo khi lạy đều xưng thần, đến đây mới khỏi. Hiệu đại Lịch năm thứ 8 Hựu Phóng Nguyên ngày đông chí triều giá bội vị, bởi do đời Đại Tông vua tôi trong biểu đều trọng không môn, đây cũng ô lâu thì giáng đã phủ cuối tấu.

### 50. ĐẾN PHÁP ĐÀN

Trên đàn viên vị chuẩn Luật, giữa nước thì Tăng 10 người, Ni trong 20 người thọ giới. Vùng biên giới khó có được sư rõ Tỳ ni thì tăng là 5 người, ni thì 10 người là đắc giới (Tỳ kheo 5 người, ni 5 người) đây là lời thánh có thể làm định lượng. Gần đây ni chỉ ở trong bổn chúng, 10 ni thọ chỉ được bổn pháp mà thôi, giới đây nguyệt phương (mặt trăng) 12, 13 sắp trong chưa tròn, hẳn cần trong hai bộ tăng mới được thành tựu.

Xét trong đời Đại Tông hiệu Vĩnh Thái, sắc chỉ kinh thành đặt tăng ni đến đàn Đại Đức đêu 10 người, liền nương trong Luật là ở giữa nước thì 10 người, hằng làm thông thức, thiếu thì điền vào. Bèn soạn rõ luật người đức hạnh ưu tú thì sung vào đó, đến đàn Đại Đức khoa mục bắt đầu từ đây.

Thời Đức Tông, hiệu Trinh Nguyên năm thứ 12, sắc chỉ chùa Vĩnh Thái đặt giới đàn độ tăng. Đến trong hội xương Đại Trung, Huyền Xướng thông rõ luật giáo, sung trong ngoài đến đàn Đại Đức rõ tên trong ngoài kia, trước Sướng Công đã nên có. Xưa Tiết Đạo Hoành nữ đức thơm lừng có tài học, ở trong cung Thái Tông, sau xin xuất gia, vua làm chùa Nội Hạt Lâm thỉnh 10 vị Đại Đức vào nội cung thọ giới. Đây tức nội lâm đàn. Đến Ý Tông dựng đàn ở điện Hàm Thái độ chùa ni Nội Phước Thọ thọ đại giới, hai bên ni tăng Đại Đức 20 người vào Huyền Sướng dự toà pháp đây cho nên thêm Nội Lâm Đàn. Hiệu Hàm Thông năm thứ 3, ngày mùng 1 tháng 4 năm Nhâm Ngọ sắc chỉ hai bên tăng ni, bốn chùa đều đặt giới đàn Phương Đẳng, hữu vệ Thiên Bức, Diên Đường hai chùa độ người đều 21 ngày, Sương Công lại dự số đây, cho nên nói là nội ngoại đến đàn Đại Đức. Nay có người chưa đến nội đàn mà tự xưng nội ngoại lâm đàn, thật đáng buồn cười.

Lại nghe lúc đó hoặc lấy tăng lục làm Tông chủ không vậy thì người luật tông cực cao gọi là tông chủ. Tăng lục thì thêm mục đến đàn

soạn luyện. Lương Hậu Đường, Tấn, Hán, Chu chỉ làm 10 sư pháp, bao nhiêu có ngoài đàn, viên vị lại năm sáu người thôi. Suy theo Tần, Tống, Bắc Tề, Bắc Nguỵ, Chu, Tuỳ, Lương, Trần nhiều đời vua chúa thảy đều độ tăng, chỉ Đường Tuyên Tông trọn đàn Tẩy Sám Phương Đẳng, độ tăng không ít. Đại Tống ta hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm đầu và năm thứ bảy độ tăng hơn 17 vạn, xưa kia chớ sánh, bọn áo đen Khổng Chức ở đây ư?

## 51. QUY LỢI ĐỘ TĂNG

Miên tưởng triều nối nhau độ Tăng khai đàn pháp thảy đều vì lợi tha, chợt có lúc rưới nhiễu chính là cầu lợi nước, tuy là chế quyền đàn, trọn chiêu lấy chỗ thua. Nay nương chút điểm để ngăn đời sau. Đường Túc Tông ở Linh võ, tân lập trăm lần chỉ khó, rất thiếu quân cần, nhơn thành mưu kế, khi tể quan Bùi Miện theo xa giá đến Phù Phong, tấu hạ khiến mua quan Dục độ Tăng, Ni, đạo sĩ, lấy quân trữ làm vụ việc, người có không muốn, liệu khiến đến đó, giá kia càng việc càng thành tệ, Dục Độ Tăng đạo bắt đầu từ Bùi Miện. Sau các chinh trấn vưu mà hiệu. Như Vương Trí Hưng Châu Từ tâu đặt giới đàn ở chùa Lâm Chuẩn Phật, trước nạp tiền sau cho độ, đến có người biếu hối hộ, sau không người thọ giới. Lý Đức Hựu ở Châu Nhuận tâu đủ việc kia rằng: “Từ cuối đời Đường trở về sau chư hầu riêng lập, hơi thiếu quân cần thì chiếu độ Tăng, Ni, đạo sĩ, trước nạp tiền tài gọi đó là tiền hương thuỷ”. Sau cấp công điệp rằng: “Nghĩ đây là việc xấu lại, huỷ pháp môn than thay!”

## 52. BAN THỤY HIỆU

Tăng theo vạn hạnh cho nên có dấu vết. Hạnh tốt thì thụy để thêm danh giá. Hạnh xấu thì người đều khinh bỉ là do Lục Quần Tỳ kheo trọn chẳng hiệu thơm tho, Lục- hoà- thắng- sĩ mới có tên như cờ dễ phất. Từ Hán, Ngụy, Tấn, Tống không nghe lễ đây. Hậu Ngụy trọng Cao Tăng Pháp Quả sống đặt đó dùng quan, chết mừng đó mà lâm (khứ thinh) bèn sai ban tặng Hồ Linh Công, ban thụy cho Tăng bắt đầu từ đây (Quả làm Thống Sa môn, phong tước Công được tặng thụy là Hồ Linh) nguyên đây phát xuất ở chùa Thái Thường. Hậu Chu, đời Tuỳ, đầu nhà Đường đều không làm, đến triều Thiên Hậu có Bắc Tông Thần Tú châu Kinh, hiệu Thần Long năm thứ hai, chiếu chỉ ban thụy Đại Thông Thiền Sư. Lại có Bồ Đề Lưu Chi ở Tây Vức vào năm Trường Thọ thứ hai đến Lạc Dương dừng ở chùa Thọ Ký, Thần Long năm thứ hai theo xa giá đến

Tây Kinh trụ ở chùa Sùng Phước dịch Kinh. Trung Tông, Duệ Tông từng chính thân trao bút. Giữa hiệu Khai Nguyên năm 156 sưcá chỉ ban Hồng Lư Khanh, chết được ban thụy Nhất Thiết Biến Tri Tam Tạng. Lại Sa môn Nhất Hạnh chết được thụy Đại Huệ Thiền Sư. Triều Văn Tông thụy cho Đoan Phủ là Đại Đạt Pháp Sư. Tuyên Tông ban thụy cho Lô Sơn Huệ Viễn là Đại Giác Pháp Sư. Ý Tông ban thụy cho Nam Sơn Đạo Tuyên là Trừng Chiếu Đại Sư. Sau đây các đạo tâu nên danh Tăng dật sĩ, triều đình ban thụy, nhiều đời đều có.

## 53. BỒ TÁT TĂNG

Xưa triều Hán, Ngụy, Tấn, danh hiệu Sa môn dùng hay bỏ khác nhau, cho nên có hiệu Trúc Pháp Hộ là Đôn Hoàng Bồ tát và Thiên Trúc Bồ tát, Trúc Phật Sóc, Nguyệt Chi Bồ tát, Chi Sám... nước Ngụy không nghe thuyết đây. Hậu Chu, Thái Võ Hoàng Đế bỏ hai giáo Thích, Đạo. Hiệu Kiến Đức năm thứ ba, chiếu chỉ chọn người danh đức của đạo Phật và đạo Lão riêng lập đạo quán, sửa hình phục làm học sĩ, vua ban hốt Tiểu Đạo An Nha, vị dùng triều nên không thành. Đến khi Võ Đế băng hà, Thiên Nguyên Tuyên Đế lên ngôi, ý muốn dần hồi chấn hưng Phật giáo chưa tiện bỏ chế của vua trước. Hiệu Đại Tượng năm đầu sắc chỉ rằng: “Thái Võ Hoàng Đế chuyện dơ xấu, bỏ mà không lập, trẫm chọn tăng học nghiệp kỳ cựu 220 người, chớ cạo tóc huỷ hình ở chùa Trắc Hổ hai kinh Đông, Tây vì nước hành đạo, cấp cho rồi dùng, khi có Cao Tăng Trí Tạng họ Tuân, năm Kiến Đức thứ hai ẩn ở Chung Nam ngọn Tử Cát. Đến thời Tuyên Đế ra yết kiến, vua ra lệnh để tóc dài làm Bồ tát Tăng, làm chủ chùa Trắc Hổ. Năm Đại Tượng thứ hai, Tuỳ Văn làm tướng Trí Tạng yết kiến, nhờ đó được cạo tóc. Lại Thích Ngạn Tông không muốn làm học sĩ Thông- đạo- quán, do Bồ tát tăng kia cần đội mũ hoa, áo anh lạc, tượng tướng Bồ tát, cao tăng ghét làm hình đây, chẳng phải Phật chế. Ban đầu lập viên Thông Đạo Quán đặt 120 người chọn môn nhơn Thích Lý người danh hạnh lúc bấy giờ, mang áo mũ hốt giày làm học sĩ Thông Đạo Quán (bấy giờ tăng đạo hỗn lộn phần lớn chọn là kiến tăng huỷ giới vào đạo) có tiền Sa môn Phạn Phổ Khoáng ràn rụa chê cười, vua rất trọng, rước vào Thông Đạo, lui thường cắt tóc để râu, vua hỏi đáp rằng: “Thần học Bệ Hạ hai giáo tuy trừ, vẫn còn Thông Đạo, râu là trang sức thế tục cho nên giữ, tóc chẳng phải thế tục cho nên bỏ”.

Vua nói: “Kẻ tục có để tóc, thêm mũ, sao nói là chẳng dạy”.

Khoáng nói: Người không tóc há là không dạy ư? Thần xin đội

mũ có tổn gì?

Từ đó thường sạch tóc đội mũ anh, người hỏi thì đáp: "Ta sợ nóng". Lại Linh Cán ban đầu chọn vào Tăng Bồ tát, sau mới cạo tóc. Xét tâm kia bởi nơi lý Phật, hành thiết khổ không, rất chứng thánh lên đất để, thì không hình Sa môn, Phật pháp ở thạnh, vua tôi chế tác, gặp rước sắc chỉ kia nào lại ngại gì, phàm trăm học xem lại suy nghĩ đây.

## 54. ĐẮC ĐẠO CHỨNG QUẢ

Hỏi rằng: Trúc Càn hoá cảnh người chứng quả nhiều, dùng gì pháp giúp Trung Hoa dịu dàng không dấu vết.

Đáp: Giáo pháp của ta dùng tín giải tu chứng làm giai cấp. Nếu tin lời Phật thì hiểu ý Phật, sẽ tu thánh hạnh hẳn lên chứng quả. Lại dùng giáo, lý, hạnh, quả bốn món kiểm nghiệm thì thời có chánh pháp, tượng pháp, cách Phật như gần, bốn món vẫn toàn vẹn, trông thánh vừa xa, bốn món thiếu nhiều.

Hoặc nói: Uống ăn trai giới trị bệnh mình, bệnh tổn liền uống quyết được sống lâu, sống lâu không thôi thì mặt trời lên cao, há chẳng phải mắt chạm. Sao Thích môn ít nghe nghiệm đây ư?

Đáp: Thí như gieo giống, thu thành đều khác kia do cửa mở bay lên là cùng tột. Ta thì đoạn chướng xuất triền, do hiền nhập thánh, nhưng sau dạo đi thần thông mà làm Phật sự giáo hoá lợi ích hữu tình, há đồng tự mình rõ tự rời mà làm tột sự. Như kia cần biết lược bày đại khái. Xét Hán Pháp Bổn Nội Truyện, Ma Đằng sừng pháp đã thắng, vọt thân lên hư không nói kệ..., đây bắt đầu hiện thần thông kiểm quả chứng. Lại An Thanh vượt (  ) dừng nơi hồ rắn, rõ nghiệp chết ba đời. Kế thì Thiên Hậu bay tích trượng, dưa bước chén nổi, Chân Đế trải toạ cụ mà qua sông, Đồ Trừng mở bụng kéo ruột rửa sạch, Đạo Khai ăn đá no, xin Tăng rượu dê mà vẫn còn, Pháp Tiến chân lìa đất mà đi, Bạt Ma đạp chiếu hoa mà sạch, Pháp Vân Công ngày đi muôn dặm, Tăng Già Sư thân hiện Tứ Tân, các sư như vậy còn đắc quả chăng? Trong Tông ta trọng sống cho nên gọi là sanh luận, một sống vốn không sống cho nên được quả lớn. Tông khác trọng sanh cho nên gọi sanh sanh thân trái cương rường cột gì là cùng tột, không do ban ngày mặt trời lên cao, ít cho tu luyện mà so sánh nghiệp vô lậu, giúp hiện thần thông bày biến hoá, sao nói là ít thấy nghe ư? Tự tai mình điếc chẳng phải sấm mất tiếng.

**NI PHỤ**

Đời Tấn có Ni Tịnh Kiểm, phương đây người nữ đắc giới thượng

thủ. Một sớm trong sân có ánh sáng, trên thuộc ở trời, như hình trạng cầu vồng trong có thiên nữ gặp nhau vui mừng nắm tay, kiểm dẫn đệ tử đạp ánh sáng mà đi. Lại Hoàng Tuyên Võ rình ni vào nhà tắm, thấy kia cắt xẻ đáng sợ, lúc ra không khác, bởi do răn dè Tuyên Võ điềm đạm, do đây diệt ngạo mạn kia. Lại theo Ni Trí Tiên biết Văn Đế làm Thiên tử, thông biến không ngờ tới, quyết đồ thật nhiều, lược nêu người giỏi nhất, ni nữ còn vậy huống gì Thích Tử trượng phu ư?

## 55. ĐẠI TẤU MẠT NI

(Hồ Thần, quan phẩm khiến có hiện chánh).

Hoả Hiên (hỏa tiêu thiết) giáo pháp chưa khởi lớn ở nước Ba Tư, hiệu Tô Lổ Chi, có đệ tử tên Huyền Chơn học pháp của thầy ở nước Ba Tư đại thống dài như núi lửa, sau hành hóa ở Trung Quốc, hiệu Trinh Quán năm thứ năm có Truyền Pháp, Mục Hộ, Hà Lộc đem Hiên Giáo đến khai hóa. Vua sắc chỉ khiến phường Sùng Hoá ở Trường An lập chùa Hiên hiệu chùa Đại Tấu, gọi là chùa Ba Tư, hiệu Khai Nguyên năm thứ hai mươi ngày 15 tháng 8, sắc chỉ Mạc Ni vốn là tà kiến, vọng xưng Phật giáo dối hoặc lê dân, do Tây Hồ...đã là pháp sư nay nơi thân tự hành không cần liệu phạt. Đến hiệu Thiên Bảo tháng 7 năm thứ 4, Ba Tư sắc chỉ kinh giáo xuất ra từ Đại Tấu Truyền Tập mà có, lâu hành Trung Quốc, viện chùa Sơ Kiến lấy đó làm tên, toan muốn bày người hẳn theo bổn kia. Hai bên chùa Ba Tư nên sửa là chùa Đại Tấu, các châu quận trong thiên hạ có chuẩn đây.

Hiệu Đại Lịch năm thứ 3 vào tháng 6, sắc chỉ chùa Hồi Hột Trí, nên ban bản chùa là Đại Vân Quang Minh. Tháng giêng năm thứ 6 lại sắc chỉ các châu Kinh, Việt, Hồng đều đặt chùa Đại Vân Quang Minh một chỗ. Võ Tông hiệu Hội Xương năm thứ 3 sắc chỉ chùa Ma Ni trong thiên hạ đều bỏ vào cung, nữ Ma Ni kinh thành 72 người chết và ở nước đây, Hồi Hột các Ma Ni...Phối dòng các đạo, người chết hơn nửa, năm thứ 5 lại sắc chỉ Đại Tấu, Mục Hộ, Hoả Hiên...hơn 2000 người đều phải hoàn tục, nhưng mà chưa hết gốc rễ, lúc ấy chia bò lan.

Nhà Lương hiệu Trinh Minh năm thứ 6, châu Trần đảng loại Mạt Ni lập Mẫu Ất làm thiên tử, phát binh chinh phạt sanh cầm Mẫu Ất các đảng cùm đưa cửa dưới tạm ở đô thị. Ban đầu châu Trần thôn tục mừng tập tả đạo, nương giáo Phù Đồ tự lập một Tông , hiệu thượng thượng thừa không ăn mặn, dẫn dạy giáo hoá họ Dung, lẫn lộn dâm uế, đêm nhóm ban ngày tan, nhơn Thứ Sử Huệ Vương Hữu có thể động nhiều bất pháp, do đây yêu tặc gọi nhóm, luỵ đánh dẹp chưa yên bình. Đến

trong hiệu Trinh Minh, chém đoạn mới hết, Hậu Đường thời Thạch Tấn lại lần lần hưng thạnh, suy cử 1 người làm chủ, trăm việc bẩm theo, hoặc vẽ một ma vương ngồi toà Phật làm rửa chân cho kia...Phật chỉ là Đại Thừa, đây chính thượng thượng thừa. Bởi núp bóng bên Phật giáo nên gọi là đạo tương tợ, hoặc có Tỳ kheo bi đói lạnh cho nên thường thường theo hiệu Lợi, kẻ hiểu biết còn xa lìa, pháp đây dạy người thẳng vào địa ngục, thật cần cẩn thận.

## 56. GIÁ ĐẦU SÀNG

Án bảy báu đầy kinh sách, chế độ kia lấy vòng báu tạp trấn ở giữa mà thành đó. Khoảng chân kia cao hơn thành kia, chỗ đặt kinh tức Nhơn Vương Hộ Quốc, khăn đậy trên lụa hồng đậm, khiến trung quang trung hậu thật thà, trên ngựa bình trì dủi từ mà xin đi, nương theo kiệu có thể trăm bước dùng làm tiền đạo. Nghi chế đây chưa biết đầu mối như tâu dịch kinh rằng: “Làm bàn bảy báu, để kinh lên trên, nếu khi vua đi, thường ở trước kia, đầy đủ trăm bước, khiến trong ngàn dặm bảy nạn không khởi. Nếu vua trụ lại làm trướng bảy báu đặt kinh, cúng dường như thờ cha mẹ, như thờ Đế Thích”. Bổn dịch đời Đường nói: “Án (bàn) báu để kinh, nếu khi vua đi thường dẫn đường phía trước, chỗ vua trụ làm trướng bảy báu” các văn phần lớn đồng. Nay nghi hạnh đây là tà Hậu Tần, là tà đời Đường, chí hưng phục không văn, sử các triều chép thiếu, nhưng thì đã mất minh cứ, có thể dùng lý cầu, bởi Đường Đại Tông trong hiệu Vĩnh Thái chăng không ba tạng trùng dịch để sau, chẳng không thường tụng chú trong kinh đây, cảm con Thiên vương lãnh binh thần giải vây rợ Khương Hồ cho thành An Tây, lại cầu mưa rất nhiều ứng nghiệm. Bấy giờ có thể thỉnh vương kinh đặt án để tượng ở trước mà nghiệm bí mật việc kia họ sử đâu biết.

Đường Kỷ nói: Trong hiệu Vĩnh Thái biên cương giặc Khương Hồ, kinh thành giới nghiêm, lại nhơn tinh tú biến đổi, trong xuất kinh Nhơn Vương hai quyển, giao cho hai chùa Phật là Tư Thánh và Tây Hồ, mở đạo tràng Nhơn Vương trăm toà, kiểm đây biết, bắt đầu từ Vĩnh Thái. Lại hoặc khi trăm toà Pháp Diên, chính thân vua ngự đến, trong đàn nghi hợp dùng án báu đặt kinh dẫn giá, nhờ đó mà không bỏ. Có người nói: “Huyền Tông vất vả đặt trăm toà đạo tràng, chớ khởi ta trong hiệu Khai Nguyên”, nay gọi là Minh Hoàng mỏng ở họ Thích, khó làm pháp đây.Nhưng tuy mỏng ở họ Thích mà lại dày nơi hảo ỷ, trong hai thuyết cùng Đại Tông kia có thể vậy. Lại chưa biết kinh là bổn nào, nếu là dịch xưa thì Huyền Tông sắp về trước, như dùng kinh mới thì Đại Tông

là bắt đầu.

Các vị vua sau hoặc lập mà không làm, thì nói trên án không có kinh, hoặc để mà chớ bàn, thì nói rằng nghi chú hợp dùng, đây bởi phí biết mà không thêm trịnh trọng. Nay đại Tống pháp vật khắc toàn dùng dẫn dắt mọi người, ngưỡng trông thấy đây, biết giá gần trăm bước, nói công kia vậy, cùng xe bầy ác khác hình mà cùng mối.

## 57. THÀNH LẦU THIÊN VƯƠNG

Phàm cửa thành đặt Thiên Vương làm người hộ đời. Đời Đường hiệu Thiên Bảo năm đầu là năm Nhâm Tý, Tây Phiên, Đại Thạch, Khương Cư... năm nước đến làm giặc ở An Tây, vào ngày 11 tháng 2 năm đó, tâu thỉnh binh giải viện, Huyền Tông gọi Phát Sư tính hơn muôn dặm, mấy tháng mới đến. Khi gần lời thần, lại có thể gọi hỏi Bất Không Tam Tạng, vua y tấu chiếu gọi vào nội cung, trì niệm thỉnh Thiên Vương, vì cứu vua bưng lò hương, Bất Không tụng Nhơn Vương Hộ Quốc Kinh đà La Ni 14 biến, vua bỗng thấy thần nhơn khoảng 500 vị mang giáp đeo giáo ở trước điện. Vua kinh nghi hỏi Bất Không đáp: "Đây là người con thứ hai của Tỳ Sa Môn riêng lãnh binh đến, là hẳn hợp ý Bệ Hạ đến cứu An Tây, cho nên đến từ tạ, xin lập ăn bỏ sót.

Tháng 4 năm đó An Tây tâu rằng: Ngày 11 tháng 2 về sau, thành đông bắc 30 dặm, mây mù mờ mịt, trong có người đông có thể dài hơn trượng đều mặc giáp vàng, khi đến tây trống sừng kêu lớn tiếng chấn động 300 dặm, đất động núi nghiêng qua 2 ngày. Đại Thạch Khương Cư...năm nước, ngay khi bôn vọt giữa các lều bạt có chuột lông vàng, cắn đứt dây cung và khí trượng, đều không kham dùng, đây cần trên lầu thành có ánh sáng, Thiên Vương hiện hình không đâu chẳng thấy, cẩn vẻ giống Thiên Vương theo biểu tiến trình, vua nhơn đó ra lệnh các đạo tiết độ, chỗ ở châu phủ nơi thành tây góc bắc đều đặt hình tượng Thiên Vương, một phần theo cúng dường, đến nơi chùa Phật cũng ra lệnh riêng viện sắp đặt, đến nay ngày sóc trên châu phủ hương, hoa đồ ăn ngon , ca múa gọi đó là nhạc Thiên Vương cùng nước Vu Điền rất có nhân duyên, riêng nhiều ứng hiện nước Vu Điền là bộ phận Tỳ Sa cho nên hiệu là Tỳ Sa Môn Thiên Vương, như nói Thiên Vương nước Vu Điền, cũng như Quán Âm Bồ Tát chỗ hiện hình mà riêng nói là Bảo Đà Lạc Sơn Quán Âm đồng.

## 58. PHÓNG ĐĂNG LỄ THƯỢNG NGUYÊN

Xét Hán Pháp Bổn Nội Truyện nói: "Phật giáo lúc mới đến cùng

đạo sĩ thử tài, đốt kinh tượng không cháy mà còn phát sáng. Lại ngày 30 tháng 12 ở Tây Vức là ngày 15 tháng giêng ở phương đây gọi là tháng đại thần biến. Hán Minh ra lệnh đốt đèn nêu ánh sáng lớn Phật pháp. Một thuyết nói rằng: "Đây do Hán Võ Đế thần ty năm thời suốt đêm bày sáng rỡ, bởi lấy ty Châu Lễ họ Quyền đốt đèn chiếu sáng tế tự, sau lãnh làm việc cũ", nhưng thì vốn ở ty quyền nêu lửa cúng chức tế tự. Đến Đông Hán, dùng đó nêu sáng lớn Phật pháp, để thêm nhiều triều phát triển biến đổi hẳn phí quy tắc thường. đời Đường hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, Tăng Sa Đà ở Tây Vức thỉnh lấy ngày 15 tháng giêng đốt đèn, ngày 14 tháng giêng năm 28 hiệu Khai Nguyên, sắc lệnh thường lấy ngày mùng 1 tháng 2, ngày 18 tháng 6 năm thứ 6 hiệu Thiên Bảo, chiếu rằng: "Trọng môn khai đêm, do đạt khí dương các ty triều yến vui ở lúc hoà, chúc ở thượng nguyên thường tu trai lục, kia ở hội thưởng hẳn đủ đồ mặn tanh hôi, so đến nhơn theo hơi toan chẳng tiện. Từ nay về sau thường đến tháng giêng nên lấy đêm ngày 17, 19 mở phố chợ để làm thức thường, tìm lại trùng nương đêm 15 phóng đăng.

Đức Tông hiệu Trinh Nguyên năm thứ ba, sắc chỉ ngày 15 tháng giêng đốt đèn, là Hán Minh Đế nhơn Phật pháp mới đến cũng đạo sĩ thi pháp ra lệnh khiến đốt đèn tiêu biểu phá ám tối nói rằng Đường Hy Tông đến đất Thục, trở về Trung Nguyên nhiều việc, đến chiêu suy đều bỏ. Nhà Lương hiệu Khai Bình năm thứ hai chiếu rằng: "Mấy năm gần đây do phong tục chưa thái binh đao lại nhiều, lệ tháng giêng đốt đèn bỏ đã lâu. Nay sau 3 đêm cửa phố chợ, cửa cônh tư đốt đèn cầu phước", Trang Tông vào lạc việc kia lại khởi, các triều sau hoặc đốt hoặc không. Đại Tống của ta hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 6 sắc chỉ Hạ Nguyên cũng đốt đèn, ba đem vì quân dân mà cầu phước, cúng dường trời đất thờ tượng Phật đạo, ba nguyên đều đốt đèn thả đêm bắt đầu từ đây, chấp ở các lệnh.

## 59. TỔNG LUẬN

Hỏi: Lược Tăng Sử tìm đầu mối sự việc kia là cớ gì?

Đáp: Muốn trùng hưng đạo Phật khiến chánh pháp được ở lâu.

Nói rằng: Mới ngày nay Thiên tử trọng đạo Phật sùng huyền môn, hành Nho thuật có ra thái bình, đã trung hưng, một giới Tỳ kheo sức luân nào chuyển mà nói trung hưng Phật đạo ư?

Đáp: Lại muốn giúp trung hưng kia, nếu con họ Thích không biết pháp, hoặc tu hành, không siêng học tập, không rõ gốc khởi, há có thể giúp vua chúa hưng đạo ư?

Hoặc nói: Ông có sức gì khiến chánh pháp được ở lâu?

Đáp: Phật dạy "Biết pháp, biết ma di, hộ trì nhiếp thọ, có thể khiến pháp không dứt".

Lại nói: Các Sư đã rộng trước thuật nào đợi ông làm ư?

Đáp: Người xưa trước thuật dụng tắc thiếu như, từng không biết ba giáo tuần hoàn đầu lại là đuôi. Một người ở trên cao mà không nguy, lý có một người cho nên phụng khởi ba giáo, có ba giáo cho nên giúp một người, lại phò Nho. Ba vua do hạ cố thì tuyên dùng mà hợp nghi là đạo vậy. Trước Ngũ Đế thầm phù hợp ở bất tể. Xưa giả Mã Sử tuỳ đạo mà ở trên chín lưu, Ban Thơ nhổ Nho đứng đầu nghề văn. Ông lâu muốn ngược kia đến mà lại thật thà ấy, còn đạo vua vậy. Mãnh Kiên suy nghĩ vốn lòng nhơn kia mà là tổ của nghĩa hạnh vương đạo kia. Từ Hạ, Thương, Chu cho đến nay đã mấy trăm năm, nếu dùng Huỳnh Lão. Do đây nhơn nghĩa mỏng mà lễ hình sanh, vượt lễ kia mà vọt hình kia thì nhà Nho chấp tay, môn nhơn họ Thích khắp thí dùng kia. Lấy từ bi đổi bạo ác, lấy hỷ xả đổi san tham, lấy bình đẳng đổi oán thân, lấy nhẫn nhục đồi sân hại, biết người chết mà thần minh không diệt, biết cõi đến mà nhận nghiệp hườn sanh, thưởng đó lấy thiên đường, phạt đó dùng địa ngục. Như phép thoát cõi, hoặc mô phạm đúc vàng, phạm tà lậu mô vẽ vật định thành đồ xấu, mô tốt phạm gia truyền hình hẳn tạo hình đoan nghiêm, việc chẳng miệng bàn, người đều mắt thấy, đây do vua chúa phụng tin, nhân dân quy tâm, trên có gió lật rồi mà nằm ngửa, mà có thể ở bên nương hệ Lão gồm nhờ nhà nho, thành trí dụ như đợi nơi ba ngu, là ban hợp tôn nơi các Thánh, thành sư tiến lên của thiên hạ. Lại trọn ngày luống uổng đó ở nghị vật, như cánh tay nối liền bàn tay, bàn tay liền với ngón tay, hoặc nắm hoặc buông đâu thường không dấu ư? Phàm như vậy thì ba giáo là vật một, muôn thừa (xe) là quân của một nhà, thấya nhà không nên riêng mến, riêng mến thì tranh sống, tranh sống thì ẩn giáo, rồi ở trong đó tự nhiên không an. Và đã không an thì tổn giáo kia. Không muốn tổn giáo thì chớ như không thiên. Ba giáo đã hoà cho nên pháp được ở lâu. Vã lại như Tần Thuỷ Hoàng đốt chôn đạo Nho, việc rút ra do Lý Tư. Hậu Ngụy chém giết Sa Môn bởi do Thôi Hạo dèm pha. Chu Võ bỏ Phật, đạo hai giáo là sự tự khoe thông minh của Huyền Kỷ, bởi triều không có chánh nhơn.

Đường Võ Tông hủy trừ chùa tượng, đạo sĩ tiêu quy, chơn suất Lưu Huyền Tĩnh, đồng lực vu báng. Lý Thu, Thôi Ảnh giúp bốn vua đầy, các công báo nghiệm nào quá mau. Phụng khuyên Ngô Tào răn nhắc ngăn ngừa lẫn nhau chớ mắc lỗi lầm, vua chúa không dung , pháp

từ đâu lập huống gì đạo lưu giữ báu không làm trước thiên hạ Sa Môn nào ngự hiểu lễ để hoà, phải hợp lời Phật tất cả cung tin, tin nơi Lão Quân Tiên Thánh, tin ở Khổng Tử Tiên Sử, chẳng phải hai thánh đây thì đâu có thể hiển bày đạo Phật. Cùng nhau đồng làm đến nỗi vua ở trên nghi hoàng, nếu phí lời đây, thí như không nhờ con em không có đầu mối đấu tranh. Nhiều cha mẹ phá sản gặp hình, rồi thì tổn ba giáo pháp rất lớn chính là lỗi nhỏ nhất thời, lõi ăn ngày tháng nào tổn minh quân. Không thấy Tần đốt sách Bá Gia, thánh nhơn dự đã chôn vách các nhà, hảm hại khiến trừ dứt. Dương, mã hai năm kế nhau mà sống, nào từng không tiêu loại ư? Lương Võ bỏ đạo, Hậu Ngụy Bột Hưng, Thác Bạt giết Tăng, con cháu lại chấn hưng. Hậu Thu Thủy hai giáo, Tùy kéo lại đó. Võ Tông hãm hại thích môn, đi chưa xoay gót, Tuyên Tông mười lần hưng khởi so tay, hà có thể cắt giòng sông Hán, mở ra nấm đấm không thể ngăn sức mạnh của mãnh hổ, huóng gì là Tăng đâu như Đạo An. An cùng Tập Thạc Xĩ giao du tôn sùng Nho; là Tăng đâu như Huệ Viễn, Viễn đưa Lục Tu Tĩnh qua suối hổ trọng Đạo. Từ, mộ hai cao Tăng ưa Nho trọng Đạo. Thích tử vấn chẳng phỉ đó. Ta đã trọng người, người há khinh ta, xin tin việc làm của Huệ Viễn kia khả pháp Thi nói rằng: “ Chặc cán búa, chặc cán búa ” kia thì không xa. Mạnh Tử nói:

“ Thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhơn hoà ” là nghĩa đây”

ĐẠI TỐNG TĂNG SỬ LƯỢC
(QUYỂN HẠ HẾT)

-------------------------------

# VĂN TỰ TRIỀU THIỆU HƯNG SẮC CHỈ CẢI THÁNH BAN TĂNG ĐẠO (MỘT TẬP)

Pháp Đao...phục thấy Đại Tống Tăng Sử Lược, chép Tăng Đạo ban kế đó, thường ngay triều tập. Tăng trước Đạo đều đứng trước san điện, Tăng đông Đạo tây, phàm gặp giao thiên, Đạo tả Tăng hữu, lâu làm định chế, bởi xuất từ bổn triều Tổ Tông Thành Hiến, dùng làm quy tắc muôn đời không đứt. Mới rồi duyên Tùng Quán đó sau Đạo Sĩ tham thấy phẩm, như bọn Vương Tư, Tức Lâm, Linh Tố, Vương Tùng Đạo, thấy người hai phủ rất nhiều, nhân đây khởi thỉnh, nên áp ban Tăng, nương thế huỷ hoại Tổ Tông chổ định nên phước, sự thể chẳng phải một, căn cứ Thích Giáo đã chở, mấy năm gần đây tai biến đến ở trong xã tắc là điềm sinh linh đồ thán, bởi cũng nhơn đây. Lầm nước mất trên đâu đây là thậm, phục thấy chiếu Tỉnh Khang Kiến Viêm đến nay chổ có Đạo Sĩ thấy quan đã hành trốn hủy, đã không trốn bóng mát, kia ở ban bệ, tự hợp dẫn nương chế xưa của Tổ Tông. Nay đến đạo sĩ thiên hạ, thường gặp nước mất hành hương, thuần phàm vào chùa viện, xem yết thị nhóm hội, không chừa cho nên thấi độ ngạo nhiên tranh gió, tất cả chiêm thượng, toàn trái lễ pháp khách chủ, rất có hại nơi phong giáo rất là chưa tiện, cúi trông triều đình rõ giáng chỉ huy đặt biệt ban cho cải chính, nên nay sau hành hương lập ban các chổ nhóm họp đều xin theo nương Tổ Tông thành vẫn xin ban hành, trong thiên hạ dùng chánh pháp phong tục ngỏ hầu được hỏi theo bổ pháp khôing hoại phong giáo.

-----------------------------

## HỮU CẨN ĐỦ TRÌNH PHỤC LẤY QUÂN CHỈ

(Ngày tháng 2 trụ trì chùa Long Thiền là Đại Bình Hưng ở rừng đông non Lô Sơn nơi Châu Giang truyền pháp Tây Thiên đặc biệt ban hiệu Bảo Giác Viên Thông Pháp Tế Đại Sư Pháp Đạo Tráp Tử.)

Phủ Lâm An, Tăng Thánh Huệ Thông Vô Ngại Đại Sư Phạm An...

Hữu, Phạm An...phục vì trước cùng Lô Sơn Đông Lâm Thái Bình Hưng trụ trì chùa Long Thiền, Bảo Giác Viên Thông Pháp Tế Đại Sư Pháp Đạo Đồng Trình Tráp Tử, xin nương pháp Tổ Tông cải chánh quốc kỵ hành hương  ban thứ Tăng Đạo. Lo mong tỉnh bộ và chùa Đại Thường lấy hội chiếu, khiến văn tự cúng báo trước bỏ đủ giáp triều đình đều đã tròn đủ. Đến nay chưa mong ban hành cải chánh...Phục thấy tam triều dạy giám xa giá cầu xin, trước vào chùa Tăng, đến hiệu Thiệu Hưng sắc lịnh điều đã làm Tăng Đạo, kêu ngước rõ hạng trước, quốc triều huấn sắc chánh cùng Đại Tống Tăng Sử Lược đồng. Nhưng nay Đạo Sĩ mạo chiếm lâu ngày, thói quen đã thành phong tục, toàn không theo Tổ Tông Thành Hiến, trộm thấy Thích giáo tàng kinh để chép, mấy năm gần đây tai biến mảy may không sai, bởi  duyên Đạo sĩ nương thế khởi thỉnh, đố hoài Tổ Tông, chổ định nên phước, tàn hoại Phật pháp, sự thể chẳng phải một, đến nỗi được thiên thùy tai biến hoạ loạn ngang dọc, hại nước nhà như đây, còn chưa sửa chữa gấp, xin đủ trạng khoác cáo Tham Thính Tướng Công, Tham Thính Tướng Công, Bổng Tạ Tướng Công, cúi xin quân từ đặc biệt ban cho mở tấu, sớm làm cải chính, ngỏ hầu được cảnh cáo đồ Đạo, tuân theo chế xưa, ngước lên hợp ý trời, cúi xuống thuận lòng dân, vì nước đẩy tai ương, lại an thiên hạ, chưa dám chuyên đàn, phục hầu quân chỉ.

Ngày tháng 9 năm thứ 3 hiệu Thiệu Hưng (phủ Lâm An, Tăng Thánh Hụê Thông, Vô Ngại Đại Sư Phạm An...) trạng.

Hành ở trong bộ Thượng Thơ

Chuẩn đô tỉnh, phê chuẩn đưa trạng cáo của Tăng Thánh Huệ Thông Vô Ngại đại Sư Phạm An...ở phủ Lâm An, vì sửa quốc kỳ hành hương việc lập ban Tăng, Đạo. Sau đưa lễ bộ khám xứ, Thân Thượng Thơ Tỉnh Kiểm Hội, trước nương phê chuẩn đưa xuống Châu Giang cho Thái Bình Hưng trụ trì chùa Long Thiền ở Đong Lâm, Lô Sơn truyền pháp Tây Thiên đặc biệt ban cho hiệu Bảo Giác Viên Thông Pháp Tề Đại Sư Pháp Đạo...trát tử, tra xét sự lý kiện trên hội, sau đưa lễ bộ khám xét Thân Thượng Thơ Tỉnh bổn bộ tìm kiểm điều kiện dưới và chổ có ra trạng xứng chùa Thái Thường. Nay xem rõ Tăng Sử Lược Nội Xứng

thường ngay triều nhóm họp, tăng trước đạo sau, đều đứng sân điện Tăng Đông Đạo Tây, xen tạp chức phó, và nhơn cách lễ Chùa Thái Thường, cửa Tuyên đức, việc cũ quán xá, đạo bên trái Tăng bên phải, sự kiện trước kia đều có văn y cứ, nên chép đều hợp tuân theo, chỗ có Tăng Đạo thường gặp quốc kỵ hành hương tìm kiếm Chiếu Gia Hựu biên sắc và nội điều sách mới ( hiệu) Thiệu Hưng và chép Tăng Đạo Tự Quán lập văn làm thứ lớp. Nay đến Tăng Pháp đạo lý thường hành hương lập vị, bổn tự nay khám xét, muốn so sánh điều pháp Hỷ Hựu, Thiệu Hưng để Tăng ở bên trái, lại hợp lấy tự triều đình chỉ huy thân bộ bổn bộ, tham chiếu Hy Hựu biên sắc đều chép Tăng Đạo, kia chinh hoà hải hạnh chỉ xưng Đạo Tăng và có đạo sĩ tựa vị ở chánh điều trên Tăng. Duyên nay đến trong sách mới Thiệu Hưng, bỏ nương pháp xưa lấy Tăng Đạo lập văn và san bỏ.

Tựa Đạo sĩ vị ở trên Tăng chánh điều không hành, bổn bộ nay khám xét, muốn nương chùa Thái Thường khám xét, đến khi hành đạo lý lại hợp lấy tự triều đình chỉ huy đã ở ngày mồng 4 tháng 4 năm nay nối liền nguyên trạng và một quyển Tăng Sử Lược, đủ thân đô tỉnh chưa mong chỉ huy, nay lại nương phê chuẩn Hạ Tăng Phạm An...trạng chỉnh sự kiện trên hội, đủ bày đô tỉnh, cách sau mông triều chỉ phê xuống ngày 14 tháng 11 đưa lễ bộ nương điều thi hành, cần đến Phù Hạ. Tăng sử lược nay Đại Tồn thường ngay triều nhóm Tăng trước Đạo sau, đều đứng sân điện Tăng đông Đạo tây giữa xen tạp phó chức. Nếu gặp giao thiên, Đạo bên trái Tăng bên phải chưa biết ban đầu khởi.

Thái Thường nhơn Cách Lễ, hiệu Càn Đức năm thứ 6 cửa Tuyên Đức, việc cũ quán xá, Đạo bên trái Tăng bên phải, Gia Hựu điều nội sắc chỉ và gồm chép Tăng Đạo Tự Quán, lập văn làm thú. Chinh Hoà Hải hành điều nội đều gồm chép Tăng Đạo Tự Quán, lập văn làm thứ và có chính điều tựa các đạo sĩ vị ở trên Tăng, Nữ Quan ở trên các Ni. Chiêu Hưng Hải hành điều nội và gồm chép Tăng Đạo Tự Quán, lập văn làm thứ, tựa Đạo sĩ kia vị ở trên Tăng...trước điều đã bỏ bớt không làm, hữu sai thân thờ quan Trịnh Ngạn, cáo thị cấm Phạm An, Pháp Đạo...đuổi Tăng biết uỷ mình. Phụng triều chỉ phê chuẩn giáng,y điều cải chính để Tăng ở bên trái và phù hợp chùa Thái Thường phủ Lâm An Châu Giang đi hết, bèn đủ biết văn trạng liền bày không được trụ trệ.

Ngày 21 tháng 11 năm thứ 3 hiệu Thiệu Hưng, sau Pháp Đạo phục vì trước cùng Tăng Chánh, Phạm An... ở phủ Lâm An đồng trình tráp tử lý hội, xin nương pháp Tông Tổ cải chánh việc quốc kỵ hành hương ban Tăng Đạo, cúi mong ti bộ Thượng Thơ cáo thị rồi, phụng sắc chỉ

triều đình phê giáng nương điều cải chính để Tăng ở bên trái cáo thị thi hành và đã phù hợp chùa Thái Thường phủ Lâm An Châu Giang bỏ xong. Pháp Đạo cúi thấy tỉnh bộ kiểm toạ định trước sau sắc chỉ điều lệ và đã bỏ bớt Chinh Hoà Pháp Nội , đạo sĩ tựa ở trên Tăng, Nữ Quan ở trên Ni...điều lệ trước không làm. Trong một hạng Thái Thường nhơn cách lễ hiệu Càn Đức năm thứ 6 cửa Tuyên Đức việc cũ quán xá, hệ đạo bên trái Tăng bên phải Pháp Đạo ngược rõ điều kiện trên lễ pháp Thái Thường và trước sau sắc điều tham chiếu được chánh, cùng Đại Tống Tăng Sử Lược đồng, thường ngay triều nhóm Tăng trước Đạo sau và đứng sân điện Tăng đông Đạo tây, nếu gặp giao thiên Đạo bên trái Tăng bên phải bởi là tự đến gặp lễ giao tế xong, xa giá trở về liền ngự cửa Tuyên Đức quán xá ban vị hệ là một việc các lúc khác lập quan đều là Tăng bên trái, trong Tăng Sử Lược ý đã bao quát.

Lại xin làm sau chiếu hội chùa Thái Thường, ngoài các xứ đã có châu huyện muốn xin phò đưa theo đường ty chuyển vận đi khắp thiên hạ, nên ở quốc kỵ hành hương đi xứ quý được văn quỷ khắp đồng sự thành thuận lời. Tăng, Đạo trong thiên hạ đặt chia tu hành. Trong hiệu Vĩnh Phước Hưng Khôi phục ngôi, (ngày 24 tháng 11 năm Quý Sửu trình xong thì ngày 28 tháng đó khắp thi hành trong thiên hạ) hành ở ty bộ Thượng Thơ. Mùa Đông năm thứ 13 hiệu Thiệu Hưng, nhơn quan Cảnh Linh lập ban, vậy tỉnh phù hành cáo thị, phủ Lâm An quản nội Chưởng Văn Tạ, đạo sĩ Lưu Nhược Khiêm...

Ngày mồng 1 tháng 10 năm 13 hiệu Thiệu Hưng, Thượng Thơ Tỉnh Trần Trạng xin tựa Đạo sĩ vị ở trên Tăng, ngày 12 tháng đó đến cung Cảnh Linh, phụng đặt thần ngự Tổ Tông, Đạo sĩ từ tựa Đàn Tránh Chiếm ban ở đông dối xưng riêng được triều đình chỉ huy. Lúc ấy trước đô chánh Phổ Trừng, Chơn Tịnh, Huệ Tề Đại Sư, Thiện Đạt, Tăng Chánh, Giới Nguyệt... bèn đủ bày lệ, ngày 21 tháng đó, sắc chỉ triều đình phê giáng nương pháp xưa Tổ Tông định trước. Gia Hựu biên sắc sách mới Thiệu Hưng để Tăng ở bên trái hàng sau hành ở ty bộ Thượng Thơ. Chuẩn đô tỉnh phê đưa xuống trạng bổn bộ, chuẩn đô tỉnh phê đưa xuống phủ Lâm An, đô đạo chánh Lưu Nhã Khiêm... trạng là lý hội. Nay đến quán xá Tăng đạo lập việc vị ban tựa, sau phê chuẩn ngày 15 tháng 10 đưa lễ bộ, hạn năm ngày xem rõ bày bổn bộ Thượng Thơ Tỉnh. Xét hàng sau chùa Thái Thường xem rõ bỏ sau. Nay căn cứ bổn tự bày kiểm, chuẩn hiệu Thiệu Hưng ngày 14 tháng 11 năm thứ 3, đô tỉnh phê trạng chỉ huy. Nương đô tỉnh phê chuẩn đưa xuống lễ bộ, phục chuẩn đô tỉnh, phê chuẩn đưa xuống phủ Lâm An, Tăng Chánh Huệ Thông, Vô Ngại

Đại Sư, Phạm An... trạng, vì chỉnh hội quốc kỵ hành hương Tăng Đạo lập ban... các việc, sau phê chuẩn đưa lễ bộ khám xét. Thân Thượng Thơ tỉnh xét hội, trước chuẩn đô tỉnh phê chuẩn đưa xuống Thái Bình Hưng trụ trì chùa Long Thiền ở Đông Lâm Lô Sơn Châu Giang truyền pháp Tây Thiên đặc biệt ban cho hiệu Bảo Giác Viên Thông Pháp Tế Đại Sư Pháp Đạo... trát tử, sửa lý sự kiện trên hội. Sau phê chuẩn đưa lễ bộ khám xét, Thân Thượng Thơ tỉnh bổn bộ tìm nghiệm hội hạng dưới. Tăng Sư Lược nay Đại Tống thường nhóm ngay triều, Tăng trước Đạo sau và đứng ở sân điện Tăng đông Đạo tây, giữa xen lộn phó chức, như qua giao thiên đạo bên trái Tăng bên phải, chưa biết bắt đầu từ đâu.

Thái Thường nhơn cách Lễ, hiệu Càn Đức năm đầu của Tuyên đức việc cũ quán xá, đạo bên trái Tăng bên phải, Gia Hựu biên điều nội sắc chỉ và gồm chép Tăng Đạo Tự Quán, lập văn làm thứ, Chinh Hoà Hải hành điều nội đều gồm chép Tăng Đạo Tự Quán lập văn làm thứ và có chánh điều, các đạo sĩ tựa vị trên Tăng, Nữ quan ở trên Ni, khám hội điều trước đã bỏ không làm và lấy đến chùa Thái Thường, trạng xứng nay xem rõ Tăng Sử Lược nội xưng, thường nhóm ngay triều, Tăng trước Đạo sau và đứng sân điện thì Tăng đông Đạo tây, giữa xen tạp phó chức và chùa Thái Thường nhơn Cách Lễ cửa Tuyên Đức việc cũ quán xá đạo bên trái Tăng bên phải, sự kiện trước kia đều có văn y cứ, gồm chép và hợp tuân theo, ngoài chỗ có Tăng Đạo thường gặp quốc kỵ hành hương.

Tìm kiểm chuẩn Gia Hự biên sắc chỉ và điều nội sách mới Thiệu Hưng đều gồm chép Tăng Đạo Tự Quán, lập văn làm kế. Nay đến ban Pháp Đạo lý hội hành hương, bổn tự nay khám xét, muốn so Gia Hựu biên sắc và điều nội của Thiệu Hưng để Tăng bên trái, lại nên lấy từ triều đình chỉ huy. Thân bộ nay tham xét Gia Hựu biên sắc và chép Tăng Đạo. Kia Chánh Hoà Hải làm liền xưng Đạo Tang và có Đạo sĩ tựa vị ở trên Tăng chánh điều. Duyên nay đến trong sách mới Thiệu Hưng lại nương pháp xưa để Tăng Đạo lập văn và bỏ tựa đạo sĩ vị ở trên Tăng, chánh điều không làm. Bổn bộ sai khám xét, muốn nương khám xét của chùa Thái Thường đến sự lý thi hành, lại hợp lấy tự triều đình chỉ huy. Đã ở ngày mồng 4 tháng 4 năm nay, Chước Liên Tiên Trạng và Tăng Sử Lược một bộ, đủ bày đô tỉnh chưa phụng chỉ huy. Nay lại nương phê xuống Tăng Phạm An... các trạng, chỉnh sửa lý sự kiện trên hội. Nay khám xét muốn nương bổn bộ đã khám xét sự lý thi hành, lại nên lấy từ triều đình chỉ huy Thân Thượng Thơ tỉnh, sau phê chuẩn ngày 14 đưa lễ bộ, nương điều thi hành, bổn tự nay xem rõ, phủ Lâm An đô

chánh Lưu Nhã Khiêm... nêu bày Tăng đạo lập vị nên nương điều trên. Đã giáng phê chuẩn trạng chỉ huy thi hành chỗ có quán xá lập ban, nên nương Thái Thường nhơn Cách Lễ cửa Tuyên Đức việc cũ quán xá, Đạo ở bên trái Tăng ở bên phải. Lại nên lấy từ triều đình chỉ huy, cúi xin tỉnh lại ban rõ chỉ huy thi hành.

Thân bộ bổn bộ nay xem rõ, muốn nương chùa Thái Thường bày đến sự lý thi hành. Lại nên lấy từ triều đình chỉ huy, thân bô xét. Sau phê chuẩn ngày 21 tháng 10 đưa cho bộ lễ nương xem rõ đến sự lý thi hành,cần đến chỉ huy, hữu sai người Trịnh Ngạn ngước nhìn cáo thị Đạo Chính Lưu Nhã Khiêm... rõ đây biết. Vẫn lấy biết, văn trạng liền bày. Ngày tháng 10 năm 13 hiệu Thiệu Hưng bèn ở phủ Phù Quân hành xuống ty Tăng, trừ quán xá cửa Tuyên Đức ra các lúc khác lập ban và Tăng ở bên trái xong.

Phật hiệu là Thiên Nhơn Sư, xưng là cha từ bi, là bậc Thánh trong hàng Thánh, đạo vượt trước ngàn Thánh. Đế Thích, Phạm Thiên muốn rước đó, trong một hoá cảnh của Phật ba ngàn cõi chớ không phải tôn phụng ở Phật. Như Thiên Tử đi tuần du đến nước chư hầu há có quan liệt sĩ không sớm ở muôn xe. Chánh yếu chi trước sau kia, lý nên biện rõ cao thấp, nếu biết đạo phàm thánh sai khác, quý khỏi vàng thau đồng giá trị. Đạo thuật không cao nơi vạn dặm, tâm Phật rộng hoá trần sa, phải lấy thì ở đạt cõi thông người, chế cố chấp ở người ngu nhìn ống, mà so sánh Phật trước đạo sau đủ chép ở các sách. Phật Thánh, Đạo phàm xưa nay chung hết, ông nên dứt vọng quy chơn, bỏ tà theo chánh, hồi tâm học Phật tu hành chơn chánh, tiêu trừ duyên huyễn vọng, giải thoát khổ luân hồi, trong hội Phật thường làm lành, bạn đường bồ đề cùng kết chơn tu cao vượt biểu đời mà xuất phàm, khế chứng chơn như mà nhập Thánh. Không do ngã mạn tự cao, vắng chấp tà vọng mà sống luống chết uổng, nhiều kiếp thăng trầm không thể tự cứu thương thay!

Triều Thiệu Hưng sắc chỉ cải chính ban lệ Tăng Đạo văn tự một tập (xong).

■